



HX
9
H68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI X ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



**VÌ MỤC TIÊU
DÂN GIÀU, NƯỚC MẠNH,
XÃ HỘI CÔNG BẰNG,
DÂN CHỦ, VĂN MINH**

7

4-2006

UNIV. OF MICH.

APR 6 1966

CURRENT SERIALS

Digitized by Google



Tỉnh ủy viên, Bí thư huyện ủy
NGUYỄN HỮU DƯƠNG

HUYỆN BÌNH GIANG

Địa chỉ: Thị trấn Kê Sắt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương * Điện thoại: 0320-777 569



5 năm qua, dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, của Tỉnh ủy, Đảng bộ và nhân dân Bình Giang đã đoàn kết một lòng khắc phục mọi khó khăn thử thách, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIV đã đề ra: Giữ vững ổn định chính trị; Kinh tế phát triển mạnh; Quốc phòng an ninh được tăng cường; Văn hóa xã hội có nhiều chuyển biến tích cực; Công tác xây dựng đảng, chính quyền và các đoàn thể có nhiều tiến bộ. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện; bộ mặt quê hương không ngừng đổi mới, tạo đà cho huyện nhà phát triển vững chắc hơn trong giai đoạn 2006-2010.

NHỮNG MỤC TIÊU CHỦ YẾU:

- 1- Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn tăng bình quân hàng năm từ 10,5% - 11,5%, trong đó giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 5% - 6%, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng 19% - 20%, thương mại, dịch vụ tăng 10% - 11%.
- 2- Đến năm 2010, cơ cấu kinh tế: nông nghiệp; công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp, xây dựng; thương mại-dịch vụ là: 37%; 35%; 28%, giảm tỷ lệ lao động nông nghiệp xuống 60%.
- 3- Thu nhập bình quân đầu người năm 2010 đạt 7,5 triệu đồng.
- 4- Thu ngân sách hàng năm tăng từ 9% - 11% so với kế hoạch tính giao.
- 5- Nâng cao chất lượng giáo dục đảm bảo 90% học sinh tốt nghiệp THCS được học tiếp, trong đó có 10% - 15% học ở các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Số học sinh giỏi các cấp và

học sinh đỗ vào các trường cao đẳng, đại học năm sau cao hơn năm trước.

6- Nâng cao chất lượng các chương trình chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, hạ tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng xuống dưới 20% vào năm 2010; giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống dưới 0,9%.

7- Giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm từ 1,5%-2%, đến năm 2010 còn dưới 10%(theo chuẩn mới).

8- Năm 2010, có 95% số dân được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh.

9- Hằng năm tạo việc làm thường xuyên cho từ 1500 đến 2000 lao động.

10- Hoàn chỉnh xây dựng thư viện huyện; 100% xã, thị trấn có đủ thiết chế văn hóa, thể thao theo quy định; giữ vững 36 làng văn hóa và xây dựng mới 25 làng, khu dân cư văn hóa; 90% số cơ quan đơn vị, 80% số gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa.

11- Tăng cường công tác quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị, làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, đảm bảo trật tự và an toàn xã hội.

12- Hằng năm có trên 75% tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh, không còn cơ sở yếu kém, mỗi năm kết nạp từ 160 đến 180 đảng viên mới; đào tạo, bồi dưỡng 2000 cán bộ đảng viên trở lên.

13- Hằng năm có trên 80% cơ quan chính quyền đạt trong sạch vững mạnh.

14- Hằng năm có trên 75% tổ chức cơ sở của MTTQ và đoàn thể nhân dân đạt trong sạch vững mạnh.

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội, BCH Đảng bộ huyện xây dựng 5 chương trình, 14 đề án phát triển kinh tế-xã hội nhằm thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu đã đề ra. Nhiệm vụ 5 năm tới rất nặng nề, với thành tích và kinh nghiệm của nhiệm kỳ qua và phát huy truyền thống của huyện Anh hùng, Đảng bộ và nhân dân Bình Giang đoàn kết một lòng nỗ lực phấn đấu, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXV, cùng nhân dân trong tỉnh và cả nước thực hiện mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"



THÁNG 2 KỶ

RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 753

7

4-2006

● BỘ BIÊN TẬP :

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbtccs@hn.vnn.vn

● Cơ quan thường trú tại miền Trung :

26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

● Cơ quan thường trú tại miền Nam :

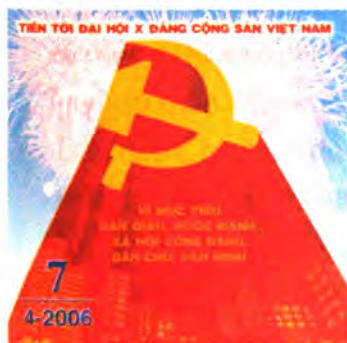
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

● Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

● Tổng Biên tập :

LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1: Tranh **Trần Thế Long** (Hà Nội)
chính sửa TCCS

67 80 AA 2293
02/07 M61 02-031-01

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X CỦA ĐẢNG

- Thông báo Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX	3
NÔNG ĐỨC MANH - Nêu cao tinh thần đoàn kết, ý thức trách nhiệm, nguyên tắc tập trung dân chủ; đẩy mạnh phong trào thi đua đạt hiệu quả thiết thực chào mừng Đại hội lần thứ X của Đảng	5
NGUYỄN MINH TRIẾT - Thành phố Hồ Chí Minh đã tự khẳng định mình trong tiến trình đổi mới	7

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN

"Phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng đối với tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước"	
LÊ HỮU NGHĨA - Báo cáo Đề dẫn	12
*** Tổng thuật Hội thảo	18

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

BÙI NGỌC CHUÔNG - Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh mãi mãi là nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam	24
LÊ XUÂN BÁ - Về xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	30
TRẦN QUANG NHIẾP - Cải cách hành chính - những vấn đề cần quan tâm	35
ĐỨC VƯỢNG - Một trăm năm thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ	41
TRƯƠNG MINH TUẤN - Công tác tư tưởng đối với vấn đề tôn giáo trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay	45
NGÔ ĐỨC THỊNH - Bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống các tộc người ở Tây Nguyên	50
HỒ TRỌNG HOÀI - Mỹ không có quyền phán xét nhân quyền các nước	55

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG - Ngoại giao Việt Nam trên những chặng đường đổi mới	59
NHƯ HÙNG - Cải cách hành chính ở thành phố Hồ Chí Minh - những bài học kinh nghiệm	63
VÕ VĂN LÂM - Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Nam góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn tỉnh	68

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NHÂN ĐẲNG - Minh là ai?	73
-------------------------	----

THẾ GIỚI VĂN ĐỀ - SỰ KIỆN

TRỊNH CƯỜNG - Châu Phi trong chiến lược của các nước lớn	74
HỒ BÁT KHUẤT - Trung Đông: dầu mỏ, hạt nhân và an ninh năng lượng toàn cầu	78

СОДЕРЖАНИЕ

• Информация о 14-ом Пленуме ЦК Коммунистической Партии Вьетнама IX Съезда. • НОНГ ДЫК МАНЬ: Поднятие духа солидарности, ответственности, принципа демократической централизации; активизация движения соревнований за достижение реальных успехов в честь X Съезда Компартии Вьетнама. • НГУЕН МИНЬ ЧИЕТ: Город Хошимин сам себя утвердил в процессе обновления. • ЛЕ ХЫУ НГИА: Вводный доклад к Семинару: Развитие руководящей роли Партии в процессе акционирования государственных предприятий. • БУЙ НГОК ТЬЫОНГ: Марксизм-ленинизм и идеи Хо Ши Мина навечно есть идеологическая основа Коммунистической Партии Вьетнама. • ЛЕ СУАН БА: О создании регламентов рыночной экономики с социалистической ориентацией. • ЧАН КУАНГ НИЕП: Административная реформа – проблемы, заслуживающие внимание. • ДЫК ВЫОНГ: Столетие выполнения принципа демократической централизации. • ХО ЧОНГ ХОАЙ: США не имеют право осуждать выполнение права человека других стран. • НГУЕН НГОК ЧЫОНГ: Вьетнамская дипломатия на пути обновления. • ЧИНЬ КЫОНГ: Африка в стратегиях великих держав.

CONTENTS

• Information of 14th Plenum of CPV Central Committee (IX tenure) • NÔNG ĐỨC MẠNH: Promoting the spirit of solidarity, responsibility, principle of democratic centralism, accelerating the competitive campaigns with practical efficiency to meet Xth Party Congress • NGUYỄN MINH TRIẾT: Hồ Chí Minh city has asserted itself in the renovation process • LÊ HỮU NGHĨA: Introduction Report of the Seminar: Developing the Party's leading role in the process of state enterprises equitisation • BUI NGOC CHUÔNG: Marxism-Leninism and Hồ Chí Minh's thoughts will forever be the ideological basis of CPV • LÊ XUÂN BÁ: Regarding the building of institutions of socialist-oriented market economy in Vietnam • TRẦN QUANG NHIỆP: Administrative reforms - the problems that attract the concern • ĐỨC VƯỢNG: 100 years fulfilling the principle of democratic centralism • HỒ TRỌNG HOÀI: The US has no rights to judge other countries' human rights • NGUYỄN NGOC TRƯỜNG: Vietnam's foreign diplomacy on the stages of renovation • TRỊNH CƯỜNG: Africa in the strategy of powerful countries.

SOMMAIRE

• Communiqué du 14^e plénum du Comité central du Parti (issu du IX^e Congrès) • NÔNG ĐỨC MẠNH : Rehausser l'esprit de solidarité, de responsabilité, et les principes du centralisme démocratique ; intensifier le mouvement d'émulation pour obtenir les résultats efficaces afin de saluer le X^e Congrès du Parti. • NGUYỄN MINH TRIẾT : Hồ Chí Minh -ville s'affirme dans le processus de renouveau. • LÊ HỮU NGHĨA : Rapport d'introduction du colloque : Valorisation du rôle dirigeant du Parti vis-à-vis du processus de mise en actionnariat des entreprises étatiques. • BUI NGOC CHUÔNG : Le marxisme-léninisme et la pensée de Hồ Chí Minh demeurent pour toujours le fondement idéologique du Parti communiste du Vietnam. • LÊ XUÂN BÁ : A propos de l'établissement de l'institution d'économie de marché à orientation socialiste au Vietnam. • TRẦN QUANG NHIỆP : Réformes administratives – les problèmes exigeant une attention particulière. • ĐỨC VƯỢNG : Cent années de la mise en œuvre des principes du centralisme démocratique. • HỒ TRỌNG HOÀI : Les Etats-Unis n'ont pas le droit de juger l'application des droits de l'homme dans les autres pays. • NGUYỄN NGOC TRƯỜNG : La diplomatie vietnamienne sur les parcours du renouveau. • TRỊNH CƯỜNG : L'Afrique dans la stratégie des puissants.

SUMARIO

• Comunicado del 14 Pleno del Comité Central del Partido (IX Congreso) • NÔNG ĐỨC MẠNH: Elevar el espíritu de unidad, la conciencia de responsabilidad, el principio de centralismo democrático; impulsar el movimiento de emulación para ganar la eficiencia concreta en saludo del X Congreso Nacional del Partido. • NGUYỄN MINH TRIẾT: Ciudad Hồ Chí Minh se ha autofirmado en el proceso de renovación. • LÊ HỮU NGHĨA: Informe de introducción del Seminario "Poner en juego el papel de dirección del Partido hacia el proceso de capitalización por acciones de las empresas estatales". • BUI NGOC CHUÔNG: El marxismo-leninismo y la ideología de Hồ Chí Minh siempre constituyen la base ideológica del Partido Comunista de Vietnam. • LÊ XUÂN BÁ: Acerca de la formación del mecanismo de economía mercantil a la orientación socialista en Vietnam. • TRẦN QUANG NHIỆP: La reforma administrativa – asuntos a atender. • ĐỨC VƯỢNG: Cien años de realización del principio de centralismo democrático. • HỒ TRỌNG HOÀI: EE.UU no tiene el derecho de juzgar los derechos del hombre de los otros países. • NGUYỄN NGOC TRƯỜNG: La diplomacia vietnamita en las etapas de renovación. • TRỊNH CƯỜNG: La África en la estrategia de grandes potencias.

目 录

• 越共中央九届十四次会议公告 • 农德孟：提倡团结精神、加强责任意识 and 民主集中原则；大力推动竞赛活动，争取切实成效迎接党的十大 • 阮明哲：胡志明市在革新进程中确立了自身的作用 • 黎友义：研讨会主题报告：在国企股份化进程中发挥党的领导作用 • 裴玉掌：马列主义和胡志明思想永远是越南共产党的思想基础 • 黎春伯：关于在越南建设社会主义定向的市场经济体制 • 陈光摄：行政革新中需要关心的若干问题 • 德旺：实行民主集中原则的一百年 • 胡仲淮：美国无权评判他国人权问题 • 阮玉长：革新路上的越南外交 • 郑强：在各大国战略中的非洲。



THÔNG BÁO

HỘI NGHỊ LẦN THỨ 14

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA IX



*Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh phát biểu bế mạc Hội nghị lần thứ 14
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX*

Từ ngày 20-3 đến ngày 24-3-2006, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã họp Hội nghị lần thứ 14 tại Thủ đô Hà Nội để tiếp tục công việc chuẩn bị Đại hội X của Đảng. Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã chủ trì Hội nghị, đọc lời khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Ban Chấp hành Trung ương đã nghe báo cáo về ý kiến đóng góp của nhân dân vào dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội X của Đảng. Sau khi toàn văn dự thảo Báo cáo Chính trị được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong một tháng, từ ngày 3 tháng 2 đến ngày 3 tháng 3 vừa qua, hàng vạn ý kiến của các tầng lớp nhân dân, cán bộ, đảng viên thuộc nhiều lứa tuổi, nhiều giới, nhiều dân tộc, ở các vùng, miền trong cả nước, của người Việt Nam học tập, sinh sống xa Tổ quốc và kiều bào định cư ở nước ngoài đã gửi đến Văn phòng Trung ương Đảng, các

cơ quan, đoàn thể, các báo, đài đóng góp với dự thảo Báo cáo Chính trị. Nhìn chung, các ý kiến đều rất thẳng thắn, tâm huyết, thể hiện tinh thần trách nhiệm với Đảng, với dân tộc, mong muốn Đảng ta ngày càng vững mạnh, đất nước ta ngày càng phát triển. Ban Chấp hành Trung ương bày tỏ sự trân trọng cảm ơn các tầng lớp nhân dân, cán bộ, đảng viên đã nhiệt tình góp nhiều ý kiến sâu sắc, tâm huyết với Đảng. Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận nghiêm túc, tiếp thu tối đa những ý kiến hợp lý, xác đáng để làm cho các văn kiện Đại hội thực sự là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân ta. Đối với một số vấn đề phức tạp, còn có ý kiến khác nhau, Ban Chấp hành Trung ương xin lắng nghe và cho tiếp tục nghiên cứu sau Đại hội, đồng thời kiên quyết phê phán và dứt khoát bác bỏ những ý kiến mang động cơ xấu, chống đối, thù địch, lợi dụng việc góp ý với Báo cáo Chính trị để xuyên tạc, vu cáo, bôi nhọ Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Ban Chấp hành Trung ương giao Bộ Chính trị căn cứ ý kiến của Ban Chấp hành Trung ương đối với các ý kiến đóng góp của nhân dân tại Hội nghị này để hoàn chỉnh lần cuối các văn kiện trình Đại hội X của Đảng.

Hội nghị Trung ương 14 đã tiếp tục xem xét công tác chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khóa X. Ban Chấp hành Trung ương đã biểu quyết thông qua danh sách nhân sự giới thiệu ứng cử Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa X để trình Đại hội X.

Hội nghị Trung ương 14 đã cho ý kiến về dự kiến Chương trình Đại hội và dự thảo Quy chế làm việc của Đại hội, Quy chế bầu cử Ban Chấp hành Trung ương khóa X và giao cho Bộ Chính trị căn cứ ý kiến của Ban Chấp hành Trung ương hoàn chỉnh các văn bản này trình Đại hội X của Đảng xem xét, quyết định. Ban Chấp hành Trung ương quyết định triệu tập Đại hội X của Đảng từ 18-4 đến 25-4-2006 tại Thủ đô Hà Nội.

Ban Chấp hành Trung ương đã xem xét, quyết định thi hành kỷ luật Đảng bằng hình thức khiển trách đối với đồng chí Hoàng Công Hoàn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn, vì có khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, có biểu hiện vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ và lề lối làm việc của Đảng.

Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã làm việc nghiêm túc, dân chủ, thể hiện sự nhất trí cao về những vấn đề được đưa ra thảo luận, quyết định.

Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phát huy những kết quả quan trọng đã đạt được trong năm 2005 và những năm đổi mới vừa qua, tăng cường đoàn kết, thống nhất tư tưởng và hành động, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2006, thi đua lập thành tích cao nhất chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng. □

**NÊU CAO TINH THẦN ĐOÀN KẾT, Ý THỨC TRÁCH NHIỆM,
NGUYÊN TẮC TẬP TRUNG DÂN CHỦ; ĐẨY MẠNH
PHONG TRÀO THI ĐUA ĐẠT HIỆU QUẢ THIẾT THỰC
CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI LẦN THỨ X CỦA ĐẢNG ***

NÔNG ĐỨC MẠNH

***Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương
Đảng Cộng sản Việt Nam***

Thưa các đồng chí Trung ương,

Sau 5 ngày làm việc tích cực, khẩn trương, với tinh thần trách nhiệm cao, Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã hoàn thành tốt đẹp những nhiệm vụ đề ra.

Trong khi xem xét và cho ý kiến lần cuối về các dự thảo văn kiện trình Đại hội X, Ban Chấp hành Trung ương bày tỏ sự cảm ơn chân thành và trân trọng cán bộ, đảng viên và nhân dân đã nhiệt tình góp ý kiến với Đảng, tiếp thu những ý kiến hợp lý, xác đáng để hoàn chỉnh các dự thảo văn kiện, đồng thời để chỉ đạo trong hoạt động thực tiễn. Đối với những vấn đề còn có nhiều ý kiến khác nhau, chưa thể giải quyết ngay trong Đại hội này, Trung ương xin

ghi nhận và cho tiếp tục nghiên cứu sau Đại hội. Những ý kiến mà Trung ương quyết định tiếp thu lần này đều tập trung vào làm rõ và làm sâu sắc thêm nội dung các vấn đề trọng yếu nhất thuộc về chủ đề của Đại hội, về kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và nhìn lại 20 năm đổi mới, về phương hướng và các giải pháp để phát triển đất nước trong thời kỳ 5 năm tới trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, hệ thống chính trị, đặc biệt là về nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến

* Bài phát biểu bế mạc Hội nghị lần thứ 14, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX (24-3-2006). Đầu đề là của Tạp chí Cộng sản

đầu của Đảng, làm cho Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, xứng đáng với vai trò lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ mới; đồng thời Trung ương cũng đã điều chỉnh việc diễn đạt các khái niệm và sử dụng từ ngữ trong các văn kiện cho chính xác hơn. Với những điểm bổ sung và sửa chữa lần này, các dự thảo văn kiện được hoàn chỉnh, thực sự là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng và toàn dân ta.

Về giới thiệu nhân sự ứng cử Ban Chấp hành Trung ương khóa X, trên cơ sở căn trọng xem xét, cân nhắc, lựa chọn, bổ sung vào kết quả đạt được tại Hội nghị lần thứ 13, Hội nghị Trung ương lần này đã nhất trí thông qua danh sách để giới thiệu với Đại hội X.

Ban Chấp hành Trung ương cũng đã quyết định về thời gian họp Đại hội, thông qua dự kiến Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội X để trình Đại hội quyết định.

Với thành công của Hội nghị lần thứ 14, Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã nêu cao tinh thần đoàn kết, ý thức trách nhiệm, nguyên tắc tập trung dân chủ, hoàn thành cơ bản chương trình toàn khóa, chuẩn bị chu đáo cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng. Việc chuẩn bị các văn kiện và phương án giới thiệu nhân sự Ban Chấp hành

Trung ương khóa X đều thuộc trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, song quyết định về những vấn đề trọng đại nói trên là thuộc thẩm quyền của Đại hội.

Thưa các đồng chí,

Từ nay đến ngày khai mạc Đại hội X, thời gian còn rất ít. Cùng với việc khẩn trương hoàn chỉnh các văn kiện để trình Đại hội, chúng ta còn phải dành nhiều công sức cho công tác tổ chức về mọi mặt để bảo đảm thành công của Đại hội. Đồng thời, các cấp ủy đảng, các cơ quan nhà nước, các địa phương và cơ sở đều phải thúc đẩy mạnh mẽ hơn việc thực hiện những nhiệm vụ của kế hoạch nhà nước năm 2006, tiếp tục đà thuận lợi của quý I, bước sang quý II với nhiều cố gắng mới và thành tựu mới. Chúng ta phải tiếp tục giữ vững và tăng cường ổn định chính trị, xã hội, giải quyết kịp thời và đúng đắn những vấn đề mới nảy sinh về đối nội và đối ngoại nhằm tạo nên sự phát triển hài hòa, vững chắc; đẩy mạnh phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội lần thứ X của Đảng đạt hiệu quả thiết thực.

Với tinh thần đó, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương khóa IX.

Chúc các đồng chí mạnh khỏe và hạnh phúc.

Xin trân trọng cảm ơn. □

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐÃ TỰ KHẲNG ĐỊNH MÌNH TRONG TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI

NGUYỄN MINH TRIẾT *

BA mươi một năm trước đây, dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, cán bộ, chiến sỹ và đồng bào thành phố Sài Gòn - Gia Định nêu cao khí phách chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đã giành toàn thắng trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước với chiến dịch mang tên Bác Hồ vĩ đại. Ngày 30-4-1975 đã đánh dấu bước ngoặt lịch sử kết thúc thắng lợi vẻ vang hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, chấm dứt những tháng năm hy sinh gian khổ của thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ trên đất nước ta, đưa thành phố Hồ Chí Minh chuyển tiếp sang giai đoạn cách mạng mới - giai đoạn cùng cả nước tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, ra sức thực hiện Di chúc thiêng liêng của Bác Hồ:

***"Còn non, còn nước, còn người
Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng
hơn mười ngày nay!"***

Ra sức kiến thiết thành phố Hồ Chí Minh ***"hơn mười ngày nay"*** và quyết tâm xây dựng thành phố ***"đàng hoàng hơn, to đẹp hơn"***, là mục tiêu hành động nhất quán, là điều tâm nguyện thiết tha của Đảng bộ

và nhân dân thành phố. Việc Đảng và Nhà nước ta quyết định phong tặng danh hiệu ***"Thành phố anh hùng"*** cho thành phố Hồ Chí Minh trong dịp kỷ niệm 30 năm ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, là biểu tượng rực rỡ chứng minh điều đó.

Trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh đã trải qua hai chặng đường lịch sử. Mười năm đầu sau ngày giải phóng, Đảng bộ đã hướng mục tiêu hoạt động của mình vào việc thực hiện những nhiệm vụ kinh tế - xã hội bức xúc. Kết hợp chặt chẽ khôi phục và phát triển sản xuất với cải tạo và xây dựng kinh tế; đồng thời tạo ra bước đột phá nhằm tháo gỡ những vướng mắc của cơ chế cũ, tìm ra phương hướng, bước đi và cách làm đúng đắn, góp phần tích cực vào việc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Hai thập niên kế tiếp, từ năm 1986 đến nay, Đảng bộ và nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cùng cả nước tiến hành sự nghiệp đổi mới đất nước,

* Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh

đưa công cuộc đổi mới triển khai một cách sâu rộng và đồng bộ.

Sau khi chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, với bản lĩnh chính trị kiên định và tính năng động sáng tạo vốn có, Đảng bộ và nhân dân thành phố đã nỗ lực phấn đấu trên cả ba mặt trận. Một mặt ra sức hàn gắn vết thương trên cơ thể của nền kinh tế bị suy kiệt và khắc phục hậu quả nặng nề về nhiều mặt do quá khứ để lại. Mặt khác, phải trực diện đương đầu với những thử thách vô cùng nghiêm ngặt như: chính sách cấm vận, bao vây kinh tế của Mỹ, thiên tai nghiêm trọng xảy ra dồn dập tại khu vực các tỉnh đồng bằng châu thổ sông Cửu Long, cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam, nguồn viện trợ từ các nước cộng đồng xã hội chủ nghĩa anh em ngày càng suy giảm, giá cả trên thị trường quốc tế tăng đột biến... Chúng ta đồng thời còn phải vượt qua lực cản do sự non yếu của chính mình gây ra trong công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội và quản lý đô thị.

Chính trong bối cảnh lịch sử đó, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân thành phố đã kiên trì tìm tòi, thử nghiệm, tìm ra những mô hình mới, biện pháp mới, cách làm mới, tạo nên xung lực mạnh mẽ mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, đóng góp có ý nghĩa vào quá trình đổi mới, tìm ra những giải pháp thích hợp để giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc.

Tám năm sau ngày thành phố Sài Gòn - Gia Định được giải phóng, tại Đại hội đại biểu lần thứ III của Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh - tháng II-1983, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta, đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn đã tuyên dương Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh với những

nhận xét thật sâu sắc: **"Sài Gòn - Gia Định từ một thành phố xa xỉ, phục vụ bọn thống trị, bọn bóc lột, đã được cải tạo, xây dựng thành thành phố của người lao động"**. Mới đây, Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh lần thứ VIII cũng đã khẳng định: **"Mười năm đầu sau giải phóng là thời kỳ đặc biệt trong quá trình ổn định, khôi phục, xây dựng và bảo vệ thành phố Hồ Chí Minh. Đó là thời kỳ Đảng bộ và nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã có những đóng góp rất quan trọng vào đường lối chung của Đảng"**.

Chúng ta có thể tái hiện diện mạo thành phố Hồ Chí Minh trong 10 năm đầu sau giải phóng qua bức tranh phác thảo trên biểu đồ thống kê phản ánh nhịp độ phát triển chỉ tiêu tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Nếu như năm 1976, GDP trên đầu người chỉ có 215USD thì năm 1980 đã tăng lên 290USD và năm 1985 là 395USD. Hiệu quả trực tiếp của cải cách trong giai đoạn này đã làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh khởi sắc, báo hiệu một thời kỳ phát triển kinh tế năng động. Trong những năm 1976 - 1980, tốc độ tăng trưởng bình quân của GDP là 2,2%/năm, thì giai đoạn 1981 - 1985 đã đẩy tốc độ tăng trưởng vượt lên 8,2%/năm. Ở khu vực nông thôn ngoại thành, trong những năm 1976 - 1980 sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 1,9%/năm, sang giai đoạn 1981 - 1985 đã nâng lên 4,9%/năm. Rõ ràng, thành phố mang tên Bác đã sớm tự khẳng định mình trước khi bước vào ánh rạng đông của thời kỳ đổi mới.

Có nhiên, trong 10 năm đó, có lúc thành phố đã trải qua những bước thăng trầm trong

phát triển kinh tế, còn tiềm ẩn nhân tố bất ổn trong xã hội, gặp phải va vấp, khuyết điểm, yếu kém trong chỉ đạo, quản lý và tổ chức thực hiện. Song, thành tựu đạt được là cơ bản và có ý nghĩa lịch sử. Điều quan trọng là những sự va vấp, yếu kém, thậm chí sai lầm của chúng ta đã được ra sức khắc phục trên cơ sở nhận thức sự đổi mới là yêu cầu bức thiết, là vấn đề có tầm quan trọng sống còn.

*

* *

Từ trong hiện thực sinh động của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh 10 năm sau ngày giải phóng, đã nâng cao vốn kiến thức quý báu về lý luận và thực tiễn trong cán bộ, đảng viên; đổi mới tư duy kinh tế và bồi dưỡng năng lực công tác tổ chức thực hiện cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý; phát huy vai trò chủ động của các tầng lớp nhân dân trong việc tham gia quản lý các lĩnh vực hoạt động đa dạng của đời sống xã hội.

Nghiên cứu về những động lực phát triển của thời kỳ này, một vấn đề đặc biệt thu hút sự quan tâm của chúng ta là sức mạnh tổng hợp đã được triệt để tận dụng và phát huy từ trong cơ chế tổng thể: **"Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ"**. Ba mặt đó có quan hệ mật thiết với nhau và tác động lẫn nhau một cách biện chứng. Không thể chỉ nhấn mạnh mặt này mà hạ thấp, hoặc xem nhẹ mặt kia. Thực tiễn cho thấy rõ, nếu không có những phong trào hành động của quần chúng được khơi dậy liên tục vì sự phát triển sâu rộng thì Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh không thể nào xây dựng thành công các loại mô hình, nhân

rộng điển hình, thúc đẩy phong trào học tập đua kịp và vượt điển hình tiên tiến ở các cơ sở, các ngành, các địa phương để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ chính trị và kinh tế. Song, nếu không có sự lãnh đạo của Đảng, không có sự quản lý và chế định ra những cơ chế, chính sách đúng đắn của Nhà nước, thì nhân dân không thể nào thực hiện được sự nghiệp đổi mới trên thực tế. Và chẳng, kết quả việc đổi mới tư duy của Đảng đã khơi nguồn cảm hứng sáng tạo cách mạng và định hướng hành động đúng đắn cho sự đổi mới tư duy của mỗi cán bộ, đảng viên cũng như của toàn xã hội.

Chúng ta điều biết, để thoát khỏi tình trạng suy thoái về kinh tế trong những năm cuối thập niên 70 của thế kỷ XX, Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh đã chủ động tìm kiếm các biện pháp và hình thức để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Hai cuộc hội nghị lịch sử lần thứ 9 và lần thứ 10 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh vào mùa hè năm 1979 và năm 1980 đã mở đầu những điểm đột phá trên mặt trận kinh tế theo hướng nâng cao tính chủ động, sáng tạo của cơ sở, phát huy mọi khả năng phát triển sản xuất ở cơ sở. Chính trong thời điểm này, chúng ta đã được chứng kiến những cảnh tượng ngoạn mục về sự liên tiếp xuất hiện hàng loạt mô hình sản xuất kinh doanh tiên tiến như: Công ty bột giặt (VISO), xí nghiệp thuốc lá, nhà máy bia Sài Gòn, các xí nghiệp dệt và cơ khí hàng đầu trên địa bàn thành phố, v.v.. Hàng vạn lao động tiên tiến, 7.000 chiến sỹ thi đua, 2.000 tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa, 60 đơn vị kinh tế cơ sở được Hội đồng Nhà nước tặng huân chương, 90 đơn vị được Hội đồng Bộ trưởng cấp bằng khen. Hàng nghìn tổ dân phố, tổ nhân dân tiên tiến cấp thành phố cùng với

34.000 sáng kiến có giá trị cũng đã xuất hiện tập trung trong khoảng thời gian lịch sử này.

Những sự kiện trên đây, tự nó đã minh chứng rằng: công cuộc cải cách và đổi mới được tiến hành trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh xuất phát từ nơi công xưởng, xí nghiệp, nhà máy rồi phát triển lan ra các quận, huyện, phường, xã và nhiều đơn vị sản xuất kinh doanh, do đội ngũ giai cấp công nhân công nghiệp làm nòng cốt tiến hành, dưới sự lãnh đạo của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh và sự quản lý của các cơ quan chính quyền nhà nước ở địa phương.

Tính đến những năm đầu thập niên 80 của thế kỷ XX, Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh đã mở rộng diện chỉ đạo nhằm kiên quyết xóa bỏ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp, thực hiện hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh trong hơn 160 đơn vị kinh tế cơ sở, chế tạo ra hơn 800 chủng loại sản phẩm cung ứng do nhu cầu xã hội.

Những thành quả trong công cuộc đổi mới của Đảng bộ và nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nỗ lực phấn đấu đạt được trong mấy mươi năm qua, còn bắt nguồn từ sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và sự quản lý của Nhà nước trung ương. Không thể nhận thức vấn đề này theo quan điểm chủ nghĩa hư vô. Chúng ta hẳn còn nhớ, trong những tháng năm Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh thực hiện quyết sách "tháo gỡ", Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm chỉ đạo sát sao, chi viện kịp thời về mọi mặt nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho thành phố phát huy tối ưu sức mạnh tổng hợp để "bung" ra nhằm tiến hành có kết quả việc cải cách, mở cửa và làm sống động nền kinh tế.

Trước hết, cần khẳng định rằng: nếu như không được sự chấp thuận, khích lệ, cổ vũ và quan tâm chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương và các đồng chí Cố Tổng Bí thư Lê Duẩn, Trường Chinh, Nguyễn Văn Linh, thì Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh không thể nào tổ chức thực hiện được quyết sách cấp bách trong 2 năm 1979 - 1980, nhằm tháo gỡ khó khăn trước mắt, khắc phục tình trạng sa sút trong sản xuất kinh doanh và tiến hành đổi mới cơ chế quản lý ở các đơn vị kinh tế cơ sở. Chính Nghị quyết "bung ra" của Hội nghị Trung ương lần thứ 6, Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị (khóa IV) và nhiều nghị quyết khác trong thời gian cuối thập niên 70 - đầu thập niên 80 là những điểm tựa về tư tưởng, củng cố niềm tin vững chắc cho Đảng bộ và nhân dân thành phố Hồ Chí Minh hăng hái tiến quân trên mặt trận kinh tế.

Chúng ta còn cần phải nhắc đến sự quản lý của Nhà nước trung ương đã hỗ trợ việc "tháo gỡ", "cởi trói" và làm "bung" sản xuất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh bằng cách từng bước thể chế hóa về mặt nhà nước các chủ trương, chính sách đổi mới. Quả vậy, nếu Chính phủ không sớm ban hành Quyết định 25/CP vào đầu mùa xuân năm 1981 và nhiều quyết định, nghị định quan trọng tiếp theo sau đó, thì thành phố Hồ Chí Minh không thể sử dụng có kết quả những biện pháp "tháo gỡ" để tạo điều kiện các xí nghiệp quốc doanh thực hiện thành công việc vận dụng hình thức đối lưu hàng hóa để giải quyết cân đối thêm vật tư cho sản xuất; thực hiện kế hoạch ba phần (phần Nhà nước giao, phần xí nghiệp tự làm và phần sản xuất phụ); phát huy quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính; thực hiện lương khoán,

trả lương theo sản phẩm, áp dụng chế độ tiền lương, kết hợp hài hòa ba lợi ích, trong đó đặc biệt quan tâm đến lợi ích của người lao động. Nếu không có sự hỗ trợ mạnh mẽ của Trung ương, thành phố Hồ Chí Minh cũng không thể tiến hành suôn sẻ việc quyết định thí điểm khu vực quốc doanh sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường - điển hình là Công ty lương thực thành phố.

*

* *

Hơn hai mươi năm trôi qua, giờ đây vững tin nhìn lại tiến trình đổi mới, chúng ta có thể rút ra kết luận quan trọng: *nhân tố có tính chất quyết định sự thành bại công cuộc đổi mới ở thành phố Hồ Chí Minh là, ngay từ đầu, chúng ta đã định hướng đúng đắn sự đổi mới trong lĩnh vực quan trọng và nhạy cảm nhất. Đó là sự đổi mới về tư duy - tư duy lý luận và tư duy kinh tế.*

Từ trong "đêm trước" của thời kỳ đổi mới, do việc nhập tâm sâu sắc những bài học kinh nghiệm được hun đúc bằng xương máu của Đảng ta trong thời kỳ cách mạng dân tộc, dân chủ và trải qua 20 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, chúng ta đã xác lập nguyên tắc nhất quán cho sự đổi mới. Đó là đổi mới có tính nguyên tắc - đổi mới trên cơ sở không đi chệch hướng con đường cách mạng thiêng liêng do Bác Hồ và Đảng ta đã lựa chọn và dày công vun đắp. Đổi mới lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Đổi mới không thoát ly sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, không phủ nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, không xóa nhòa những thành quả vĩ đại của cách mạng.

Ngay trong những tháng năm đang nỗ lực tiến hành những biện pháp cấp bách để

"tháo gỡ", "cởi trói" nhằm làm "bung" sản xuất, trên cơ sở của sự thống nhất ý chí và hành động trong toàn Đảng bộ, Đại hội đại biểu lần thứ III của Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh vào cuối năm 1983 đã khẳng định dứt khoát: **"Phải làm cho hệ tư tưởng Mác - Lê-nin giữ địa vị thống trị trong đời sống xã hội"**. Đó là ranh giới để phân định sự khác nhau về chất giữa sự nghiệp đổi mới trên đất nước ta và công cuộc cải tổ ở Liên Xô trước đây. Đó cũng là "bảo pháp" mẫu nhiệm giúp cho Đảng ta vững vàng vượt qua cơn địa chấn dữ dội về chính trị làm sụp đổ Nhà nước Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết và cộng đồng xã hội chủ nghĩa ở khu vực các nước Trung và Đông Âu.

Trải qua sự thử thách khắc nghiệt của thời gian và lịch sử, đối với chúng ta, chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh mãi mãi tiêu biểu cho trí tuệ, danh dự, lương tâm của dân tộc và của thời đại.

Trước đây, nhờ quán triệt và vận dụng bản chất cách mạng và sáng tạo của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ nên Đảng bộ và nhân dân thành phố Sài Gòn - Gia Định đã giành được những kỳ tích vẻ vang trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc.

Ngày nay, tiếp tục quán triệt, vận dụng bản chất cách mạng và sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hòa bình xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ, nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhất định sẽ thực hiện thành công công cuộc đổi mới, góp phần vào sự nghiệp chấn hưng và đổi mới đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. □

“PHÁT HUY VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI TIẾN TRÌNH CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC”

Lời Bộ Biên tập: Để góp phần thúc đẩy tiến trình cổ phần hóa nhằm sắp xếp, đổi mới và không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, ngày 14-3-2006, tại Hà Nội, Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB), Bộ Biên tập Báo Nhân Dân và Đảng ủy Khối các cơ quan Kinh tế Trung ương đã tổ chức Hội thảo Khoa học – Thực tiễn: “Phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng đối với tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước”. Các đồng chí: Lê Hữu Nghĩa, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; Võ Đức Huy, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Đảng ủy Khối các cơ quan Kinh tế Trung ương; Đinh Thế Huynh, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Báo Nhân Dân; Vũ Viết Ngoạn, Bí thư Đảng ủy, Tổng Giám đốc VCB chủ trì Hội thảo. Nhiều đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, đại diện các bộ, ban, ngành, các tổ chức chính trị – xã hội, các doanh nghiệp nhà nước... tham dự Hội thảo.

Sau đây, xin giới thiệu với bạn đọc Báo cáo Đề dẫn và Tổng thuật Hội thảo.

BÁO CÁO ĐỀ DẪN

LÊ HỮU NGHĨA

Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta, là một trong những giải pháp quan trọng nhằm sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, xây dựng kinh tế nhà nước vững mạnh, đủ sức

giữ vai trò chủ đạo nền kinh tế quốc dân, trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực tiễn sau 13 năm thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, kể từ năm 1992, nhất là từ sau Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết

Trung ương 9, khóa IX, trở lại đây cho thấy, chủ trương đó là hoàn toàn đúng đắn, ngày càng đi vào cuộc sống. Nếu 6 năm kể từ 1992 đến 1998, chúng ta chỉ cổ phần hóa được 30 doanh nghiệp; và 5 năm sau đó, kể từ 1998 tới trước Hội nghị Trung ương 3, khóa IX, (tháng 8-2001), có 523 doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa thì trong vòng chỉ hơn 4 năm trở lại đây, chúng ta đã hoàn thành cổ phần hóa 2.347 doanh nghiệp nhà nước, nâng số doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa lên tới 2.890 đơn vị trong tổng số 5.655 doanh nghiệp nhà nước cần phải cổ phần hóa.

Nhìn chung, trên cơ sở nắm chắc những quan điểm chỉ đạo đúng đắn của Đảng và Nhà nước, lựa chọn những bước đi ban đầu tỏ ra phù hợp (vừa đi vừa dò; đi từ thí điểm đến triển khai đại trà; đi từ một số ít doanh nghiệp nhỏ, thua lỗ trong một số lĩnh vực sang các doanh nghiệp lớn, kinh doanh có hiệu quả, kể cả một số tổng công ty; từ "khép kín" sang thực hiện đấu giá công khai, minh bạch, theo nguyên tắc thị trường...), các doanh nghiệp được cổ phần hóa đã mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội rõ rệt; việc làm và đời sống của người lao động cơ bản được sắp xếp phù hợp, có mặt cải thiện đáng kể (qua khảo sát hơn 850 công ty hơn 1 năm sau cổ phần hóa cho thấy vốn điều lệ tăng bình quân 44%, doanh thu tăng gần 24%, lợi nhuận tăng 140%, nộp ngân sách tăng gần 25%, thu nhập của người lao động tăng 12%); chưa có biểu hiện trầm trọng biến thành tư nhân hóa làm chệch hướng mục tiêu và lộ trình cổ phần hóa...

Một trong những nguyên nhân cơ bản, có ý nghĩa quyết định của những thành công bước đầu 13 năm qua là, *sự lãnh đạo tập trung của Đảng ở các cấp, sự chỉ đạo chặt chẽ và kịp thời của Chính phủ, của các cấp chính quyền, sự ủng hộ của các bộ, ngành, địa phương và các doanh nghiệp.*

Nhưng thực tiễn 13 năm qua và đặc biệt tình hình hiện nay cũng đồng thời ngày càng cho thấy, trên lộ trình cổ phần hóa và sau cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đang tồn tại những khó khăn, vướng mắc không nhỏ, thậm chí có mặt trầm trọng, tiếp tục đặt ra trước Đảng, Nhà nước và người lao động những thách thức không nhỏ. Nhìn bao quát, bước đầu chúng tôi nêu mấy nhóm vấn đề chính sau:

Thứ nhất: Nhóm vấn đề tại các doanh nghiệp trước và trong tiến trình cổ phần hóa.

a - Việc xác định giá trị doanh nghiệp còn không ít bất cập. Tình trạng cố tình bỏ ngoài sổ sách tài sản doanh nghiệp, với muôn vàn thủ thuật, mảnh lối để biến thủ, để trục lợi cá nhân đã và đang trở thành vấn nạn ở không ít doanh nghiệp khi bước vào ngưỡng cửa cổ phần hóa. Đây là vấn đề được dự báo trước nhưng vẫn xảy ra, có nơi khá trầm trọng. Chúng ta có không ít ví dụ về loại này.

b - Việc áp dụng các văn bản luật còn nhiều lo ngại. Các cơ quan chức năng đã không ngừng ban hành những văn bản mới nhằm khắc phục những bất cập trong quá trình cổ phần hóa nhưng nhiều doanh nghiệp đã cố tình "quên", thậm chí cố lờ đi, vẫn thực hiện theo các văn bản cũ để trục lợi. Cũng không ít ví dụ về vấn nạn này.

c - Việc bán cổ phần còn nhiều lệch lạc, việc chi phí để cổ phần hóa còn nhiều mờ ám hoặc lãng phí. Theo quy định, các doanh nghiệp phải công khai việc bán cổ phần và thực hiện bán đấu giá trên thị trường chứng khoán nhưng không ít doanh nghiệp không thông tin rộng rãi hoặc thông tin sai lệch, sử dụng các hình thức thông tin sơ sài hoặc sử dụng các tiêu chí khó hiểu, phức tạp,... để bán trong nội bộ cho một nhóm hoặc trong

doanh nghiệp nhằm giảm giá trị cổ phần và trực lợi cá nhân.

d - Đối với người lao động, còn không ít vấn đề cấp bách phải giải quyết. Nhiều doanh nghiệp đã cố tình sa thải người lao động, xếp họ vào diện dôi dư để đẩy gánh nặng cho trợ cấp của Nhà nước, mặc dù họ vẫn đủ khả năng đảm đương công việc. Nhiều nơi quyền của người lao động không được tôn trọng, họ không được thông tin, không được công khai bàn bạc..., do đó, dù họ có được mua cổ phần nhưng vẫn lúng túng hoặc khó khăn nên đã bán đi, và vô hình trung "tiếp tay" cho một số ít người chỉ chờ có vậy để mua lại và trở thành "ông chủ mới" của công ty cổ phần. Đây chính là *mầm mống làm cho cổ phần hóa có nguy cơ biến thành tư nhân hóa* - điều mà chúng ta lo ngại và đã lường trước.

đ - Việc chủ động chuẩn bị một đội ngũ cán bộ chủ chốt ngang tầm với đòi hỏi của sự phức tạp trong quá trình cổ phần hóa vẫn đang là một hạn chế, thậm chí là một khiếm khuyết lớn. Sự chấp vá, gượng ép, thậm chí tình trạng kéo bè, kéo cánh, cố tình loại bỏ những cán bộ đủ năng lực và phẩm chất trong việc lựa chọn và bố trí cán bộ đang là những bất cập lớn, thậm chí gây không ít bức xúc, nhức nhối ở không ít doanh nghiệp....

Thứ hai: Nhóm vấn đề ở các doanh nghiệp sau cổ phần hóa.

Một là, chưa lôi cuốn được các nhà đầu tư chiến lược và chưa hấp dẫn được các cổ đông ngoài nước. Có thể nói, chúng ta mới bước đầu đạt được mục đích đa sở hữu mà chưa đạt được mục đích đa ngành nghề, đa quốc gia trong doanh nghiệp nhà nước. Phải chăng do phương án cổ phần hóa cơ bản còn khép kín? Và lại, bộ máy lãnh đạo công ty cổ phần cơ bản chuyển từ doanh nghiệp nhà nước sang, do đó khó có bước đột phá về tư duy chiến lược kinh doanh và quản trị doanh nghiệp?

Vấn đề đặt ra ở đây là, cán bộ và công tác cán bộ của chúng ta chưa ngang tầm. Hơn 10% số doanh nghiệp cổ phần đang trong tình trạng như thế.

Hai là, vẫn còn những hiện tượng phân biệt đối xử về đất đai, "tiền kiểm", "hậu kiểm" và chính sách thuế. Các ngành chức năng, nhất là thuế, ngân hàng, nhà đất... ở trong trạng thái đó, đề ra những quy định riêng áp dụng cho công ty cổ phần. Chẳng hạn, như vấn đề thế chấp của ngân hàng, hợp đồng ngắn hạn khi thuê đất của các cơ quan nhà đất, vấn đề "tiền kiểm", "hậu kiểm" đối với hoàn thuế nhập khẩu... gây không ít phiền toái cho các doanh nghiệp cổ phần.

Ba là, quản lý nhà nước đang có những diễn biến phức tạp. Đang tồn tại song hành các khuynh hướng quản lý: hoặc là áp dụng chế độ "chủ quản" đối với công ty cổ phần nhà nước giữ cổ phần chi phối; hoặc là buông lỏng quản lý tới mức đối xử như thể "con đẻ, con nuôi". Bức xúc nhất là tình trạng "canh vốn" của sở tài chính hoặc sở chủ quản đại diện phần vốn đang gây không ít phiền toái cho doanh nghiệp; những bất ổn trong việc giải quyết vấn đề nguồn vốn.

Bốn là, việc kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là ban lãnh đạo các công ty cổ phần đang gặp không ít phức tạp. Đây là một trong những vấn đề nhạy cảm và bức xúc nhất. Đã xuất hiện tình trạng tranh giành quyền lực của một nhóm người làm phương hại tới lợi ích chung, đẩy không ít doanh nghiệp vào sự rối ren, lôi cuốn các cấp chính quyền, cơ quan báo chí vào cuộc gây rắc rối, tốn kém cho doanh nghiệp, làm phiền toái cho địa phương, bộ, ngành... Đó là chỗ yếu, là khuyết điểm của các tổ chức đảng ở đó.

Năm là, vị trí lãnh đạo của các tổ chức đảng, vai trò của các tổ chức chính trị và các đoàn thể quần chúng vẫn đang là mối trăn trở

lớn của các đơn vị. Từ thực tế cho thấy, ở các công ty có cổ phần nhà nước chi phối, nhìn chung tình hình vẫn không khác doanh nghiệp nhà nước; số còn lại, đang rơi vào lúng túng, mặc dù cấp ủy, nhất là bí thư cấp ủy, đều giữ cương vị lãnh đạo chủ chốt từ doanh nghiệp nhà nước chuyển sang. Các tổ chức quần chúng khác như Công đoàn, Đoàn Thanh niên... cũng rơi vào lúng túng trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình, ở không ít doanh nghiệp. Sẽ tới một lúc nào đó, hội đồng quản trị và ban giám đốc doanh nghiệp, đảng viên chiếm số ít và cổ đông bên ngoài tham gia nắm giữ và điều hành thì vai trò của cấp ủy nói riêng, tổ chức đảng nói chung ra sao? Có dư luận cho rằng, một số cấp ủy bị vô hiệu hóa từng mặt.

Sáu là, vấn đề thực thi dân chủ theo khuôn khổ pháp luật là một trong những vấn đề nổi cộm. Nhiều vấn đề chưa được làm sáng tỏ cả về lý luận và thực tiễn. Mối quan hệ giữa cổ đông (bao hàm cả người lao động) với người lao động và người làm thuê ra sao?, dân chủ tập thể và dân chủ trong nội bộ công ty cổ phần như thế nào, vai trò của các tổ chức quần chúng ra sao?..., trong khi lợi ích giữa các nhân tố này vận động ngày càng phức tạp vẫn đang là những vấn đề chưa có lời giải thỏa đáng.

Nhìn tổng thể, toàn bộ thực trạng bất cập, với nhiều mặt đáng lo ngại đó dẫn tới những hậu quả không thể coi thường. Để có đối sách kịp thời và hiệu quả, điều quan trọng mà tất cả chúng ta tiếp tục phải quan tâm là, hiện trạng ấy có nguyên nhân từ đâu, chúng như thế nào?

Từ thực tiễn, bước đầu có thể rút ra mấy loại **nguyên nhân** sau:

Một: Nguyên nhân từ vị trí, vai trò của tổ chức đảng các cấp. Chính đây là nguyên nhân cơ bản, có ý nghĩa quyết định trước hết

làm cho tiến trình cổ phần hóa và sau cổ phần hóa ở các doanh nghiệp cổ phần chưa phát huy được thế mạnh của mình, làm cho chủ trương cổ phần hóa của Đảng và Nhà nước ta tiến triển chậm, chưa đáp ứng tốt yêu cầu và kế hoạch đề ra. Có thể phân định một cách tương đối thành mấy loại vấn đề: **Thứ nhất**, những vấn đề về *tư tưởng*: các tổ chức đảng chưa làm tốt công tác này, nên đông đảo đảng viên, thậm chí cả cấp ủy và người lao động chưa thấu triệt tầm quan trọng của vấn đề cổ phần hóa, chưa ý thức đâu là quyền, đâu là trách nhiệm của mình, dẫn tới thờ ơ, nghi hoặc, thậm chí do dự, ngập ngừng, lúng túng trong thực hiện cổ phần hóa... **Thứ hai**, những vấn đề về *tổ chức và cơ chế hoạt động*: dù đã có rất nhiều văn bản hướng dẫn của Trung ương, nhất là Hướng dẫn 12-HD/BTCTW, ngày 24-01-2000, của Ban Tổ chức Trung ương và Quy định 140-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương khóa IX, ngày 16-5-2005, nhưng các tổ chức đảng vẫn lúng túng, chưa thể định hình về phương thức hoạt động của mình. Điều đó cho thấy hai vấn đề: phải chăng hoặc do sự bất cập của cấp ủy hoặc sự bất cập của các văn bản trên đối với thực tế. **Thứ ba**, về *mô hình và cơ chế phối hợp* giữa cấp ủy, các tổ chức chính trị - xã hội và hội đồng quản trị doanh nghiệp, giữa cấp ủy doanh nghiệp với cấp ủy cấp trên trực tiếp... còn không ít "độ" vênh, cần xem xét, sửa đổi. Có thể khái quát, bước chuyển từ *cơ chế lãnh đạo toàn diện* sang *cơ chế lãnh đạo bảo đảm* theo các văn bản trên vẫn đang là vấn đề mới mẻ, chưa thể đi vào thực tiễn, như mong muốn?

Hai: Nguyên nhân từ công tác quản lý nhà nước và hệ thống chính sách bảo đảm. Có thể nói, ở thời kỳ đầu và cả hiện nay, song hành 2 luật về doanh nghiệp, không ít doanh nghiệp nhà nước ngần ngại thực thi

cổ phần hóa. Trong tình hình đó, nhiều chính sách còn không ít kẽ hở, nên dễ bị lợi dụng khiến cho tiến trình và thực tiễn cổ phần hóa gặp không ít khó khăn. Chúng ta có không ít thí dụ về vấn đề này. Quá trình cổ phần hóa được thực hiện theo các quy định tại các Nghị định số 28/NĐ-CP, số 44/NĐ-CP, số 64/NĐ-CP/2002 và từ đầu năm 2005 tới nay đang thực thi Nghị định số 187/NĐ-CP/2004... Nhưng không ít vấn đề chưa được áp dụng nghiêm chỉnh, chưa nói đến sự cố tình thực thi các văn bản cũ có lợi cho mình, chậm trễ thực thi các quy định mới của một số doanh nghiệp, làm cho tình hình xấu thêm. Trong tình hình đó, cơ chế ràng buộc về trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan... bị buông lỏng hoặc khiếm khuyết nên đã tác động không tốt tới quá trình này. Chẳng hạn, tổ chức tài chính trung gian là cơ quan quyết định cổ phần hóa trong việc xác định giá trị doanh nghiệp, thì lại chưa có quy định trách nhiệm cụ thể nên một số công ty kiểm toán hoặc tắc trách hoặc dễ chạy theo số lượng để hưởng phí dịch vụ.

Ba: Nguyên nhân từ cơ chế vận hành và kiểm tra, giám sát dân chủ. Đây là vấn đề rất nhạy cảm và có ý nghĩa rất quan trọng. Sự bất cập, thậm chí sự khiếm khuyết của cơ chế phối hợp hoạt động, của các chế độ kiểm tra, giám sát đã tạo ra những kẽ hở gây ra những hạn chế, thậm chí hậu quả không đáng có. Giám đốc doanh nghiệp nhà nước là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước về doanh nghiệp, và họ thường được bổ nhiệm. Theo đó, cơ quan nào bổ nhiệm họ sẽ là người đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp. Nhưng, khi bổ nhiệm giám đốc và trong quản lý nhân sự, lại thường không quy định rõ về trách nhiệm, quyền hạn, quyền lợi và nghĩa vụ của họ, thêm vào đó lại thiếu biện pháp kiểm tra, kiểm soát họ (của tổ chức đảng, của cơ quan

hữu trách, của các đoàn thể...) một cách tương xứng, chặt chẽ, thật sự dân chủ, nên không ít giám đốc quản lý thiếu trách nhiệm, làm thất thoát tài sản, thậm chí đục khoét tài sản doanh nghiệp, tự cho mình các "quyền" của ông chủ (!).

Bốn: Nguyên nhân từ công tác cán bộ quản lý doanh nghiệp. Trong các doanh nghiệp nhà nước, chúng ta thiếu nhiều cán bộ có kinh nghiệm và năng lực quản lý trong điều kiện kinh tế thị trường và mở cửa; chưa có trường chính quy đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ này. Công tác nhân sự hiện nay chưa đáp ứng được việc tìm ra những nhà quản lý doanh nghiệp thật sự có năng lực trong nền kinh tế thị trường; chưa có cơ chế thi tuyển giám đốc (tổng giám đốc). Cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa như tổng giám đốc, hội đồng quản trị và kế toán trưởng chưa có quy định rõ ràng về trách nhiệm, quyền lợi, điều đó cũng tạo nên sự thiếu quyết tâm cổ phần hóa của doanh nghiệp ở đội ngũ cán bộ này.v.v.

Dự thảo *Báo cáo Chính trị* của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX trình Đại hội X của Đảng nhấn mạnh: "Tiếp tục đẩy mạnh việc sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là cổ phần hóa. Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, tập trung chủ yếu vào một số lĩnh vực kết cấu hạ tầng, sản xuất tư liệu sản xuất và dịch vụ quan trọng của nền kinh tế, vào một số lĩnh vực công ích. Đẩy mạnh và mở rộng diện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, kể cả các tổng công ty nhà nước, đề phòng và khắc phục những lệch lạc, tiêu cực trong quá trình cổ phần hóa... Thúc đẩy việc hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh tầm cỡ khu vực, có sự tham gia cổ phần của Nhà nước, của các nhà đầu tư tư nhân trong và ngoài nước, các

công ty bảo hiểm, các quỹ đầu tư... trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối".

Nếu Đại hội X của Đảng thông qua quyết định trên, theo lộ trình đã được hoạch định, dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, thì kết thúc năm 2006, tổng số doanh nghiệp cần được sắp xếp là 3.852 đơn vị, trong đó số doanh nghiệp cần phải cổ phần hóa là 2.660 đơn vị. Sẽ có: 7 - 10 tập đoàn kinh tế mạnh, 90 tổng công ty hoạt động theo mô hình "công ty mẹ - công ty con", một số tổng công ty theo mô hình Nhà nước đầu tư và 5 - 7 tổng công ty được cổ phần hóa toàn tổng công ty hoặc "công ty mẹ"; 900 công ty nhà nước giữ cổ phần chi phối, 700 doanh nghiệp đã cổ phần hóa nhưng Nhà nước không giữ cổ phần chi phối, 500 công ty cổ phần được thành lập có vốn góp của Nhà nước; với tổng số vốn của Nhà nước có tại doanh nghiệp được cổ phần hóa chiếm khoảng từ 16% đến 20%...

Đó là một công việc to lớn, đặt ra yêu cầu rất cao đối với sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước từ trung ương tới cơ sở và sự nỗ lực của toàn xã hội. Từ những kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo thành công và những bài học không thành công, sắp tới chúng ta phải làm gì và làm như thế nào để tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng nhằm đẩy nhanh quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước một cách *đúng hướng, đúng tiến độ và thực sự hiệu quả?*

Trong rất nhiều vấn đề, ở đây, nổi bật và cấp bách mấy vấn đề chính yếu sau:

Một là, phải làm gì và làm như thế nào để *tăng cường công tác giáo dục tư tưởng chính trị, tạo ra sự thống nhất về nhận thức* trước hết trong các cấp ủy, đội ngũ cán bộ, đảng viên và người lao động về *chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước*; về *vị trí, vai trò của tổ chức đảng* trong các công ty cổ phần đang giữ vai trò rất quan trọng đối với nền kinh tế

nước nhà; về *quyền, trách nhiệm và lợi ích của người lao động* mà các tổ chức đoàn thể là người đại diện chân chính cho họ trong các công ty cổ phần hóa?

Hai là, trên cơ sở phân định mô hình tổ chức, tiếp tục đổi mới chức năng, nhiệm vụ, mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động của tổ chức đảng, trước hết và tập trung là cấp ủy với *hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc)*... trong các công ty cổ phần ở các loại hình (doanh nghiệp nhà nước giữ cổ phần chi phối hoặc không chi phối, "công ty mẹ - công ty con"...) sẽ ra sao?

Ba là, theo đó tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức đảng, vai trò của các đoàn thể; nhất là xây dựng đội ngũ đảng viên, trong đó xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ngang tầm trong doanh nghiệp cổ phần hóa bao gồm những vấn đề gì?; mối quan hệ của các tổ chức đảng trong các doanh nghiệp đó với cấp ủy cấp trên trực tiếp và Ban cán sự Đảng ra sao? Những điều kiện cần và đủ bảo đảm thực hiện những điều đó?

Bốn là, cơ chế phối hợp thống nhất, chặt chẽ và hiệu quả giữa sự lãnh đạo của Đảng ở các cấp với tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, của chính quyền các cấp bằng sức mạnh tổng hợp đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa trên tầm vĩ mô như thế nào?

Với kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện và phong phú, sự nghiên cứu rộng rãi và sâu sắc, sự tổng kết kinh nghiệm sinh động, kịp thời và đầy tâm huyết của các đồng chí, trong bầu không khí cởi mở, dân chủ và thẳng thắn, hy vọng rằng Hội thảo của chúng ta sẽ góp phần trả lời trúng và đúng những câu hỏi bức xúc đang đặt ra từ thực tiễn, nhằm tiếp tục nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, không ngừng thúc đẩy tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tiến những bước mới, đúng lộ trình, vững chắc và hiệu quả. □

TỔNG THUẬT HỘI THẢO

HƠN bốn mươi tham luận được gửi tới Ban tổ chức Hội thảo, đề cập một cách khá toàn diện và cụ thể chủ đề Hội thảo đặt ra. Sau đây là những vấn đề chính yếu từ các bản tham luận.

I – Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước – thực tế và những vấn đề đặt ra đối với sự lãnh đạo của Đảng

Cùng với quá trình phát triển kinh tế của đất nước, doanh nghiệp nhà nước cũng ngày càng phát triển và đóng vai trò quyết định trong việc củng cố nền tảng kinh tế - xã hội của nước ta. Tuy nhiên, trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, hầu hết các doanh nghiệp nhà nước đã không kịp chuyển mình để đáp ứng hiệu quả các yêu cầu mới, mà trái lại ngày càng bộc lộ những hạn chế, yếu kém, nhất là về hiệu quả kinh doanh, quy mô sản xuất, sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế, làm hạn chế vai trò chủ đạo, định hướng, đặc biệt là khả năng điều tiết vĩ mô nền kinh tế quốc dân.

Đảng và Nhà nước sớm nhận thấy điều đó và có nhiều biện pháp tháo gỡ kịp thời, nhằm phát huy mạnh mẽ hơn vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Một trong những giải pháp mà Đảng ta lựa chọn là, thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, với mục tiêu chủ yếu là tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, huy động thêm vốn cho doanh nghiệp, tạo động lực mới và cơ chế quản lý mới, qua đó nâng cao hiệu quả, sức

cạnh tranh, xứng đáng là lực lượng nòng cốt, tạo động lực đẩy nhanh tốc độ và chất lượng tăng trưởng kinh tế, tạo nền tảng vững chắc cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hội nghị Trung ương 2, khóa VII nêu rõ: "Chuyển một số doanh nghiệp quốc doanh có điều kiện thành công ty cổ phần và thành lập một số công ty quốc doanh cổ phần mới". Hội nghị Trung ương 3, khóa IX, tiếp tục khẳng định: "Đẩy mạnh cổ phần hóa những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần giữ 100% vốn, xem đó là khâu quan trọng để tạo chuyển biến cơ bản trong việc nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước".

Để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ, mục tiêu đó, trước hết, theo đồng chí **Hà Đăng** (Trợ lý Tổng Bí thư): chúng ta phải hiểu đúng và làm đúng những chủ trương của Đảng về vấn đề cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, cần thống nhất nhận thức về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước không phải là tư nhân hóa để không bị lạc hướng, hoặc chệch hướng trên lộ trình này.

Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở nước ta được bắt đầu từ năm 1992, với nhiều thử nghiệm, tìm tòi. Về hướng đi, cách thức thực hiện, đồng chí **Hồ Xuân Hùng** (Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp) khái quát: Quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thời gian qua là quá trình "vừa đi, vừa dò", từ "khép kín" sang thực hiện đấu giá công khai theo nguyên tắc thị trường, vừa làm, vừa rút kinh nghiệm với tinh thần chủ động, từng bước vững chắc.

Các báo cáo, ý kiến tham luận tại Hội thảo đều chung nhận định: sau 13 năm thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước cho thấy, chủ trương đó là hoàn toàn đúng đắn, quá trình thực hiện đang đi đúng hướng; chưa có biểu hiện trầm trọng biến thành tư nhân hóa làm chệch hướng lộ trình và mục tiêu cổ phần hóa. So với trước khi cổ phần hóa, các doanh nghiệp cổ phần hoạt động hiệu quả hơn và đã thu hút được hàng chục ngàn tỉ đồng của các cá nhân, tổ chức xã hội vào mua cổ phần đầu tư cho phát triển sản xuất. Từ thực tiễn hoạt động của ngành mình, đơn vị mình, báo cáo của các đồng chí: *Hoàng Trung Hải* (Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp), *Nguyễn Bình Niệm* (Bí thư Đảng ủy Tổng Công ty Điện lực Việt Nam), *Nguyễn Văn Long* (Bí thư Ban Cán sự đảng, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam), *Nguyễn Kim Sơn* (Chủ tịch Hội đồng quản trị, Bí thư Ban Cán sự Đảng Tổng Công ty Thép Việt Nam), đều chung đánh giá: Cổ phần hóa mang lại cho doanh nghiệp cơ chế quản lý năng động, có hiệu quả, từng bước thích nghi với cơ chế thị trường, hoạt động ổn định và phát triển tốt hơn trước, kết quả sản xuất kinh doanh đều có lãi, vai trò làm chủ trong doanh nghiệp của người lao động được bảo đảm.

Về những hạn chế, yếu kém, những vấn đề mới cần giải quyết, nhất là sau khi đã cổ phần hóa, các báo cáo cho rằng: Cổ phần hóa chủ yếu mới ở các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, với phương án khép kín trong nội bộ từ bộ, ngành, địa phương mà chưa có sự chỉ đạo và sắp xếp theo ngành trên địa bàn lãnh thổ, nên chưa thống nhất được chiến lược kinh doanh, không thu hút được các nhà đầu tư chiến lược. Theo đồng chí *Hồ Xuân Hùng*, chúng ta mới chỉ đạt mục đích đa sở hữu chứ chưa đạt được mục đích đa ngành nghề, đa quốc gia

trong doanh nghiệp nhà nước. Các đồng chí *Hoàng Trung Hải*, *Doãn Đình Huệ* (Tạp chí Cộng sản) nêu: việc quá trình tiến hành cổ phần hóa chậm, bởi nhiều doanh nghiệp chần chừ, có tư tưởng kéo dài thời gian không muốn cổ phần hóa để cổ đeo bám "bầu sữa bao cấp" với cơ chế ưu đãi của Nhà nước. Ở không ít công ty cổ phần, đã xuất hiện tình trạng tranh giành quyền lực, tiến hành cổ phần hóa xong đã tìm mọi cách để thôn tính dần số cổ phiếu của cổ đông là doanh nghiệp nhà nước, mua gom số cổ phiếu khác dưới nhiều thủ đoạn rất tinh vi, nhằm thôn tóm quyền lực, thao túng công ty cổ phần dưới nhiều hình thức.

Yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra cho cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trong thời gian tới cần chú trọng vào chiều sâu. Việc thành lập các doanh nghiệp nhà nước chủ yếu theo hình thức cổ phần, có cổ đông thuộc các thành phần kinh tế khác và ngoài nước. Trên phương diện này, *PGS, TS Tô Huy Rứa* (Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) đặt vấn đề: Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước phải chú trọng đến sự ổn định, phát triển bền vững và phải đặt nó trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội bền vững của đất nước; làm thế nào để vừa không gây ra những tiêu cực có thể xảy ra, vừa thu hút được đông đảo công nhân tham gia cổ phần. *TS Phạm Khôi Nguyên* (Thứ trưởng Thường trực Bộ Tài nguyên và Môi trường) nêu ý kiến: tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước phải gắn liền với việc bảo vệ môi trường, sinh thái.

II - Thực trạng, nguyên nhân và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong tiến trình thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Những mặt được, những hạn chế, yếu kém trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà

nước thời gian vừa qua xuất phát từ nhiều nguyên nhân cả chủ quan và khách quan, trong đó có nguyên nhân quan trọng là sự lãnh đạo của Đảng mà trực tiếp là các tổ chức cơ sở đảng ở các doanh nghiệp. Đánh giá đúng thực trạng hoạt động của tổ chức đảng, đội ngũ đảng viên ở các công ty cổ phần có vốn của Nhà nước; tìm ra những nguyên nhân và tổng kết thực tiễn về vai trò, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu, rút ra bài học kinh nghiệm, từ đó nêu những giải pháp nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới, là một yêu cầu hết sức cấp thiết, xuất phát từ đòi hỏi của thực tế ở cơ sở.

Tổ chức đảng trong công ty cổ phần có vốn nhà nước cũng có các nhiệm vụ tương tự như các loại hình tổ chức đảng khác. Nhưng do đặc điểm, tính chất của loại hình doanh nghiệp này, nên chức năng, nhiệm vụ, phạm vi, mức độ, phương thức lãnh đạo mang những đặc thù so với tổ chức đảng trong doanh nghiệp nhà nước. Thực tế cho thấy, hầu hết các công ty cổ phần có vốn nhà nước đều được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước, tổ chức đảng (đảng bộ, chi bộ) và các đoàn thể quần chúng đều từ doanh nghiệp nhà nước chuyển sang.

Nhiều báo cáo và ý kiến phát biểu đều cho rằng: Hoạt động của tổ chức đảng tương đối có nền nếp, phát huy được vai trò là hạt nhân chính trị ở doanh nghiệp trong quá trình cổ phần hóa, sau cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Tham luận của đồng chí *Nguyễn Đông Sương* (Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương), nêu rõ: Để phù hợp với cơ chế quản lý mới, nhiều đảng bộ, chi bộ cơ sở đã xây dựng được quy chế hoạt động, xác định mối quan hệ phối hợp giữa cấp ủy và Hội đồng quản trị, giám đốc... Tuy nhiên, do có sự thay đổi về chế độ sở hữu và cơ chế quản lý; sự chỉ đạo

của cấp ủy cấp trên và nhận thức của cán bộ, đảng viên về vai trò, vị trí của tổ chức đảng trong loại hình doanh nghiệp này chưa đúng mức; đội ngũ cán bộ làm công tác đảng, đoàn thể chủ yếu là kiêm nhiệm... Theo đó, nội dung và phương thức hoạt động chậm được đổi mới, nên hoạt động của nhiều tổ chức đảng còn lúng túng, hiệu quả thấp. Ở những doanh nghiệp mà Nhà nước giữ cổ phần chi phối, cổ phần đặc biệt, hầu hết các tổ chức đảng hoạt động có nền nếp; những doanh nghiệp mà Nhà nước không giữ cổ phần chi phối thì tổ chức đảng hoạt động yếu; những doanh nghiệp mà Nhà nước không còn cổ phần, hoạt động của tổ chức đảng gặp khó khăn. Cũng về vấn đề này, tham luận của đồng chí *Tạ Xuân Đại* (Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương) cho rằng: Sau khi có Luật Doanh nghiệp và Luật Doanh nghiệp nhà nước sửa đổi, các công ty cổ phần có vốn nhà nước chuyển sang hoạt động theo những luật này, do đó hoạt động của tổ chức đảng gặp không ít lúng túng, khó khăn.

Vấn đề được Hội thảo quan tâm là vai trò, nhiệm vụ và phương thức hoạt động của tổ chức đảng ở các công ty cổ phần mà Nhà nước không giữ cổ phần chi phối (Nhà nước chỉ nắm giữ một tỷ lệ vốn nhất định, dưới 50%). Các ý kiến đều cho rằng, ở những doanh nghiệp này hoạt động của tổ chức đảng gặp khó khăn, hiệu quả hoạt động không rõ; phương thức lãnh đạo còn lúng túng, chậm đổi mới; mối quan hệ giữa đảng bộ, chi bộ, cấp ủy với Hội đồng quản trị, giám đốc chưa được phân định rõ ràng, nhất là ở những nơi Chủ tịch Hội đồng quản trị, giám đốc không tham gia cấp ủy hoặc không phải là đảng viên. Theo *GS, TS Nguyễn Thị Doan* (Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương), việc phát huy hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo của tổ chức đảng ở đây phụ thuộc rất nhiều vào ý thức và trách nhiệm, tính đảng của

người chủ hay người quản lý doanh nghiệp. Đồng chí *Trần Văn Tuấn* (Phó Bí thư Đảng ủy Khối các cơ quan Kinh tế Trung ương) cho rằng, trong quá trình thay đổi ban lãnh đạo công ty cổ phần, do nhiều nguyên nhân, chủ đại diện sở hữu nhà nước tại công ty không phải tất cả là thành viên của cấp ủy, dẫn đến vai trò của cấp ủy suy giảm, sức chiến đấu của tổ chức đảng hạn chế nhiều. Thậm chí, ở một số công ty cổ phần, còn quan niệm phổ biến rằng, nhiệm vụ xây dựng chiến lược phát triển, xác định mục tiêu, chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh là của Hội đồng quản trị, của giám đốc, của cơ quan chuyên môn, cấp ủy chỉ tham gia ý kiến để Hội đồng quản trị, giám đốc, bộ phận chuyên môn tham khảo; cấp ủy chỉ giới hạn phạm vi lãnh đạo về công tác tư tưởng, chính trị, động viên, khuyến khích cán bộ, đảng viên quần chúng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Về vấn đề này, một số ý kiến chỉ ra nguyên nhân là do sự bất cập của cấp ủy và của các văn bản khi thể hiện trong thực tế. Có ý kiến cho rằng, Quy định 140 của Ban Bí thư khóa IX đã hạ thấp ở một mức độ nào đó vị trí, vai trò, chức năng của tổ chức đảng trong các công ty cổ phần có vốn nhà nước; đặt tổ chức đảng, cấp ủy vào "thế thụ động", chỉ giới hạn trong vị thế như là cơ quan tham mưu, bộ phận giúp việc, hoặc hợp pháp hóa các quyết định cho Hội đồng quản trị, giám đốc doanh nghiệp mà thôi.

Nhiều tham luận đi sâu phân tích những hạn chế, yếu kém về năng lực và phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa và nêu giải pháp. Để phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng trong tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, cần xác lập cho được vai trò hạt nhân chính trị, vị trí lãnh đạo của tổ chức đảng trong công ty cổ phần hóa; nâng cao tính chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên, trên cơ sở tiếp tục đổi

mới chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng; duy trì sinh hoạt đảng đều đặn, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, có sự phân công và phối hợp đồng bộ trong cấp ủy.

III - Phương hướng, giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng trên lộ trình cổ phần hóa và sau cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Để đẩy nhanh, vững chắc và đúng hướng tiến trình cổ phần hóa, để các doanh nghiệp cổ phần hóa hoạt động có hiệu quả cả về kinh tế, xã hội, không làm thất thoát tài sản nhà nước, phải đề ra được hệ thống các giải pháp thực hiện đồng bộ, tạo được sự chỉ đạo tập trung, quyết tâm cao của Đảng, Chính phủ, sự ủng hộ của các ngành, các cấp, các doanh nghiệp và của nhân dân. Trong đó, yêu cầu nâng cao vai trò, năng lực lãnh đạo của Đảng được xác định là một vấn đề có ý nghĩa quyết định, bảo đảm cho sự thành công của lộ trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trong thời gian tới.

Về vấn đề này, các báo cáo nêu lên những giải pháp:

Một là, các cấp ủy, nhất là tổ chức đảng trong doanh nghiệp tiếp tục đổi mới nhận thức về sự thay đổi, đa dạng hóa chế độ sở hữu, về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, hình thức tổ chức bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức đảng trong công ty để có nội dung và phương thức hoạt động phù hợp, hiệu quả.

Từ thực tiễn và kinh nghiệm của ngành mình, đồng chí *Nguyễn Đức Hưng* (Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy Khối Công nghiệp Hà Nội) cho rằng, cần xây dựng, kiện toàn mô hình tổ chức đảng cho các doanh nghiệp nhà nước đối với các công ty cổ phần. Để phát huy tốt vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, cần tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức phù hợp; quy

định rõ về chức năng trong quá trình lãnh đạo phòng ngừa, khắc phục tình trạng "bao biện, lấn sân" hoặc "trống sân, bỏ sót"; thường xuyên điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc của cấp ủy cho phù hợp với tình hình, điều kiện mới; có các quy định xử lý các mối quan hệ bên trong, bên ngoài, cấp trên, cấp dưới, các quy định về sinh hoạt đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, phẩm chất, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ. Tham luận của đồng chí *Nguyễn Đông Sương* phân tích: Trước cổ phần hóa, tổ chức đảng thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo Quy định số 49 của Ban Bí thư khóa VII và Quy định số 96 của Ban Bí thư khóa IX. Sau khi cổ phần hóa, tổ chức đảng ở đây phải thực hiện theo Quy định số 140 của Ban Bí thư khóa IX. Tổ chức cơ sở đảng phải làm tốt vị thế là "hạt nhân chính trị", có trách nhiệm tham gia xây dựng mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ chính trị của doanh nghiệp và lãnh đạo cán bộ, đảng viên, người lao động thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh. Tham luận của các đồng chí *Võ Đức Huy*, *Nguyễn Đức Hà* (Vụ trưởng Vụ Cơ sở đảng, Ban Tổ chức Trung ương) đều đồng tình với phân tích đánh giá trên, và chỉ ra rằng, Quy định 140 của Ban Bí thư khóa IX đã nêu những vấn đề chung và cơ bản nhất, Ban Cán sự đảng, của bộ, ngành, các tỉnh ủy, thành ủy và cấp ủy cấp trên trực tiếp cần cụ thể hóa bằng các hướng dẫn cụ thể để cấp ủy, tổ chức đảng ở các công ty cổ phần thực hiện.

Hai là, làm tốt công tác giáo dục tư tưởng, tạo sự thống nhất về nhận thức trong cấp ủy, cán bộ, đảng viên, quần chúng về chủ trương cổ phần hóa, về vai trò của các công ty cổ phần hóa đối với nền kinh tế nước ta hiện nay và về vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng trong công ty cổ phần hóa có vốn của Nhà nước.

Trong quá trình chuẩn bị và tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thường xuất hiện tư tưởng hoang mang, dao động trong cán bộ, đảng viên, công nhân viên về sự chuyển đổi của doanh nghiệp; băn khoăn lo lắng về công ăn, việc làm, các chế độ tiền lương, tiền thưởng sau khi doanh nghiệp cổ phần hóa. Nếu không chủ động giải quyết sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp và cho chính tổ chức đảng... Về vấn đề này, tham luận của *PGS, TS Tô Huy Rứa*, đồng chí *Nguyễn Thị Hằng* (Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ Trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội), đồng chí *Vũ Trọng Kim* (Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Dân vận Trung ương), *TS Đặng Ngọc Chiến* (Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam), *TS Thang Văn Phúc* (Thứ trưởng Bộ Nội vụ), đều thống nhất cho rằng: Thời gian này cấp ủy cấp trên và tổ chức đảng trong doanh nghiệp phải làm tốt công tác tuyên truyền giải thích để tạo sự thống nhất nhận thức trong cán bộ, đảng viên và người lao động là cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước không phải tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước mà là một bước đi tất yếu, có tính quá độ để đáp ứng yêu cầu của quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Từ đó, họ vững tin tham gia tiến trình cổ phần hóa, dù Nhà nước có nắm giữ tỷ lệ cổ phiếu nhất định hay không. Nhất là, đó không phải là di sản của thời bao cấp như một số người quan niệm. Đồng thời vận động, khuyến khích mọi thành viên trong doanh nghiệp tham gia mua cổ phần. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo việc chuẩn bị quy trình tiến hành cổ phần hóa như: xác định giá trị tài sản doanh nghiệp, định hướng xử lý công nợ, sắp xếp tổ chức, bộ máy và bố trí cán bộ, giải quyết việc làm cho người lao động dôi dư, chuẩn bị nhân sự Hội đồng quản trị, ban giám đốc... Phối hợp với Ban

Chấp hành Công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp trên lựa chọn những cán bộ, đảng viên, quần chúng tốt chuẩn bị nhân sự cho bộ máy của các đoàn thể, sau khi doanh nghiệp chuyển sang hoạt động theo mô hình mới.

Ba là, về công tác cán bộ. Cấp ủy, tổ chức đảng chủ động giới thiệu những cán bộ, đảng viên có phẩm chất đạo đức, có năng lực và kinh nghiệm để bầu vào các vị trí lãnh đạo chủ chốt trong bộ máy quản lý của doanh nghiệp. Đây là vấn đề then chốt, nhân tố quyết định bảo đảm cho tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước không đi "chệch hướng". **TS Thang Văn Phúc** nhấn mạnh: Để làm tốt công tác xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp, Đảng và Nhà nước cần xây dựng quy định khung, có quy hoạch, lựa chọn, dự phòng, thay thế cho những vị trí khi chuyển sang cổ phần hóa, bổ nhiệm cán bộ có năng lực thực sự, có đủ phẩm chất, chuyên môn để quản lý phần vốn của Nhà nước hay quản lý điều hành doanh nghiệp sau cổ phần hóa. Để phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng trong công ty cổ phần, theo đồng chí **Trần Văn Tuấn**, cần xem xét trên các góc độ: chọn cán bộ đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước đủ tiêu chuẩn, có tín nhiệm cao và năng lực tham gia chủ chốt cấp ủy; chủ chốt cấp ủy được giao giữ vị trí quan trọng về đại diện phần vốn nhà nước trong doanh nghiệp...

Bốn là, xác định rõ mối quan hệ giữa tổ chức đảng, cấp ủy với Hội đồng quản trị, giám đốc. Đây được coi là nội dung có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, quyết định chất lượng lãnh đạo của tổ chức đảng trong công ty cổ phần. Về vấn đề này, các ý kiến đều thống nhất: Cấp ủy tôn trọng các quyết định của Hội đồng quản trị, tổng giám đốc, giám đốc, có trách nhiệm tạo điều kiện để Hội đồng quản trị, tổng giám

đốc (giám đốc) thực hiện trách nhiệm, quyền hạn được giao; khi thấy quyết định nào chưa đúng, nếu không thống nhất được thì báo cáo với cấp ủy và cơ quan quản lý cấp trên. Ngược lại, Hội đồng quản trị, tổng giám đốc (giám đốc) có trách nhiệm bảo đảm và tạo điều kiện để tổ chức đảng hoạt động; định kỳ trao đổi với cấp ủy về những chủ trương, nhiệm vụ của doanh nghiệp.

Năm là, gắn chặt và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy đảng và Ủy ban Kiểm tra các cấp đối với tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp.

GS, TS Nguyễn Thị Doan cho rằng, muốn cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đạt hiệu quả cao nhất cả về kinh tế - xã hội và không làm thất thoát tài sản của Nhà nước, phải đề ra được hệ thống giải pháp và biện pháp thực hiện đồng bộ, trong đó gắn chặt và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra các cấp; phải coi đây là một nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên, gắn liền với chức năng lãnh đạo của các cấp ủy đảng. Từ thực tiễn của đơn vị mình, ngành mình, đồng chí **Nguyễn Bình Niệm** đề nghị: Ban Cán sự đảng của Chính phủ quy định cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước, nhất là cơ chế kiểm tra, giám sát về tài chính, cơ chế phối hợp giữa công tác kiểm tra của Đảng với các cơ quan chức năng của Nhà nước trong quản lý nhà nước đối với các công ty cổ phần. Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam nghiên cứu, xem xét lại tổ chức và hoạt động của các tổ chức công đoàn một cách thống nhất, vì hiện nay tổ chức công đoàn được thành lập rất khác nhau, một số nơi tổ chức đảng không lãnh đạo tổ chức công đoàn.

Sáu là, lãnh đạo thực hiện dân chủ và Quy chế Dân chủ ở cơ sở.

(Xem tiếp trang 29)



CHỦ NGHĨA MÁC - LÊ-NIN VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH MÃI MÃI LÀ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

BÙI NGỌC CHƯƠNG *

VI. LÊ-NIN đã đánh giá: "Học thuyết của Mác là học thuyết vạn năng vì nó là một học thuyết chính xác."⁽¹⁾ "...nó kết hợp tính chất khoa học chặt chẽ và cao độ (đó là đỉnh cao nhất của khoa học xã hội) với tinh thần cách mạng..."⁽²⁾. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Chủ nghĩa Lê-nin... là cái "cẩm nang" thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng, đi tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản"⁽³⁾. Trong tác phẩm *Đường cách mệnh*, Người khẳng định: "Trước hết phải có đảng cách mệnh... Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều nhưng chủ nghĩa chân chính nhất,... cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lê-nin"⁽⁴⁾.

Học thuyết của C. Mác là khoa học và cách mạng triệt để nên nó có sức sống mãnh liệt. Thực tế lịch sử cho thấy, từ khi hình thành, phát triển và được xác lập vào cuối thế kỷ XIX,

hệ thống các tư tưởng, quan điểm và những quy luật kinh tế - xã hội mà hệ thống khoa học đó phát hiện ngày càng được chứng minh bằng cuộc sống, được thừa nhận rộng rãi và trở thành nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng của giai cấp công nhân trên toàn thế giới, là vũ khí lý luận sắc bén của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên các châu lục và của các đảng tiên phong, chân chính của giai cấp đó.

Từ khi mới chỉ là một "bóng ma" ở châu Âu chủ nghĩa cộng sản khoa học đã được thực nghiệm bằng những cuộc cách mạng vô sản, nổ ra và thành công, chính quyền công nông được xác lập trong thực tiễn, chủ nghĩa xã hội hiện thực đã tồn tại với tất cả tính ưu việt và sức sống mãnh liệt của nó trên thế giới. Nó là

* GS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) V. I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, t 23, tr 50

(2) V. I. Lê-nin: *Sđd*, t 1, tr 421

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 10, tr 128

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 2, tr 267 - 268

linh hồn của các phong trào tiến bộ, giúp các dân tộc đập tan chủ nghĩa phát-xít, giải phóng khỏi chủ nghĩa thực dân, thuộc địa (những sản phẩm tất yếu của chủ nghĩa tư bản), giành độc lập dân tộc, dân quyền và tự do. Bản thân chủ nghĩa tư bản cũng đã sử dụng chủ nghĩa Mác nhằm điều chỉnh, thích nghi để tồn tại đến ngày hôm nay.

Ở nước ta, kể từ *Đường cách mệnh* do Chủ tịch Hồ Chí Minh khởi thảo và *Lược cương chính trị* do Hội nghị Trung ương tháng 10-1930 thông qua cho đến Đại hội VI, Đảng ta đều khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Từ Đại hội VII đến Đại hội IX có sự bổ sung mới: "*Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng của Đảng...*". Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội VII, do đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh trình bày đã khẳng định: "... tư tưởng Hồ Chí Minh chính là kết quả sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong điều kiện cụ thể của nước ta, và trong thực tế tư tưởng Hồ Chí Minh đã trở thành một tài sản tinh thần quý báu của Đảng và của cả dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân trọn vẹn nhất cho sự kết hợp đó, là tiêu biểu sáng ngời cho sự kết hợp giai cấp và dân tộc, dân tộc và quốc tế, độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội."⁽⁵⁾

C. Mác là nhà khoa học thiên tài và cách mạng triệt để nhất đã vạch trần một cách chính xác bản chất bóc lột, của chế độ tư bản. Bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản vẫn không thay đổi, bản chất phản động toàn diện của nền chính trị tư sản hiện đại vẫn tồn tại hiện thực, bản chất mâu thuẫn, khủng hoảng và xu hướng diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản vẫn là vấn đề thời sự của thời đại ngày nay.

Trước thềm Đại hội X của Đảng, có những ý kiến tán phát trên In-tơ-nét rằng: "Học thuyết Mác là sản phẩm của giữa thế kỷ XIX, đặt nó trong bối cảnh thế kỷ XXI nếu không lạc hậu thì không phải là khoa học. Chân lý bao giờ cũng là sản phẩm trong không gian và thời gian, không có chân lý vĩnh cửu".

Những lý lẽ đó không thể đánh lừa được ai. Lương tri của nhân loại vẫn rất tỉnh táo và sáng suốt khi đánh giá rằng "chủ nghĩa Mác vẫn giữ nguyên ý nghĩa và tầm quan trọng của nó trong thế giới hiện đại..."⁽⁶⁾ "vẫn luôn luôn là một căn cứ quyết định cho các tổ chức cách mạng của giai cấp công nhân quốc tế, cho các đảng cộng sản chân chính đề ra đường lối chiến lược, sách lược cách mạng của mình"⁽⁷⁾. Tư tưởng, quan điểm khoa học của học thuyết Mác là chân lý thời đại. Nó đánh dấu trí tuệ của nhân loại trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ không phải vì tư tưởng khoa học của học thuyết Mác không còn tính thời đại, mà là sự phá sản của một đường lối sai lầm, chẳng những sa vào quan liêu hóa các đường lối lãnh đạo của Đảng, lại còn đi chệch khỏi chủ nghĩa Mác - Lê-nin chân chính, là sự xét lại và phản bội Đảng và chủ nghĩa xã hội khoa học; đồng thời không thể không kể đến những âm mưu thâm độc trong chiến lược "diễn biến hòa bình" mà chủ nghĩa đế quốc quốc tế sử dụng. Họ đã lợi dụng triệt để những sai lầm trong đường lối,

(5) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII, NXb Sự thật, 1991, tr 127 - 128

(6) Đánh giá của Đại hội Mác quốc tế họp ở Pa-ri từ ngày 27 đến 30-9-1995 để kỷ niệm 100 năm chủ nghĩa Mác với 500 đại biểu của gần 100 viện nghiên cứu, tạp chí mác-xít và 30 trường đại học đến từ 22 nước trên thế giới (xem *Tạp chí Cộng sản*, số 9, 5-1996, tr 27 - 31).

(7) Đánh giá của Tuần báo *Giải phóng*, ngày 7-7-1995, tiếng nói của hàng vạn chiến sĩ cách mạng các nước Mỹ La tinh cư trú ở Thụy Điển (xem *Tạp chí Cộng sản* số 1, 1-1996)

những khiếm khuyết không được khắc phục kịp thời trong lãnh đạo và điều hành đất nước... để mua chuộc, kích động và cổ vũ những phần tử cơ hội bên trong, khuyến khích những hành động phản cách mạng bên ngoài. Nhất là những sai lầm trong công tác cán bộ đã vô tình tiếp tay cho những sự phản bội, tới mức chính bản thân M. X. Goóc-ba-chốp, đã tự thú nhận: "Mục đích của tôi là tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản... Khi đích thân làm quen với phương Tây, tôi hiểu ra rằng, mình không thể nào rời bỏ mục tiêu đã đề ra. Để thực hiện mục tiêu này, tôi cần phải giành lấy toàn bộ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô và Nhà nước Liên Xô, cũng như lãnh đạo tất cả các nước trong phe xã hội chủ nghĩa. Tôi đã tìm được các chiến hữu để thực hiện mục tiêu này, trong số đó A. N. Ia-cốp-lép và E. A. Sê-vát-nát-de giữ vai trò đặc biệt. Trong sự nghiệp chung của chúng tôi, không thể nào đánh giá hết công lao của họ..." (8).

Những người mác-xít đủ tỉnh táo để biết rằng, C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n đã xuất phát từ giả định khoa học, rằng chủ nghĩa xã hội tương lai sẽ thắng lợi đồng thời ở các nước tư bản có nền công nghiệp phát triển cao, tiểu sản xuất của nông dân và thợ thủ công đã căn bản bị đại tư bản xóa bỏ, do đó không còn những thành phần kinh tế dựa trên những hình thức sở hữu khác nhau. Chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa được thiết lập trên cơ sở một hình thức sở hữu toàn dân duy nhất và một trình độ xã hội hóa cao về tư liệu sản xuất, cho nên không còn cơ sở kinh tế khách quan (phân công xã hội và chế độ tư hữu hay sở hữu khác nhau) cho sự tồn tại tất yếu của sản xuất và lưu thông hàng hóa, không còn kinh tế thị trường. Thế nhưng các quan điểm sai trái và phản động đã vin vào bối cảnh này để hô hoán lên rằng, kinh tế thị trường và chủ nghĩa xã hội là như "nước với lửa", có cái này thì không thể có cái kia và ngược lại. Chính họ đã tự phơi bày một lối hiểu "trích cú",

"tầm chương", thiếu tính toàn diện và phản khoa học về chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Trong thực tế, cách mạng vô sản (do tác động của quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản trong thời đại đế quốc chủ nghĩa) lại nổ ra trước tiên ở Nga, khi đó không phải là nước có nền công nghiệp phát triển cao mà kinh tế tiểu nông và tiểu sản xuất còn rộng khắp; bước vào thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, nền kinh tế bao gồm nhiều thành phần, nhiều mảng kinh tế với các trình độ phát triển rất khác nhau của lực lượng sản xuất. Và do đó tất yếu có nhiều quan hệ sản xuất với nhiều hình thức sở hữu khác nhau. Bởi vậy, sự tồn tại của sản xuất và lưu thông hàng hóa là một tất yếu khách quan, phù hợp với quy luật phát triển (quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất). Chính từ thực tiễn đó, sau khi kết thúc chiến tranh, nước Nga Xô-viết chuyển sang thời kỳ khôi phục và hòa bình xây dựng, trong Đại hội X của Đảng Cộng sản Liên Xô, V. I. Lê-nin đặt ra vấn đề đổi mới mang tính bước ngoặt cách mạng trong chiến lược phát triển kinh tế: *thay thế chính sách cộng sản thời chiến* (sản phẩm tất yếu của thời chiến, nhưng đã kéo dài sang thời kỳ hòa bình khôi phục và phát triển) *bằng chính sách kinh tế mới (NEP)* với nội dung thực chất là *chuyển từ chế độ kinh tế tập trung tuyệt đối sang chế độ kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước chuyên chính vô sản hướng lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa*.

Trên cơ sở những nguyên lý mác-xít trong cách tiếp cận vấn đề, V. I. Lê-nin đã nhận thức rõ rằng, kinh tế thị trường với nhiều hình thức sở hữu khác nhau trở thành một cách thức điều tiết nền kinh tế và kết hợp được những cái tưởng chừng như không thể kết hợp được

(8) Xem: *Tạp chí Thông tin Công tác tư tưởng*, số 9, 2000, tr 45, đăng lại bài của báo "USVT", Slovakia Rạng đông, số 24/1999

(lợi ích xã hội, tập thể và cá nhân) để một mặt sẽ khuyến khích được phát triển sản xuất, khôi phục nông nghiệp và công nghiệp. Cụ thể là khôi phục thương nghiệp tư nhân và chủ nghĩa tư bản, nhưng theo V. I. Lê-nin điều đó hoàn toàn không đáng sợ vì có sự điều tiết và quản lý của nhà nước chuyên chính vô sản. Bên cạnh đó, đã có khu vực kinh tế công hữu của nhà nước do quá trình quốc hữu hóa, "chuộc lại" và xây dựng mới làm nền tảng. Không những thế, V. I. Lê-nin còn chủ trương và thực hiện chế độ tô nhượng, cho phép tư bản quốc tế (dưới các hình thức của chủ nghĩa tư bản nhà nước) được đầu tư vào nền kinh tế để tranh thủ vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý, phát triển nền đại công nghiệp; nhượng quyền kinh doanh một số ngành cho tư sản dân tộc bằng cách cho thuê những xí nghiệp nhà nước mà nhà nước không cần giữ độc quyền kinh doanh; cho nhà tư bản, nông dân, công nhân, cán bộ, nhân viên nhà nước bao thầu để khai thác một số khoáng sản, một số khu rừng, một số vùng mỏ mà nhà nước chưa cần thiết và chưa có khả năng đầu tư, nhà nước thu địa tô hiện vật, từ đó mà có sản phẩm cho xã hội; sử dụng các hợp tác xã của những người tiểu sản xuất do các nhà tư bản nhỏ lãnh đạo để làm cung - tiêu sản phẩm công nghiệp và nông nghiệp; thành lập những công ty thương mại hỗn hợp vốn của nhà nước, của tư bản trong nước và tư bản ngoài nước để phát triển ngoại thương v.v.. V. I. Lê-nin coi đó là những hình thức cơ bản của *chủ nghĩa tư bản nhà nước* dưới nền chuyên chính vô sản.

Chủ nghĩa tư bản nhà nước, theo V. I. Lê-nin, là những quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa được phép tồn tại và phát triển dưới sự kiểm soát của nhà nước vô sản. Nó là một bước lùi cần thiết để tiến lên những bước cao hơn. V. I. Lê-nin đã sử dụng hình tượng của người leo núi, nếu cứ tiếp tục leo thẳng đến đỉnh thì chắc chắn sẽ không thể lên được, đành phải quay trở xuống để đi đường vòng, tuy xa hơn nhưng lại bảo đảm chắc chắn lên được tới đỉnh. Cái "gút" quan trọng của quá trình đó là phát

triển chủ nghĩa tư bản nhà nước. Nó, nếu được sử dụng đúng đắn, sẽ có tác dụng to lớn đối với quá trình tiến từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Với ưu thế của sản xuất lớn cơ khí hóa, xí nghiệp tư bản nhà nước sẽ là trụ thủ đắc lực của xí nghiệp xã hội chủ nghĩa trong việc phát triển lực lượng sản xuất. Nó sẽ tạo hình thức cạnh tranh giữa xí nghiệp xã hội chủ nghĩa với xí nghiệp tư bản chủ nghĩa để tăng sản xuất xã hội và củng cố kỷ luật lao động. Sản phẩm do xí nghiệp tư bản nhà nước cung cấp có thể nhanh chóng thỏa mãn nhu cầu tiêu dùng và nhu cầu sản xuất. Kỹ thuật do tư bản quốc tế nhận tô nhượng cung cấp có thể giúp nhanh chóng cải tạo kỹ thuật cho các ngành sản xuất của nền kinh tế quốc dân.

Với những tác dụng như vậy, theo V. I. Lê-nin, chủ nghĩa tư bản nhà nước là "cái cầu trung gian để quá độ dần từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội". Và cũng bằng thế giới quan mác-xít V. I. Lê-nin đã coi "kẻ thù nguy hiểm" trên con đường nước Nga tiến lên chủ nghĩa xã hội lại là lối sản xuất nhỏ, tùy tiện, vô chính phủ, chứ không phải là chủ nghĩa tư bản nhà nước.

Con đường của chủ nghĩa tư bản nhà nước trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội không phải là hòa bình giai cấp, mà là đấu tranh giai cấp dưới một hình thức mới, "một cuộc chiến tranh kinh tế" với đầu cơ, buôn lậu, trốn thuế, làm hàng giả, gian lận thương mại, tham nhũng, hối lộ và không loại trừ cả âm mưu phá hoại,... nhưng giai cấp công nhân không có lý do để sợ điều đó vì "... chính quyền nằm trong tay chúng ta" và "nhà nước vô sản nắm những khâu kinh tế chủ chốt và có thể trừng trị thẳng tay bọn tư bản không nghiêm chỉnh chấp hành những thể lệ, quy định...".

V. I. Lê-nin vẫn khẳng định rằng, chính sách này không loại bỏ việc kế hoạch hóa, mà thay đổi biện pháp kế hoạch hóa. Sau khi đọc bản thảo cuốn sách *Trao đổi hàng hóa và công tác kế hoạch* của G. M. Crô-ki-gia-nốp-xki,

V. I. Lê-nin đã viết thư gửi ông ta, rằng: "...chính sách kinh tế mới *không thay đổi* kế hoạch kinh tế thống nhất của nhà nước và *không vượt ra ngoài* giới hạn của kế hoạch đó, nhưng thay đổi *biện pháp* thực hiện kế hoạch đó" (9). V. I. Lê-nin cũng nhắc nhở: "Mối nguy to lớn nhất là quan liêu hóa công tác xây dựng kế hoạch kinh tế quốc dân... Một kế hoạch toàn vẹn, hoàn chỉnh, chân chính đối với chúng ta hiện nay = "một thứ không tưởng quan liêu chủ nghĩa". Đừng theo đuổi cái đó" (10). Ngày nay đọc lại những ý tưởng của chính các học giả tư sản, tiêu biểu là trong tác phẩm "Chủ nghĩa xã hội đi về đâu" (Joseph E. Stiglitz: *Wither Socialism*, Cambridge, MA: MIT press, 1994) học giả Đô-dép Stíc-gơ-lít - người được giải thưởng Nô-ben về kinh tế học năm 2001, đã không hề phủ nhận vai trò của kế hoạch trong việc tìm lời giải cho vấn đề các nguồn lực của xã hội phải được phân bổ một cách có hiệu quả, đồng thời ông cũng phản đối việc đánh giá quá mức vai trò của thị trường với quyền sở hữu tư nhân trong việc phục hồi các khuyến khích và nền kinh tế lành mạnh.

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n cũng đã khẳng định, học thuyết của mình không "nhất thành bất biến". V. I. Lê-nin cũng đã nói rằng: C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n không trói buộc những nhà cách mạng tương lai trong việc vận dụng một cách giáo điều, mà luôn mở ra những chân trời mới cho sự sáng tạo học thuyết và tư tưởng của mình trong sự vận động không ngừng của thực tế khách quan. Điều đó là vì học thuyết của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n là biện chứng, mà "biện chứng tức là học thuyết về sự phát triển dưới hình thức hoàn bị nhất, sâu sắc nhất...". Đã là học thuyết về sự phát triển, thì tự thân nó luôn mang tính sáng tạo và gọi mở cho sáng tạo. Nó cũng phát triển cùng với sự phát triển của thực tiễn cuộc sống trên cơ sở những nguyên lý cơ bản bất biến của học thuyết đó. Chủ nghĩa giáo điều và tính cứng nhắc mâu thuẫn với nguyên tắc vận động mãi mãi và

không ngừng của phép biện chứng mác-xít. Chính vì vậy, Ph. Ăng-ghe-n đã nhắc lại tư tưởng của ông và của C. Mác khi viết lời tựa cho *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, bằng tiếng Anh, năm 1888 rằng: "Chính ngay "Tuyên ngôn" cũng đã giải thích rõ rằng bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời, và do đó, không nên quá câu nệ vào những biện pháp cách mạng nêu ra ở cuối chương II" (11).

Tư tưởng quá độ dần lên chủ nghĩa xã hội cũng đã được Ph. Ăng-ghe-n đề cập trong tác phẩm *Nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản*, khi ông đặt câu hỏi: "Liệu có thể thủ tiêu chế độ tư hữu ngay lập tức được không? Trả lời: Không thể được, cũng y như không thể làm cho lực lượng sản xuất hiện có tăng lên *ngay lập tức* đến mức cần thiết để xây dựng một nền kinh tế công hữu". Vì "Bất cứ một sự thay đổi nào của chế độ xã hội, bất cứ một sự cải biến nào về mặt quan hệ sở hữu cũng đều là kết quả tất yếu của việc tạo nên những lực lượng sản xuất mới" (12). Như vậy, Ph. Ăng-ghe-n đã rất chú trọng việc vận dụng một cách đúng đắn mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.

Ở Việt Nam, trình độ lực lượng sản xuất còn lạc hậu, đất nước lại bị kiệt quệ do gần 30 năm chiến tranh ác liệt của đế quốc Mỹ, bước sang thời kỳ xây dựng hòa bình với những bước đi đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội chúng ta đã duy trì quá lâu một cách giáo điều trong vận dụng cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp của thời chiến. Sai lầm đó đã thành một trong số những

(9) V. I. Lê-nin: *Sổđ*, t 54, tr 131

(10) V. I. Lê-nin: *Sổđ*, t 52, tr 96

(11) C. Mác, Ph. Ăng-ghe-n: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 21, tr 524

(12) C. Mác, Ph. Ăng-ghe-n: *Sổđ*, t 4, tr 467

nguyên nhân dẫn đến cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trong những năm 80 của thế kỷ XX; sau khi các nước xã hội chủ nghĩa Liên Xô và Đông Âu đã bị tan rã, nước ta lại bị "cắt giảm viện trợ và quan hệ kinh tế bao cấp quốc tế".

Đảng ta đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong việc phát triển các thành phần kinh tế, thực hiện chính sách phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (lấy điều tiết của Nhà nước để hạn chế các khuyết tật của thị trường và bảo đảm định hướng phát triển lành mạnh của nền kinh tế; lấy thị trường để làm căn cứ cho việc phân bổ các nguồn lực đất nước thật hiệu quả; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững độc lập tự chủ, đa phương hóa và đa dạng hóa các hoạt động đối ngoại...), cũng như với việc vận dụng đúng đắn mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo trong 20 năm qua trên cơ sở những nguyên lý đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh đã đem lại những thắng lợi rất quan trọng về kinh tế cũng như về chính trị, xã hội và đối ngoại. Tất cả đòi hỏi một sự tổng kết thực tiễn, nghiên cứu sâu hơn những tư tưởng của C. Mác và Ph. Ăng-ghen về chủ nghĩa xã hội, những luận điểm của V. I. Lê-nin về chủ nghĩa tư bản nhà nước, tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, xác định và hoàn thiện những giải pháp mới, đúng đắn và sáng tạo trong quá trình xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tránh những giáo điều, xơ cứng trong tư duy lý luận là bí quyết thành công và là sự bảo đảm chắc chắn sẽ luôn tìm được những lời giải đúng đắn cho mọi vấn đề thực tiễn phát triển của đất nước đặt ra cho dù có những khó khăn phức tạp. □

TỔNG THUẬT HỘI THẢO

(Tiếp theo trang 23)

Dân chủ ở doanh nghiệp là một đặc trưng cơ bản của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp cổ phần hóa nói riêng ở nước ta. Vì vậy, theo *GS, TS Nguyễn Thị Doan*, các cấp ủy ở doanh nghiệp phải lãnh đạo và tổ chức thực hiện tốt Quy chế, bảo đảm và tạo điều kiện cho các đoàn thể chính trị - xã hội trong doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, đúng chức trách, quyền hạn của mình, đồng thời bảo đảm cho cổ đông được thực sự tham gia quản lý doanh nghiệp. Tham luận của đồng chí *Vũ Quốc Hùng* (Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương), *TS Lê Xuân Đình* (Tạp chí Cộng sản), *TS Lê Minh Hồng* (Phó Vụ trưởng, Văn phòng Chính phủ) nhấn mạnh: thực hiện dân chủ là một hướng quan trọng của việc phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng trong các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa; là để hạn chế, ngăn ngừa những hành động vô trách nhiệm của những người quản lý khi được giao nhiều quyền hạn, nhưng những biện pháp để kiểm soát họ thì không tương xứng, không thích hợp và thiếu những động lực khuyến khích họ hành động vì quyền lợi của Nhà nước.

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng trong doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa là nhiệm vụ rất quan trọng. Nhiều vấn đề cần được tiếp tục phân tích và lý giải thật cặn kẽ hơn nữa, theo đó tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các quy chế cụ thể, đáp ứng thực tiễn đang vận động rất phong phú và sinh động, khi đất nước bước sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

NGUYỄN THÁI SON

(tổng thuật)

1. Bản chất của "thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" ở Việt Nam.

Trên thực tế, lý luận về mô hình thể chế kinh tế thị trường ở các quốc gia hết sức đa dạng, phong phú và phức tạp. Hầu như không thể tìm được hai quốc gia nào có hệ thống thể chế kinh tế hoàn toàn giống nhau và cũng không thể áp dụng mô hình thể chế kinh tế thị trường của nước này cho nước khác. Vì vậy, mỗi một quốc gia phải tự chủ động nghiên cứu, tìm tòi mô hình thể chế riêng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể về kinh tế, xã hội, chính trị, truyền thống văn hóa... của quốc gia mình, dân tộc mình và xu thế khách quan của thời đại.

Ở Việt Nam, mô hình thể chế kinh tế do Đảng khởi xướng và lãnh đạo thực hiện đã có những thay đổi lớn cùng với những đổi mới trong hoạt động kinh tế - xã hội của đất nước. Sau 20 năm đổi mới, nhận thức của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã ngày càng trở nên sáng tỏ. Những nét cơ bản của một hệ thống lý luận về mục tiêu và bản chất của một nền kinh tế hoạt động theo cơ chế thị trường tự do cạnh tranh, nhưng vẫn bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa đã bước đầu được hình thành; trong đó, bước đầu đã xác định phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm:

Thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh". Giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển

Về xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Ở VIỆT NAM

LÊ XUÂN BÁ *

sức sản xuất, huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, nâng cao đời sống nhân dân. Đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, khuyến khích mọi người dân vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát nghèo và từng bước khá giả hơn.

Phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần, trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển xã hội, văn hóa, y tế, giáo dục và đào tạo..., giải quyết tốt các vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người. Hoàn thiện chế độ phân phối theo lao động, hiệu quả kinh tế, mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội.

Phát huy quyền làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền

* TS, Phó viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương

kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng ⁽¹⁾.

Như vậy, mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là sự kết hợp giữa *cái chung* là kinh tế thị trường với *cái đặc thù* là định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Kinh tế thị trường phải vừa là động lực, vừa là công cụ, phương tiện để phát triển kinh tế, định hướng xã hội chủ nghĩa giữ vai trò dẫn dắt quá trình phát triển nền kinh tế. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa sẽ là công cụ hướng dẫn cho các chủ thể trong nền kinh tế vận động theo đuổi mục tiêu kinh tế - xã hội tối đa, chứ không chỉ đơn thuần theo đuổi mục tiêu lợi nhuận tối đa. Sự lựa chọn mô hình phát triển "kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" - được khẳng định tại Đại hội IX của Đảng: "*phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, coi đó là đường lối chiến lược nhất quán trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*" - đã thể hiện quyết tâm khắc phục triệt để (đoạn tuyệt) hệ thống kế hoạch hóa tập trung, quan liêu, bao cấp để xây dựng hệ thống kinh tế thị trường hiện đại.

2. Thực trạng quá trình xây dựng và vận hành thể chế kinh tế ở Việt Nam những năm qua.

Thực tiễn quá trình đổi mới hệ thống thể chế kinh tế trong hai thập niên qua cho thấy, Việt Nam đang thực hiện theo phương thức "tiến dần từng bước" và "điều chỉnh từng bước". Phương thức này đã tỏ ra hữu hiệu nhằm giúp Việt Nam tránh được các "cú sốc" về kinh tế - xã hội, bảo đảm mục tiêu kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với ổn định và duy trì trật tự xã hội. Cùng với cải cách kinh tế, quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam đã đạt được một số thành tựu nhất định. Tổ hợp ba hệ thống "con" của cả hệ thống thể chế kinh tế gồm: các quy tắc quy định "luật chơi" kinh tế; các chủ thể tham gia "trò chơi" kinh tế và cơ chế tổ chức thực thi

"luật chơi" kinh tế - đã được xây dựng tương đối đầy đủ và đang dần hoàn thiện.

- *Bàn về hệ thống "con" liên quan đến "luật chơi" kinh tế:* Thời gian qua ở Việt Nam, điểm nổi bật là đã thiết lập rất nhiều văn bản pháp luật và dưới luật... Nội dung pháp luật kinh tế ngày càng phù hợp hơn với cơ chế thị trường, với thông lệ quốc tế. Đặc biệt, khung pháp luật đã cho phép thực hiện những bước đi đầu tiên trong quá trình chuyển đổi hoạt động quản lý về kinh tế của Nhà nước từ can thiệp trực tiếp sang tác động gián tiếp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh đó, một loạt cải tiến trong công tác soạn thảo, thẩm định, ban hành văn bản cũng như kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa các văn bản pháp luật trên diện rộng và việc phổ biến thông tin pháp luật một cách tích cực đã góp phần làm cho "luật chơi" đi nhanh vào cuộc sống và chấp hành nghiêm chỉnh hơn. Có thể nói, toàn bộ hệ thống "luật chơi" kinh tế hiện nay đã không chỉ tạo hành lang pháp lý cho việc thực hiện quyền tự do kinh doanh, phát triển kinh tế nhiều thành phần, khai thác hiệu quả các nguồn lực của toàn xã hội, giúp cho thị trường các yếu tố sản xuất quan trọng (thị trường lao động, thị trường bất động sản, thị trường tài chính, thị trường khoa học - công nghệ,...) hình thành và vận hành hiệu quả hơn, mà còn tạo dựng và thúc đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Tuy đã có những cố gắng và đạt được những kết quả quan trọng trong hệ thống "luật chơi", song cũng phải thừa nhận rằng, hệ thống này hiện vẫn chưa theo kịp nhu cầu, đòi hỏi của công cuộc đổi mới để phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhiều văn bản luật pháp quan trọng còn thiếu hoặc không đầy đủ, đặc biệt là những luật liên quan đến điều chỉnh hành vi cạnh tranh, đến bảo hộ quyền sở hữu, đến xử lý các vấn đề tranh chấp khác nhau

(1) Xem: *Tạp chí Cộng sản*, số 4/2006, tr 11

(nhất là tranh chấp về các quyết định hành chính). Trong một số luật đã ban hành có biểu hiện không nhất quán, nội dung của nhiều luật còn thiếu tính cụ thể, dồn những vấn đề cho các văn bản dưới luật xử lý, nên dễ làm giảm tính ổn định của luật. Nội dung một số luật còn mang nặng tư duy chủ quan, bao cấp, cục bộ, không còn phù hợp với cơ chế thị trường và lợi ích toàn xã hội.

Tính khả thi của một số luật chưa cao do quá trình nghiên cứu xây dựng dự luật chưa được thực hiện nghiêm túc và căn kẽ, chưa hình dung được đầy đủ các khả năng có thể phát sinh trong quá trình thực hiện luật. Tính khả thi của luật chưa cao cũng có phần còn do quy trình lập pháp chưa được thực hiện một cách hợp lý với một số lý do khác nhau như: quá trình xây dựng dự luật chưa có thời gian thỏa đáng để được thảo luận công khai, nhất là ít tiếp thu được ý kiến đầy đủ của những đối tượng bị điều chỉnh; dự án luật thông thường được xây dựng với tư duy hướng về phía thuận lợi cho công tác quản lý của các cơ quan nhà nước và thường được chính các cơ quan quản lý chuyên ngành soạn thảo. Bởi vậy, không ít luật và các văn bản pháp luật mới đưa ra đã xuất hiện những bất hợp lý cần chỉnh sửa, thậm chí khó đi vào cuộc sống.

— *Bàn về các chủ thể tham gia "trò chơi" kinh tế:* hai trong ba chủ thể rất quan trọng là doanh nghiệp và các tổ chức xã hội dân sự đã ngày càng thể hiện vai trò to lớn, tích cực trên thị trường. Doanh nghiệp nhà nước đang được đổi mới trên cơ sở xác định rõ chức năng sở hữu nhà nước với chức năng quản lý nhà nước để bảo đảm minh bạch quyền của chủ sở hữu và đang phải cạnh tranh bình đẳng với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế khác. Doanh nghiệp ngoài quốc doanh, đặc biệt là khối doanh nghiệp trong nước, cũng đang thực sự đóng góp có chiều sâu vào phát triển kinh tế của đất nước. Khối các tổ chức xã hội dân sự ngày càng thể hiện vai trò trong việc tham gia tích cực vào các hoạt động cung cấp dịch vụ công, thay thế dần

vị trí của các cơ quan công quyền trong việc bảo đảm một số dịch vụ công cộng.

Một chủ thể đặc biệt quan trọng là Nhà nước, với đặc thù vừa tham gia điều hành hoạt động kinh tế và vừa tham gia hoạt động kinh tế, thời gian qua cũng có nhiều đổi mới tích cực, đó là: đổi mới cơ cấu hệ thống bộ máy quản lý nhà nước; đổi mới chức năng kinh tế, nhà nước theo hướng gần hơn với cơ chế thị trường. Tuy nhiên, do chưa xác định và lý giải thấu đáo vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế, nên việc xác định chức năng của bộ máy nhà nước nói chung và của từng cơ quan nói riêng gặp nhiều khó khăn. Chính vì vậy, quá trình sắp xếp lại bộ máy tổ ra còn nhiều lúng túng trong suốt 20 năm qua. Cũng vì lý do này, sự can thiệp của Nhà nước nhiều khi còn chưa đúng chỗ và chưa đúng lúc, do đó nhiều biện pháp thực thi còn kém hiệu quả, thậm chí còn có tác động ngược lại với mong đợi.

Yếu tố quan trọng trong hệ thống tổ chức là yếu tố con người. Chuyển sang nền kinh tế thị trường, bộ máy nhà nước vẫn tiếp tục sử dụng những công chức của cơ chế cũ. Việc thay đổi tư duy, trang bị kiến thức mới còn rất chậm chạp. Chất lượng đội ngũ công chức cho đến nay vẫn chưa đáp ứng được những yêu cầu của công cuộc cải cách về cả tư duy lẫn kiến thức, điều đó đã cản trở đáng kể tiến trình cải cách và sự phát triển của đất nước.

— *Bàn về "cơ chế tổ chức thực thi" luật chơi kinh tế:* ở đâu cũng vậy, dù là thực thi cơ chế tự do cạnh tranh thị trường; cơ chế phân cấp quản lý kinh tế; cơ chế phân bổ nguồn lực; cơ chế phối hợp hay cơ chế tham gia, báo cáo, giải trình,... bị ảnh hưởng rất lớn trước hết bởi tư duy của các cơ quan hoạch định chính sách. Ở nước ta tư duy phân biệt đối xử, lợi ích cục bộ, đùn đẩy trách nhiệm, ồm đồm nhiều nhiệm vụ quá khả năng, đặc biệt tư duy "công chức" đóng vai trò là "quan"... vẫn còn tồn tại trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức. Vì vậy, với

các cách tư duy này đã đẩy doanh nghiệp và người dân luôn ở vào thế "người đi xin" và công chức là "người cho" - ban phát, hạn chế rất nhiều sáng kiến kinh doanh trong xã hội cũng như làm nảy sinh thêm nhiều chi phí giao dịch dẫn đến làm xấu môi trường đầu tư kinh doanh. Ngoài ra, việc giám sát thực thi luật thực hiện rất lỏng lẻo ở nhiều lĩnh vực dẫn đến xuất hiện rất nhiều hiện tượng lừa đảo, tham nhũng gây hậu quả nghiêm trọng trong đời sống kinh tế - xã hội. Trong điều kiện đội ngũ công chức ở một số lĩnh vực còn hạn chế cả về chất lượng và số lượng, việc giám sát càng trở nên rất khó khăn. Trong khi đó, chúng ta vẫn chưa hình thành được một cơ chế khuyến khích sự giám sát của các tổ chức ngoài nhà nước, của cộng đồng. Để thực hiện điều này đòi hỏi phải thúc đẩy nhanh hơn nữa quá trình dân chủ và công khai, minh bạch các chính sách, các quyết định từ các cơ quan công quyền.

Đi liền với việc xác định nhiệm vụ của Nhà nước trong nền kinh tế là quá trình *phân cấp quản lý*. Trong thời gian qua, việc phân cấp hầu như dựa chủ yếu vào tiêu thức quy mô, ít dựa vào đặc điểm và tính chất của vấn đề, của công việc. Phân cấp không phù hợp đã dẫn đến hiện tượng "xin - cho", hiện tượng đùn đẩy giải quyết công việc lên cấp trên. Sự phân cấp không hợp lý trong công việc tất yếu sẽ dẫn đến sự bất hợp lý trong hệ thống tổ chức ở các cấp. Bên cạnh đó, hiệu quả của phân cấp cũng lệ thuộc rất nhiều vào cơ chế phối hợp giữa các cấp cũng như giữa các cơ quan đồng cấp. Hiện nay, sự phối hợp giữa các cấp tỏ ra không hiệu quả, sự phối hợp giữa các cơ quan đồng cấp cũng rất yếu, kể cả việc trao đổi những thông tin cần thiết. Cho đến nay, hầu như chưa có một quy định pháp lý nào chế định việc trao đổi thông tin bắt buộc hoặc công bố thông tin công khai đối với các cơ quan nhà nước. Như vậy, có thể nói trong ba hệ thống "con", hệ thống "cơ chế tổ chức thực thi" đang là hệ thống yếu nhất.

3. Quan điểm và định hướng xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thời gian tới.

3.1. Về quan điểm:

– *Cần khẳng định tính tất yếu lịch sử của quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*. Tính tất yếu này là do: mô hình kế hoạch hóa tập trung (tồn tại nhiều năm) tỏ ra thiếu sức sống và khả năng phát triển nội sinh về kinh tế; kinh tế thị trường được nhìn nhận như là một phương thức sản xuất có tính lịch sử, là thành quả của văn minh nhân loại, nó được sử dụng phục vụ cho sự phát triển và thịnh vượng của mọi dân tộc mà không phải là tài sản riêng có của chủ nghĩa tư bản. Qua tổng kết thực tiễn 20 năm đổi mới và trên cơ sở nhận thức sâu sắc tính quy luật tất yếu của thời đại, trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc Việt Nam lựa chọn con đường phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là quyết định vừa phù hợp với xu hướng phát triển khách quan của thời đại, vừa là sự tiếp thu các giá trị truyền thống của đất nước và những yếu tố tích cực trong quá trình phát triển.

– *Nội hàm và bản chất của "kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" phải được xác định rõ và được khẳng định chắc chắn thông qua hệ thống thể chế kinh tế của Việt Nam trong giai đoạn tới*. Mặc dù những nét cơ bản của hệ thống lý luận đã được hình thành, song trong đó vẫn còn khá nhiều khái niệm chưa được sáng tỏ. Vì vậy, cần sớm xác định rõ hơn nội hàm của "kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" làm cơ sở cho việc xây dựng mới hoặc tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường hiện có ở nước ta.

– *Xây dựng thể chế kinh tế thị trường ở Việt Nam phải phù hợp với các cam kết của quá trình hội nhập*. Hội nhập kinh tế quốc tế là xu thế tất yếu đối với mọi quốc gia trong giai đoạn hiện nay. Các thể chế kinh tế ở nước ta phải được xây dựng và vận hành theo hướng thúc đẩy hoạt động kinh tế đối ngoại, hỗ trợ tốt cho việc

chủ động và tích cực hội nhập kinh tế với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương mà Việt Nam đã cam kết thực hiện.

– *Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phải cho phép xóa bỏ mọi sự phân biệt đối xử, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực xã hội và tạo lập môi trường đầu tư hấp dẫn, ổn định, có tính cạnh tranh cao.*

– *Bảo đảm tính đồng bộ, công khai, dân chủ trong quá trình xây dựng thể chế kinh tế ở Việt Nam: tính đồng bộ trong hệ thống pháp luật, trong hệ thống chính sách, cơ chế là một tiền đề để bảo đảm tính hiệu lực và hiệu quả thi hành.*

3.2. Định hướng một số giải pháp:

– *Tiếp tục làm rõ nội hàm cơ bản của thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: đặc biệt một số vấn đề cơ bản liên quan đến bản chất của "kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" như: công cụ thực hiện kinh tế thị trường, các vấn đề liên quan đến sở hữu, vai trò của Nhà nước,... cần sớm được làm sáng tỏ và được thể chế hóa.*

– *Hoàn thiện khung pháp luật cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: đó là khung pháp luật về sở hữu (làm rõ nội hàm cụ thể của sở hữu toàn dân, sở hữu nhà nước và xác định rõ quyền của chủ sở hữu, quyền của người sử dụng, cơ chế quản lý tài sản thuộc sở hữu toàn dân,...); khung pháp luật bảo vệ quyền tự do kinh doanh, tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, phù hợp với cam kết quốc tế; xác định nguyên tắc và làm rõ giới hạn của sự can thiệp của Nhà nước bằng các biện pháp hành chính vào hoạt động của doanh nghiệp; xây dựng khung pháp luật về: hợp đồng mang tính thống nhất, giao dịch điện tử, tài chính công, thuế, tài nguyên và môi trường...*

– *Nâng cao hiệu quả hoạt động của các chủ thể kinh tế thị trường: đối với chủ thể là Nhà nước, để hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế, cần:*

+ *Cải cách mạnh hơn nữa tổ chức bộ máy hành chính thông qua việc từng bước điều chỉnh,*

khắc phục những chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ giữa chính quyền các cấp, cũng như các cơ quan đồng cấp, chuyển giao cho doanh nghiệp hoặc tổ chức xã hội dân sự thực hiện một số dịch vụ công không nhất thiết do cơ quan hành chính nhà nước trực tiếp đảm nhiệm; cải tiến phương thức quản lý cũng như lề lối làm việc của cơ quan nhà nước các cấp,...;

+ *Kiên quyết đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong tất cả các lĩnh vực, đặc biệt xóa bỏ những quy định không cần thiết về cấp phép, thanh tra, kiểm tra, giám định, kiểm dịch...;*

+ *Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức thông qua đổi mới công tác tuyển chọn, sử dụng, sa thải và quản lý cán bộ, đồng thời tăng cường các biện pháp giáo dục cán bộ về tinh thần trách nhiệm, ý thức tận tâm, tận tụy với công việc đi đôi với trả lương thỏa đáng (lương đủ cao và có các chế tài đi kèm để góp phần chống tham nhũng), thực hành kỷ luật nghiêm minh, nghiêm khắc.*

Đối với chủ thể là doanh nghiệp, cần tiến hành: đổi mới phương thức giám sát doanh nghiệp theo hướng nâng cao tính chủ động và tự chịu trách nhiệm; hoàn thiện, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước; hoàn thiện cơ chế hỗ trợ, hoạt động và cạnh tranh của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; mở rộng thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tăng cường năng lực thị trường cho các chủ thể kinh tế nông nghiệp và nông thôn,...

Đối với các tổ chức xã hội dân sự, - một bộ phận cấu thành quan trọng và ngày càng thể hiện vai trò không thể thiếu của nền kinh tế, cần có cơ chế khuyến khích, hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức này mạnh hơn nữa, đặc biệt là tạo điều kiện cho việc tham gia thực thi một số nhiệm vụ: cung cấp các dịch vụ công; thay thế Nhà nước trong việc thực hiện một số chức năng kinh tế - xã hội; thực hiện vai trò giám sát, giám định xã hội và phản biện chính sách;

(Xem tiếp trang 40)

CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH - *những vấn đề* *cần quan tâm*

TRẦN QUANG NHIẾP

TRONG nhiều năm nay, để tăng cường năng lực quản lý của nhà nước trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, Đảng ta chủ trương cải cách hành chính một cách mạnh mẽ, toàn diện.

Cải cách hành chính nhằm góp phần xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực và hiệu quả. Trên cơ sở đó làm cho bộ máy nhà nước thực hiện tốt nhiệm vụ thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và tổ chức tốt việc điều hành, quản lý đất nước thông suốt, tạo điều kiện cho nền kinh tế nhiều thành phần phát triển, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Đây là việc làm không đơn giản, đòi hỏi trong quá trình cải cách hành chính phải tính toán kỹ lưỡng, lựa chọn chính xác tập trung giải quyết từng bước các vấn đề để tạo sự chuyển biến vững chắc theo chiều sâu.

Một là, cải cách thể chế hành chính

Những năm qua, Chính phủ tập trung chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện thể chế phục vụ trực tiếp cho cải cách hành chính. Chú trọng xây dựng luật, pháp lệnh và ban hành số lượng lớn nghị định hướng dẫn thi hành luật, pháp

lệnh. Tính từ đầu nhiệm kỳ Quốc hội khóa XI đến hết tháng 4-2005, Chính phủ đã trình Quốc hội 49 dự án luật, qua đó đã tạo cơ sở vững chắc cho cải cách thể chế, kết hợp giữa cải cách lập pháp và cải cách hành chính. Các luật đã thể hiện rõ các quan điểm, các chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế, tạo sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp nhà nước, giảm sự can thiệp bằng các biện pháp hành chính của các cơ quan nhà nước vào các quan hệ dân sự, kinh tế, thương mại và hoạt động của các doanh nghiệp, giảm bớt cơ chế xin - cho. Nhờ vậy, nước ta được thế giới xem như một nước có nhiều nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh, là một trong nhóm các quốc gia có tốc độ cải cách nhanh. Chính quyền các địa phương tăng cường công tác cải cách thể chế, ban hành các văn bản theo thẩm quyền để thi hành các thể chế do Trung ương quy định và cụ thể hóa việc thực hiện vào điều kiện cụ thể của từng địa phương trong thu hút đầu tư, xây dựng khu công nghiệp, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ các thành phần kinh tế phát triển, phân cấp, ủy quyền cho các sở và cấp huyện trên nhiều lĩnh vực... Tiếp tục làm rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và trách nhiệm của từng cơ quan trong hệ thống hành chính, loại bỏ dần sự chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ và bước đầu phân biệt rõ hoạt động của cơ quan hành chính với doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công.

Thể chế quan hệ giữa nhà nước với nhân dân tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện. Nổi bật là việc lấy ý kiến nhân dân trước khi quyết định các chủ trương, chính sách quan trọng. Tăng cường sự giám sát của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan nhà nước. Xử lý các hành vi trái pháp luật của cơ quan và cán bộ, công chức trong khi thi hành công vụ. Tăng thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan hành

chính trong giải quyết khiếu nại của nhân dân. Thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, cơ chế "một cửa", công khai ngân sách, tài chính, đấu thầu, thanh tra nhân dân... Điều đó góp phần xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân tham gia và giám sát các hoạt động của chính quyền và đội ngũ cán bộ, công chức các cấp.

Quy trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi trách nhiệm của Chính phủ bước đầu được đổi mới, góp phần hoàn thiện hệ thống thể chế của nước ta. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua năm 2004 đã tạo cơ sở pháp lý cho việc đưa công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan chính quyền nhà nước ở địa phương vào nền nếp, khắc phục tình trạng tùy tiện trong ban hành văn bản.

Các thủ tục hành chính trên các lĩnh vực xây dựng, hộ tịch, hộ khẩu, đầu tư, đăng ký doanh nghiệp, hải quan, thuế, kho bạc, xuất nhập khẩu... đã được rà soát, loại bỏ những thủ tục phức tạp, gây phiền hà, từng bước công khai hóa các quy định, thủ tục cần thiết, phù hợp với tình hình mới.

Tuy nhiên, vấn đề này vẫn bộc lộ các hạn chế sau.

Số lượng văn bản được ban hành nhiều, nhưng còn thiếu tính toàn diện, đồng bộ. Tính cục bộ ngành, lĩnh vực theo phương thức truyền thống giao cho bộ chủ trì xây dựng luật chậm được khắc phục. Tình trạng có luật, nhưng chưa thi hành được ngay vì còn thiếu nghị định, thiếu thông tư hướng dẫn vẫn còn khá phổ biến.

Một số thể chế cơ bản về hoạt động công vụ, về trách nhiệm thực thi công vụ của từng cơ quan hành chính, chức trách của từng vị trí cán bộ, công chức chưa đủ rõ và cụ thể. Đặc biệt thiếu những quy định pháp lý cụ thể về trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan hành chính, của từng cán bộ, công chức trong thực thi công vụ. Thủ tục hành chính được cải cách

từ nhiều năm nay, nhưng nhìn chung vẫn phức tạp, phiền hà cho người dân, cho doanh nghiệp. Việc tổ chức thực hiện thể chế còn nhiều yếu kém, chưa tiến hành tổng kết, sửa đổi, bổ sung kịp thời.

Hai là, cải cách tổ chức bộ máy hành chính

Quá trình xây dựng và ban hành đầy đủ các nghị định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của các bộ, ngành trung ương đã mang lại kết quả quan trọng, khắc phục những chồng chéo, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm nguyên tắc một việc chỉ giao cho một cơ quan thực hiện và phân cấp cho chính quyền địa phương.

Xu hướng lựa chọn đúng việc để phân cấp và chính quyền địa phương chịu trách nhiệm một số việc như thẩm quyền giao đất, cấp đất, thu hồi đất. Trước đây những việc này vừa thuộc Thủ tướng Chính phủ vừa thuộc chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, nay đã giao toàn bộ cho chủ tịch tỉnh phân cấp thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, về ngân sách, về giáo dục, y tế, về thẩm quyền quyết định bộ máy và biên chế sự nghiệp. Nhờ vậy, thẩm quyền và trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp được gia tăng và mở rộng

Bước đầu phân biệt hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước với hoạt động của đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công. Thông qua các thể chế về nhân sự, tổ chức, tài chính công, đã tạo lập được những cơ sở để tiếp tục quá trình tách hành chính với doanh nghiệp, hành chính với sự nghiệp theo quan điểm của Nghị quyết Đại hội IX của Đảng.

Tuy nhiên, đây là vấn đề lớn, phức tạp, việc cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của cơ chế quản lý mới và yêu cầu hội nhập quốc tế. Chức năng của từng cơ quan hành chính nhà nước chưa được phân định thật rõ ràng và phù hợp, còn chồng chéo về thẩm quyền và nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Tổ chức của các sở ở cấp tỉnh và phòng ở cấp huyện đều tăng, đặc biệt tổ chức bên trong các bộ, ngành trung ương và các sở đều tăng. Việc chia tách các đơn vị hành chính kéo theo phần tăng tương ứng số lượng các sở và phòng chuyên môn và biên chế hành chính sự nghiệp cũng tăng theo. Xu hướng nâng cấp tổ chức còn khá phổ biến như phòng lên vụ, vụ lên cục, cục lên tổng cục; cục, tổng cục lên loại I; trường trung cấp lên cao đẳng, trường cao đẳng lên đại học... dẫn đến gia tăng tổ chức bên trong, tăng biên chế, khiến cho bộ máy càng kèngh thêm.

Ba là, cải cách công chức hành chính

Thời gian qua, công tác quản lý đội ngũ cán bộ, công chức tiếp tục được cải cách theo hướng xác định rõ ràng hơn về phân công và phân cấp. Đã có sự phân định khá rõ về trách nhiệm, thẩm quyền quản lý đội ngũ cán bộ, công chức hành chính của Thủ tướng Chính phủ, của các bộ và chính quyền địa phương. Thẩm quyền và trách nhiệm trong bổ nhiệm, sử dụng, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức cũng được xác định khá rõ nét cho người đứng đầu các cơ quan hành chính và thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công.

Pháp lệnh cán bộ, công chức sửa đổi năm 2003 đã tiếp tục phân loại rõ hơn đội ngũ cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị: cán bộ qua bầu cử, công chức hành chính, viên chức sự nghiệp, cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo trong doanh nghiệp nhà nước, cán bộ chuyên trách và công chức cấp xã. Tiến hành rà soát, đánh giá lại hệ thống tiêu chuẩn chức danh công chức hiện có, kịp thời điều chỉnh, ban hành mới một số chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức, viên chức. Bước đầu có sự phân biệt đối với công chức hành chính bắt buộc qua thi tuyển, còn viên chức sự nghiệp được áp dụng cả hai hình thức là thi tuyển và xét tuyển theo chế độ hợp đồng. Nội dung chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức đã được đổi mới theo hướng phù hợp với các đối tượng. Phân công giữa các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức các bộ, ngành trung ương tập

trung vào bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước ngạch cán sự, chuyên viên. Các trường của tỉnh, ngoài đối tượng là cán sự, chuyên viên, còn bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước cho cán bộ, công chức cấp xã, cho đại biểu hội đồng nhân dân cấp huyện và cấp xã. Chính sách tiền lương, chế độ bảo hiểm xã hội đã có những cải cách bước đầu, góp phần ổn định cuộc sống của cán bộ, công chức.

Tuy nhiên, chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước trong điều kiện mới. Một bộ phận không nhỏ suy thoái về phẩm chất đạo đức lối sống, tham nhũng, cửa quyền, thiếu ý thức trách nhiệm và tinh thần phục vụ nhân dân.

Những giải pháp mang tính đổi mới, theo hướng hiện đại hóa công tác quản lý cán bộ, công chức chậm được triển khai, dẫn đến các cơ quan hành chính vẫn ôm đồm và cản trở, can thiệp sâu vào hoạt động của các đơn vị cơ sở, ảnh hưởng đến sự chủ động, sáng tạo ở đó.

Công tác quản lý, tuyển dụng, sử dụng, thi tuyển, thi nâng ngạch, đánh giá, luân chuyển, đề bạt cán bộ, công chức chậm đổi mới. Phương pháp đánh giá cán bộ, công chức còn có lúc, có nơi thiếu công tâm khách quan, khoa học.

Bốn là, cải cách tài chính công

Luật Ngân sách nhà nước sửa đổi xác định phân cấp theo hướng tăng tính chủ động, tăng thẩm quyền và trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương. Quyền và trách nhiệm quyết định ngân sách địa phương của hội đồng nhân dân cấp tỉnh được bảo đảm. Quyền quyết định ngân sách và phân bổ ngân sách hàng năm được Quốc hội thực hiện dần đi vào nền nếp.

Tiếp tục đổi mới quản lý và điều hành ngân sách. Nguồn thu ngân sách tiếp tục tăng và được tập trung kịp thời. Việc cấp phát vốn đầu tư và hạn mức kinh phí cho các đơn vị dự toán và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ đã cải tiến, tạo chủ động cho các đơn vị giảm nhiều thủ tục không cần thiết. Bước đầu đổi

mới cơ chế tài chính cho các loại hình tổ chức trong hệ thống hành chính bằng cách khoán biên chế, kinh phí quản lý hành chính và cơ chế tài chính cho các đơn vị sự nghiệp có thu.

Qua việc khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính giao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho các cơ quan trong tổ chức, sắp xếp bộ máy đã thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao hiệu suất lao động, hiệu quả công việc. Trên cơ sở đó tạo điều kiện cho cán bộ, công chức tham gia giám sát quá trình thực hiện cơ chế khoán theo đề án đã được duyệt, thúc đẩy sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả thông qua xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, xây dựng tiêu chuẩn định mức chi của cơ quan; tăng thu nhập cho cán bộ, công chức thông qua các biện pháp tiết kiệm. Các đơn vị sự nghiệp có thu được giao quyền tự chủ về tài chính đã chủ động sử dụng các nguồn kinh phí đáp ứng yêu cầu hoạt động của đơn vị bảo đảm chỉ tiêu hiệu quả, tiết kiệm trên cơ sở quy chế chi tiêu nội bộ do đơn vị xây dựng. Thực hiện tốt hơn quy định công khai, minh bạch trong quản lý và sử dụng nguồn tài chính công. Phát triển và mở rộng các hoạt động dịch vụ, chủ động huy động các nguồn lực, nguồn vốn và cơ sở vật chất để tổ chức các hoạt động sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ, nâng cao chất lượng hoạt động sự nghiệp tăng thu nhập cho người lao động.

Năm là, vấn đề cần rút ra

Công tác cải cách hành chính đã được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo và đã dần đi vào chương trình, kế hoạch. Ban chỉ đạo cải cách hành chính các cấp tiếp tục kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động. Trưởng ban phải là người đứng đầu như bộ trưởng, chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố. Các ban chỉ đạo cải cách hành chính có quy chế làm việc, phân công rõ trách nhiệm các thành viên và định rõ chương trình, kế hoạch, mục tiêu phương hướng biện pháp cụ thể, sát hợp.

Cần chỉ đạo thí điểm, làm thử, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm kịp thời. Tăng cường công tác kiểm tra việc triển khai cải cách hành chính

qua đó chấn chỉnh ngay những mặt yếu kém và có biện pháp khắc phục kịp thời.

Công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính cần được coi trọng và đẩy mạnh. Nói rõ những nơi làm tốt và kinh nghiệm hay trong cải cách hành chính, và chỉ rõ những vấn đề tồn tại, bất cập, đặc biệt là thái độ phục vụ nhân dân của cán bộ công chức trong từng đơn vị. Thực sự coi cải cách hành chính là khâu đột phá, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện tốt công tác tư tưởng đối với cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị tạo chuyển biến về nhận thức và tinh thần trách nhiệm của mọi người. Tập trung chỉ đạo, điều hành nghiêm túc, thường xuyên đạt tới sự đồng bộ, gắn kết giữa cải cách hành chính với công tác chỉnh đốn, xây dựng Đảng, với các cuộc cải cách về kinh tế, lập pháp, tư pháp. Khắc phục các hoạt động hình thức của ban chỉ đạo cải cách hành chính, để có nội dung sinh hoạt thường xuyên, chất lượng, hiệu quả cao. Đội ngũ công chức chuyên làm công tác cải cách hành chính cần được tăng cường. Đầu tư về nhân lực, trí lực, nguồn lực cho cải cách hành chính. Tăng kinh phí triển khai các đề án, nhiệm vụ cải cách hành chính. Thống nhất trong bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính ở cả bộ, ngành trung ương và địa phương.

Công tác chỉ đạo thực hiện cải cách hành chính bảo đảm tính thường xuyên, liên tục, nhất quán và quyết liệt đúng với vị trí là một trong 3 giải pháp quan trọng thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Sớm nghiên cứu, kết luận và thể chế hóa các vấn đề liên quan mật thiết tới cải cách hành chính. Tiến hành đồng bộ cải cách hành chính, cải cách kinh tế, cải cách tư pháp, cải cách lập pháp và đổi mới từng bước hệ thống chính trị. Có biện pháp, cơ chế tạo động lực, hưởng ứng cải cách của đa số cán bộ, công chức. Xử lý nghiêm bộ phận cán bộ, công chức thoái hóa, kém phẩm chất trong thực thi công vụ.

Từ kết quả đạt được và vấn đề đặt ra, công tác cải cách hành chính thời gian tới cần tập trung làm tốt những việc sau:

1 - Tiếp tục đẩy mạnh quá trình trao quyền chủ động cho chính quyền địa phương

Đối với cấp tỉnh, vấn đề chủ yếu là đề cao thẩm quyền quyết định các vấn đề như thu, chi ngân sách, sử dụng đất đai, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Bởi lẽ quá trình phi tập trung hóa trong nước cùng với quá trình toàn cầu hóa đang là xu thế khách quan cần được nhận thức đầy đủ đúng đắn, kịp thời trong quá trình quản lý, điều hành ở địa phương. Cùng với đó, tính lưu động ngày càng tăng của hàng hóa và con người, những cập nhật về thông tin đã giúp cho chính quyền địa phương điều hành có hiệu quả các hoạt động kinh tế - xã hội.

Song song với quá trình phi tập trung hóa làm xuất hiện nhu cầu tập trung hóa nhằm đáp ứng những thách thức của quá trình toàn cầu hóa. Từ kết quả phát triển kinh tế - xã hội trong những năm qua cho thấy phạm vi điều hành ở cấp tỉnh càng trở nên quan trọng. Sự năng động của lãnh đạo chính quyền địa phương sẽ tạo nên những bộ mặt mới hấp dẫn, thu hút đầu tư phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo.

2 - Đề cao trách nhiệm của viên chức, công chức nhà nước thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch.

Các yếu tố nêu trên không tồn tại độc lập mà tác động lẫn nhau như một công cụ giúp cho quản lý hành chính đạt kết quả. Chế độ trách nhiệm được quy định cụ thể rõ ràng, xác định rõ phạm vi là của ai, về cái gì, như thế nào trong công việc.

Tính công khai, minh bạch phát huy quyền làm chủ đối với mọi cấp, mọi cơ quan, mọi người dân không chỉ về những công việc, về các thông tin mà còn tăng tính chính xác, kịp thời, dễ hiểu của các thông tin trong thực hiện các khâu của cải cách hành chính. Trách nhiệm

của công chức và công dân khi được công khai, minh bạch là để tham gia vào những công việc có liên quan xây dựng các chính sách và chương trình kinh tế - xã hội đúng đắn của chính quyền địa phương. Đồng thời giúp họ tham gia với tư cách là những chủ thể các hoạt động kiểm soát đối với các cơ quan liên quan. Tăng chế độ trách nhiệm của công chức, viên chức thể hiện chất lượng và hiệu quả công việc được giao trước cơ quan quản lý và trước nhân dân. Tăng chế độ trách nhiệm là xác định rõ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của từng cá nhân, từng đơn vị trong bộ máy công quyền. Nó nói rõ anh là ai, làm gì, làm như thế nào, tránh chung chung, trùng lặp, chế độ chức trách không cụ thể, đùn đẩy nhau gây ách tắc, trì trệ, khó quy trách nhiệm khi công việc không hoàn thành.

3 - Xây dựng và quản lý nguồn nhân lực của bộ máy hành chính nhà nước.

Để xây dựng nguồn nhân lực cần thường xuyên đào tạo công chức hành chính và bảo đảm đội ngũ ấy hoạt động có hiệu quả trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Đồng thời phát triển thể chế quản lý từ những quy định và biện pháp kém hiệu quả trở thành tích cực, có hiệu quả cao.

Củng cố tổ chức, phát triển nguồn nhân lực hướng tới những quy tắc hợp lý, có hiệu quả cao của từng công chức, tổ chức trong bộ máy hành chính. Phát triển nguồn nhân lực cần chuẩn hóa đầu vào thông qua chế độ tuyển chọn cạnh tranh để có được những người thực đức, thực tài tận tụy với công việc, hết lòng phục vụ nhân dân. Có cơ chế loại bỏ những phần tử sâu mọt, cơ hội nịnh bợ, chui vào nắm giữ những trọng trách trong bộ máy, cơ quan hành chính nhà nước. Cùng với đó, có chế độ lương thích hợp, bảo đảm tiền lương là nguồn thu chủ yếu, chính đáng đủ bảo đảm cuộc sống của người lao động trong bộ máy nhà nước để họ yên tâm phục vụ lâu dài. Đồng thời giáo dục tinh thần phục vụ, chống quan liêu, tham nhũng, làm trong sạch bộ máy nhà nước.

4 - Nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước kết hợp với quá trình ra quyết định và thực thi quyết định.

Việc ban hành các quyết định có hiệu quả, phù hợp với thực tế, có giá trị thực thi là chức năng cơ bản của bộ máy nhà nước. Khắc phục tính chủ quan, duy ý chí, ban hành nhiều quy định, quyết định, không tính đến các điều kiện và hiệu quả thực thi làm giảm lòng tin của nhân dân và mất đi tính nghiêm minh của cơ quan ban hành quy định. Đồng thời phải tính đến khả năng điều hành thực thi, tránh gây lãng phí, làm cho các quy định có sức sống trong xã hội. Để được như vậy cần xây dựng cơ chế lập và điều phối chính sách có hiệu quả tuân thủ các nguyên tắc tôn trọng tính kỷ luật nhằm loại bỏ những quyết định không có khả năng tài chính, không có khả năng thực thi.

Đề cao tính công khai, minh bạch của quá trình ra quyết định mà vẫn bảo toàn tính tập trung cần thiết cho quá trình thảo luận dân chủ thẳng thắn. Kết hợp tính dự báo định hướng chính sách trong điều kiện biến đổi để duy trì sự cân đối, bình ổn, không sa vào những công việc sự vụ lúng túng, trì trệ.

Những vấn đề nêu trên cho thấy cải cách hành chính ở nước ta hiện nay không chỉ đơn thuần cải cách thủ tục hành chính mà còn là công việc của bộ máy hành chính, là đội ngũ công chức hành chính, là xây dựng nền hành chính công... đụng chạm đến toàn bộ các hoạt động của hệ thống chính trị. Điểm mấu chốt có ý nghĩa quyết định bảo đảm cho cải cách hành chính thành công là giữ vững quan điểm chỉ đạo kiên quyết, tập trung của cả hệ thống chính trị và ý thức chủ động, tự giác của mọi cán bộ, công chức nhà nước và tinh thần làm chủ của nhân dân. Tiến hành các hoạt động cải cách hành chính một cách cơ bản, hệ thống, đồng bộ, không chấp vá, làm tăng tính năng động sáng tạo của các cơ quan trong bộ máy hành chính, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng quan liêu, tham nhũng, tiêu cực, làm trong sạch bộ máy nhà nước, xây dựng Nhà nước ta thực sự là Nhà nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. □

VỀ XÂY DỰNG...

(Tiếp theo trang 34)

khuyến khích tham gia vào quá trình xây dựng và thực thi pháp luật,...

– Hoàn thiện từng bước cơ chế thực thi thể chế kinh tế thị trường:

+ Bảo đảm lấy "tự do cạnh tranh thị trường" làm cơ chế chủ yếu cho việc vận hành nền kinh tế, tập trung vào các hướng điều chỉnh cấu trúc thị trường, điều chỉnh hành vi và giám sát các hành vi lạm dụng vị thế trên thị trường;

+ Hoàn thiện việc phân cấp trong quản lý nhà nước về kinh tế, trong đó đặc biệt là xác định rõ những nhiệm vụ Nhà nước cần làm và những việc không nhất thiết phải thực hiện, phân định rõ các công việc địa phương có toàn quyền quyết định và những việc phải tham vấn ý kiến của Trung ương hoặc phải thực hiện theo quyết định của Trung ương, cần nghiên cứu kỹ để thực hiện cơ chế phân cấp khác nhau cho các địa bàn khác nhau tùy theo điều kiện và năng lực các cấp;

+ Tăng cường khả năng phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc hoạch định, thực thi chính sách và cung cấp dịch vụ công. Song song với việc phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan quản lý nhà nước, cần có các quy định, chế tài bảo đảm nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm giải trình, có sự tham gia của cộng đồng, làm rõ trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan và cá nhân...;

+ Tạo lập các cơ chế hữu hiệu để mở rộng quyền tham gia, quyền giám sát thực hiện chính sách và quyền được thông tin của người dân, đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng, lưu lượng thông tin cho các chủ thể tham gia thị trường và thể chế hóa quyền được tham gia và cơ chế tham gia của người dân bằng việc sớm ban hành Luật Trưng cầu ý dân và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật này. □

NĂM 2006 đánh dấu mốc son lịch sử 100 năm các Đảng Cộng sản và Công nhân thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Nhìn lại 100 năm qua, có thể ghi nhận không ít kinh nghiệm; đồng thời tiếp tục giải quyết rất nhiều vấn đề nảy sinh trong việc thực hiện nguyên tắc này.

Tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng Cộng sản. Song, nguyên tắc này không chỉ đóng khung trong Đảng Cộng sản, mà nó đã được thực hiện trong quản lý và hoạt động

kết hợp chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân ở Nga. Năm 1898, V.I. Lê-nin thành lập "Đảng Công nhân dân chủ xã hội Nga", năm 1918, đổi tên thành "Đảng Cộng sản (Bôn-sơ-vích) Nga". Đây là lần đầu tiên trên thế giới, một Đảng Cộng sản được thành lập.

Nguyên tắc tập trung dân chủ được đề cập sâu hơn từ năm 1905. Năm này, Tại Hội nghị Trung ương Đảng Công nhân dân chủ xã hội Nga, V.I. Lê-nin đề nghị đưa nguyên tắc tập trung dân chủ vào Chương trình nghị sự của Hội nghị và được Hội nghị chấp thuận. Tuy nhiên, tại Hội nghị này, nguyên tắc tập trung dân chủ vẫn chưa được đưa vào Điều lệ của Đảng Công nhân dân chủ xã hội Nga, vì còn những ý kiến khác nhau. Năm 1906, Đảng Công nhân dân chủ xã hội Nga họp Đại hội từ ngày 23-4 đến ngày 8-5, để thống nhất lực lượng và nguyên tắc tổ chức của Đảng. Tại Đại hội này, V.I. Lê-nin trình bày "Cương lĩnh hành động" của Đảng, và các nguyên tắc tổ chức của Đảng. V.I. Lê-nin viết:

"nguyên tắc tập trung dân chủ trong đảng hiện nay được mọi người thừa nhận"⁽¹⁾. Đại hội nhất trí thông qua Điều lệ mới của Đảng. Điều lệ ghi rõ: *"Tất cả các tổ chức đảng đều phải được xây dựng theo nguyên tắc tập trung dân chủ"*⁽²⁾. Như vậy, nguyên tắc tập trung dân chủ, lần đầu tiên được ghi trong Điều lệ của Đảng Cộng sản là vào năm 1906.

V.I. Lê-nin thường viết "dân chủ" là tính từ của tập trung, nên khi dịch sang tiếng Việt ghi là "tập trung dân chủ". Còn Chủ tịch Hồ Chí Minh thường viết "dân chủ tập trung". Trong "Bảo cáo chính trị" tại Đại hội II (1951) của Đảng ta do

Một trăm năm thực hiện nguyên tắc TẬP TRUNG DÂN CHỦ

ĐỨC VƯỢNG *

của Nhà nước xã hội chủ nghĩa và của nhiều tổ chức xã hội trong chế độ xã hội chủ nghĩa.

Nguyên tắc tập trung dân chủ được C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nê nêu ra lần đầu vào năm 1847 trong việc tổ chức "Liên minh những người cách mạng"; sau đó, được tiếp tục khẳng định trong tổ chức "Liên minh Công nhân quốc tế" (Quốc tế I) do chính C.Mác sáng lập vào năm 1864 và cùng với Ph. Ăng-ghe-nê lãnh đạo tổ chức này nhằm đáp ứng nhu cầu của phong trào công nhân là phải thống nhất lực lượng trong cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa tư bản, bảo đảm sự ổn định nhất trí và tính tổ chức của đội tiên phong.

V.I. Lê-nin là người kế thừa và phát triển sáng tạo nguyên tắc tập trung dân chủ, phù hợp với những điều kiện lịch sử và thời đại mới. Tại nước Nga, năm 1895, V.I. Lê-nin thành lập tổ chức "Liên minh chiến đấu giải phóng giai cấp công nhân", mầm mống đầu tiên cho sự ra đời của Đảng Cộng sản ở Nga, hoạt động trên cơ sở

* PGS, TS, Vụ trưởng, Thư ký Khoa học Hội đồng Lý luận Trung ương

(1) V. I Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t 12, tr 279

(2) Dẫn theo *Chủ nghĩa cộng sản khoa học - Từ điển*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1986, tr 313

Người trình bày, ghi rõ: "Về tổ chức, Đảng Lao động Việt Nam theo chế độ dân chủ tập trung"⁽³⁾. V.I. Lê-nin viết "tập trung dân chủ" là với ý: ở một nước công nghiệp như nước Nga, công nhân làm việc tập trung, số lượng rất đông, đảng viên là công nhân cũng rất lớn, đã có truyền thống dân chủ (dân chủ tư sản), nên V.I. Lê-nin đặt vấn đề "tập trung dân chủ". Việt Nam khác với nước Nga ở chỗ, gần 90% dân số là nông dân, công nghiệp nhỏ bé, đảng viên là công nhân chiếm số rất ít so với đảng viên là nông dân, lại chưa có truyền thống dân chủ, nên Hồ Chí Minh viết "dân chủ tập trung" là Người đã vận dụng sáng tạo nguyên lý "tập trung dân chủ" của V.I. Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Sự vận dụng sáng tạo này hoàn toàn không ảnh hưởng đến bản chất của Đảng, đồng thời, nó rất phù hợp với hoàn cảnh thực tế của Việt Nam.

Tập trung dân chủ (dân chủ tập trung) là một nguyên tắc xây dựng Đảng đã được kiểm nghiệm lâu dài và có hiệu quả nhất đối với việc xây dựng tổ chức; là cơ sở vững chắc cho hoạt động của Đảng Cộng sản và Đảng Công nhân. Nguyên nhân dẫn đến sự cần thiết xây dựng Đảng Cộng sản theo *nguyên tắc dân chủ* bắt nguồn trước hết từ vai trò quyết định của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong quá trình sáng tạo lịch sử, theo *nguyên tắc tập trung* bắt nguồn từ tính chất giai cấp của xã hội cũng như tính chất của bản thân Đảng Cộng sản với tư cách là một tổ chức chính trị thống nhất, nhưng cũng rất dân chủ. V.I. Lê-nin viết: "Trong cuộc đấu tranh để giành chính quyền, giai cấp vô sản không có vũ khí nào khác hơn là sự tổ chức"⁽⁴⁾. Kết hợp giữa "tập trung" và "dân chủ" thành nguyên tắc "tập trung dân chủ" là quan điểm nhất quán của C. Mác, Ph.Ăng-ghen, V.I. Lê-nin, bởi sự tác động, chi phối và chế ước lẫn nhau của hai thành tố đó. Tách rời chúng là thiếu đi sự tổ chức thống nhất. Không thể tùy tiện tăng thêm tính tập trung và hạn chế tính dân chủ và ngược lại, vì nếu làm như vậy, sẽ gây thiệt hại đến tổ chức và năng lực hoạt động, làm méo mó bộ máy tổ chức của Đảng Cộng sản. Xét về mặt lý thuyết và thực tiễn, chủ nghĩa xã hội càng phát triển và củng cố, thì

những khả năng khách quan để tiếp tục phát triển cả dân chủ lẫn tập trung.

Tại Việt Nam, thuật ngữ "nguyên tắc tập trung" xuất hiện lần đầu tiên vào năm 1929 trong Điều lệ "Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên" (gọi tắt là Thanh niên), một tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam. Điều lệ này được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của Hội (tháng 5-1929): "*Hội tổ chức theo nguyên tắc tập trung*"⁽⁵⁾. Tiếp đó, tháng 6-1929, Đông Dương Cộng sản Đảng, họp Đại hội lần thứ nhất (Đại hội thành lập), thông qua Điều lệ Đảng, trong đó ghi: "Đảng Cộng sản tổ chức theo lối dân chủ tập trung"⁽⁶⁾. Tại Đại hội lần thứ nhất (Đại hội thành lập, tháng 11-1929), An Nam Cộng sản Đảng, thông qua Điều lệ Đảng, trong đó ghi: "Đảng tổ chức theo dân chủ tập trung"⁽⁷⁾. Trong "Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam" được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng ngày 3-2-1930, không thấy ghi nguyên tắc tập trung dân chủ. Tháng 10-1930, Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ nhất, quyết định đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Đông Dương và thông qua "Điều lệ Đảng Cộng sản Đông Dương", trong đó ghi: "Đảng Cộng sản Đông Dương cũng như các chi bộ của Quốc tế Cộng sản phải tổ chức theo lối dân chủ tập trung"⁽⁸⁾. Điều lệ Đại hội I Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 3-1935), Điều lệ Đại hội II Đảng Lao động Việt Nam (tháng 2-1951), đều ghi nguyên tắc tổ chức của Đảng là "dân chủ tập trung". Điều lệ Đảng Đại hội III (năm 1960), Đại hội IV (năm 1976), Đại hội V (năm 1981), Đại hội VI (năm 1986), Đại hội VII (năm 1991), Đại hội VIII (năm 1996), Đại hội IX (2001) đều ghi: "Đảng tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ", là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng.

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 6, tr 174

(4) V. I Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t 8, tr 490

(5) (6) (7) *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t 1, tr 120, 220, 360

(8) *Văn kiện Đảng đã dẫn*, t 2, tr 119

Về mặt Nhà nước, Điều 6, Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992, ghi: "Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các cơ quan khác của Nhà nước đều tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ"⁽⁹⁾.

Mối quan hệ giữa tập trung và dân chủ

Đảng ta nhận thức rõ việc tổ chức sinh hoạt nội bộ của Đảng trên cơ sở tập trung dân chủ (dân chủ tập trung) là sự bảo đảm có tính quyết định trong việc vạch ra đường lối, chiến lược, sách lược, trong việc hình thành các cơ quan lãnh đạo và cơ quan tham mưu, tạo ra những tiền đề cần thiết để bảo đảm cho sự lãnh đạo của Đảng được đúng hướng và phát triển.

Trong Đảng đều có chung nhận thức là, thực hiện tập trung dân chủ (dân chủ tập trung) đúng đắn sẽ dẫn đến sự thống nhất về chính trị, tư tưởng, tổ chức, thể hiện sự sinh hoạt chặt chẽ và đoàn kết nội bộ. Kết hợp đúng đắn tập trung và dân chủ là yếu tố quyết định sức mạnh và hiệu lực của bộ máy Nhà nước ta. Đảng được xây dựng và hoạt động trên cơ sở những nguyên tắc thống nhất về chính trị, tư tưởng, tổ chức. Cơ quan lãnh đạo cao nhất là Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng. Trong thời gian giữa hai Đại hội, sự lãnh đạo của Đảng tập trung vào Ban Chấp hành Trung ương. Những nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng là trí tuệ của Đảng. Khi nghị quyết của Đại hội Đảng và nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã được thông qua, thì trở thành "pháp lệnh" đối với các tổ chức đảng và đảng viên. Nghị quyết đó chính là thành quả của một quá trình dân chủ trong Đảng. Nghị quyết đúng và đi vào cuộc sống là sự thể hiện một cách đầy đủ nguyên tắc (chế độ) tập trung dân chủ (dân chủ tập trung) trong Đảng và trong sinh hoạt của Đảng. Vì vậy, không ai được có quyền tùy tiện tăng thêm "liều lượng tập trung", giảm "liều lượng dân chủ" và ngược lại. Bởi vì, nếu tùy tiện "tăng - giảm" sẽ gây ra những thiệt hại đáng kể đến năng lực hoạt động của Đảng, đến vai trò lãnh đạo và ảnh hưởng của Đảng trong xã hội. Mối quan hệ giữa tập trung dân chủ (dân chủ tập trung) trong hoạt động thực tiễn của Đảng

được xác định bởi những nhiệm vụ đang đặt ra trước Đảng.

Mối quan hệ giữa tập trung và dân chủ có liên quan đến mối quan hệ giữa tập thể và cá nhân. Tập thể là sự liên kết các cá nhân để thực hiện nhiệm vụ chung nào đó, cùng nhau hoạt động và phối hợp thường xuyên với nhau trong công tác và hoạt động trong một tổ chức nhất định. Cá nhân là một thành viên của tập thể. Xét về phương diện tổ chức, thì không có cá nhân đơn lẻ. Khi cá nhân đã gia nhập vào một tập thể nào, đều có mối quan hệ nhất định với tập thể đó. Tính chất của những quan hệ đó phụ thuộc vào môi trường xã hội mà tập thể đó đang hoạt động và cá nhân đó đang sinh hoạt trong tập thể đó. Sẽ là sai lầm nếu nhận thức rằng, sự tự do của cá nhân phải được tách ra khỏi tập thể. Chế độ xã hội chủ nghĩa tạo ra môi trường thuận lợi để thiết lập quan hệ qua lại giữa tập thể và cá nhân trên cơ sở lợi ích và mục đích của cả hai bên. Chế độ tập trung dân chủ (dân chủ tập trung) trong Đảng tạo môi trường thuận lợi để thiết lập quan hệ giữa đảng viên với tổ chức đảng, giữa đảng viên với người lãnh đạo Đảng. Đảng viên trong tập thể, trong tổ chức sẽ có điều kiện để phát huy khả năng của mình. Tập thể được mọi thành viên ủng hộ, hết lòng vì công việc chung là một tập thể mạnh. Vì vậy, mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể mở rộng ra là mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội. Một cá nhân mà tùy tiện quyết định những vấn đề trong Đảng là vi phạm cả tập trung và dân chủ.

Vấn đề đặt ra là, làm thế nào để không sa vào tập trung quan liêu và không phạm phải dân chủ quá trớn, dân chủ hình thức. Muốn khắc phục được tập trung quan liêu, thì cơ quan lãnh đạo và người lãnh đạo phải giải quyết những vấn đề đã được dân chủ bàn bạc tập thể. Muốn khắc phục được dân chủ quá trớn, dân chủ hình thức, phải đặt dân chủ trong tổ chức, trong Điều lệ Đảng, trong pháp luật.

(9) Hiến pháp Việt Nam (từ năm 1946 đến năm 1992) và các Luật về Tổ chức Bộ máy Nhà nước, Nxb Lao động - Xã hội, Hà Nội, 2002, tr 178

Đảng Cộng sản Việt Nam với việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng, nhất là qua thực tiễn 20 năm đổi mới vừa qua

Trong sinh hoạt đảng, dân chủ được mở rộng hơn. Đảng đã thổi luồng sinh khí dân chủ vào trong sinh hoạt đảng. Tập trung cũng được thực hiện đúng mức. Đảng viên có quyền phát biểu ý kiến trái với những ý kiến chung và được bảo lưu để xem xét. Mọi đảng viên đều chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết của Đảng. Đây là một nền nếp sinh hoạt lành mạnh được Đảng ta duy trì từ ngày thành lập đến nay.

Một số văn bản nhằm tăng cường tập trung, mở rộng dân chủ được ban hành, quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các cấp bộ đảng, trách nhiệm và quyền hạn của các chức danh lãnh đạo trong Đảng ở tất cả các cấp. Cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm hơn đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết công tác khiếu nại, tố cáo. Nhiều địa phương, bộ, ngành đã xây dựng quy chế công khai tiếp dân, bố trí nơi tiếp dân thuận tiện hơn; phân công cấp ủy, cấp lãnh đạo tiếp dân, trực tiếp đối thoại với dân; tăng cường kiểm tra thực hiện tập trung dân chủ, xác định rõ trách nhiệm mỗi cấp, chủ trì trong việc làm rõ đúng, sai những vấn đề mà cán bộ, đảng viên, nhân dân khiếu nại. Nhiều vụ việc phức tạp, kéo dài được chỉ đạo, giải quyết có kết quả; đại bộ phận nhân dân đã chấp hành và thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của luật pháp. Theo thống kê chưa đầy đủ, từ năm 1999 đến năm 2004, cơ quan hành chính nhà nước các cấp đã nhận 12.300 đơn tố cáo, giải quyết được 11.700 đơn. Qua xem xét kết quả giải quyết cho thấy: số đơn có nội dung tố cáo đúng chiếm 33%, đúng một phần, chiếm 41%, có nội dung tố cáo sai hoàn toàn chiếm 26%. Qua giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai, đã thu hồi cho Nhà nước, tổ chức, cá nhân gần 66 tỉ đồng, trên 17 nghìn héc-ta đất; xử lý trên 703 cán bộ các cấp⁽¹⁰⁾. Điều này chứng tỏ, nếu không đẩy mạnh việc thực hiện dân chủ, không thể giải quyết được một khối lượng lớn công việc như vậy. Đây cũng là một bước tiến trong quá trình thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng theo

Điều lệ Đảng và trong Nhà nước theo Hiến pháp năm 1992.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, trong sinh hoạt đảng cũng còn bộc lộ không ít những khiếm khuyết. Tình trạng tập trung quan liêu và dân chủ hình thức vẫn còn nặng. Một số cấp ủy, nhất là ở cơ sở, việc tổ chức thực hiện tập trung dân chủ chưa nghiêm, còn qua loa, hình thức. Sinh hoạt đảng ở không ít tổ chức cơ sở còn đơn điệu, nội dung sơ sài. Trong sinh hoạt, vẫn còn hiện tượng né tránh khuyết điểm, không dám nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, nể nang nhau, "dĩ hòa vi quý"... Một số nơi, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể yếu kém, nội bộ mất đoàn kết. Nhiều cán bộ, đảng viên, công chức không chịu học tập để nâng cao trình độ chuyên môn. Không ít cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, quan liêu, tham nhũng, mất dân chủ, vi phạm pháp luật, nhưng vẫn "lọt lưới" hoặc "hạ cánh an toàn", gây bất bình trong nhân dân. Không ít người có năng lực, chuyên tâm với công việc, thẳng thắn, trung thực lại không được tổ chức quan tâm. Hiện tượng "làm láo báo cáo hay", dối trên, lừa dưới, vẫn đang gây bất bình, nhức nhối. Công tác kiểm tra, thanh tra ở không ít nơi đạt kết quả thấp. Tình trạng phát ngôn, tán phát tài liệu sai nguyên tắc, vẫn còn xảy ra, v.v..

V.I. Lê-nin là người đầu tiên đặt ra và thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng Cộng sản, nhưng Người lại không có điều kiện và thời gian để đề ra cơ chế bảo đảm thực hiện với đúng nghĩa của nó, nên nguyên tắc này đã bị vi phạm trong hoạt động của một số đảng cộng sản. Trong quá trình tổng kết, bước đầu rút ra một số kinh nghiệm thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ:

Một là, xây dựng mối quan hệ tác động qua lại giữa tập trung và dân chủ, giữa dân chủ và tập trung. Đây là mối quan hệ biện chứng tác động lẫn nhau rất mật thiết. Nếu cô lập chúng ra, lập tức nguyên tắc này sẽ bị méo mó, sai lệch. Muốn thực hiện có hiệu quả nguyên tắc tập trung

(Xem tiếp trang 49)

(10) Tài liệu lưu trữ tại Hội đồng Lý luận Trung ương

Công tác tư tưởng đối với vấn đề tôn giáo trên địa bàn Tây Nguyên hiện nay

TRƯƠNG MINH TUẤN *

TÂY Nguyên có một vị trí chiến lược rất quan trọng về kinh tế, chính trị và quân sự. Vì vậy, từ sau ngày thống nhất đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã sớm có chủ trương và tiến hành đầu tư để phát triển Tây Nguyên thành một vùng kinh tế động lực, nâng cao đời sống nhân dân, đặc biệt đối với đồng bào các dân tộc thiểu số, đồng bào ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Nhờ đó đã tạo cho nơi đây một diện mạo mới, hình thành những nông - lâm trường, công ty lớn kinh doanh những loại cây trồng và sản phẩm có tính chiến lược của nền kinh tế như cà phê, cao su, chè, dâu tằm... Phát huy truyền thống Tây Nguyên kiên cường bất khuất, anh hùng trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm năm xưa, hôm nay nhân dân các dân tộc Tây Nguyên, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết một lòng, quyết tâm chiến thắng đói nghèo, lạc hậu, cùng với quân và dân cả nước thực hiện mục tiêu "*dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*".

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, trong nhiều năm qua, mặc dù đầu tư vào Tây Nguyên khá nhiều (nếu tính trung bình đầu tư của Nhà nước cho một người dân, thì tỷ lệ này ở Tây Nguyên là cao nhất), nhưng hiện nay nơi đây vẫn là vùng kinh tế tăng trưởng chưa vững chắc, chuyển dịch cơ cấu kinh

tế còn chậm, kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ, nhiều vùng còn nghèo nàn, lạc hậu. Việc chăm lo phát triển sản xuất, đời sống vùng dân tộc thiểu số chưa đủ làm thay đổi được tập quán sản xuất và cải thiện đời sống cho đồng bào, tỷ lệ đói nghèo còn cao. Việc giải quyết đất sản xuất cho đồng bào dân tộc chưa đạt yêu cầu, còn nhiều hộ không có đất sản xuất; giải quyết việc làm, nâng cao dân trí còn chậm trễ, lúng túng; khoảng cách giàu nghèo còn chênh lệch; tình trạng lấn chiếm đất rừng, chặt phá rừng xảy ra nhiều nơi.

Lợi dụng tình hình và những khó khăn trên, các thế lực thù địch ráo riết đẩy mạnh các hoạt động chống phá, ra sức tuyên truyền, kích động tư tưởng dân tộc hẹp hòi, ly khai trong một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên. Từ đó chúng lôi kéo, lừa mị, kích động đồng bào và gây ra các cuộc biểu tình, gây rối ở Tây Nguyên

* Vụ trưởng, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương

(tháng 2-2001 và tháng 4-2004). Các thế lực thù địch vẫn ráo riết thực hiện âm mưu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Tây Nguyên để kích động tư tưởng ly khai, lôi kéo người vượt biên trái phép; lợi dụng việc phát triển "đạo Tin lành Đê-ga" để tìm cách hình thành "Nhà nước Đê-ga độc lập", nhằm từng bước công khai hóa, quốc tế hóa, tạo cơ can thiệp, chống phá cách mạng nước ta. Chính vì vậy, vấn đề ổn định và phát triển Tây Nguyên toàn diện, bền vững vừa mang tính chiến lược lâu dài, vừa mang tính cấp bách, là mối quan tâm to lớn của Đảng, Nhà nước và các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương.

Tây Nguyên là vùng có nhiều tôn giáo. Qua các giai đoạn cách mạng, bên cạnh việc giải quyết tốt các vấn đề về chính sách kinh tế - xã hội, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định công tác tôn giáo là vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt. Tính đến cuối tháng 12-2005, toàn vùng có 4 tôn giáo chính: Công giáo, Phật giáo, Tin lành và Cao đài, với tổng số chiếm hơn 33,6 % dân số, trong đó khoảng một phần ba tín đồ là người dân tộc thiểu số. Tín đồ người dân tộc thiểu số chủ yếu theo đạo Công giáo và Tin lành. Thực hiện Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg ngày 04-2-2005 của Thủ tướng Chính phủ về một số công tác đối với đạo Tin lành, đã có 47 chi hội Tin lành được công nhận chính thức. Vấn đề cơ sở thờ tự đã được các tỉnh chú ý giải quyết từng bước (Gia Lai 27/29 chi hội đã có hướng bố trí đất xây dựng nhà thờ; Đắk Lắk có 5/6 chi hội có chủ trương giao đất, cấp giấy phép xây dựng cho 1 nhà thờ; Lâm Đồng đã bàn giao 2 nhà thờ cũ cho 2 chi hội). Việc phong chức, đào tạo chức sắc,... từng bước giải quyết các nhu cầu tôn giáo theo pháp luật. Những năm qua, số lượng tín đồ tăng cao,

trong đó, tín đồ người dân tộc thiểu số tăng khá nhanh trong cộng đồng Công giáo và chiếm tỷ lệ tuyệt đối trong cộng đồng đạo Tin lành. Một điểm đáng lưu ý là người dân tộc thiểu số tại chỗ chiếm hơn 83% tổng số tín đồ người dân tộc thiểu số nói chung.

Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và Nhà nước, sự quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi của lãnh đạo các địa phương ở Tây Nguyên, hầu hết, đồng bào dân tộc thiểu số và quần chúng tín đồ các tôn giáo đều tin tưởng và đi theo con đường của Đảng, Bác Hồ đã lựa chọn, thực hiện "sống tốt đời, đẹp đạo"; đoàn kết với các dân tộc anh em, đoàn kết các tôn giáo, phát huy truyền thống cách mạng, lao động sản xuất, vươn lên cùng cộng đồng, xây dựng quê hương giàu đẹp. Trong những năm qua, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc ở Tây Nguyên, trong đó có đồng bào các tôn giáo từng bước được cải thiện. Đồng bào các tôn giáo đã tích cực lao động để nuôi sống mình, làm giàu cho chính mình và cho xã hội, hăng hái tham gia xóa đói giảm nghèo, xây dựng cuộc sống văn hóa ở khu dân cư, xóa mù chữ..., tích cực tham gia vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong dịp Nô-en 2005, trên địa bàn Tây Nguyên tổ chức 423 điểm để bà con giáo dân sinh hoạt mừng Giáng sinh, hàng trăm điểm tổ chức lễ ở buôn làng. Đồng bào có đạo phấn khởi, tin tưởng, góp phần làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch và bọn phản động FULRO lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để kích động biểu tình, bạo loạn và vượt biên trái phép.

Tuy nhiên vẫn còn nơi này, nơi khác có những hoạt động tôn giáo không theo đúng pháp luật. Việc truyền đạo trái phép gắn với ý đồ chính trị phản động của một số phần tử

đội lột tôn giáo, lợi dụng tự do tín ngưỡng kích động, lừa mị và lôi kéo một số nhóm sinh hoạt đạo bất hợp pháp, có những hoạt động gây rối, chia rẽ tôn giáo này với tôn giáo khác, giữa đồng bào có tôn giáo và không tôn giáo, đặc biệt âm mưu chia rẽ đồng bào tôn giáo với Đảng, Nhà nước nhằm phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, gây mất ổn định chính trị... Đạo Tin lành tiếp tục phát triển, các hệ phái Tin lành chưa được công nhận tư cách pháp nhân tôn giáo gia tăng hoạt động mạnh trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Việc lập các Hội thánh cơ sở, phong chức sắc trái phép vẫn diễn ra nhiều nơi. Hiện nay, trong một số ít đồng bào dân tộc thiểu số vẫn bị tác động của tư tưởng lập ra tổ chức đạo Tin lành riêng của người dân tộc ("Tin lành Đê-ga" - mà thực chất là một tổ chức chính trị phản động đội lột tôn giáo). Trong khi đó, việc giải quyết vấn đề Tin lành theo chủ trương của Đảng ở một số nơi làm còn chậm, đã gây mặc cảm giữa tín đồ, chức sắc có nhu cầu tín ngưỡng với chính quyền cơ sở, gây bất lợi cho việc tập hợp quần chúng. Thêm vào đó là sự tác động từ bên ngoài và bọn xấu ở bên trong đã làm cho một bộ phận không nhỏ đồng bào dân tộc thiểu số, phần lớn là thanh, thiếu niên còn nhận thức mơ hồ về vấn đề dân tộc, vấn đề đoàn kết giữa người Kinh với người các dân tộc khác, về tư tưởng ly khai, về "*Nhà nước Đê-ga*", tư tưởng vọng ngoại vẫn đang có chiều hướng tiếp tục gia tăng.

Vấn đề nổi lên về tôn giáo ở Tây Nguyên trong những năm qua là do hai nguyên nhân chính. Trước hết, đó là sự lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch thực hiện âm mưu trước mắt và lâu dài, lấy tôn giáo làm điểm khác biệt để chia rẽ đồng bào có tôn giáo và

đồng bào không theo tôn giáo nào. Những ý đồ muốn tạo dựng "*Tin lành Đê-ga*" là âm mưu của các thế lực thù địch, phục vụ cho mục đích chia rẽ Kinh - Thượng, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân, phá hoại sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Thứ hai, quá trình phát triển của tôn giáo cũng chịu ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế. Những tác động chủ quan của các tổ chức tôn giáo gắn liền với những lợi ích kinh tế trước mắt, làm phức tạp thêm tình hình tôn giáo ở Tây Nguyên hiện nay. Tuy nhiên, do đặc điểm niềm tin tôn giáo ở nước ta trước hết xuất phát từ cảm tính, từ niềm tin hơn là sự hiểu biết về giáo lý, nên mức độ tin theo tôn giáo có giới hạn và ít có sự cuồng tín tôn giáo.

Công tác tư tưởng là hoạt động có mục đích, nhằm xây dựng, phát triển và hoàn thiện hệ tư tưởng, phổ biến truyền bá hệ tư tưởng vào quần chúng, cổ vũ, động viên quần chúng tạo ra các phong trào quần chúng rộng rãi thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội. Trong nhiều năm qua, đội ngũ những người làm công tác tư tưởng - văn hóa ở Tây Nguyên đã hướng về cơ sở để nắm tình hình, phản ánh diễn biến tư tưởng, tâm trạng của các tầng lớp nhân dân, phát hiện âm mưu của các thế lực phản động, từ đó tham mưu cho cấp ủy có hướng chỉ đạo, giải quyết tình hình; góp phần xây dựng và phát triển Tây Nguyên trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng.

Các cấp ủy đã coi trọng công tác tư tưởng trong các lĩnh vực, đặc biệt đối với đồng bào dân tộc thiểu số và giáo dân. Cùng với công tác vận động quần chúng, công tác tư tưởng đã góp phần tác động vào nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân, cung cấp những thông tin về đặc điểm các dân tộc và quan hệ giữa các dân tộc, truyền thống và

tâm quan trọng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, từng bước làm cho mọi người phân biệt được giữa tín ngưỡng, tôn giáo với các hoạt động mê tín dị đoan; khẳng định rõ Đảng và Nhà nước ta luôn tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Trong *Hiến pháp năm 1992* và *Trong Pháp lệnh về tín ngưỡng, tôn giáo* nêu rõ: "*Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào*", "*Nhà nước bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân. Không ai được xâm phạm quyền tự do ấy*". Luôn tôn trọng tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân, nhưng chúng ta kiên quyết bài trừ các hoạt động mê tín, dị đoan, vì thực chất những hoạt động này là phản khoa học, nhân danh tôn giáo, nhưng không phải vì mục đích tôn giáo, gây tác hại nghiêm trọng cho xã hội, cho nhân dân. Cùng với việc kiên quyết bài trừ các hoạt động mê tín, dị đoan, chúng ta cũng kiên quyết chống mọi hành vi lợi dụng, giả danh tôn giáo để hoạt động chống phá Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Khoản 2, Điều 8, *Pháp lệnh về tín ngưỡng, tôn giáo* chỉ rõ: "*Không được lợi dụng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo để phá hoại hòa bình, độc lập thống nhất đất nước; kích động bạo lực hoặc tuyên truyền chiến tranh, tuyên truyền trái với pháp luật, chính sách của Nhà nước; chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, chia rẽ tôn giáo; gây rối trật tự công cộng, xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, tài sản của người khác, cản trở việc thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân; hoạt động mê tín dị đoan và thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác*".

Để không ngừng nâng cao hiệu quả của công tác tư tưởng, góp phần giải quyết các vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Tây Nguyên,

trong thời gian tới, công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng, cung cấp thông tin cần tập trung vào các nội dung trọng tâm sau:

Một là, tiếp tục tuyên truyền về truyền thống đoàn kết, gắn bó của cộng đồng dân tộc Việt Nam; đường lối, chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề dân tộc, thực hiện " *bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển*". Vạch rõ âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chia rẽ cộng đồng dân tộc Việt Nam. Tăng cường nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, phổ biến các quy định hoạt động tôn giáo theo pháp luật.

Công tác tư tưởng làm cho mọi người nhận thức rõ tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, là vấn đề còn tồn tại lâu dài. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới. Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là yếu tố cơ bản để đồng bào các tôn giáo gắn bó với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cần phân biệt rõ giữa mặt tư tưởng và mặt chính trị của tín ngưỡng, tôn giáo. Bản thân tôn giáo, tín ngưỡng ngay từ khi mới ra đời không gắn với chính trị. Nhưng trong quá trình tồn tại và phát triển lâu dài trong lịch sử, tôn giáo bị các lực lượng chính trị lợi dụng để phục vụ cho lợi ích của họ.

Trong giai đoạn hiện nay cần tập trung triển khai rộng rãi, sâu sắc Nghị quyết 25 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX về công tác tôn giáo, thực hiện chương trình "*Vấn đề tôn giáo và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta*" của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương. Đối với Tây Nguyên, cần triển khai mạnh mẽ chương trình này

đến cán bộ, đảng viên cơ sở, đoàn viên các đoàn thể chính trị, xã hội; già làng, trưởng thôn, bản...

Hai là, bình thường hóa trong sinh hoạt tôn giáo; tạo các điều kiện cần thiết để các tín đồ, chức sắc tôn giáo thực hiện tốt việc đạo và việc đời. Vận động quần chúng tín đồ, xây dựng cơ sở cốt cán và thực lực chính trị trong tôn giáo và các vùng có đông tín đồ. Làm tốt công tác vận động tuyên truyền để đồng bào nâng cao cảnh giác, hiểu rõ âm mưu bòn phản động và các phần tử xấu, không nghe theo, không để bòn xấu lôi kéo. Làm tốt công tác tập hợp, vận động, tuyên truyền, giáo dục thanh, thiếu niên dân tộc thiểu số về ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ trong việc xây dựng, bảo vệ Tây Nguyên, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ba là, tích cực nâng cao chất lượng và hiệu quả của hệ thống chính trị cơ sở. Tăng cường cán bộ, xây dựng bộ máy đảng, chính quyền mạnh, đủ sức tự giải quyết những vấn đề phát sinh, nắm được dân, coi trọng thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, tìm giải pháp giúp đỡ sản xuất, xóa đói giảm nghèo cho đồng bào. Làm cho hệ thống chính trị cơ sở chuyển kịp với yêu cầu, đòi hỏi của tình hình thông qua đội ngũ cán bộ cần đào tạo có hệ thống, nâng cao trình độ, bản lĩnh chính trị của cán bộ, đảng viên ở một số xã trọng điểm. Tích cực phát triển đảng viên là người có đạo và người dân tộc thiểu số, thu hẹp số buôn làng "trắng" cơ sở đảng, "trắng" đảng viên. Xây dựng các đoàn thể mạnh cả về tổ chức và chất lượng hoạt động. Tăng cường công tác xây dựng cốt cán; bám dân, phát động quần chúng, kịp thời xử lý, rút kinh nghiệm các vụ tranh chấp, kiến nghị, không để bòn xấu, bòn phản động lợi dụng xuyên tạc, lừa mị đồng bào. □

MỘT TRĂM NĂM...

(Tiếp theo trang 44)

dân chủ phải kèm theo những quy chế, quy định, quy trình, hướng dẫn cụ thể. Nếu không, nguyên tắc này cũng chỉ dừng lại ở lý thuyết.

Hai là, để thực hiện có hiệu quả nguyên tắc tập trung dân chủ, các cấp ủy, các tổ chức, bộ máy đảng phải làm rõ chức năng, nhiệm vụ của cấp ủy, tổ chức, bộ máy của mình. Như thế sẽ khắc phục được tình trạng tập trung giẫm đạp lên nhau giữa dân chủ và tập trung. Nguyên tắc tập trung dân chủ phải được thực hiện đồng bộ ở trong Đảng, Nhà nước, trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, v.v...

Ba là: Quy luật hoạt động của tập trung dân chủ còn được thể hiện ở mối liên hệ bản chất, tác động lẫn nhau và sự cân bằng, thể hiện ở việc ra nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng.

Để tổ chức, thực hiện có kết quả hơn nữa nguyên tắc tập trung dân chủ trong thời kỳ đổi mới, cần thực hiện tốt các giải pháp:

1 - Xây dựng và thực hiện quy chế tập trung dân chủ nhằm tránh xảy ra tình trạng lẫn lộn bởi thiếu sự phân định và mức độ thực hiện. Xây dựng quy chế tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; quy chế kiểm tra thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ của các tổ chức đảng, cấp ủy, đảng viên.

2 - Tập trung dân chủ phải được thể hiện một cách đầy đủ trong tổ chức bộ máy, trong sinh hoạt và hoạt động của Đảng, trong phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, xã hội, đoàn thể, bảo đảm cho các thành viên của hệ thống chính trị tham gia bình đẳng vào đời sống chính trị, xã hội của đất nước.

3 - Mở rộng dân chủ trong sinh hoạt đảng. Cải tiến nội dung sinh hoạt, hình thức sinh hoạt sát với tình hình, đặc điểm ở địa phương, đơn vị. Sinh hoạt đảng phải trở thành sinh hoạt chính trị, sinh hoạt phẩm cách của người cán bộ, đảng viên, qua đó xây dựng tư cách của người cán bộ, đảng viên trong quá trình vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế. □

I - TÂY NGUYÊN
LÀ VÙNG VĂN HÓA
DÂN GIAN PHONG
PHÚ VÀ ĐỘC ĐÁO
NHẤT Ở NƯỚC TA

Tây Nguyên xa xưa cũng như hiện nay là nơi gặp gỡ của nhiều luồng dân cư, nơi giao lưu văn hóa của nhiều tộc người, do vậy các tộc người Tây Nguyên và văn hóa Tây Nguyên là bức tranh nhiều màu sắc.

Tây Nguyên là vùng văn hóa cổ, dấu tích con người có mặt ít nhất cũng từ thời kỳ đồ đá mới, đặc biệt là với những phát hiện khảo cổ học gần đây ở Lung Leng (Kom Tum) và Cát Tiên (Lâm Đồng) đã đặt Tây Nguyên vào vùng đã từng có nền văn hóa đạt trình độ cao, tương đương về trình độ và niên đại với văn hóa Đông Sơn ở Bắc Bộ, Sa Huỳnh ở Trung Bộ và Đồng Nai ở Nam Bộ. Tây Nguyên là một vùng gần như duy nhất của Đông - Nam Á không chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc và Ấn Độ (phi Hoa phi Ấn). Do vậy, văn hóa Tây Nguyên cổ truyền được coi là kho vốn văn hóa khá nguyên gốc của Đông - Nam Á trước khi bước vào quá trình "Ấn Độ hóa" và "Trung Hoa hóa".

Văn hóa Tây Nguyên, là văn hóa dân gian truyền miệng thời kỳ tiền nhà nước, tiền giai cấp, về quy mô là văn hóa buôn làng. Do vậy, văn hóa ít biểu hiện thành các dạng vật thể có quy mô to lớn, bền chắc, mà chủ yếu bằng tre gỗ, quy mô nhỏ tương ứng với từng cộng đồng làng buôn, sự kỳ vĩ của nó biểu hiện chủ yếu trong văn hóa phi vật thể hơn là vật thể. Thí dụ, những bộ sử thi của người Mnông, Xê Đăng quy mô đồ sộ dài hàng chục vạn trang, những nghệ nhân có thể nhớ và hát sử thi liên tục trên dưới một trăm giờ...

Bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống các tộc người ở Tây Nguyên

NGÔ ĐỨC THỊNH *

Người Tây Nguyên còn ở trình độ tư duy hiện thực huyền ảo, hiện thực vì mọi cái đều được con người quy về các hiện tượng tự nhiên, quy về thế giới động vật, thực vật quanh mình. Nói cách khác, họ ưa lấy các hiện tượng tự nhiên làm hệ quy chiếu cho con người; còn huyền ảo là vì tất cả các hiện tượng tự nhiên ấy đều mang trong nó cái "Yang" (hồn, thần), khiến thế giới bao quanh con người luôn là một thế giới vật chất có hồn, chứ không phải là vô tri, vô giác... Con người thực sự là một bộ phận của tự nhiên, bình đẳng và gắn kết với tự nhiên. Đó là nhân tố quan trọng tạo nên tính nhân bản sâu sắc của nền văn hóa Tây Nguyên.

Ngôn ngữ của con người Tây Nguyên là ngôn ngữ giàu hình ảnh và vần điệu. Đó là thứ ngôn ngữ lời nói vần, một hình thức trung gian giữa ngôn ngữ thường ngày và ngôn ngữ văn học. Đặc tính tư duy và hình thức ngôn ngữ đó của con người Tây Nguyên đã khoác lên văn hóa của họ những màu sắc, đường nét thật độc đáo, thật kỳ ảo.

Cho đến trước ngày giải phóng miền Nam (1975), Tây Nguyên còn tiềm ẩn những kho tàng văn hóa dân gian thật phong phú và đồ sộ. Đó là văn học truyền miệng với nhiều thể loại

* GS, TS, Viện khoa học Xã hội và Nhân văn

phong phú, trong đó tiêu biểu nhất là *kho tàng sử thi* với hàng trăm tác phẩm, được trình diễn trong sinh hoạt cộng đồng, là dạng *sử thi sống*, khiến Tây Nguyên được coi là vùng sử thi duy nhất ở nước ta và là vùng sử thi hiếm, quý trên thế giới. Đó là *nền âm nhạc công cộng*, mà tiền thân của nó là những bộ đàn đá tiền sử, vật sở hữu duy nhất của Tây Nguyên hiện nay. Đó là những *bộ luật tục bằng văn vần truyền miệng*, nơi chứa đựng những tri thức phong phú về quản lý cộng đồng, về bản sắc văn hóa của từng dân tộc. Đó là *kiến trúc nhà ở*, nhà công cộng (nhà Rông, nhà Gôl, nhà dài ...) điều khắc *tượng nhà mồ*, *mỹ thuật trang trí* độc đáo, ở đó thể hiện những mối quan hệ văn hóa xa xưa với thế giới hải đảo ở Đông - Nam Á và Thái Bình Dương. Đó là hệ thống tín ngưỡng, phong tục lễ hội mang đậm chất tự nhiên và nhân văn, khiến con người không chỉ gần gũi và hòa đồng với thiên nhiên, mà hòa đồng giữa con người với nhau thành một cộng đồng gắn kết bền chắc..)

II - CÁC KHUYNH HƯỚNG BIẾN ĐỔI VĂN HÓA TÂY NGUYÊN HIỆN NAY

1 - *Giao lưu và ảnh hưởng văn hóa*

Giao lưu, ảnh hưởng văn hóa giữa các tộc người nội vùng Tây Nguyên và với bên ngoài có tác động nhiều mặt, cả tích cực và tiêu cực. Giao lưu, ảnh hưởng góp phần thúc đẩy quá trình xích lại gần nhau và hiểu biết giữa các dân tộc, là tác nhân quan trọng thúc đẩy nhanh quá trình biến đổi văn hóa truyền thống các dân tộc, khiến cho nhiều hiện tượng và giá trị văn hóa mới đã thâm nhập và phát huy tác dụng trong đời sống, như về ngôn ngữ, chữ viết, giáo dục, khoa học, về ăn, mặc, ở, đi lại, sinh hoạt văn hóa và vui chơi giải trí...

Tuy nhiên, do cường độ và phạm vi của giao lưu, ảnh hưởng mạnh mẽ và rộng lớn, đã tạo ra sự *choáng ngợp*, *nhieu loạn* giữa cái mới và cũ, cái hiện đại và cái cổ truyền, trong khi cái mới, cái từ bên ngoài và cái hiện đại ở trình độ phát triển cao hơn, áp lực mạnh mẽ hơn, khiến chủ thể tiếp nhận văn hóa không có điều

kiện và thời gian để lựa chọn, tiếp thu và tái tạo, liên kết hóa. Hậu quả tất yếu là cái cũ, cái truyền thống, cái nội lực bị lấn át, áp đảo, thậm chí chủ nhân văn hóa bị ngộ nhận, chối bỏ, quay lưng lại với truyền thống, còn cái mới thì xô bồ, chưa được lựa chọn, ồ ạt chiếm lĩnh đời sống văn hóa các tộc người.

2 - *Đứt gãy giữa truyền thống và hiện đại trong quá trình đổi mới văn hóa các tộc người*

Đó là sự đổi mới văn hóa truyền thống diễn ra một cách bình thường, có nghĩa là không có kế thừa và phát triển, không có tiếp thu và loại bỏ, mà thường là sự đan xen hỗn loạn giữa cái cũ và cái mới, không tạo nên sự liên kết hữu cơ giữa chúng với nhau, cái cũ mất đi, cái mới chưa hình thành, tạo nên sự *hụt hẫng* trong đời sống văn hóa và hệ quả thường là đời sống văn hóa của nhân dân bị *suy kiệt và trở nên nghèo nàn*. Do vậy, nhiều truyền thống, giá trị và di sản văn hóa quý báu đã và đang bị mất đi nhanh chóng, thậm chí ngộ nhận. Trên bình diện quan hệ xã hội, nhiều chuẩn mực đạo đức và ứng xử gắn với xã hội cổ truyền nay đã lỗi thời và đang dần mất đi. Tuy nhiên, các chuẩn mực ứng xử của xã hội mới lại chưa hình thành và định hình, khiến trong quan hệ xã hội những giá trị đạo đức dễ bị lệch chuẩn, đảo lộn và nhiều loạn.

Đây là xu hướng biến đổi văn hóa mang tính chung ở hầu khắp các tộc người ở nước ta, nhưng với Tây Nguyên tình hình trở nên trầm trọng hơn. Đó là vì: *Thứ nhất* các tộc người bản địa Tây Nguyên từ một xã hội phát triển thấp nay tiếp cận với xã hội kinh tế thị trường phát triển nhanh chóng khiến họ chưa kịp tự bảo vệ, nên dễ bị tổn thương và ngộ nhận. *Thứ hai* tình trạng di dân ồ ạt, cư trú xen cài đã làm tăng lên ở mức cao quá trình giao lưu, đồng hóa văn hóa giữa các tộc người, nhất là giữa người Kinh với các dân tộc thiểu số, dẫn tới tình trạng nhiều loạn trong biến đổi văn hóa.

3 – Khuynh hướng đồng hóa tự nhiên về văn hóa

Đồng hóa tự nhiên là một quá trình tiếp xúc, giao lưu ảnh hưởng văn hóa tự nhiên giữa các tộc người, thường là giữa các tộc người có dân số lớn, trình độ phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa cao hơn các tộc người hay nhóm nhỏ tộc người láng giềng, dẫn đến tình trạng các tộc người hay các nhóm nhỏ tộc người đó tiếp thu văn hóa của tộc người có trình độ phát triển cao hơn, thậm chí các tộc người nhỏ ấy có thể bị đồng hóa một phần hay hoàn toàn vào các tộc người lớn hơn và tự coi mình là thành viên của tộc người ấy. Theo chúng tôi, ở Tây Nguyên hiện nay đã và đang diễn ra hai quá trình đồng hóa tự nhiên, đó là:

- Các nhóm tộc người nhỏ bản địa, thường là các nhóm địa phương của các tộc người hiện đang sinh sống ở các vùng giáp ranh giữa các tộc người lớn. Quá trình đồng hóa tự nhiên giữa các nhóm bản địa vốn trình độ phát triển không chênh lệch nhau lắm, nên không diễn ra mạnh mẽ và đặc trưng, do vậy cũng không dẫn đến sự đảo lộn đáng kể nào về diện mạo văn hóa Tây Nguyên ..

- Có lẽ mạnh mẽ hơn và dễ gây ra những thay đổi lớn về sự biến đổi văn hóa Tây Nguyên là *quá trình đồng hóa tự nhiên giữa văn hóa người Kinh và các tộc người bản địa*.

Chúng ta nên đánh giá quá trình đồng hóa tự nhiên này như thế nào. Đồng hóa khác với giao lưu văn hóa ở chỗ nó tiếp nhận văn hóa của tộc người khác không trên cơ sở cái truyền thống của mình mà tiếp biến để đổi mới, mà chủ yếu là vay mượn thuần túy. Do vậy, quá trình đồng hóa đồng thời cũng là quá trình đánh mất cái gì là bản sắc văn hóa của dân tộc mình. Dù đây hoàn toàn là đồng hóa tự nhiên, không có sự áp đặt chủ ý nào, nhưng dù sao nó vẫn là một xu hướng tiêu cực, cần có biện pháp khắc phục.

4 – Xu hướng phục hồi văn hóa truyền thống

Với nhân dân các dân tộc Tây nguyên xu hướng này chưa thực sự là tự ý thức, là một

nhu cầu tự thân, mà chủ yếu mới là *áp lực từ bên ngoài*, từ những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là sau khi có Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII về "xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" và sau đó là hàng loạt các cuộc vận động, các dự án nhằm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống. Đây là một chính sách văn hóa vừa phù hợp với xu thế thời đại, vừa hợp với nguyện vọng của nhân dân nước ta nói chung. Do có một khoảng cách nào đó giữa tự ý thức và nhu cầu cấp thiết về việc bảo tồn văn hóa cổ truyền của người dân Tây Nguyên với chủ trương chung của Nhà nước, nên trong quá trình thực thi chủ trương này ở các dân tộc Tây Nguyên bộc lộ nhiều vấn đề cần phải xem xét.

5 – Các nguyên nhân

Nếu coi văn hóa là kết quả của sự thích ứng của con người với môi trường tự nhiên vì nhu cầu tồn tại và phát triển của bản thân mỗi cộng đồng, thì căn nguyên của sự suy thoái hay phát triển đó của văn hóa trước nhất và sâu xa nhất vẫn lại từ nguồn cội tự nhiên. Đối với Tây Nguyên mấy thập kỷ qua, *rừng bị tàn phá, nguồn nước bị suy giảm, đất đai bị thiếu hụt và ô nhiễm đã trực tiếp ảnh hưởng đến văn hóa*. Đối với các dân tộc thiểu số ở vùng núi, rừng bị mất thì văn hóa cũng sẽ tiêu điều, suy kiệt.

Đối với các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, *cái khung xã hội buôn làng* có vai trò rất quan trọng đối với việc sản sinh, duy dưỡng nền văn hóa, bản sắc văn hóa dân tộc. Cơ cấu xã hội buôn làng truyền thống của các dân tộc thiểu số Tây Nguyên trong những thập kỷ gần đây chịu những va đập, biến động mạnh, khiến động lực và tính năng động của nó bị suy giảm, thậm chí bị triệt tiêu, đã trực tiếp ảnh hưởng đến đời sống kinh tế, xã hội và văn hóa của các tộc người bản địa.

Áp lực của quá trình giao lưu, ảnh hưởng nội vùng và ngoại vùng, mà nhiều khi là "Kinh hóa", "Tây hóa" cũng tác động không nhỏ đến thực trạng và sự biến đổi văn hóa các dân tộc hiện nay. Đó là quy luật tất yếu, thậm chí có

mặt tích cực tác động đến sự biến đổi văn hóa các dân tộc. Tuy nhiên, liều lượng, mức độ của quá trình giao lưu, ảnh hưởng ngày một mạnh mẽ, trong khi đó nội lực, sự chọn lựa, sức "đề kháng" của văn hóa dân tộc lại yếu ớt. Do vậy, áp lực đó lấn lướt, áp đặt, gây nên sự nhiễu loạn trong tiếp thu ảnh hưởng văn hóa từ bên ngoài.

Trong *định hướng và quản lý các quá trình phát triển văn hóa* các dân tộc thiểu số của chúng ta còn tỏ ra nhiều bất cập, non kém và thậm chí sai lầm. Đó là có một thời gian dài, chúng ta ít quan tâm tới lĩnh vực này, chưa thấy hết được vai trò của văn hóa đối với sự phát triển xã hội, nhận thức về văn hóa truyền thống còn lệch lạc, mang nặng tính giai cấp, phủ nhận các giá trị của quá khứ... Trong chỉ đạo công tác văn hóa còn nặng *hình thức, phô trương tuyên truyền, bao cấp, áp đặt*, chưa thấy văn hóa là "của dân, do dân, vì dân", tức là chưa thấy rõ tính *dân chủ* của văn hóa. Do vậy, tiền của, công sức bỏ ra nhiều mà hiệu quả rất hạn chế.

III - MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG VIỆC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CÁC TỘC NGƯỜI Ở TÂY NGUYÊN

1. Đầu tiên và quan trọng nhất là *nhận thức về văn hóa, vai trò của văn hóa* trong phát triển. Văn hóa là "*hệ điều tiết*" đối với sự phát triển xã hội của mọi tộc người và mọi quốc gia. Vậy cái "*hệ điều tiết văn hóa*" đó là gì? Phải chăng "*cái hệ điều tiết*" đó là tổng hoà của các nhân tố, như quan niệm sống, lối sống, về ước vọng hạnh phúc, về bản lĩnh, bản sắc của mỗi dân tộc, là tri thức và những kỹ năng đã được tích lũy, là những giao lưu ảnh hưởng đã được hấp thụ... Điều đó quy định ở mỗi tộc người một quan niệm về phát triển, về sự tốt đẹp, về sự no đủ, cũng như các phương thức, cách thức, biện pháp để đạt được những mục tiêu ấy.

Chúng ta cũng cần làm thay đổi nhận thức của nhân dân các dân tộc bản địa Tây Nguyên

về nền văn hóa truyền thống của mình, khắc phục *tư tưởng tự ti, hướng ngoại*, không đánh giá đúng các giá trị văn hóa của dân tộc mình, thậm chí quay lưng lại, chối từ các giá trị truyền thống, nhất là ở thế hệ trẻ. Chỉ trên cơ sở nhận thức đúng, có lòng tự hào chính đáng về truyền thống văn hóa của cha ông để lại thì mới có thể bảo vệ và phát huy nó trong xã hội hiện tại, cũng như có cơ sở để tiếp thu các giá trị văn hóa tốt đẹp của các dân tộc khác.

2 - Phải thống nhất *chủ thể của việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc Tây Nguyên là của nhân dân các dân tộc Tây Nguyên; đó là sự nghiệp của người Tây Nguyên, cho người Tây Nguyên và vì người Tây Nguyên*. Đó chính là *bản chất dân chủ* của sự nghiệp bảo tồn và phát triển văn hóa. Nếu thiếu điều đó thì mọi ý định tốt đẹp, mọi nhân lực, vật lực mà chúng ta bỏ ra đều không bao giờ đạt được kết quả mong muốn. Đơn cử vài thí dụ:

Những năm gần đây, học tập kinh nghiệm của người Kinh, các tỉnh Tây Nguyên thực hiện việc soạn thảo quy ước buôn làng (có nơi gọi là hương ước). Thực ra, chủ trương này nên lồng ghép vào phong trào xây dựng gia đình văn hóa và buôn làng văn hóa, vì văn hóa là nội dung cơ bản của quy ước buôn làng, thì nhiều địa phương lại thực hiện riêng rẽ, ngành tư pháp và văn hóa chưa kết hợp với nhau chặt chẽ, cũng như phối hợp với các đoàn thể quần chúng trong Mặt trận Tổ quốc để triển khai, giám sát thực hiện.

Từ sau Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII, ở Tây Nguyên cũng như nhiều vùng dân tộc khác, chúng ta đã triển khai nhiều hoạt động văn hóa truyền thống, như các liên hoan văn hóa - nghệ thuật, các chương trình trình diễn giới thiệu những nét đặc sắc văn hóa của mỗi dân tộc... Những hoạt động như vậy là cần thiết nhằm cổ động và nâng cao lòng tự hào của nhân dân về nền văn hóa của mình cũng như tăng cường sự hiểu biết giữa các dân tộc. Tuy nhiên, cách tổ chức còn mang

nặng tính "trình diễn"(show) hình thức, nhiều khi còn giả tạo, phô trương, thậm chí xuyên tạc, không phản ánh đúng thực tế, các hoạt động trình diễn này phần lớn do các nghệ sỹ chuyên nghiệp, bán chuyên nghiệp thực hiện. Bên cạnh những hoạt động đó, *đời sống văn hóa thường nhật của quần chúng ở cơ sở lại chưa được chú ý đúng mức.*

3 - Trong mấy thập kỷ qua, do phân bố lại dân cư, do phát triển kinh tế thị trường, cơ cấu xã hội buôn làng bị đảo lộn, tính cộng đồng bị suy giảm, từng hộ nông dân vốn được buôn làng bao bọc, che chở thì nay bị "phơi trần" ra trước sự va đập của những biến động xã hội và thường bị tổn thương. Văn hóa dân tộc về cơ bản là văn hóa buôn làng cũng chịu chung số phận như vậy. Do đó, muốn bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, cũng như đưa các nhân tố văn hóa mới vào đời sống dân tộc thì đều phải thông qua cơ cấu xã hội làng buôn. Trước mắt cũng như trong tương lai, đối với Tây Nguyên, xét về cả kinh tế, xã hội và văn hóa *tất cả đều phải từ làng buôn và tất cả đều phải đến làng buôn.* Do vậy, *khôi phục lại làng buôn, năng động hóa tính tích cực của làng buôn phải coi là giải pháp quan trọng nhằm thúc đẩy sự ổn định và phát triển xã hội, văn hóa và an ninh quốc phòng.*

4 - Trong bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa cổ truyền của các dân tộc, thường có hai hình thức khác nhau, đó là *bảo tồn tĩnh* và *bảo tồn động*. Bảo tồn tĩnh là bảo tồn *hình thái* các hiện tượng văn hóa ở ngoài môi trường nó nảy sinh và tồn tại, như trong sách báo, các viện bảo tàng, các trưng bày, triển lãm, các kho lưu trữ... Thường các hình thức bảo tồn tĩnh này phục vụ chính cho nhu cầu nghiên cứu khoa học, cho tuyên truyền, tìm hiểu, cho việc lưu giữ lâu dài các hiện tượng văn hóa để sau này khi cần thiết có thể phục chế, tái tạo nó trong đời sống.

Bảo tồn động là hình thức bảo tồn các hiện tượng văn hóa trong chính môi trường xã hội

mà nó nảy sinh và tồn tại, để nó tiếp tục biến đổi và phát huy vai trò dưới tác động của những điều kiện xã hội cụ thể. Thí dụ, sử thi là một hiện tượng văn hóa truyền miệng độc đáo của các tộc người ở Tây Nguyên. Hiện nay, chúng ta đang thực hiện việc điều tra, sưu tầm, biên dịch và xuất bản hàng trăm bộ sử thi. Đó chính là hình thức bảo tồn tĩnh, tuy rất cần thiết nhưng vẫn là sự đối phó và thụ động. Tuy nhiên, có hình thức chủ động hơn là làm sao bảo tồn các tác phẩm sử thi này trong môi trường sinh hoạt diễn xướng sử thi của cộng đồng, để sử thi tiếp tục đời sống tự nhiên của nó, để nó tiếp tục đóng vai trò là một hình thức sinh hoạt văn hóa, thỏa mãn nhu cầu văn hóa và nghệ thuật của nhân dân. Bảo tồn văn hóa trong trạng thái động, trong môi trường xã hội chính là thể hiện quan điểm chủ thể văn hóa trong sự nghiệp bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Điều đó có nghĩa nhân dân là người sáng tạo các giá trị văn hóa đồng thời cũng là người bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa đó, nhà nước không thể làm thay mà chỉ có thể hỗ trợ mà thôi.

5 - Ở Tây Nguyên cũng như nhiều địa phương khác, các *thiết chế văn hóa* cũng đang có những vấn đề phải bàn. Để thực hiện các chương trình phát triển văn hóa, thì từ ngân sách, cán bộ đến các thiết chế văn hóa đều là của Nhà nước, do vậy cái văn hóa mà chúng ta đang làm thường là mang dấu ấn "*văn hóa nhà nước*". Bây giờ chúng ta thử suy nghĩ khác, làm khác, tức coi văn hóa phải là *hoạt động tự thân của nhân dân*, nhân dân là chủ thể thực hiện và hưởng thụ các giá trị văn hóa, dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Nếu chấp nhận quan điểm như vậy thì từ con người làm văn hóa, thiết chế văn hóa, cơ chế hoạt động phải như thế nào? Nếu trước kia hoạt động văn hóa chủ yếu là từ trên xuống, thì bây giờ lại phải từ dưới lên hay kết hợp giữa chúng, trong đó nhân dân vẫn là chủ thể của mọi hoạt động văn hóa. □

Mỹ không có quyền phán xét nhân quyền các nước

HỒ TRỌNG HOÀI

1. Năm nay, vào ngày 8-3, Bộ Ngoại giao Mỹ cho công bố về tình hình nhân quyền trên thế giới. Trong báo cáo ấy, nhân danh người bảo vệ, cổ súy cho quyền con người, Chính phủ Mỹ tự cho mình cái quyền được phán xét về tình hình nhân quyền của các quốc gia khác. Thế là, trong báo cáo của Mỹ, 196 quốc gia trên toàn thế giới bỗng trở thành những "học trò" kém về nhân quyền và Mỹ là "quan tòa" duy nhất có quyền phán xét. Ai cho Mỹ cái quyền phán xét đó??

2. Như chúng ta biết, nhân quyền là một giá trị thiêng liêng của con người mà xã hội càng tiến bộ, giá trị đó càng được khẳng định và thực thi đầy đủ hơn. Vì vậy, những ai đấu tranh cho quyền con người, bảo vệ và thực thi quyền con người chân chính bao giờ cũng được nhân loại ngợi ca. Ngược lại, những ai tự mạo danh là người đại diện và bảo vệ nhân quyền để trục lợi thì không khỏi bị nhân loại tiến bộ phê phán, lên án!

Ngược dòng lịch sử, ta thấy, kể từ ngày lập quốc, các Chính phủ Mỹ nhân danh văn minh, đã tiêu diệt gần hết cả tộc người da đỏ. Bằng vũ lực, họ đã chiếm đoạt một nửa đất nước Mê-hi-cô. Nhân danh quân đồng minh tiêu diệt phát-xít, họ đã ném 2 quả bom nguyên tử xuống Nhật Bản trong khi hầu như không còn sự kháng cự đáng kể nào của thế lực phát-xít,

để hàng vạn dân vô tội phải chết thảm khốc mà ngày nay những di chứng của nó vẫn còn đối với những người sống sót. Phải chăng vì họ quan niệm, một bộ phận người phải chấp nhận thiệt thòi để đổi lại sự sung sướng cho đa phần còn lại? Nếu vậy, tại sao nhân danh bảo

vệ người thiểu số gốc An-ba-ni ở Nam Tư họ lại phát động cuộc chiến tàn phá Nam Tư trong hơn 2 tháng bằng những vũ khí hiện đại nhất mà kết cục là chưa biết người gốc An-ba-ni có được bảo vệ không nhưng đất nước Nam Tư bị chia cắt tàn phá, xung đột sắc tộc chưa giải quyết được, vô số người lương thiện phải thiệt mạng lại là sự thật đang tiếp diễn?

Những ví dụ trên là không thể kể hết. Ngay ở Việt Nam, nhân danh bảo vệ thiểu số hay đa số mà có lúc Mỹ đã đưa hơn nửa triệu quân xâm lược đến giày xéo và tiến hành chiến tranh hủy diệt đối với một dân tộc rất yêu chuộng hòa bình? Bom rải thảm của Mỹ ném xuống Hà Nội, Hải Phòng, nhiều thành phố khác phải chăng là để tiêu diệt Chính phủ Hà Nội hay lại nhằm tiêu diệt dân thường vô tội? Nhân danh bảo vệ ai mà Tổng thống Mỹ thời đó lại tuyên bố "sẽ đưa Bắc Việt trở về thời kỳ đồ đá"? Trả lời câu hỏi này, có lẽ phải trích lời của cựu Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ R.Mc Na-ma-ra trong hồi ký của mình khi đề cập đến cái chết của Mo-ri-sơn - một người Mỹ tự thiêu để phản đối chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam. Trong cuốn sách đó, Mc Na-ma-ra viết: "Cái chết của Mo-ri-sơn không chỉ là bi kịch cho gia đình anh ta mà còn cả cho tôi và nước Mỹ. Đó là tiếng kêu gào chống lại những giết chóc đang hủy hoại cuộc đời của những người Mỹ

và người Việt" ⁽¹⁾. Tại sao Mỹ dội hơn 80 triệu lít chất độc da cam xuống Việt Nam để lại di chứng khủng khiếp cho hàng vạn nạn nhân mà cho đến nay họ vẫn làm ngơ không chịu trách nhiệm?

Chính phủ Mỹ thường phê phán Việt Nam là chế độ độc đảng, toàn trị. Thử hỏi, khi tiến công I-rắc, Mỹ phớt lờ Liên hợp quốc, đơn phương hành động, hay việc Mỹ tự cho mình quyền làm quan tòa để thẩm định nhân quyền của Việt Nam và nhiều quốc gia khác có phải là toàn trị không?

Nhiều người cho rằng, nước Mỹ không chỉ giàu có nhất thế giới mà còn là "thiên đường của dân chủ, tự do, nhân quyền". Thực sự thì sao? Đúng là nước Mỹ là nước giàu có nhất thế giới. Tuy nhiên, sự giàu có đó bắt nguồn từ đâu và giàu có là giàu có của ai? Phải trả lời rằng, sự giàu có của nước Mỹ có một cơ sở là từ sự trục lợi trong các cuộc chiến tranh, từ quá trình xuất khẩu tư bản mà về thực chất là sự tước đoạt, sự bóc lột nhân dân các nước chậm phát triển với vô vàn tập đoàn kinh tế xuyên quốc gia. Sự giàu có đó cũng có nguồn gốc từ việc buôn bán vũ khí - một công cụ để tiêu diệt con người, làm gia tăng các xung đột xã hội. Bởi thế, người ta còn gọi Mỹ là kẻ lái súng lớn nhất hành tinh. Còn sự giàu có của nước Mỹ là giàu có của ai? Đó không thể là của hơn 35 triệu người Mỹ sống dưới mức nghèo khổ mà là sự giàu có của những ông chủ các tập đoàn kinh tế. Trong năm 2005, khi cơn bão Ca-tri-na đổ bộ vào nước Mỹ làm hơn 10.000 người thiệt mạng (chủ yếu là dân nghèo da màu), cả thế giới mới được chứng kiến hình ảnh về một nước Mỹ giàu có, hùng mạnh, "quan tâm" đến con người đến mức độ nào! Còn dân chủ, nhân quyền ư? Mệnh danh là thiên đường, song tẻ kỹ thị dân tộc, phân biệt đối xử vẫn là chuyện thường ngày đến mức, diễn viên da màu không được phép hôn người da trắng trên phim ảnh. Thử hỏi có bao nhiêu phần trăm phụ nữ, người da màu tham gia vào bộ máy chính quyền?

Hầu mọi người còn nhớ, trong cuộc biểu tình của sinh viên Mỹ chống chiến tranh xâm lược Việt Nam ngày 4-5-1970, vệ binh quốc gia đã nổ 61 phát đạn vào đám đông và kết quả là 4 sinh viên chết, 9 người khác bị thương. Nhân danh chống khủng bố, các nhân viên an ninh Mỹ được trao quyền lục soát, khám xét bất cứ người nào và gần đây Tổng thống Mỹ còn tuyên bố, chính quyền có quyền đặt máy nghe các cuộc đàm thoại của công dân v.v... Thử hỏi, đó là bảo vệ nhân quyền hay vi phạm nhân quyền?

Xem ra, tư cách quan tòa về nhân quyền của Chính phủ Mỹ có vấn đề. Đó là suy nghĩ chung của nhiều người ở 196 quốc gia được đề cập trong Báo cáo về nhân quyền của Mỹ năm nay. Ngoài ra, Báo cáo của Bộ Ngoại giao Mỹ còn bộc lộ cách nhìn sai lệch về tình hình nhân quyền trên thế giới khiến chính phủ nhiều quốc gia phải lên tiếng bác bỏ. Cách nhìn sai lệch ấy phản ánh, Chính phủ Mỹ đã cố tình bóp méo thực tế tình hình nhân quyền dựa trên tiêu chí thiếu tính khách quan nhằm mục đích vụ lợi.

Lấy trường hợp Việt Nam làm ví dụ. Trong Báo cáo của Bộ Ngoại giao Mỹ, mặc dù không thể phủ nhận những tiến bộ về nhân quyền mà Chính phủ và nhân dân Việt Nam đã đạt được trong thời gian qua song phía Mỹ vẫn cho rằng, những tiến bộ đó là chưa thỏa đáng, "không tạo sự thỏa mãn" và Việt Nam vẫn bị cáo buộc là "tiếp tục có những vi phạm". Theo đó, quyền tự do phát biểu, báo chí, hội họp, lập hội vẫn bị hạn chế. Người dân Việt Nam vẫn còn bị giam giữ vì các hoạt động chính trị và tôn giáo...

Những nhận định trên, thực ra, không có gì mới, không chỉ phản ánh rất sai lệch những diễn biến thực tế mà còn biểu hiện một động cơ xấu xa.

Xin lấy một số ví dụ sau đây để chứng minh. Hiện ở Việt Nam có gần 700 ấn phẩm báo chí

(1) Trích lại theo Báo Thanh niên điện tử ngày 1-4-2005

Nghiên cứu - Trao đổi

các loại. Các ấn phẩm này, hằng ngày, hằng giờ phản ánh khá đầy đủ và chân thực muôn mặt cuộc sống của người dân Việt Nam, phản ánh tâm tư nguyện vọng, ý kiến của người dân với Đảng và Chính phủ. Ngoài ra, người dân còn có quyền bày tỏ ý kiến của mình thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp. Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí và thông tin được luật định trong nhiều văn bản pháp luật của Nhà nước. Nhờ đó, không chỉ nhân dân có cơ sở pháp lý để thực hiện quyền tự do của mình mà còn tạo thuận lợi cho việc tham gia các công việc của đất nước. Thống kê cho thấy, khoảng 90% vụ việc tiêu cực trong xã hội được báo chí phát hiện và việc người dân sôi nổi tham gia đóng góp các văn bản pháp luật của Nhà nước, tham gia góp ý dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội X của Đảng thời gian gần đây đã xác nhận quyền tự do của công dân được thực hiện và phát huy. Không chỉ có tự do ngôn luận, báo chí và thông tin, công dân Việt Nam còn được pháp luật cho phép có quyền tự do hội họp và lập hội. Đến năm 2002, cả nước có 18.259 cơ sở của tổ chức xã hội, 1.681 cơ sở của tổ chức xã hội nghề nghiệp ngoài các tổ chức chính trị - xã hội như Công đoàn, Đoàn Thanh niên...

Ngoài các phương diện trên, ở Việt Nam, việc bảo đảm các quyền cơ bản khác của công dân như quyền tự do tôn giáo, quyền bình đẳng giữa các dân tộc... cũng có những tiến bộ không thể phủ nhận.

Hãy tự đặt mình vào hoàn cảnh Việt Nam, chắc chắn những người có lương tri đều thông cảm, chia sẻ, đồng tình với cách làm của Đảng và Nhà nước Việt Nam, ghi nhận những nỗ lực to lớn, không mệt mỏi của của toàn xã hội vì mục tiêu giải phóng và phát triển con người.

Là đất nước vừa thoát ra khỏi cuộc chiến tranh vào loại tàn khốc nhất trong lịch sử do các thế lực đế quốc phát động, đến hôm nay, dù hòa bình đã có thời gian hơn 30 năm (kể từ năm 1975), song hậu quả của chiến tranh vẫn còn rất nặng nề. Nạn nhân của chiến tranh,

nhất là nạn nhân chất độc da cam vẫn phải chịu rất nhiều thiệt thòi, đau đớn trong khi kẻ gieo rắc hậu quả cho họ vẫn nhởn nhơ và mĩa mai thay, những kẻ đó lại tự nhận là quan tòa của nhân quyền !!! Chả lẽ đó là kết cục của xã hội hiện đại, của thứ văn minh mà nhiều người ngộ nhận là hiện đại??? Vì vậy, nhân dân Việt Nam và những người tiến bộ trên toàn thế giới có quyền đặt vấn đề, nếu Mỹ tự nhận mình là người đại diện cho nhân quyền thì tại sao họ lảng tránh trách nhiệm khắc phục hậu quả chiến tranh mà họ là thủ phạm? Họ có vì những nạn nhân đau khổ không hay vì động cơ chính trị đen tối nào đó?

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc và đa tôn giáo, tín ngưỡng. Nhìn chung sự tồn tại đa dạng đó cũng nảy sinh nhiều phức tạp do những khác biệt nhất định về đức tin, về những đặc điểm tâm lý dân tộc, nếu không có cách giải quyết hợp lý, phù hợp lòng dân. Với bản chất nhân đạo, nhân văn, kể từ ngày cách mạng thành công, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã không ngừng nỗ lực vì sự bình đẳng, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ giữa các dân tộc và kiên trì nguyên tắc "tín ngưỡng tự do, lương giáo đoàn kết" theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Vì vậy, trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, cũng như trong giai đoạn xây dựng hòa bình, mặc dù khó khăn, gian khổ song tuyệt đại người dân Việt Nam đoàn kết một lòng xung quanh Đảng và Chính phủ quyết đấu tranh để giành, giữ độc lập, thống nhất cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho đồng bào. Thử hỏi, nếu Nhà nước Việt Nam kỳ thị dân tộc, xâm hại tự do tín ngưỡng, tôn giáo thì lấy đâu ra sự ủng hộ từ nhân dân, lấy đâu ra sức mạnh để kháng chiến và kiến quốc? Chúng ta không cần dẫn chứng những số liệu cụ thể vẫn có thể biết rằng, Báo cáo của Bộ Ngoại giao Mỹ phản ánh rất sai lệch thực tế lịch sử ở Việt Nam.

Còn vấn đề Chính phủ Việt Nam giam giữ những người có chính kiến khác, những người đấu tranh cho tự do dân chủ, tự do tôn giáo như cáo buộc của Mỹ thì sao?

Chúng ta chưa vội trả lời vấn đề này mà thử soi vào cách làm của Chính phủ Mỹ xem có học tập được gì không? Gần đây nhất, trong cuộc chiến ở I-rắc, chắc là Mỹ không bắt bớ, giam cầm những nhân vật dưới thời Sa-đam Hu-se-in? Không tra tấn, nhục mạ các tù nhân chiến tranh? Điều này thì cả nhân loại đều biết rõ, nhất là từ khi vụ lăng nhục tù nhân ở nhà tù Goan-ta-na-mô bị phanh phui. Qua đó, mọi người đều thấy, đằng sau 2 chữ "nhân quyền" kiểu Mỹ vẫn tồn tại một thực tế trái ngược với quyền con người dù nó bị Chính phủ Mỹ cố tình che dấu, bung bít.

Ngược dòng lịch sử, trong thời kỳ tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam, chính quyền Sài Gòn dưới sự bảo trợ của Mỹ có bắt bớ, giam cầm, tra tấn những người đấu tranh cho độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc không? Trong số họ có bao nhiêu người bị thủ tiêu mà không hề xét xử? Thiết nghĩ, điều này không cần phải trả lời bởi một khi chúng ta chứng kiến tận mắt hệ thống chuồng cọp được gọi là "địa ngục trần gian" mọc lên khắp miền Nam mà điển hình nhất là hệ thống nhà tù Côn Đảo.

Trở lại vấn đề Chính phủ Mỹ cáo buộc Việt Nam, thấy rằng, những ai đã từng đến Việt Nam và có một cái nhìn thực tế, khách quan đều ghi nhận những cố gắng to lớn của Chính phủ và nhân dân Việt Nam trong việc phát triển đất nước, duy trì ổn định xã hội - cơ sở cực kỳ quan trọng cho việc thực thi quyền con người. Quá trình đó đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, nhất là trong 20 năm đổi mới. Thành tựu đó không giới hạn ở nỗ lực xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống của các tầng lớp dân cư ở mọi miền đất nước mà còn mở rộng ra trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có việc bảo đảm và thực hiện quyền con người. Hơn ai hết, người Việt Nam ghi thắm lời dạy của Bác Hồ, rằng, nước có độc lập mà nhân dân không tự do, hạnh phúc thì độc lập ấy cũng chẳng có ý nghĩa. Bởi thế, Nhà nước Việt Nam chủ trương phát triển kinh tế kết hợp với việc

thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Trong đó, mở rộng và phát huy quyền tự do, dân chủ của nhân dân, thực thi chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc được xác định là động lực nhằm thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Nhờ các chủ trương và chính sách đúng đắn đó mà đất nước Việt Nam, nhất là từ ngày đổi mới đã có sự phát triển mạnh mẽ về nhiều mặt khiến dư luận quốc tế phải thừa nhận. Ngay vị Đại sứ Mỹ ở Việt Nam, trong cuộc trả lời phỏng vấn Báo Việt Nam Net ngày 17-3-2006 cũng không thể không thừa nhận. Ông nói rằng: "Tôi quay trở lại đây đảm nhận nhiệm kỳ cách đây 18 tháng, tức là sau 15 năm không đến Việt Nam, tôi đã nhận thấy sự thay đổi cực kỳ mạnh mẽ... Và mọi người ai cũng tỏ ra có thể nắm bắt bất cứ cơ hội nào để sử dụng tài năng của mình. Tôi thấy, với thực tế như vậy, tương lai của Việt Nam rất sáng sủa"⁽²⁾.

Mặc dù sự nghiệp đổi mới của nhân dân Việt Nam đã nhận được sự đồng tình ủng hộ của tuyệt đại bộ phận nhân dân cả nước cũng như những người tiến bộ trên thế giới, song, vẫn còn những thế lực ở bên ngoài cấu kết với một số phần tử cực đoan, phản động trong nước tìm cách chống phá bằng nhiều phương thức, thủ đoạn thâm độc hòng phá hoại độc lập, thống nhất của quốc gia, xóa bỏ chế độ chính trị. Một số trong đó đã bị nhân dân phát hiện, bị Nhà nước xử lý theo qui định của pháp luật. Cách làm này thiết nghĩ, cũng là thông lệ của mọi quốc gia trên thế giới.

Thử hỏi, cách làm trên đây của Chính phủ Việt Nam có trái với thông lệ quốc tế và có vi phạm nhân quyền không?

Theo ý nghĩa đó, lợi dụng nhân quyền là vi phạm nhân quyền.

(Xem tiếp trang 72)

(2) Báo Việt Nam Net ngày 17-3-2006



NGOẠI GIAO VIỆT NAM TRÊN NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG ĐỔI MỚI

NGUYỄN NGỌC TRƯỜNG *

CÔNG cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo từ giữa những năm 80 (thế kỷ XX) đã đột phá cơ chế cũ, phát huy sáng tạo, khơi nguồn nội lực, giải quyết những nhiệm vụ kinh tế, xã hội của nước ta, tham gia vào liên kết kinh tế và hội nhập quốc tế ngày càng sâu sắc.

Cùng thời gian này, tình hình quốc tế diễn ra những thay đổi sâu rộng. Từ giữa những năm 80 (thế kỷ XX), các nước lớn điều chỉnh chính sách, thương lượng với nhau dần xếp các xung đột khu vực, trong đó có quan hệ tới Đông Dương. Từ đầu những năm 90 (thế kỷ XX), "chiến tranh lạnh" chấm dứt, các thể chế xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu tan rã. Cục diện thế giới hai cực kết thúc, trật tự thế giới mới chưa định hình rõ, nhưng hình thái đa dạng hóa trong quan hệ chính trị, kinh tế quốc tế không ngừng tăng cường mở rộng. Khoa học và công nghệ phát triển như vũ bão; liên kết kinh tế khu vực và toàn cầu hóa ngày càng sâu sắc. Đông Á trở thành một trung tâm phát triển kinh tế của thế giới, xuất hiện các "con rồng", "con hổ" - những quốc gia công nghiệp hóa mới. Đến cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc trở dậy thành một đầu tàu kinh tế thế giới, một trung tâm quyền lực mới tại khu vực.

Trước những thay đổi và đảo lộn trên trường quốc tế, đường lối, chính sách đối ngoại của

nước ta đã có điều chỉnh lớn, tập trung giải quyết những vấn đề trọng yếu trong quan hệ quốc tế của Việt Nam nhằm tạo thế ổn định và điều kiện quốc tế thuận lợi phục vụ cho quá trình đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong những năm 1986 - 1991, ngoại giao Việt Nam tích cực tham gia các cơ chế đối thoại quốc tế tìm giải pháp chính trị cho vấn đề Cam-pu-chia, đồng thời đẩy mạnh đàm phán bình thường hóa quan hệ với các nước ở khu vực và các nước lớn. Về kinh tế đối ngoại, Việt Nam cùng các nước thành viên Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) điều chỉnh cơ chế hợp tác, nhằm tiến tới thực hiện quan hệ thương mại trên cơ sở giá quốc tế và đồng tiền chuyển đổi.

Ngay sau khi Hiệp định quốc tế về Cam-pu-chia được ký kết tháng 10-1991, ngoại giao Việt Nam bước vào chặng đường mới, nhạy bén và quyết đoán, tạo ra các đột phá làm tan băng quan hệ với láng giềng, khu vực và các nước lớn, đưa nước ta vượt qua bao vây cấm vận quốc tế. Các trở ngại trên con đường hội nhập quốc tế được tháo gỡ, lộ trình ngày một thông thoáng.

Đến năm 1995, Việt Nam gặt hái nhiều thành quả trên toàn phương vị đối ngoại. Đầu năm, Việt Nam và Hoa Kỳ mở cơ quan ngoại

* TS, Đại sứ Việt Nam tại Thụy Điển và Phần Lan

giao tại thủ đô hai nước. Tháng 7, Việt Nam và Hoa Kỳ tuyên bố bình thường hóa quan hệ và thiết lập quan hệ ngoại giao; Việt Nam và Liên minh châu Âu (EU) ký Hiệp định khung hợp tác; Việt Nam gia nhập ASEAN. Việt Nam và Trung Quốc thúc đẩy đàm phán về biên giới và lãnh thổ, dẫn tới ký kết các Hiệp định lịch sử phân định biên giới trên bộ và vịnh Bắc Bộ trong các năm 1999 và 2000.

Việc mở rộng quan hệ đối ngoại, nâng cao uy tín và vị thế của đất nước trên trường quốc tế, tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, như đánh giá của Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 1-1994), là một trong ba thành tựu của công cuộc đổi mới.

Cơ sở lý luận của công cuộc đổi mới trên các lĩnh vực đối nội được hình thành qua quá trình đổi mới tư duy nhận thức, đổi mới cơ chế, vừa làm vừa đúc rút tổng kết kinh nghiệm thực tiễn. Về đối ngoại, nhận thức cũng là một quá trình. Các nghị quyết của Đảng qua các thời kỳ đã làm sáng tỏ nhiều quan điểm mới mẻ về thời đại, thời cuộc, vận nước, đối tác, đối tượng, cũng như về đường lối quốc tế và chính sách đối ngoại của đất nước...

Hoạt động đối ngoại tiếp thu những bài học đã được tổng kết qua thực tiễn đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội: nguyên lý kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; độc lập tự chủ, tự lực tự cường và tăng cường mở rộng hợp tác quốc tế; phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; xây dựng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước láng giềng và xử lý đúng đắn quan hệ với các nước lớn... Ngoại giao thời kỳ hội nhập đã vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, phương pháp và phong cách ngoại giao của Người vào các quyết sách và xử thế đối ngoại, trước hết trong quan hệ láng giềng, nước lớn. Ngoại giao cũng kế thừa những kinh nghiệm lịch sử của các quan hệ địa - chính trị truyền thống, các suy xét sâu xa, phương lược ứng xử của ông cha ta trong bang giao quốc tế.

Cách mạng Việt Nam trong toàn bộ lịch sử của mình luôn được đặt trong trào lưu tiến bộ của nhân loại, mà một trong những nhân tố thắng lợi là kết hợp được sức mạnh dân tộc và thời đại. Vận dụng nguyên lý này trong thời kỳ toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng và Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tám, khóa IX, tiếp tục nhấn mạnh chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; khẳng định Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế.

Trên cơ sở tự cường, đổi mới, phát huy nội lực, nền kinh tế Việt Nam gắn kết vào đoàn tàu kinh tế Đông Á và tiến hành hội nhập kinh tế thế giới. Đồng thời, liên kết kinh tế và hội nhập quốc tế tác động trở lại, thúc đẩy quá trình đổi mới cơ chế trong nước, hình thành thể chế kinh tế, hệ thống pháp luật, tập quán... Hai quá trình phát huy nội lực và khai thác ngoại lực được kết hợp ngày càng khăng khít, liên hệ trực tiếp và biện chứng với nhau.

Hợp tác quốc tế lâu bền luôn dựa trên mẫu số chung về lợi ích. Thực tiễn quan hệ quốc tế những năm gần đây cho thấy các quốc gia không thể trông chờ ngoại viện theo lối cũ. Một quốc gia muốn hợp tác quốc tế hiệu quả cần phát huy được thực lực bên trong của mình. Đây là điểm cốt lõi trong tư tưởng Hồ Chí Minh: "muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã"⁽¹⁾. Ngày nay tranh thủ hợp tác quốc tế chủ yếu là thu hút nguồn vốn FDI, tận dụng các quy chế ưu đãi thương mại đối với những nước đang phát triển, chủ động hội nhập kinh tế, tham gia liên kết thị trường, phân công lao động quốc tế, cũng như các thể chế kinh tế toàn cầu. Một số nhà chính trị ở các nước "cách mạng màu" vẫn hy vọng lớn vào viện trợ nước ngoài; đại sứ của một nước lớn phương Tây khuyên họ nên làm quen

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 2, tr 293

"với tư duy tự chịu trách nhiệm về mình". Tại một số khu vực của châu Phi, qua nhiều năm thiên tai hạn hán, cùng với sự bất lực của hệ thống chính trị, những lời kêu gọi cứu trợ ít được quốc tế lắng nghe hoặc phản ứng chậm chạp, một số nước đang đối mặt với thảm họa của nạn đói và bệnh tật lan rộng. Một số chính phủ phương Tây nhấn mạnh rằng viện trợ phát triển chỉ riêng nó không thể xóa đói giảm nghèo. Họ có thiên hướng ưu tiên cấp ODA cho những nước sử dụng viện trợ có trách nhiệm và hiệu quả. Nói thẳng ra là họ chỉ muốn giúp những nước có thể tự giúp mình.

Trong trào lưu cải cách, mở cửa với mọi khuynh hướng chính trị khác nhau nở rộ trên thế giới, có những nước thành công, cũng không ít nước trải qua những cuộc thử nghiệm thất bại cay đắng, tiếp tục "thập kỷ mất mát" và tình trạng xung đột chính trị - xã hội triền miên. Trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam, sự gắn kết mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội tạo động lực cho phát triển. Sự kiên định trong mục tiêu và định hướng chiến lược phát triển, các nỗ lực to lớn đổi mới cơ chế, hiện đại hóa đất nước, đã góp phần tạo nên các thành tựu kinh tế - xã hội quan trọng của nước ta. Qua 15 năm từ khi đất nước mở cửa, hội nhập quốc tế, so với một số nước cùng cấp độ phát triển trước đây, Việt Nam đã vượt lên với tốc độ phát triển cao hơn.

Một quốc gia muốn có môi trường thuận lợi để thực hành cải cách thì không thể không thực hiện các quan hệ láng giềng tốt đẹp. "Nội yên, ngoại tĩnh" vừa là tiêu chí vừa là điều kiện cần của phát triển. Ngoại giao Việt Nam kế thừa tư tưởng hòa mục, từng được Trần Hưng Đạo nêu lên: "Hòa mục là đạo rất hay trong việc trị nước, hành binh. Hòa ở trong nước thì ít phải dùng binh, hòa ở ngoài biên thì không sợ bạo động".

Trong thời kỳ đổi mới, Việt Nam đã tích cực giải quyết những vấn đề tồn tại với các nước láng giềng trên cơ sở tìm ra mẫu số chung về lợi ích; các chương trình liên kết kinh tế khu

vực được mở rộng, phần đầu tăng tính hiệu quả thiết thực. Sự hợp tác được thực hiện trên nhiều tầng nấc, song phương và đa phương: với các nước láng giềng, các quốc gia ở Đông - Nam Á, Đông Á, châu Á - Thái Bình Dương và diễn đàn Á - Âu. Nhờ vậy đã góp phần tạo môi trường và mở rộng thị trường cho Việt Nam.

Trong lịch sử hiện đại, Đông Dương là nơi hầu hết các cường quốc trên thế giới dính líu và can dự trực tiếp. Do vị trí địa lý - chính trị của Việt Nam, kể từ năm 1945, các quan hệ nước lớn luôn có vị trí đặc biệt trong quan hệ đối ngoại của nước ta. Chính sách nước lớn tác động vừa trực tiếp vừa thông qua các mối liên hệ tương tác với các nước láng giềng khu vực của Việt Nam. Ngày nay dù các thiết chế chính trị thế giới có nhiều thay đổi, tương quan lực lượng nước lớn thường xuyên biến đổi, nhưng bản chất nền chính trị nước lớn vẫn không đổi. Sự tương tác đa chiều của quan hệ nước lớn với các nước láng giềng khu vực và với nước ta vẫn hiện hữu và mang tính quy luật. Đối sách ứng xử của Việt Nam những năm qua phù hợp với các đặc điểm đó.

Những năm tới, sự tăng trưởng mạnh mẽ của kinh tế châu Á và việc gia tăng các liên kết thị trường tại khu vực này sẽ tiếp tục thu hút nguồn lực kinh tế, tài chính, khoa học - công nghệ từ các khu vực khác của thế giới. Ở một phương diện khác, cán cân quyền lực và bàn cờ chính trị - an ninh ở châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục vận động. Môi trường Đông Á tạo ra cơ hội vàng cho sự phát triển của các quốc gia trong vùng, nhưng cũng tích tụ nhiều bất trắc. Cũng tương tự như vậy, trong thế giới toàn cầu hóa hiện nay, các thách thức mới luôn đồng hành với các cơ hội. Khi đã vào "sân chơi" toàn cầu, không nền kinh tế nào, dù mạnh đến mấy, được ngoại lệ trước các thách thức luôn phát sinh, và đều phải luôn thích nghi, không ngừng đổi mới, điều chỉnh các chính sách và cơ cấu kinh tế. Chiều hướng phát triển tình hình châu Á sắp tới phụ thuộc nhiều vào nỗ lực của các quốc gia trong vùng làm cho tính cố kết khu vực đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững; đồng thời thực

hiện quan hệ cân bằng và đa dạng hóa, không đặt cược vào một hệ thống quốc tế riêng lẻ nào.

Đường lối quốc tế và chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ của Đảng và Nhà nước ta đã làm chuyên hóa các quan hệ quốc tế của nước ta, tăng cường thế của đất nước, đóng góp tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội; đồng thời cũng đặt cơ sở cho các quan hệ quốc tế lâu dài. Với các quan hệ quốc tế rộng mở, vừa đa phương hóa, đa dạng hóa, vừa có trọng tâm trọng điểm, những cán bộ hoạt động trên các lĩnh vực đối ngoại ở thời kỳ đất nước muốn là "bạn của tất cả các nước" được rộng bề hành xử. Sang thế kỷ XXI, những cán bộ ngoại giao, cùng mọi lực lượng khác hợp thành binh chủng đối ngoại Việt Nam, bước vào chặng đường mới, tích cực chủ động đóng góp trực tiếp phát triển kinh tế của đất nước và thúc đẩy các quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, bền vững và hiệu quả.

Trải qua sự cọ xát trực tiếp trên trường quốc tế, ngoại giao Việt Nam thời kỳ hội nhập đã thể hiện tính chùng mực, hợp lý trong các đề xuất tại các diễn đàn đa phương; cân trọng và cân bằng trong các quan hệ đa chiều. "Làm bạn với tất cả các nước" không chỉ là nguyên tắc mà hiện hữu trong phong cách đối ngoại.

Ngoại giao phản ánh thực lực quốc gia. Diện mạo của ngoại giao là diện mạo của một đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Thực lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to tiếng mới lớn" ⁽²⁾. Một đất nước có thực lực lớn mạnh thì các thông điệp ngoại giao thường mang sức nặng tương xứng. Bên cạnh đó, nền kinh tế tăng trưởng, thị trường nội địa tiềm lực, môi trường kinh tế cạnh tranh, nguồn nhân lực dồi dào là những yếu tố tạo nên sức hấp dẫn của đất nước.

Thực lực mang nội dung tổng hợp, gồm cả nội hàm văn hóa và tinh thần. Bản bệ quốc tế quý trọng Việt Nam anh hùng trong chiến tranh và đạt được nhiều thành tựu kỳ diệu trong xây dựng hòa bình. Nhiều đức tính người Việt Nam được đánh giá cao: lạc quan, hướng về tương

lai, thân thiện, cởi mở. Tuy vậy, người Việt Nam ta cần tăng cường tính nguyên tắc, kế hoạch, thiết thực; bồi bổ các văn hóa ứng xử về bảo vệ môi trường, chống tham nhũng, công khai minh bạch; khắc phục những nhược điểm từ nền sản xuất nhỏ nông nghiệp cùng các quán tính thời chiến, thời bao cấp...

Con đường cải biến xã hội ở mọi quốc gia đều muôn vàn khó khăn. Qua 20 năm đổi mới, đất nước ta đã tiến những bước dài trên đường phát triển với uy tín được nâng cao trên trường quốc tế. Điều bức xúc lúc này chính là tốc độ và cường độ những cải biến chưa đủ nhanh, đủ mạnh trước những điều còn bất cập của cơ chế, các vấn đề kinh tế, xã hội bức bách và trước một thế giới đang thay đổi vô cùng nhanh chóng, mạnh mẽ, phức tạp. Để hiện thực hóa mô hình xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ và văn minh, chúng ta cần thực hiện với tinh thần quyết đoán và dứt điểm những chương trình trọng tâm, trong đó có cải cách hệ thống hành chính, hệ thống tư pháp, hệ thống giáo dục, quyết liệt chống tham nhũng, nhằm đạt tới những kết quả cụ thể vào năm 2010 - giai đoạn then chốt của phát triển và hội nhập quốc tế. Có như vậy, mới tạo nền tảng để đến năm 2020, nước ta có thể hoàn thành căn bản các mục tiêu dài hạn mà Đại hội IX của Đảng đề ra.

Mỗi dân tộc có sự lựa chọn riêng của mình con đường phát triển phù hợp với đặc điểm lịch sử, văn hóa dân tộc, với thực tiễn đời sống của đất nước và trào lưu tiến bộ của nhân loại. Chúng ta không nhằm tạo ra một mô hình phát triển của mình với mục đích tự thân. Nhưng nếu Việt Nam kiên định thực hiện thành công lý tưởng và những mục tiêu của sự nghiệp đổi mới, có thể đem lại các kinh nghiệm bổ ích đối với những quốc gia đang tìm con đường phát triển. □

(2) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 126

CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

NHU HÙNG



CÔNG tác cải cách hành chính được Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm, nhất là những năm gần đây. Cải cách hành chính là nhu cầu khách quan của sự nghiệp đổi mới và quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần tích cực khơi dậy mọi nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy quá trình mở rộng đối ngoại, hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

Là một trung tâm kinh tế lớn, năng động, sáng tạo của cả nước, thành phố Hồ Chí Minh đã đi đầu về thực hiện cải cách hành chính, chuyển nền hành chính, quan liêu, bao cấp sang nền hành chính dựa trên cơ sở luật pháp và lấy việc phục vụ tốt các yêu cầu của nhân dân làm trọng tâm.

Năm năm qua (2001 - 2005), công tác cải cách hành chính ở thành phố đã có bước chuyển biến đáng kể cả 4 nội dung: thể chế; tổ chức bộ máy; cán bộ công chức; tài chính công, tạo ra những bước đột phá mới, góp phần tác động tích cực vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Trong 5 năm, thành phố đã ban hành 1.159 văn bản quy phạm pháp luật nhằm tăng cường vai trò quản lý nhà nước và tạo môi trường

thông thoáng cho phát triển kinh tế - xã hội. Nhiều quy trình, thủ tục hành chính đã được đơn giản và công khai hóa, thời gian giải quyết được rút ngắn, qua đó tạo thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp và người dân trong giao dịch hành chính đối với các cơ quan nhà nước. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và tiêu chuẩn ISO trong quản

lý nhà nước và phục vụ công chúng ở một số sở - ngành, quận - huyện bước đầu có kết quả và phát huy tác dụng tích cực. Thành phố đã từng bước chuẩn hóa, công khai hóa nhiều thủ tục hành chính, thống nhất ứng dụng 185 biểu mẫu về lĩnh vực nhà đất, cấp phép xây dựng, xử lý vi phạm hành chính và công chứng, chứng thực. Đồng thời, tiếp tục xem xét đề ban hành tiếp 90 biểu mẫu hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của phường, xã, thị trấn...

Hệ thống tổ chức bộ máy ở các cấp, các ngành tiếp tục được kiện toàn và tăng cường hơn về năng lực, hiệu lực hoạt động; quy chế tổ chức và hoạt động của sở, ngành và ủy ban nhân dân quận, huyện được bổ sung hoàn thiện, tiếp tục thực hiện cơ chế một cửa ở các sở, ngành, phường, xã, thị trấn. Kết quả giải quyết hồ sơ hành chính đúng hạn đã đạt đến tỷ lệ 90% - 95%. Các quận, huyện hoàn thiện cơ chế một cửa, một dấu, đáp ứng các nhu cầu về thủ tục hành chính của doanh nghiệp và công dân.

Công tác quy hoạch, kế hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức cũng như công tác luân chuyển, đề bạt cán bộ trẻ có trình độ, năng lực được thực hiện đồng bộ ở các ngành, các cấp; chất lượng đội ngũ

cán bộ, công chức của thành phố từng bước được nâng lên. Năm năm qua, thành phố đào tạo, bồi dưỡng 124.713 lượt cán bộ, công chức về lý luận chính trị, quản lý nhà nước, chuyên môn nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ. Sự quan tâm đó đã nâng số cán bộ, công chức có trình độ đại học lên 65%, trên đại học là 2% và 10% có trình độ cao đẳng, trung cấp...

Kết quả hoạt động của bộ máy hành chính nói chung, của cải cách hành chính nói riêng thời gian qua không những phục vụ đắc lực nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ở thành phố theo đường lối đổi mới của Đảng, mà còn góp phần nâng cao đời sống nhân dân, giảm thiểu tổn kém tiền bạc và lãng phí thời gian, đưa nền hành chính đến gần dân. Cải cách hành chính đã tạo ra cung cách phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn, thể hiện ngày càng rõ hơn quan điểm nhà nước của dân, định hướng nhân dân sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, góp phần tạo sự ổn định chính trị.

Cải cách hành chính đã góp phần làm thay đổi tư duy quản lý, tư duy lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành trong các cơ quan hành chính, góp phần nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả quản lý hành chính nhà nước. Thành phố đã ban hành nhiều văn bản giải quyết các điểm "nóng" của hoạt động kinh tế - xã hội, ở các lĩnh vực quản lý nhà đất, xây dựng cơ bản, thu hút đầu tư, mạnh dạn thực hiện việc phân công, phân cấp quản lý cho sở - ngành, quận - huyện, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính, từng bước xóa bỏ cơ chế "bao cấp, xin - cho", làm thay đổi nếp nghĩ và thói quen trong quan hệ giữa chính quyền với nhân dân. Qua đó, đưa hoạt động của các cơ quan chính quyền ngày càng gần dân hơn, góp phần làm thay đổi tư duy cải cách thể chế hành chính.

Những thí điểm cải cách hành chính thành công bước đầu của thành phố có tác dụng lan tỏa ra nhiều địa phương trong phạm vi cả

nước. Theo đánh giá của Ban chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ, thành phố Hồ Chí Minh là địa phương có nhiều sáng kiến cải cách hành chính có giá trị. Từ những thành quả cải cách hành chính nói chung và thực hiện thí điểm thành công của thành phố, đã góp phần quan trọng vào hiện thực hóa chủ trương của Đảng và Chính phủ đối với Chương trình cải cách hành chính quốc gia như: khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính, cơ chế "một cửa", xây dựng và củng cố chính quyền cơ sở, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và phục vụ người dân, tách dịch vụ công - hành chính công và hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 v.v.. Những kết quả thu được từ cải cách đã được Chính phủ đánh giá là thành công và cho mở rộng thực hiện ở một số lĩnh vực trong phạm vi cả nước.

Qua thực tiễn 5 năm cải cách hành chính ở thành phố Hồ Chí Minh, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Một là, đổi mới về nhận thức đối với cải cách hành chính. Trước hết bộ máy chính quyền các cấp ở địa phương phải coi cải cách hành chính là khâu đột phá, mở đường cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Cải cách gắn liền với quá trình vận hành của bộ máy hành chính, vì thế phải luôn có cách nhìn mới để duy trì tính bền vững của những kết quả đã đạt được qua cải cách hành chính. Đặc biệt, phải xem những đối tượng sử dụng các dịch vụ do cơ quan hành chính nhà nước cung ứng là "khách hàng" thật sự. Đây là quan điểm mới đối với bộ máy hành chính, được hình thành từ thực tiễn của quá trình cải cách, được chính bộ máy hành chính tiếp nhận để điều chỉnh nguyên tắc hoạt động của mình.

Hai là, về tổ chức và cán bộ. Để thực hiện có kết quả công cuộc cải cách hành chính, yếu tố quyết định hàng đầu chính là tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức. Bởi vậy, hệ thống

bộ máy hành chính phải được tổ chức sắp xếp hợp lý, gọn nhẹ và thường xuyên được kiện toàn. Cán bộ, công chức phải được cập nhật kiến thức, đào tạo nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và thật sự tâm huyết với nghề nghiệp. Gắn trách nhiệm cải cách với nghĩa vụ và quyền lợi để mỗi cán bộ phải luôn xem nhu cầu giải quyết công việc của tổ chức và công dân như nhu cầu của chính mình.

Ba là, phân định rõ giữa chức năng quản lý hành chính nhà nước với chức năng quản lý điều hành sản xuất - kinh doanh và hoạt động sự nghiệp. Làm được như vậy, trước hết tạo điều kiện cho các cơ quan hành chính nhà nước nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước theo pháp luật. Hạn chế và loại trừ tình trạng can thiệp trực tiếp vào hoạt động sản xuất - kinh doanh của các doanh nghiệp. Giao cho các doanh nghiệp quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp và các đơn vị sự nghiệp 100% vốn nhà nước.

Bốn là, đẩy mạnh công tác phân cấp, ủy quyền. Phải coi đây là yếu tố quan trọng trong quá trình phát triển và hội nhập, nhằm nâng cao quyền chủ động và tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các ngành, các cấp trong hệ thống bộ máy nhà nước. Nguyên tắc được đặt ra trong quá trình cải cách hành chính là việc gì mà cấp nào, ngành nào làm tốt thì cấp trên phân cấp hoặc ủy quyền cho cấp đó, ngành đó làm. Biện pháp này góp phần hạn chế tình trạng quan liêu, cửa quyền của bộ máy và cán bộ, công chức.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện phân cấp phải có sự đồng bộ cả về nhiệm vụ, thẩm quyền, nguồn lực và các điều kiện bảo đảm cần thiết để đơn vị nhận phân cấp chủ động tổ chức thực hiện. Mặt khác, phải phân định rạch ròi chức năng, nhiệm vụ giữa các ngành, các cấp thật cụ thể, tránh chồng chéo, trùng lặp.

Đồng thời, xác định rõ mối quan hệ trách nhiệm rõ ràng giữa các ngành, các cấp sau phân cấp, để tạo sự phối hợp đồng bộ liên thông trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Năm là, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và phục vụ nhân dân. Vấn đề thiết lập các hệ thống thông tin phục vụ quản lý hành chính nhà nước và cung cấp cho các tổ chức và công dân là một hướng đi đúng đắn, nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động của bộ máy chính quyền địa phương. Đây chính là những cơ sở thiết thực cho việc tạo ra phương thức hoạt động mới trong môi trường quản lý hành chính, xuất phát từ tính hệ thống, thông suốt, chính xác, rõ ràng, minh bạch; đòi hỏi từ các hệ thống thông tin sẽ tác động làm thay đổi phương pháp tiếp cận và phương thức tổ chức thực hiện các mục tiêu quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền địa phương.

Sáu là, sự chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy - nhân tố quyết định sự thành công của tiến trình cải cách. Có thể nói, những thành công bước đầu về cải cách hành chính của thành phố Hồ Chí Minh trong 5 năm qua là kết quả của sự chỉ đạo *sâu sát, kịp thời, đúng đắn* của các cấp ủy trên toàn thành phố. Vai trò chỉ đạo đó được thể hiện rõ như sau:

- Mọi chủ trương, đường lối cải cách hành chính của Đảng và Nhà nước đều được Đảng bộ thành phố nghiên cứu, quán triệt một cách kịp thời và đầy đủ, trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp, bước đi phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của thành phố trong từng giai đoạn.

- Đảng bộ thành phố đã thể hiện tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám đi tiên phong trong cải cách hành chính, dám chịu trách nhiệm trước Đảng và nhân dân. Vì vậy, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, thành phố Hồ Chí Minh đã tạo được mô hình cải cách hành chính hoạt động có hiệu quả, không những đã được áp

dụng rộng rãi trong toàn thành phố mà còn được các địa phương trong cả nước học tập, vận dụng có hiệu quả.

- Bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo và triển khai thực hiện giữa cấp ủy và chính quyền các cấp là sức mạnh to lớn giúp cho tiến trình cải cách hành chính của thành phố triển khai đồng bộ, có hiệu quả, thể hiện vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng.

Mục tiêu tổng quát và nhiệm vụ cải cách hành chính của thành phố giai đoạn 2006 - 2010 là: *Xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại hóa, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước.* Đến năm 2010, hệ thống hành chính về cơ bản được cải cách phù hợp với yêu cầu quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để đạt được mục tiêu đó, thành phố Hồ Chí Minh đã đề ra những giải pháp cải cách hành chính trên cả 4 mặt: Thể chế thủ tục hành chính; tổ chức bộ máy; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; cải cách tài chính công và đề ra những nhiệm vụ trọng tâm trong từng giai đoạn phù hợp nhằm xây dựng nền hành chính thật sự phục vụ nhân dân, thể hiện rõ bản chất Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Trước hết, tập trung cải cách cơ bản tổ chức bộ máy hành chính. Công việc trước tiên là phải rà soát và hoàn thiện Quy chế tổ chức và hoạt động của sở - ngành thành phố, ủy ban nhân dân quận - huyện và các phòng thuộc ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn. Trong đó, xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị và các bộ phận cấu thành; phân định rõ chế độ trách nhiệm đơn vị và trách nhiệm cá nhân; xác định mối quan hệ và lề lối làm việc có sự phân công

hợp lý; tránh chồng chéo nhiệm vụ, đùn đẩy trách nhiệm và tránh lạm quyền. Kiện toàn bộ máy hành chính các cấp từ thành phố đến cơ sở theo hướng tinh gọn, làm rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân. Đổi mới phương thức hoạt động của chính quyền cơ sở để sát với dân hơn và phù hợp với tính chất quản lý hành chính nhà nước về kinh tế - xã hội ở địa bàn dân cư giữa nông thôn và đô thị.

Tiếp tục mở rộng việc hình thành tổ chức các đơn vị thực hiện một số loại hình dịch vụ công để tách dịch vụ công ra khỏi hành chính công trong các lĩnh vực: nhà, đất; xây dựng; lao động - thương binh và xã hội; giao thông công chính; công nghiệp; thương mại... thành lập Trung tâm Thông tin địa lý (GIS) của thành phố. Xây dựng và hình thành các trung tâm giao dịch bất động sản; trung tâm hoặc công ty tư vấn định giá bất động sản; xây dựng và ban hành Quy chế quản lý và điều tiết thị trường bất động sản của thành phố, sơ kết, nhân rộng mô hình tổ nghiệp vụ hành chính công ở các quận - huyện. Tiến hành thí điểm đấu thầu một số lĩnh vực dịch vụ đô thị. Tiếp tục phân cấp và ủy quyền cho sở, ngành, quận, huyện, phường, xã, thị trấn phù hợp với chức năng và điều kiện quản lý của từng ngành, từng địa phương.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tin học trong hoạt động quản lý nhà nước, thực hiện chính quyền điện tử, thành phố điện tử, đồng thời với việc mở rộng áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO trong các cơ quan hành chính nhà nước ở thành phố nhằm cung cấp thông tin và các dịch vụ hành chính công cho các tổ chức và công dân một cách nhanh chóng và thuận tiện. Phấn đấu đến năm 2007, tất cả các phường, xã, thị trấn được trang bị phương tiện làm việc tương đối hiện đại, hệ thống thông tin quản lý ở từng đơn vị được nối kết mạng diện rộng với quận, huyện, sở, ngành.

Công việc tiếp theo là tập trung cho công tác đổi mới và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức. Thực hiện chế độ tuyển dụng cán bộ, công chức vào các cơ quan nhà nước các cấp của thành phố một cách chặt chẽ, công khai, cạnh tranh thông qua thi tuyển công chức dự bị. Bảo đảm mọi công dân có đủ tiêu chuẩn có cơ hội thi tuyển vào làm việc ở các cơ quan nhà nước. Tăng cường thực hiện thanh tra công chức, công vụ, nhằm nâng cao hiệu quả giám sát hoạt động của công chức, nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân của đội ngũ công chức. Thực hiện việc thi tuyển chức danh trưởng, phó phòng sở, ngành, quận, huyện tạo sự cạnh tranh công bằng, chọn những người có đủ phẩm chất và năng lực thật sự tham gia vào đội ngũ điều hành, quản lý ở các đơn vị.

Tiếp tục rà soát lại việc quy hoạch đội ngũ cán bộ chủ chốt để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tạo nguồn, sẵn sàng đáp ứng cho việc bổ nhiệm khi có nhu cầu, đồng thời có kế hoạch cập nhật bồi dưỡng kiến thức kinh tế đối ngoại, kiến thức quản trị kinh doanh và chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý và cán bộ được cử tham gia liên doanh với nước ngoài. Thường xuyên mở các khóa đào tạo ngoại ngữ trình độ nâng cao cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý. Bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về tin học cho cán bộ, công chức các cơ quan quản lý hành chính nhà nước các cấp của thành phố. Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng hành chính cho cán bộ, công chức làm việc ở các cơ quan quản lý hành chính các cấp của thành phố bằng các hình thức tập trung dài hạn và tại chức.

Đổi mới phương pháp, nội dung đánh giá năng lực cán bộ, công chức qua đó bố trí và sử dụng cho sát hợp. Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng để thu hút nhân tài, đưa những người có trình độ cao vào làm việc ở các cơ quan, đơn

vị thuộc các ngành, các cấp của thành phố. Có chính sách khuyến khích đối với cán bộ, công chức được đào tạo trình độ đại học làm việc ở chính quyền cơ sở, vùng khó khăn.

Cải cách hành chính đã thực sự trở thành "chuyện sống còn" của thành phố Hồ Chí Minh. Mở đầu cho một giai đoạn phát triển mới, Hội đồng nhân dân thành phố kỳ họp thứ 6, khóa VII vừa qua đã quyết định chọn cải cách hành chính là chủ đề của năm 2006. Hoạt động cải cách hành chính năm 2006 gồm nhiều giải pháp trên cả 4 lĩnh vực nhưng tập trung quyết liệt nhất để giải quyết 3 yêu cầu là: thực hiện dứt điểm, triệt để các giải pháp cải cách hành chính đã triển khai các năm qua; lấy ý kiến người dân, các doanh nghiệp về đánh giá tác dụng, kết quả cải cách hành chính; giảm hội họp, tăng tính hiệu quả của hoạt động chính quyền các cấp.

Công việc trọng tâm hàng đầu của năm 2006 - năm cải cách hành chính là xây dựng và công khai hóa các dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức và doanh nghiệp. Đổi mới sâu sắc mối quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với người dân và doanh nghiệp. Bảo đảm tất cả các quy trình, thủ tục hành chính, chuẩn hóa, công khai, minh bạch, đơn giản, nhanh gọn. Áp dụng cơ chế một cửa liên thông ở phường xã, quận, huyện các thủ tục về nhà đất, xây dựng, quy hoạch, đăng ký kinh doanh, hộ khẩu. Phân cấp hợp lý, có cơ sở khoa học, có hiệu quả, tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp giám sát đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan công quyền...

Những nỗ lực của thành phố Hồ Chí Minh trong năm cải cách hành chính này nhằm kiên trì mục tiêu xây dựng nền hành chính thành phố từng bước hiện đại, dân chủ, trong sạch, vững mạnh và chuyên nghiệp trước hết "lấy sự hài lòng của dân làm thước đo". □

Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Nam góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn tỉnh

VÕ VĂN LÂM *

Kể từ ngày được giải phóng đến nay, nhất là sau chín năm tái lập, bằng nỗ lực, vượt qua khó khăn, tận dụng thời cơ, kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Nam đã đạt được những thành tựu khá quan trọng và có nhiều chuyển biến tích cực, cơ cấu kinh tế đã dần được điều chỉnh phù hợp. Trong GDP, tỷ trọng nông nghiệp từ 49,98% (năm 1997) giảm xuống còn dưới 32% (năm 2005), tương ứng công nghiệp, dịch vụ từ 50,14% tăng lên 68,82%. Tốc độ tăng GDP bình quân trong 5 năm gần đây đạt 10,38%, giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 25,85%, dịch vụ tăng 14%, nông nghiệp tăng 4,32%. Nhiều khu công nghiệp, cụm công nghiệp được hình thành, đặc biệt Khu kinh tế mở Chu Lai, Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc đã tạo được những "điểm nhấn" cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Cơ chế khuyến khích đầu tư đã và đang tiếp tục được hình thành và từng bước hoàn thiện nhằm thu hút và tạo điều kiện cho sự ra đời của nhiều doanh nghiệp, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, tăng nguồn thu cho ngân sách. Bức tranh chung về kinh tế - xã hội của Quảng Nam ngày càng thêm tươi màu bởi sự khôi phục của nhiều làng nghề truyền thống, sự phát triển của nhiều cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp.

Với thành tựu kinh tế - xã hội đạt được, cùng lợi thế là tỉnh có vị trí quan trọng trong khu vực

kinh tế động lực của miền Trung với các nguồn lực về vốn, đất đai, tài nguyên biển, tài nguyên rừng, tài nguyên văn hóa, nguồn lực con người... Quảng Nam có tiềm năng lớn và những điều kiện, tiền đề để chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ thuần nông sang công nghiệp, dịch vụ. Điều đó đã được thể hiện trong Nghị quyết 08 của Tỉnh ủy về việc xây dựng Quảng Nam thành

tỉnh công nghiệp vào giai đoạn 2015 - 2020, phấn đấu phát triển công nghiệp với tốc độ cao, bền vững, nâng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ trong GDP khoảng 80% vào năm 2010, và khoảng 86% - 90% vào năm 2015.

Là một ngân hàng thương mại nhà nước trên địa bàn, từ ngày đầu mới thành lập (năm 1997), Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Nam (sau đây gọi tắt là Chi nhánh) đã sớm nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tập thể ban lãnh đạo và cán bộ, viên chức của Chi nhánh đã cùng nhau sẻ chia với những khó khăn chung của tỉnh, phấn đấu vượt qua gian nan, thử thách, lấy nhiệm vụ chính trị của đơn vị làm mục tiêu quan trọng hàng đầu, gắn công tác xây dựng đảng với tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao, hướng mọi hoạt động vào mục tiêu đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội ở Quảng Nam.

Để thực hiện thành công những mục tiêu đó, Chi nhánh đã chú trọng thực hiện sắp xếp lại mô hình tổ chức, tăng cường lực lượng cán bộ, viên chức nòng cốt phù hợp với yêu cầu thực

* TS, Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam

tiền, đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực theo hướng "đức" đi đôi với "tài". Không ngừng đổi mới công nghệ cả về chất lượng lẫn quy mô, đặt ra nhiều chính sách khuyến mại phù hợp để thu hút khách hàng, thực hiện điều hành toàn hệ thống theo hướng kinh doanh đa năng trước xu thế cạnh tranh và hội nhập kinh tế khu vực và thế giới...

Đến nay, Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Nam đã trở thành một ngân hàng thương mại hàng đầu trên địa bàn, có ưu thế lớn về mạng lưới với 01 Hội sở tỉnh; 29 chi nhánh cấp 2; 7 chi nhánh cấp 3; 7 phòng giao dịch trên địa bàn 17 huyện, thị, các khu công nghiệp và Khu Kinh tế mở Chu Lai. Chi nhánh đã có mạng lưới hoạt động rộng khắp từ đồng bằng đến miền núi cao, từ thành thị đến nông thôn, từ địa bàn vùng kinh tế thuận lợi đến những nơi kinh tế đặc biệt khó khăn như: vùng sâu, vùng xa Tây Giang, Nam Trà My, từ vùng kinh tế thuần nông đến các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế mở.

Thời gian qua, trong điều kiện kinh tế địa phương còn nhiều khó khăn, Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Nam đã chủ động xây dựng chiến lược phát triển, đề ra các giải pháp điều hành hiệu quả và nhạy bén trong việc huy động vốn từ nội bộ nền kinh tế để đầu tư chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy kinh tế - xã hội tỉnh nhà phát triển. Từng bước Chi nhánh đã đáp ứng được nhu cầu vốn tín dụng cho tất cả các loại hình, các thành phần kinh tế, trên tất cả các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ và du lịch... theo hướng kinh doanh đa năng. Với số vốn ban đầu chỉ có 125 tỉ đồng từ khi mới thành lập, đến nay nguồn vốn huy động đã đạt được 1.547 tỉ đồng, tăng gấp 12 lần; tổng dư nợ (kể cả ngoại tệ quy đổi) đạt 1.355 tỉ đồng, so với 195 tỉ đồng vào năm đầu thành lập, nghĩa là tăng gấp 7,2 lần trong vòng 9 năm (1997 - 2005).

Thông qua lĩnh vực huy động vốn và đầu tư tín dụng cho nền kinh tế, Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Nam đã góp phần thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển kinh tế -

xã hội của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trên 76 doanh nghiệp nhà nước, 83 doanh nghiệp dân doanh và trên 17 vạn hộ sản xuất kinh doanh của Quảng Nam đã được vay vốn Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Các đối tượng là kết cấu hạ tầng nông thôn, nông nghiệp đã được đầu tư vốn. Mặt khác, vốn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được chú trọng đầu tư phát triển các vùng chuyên canh sản xuất cây nguyên liệu cho các nhà máy, cơ sở sản xuất mía đường, dứa, sắn, tơ tằm... Nhờ vốn vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nhiều doanh nghiệp đã mở rộng quy mô sản xuất, thu hút nhiều lao động, tăng kim ngạch xuất khẩu, từng bước góp phần xây dựng mạng lưới các doanh nghiệp nhà nước trở thành những "đầu máy" kéo "đoàn tàu kinh tế" của địa phương phát triển, góp phần phát huy tốt vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế nhà nước; các hợp tác xã sản xuất kinh doanh tổng hợp Duy Sơn, Duy Trinh (huyện Duy Xuyên), Đại Hiệp (huyện Đại Lộc), Điện Phước I (huyện Điện Bàn), Công ty Du lịch Hội An đã được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu cao quý - đơn vị Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới.

Với cơ chế phù hợp, nhiều doanh nghiệp dân doanh ra đời tại các khu, cụm công nghiệp được tiếp cận vốn tín dụng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Nam. Dư nợ cho vay của khối doanh nghiệp dân doanh đã lên đến hàng trăm tỉ đồng, đáp ứng nhu cầu xây dựng nhà xưởng, mua sắm máy móc thiết bị chuyên dùng, chi phí sản xuất... góp phần vào thúc đẩy nhanh giá trị công nghiệp của tỉnh.

Trên lĩnh vực công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn từ năm 1997 đến nay, Chi nhánh đã cấp tín dụng cho hàng trăm ngàn lượt hộ vay với doanh số 2.976 tỉ đồng đầu tư khôi phục các làng nghề truyền thống, phát triển các cơ sở tiểu thủ công nghiệp; trong đó hàng chục ngàn lượt hộ vay sản xuất kinh doanh có liên quan đến làng nghề và phát triển kinh tế du lịch với doanh số 712 tỉ đồng. Vốn tín dụng của Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Nam trong những năm qua đã góp phần tích cực vào việc phát

triển kinh tế hộ, khôi phục các làng nghề truyền thống tại khắp các huyện, thị trong tỉnh, cải thiện thu nhập trong cư dân, tạo ra những chuyển biến tích cực làm thay đổi đáng kể bộ mặt nông thôn Quảng Nam, nhất là hoạt động sản xuất kinh doanh tại các vùng có tiềm năng phát triển du lịch ngày càng sôi động, khởi sắc...

Để chuẩn bị các tiền đề cho thời kỳ phát triển mới 2006 - 2010, với mục tiêu phấn đấu đưa Quảng Nam trở thành tỉnh công nghiệp vào thời kỳ (2015 - 2020) như định hướng của Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ Quảng Nam, các cấp các ngành trong tỉnh, trong đó có Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phải quyết tâm đổi mới thật mạnh mẽ, tiếp tục thực hiện cơ chế mở cửa, thông thoáng, thu hút vốn, khuyến khích đầu tư phát triển, tạo những khâu đột phá, thúc đẩy tăng trưởng cao, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ.

Trước triển vọng và vận hội mới trên quê hương Quảng Nam đang chuyển mình và tạo đà để cất cánh. Hơn lúc nào hết, tập thể ban lãnh đạo và cán bộ, viên chức Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Nam càng ý thức sâu sắc về vai trò trách nhiệm của ngành, của từng cá nhân, từng vị trí công tác, cùng nhau quyết tâm phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, tiếp tục phát huy thành quả đã đạt được, giữ vững vai trò và vị trí của Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Nam đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Với tinh thần đó, nhằm tập trung khai thác các nguồn lực, thế mạnh hiện có, khắc phục những khó khăn, yếu kém để phấn đấu đạt được những định hướng và các mục tiêu cơ bản trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, Chi nhánh xác định nhiệm vụ chính trị trong năm 2006 và những năm tiếp theo đó là: *Tiếp tục hoạch định, điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp với yêu cầu thực tiễn mới, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng nguồn vốn bình quân hàng năm là 22% - 25%, tăng trưởng dư nợ bình quân hằng năm đạt 20% - 25%; tăng trưởng dư nợ phải đi đối với việc nâng cao chất lượng tín dụng theo hướng từng bước xử lý những vướng mắc, đây đưa trong quan hệ tín dụng đối với một số*

doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng tập trung cho lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ, đáp ứng thỏa đáng nhu cầu tín dụng cho phát triển nông nghiệp, nâng dần tỷ trọng phù hợp về dư nợ trung và dài hạn lên 45%, tăng dư nợ cho vay ngắn hạn hợp lý. Tiếp tục tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và chính quyền các cấp, các ban ngành hữu quan, nội bộ ngành ngân hàng từ địa phương đến trung ương; phối hợp chặt chẽ giữa cấp ủy, chuyên môn, đoàn thể xây dựng khối đoàn kết vững mạnh; tăng cường công tác thi đua, tạo động lực thúc đẩy toàn Chi nhánh hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ chính trị; góp phần vào chuyển dịch cơ cấu của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần đưa Quảng Nam trở thành tỉnh công nghiệp giai đoạn 2015 - 2020. Trong thời gian tới, Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Nam tập trung vào một số giải pháp cơ bản sau:

1 - Tiếp tục thực hiện có hiệu quả đề án huy động vốn trong dân cư, trọng tâm là tạo sự chuyển biến mạnh mẽ từ lãnh đạo đến viên chức về tầm quan trọng của công tác huy động vốn nhằm nâng dần tỷ trọng tiền gửi trong dân cư lên trên 60%/tổng nguồn huy động. Tích cực huy động vốn tại các địa bàn có nguồn lực về vốn dồi dào để thực hiện điều hòa vốn trong hệ thống tăng cường đầu tư cho vay tại các địa bàn có nhu cầu tín dụng cao nhưng nguồn vốn huy động không đủ đáp ứng.

2 - Tiếp tục mở rộng mạng lưới theo địa giới hành chính mới và theo thẩm quyền được phân cấp, đến những vùng sâu, vùng xa, thị tứ, thị trấn, các khu, cụm công nghiệp theo hướng cơ cấu lại ngân hàng cấp tỉnh và cơ sở để chỉ đạo trực tuyến, bỏ qua cấp trung gian, thực hiện mạnh mẽ cải cách hành chính. Thông qua mạng lưới các chi nhánh rộng khắp, lấy nông nghiệp nông thôn làm địa bàn chính, giữ vững khách hàng là các doanh nghiệp có uy tín, xác định hộ nông dân luôn là người bạn đồng hành nhằm khai thác thị trường tín dụng và mở rộng việc huy động vốn. Triển khai huy động nguồn vốn ngoại tệ và thực hiện thanh toán quốc tế trên toàn Chi nhánh nhằm bổ sung vốn ngoại tệ cho các

Thực tiễn - Kinh nghiệm

doanh nghiệp có nhu cầu vay nhập khẩu thiết bị, vật tư nông nghiệp, xây dựng các nhà máy tại khu, cụm công nghiệp... Áp dụng giá dịch vụ thấp, khuyến khích khách hàng có số dư tiền gửi lớn, ổn định thanh toán qua hệ thống của Chi nhánh nhiều hơn. Mở rộng các khách hàng có quan hệ tín dụng với Chi nhánh thực hiện quan hệ khép kín từ tín dụng nội tệ, ngoại tệ, thanh toán quốc tế và các dịch vụ khác.

3 - Chú trọng đầu tư vào Khu kinh tế mở Chu Lai, Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc và các khu, cụm công nghiệp khác nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho doanh nghiệp. Tăng cường tín dụng trung, dài hạn cả về quy mô và chất lượng để phục vụ yêu cầu phát triển các ngành nghề sản xuất, gia công, lắp ráp điện tử, hàng tiêu dùng, xe máy, may mặc, chế biến nông, lâm, thủy hải sản, công nghiệp chế biến hàng xuất khẩu, đặc biệt phát triển ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động nhằm góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp, nông thôn, phát triển; từng bước hình thành cơ cấu công nghiệp có hiệu quả cao đi đôi với việc phát triển mạnh các cơ sở đào tạo và dạy nghề... bảo đảm tính cân đối và bền vững trong suốt quá trình phát triển. Đầu tư khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống ở khu vực nông thôn và ven đô thị nhằm khai thác tiềm năng và lợi thế.

4 - Tổ chức triển khai khảo sát, điều tra, thu thập số liệu, nắm bắt chủ trương định hướng phát triển kinh tế du lịch của từng địa phương huyện, thị, nhu cầu vốn tín dụng trong nhân dân để xây dựng *Đề án đầu tư tín dụng kinh tế hộ sản xuất kinh doanh du lịch*, chú trọng đến các địa bàn có tiềm năng lớn về du lịch, như: Hội An, Duy Xuyên, Tam Kỳ, Phước Sơn, Núi Thành, Khu Kinh tế mở Chu Lai, dọc tuyến đường Hồ Chí Minh. Hằng năm tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm để có giải pháp tiếp tục chỉ đạo trong giai đoạn tiếp theo. Có chính sách động viên khen thưởng kịp thời đối với những Chi nhánh và cá nhân làm tốt mảng đầu tư tín dụng này.

5 - Chú trọng đầu tư chiều sâu vào phát triển nông nghiệp gắn liền phát triển kinh tế lâm nghiệp cùng với các chương trình kinh tế - xã hội miền núi để hình thành các vùng cây công

nghiệp và cây thực phẩm tập trung; đầu tư tích cực tạo điều kiện chuyển dịch mạnh cơ cấu trong nông nghiệp theo hướng đa dạng hóa các loại cây trồng, vật nuôi, phát triển đại gia súc tại các huyện miền núi, trung du, và gia cầm tại các huyện, thị xã, bảo đảm an toàn, góp phần vào phòng chống được dịch bệnh.

6 - Đẩy mạnh đầu tư có trọng tâm, trọng điểm đối với ngành kinh tế dịch vụ, như: dịch vụ xuất khẩu, dịch vụ qua cảng biển và sân bay... Trong lĩnh vực phát triển thương mại, dịch vụ du lịch, khách sạn, cần tập trung đầu tư vào Khu thương mại thị xã Hội An, thị xã Tam Kỳ và Khu thương mại tại cửa khẩu biên giới thuộc địa bàn huyện Nam Giang.

7 - Tăng cường công tác phối hợp với các Trung tâm dạy nghề, Trung tâm giới thiệu việc làm, hệ thống các bàn tỉnh để có kế hoạch binh - xã hội trên địa bàn tỉnh để có kế hoạch mở rộng quy mô đầu tư vốn vay đối với người đi lao động xuất khẩu, nhất là lao động xuất khẩu vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho nhân dân. Cung cấp dịch vụ chuyển tiền tốt nhất, đáp ứng mong muốn và tạo sự yên tâm cho người đi lao động trước khi xuất cảnh.

8 - Củng cố các hoạt động kinh doanh trên nền tảng vững chắc, thực hiện chiến lược khách hàng gắn với việc làm tốt công tác xã hội hóa ngân hàng, tiếp nhận kỹ thuật, công nghệ ngân hàng hiện đại cùng với việc triển khai mạnh mẽ sản phẩm mới, các dịch vụ tiện ích mới để khách hàng tiếp cận một cách nhanh nhất. Chú trọng làm tốt công tác phân tích tài chính, phân loại và xếp loại khách hàng, tiếp cận nhanh các dự án khả thi trên cơ sở nắm bắt thị trường gắn với việc điều chỉnh các giải pháp kinh doanh gắn với việc phát huy các công cụ điều hành nhằm tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân đi đôi với việc thường xuyên kiểm tra, giám sát. Cụ thể hóa và hoàn thiện các quy trình, quy chế điều hành hoạt động của Chi nhánh nhằm tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa các bộ phận, các phòng, gắn mối liên hệ giữa trách nhiệm, hiệu quả trong hoạt động kinh doanh với lợi ích vật chất người lao động, tạo sự thông thoáng, cung cấp nhiều tiện ích cho khách hàng, đáp ứng sự

cạnh tranh tích cực và lành mạnh với các ngân hàng thương mại khác trên địa bàn. Nâng lên tầm cao mới lĩnh vực kiểm tra, kiểm toán nội bộ một cách toàn diện, thường xuyên và kịp thời để khắc phục tồn tại, củng cố các nghiệp vụ truyền thống theo hướng khả thi, an toàn và hiệu quả; hạn chế đến mức thấp nhất về rủi ro trong quá trình tác nghiệp; làm cho công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ thiết thực phục vụ cho việc nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực ngân hàng.

9 - Nghiên cứu, đề xuất với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về cơ chế, chính sách tín dụng đối với các thành phần kinh tế tại Khu kinh tế mở Chu Lai, Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc và các cụm công nghiệp khác trên địa bàn Quảng Nam để khuyến khích đầu tư phát triển.

10 - Coi trọng công tác cán bộ nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Chi nhánh xác định mục tiêu phấn đấu trong công tác đào tạo nguồn nhân lực đến năm 2010 là phải có trên 15% cán bộ, viên chức đạt trình độ trên đại học, trên 90% cán bộ, viên chức đạt trình độ đại học, 80% cán bộ viên chức là đảng viên, 25% cán bộ, viên chức có trình độ cao cấp lý luận chính trị và cử nhân chính trị. Tiếp tục thực hiện công tác đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực theo hướng nâng cao trình độ chuyên môn thông qua nhiều kênh đào tạo, chú trọng tăng cường công tác đào tạo chuyên sâu về từng mảng chuyên đề nghiệp vụ cụ thể, nhất là các nghiệp vụ về kinh doanh đối ngoại, thẩm định dự án đầu tư, công nghệ thông tin, ngoại ngữ, nghiệp vụ kinh doanh thế... Duy trì chủ trương cấp học bổng cho con em đồng bào dân tộc thiểu số đến năm 2010 đạt 40 suất, tuyển dụng mới đối với các em đồng bào dân tộc thiểu số theo định biên hằng năm để góp phần ổn định lâu dài nguồn nhân lực cho hoạt động kinh doanh tại các chi nhánh ngân hàng của các huyện miền núi. Trong đào tạo, cần nâng cao trình độ chuyên môn đi đôi với lý luận chính trị nhằm đáp ứng công cuộc đổi mới của Đảng và Nhà nước, bảo đảm cán bộ, viên chức được bồi dưỡng, đào tạo phải "vừa hồng, vừa chuyên". □

MỸ KHÔNG CÓ QUYỀN...

(Tiếp theo trang 58)

3. Bảo đảm và thực hiện quyền con người là một trong những mục tiêu mà lịch sử hướng tới. Tuy nhiên, có 2 điểm cần phải nhấn mạnh. *Một là*, việc thực hiện mục tiêu trên là một quá trình lâu dài với sự nỗ lực chung của toàn nhân loại và không một quốc gia nào có thể tự hào mình đã đạt đến chuẩn mực ưu việt nhất. *Hai là*, do sự phong phú về lịch sử, văn hóa cũng như những đặc trưng khác về kinh tế - xã hội nên việc bảo đảm và thực hiện quyền con người không thể rập khuôn như nhau ở mọi quốc gia. Trong khi hướng đến thực hiện mục tiêu chung, mỗi quốc gia sẽ đưa vào quá trình đó những cách làm riêng, những đặc điểm riêng của quốc gia mình. Vì vậy, một mặt phải thừa nhận những giá trị có tính phổ quát của nhân quyền và mặt khác cũng cần tôn trọng những đặc điểm riêng của mỗi khu vực, quốc gia, cộng đồng.

Phải lưu ý 2 phương diện trên bởi nhờ nó, toàn nhân loại mới có thể đoàn kết, cùng nỗ lực phấn đấu một cách lâu dài, đồng thời cũng biết chia sẻ, thông cảm, tôn trọng, học hỏi và khoan dung lẫn nhau vì một mục tiêu rất cao cả và nhân đạo - vì quyền con người. Dĩ nhiên, mục tiêu đó không thể vì danh nghĩa gì, động cơ gì mà mạo danh, mà lợi dụng bởi sự mạo danh, sự lợi dụng là trái nhân quyền, là vi phạm nhân quyền.

Nhân dân Việt Nam rất lấy làm tiếc, bởi, trong khi quan hệ 2 nước đang tiến triển thuận lợi về nhiều mặt thì Báo cáo về tình hình nhân quyền của Bộ Ngoại giao Mỹ lại đi ngược lại xu thế đó. Việc làm này không giúp cho quan hệ 2 nước phát triển thêm, mà ngược lại gây ra làn sóng phản đối của những người tiến bộ, có lương tri trên thế giới đòi phía Mỹ phải chấm dứt, vì lợi ích của 2 quốc gia, của nhân dân 2 nước cũng như của nhân loại. □



Mình là ai ?

NHÂN ĐĂNG

ĐỂ có cách ứng xử đúng trong giao tiếp, việc đầu tiên cần có là biết mình, biết người.

Biết người là khó nhưng biết mình cũng không dễ. Muốn thật sự biết mình, trước hết phải biết mình là ai. Có người không hiểu được điều đó nên hề cứ thấy nơi nào sang trọng là tìm cách “lộ diện”, thấy diễn đàn nào được tham dự là tranh thủ phát biểu ý kiến mà nói không đầu vào đầu, nói với những người hiểu biết hơn mình mà cứ như răn dạy cấp dưới. Có người tuy đã chuyển đổi công tác và chức danh mà khi hành xử, vẫn cứ như mình đang giữ cương vị cũ.

Chuyện kể rằng, ở một hội nghị của một cơ quan nhà nước cấp cao, có đại biểu của một đoàn thể

chính trị - xã hội được mời dự. Chủ đề của hội nghị là “kiểm điểm công tác của quý cuối năm và bàn chương trình công tác quý đầu năm sau”. Chương trình nghị sự gồm khá nhiều nội dung, trong đó có kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch xóa đói, giảm nghèo. Người chủ trì hội nghị nói mấy lời khai mạc và đề dẫn chương trình nghị sự. Chủ chưa kịp bàn thảo gì thì khách đã xin có lời. Vì phép lịch sự, người ta đã mời và lắng nghe ông. Ông nói dài đến non một giờ mà người nghe không thấy gì dính dáng đến chương trình nghị sự, ngoài việc tuyên truyền cho vị trí quan trọng của tổ chức chính trị - xã hội mà ông đại diện. Về xóa đói, giảm nghèo, ông lại thuyết giảng về đạo lý của vấn đề mà không đưa động gì đến giải pháp là điều hội nghị đang cần.

Sau hội nghị, một thành viên tham dự nói: “Thật là quá thể. Ông ấy nói mà không biết mình là ai, không biết mình nói gì và cũng không biết mình nói với ai”. Chữ ai trước chỉ rõ vị trí của ông là khách chứ không phải là chủ. Chữ ai sau nói rằng, trong hội nghị, có rất nhiều nhân vật lãnh đạo cấp cao hơn ông, ít ra cũng ngang vai ngang vế với ông và đặc biệt là sự hiểu biết của họ trong các vấn đề phụ trách hơn hẳn ông.

Người nhận xét hạ luôn một câu: đó là cái kiểu “ba không” của thời nay.

Thời kháng chiến, khẩu hiệu “ba không” - không nghe, không thấy, không biết - đã được sử dụng như là vũ khí của người dân để giữ gìn bí mật, chống lại các hoạt động tình báo, gián điệp và phá hoại của kẻ địch đối với vùng căn cứ.

Thời nay, cái kiểu “ba không” mới - không biết mình là ai, không biết mình nói gì và không biết mình nói với ai - như đã nói trên lại là thứ “vũ khí” làm bộc lộ rõ ràng nhất và cũng nhanh chóng năng lực yếu kém của mình - người sở hữu nó. □



CHÂU PHI TRONG CHIẾN LƯỢC CỦA CÁC NƯỚC LỚN

TRÌNH CƯỜNG

I

Châu Phi là châu lục sản sinh ra những nền văn minh lớn của nhân loại, như Ai Cập cổ đại, Ga-na thời kỳ đồ sắt, và các nền văn minh ở Trung, Đông và Tây châu Phi. Với các cao nguyên rộng lớn và những khu rừng ôn đới xanh tươi ở phía Tây và Trung Phi, sa mạc rộng lớn nhất thế giới ở phía Bắc, châu Phi được xem là châu lục có tiềm năng to lớn về tài nguyên và nhân lực.

Thiên nhiên đã ban tặng cho châu Phi những đồng cỏ xanh tươi và những động vật quý hiếm như hươu cao cổ, sư tử, hổ, voi và nhiều động vật quý hiếm khác. Ngoài ra, châu Phi còn được biết đến bởi dòng sông Nin dài nhất thế giới, các khu bảo tồn quốc gia - những địa điểm có sức thu hút khách du lịch. Châu Phi còn có nguồn khoáng sản phong phú như đồng, kim cương, vàng, u-ra-ni-um, bô-xít, sắt và dầu mỏ.

Sự phong phú về tài nguyên cũng là nguyên nhân khiến cho châu Phi một thời trở thành nơi bị các nước châu Âu tranh giành làm thuộc địa. Sau những cuộc đấu tranh kéo dài trong nhiều năm, nhân dân châu Phi đã giành được quyền làm chủ lục địa của họ. Cùng với thời gian, châu Phi đang "thay da đổi thịt", và hiện nay, các nước trong khu vực đang thực hiện công cuộc xóa đói giảm nghèo, đẩy mạnh cải cách, liên kết khu vực, thu hút đầu tư, viện trợ phát triển từ các nước lớn.

Hiện nay, châu Phi được các nước lớn quan tâm bởi các nguyên nhân:

Thứ nhất, Mỹ và các nước phương Tây rất lo ngại một số chính phủ ở châu Phi bị chủ nghĩa khủng bố lôi kéo và lợi dụng có thể trở thành "thiên đường" của chủ nghĩa khủng bố.

Thứ hai, dân số châu Phi vẫn tiếp tục tăng nhanh bất chấp đại dịch AIDS. Hiện nay dân số

châu Phi là 861 triệu người, nhưng theo dự báo của Liên hợp quốc năm 2005 sẽ lên tới 1,289 tỉ người và năm 2050 tới 1,883 tỉ người, chiếm hơn 20% dân số thế giới (hiện nay là 13,6%). Từ đó vai trò kinh tế của châu Phi cũng tăng lên.

Thứ ba, châu Phi là kho tài nguyên vô tận. Chẳng hạn như Nam Phi chiếm 88% trữ lượng platin, 72% trữ lượng crôm, 80% trữ lượng mangan, 30% trữ lượng ti-tan, 44% trữ lượng va-na-di (một loại kim loại có màu trắng, đôi khi được dùng để chế tạo hợp kim thép), 29% trữ lượng kẽm... của thế giới; Ghi-nê chiếm 30% trữ lượng bô-xít của thế giới; Bốt-xoa-na chiếm 24% trữ lượng kim cương của thế giới; Dim-ba-bu-ê chiếm 12% trữ lượng crôm của thế giới; Công-gô có các mỏ đồng, vàng rất lớn chưa được khai thác. Ngoài ra châu Phi có tiềm năng dầu mỏ không kém vùng Vịnh Trung Đông. Riêng ở Bắc Phi, thu nhập từ dầu mỏ đã chiếm tới 45% GDP của toàn châu lục.

II

1. Châu Phi trong chiến lược của Mỹ

Chiến lược của Mỹ ở châu Phi nhằm 3 mục tiêu. *Thứ nhất*, thúc đẩy dân chủ theo chủ thuyết "khuếch tán" các giá trị kiểu Mỹ. *Thứ hai*, thúc đẩy mở cửa thị trường, tự do hóa buôn bán để mở ra cơ hội làm giàu cho các công ty Mỹ. *Thứ ba*, tăng cường sự hiện diện của Mỹ, kể cả quân sự, ở một châu lục được Mỹ coi là trọng điểm trong cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu. Tuy nhiên, dầu mỏ mới là mục tiêu số một của Mỹ. Điều này chính báo chí phương Tây từng bình luận. Phó Tổng thống Mỹ, Đ. Chen-ny, trong một báo cáo về năng lượng quốc gia cũng tuyên bố, dầu khí của châu Phi sẽ là một trong những nguồn năng lượng bền vững của Mỹ. Vì thế, Mỹ đang tìm mọi cách tăng cường sự hiện diện và gây ảnh hưởng nhằm tiến tới kiểm soát tài nguyên dầu mỏ của "lục địa đen".

Thế giới: Văn đề - Sự kiện

Tháng 7-2003, Tổng thống Mỹ G. Bu-sơ đã có chuyến thăm 5 nước châu Phi, gồm Xê-nê-gan, Nam Phi, Bốt-xoa-na, U-gan-đa và Ni-giê-ri-a. Chuyến đi này của G. Bu-sơ được sắp xếp và bố trí rất kỹ lưỡng vì Mỹ muốn đạt được những mục tiêu quan trọng:

Một là, Mỹ muốn đóng vai trò "Người cứu thế châu Phi". Về viện trợ kinh tế, trước chuyến thăm, G. Bu-sơ cho công bố khoản viện trợ 15 tỉ USD trong 5 năm để phòng chống đại dịch HIV/AIDS, trong đó có 12 nước trọng điểm. Thông qua viện trợ này, Mỹ hy vọng trở thành nước chủ yếu giúp người dân châu Phi trừ nạn dịch và giành được nhân tâm.

Hai là, kêu gọi các nước châu Phi ủng hộ Mỹ trong cuộc chiến chống khủng bố. Những thông tin của CIA cho biết có không ít những kẻ khủng bố là người châu Phi. Vì vậy, Mỹ cần xây dựng hệ thống chống khủng bố ngay tại "sào huyệt" này.

Ba là, Mỹ muốn giành quyền kiểm soát dầu mỏ châu Phi sau khi khống chế được nguồn dầu mỏ Trung Đông. Các nước nằm quanh vịnh Ghi-nê có nguồn dầu mỏ phong phú. Bởi vậy, kiểm soát được nguồn dầu mỏ châu Phi là Mỹ cơ bản có thể kiểm soát được nguồn dầu mỏ thế giới...

Ngoài ra, từ tháng 4-2004, G. Bu-sơ đã quyết định cho phép các công ty Mỹ tiếp tục phần lớn hoạt động buôn bán với Li-bi và mua dầu thô của Li-bi sau khi nước này từ bỏ chương trình vũ khí hủy diệt hàng loạt (WMD). Các nhà phân tích cho rằng, các công ty được hưởng lợi nhiều nhất từ động thái này là các công ty dầu mỏ Mỹ.

2. Châu Phi trong chiến lược của Anh

Ngoài mục tiêu chống khủng bố, châu Phi là nơi mà nước Anh muốn thể hiện vai trò "nhà giàu" để thông qua đó nâng cao hình ảnh quốc tế của họ. Bởi vì, các nước phát triển đã từng bị chỉ trích là không hề đoái hoài tới châu Phi nghèo đói và bệnh tật. Vào năm 2004, Anh đã thành lập Ủy ban về châu Phi, có kế hoạch hỗ trợ các nước châu Phi phát triển. Ủy ban này vừa lập một kế hoạch đầy tham vọng, được gọi là "Kế hoạch Mác-san châu Phi", nhằm tăng thêm hàng tỉ đô la viện trợ hàng năm cho châu Phi. Thủ tướng Anh T. Ble rất ủng hộ kế hoạch này, bởi việc giúp các nước nghèo sẽ giúp ông ta lấy lại được uy tín sau cuộc chiến tranh I-rắc năm 2003. Bộ trưởng Tài chính Anh, G. Brao, đề xuất một kiến nghị phát hành trái phiếu đặc biệt

để huy động vốn bằng tiền mặt. Theo đó sẽ lập ra một cơ quan mới để vay tiền trên thị trường tài chính. Các khoản vay này sẽ được thanh toán thông qua ngân sách viện trợ từ các nước giàu. Kế hoạch của ông Brao không chỉ gây nên sự dè dặt mà cả sự phản đối, chủ yếu từ Mỹ. Nếu Mỹ trả lời "không" thì cũng có nghĩa là kế hoạch của ông Brao không được chấp thuận. Sở dĩ như vậy vì kế hoạch của G. Brao đụng chạm tới kế hoạch viện trợ của Mỹ, cũng đề nghị tăng viện trợ cho châu Phi, nhưng để nhận được viện trợ, các nước châu Phi phải đạt được các tiêu chí của Mỹ về năng lực điều hành và chống tham nhũng, ngoài ra các nước này còn phải hợp tác với Mỹ trong cuộc chiến chống khủng bố.

Tuy nhiên, Anh không chỉ thể hiện sự hảo tâm mà muốn thông qua đó để tăng cường bán vũ khí cho châu Phi. Báo Người quan sát (Observer), số ra ngày 12-6-2005 cho biết, số tiền mà Anh thu được nhờ bán vũ khí sang châu Phi hàng năm đã lên đến 1 tỉ bảng (khoảng 1,82 tỉ USD), tăng gấp 4 lần từ năm 1999 đến năm 2004. Các nhà vận động cho chương trình cấm buôn bán vũ khí và một số nghị sỹ Anh cho hành động trên là không thể chấp nhận được vào thời điểm chính phủ Anh đang đầu tư nhiều "vốn chính trị" để giảm đói nghèo ở châu Phi. Người phát ngôn của đảng Dân chủ tự do và phụ trách vấn đề phát triển quốc tế của Anh cho rằng, thật bất thiêu khi chính phủ Anh đang tập trung nỗ lực giảm nợ cho châu Phi, nhưng đằng sau lại tăng cường hoạt động buôn bán vũ khí.

3. Châu Phi trong chiến lược của Pháp

Pháp là nước có ảnh hưởng lâu đời và mạnh mẽ ở châu Phi. Khác với nhiều nước thực dân trước đây, Pháp vẫn rất quan tâm đến các vùng lãnh thổ truyền thống của họ (thậm chí đôi khi còn tiếp tục triển khai quân đội ở đó) và vẫn có ảnh hưởng rõ ràng đến chính sách đối ngoại của các nước thuộc địa cũ. Chính sách của Pháp ở châu Phi bao gồm 3 yếu tố: ngôn ngữ và văn hóa; địa - chính trị; và kinh tế. Chính sách của Pháp đối với nước Cộng hòa nhỏ bé Ga-bông, một nước có trữ lượng lớn dầu lửa trên đất liền và ngoài biển (được gọi là Cô-oét của châu Phi), chính là một ví dụ thuyết phục về chính sách mang động cơ kinh tế của Pháp ở châu Phi. Hiện nay vai trò truyền thống của Pháp ở châu Phi đang bị Mỹ thách thức. Thậm chí một nước gần gũi với Pháp là Xê-nê-gan (nước nói

tiếng Pháp duy nhất ở châu Phi) cũng có vẻ ngã theo Mỹ. Theo các con số thống kê, Mỹ đã vượt Pháp để trở thành nước đầu tư lớn nhất vào châu Phi (khoảng 66 tỉ USD năm 2002).

Để giành lại vị thế ở châu Phi, Pháp đã thực hiện nhiều biện pháp, trong đó có tăng cường quan hệ với các nước châu Phi, đặc biệt là Nam Phi. Pháp là một trong những bạn hàng quan trọng nhất của Nam Phi, đứng thứ 7 về nhập khẩu và thứ 9 về xuất khẩu. Pháp và Nam Phi đã hợp tác trong việc giải quyết cuộc xung đột ở vùng Hồ lớn, đặc biệt là trong những nỗ lực hòa bình ở Bu-run-đi và CHDC Công-gô, nơi Pháp dẫn đầu lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc. Pháp và Nam Phi cũng là đồng minh trong việc phản đối cuộc chiến tranh I-rắc của Mỹ... Ngoài ra, Pháp còn tăng cường quan hệ với Tuy-ni-đi và các nước châu Phi khác. Đặc biệt, từ tháng 5-2005, Pháp đã nối lại quan hệ chặt chẽ với Li-bi.

4. Châu Phi trong chiến lược của Nga

Quan hệ Nga - châu Phi đã có truyền thống lâu dài. Nhiều nước châu Phi trước đây có quan hệ tốt đẹp với Liên Xô. Từ thập niên 60 đến hết thập niên 80 của thế kỷ XX, nhiều sinh viên châu Phi đã học tại các trường đại học và viện nghiên cứu của Liên Xô. Sau khi Liên Xô sụp đổ, chính sách đối ngoại của Nga thay đổi, không còn chú trọng nhiều đến châu Phi. Năm 2001, Tổng thống Nga, V. Pu-tin, cũng có kế hoạch thăm một số nước châu Phi như Ai Cập, Nam Phi và Li-bi, nhưng chuyến đi đó đã bị hoãn lại, do nhiều lý do, trong đó có sự kiện 11-9-2001 ở Mỹ.

Tuy nhiên, tiếp nối truyền thống quan hệ trước đây, Nga đã hỗ trợ nỗ lực của các nước châu Phi trong việc tìm kiếm cơ chế phát triển bền vững, chiến đấu chống nghèo khổ và hội nhập vào kinh tế thế giới. Nga đã thực hiện những bước đi vững chắc để phát triển quan hệ với từng nước châu Phi và các tổ chức khu vực và tiểu khu vực. Kể từ năm 2001, Nga tiếp tục viện trợ nhân đạo cho nhiều nước châu Phi. Cùng với nhiều nước khác, Nga cũng đồng ý xóa nợ cho các nước châu Phi nghèo nhất, và tiếp tục hợp tác với các nước châu Phi trên nhiều lĩnh vực, kể cả chương trình "Đối tác mới vì sự phát triển của châu Phi".

Nhân Ngày châu Phi (25-5-2004), Tổng thống Nga, V. Pu-tin, đã gửi một bức thông điệp chúc mừng đến nhân dân châu Phi. Bức thông điệp viết:

"Một phần quan trọng trong chính sách đối ngoại của Nga là phát triển đối thoại chính trị và hợp tác cùng có lợi với các nước châu Phi trên các lĩnh vực thương mại, kinh tế, khoa học, công nghệ và văn hóa. Chúng tôi tin tưởng rằng, việc hợp tác gần gũi sẽ giúp chúng ta sử dụng được tiềm năng đối tác to lớn đầy đủ".

Ngày 26-4-2005, Tổng thống Nga, V. Pu-tin, đã có chuyến thăm chính thức Ai Cập hai ngày, chuyến thăm chính thức đầu tiên của một nguyên thủ quốc gia Nga tới Ai Cập; và mời đây đi thăm An-giê-ri. Tuy nhiên hiện nay, với tư cách là một thành viên của nhóm "Bộ tứ" đồng bảo trợ cho tiến trình hòa bình Trung Đông, có lẽ Nga muốn khẳng định vai trò và gia tăng ảnh hưởng ở Trung Đông nhiều hơn là châu Phi.

5. Châu Phi trong chiến lược của Trung Quốc

Quan hệ giữa Trung Quốc và châu Phi đã có lịch sử nửa thế kỷ. Mặc dù có những tổn thất nhất định ở cuối những năm 60, thế kỷ XX, do ảnh hưởng của Cách mạng văn hóa, nhưng về cơ bản, quan hệ đó luôn phát triển tốt đẹp và được tăng cường trong những năm gần đây. Năm 2004, Chủ tịch Trung Quốc, Hồ Cẩm Đào, đã đi thăm ba nước châu Phi là Ai Cập, An-giê-ri và Ga-bông.

Với Trung Quốc, châu Phi là một thị trường ổn định. Thị phần của châu Phi trong nền ngoại thương Trung Quốc tuy còn yếu nhưng đã gia tăng đáng kể. Trước đây, trao đổi song phương chỉ chiếm 2% giá trị ngoại thương của Trung Quốc và 5% giá trị ngoại thương của châu Phi. Nhưng từ năm 1991 đến năm 2002, giá trị này đã tăng tới 700%. Thêm vào đó, là nước tiêu thụ và nhập khẩu dầu lớn thứ hai thế giới, hiện Trung Quốc đang tìm kiếm những nguồn cung cấp mới. Châu Phi với tiềm năng dự trữ dầu lớn thứ hai thế giới đã trở thành mục tiêu ưu tiên của Trung Quốc.

Hiện nay, Trung Quốc đã can dự toàn diện vào châu Phi. Sự can dự này chủ yếu được thực hiện bằng con đường thương mại, đầu tư và đẩy mạnh các chương trình chính trị, kinh tế. Trung Quốc đặc biệt quan tâm mở rộng quan hệ thân thiện với các nước sản xuất dầu mỏ ở châu Phi như An-giê-ri, Ảng-gô-la, Ni-giê-ri-a và Xu-đăng. Trung Quốc tăng cường can dự với các nước châu Phi bằng các khoản viện trợ kỹ thuật và giảm nợ nhằm thực hiện chiến lược xây dựng ảnh hưởng đối với khu vực. Mười năm qua, Bắc Kinh đã ký hơn 30 thỏa thuận

khung liên quan đến các khoản cho vay tới hơn 20 nước châu Phi. Một số sự án - được các khoản "cho vay mềm" tài trợ - đã đạt được thành công ấn tượng như: thăm dò dầu mỏ ở Xu-đăng, cải tạo đường sắt ở Bốt-xoa-na, hợp tác phát triển nông nghiệp với Ghi-nê, khai thác và chế biến gỗ ở Ghi-nê Xích đạo, xây dựng nhà máy xi măng ở Dim-ba-bu-ê... Các nhà quyết sách của Bắc Kinh coi sức mạnh kinh tế của các nước châu Phi và Trung Quốc là sự bổ sung cho nhau. Họ khẳng định, Trung Quốc có thể cung cấp công nghệ, kinh nghiệm quản lý và vốn cho các nước châu Phi; ngược lại, các nước châu Phi có thể cung cấp cho Trung Quốc các nguồn tài nguyên quý giá.

Nỗ lực phát triển quan hệ mới với châu Phi của Trung Quốc đang tạo nên thách thức to lớn cho Mỹ và các nước phương Tây. Tại Hội nghị Á - Phi (tháng 4-2005), Chủ tịch Trung Quốc, Hồ Cẩm Đào, đã gặp gỡ các nguyên thủ các nước châu Phi để thảo luận về tăng cường hợp tác kinh tế, buôn bán và giúp đỡ kinh tế cho các nước châu Phi.

III

Một nguyên nhân quan trọng khiến cho châu Phi được các nước lớn quan tâm là do vùng Vịnh - nguồn cung cấp dầu chủ yếu của thế giới - tiềm ẩn những biến động khó lường. Do đó, châu Phi với tiềm năng dầu mỏ to lớn đã trở thành nguồn cung cấp bổ sung và thay thế trong hiện tại và tương lai. Để lôi kéo các nước châu Phi không chỉ giàu tài nguyên dầu lửa về phía mình, các nước lớn, đặc biệt là các nước phương Tây, đều sử dụng con bài hợp tác kinh tế - viện trợ. Tuy nhiên, số tiền họ bỏ ra thật nhỏ nhoi so với lợi ích họ khai thác được. Hiện nay, mặc dù đã bước vào thời kỳ hậu công nghiệp, lượng tiêu thụ nguồn tài nguyên tuy giảm tương đối, nhưng các nước tư bản phát triển vẫn là những nước tiêu thụ chủ yếu nguồn tài nguyên thiên nhiên của châu Phi. Ví dụ, dân số Mỹ chỉ chiếm 5% dân số thế giới, nhưng lượng tiêu thụ dầu lửa chiếm tới 30% của cả thế giới. Bình quân tiêu thụ xăng dầu hằng năm tính theo đầu người của Mỹ tới 3,17 tấn, đứng hàng đầu thế giới. Ngoài dầu lửa, Mỹ còn nhập lượng lớn khoáng sản của châu Phi, như quặng đồng của Dăm-bi-a, kim loại quý hiếm của Nam Phi. Các nhà kinh tế thế giới cho biết, tất cả các công ty xuyên quốc gia Mỹ đều tiến hành khai thác tại những khu vực giàu tài nguyên của châu Phi.

Các nước phương Tây và Nhật Bản cũng đổ tới châu Phi để khai thác tài nguyên, phục vụ cho nhu cầu tiêu thụ ngày càng tăng. Hiện nay, lượng tiêu thụ nhôm bình quân đầu người của Nhật Bản và Đức từ 17 kg tới 20 kg, gấp 4, 5 lần mức tiêu thụ bình quân của thế giới, trong đó chủ yếu nhập khẩu từ châu Phi.

Số liệu thống kê của các tổ chức kinh tế thế giới cho biết, trong thế kỷ XX, Mỹ đã tiêu thụ tổng cộng 35 tỉ tấn dầu lửa, hơn 7 tỉ tấn đồng, hơn 200 triệu tấn nhôm, trong đó đồng và nhôm chủ yếu nhập từ châu Phi. Từ thập niên 50 đến thập niên 80 của thế kỷ XX, Nhật Bản tiêu thụ hơn 8 tỉ tấn dầu lửa, hơn 40 triệu tấn đồng, hơn 60 triệu tấn nhôm, trong đó đồng và nhôm chủ yếu nhập từ châu Phi. Các nước phương Tây khác trong thời gian này cũng tiêu thụ một lượng tương đương Nhật Bản, chủ yếu cũng nhập từ châu Phi. Vì vậy, hiện nay đang có dư luận đòi hỏi Mỹ và các nước phát triển phải có trách nhiệm với châu Phi để giúp châu lục này thoát khỏi đói nghèo và lạc hậu.

Tại Hội nghị Thượng đỉnh G8 năm 2005 tại Xcốt-len, các nước G8 đã ra tuyên bố chung cam kết tăng viện trợ cho châu Phi từ 25 tỉ USD/năm hiện nay lên 50 tỉ USD/năm vào năm 2010. Các nhà lãnh đạo G8 cũng tuyên bố xóa nợ cho 18 nước nghèo nhất thế giới, trong đó có 14 nước châu Phi. Tuy nhiên, các nước châu Phi đang lạc quan một cách thận trọng vì khoản viện trợ 50 tỉ USD nói trên đều kèm theo điều kiện, và chưa đến 20 trong số 50 tỉ USD nói trên là tiền viện trợ mới, còn lại là số tiền tái phân bổ trong ngân sách viện trợ hiện nay. Dư luận cũng cho rằng, việc thông báo khoản viện trợ 50 tỉ USD là quá muộn; nếu các nhà lãnh đạo G8 thật sự nghiêm túc trong việc biến đói nghèo thành quá khứ thì họ phải cung cấp tiền ngay từ bây giờ chứ không phải trong 5 năm. Hơn nữa, các nước phát triển cần phải chấm dứt trợ cấp xuất khẩu nông sản càng sớm càng tốt. Bởi vì, đa số các nước đang phát triển, trong đó có ở châu Phi, là những nước có nền kinh tế chủ yếu dựa vào nông sản bị đẩy bật ra khỏi thị trường vì trợ cấp nông sản của các nước phát triển. Buôn bán toàn cầu của châu Phi đã giảm từ 6% trong những năm 80 của thế kỷ XX xuống còn 2% hiện nay. Vì vậy, nhiều nước châu Phi mong muốn cải cách hệ thống thương mại quốc tế hơn là tăng viện trợ phát triển. □

TRUNG ĐÔNG: DẦU MỎ, HẠT NHÂN VÀ AN NINH NĂNG LƯỢNG TOÀN CẦU

HỒ BÁT KHUẤT *

Trung Đông - vùng đất hấp dẫn với nhiều mâu thuẫn

Trung Cận Đông là vùng đất tiếp giáp châu Phi, châu Á, châu Âu. Nơi đây có khoảng hơn 20 quốc gia với hơn nửa tỉ người làm ăn, sinh sống. Đây là vùng đất nổi tiếng với di sản nền văn minh Ai Cập cổ đại. Hơn 3.000 năm đã trôi qua, nhưng nền khoa học ngày nay vẫn chưa giải thích nổi nhiều điều mà người xưa đã làm ở đây. Điều này góp phần khiến Trung Đông càng trở nên linh thiêng và huyền bí. Vùng đất này cũng là quê hương của những câu chuyện say đắm được cả thế giới biết tới với cái tên "Nghìn lẻ một đêm". Những di sản văn hóa, những phong tục, tập quán... của vùng đất này cũng đã góp phần không nhỏ vào sự phong phú trong đời sống tinh thần của nhân loại. Trong quá trình tạo lập, duy trì, truyền bá những giá trị văn hóa, những tư tưởng tôn giáo... đã xảy ra những mâu thuẫn, những xung đột gay gắt. Điển hình là mâu thuẫn và xung đột lịch sử giữa người A-rập và người Do Thái. Cuộc xung đột dai dẳng, quyết liệt và tàn khốc này làm cho đời sống chính trị, tôn giáo ở đây luôn căng thẳng. Ngay giữa những người đạo Hồi trong cùng một đất nước, nhưng theo các dòng khác nhau cũng có mâu thuẫn gay gắt dẫn tới xung đột đẫm máu.

Nét nổi bật nhất của Trung Đông - đây là "cái rốn" dầu mỏ của thế giới. Năm 1990, trong số 125 tỉ tấn trữ lượng dầu được phát hiện trên thế giới, thì có khoảng 63% nằm ở vùng Trung Đông. Dầu mỏ là niềm tự hào của người A-rập. Họ cho rằng vì họ trung thành với Đức Thánh A-la nên mới được ban tặng nguồn của cải lớn như vậy. Dầu mỏ đã mang lại cho vùng đất này vị thế quan trọng và sự hấp dẫn lớn, nhưng nó cũng là nguồn gốc của những cuộc xung đột quốc tế và những cuộc chiến

tranh liên miên. Trong vòng vài chục năm gần đây đã xảy ra nhiều cuộc chiến tranh "sắc mùi dầu mỏ".. Mỹ, Nhật Bản và nhiều nước châu Âu phụ thuộc rất lớn vào nguồn cung cấp dầu mỏ ở đây, nên họ cố gắng bằng mọi giá kiểm soát được tình hình. Tuy nhiên, thực tế cho thấy là dùng sức mạnh quân sự không mang lại kết quả như mong muốn.

Dầu mỏ - nguyên nhiên liệu quan trọng và công cụ chính trị có sức nặng

Từ hàng ngàn năm trước, loài người đã biết sử dụng dầu mỏ phục vụ đời sống. Tuy vậy, vào đầu thế kỷ XX, dầu mỏ mới được sử dụng rộng rãi và thực sự trở nên quan trọng đối với đời sống kinh tế - chính trị của xã hội loài người. Cũng bắt đầu từ đây, ngành thăm dò, khai thác và hóa dầu mới thực sự phát triển, trở thành một ngành kinh tế quan trọng, thu được nhiều lợi nhuận.

Ngày nay khi khoa học công nghệ đã phát triển ở mức cao, nhưng tính trung bình cứ 10 mũi khoan thăm dò thì 9 mũi thất bại, chỉ 1 mũi thành công. Dù tỉ lệ cách biệt 9 - 1 nhưng rất nhiều công ty, nhiều tổ hợp kinh doanh dầu mỏ trên thế giới "ăn nên làm ra". Nhiều tỉ phú là những nhà kinh doanh trong lĩnh vực dầu mỏ. Vào đầu thế kỷ XX, nhiều tổ hợp kinh doanh dầu mỏ đa quốc gia ra đời. Đến trước năm 1971, chính các tổ hợp đa quốc gia này quyết định giá dầu trên thế giới. Từ năm 1971 đến 1986, OPEC (Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ) quyết định giá dầu. Còn từ năm 1986 tới nay, giá dầu được hình thành thông qua giao dịch tại Luân-đôn, Niu Ôc và Xin-ga-po. Quy luật cung - cầu được tôn trọng, tuy nhiên giá dầu vẫn bị ảnh hưởng bởi rất

* TS, Tạp chí Gia đình và Trẻ em

nhiều yếu tố khác. Một trận bão lớn ở Mỹ, một vụ đe dọa đánh bom vào một cơ sở lọc dầu quan trọng ở Trung Đông, một đảng mới lên cầm quyền ở một nước nhiều dầu mỏ... cũng khiến giá dầu biến động. Mà giá dầu biến động thì ảnh hưởng tới nền kinh tế của toàn thế giới.

Do tình hình an ninh - chính trị tại I-rắc bất ổn, I-ran tỏ ra độc lập và khác biệt trong chính sách hạt nhân, nhu cầu về dầu mỏ không ngừng tăng lên, do vậy giá dầu luôn ở mức cao và lên xuống thất thường. Năm 2005, mỗi ngày thế giới sử dụng 83 triệu thùng, con số này sẽ tăng lên 119 triệu thùng vào năm 2025.

Dầu mỏ không chỉ là nhiên liệu mà còn là nguyên liệu quan trọng của nhiều ngành công nghiệp khác. Vì vậy, nếu quốc gia nào chỉ xuất khẩu dầu thô thì quốc gia đó đã bỏ đi một nguồn lợi lớn. Nhiều quốc gia có nguồn dầu mỏ lớn hiện nay có khuynh hướng phát triển ngành công nghiệp hóa dầu của mình, hạn chế xuất khẩu dầu thô. Điều này đe dọa những nước có ngành công nghiệp hóa dầu phát triển nhưng lại không có dầu mỏ như Nhật Bản, Xin-ga-po, thậm chí cả Mỹ, mặc dù quốc gia này cũng có dầu. Hiện nay, Mỹ sử dụng tới 50% số dầu xuất khẩu trên thế giới (20 triệu thùng/ngày), trong khi đó các quốc gia Liên minh châu Âu chỉ sử dụng 14 triệu thùng/ngày. Trung Quốc là nước sử dụng dầu mỏ nhiều thứ hai trên thế giới. Nếu trung bình một năm 1 người Trung Quốc sử dụng 140 kg dầu thì 1 người Mỹ sử dụng tới 3.200kg! Vì vậy hơn ai hết, Mỹ rất quan tâm tới Trung Đông và muốn có ảnh hưởng vững chắc, lâu dài ở đó. Có thể nói vì dầu mỏ mà Mỹ đã đổ vào Trung Đông rất nhiều sức người, sức của, mặc dù có sự phê phán, phản đối của nhiều quốc gia và tổ chức quốc tế, trong đó có cả sự phản đối quyết liệt của một bộ phận không nhỏ nhân dân Mỹ. Mỹ đã cố gắng rất nhiều nhưng chưa có gì bảo đảm là Mỹ làm chủ được tình hình, làm chủ được nguồn dầu cung cấp với giá cả hợp lý. Nhiều quốc gia nắm giữ phần lớn nguồn "vàng đen" này có tôn giáo và phong tục tập quán khá khác biệt với Mỹ và châu Âu. Do đó, dù Mỹ, Nhật Bản và châu Âu là những quốc gia phát triển, rất giàu mạnh, nhưng ở mức độ nào đó họ vẫn bị lệ thuộc vào Trung Đông. Chính Tổng thống Mỹ G. Bu-sơ đã phải thừa nhận đây là vấn đề an ninh của nước Mỹ.

An ninh năng lượng và an ninh chính trị toàn cầu

Thế giới rộng lớn với hơn 200 quốc gia, 6,5 tỉ người, các chế độ chính trị, kinh tế, xã hội, tư tưởng,

tôn giáo... khác nhau nhưng dường như được cột chặt với nhau vì vấn đề an ninh. Trong thời đại toàn cầu hóa, mỗi một biến động dù lớn, nhỏ ở một nơi nào đấy trên trái đất đều có khả năng ảnh hưởng tới tất cả các nước. Vấn đề dầu mỏ, khí đốt và giá cả các mặt hàng này lại là vấn đề rất lớn nên nó ảnh hưởng tới cả an ninh năng lượng và an ninh chính trị trên toàn cầu. Chỉ một trục trặc nhỏ trong việc Nga bán khí đốt cho U-crai-na đã làm châu Âu rung động. Mỹ, châu Âu, Nhật Bản và nhiều nước khác muốn có sự bảo đảm về an ninh năng lượng. Họ đang tìm cách khai thác nhiều nguồn năng lượng khác nhau. Con người có thể tạo ra năng lượng từ rất nhiều nguồn như than đá, sức nước, sức gió, mặt trời... Nhưng chỉ có dầu mỏ, khí đốt và năng lượng nguyên tử mới có khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của các quốc gia, nhất là các quốc gia có trình độ phát triển cao và các quốc gia đông dân. Thụy Điển có quyết tâm cao nhất trong việc thoát ra khỏi sự phụ thuộc vào dầu mỏ. Năm 1970, 77% nguồn năng lượng của nước này phụ thuộc vào dầu mỏ, đến nay con số đó giảm xuống còn 32%. Thụy Điển phấn đấu đến năm 2020 sẽ chấm dứt tình trạng phụ thuộc vào dầu mỏ. Nhưng Thụy Điển là một nước có nhiều nguồn năng lượng dồi dào khác, lại chỉ có khoảng 10 triệu dân nên mới có thể không cần đến dầu mỏ và năng lượng hạt nhân. Còn các quốc gia như Trung Quốc, Ấn Độ, Mỹ, In-đô-nê-xi-a, Bra-xin, Đức, Nhật Bản... và nhiều quốc gia khác thì hiện chưa tìm được nguồn năng lượng nào thay thế dầu mỏ, ngoài năng lượng hạt nhân.

Trong bối cảnh hiện nay, nước Nga có vai trò rất quan trọng trong vấn đề an ninh năng lượng toàn cầu. Họ có nguồn năng lượng vô cùng dồi dào gồm than đá, dầu mỏ (năm 2004 họ xuất khẩu dầu mỏ đạt gần 60 tỉ USD), khí đốt, thủy điện, u-ra-ni-um (Chính Nga cung cấp cho Mỹ 50% số u-ra-ni-um cho các nhà máy điện nguyên tử của Mỹ)... Nước Nga là thành viên G-8, đồng thời là quan sát viên của Tổ chức các nước Hồi giáo. Họ là cầu nối giữa phương Đông và phương Tây, là nhân tố quan trọng trong việc giải quyết vấn đề hạt nhân của Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên và I-ran, đồng thời cũng là quốc gia xuất khẩu công nghệ và nguyên liệu hạt nhân.

Hạt nhân là vấn đề vô cùng nhạy cảm đối với thế giới hiện đại. Loài người vẫn không thể quên hai vụ ném bom nguyên tử mà Mỹ đã ném xuống Nhật Bản vào cuối chiến tranh thế giới thứ hai. Vụ tai nạn khủng khiếp tại nhà máy điện hạt nhân Tréc-nô-bun năm 1986 ở U-crai-na một lần nữa khiến nhân loại

phải cảnh giác. Nhiều quốc gia đã tuyên bố là không khi nào chấp nhận có lò phản ứng hạt nhân trên lãnh thổ của mình, cho dù đó là lò hạt nhân vì mục đích hòa bình. Nhưng sự phát triển kinh tế - xã hội của thế giới không tùy thuộc vào những quyết định mang nặng sắc thái cảm xúc.

Năng lượng hạt nhân

Việc tìm ra năng lượng hạt nhân là phát minh thuộc loại vĩ đại nhất của con người ở thế kỷ XX. Tuy nhiên, cũng chính phát minh này biến loài người thành "con tin" của chính mình; bởi vì dựa vào phát minh này, con người đã sản xuất ra một lượng vũ khí hạt nhân có thể hủy diệt nhiều lần toàn bộ sự sống trên trái đất. Vào những thập niên cuối thế kỷ XX, phong trào chống hạt nhân trên thế giới rất mạnh mẽ khiến các siêu cường hạt nhân là Nga và Mỹ phải hạn chế chạy đua vũ trang, thậm chí đã tiến hành dỡ bỏ một lượng vũ khí hạt nhân đáng kể. Phong trào xây dựng nhà máy điện hạt nhân cũng chững lại, mặc dù xét về mặt kinh tế thì điện hạt nhân có giá thành thấp nhất, ưu việt nhất.

Dẫu phải tạm nhượng bộ phong trào chống hạt nhân, nhưng các nhà khoa học (và cả một số các nhà chính trị và kinh tế) không cưỡng lại được sức hấp dẫn của thứ năng lượng vô cùng mạnh mẽ và hết sức dồi dào này. Sau thảm họa Trécs-nô-bun, các nhà khoa học Nga vẫn miệt mài nghiên cứu và hoàn thiện công nghệ hạt nhân của mình. Các nhà khoa học Mỹ, Anh, Pháp, Nhật Bản, Trung Quốc cũng không chịu thua kém. Ấn Độ, Pa-ki-xtan cũng đạt được những thành tựu đáng kể trong lĩnh vực này; bất chấp sự trừng phạt của quốc tế, họ đã sản xuất... bom nguyên tử. Rồi một loạt quốc gia, trong đó có Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, I-ran, I-xra-en... cũng chứng tỏ họ có năng lực nắm bắt và sử dụng được năng lượng hạt nhân. Lúc này thì thế giới đã cảnh giác, một số nước như Mỹ, Anh, Pháp, Đức... phản đối rất quyết liệt việc các quốc gia này phát triển công nghệ hạt nhân. Dẫu I-ran, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên đều ra sức khẳng định họ nghiên cứu hạt nhân vì mục đích hòa bình thì các nước phản đối vẫn tỏ ra hết sức cứng rắn. Nhưng I-ran cũng không có ý định từ bỏ chương trình hạt nhân của mình. Một câu hỏi được đặt ra: I-ran là một trong những quốc gia nằm giữa "rốn dầu", vậy tại sao họ lại quan tâm đến năng lượng hạt nhân một cách mạnh mẽ như vậy?

Trả lời câu hỏi này không dễ, hay nói chính xác hơn, hiện tại chưa có câu trả lời, chỉ có những dự đoán và những giả thiết. I-ran (và có thể một số

quốc gia khác nữa) đã nhận ra sức mạnh khổng lồ của năng lượng hạt nhân. Nắm được nó trong tay, họ sẽ nâng cao được vị thế của mình trên trường quốc tế. Ai cũng biết nguồn dầu mỏ tuy đang khá dồi dào nhưng không phải là vô tận. Với tốc độ khai thác như hiện nay thì đến cuối thế kỷ XXI, dầu mỏ sẽ cạn kiệt. Các nước ở Trung Đông giàu có nhờ dầu mỏ nhưng chưa nước nào đổng vào hàng ngũ các nước phát triển, có trình độ kỹ thuật, công nghệ cao. Nếu dầu mỏ cạn, các nước Trung Cận Đông sẽ lâm vào hoàn cảnh rất khó khăn (họ không có than đá, không có tiềm năng thủy điện) và sẽ không tránh được cảnh thiếu năng lượng. Có thể I-ran đã sớm nhận ra vấn đề này. Thế giới vẫn nghi ngại là I-ran vẫn có mục đích sản xuất vũ khí hạt nhân, nhưng thế giới không thể tước đi của họ cái quyền sử dụng năng lượng hạt nhân vì mục đích hòa bình. Cụ thể là I-ran muốn xây dựng nhà máy điện nguyên tử. Trong hoàn cảnh này đề nghị của Nga là hợp lý: u-ra-ni-um sẽ được làm giàu (nguyên liệu của nhà máy điện hạt nhân, đồng thời nguyên liệu để sản xuất vũ khí hạt nhân) trên lãnh thổ Nga, được giám sát chặt chẽ, chỉ cung cấp cho việc sản xuất điện.

Trên thế giới hiện nay đã có hàng trăm nhà máy điện hạt nhân hoạt động và cung cấp cho con người sản lượng điện rất đáng kể. Mỹ đã ngừng xây dựng mới nhà máy điện hạt nhân hơn 30 năm nay (họ đã có 108 lò phản ứng hạt nhân đang hoạt động), nhưng trước tình hình nguồn cung cấp và giá dầu không ổn định, cuối tháng 2-2006, Tổng thống Mỹ G. Bu-sơ tuyên bố Mỹ sẽ xây dựng thêm 19 nhà máy điện hạt nhân mới. Mỹ sẽ hợp tác với Nga, Pháp, Nhật Bản... để thực hiện việc này. Các nước khác như Trung Quốc, Ấn Độ... cũng đã và đang đẩy mạnh việc xây dựng nhà máy điện hạt nhân. Sau thảm họa Trécs-nô-bun, các nhà khoa học đã đưa kỹ thuật an toàn hạt nhân lên một bước mới. Thế hệ nhà máy điện hạt nhân hiện đại có độ an toàn rất cao, bảo đảm hầu như không để xảy ra sự cố. Còn nếu trong trường hợp hãn hũu xảy ra sự cố thì nhà máy sẽ được chôn một cách an toàn, bảo đảm không rò rỉ chất phóng xạ.

Muốn hay không thì vào đầu năm 2006, thế giới lại một lần nữa quan tâm mạnh mẽ tới vấn đề năng lượng hạt nhân mà đích thân Tổng thống Mỹ G. Bu-sơ là người khởi xướng. Đương nhiên, có nhiều nhân vật quan trọng trên thế giới hoặc công khai, hoặc âm thầm ủng hộ và làm theo. Sức mạnh của hạt nhân là điều không cần phải bàn cãi. □

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

Địa chỉ: Phường Xuân Hòa - Thị xã Phúc Yên - Vĩnh Phúc

Điện thoại: (0211) 863 416 Fax: (0211) 863 207 * Email: bgddt-sp2@hn.vnn.vn Website: www.hpu2.edu.vn

Hiệu trưởng: PGS, TS, NGƯT, Bí thư Đảng ủy: **NGUYỄN HUY LỢI**



Hội nghị về thực hiện chỉ thị 40- CT/ TW của Ban Bí thư

Trường ĐHSP Hà Nội 2 có 5 khoa, 13 ngành đào tạo trình độ đại học trong đó có 9 ngành sư phạm, 4 ngành ngoài sư phạm và có 2 chuyên ngành đào tạo SDH. Tổng số sinh viên của trường là 6.000, trong đó có 4.000 hệ chính quy, hơn 200 SV hệ cử tuyển, 500 SV hệ đào tạo theo địa chỉ và hơn 1.000 SV hệ giáo dục thường xuyên. Trường THPT Dân lập Châu Phong trực thuộc trường có 500 HS. Trung tâm giáo dục quốc phòng Hà Nội 2 thuộc trường có lưu lượng 1.000 SV, trong đó có lớp học viên là giáo viên thể dục được đào tạo để giảng dạy giáo dục quốc phòng cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các trường trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng.

* Đội ngũ viên chức của trường có 430 người, trong đó có 6 NGƯT, 6 PGS, 40 TS, 107 ThS, 82 GVC, 126 GV, 190 nữ VC. Năm 2005, trường thành lập khoa Hóa học, khoa Tin học và Trung tâm khảo thí. Trường đang tiếp tục thành lập các khoa, trung tâm mới: Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, khoa giáo dục chính trị, khoa ngoại ngữ... Hiện có 5 chuyên ngành đào tạo SDH và đang tiếp tục được mở thêm.

* Nhà trường đã có những biện pháp tích cực tuyển viên chức, cử đi đào tạo bồi dưỡng, hợp tác khoa học, quy hoạch cán bộ, giáo dục nâng cao phẩm chất chính trị... Năm học qua, nhiều cán bộ được cử đi đào tạo: 9 NCS, 7 HVCH, 2 hợp tác KHCN với nước ngoài, 3 cán bộ bảo vệ luận án TS. Trường đang tổ chức thi tuyển 22 GV, 5 CV và 2 thư viện viên.

* Về "đổi mới nội dung, chương trình và phương pháp giáo dục theo hướng hiện đại và phù hợp với thực tiễn Việt Nam"

* Nhà trường đã tạo ra phong trào thi đua trên cơ sở nhận thức có chiều sâu, thiết thực, đã được các đơn vị và viên chức tích cực tham gia.

* Công tác đào tạo được kết hợp chặt chẽ với công tác NCKH: Khoa học - Đào tạo - Thực tiễn.

* Nhà trường phấn đấu có thêm 20 nghiên cứu sinh, 15 cán bộ đạt trình độ TS, 100% cán bộ trẻ được tuyển trước năm 2000 đạt trình độ thạc sĩ, có 10 PGS, có GS, có 10 NGƯT và có NGND. Tăng số cán bộ được cử đi đào tạo sau ĐH ở nước ngoài. 80% GV có trình độ sau ĐH.

1 số hoạt động đang được triển khai:

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng GV, CBQL.

2. Xây dựng các chương trình đào tạo ngành sư phạm mới.

3. Trang bị và khuyến khích sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại.

4. Nâng cấp thư viện, hệ thống thiết bị tin học, phòng thí nghiệm...

5. Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo GV, nâng cao lý tưởng nghề nghiệp cho giáo sinh.

6. Đẩy mạnh phong trào thi đua 2 tốt, xây dựng môi trường sư phạm...

Trong nhiệm kỳ 2005 - 2008 Đảng bộ trường ĐHSP Hà Nội 2 phấn đấu thực hiện Chỉ thị 40 của Ban Bí thư về xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Đây là khâu đột phá quan trọng để phát triển nhà trường và sự nghiệp giáo dục, đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG QUẬN CẨM LỆ



**Bí thư Quận ủy
LÊ KIM CỦNG**

Ngày 5/8/2005 Chính phủ ban hành Nghị định số 102/2005/NĐ - CP thành lập quận Cẩm Lệ thuộc thành phố Đà Nẵng trên cơ sở các xã Hoà Thọ, Hoà Phát, Hoà Xuân thuộc huyện Hoà Vang, phường Khuê Trung thuộc quận Hải Châu. Ngày 25-8-2005 Ban thường vụ Thành uỷ Đà Nẵng ban hành Quyết định số 3673-QĐ/TU về việc thành lập đảng bộ quận Cẩm Lệ, đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển về phía Tây - Nam của thành phố Đà Nẵng. Quận Cẩm Lệ có 6 phường trực thuộc với diện tích tự nhiên 3.330 ha, dân số có 71.429 người, mật độ dân số trung bình 2.145 người/km².

Quận Cẩm Lệ có vị thế hết sức quan trọng, là cửa ngõ trên trục giao thông phía tây nam của thành phố, là địa bàn gần trung tâm. Trong những năm tới, yêu cầu phát triển của thành phố mở rộng không gian đô thị trung tâm của miền Trung sẽ tạo thuận lợi nhất định trong việc đẩy nhanh tốc độ đầu tư kết cấu hạ tầng đô thị trên địa bàn quận. Các dự án lớn như: Khu công nghiệp Hoà Cầm, Trung tâm hội chợ triển lãm quốc tế, siêu thị Nhật Linh, bến xe trung tâm... đã và đang được xây dựng trong những năm tới sẽ hoàn thành đưa vào sử dụng tạo ra nhiều lợi thế để quận phát triển kinh tế - xã hội.



PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ VÀ NHỮNG CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NHIỆM KỲ I (2005 - 2010)

*** Phương hướng chung:** Tập trung xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện, nâng cao năng lực lãnh đạo các tổ chức Đảng, quản lý điều hành của chính quyền, kết hợp với phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân. Quyết tâm xây dựng quận Cẩm Lệ đến năm 2010 phát triển đồng bộ về kết cấu hạ tầng đô thị, tạo thế và lực để phát triển mạnh về công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch ở cửa ngõ phía Tây Nam thành phố.

*** Những chỉ tiêu chủ yếu:**

1. Tổng giá trị sản xuất tăng bình quân: 17 - 18%.
2. Giá trị ngành công nghiệp - xây dựng tăng bình quân: 18% - 19%, trong đó công nghiệp dân doanh tăng bình quân là 22-23%.
3. Giá trị ngành thương mại dịch vụ tăng bình quân: 15 - 16%; Giá trị XK trên địa bàn tăng bình quân 22-24%.

4. Giá trị nông nghiệp tăng bình quân: 2,8%/năm.
 5. Tăng thu ngân sách nhà nước hàng năm từ 10 - 12%.
 6. Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2010 đạt 18 - 20 triệu đồng/người/năm và giải quyết việc làm từ 1.300 - 1.500 lao động/năm
 7. Giảm tỷ suất sinh từ 0,45% - 0,5%.
 8. Giảm hết hộ nghèo hiện nay.
 9. Giao quân hàng năm có chất lượng và đạt 100% số lượng.
 10. Phấn đấu hàng năm đạt 70% tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh, không có tổ chức cơ sở đảng yếu. Hàng năm phát triển từ 80 đến 100 đảng viên mới.
- Đến năm 2010, tỷ trọng giá trị công nghiệp - xây dựng 80%, giá trị thương mại - dịch vụ 18% và nông nghiệp còn khoảng 2%.

ĐỊA CHỈ: 133 ÔNG ÍCH ĐƯỜNG - ĐÀ NẴNG * ĐIỆN THOẠI: 0511. 698 726

HUYỆN LÝ NHÂN

ĐỊA CHỈ: THỊ TRẤN VINH TRỤ, HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

ĐIỆN THOẠI: 0351. 870 011* 870 024



BCH Đảng bộ huyện khóa XXIII

Lý Nhân là huyện nằm ở phía Đông- Bắc tỉnh Hà Nam, phía Nam giáp tỉnh Nam Định, phía Tây và Bắc giáp huyện Bình Lục và huyện Duy Tiên, phía Đông giáp tỉnh Hưng Yên, Thái Bình. Diện tích tự nhiên 167.042 km², dân số: 192.488 người. Đơn vị hành chính: 22 xã và 01 thị trấn.

Huyện là vùng chiêm trũng còn gặp nhiều khó khăn, đến nay nhờ sự đoàn kết, năng động của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị, ý chí quyết tâm của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong toàn Đảng bộ, Lý Nhân đang từng bước chuyển mình đi lên bắt nhịp với sự chuyển mình của quê hương, đất nước.

Thực hiện Nghị quyết 03-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Nam về chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong công nghiệp, Huyện Lý Nhân đã chỉ đạo tích cực áp dụng Khoa học kỹ thuật, đưa các giống cây, con có giá trị kinh tế cao vào sản xuất, nhân rộng mô hình sản xuất, phát triển chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại xa khu dân cư.

Quan tâm bảo vệ các nguồn gen quý hiếm tại địa phương với chuỗi ngừ Đại Hoàng, hồng Nhân Hậu và quýt hương Văn Lý, từng bước giới thiệu và tạo thương hiệu cho đặc sản quê hương.

Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp được quan tâm đầu tư. Huyện ủy chỉ đạo có cơ chế phù hợp thu hút các nhà đầu tư vào các cụm Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp Hòa Hậu, Phú Phúc... Khuyến khích nhân dân phát huy các ngành nghề thủ công truyền thống ở địa phương như: mộc Cao Đà, dệt Nhân Hậu, tằm Văn Lý đồng thời tìm các nghề mới đáp ứng nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước. Nhờ đó đã giải quyết việc làm tại chỗ cho người lao động góp phần nâng cao thu nhập và đời sống cho nhân dân, đóng góp cho nguồn thu ngân sách của địa phương. Giá trị sản xuất bình quân đạt 126 tỉ đồng/ năm, tăng bình quân 13,71% năm.

Văn hoá - xã hội tiếp tục thu được nhiều thành tích rất đáng phấn khởi. Lý Nhân tự hào là quê hương của nhà văn Nam Cao, cái nôi của phong trào thi đua hai tốt với trường Bắc Lý, hai lần được nhà nước phong tặng Danh hiệu Anh hùng Lao động.

Đắc định công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, Huyện Lý Nhân đặc biệt quan tâm, đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng chính đồn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII. Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, Huyện Lý Nhân đổi mới phương thức ban hành các nghị quyết chuyên đề lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện trên tất cả các lĩnh vực công tác. Công tác tổ chức và cán bộ được coi trọng, tích cực tuyên truyền Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp tới các tầng lớp nhân dân. Phát động các phong trào thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X.

TRONG THỜI GIAN TỚI, ĐẢNG BỘ, QUÂN VÀ DÂN LÝ NHÂN QUYẾT TÂM THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ LẦN THỨ XXIII VỚI CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU SAU:

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BÌNH QUÂN 9,9%/NĂM. THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI ĐẠT TỪ 7,5-8 TRIỆU ĐỒNG/NGƯỜI/NĂM. CƠ CẤU KINH TẾ: NÔNG, LÂM, THỦY SẢN: 39%; THƯƠNG MẠI-DỊCH VỤ: 30%; CN-XÂY DỰNG: 31%

PHẦN ĐẤU ĐẾN NĂM 2010 LÀ ĐẢNG BỘ TRONG SẠCH VỮNG MẠNH XUẤT SẮC.

Toàn cảnh trung tâm huyện





ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

VIỆN QUẢN TRỊ KINH DOANH

CHƯƠNG TRÌNH THẠC SỸ QUẢN TRỊ KINH DOANH BẰNG TIẾNG ANH
(E-MBA) KHÓA 5
MASTER OF BUSINESS ADMINISTRATION
(MBA) INTAKE 5

- ☎ Với sự hỗ trợ của Dự án USAID và Đại học Boise State (Mỹ) về công nghệ và chương trình giảng dạy
- ☎ Phương pháp giảng dạy hiện đại áp dụng công nghệ đào tạo tiên tiến của Hoa Kỳ, giảng dạy và học bằng tiếng Anh
- ☎ Do các giáo sư nước ngoài và các giảng viên đã tốt nghiệp các chương trình thạc sỹ và tiến sỹ tại Mỹ và châu Âu giảng dạy
- ☎ Thời gian: 2 năm
- ☎ Bằng Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA)
- ☎ Cơ hội tốt nhất để bạn phát triển nghề nghiệp tương lai

MỘT SỐ THÔNG TIN CHI TIẾT XIN LIÊN HỆ:

Anh Cao Thanh Phong
Viện Quản trị Kinh doanh
Đại học Kinh tế Quốc dân
207 Đường Giải Phóng, Hà Nội

ĐT: (04) 869 0055- 869 4250 máy lẻ: 104
Fax: (04) 869 1682
E- mail: e- mba @ bsneu.edu.vn
Website: www. bsneu @ edu.vn



Giám đốc
ĐÀO ĐỨC NGUYỄN

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI TỈNH PHÚ YÊN

ĐỊA CHỈ 34 LÊ LỢI, TP TUY HÒA * ĐT 057.810206 * FAX 057. 824347

Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Phú Yên chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01/04/2003. Qua gần 3 năm, từng bước vượt khó, hình thành và phát triển, Chi nhánh đã hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao, góp phần thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo của tỉnh nhà. Đội ngũ nhân viên NHCSXH có hơn 90% là mới tuyển, nhiệt tình, năng động, được đào tạo bài bản, chính quy, thường xuyên được cử đi học các lớp tập huấn nghiệp vụ. Bộ máy tác nghiệp điều hành của chi nhánh từ Hội sở đến các huyện hoạt động trôi chảy, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Năm 2005 Phú Yên là một trong những tỉnh làm tốt công tác xóa đói giảm nghèo. Vốn cho vay hộ nghèo đã góp phần tăng sản lượng nông nghiệp và chăn nuôi, giải quyết và tạo ra nhiều công ăn việc làm, góp phần giảm nghèo, xóa đói. Kinh tế xã hội tỉnh Phú Yên có những chuyển biến vượt bậc, tốc độ tăng trưởng bình quân trên 10% hàng năm. Ước tính tổng sản phẩm xã hội năm 2005 đạt 2.586 tỷ. Cùng với sự tăng trưởng hàng năm, tình hình xóa đói giảm nghèo đã có chuyển biến rõ rệt.

Năm 2005 dự kiến tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí cũ còn dưới 5%.

Định hướng trong những năm tiếp theo, ngân hàng chính sách tỉnh Phú Yên phát huy hơn nữa năng lực, phẩm chất đạo đức, kiện toàn hệ thống thực hiện thành công chương trình xóa đói giảm nghèo, thực hiện một xã hội công bằng, văn minh, dân chủ, hạnh phúc.



CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI ĐỒNG THÁP

Trụ sở: 163 Q.10 30, phường Mỹ Phú - TX.Cao Lãnh - tỉnh Đồng Tháp
Tel: (067) 851900 - 851452 * Fax: (067) 851452

Chi nhánh TP.HCM

0138 lô B, Chung cư Lạc Long Quân - P.5 - quận 11
Tel/Fax: (84.8) 8652490 * Email: ctycpsmdt@hcm.vnn.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI HOẠT ĐỘNG

Hợp tác - Liên doanh - Liên kết sản xuất kinh doanh
& gia công hàng may mặc XK: Sômi, Jacket, T-shirt,
Polo shirt, quần áo Đạo hồi, khăn bông...

THỊ TRƯỜNG CHÍNH

EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Đông,
Hong Kong...



CÔNG TY TNHH MINH ĐỨC

ĐC: Tổ 20 thôn Vạn Hạnh - TT Phú Mỹ - H.Tân Thành - tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
ĐT: 064.921949 * Fax: 064.921947 ĐD: 0918.327542 - 0909.375566

Giám đốc: NGUYỄN NGỌC ĐỨC

Chuyên:

Gia công cơ khí và xây dựng các công trình
dân dụng, san lấp mặt bằng, mua bán
VLXD, gia công các loại cửa sắt, cửa cuốn
Đài Loan, cửa kéo, lan can cầu thang, nhà
vòm, nhà tiền chế.



TỔNG CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG I CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG TRÀ VINH

Địa chỉ: xã Lưu Nghiệp Anh - huyện Trà Cú - tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: 074. 871 042 - 871 032

Fax: 074. 871 812

Giám đốc: Kỹ sư Vũ Đức Hòa

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:

- Sản xuất, chế biến đường và các sản phẩm sau đường
- Sản lượng đường 24.000 - 26.000 tấn/năm

SẢN PHẨM CHÍNH:

- Đường RS tiêu chuẩn - Đường vàng chất lượng cao
- Không dùng hóa chất tẩy màu, an toàn thực phẩm cao

CÁC SẢN PHẨM KHÁC:

- * Phân bón vi sinh:

- * Các loại nấm sản xuất từ bã mía: Nấm Bào ngư (nấm sò), nấm mèo trắng, nấm mèo đen, nấm rơm. Sản lượng: 30-40 tấn/năm.

- * Quy hoạch vùng mía nguyên liệu: 5.600 ha.

Trong đó: Có 3.000 ha giống mía mới cho năng suất, chữ đường cao như: ROC10; ROC16;
ROC20; ROC22; ROC23; VN84-4137; VN85-1859; K84-200; QĐ86-368; QĐ15;
R570; QĐ11; QĐ13

Công ty ký hợp đồng đầu tư, bao tiêu sản phẩm với từng hộ
đã bảo hiểm giá mía, đảm bảo mức lãi cho người trồng mía.
Đầu tư và tiêu thụ các loại nấm thực phẩm.



ĐẢNG BỘ TỔNG CÔNG TY THUỐC LÁ VIỆT NAM

Địa chỉ: 25A Lý Thường Kiệt - Hà Nội * Điện thoại: 04. 8 251 382 * Fax: 04. 8 265 777

Vượt qua nhiều khó khăn, được sự quan tâm chỉ đạo của Đảng ủy khối Công nghiệp Hà Nội, lãnh đạo Bộ Công nghiệp, Đảng ủy và ban lãnh đạo Tổng Công ty đã chủ động đề ra nhiều giải pháp chỉ đạo và động viên toàn thể CBCNV, đảng viên đoàn kết, tự tin xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, hoàn thành xuất sắc các mục tiêu SXKD, nhiệm vụ chính trị nhiệm kỳ 2003- 2005 với các kết quả đáng biểu dương trên các mặt như sau:

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẠT ĐƯỢC:

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005	Tốc độ tăng trưởng BQ %
Giá trị SXCN	Tỉ đồng	5.534	6.451	7.439	115,95
Tổng doanh thu	Tỉ đồng	11.146	11.944	13.906	111,70
Nộp ngân sách	Tỉ đồng	2.336	2.740	2.897	111,36
Lợi nhuận	Tỉ đồng	212	270	492	152,26
Kim ngạch XK	1.000 USD	28.860	41.295	43.295	122,48

Nhìn chung, các chỉ tiêu tăng trưởng bình quân đều đạt cao hơn Nghị quyết đề ra, thu nhập bình quân cũng tăng 12,2%/năm (NQ đề ra tăng 5%)...

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG:

- * Công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ luôn được Đảng ủy quan tâm và triển khai rộng rãi với cách làm dân chủ.
- * Thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình.
- * Về phát triển đảng: kết nạp 4 quần chúng vào Đảng và đã hoàn tất thủ tục đề nghị Đảng ủy Khối CN Hà Nội tiếp tục kết nạp 6 quần chúng ưu tú.
- * Tổ chức nhiều lớp học tập chính trị, lớp bồi dưỡng kết nạp Đảng, lớp lí luận chính trị, lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng...

MỘT SỐ THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU NHIỆM KỲ (2003- 2005):

- * Đảng bộ và các chi bộ được công nhận đạt danh hiệu là cơ sở đảng trong sạch vững mạnh và vững mạnh tiêu biểu.
- * 100% đảng viên được công nhận là đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- * Nhiều cán bộ, đảng viên đã đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua các cấp, Huân chương Lao động, nhiều Bằng khen của Chính phủ, của Bộ và Tổng công ty.



BCH Đảng bộ Tổng Công ty nhiệm kỳ 2005- 2008

Phát huy thành tích đã đạt được, bằng trí tuệ và tinh thần đoàn kết cao, toàn thể cán bộ, đảng viên, công nhân viên của Đảng bộ TCT quyết tâm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị nhiệm kỳ 2005- 2008, thiết thực chào mừng Đại hội Đảng các cấp và tiến tới Đại hội X của Đảng.

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH NINH BÌNH

ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG TRẦN HUNG ĐẠO, PHƯỜNG ĐÔNG THÀNH, THỊ XÃ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH

PHÓ CHỦ TỊCH: TRẦN QUANG HIỂN * ĐT: 030 871710, 872618 * FAX: 030 871209

Thực hiện sự chỉ đạo của Đoàn Chủ tịch Tổng LĐLĐ Việt Nam và ban chỉ đạo tỉnh Ninh Bình, LĐLĐ tỉnh tổ chức tổng kết 5 năm Công đoàn tham gia xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Kết quả, qua 5 năm đã xây dựng được 3 làng văn hóa công nhân; 232 đơn vị cơ quan, trường học đạt tiêu chuẩn cơ quan văn hóa cấp tỉnh, 542 đơn vị cấp huyện. Năm 2005, LĐLĐ tỉnh phối hợp với các ngành chức năng kiểm tra thẩm định 80 cơ quan, trường học đạt danh hiệu cơ quan văn hóa cấp tỉnh năm 2004.

Năm 2005 nhìn chung thu nhập và đời sống của Công nhân viên chức lao động được đảm bảo và có cải thiện. Nhiều doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất, tạo thêm việc làm cho người lao động. Số doanh nghiệp sau khi thực hiện đổi mới, sắp xếp lại hoặc chuyển đổi hình thức sở hữu đã sớm ổn định tổ chức, duy trì sản xuất bước đầu có hiệu quả. Nhiều doanh nghiệp có mức thu nhập bình quân tăng từ 100.000 đ đến 300.000 đ/người/tháng. Trong năm 2005, đã bồi dưỡng, giới thiệu cho Đảng 975 đoàn viên công đoàn ưu tú để các cấp ủy đảng xem xét kết nạp vào Đảng CSVN.

LĐLĐ tỉnh tham gia cùng các ngành chức năng, đóng góp có hiệu quả cùng ban đổi mới, sắp xếp Doanh nghiệp trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định số 395/QĐ-TTg ngày 10/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Kết quả thực hiện QĐ 295 của Thủ tướng Chính phủ, từ năm 2003 đến nay LĐLĐ tỉnh đã tham gia sắp xếp được 23 doanh nghiệp. Trong đó, cổ phần hóa: 11 doanh nghiệp, chuyển sự nghiệp có thu: 01 doanh nghiệp. Đã giao cho tập thể NLĐ: 8 DN, bán cho tập thể NLĐ và các tổ chức: 3 doanh nghiệp. Đã giải quyết chế độ cho 1.456 lao động trong diện dôi dư với tổng số tiền chi trả là 44.117 triệu đồng.



PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU NĂM 2006

Năm 2006, là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng, Nghị quyết Đại hội lần thứ XIX Đảng bộ tỉnh Ninh Bình; năm đầu thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn 2006-2010; năm sơ kết nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Công đoàn Việt Nam, Nghị quyết Đại hội XII công đoàn tỉnh Ninh Bình.

Công tác tuyên truyền giáo dục và các hoạt động xã hội

LĐLĐ tỉnh tổ chức đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn trong Công nhân viên chức lao động và các cấp công đoàn để học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội XIX đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội X của Đảng, tham gia với chuyên môn tổ chức tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước cho cán bộ, Công nhân viên chức lao động và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT nhân các sự kiện trọng đại và các ngày lớn của đất nước.

Tham gia phối hợp với các cơ quan chức năng đẩy mạnh công tác tuyên truyền thực hiện luật thực hành tiết kiệm, luật phòng chống tham nhũng, luật doanh nghiệp và các luật khác có liên quan tác động đến cán bộ, công nhân viên chức lao động và tổ chức công đoàn, nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác xây dựng cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn cơ quan văn hóa các cấp. Vận động Công nhân viên chức lao động tích cực tham gia phòng chống tội phạm, ma túy, mại dâm, tệ nạn xã hội trong công nhân viên chức lao động; tích cực tham gia các hoạt động xã hội từ thiện do tỉnh và các ngành phát động.

Công tác tổ chức và xây dựng công đoàn vững mạnh

Công đoàn ngành, LĐLĐ huyện, thị xã tăng cường hướng dẫn, kiểm tra Công đoàn cơ sở thực hiện hiện Thông tri số: 02/ TLĐ về xây dựng Công đoàn cơ sở vững mạnh; nghiên cứu hướng dẫn Công đoàn cơ sở các đơn vị ngoài quốc doanh hoạt động có hiệu quả, phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp, tránh tình trạng thành lập công đoàn chỉ là hình thức.

Ban Tổ chức cùng các LĐLĐ huyện, thị xã có khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Tam Điệp, Gián Khẩu, Ninh Phúc... tổ chức khảo sát năm tình hình Công nhân lao động, trên cơ sở đó có phương án tập hợp Công nhân lao động, phát triển đoàn viên công đoàn, thành lập Công đoàn cơ sở ở những nơi có đủ điều kiện theo điều lệ Công đoàn Việt Nam quy định.

LĐLĐ tỉnh hoàn chỉnh và triển khai thực hiện đề án phát triển đoàn viên, thành lập Công đoàn xã, phường, thị trấn. Đẩy mạnh công tác phát triển đoàn viên, thành lập công đoàn cơ sở khu vực kinh tế Ngoài quốc doanh, nâng cao chất lượng xây dựng Công đoàn cơ sở vững mạnh; phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu do Hội nghị BCH kỳ họp thứ III đề ra.

LĐLĐ tỉnh thành lập Ban chỉ đạo, xây dựng kế hoạch tổ chức sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội IX CSVN. Đại hội XII Công đoàn tỉnh và Nghị quyết Đại hội công đoàn ngành, huyện, thị xã.

LĐLĐ tỉnh và LĐLĐ huyện, thị xã. Công đoàn ngành xây dựng kế hoạch mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng cán bộ công đoàn sau Đại hội Công đoàn cơ sở, nhằm bồi dưỡng kỹ năng kiến thức hoạt động của cán bộ công đoàn, nhất là cán bộ công đoàn kiêm nhiệm, cán bộ công đoàn cơ sở.



CÔNG TY TNHH XỔ SỐ KIẾN THIẾT TỈNH TÂY NINH

Địa chỉ : 167 Đại lộ 30/4, Thị xã Tây Ninh - ĐT : 822327 - 827536



Vì ích nước, lợi nhà
hãy mua
vé số Tây Ninh

KÍNH CHÚC QUÝ ĐỒNG BÀO
THAM GIA XỔ SỐ KIẾN THIẾT
TỈNH TÂY NINH

May Mắn và Hạnh Phúc

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Tài

HUYỆN TỈNH GIA

Địa chỉ: thị trấn Còng - H. Tỉnh Gia - T. Thanh Hoá * Điện thoại: 037. 861 001



Tỉnh ủy viên

Bí thư: **TRƯƠNG BÁ PHÚC**

Tỉnh Gia với lợi thế là huyện đồng bằng ven biển, có nhiều tiềm năng lợi thế để phát triển nền kinh tế đa dạng, phong phú, có trục giao thông chính quốc gia đi qua thuận lợi phát triển kinh tế hàng hoá, có khu công nghiệp mới Ngh Sơn đang được Tỉnh và Trung ương đầu tư xây dựng... Trong 5 năm qua (2001-2005) phát huy sức mạnh tổng hợp, Đảng bộ chính quyền và nhân dân trong huyện ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII đã đề ra:

1. Kinh tế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt khả và bình quân cao hơn so với nhiệm kỳ 1996-2000.

* Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm đạt 11%, cao hơn 4%.

* Tốc độ tăng GDP nông, lâm, ngư nghiệp bình quân 9,2%/năm, cao hơn 4,75%, vượt 2,2% so với chỉ tiêu Đại hội.

* Tốc độ tăng trưởng GDP công nghiệp - xây dựng bình quân 14%/năm.

* Tốc độ GDP các ngành dịch vụ, thương mại tăng bình quân 11,8%/năm, cao hơn 4,4%, vượt chỉ tiêu Đại hội 2,8%.

* Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, theo hướng tăng tỷ trọng dịch vụ, thương mại, tiểu thủ CN, giảm tỷ trọng nông nghiệp.

* Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được tăng cường: Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong 5 năm là 780 tỉ đồng, trong đó vốn do huyện huy động là 380 tỉ đồng, vượt chỉ tiêu Đại hội đề ra.

2. Văn hoá - xã hội:

* Sự nghiệp giáo dục được huyện đặc biệt quan tâm, Quy mô các ngành học, cấp học ổn định và phát triển; chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên. Hằng năm có trên 95% học sinh các cấp thi đậu tốt nghiệp, 10%-15% học sinh thi đỗ vào các trường cao đẳng và đại học. Toàn huyện có 11 trường đạt chuẩn quốc gia.

* Công tác y tế chăm sóc sức khoẻ nhân dân có chuyển biến tiến bộ, có 8,8% số xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế, trên 80% trạm y tế có bác sĩ... đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân.

3. Công tác xây dựng Đảng: quan tâm xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng chính đồn Đảng, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng và đảng viên.



* Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm 14% trở lên, GDP bình quân đầu người đạt 780 USD.

* Cơ cấu giá trị các ngành sản xuất: Nông - lâm nghiệp: 24%; ngư nghiệp: 14%; công nghiệp - xây dựng: 31,5%; dịch vụ: 30,8%.

* Giá trị sản lượng trên 1 héc ta canh tác đến năm 2010 đạt 35 triệu đồng trở lên.

* Giá trị sản xuất hàng xuất khẩu đạt trên 12 triệu USD.

* Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong 5 năm là 1.500 tỉ đồng, trong đó vốn huyện huy động đầu tư là 600 tỉ đồng.

* Thực hiện cơ bản chương trình phổ cập THPT vào năm 2010.

* Số trường đạt chuẩn quốc gia: 50%.

* Đến năm 2010 có 75% số xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế.

* Giải quyết việc làm mới hằng năm từ 4.500-5.000 lao động.

* Đến năm 2010 không còn hộ đói, giảm hộ nghèo mỗi năm 3%.

* Tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh hằng năm đạt 80%, hằng năm phát triển 250 đảng viên mới.

5730

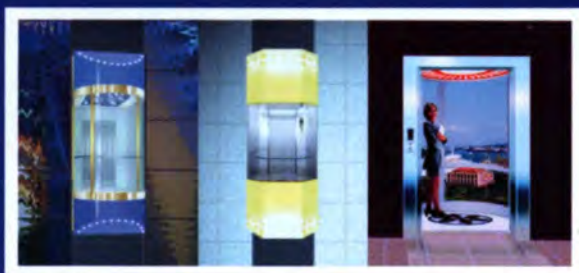


**THANG MÁY
THIÊN NAM
ELEVATOR**



Kết nối tầng cao

Website : thiennamelevator.com
Email : thiennam.elv@hcm.vnn.vn



**Tin cậy
An toàn
Êm ái
Trang nhã**

CHUYÊN CUNG CẤP :
THANG MÁY TẢI KHÁCH
THANG MÁY TẢI GIƯỜNG BỆNH
THANG MÁY LỒNG KÍNH
THANG MÁY TẢI HÀNG
THANG MÁY TẢI XE HƠI
THANG CUỐN
BĂNG TẢI NGƯỜI



**Dịch vụ tư vấn sử dụng,
bảo hành bảo trì trên khắp
các tỉnh thành cả nước**

TP.HCM :
18C Hoàng Việt, Q. Tân Bình
Tel : 08.4490210 - 15
Fax : 08.4490208 - 09
Email : thiennam.elv@hcm.vnn.vn

NHA TRANG :
92C Lê Hồng Phong.
Tel : 058.870111
Fax : 058.870112

HÀ NỘI :
9 Giải Phóng, Q. Hai Bà Trưng
Tel : 04.6290584 - 85
Fax : 04.6290582
Email : thiennam.elv@hcm.vnn.vn

HẢI PHÒNG :
170H Lê Lai, Q. Lê Chân
Tel : 031.766898
Fax : 031.767885

ĐÀ NẴNG :
38 Lê Hồng Phong, Đà Nẵng
Tel : 0511.829015
Fax : 0511.897969
Email : thiennam.dn@hcm.vnn.vn

QUẢNG NINH :
402 Hạ Long, TP. Hạ Long
Tel : 033.843126
Fax : 033.846722

KIÊN GIANG :
11 Hùng Vương,
TX. Rạch Giá
Tel : 077.922171
Fax : 077.922161

HUẾ :
05 An Dương Vương
Tel : 054.815262
Fax : 054.815262

CẦN THƠ :
97B1 TT. Thương Mại Cái Khế
Tel : 071.762403
Fax : 071.762430
Email : thiennamct.elv@hcm.vnn.vn

LÂM ĐỒNG :
57 Nguyễn Văn Trỗi, Đà Lạt
Tel : 063.520201
Fax : 063.520201

HX
7
H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI X ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.

11/2006

CURRENT SERIALS

8

4-2006



CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH AN GIANG **AGRIBANK AN GIANG**



Hân hạnh phục vụ Quý khách hàng

- Huy động vốn với nhiều hình thức và lãi suất hấp dẫn.
- Thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại tệ.
- Chuyển tiền điện tử trong nước; chuyển tiền ra nước ngoài; chuyển tiền nhanh từ nước ngoài về Việt Nam qua hệ thống **Western Union**.
- Nghiệp vụ bảo lãnh, cho thuê tài chính, cầm đồ;...
- Cho vay ngắn và trung hạn đối với các thành phần kinh tế.



Điểm giao dịch trong tỉnh

- | | |
|--|-----------------------------|
| 1. NHNo tỉnh An Giang: | ☎ 852688 856425 Fax: 856748 |
| 51B Tôn Đức Thắng, P. Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên. | |
| 2. Phòng Giao dịch Bình Khánh: | ☎ 956303 |
| 220 - 222 Hàm Nghi, P. Bình Khánh, TP. Long Xuyên. | |
| 3. NHNo thành phố Long Xuyên: | ☎ 846367 |
| 73 - 75 Nguyễn Trãi, P. Mỹ Long, thành phố Long Xuyên. | |
| 4. Phòng Giao dịch Mỹ Long: | ☎ 841346 |
| 40-42 Hai Bà Trưng, Mỹ Long, thành phố Long Xuyên. | |
| 5. Phòng Giao dịch Vàm Cống: | ☎ 932552 |
| 28/10 An Hưng, Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên. | |
| 6. NHNo thị xã Châu Đốc: | ☎ 868186 |
| 4 - 5 Quang Trung, phường Châu Phú B, thị xã Châu Đốc. | |
| 7. NHNo huyện Châu Thành: | ☎ 836032 |
| Quốc lộ 91, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành. | |
| 8. NHNo cấp 3 - Vĩnh Bình: | ☎ 839881 |
| Tỉnh lộ 941, xã Vĩnh Bình, huyện Châu Thành. | |
| 9. NHNo huyện Châu Phú: | ☎ 688217 |
| Quốc lộ 91, thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú. | |
| 10. NHNo huyện An Phú: | ☎ 826743 |
| 472 Thoại Ngọc Hầu, thị trấn An Phú, huyện An Phú. | |
| 11. NHNo huyện Tân Châu: | ☎ 822184 |
| 01 Trần Hưng Đạo, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu. | |
| 12. NHNo cấp 3 - khu TT Thương mại Tân Châu: | ☎ 532277 |
| 169 Tôn Đức Thắng, thị trấn Tân Châu, huyện Tân Châu. | |

- | | |
|---|----------|
| 13. NHNo huyện Phú Tân: | ☎ 827319 |
| Ấp Trung III, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân. | |
| 14. NHNo cấp 3 - Chợ Vàm: | ☎ 829159 |
| Ấp Phú Xương, thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân. | |
| 15. Phòng Giao dịch Hòa Lạc: | ☎ 883242 |
| Ấp Hòa Bình, xã Hòa Lạc, huyện Phú Tân. | |
| 16. NHNo huyện Chợ Mới: | ☎ 883242 |
| 10 Lê Lợi, thị trấn Chợ Mới, huyện Chợ Mới. | |
| 17. NHNo cấp 3 - Mỹ Luông: | ☎ 625279 |
| Nguyễn Huệ, TT. Mỹ Luông, huyện Chợ Mới. | |
| 18. NHNo cấp 3 - Hòa Bình: | ☎ 638088 |
| Tỉnh lộ 942, ấp An Thuận, xã Hòa Bình, huyện Chợ Mới. | |
| 19. NHNo huyện Tri Tôn: | ☎ 874780 |
| 63 Trần Hưng Đạo, TT. Tri Tôn, huyện Tri Tôn. | |
| 20. NHNo cấp 3 - Ba Chúc: | ☎ 872168 |
| Thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn. | |
| 21. NHNo huyện Tịnh Biên: | ☎ 875259 |
| 21/23 Thới Hòa, TT. Nhà Bàng, huyện Tịnh Biên. | |
| 22. NHNo cấp 3 - Chi Lăng: | ☎ 877830 |
| Thị trấn Chi Lăng, huyện Tịnh Biên. | |
| 23. NHNo cấp 3 - Xuân Tô: | ☎ 876030 |
| Xã Xuân Tô, huyện Tịnh Biên. | |
| 24. NHNo huyện Thoại Sơn: | ☎ 879230 |
| 179 Nguyễn Huệ, TT. Núi Sập, huyện Thoại Sơn. | |
| 25. NHNo cấp 3 - Vọng Thê: | ☎ 870723 |
| Thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn. | |
| 26. NHNo cấp 3 - Phú Hòa: | ☎ 721156 |
| Thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn. | |



**Muốn biết chi tiết xin Khách hàng liên hệ
với các chi nhánh AGRIBANK trong tỉnh An Giang**



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

THÁNG 2 KỶ

RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 754

8

4-2006

● BỘ BIÊN TẬP :

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội

Điện thoại : (04) 7 753 605

Fax : (04) 7 753 633

Email: bbtccs@hn.vnn.vn

● Cơ quan thường trú tại miền Trung :

26 Trần Phú,

Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : (080) 51301

Fax : (080) 51303

● Cơ quan thường trú tại miền Nam :

19 Phạm Ngọc Thạch,

Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 8 274 638

Fax : (08) 8 231 664

● Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

● Tổng Biên tập :

LÊ HỮU NGHĨA



4-2006

NHÂN KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY SINH CỐ TỔNG BÍ THƯ HÀ HUY TẬP (24-4-1906 - 24-4-2006)

PHAN ĐIỀN - Đồng chí Hà Huy Tập, người chiến sĩ cộng sản kiên cường, nhà lãnh đạo tài năng của Đảng, người con ưu tú của dân tộc ta, nhân dân ta

3

NGUYỄN THANH BÌNH - Hà Tĩnh phát huy truyền thống quê hương, noi gương Tổng Bí thư Hà Huy Tập, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng

9

NGUYỄN THỊ KIM DUNG - Cống hiến của đồng chí Hà Huy Tập trong việc chuẩn bị và tổ chức Đại hội lần thứ nhất của Đảng

12

TIẾN TỚI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X CỦA ĐẢNG

ĐỖ BÌNH DƯƠNG - Cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước với việc huy động và phát huy các nguồn lực

17

TÀO HỮU PHÙNG - Về định hướng và giải pháp công tác tài chính - ngân sách nhà nước giai đoạn 2006 - 2010

22

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN

"Xóa đói, giảm nghèo theo hướng phát triển bền vững ở nước ta hiện nay"

LÊ HỮU NGHĨA - Báo cáo Đề dẫn

28

* * * Tổng thuật Hội thảo

33

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

TRẦN HỮU TIẾN - Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong công cuộc đổi mới

39

TRẦN NGỌC LINH - V.I.Lê-nin và con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội

44

NGUYỄN NGỌC HỒI - Tương lai của nhân loại vẫn thuộc về chủ nghĩa xã hội

49

VÕ HÒA - Những luận điệu xuyên tạc của bọn phản động không lừa bịp được nhân dân ta

53

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

LÊ THẾ TIỆM - Nhiệm vụ phòng chống tội phạm trong tình hình mới

57

Y VẒNG - Kon Tum với mục tiêu thoát nghèo, sớm trở thành tỉnh phát triển nhanh, mạnh và toàn diện

62

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NHÂN ĐẰNG - Chuối chín cả nải

67

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN

NGUYỄN HUY QUÝ - Trung Quốc với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2006 và quy hoạch 5 năm lần thứ XI

68

Bìa 1: Chào mừng Đại hội X của Đảng.

Tranh: **Nguyễn Nhật Huỳnh**
(chỉnh sửa TCCS)

СОДЕРЖАНИЕ

• ФАН ЗИЕН: Товарищ Ха Ху Тап, стойкий коммунистический боец, талантливый руководитель Партии, превосходный сын нашей нации, нашего народа. • НГУЕН ТХАНЬ БИНЬ: Развивая традиции Родины, следуя примеру Генерального секретаря Ха Ху Тап, провинция Хатинь усиливает руководящую способность и боеготовность партийных организаций. • НГУЕН ТХИ КИМ ЗУНГ: Заслуги товарища Ха Ху Тап в подготовке и организации I-ого Съезда Компартии Вьетнама. • ДО БИНЬ ЗЫОНГ: Акционирование государственных предприятий и мобилизация и развитие различных источников сил. • ТАО ХЫУ ФУНГ: О направлениях и мерах решения бюджетно-финансовой работы в период 2006-2010 гг. • ЛЕ ХЫУ НГИА: Вводный доклад к Семинару: Ликвидация голода, снижение степени бедности в направлении устойчивого развития во Вьетнаме на данном этапе. • ЧАН ХЫУ ТИЕН: Неукоснительное удерживание социалистической ориентации в деле обновления страны. • ЧАН НГОК ЛИНЬ: В. И. Ленин и путь к социализму. • НГУЕН НГОК ХОЙ: Социализм – будущее человечества. • ВО ХОА: Искажённые доводы реакционных сил не могут ввести в заблуждение вьетнамский народ. • НГУЕН ХУ КУИ: Китай и план социально-экономического развития на 2006 г. и XI-ое пятилетнее планирование.

CONTENTS

• PHAN DIEN: Comrade Hà Huy Tập – a steadfast communist fighter, a talented leader of the Party, an excellent son of our nation and people. • NGUYEN THANH BINH: Hà Tĩnh province enhances leadership capability and fighting power of grassroots Party organisations, promoting the homeland traditions and following the example of General Secretary Hà Huy Tập. • NGUYEN THI KIM DUNG: Comrade Hà Huy Tập's contributions in preparing and organising the 1st Party Congress • ĐO BÌNH DƯƠNG: State enterprises equitisation and mobilisation, promotion of resources • TAO HUU PHUNG: Regarding orientations and solutions to the state's finance-budget matter in the period 2006-2010 • LE HUU NGHIA: Introduction report to the Seminar: Famine cancellation and poverty reduction in the direction of sustainable development in our country at the present. • TRAN HUU TIEN: Keeping steadily socialist orientation in the renovation cause. • TRAN NGOC LINH: V.I. Lenin and the path to socialism. • NGUYEN NGOC HOI: The future of the mankind is still belonging to socialism. • VO HOA: Distorting themes of reactionary gangs cannot deceive our people. • NGUYEN HUY QUY: China and the plan of socio-economic development in 2006 and the XIth five-year plan.

SOMMAIRE

• PHAN DIEN: Le camarade Hà Huy Tập, un combattant communiste indomptable, un dirigeant talentueux du Parti, un enfant d'élite de notre nation, de notre peuple. • NGUYEN THANH BINH: La province de Hà Tĩnh fait valoir ses traditions, suit l'exemple du Secrétaire général Hà Huy Tập, en élevant la capacité de direction et la combativité de l'organisation de base du Parti. • NGUYEN THI KIM DUNG: Les contributions du camarade Hà Huy Tập aux préparatifs et à l'organisation du premier congrès du Parti. • ĐO BÌNH DƯƠNG: La mise en actionnariat des entreprises étatiques et la mobilisation, la valorisation des ressources. • TAO HUU PHUNG: A propos de l'orientation et des mesures financières budgétaires de l'Etat pour la période 2006-2010. • LE HUU NGHIA: Rapport d'introduction du colloque: L'éradication de la famine et la réduction de la pauvreté dans le sens du développement durable dans notre pays à l'heure actuelle. • TRAN HUU TIEN: Maintenir fermement l'orientation socialiste dans l'oeuvre de renouveau. • TRAN NGOC LINH: V.I. Lénine et la voie vers le socialisme. • NGUYEN NGOC HOI: L'avenir de l'humanité appartient toujours au socialisme. • VO HOA: Les argumentations dénaturées des réactionnaires ne peuvent pas tromper notre peuple. • NGUYEN HUY QUY: La Chine et son plan du développement socio-économique pour 2006 et son 11^e plan quinquennal.

SUMARIO

• PHAN DIEN: El camarada Hà Huy Tập, comunista indomable, líder talentoso de nuestro Partido e hijo eminente de nuestra nación y de nuestro pueblo. • NGUYEN THANH BINH: Desplegando la tradición de la tierra natal, siguiendo el ejemplo del ex secretario general del Partido Hà Huy Tập, la provincia de Hà Tĩnh eleva la capacidad directiva y combativa de las organizaciones de base del Partido. • NGUYEN THI KIM DUNG: La contribución del compañero Hà Huy Tập en los preparativos y la organización del I Congreso Nacional del Partido. • ĐO BÌNH DƯƠNG: La capitalización por acción de empresas estatales con la movilización y el despliegue de las fuentes de fuerza. • TAO HUU PHUNG: Sobre la orientación y las medidas para el trabajo de finanza-presupuesto estatal de 2006-2010. • LE HUU NGHIA: Informe de introducción del Seminario "La eliminación del hambre y disminución de pobreza a la orientación de desarrollo estable de nuestro país en la actualidad. • TRAN HUU TIEN: Mantener firmemente la orientación socialista en la renovación. • TRAN NGOC LINH: V.I. Lenin y el camino de avance al socialismo. • NGUYEN NGOC HOI: El futuro de la humanidad pertenece aún al socialismo. • VO HOA: Los argumentos tergiversadores de los reaccionarios no pueden engañar a nuestro pueblo. • NGUYEN HUY QUY: China con su plan de desarrollo socio-económico de 2006 y su XI quinquenio.

目 录

• 潘演：何辉集同志—坚强的共产党主义战士，党的卓越领导人，我国民族和人民的优秀之子。• 阮清平：河静省发挥家乡传统，学习何辉集总书记，提高党的基层组织领导力和战斗力。• 阮氏金庸：何辉集同志对越南第一届党代会准备组织工作的贡献。• 杜平四：国企股份化与动员利用各种资源。• 曹友冯：关于 2006 至 2010 年阶段国家财政工作的定向和解决办法。• 黎友义：研讨会主题报告：当前我国可持续发展方向的扶贫工作。• 陈友进：革新工作中坚持社会主义定向。• 陈玉玲：列宁与社会主义前进道路。• 阮玉回：人类的将来仍然属于社会主义。• 武和：反动集团歪曲事实的言论不能欺骗我国人民。• 阮辉贵：中国与 2006 年经济—社会发展计划以及“十一五”规划。

**ĐỒNG CHÍ HÀ HUY TẬP, NGƯỜI CHIẾN SĨ
CỘNG SẢN KIÊN CƯỜNG, NHÀ LÃNH ĐẠO
TÀI NĂNG CỦA ĐẢNG, NGƯỜI CON UY TÚ
CỦA DÂN TỘC TA, NHÂN DÂN TA ****

PHAN DIỄN *

TRONG không khí toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phấn khởi thi đua lập thành tích chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, hôm nay, chúng ta họp mặt tại đây để long trọng Kỷ niệm 100 năm Ngày sinh đồng chí Hà Huy Tập, cố Tổng Bí thư của Đảng - một tấm gương kiên trung, bất khuất, hiến dâng trọn đời cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc.

Đồng chí Hà Huy Tập sinh ngày 24-4-1906 trong một gia đình nhà nho ở làng Kim Nặc, tổng Thổ Ngọa, nay là xã Cẩm Hưng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, một vùng quê giàu truyền thống cách mạng.

Sau khi tốt nghiệp Trường Quốc học Huế, năm 1923, đồng chí Hà Huy Tập dạy học ở Trường tiểu học Pháp - Việt, thị trấn Nha Trang (Khánh Hòa). Cuối năm 1925, đồng chí gia nhập *Hội Phục Việt*, một tổ chức yêu nước, tiền thân của *Hội Hưng Nam*, *Việt Nam Cách mạng Đảng*, *Tân Việt Cách mạng Đảng* (hay *Đảng Tân Việt*) sau

này. Vì tuyên truyền tư tưởng yêu nước trong học sinh, giáo viên và luôn đấu tranh chống lại những quyết định tùy tiện, độc đoán của nhà trường, giữa năm 1926 đồng chí bị trục xuất khỏi Nha Trang.

Tháng 8-1926, đồng chí về Vinh dạy học ở Trường Cao Xuân Dục, được *Hội Hưng Nam* giao nhiệm vụ tổ chức các lớp học buổi tối cho công nhân ở Vinh - Bến Thủy, lập ra tổ chức “Thanh niên học sinh cách mạng” trong trường tiểu học và tuyên truyền cách mạng trong nông dân. Do những hoạt động yêu nước đó, đồng chí bị chính quyền thực dân đưa lên dạy ở một trường ở vùng núi Nghệ An. Đồng chí chống lại quyết định vô lý đó, liền bị chức giáo viên, không cho dạy học nữa.

* Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng

** Diễn văn đọc tại Lễ kỷ niệm 100 năm Ngày sinh cố Tổng Bí thư Hà Huy Tập, tổ chức tại Hà Nội ngày 10-4-2006. Đầu đề là của Tạp chí Cộng sản.

Tháng 3-1927, Hội Việt Nam Cách mạng Đảng nhận thấy đồng chí là người có khả năng tổ chức và vận động quần chúng nên đã cử đồng chí vào Nam Kỳ hoạt động. Tại đây, đồng chí đã hoạt động trong nhiều môi trường khác nhau như: trường học, đồn điền, sở hỏa xa, tham gia dịch sách, mở lớp huấn luyện, tổ chức các cuộc đình công, lập ra các lớp học xóa mù chữ, v.v.. Những hoạt động của đồng chí đã góp phần mở rộng ảnh hưởng của *Tân Việt* ở Nam Kỳ.

Tháng 12-1928, nhân xảy ra vụ án đường Bác-bi-ê (Sài Gòn), bọn cảnh sát tổ chức vây ráp, lùng bắt những người cách mạng, tổ chức *Tân Việt* đã tìm cách đưa đồng chí tạm lánh sang Trung Quốc. Với sự giúp đỡ của tổ chức cách mạng Việt Nam ở nước ngoài và Lãnh sự quán Liên Xô tại Thượng Hải (Trung Quốc), tháng 7-1929, Hà Huy Tập được giới thiệu sang học ở Trường đại học Phương Đông (Liên Xô), khóa học 1929 - 1932. Vừa học lý luận, đồng chí vừa đi thực tập, học nghề ở nhà máy, thâm nhập thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô. Trong thời gian học ở trường, đồng chí viết nhiều bài đăng trên báo chí quốc tế lúc bấy giờ, nhất là *Tạp chí Bôn-sơ-vích*, cơ quan lý luận của Đảng Cộng sản Pháp, đồng thời tham gia soạn thảo một số tài liệu quan trọng khác. Chính nhờ những thành tích xuất sắc đó, đồng chí Hà Huy Tập đã trở thành đảng viên của Đảng Cộng sản Liên Xô.

Kết thúc khóa học, đồng chí Hà Huy Tập tìm cách trở về hoạt động trong nước, nhưng hành trình về nước khá gian nan, kéo dài do sự kiểm soát, truy lùng của mật thám quốc tế. Thời gian này, cách mạng ở trong nước đang bị kẻ thù khủng bố gắt gao, chịu những tổn thất nặng nề, bộ máy đảng bị phá vỡ, đồng chí Tổng Bí thư Trần Phú, nhiều

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và chiến sĩ cộng sản bị cầm tù, hãm hại, phong trào tạm thời lắng xuống. Đầu tháng 8-1933, các đồng chí Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Dực và Lê Hồng Phong gặp nhau ở Quảng Châu họp bàn quyết định triệu tập một Hội nghị Đảng để thành lập Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng làm nhiệm vụ chấp nối và khôi phục các tổ chức đảng ở trong nước. Tại Hội nghị đó (tháng 3-1934), đồng chí Hà Huy Tập được phân công phụ trách công tác tuyên truyền cổ động kiêm Tổng Biên tập *Tạp chí Bôn-sơ-vích* (sau chuyển thành cơ quan lý luận của Đảng Cộng sản Đông Dương). Tháng 6-1934, tại Ma Cao (Trung Quốc), đồng chí Hà Huy Tập tham dự Hội nghị Ban chỉ huy ở ngoài mở rộng để bàn về các công việc chuẩn bị cho Đại hội I của Đảng dự định sẽ họp vào mùa xuân năm 1935. Giữa lúc việc chuẩn bị Đại hội đang bộn bề thì Quốc tế Cộng sản triệu tập Đại hội VII. Đồng chí Lê Hồng Phong dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng ta đi dự, công việc chuẩn bị Đại hội Đảng do đồng chí Hà Huy Tập cùng các đồng chí còn lại tiếp tục gánh vác.

Từ ngày 27 đến ngày 31-3-1935, tại Ma Cao (Trung Quốc), đồng chí Hà Huy Tập đã chủ trì Đại hội lần thứ I của Đảng. Đại hội đã thông qua Báo cáo Chính trị do đồng chí Hà Huy Tập trình bày, thông qua Điều lệ Đảng và một số nghị quyết quan trọng khác; bầu ra Ban Chấp hành Trung ương và Ban Thường vụ do đồng chí Lê Hồng Phong làm Tổng Thư ký (tức Tổng Bí thư), đồng chí Hà Huy Tập là Thư ký Ban Chỉ huy ở ngoài. Thành công của Đại hội đánh dấu Đảng ta đã được khôi phục về tổ chức. Nhưng Ban Chấp hành Trung ương do Đại hội I bầu ra không tồn tại được lâu, chỉ một năm sau, đến đầu năm 1936 hầu hết các đồng chí trong Ban Thường vụ Trung ương Đảng

đang hoạt động trong nước đã bị địch bắt, Ban Thường vụ và Trung ương thực tế không còn hoạt động.

Cuối tháng 7-1936, tại Thượng Hải (Trung Quốc), đồng chí Lê Hồng Phong chủ trì Hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương để điều chỉnh đường lối chính trị và tổ chức của Đảng cho phù hợp với tinh thần Nghị quyết Đại hội VII Quốc tế Cộng sản. Tại Hội nghị này, đồng chí Hà Huy Tập được phân công về nước tổ chức lại Ban Chấp hành Trung ương mới và khôi phục mối liên lạc với các tổ chức đảng ở trong nước. Đồng chí Hà Huy Tập là Tổng Bí thư của Đảng từ giữa năm 1936.

Đầu tháng 8-1936, Tổng Bí thư Hà Huy Tập rời Trung Quốc về nước. Đồng chí lao ngay vào việc khôi phục tổ chức đảng và lãnh đạo phong trào cách mạng. Tháng 10-1936, tại Bà Điểm, Hóc Môn (Gia Định), đồng chí triệu tập Hội nghị cán bộ, bầu ra Ban Chấp hành Trung ương lâm thời. Tháng 3-1937, đồng chí triệu tập Hội nghị mở rộng nhằm thống nhất các tổ chức đảng ở Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ; xác định những chủ trương mới, thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển. Tháng 9-1937, đồng chí triệu tập và chủ trì Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương. Hội nghị đã kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng trong một năm qua, đề ra những nhiệm vụ cần kíp của Đảng trong điều kiện mới và bầu ra Ban Chấp hành Trung ương gồm 11 đồng chí và Ban Thường vụ gồm năm đồng chí. Với những nỗ lực không mệt mỏi của đồng chí Tổng Bí thư Hà Huy Tập, chỉ trong vòng hơn một năm trời, cơ quan lãnh đạo của Đảng và các tổ chức đảng trong cả nước một lần nữa được phục hồi, vượt qua thoái trào, phong trào cách mạng lại phát triển ngày càng lớn mạnh.

Tháng 3-1938, tại Bà Điểm, Tổng Bí thư Hà Huy Tập chủ trì Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương quyết định nhiều nội dung quan trọng để củng cố tổ chức đảng và lãnh đạo phong trào cách mạng trong giai đoạn mới đấu tranh cho những cải cách dân chủ ở Đông Dương, cho việc thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

Tháng 5-1938 trên đường đi công tác, đồng chí Hà Huy Tập bị thực dân Pháp bắt. Biết đồng chí là lãnh đạo của Đảng nhưng trong bối cảnh Mặt trận Nhân dân Pháp đang cầm quyền, thực dân Pháp không thể lấy cớ đồng chí là cộng sản để bắt giam. Chính quyền thực dân kết tội đồng chí trộm cắp giấy tờ và mang căn cước của người khác, phạt đồng chí 8 tháng tù và 5 năm quản thúc. Hết hạn tù, đồng chí bị đưa về quản thúc tại Hà Tĩnh. Ngày 30-3-1940, đồng chí bị bắt lại, bị buộc tội chịu trách nhiệm tinh thần về cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ và bị tòa án thực dân tuyên án tử hình cùng với một số đồng chí: Nguyễn Văn Cừ, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai... Ngày 28-8-1941, đồng chí bị địch xử bắn tại trường bắn Hóc Môn, tỉnh Gia Định (nay thuộc thành phố Hồ Chí Minh).

Ba mươi lăm tuổi đời, 16 năm hoạt động cách mạng, gần hai năm làm Tổng Bí thư của Đảng, đồng chí Hà Huy Tập đã có những đóng góp to lớn cho Đảng và cách mạng Việt Nam.

Công lao lớn của đồng chí là đã góp phần tích cực vào việc khôi phục Ban lãnh đạo của Đảng và các tổ chức đảng trong hoàn cảnh hết sức khó khăn, khi các tổ chức đảng bị địch phá vỡ sau cao trào 1930 - 1931.

Đồng chí là người chuẩn bị và tổ chức Đại hội lần thứ I của Đảng. Đại hội đã thông qua Báo cáo Chính trị, Điều lệ Đảng, Điều lệ

của các tổ chức quần chúng và nhiều Văn kiện quan trọng khác, đã cử ra một Ban Chấp hành Trung ương và một Ban Thường vụ của Đảng, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng lãnh đạo kéo dài suốt 4 năm liền (4-1931 đến 3-1935).

Khi Ban Chấp hành Trung ương và tổ chức đảng nhiều nơi trong nước một lần nữa bị kẻ thù phá vỡ, được Đảng phái trở về nước, tận dụng những thuận lợi do tình hình quốc tế đem lại, đồng chí đã tích cực hoạt động trong phong trào quần chúng, khôi phục và bắt liên lạc với các tổ chức đảng ở trong nước, thành lập lại Ban Chấp hành Trung ương của Đảng. Trong một năm đồng chí Hà Huy Tập đã triệu tập và chủ trì ba Hội nghị Trung ương (3-1937, 9-1937 và 3-1938). Các Hội nghị đó đã tổng kết tình hình, đề xuất nhiều chủ trương, biện pháp quan trọng, lãnh đạo, đưa phong trào đấu tranh cách mạng tiến lên những bước mới. Đến trước Hội nghị Trung ương tháng 3-1938, Đảng ta dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương do đồng chí đứng đầu đã khôi phục được các cơ quan lãnh đạo của cả ba xứ ủy và nhiều tỉnh ủy ở các địa bàn trọng điểm trong cả nước, tạo cơ sở về tổ chức và lực lượng để Đảng ta vững bước tiến lên trong các giai đoạn sau.

Đồng chí có công lao lớn trong xây dựng và phát triển phong trào cách mạng của Đảng ta thời kỳ Mặt trận Dân chủ. Với cương vị là Tổng Bí thư, đồng chí đã cùng với Trung ương Đảng nắm bắt kịp thời tình hình trong nước và quốc tế, giải quyết đúng đắn nhiều vấn đề chiến lược, sách lược của cách mạng nước ta trong thời kỳ này. Đây là yếu tố quyết định tạo nên phong trào đấu tranh dân chủ mạnh mẽ, phong phú ở nước ta những năm 1937 - 1938, một trong những

phong trào cách mạng sôi nổi, rầm rộ, một cuộc tập dượt lớn của Đảng ta trong việc vận động, tập hợp và tổ chức quần chúng đấu tranh, tạo cơ sở quan trọng đi đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám sau này.

Trong lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng, đồng chí Hà Huy Tập đã tỏ rõ năng lực tư duy lý luận sắc sảo và rất quan tâm đến tổng kết các kinh nghiệm lịch sử, thành công và chưa thành công ở những thời kỳ đã qua của Đảng để soi sáng việc chỉ đạo cho các vấn đề hiện tại; đồng chí đã viết nhiều tác phẩm tổng kết kinh nghiệm hoạt động của Đảng ta những năm đầu thời kỳ xây dựng Đảng như: *Lịch sử của Tân Việt cách mệnh Đảng* (1929); *Hoạt động của Đảng Cộng sản Đông Dương* (1931); *Đảng Cộng sản Đông Dương đứng trước chủ nghĩa cải lương quốc gia* (1932); *Thư gửi Ban biên tập Tạp chí Bôn-sơ-vích* (1932); *Kỷ niệm ba năm ngày Đảng Cộng sản Đông Dương thống nhất* (1933), v.v.. Nổi bật là tác phẩm *Sơ thảo lịch sử phong trào cộng sản ở Đông Dương* (1933). Đây là tác phẩm công phu đầu tiên viết về lịch sử hình thành, quá trình xây dựng, phát triển và sự lãnh đạo đấu tranh của Đảng ta đến tháng 3-1933. Các bài viết của đồng chí đã góp phần làm sáng tỏ và tuyên truyền cho đường lối của Đảng, nêu cao truyền thống đấu tranh anh dũng của Đảng, chống lại các luận điệu xuyên tạc của kẻ thù, đem lại niềm tự hào, tin tưởng cho quần chúng cách mạng ở thời điểm cách mạng thoái trào.

Trên mặt trận đấu tranh vạch trần bộ mặt giả hiệu, đầu cơ cách mạng của bọn Tờ-rốt-xkit, đồng chí Hà Huy Tập là một trong những cây bút sắc sảo.

Ngay từ khi đồng chí còn ở nước ngoài, các năm 1931, 1932 khi kẻ thù khủng bố tàn

bạo, phong trào cách mạng tạm thời lắng xuống, phụ họa với luận điệu của chủ nghĩa đế quốc, bọn Tờ-rốt-xkit đã vội la lên: “Đảng Cộng sản Đông Dương đã bị tiêu diệt?”. Bác lại luận điệu đó, đồng chí Hà Huy Tập đã viết nhiều bài vạch trần những thủ đoạn gian trá của bọn Tờ-rốt-xkit ở Đông Dương. Sau khi về nước, trên cương vị Tổng Bí thư của Đảng, trực tiếp chỉ đạo phong trào Đông Dương Đại hội, thời kỳ Mặt trận Dân chủ, đồng chí đã lãnh đạo cuộc tiến công trên mặt trận tư tưởng lý luận, báo chí nhằm vạch mặt đội lốt cách mạng “cực tả” của bọn Tờ-rốt-xkit. Đồng chí Hà Huy Tập đã viết hai cuốn sách: *Tờ-rốt-xky phản cách mạng*, *Ai chia rẽ nhóm La Lutte* và một số bài báo xoay quanh chủ đề này. Các cuốn sách và bài báo của đồng chí đã góp phần quan trọng vào cuộc tranh luận nhằm đập tan các luận điệu xuyên tạc của bọn giả danh cách mạng, đưa tư tưởng và lý luận chân chính của Đảng đến với quần chúng trong thời kỳ Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

Cuộc đấu tranh chống bọn Tờ-rốt-xkit gắn liền với cuộc đấu tranh ủng hộ Mặt trận Nhân dân Pháp, vận động thành lập Mặt trận Nhân dân Đông Dương, sau này là Mặt trận Dân chủ Đông Dương, tập hợp đông đảo các tầng lớp nhân dân trong phong trào dân chủ, phong trào yêu nước dưới sự lãnh đạo của Đảng. Các tác phẩm của Hà Huy Tập như: *Vì một Mặt trận Nhân dân Đông Dương*, *Vì sao cần ủng hộ Mặt trận Bình dân bên Pháp*; *Thư ngỏ về Đại hội Đông Dương gửi Việt Nam Quốc dân Đảng*, *các Đảng cách mạng*, *Đảng lập hiến*, *các nhóm cải lương dân chủ*, *các hội ái hữu*, *các tổ chức công, nông, binh*, *phụ nữ*, *sinh viên*, *người buôn bán*, *các báo chí*, *các tổ chức quần chúng và toàn thể nhân dân Đông Dương* (tháng 8-1936), *Thư ngỏ*

gửi Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp (tháng 10-1936), v.v. là những tác phẩm lý luận và chính trị có giá trị to lớn trong lịch sử Đảng ta.

Được Quốc tế Cộng sản đào tạo, hướng dẫn, đồng chí Hà Huy Tập quán triệt sâu sắc tinh thần các nghị quyết của Quốc tế Cộng sản và có ý thức rất cao trong chấp hành các chỉ thị đó. Tiếc rằng các chỉ thị đó của Quốc tế Cộng sản không phải lúc nào cũng phù hợp với thực tiễn cách mạng các nước phương Đông, nhất là với các nước chậm phát triển như Đông Dương. Điều đó đã ảnh hưởng tiêu cực nhất định đến nhận thức, quan điểm của Hà Huy Tập lúc này hay lúc khác. Nhưng với cái tâm trong sáng, tất cả vì sự nghiệp cách mạng và với tinh thần cầu thị, rất thẳng thắn tự phê bình và phê bình của người cộng sản, càng đi sâu vào hoạt động cách mạng thực tiễn, đồng chí Hà Huy Tập càng điều chỉnh được nhiều những sự ngộ nhận ban đầu, càng đến gần với cái đúng, cái chân lý, càng thống nhất cao hơn với những quan điểm sáng suốt của Nguyễn Ái Quốc về cách mạng Việt Nam, với tư tưởng Hồ Chí Minh và đây cũng chính là lý do trong những năm cuối đời, trở về nước lãnh đạo cách mạng, trên cương vị Tổng Bí thư của Đảng, đồng chí Hà Huy Tập đã có những đóng góp ngày càng to lớn, xuất sắc cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc.

Tự nguyện dấn thân vào con đường đấu tranh cách mạng gian khổ, đồng chí Hà Huy Tập sẵn sàng chấp nhận mọi hy sinh, hiến dâng cuộc sống của mình cho sự nghiệp lớn lao của Đảng và của dân tộc. Sự tàn bạo của kẻ thù không thể khuất phục được ý chí kiên cường của người cộng sản. Trước tòa, nêu cao khí tiết của người cách mạng, bác lại lời

cầu xin của trạng sư bào chữa, đồng chí khẳng khái tuyên bố: *“Tôi chẳng có gì phải hối tiếc. Nếu còn sống, tôi vẫn sẽ tiếp tục hoạt động!”*.

Cùng với các bậc tiền liệt cách mạng khác, đồng chí đã anh dũng hy sinh dưới họng súng của kẻ thù. Đồng chí Hà Huy Tập ngã xuống với niềm vững tin vào thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp cách mạng. Tinh thần Hà Huy Tập bất tử. Tên tuổi và sự nghiệp của đồng chí sống mãi trong lịch sử vinh quang của Đảng và của dân tộc Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại và kính yêu của Đảng và dân tộc ta từng nói: “Các đồng chí ta như đồng chí Trần Phú, đồng chí Ngô Gia Tự, đồng chí Lê Hồng Phong, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai, đồng chí Hà Huy Tập, đồng chí Nguyễn Văn Cừ, đồng chí Hoàng Văn Thụ, và trăm nghìn đồng chí khác đã đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng, của giai cấp, của dân tộc lên trên hết, lên trước hết. Các đồng chí đó đã tin tưởng sâu sắc, chắc chắn vào lực lượng vĩ đại và tương lai vẻ vang của giai cấp và của dân tộc. Các đồng chí ấy đã vui vẻ hy sinh hết thảy, hy sinh cả tính mệnh mình cho Đảng, cho giai cấp, cho dân tộc. Các đồng chí ấy đã đem xương máu mình vun tưới cho cây cách mạng, cho nên cây cách mạng đã khai hoa, kết quả tốt đẹp như ngày nay”.

Vượt qua biết bao khó khăn, thử thách, công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng, lãnh đạo 20 năm qua đã đạt những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử, chính trị ổn định, kinh tế - xã hội phát triển, quốc phòng - an ninh được củng cố, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện, vị trí quốc tế và uy tín của đất nước được nâng cao, đưa đất nước ta vững vàng bước vào giai đoạn phát triển mới.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng sắp tới sẽ đề ra đường lối nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Đại hội sẽ là một mốc son mới trong lịch sử vẻ vang của Đảng ta, dân tộc ta.

Trước mắt chúng ta còn nhiều khó khăn, thử thách. Các thế lực thù địch vẫn tiếp tục các âm mưu và hành động chống phá cách mạng Việt Nam; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, thói lười biếng, ỷ lại, bảo thủ đang là trở lực lớn trong công cuộc đổi mới của chúng ta. Vì vậy, hơn bao giờ hết, mỗi cán bộ, đảng viên cần phải xác định rõ trách nhiệm của mình đối với Đảng, với nhân dân để vượt qua mọi khó khăn, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó.

Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, học tập tấm gương đồng chí Hà Huy Tập và các vị cách mạng tiền bối, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta quyết đưa ngọn cờ cách mạng Việt Nam tới đích cuối cùng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta tin tưởng vững chắc rằng sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa nhất định thành công; mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh nhất định sẽ trở thành hiện thực.

Vinh quang mãi mãi thuộc về những chiến sĩ và đồng bào, đồng chí đã hy sinh phấn đấu quên mình vì sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc.

Đảng ta, nhân dân ta mãi mãi tưởng nhớ và tự hào về đồng chí cố Tổng Bí thư Hà Huy Tập, người chiến sĩ cộng sản kiên cường, nhà lãnh đạo tài năng của Đảng, người con ưu tú của dân tộc ta, nhân dân ta. □

HÀ TỈNH PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG QUÊ HƯƠNG, NOI CƯƠNG TỔNG BÍ THƯ HÀ HUY TẬP, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

NGUYỄN THANH BÌNH *

HÀ Tĩnh là địa phương giàu truyền thống văn hóa, yêu nước và cách mạng; là quê hương hai Tổng Bí thư của Đảng: Trần Phú và Hà Huy Tập. Phát huy những truyền thống tốt đẹp đó, noi gương các bậc tiền bối cách mạng, Đảng bộ và nhân dân Hà Tĩnh luôn đoàn kết, nhất trí, khắc phục khó khăn, nỗ lực phấn đấu vươn lên giành được nhiều thắng lợi vẻ vang trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc cũng như trong công cuộc đổi mới quê hương, đất nước. Đặc biệt, trong 5 năm, 2001 - 2005, kinh tế của tỉnh đã tăng trưởng với tốc độ khá cao; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp. Lĩnh vực văn hóa, xã hội có nhiều khởi sắc, là tỉnh đứng ở tốp đầu của cả nước về nhiều tiêu chí phát triển giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, xã hội. Tình hình chính trị ổn định, quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Công tác xây dựng Đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị có nhiều chuyển biến tiến bộ, tạo được niềm tin trong Đảng bộ và nhân dân.

Đạt được những kết quả trên là nhờ sự quan tâm chỉ đạo của Trung ương Đảng,

Quốc hội, Chính phủ, sự giúp đỡ của các bộ, ban, ngành, đoàn thể ở trung ương, sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của toàn thể Đảng bộ và nhân dân tỉnh nhà. Trong đó, sự lãnh đạo và tổ chức thực hiện trực tiếp của cấp ủy và tổ chức đảng ở cơ sở giữ vai trò rất quan trọng.

Tổ chức cơ sở đảng là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị lãnh đạo toàn diện mọi hoạt động ở cơ sở. Tổ chức cơ sở đảng vững mạnh là nhân tố quan trọng để nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở. Nhận thức đúng đắn vấn đề đó, trong thời gian qua, bên cạnh việc lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh, Tỉnh ủy Hà Tĩnh chỉ đạo các cấp ủy tập trung xây dựng và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị, trong đó xác định xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên là khâu then chốt. Tỉnh ủy chỉ đạo, quán triệt và cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết... của Trung ương về công tác xây dựng Đảng vào tình hình của địa phương. Đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII), Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) và Kết luận Hội nghị

* Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

Trung ương 4 (khóa IX), đã được cụ thể hóa bằng Nghị quyết số 15-NQ/TU, ngày 05-6-2000, của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIV) "*Về tiếp tục nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng trong tình hình mới*", Chỉ thị số 16-CT/TU, ngày 17-12-2001, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XV) "*Về kết nạp đảng viên mới để xóa tình trạng xóm không có đảng viên và thu hẹp diện chi bộ sinh hoạt ghép ở nông thôn hiện nay*", Nghị quyết số 15-NQ/TU, ngày 01-10-2003, của Ban Chấp hành Đảng bộ "*Về tăng cường sự lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ trong những năm tới*". Trên cơ sở các chủ trương, nghị quyết, chỉ thị... của Trung ương và Tỉnh ủy, các huyện, thị ủy, đảng ủy trực thuộc đã tổ chức quán triệt và cụ thể hóa bằng các chương trình, kế hoạch phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quy chế hoạt động của tổ chức cơ sở đảng; thường xuyên gắn xây dựng tổ chức cơ sở đảng với xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở. Tập trung hoàn thiện quy chế hoạt động, nghiên cứu đổi mới nội dung, phương thức sinh hoạt của chi bộ, đảng bộ, phân công nhiệm vụ cụ thể cho đảng viên; chú trọng thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, duy trì nền nếp và nâng cao chất lượng tự phê bình, phê bình, chất lượng công tác kiểm tra, đánh giá, phân loại tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực cho đội ngũ cán bộ, đảng viên với các hình thức: Mở các lớp tại chức ở huyện, thị, cử đi học ở Trường Chính trị Trần Phú của tỉnh và các trường của Trung ương, đồng thời các ban đảng định kỳ tổ chức các đợt tập huấn ngắn ngày cho đội ngũ cán bộ cốt cán cơ sở. Tập trung đổi mới mạnh mẽ tư duy và hành động trong toàn Đảng bộ, nêu cao tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên trên tất cả các lĩnh vực. Chăm lo phát triển đảng viên mới, nhất là đảng viên nữ, đảng viên trẻ, đảng viên vùng

xa, đảng viên gốc giáo, người dân tộc thiểu số, góp phần giảm tỷ lệ thôn xóm không có đảng viên, không có chi bộ, và giảm chi bộ sinh hoạt ghép. Nhờ đó, chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên ở Hà Tĩnh trong những năm qua được nâng lên rõ rệt. Tổ chức cơ sở đảng trong toàn Đảng bộ tỉnh được xếp loại trong sạch vững mạnh năm sau tăng cao hơn năm trước. Năm 2005 đạt 76,1%; tổ chức yếu kém giảm xuống còn 0,9%; tỷ lệ đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 65,3%, số đảng viên vi phạm tư cách giảm xuống còn 0,7%.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng ở Hà Tĩnh thời gian qua vẫn còn một số hạn chế: Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của một số tổ chức cơ sở đảng còn yếu; nội dung và phương thức hoạt động chậm được nghiên cứu đổi mới; chất lượng sinh hoạt chi bộ, đảng bộ chưa cao. Trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, nhận xét cán bộ còn thiếu đồng bộ. Thực hiện tự phê bình và phê bình chưa thường xuyên, nền nếp. Công tác phát triển đảng viên và tổ chức đảng ở vùng xa, vùng đồng bào theo đạo, vùng dân tộc thiểu số còn khó khăn. Trên phạm vi toàn tỉnh vẫn còn tình trạng thôn xóm chưa có đảng viên, chưa có chi bộ và chi bộ sinh hoạt ghép. Những hạn chế, khuyết điểm này là một trong những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như của các địa phương, đơn vị.

Để khắc phục kịp thời hạn chế, khuyết điểm nêu trên, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2005 - 2010, đã xác định nhiệm vụ quan trọng của Đảng bộ trong công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng là: "Tiếp tục lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường,

thị trấn, Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIV) về nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, Chỉ thị 16 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XV) về kết nạp đảng viên mới để xóa tình trạng xóm không có đảng viên và thu hẹp diện chi bộ sinh hoạt ghép ở nông thôn. Quán triệt, cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động của các loại hình tổ chức cơ sở đảng; gắn xây dựng tổ chức cơ sở đảng với xây dựng, củng cố hệ thống chính trị cơ sở". Đại hội đề ra chỉ tiêu phấn đấu trong 5 năm tới là bình quân hằng năm kết nạp 3.600 người vào Đảng, đến năm 2010, 100% thôn, xóm có chi bộ đảng, trên 80% đảng bộ, chi bộ cơ sở đạt trong sạch vững mạnh.

Để lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, Tỉnh ủy Hà Tĩnh tiếp tục coi công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh là nhiệm vụ then chốt, thường xuyên và tập trung vào một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, quán triệt sâu sắc quan điểm, chủ trương, nghị quyết của Đảng để cấp ủy, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể và cán bộ, đảng viên nhận thức được nhiệm vụ xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, là tiền đề quan trọng để xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trong sạch, vững mạnh, là điều kiện cần thiết để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh ở địa phương, đơn vị.

Hai là, tiếp tục nghiên cứu bổ sung hoàn thiện quy chế hoạt động của tổ chức cơ sở đảng; đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chi bộ, đảng bộ theo hướng sinh hoạt chuyên đề là chủ yếu. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cấp ủy viên và đảng viên phù hợp với sở trường và năng lực, nhất là phân công cấp ủy viên trực tiếp theo dõi, chỉ đạo các tổ chức cơ sở yếu kém. Chuẩn bị nội dung các hội nghị, các buổi sinh hoạt một cách chu đáo, có trọng

tâm, trọng điểm, có biên bản và nghị quyết rõ ràng để triển khai thực hiện.

Ba là, quan tâm công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chủ chốt cơ sở, xây dựng đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất, năng lực, trình độ, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo ở địa phương, đơn vị. Có chính sách đào tạo, bồi dưỡng tại chỗ và thu hút cán bộ có năng lực, trình độ và cán bộ trong diện quy hoạch về công tác ở cơ sở.

Bốn là, tiếp tục chỉ đạo thực hiện có chất lượng, hiệu quả Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi đây là nhiệm vụ then chốt và thường xuyên trong mọi hoạt động của Đảng. Duy trì nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt tự phê bình và phê bình; phát huy tốt nguyên tắc tập trung dân chủ và trí tuệ tập thể; tăng cường xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong nội bộ. Tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc liên quan đến công tác quản lý, tác phong, lề lối làm việc của cán bộ, đảng viên, nhất là ở cơ sở.

Năm là, đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên mới, chú trọng tạo nguồn, bồi dưỡng phát triển đảng viên mới trong đoàn viên thanh niên, trí thức và phụ nữ. Trên cơ sở quy định của Điều lệ Đảng, tiếp tục nghiên cứu để có những giải pháp thích hợp bồi dưỡng, kết nạp đảng viên mới ở các vùng có đông đồng bào Thiên chúa giáo, đồng bào dân tộc thiểu số và vùng còn khó khăn. Tập trung sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy và bằng những giải pháp hữu hiệu để nhanh chóng xóa tình trạng thôn, xóm không có đảng viên và chưa có chi bộ đảng. Quan tâm xây dựng chi bộ, đảng bộ trong các cơ quan, doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp trong khu vực kinh tế ngoài quốc doanh.

(Xem tiếp trang 16)

CỐNG HIẾN CỦA ĐỒNG CHÍ HÀ HUY TẬP TRONG VIỆC CHUẨN BỊ VÀ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI LẦN THỨ NHẤT CỦA ĐẢNG

NGUYỄN THỊ KIM DUNG *

LÀ một trong những đảng viên thuộc lớp cán bộ tiền bối của Đảng, đồng chí Hà Huy Tập đã hiến dâng trọn đời mình cho lý tưởng cao cả của Đảng và dân tộc ta. Mười sáu năm hoạt động cách mạng (1925 - 1941), ở vào những thời điểm gay go, quyết liệt, đồng chí một lòng trung thành với Đảng và đã có những cống hiến quan trọng cả về lý luận và thực tiễn trong thời kỳ dựng Đảng. Đồng chí là người chuẩn bị và tổ chức thành công Đại hội toàn quốc lần thứ I của Đảng (3-1935), và là Tổng Bí thư của Đảng (7-1936 - 3-1938).

Sinh ra trong một gia đình nho học nghèo ở nông thôn, thuộc huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, Hà Huy Tập và gia đình cũng trải qua cảnh thiếu thốn, vất vả như mọi gia đình khác. Ngay từ nhỏ, Hà Huy Tập đã tỏ rõ tấm lòng yêu nước, tính cách cương trực, thẳng thắn, sẵn sàng bênh vực những người nghèo khổ, bị áp bức. Bản tính đó cùng với truyền thống quê hương và sự giáo dục của gia đình là những nhân tố sớm đưa Anh dần thân vào con đường cách mạng.

Bước đi đầu tiên trong cuộc đời viên chức đã cho Hà Huy Tập thấy không thể nào cộng tác được với chế độ thực dân. Anh tiếp xúc dần với báo chí tiến bộ từ Pháp và Trung Quốc

gửi về. Cuối năm 1925, Hà Huy Tập gia nhập *Hội Phục Việt* (1), một tổ chức yêu nước do các cựu chính trị phạm cùng với một số sinh viên cao đẳng lập ra ở Vinh, và trở thành một thành viên năng nổ của tổ chức này.

Nhân xảy ra vụ án đường Bác-bi-ê (12-1928), cảnh sát Nam Kỳ tổ chức vây ráp, lùng bắt những người cách mạng. Chúng tình cờ đánh vào văn phòng bí mật của Kỳ bộ *Tân Việt*, thu được nhiều văn bản, tài liệu, mà phần lớn là do Hà Huy Tập khởi thảo khi Anh là Thư ký của Kỳ bộ. Chúng ra sức lùng bắt Anh. Tổ chức *Tân Việt* đã tìm cách đưa Anh tạm lánh sang Trung Quốc. Từ đây, cuộc đời cách mạng của Hà Huy Tập chuyển sang giai đoạn mới, Anh hoàn toàn thoát ly gia đình, trở thành nhà hoạt động cách mạng chuyên nghiệp.

Được tổ chức cách mạng Việt Nam ở nước ngoài và lãnh sự quán Liên Xô tại Trung Quốc giúp đỡ và giới thiệu, Hà Huy Tập sang học

* TS. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) *Hội Phục Việt* được thành lập tháng 7-1925 ở Vinh (Nghệ An); tháng 3-1926, Hội đổi tên thành *Hưng Nam*; tháng 7-1926, đổi thành *Việt Nam Cách mạng Đảng*. Tháng 7-1927, *Việt Nam Cách mạng Thanh niên* (tên gọi chung khi hai tổ chức Việt Nam Cách mạng Đảng và Việt Nam Cách mạng Thanh niên đồng ý sáp nhập). Tháng 7-1928, thành lập *Tân Việt Cách mạng Đảng* (gọi tắt là *Tân Việt*)

tập ở Trường đại học Phương Đông (Liên Xô), khóa 1929 - 1932, với tên Nga Xi-nhi-tơ-kin. Đây là một cơ hội lớn đối với Hà Huy Tập để Anh có điều kiện trang bị một cách hệ thống về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tạo cơ sở khoa học tiếp tục củng cố và nâng cao niềm tin vào thắng lợi của lý tưởng cộng sản, điều mà trước đó Anh mới tin theo một cách cảm tính.

Ngay sau khi tốt nghiệp, Hà Huy Tập được Quốc tế Cộng sản cử về nước tham gia lãnh đạo cách mạng. Trong thư giới thiệu Hà Huy Tập với Lê Hồng Phong đề ngày 10-2-1932, Ban Phương Đông Quốc tế Cộng sản đã đánh giá rất cao về Hà Huy Tập: "Đồng chí này rất chắc trong đường lối về phương diện chính trị, đồng chí ấy đã được huấn luyện tốt về lý thuyết và có kinh nghiệm công tác quần chúng." (2).

Hành trình về nước của Hà Huy Tập khá gian nan và kéo dài, mãi đến đầu tháng 8-1933, Anh và Nguyễn Văn Dật mới gặp được Lê Hồng Phong ở Quảng Châu, đi tới quyết định triệu tập một hội nghị của Đảng vào tháng 3-1934 để thành lập Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng, gồm 3 đồng chí:

- Lê Hồng Phong (Lít-vi-nốp), Thư ký
- Hà Huy Tập (Xi-nhi-tơ-kin), Ủy viên phụ trách tuyên truyền cổ động, kiêm Tổng Biên tập Tạp chí Bôn-sơ-vích.
- Nguyễn Văn Dật (Svan), Ủy viên phụ trách Kiểm tra.

Hội nghị cũng quyết định sẽ triệu tập một hội nghị Ban chỉ huy ở ngoài mở rộng vào tháng 6-1934, để bàn về các công việc chuẩn bị tiến tới Đại hội Đảng sẽ họp vào mùa xuân năm 1935.

Giữa lúc Ban Chỉ huy ở ngoài đang khẩn trương bắt tay vào dự thảo các văn kiện cho Đại hội thì nhận được triệu tập của Quốc tế Cộng sản, về việc cử đoàn đại biểu của Đảng Cộng sản Đông Dương đi Mát-xcơ-va dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản. Ban Chỉ huy ở ngoài đã quyết định cử các đồng chí:

Lít-vi-nốp (Lê Hồng Phong), Bà Vai (Nguyễn Thị Minh Khai), Cao Bằng (Hoàng Văn Nọn) và một số đại biểu tham dự Đại hội (3). Đầu tháng 2-1935, Lê Hồng Phong dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương lên đường sang Mát-xcơ-va dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản. Lúc này, đồng chí Svan (Nguyễn Văn Dật) đã được cử về Nam Kỳ công tác, khối lượng công việc nặng nề dồn lên vai Hà Huy Tập, vừa thay Lê Hồng Phong phụ trách Thư ký Ban Chỉ huy ở ngoài làm chức năng của một Ban Trung ương lâm thời chỉ đạo các hoạt động của Đảng; vừa dự thảo các văn kiện của Đại hội; vừa lo duy trì mối liên hệ với tổ chức đảng trong nước và với Quốc tế Cộng sản.

Theo thư Hà Huy Tập, thay mặt Ban Chỉ huy ở ngoài báo cáo với Quốc tế Cộng sản về công việc chuẩn bị cho Đại hội lần thứ nhất của Đảng (3-1935), sẽ có ba báo cáo chính cần được soạn thảo:

- 1) Tình hình quốc tế, tình hình Đông Dương, tình hình của Đảng, của các tổ chức quần chúng, phong trào cách mạng, những nhiệm vụ trước mắt;
- 2) Các vấn đề về tổ chức;
- 3) Công việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô. Cách mạng Tàu. Cuộc đấu tranh chống chiến tranh đế quốc.

Những tài liệu sau đây sẽ được trình bày trước Đại hội:

- 1) Đề cương chính trị về những nhiệm vụ trước mắt của Đảng;
- 2) Chương trình hành động;
- 3) Các điều lệ của Đảng và của các tổ chức quần chúng (4).

Ngày nay, đọc lại toàn bộ các văn kiện Đại hội lần thứ nhất của Đảng ta có thể thấy được

(2) Văn kiện Đảng: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, t 4, tr 249

(3) Xem: Văn kiện Đảng: Sdd, t 5, tr 203

(4) Văn kiện Đảng: Sdd, t 4, tr 194

khối lượng công việc mà Ban Trù bị Đại hội do Hà Huy Tập phụ trách đã hoàn thành lớn lao như thế nào.

Trong Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản, Hà Huy Tập đề nghị Quốc tế Cộng sản cho ý kiến về nhân sự của Ban chỉ huy ở ngoài và Ban Trung ương trong nước như thế nào, mối quan hệ giữa hai cơ quan đó; dự kiến của Quốc tế Cộng sản về Tổng Thư ký và Ban Thường vụ (5).

Là người chịu trách nhiệm chính tổ chức và lãnh đạo Đại hội, trong thư bổ sung gửi Quốc tế Cộng sản cùng ngày, Hà Huy Tập đã nêu ý kiến cá nhân của mình về vấn đề nhân sự như sau: "Chúng tôi đề nghị cử đồng chí Lít-vi-nốp về nước làm Tổng Thư ký để cho đường lối chính trị của Quốc tế Cộng sản được bảo đảm tốt. Nếu các đồng chí giữ Lít-vi-nốp ở nước ngoài, thì phải đưa Xi-nhi-tơ-kin (tức Hà Huy Tập) vào Ban Trung ương Chấp ủy ở trong nước" (6).

Để hướng dẫn các đảng bộ trong nước tiến hành công tác trù bị tiến tới Đại hội, Hà Huy Tập đã viết bài *Trước lúc Đại hội Đảng, phải nghiên cứu bản Chương trình hành động của Đảng một cách thế nào?*, đăng trên *Tạp chí Bôn-sơ-vích* số 10 (2-1935), trong đó đồng chí nhấn mạnh: Phải coi bản Chương trình đó "là kim chỉ nam cho tất cả các Đảng bộ về đường lý thuyết, tổ chức và thực hành", "Nhiệm vụ của các đảng bộ và các đồng chí là cần nghiên cứu bản Chương trình cho tường tể để mà thực hành cho đúng điều kiện hiện thực ở từng địa phương" (7).

Trong điều kiện hoạt động bí mật, việc chuẩn bị Đại hội càng khó khăn hơn và càng đòi hỏi phải khoa học, khẩn trương. Không ít cán bộ đảng ở trong nước, trong quá trình hoạt động chuẩn bị Đại hội đã không may rơi vào tay quân thù (hơn 100 cán bộ, trong đó có 49 người của Xứ ủy Nam Kỳ đã bị bắt), cũng có những kẻ hèn nhát, đầu hàng phản bội làm lộ

những bí mật công tác chuẩn bị. Điều đó đã gây thêm những khó khăn trở ngại cho việc chuẩn bị tổ chức Đại hội.

Theo kế hoạch, Đại hội dự kiến họp vào ngày 18-3-1935 và sẽ tiến hành trong 10 ngày. Nhưng do kinh phí quá eo hẹp và nhiều khó khăn khác trong hoàn cảnh hoạt động bí mật, Đại hội không thể hoãn lâu hơn nữa, Hà Huy Tập đành cho tiến hành và rút ngắn thời gian họp.

Đại hội lần thứ nhất của Đảng họp từ ngày 27 đến ngày 31-3-1935, với sự có mặt của 13 đại biểu thuộc các đảng bộ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Xiêm, Lào, Cao Miên. Hà Huy Tập chủ trì Đại hội và đọc Báo cáo Chính trị, nêu bật tình hình thế giới, tình hình xứ Đông Dương, chính sách mới của đế quốc Pháp và mưu mô mới của bọn thống trị bản xứ, cao trào cách mạng mới, tình hình Đảng và nhiệm vụ của Đảng.

Về tình hình thế giới, Báo cáo Chính trị nhận định, thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười đã làm cho thanh thế của Liên Xô ngày càng thêm mạnh trên trường quốc tế, bảo đảm cho nền tảng cách mạng thế giới được củng cố, ảnh hưởng rất lớn đến quần chúng lao động bị áp bức. Vì vậy, mục tiêu xã hội chủ nghĩa đã trở thành một sự tất nhiên mở rộng đường giải phóng cho lao động và các dân tộc bị áp bức toàn thế giới. Trong khi đó hệ thống tư bản chủ nghĩa lâm vào khủng hoảng kinh tế. Con đường độc nhất đưa đế quốc ra khỏi khủng hoảng kinh tế là một mặt ra sức bóc lột quần chúng lao động và các dân tộc thuộc địa, mặt khác là gây ra chiến tranh đế quốc để chia nhau thị trường thế giới. Nạn phát-xít xuất hiện nhằm cứu nguy chế độ tư bản sắp đổ. Bọn lãnh tụ xã hội dân chủ và tờ-rôt-kít là tội tở

(5) Xem: *Văn kiện Đảng: Sdd*, t 4, tr 195

(6) *Văn kiện Đảng: Sdd*, t 4, tr 200

(7) *Văn kiện Đảng: Sdd*, t 5, tr 407

trung thành của đế quốc ủng hộ và dọn đường cho phát-xít lên cầm quyền và tự chúng đương phát-xít hóa. Chúng chia rẽ giai cấp thợ thuyền, phá hoại cuộc cách mạng tranh đấu, cổ động chống Xô-viết liên bang. Tình hình đó làm nảy sinh cuộc vận động cách mạng của công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác ở nhiều nước. Cuộc vận động cách mạng này được thực hiện xoay quanh khẩu hiệu "Chính quyền Xô-viết", khẩu hiệu trung tâm cho hết thảy các Đảng Cộng sản.

Về tình hình xứ Đông Dương, Báo cáo Chính trị nhận định, khủng hoảng kinh tế đã đẩy nhân dân lao động vào đời sống cực kỳ khó khăn. Công nhân bị thất nghiệp tới một nửa so với tổng số thợ thuyền ở Đông Dương. Nông dân bị tịch ký hoặc bị bán gàn hết ruộng vườn, trâu, bò, nhà cửa, gây nên sự phá sản ngày càng đông. Các tầng lớp tiểu tư sản, tiểu thương, tiểu chủ bị nhà chức trách đánh thuế môn bài rất nặng, cũng bị phá sản rất nhiều. Cuộc khủng hoảng kinh tế càng đẩy tới mâu thuẫn rõ rệt trong các giai cấp bóc lột, nhất là giữa giai cấp địa chủ, tư sản dân chủ với tư bản Pháp ở Đông Dương.

Về cao trào cách mạng mới, Báo cáo Chính trị nhận định, sự thoái trào của cách mạng Đông Dương chỉ diễn ra trong khoảng 2 năm (1931 - 1932). Sau đó từ năm 1933 trở đi, cách mạng dần dần được phục hồi, Đảng ta lại chiếm vị trí ưu thế trong các cuộc tranh đấu có tính chất tổ chức của quần chúng, đây cũng là điều kiện thuận tiện cho Đảng của vô sản giai cấp dễ phát triển. "Một điều đặc sắc là đa số trong các cuộc tranh đấu của quần chúng do Đảng chỉ huy trong khoảng hai năm sau này đều được thắng lợi hoặc hoàn toàn, hoặc từng phần, khiến cho công nông thêm hăng hái tranh đấu" (8).

Báo cáo Chính trị phân tích khá sâu sắc về tình hình Đảng. Thế lực của Đảng hiện thời đã lan rộng tới các miền trong toàn xứ Đông Dương. Sự phục hồi hệ thống tổ chức

của Đảng khắp Đông Dương là kết quả của những hoạt động nỗ lực của các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên cộng sản. Tuy nhiên, công tác phát triển Đảng chưa chú ý hướng vào những trung tâm công nghệ: nhà máy, hầm mỏ, đồn điền. Trong hàng ngũ của Đảng, đảng viên là công nhân chiếm tỷ lệ thấp. Sự liên lạc giữa tổ chức đảng cấp trên với cơ sở còn lỏng lẻo. Cuộc tranh đấu giữa hai xu hướng tư tưởng, cách mạng và cải lương diễn ra gay gắt. Tuy nhiên, "trong Đảng ta còn có nhiều xu hướng đầu cơ "tả" khuynh và hữu phái, cả về lý thuyết và thực hành" (9). Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng và Tạp chí *Bôn-sơ-vích* "giữ thái độ không thỏa hiệp với các xu hướng đầu cơ, biết hiệu triệu và chỉ thị các đảng bộ chống mọi sự cải biến chủ nghĩa Mác-Lê-nin, chống mỗi bước đi trái đường lối của Đảng, của Quốc tế Cộng sản".

Sau khi kiểm điểm tình hình Đảng, Báo cáo Chính trị đề ra *ba nhiệm vụ của Đảng* là củng cố và phát triển Đảng, thu phục quần đại quần chúng lao động, chống đế quốc chiến tranh. Đảng phải bảo đảm cho chủ nghĩa Mác-Lê-nin được trong sạch, cho hàng ngũ Đảng được thống nhất về lý thuyết và thực hành. Đảng phải biết cách thu phục quần đại quần chúng, tranh đấu bênh vực quyền lợi cho quần chúng, củng cố và phát triển các tổ chức quần chúng, đưa quần chúng ra tranh đấu.

Báo cáo Chính trị được thông qua tại Đại hội, trở thành Nghị quyết Chính trị của Đại hội. Nghị quyết Chính trị tuy còn một số hạn chế do nhiều nguyên nhân khách quan và do nhận thức lý luận và thực tiễn của các đồng chí ta, nhưng những nội dung cơ bản về tình hình thế giới, tình hình cách mạng Đông Dương; những âm mưu và thủ đoạn của thực dân Pháp và phong kiến tay sai; những nhiệm vụ cần kíp

(8) *Văn kiện Đảng: Sđd*, t 5, tr 17

(9) *Văn kiện Đảng: Sđd*, t 5, tr 21

trước mắt về xây dựng tổ chức đảng, xây dựng các đoàn thể cách mạng của quần chúng... đã được phân tích một cách khoa học, chính xác và cơ bản đáp ứng những yêu cầu của phong trào cách mạng Đông Dương thời kỳ này. Báo cáo Chính trị cũng thể hiện sự phân tích sắc sảo, khả năng lý luận xuất sắc của Hà Huy Tập.

Cùng với việc thông qua Nghị quyết Chính trị, Đại hội lần thứ nhất của Đảng còn thông qua nhiều nghị quyết về Công nhân vận động; Nông dân vận động; Thanh niên vận động; Phụ nữ vận động; Nghị quyết về vấn đề vận động binh lính; Nghị quyết về công tác vùng dân tộc thiểu số; Nghị quyết về phản đế liên minh... Đặc biệt, Đại hội đã ra nghị quyết về bản Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương; thông qua Điều lệ mới của Đảng và Điều lệ của các tổ chức Công hội, Nông hội, Thanh niên, của Đông Dương phản đế liên minh Đông Dương...

Trong hoàn cảnh Đảng vừa khôi phục tổ chức, phong trào cách mạng đang từng bước phục hồi, Ban Chỉ huy ở ngoài dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Hà Huy Tập đã chuẩn bị và tổ chức thành công Đại hội lần thứ nhất Đảng Cộng sản Đông Dương, bầu Ban Chấp hành Trung ương chính thức của Đảng gồm 12 người (đồng chí thứ 13 sẽ do Ban Trung ương chỉ định sau) và Ban Thường vụ gồm 5 người do đồng chí Lê Hồng Phong làm Tổng Bí thư. Đây là một sự kiện có ý nghĩa lịch sử hết sức to lớn.

Thành công của Đại hội đánh dấu việc Đảng ta đã khôi phục được về tổ chức, sau gần 4 năm nỗ lực hoạt động (4-1931 đến 3-1935), các cơ quan lãnh đạo từ trung ương đến cơ sở đã được lập lại, Đảng vẫn giữ vững và giương cao ngọn cờ lãnh đạo cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Lịch sử ghi nhận công lao và cống hiến của Hà Huy Tập và nhiều chiến sỹ ưu tú trung kiên của Đảng. □

HÀ TỈNH PHÁT HUY...

(Tiếp theo trang 11)

Sáu là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra của cấp ủy cấp trên đối với việc xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng; coi trọng việc nhận xét, đánh giá, phân loại tổ chức cơ sở đảng và đảng viên; nâng chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh. Tổ chức sơ, tổng kết, khen thưởng kịp thời để động viên những điển hình tiên tiến, gương đảng viên tốt; xử lý nghiêm những tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên vi phạm khuyết điểm, làm trong sạch nội bộ Đảng.

Bảy là, song song với việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, các cấp ủy phải thường xuyên quan tâm xây dựng chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể vững mạnh toàn diện nhằm nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cả hệ thống chính trị ở cơ sở. Đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng đối với chính quyền và các đoàn thể, phát huy vai trò của các đoàn thể trong việc tham gia xây dựng Đảng.

Đảng bộ và nhân dân Hà Tĩnh tin tưởng rằng, việc đẩy mạnh công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh và những kết quả đạt được sẽ là nhân tố quan trọng để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ Hà Tĩnh, là điều kiện để triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nghị quyết, chính sách... của Đảng, Nhà nước ở các địa phương, đơn vị, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu đưa Hà Tĩnh từ một tỉnh nông nghiệp sớm trở thành tỉnh có công nghiệp và dịch vụ phát triển mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đã xác định, xứng đáng là địa phương giàu truyền thống văn hóa, yêu nước và cách mạng, xứng đáng là quê hương của hai đồng chí Tổng Bí thư của Đảng: Trần Phú và Hà Huy Tập. □



CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC VỚI VIỆC HUY ĐỘNG VÀ PHÁT HUY CÁC NGUỒN LỰC

ĐỖ BÌNH DƯƠNG *

KINH nghiệm từ nhiều nước trên thế giới cho thấy, cổ phần hóa có vai trò rất quan trọng trong việc đổi mới các doanh nghiệp nhà nước, nhất là những nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi như Việt Nam. Cổ phần hóa có tác động mạnh mẽ và rất hiệu quả đến việc khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và con người để phát triển sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tuy vậy, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là quá trình khó khăn, phức tạp, vừa đi vừa tiếp tục tìm tòi để lựa chọn phương thức phù hợp với những đặc tính riêng có của hệ thống doanh nghiệp nhà nước ở nước ta. Trong thời gian qua, hệ thống cơ chế chính sách về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước không ngừng được hoàn thiện để thu hút các nguồn lực, tạo điều kiện thúc đẩy tiến trình cổ phần hóa nhanh, có hiệu quả. Nhìn nhận, đánh giá toàn diện quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước hơn 13 năm qua ở nước ta là việc lớn, ở đây chỉ bước đầu đánh giá việc huy động và phát huy các nguồn lực trong tiến trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước.

1 – Về nguồn vốn và tài sản

Trong các nền kinh tế thị trường phát triển, phát hành cổ phiếu là một trong những kênh

huy động vốn quan trọng của các doanh nghiệp, đồng thời qua đó các nguồn vốn trong xã hội cũng được sử dụng, phát huy hiệu quả. Ở nước ta, nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi, các nguồn lực còn ở dạng tiềm năng. Cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước là giải pháp thích hợp và hữu hiệu để khai thác, khơi thông và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn. Về phía Nhà nước, qua cổ phần hóa cũng thu lại được một phần vốn trước đây đã đầu tư cho các doanh nghiệp nhà nước để tập trung đầu tư vào các lĩnh vực khác, đồng thời giảm bớt được khoản bổ sung vốn cho các doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hóa. Đối với doanh nghiệp sau cổ phần hóa, chủ động thu hút nguồn vốn nhân rồi trong xã hội để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, giảm bớt tình trạng thiếu vốn sản xuất. Về phía người lao động, thông qua việc mua cổ phần sẽ trở thành người chủ của doanh nghiệp, quyền lợi gắn liền với hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, do đó sẽ thêm nguồn kích thích họ tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí. Công tác quản lý doanh nghiệp, nhất là công tác quản lý tài chính được tăng cường do sự

* Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Kiểm toán Nhà nước

giám sát của người lao động đồng thời là chủ doanh nghiệp.

Theo báo cáo của Ban chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp nhà nước, tính đến thời điểm 31-12-2005, cả nước đã thực hiện cổ phần hóa được 2.242 doanh nghiệp nhà nước, với tổng số vốn của các doanh nghiệp cổ phần hóa lên tới 17.700 tỉ đồng, bằng 8,2% toàn bộ vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Tính bình quân trong các doanh nghiệp cổ phần, Nhà nước nắm giữ 46,5% vốn điều lệ; cán bộ, người lao động trong doanh nghiệp nắm 38,1%, ngoài doanh nghiệp nắm 15,4%. Qua cổ phần hóa, đã huy động được khoảng 12.411 tỉ đồng của các cá nhân, tổ chức ngoài xã hội đầu tư vào doanh nghiệp, Nhà nước thu lại được khoảng 10.169 tỉ đồng. Vốn của Nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước chưa cổ phần (tính đến 31-12-2004) còn khoảng 200.000 tỉ đồng. Khai thác, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn này sẽ tạo điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tuy nhiên, qua số liệu trên cũng cho thấy, việc huy động vốn trong dân cư còn hạn chế, số lượng cổ phiếu bán ra ngoài doanh nghiệp thấp, chủ yếu bán trong nội bộ doanh nghiệp. Tuy số lượng doanh nghiệp đã cổ phần nhiều, nhưng tỷ trọng vốn của nó chỉ chiếm 8,2% tổng số vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước. Nguyên nhân chủ yếu là do hầu hết các doanh nghiệp đã cổ phần hóa thường có quy mô nhỏ. Trong tổng số doanh nghiệp được cổ phần hóa, số doanh nghiệp có vốn dưới 5 tỉ đồng chiếm 59,2%; số doanh nghiệp có vốn từ 5 - 10 tỉ đồng là 500 đơn vị, chiếm 22,3%; số doanh nghiệp có vốn trên 10 tỉ đồng chỉ có 415, chiếm 18,5%. Như vậy, nhiều doanh nghiệp có quy mô lớn, hiệu quả sản xuất kinh doanh cao chưa được cổ phần hóa, số vốn của nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước còn chiếm tỷ trọng lớn và do các tổng công ty nhà

nước nắm giữ. Do đó, chưa thu hút được các nhà đầu tư có tiềm lực về vốn, công nghệ, thị trường, kinh nghiệm quản lý, nhất là các nhà đầu tư nước ngoài, tham gia mua cổ phần. Để thu hút thêm các nguồn vốn nhân rồi ngoài xã hội vào sản xuất kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp, cần tiến hành cổ phần hóa một bộ phận lớn các doanh nghiệp nhà nước, nhất là những doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực nhà nước không cần nắm giữ. Việc cổ phần hóa phải được công khai để thu hút các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư chiến lược, tiềm năng, nhất là các nhà đầu tư nước ngoài cùng tham gia. Tình trạng cổ phần hóa "khép kín" trong nội bộ doanh nghiệp là nguyên nhân làm hạn chế lượng vốn thu hút từ các nhà đầu tư bên ngoài. Tiềm lực vốn của người lao động trong các doanh nghiệp còn nhỏ (thực tế có nhiều trường hợp người lao động không đủ tiền mua cổ phiếu theo giá ưu đãi, phải bán "cổ phiếu non" hoặc chỉ đứng tên mua cổ phiếu); hơn nữa, tâm lý đầu tư, nhất là đầu tư vào chứng khoán vẫn còn xa lạ đối với đại đa số người lao động, nên việc huy động vốn từ người lao động chưa nhiều, không đủ đáp ứng yêu cầu về vốn của doanh nghiệp sau cổ phần hóa.

Sự ra đời của Nghị định 187/2004/NĐ-CP, ngày 16-11-2004, của Chính phủ, về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần, với bước đổi mới cơ bản là xóa bỏ tình trạng cổ phần hóa "khép kín", đẩy mạnh thị trường hóa cổ phần hóa, bán đấu giá công khai cổ phần, đã cơ bản khắc phục được tình trạng trên. Việc bán bớt cổ phần của Nhà nước tại Công ty cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) vào đầu năm 2005 là một minh chứng về thành công và hiệu quả, nếu thực hiện tốt việc bán đấu giá cổ phần qua thị trường chứng khoán (Nhà nước đã thu thêm 389 tỉ đồng, bình quân tăng 213,1% so với mệnh giá). Qua đó cũng thấy, tiềm năng về nguồn lực và thương hiệu

của các doanh nghiệp nhà nước còn lớn, nếu chúng ta có cơ chế khai thác tốt thì hiệu quả của cổ phần hóa sẽ cao hơn nữa.

2 – Về đánh giá vốn, tài sản để xác định giá trị doanh nghiệp

Đây là vấn đề phức tạp của công tác cổ phần hóa, cũng là vấn đề được các nhà đầu tư quan tâm nhất. Nếu xác định giá trị doanh nghiệp quá thấp sẽ làm thất thoát tiền vốn của Nhà nước, ngược lại nếu xác định giá trị doanh nghiệp quá cao sẽ không được các nhà đầu tư chấp nhận, và do vậy làm chậm tiến trình cổ phần hóa.

Trong nền kinh tế thị trường, giá trị doanh nghiệp không chỉ là vốn, tài sản hiện hữu, mà còn một số yếu tố vô hình như: lợi thế kinh doanh, thương hiệu, thị phần, giá trị quyền sử dụng đất, cũng được coi là vốn của doanh nghiệp. Đây là những yếu tố khó xác định chính xác, dễ gây thất thoát. Trong quá trình xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa còn tình trạng chậm giải quyết dứt điểm số tài sản chờ xử lý, không tính vào giá trị doanh nghiệp; không phản ánh đầy đủ số vốn góp của Nhà nước vào doanh nghiệp, gây thiệt hại cho Nhà nước trong tiến trình cổ phần hóa các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, tình trạng cổ phần hóa “khép kín” cũng dễ dẫn đến hiện tượng định giá doanh nghiệp thấp so với giá thị trường, gây thất thoát tài sản nhà nước, không thực hiện được mục tiêu thu hút thêm các nguồn lực để nâng cao hiệu quả cho doanh nghiệp sau cổ phần hóa. Năm 2002, qua kiểm toán, Kiểm toán Nhà nước đã phát hiện một số doanh nghiệp cổ phần hóa lợi dụng thời gian chờ chuyển sang công ty cổ phần (thường mất khoảng từ 1 đến 1,5 năm, kể từ khi định giá doanh nghiệp) và quy định của Nhà nước về kết chuyển kết quả sản xuất kinh doanh của giai đoạn từ khi xác định giá trị doanh nghiệp đến khi chính thức chuyển sang công ty cổ phần (lãi thì tăng vốn nhà nước, lỗ thì giảm

vốn nhà nước), đã tìm mọi cách hạch toán tăng chi phí, giảm doanh thu, chuyển lỗ cho nhà nước phải gánh chịu. Riêng tại 3 công ty thành viên thuộc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam (Seaprodex) báo cáo lỗ trong giai đoạn chờ chuyển đổi (sau khi đã định giá doanh nghiệp) từ 1 đến 2 tỉ đồng; qua kiểm toán, Kiểm toán Nhà nước đã xác định các doanh nghiệp này đều có lãi. Cũng tại Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam, tổng số tài sản và các khoản không tính vào giá trị khi cổ phần hóa (6 doanh nghiệp) gần 37 tỉ đồng chưa được xử lý dứt điểm theo chế độ, số vốn cổ phần của Nhà nước hơn 23 tỉ đồng không được phản ánh trên báo cáo tài chính.

3 – Về hiệu quả sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp sau cổ phần hóa

Phần lớn các doanh nghiệp nhà nước, sau khi chuyển sang công ty cổ phần đều hoạt động có hiệu quả hơn trước, tất cả các tiêu chí chủ yếu đều tăng: huy động vốn, doanh thu, nộp ngân sách, lợi nhuận, cổ tức, số lao động sử dụng, thu nhập của người lao động; nhiều doanh nghiệp sau cổ phần hóa làm ăn có hiệu quả đã tăng cường đầu tư máy móc, công nghệ mới, mở rộng nhà xưởng, quy mô sản xuất.

Tuy nhiên, qua kiểm toán một số công ty cổ phần mà Nhà nước giữ cổ phần chi phối cho thấy, bên cạnh những doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả, cũng còn không ít các doanh nghiệp khai thác, sử dụng vốn, tài sản kém hiệu quả, bị thua lỗ, không bảo toàn được vốn, cổ đông có nguy cơ mất vốn. Chẳng hạn, tại tỉnh Lạng Sơn, có công ty cổ phần báo cáo kết quả kinh doanh lãi 7,8 triệu đồng, nhưng thực tế lỗ gần 2,5 tỉ đồng; một công ty cổ phần khác ở tỉnh Bắc Giang, báo cáo lãi 27 triệu đồng, kiểm toán xác định lỗ 694 triệu đồng. Nguyên nhân cơ bản của tình trạng này là công tác quản lý doanh nghiệp sau cổ phần hóa chưa thực sự đổi mới, doanh nghiệp chưa xây dựng được những phương án sản xuất, kinh doanh

có hiệu quả. Bên cạnh đó, trong quá trình triển khai cổ phần hóa nảy sinh tình trạng “bình mới, rượu cũ” đối với các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 51% vốn điều lệ. Lãnh đạo doanh nghiệp vẫn là những người cũ (quản lý kém hiệu quả, gây thua lỗ) với tư duy, trình độ quản lý và điều hành doanh nghiệp ít thay đổi, thiếu sức sáng tạo, kém năng động. Ngoài ra, tỷ lệ nắm giữ cổ phần của cổ đông ngoài doanh nghiệp còn thấp (trung bình 15,4% vốn điều lệ), vì vậy, các cổ đông chiến lược ít có cơ hội để trở thành những người chủ có vai trò nhất định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cổ phần.

Qua kiểm toán cũng cho thấy, có tình trạng một số công ty cổ phần làm ăn hiệu quả, có lãi cao, nhưng báo cáo không trung thực số lợi nhuận thực tế, giấu lãi, từ đó phân chia cổ tức cho các cổ đông không đúng số lãi thực tế của doanh nghiệp, cổ đông bị mất lãi, trong đó có Nhà nước. Chẳng hạn, tại một công ty cổ phần thuộc Tổng Công ty Đầu tư phát triển nhà và Đô thị (HUD) có vốn cổ phần của Nhà nước chiếm 70% vốn điều lệ, qua kiểm toán xác định công ty báo cáo lợi nhuận sau thuế thiếu 18,7 tỉ đồng.

Một thực tế về hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp cũng cần được quan tâm, đó là các doanh nghiệp cổ phần hóa chủ yếu là các doanh nghiệp độc lập, có quy mô vốn nhỏ, hoặc là các doanh nghiệp là thành viên của các tổng công ty nhà nước. Khi một bộ phận trong tổng công ty cổ phần hóa, nhưng lại cổ phần hóa “khép kín”, đã dẫn đến một thực tế là các doanh nghiệp sau cổ phần hóa đều có lãi, còn các thành viên khác đều lỗ hoặc không hiệu quả. Trong khi đó, những hợp đồng có khả năng có lợi nhuận cao, dễ thực hiện thì tổng công ty đều giao cho các công ty cổ phần thực hiện, còn các doanh nghiệp thành viên khác lại phải thực hiện các hợp đồng với tỷ suất lợi nhuận thấp, khó có khả năng thu hồi vốn.

4 – Về nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp sau cổ phần hóa

Quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, ngoài việc sắp xếp, bố trí lại vốn, tài sản, đồng thời cũng là quá trình tổ chức, sắp xếp lại lực lượng lao động, giảm bớt số lao động không đáp ứng được yêu cầu, không có nhu cầu sử dụng, nên hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực tốt, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Chính vì vậy, sau khi chuyển thành công ty cổ phần, nhiều doanh nghiệp đã giảm tới 15% - 20% số lao động so với trước. Trong khi đó, quy mô sản xuất, doanh thu, lợi nhuận không những không giảm mà lại có xu hướng tăng, năng suất lao động cũng tăng lên. Mặt khác, người lao động được ưu đãi trong việc tham gia góp vốn mua cổ phiếu, trở thành những người chủ sở hữu của doanh nghiệp, tránh được xáo trộn về lao động, tạo tâm lý yên tâm cho người lao động, bảo đảm cho doanh nghiệp duy trì các hoạt động sản xuất, kinh doanh ngay sau khi cổ phần hóa và có bước phát triển trong những năm tiếp theo.

Qua kiểm toán cho thấy, bên cạnh những doanh nghiệp sau cổ phần hóa phát huy tốt nguồn nhân lực sẵn có, ổn định việc làm, tăng cường đào tạo, tuyển dụng thêm những lao động có tay nghề, trình độ cao, còn có những doanh nghiệp sử dụng lao động không hợp lý, thiếu chính sách thu hút và sử dụng nhân tài, cơ cấu ngành nghề, trình độ không hợp lý, tỷ lệ lao động gián tiếp còn ở mức cao (có công ty tỷ lệ lao động gián tiếp/trực tiếp là 1/1,1). Thực tế không ít lao động có trình độ cao về làm việc tại một số công ty cổ phần, sau một thời gian phải bỏ đi, vì cơ chế quản lý, sử dụng lao động bất hợp lý, sức ỳ trong bộ máy quản lý còn lớn. Một bộ phận cán bộ chủ chốt của doanh nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu, còn nặng tư tưởng bao cấp, kém năng động, năng lực hạn chế, sợ trách nhiệm. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp chưa theo kịp yêu cầu của cơ chế

thị trường, họ vẫn làm theo thói quen, kinh nghiệm bản thân...

Tóm lại, trong những năm qua, công tác cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, tuy đã đạt một số kết quả tích cực, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới, tiến độ cổ phần hóa chậm. Việc huy động vốn trong quá trình cổ phần hóa chưa cao, chưa tương xứng với tiềm năng, chưa thu hút được nhiều các nhà đầu tư chiến lược, các nhà đầu tư tiềm năng. Nhiều công ty cổ phần chưa có sự đổi mới mạnh trong quản trị doanh nghiệp; phương pháp quản lý, lề lối làm việc, tư duy vẫn còn như khi còn là doanh nghiệp nhà nước, nên hiệu quả kinh doanh thấp, chưa khai thác tốt các nguồn lực để phát triển sản xuất kinh doanh.

5 – Một số giải pháp nâng cao hiệu quả cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Để thực hiện tốt hơn công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, khai thác, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước và xã hội, theo chúng tôi cần thực hiện một số giải pháp sau đây:

– *Một là*, đẩy mạnh hơn nữa cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, coi cổ phần hóa là giải pháp quan trọng để tạo chuyển biến cơ bản trong việc nâng cao hiệu quả kinh doanh và sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhà nước. Đối tượng cổ phần hóa là những doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ 100% vốn, kể cả một số tổng công ty và doanh nghiệp nhà nước lớn trong một số ngành, lĩnh vực quan trọng. Mở rộng diện các doanh nghiệp nhà nước cần cổ phần hóa, triển khai việc cổ phần hóa Nhà nước giữ cổ phần chi phối đối với tổng công ty và doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 9, khóa IX. Lựa chọn một số tổng công ty "90" để thí điểm cổ phần hóa toàn tổng công ty.

– *Hai là*, hoàn thiện cơ chế, chính sách cổ phần hóa, tạo lập môi trường pháp lý để

khuyến khích, thúc đẩy cổ phần hóa và đa dạng hóa hình thức sở hữu. Có cơ chế và phương pháp định giá doanh nghiệp khoa học, hợp lý, thực hiện định giá qua các tổ chức chuyên nghiệp đủ uy tín, năng lực, bảo đảm thực hiện nguyên tắc thị trường quyết định giá trị tài sản của doanh nghiệp, trong đó có giá trị quyền sử dụng đất. Đẩy mạnh công khai việc mua bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán theo phương thức đấu giá để thu hút các nhà đầu tư có tiềm năng về vốn, công nghệ, thị trường, kinh nghiệm quản lý.

– *Ba là*, hoàn thiện cơ chế quản lý phần vốn của Nhà nước tại các công ty cổ phần, tiêu chuẩn người trực tiếp quản lý phần vốn của Nhà nước; làm rõ mối quan hệ giữa tổ chức cơ sở của Đảng - Hội đồng quản trị - Giám đốc doanh nghiệp trong công ty cổ phần, đặc biệt là về vấn đề tổ chức cán bộ.

– *Bốn là*, tổng kết và phổ biến kịp thời kinh nghiệm công tác cổ phần hóa. Thực tế cho thấy, thông qua các cuộc họp, hội thảo khoa học, những đợt tổng kết các thời kỳ và nội dung cổ phần hóa trong thời gian qua, chúng ta đã thu được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu. Trên cơ sở đó, Đảng và Nhà nước đã có những điều chỉnh kịp thời về môi trường pháp lý, kiện toàn công tác tổ chức và đưa ra các quyết sách lớn trong quá trình chỉ đạo cổ phần hóa. Đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa và trong diện cổ phần hóa trong thời gian tới, việc tổng kết, trao đổi kinh nghiệm sẽ giúp các doanh nghiệp học tập những kinh nghiệm thành công và tránh mắc phải các hạn chế của các doanh nghiệp đi trước.

Đẩy mạnh hơn nữa việc sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp nhà nước theo các Nghị quyết Trung ương 3 và 9 (khóa IX), là góp phần quan trọng để phát triển kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, nhằm thực hiện thắng lợi đường lối phát triển kinh tế mà Đại hội IX của Đảng đề ra. □

VỀ ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CÔNG TÁC TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

TÀO HỮU PHÙNG *

QUẢN lý thống nhất nền tài chính quốc gia nhằm mục tiêu sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đồng vốn để tăng tích lũy, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là một nhiệm vụ rất quan trọng. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã đề ra mục tiêu công tác tài chính - ngân sách giai đoạn 2001 - 2005 là "Tiếp tục đổi mới và lành mạnh hóa hệ thống tài chính - tiền tệ, tăng tiềm lực và khả năng tài chính quốc gia, thực hành triệt để tiết kiệm; tăng tỷ lệ chi ngân sách dành cho đầu tư phát triển; duy trì ổn định các cân đối vĩ mô; phát triển thị trường vốn đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội"⁽¹⁾. Qua 5 năm, công tác tài chính - ngân sách của chúng ta đã đạt được những kết quả sau:

- Thực hiện vượt mức nhiệm vụ động viên GDP vào ngân sách nhà nước (NSNN), góp phần quan trọng nâng cao tiềm lực tài chính quốc gia (tăng từ 26,5% GDP năm 2001 lên 30,7% GDP năm 2005). Đạt được điều đó trong bối cảnh có nhiều thay đổi trong chính sách thu NSNN, như: miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp (từ năm 2003); để lại toàn bộ số thu sử dụng vốn NSNN cho doanh nghiệp; tăng cường hoàn thuế giá trị gia tăng trong chính sách khuyến khích xuất khẩu; giảm thuế

suất thuế thu nhập doanh nghiệp (từ 32% xuống 28%); bỏ thuế thu nhập bổ sung, thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài; cắt giảm thuế nhập khẩu theo lộ trình của CEPT/AFTA, Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, Hiệp định Việt Nam - EU, Hiệp định trị giá GATT..., là một cố gắng rất lớn của các ngành, các cấp. Rõ ràng công tác tổ chức thu NSNN ngày càng có nhiều tiến bộ; các cơ chế, chính sách đã phù hợp hơn với quy luật của kinh tế thị trường, khuyến khích đầu tư, tăng khả năng tích tụ vốn của các doanh nghiệp để phát triển sản xuất kinh doanh và thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng nhanh (tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm giai đoạn 2001 - 2005 đạt 7,5%).

- Cơ cấu thu NSNN có chiều hướng vững chắc hơn do có sự chuyển dịch tích cực (với tốc độ tăng khá ổn định khoảng 20%/năm) của số thu nội địa (không kể xuất khẩu dầu thô) và đã trở thành nguồn thu chủ yếu của NSNN. Tỷ lệ thu nội địa đã tăng từ 50,7% tổng thu NSNN

* GS, TS, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế - Ngân sách của Quốc hội

(1) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 263

năm 2001 lên gần 55% năm 2005. Thu từ khu vực kinh tế quốc doanh tuy có giảm về tỷ trọng, nhưng tốc độ tăng hằng năm vẫn đạt khá (13,8%). Thu từ khu vực ngoài quốc doanh và doanh nghiệp FDI cũng tăng bình quân 29,4%/năm. Công tác quản lý và huy động nguồn lực từ đất đai thông qua đấu thầu, đấu giá quyền sử dụng đất đã tạo nguồn thu cho NSNN với tốc độ tăng bình quân 71,3%/năm.

- Trong cơ cấu chi NSNN, tốc độ tăng chi NSNN bình quân đạt 17,3%/năm. Cơ cấu phân phối và sử dụng nguồn lực ngân sách đã có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng giảm dần các khoản chi bao biện và bao cấp, tập trung ưu tiên chi cho các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội quan trọng và giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc. Tỷ lệ chi đầu tư phát triển tăng cao, đạt 30,5% tổng chi NSNN (mục tiêu 25% - 26%); đồng thời, đã huy động hàng chục nghìn tỉ đồng công trái giáo dục, trái phiếu chính phủ để đầu tư cho trường - lớp học, công trình giao thông và thủy lợi quan trọng của đất nước. Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề tăng từ 15% năm 2000 lên 18% tổng chi NSNN năm 2005. Chi khoa học, công nghệ đạt trên 2% tổng chi NSNN. Nhìn chung, chi NSNN tăng nhanh, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, tăng cường hoạt động đối ngoại, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khắc phục kịp thời thiên tai, bão lụt, dịch bệnh và các nhu cầu cấp bách phát sinh.

- Để phát triển các vùng kinh tế, thực hiện Nghị quyết 37 và Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị, NSNN đã đầu tư thêm trên 40.000 tỉ đồng cho các tỉnh Tây Nguyên, miền núi phía Bắc, Tây Nam Bộ, vùng miền núi khó khăn. Đẩy mạnh phân cấp quản lý tài chính - ngân sách cho các cấp chính quyền địa phương, đặc biệt

là chính quyền cấp tỉnh. Số tỉnh tự cân đối được ngân sách tăng nhanh (từ 5 lên 15 tỉnh); đồng thời, vẫn bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương thực hiện những nhiệm vụ quan trọng của quốc gia, các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô; thực hiện vai trò điều phối tài chính quốc gia, hỗ trợ đối với các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Giai đoạn 2001 - 2005, ngân sách trung ương chiếm 70% thu NSNN, chiếm 56% chi NSNN; ngân sách địa phương chiếm 30% thu NSNN, chiếm 44% chi NSNN. Kiểm soát chặt chẽ mức bội chi NSNN trong phạm vi Quốc hội cho phép (dưới 5% GDP). Thanh toán đầy đủ và kịp thời các khoản nợ đến hạn, cả nợ trong và ngoài nước, kết hợp vay mới với thời gian và lãi suất hợp lý. Dự nợ chính phủ đến cuối năm 2005 (bao gồm cả dự nợ trái phiếu chính phủ, công trái giáo dục) khoảng 36% GDP, dự nợ quốc gia khoảng 32% GDP, là mức an toàn theo tiêu chuẩn quốc tế, vừa bảo đảm an ninh tài chính quốc gia, vừa tăng thêm nguồn vốn cho đầu tư phát triển.

- Trong quản lý và điều hành NSNN đã có những cải cách mang tính đột phá, đặc biệt là cải cách hành chính về thủ tục chi NSNN, cơ chế giao quyền tự chủ về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp có thu, thực hiện chế độ công khai, minh bạch ngân sách và tăng cường trách nhiệm giám sát của các cơ quan dân cử. Thủ tục chi ngân sách qua hệ thống kho bạc nhà nước, giải ngân vốn các dự án đã được cải cách khá cơ bản: đơn vị sử dụng ngân sách căn cứ dự toán được giao cả năm và chế độ tiêu chuẩn định mức chi ngân sách để chủ động quản lý và sử dụng ngân sách trong phạm vi dự toán được duyệt; bỏ thủ tục cấp phát ngân sách có tính chất hành chính; từng bước xây dựng và hoàn thiện định mức phân bổ ngân sách, quy định rõ hơn về tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách, định mức sử dụng tài sản

công. Công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán đã đạt được những kết quả nhất định trong việc đấu tranh phòng và chống tham nhũng, lãng phí, thất thoát; đã phát hiện, xử lý, ngăn chặn nhiều vụ việc vi phạm chế độ quản lý tài chính - ngân sách, góp phần chấn chỉnh và tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách quốc gia. Chính sách khuyến khích xã hội hóa đã đạt được những kết quả quan trọng, bước đầu huy động được một phần đáng kể nguồn lực trong xã hội để thúc đẩy phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao.

Bên cạnh những kết quả đáng ghi nhận nêu trên, công tác tài chính - ngân sách vẫn còn tồn tại một số vấn đề:

- Nền tài chính quốc gia còn những yếu tố chưa vững chắc, thể hiện ở quy mô thu ngân sách còn nhỏ bé và phụ thuộc nhiều vào các khoản thu bấp bênh, không chắc chắn nếu có sự biến động của thị trường thế giới và các nhân tố khách quan. Các khoản thu không chắc chắn còn chiếm tỷ lệ lớn (thu từ xuất khẩu dầu thô chiếm 44% tổng thu NSNN). Tỷ lệ thu nội địa tuy có tăng nhưng chưa tương xứng với tiềm năng và dưới khả năng phát triển của nền kinh tế. Phần giá trị tăng thêm của nền kinh tế được động viên vào NSNN còn rất hạn chế. Thêm vào đó là một số chính sách động viên tài chính chậm được sửa đổi bổ sung: chính sách thuế còn chưa bao quát hết nguồn thu, tình trạng thất thu, nợ đọng thuế còn lớn; quy định trong chính sách thuế còn nhiều bất cập, chưa phù hợp với thông lệ quốc tế về bảo hộ sản xuất trong nước; lồng ghép chính sách xã hội trong chính sách thuế...

- Chính sách phân phối tài chính còn một số nội dung bất hợp lý, bao cấp ở một số lĩnh vực còn lớn, chưa gắn kết đầy đủ nghĩa vụ, quyền hạn và trách nhiệm trong quản lý và sử dụng NSNN. Cơ cấu đầu tư chưa hợp lý, tình trạng dàn trải, phân tán trong chi đầu tư chậm

được khắc phục (giai đoạn 2001 - 2005 có khoảng 50.000 dự án); đầu tư của Nhà nước còn chiếm tỷ trọng lớn (khoảng 54% tổng vốn đầu tư toàn xã hội), nhưng tác dụng đóng góp vào tăng trưởng và tạo việc làm của lượng vốn đầu tư này còn thấp. Thất thoát, lãng phí trong quản lý và sử dụng đất đai, quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản còn diễn ra phổ biến, chưa có biện pháp ngăn chặn hữu hiệu. Đầu tư ngân sách cho các lĩnh vực xã hội còn thấp so với nhu cầu, trong lúc nhiều lĩnh vực xã hội phát triển chậm làm hạn chế thành quả phát triển toàn diện và bền vững của nền kinh tế. Công tác sắp xếp lại bộ máy, tinh giản biên chế chậm. Triển khai thực hiện chính sách đối với các đơn vị dịch vụ công chưa đạt yêu cầu đề ra, chưa phát huy được tính năng động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị dịch vụ công. Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương tài chính chưa nghiêm; tình trạng không thực hiện đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu ngân sách và tài sản công còn diễn ra phổ biến ở nhiều bộ, ngành và địa phương, biện pháp xử lý vi phạm chưa thật kiên quyết.

- Thu ngân sách địa phương chậm được cải thiện do tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa cao, hiệu quả thấp. Số tỉnh tự cân đối được ngân sách và có điều tiết về ngân sách trung ương chưa nhiều, chủ yếu là do chuyển nguồn thu thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất trong nước và lệ phí xăng dầu từ nguồn thu 100% của ngân sách trung ương thành nguồn thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Quyền tự chủ và khả năng tăng thu của ngân sách địa phương từ sự phát triển kinh tế, khai thác tiềm năng thế mạnh của địa phương còn rất hạn chế. Số bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương còn lớn. Cơ chế giao dự toán NSNN còn nhiều bất cập: giao chỉ tiêu quá chi tiết, làm hạn chế tính chủ động, sáng tạo của các cấp chính quyền địa phương.

- Tình trạng quản lý tài chính - ngân sách, tài sản công lỏng lẻo diễn ra ở không ít bộ, ngành và địa phương; tiêu chuẩn, chế độ, định mức bất hợp lý, chậm được sửa đổi; tình trạng vi phạm các quy định về quản lý tài chính - ngân sách còn xảy ra khá phổ biến.

Bước vào kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và công tác tài chính - ngân sách sẽ đứng trước những thuận lợi, khó khăn và thách thức mới. Vì vậy, mục tiêu và nhiệm vụ NSNN nên hướng vào các vấn đề cơ bản như sau:

Một là, phải đổi mới chính sách động viên GDP vào NSNN, tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, nâng cao chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế, vừa tăng tích tụ vốn cho khu vực sản xuất kinh doanh, vừa bảo đảm được nguồn lực tập trung vào NSNN để thực hiện những chức năng cơ bản của Nhà nước; hiện đại hóa công tác thu thuế và hải quan, tăng cường quản lý thuế, chống gian lận, trốn thuế và nợ đọng thuế.

Hai là, thực hiện chính sách phân phối NSNN hợp lý, công bằng, hiệu quả nhằm mục tiêu thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng đầu tư phát triển và đầu tư cho con người, thúc đẩy phát triển các lĩnh vực xã hội đồng bộ với phát triển kinh tế, bảo đảm sự phát triển bền vững và toàn diện, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính quốc gia.

Ba là, thực hiện cân đối NSNN tích cực, vững chắc ở cả ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương (tối thiểu 60% - 65% thu NSNN) để thực hiện những nhiệm vụ chiến lược quan trọng của quốc gia; tăng cường phân cấp quản lý ngân sách để tăng số địa phương tự cân đối được ngân sách, phát huy vai trò chủ động của ngân sách địa phương; bố trí và phân bổ ngân sách hợp lý giữa các vùng kinh tế trên cơ sở phát huy lợi thế của từng

vùng và sức mạnh tổng hợp trong sự liên kết giữa các vùng; ưu tiên đầu tư đối với vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có hoàn cảnh khó khăn.

Bốn là, thực hiện chính sách ngân sách chặt chẽ, thận trọng, bội chi NSNN ở mức hợp lý trong giới hạn cho phép của Quốc hội; thực hiện cơ cấu lại nguồn vay trong nước và vay ngoài nước để bù đắp bội chi, đối với vay ngoài nước chỉ vay ưu đãi ODA; đồng thời tiếp tục cơ cấu lại nợ quốc gia, nợ chính phủ; giữ mức dư nợ chính phủ, dư nợ quốc gia không quá 50% GDP nhằm bảo đảm vững chắc an ninh tài chính quốc gia trong phát triển và hội nhập.

Năm là, nghiên cứu đổi mới chính sách phân bổ ngân sách dựa trên cơ sở kết quả đầu ra ở một số lĩnh vực, gắn với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, các tiêu chí đánh giá kết quả đầu ra; phân định rõ nội dung và phạm vi mà NSNN phải bảo đảm; xác định những nhiệm vụ quan trọng, thiết yếu cần có sự đầu tư của NSNN, như: kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đào tạo nguồn nhân lực, phát triển vùng kinh tế trọng điểm, hỗ trợ các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa; xóa đói giảm nghèo, củng cố quốc phòng - an ninh...; đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa, đa dạng hóa công tác huy động nguồn lực ở những khu vực có điều kiện để chăm lo sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao...

Để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ nêu trên và với tư duy mới trong chính sách tài chính - ngân sách quốc gia nhằm hoàn thành Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 của Đảng, thiết nghĩ trong kế hoạch 5 năm 2006 - 2010, cần tập trung vào một số giải pháp sau:

1 - Chú trọng chính sách đầu tư tạo nguồn thu nội địa vững chắc cho ngân sách nhà nước: Giải pháp này xuất phát từ thực

trạng nguồn thu của ngân sách nhà nước hiện nay chưa ổn định, chưa vững chắc. Khoảng 50% tổng thu NSNN chưa xuất phát từ kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và kết quả của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Những khoản thu bấp bênh (như thu từ dầu khí, xuất nhập khẩu, đất đai...) còn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu NSNN. Vì vậy, để tạo nguồn thu vững chắc cho NSNN cần:

- Tập trung hỗ trợ tài chính và tín dụng nhà nước vào các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả để giúp họ đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, sức cạnh tranh, hạ giá thành, từ đó tạo nguồn thu vững chắc cho NSNN;

- Động viên nguồn thu vào NSNN cần có chính sách hợp lý để tăng tích lũy cho doanh nghiệp thông qua cơ chế để lại nguồn thu cho doanh nghiệp đầu tư chiều sâu, chẳng hạn như ngành dầu khí;

- Thực hiện chính sách đầu tư, hỗ trợ tài chính và ưu đãi một cách hợp lý để khuyến khích các địa phương tăng cường phát triển kinh tế, thu hút đầu tư, chủ động, sáng tạo trong khai thác các tiềm năng và lợi thế của địa phương. Tăng số lượng các địa phương có số thu NSNN trên 1000 tỉ đồng và các địa phương tự cân đối được ngân sách. Hỗ trợ các địa phương nghèo, miền núi khó khăn, nhưng cũng cần có cơ chế đặc thù để khuyến khích các địa phương có khả năng và tiềm lực phát triển lớn có điều kiện bứt phá, tạo động lực để kéo các địa phương còn khó khăn.

2 – Có chính sách tài chính thông thoáng để động viên, thu hút mọi nguồn lực trong xã hội cho đầu tư phát triển, đặc biệt là đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và các dịch vụ công: Miễn giảm thuế theo Luật Đầu tư cho các doanh nghiệp tại các địa bàn quan trọng, ngành sản xuất công ích, đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Có cơ chế huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn vay nước ngoài,

khắc phục tình trạng sử dụng kém hiệu quả, lãng phí và thất thoát, tham nhũng, nhất là đối với vốn vay ODA. Ví dụ: hiện tượng sử dụng ODA mua hàng trăm ô tô đắt tiền để cho mượn, hối lộ; sử dụng ODA đánh bạc, cá độ bóng đá, vụ lợi cá nhân... Cần có cơ chế quản lý chặt chẽ việc huy động và sử dụng vốn bằng trái phiếu chính phủ, hàng năm cần đưa vào cân đối NSNN và báo cáo Quốc hội, coi đây như là một nguồn thu của NSNN. Hằng năm, chúng ta huy động khoảng 15.000 tỉ đồng vốn trái phiếu chính phủ, nên cần tránh tình trạng huy động rồi để tồn đọng, vốn chết, tạo ra lãi khổng lồ mà Nhà nước phải trả trong tương lai. Có biện pháp tài chính thích hợp để huy động mọi nguồn lực thông qua xã hội hóa đầu tư cho giáo dục, đào tạo, y tế, thể dục thể thao và các dịch vụ công. Nên mạnh dạn giao cho các doanh nghiệp ngoài nhà nước thực hiện và đảm nhận các dịch vụ công (như mở rộng các trường bán công, dân lập, tư thục) để thực hiện xã hội hóa và giảm gánh nặng của NSNN. Từng bước cho phép đấu giá để chuyển giao quyền sử dụng một số cơ sở thuộc kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư (như đấu giá bến cảng, đường cao tốc, cầu đường bộ...) để chuyển giao cho tư nhân và các doanh nghiệp quản lý khai thác có hiệu quả hơn, từ đó tạo thêm nguồn lực cho đầu tư phát triển. Triển khai các biện pháp thích hợp để phát triển thị trường tài chính, thị trường dịch vụ tài chính nhằm thu hút nguồn vốn trung và dài hạn. Phát triển thị trường chứng khoán, kết hợp chặt chẽ với việc cổ phần hóa và sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước theo Luật Doanh nghiệp (chung cho mọi thành phần kinh tế). Khẩn trương ban hành Luật Chứng khoán. Xây dựng chính sách và đề án đổi mới, hoàn thiện cơ chế sử dụng tài chính công có hiệu quả. Sớm có cơ chế quản lý tài chính đối với đất đai và bất động sản, kết cấu hạ tầng quan trọng của Nhà nước, trong đó cố gắng khai thác nguồn lực từ

đất đai để có nguồn xây dựng kết cấu hạ tầng. Tính toán điều chỉnh lại quy hoạch và phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất, tránh lãng phí vốn và đất đai, ảnh hưởng đến đời sống và việc làm của nông dân bị thu hồi đất. Kiểm soát việc khai thác các nguồn tài nguyên khoáng sản của đất nước, nhất là các tài nguyên quý hiếm, nhằm duy trì nguồn lực cho phát triển bền vững.

3 – Hoàn thiện và đổi mới chính sách tài chính trong việc phân phối và sử dụng có hiệu quả, hợp lý các nguồn lực tài chính quốc gia: Sớm hoàn thiện và đổi mới chính sách phân phối, bảo đảm hợp lý, công bằng, có hiệu quả. Tăng cường khai thác các nguồn lực đầu tư toàn xã hội nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhất là cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, phát triển các vùng kinh tế động lực, thu hẹp khoảng cách giữa vùng đô thị với vùng sâu, vùng xa, bảo đảm đủ nguồn lực để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế gắn với công bằng xã hội và xóa đói, giảm nghèo. Bảo đảm vai trò định hướng và chủ đạo của tài chính nhà nước trong việc đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, nhất là trong việc xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, các công trình trọng điểm quốc gia và ưu tiên hỗ trợ hợp lý cho các vùng khó khăn, chậm phát triển. Điều chỉnh cơ cấu đầu tư gắn với tốc độ và tiến trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế; phát triển ngành mũi nhọn, công nghệ cao, thúc đẩy đổi mới khoa học, công nghệ; khuyến khích đầu tư vào dịch vụ tài chính - ngân hàng và các dịch vụ chất lượng cao. Trong phân bổ vốn đầu tư từ NSNN, cần sớm trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư theo nguyên tắc công bằng, có căn cứ khoa học dựa trên tình trạng hiện tại và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển các ngành, vùng, củng cố quốc phòng - an ninh, các công

trình trọng điểm nằm trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt ghi trong kế hoạch 5 năm (2006 - 2010); trong phân bổ vốn đầu tư cần ưu tiên giúp các tỉnh nghèo vượt khó, tỉnh mới chia tách, miền núi và Tây Nguyên.

4 – Về đổi mới chính sách chi ngân sách nhà nước: Tăng cường quản lý chi và sử dụng ngân sách tiết kiệm, có hiệu quả, nhất là trong chi đầu tư xây dựng cơ bản cần có chính sách và cơ chế quản lý thích hợp dựa trên cơ sở thực hiện các Luật: Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư (chung), Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí... đã được Quốc hội thông qua. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các chương trình mục tiêu quốc gia; thực hiện lồng ghép nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia để sử dụng có hiệu quả và sớm đạt mục tiêu đề ra. Trong chi thường xuyên, cần quản lý chặt chẽ việc mua sắm, sử dụng tài sản công trên cơ sở có tiêu chuẩn định mức cụ thể, kết hợp với việc khoán và tăng cường kiểm tra, giám sát. Sửa đổi các định mức chi tiêu đã lạc hậu (như công tác phí, lưu trú, ưu đãi theo nghề...). Giảm dần và tiến tới chấm dứt tình trạng bù lỗ xăng dầu, có chế tài để các ngành, các cấp phải triệt để thực hành tiết kiệm xăng dầu. Ngân sách nhà nước không hỗ trợ cho các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu nhập khẩu. Phấn đấu bảo đảm mức chi ngân sách cho giáo dục, đào tạo đến năm 2010 đạt 20% tổng chi NSNN, đi đôi với tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách dành cho giáo dục, đào tạo. Đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát của các cơ quan nhà nước đối với thu và chi tài chính quốc gia; chấp hành nghiêm các luật đã được Quốc hội thông qua và xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật; thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính trong các ngành, các cấp. □

“XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở NƯỚC TA HIỆN NAY”

Lời Bộ Biên tập: Ngày 5-4-2006, tại Hà Nội, **Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội** đã tổ chức Hội thảo Khoa học - Thực tiễn: “Xóa đói, giảm nghèo theo hướng phát triển bền vững ở nước ta hiện nay”. Dự Hội thảo có các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng đại diện lãnh đạo và đại biểu một số bộ, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội,... ở trung ương và địa phương, cùng một số cơ quan thông tin, báo chí trung ương và Hà Nội. Ban Tổ chức Hội thảo đã nhận được 41 bản tham luận gửi tới.

Sau đây là Báo cáo Đề dẫn và Tổng thuật Hội thảo.

BÁO CÁO ĐỀ DẪN

LÊ HỮU NGHĨA

1- Xóa đói, giảm nghèo góp phần thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta.

Ngay từ khi nước ta mới giành được độc lập (1945), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quan tâm ngay đến nhiệm vụ chống đói nghèo. Người coi đói nghèo là một thứ “giặc” như “giặc đói”, “giặc ngoại xâm”. Người khẳng định phải làm sao cho mọi người dân ai cũng ăn no, mặc ấm, ai cũng được học hành. Người chủ trương: “Làm cho người nghèo thì đủ ăn. Người đủ ăn thì khá giàu. Người khá giàu thì giàu thêm”⁽¹⁾. Tư tưởng này của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được Đảng ta quán triệt trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhất là trong thời kỳ đổi

mới. Trong Văn kiện Đại hội IX của Đảng, Đảng ta khẳng định: “Khuyến khích làm giàu hợp pháp, đồng thời ra sức xóa đói, giảm nghèo”⁽²⁾. Mục tiêu Chiến lược xóa đói, giảm nghèo thời kỳ 2001 - 2010 do Đại hội IX đề ra là: “Phấn đấu đến năm 2010 về cơ bản không còn hộ nghèo. Thường xuyên củng cố thành quả xóa đói, giảm nghèo”⁽³⁾. Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội X của Đảng cũng khẳng định: “Khuyến khích, tạo điều kiện để mọi người dân làm giàu theo luật pháp, thực hiện có

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 5, tr 65

(2), (3) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 163, tr 211

hiệu quả các chính sách xóa đói, giảm nghèo...; phân đấu không còn hộ đói, giảm mạnh hộ nghèo, tăng nhanh số hộ giàu; từng bước xây dựng gia đình, cộng đồng và xã hội phồn vinh". Có thể nói chủ trương xóa đói, giảm nghèo của Đảng ta ngày càng thể hiện rõ quan điểm *xóa đói, giảm nghèo gắn với phát triển bền vững, gắn với phương châm tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển*, góp phần thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

2- Sau 20 năm đổi mới, nền kinh tế nước ta phát triển với tốc độ tương đối nhanh và đạt được thành tựu to lớn. Với chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước, sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế, sự nỗ lực của nhân dân, nước ta hiện đang dẫn đầu thế giới về xóa đói, giảm nghèo, là một trong những nước giảm nghèo thành công, nhất là trong vòng 10 năm gần đây. Trong Báo cáo "Việt Nam thực hiện các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ" công bố ngày 16-9-2005, Việt Nam đã giảm được trên 60% số người nghèo. Tuy nhiên, cùng với một bộ phận dân cư trở nên giàu có, ngày một phong lưu thì vẫn còn không ít người nghèo, hộ nghèo đói, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đang là thách thức đối với sự phát triển đất nước theo hướng nhanh và bền vững. Nhìn lại chặng đường đã qua có thể nhận thấy những thành tựu không nhỏ mà chúng ta đã đạt được trong công tác xóa đói, giảm nghèo.

Trước hết, đó là nhận thức, năng lực, trách nhiệm ở các cấp, các ngành và mọi người dân về xóa đói, giảm nghèo đã được nâng cao. Thông qua việc thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói, giảm nghèo giai đoạn 1998 - 2000; giai đoạn 2001 - 2005, nhận thức của các cấp, các ngành và chính người nghèo được nâng cao, ngày càng thấm sâu vào ý chí của đội ngũ cán bộ và người dân quyết tâm thoát nghèo vươn lên làm giàu. Đảng và Nhà nước ta coi xóa đói, giảm nghèo là vấn đề

có tính chiến lược lâu dài và luôn đặt công tác này như một nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong các chính sách phát triển kinh tế - xã hội quốc gia.

Hai là, đã đạt được các mục tiêu xóa đói, giảm nghèo. Cùng với sự tăng trưởng kinh tế cao và tương đối ổn định, hàng loạt các chính sách xóa đói, giảm nghèo được triển khai đồng bộ trên tất cả các địa phương với đa dạng hóa nguồn kinh phí, cải thiện đáng kể diện mạo nghèo đói ở các vùng, miền trong cả nước, nhất là khu vực miền núi, hải đảo. Những nỗ lực trên đã góp phần giảm nhanh tỷ lệ nghèo của cả nước từ 30% năm 1992 còn 8,3% năm 2004, dưới 7% năm 2005. Bộ mặt các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn có sự thay đổi đáng kể, nhất là về kết cấu hạ tầng. Chất lượng cuộc sống của người dân ở các xã nghèo được nâng cao, nhất là nhóm hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số ở miền núi và phụ nữ.

Ba là, tạo cơ hội để người nghèo tiếp cận các dịch vụ sản xuất, góp phần tăng thu nhập, giảm nghèo. Trong 4 năm 2001 - 2004, có khoảng 75% số hộ nghèo được vay vốn, chiếm 15,8% tổng số hộ trong cả nước. Nhờ vốn vay nhiều hộ đã thoát nghèo, có điều kiện mua sắm thêm các phương tiện, công cụ sản xuất. Thực hiện chính sách hỗ trợ đất sản xuất, nhiều tỉnh đã giải quyết cho đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất sản xuất bằng cách hỗ trợ vốn cho đồng bào, hộ nghèo khai hoang ruộng bậc thang để bảo đảm an ninh lương thực tại chỗ, nhất là các tỉnh Tây Bắc, Tây Nguyên, một số tỉnh miền Tây Nam Bộ. Xây dựng các mô hình chuyển giao tiến bộ về giống mới, quy trình kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ cây trồng, vật nuôi. Nhiều mô hình xóa đói, giảm nghèo có hiệu quả được nhân rộng ở các địa phương trong cả nước, đặc biệt là ở 19 xã đặc thù thuộc 3 vùng sinh thái đặc trưng (*vùng cao, vùng ngập lũ sâu và vùng bãi ngang ven biển*).

Bốn là, tạo cơ hội để người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nhà ở.

Trong giai đoạn 2001 - 2004, đã có 14 triệu lượt người được khám chữa bệnh miễn phí, tổng quỹ khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo trong 3 năm 2003 - 2005 đạt 2.304 tỉ đồng. Hằng năm có 3 triệu lượt học sinh nghèo, con em các dân tộc thiểu số được miễn giảm học phí và các khoản đóng góp xây dựng trường, 2,5 triệu lượt học sinh nghèo dân tộc thiểu số được cấp, mượn sách giáo khoa và hỗ trợ trẻ em đi học trong độ tuổi với tổng kinh phí bình quân 100 tỉ đồng/năm. Trợ giúp hộ nghèo về nhà ở được các địa phương đặc biệt quan tâm. Đây là hoạt động mang tính đột phá quan trọng trong chương trình giai đoạn 2001 - 2005.

Năm là, huy động được nhiều nguồn lực với các hình thức phong phú, đa dạng. Tổng nguồn lực thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo trong 5 năm qua đạt khoảng 41.000 tỉ đồng, bao gồm Chương trình 143, Chương trình 135,... các dự án hợp tác quốc tế. Nguồn lực đầu tư cho Chương trình mục tiêu xóa đói, giảm nghèo đạt khoảng 21.000 tỉ đồng; huy động từ cộng đồng là 1.500 tỉ đồng; từ lồng ghép chương trình, dự án là 2.000 tỉ đồng và tín dụng 12.000 tỉ đồng.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu to lớn đạt được, chương trình xóa đói, giảm nghèo còn những hạn chế, bất cập:

Thứ nhất, một bộ phận không nhỏ người nghèo, xã nghèo vẫn còn tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa chủ động vươn lên thoát nghèo. Do bệnh thành tích, một số địa phương đã khống chế tỷ lệ đói nghèo thấp hơn so với thực tế dẫn đến một bộ phận người nghèo chưa tiếp cận được các chính sách của chương trình, gây ra những nhận thức sai lệch về chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Chương trình chưa bao quát hết số hộ thực sự nghèo, do chuẩn nghèo giai đoạn 2001 - 2005 quy định còn thấp, vì nguồn lực của Nhà nước còn khó khăn, việc xác định đối tượng ở một số địa phương thiếu chính xác dẫn đến một bộ phận không thật sự nghèo được tiếp cận, hưởng ưu đãi của các chính sách, dự án.

Thứ hai, nguồn lực huy động cho chương trình còn hạn chế, chưa đáp ứng được mục tiêu đề ra. Hằng năm, kinh phí nhà nước bố trí cho chương trình tính bình quân người nghèo khoảng 120.000 đồng/người là quá thấp; trong khi đó, một số địa phương chưa chủ động huy động nguồn lực tại chỗ hoặc huy động chưa tương xứng với tiềm năng của địa phương, còn trông chờ vào sự trợ giúp của trung ương; chưa huy động được các đoàn thể, doanh nghiệp có điều kiện tham gia vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo.

Thứ ba, hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát, đánh giá chương trình xóa đói, giảm nghèo chưa được tổ chức một cách có hệ thống và đồng bộ.

Do mức sống của người dân ngày càng tăng cùng với định hướng chung là từng bước tiếp cận với các nước đang phát triển trong khu vực về xóa đói, giảm nghèo, nên chuẩn nghèo giai đoạn 2001 - 2005 không còn phù hợp. Vì vậy, chuẩn nghèo giai đoạn 2006 - 2010 được Chính phủ thông qua tại phiên họp thường kỳ tháng 4-2005 là: *đối với khu vực nông thôn những hộ có thu nhập bình quân đầu người một tháng từ 200.000 đồng trở xuống và đối với khu vực thành thị từ 260.000 đồng trở xuống*. Những hộ có mức thu nhập bình quân đầu người thấp hơn hoặc bằng chuẩn nghèo được xác định là hộ nghèo.

Sau 20 năm đổi mới, thu nhập, mức sống của đại đa số người dân đều được cải thiện, do vậy mức độ nghèo đói của người dân cũng có sự thay đổi. Một số tài liệu của các tổ chức quốc tế như Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP), Ngân hàng thế giới (WB) cho rằng bản chất của nghèo đói đã thay đổi, đó là nghèo về lương thực, thực phẩm (nhu cầu ăn no, mặc ấm) cơ bản đã được giải quyết. Vấn đề nghèo hiện nay và trong những năm tới là nghèo về các nhu cầu phi lương thực, thực phẩm (nhu cầu về nhà ở, chăm sóc sức khỏe khi ốm đau, giáo dục, văn hóa, đi lại và giao tiếp xã

hội) và sự phân hóa giàu nghèo đang có xu hướng tiếp tục gia tăng. Ngoài ra, người nghèo mong muốn vị thế và tiếng nói của mình được nâng cao và bình đẳng với nhóm không nghèo trong tiếp cận các dịch vụ xã hội và thành quả của sự phát triển. Công cuộc xóa đói, giảm nghèo ở nước ta hiện nay *đang có những cơ hội thuận lợi* cho việc thực hiện những mục tiêu mới đặt ra. Đó là:

- + Nền kinh tế tăng trưởng tương đối cao và ổn định trong nhiều năm và sẽ tiếp tục giữ được nhịp độ tăng trưởng cao trong những năm tới. Trong suốt thời kỳ 1986 - 2005 nền kinh tế luôn tăng trưởng, GDP hoặc GDP bình quân đầu người luôn luôn đạt năm sau cao hơn năm trước. Nhờ đó nguồn lực cho xóa đói, giảm nghèo được củng cố và tăng cường.

- + Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không ngừng được hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi hơn để huy động mọi nguồn lực cho phát triển sản xuất kinh doanh và qua đó tạo nhiều việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

- + Các chỉ số xã hội cơ bản như tỷ lệ nhập học ở các lứa tuổi, sức khỏe và dinh dưỡng, tuổi thọ, chỉ số phát triển con người (HDI)... không ngừng được cải thiện. Theo Báo cáo phát triển con người năm 2005 của Chương trình phát triển Liên hợp quốc công bố ngày 8-9-2005, Việt Nam đang tiến nhanh nhất trong các nước Đông - Nam Á về phát triển con người (HDI), đứng thứ 108 trong danh sách 177 nước xếp hạng, tăng 4 bậc so với năm 2004.

- + Các kết cấu hạ tầng như điện, đường giao thông, trường học, trạm y tế, hệ thống thủy lợi, thông tin, liên lạc, điện thoại,... được xây dựng và mở rộng nhanh chóng, từng bước phát huy tác dụng.

- + Qua 10 năm thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo đã xây dựng được những mô hình xóa đói, giảm nghèo có hiệu quả, tìm ra những khâu đột phá quan trọng, tổng kết được những kinh nghiệm vận động nhân dân, khơi

dậy và phát huy tinh thần "tương thân, tương ái", "lá lành, đùm rá rách" trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo. Chưa bao giờ Việt Nam nhận được những sự cam kết và hỗ trợ mạnh mẽ và có hiệu quả của cộng đồng quốc tế, của các tổ chức đa phương và song phương đối với các hoạt động xóa đói, giảm nghèo như hiện nay. Nhờ đó, Việt Nam có thể đạt được sự kết hợp có hiệu quả cao của các nguồn nội lực và ngoại lực cho công cuộc xóa đói, giảm nghèo.

Bên cạnh những thuận lợi và cơ hội, công cuộc xóa đói, giảm nghèo nước ta cũng phải *đối mặt với không ít những khó khăn và thách thức*:

- + Nước ta vẫn là một trong các nước nghèo, trong thời kỳ đổi mới kinh tế phát triển nhanh, đời sống của các tầng lớp dân cư được cải thiện, song thu nhập bình quân và chỉ tiêu bình quân đầu người hiện nay vẫn ở mức thấp.

- + Xu hướng gia tăng bất bình đẳng và gia tăng khoảng cách chênh lệch giàu nghèo. Tỷ lệ người nghèo là người dân tộc thiểu số, vùng cao, vùng sâu còn cao, chiếm khoảng 31% trong tổng số người nghèo.

- + Thành tựu xóa đói, giảm nghèo chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo còn lớn; tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn còn cao. Ngân sách hằng năm trong những năm qua dành cho xóa đói, giảm nghèo còn hạn chế, bộ máy tổ chức và năng lực cán bộ làm công tác xóa đói, giảm nghèo chưa đáp ứng so với yêu cầu thực tế đặt ra.

- + GDP bình quân đầu người rất thấp, khoảng 640 USD năm 2005, do vậy tổng đầu tư của toàn xã hội cho xóa đói, giảm nghèo còn hạn chế.

Để nắm bắt được thời cơ, thuận lợi, vượt qua những thách thức, trở ngại, đưa công cuộc xóa đói, giảm nghèo theo hướng phát triển bền vững, trong Hội thảo này, chúng ta cần tập trung thảo luận một số vấn đề cụ thể như sau:

1 - Đánh giá một cách toàn diện và khách quan thành tựu cũng như những hạn chế,

bất cập trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo trong những năm vừa qua, để hướng tới giảm nghèo toàn diện, khách quan, công bằng và hội nhập hơn trong giai đoạn tới (2006 - 2010).

2 – Về mục tiêu, đối tượng và thời gian thực hiện của Chương trình đến năm 2010.

Mục tiêu là đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, hạn chế tái nghèo; củng cố thành quả giảm nghèo, tạo cơ hội cho hộ đã thoát nghèo vươn lên khá giả; cải thiện một bước điều kiện sống và sản xuất ở các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn; nâng cao chất lượng cuộc sống của nhóm hộ nghèo, hạn chế tốc độ gia tăng khoảng cách chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi, giữa nhóm hộ giàu và nhóm hộ nghèo.

Đối tượng của chương trình là người nghèo, hộ nghèo, xã đặc biệt khó khăn, xã nghèo; ưu tiên đối tượng hộ nghèo mà chủ hộ là phụ nữ, hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có đối tượng bảo trợ xã hội (người già, người tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt); ưu tiên vùng còn nhiều khó khăn trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội và lấy địa bàn là xã và thôn để xây dựng kế hoạch trợ giúp.

3 – Đẩy mạnh các hoạt động trợ giúp người nghèo phát triển sản xuất, tạo và tăng nhanh thu nhập, vượt nghèo vươn lên khá giả và làm giàu. Cung cấp tín dụng ưu đãi hộ nghèo; hỗ trợ đất sản xuất cho hộ nghèo dân tộc thiểu số đối với những hộ nông dân không còn đất sản xuất, có nhu cầu sử dụng đất để bảo đảm cuộc sống; chuyển giao kỹ thuật, khuyến nông - lâm - ngư và hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề; giúp cho người nghèo nâng cao năng lực sản xuất, sản xuất với năng suất, hiệu quả, chất lượng cao hơn. Hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng thiết yếu các xã đặc biệt khó khăn vùng miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, nhằm tạo cho các xã này có những điều kiện cơ bản để phát triển sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa và phục vụ đời sống dân sinh. Hỗ trợ dạy nghề cho người

nghèo; nhân rộng mô hình giảm nghèo ở các vùng sinh thái, các vùng đặc thù, tạo ra nhiều cách làm hay, sáng tạo, có hiệu quả cao, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của người dân. Chú trọng mô hình liên kết doanh nghiệp với hộ, xã nghèo tạo nên sự liên kết chặt chẽ giữa nhà nông, nhà băng, nhà khoa học và nhà doanh nghiệp ở các vùng có khả năng phát triển cây, con theo hướng tập trung chuyên canh quy mô lớn và vừa. Hỗ trợ phát triển các xã nghèo, tạo cho họ tính làm chủ, tính chủ động, sáng tạo trong việc lập kế hoạch phát triển cộng đồng với sự tham gia của người dân.

4 – Tạo cơ hội để người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội công bằng và chất lượng hơn, đặc biệt là về y tế, giáo dục, nước sạch và nhà ở, bao gồm các chính sách hỗ trợ cho người nghèo về y tế, giáo dục, về nhà ở và nước sinh hoạt. Đây chỉ là các chương trình, chính sách mang tính ngắn hạn, tạm thời, tình thế, nhằm giải quyết những nhu cầu bức xúc trước mắt, về lâu dài phải tạo cơ hội cho họ tham gia một cách bình đẳng như mọi đối tượng khác theo nguyên tắc tự nguyện hoặc nguyên tắc Nhà nước và nhân dân cùng làm.

5 – Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về giảm nghèo và về pháp luật, nâng cao nhận thức của người nghèo và cộng đồng nghèo. Tạo cơ chế để thúc đẩy, tăng cường sự tham gia của người dân vào mọi hoạt động của chương trình từ các khâu xác định đối tượng; xác định nhu cầu trợ giúp; lập kế hoạch phát triển thôn bản, xã; đóng góp và quản lý nguồn lực; tham gia vào quá trình thực hiện các kế hoạch phát triển của thôn, xã. Gắn kết thực hiện chương trình với thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở; tăng cường phân cấp cho cơ sở, tạo cho họ quyền chủ động trong quá trình lập kế hoạch, điều hành quản lý mọi hoạt động của chương trình ở cơ sở.

6 – Tăng cường các giải pháp để thực hiện Chương trình xóa đói, giảm nghèo. Một là, phải tiếp tục nâng cao nhận thức của các cấp,

các ngành từ trung ương đến cơ sở và người dân về xóa đói, giảm nghèo. Xóa đói, giảm nghèo không chỉ là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội mà trước hết còn là nghĩa vụ, bổn phận của chính người dân. Ý chí tự vươn lên của người nghèo là điều kiện cơ bản để xóa đói, giảm nghèo bền vững. *Hai là*, xã hội hóa nguồn lực cho xóa đói, giảm nghèo bao gồm ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, cộng đồng, doanh nghiệp, quốc tế, vốn tín dụng... Tranh thủ tối đa sự tài trợ của các tổ chức quốc tế đa phương, song phương và phi chính phủ trên cả ba phương diện là *tài chính, kỹ thuật và kinh nghiệm*. Dựa trên những định hướng phát triển kinh tế -

xã hội của các vùng, miền trọng điểm để có những chính sách xóa đói, giảm nghèo phù hợp. *Ba là*, xóa đói, giảm nghèo có hiệu quả hay không không thể không có đội ngũ cán bộ chuyên trách ở cơ sở và sự tham gia tích cực của người dân vào mọi hoạt động của chương trình xóa đói, giảm nghèo từ việc *lập kế hoạch, quản lý nguồn lực, triển khai thực hiện, đánh giá, giám sát* một cách công khai, dân chủ, minh bạch. Có chế độ phụ cấp thỏa đáng cho cán bộ chuyên trách làm công tác xóa đói, giảm nghèo ở cơ sở, nhất là các xã đặc biệt khó khăn để bảo đảm chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, mục tiêu của chương trình thực sự đi vào cuộc sống. □

TỔNG THUẬT HỘI THẢO

CÁC bản tham luận gửi tới Ban tổ chức đã tập trung vào chủ đề mà Hội thảo đặt ra. Sau đây là một số vấn đề chính.

1 - "Những thành tựu giảm nghèo của Việt Nam là một trong những câu chuyện thành công nhất trong phát triển kinh tế..."

Đó là sự đánh giá của cộng đồng quốc tế về thành tựu xóa đói, giảm nghèo của nước ta thời gian qua trong *"Báo cáo phát triển Việt Nam"* năm 2004 và đã được nhiều đại biểu khẳng định trong Hội thảo. Thành tựu này được các đại biểu bàn thảo trên các khía cạnh sau:

Thứ nhất, xóa đói, giảm nghèo đi từ mô hình đến phong trào sôi động (1992 - 1997) qua sự vận động của thực tiễn. Đồng chí Nguyễn Thị Hằng (Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội), Nguyễn Hải Hưu (Vụ trưởng, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội) cho biết: Bước vào thời kỳ đổi mới, từ 1986 đến nay, trước những bức xúc của người nghèo, nhiều địa phương đã chủ động tạo ra phong trào xóa đói giảm nghèo mà mở đầu

là thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1991 với chủ trương *"cộng đồng giúp người nghèo vốn và cách làm ăn"* và sau một năm thử nghiệm ở 2 ấp, đã thu được kết quả rất khả quan, hàng chục hộ đã thoát nghèo. Đồng chí Hà Đăng (Trợ lý Tổng Bí thư) cho rằng, xét dưới góc độ quy mô, thì xóa đói giảm nghèo từ sáng kiến của một địa phương đã trở thành phong trào toàn quốc. Năm 1992 thành phố Hồ Chí Minh triển khai trên diện rộng và được người dân đồng tình ủng hộ; chủ trương hợp lòng dân, cách làm này sau đó lan tỏa ra nhiều địa phương khác và trở thành phong trào xóa đói, giảm nghèo sôi động trong cả nước. Thực hiện các chủ trương của Đảng và Chính phủ, phong trào xóa đói, giảm nghèo đã trở thành cuộc vận động lớn của các cấp, các ngành, các đoàn thể trong hệ thống chính trị từ trung ương đến cơ sở như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, hội Cựu chiến binh, Mặt trận Tổ quốc v.v. có tác dụng thiết thực làm giảm đáng kể số hộ nghèo đói, giúp cho các hộ còn nghèo, đói giảm bớt khó khăn, từng bước vươn lên khá giả

và giàu có. Đồng chí Hà Thị Khiết (Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam) phát biểu: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã có đóng góp rất lớn trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo qua các phong trào "*Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình*", "*Ngày tiết kiệm vì phụ nữ*", "*Quỹ hỗ trợ phụ nữ nghèo*"... Đồng chí Vũ Ngọc Kỳ, (Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam) cho biết, Hội Nông dân cũng tích cực tham gia giảm nghèo với các phong trào "*Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau xóa đói, giảm nghèo và làm giàu*", "*Xây dựng kết cấu hạ tầng*", "*Xây dựng gia đình văn hóa, làng xã văn hóa*"...

Thứ hai, xóa đói, giảm nghèo từ phong trào trở thành chương trình mục tiêu quốc gia và là một chiến lược quan trọng của đất nước (1998 – 2005). Tham luận của các đồng chí: *Phạm Gia Khiêm* (Phó Thủ tướng Chính phủ); *Nguyễn Thị Hằng*; *Đàm Hữu Đắc* (Thứ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội); *Cao Viết Sinh* (Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư); *Trần Quang Nhiếp* (Phó Tổng Biên tập Thường trực Tạp chí Cộng sản) đều khẳng định, thành tựu nổi bật trong thời kỳ đổi mới của nước ta về xóa đói, giảm nghèo được đánh giá cao không chỉ trong nước mà cộng đồng quốc tế cũng phải ghi nhận "là một điểm sáng về xóa đói giảm nghèo". Thành tựu này đã góp phần củng cố những thành quả của công cuộc đổi mới, giữ vững ổn định chính trị của đất nước, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Xuất phát từ quan điểm, vấn đề nghèo khó không được giải quyết thì không có một mục tiêu nào mà cộng đồng quốc tế, cũng như quốc gia đặt ra như tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, hòa bình, ổn định, bảo đảm các quyền con người được thực hiện. Ngày 29-11-1997 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 23-CT/TW "*Về lãnh đạo thực hiện công tác xóa đói, giảm nghèo*" và Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói,

giảm nghèo lần đầu tiên được Chính phủ phê chuẩn vào năm 1998. Đến cuối năm 2005, công cuộc xóa đói, giảm nghèo của Việt Nam đã đi qua 2 chặng đường, đó cũng chính là 2 giai đoạn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói, giảm nghèo 1998 - 2000 và 2001 - 2005. Ở mỗi giai đoạn có những mục tiêu, điều kiện cụ thể không giống nhau nhưng cơ bản đều hướng tới mục tiêu chung là giảm tỷ lệ hộ sống dưới chuẩn nghèo.

Thứ ba, kết quả thực hiện các chính sách chương trình xóa đói, giảm nghèo giai đoạn 2001 – 2005 là rất đáng tự hào. Đồng chí *Trần Văn Thuật*, (Vụ trưởng, Ủy ban Dân tộc), *Phạm Thị Túy*, (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) cho biết, bộ mặt các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn đã có sự thay đổi đáng kể, nhất là về kết cấu hạ tầng phục vụ cho phát triển sản xuất hàng hóa. Chất lượng cuộc sống của người dân ở các xã nghèo được nâng cao, nhất là nhóm hộ nghèo, đồng bào dân tộc ở miền núi và phụ nữ. Bên cạnh thước đo về tỷ lệ hộ nghèo, những thước đo về nghèo đói khác như các chỉ số xã hội, từ số lượng học sinh được đi học cho đến tỷ lệ tử vong của trẻ sơ sinh cũng đạt được những thành tựu đáng kể. Chương trình luôn tạo cơ hội để người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nước sạch, vệ sinh môi trường... Đồng chí *Phạm Vũ Luận*, (Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) nêu rõ, chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên con em người nghèo trong giáo dục, đào tạo được ngành giáo dục và các tỉnh, thành phố quan tâm, với nhiều cách làm linh hoạt như: Quỹ học bổng, Quỹ tín dụng cho con em hộ nghèo; thực hiện chế độ cử tuyển ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn. Hằng năm có trên 3 triệu lượt học sinh nghèo và dân tộc thiểu số được miễn giảm học phí và các khoản đóng góp xây dựng trường; 2,5 triệu lượt học sinh nghèo dân tộc thiểu số được cấp, mượn sách giáo khoa và hỗ trợ vở viết với tổng kinh phí bình quân hằng năm trên 100 tỉ đồng.

Đồng chí *Bùi Thị Kim Dung* (Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai), *Trịnh Thị Cúc* (Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên) cho biết, thực hiện chính sách hỗ trợ đất sản xuất, các tỉnh đã giải quyết đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất sản xuất, hỗ trợ vốn cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo thiếu đất khai hoang ruộng bậc thang để bảo đảm an ninh lương thực tại chỗ. Hướng dẫn cách làm ăn, chuyển giao kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất cho người nghèo là giải pháp quan trọng để thực hiện xóa đói, giảm nghèo bền vững. Các địa phương đã tập trung chỉ đạo xây dựng các mô hình để chuyển giao tiến bộ về giống mới, quy trình kỹ thuật chăm sóc, bảo vệ cây trồng, vật nuôi...

Để có những giải pháp xóa đói, giảm nghèo phù hợp, theo đồng chí *Chu Thái Thành* (Tạp chí Cộng sản) thì phải xây dựng nhiều mô hình xóa đói, giảm nghèo cho từng vùng, từng địa phương. Đồng chí *Vũ Trí Thành*, (Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam, Bắc Giang) cho biết, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVIII xác định Chương trình xóa đói, giảm nghèo là một trong sáu chương trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong giai đoạn 2001 - 2005; tập trung chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế theo hướng chuyển dịch mùa vụ, cây trồng, vật nuôi, chú ý năng suất, chất lượng sản phẩm; đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất. Phát biểu tại Hội thảo, đại biểu xã Quang Kim, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai; xã Lão Hộ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nêu lên những kinh nghiệm thực tiễn của địa phương, những khó khăn vướng mắc trong thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo. Đây là hai trong hàng ngàn những mô hình xóa đói, giảm nghèo có hiệu quả ở nước ta trong những năm qua.

Về huy động nguồn lực, đồng chí *Trần Văn Thuật* cho biết, tổng vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng các xã thuộc Chương trình 135 từ năm 1998 - 2005 khoảng

8.852 tỉ đồng và huy động từ cộng đồng, các tổng công ty, các địa phương ủng hộ khoảng 508 tỉ đồng. Tính đến hết năm 2005 đã làm khoảng 25.000 công trình kết cấu hạ tầng. Bước đầu các công trình kết cấu hạ tầng đã phát huy tác dụng, góp phần cải thiện bộ mặt nông thôn miền núi.

Thứ tư, kết quả thực hiện các chính sách chương trình xóa đói, giảm nghèo không chỉ được biểu hiện bằng các con số trên lĩnh vực kinh tế mà nó còn biểu hiện qua các tác động tích cực trên các lĩnh vực chính trị, xã hội, văn hóa, đối ngoại... Các tham luận đều cho rằng, thông qua việc thực hiện Chương trình mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và người nghèo được nâng cao. Xóa đói, giảm nghèo là một nội dung quan trọng trong Chiến lược toàn diện về tăng trưởng theo hướng phát triển bền vững. Việt Nam đã cam kết mạnh mẽ thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ mà trong đó có các chỉ tiêu về xóa đói, giảm nghèo sẽ góp phần ổn định xã hội, tạo môi trường cho phát triển kinh tế. Nhận thức về xóa đói, giảm nghèo và ý chí vươn lên làm giàu ngày càng được thấm sâu vào đội ngũ cán bộ và người dân.

Phong trào xóa đói, giảm nghèo được triển khai sâu rộng, có sức lôi cuốn trong phạm vi cả nước, theo phương châm xã hội hóa, thu hút sự tham gia của toàn xã hội, của cả hệ thống chính trị và cộng đồng quốc tế đã được đồng chí *Nguyễn Thị Hoài Thu* (Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội); *Lê Truyền* (Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam) và các đại biểu khẳng định, luận giải khá sâu sắc.

2 - Những hạn chế, yếu kém trong quá trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói, giảm nghèo giai đoạn 2001 - 2005

Các đồng chí *Đàm Hữu Đắc*, *Cao Viết Sinh* cho rằng, một bộ phận không nhỏ người nghèo, xã nghèo vẫn còn tư tưởng ỷ lại, trông chờ vào

sự hỗ trợ của Nhà nước, chưa chủ động vươn lên thoát nghèo. Do mắc bệnh thành tích, ở một số địa phương đã khống chế tỷ lệ nghèo thấp hơn so với thực tế, dẫn đến một bộ phận người nghèo chưa tiếp cận được các chính sách của chương trình, gây ra những hiểu biết sai lệch về chính sách của Nhà nước. *Chương trình chưa bao quát hết số hộ thực sự nghèo*, do chuẩn nghèo giai đoạn 2001 - 2005 quy định còn thấp, vì nguồn lực của nhà nước còn khó khăn. *Nguồn lực huy động cho chương trình còn hạn chế, chưa đáp ứng được mục tiêu đề ra*. Hằng năm kinh phí nhà nước bố trí cho chương trình tính bình quân đầu người nghèo thấp, khoảng 120.000 đồng/người. Do đó, chưa đáp ứng được nhu cầu cần hỗ trợ của người nghèo; vì vậy, việc giúp họ thoát nghèo trong thời gian ngắn và bền vững là khó thực hiện được. Cơ chế phân bổ vốn giữa các dự án, các địa phương chưa thực sự rõ ràng, minh bạch, chưa đủ căn cứ xác đáng.

Đồng chí Nguyễn Thị Hằng cho biết, trong khi nhiều địa phương như thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đà Nẵng, Tuyên Quang, Hà Giang, Hà Tĩnh, Phú Yên, Bến Tre,... chỉ đạo thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo rất quyết liệt thì một số địa phương có điều kiện tương tự lại chưa làm được điều đó. Đến năm 2005 vẫn chưa có nghị quyết chuyên đề, chưa bố trí được đội ngũ cán bộ chuyên trách; chưa đầu tư cho việc xây dựng chương trình, kế hoạch. Tình trạng này cũng xảy ra ở một số huyện và xã. Phần lớn đội ngũ cán bộ xóa đói, giảm nghèo ở xã vẫn là kiêm nhiệm, chưa được tập huấn cơ bản và thường xuyên thay đổi, trong khi đó khối lượng công việc nhiều, vì vậy họ khó thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Hơn nữa công tác xóa đói, giảm nghèo đòi hỏi người cán bộ ngoài chuyên môn nghiệp vụ còn phải có nhiệt huyết, nhạy bén và tính sáng tạo, song các địa phương chưa coi đó là một vấn đề cần thiết để bố trí cho phù hợp nhu cầu của công việc.

Đồng chí Đàm Hữu Đắc khẳng định, hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu xóa đói, giảm nghèo chưa thống nhất. Công tác sơ kết, tổng kết đánh giá chương trình chủ yếu dựa trên báo cáo của các ngành và các địa phương gửi về, song tình trạng không gửi báo cáo hoặc có báo cáo nhưng không đầy đủ thông tin vẫn xảy ra. Hơn nữa các báo cáo thường mang tính liệt kê số liệu, chưa có sự phân tích, đánh giá đầy đủ. Cơ quan thường trực chương trình chưa có đủ thẩm quyền trong điều phối và giám sát các hợp phần do các cơ quan khác thực hiện nên không có đủ cơ sở để tham mưu đề ra các quyết định điều chỉnh. Thiếu hệ thống cơ sở dữ liệu ban đầu do chưa có các cuộc khảo sát chuyên sâu để đánh giá hiệu quả của chương trình. Điều này đã gây khó khăn cho công tác giám sát và đánh giá tổng thể chương trình ở tất cả các cấp.

Các tham luận đều khẳng định công cuộc xóa đói, giảm nghèo của nước ta có được những thắng lợi như hiện nay là có sự đóng góp quan trọng của chương trình xóa đói, giảm nghèo trong mấy năm qua. Tuy nhiên cũng phải nhìn thẳng vào thực trạng nghèo đói hiện nay để thấy rằng công cuộc xóa đói, giảm nghèo chưa thể dừng lại ở đây, còn nhiều vấn đề nảy sinh cần quan tâm đặc biệt. Đó là, tốc độ giảm nghèo không đồng đều; tốc độ giảm nghèo của nhóm dân tộc thiểu số chậm. Tuy khu vực miền núi tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh hơn khu vực đồng bằng, thành thị, nhưng tỷ lệ hộ nghèo ở khu vực miền núi vẫn cao hơn nhiều. Phân bố nghèo đói không đồng đều và tập trung cao ở khu vực miền núi, nông thôn, thành tựu xóa đói, giảm nghèo chưa bền vững.

Những kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói, giảm nghèo giai đoạn 1998 - 2000 và 2001 - 2005 cùng với những vấn đề nảy sinh từ bức tranh nghèo đói hiện nay cho thấy việc điều chỉnh chuẩn nghèo theo hướng tiếp cận dần với chuẩn quốc tế và tiếp

tục thực hiện chương trình giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010 là hết sức cần thiết. Đồng chí **Mai Bá Luyến**, (Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nga Sơn, Thanh Hóa) và một số đại biểu cho biết, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới cao giai đoạn (2006 - 2010) cũng là một thách thức không nhỏ trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo thời gian tới.

3 - Định hướng và giải pháp giảm nghèo đến 2010

Nhiều đại biểu khẳng định, để tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm nghèo theo định hướng chung là toàn diện, bền vững, công bằng và hội nhập hơn, trước mắt từ nay đến năm 2010 vẫn cần thiết phải duy trì chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo để huy động nguồn lực tập trung giải quyết những nhu cầu bức xúc của người nghèo và nhu cầu bức xúc của một số vùng nghèo trọng điểm, tạo cho họ có những điều kiện cơ bản để hòa nhập cộng đồng và phát triển toàn diện. Nhưng về lâu dài không nên duy trì quá lâu các chương trình mục tiêu quốc gia, cách tiếp cận này chỉ nên là các chương trình ngắn hạn, nếu tiếp tục kéo dài sẽ tạo ra tâm lý ỷ lại và lâu dài trở thành một thói quen khó sửa đổi; khi quyết tâm sửa lại bị một áp lực rất lớn từ cộng đồng, xã hội. Cách tiếp cận khoa học hơn là thay thế việc hỗ trợ này bằng phát triển hệ thống an sinh xã hội hiện đại theo hướng luật hóa, theo hướng xây dựng nhà nước pháp quyền, quản lý xã hội bằng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Theo đồng chí **Nguyễn Duy Bắc** (Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) phải phát triển văn hóa để góp phần xóa đói, giảm nghèo cho dân cư ở các vùng đang đô thị hóa. Đồng chí **Chu Tiến Quang** (Viện nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương) nhấn mạnh phải giảm những khả năng rủi ro đối với người nghèo từ các chính sách tăng trưởng kinh tế của Nhà nước; phải xác định rõ ràng mục tiêu và đối tượng của chính sách giảm nghèo, không làm cho người nghèo trở nên thụ động, lệ thuộc quá nhiều vào các

biện pháp hỗ trợ, làm mất đi tính chủ động, tự vươn lên của họ.

Để giải quyết được căn bản tình trạng nghèo đói, về quan điểm chỉ đạo cần xác định giải pháp trước mắt và lâu dài, theo đồng chí **Nguyễn Thị Hằng** được chia làm 2 giai đoạn:

- **Giai đoạn 2006 - 2010**: Tiếp tục thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo như thời gian qua, có bổ sung, sửa đổi những chính sách, cơ chế cho phù hợp nhằm mục tiêu giải quyết cơ bản tình trạng nghèo về lương thực, thực phẩm.

- **Từ năm 2010 trở đi**: Thay đổi cách thức giải quyết nghèo đói bằng cách đầu tư tập trung, toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm cho những địa bàn khó khăn nhất để phát triển kinh tế - xã hội, khuyến khích làm giàu trên cơ sở khai thác tiềm năng, thế mạnh của các địa phương này.

Xuất phát từ thực trạng nghèo đói, cơ hội và thách thức trong cuộc chiến chống nghèo đói, quan điểm của Đảng và Nhà nước ta, trong chương trình giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010, **phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 22% năm 2005 còn khoảng 11% vào năm 2010**; cải thiện rõ nét đời sống vật chất, tinh thần nhóm hộ nghèo nhằm hạn chế tốc độ gia tăng khoảng cách chênh lệch giàu nghèo, về thu nhập, mức sống giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, các nhóm dân cư, các đại biểu tập trung bàn thảo một số giải pháp cơ bản sau đây:

Một là, đẩy mạnh các hoạt động trợ giúp người nghèo phát triển sản xuất, tạo và tăng nhanh thu nhập, vượt nghèo vươn lên khá giả và làm giàu. Các tham luận đều đưa ra các giải pháp xóa đói, giảm nghèo như: giải quyết việc làm ở nông thôn góp phần xóa đói, giảm nghèo theo hướng phát triển bền vững (đồng chí **Lê Xuân Đình**, Vụ trưởng, Tạp chí Cộng sản); đẩy mạnh phát triển nông nghiệp nông thôn góp phần xóa đói, giảm nghèo ở nước ta hiện nay (đồng chí **Hoàng Văn Tuệ**, Vụ trưởng, Tạp chí Cộng sản); hỗ trợ đất sản xuất cho

hộ nghèo dân tộc thiểu số đối với những hộ nông dân không còn đất sản xuất, có nhu cầu sử dụng đất để bảo đảm cuộc sống (đồng chí *Nguyễn Quốc Phẩm*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh). Chuyển giao kỹ thuật, khuyến nông - lâm - ngư và hỗ trợ phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề; giúp cho người nghèo nâng cao năng lực sản xuất, sản xuất với năng suất, hiệu quả, chất lượng cao hơn. Hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng thiết yếu các xã đặc biệt khó khăn vùng miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, nhằm tạo cho các xã này có những điều kiện cơ bản để phát triển sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa và phục vụ đời sống dân sinh. Đồng chí *Phạm Vũ Luận* cho rằng, hỗ trợ dạy nghề cho người nghèo, trang bị cho họ một nghề phù hợp với năng lực và trình độ của họ với cơ chế miễn giảm phí học nghề; học nghề phải gắn với tạo việc làm trong các doanh nghiệp; việc làm tại chỗ, hoặc tham gia lao động ngoài nước sẽ tạo cho họ cơ hội thoát nghèo vươn lên khá giả. Đồng chí *Đàm Hữu Đắc* đặc biệt nhấn mạnh cách làm nhân rộng mô hình giảm nghèo ở các vùng sinh thái, các vùng đặc thù, tạo ra nhiều cách làm hay, sáng tạo, có hiệu quả cao, nâng cao thu nhập cải thiện đời sống của người dân. Chú trọng mô hình liên kết doanh nghiệp với hộ, xã nghèo tạo nên sự liên kết chặt chẽ giữa nhà nông, nhà băng, nhà khoa học và nhà doanh nghiệp ở các vùng có khả năng phát triển các vùng cây, con theo hướng chuyên canh quy mô lớn và vừa.

Hai là, tạo cơ hội để người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội công bằng và chất lượng hơn, đặc biệt là về y tế, giáo dục, nước sạch và nhà ở. Đây chỉ là các chương trình, chính sách mang tính ngắn hạn, tạm thời, tình thế, nhằm giải quyết những nhu cầu bức xúc trước mắt, về lâu dài phải tạo cơ hội cho họ tham gia một cách bình đẳng như mọi đối tượng khác theo nguyên tắc tự nguyện hoặc nguyên tắc Nhà nước và nhân dân cùng làm. Đến một thời điểm nhất định chúng ta phải hòa đồng cơ chế đối

với mọi người dân, sự hỗ trợ phải mang tính chất gián tiếp thông qua phát triển kinh tế - xã hội ở từng vùng.

Ba là, nâng cao năng lực tham gia của người dân và xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá hiệu quả. Đồng chí *Lê Anh Vũ* (Viện Kinh tế, Viện khoa học Xã hội Việt Nam) cho rằng cần đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động truyền thông về giảm nghèo và pháp luật, nâng cao nhận thức của người nghèo và cộng đồng nghèo, tạo cơ chế để thúc đẩy, tăng cường sự tham gia của người dân vào mọi hoạt động của chương trình từ các khâu xác định đối tượng; xác định nhu cầu trợ giúp; lập kế hoạch phát triển thôn bản, xã; đóng góp và quản lý nguồn lực; tham gia vào quá trình thực hiện các kế hoạch phát triển của thôn, xã. Gắn kết thực hiện chương trình với thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở; tăng cường phân cấp cho cơ sở, tạo cho họ quyền chủ động trong quá trình lập kế hoạch, điều hành quản lý mọi hoạt động của chương trình ở cơ sở. Tăng cường các hoạt động giám sát, đánh giá đối với chương trình. Việc giám sát, đánh giá cần được thực hiện thường xuyên và đồng bộ bao gồm sự giám sát, đánh giá của các cơ quan quản lý chương trình, của các cơ quan khoa học, của các cơ quan dân cử, đặc biệt là của người dân. Làm tốt công tác giám sát, đánh giá sẽ giúp cho việc thực hiện chương trình đi đúng mục tiêu và khắc phục được những yếu kém trong quá trình thực hiện.

Bốn là, huy động sự tham gia, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của các tổ chức, đoàn thể trong hệ thống chính trị. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên chủ động tham gia thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo; mỗi một tổ chức trực tiếp tham gia vào một hoặc hai vấn đề cụ thể; Nhà nước có cơ chế để các tổ chức đoàn thể tham gia thực hiện có hiệu quả; tiếp tục thực hiện quỹ "Ngày vì người nghèo"; xây dựng mạng lưới "tổ tiết kiệm - tín dụng", "tổ tương trợ"; quỹ tín dụng cho người nghèo, người có thu nhập thấp quy mô vừa và nhỏ; nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả. □



GIỮ VỮNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI

TRẦN HỮU TIẾN *

TRƯỚC thềm Đại hội X, vấn đề "định hướng xã hội chủ nghĩa" đang được dư luận quần chúng quan tâm. Trong các tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên đã có những cuộc tranh luận sôi nổi. Theo tôi, nét nổi bật là sự nhất trí cao, tán thành việc khẳng định tiếp tục con đường xã hội chủ nghĩa trong các văn kiện của Đảng, việc đẩy mạnh đổi mới để biến mục tiêu xã hội chủ nghĩa thành hiện thực. Ý kiến còn khác nhau về các khái niệm "chủ nghĩa xã hội", "định hướng xã hội chủ nghĩa", những giải pháp đổi mới là điều bình thường, nhất là khi mỗi bước tiến của công cuộc đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội đặt ra hàng loạt vấn đề không có sẵn lời giải đáp. Tuy nhiên cũng có nhiều tiếng nói hoài nghi, thậm chí bác bỏ con đường xã hội chủ nghĩa. Tiếng nói phủ định con đường xã hội chủ nghĩa, trên In-tơ-nét, trên một số phương tiện thông tin đại chúng, dường như cao giọng hơn tiếng nói khẳng định. Ý kiến bác bỏ con đường xã hội chủ nghĩa được diễn đạt bằng những cách khác nhau, thường là quanh co, không trực tiếp, điển hình là đối lập "đổi mới" với "định hướng xã hội chủ nghĩa"; cho rằng quan tâm đến "định hướng xã hội chủ nghĩa" là do dự, chập chờn trong đổi mới; giữ vững định

hướng xã hội chủ nghĩa là cản trở sự phát triển; tiếp tục con đường xã hội chủ nghĩa chỉ làm cho đất nước ta "lạc điệu trong tiến trình phát triển của thế giới". Nhiều ý kiến cho rằng hiện nay mà còn khẳng định "thời đại quá độ", khẳng định "kinh tế nhà nước chủ đạo", "công hữu là nền tảng" thì vẫn là tư duy cũ, chưa đổi mới. Có ý kiến đề nghị Đảng từ bỏ việc lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm nền tảng tư tưởng vì Đảng cần xuất phát từ cuộc sống hiện nay, không nên "trung thành mang tính ý thức hệ với những nguyên tắc ra đời từ cuộc sống thế kỷ XIX". Đó là chưa kể đến những giọng điệu hằn học của các thế lực thù địch với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Theo tôi, cần có những cuộc thảo luận, tranh luận để tăng cường sự nhất trí trong Đảng trên vấn đề nguyên tắc quan hệ đến vận mệnh của Đảng, tương lai của đất nước, đó là vấn đề: trong điều kiện hiện nay chúng ta có nên tiếp tục con đường xã hội chủ nghĩa nữa hay không?

Vì sao 20 năm qua và mãi mãi về sau, thế giới có nhiều đổi thay, Đảng và nhân dân ta

* GS, TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

vẫn sẽ kiên định con đường mà mình đã chọn? Lịch sử hơn một thế kỷ vừa qua đã có câu trả lời: chỉ có con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Tổ quốc ta mới được độc lập, tự do, nhân dân ta mới trở thành người làm chủ, tự quyết định con đường phát triển của mình. Trong bối cảnh thế giới phức tạp của những năm 80, 90 của thế kỷ XX, nếu Đảng ta không kiên định con đường xã hội chủ nghĩa thì không thể có công cuộc đổi mới vừa giữ vững những thành tựu cách mạng và mục tiêu cách mạng, vừa kiên quyết, dũng cảm từ bỏ những phương pháp sai lầm, mô hình sai lầm, sáng tạo phương pháp mới, mô hình mới để xây dựng chủ nghĩa xã hội có hiệu quả hơn. Nói một cách hình ảnh: trong khi hắt chọi nước tắm đi, chúng ta không hắt cả đứa trẻ trong chậu tắm đó. Chính độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đem lại sự đổi mới kỳ diệu đó.

Cách đây hơn 80 năm, trong đêm tối nô lệ, dân tộc Việt Nam, thông qua người con ưu tú của mình, đã tìm đến con đường cứu nước, giải phóng dân tộc hết sức đúng đắn. Sự lựa chọn của nhân dân ta cũng là sự lựa chọn của lịch sử. Nhân dân ta không lựa chọn con đường tư bản chủ nghĩa bởi con đường ấy không thể đưa đến độc lập tự do và quyền làm chủ của nhân dân mà đại bộ phận là công nhân, nông dân và trí thức. Thực ra, ở nước Việt Nam thuộc địa không có những tiền đề, điều kiện, khả năng giải phóng đất nước với con đường tư bản chủ nghĩa; ở một đất nước nô lệ thì chủ nghĩa tư bản cũng chỉ là thứ "chủ nghĩa tư bản bản xứ" èo uột, phụ thuộc vào chế độ thực dân. Trở lại lịch sử nửa đầu thế kỷ XX: sau Cách mạng Tháng Tám, dân tộc ta muốn hòa bình, nhưng chủ nghĩa đế quốc không để chúng ta yên. Chúng đã "phê phán" con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội không chỉ bằng những lời lẽ thâm độc, mà còn bằng sức mạnh của vũ khí. Ngày nay, nhiều học giả ở các nước phương Tây, kể cả ở Mỹ nói rằng: không có cuộc chiến đấu và chiến thắng của nhân dân

Việt Nam thì bộ mặt thế giới đã khác. Nếu không có 30 năm chiến tranh và hàng chục năm khắc phục hậu quả chiến tranh thì sự phát triển của Việt Nam đã hoàn toàn khác!

Có người nói: con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội có tác dụng diệu kỳ trong giải phóng dân tộc (khó có thể phủ nhận!), nhưng ngày nay không còn thích hợp nữa. Ý kiến này "quên" một điều căn bản: con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội sở dĩ có sức mạnh trong giải phóng dân tộc vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân.

Chúng ta cần làm rõ vấn đề mà nhiều người quan tâm: "Định hướng xã hội chủ nghĩa" có phải là "vòng kim cô" không cho phép đổi mới tư duy, kìm hãm sự phát triển của đất nước, phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa là đường lối phát triển không hiệu quả hay không?

Hai mươi năm qua, chúng ta đã tiến hành công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Các nhà quan sát phương Tây, các tổ chức kinh tế tài chính quốc tế như WB, IMF... đều thừa nhận Việt Nam là một trong những nước có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh nhất thế giới. Cụ thể là trong 5 năm 1991 - 1995 GDP tăng bình quân 8,2%, 1996 - 2000 tăng bình quân 7%, 2001 - 2005 tăng bình quân 7,5%/năm, trong đó năm 2005 tăng 8,4%. Nếu giữ được đà phát triển tương đối nhanh và vững chắc như 15 năm vừa qua, nâng cao hơn nữa sức cạnh tranh của nền kinh tế thì 15 năm tới, mặc dầu Việt Nam vẫn là nước đang phát triển, song không có chuyện "tụt hậu" xa hơn nữa về kinh tế. Trong 15 năm qua kinh tế tăng trưởng nhanh nhất không phải những nước tư bản, mà là những nước xã hội chủ nghĩa, đang đổi mới thành công, đó là Trung Quốc và Việt Nam. Đương nhiên, chúng ta biết rõ khi đã trở thành một nước công nghiệp thì giữ được mức tăng trưởng cao không phải dễ dàng. Định hướng xã hội chủ nghĩa không triệt tiêu

những động lực phát triển, như ai đó quả quyết, trái lại định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phát huy những động lực ấy. Đó là động lực của nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đó là động lực của việc kết hợp hài hòa các lợi ích, đặc biệt là sự kết hợp hài hòa lợi ích của người lao động với lợi ích của các doanh nhân, các nhà tư bản. Đó là động lực của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên cơ sở lợi ích dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đó là động lực của thể chế thị trường ngày càng hiện đại hóa. Đó là động lực của sự cạnh tranh lành mạnh giữa các đơn vị kinh tế thuộc các thành phần khác nhau, trong đó doanh nghiệp nhà nước cũng phải cạnh tranh bình đẳng, sòng phẳng với các doanh nghiệp khác. Đó là động lực của sự hội nhập kinh tế quốc tế, hợp tác quốc tế, cạnh tranh quốc tế mà Việt Nam tham gia một cách tích cực và chủ động. Một nền kinh tế thiếu động lực không thể tăng trưởng bình quân trên 7% trong hàng chục năm liên tục như Việt Nam. Định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phát huy cao độ mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế, trong đó có kinh tế tư bản tư nhân. Có thể nói ở nước ta kinh tế tư nhân đang có điều kiện phát triển mạnh mẽ. Với sự quản lý tốt của Nhà nước, sự phát triển lành mạnh, đúng pháp luật của kinh tế tư bản tư nhân không mâu thuẫn với định hướng xã hội chủ nghĩa. Trái lại đó là một trong những động lực mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Những người muốn bác bỏ định hướng xã hội chủ nghĩa thường tập trung mũi nhọn phê phán vào vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Họ nói kinh tế nhà nước ở bất cứ nước nào cũng yếu kém, không hiệu quả vì "cha chung không ai khóc", là bộ phận kinh tế không có động lực. Đó là nhận thức không khách quan. Quản lý một doanh nghiệp nhà nước khó khăn hơn nhiều so với quản lý một doanh nghiệp tư

nhân có quy mô như nhau vì phải xử lý những mối quan hệ phức tạp hơn điều đó hoàn toàn đúng. Song nếu quản lý tốt, khắc phục được những khuyết điểm chủ quan thì *tiềm năng của kinh tế nhà nước vốn rất lớn* sẽ được phát huy. Kinh tế Nhà nước có những ưu việt mà ngày nay mới chỉ được khai thác một phần rất nhỏ. Trong thực tế sự phát triển tốt của kinh tế nhà nước không những không cản trở, mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các thành phần kinh tế khác, kể cả kinh tế tư nhân. Chính những yếu kém hiện nay của một bộ phận kinh tế nhà nước không những ảnh hưởng đến sự phát triển chung của toàn bộ nền kinh tế, mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của kinh tế tư nhân. Có người định nghĩa sai "vai trò chủ đạo" rồi dựa vào đó mà phê phán. Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước không phải ở quy mô càng lớn càng tốt, ở sự hiện diện các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trong tất cả hoặc hầu hết các ngành, mà thể hiện trước hết ở sức mạnh tạo môi trường, điều kiện hỗ trợ phát triển và là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước điều tiết và định hướng phát triển kinh tế. Có thể dự đoán rằng trong nền kinh tế tri thức của tương lai, thể mạnh của kinh tế nhà nước sẽ được phát huy cao hơn nữa. Những yếu kém của kinh tế nhà nước là có thật, cần được khắc phục và hoàn toàn có khả năng từng bước khắc phục.

Có người cho rằng định hướng xã hội chủ nghĩa có nghĩa là Nhà nước can thiệp quá nhiều vào đời sống kinh tế - xã hội. Người ta nói "Nhà nước" cần "nhỏ", "nhân dân" mới là "lớn". Thế nhưng, trong thực tế họ lại đòi hỏi Nhà nước quá nhiều. Chẳng hạn, đòi hỏi Nhà nước gánh chịu mọi khó khăn, thua thiệt trong cạnh tranh quốc tế. Họ cho rằng trong kinh tế có những lĩnh vực rất cần cho xã hội nhưng ít lợi nhuận nên tư nhân không ai muốn làm, và đó là những lĩnh vực "dành cho Nhà nước". Đây chính là quan điểm muốn Nhà nước và kinh tế nhà nước là "cha chung",

là "không của ai cả". Đòi hỏi Nhà nước nhiều nhưng không muốn Nhà nước có trong tay lực lượng kinh tế (ngoại trừ thuế) để quản lý, điều tiết nền kinh tế, đó là quan điểm tự mâu thuẫn.

Định hướng xã hội chủ nghĩa có nghĩa là thực hiện một quan điểm phát triển đúng đắn. Đặc biệt là phát triển kinh tế, vấn đề sống còn đối với đất nước ta, một nước từ nông nghiệp lạc hậu đi lên. Nội dung cốt lõi của sự phát triển là thực hiện thành công công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo phương thức công nghiệp hóa rút ngắn. Nhưng phải phát triển bền vững. Có người khuyên ta nên theo quan điểm phát triển của chủ nghĩa tự do mới. Họ nói: "nghèo như ta thì cứ phát triển đã, đừng bận tâm những cái kèm theo như định hướng này nọ...; có phát triển sẽ có tất cả; mọi thứ hạ hồi phân giải, không thể cái gì cũng muốn. Nhưng ở phương Tây có những người kiến thức uyên bác, kinh nghiệm dày mình, như giáo sư Stíc-go-lít, người được giải thưởng Nô-ben về kinh tế, khuyên ta cần lựa chọn con đường phát triển bền vững, kết hợp hài hòa kinh tế và xã hội; phát triển hôm nay không để lại cái giá phải trả quá đắt cho thế hệ tương lai. Ý kiến đó có nhiều điểm gần gũi quan điểm phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta xác định rõ: đường lối phát triển của Việt Nam là phát triển vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; phát triển hướng về con người, vì con người. Nói "con người" không phải chỉ là nói một bộ phận đặc thù của xã hội. Con người không chỉ là một giai cấp, một tầng lớp, một địa phương, mà con người là tất cả cộng đồng và mỗi cá nhân; tất cả đều có cơ hội phát triển và được hưởng mọi thành quả của phát triển tương xứng với đóng góp của mình vào sự phát triển chung của đất nước. Con người được xem xét không chỉ như động lực của sự phát triển, mà được xem xét trước hết như mục đích của phát triển. Sự phát triển của chúng ta bảo đảm lợi ích chính đáng của người lao động và các chủ thể

thuộc mọi thành phần kinh tế; nhưng không bình quân, cào bằng; thực hiện phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội. Đảng ta chủ trương thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, xem phát triển kinh tế là điều kiện vật chất để giải quyết các vấn đề xã hội ở trình độ ngày càng cao; thực hiện tốt chính sách xã hội là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế. Một trong những đặc trưng nổi bật của định hướng xã hội chủ nghĩa là kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển. Định hướng xã hội chủ nghĩa không có nghĩa là thực hiện chủ nghĩa bình quân, nghèo cùng nghèo, giàu cùng giàu, không chấp nhận mọi sự chênh lệch, bất bình đẳng, kể cả những bất bình đẳng không thể tránh được, thậm chí là cần thiết trong quá trình phát triển. Chúng ta coi trọng bình đẳng trong cơ hội phát triển, coi trọng việc tạo điều kiện để mọi người sử dụng tốt năng lực của mình. Chính sách của Đảng và Nhà nước là khuyến khích làm giàu hợp pháp, vừa thúc đẩy phát triển kinh tế, vừa vì lợi ích của bản thân; không chấp nhận sự làm giàu phi pháp, bất chính, chẳng hạn như lừa đảo, tham nhũng. Khuyến khích làm giàu chính đáng phải đi đôi với chiến lược rộng lớn xóa đói, giảm nghèo, chủ yếu bằng cách tạo công ăn việc làm, tạo cơ hội cho những người nghèo tự cải thiện đời sống của mình. Định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, giáo dục; xem văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; xem phát triển giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu nhằm phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội. Sự phát triển trong nền kinh tế thị trường tất yếu dẫn đến phân hóa giàu nghèo. Bỏ mặc cho sự phân hóa đó diễn ra tự phát, viện cớ rằng có

phân hóa mới có động lực hoặc viện bất cứ lý do nào khác cũng đều trái với mục đích của chủ nghĩa xã hội. Định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi Nhà nước và xã hội phải làm chủ được quá trình phân hóa giàu nghèo, không để cho sự phân hóa diễn ra quá mức dẫn đến một xã hội bất công "kẻ ăn không hết, người lần không ra" mà sự đau khổ thiết tha thuộc về những người lao động và những người làm ăn chân chính.

Hai mươi năm qua, đi đôi với sự phát triển kinh tế, nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn về mặt xã hội. Công tác xóa đói giảm nghèo được đẩy mạnh và thu được nhiều kết quả tốt: Theo chuẩn quốc gia, tỷ lệ hộ đói nghèo đã giảm từ 30% năm 1992 xuống 12% năm 2003. Còn theo chuẩn quốc tế thì tỷ lệ nghèo chung đã giảm từ 58% năm 1993 xuống 28,9% năm 2002. Đến cuối năm 2005, tỷ lệ hộ nghèo còn 7% (theo chuẩn Việt Nam cho giai đoạn 2001 - 2005), Việt Nam được cộng đồng quốc tế xem là một trong những nước xóa đói giảm nghèo thành công nhất. Năm 2000, cả nước đã đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; đến cuối năm 2005, trên 30 tỉnh, thành phố đã đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều thành tựu. Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam đã tăng từ 68 (năm 1999) lên 71,3 (năm 2005). Chỉ số phát triển con người (HDI) cao hơn mức phát triển kinh tế. Rõ ràng, chúng ta không "tụt hậu" về mặt xã hội. Nhân dân ta không thể biết đến những lợi ích về mặt xã hội như vậy nếu sự phát triển của đất nước không theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Về mặt chính trị, định hướng xã hội chủ nghĩa là không ngừng tăng cường quyền làm chủ về mặt Nhà nước của nhân dân, xây dựng và phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Trong 20 năm đổi mới, việc xây dựng

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có tiến bộ trên cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Những thành tựu kinh tế, xã hội, chính trị của đất nước ta trong 60 năm qua, đặc biệt là trong 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới, không thể có được và không thể giữ được nếu không có sự lãnh đạo của Đảng. Sự lãnh đạo của Đảng và quyền lực Nhà nước ở trong tay quần chúng nhân dân là tiền đề chính trị, là điều kiện tiên quyết để đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chính vì thế kẻ thù của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội chĩa mũi nhọn công kích vào vai trò lãnh đạo của Đảng. Nói xây dựng chủ nghĩa xã hội, và định hướng xã hội chủ nghĩa mà không chủ trương giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, củng cố chính quyền nhân dân, thì chỉ là nói suông. Việc truyền bá quan điểm "dân chủ" đa nguyên, đa đảng đối lập chỉ là sự chuẩn bị về tư tưởng mở đường cho việc thay đổi chế độ chính trị, chấm dứt định hướng xã hội chủ nghĩa theo kịch bản mà các thế lực chống độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mong muốn.

Như trên đã nói, 20 năm qua, trên con đường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Đảng và nhân dân ta đã giành được thắng lợi quan trọng có ý nghĩa lịch sử. Công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa đang được đẩy mạnh, hướng tới mục tiêu đến năm 2020, nước ta cần bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại nhằm xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân. Tuy nhiên, bên cạnh ưu điểm và thành tựu, sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa của đất nước còn nhiều khó khăn, thách thức; sự lãnh đạo của Đảng, công tác xây dựng Đảng và sự quản lý của Nhà nước còn nhiều khuyết điểm, yếu kém; xã hội còn có những mặt phát triển

(Xem tiếp trang 48)

CHỦ nghĩa xã hội luôn luôn là ước mơ cao đẹp của toàn nhân loại, là đích vươn tới của những chiến sỹ cách mạng, những lực lượng tiên bộ, tiên phong của loài người, đặc biệt là của những người cộng sản.

C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n là những người cộng sản đầu tiên, với ước vọng và tình cảm thiết tha với sự nghiệp giải phóng con người thoát khỏi tình trạng người áp bức bóc lột người, với tư duy khoa học sắc bén, chặt chẽ trên cơ sở phép biện chứng duy vật, đã xây dựng nên một học thuyết khoa học và cách mạng, học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học. Học thuyết này từ khi ra đời đến nay đã trở thành một vũ khí lý luận hữu hiệu, là kim chỉ nam vạch đường cho nhân loại hiện thực hóa ước mơ, lý tưởng của mình.

Học thuyết xã hội chủ nghĩa của C. Mác, một mặt, chỉ ra sự diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản với tính cách là một giai đoạn phát triển của xã hội loài người, mặt khác, vạch rõ chủ nghĩa xã hội, với tính cách là giai đoạn đầu của một chế độ xã hội tiên bộ hơn chế độ xã hội tư bản chủ nghĩa, nhất định sẽ ra đời thay thế cho chủ nghĩa tư bản.

Đặc biệt, trong lý luận khoa học về hình thái kinh tế - xã hội, C. Mác đã khẳng định, chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa, mà loài người tất yếu sẽ tiến tới, là một cấu trúc hữu cơ sinh động, một cơ thể sống có tính hiện thực khả thi. Đồng thời, C. Mác cũng đã chỉ ra những nguyên lý khái quát cho một cấu trúc kinh tế - xã hội hợp lý, tối ưu, để nó có thể ra đời, tồn tại và phát triển.

Trong quá trình tham gia và lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng của giai cấp vô sản

V.I. LÊ-NIN *và con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội*

TRẦN NGỌC LINH *

nước Nga, V.I. Lê-nin đã kế thừa, phát triển, và lần đầu tiên đã hiện thực hóa trong cuộc sống những quan điểm lý luận học thuyết Mác về chủ nghĩa xã hội.

Những quan điểm của V.I. Lê-nin về chủ nghĩa xã hội đóng vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc cách mạng của nhân dân Nga lật đổ ách thống trị của giai cấp tư sản, địa chủ bóc lột, giành chính quyền về tay giai cấp vô sản; trong quá trình xây dựng chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa ở nước Nga, một chế độ xã hội chưa hề có tiền lệ trong lịch sử loài người. Đồng thời, những quan điểm này cùng với những kinh nghiệm được rút ra qua quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội do V.I. Lê-nin lãnh đạo đã trở thành những chỉ dẫn quan trọng, vạch đường chỉ lối cho nhân dân lao động toàn thế giới tiến lên trên con đường đi tới chủ nghĩa xã hội.

Vào những năm đầu của thế kỷ XX, khi giai cấp tư sản Nga đã không thể và cũng không muốn tiến hành một cách triệt để cuộc cách mạng dân chủ tư sản, V.I. Lê-nin đã chỉ ra rằng giai cấp vô sản cần và có thể đóng vai trò lãnh đạo cuộc cách mạng này. Cuộc cách mạng dân chủ tư sản dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản

* PGS, TS Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

được gọi là cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới, và khi cuộc cách mạng này giành được thắng lợi, giai cấp vô sản cần phải thực hiện cách mạng không ngừng, chuyển ngay sang tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Thắng lợi rực rỡ của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại đã chứng minh tính đúng đắn của quan điểm cách mạng không ngừng của V.I. Lê-nin.

Dưới sự lãnh đạo của Người, sau khi giành được chính quyền, mặc dầu còn phải đối phó với mọi âm mưu thủ đoạn của thù trong giặc ngoài nhằm bóp chết chính quyền xô-viết non trẻ, giai cấp công nhân đã tiến hành ngay công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, biến ước mơ, lý tưởng xã hội chủ nghĩa của loài người thành hiện thực.

V.I. Lê-nin khẳng định rằng, tất cả các quốc gia dân tộc khác nhau trên thế giới, bằng cách này hay cách khác, theo quy luật khách quan, tất yếu đều phải tiến lên chủ nghĩa xã hội. Vấn đề là ở chỗ cần phải tiến lên chủ nghĩa xã hội bằng cách nào, theo con đường nào, với những điều kiện nào?

V.I. Lê-nin đã chỉ ra rằng, có thể thay đổi những mô hình cụ thể, những yếu tố cụ thể nào đó của kết cấu xã hội xã hội chủ nghĩa tùy theo điều kiện lịch sử cụ thể của từng quốc gia dân tộc, nhưng có những yếu tố cơ bản không thể thay đổi, nhất thiết phải có, nếu không thì không thể có được chủ nghĩa xã hội. Những yếu tố cơ bản, bất biến đó vừa là những yếu tố nội tại, tự thân, tất yếu, vừa là những điều kiện vật chất thiết yếu để xây dựng nên một chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa. Một cách khái quát, V.I. Lê-nin đã nêu rõ: một mặt, là điều kiện kinh tế, sản xuất, kinh tế - xã hội; mặt khác, là điều kiện chính trị.

Về những điều kiện chính trị, trước hết, V.I. Lê-nin nhấn mạnh rằng đảng của giai cấp công nhân cần phải giữ vai trò lãnh đạo trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đảng Cộng sản là nhân tố có ý nghĩa quan trọng nhất,

không thể thiếu được trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, không có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản thì không thể có chủ nghĩa xã hội. Đảng Cộng sản, trên cơ sở nền tảng học thuyết chủ nghĩa Mác, cần căn cứ vào những điều kiện hiện thực khách quan của đất nước để đề ra cương lĩnh và kế hoạch hành động cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Người luôn nhắc nhở, phải dựa trên sự phân tích đúng đắn những điều kiện hiện thực khách quan mới tránh được tình trạng lặp đi, lặp lại những lời lẽ cách mạng suông, mà trong đó “những danh từ “quyển rũ” thuộc về một quá khứ đã qua rồi che lấp những nhiệm vụ của tương lai”. Và theo Người, “Sự quyển rũ của một danh từ đã có tác dụng trong lịch sử, trong những trường hợp như thế sẽ trở thành một thứ hào nhoáng trống rỗng và có hại, một thứ lèo lẻo vô dụng”⁽¹⁾.

V.I. Lê-nin nhấn mạnh rằng, sức mạnh cương lĩnh của Đảng chính là ở chỗ nó được xây dựng trên cơ sở căn cứ vào những sự thật được xác định một cách tuyệt đối chính xác và một Cương lĩnh đúng đắn sẽ có tầm quan trọng to lớn đối với hoạt động nhất trí và triệt để cách mạng của Đảng.

Đồng thời, V.I. Lê-nin cũng chỉ ra, khi đã có Cương lĩnh đúng đắn, Đảng cần làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục cho từng đảng viên cũng như cho quần chúng nhân dân thấm nhuần nội dung cơ bản của Cương lĩnh, nhất trí hoàn toàn với những đường lối, kế hoạch xây dựng chủ nghĩa xã hội mà Cương lĩnh nêu ra, tạo nên sức mạnh muôn người như một trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để Đảng Cộng sản giữ vững được vai trò lãnh đạo, theo Người, mỗi một đảng viên cần phải nêu cao tính tiên phong, gương mẫu, thực sự đóng vai trò là người đi đầu trong việc thực hiện Cương lĩnh, tiến hành sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ Mát-xcơ-va, 1979, t 11, tr 87

Yếu tố thứ hai của điều kiện chính trị, không kém phần quan trọng quyết định thành công của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, đó là vai trò của bộ máy nhà nước trong quản lý, tổ chức, điều hành các hoạt động của toàn xã hội tiến hành cải tạo, xóa bỏ những tàn dư của chế độ xã hội cũ, xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật cũng như cơ sở tư tưởng, văn hóa, tinh thần cho chế độ xã hội mới - chế độ xã hội chủ nghĩa, biến Cương lĩnh của Đảng thành hiện thực trong cuộc sống.

Ngay sau Cách mạng Tháng Mười thắng lợi, khi giai cấp vô sản giành được chính quyền, V.I. Lê-nin đã khẳng định rằng, bộ máy nhà nước trong tay giai cấp vô sản chính là điều kiện tiên quyết để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bộ máy nhà nước này là một công cụ sắc bén để giai cấp vô sản sử dụng nhằm thực hiện những mục tiêu lý tưởng của mình, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc, công bằng, văn minh cho đại đa số nhân dân.

V.I. Lê-nin đã chỉ ra tính tất yếu phải thu hút, huy động được sự tham gia đông đảo của quần chúng nhân dân lao động vào việc xây dựng bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa. Người khẳng định, chính quyền Xô-viết là chính quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; bởi vậy nhiệm vụ hàng đầu là phải thu hút đông đảo quần chúng tham gia vào việc quản lý. Và chỉ có sự tham gia rộng rãi của quần chúng nhân dân lao động vào việc xây dựng bộ máy nhà nước thì nhà nước đó mới thực sự trở thành nhà nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Song, vấn đề là ở chỗ, sự tham gia đông đảo của quần chúng phải được tổ chức như thế nào để có thể thực hiện tốt nhất những biện pháp đạt tới mục tiêu cuối cùng của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Phát triển chế độ dân chủ một cách đầy đủ, theo V.I. Lê-nin, nghĩa là làm cho toàn thể quần chúng nhân dân tham gia thực sự bình đẳng, thực sự rộng rãi vào mọi công việc của nhà nước.

Để bảo đảm cho quyền làm chủ của quần chúng nhân dân trở thành hiện thực, V.I. Lê-nin

cũng đã chỉ ra sự cần thiết của việc kiến lập mối liên hệ mật thiết giữa toàn bộ bộ máy chính quyền nhà nước và quản lý nhà nước với quần chúng nhân dân lao động. Chính mối liên hệ mật thiết, sự gắn gũi của chính quyền nhà nước với nhân dân đã tạo ra những hình thức đặc biệt của sự bãi miễn và của hoạt động kiểm tra khác "từ dưới lên".

V.I. Lê-nin cũng đã chỉ ra một vấn đề hết sức quan trọng và cấp thiết trong việc tham gia của quần chúng nhân dân lao động xây dựng chế độ dân chủ, đó là phải xây dựng chế độ dân chủ bắt đầu từ cơ sở, coi xây dựng dân chủ từ cơ sở là bảo đảm cho một nền tự do chân chính. Và điều quan trọng hơn cả là phải thực hiện chế độ dân chủ từ cơ sở trong thực tiễn chứ không phải "chỉ tuyên truyền về dân chủ, tuyên bố và ra sắc lệnh về dân chủ", thông qua thực tiễn tất cả những người lao động sẽ học tập được nghệ thuật quản lý nhà nước.

V.I. Lê-nin khẳng định: "Chủ nghĩa xã hội không phải là kết quả của những sắc lệnh từ trên ban xuống. Tính chất máy móc hành chính và quan liêu không dung hợp được với tinh thần của chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa xã hội sinh động, sáng tạo là sự nghiệp của bản thân quần chúng nhân dân" ⁽²⁾. Chỉ đến khi đông đảo quần chúng nhân dân lao động tự bắt tay vào việc xây dựng nhà nước và đời sống kinh tế mới, thực hiện triệt để quyền làm chủ của mình thì lúc đó cách mạng xã hội chủ nghĩa mới thực sự đạt được mục tiêu, chủ nghĩa xã hội mới thực sự được xây dựng thành công.

Cùng với điều kiện chính trị - vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, vai trò tổ chức quản lý của nhà nước - thì điều kiện kinh tế, sản xuất, kinh tế - xã hội cũng là những điều kiện vô cùng quan trọng, là cái nguồn và nền tảng sản xuất vật chất của chủ nghĩa xã hội, quyết định sự thành công của công cuộc xây dựng chủ nghĩa

(2) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 35, tr 64

xã hội. Về điều này, V.I. Lê-nin viết: “Chỉ khi nào chính quyền nhà nước vô sản tổ chức lại được toàn bộ nền công nghiệp trên cơ sở nền đại sản xuất tập thể và kỹ thuật hiện đại nhất (dựa trên việc điện khí hóa toàn bộ nền kinh tế), sau khi đã hoàn toàn đập tan mọi sự phản kháng của bọn bóc lột và đảm bảo cho chính quyền nhà nước vô sản được ổn định hoàn toàn, chính quyền nhà nước vô sản hoàn toàn nắm quyền chi phối thì khi đó mới có thể coi là chủ nghĩa xã hội đã chiến thắng được chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội đã được củng cố” (3).

Vấn đề là ở chỗ phải tìm cho ra những biện pháp quá độ thích hợp để vận dụng vào hoàn cảnh cụ thể của nước Nga những năm sau Cách mạng Tháng Mười, nhằm phát triển lực lượng sản xuất, tăng cường những điều kiện vật chất cho chủ nghĩa xã hội. V.I. Lê-nin chỉ ra, “Vì chúng ta chưa có điều kiện để chuyển trực tiếp từ nền tiểu sản xuất lên chủ nghĩa xã hội, bởi vậy, trong một mức độ nào đó, chủ nghĩa tư bản là không thể tránh khỏi... bởi vậy, chúng ta phải lợi dụng chủ nghĩa tư bản (nhất là bằng cách hướng nó vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước) làm mất xích trung gian giữa nền tiểu sản xuất và chủ nghĩa xã hội, làm phương tiện, con đường, phương pháp, phương thức để tăng lực lượng sản xuất lên” (4).

Chính sách kinh tế mới (NEP) chính là tập hợp tất cả những biện pháp quá độ đặc biệt thích hợp, trong đó có các biện pháp sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước, để biến khả năng thành hiện thực, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. V.I. Lê-nin viết: “Việc chuyển sang chính sách kinh tế mới chính là do chỗ: sau cuộc thí nghiệm trực tiếp xây dựng xã hội chủ nghĩa trong những điều kiện khó khăn chưa từng thấy, trong điều kiện nội chiến, trong điều kiện giai cấp tư sản buộc chúng ta phải tiến hành cuộc đấu tranh ác liệt, thì đến mùa xuân năm 1921 chúng ta đã nhận thấy rõ là chưa nên xây dựng trực tiếp chủ nghĩa xã hội, mà trong nhiều lĩnh vực kinh tế chúng ta cần phải lùi về

chủ nghĩa tư bản nhà nước, từ bỏ biện pháp tấn công chính diện” (5).

Một trong những nội dung cơ bản của NEP đó là: sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước dưới hình thức tô nhượng, hợp tác xã, tư nhân làm đại lý, cho tư nhân thuê cơ sở sản xuất v.v.. coi như là những biện pháp “*quá độ đặc biệt*”, một mắt khâu “*trung gian*” để quá độ gián tiếp lên chủ nghĩa xã hội; và coi đó là những “*chiếc cầu nhỏ, vũng chầy*” mà giai cấp vô sản cần phải có để “*xuyên qua*” nó đi vào chủ nghĩa xã hội, bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội được củng cố.

Để áp dụng có hiệu quả những biện pháp quá độ nói trên, V.I. Lê-nin đưa ra những quan điểm sau:

- Chủ nghĩa tư bản có lợi cho chúng ta trong chừng mực nó giúp chúng ta chống lại tình trạng phân tán của người sản xuất nhỏ và phần nào chống lại cả bệnh quan liêu.

- Cần có sự kiểm kê, kiểm soát của nhà nước. Sự kiểm soát đó sẽ giúp chúng ta hướng chủ nghĩa tư bản - chủ nghĩa tư bản là không tránh khỏi đến một mức nào đó và là cần thiết cho chúng ta - vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước.

- Phát huy đầy đủ tính chủ động và tinh thần sáng kiến, tính độc lập của các tổ chức địa phương, nhằm khuyến khích sự trao đổi giữa nông nghiệp và công nghiệp.

- Học tập kinh nghiệm của các chuyên gia tư sản.

Trong quá trình lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước Nga, V.I. Lê-nin đã hiện thực hóa những lý tưởng của chủ nghĩa Mác, bổ sung, làm phong phú thêm kho tàng lý luận chủ nghĩa Mác. Chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa đã dần dần hình thành trên cơ sở những điều kiện cơ bản mà V.I. Lê-nin đã nêu ra. Đáng tiếc, những người kế tục sự nghiệp

(3) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 41, tr 218 - 219

(4) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 43, tr 276

(5) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 44, tr 255

của Người đã không thực hiện được đầy đủ, đúng đắn những di huấn của V.I. Lê-nin dẫn đến hậu quả vô cùng tai hại đối với chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới.

Trung thành với những di huấn của V.I. Lê-nin về chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam đã cùng nhân dân Việt Nam tiến hành thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ và thực hiện tư tưởng cách mạng không ngừng tiến lên thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là nguyên nhân của mọi nguyên nhân dẫn đến những thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam trong mọi thời kỳ. Đó là vì Đảng ta đã đề ra Cương lĩnh đúng đắn cho từng thời kỳ cách mạng, đã giáo dục đảng viên và quần chúng nhân dân thấm nhuần tinh thần, nội dung cơ bản của Cương lĩnh, tạo nên một sức mạnh thống nhất "ý Đảng, lòng Dân" giành thắng lợi to lớn trong công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiến hành xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân. Tuy còn nhiều hạn chế trong quá trình xây dựng, nhưng Nhà nước ta cũng đã thực hiện được nhiệm vụ quản lý, điều hành mọi hoạt động của xã hội góp phần đem lại những thành tựu đáng kể trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước Việt Nam.

Trong sự nghiệp xây dựng nền kinh tế, cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, vận dụng những tư tưởng, quan điểm của V.I. Lê-nin về NEP vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của đất nước, Đảng ta đã đề ra những chủ trương chính sách để có thể phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình tổ chức kinh doanh, đặc biệt là thu hút nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Phát huy những thành quả đã đạt được trong thời gian qua, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới, tiếp tục trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Đại hội X của Đảng chắc chắn sẽ là một mốc son chói lọi trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội của toàn Đảng, toàn dân ta. □

GIỮ VỮNG ĐỊNH HƯỚNG...

(Tiếp theo trang 43)

không lành mạnh. Dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội X của Đảng đã nêu rõ những khuyết điểm và yếu kém đó như: chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn nghiêm trọng; một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt thoái hóa, biến chất, cơ hội, tham nhũng. Những khuyết điểm ấy đang làm giảm sút uy tín của Đảng, gây nên sự giảm sút niềm tin, sự lo lắng, bất bình trong đại bộ phận đảng viên và trong quần chúng nhân dân. Không kiên quyết khắc phục, không khắc phục có hiệu quả những khuyết điểm, tệ nạn trên đây, đặc biệt là tệ tham nhũng, thì không thể bảo đảm đất nước tiếp tục phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Những yếu kém sai lầm, khuyết điểm nêu trên tuyệt nhiên không phải do "định hướng xã hội chủ nghĩa" gây ra, mà chủ yếu do nguyên nhân chủ quan, trước hết do những yếu kém trong công tác xây dựng Đảng.

Trong bối cảnh chủ nghĩa xã hội đang gặp khó khăn, chủ nghĩa tư bản đang thắng thế, việc kiên định con đường xã hội chủ nghĩa không phải là vấn đề đơn giản đối với các đảng cộng sản và công nhân. Lúc này càng đòi hỏi chúng ta cần phải có nhận thức lý trí, niềm tin và ý chí, niềm tự hào về con đường mà dân tộc mình đã chọn. Qua thực tiễn đổi mới, chúng ta nhận thức rõ hơn bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Có niềm tin vững chắc vào con đường xã hội chủ nghĩa nhất định chúng ta biến "định hướng xã hội chủ nghĩa" thành hành động thực tiễn và truyền niềm tin ấy cho thế hệ tương lai. □

TỪ khi mới chỉ là "một bóng ma ám ảnh châu Âu", 158 năm về trước cho đến hôm nay, lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản luôn bị mọi thế lực đại diện cho các giai cấp bóc lột cũ và mới liên minh lại để tấn công nhằm loại trừ nó. Điều đó không có gì lạ, bởi lý tưởng của chủ nghĩa cộng sản đụng chạm đến những quyền lợi căn bản nhất của các giai cấp bóc lột khi tuyên bố xóa bỏ tận gốc cơ sở xã hội của sự bóc lột, áp bức và quyết tâm xây dựng một xã hội không còn chế độ người bóc lột người.

TƯỞNG LẠI CỦA NHÂN LOẠI LIÊN THUỘC VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NGUYỄN NGỌC HỐI *

Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô đã tạo cơ hội "vàng" cho những kẻ chống cộng điên cuồng nhất hoan hỷ tuyên bố về "sự cáo chung của chủ nghĩa cộng sản". R. Ních-xon đã từng nói rằng, chủ nghĩa tư bản sẽ "chiến thắng không cần chiến tranh". Hòa đồng với tư tưởng đó, Phu-cu-y-a-ma cũng xem chủ nghĩa tư bản là "sự tận cùng của lịch sử", đồng nghĩa với sự biến mất của chủ nghĩa cộng sản. Những dự báo đó chỉ là những ảo tưởng.

Lo sợ về sự phục hồi của chủ nghĩa xã hội và những ảnh hưởng tích cực của chủ nghĩa xã hội hiện thực trong thời gian gần đây, các nhà tư tưởng và lý luận tư sản đang ra sức bôi nhọ, thóa mạ chủ nghĩa xã hội hiện thực, phủ nhận các thành tựu và những đóng góp lớn lao của

chủ nghĩa xã hội hiện thực đối với nhân loại trong suốt thế kỷ XX. Điều này cho thấy, cuộc đấu tranh ý thức hệ đầu đã mờ nhạt trong bối cảnh toàn cầu hóa như một số người lầm tưởng. Nghị quyết 1481 của một nhóm những phần tử cánh hữu, nặng đầu óc chống cộng đưa ra thảo luận và được thông qua với đa số ít ỏi tại Hội đồng Nghị viện của Hội đồng châu Âu (PACE) trong tháng 1-2006 vừa qua, cũng chẳng có gì lạ, bởi đó là sự tiếp diễn tự nhiên của những tư duy có từ bao năm trước. Họ đã cố tình bóp méo lịch sử, dựng lên cái

gọi là "sự cần thiết quốc tế lên án tội ác của các chế độ cộng sản cực quyền". Họ vẫn ca ngợi những "điều kèn" cũ rích về vấn đề nhân quyền, khi vu khống các nước xã hội chủ nghĩa trước đây cũng như hiện nay là "có chung đặc điểm vi phạm nhân quyền

ng nghiêm trọng". Tráng trọng hơn, họ đánh đồng người có công với kẻ có tội, phủ nhận sự hy sinh xương máu của hàng triệu chiến sỹ cộng sản trong việc cứu nhân loại khỏi thảm họa phát-xít trong chiến tranh thế giới thứ hai. Thông điệp Liên bang (2006), ông Bút-sơ còn nói: Chúng ta (Mỹ) là quốc gia đã cứu vãn tự do ở châu Âu, và đã giải phóng các trại giết người, đã giúp dựng lên các nền dân chủ và đập tan một chế độ xấu xa!

Các nhà tư tưởng, lý luận tư sản không từ một thủ đoạn nào để thóa mạ những giá trị hiện thực của chủ nghĩa xã hội với hy vọng làm lung lạc, trước hết là thế hệ trẻ và sau đó là những ai mong muốn khôi phục lại các giá

* PGS, TS Học viện Chính trị - quân sự

trị của chủ nghĩa xã hội. Nhưng sự thật lịch sử đã chỉ rõ, nguồn gốc nảy sinh 2 cuộc chiến tranh thế giới chính là sự tranh giành quyền lợi của các tổ chức tư bản độc quyền. Đồng thời, cũng chính sự phát triển của chủ nghĩa tư bản độc quyền trong những năm 30 của thế kỷ XX đã sản sinh ra các thế lực phát-xít Đức, Ý và quân phiệt Nhật. Ngay trước ngưỡng cửa của cuộc thế chiến thứ hai, chính phủ các nước tư bản Anh, Pháp, Mỹ đều đã có những cố gắng để ngăn chặn thảm họa phát-xít, mà ngược lại, còn nuôi ảo tưởng lợi dụng chủ nghĩa phát-xít (thông qua ký Hiệp định Mui-ních, tháng 9-1938) để tiêu diệt nhà nước công nông đầu tiên do những người cộng sản lãnh đạo. Nếu không có sự chiến đấu kiên cường của Hồng quân Liên Xô dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô chặn đứng những bước tiến của quân phát-xít trước cửa ngõ Thủ đô Mát-xcơ-va, làm phá sản chiến lược *chiến tranh chớp nhoáng* của phát-xít Đức, chuyển sang phản công với các chiến dịch tiến công quy mô lớn ở Xta-lin-grát và vòng cung Cuốc-xơ thì không có bước ngoặt cơ bản trong cuộc chiến này với thế chủ động thuộc về quân Đồng Minh. Chính những thắng lợi của Hồng quân Liên Xô trên mặt trận Xô - Đức đã tạo điều kiện cho phong trào kháng chiến chống phát-xít phát triển ở các nước bị Đức chiếm đóng, buộc Anh, Pháp, Mỹ phải mở mặt trận thứ hai ở châu Âu, tiến tới đánh bại chủ nghĩa phát-xít ngay tại sào huyệt của chúng. Lịch sử đã ghi nhận: chính những người cộng sản của đất nước Xô-viết và của các dân tộc khác dưới sự lãnh đạo của các Đảng Cộng sản và công nhân với sự dẫn dắt của lý tưởng cộng sản, đã đoàn kết xung quanh mình mọi tầng lớp nhân dân luôn đi đầu trên các mặt trận của cuộc chiến tranh và công đầu đánh bại chủ nghĩa phát-xít, cứu nhân loại khỏi thảm họa lịch sử trong cuộc chiến tranh đó thuộc về Liên Xô.

Ngày 24-1-2006, Ủy ban Cựu chiến binh Nga đã ra tuyên bố vạch rõ: "Chính các dân tộc Liên Xô dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đã góp phần quyết định vào việc đánh tan chủ nghĩa phát-xít" và "Trên các mặt trận chiến tranh thế giới lần thứ hai đã có hơn 3 triệu đảng viên cộng sản Xô-viết ngã xuống; bên cạnh đó, những người cộng sản Pháp, I-ta-li-a và của nhiều nước châu Âu khác cũng đấu tranh chống chủ nghĩa phát-xít". Ngay cả A. Di-nô-vi-ép, một người Nga không ưa gì chủ nghĩa cộng sản, sống lưu vong lâu năm ở Mỹ thời còn Liên Xô, gần đây cũng đã có một sự phân tích, khẳng định rằng: Nhờ có cuộc cách mạng vô sản và tất cả những gì gắn liền với cuộc cách mạng đó mà nhân loại đã được cứu thoát khỏi sự thụt lùi đáng sợ nhất, thoát khỏi sự suy tàn, thoái hóa ⁽¹⁾.

Lễ kỷ niệm long trọng và đầy xúc động 60 năm chiến thắng chủ nghĩa phát-xít tại nước Nga, với sự có mặt của nhiều nguyên thủ quốc gia tư bản chủ nghĩa, đã tiếp tục khẳng định sự thật đó. Âm mưu bôi nhọ, xóa sạch những ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội hiện thực là một trò lố bịch. A. Di-nô-vi-ép thừa nhận: Những thành tựu của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới trong suốt thế kỷ XX đã thấm vào máu thịt của loài người. Theo A. Di-nô-vi-ép, nếu không có Lê-nin, không có Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười và sau đó là Liên bang Xô-viết thì trong lịch sử không thể xuất hiện cả một tuyến tiến hóa có ảnh hưởng to lớn đến toàn bộ sự phát triển của nhân loại... Ảnh hưởng của cuộc cách mạng và của những việc đã được làm ở Nga đối với toàn thể loài người là lớn lao đến mức

(1) Xem A. Di-nô-vi-ép: "Người vĩ đại nhất của thế kỷ XX", *Thông tin những vấn đề lý luận*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, số 9 (5-2004)

toàn thế giới kể cả phương Tây, bất chấp mọi hoàn cảnh, đã đi theo hướng đó. Nhiều thành tựu mà ta có thể quan sát thấy ở phương Tây, sẽ không thể có được nếu không có Liên bang Xô-viết, nếu không có sự cạnh tranh đó của hai hệ thống. Phân tích thế giới phương Tây, tôi có thể chỉ ra rằng, phương Tây đã vay mượn biết bao thứ và đã làm những gì dưới ảnh hưởng những thành quả của phong trào cộng sản ở thế kỷ XX⁽²⁾. Lời của một người ở phía bên kia nói về sức sống của chủ nghĩa xã hội hiện thực đối với nhân loại; cũng là câu trả lời cho những kẻ dối trá, lừa bịp khi cố nặn ra cái Nghị quyết 1481 nói trên.

Ước mơ được sống trong một xã hội công bằng, không còn cảnh người bóc lột người đã xuất hiện ngay từ khi xã hội có giai cấp, có đấu tranh giai cấp và các dân tộc đã đấu tranh không mệt mỏi để thực hiện ước mơ ngàn đời ấy. Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản, thay thế các chế độ áp bức, bóc lột trước đó đã là một bước tiến nhảy vọt. Tuy nhiên, đó vẫn chỉ là sự thay thế chế độ áp bức, bóc lột này bằng một chế độ áp bức, bóc lột khác tinh vi và xảo quyệt hơn. Mấy trăm năm phát triển của chủ nghĩa tư bản không thể khắc phục được sự bất công, bất bình đẳng giữa các dân tộc và giai cấp trong xã hội để lại những tội ác chống loài người trong "thời kỳ tích lũy nguyên thủy", như C.Mác nói: máu và nước mắt của những người lao động đã thấm đẫm vào từng lỗ chân lông của các nhà tư bản; đồng thời nó phơi bày các thủ đoạn bóc lột tàn bạo, man rợ của chủ nghĩa thực dân đối với các dân tộc trên thế giới, điển hình là tội ác của đế quốc Mỹ và các nước chư hầu trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Mới đây, loài người lại được chứng kiến những "phát minh" mới nhất của chủ nghĩa tư bản trong việc tấn công các dân tộc khác bằng các loại vũ khí công nghệ cao, kể cả các loại

vũ khí giết người hàng loạt bị quốc tế ngăn cấm và bằng những thủ đoạn truy bức, làm nhục con người một cách quái đản nhất ở I-rắc, Áp-ga-ni-xtan. Những hành động kinh tởm của binh lính Mỹ (kể cả của quân nhân nữ) trong việc ngược đãi, làm nhục các tù nhân ở nhà tù A-bu-Grai-ip (I-rắc) được công khai gần đây trên các phương tiện truyền thông không chỉ gây sốc và sự căm phẫn trong lòng những người Hồi giáo, mà cả trong toàn thể nhân loại. Đó là chưa kể đến những tội ác của chủ nghĩa tư bản trong hủy hoại môi trường, sinh thái, bản sắc văn hóa của các dân tộc trong mấy trăm năm phát triển của nó. Ngày nay, sự phát triển của chủ nghĩa tư bản dù có những điều chỉnh, thích nghi theo hướng xoa dịu các mâu thuẫn, xung đột trong lòng xã hội tư bản, nhưng về cơ bản vẫn không thể xóa bỏ được những mâu thuẫn cố hữu giữa lao động và tư bản, giữa người bị áp bức, bóc lột và kẻ đi áp bức, bóc lột - những mâu thuẫn mà theo quy luật khách quan, trước, sau rồi sẽ dẫn đến sự thay thế chủ nghĩa tư bản bằng một xã hội tốt đẹp hơn, đó là xã hội xã hội chủ nghĩa, mà ở đó, nhân dân lao động là người làm chủ.

Chủ nghĩa xã hội với bản chất của nó là một xã hội tốt đẹp, thỏa mãn được ước nguyện ngàn đời của loài người. Trong thế kỷ XX, loài người đã từng chứng kiến những thành tựu vĩ đại của chủ nghĩa xã hội hiện thực trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và giải phóng con người, đưa Liên Xô đứng vào vị trí của một siêu cường trên thế giới và các nước xã hội chủ nghĩa khác ở Đông Âu vào vị thế của các nước công nghiệp phát triển. Chính sự tồn tại ấy đã tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào giải phóng dân tộc và phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ,

(2) Xem: Tài liệu đã dẫn

dân sinh, phát triển, buộc chủ nghĩa tư bản phải điều chỉnh nhằm xoa dịu mâu thuẫn xã hội.

Đáng tiếc, những thập niên cuối của thế kỷ trước, với nhiều lý do khác nhau, trong đó, có sai lầm về đường lối làm cho chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới không còn. Song, đó chỉ là sự sụp đổ của một mô hình xã hội chủ nghĩa cụ thể, chứ không phải là sự tiêu vong của lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Những thành tựu của công cuộc đổi mới, cải cách của các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, trong đó sự phát triển của Trung Quốc và Việt Nam đang tạo nên nhiều ấn tượng tốt đẹp đối với thế giới về tương lai của chủ nghĩa xã hội. Các lực lượng cánh tả ở Mỹ La-tinh được đông đảo dân chúng ủng hộ lên cầm quyền đang lựa chọn con đường phát triển không tư bản chủ nghĩa trong mấy năm gần đây. Sự phục hồi một số giá trị của chủ nghĩa xã hội ở nước Nga, cùng những thay đổi đang diễn ra ngay trong các nước tư bản phát triển trước những ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội hiện thực đã khẳng định sức sống mãnh liệt của lý tưởng chủ nghĩa cộng sản trong thế kỷ XXI.

Đối với nước ta, thế kỷ XX là thế kỷ đấu tranh oanh liệt giành độc lập, tự do, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, là thế kỷ khẳng định sự thắng lợi của lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Lịch sử đấu tranh oanh liệt của dân tộc ta những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX đã chứng kiến sự tiếp nối của nhiều phong trào yêu nước dưới ngọn cờ của giai cấp phong kiến, tiểu tư sản và tư sản dân tộc. Nhưng tất cả đều không thành công vì không có một đường lối đúng cho phép giải quyết được các mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam lúc bấy giờ. Chính

sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1930 đã kết thúc thời kỳ khủng hoảng đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc của nhân dân ta, đưa cách mạng nước ta bước vào quỹ đạo của cách mạng vô sản, đi theo lý tưởng cộng sản. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và lãnh tụ Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám thắng lợi, thành lập Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông - Nam Á; tiếp sau đó là đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, giành lại độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, từng bước đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Ngày nay, trong bối cảnh phức tạp của tình hình thế giới, gắn liền với sự thoái trào tạm thời của chủ nghĩa xã hội thế giới, công cuộc đổi mới của nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng vẫn giành được những thành tựu ngoạn mục trên tất cả các phương diện. Nền kinh tế liên tục đạt nhịp độ tăng trưởng khá cao với tốc độ tăng GDP khoảng 7,5% - 8% và có sự phát triển toàn diện. Từ một nước phải nhập khẩu lương thực, đến nay đã trở thành nước xuất khẩu gạo đứng hàng thứ hai trên thế giới. Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang được đẩy mạnh. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch tiến bộ. Năm 2005, tỷ trọng giá trị nông - lâm - ngư nghiệp trong GDP chỉ còn 20,9%, công nghiệp và xây dựng đã chiếm 41%, dịch vụ 38,1%; đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, thu nhập bình quân đầu người đã đạt khoảng 640 USD (tăng gấp 4 lần so với năm 1986); tuổi thọ trung bình là 71,3; chỉ số HDI liên tục tăng vững chắc (năm 1995 là 0,539 nay 0,691). Công cuộc xóa đói, giảm nghèo đạt được những tiến bộ to lớn, được Liên hợp quốc xếp vị trí đứng đầu thế giới và đánh giá cao về những nỗ lực

(Xem tiếp trang 72)

Những luận điệu xuyên tạc của bọn phản động không lừa bịp được nhân dân ta

VÔ HÒA

SAU sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu, bọn phản động lưu vong người Việt và quan thầy của chúng chắc hẳn là "chế độ cộng sản" ở Việt Nam cũng không tránh khỏi sụp đổ. Chúng hí hửng và nóng lòng chờ đợi sự kiện đó xảy ra.

Nhưng Đảng Cộng sản Việt Nam với bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định, với trí tuệ sáng suốt đã khởi xướng đường lối đổi mới năng động, sáng tạo. Đường lối đó đáp ứng yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân nên được nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng, biến thành phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Gần hai mươi năm đổi mới, Đảng đã cùng với nhân dân vượt qua những thách thức nặng nề của khủng hoảng kinh tế - xã hội, đứng vững trước cơn chấn động chính trị dữ dội làm sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu; vượt qua cơn bão táp tiền tệ Đông - Nam Á, thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, làm thay đổi diện mạo của Việt Nam, đưa đất nước chuyển sang giai đoạn mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Những thành tựu to lớn đó được dư luận thế giới hoan nghênh và khâm phục. Ngược lại, bọn phản động và quan thầy của chúng thì cay cú,

tức tối. Không cam tâm chịu thất bại, chúng vẫn ngoan cố tiếp tục hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam. Chúng tung lên mạng In-tơ-nét những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, vu cáo một cách bỉ ổi Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hòng bôi nhọ uy tín của Đảng và Nhà nước ta, nhằm thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình", gây bạo loạn và lật

đổ, làm thay đổi chế độ xã hội ở Việt Nam. Những luận điệu mà chúng vẫn "nhai đi, nhai lại" là: Nhà cầm quyền Việt Nam vi phạm nhân quyền, đàn áp tôn giáo và các dân tộc thiểu số, tham nhũng, không có dân chủ; Đảng Cộng sản Việt Nam độc đoán, chuyên quyền... Những luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc, vu cáo của chúng nói trên là hoàn toàn sai trái cần được vạch trần trước nhân dân ta và nhân dân thế giới.

Nói tới quyền con người trước hết là quyền được sống trong một nước độc lập, tự do. Quyền cơ bản đó nhân dân Việt Nam đã giành được bằng cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ, quyết liệt chống đế quốc thực dân và phong kiến dưới sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại và Đảng Cộng sản Việt Nam do Người sáng lập, rèn luyện. Có được quyền cơ bản đó, nhân dân Việt Nam mới có được các quyền khác của con người.

Ngay từ khi nước Việt Nam dân chủ cộng hòa được thành lập, các quyền của con người, của công dân được ghi vào Hiến pháp, pháp luật và được bổ sung ngày càng hoàn thiện trong Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Việt Nam đã tham gia hầu hết các Công ước quốc tế cơ bản về quyền con người và thực hiện các quyền ấy trong quá trình đổi mới. Đảng và Nhà nước ta khẳng định

con người là vốn quý nhất, sự phát triển con người được đặt vào vị trí trung tâm của chiến lược kinh tế - xã hội và là động lực cơ bản của phát triển kinh tế - xã hội. Việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với sự đa dạng về sở hữu và thành phần kinh tế. Luật pháp thừa nhận quyền sở hữu của tất cả mọi người, mọi thành phần kinh tế và quyền tự do sản xuất, kinh doanh. Với việc bảo hộ của Nhà nước về hai quyền này, cơ sở kinh tế của quyền con người được xác lập trong thực tế. Thành tựu nổi bật nhất trong việc bảo đảm quyền kinh tế là giải quyết việc làm và xóa đói giảm nghèo. Thực hiện Chương trình quốc gia về việc làm và chương trình xóa đói giảm nghèo của Chính phủ đã đem lại hiệu quả to lớn. Tính từ năm 1996 đến năm 2000, đã có trên 6 triệu người được giải quyết việc làm. Tỷ lệ hộ nghèo trong cả nước đã giảm từ 30% (năm 1992) xuống còn 7% (năm 2005), được Liên hợp quốc đánh giá hoàn thành sớm so với kế hoạch toàn cầu của Liên hợp quốc là giảm một nửa hộ nghèo vào năm 2015.

Việc chăm sóc sức khỏe cho con người, trước hết là cho trẻ em cũng đạt được hiệu quả. Đến nay đã loại trừ về cơ bản 6 bệnh nguy hiểm như lao, sởi, ho gà, bạch hầu, uốn ván, bại liệt. Năm 2000, nước ta được Tổ chức Y tế thế giới (WHO) ghi nhận đã xóa được bệnh bại liệt và uốn ván ở trẻ sơ sinh. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm liên tục trong nhiều năm. Từ chỗ 51,5% các cháu suy dinh dưỡng vào năm 1986, đến năm 2000 chỉ còn 33%. Nhà nước chi từ ngân sách giúp khám chữa bệnh cho người nghèo, chỉ tính trong năm 2003 là 520 tỉ đồng. Về việc mua bảo hiểm y tế cho người nghèo, riêng 20 tỉnh phía Nam, chính quyền địa phương đã mua 1.600.218 thẻ bảo hiểm y tế, tuổi thọ trung bình của người dân từ 63 (năm 1990) lên 71,3 (năm 2005).

Về giáo dục, Nhà nước đã xây dựng hệ thống giáo dục quốc dân hoàn chỉnh, từ mầm non đến đại học và trên đại học. Năm 1986, cả nước mới có 98 trường đại học đến nay đã có 198 trường, trong đó có 23 trường đại học, cao đẳng dân lập; 100% tỉnh, thành phố đạt tiêu chuẩn xóa mù chữ và phổ cập tiểu học, 30 tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở. Cả nước đang hình

thành xã hội học tập nhằm không ngừng nâng cao dân trí để mọi người tham gia ngày càng có hiệu quả vào việc quản lý xã hội, quản lý nhà nước, phát huy quyền làm chủ của mình trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Đảng và Nhà nước luôn quan tâm đến việc phát triển con người, làm mọi việc vì con người, đem lại hạnh phúc cho con người. Theo thống kê của Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP), chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam, thứ tự xếp hạng tăng liên tục hàng năm. Chỉ số HDI từ dưới mức trung bình 0,498 (năm 1991) tăng lên mức trung bình 0,688 (năm 2002), 0,691 (năm 2004) và 0,708 (năm 2005). Điều đáng nói là thứ tự xếp hạng HDI cao hơn thứ tự xếp hạng phát triển kinh tế. Chẳng hạn, năm 2002 vượt lên 19 bậc: GDP bình quân đầu người xếp thứ 128 trên tổng số 173 nước được thống kê, còn HDI xếp thứ 109/173. Điều đó nói lên sự phát triển con người bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội tốt hơn so với một số nước đang phát triển có GDP bình quân đầu người cao hơn Việt Nam. Đảng và Nhà nước Việt Nam quyết tâm xây dựng đất nước hòa bình, ổn định và phát triển bền vững, nhân dân được an cư lạc nghiệp, không phải sống trong sự bất an, lo lắng, tính mạng con người được bảo đảm. Những việc làm đó là vi phạm nhân quyền ư? Không phải ngẫu nhiên mà Việt Nam được bầu vào Ủy ban nhân quyền của Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2001 - 2003 và được cộng đồng quốc tế đánh giá là một trong những nước có thành tích xóa đói giảm nghèo nhanh nhất, là một trong số ít quốc gia an ninh được bảo đảm tốt nhất.

Đối với tôn giáo và các dân tộc thiểu số. Sự thật như thế nào? Đảng, Nhà nước ta khẳng định tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại lâu dài cùng với dân tộc. Luật pháp bảo đảm mọi công dân đều có quyền theo đạo hoặc không theo đạo, đó là quyền tự do tín ngưỡng của mỗi người không ai được ép buộc, cưỡng bức. Mọi công dân có đạo hay không có đạo đều bình đẳng trước pháp luật về quyền lợi và nghĩa vụ không có bất cứ sự phân biệt đối xử nào. Đảng, Nhà nước ta còn tạo điều kiện giúp đỡ để các tôn giáo hoạt động bình thường theo pháp luật, để đồng bào các tôn giáo

làm tròn bốn phận của tín đồ và nghĩa vụ công dân, kính chúa yêu nước, tốt đời đẹp đạo, cùng với nhân dân cả nước đoàn kết xây dựng đất nước hòa bình, phát triển và phồn vinh. Nhưng, đối với những tà đạo và những kẻ lợi dụng tôn giáo vì mục đích chính trị phản động, phá hoại đoàn kết dân tộc, gây rối trật tự trị an, xâm phạm an ninh quốc gia, làm mất uy tín của giáo hội, gây ảnh hưởng xấu trong nhân dân, vi phạm kỷ cương phép nước thì phải bị xử lý theo pháp luật. Điều đó được các chức sắc tôn giáo, các nhà tu hành chân chính đồng tình và ủng hộ. Đến nay, Việt Nam có 18.358.345 tín đồ tôn giáo, chiếm tỷ lệ 24% dân số. Các cơ sở đào tạo chức sắc tôn giáo được mở rộng đáng kể. Chẳng hạn, Phật giáo hiện có 3 học viện, 4 lớp cao đẳng, 30 trường trung cấp, 37 trường sơ cấp Phật học với hàng vạn tăng sinh. Công giáo có 6 đại chủng viện với 1.044 giáo sinh. Các đại diện của tôn giáo được nhân dân bầu vào các cơ quan quyền lực nhà nước các cấp, như Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Những việc làm đó là đàn áp tôn giáo ư?

Đối với các dân tộc thiểu số, Đảng và Nhà nước ta thực hiện chính sách "các dân tộc trong nước đa số hay thiểu số đều bình đẳng, đoàn kết tương trợ, giúp nhau cùng phát triển; đưa miền núi tiến kịp miền xuôi" trong cơ cấu nhà nước, số đại biểu Quốc hội thuộc các dân tộc thiểu số ngày càng nhiều. Cơ quan đại diện các dân tộc, Hội đồng Dân tộc có vị trí cao trong Quốc hội. Chính phủ cũng có Ủy ban Dân tộc, giúp Chính phủ thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước. Thực hiện Chương trình 135 (xóa đói giảm nghèo), Nhà nước đã đầu tư hàng ngàn tỉ đồng xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật vùng đồng bào các dân tộc thiểu số như: điện, đường, trường, trạm... để đồng bào có điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất; có đường giao thông để đồng bào đi lại buôn bán, giao lưu thuận tiện; có trường để con em đồng bào đến học; có trạm y tế để chăm sóc sức khỏe cho đồng bào. Đưa phát thanh, truyền hình phát bằng tiếng các dân tộc đến các vùng dân tộc thiểu số để cung cấp thông tin, phổ biến kinh nghiệm làm ăn và chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho đồng bào. Đảng và Nhà nước quan tâm

thực hiện việc bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc thống nhất trong đa dạng, tạo điều kiện để đồng bào hưởng thụ những thành quả văn hóa của các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam. Trong giáo dục, Nhà nước đã dành cho đồng bào các dân tộc thiểu số nhiều ưu đãi như chính sách cử tuyển vào các trường đại học và cao đẳng. Hiện có trên 6.000 con em đồng bào được hưởng chế độ này; có 393 trường với 60.000 con em đồng bào được nuôi dưỡng và học tập không mất tiền... Những việc làm đó là đàn áp các dân tộc thiểu số ư? Vừa qua, lợi dụng một số đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên bị bọn xấu lừa phỉnh theo chúng vượt biên trái phép sang Cam-pu-chia, bọn phản động rêu rao là do đồng bào bị phân biệt đối xử, bị ngược đãi. Sự thật, khi số đồng bào này, do bị đối xử tàn tệ, ăn uống thiếu thốn lại bị đe dọa, cưỡng bức trong các trại tập trung, trái với những điều chúng hứa hẹn nên nhiều người không chịu được, kiên quyết bỏ về quê cũ. Họ được chính quyền địa phương và đồng bào đón tiếp niềm nở, ân cần với tinh thần tương thân, tương ái không hề có thành kiến, giúp họ ổn định sản xuất và đời sống. Cảm động trước sự giúp đỡ chân tình đó, chính họ đã đứng lên tố cáo những âm mưu và thủ đoạn xấu xa của bọn phản động đối với họ. Thực tế đó được các đoàn đi khảo sát tại chỗ của cơ quan Cao ủy Liên hợp quốc về người tị nạn (UNHCR) xác nhận, đã bác bỏ sự vu cáo, tung tin thất thiệt về người thiểu số hồi hương bị phân biệt đối xử.

Về chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng và từng bước hoàn thiện, chúng ta sức phủ nhận, xuyên tạc và vu cáo. Chúng rêu rao rằng, Đảng Cộng sản cầm quyền duy nhất là độc đoán, chuyên quyền, phản dân chủ... Chúng đòi xóa bỏ điều 4 của Hiến pháp về quyền lãnh đạo hợp hiến của Đảng và thay bằng chế độ "dân chủ đa nguyên, đa đảng" theo quan điểm tư sản mà chúng ra sức tán dương là "chế độ dân chủ duy nhất".

Chúng quên là trước chế độ dân chủ tư sản đã từng có chế độ dân chủ nguyên thủy rồi đến chế độ dân chủ chủ nô. Chế độ dân chủ tư sản là một bước tiến lịch sử so với các chế độ dân chủ

trước đó và chế độ chuyên chế phong kiến. Nhưng thực chất cũng chỉ là chế độ dân chủ của thiểu số giai cấp tư sản thống trị. Còn chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đang xây dựng tuy chưa hoàn thiện, cần tiếp tục phát triển, nhưng đó là nền dân chủ của đại đa số nhân dân sau khi đã giành được chính quyền từ tay bọn thực dân, phong kiến. Các quyền tự do, dân chủ của nhân dân chẳng những được pháp luật bảo vệ mà còn được thể hiện trong thực tế. Chẳng hạn như: đường lối, các chính sách lớn của Đảng và những luật quan trọng của Nhà nước đều đưa ra lấy ý kiến của nhân dân để bổ sung, chỉnh lý trước khi ban hành. Các đại biểu Quốc hội thường xuyên tiếp xúc với cử tri, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng và những kiến nghị của cử tri, lấy đó để Quốc hội làm căn cứ xây dựng các văn bản pháp luật hợp với "ý Đảng, lòng dân". Vai trò phản biện và giám sát xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành viên của Mặt trận được Đảng và Nhà nước tôn trọng, góp vào việc xây dựng đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đảng và Nhà nước đã ban hành Quy chế Dân chủ ở cơ sở nhằm phát huy quyền dân chủ tự quản của nhân dân, quyền kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với hoạt động của tổ chức đảng và chính quyền cơ sở, thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Quy chế Dân chủ ở cơ sở là sự kết hợp dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp của nhân dân thật sự đã động viên được nhân dân tham gia xây dựng Đảng và chính quyền cơ sở, củng cố sự đoàn kết thống nhất giữa Đảng, chính quyền với nhân dân, cùng nhau xây dựng và phát triển mọi mặt ở cơ sở, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Những việc làm đó là phần dân chủ ư?

Lợi dụng việc chống tham nhũng của Đảng và Nhà nước chưa đạt kết quả như mong muốn, chúng ra sức thổi phồng vấn đề tham nhũng nhằm bôi đen chế độ, làm mất uy tín của Đảng và Nhà nước, phục vụ cho mưu đồ chính trị phản động của chúng.

Tham nhũng là một hiện tượng xã hội liên quan đến quyền lực nhà nước, do đó đã diễn ra

khá phổ biến ở nhiều nước trên thế giới. Chừng nào còn nhà nước, quyền lực chính trị bị tha hóa bởi thói tham lam ích kỷ của con người thì còn khả năng xảy ra hiện tượng trên. Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước coi tham nhũng là một "quốc nạn" cần phải bài trừ. Do đó, Đảng và Nhà nước chủ trương kiên quyết trừng trị những kẻ lợi dụng chức quyền tham nhũng, hối lộ, bắt kẻ người đó là ai, ở cương vị nào. Nhà nước đã ban hành Luật phòng chống tham nhũng được nhân dân đồng tình và ủng hộ. Nhiều vụ án tham nhũng lớn đã bị phát hiện và xử lý công khai theo pháp luật. Tuy nhiên, kết quả chống tham nhũng còn bị hạn chế, điều đó cũng được Đảng và Nhà nước công khai thừa nhận. Vì vậy, trong thời gian tới, Đảng và Nhà nước sẽ có những biện pháp đồng bộ đấu tranh quyết liệt, một trong những biện pháp quan trọng là xây dựng cơ chế hợp lý để nhân dân thực hiện quyền kiểm tra, giám sát một cách hữu hiệu, tố giác những hành vi tham nhũng của cán bộ, công chức trong bộ máy công quyền, đưa ra pháp luật trừng trị. Những việc làm đó của Đảng và Nhà nước là rõ ràng, minh bạch, được nhân dân đồng tình cùng Đảng và Nhà nước quyết tâm thực hiện, chứ không phải như những luận điệu xuyên tạc, vu cáo đầy ác ý của bọn phản động.

Còn đối với Đảng Cộng sản Việt Nam, không phải ngẫu nhiên mà nhân dân Việt Nam coi là Đảng của mình. Vì trước kia, chỉ có dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân mới đấu tranh xóa bỏ được ách nô dịch của đế quốc, thực dân và phong kiến, giành độc lập và thống nhất Tổ quốc, thu giang sơn về một mối, giành lại quyền làm chủ của mình. Ngày nay, cũng chỉ có dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân mới sống trong đất nước hòa bình, ổn định, an cư lạc nghiệp, cùng nhau đoàn kết, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Do đó, cái "món xúp" dân chủ, đa nguyên, đa đảng mà bọn phản động ra sức tán tụng là không hợp với "khẩu vị" của nhân dân Việt Nam, là phí công vô ích. Nhân dân Việt Nam quyết tâm bảo vệ Đảng của mình, ra sức xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh để làm tròn sứ mệnh lịch sử được nhân dân giao phó. □



NHIỆM VỤ PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM TRONG TÌNH HÌNH MỚI

LÊ THẾ TIỆM *

TRONG những năm gần đây, Đảng, Chính phủ đã có nhiều chủ trương, chính sách và biện pháp cấp bách nhằm tăng cường bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới. Các chủ trương, chính sách và biện pháp được các bộ, ngành, các cấp và toàn thể nhân dân tích cực hưởng ứng, tham gia. Tình hình trật tự, an toàn xã hội nói chung đã có những chuyển biến tích cực, đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần ổn định chính trị, xã hội, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Tuy nhiên, tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay vẫn diễn biến phức tạp và có xu hướng gia tăng. Cơ cấu thành phần tội phạm có những thay đổi, đối tượng phạm tội là người lao động chiếm 70%, trong đó 30% không có việc làm, số thanh niên phạm tội chiếm tỷ lệ ngày càng cao. Đặc biệt tình trạng phạm tội có tổ chức như tham nhũng, buôn lậu, mua bán phụ nữ, xâm hại trẻ em..., phạm tội có sử dụng bạo lực, cướp của, giết người, chống người thi hành công vụ, đâm thuê, chém mướn, bảo kê nhà hàng và các hành vi phạm tội khác có tính chất côn đồ hung hãn gây ra những hậu quả hết sức nghiêm trọng.

Tình hình trên do nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu do những tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường cùng với những yếu kém trong việc quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội của các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội. Hệ thống luật chưa đồng bộ, việc thi hành pháp luật lại chưa nghiêm, sự phối hợp hoạt động của cơ quan bảo vệ pháp luật còn thiếu chặt chẽ, nhiều ngành, nhiều cấp chưa coi trọng đúng mức công tác tham gia phòng, chống tội phạm. Một bộ phận cán bộ bị tha hóa, ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân; công tác phòng ngừa tội phạm trong gia đình, nhà trường, cộng đồng dân cư chưa được quan tâm đúng mức.

Để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm, phát huy được sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị và trách nhiệm của các ngành, các cấp trong phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm, ngày 31-7-1998 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 09/1998/NQ-CP Về tăng cường công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới. Thủ tướng Chính phủ cũng phê

* TS, Thượng tướng, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an

duyet *Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm*. Đồng thời Chính phủ đã phê duyệt các *Chương trình hành động phòng chống ma túy giai đoạn 1998 – 2000, 2001 – 2005*.

Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt gồm những mục tiêu cơ bản: Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về trật tự an toàn xã hội, giữ vững kỷ cương pháp luật, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nếp sống làm việc theo pháp luật; làm giảm một cách đáng kể các loại tội phạm, phục vụ có hiệu quả công cuộc xây dựng và phát triển đất nước; nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật trong cộng đồng và đẩy mạnh tính cộng đồng, sáng tạo của các cấp cơ sở trong công tác phòng, chống tội phạm; nâng cao hiệu lực điều hành, quản lý của Chính phủ và chính quyền các cấp trong công tác quản lý hành chính nhà nước về trật tự xã hội và phòng chống tội phạm.

Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm gồm 4 đề án: *Đề án thứ nhất*: Phát động toàn dân tham gia phòng ngừa, phát hiện, tố giác tội phạm; cảm hóa, giáo dục, cải tạo người phạm tội tại gia đình và cộng đồng dân cư, do Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam chủ trì. *Đề án thứ hai*: Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tội phạm; tăng cường tuyên truyền giáo dục pháp luật và trách nhiệm công dân về bảo vệ an ninh trật tự, do Bộ Tư pháp chủ trì. *Đề án thứ ba*: Đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm có tổ chức, tội phạm hình sự nguy hiểm và tội phạm có tính quốc tế, do Bộ Công an chủ trì. *Đề án thứ tư*: Đấu tranh phòng, chống các loại xâm phạm trẻ em, tội phạm trong lứa tuổi vị thành niên, do Bộ Công an chủ trì.

Trước tình hình tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em gia tăng và diễn biến phức tạp, ngày 14-7-2004 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành

Quyết định 130/2004/QĐ-TTg phê duyệt *Chương trình hành động phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em từ năm 2004 đến năm 2010* nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong các cấp, các ngành, đoàn thể và toàn xã hội về công tác phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em để phòng ngừa, ngăn chặn và giảm cơ bản loại tội phạm này vào năm 2010.

Chương trình gồm 4 Đề án: *Đề án thứ nhất*: Tuyên truyền, giáo dục trong cộng đồng về phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em. *Đề án thứ hai*: Đấu tranh chống tội phạm buôn bán phụ nữ và trẻ em. *Đề án thứ ba*: Tiếp nhận và hỗ trợ những phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về. *Đề án thứ tư*: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật liên qua đến công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em.

Qua 7 năm thực hiện Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới và Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm, chúng ta đã đạt được những kết quả quan trọng:

- Từng bước nâng cao nhận thức của toàn xã hội về trách nhiệm đấu tranh phòng, chống tội phạm; tạo lập cơ chế phối hợp đồng bộ, phát huy được sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân tham gia phòng, chống tội phạm; từng bước kiểm chế sự gia tăng của các loại tội phạm, làm giảm một số loại tội phạm nghiêm trọng; giữ vững an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, góp phần quan trọng vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Lực lượng Công an cả nước đã điều tra, khám phá 266.297 vụ phạm tội các loại, triệt phá 16.485 băng nhóm tội phạm hình sự gồm

44.852 đối tượng phạm tội. Năm 1999 tội phạm giảm 3,41% so với năm 1998. Năm 2000 tội phạm giảm 6,6%. Năm 2001 tội phạm giảm 2,22% so với năm 2000. Năm 2003 tội phạm giảm 8,15 % so với năm 2002 và giảm 23,7% so với năm 1998. Năm 2004 tội phạm giảm 2,5% so với năm 2003. Bốn thành phố lớn là Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng phạm pháp hình sự giảm 10,02%. Do sự tham gia tích cực của nhân dân, sự phối hợp tốt của các ngành, các cấp, các đoàn thể và sự đấu tranh, trấn áp liên tục của lực lượng Công an nhân dân nên đã khám phá hàng trăm đường dây buôn bán ma túy và chuyển hóa, xóa bỏ hàng nghìn tụ điểm ma túy lớn, làm giảm tình hình lạm dụng ma túy trong nhà trường và việc trồng cây thuốc phiện ở nước ta.

- Công tác đấu tranh chống tham nhũng, chống tội phạm kinh tế được quan tâm chỉ đạo, tập trung điều tra, khám phá nhiều vụ án kinh tế lớn như các vụ án tham nhũng trong các lĩnh vực dầu khí, thương mại, xăng dầu hàng không, bưu điện, đồng thời tăng cường đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại. Qua đấu tranh chống tội phạm kinh tế đã góp phần thúc đẩy sản xuất, phát triển kinh tế của đất nước.

- Hiệu lực quản lý hành chính về trật tự xã hội trên các lĩnh vực giữ gìn trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, trật tự đô thị, đăng ký quản lý hộ khẩu, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, phòng cháy chữa cháy... đã được tăng cường và nâng cao.

- Đã xuất hiện nhiều mô hình, điển hình tiên tiến xuất sắc như: Chương trình 3 giảm của thành phố Hồ Chí Minh, *Thành phố 5 không* của Đà Nẵng, phường Lam Sơn, thị xã Bầm Sơn (Thanh Hóa); phường Thượng Lý (thành phố Hải Phòng), quận Sơn Trà (thành

phố Đà Nẵng), phường Lê Lợi, phường Bến Thủy, thành phố Vinh (Nghệ An)... và một số mô hình tiên tiến như: mô hình 1+2 của Hội Cựu chiến binh phường Ba Đình, thành phố Thanh Hóa (Thanh Hóa), mô hình xây dựng "phố văn hóa, không có tội phạm" tại phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa (Thanh Hóa)...

- Ở cấp nhà nước, cấp bộ chúng ta đã ký 15 hiệp định và nghị định thư hợp tác phòng chống tội phạm, 7 hiệp định hợp tác phòng chống ma túy, 15 hiệp định tương trợ tư pháp; tham gia 3 công ước của Liên Hợp Quốc về phòng chống ma túy, 8 công ước và nghị định thư về chống khủng bố, tham gia đàm phán và ký Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng. Trong khuôn khổ INTERPOL, 5 năm qua lực lượng Công an nhân dân đã phối hợp xử lý thông tin gần 10 ngàn đối tượng truy nã quốc tế, đối tượng khủng bố. Chúng ta cũng đăng cai và tổ chức thành công, bảo đảm tuyệt đối an toàn nhiều hội nghị, hội thảo tầm cỡ quốc tế, được bạn bè đánh giá cao.

Qua hơn 7 năm triển khai thực hiện Nghị quyết 09/CP và Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm:

Một là, chỉ có thể đấu tranh phòng, chống tội phạm được kết quả cao khi phát huy được sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện, triệt để của cấp ủy, chính quyền các cấp, sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp và sự tham gia tích cực của các ban, ngành, đoàn thể, quần chúng nhân dân, dưới sự tham mưu, hướng dẫn của lực lượng Công an nhân dân.

Hai là, vai trò thường trực, tham mưu, hướng dẫn của lực lượng Công an nhân dân là

rất quan trọng. Ở đâu Công an làm tốt chức năng thường trực, tham mưu cho cấp ủy và chính quyền thì nơi đó công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, thực hiện Nghị quyết 09/CP và Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm đạt hiệu quả cao.

Ba là, việc triển khai Nghị quyết 09/CP, Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm lồng ghép chặt chẽ với các chương trình kinh tế - xã hội khác của Đảng và Nhà nước mới đạt hiệu quả cao, nhất là lồng ghép với Chương trình phòng, chống ma túy, Chương trình phòng, chống tệ nạn xã hội, Chương trình xóa đói giảm nghèo...

Bốn là, phòng ngừa tội phạm luôn đi đôi với trấn áp, xử lý nghiêm minh tội phạm; coi trọng phòng ngừa và điều tra, xử lý kịp thời, nghiêm minh tội phạm.

Năm là, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của quần chúng nhân dân trong phòng, chống tội phạm, nhất là trong phát hiện, tố giác tội phạm, cảm hóa, giáo dục người lầm lỗi tại cộng đồng dân cư, coi trọng vai trò của gia đình, nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh và các tổ chức, đoàn thể, già làng, trưởng bản... trong đấu tranh phòng, chống tội phạm ở cấp cơ sở.

Sáu là, công tác tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân tham gia thực hiện cần đi trước một bước, phát huy tối đa khả năng của các cơ quan thông tin đại chúng, thông tin nội bộ để tuyên truyền toàn dân tham gia thực hiện.

Bảy là, coi trọng công tác kiểm tra, hướng dẫn, đề cao vai trò, trách nhiệm của các cá nhân, cơ quan, đoàn thể, thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo; kịp thời biểu dương, khen thưởng những cá nhân, tổ chức có thành tích xuất sắc trong phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm.

Tuy nhiên, tình hình tội phạm ở nước ta vẫn còn diễn biến phức tạp trên tất cả các lĩnh vực hình sự, kinh tế, ma túy và đã xuất hiện các loại tội phạm mới như lợi dụng công nghệ tin học, sử dụng thẻ tín dụng giả để lừa đảo rút tiền qua hệ thống máy ATM của ngân hàng... Bên cạnh đó, tình hình thế giới và khu vực thời gian tới còn diễn biến phức tạp, khó lường. Tuy chúng ta đang có nhiều thuận lợi, điều kiện và thời cơ để phát triển kinh tế - xã hội nhưng cũng phải đối mặt với nhiều thách thức, khó khăn to lớn, có tác động đến tình hình trật tự an ninh trong nước.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành *Kế hoạch tổng thể phòng chống ma túy đến năm 2010*, Chỉ thị 37/2004/CT-TTg, ngày 8-11-2004 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết 09/1998/NQ-CP và Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm của Chính phủ đến năm 2010.

Để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 09/CP và Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm của Chính phủ, tạo điều kiện cho sự ổn định chính trị - xã hội, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, trong thời gian tới các bộ, ngành, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cần tập trung thực hiện các chủ trương, biện pháp sau đây:

Thứ nhất, tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09/CP, Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm gắn với thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của các bộ, ngành, đơn vị, địa phương; kết hợp thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02-1-2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới và Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Thứ hai, các bộ, ngành, địa phương tăng cường thanh tra, kiểm tra khắc phục những sơ hở, thiếu sót trong các cơ chế chính sách quản lý kinh tế - xã hội, không để cho tội phạm lợi dụng hoạt động, hạn chế tối đa tham nhũng, tiêu cực, đặc biệt trong các lĩnh vực đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, xuất nhập khẩu, quản lý ngân sách... Hoàn thiện quy chế phối hợp, tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nghị quyết liên tịch, Chương trình hành động đã ký kết giữa các bộ, ngành, đoàn thể trong phòng, chống tội phạm. Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở, trước hết là nâng cao vai trò lãnh đạo của các cấp ủy, hiệu lực quản lý của chính quyền, sự tham gia tích cực của các đoàn thể quần chúng ở xã, phường, thị trấn và vai trò tham mưu tích cực của công an xã, phường, thị trấn.

Thứ ba, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về Nghị quyết số 09/CP và Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm để mọi người dân nhận thức đầy đủ và tự giác thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ đấu tranh phòng, chống tội phạm; kịp thời biểu dương những gương "người tốt, việc tốt" và các điển hình tiên tiến trong phong trào toàn dân phòng, chống tội phạm.

Thứ tư, tăng cường lực lượng, phương tiện, kinh phí cho các cơ quan bảo vệ pháp luật, xây dựng các cơ quan này thật sự trong sạch, vững mạnh bảo đảm thực hiện có hiệu quả Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm.

Thứ năm, tiếp tục thực hiện 4 đề án của Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm. Nghiên cứu, xây dựng trình Chính phủ bổ sung một số đề án, dự án, chương trình hành động nhằm tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc mới nổi lên về an ninh, trật tự và nâng cao năng lực hoạt động phòng, chống tội phạm. Nâng cao chất lượng công tác nắm bắt tình

hình, nghiên cứu dự báo tình hình tội phạm trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Xây dựng trình Chính phủ phê duyệt bổ sung các đề án: *Phòng, chống các loại tội phạm sử dụng công nghệ cao; tăng cường năng lực giáo dục, dạy nghề cho phạm nhân trong các trại giam; xây dựng Trung tâm thông tin tội phạm; tăng cường năng lực của cơ quan điều tra các cấp trong điều tra khám phá các loại án kinh tế, hình sự, ma túy.*

Thứ sáu, tiếp tục bổ sung hoàn thiện các văn bản pháp luật có liên quan đến công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự. Sử dụng đồng bộ các biện pháp giáo dục phòng ngừa, ngăn chặn, trấn áp, truy tố và xét xử kịp thời các loại tội phạm nghiêm trọng như: Tội phạm có tổ chức, tội phạm ma túy, tham nhũng, buôn lậu, các loại tội phạm hình sự nguy hiểm, tội phạm xâm hại trẻ em... Tiếp tục mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm trên các tuyến, địa bàn trọng điểm; truy bắt các đối tượng truy nã. Nâng cao tỷ lệ điều tra khám phá và xử lý nghiêm bọn tội phạm.

Thứ bảy, tăng cường hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm nhất là với Tổ chức Cảnh sát hình sự quốc tế (INTERPOL), Hiệp hội Cảnh sát các nước Đông - Nam Á (ASEANAPOL), các nước láng giềng, khu vực ASEAN và các nước có quan hệ truyền thống. Thực hiện có hiệu quả các hiệp định, hiệp ước tương trợ tư pháp về hình sự, hợp tác quốc tế trong phòng, chống tội phạm đã ký kết với các nước, các tổ chức quốc tế nhằm chủ động phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả các loại tội phạm xuyên quốc gia, có tính quốc tế, tội phạm khủng bố. □

KON TUM VỚI MỤC TIÊU THOÁT NGHÈO, SỚM TRỞ THÀNH TỈNH PHÁT TRIỂN NHANH, MẠNH VÀ TOÀN DIỆN

Y VÊNG *

NĂM ở cực Bắc Tây Nguyên, Kon Tum là cửa ngõ nối các tỉnh Đông Bắc Thái Lan, Nam Lào, Đông Bắc Cam-pu-chia với các tỉnh miền Trung - Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. So với các tỉnh khác trong khu vực thì Kon Tum ít thuận lợi hơn về tự nhiên bởi địa hình cao và chia cắt, lắm đèo dốc, ít vùng bình nguyên bằng phẳng thuận lợi cho các nhóm cây công nghiệp và cây xuất khẩu điển hình ở Tây Nguyên. Nguồn lợi từ tài nguyên rừng bị cạn kiệt do bom đạn, chất độc hóa học tàn phá trong chiến tranh và nạn phá rừng trong những năm 70 - 80 thế kỷ XX gây ra. Cơ cấu dân cư và các đặc điểm về sinh hoạt tôn giáo ở Kon Tum có đặc điểm riêng biệt. Hiện có khoảng 30 dân tộc anh em sinh sống, trong đó dân tộc thiểu số chiếm trên 53%, có 6 dân tộc tại chỗ: Xê-đăng, Ba Na, Gia Rai, Giẻ Triêng, Brâu, Rơ-măm. Nhân dân tham gia sinh hoạt nhiều tôn giáo khác nhau. Một số tôn giáo lớn có lịch sử tồn tại trên địa bàn như: Phật giáo, Ki tô giáo... và cũng có một số tôn giáo mới được du nhập vào Kon Tum trong những năm nửa cuối thế kỷ vừa qua. Đặc điểm, tình hình trên vừa tạo nhiều lợi thế cho Kon Tum trong phát triển, nhưng đồng thời cũng đặt ra cho tỉnh những khó khăn, thách thức. Do vậy, ngay từ khi tái lập tỉnh (1991) nhiệm vụ quan trọng đặt

ra cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Kon Tum là phải giữ vững ổn định chính trị và quốc phòng - an ninh trên địa bàn để tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội.

Thực hiện các Nghị quyết của Trung ương Đảng về **phát triển kinh tế** trong thời kỳ đổi mới, Kon Tum đã tập trung trí tuệ và nguồn lực nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, thu hẹp dần khoảng cách giữa nông thôn và thành thị. Ngay từ nhiệm kỳ sau tái lập tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI đã ra Nghị quyết 01 *"Về tiếp tục xây dựng các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng kinh tế mới khó khăn"*. Đây là Nghị quyết có ý nghĩa và sát hợp với đặc điểm cụ thể của địa phương, thể hiện sự chăm lo về đời sống vật chất, tinh thần đối với nhân dân vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, tạo ra những chuyển biến căn bản về kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở. Kết quả 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết này, cho thấy: *Cơ cấu cây trồng, vật nuôi được chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa; các phong trào định canh định cư, tách hộ lập vườn, xóa đói giảm nghèo... được*

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Kon Tum

nhân dân tiếp thu và triển khai mạnh mẽ, xuất hiện nhiều mô hình sản xuất nông - lâm kết hợp, kinh tế vườn rừng, kinh tế trang trại có hiệu quả và đang tiếp tục được nhân rộng; đời sống của đồng bào được cải thiện một bước quan trọng; bộ mặt nông thôn đổi thay, tiến bộ. Đặc biệt, tính ý lại vào Nhà nước, vào cấp trên ở dưới cơ sở đã giảm; mối quan hệ giữa cán bộ các cấp ngày càng gần bó mật thiết, hạn chế được tình trạng quan liêu, xa cơ sở. Cán bộ nắm bắt kịp thời các khó khăn, vướng mắc từ cơ sở, qua đó chủ động tìm biện pháp giải quyết ngay tại chỗ, làm cho nhân dân hiểu và tin vào Đảng, tin vào chính quyền hơn.

Nhiều chương trình, dự án của Chính phủ được chỉ đạo sát sao, nên đã đạt kết quả tốt, như: Dự án sắp xếp lại dân cư, các Chương trình 134, 139, 159 của Chính phủ... Riêng Chương trình 135 thực hiện từ 1999 đến nay đã có 330 lượt xã được hưởng lợi với vốn đầu tư trên 157 tỉ đồng; xây dựng 1.017 công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu như: lưới điện, đường giao thông, thủy lợi, trường học, trạm y tế, nước sạch nông thôn. Tỉnh cũng đã huy động, khai thác nhiều nguồn lực khác đầu tư và đưa vào sử dụng hàng trăm công trình mới. Có 91,6% số xã trong tỉnh đường ô-tô đến được trung tâm cả trong mùa mưa; 100% xã có điện lưới về đến trung tâm bảo đảm cho 89% số hộ dùng điện; 100% số hộ được phủ sóng phát thanh và 85% số hộ được phủ sóng truyền hình; 87% số xã có trạm y tế kiên cố, với 48% số xã có bác sỹ đa khoa, 90% trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng phòng bệnh; 100% số xã có trường tiểu học; 89% số xã có trường trung học cơ sở, 45,3 số xã được công nhận đạt chuẩn phổ cập trung học cơ sở; 65% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch. Các tuyến quốc lộ trong tỉnh được nâng cấp, nhiều công trình thủy lợi được đầu tư xây dựng, trung tâm thương mại của các huyện và một số chợ xã, cụm xã đã hình thành. Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y và các khu, cụm công nghiệp

Hòa Bình, Đắk La đang dần trở thành các trọng điểm phát triển kinh tế, thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Các chỉ số phát triển trên đây, đồng thời cũng phản ánh sự vững mạnh và hoạt động có hiệu lực của cả hệ thống chính trị, là cơ sở để củng cố và tăng cường sức mạnh về quốc phòng, an ninh. Do đó, những năm vừa qua tỉnh đã phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hoạt động kích động, dụ dỗ, lôi kéo chống phá, tổ chức các hoạt động biểu tình, gây rối của các thế lực thù địch ngay từ cơ sở. Về an ninh - trật tự, an toàn xã hội, tỉnh thường xuyên triển khai các nhiệm vụ trọng tâm như: Công tác cải cách tư pháp, Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, kịp thời triệt phá các băng nhóm thanh thiếu niên vi phạm pháp luật; làm rõ và xử lý nghiêm nhiều vụ án hình sự, kinh tế phức tạp, kiểm chế sự gia tăng số vụ phạm pháp hình sự và tai nạn giao thông; giải quyết kịp thời khiếu nại, tố cáo của công dân...

Công tác xây dựng Đảng, củng cố các tổ chức cơ sở đảng tạo được sự chuyển biến tích cực. Sinh hoạt chi bộ, nhất là chi bộ ở nông thôn đã có nền nếp, có nội dung thiết thực. Hiệu lực lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức đảng và chính quyền các cấp từng bước đổi mới về chất lượng. Mặt trận và các tổ chức đoàn thể cũng được chú trọng đổi mới về nội dung, phương thức tập hợp, vận động quần chúng; chú trọng nội dung tuyên truyền cụ thể, giáo dục toàn diện đoàn viên, hội viên giúp họ nâng cao nhận thức và nâng cao cảnh giác cách mạng, tích cực làm giàu, phát triển kinh tế gia đình, giúp đỡ hội viên gặp khó khăn. Công tác quy hoạch, đào tạo, bố trí, sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ được quan tâm đúng mức; các chế độ, chính sách đối với cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ thôn, làng được thực hiện đầy đủ, kịp thời.

Văn hóa - xã hội cũng được tỉnh xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm tạo

ra động lực phát triển đồng bộ, nhất là công tác xóa đói giảm nghèo, định canh định cư, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Đến nay, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh còn 9,23% (tương đương 38,63% theo tiêu chí mới). Tỷ lệ này còn khá cao nhưng nếu so với năm 2001 đã giảm được 22,62%. Các di tích lịch sử, các di sản văn hóa được kiểm kê, bảo vệ và từng bước tôn tạo. Di sản văn hóa đặc sắc của các dân tộc thiểu số bản địa ở tỉnh Kon Tum hiện còn rất giá trị. Không riêng ngành văn hóa - thông tin mà từ trong cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành và nhân dân đều có ý thức trân trọng giữ gìn. Theo kết quả khảo sát và kiểm chứng của các nhà nghiên cứu thì Kon Tum được coi là một "vùng văn hóa dân gian đậm đặc". Các giá trị văn hóa gồm nhiều loại hình như văn hóa nhà rông chứa đựng nhiều hoạt động văn hóa đậm đà bản sắc, văn hóa ẩm thực, văn hóa trang phục..., trong đó nổi trội là văn hóa công chiêng và diễn xướng sử thi. Thống kê bước đầu, cả tỉnh hiện còn 1853 bộ công chiêng và trên 100 bộ sử thi lớn nhỏ.

Nắm vững và triển khai tốt nhất đường lối đổi mới của Đảng, đặc biệt là các Nghị quyết chuyên đề của Trung ương Đảng và các chủ trương của Chính phủ về phát triển Tây Nguyên, qua hơn 14 năm kể từ sau tái lập tỉnh, nhất là 5 năm trở lại đây, kinh tế của Kon Tum luôn duy trì tốc độ tăng trưởng khá, tổng sản phẩm xã hội bình quân hàng năm tăng 11%; chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng; văn hóa - xã hội có bước tiến bộ, nhiều vấn đề xã hội bức xúc đã được giải quyết; quốc phòng - an ninh luôn được giữ vững, ổn định và tăng cường; công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị đạt nhiều kết quả quan trọng.

Đạt được những thành tựu mới trong các lĩnh vực cơ bản nêu trên đây, *trước hết* là do sự thống nhất mục tiêu và ý chí trong toàn đảng bộ và quân dân các dân tộc trong tỉnh, đã xác định đúng vị trí, tầm quan trọng của việc kết

hợp giữa phát triển kinh tế - xã hội đúng hướng với tăng cường, bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị; chăm lo đời sống cho nhân dân các xã vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng; đồng thời chú trọng công tác vận động và giáo dục quần chúng, củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và đề cao tinh thần cảnh giác trước mọi mưu đồ của kẻ thù dân tộc. *Thứ hai là thường xuyên coi trọng củng cố và xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, giữ gìn tình đoàn kết Kinh - Thượng lâu đời và khối đoàn kết giữa các tôn giáo trong cộng đồng dân cư.* Từ đó chủ động giải quyết kịp thời, đúng đắn chính sách và pháp luật Nhà nước về các vấn đề thiết thân, bức xúc của nhân dân, không để các thế lực thù địch lợi dụng để kích động, xúi giục, lừa mị đồng bào. *Thứ ba là tích cực triển khai và tổ chức thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở;* quan tâm xây dựng thực lực chính trị vững mạnh, nhất là ở cơ sở, bảo đảm hoạt động của hệ thống chính trị thật sự có hiệu lực, hiệu quả, thực sự vì dân, trọng dân, có trách nhiệm với dân, tránh bệnh quan liêu hình thức trong từng lĩnh vực, trong từng cán bộ công chức nhà nước.

Hiện thời, Kon Tum vẫn còn là tỉnh kém phát triển về kinh tế. Công tác lãnh đạo của cấp ủy và điều hành của chính quyền các cấp vẫn chưa đáp ứng tốt nhất yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Trong đó đáng chú ý là khả năng tổ chức hiện thực hóa các chủ trương phát triển kinh tế - xã hội còn nhiều yếu kém. Điều này bộc lộ rõ nhất trong chỉ đạo đầu tư phát triển kinh tế; chưa dồn sức tập trung đúng mức các nguồn vốn vào những lĩnh vực và công trình trọng điểm để tạo ra bước đột phá thực sự để có một diện mạo khả quan về bức tranh kinh tế - xã hội. Tình trạng đầu tư dàn trải gây lãng phí, thất thoát, hiệu quả thấp chậm được khắc phục. Một bộ phận cán bộ chưa năng động, trình độ, năng lực thấp và chưa thực sự tâm huyết, nhiệt tình với công

việc, với nhân dân; chất lượng nguồn lực lao động còn thấp, số chưa qua đào tạo nghề còn chiếm đa số.

Đại hội XIII Đảng bộ tỉnh Kon Tum đã thống nhất ý chí cao và xác định rõ quyết tâm: *Phát huy thành tích đã đạt được, khắc phục các yếu kém, khuyết điểm tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng – an ninh và trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển nhanh, mạnh về kinh tế, sớm đưa tỉnh Kon Tum thoát nghèo.* Mục tiêu đặt ra để phấn đấu đến năm 2010: giá trị tổng sản phẩm xã hội tăng gấp đôi so với năm 2005 (bình quân hàng năm tăng trên 15%); thu ngân sách trên địa bàn đạt trên 600 tỉ đồng; giá trị xuất khẩu đạt trên 30 triệu USD; thu nhập bình quân đầu người đạt trên 550 USD/năm; các trung tâm xã đều có chợ hoặc cửa hàng thương mại; tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 18% (tiêu chí mới), xóa hết nhà tạm; trên 35% số trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia, tỉnh được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục trung học cơ sở, trên 35% lao động được qua đào tạo; 100% số xã có trạm y tế được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố và có bác sỹ chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Giải pháp chủ yếu có tính khả thi để đạt mục tiêu phát triển đến năm 2010 mà Kon Tum đặt ra là:

1 – Huy động mọi nguồn lực đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức cao và bền vững, gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trước mắt tỉnh tập trung rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, trước hết là các quy hoạch, kế hoạch về sử dụng đất đai, phát triển rừng, giao thông, thủy lợi, thủy điện, đô thị và dân cư, công nghiệp, dịch vụ, du lịch... Phát triển toàn diện kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa; khai thác tốt nhất các tiềm năng về rừng, đất đai, tài nguyên

nước. Tiếp tục thực hiện tốt việc giao đất, giao rừng và khoán quản lý, bảo vệ rừng cho hộ gia đình và cộng đồng dân cư sống gần rừng theo đúng chính sách của Nhà nước và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; phát triển các cơ sở công nghiệp thuộc nhóm ngành trực tiếp thúc đẩy phát triển nông nghiệp và một số ngành công nghiệp có lợi thế. Trước hết, tỉnh tập trung ưu tiên đầu tư phát triển công nghiệp chế biến một số loại nông, lâm sản có thị trường ổn định và khả năng cạnh tranh cao; đẩy mạnh phát triển thương mại - dịch vụ, củng cố và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, xây dựng và mở rộng hệ thống chợ nông thôn, phát triển mạng lưới thương mại dịch vụ ở các trung tâm cụm xã, để kích thích các thành phần kinh tế tham gia lưu thông hàng hóa trực tiếp phục vụ đời sống nhân dân nông thôn vùng sâu, vùng xa, bảo đảm cung ứng đầy đủ các mặt hàng thiết yếu của đời sống. Tỉnh cũng sẽ có cơ chế phù hợp để phần lớn nông sản hàng hóa do nông dân sản xuất ra được tiêu thụ. Khai thác có hiệu quả các tuyến, điểm, khu du lịch sinh thái, văn hóa, lịch sử. Trong nhiệm kỳ này Đảng bộ Kon Tum chủ trương ưu tiên đầu tư và khai thác khu du lịch Măng Đen, rừng đặc dụng Đắc Uy, lòng hồ thủy điện Ya Ly, khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y, đường Hồ Chí Minh và các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia nhằm khai thác tốt nhất lợi thế so sánh của tỉnh cho mục tiêu phát triển. Đẩy mạnh cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, đổi mới và phát triển kinh tế tập thể, đồng thời tạo môi trường thuận lợi và có cơ chế chính sách khuyến khích các loại hình kinh tế tư nhân, kinh tế hộ trong tỉnh cùng phát triển.

2 – Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác xóa đói giảm nghèo, từng bước rút ngắn khoảng cách về mức sống giữa các vùng dân cư, nhất là giữa các vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số với các khu vực thị trấn, thị xã. Tiếp tục thực hiện

tốt Nghị quyết 01 của Tỉnh ủy (khóa XI), chủ động vực dậy các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa. Kết hợp việc phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan kết nghĩa với tinh thần tự lực, tự cường, nỗ lực vươn lên của cơ sở để xóa đói giảm nghèo một cách bền vững và phát triển phù hợp với đặc điểm từng tiểu vùng sinh thái, trình độ nhận thức và phong tục tập quán canh tác của từng dân tộc. Tổng kết, đánh giá để nhân rộng các mô hình tiên tiến trong phát triển sản xuất xóa đói, giảm nghèo. Thực hiện có chất lượng các chương trình, dự án quốc gia, nhất là Chương 135 theo hình thức "cuốn chiếu" để từng bước giảm số xã trong diện đặc biệt khó khăn và có quy chế cụ thể để nâng cao ý thức trách nhiệm của cộng đồng dân cư và người dân trong việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng, tu sửa các công trình phúc lợi xã hội.

3 – Hình thành và phát huy vai trò đòn bẩy của các vùng kinh tế động lực, tạo sự liên kết phát triển giữa các địa bàn trong tỉnh, giữa tỉnh với khu vực miền Trung – Tây Nguyên và cả nước. Đầu tư, phát triển mạnh thị xã Kon Tum theo hướng mở rộng, phát triển thêm các khu đô thị mới, trước mắt là Khu đô thị mới Nam cầu Đắk Bla; phát triển Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y trở thành trung tâm tăng trưởng và liên kết kinh tế của tam giác phát triển 3 nước Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia; khai thác có hiệu quả các tuyến đường giao thông quốc lộ và tỉnh lộ; xây dựng và phát triển thị trấn huyện lỵ Kon Plong trở thành trung tâm du lịch, nghỉ dưỡng lớn của khu vực Bắc Tây Nguyên.

4 – Giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng – an ninh – trật tự và an toàn xã hội trong mọi tình huống. Tổ chức và thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Trung ương Đảng về quốc phòng – an ninh quốc gia, nhất là Nghị quyết 10-NQ/TU của Bộ Chính trị. Thường xuyên coi trọng và đẩy mạnh tuyên

truyền, giáo dục kiến thức về quốc phòng – an ninh cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, làm thất bại mọi âm mưu "diễn biến hòa bình", "bạo loạn lật đổ" của các thế lực thù địch; tích cực ngăn chặn và đấu tranh, xử lý các vi phạm pháp luật, tội phạm và tệ nạn xã hội.

5 – Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng; phát huy hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền và đoàn thể chính trị – xã hội các cấp. Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn đảng; tăng cường công tác tư tưởng, giáo dục, học tập chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, làm cho mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước được thấm nhuần, đi vào cuộc sống. Rà soát, sắp xếp lại hệ thống tổ chức cơ sở đảng, tổ chức, bộ máy chính quyền các cấp; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức đủ về số lượng và đạt yêu cầu về chất lượng; Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, Hội đồng nhân dân, của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng thông qua việc xây dựng cơ chế phù hợp để nhân dân được tham gia góp ý và nhận xét, đánh giá đối với cán bộ, đảng viên.

Năm 2006 là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII và Nghị quyết Đại hội X của Đảng. Với quyết tâm triển khai thực hiện đưa các nghị quyết của Đảng nhanh chóng đi vào cuộc sống, Kon Tum đang tiếp tục phát huy sức mạnh tổng hợp đoàn kết trong Đảng, sức mạnh đại đoàn kết trong các tầng lớp nhân dân, không chấp nhận đói nghèo, lạc hậu, quyết giữ vững ổn định chính trị, phát triển nhanh, mạnh về kinh tế, sớm đưa tỉnh thoát nghèo, xứng đáng với truyền thống, tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của mảnh đất anh hùng ở vùng cực Bắc Tây Nguyên. □



Chuối chín cả nải

NHÂN ĐĂNG

NHÀ nông trồng chuối không mong muốn gì hơn là có những vườn chuối năng suất cao, mỗi cây có một buồng dài nhiều nải, mỗi nải có nhiều quả mà quả nào cũng bụ bẫm, chín đều, không có quả chín, quả xanh.

Người làm công tác xây dựng Đảng ai chẳng muốn tạo được một đội ngũ cán bộ giàu năng lực và phẩm chất, có trình độ đồng đều, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ.

Ấy vậy mà khi được hỏi về công tác chuẩn bị nhân sự cho cấp ủy khóa mới, đồng chí bí thư bỗng thở dài: chuối chín cả nải!

- Là sao vậy?

- Là như thế này đây: tôi năm nay 59, đến Đại hội sẽ là 60. Đồng chí phó bí thư trực và đồng chí phó bí thư kiêm chủ tịch cũng lại cùng tuổi. Các đồng chí khác trong thường vụ có kém một vài tuổi nhưng cũng đều ngấp nghé tuổi hưu. Có nghĩa là trong nhiệm kỳ tới, chúng tôi sẽ đồng loạt nghỉ. Chẳng phải chuối chín cả nải là gì?

- Còn các đồng chí cấp ủy viên khác?

- Đều trứng gà trứng vịt cả thôi!

- Còn nhớ là 5 năm trước, các anh đều rất tự hào là đã có được một dàn cán bộ đồng đều, "đang dàn hàng ngang bay về phía trước như một đàn sếu" cơ mà.

- Quả vậy, tôi đã từng khoe với đồng chí về điều đó. Lúc ấy, chúng tôi đều ở tuổi 54, 55. Sự thật là

5 năm qua, chúng tôi đã là tập thể mạnh, đạt được nhiều thành tích.

- Thế các anh không nghĩ gì về cơ cấu cấp ủy có 3 độ tuổi sao?

- Theo hướng dẫn chung của Trung ương thì khi xây dựng cấp ủy, nên chú ý cả hai mặt tiêu chuẩn và cơ cấu, nhưng tiêu chuẩn là quan trọng nhất. Chúng tôi cũng nghĩ không vì cơ cấu mà chăm chú về tiêu chuẩn, cho nên ở Đại hội trước, đã gạt rất nhiều đồng chí trẻ, tuy có triển vọng nhưng chưa đủ độ chín, gạt cả một số đồng chí nữ vì thấy năng lực của họ hạn chế quá. Sau này nghĩ lại, chúng tôi hiểu là mình đã làm không đúng. Sao có thể đưa lên bàn cân để đo đếm về tiêu chuẩn (nhất là tiêu chuẩn về năng lực) giữa những đồng chí lớn tuổi đã trưởng thành với các đồng chí trẻ, giữa những đồng chí nam và đồng chí nữ... Không phải đã là cán bộ trẻ thì nhất định thua kém cán bộ trưởng thành. Càng không phải đã là nữ thì lúc nào trình độ cũng không bằng nam giới. Thực tế, có rất nhiều trường hợp ngược lại. Vả chăng, cán bộ lớn tuổi dù giỏi đến đâu cũng không thể làm tốt công tác thanh niên. Cán bộ nam dù có tài đến mấy cũng không thể đảm đương chức vụ chủ tịch hội phụ nữ v.v... và v.v...

Anh bí thư còn say sưa luận về cơ cấu địa phương. Anh nói: tôi nghĩ, trong tổ chức đảng, không nên có tư tưởng cục bộ hay địa phương chủ nghĩa. Nên bầu cử những người có đức, có tài. Phải

chấp nhận việc luân chuyển cán bộ giữa địa phương này và địa phương khác. Song một tỉnh có nhiều huyện, một huyện có nhiều xã, nếu cấp ủy dồn người cho một huyện hay một xã nào đó thì có ổn không? Lúc đó, chủ nghĩa địa phương lại có thể đề ra từ một góc độ khác. Chẳng phải đã từng có tình trạng ở nơi này hay nơi khác cứ ai nắm giữ chức vụ lãnh đạo công tác tổ chức là y như rằng, cán bộ của địa phương đồng chí đó, hoặc quen biết với đồng chí đó thường là người trước tiên được đề bạt, cất nhắc. Tôi không ủng hộ tư tưởng "rừng nào cọp ấy", song tôi cũng cho rằng người địa phương nào thường hiểu địa phương mình hơn người của địa phương khác, rằng xóa bỏ tư tưởng cục bộ, địa phương không đồng nhất với việc trong cấp ủy chỉ có người của một địa phương, đầu cho những đồng chí đó là xuất sắc hơn người của địa phương khác.

Để trở về với chủ đề ban đầu, tôi hỏi lại đồng chí bí thư:

- Thế bây giờ, các anh định xử lý như thế nào về tình trạng "chuối chín cả nải"?

- Đã chín cả nải thì đành để cho cả nải "rụng" thôi. Chúng tôi, những người trong thường trực và cả thường vụ, ai đã đến hoặc ngấp nghé tuổi hưu đương nhiên là sẽ nghỉ. Theo quy định, một số đồng chí chủ chốt có thể được giữ lại, nếu còn tuổi để làm việc được nửa nhiệm kỳ. Nhưng ngay những người như vậy chúng tôi cũng không có. Vậy chỉ có cách là mạnh dạn để cử nhiều hơn vào cấp ủy những đồng chí trẻ và cấp ủy lần này nhất thiết phải có ba độ tuổi, để luôn có sự kế thừa và phát triển. Ngoài cơ cấu về độ tuổi, các loại cơ cấu khác như nam - nữ, dân tộc, ... cũng không được coi nhẹ.

Phải chăng chọn đúng người cho một cơ cấu hợp lý, xét đến cùng cũng là tiêu chuẩn xây dựng cấp ủy? □



TRUNG QUỐC VỚI KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2006 VÀ QUY HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ XI

NGUYỄN HUY QUÝ *

Kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa X của Trung Quốc (từ ngày 3-3 đến 14-3-2006) đã thông qua kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2006 và quy hoạch 5 năm lần thứ XI (2006 - 2010), trong đó nhấn mạnh phương châm chỉ đạo "phát triển một cách khoa học" và "xây dựng xã hội hài hòa".

I - TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRUNG QUỐC NĂM 2005

Trung Quốc thông qua kế hoạch năm 2006 và quy hoạch 5 năm lần thứ XI trong bối cảnh lịch sử phát triển kinh tế - xã hội và hoạt động đối ngoại trong kế hoạch 5 năm lần thứ X (2001 - 2005), nhất là trong năm 2005, đã thu được những thành tựu rất lớn, nhưng đồng thời cũng bộc lộ những vấn đề trong tầng sâu của nền kinh tế và trong đời sống xã hội đã tích tụ từ lâu hoặc mới nảy sinh trong quá trình cải cách, phát triển.

Trong 5 năm (2000 - 2005), tổng giá trị sản phẩm quốc nội (GDP) của Trung Quốc tăng bình quân hằng năm là 9,5% (năm 2004 tăng 10,1%, năm 2005 tăng 9,9%); sản xuất nông nghiệp, nhất là sản xuất lương thực khắc phục được tình trạng giảm sút, sản xuất công nghiệp tăng mạnh, công nghệ thông tin được sử dụng trong hoạt động kinh tế - xã hội với tốc độ nhanh. Đời sống cư dân nói chung được cải thiện một bước quan trọng. Trong 5 năm đó, thu nhập của cư dân

thành phố, thị trấn tăng 58,3%; thu nhập của cư dân nông thôn tăng 29,2% ⁽¹⁾. Năm 2005, GDP đạt 18.230 tỉ NDT (tương đương 2.240 tỉ USD), Trung Quốc trở thành quốc gia có GDP đứng thứ tư trên thế giới (sau Mỹ, Nhật Bản, Đức); thu ngân sách nhà nước tăng 523,2 tỉ NDT (đạt trên 3.000 tỉ NDT); mặt bằng giá tiêu thụ của cư dân tăng 1,8%. Nói chung, nền kinh tế tiếp tục đà tăng trưởng tương đối nhanh, hiệu quả, giá cả ổn định. Tổng kim ngạch ngoại thương đạt 1.420 tỉ USD, tăng 23,2% so với năm 2004, sử dụng thực tế đầu tư vốn ngoại tệ đạt 60,3 tỉ USD, dự trữ ngoại tệ tính đến cuối năm 2005 đạt 818,9 tỉ USD. Đời sống cư dân được cải thiện một bước, thu nhập bình quân đầu người của cư dân thành thị đạt 10.493 NDT, khấu trừ nhân tố giá cả, tăng 9,6% so với năm 2004; của cư dân nông thôn đạt 3.255 NDT, tăng 6,2% so với năm 2004. Trong năm 2005, Chính phủ Trung Quốc đã áp dụng nhiều giải pháp để hạn chế tình trạng kinh tế phát triển quá nóng bắt đầu từ năm 2003; tích cực đẩy mạnh điều chỉnh kết cấu kinh tế,

* PGS, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

(1) Những số liệu về phát triển kinh tế - xã hội Trung Quốc trong 5 năm (2000 - 2005) đều dẫn từ "Báo cáo công tác của Chính phủ" do Thủ tướng Ôn Gia Bảo trình bày tại Kỳ họp thứ 4, Quốc hội khóa X Trung Quốc, ngày 5-3-2006

chú trọng vấn đề "Tam nông"; đi sâu cải cách thể chế và tăng cường mở cửa đối ngoại; ra sức phát triển khoa học - kỹ thuật, giáo dục, y tế, văn hóa..., cố gắng tạo việc làm mới và cải thiện bảo đảm xã hội; tăng cường xây dựng pháp chế dân chủ.

Mặt khác, tình hình kinh tế - xã hội Trung Quốc hiện nay cũng đứng trước không ít những vấn đề quan trọng phải giải quyết, "chủ yếu là: kết cấu kinh tế không hợp lý; năng lực tự chủ sáng tạo yếu kém; phương thức tăng trưởng chuyển biến chậm; tiêu hao vật tư năng lượng quá lớn; môi trường ô nhiễm ngày càng nghiêm trọng; mâu thuẫn trong vấn đề tạo việc làm tương đối gay gắt; quan hệ giữa đầu tư và tiêu dùng không hài hòa; chênh lệch về trình độ phát triển giữa thành phố và nông thôn, giữa các khu vực, chênh lệch về thu nhập giữa các tầng lớp xã hội tiếp tục lớn thêm; phát triển các sự nghiệp xã hội còn chậm chạp" (2).

Điểm lại tình hình Trung Quốc năm 2005, Chính phủ Trung Quốc nhận thấy có 5 khó khăn và vấn đề: Việc tăng sản lượng lương thực và tăng thu nhập cho nông dân càng khó khăn; mức tăng đầu tư tài sản cố định vẫn tương đối cao; hậu quả xấu của một số ngành đầu tư quá mức bắt đầu thể hiện rõ; nhiều vấn đề liên quan đến lợi ích thiết thân của quần chúng vẫn chưa được giải quyết thỏa đáng; tình hình mất an toàn trong lao động sản xuất rất nghiêm trọng". Trong các vấn đề trên, nổi cộm nhất là "khám bệnh khó khăn, khám bệnh đắt đỏ; đi học khó khăn, đi học đắt đỏ".

Kế hoạch năm 2006 và quy hoạch 5 năm lần thứ XI (2006 - 2010) phát triển kinh tế - xã hội của Trung Quốc được xác định dựa trên cơ sở tình hình đất nước và bối cảnh quốc tế hiện nay.

II - KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2006 VÀ QUY HOẠCH 5 NĂM LẦN THỨ XI (2006 - 2010)

1 - Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2006

Trong năm 2006, năm mở đầu quy hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội lần thứ XI, Trung Quốc sẽ quán triệt quan điểm phát triển

một cách khoa học, đẩy mạnh cải cách mở cửa và tự chủ sáng tạo, tiếp tục điều chỉnh kết cấu kinh tế và chuyển đổi phương thức tăng trưởng, thực sự đặt những vấn đề liên quan tới lợi ích thiết thân của quần chúng nhân dân lên vị trí hàng đầu, tăng cường toàn diện công cuộc xây dựng kinh tế, xây dựng chính trị, xây dựng văn hóa và xây dựng xã hội hài hòa. Chỉ tiêu đề ra cho năm 2006 là GDP tăng trưởng khoảng 8%, mức tiêu hao năng lượng trên mỗi đơn vị GDP giảm khoảng 4%; mặt bằng giá cả tiêu thụ của cư dân tăng dưới 3%; tạo thêm 9 triệu việc làm ở thành thị, tỉ lệ thất nghiệp có đăng ký ở thành thị giữ ở mức 4,6%; thu chi quốc tế cơ bản cân bằng.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2006, Chính phủ Trung Quốc sẽ tuân theo các nguyên tắc: ổn định chính sách, điều tiết thích đáng; nắm vững đại cục, chú ý trọng điểm; trừ tính toàn diện, chú ý dân sinh; tập trung trước mắt, tính toán lâu dài.

Trong năm 2006 Trung Quốc sẽ tập trung nỗ lực làm tốt các mặt công tác sau đây: *Một là*, tiếp tục duy trì sự phát triển vững chắc và tương đối nhanh của nền kinh tế. *Hai là*, thực sự đẩy mạnh công cuộc xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa. Nhà nước chuyển trọng điểm đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng về nông thôn. *Ba là*, tăng cường điều chỉnh kết cấu ngành nghề, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường. *Bốn là*, tiếp tục thúc đẩy sự phát triển cân đối giữa các khu vực, khuyến khích khu vực miền Đông làm đầu tàu phát triển. *Năm là*, thực thi chiến lược dựa vào khoa học - giáo dục để chấn hưng đất nước và chiến lược dựa vào nhân tài để làm cho đất nước cường thịnh, đẩy mạnh công cuộc phát triển văn hóa, trong thời gian hai năm hoàn thành việc xóa bỏ hoàn toàn nghĩa vụ đóng học phí ở nông thôn. *Sáu là*, đẩy mạnh hơn nữa cải cách, mở cửa, phải tạo được chuyển biến mới trong cải cách những thể chế quan trọng quan hệ

(2) Báo cáo đã dẫn

Những câu đề trong ngoặc kép nói về quy hoạch 5 năm và kế hoạch năm 2006 đều trích dẫn từ tài liệu này

tới toàn cục. *Bây là*, đặc biệt coi trọng việc giải quyết những vấn đề có liên quan tới lợi ích thiết thân của quần chúng, nhất là từng bước giải quyết việc khám chữa bệnh khó khăn, chi phí khám chữa bệnh đắt đỏ cho nhân dân. *Tám là*, tăng cường xây dựng chính trị dân chủ và giữ vững ổn định xã hội, coi xây dựng quốc phòng và quân đội là nhiệm vụ chiến lược quan trọng.

Nói về nhiệm vụ chủ yếu trong năm 2006, Báo cáo công tác của Chính phủ Trung Quốc cũng khẳng định sẽ tiếp tục quán triệt nguyên tắc "một nước hai chế độ" ở Hồng Kông và Ma Cao, và nguyên tắc "hòa bình thống nhất, một nước hai chế độ" trong việc giải quyết vấn đề Đài Loan. Về chính sách đối ngoại, Trung Quốc sẽ "tăng cường ngoại giao toàn phương vị trên cơ sở 5 nguyên tắc chung sống hòa bình, củng cố và tăng cường hợp tác hữu nghị với các nước đang phát triển; kiên trì phương châm láng giềng thân thiện, láng giềng hợp tác với các nước xung quanh, thúc đẩy việc xây dựng cơ chế hợp tác khu vực, nâng hợp tác thực chất lên một tầm cao mới; mở rộng lợi ích chung với các nước phát triển, xử lý thỏa đáng những bất đồng, thúc đẩy giao lưu và hợp tác; tích cực tham gia và triển khai ngoại giao đa phương, phát huy vai trò xây dựng trong các công việc quốc tế và khu vực...".

2 – Quy hoạch phát triển kinh tế – xã hội 5 năm lần thứ XI (2006 – 2010)

Trên cơ sở "Kiến nghị của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về Quy hoạch quốc gia 5 năm phát triển kinh tế - xã hội lần thứ XI" (được thông qua tại Hội nghị Trung ương 5, khóa XVI), Quốc hội Trung Quốc đã thông qua mục tiêu phấn đấu, phương châm chỉ đạo và nhiệm vụ chủ yếu của công cuộc phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm tới:

Mục tiêu phấn đấu về tăng trưởng kinh tế trong 5 năm tới là GDP tăng bình quân hằng năm 7,5% (cao hơn so với kiến nghị của Trung ương Đảng là đến năm 2010 GDP bình quân đầu người gấp 4 lần so với năm 2000); trong thời gian 5 năm, tiêu hao năng lượng trên mỗi đơn vị GDP giảm khoảng 20%, tổng lượng chất thải ô nhiễm giảm 10%.

Phương châm chỉ đạo là quán triệt toàn diện quan điểm "phát triển một cách khoa học". Cụ thể là phải duy trì sự phát triển vững chắc và tương đối nhanh; đẩy nhanh sự chuyển đổi phương thức tăng trưởng kinh tế; nâng cao năng lực tự chủ sáng tạo; thúc đẩy sự phát triển cân đối giữa thành phố và nông thôn, giữa các khu vực; tăng cường xây dựng xã hội hài hòa; không ngừng đưa cải cách, mở cửa vào chiều sâu.

Nhiệm vụ chủ yếu của Trung Quốc trong 5 năm tới được xác định là xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa; đẩy nhanh việc điều chỉnh kết cấu kinh tế và chuyển phương thức tăng trưởng kinh tế; thúc đẩy sự phát triển nhịp nhàng giữa các khu vực; ra sức tăng cường năng lực tự chủ sáng tạo; đi sâu cải cách và tăng cường mở cửa; ra sức xây dựng xã hội hài hòa.

III - MẤY QUAN ĐIỂM, ĐƯỜNG LỐI MỚI VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1 – Quan điểm "phát triển một cách khoa học"

Thế hệ lãnh đạo thứ tư của Đảng Cộng sản Trung Quốc do đồng chí Hồ Cẩm Đào làm Tổng Bí thư trong mấy năm qua đã nhấn mạnh quan điểm "phát triển một cách khoa học". Quan điểm đó đã quán triệt trong kế hoạch năm 2006 và quy hoạch 5 năm lần thứ XI phát triển kinh tế - xã hội mà Quốc hội Trung Quốc vừa thông qua.

Từ sau khi chuyển sang cải cách, mở cửa, Đặng Tiểu Bình chủ trương "phát triển là nguyên tắc hàng đầu" (nguyên văn: "đạo lý cứng"). Qua 20 năm cải cách, mở cửa, Trung Quốc đã thu được những thành tựu to lớn về phát triển kinh tế - xã hội. Nhưng sự phát triển đó chưa toàn diện, chưa hài hòa, một số mặt chưa khoa học. Biểu hiện chủ yếu là tăng trưởng kinh tế chưa thật gắn liền với phát triển xã hội; phát triển kinh tế chưa thật gắn liền với tiết kiệm vật tư năng lượng và bảo vệ môi trường; trình độ phát triển quá chênh lệch giữa thành phố và nông thôn, giữa các vùng v.v.. Bước sang thế kỷ XXI, kinh tế thế giới chuyển nhanh sang toàn cầu hóa, tri thức hóa. Trong giai đoạn mới này đòi hỏi Trung Quốc phải có sự chuyển hướng

trong quan niệm và phương châm chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội.

Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc (tháng 11-2002) đã đề ra nhiệm vụ chiến lược "xây dựng toàn diện xã hội khá giả" trong 20 năm đầu của thế kỷ mới. Hội nghị Trung ương 3 khóa XVI của Đảng Cộng sản Trung Quốc (ngày 14-10-2003) đã ra *Nghị quyết của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa*, chủ trương "kiên trì lấy con người làm gốc, xác lập quan điểm phát triển toàn diện, hài hòa, bền vững, thúc đẩy sự phát triển toàn diện của kinh tế, xã hội và con người" (3).

Quan điểm "phát triển một cách khoa học" đã được thể hiện trong các nguyên tắc chỉ đạo quy hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm lần thứ XI. Quán triệt những nguyên tắc đó có nghĩa là phải đổi mới quan niệm phát triển, sáng tạo mô hình phát triển mới, nâng cao chất lượng phát triển, để phát triển kinh tế - xã hội thực sự "lấy con người làm gốc", toàn diện, hài hòa và bền vững.

2 - Xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa

Vấn đề "Tam nông" hiện nay được đặt lên vị trí hàng đầu trong các nhiệm vụ chiến lược của quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ XI. "Tam nông" trước đây được giải thích là nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Gần đây với quan điểm "lấy con người làm gốc" được giải thích lại là nông dân, nông nghiệp, nông thôn. Trong quá trình cải cách, nông nghiệp và kinh tế nông thôn nói chung ở Trung Quốc đã có sự phát triển đáng khích lệ, mức sống của cư dân nông thôn nói chung được cải thiện một bước quan trọng. Nhưng mức tăng thu nhập của nông dân chậm hơn nhiều so với mức tăng của cư dân thành thị. Nhiều vấn đề mới phát sinh trong quá trình cải cách, hiện đại hóa ảnh hưởng tiêu cực tới sự phát triển của nông thôn và đời sống của nông dân: diện tích đất trồng bị thu hẹp, dịch vụ nông nghiệp yếu kém, thị trường nông phẩm trì trệ, gánh nặng đóng góp của nông dân ngày càng

nhiều, tình trạng đói thừa lao động nghiêm trọng... Tình hình đó không những dẫn tới những hậu quả về kinh tế mà còn dẫn đến nguy cơ mất ổn định về chính trị, xã hội.

Trong mấy năm gần đây, Đảng và Nhà nước Trung Quốc ngày càng ý thức được tầm quan trọng của vấn đề "Tam nông", đặc biệt chú ý vấn đề cải cách, phát triển nông thôn, nhất là tìm cách cải thiện đời sống của nông dân. "Nghị quyết của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa" đã đề ra nhiệm vụ "đi sâu cải cách nông thôn, hoàn thiện thể chế kinh tế nông thôn", nhất là "hoàn thiện chế độ ruộng đất nông thôn, kiện toàn dịch vụ xã hội hóa nông nghiệp, thị trường sản phẩm nông nghiệp và hệ thống hỗ trợ, bảo vệ nông nghiệp, đi sâu cải cách chế độ thuế và phí ở nông thôn, cải thiện hoàn cảnh cho lao động đói thừa ở nông thôn chuyển ra thành phố tìm việc làm" (4).

Tuy nhiên, giải quyết vấn đề "Tam nông" vẫn là một nhiệm vụ khó khăn và lâu dài của Trung Quốc. Trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2006 và quy hoạch 5 năm lần thứ XI, Trung Quốc đã đưa ra những chủ trương mạnh dạn, mang tính đột phá về vấn đề đó. Quan trọng nhất là chủ trương chuyển trọng tâm đầu tư kết cấu hạ tầng về nông thôn. Năm 2006, ngân sách nhà nước sẽ chi 339,7 tỉ NDT đầu tư hỗ trợ cho nông dân, nông nghiệp, nông thôn (tăng 42,2 tỉ so với năm 2005). Từ năm 2006 sẽ xóa bỏ hoàn toàn thuế nông nghiệp (ước tính khoảng 33,6 tỉ NDT) và một số khoản phí khác ở nông thôn. Từ năm 2006, hằng năm ngân sách trung ương sẽ chi 103 tỉ NDT để duy trì hoạt động của chính quyền cơ sở và thực hiện giáo dục nghĩa vụ ở nông thôn. Mục tiêu lâu dài là xây dựng

(3) *Nghị quyết của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa*, Nxb Nhân dân, Bắc Kinh, 2003, tr 3

(4) *Nghị quyết của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa: Sdd*, tr 7 - 8

"nông thôn mới xã hội chủ nghĩa" có kinh tế phát triển, có văn hóa phong phú, có môi trường trong lành, có chính trị dân chủ, có cuộc sống văn minh, nông thôn phát triển hài hòa với thành thị. Tuy nhiên, "xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa" còn là một nhiệm vụ khó khăn, lâu dài đòi hỏi Nhà nước và nhân dân Trung Quốc phải không ngừng nỗ lực phấn đấu hơn nữa.

3 - Xây dựng xã hội hài hòa

"Xây dựng xã hội hài hòa" là nhiệm vụ chiến lược quan trọng được đề ra ở Trung Quốc trong mấy năm gần đây. Trong hơn 25 năm cải cách và phát triển, nhất là từ khi chuyển sang kinh tế thị trường, kết cấu xã hội Trung Quốc đã có nhiều thay đổi. Sự phân hóa giai tầng xã hội là kết quả tất yếu của cải cách và phát triển kinh tế, của sự thay đổi kết cấu sở hữu và những chính sách tương ứng của nhà nước.

Sự phân hóa giai tầng xã hội một mặt có những ảnh hưởng tích cực, mặt khác cũng có những ảnh hưởng tiêu cực. Mâu thuẫn lợi ích giữa các giai tầng xã hội, cùng với những vấn đề dân tộc, tôn giáo nếu không được giải quyết thỏa đáng, sẽ dẫn tới nguy cơ mất ổn định chính trị, gây tác hại tới phát triển kinh tế - xã hội.

Trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ XI, Trung Quốc xác định xây dựng xã hội hài hòa "là mục tiêu quan trọng và là bảo đảm cho việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội". Mục tiêu xây dựng xã hội hài hòa đã được thể hiện trong nhiều chủ trương, chính sách của kế hoạch năm 2006 cũng như trong quy hoạch 5 năm lần thứ XI. Quy hoạch 5 năm đề ra những nhiệm vụ: làm tốt công tác dân số, tạo ra nhiều việc làm, kiện toàn hệ thống bảo đảm xã hội, không ngừng nâng cao mức sống và sức khỏe của nhân dân, tăng cường an ninh công cộng, tăng cường xây dựng chính trị dân chủ và phát triển đời sống văn hóa, hoàn thiện thể chế quản lý xã hội. Kế hoạch năm 2006 đặc biệt nhấn mạnh việc giải quyết những vấn đề liên quan đến lợi ích thiết thân của quần chúng, nhất là vấn đề khám chữa bệnh và vấn đề học hành, vấn đề việc làm, vấn đề an toàn lao động. □

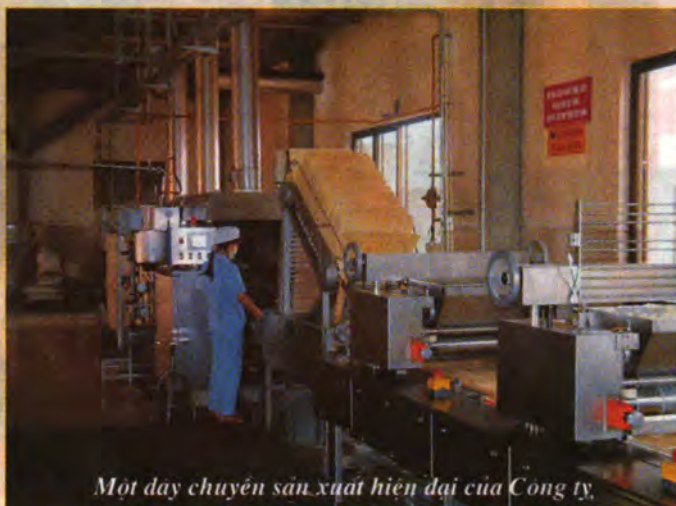
TUONG LAI...

(Tiếp theo trang 52)

phần đầu đạt nhiều mục tiêu phát triển thiên niên kỷ. Hệ thống chính trị, khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh được giữ vững. Nước ta được xem là nơi an toàn nhất thế giới. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao với sự thiết lập quan hệ thương mại với 224/255 nước và vùng lãnh thổ, trở thành thành viên của các thể chế kinh tế quốc tế hàng đầu: WB, IMF, ADB và gia nhập ASEAN, AFTA, APEC; đồng thời, đang tiến hành những phiên đàm phán cuối cùng để gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

Những thành tựu trong phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng an ninh của đất nước sau 20 năm đổi mới đã làm cho sức mạnh tổng hợp của Việt Nam tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp. Những thắng lợi đó có một nguyên nhân gốc rễ rất cơ bản là sự kiên định của Đảng ta, của nhân dân ta vào lý tưởng cộng sản; kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào thực tiễn của cách mạng Việt Nam để đổi mới mà không "đổi hướng", hòa nhập mà chẳng "hòa tan". Những thắng lợi đó đang củng cố quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân ta phấn đấu "Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển" như chủ đề của Đại hội X sắp tới của Đảng, nhằm hướng tới xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội với niềm tin vững chắc: *tuong lai của nhân loại vẫn thuộc về chủ nghĩa xã hội*. □

CÔNG TY THỰC PHẨM MIỀN BẮC



Một dây chuyền sản xuất hiện đại của Công ty.

Công ty Thực phẩm miền Bắc là một doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Thương mại, được thành lập ngày 13/6/1996 trên cơ sở sáp nhập nhiều đơn vị kinh doanh thực phẩm thuộc Bộ. Công ty kinh doanh đa dạng trên nhiều lĩnh vực, hoạt động khắp cả nước; có vốn chủ sở hữu trên 40 tỉ.

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

Kể từ khi thành lập năm 1996, nhất là trong 5- 7 năm gần đây, Công ty luôn là doanh nghiệp hoàn thành vượt mức kế hoạch Bộ giao. Mức tăng trưởng các chỉ tiêu chủ yếu đạt 15- 20 % hàng năm.

Các chỉ tiêu	Năm 2001	Năm 2002	Năm 2003	Năm 2004	Năm 2005
Tổng doanh thu (%)	100	108,46	94,47	126,51	108,69
Lợi nhuận (triệu đồng)		100	117,37	134,56	121,45
Nộp ngân sách (triệu đồng)	100	126,13	25,10	147,94	156,00

- Tạo việc làm cho 1500 lao động với thu nhập từ 1.200.000 đ- 1.500.000 đ/tháng.
- Góp phần tiêu thụ hàng nông sản cho nông dân, tạo nhiều sản phẩm, nhiều loại hình dịch vụ cung ứng ra thị trường.
- Tiềm lực Công ty ngày càng lớn mạnh.

HOẠT ĐỘNG CHUYỂN ĐỔI THEO MÔ HÌNH CÔNG TY MẸ - CÔNG TY CON:

Nhằm đổi mới cơ chế quản lý cho phù hợp với cơ chế thị trường; liên kết, tập trung về vốn; tăng sức mạnh tài chính; gắn kết giữa Cty với các đơn vị thành viên cùng thực hiện mục tiêu chiến lược của Cty trên cơ sở điều hành bằng tài chính, công nghệ thị trường; đảm bảo lợi ích của Nhà nước, Công ty Thực phẩm miền Bắc đã chọn mô hình quản lý phù hợp là mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Công ty mẹ là Cty CP Thực phẩm miền Bắc giữ nguyên 100% vốn nhà nước, được hình thành trên cơ sở văn phòng Cty và một số đơn vị được sắp xếp lại từ 24 đơn vị.

- Công ty mẹ trực tiếp kinh doanh và thực hiện việc đầu tư tài chính vào các Cty con, thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với phần vốn đầu tư vào các Cty con.

- Cơ cấu quản lý của Cty mẹ gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

Hệ thống các Công ty con: Cty con là Cty cổ phần hoạt động theo luật doanh nghiệp, do Cty thực phẩm miền Bắc sở hữu trên 50% vốn điều lệ, gồm:

- Công ty CP Bánh kẹo cao cấp Hữu Nghị.
- Công ty CP Lương thực thực phẩm tp. Hồ Chí Minh.
- Công ty CP Nông sản thực phẩm Hà Nội.

Với mô hình hoạt động mới này chắc chắn sẽ tạo điều kiện cho Công ty Thực phẩm miền Bắc tiếp tục phát triển trên quy mô lớn hơn, hiệu quả hơn vươn tới tập đoàn kinh tế mạnh, giữ vị trí nòng cốt trong hệ thống kinh doanh thực phẩm ở nước ta.

PHẦN ĐẦU VƯƠN TỚI TẬP ĐOÀN KINH TẾ MẠNH



Ban chấp hành Đảng bộ huyện Yên Khánh nhiệm kỳ 2005-2010

HUYỆN YÊN KHÁNH

ĐỊA CHỈ: THỊ TRẤN YÊN NINH, HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH • ĐT: 030.841 347 • 841 255



Bí thư

TRẦN VĂN BÁCH

Nhiệm kỳ vừa qua, Đảng bộ và nhân dân huyện nhà đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, đạt được những kết quả quan trọng: Kinh tế phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, đúng hướng, cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường, văn hóa - xã hội có tiến bộ, đời sống nhân dân được ổn định và được cải thiện, bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới; quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự xã hội được đảm bảo, hệ thống chính trị thường xuyên được củng cố, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng được nâng lên.

P hương hướng trong 5 năm tới của Đảng bộ là: Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ. Tăng cường đoàn kết, mở rộng dân chủ, giữ vững kỷ cương; phát huy lợi thế của địa phương, chú trọng xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp, khai thác và huy động mọi nguồn lực để đầu tư, phát triển với tốc độ cao hơn. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Tập trung đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ. Phát triển nông nghiệp theo hướng toàn diện, sản xuất hàng hóa, hiệu quả, bền vững. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động văn hóa - xã hội, giáo dục, y tế, xóa đói giảm nghèo, giảm các tệ nạn xã hội. Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; nâng cao trách nhiệm và năng lực chỉ đạo, điều hành, sự phối hợp giữa các ngành, các cấp.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 12%/ năm
- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân hằng năm: Nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 5%; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng tăng 21%; dịch vụ tăng 14%
- Cơ cấu kinh tế đến năm 2010: Nông - lâm - thủy sản: 43%; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng: 32%; dịch vụ: 25%.
- Sản lượng lương thực có hạt bình quân 82 ngàn tấn/năm.
- Đến năm 2010, đưa vụ đông thành vụ sản xuất chính, có trên 50% diện tích đất canh tác sản xuất vụ đông.
- Giá trị sản xuất trên 1 ha đất nông nghiệp đến năm 2010 đạt 40 triệu đồng (giá hiện hành)
- Thu ngân sách trên địa bàn hàng năm tăng thu bình quân 14%/ năm. Đến năm 2010 tổng thu ngân sách 75 tỉ đồng, trong đó thu trên địa bàn 24 tỉ đồng.
- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2010 đạt 6,5 triệu đồng/ năm, gấp 2,2 lần so với năm 2005.
- Mức giảm sinh hàng năm là :0,25 phần nghìn. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 20%

Đảng bộ và nhân dân quyết tâm xây dựng huyện Yên Khánh phát triển về kinh tế, vững về quốc phòng và an ninh, văn hóa xã hội tiên tiến.

HUYỆN QUẢNG XƯƠNG

Quảng Xương là một huyện đồng bằng ven biển nằm trên quốc lộ 1A, cách trung tâm thành phố Thanh Hóa 7 km về phía Nam của tỉnh Thanh Hóa. Có đường quốc lộ 1A, 45, 47 chạy qua. Diện tích tự nhiên 227,63 km², trong đó diện tích đất canh tác là 19.738 héc - ta, có chiều dài bờ biển là 18 km. Tổng số 40 xã và 1 thị trấn với dân số 28 vạn người; có 78 tổ chức cơ sở Đảng với gần 11 nghìn đảng viên.

Nhiệm kỳ 2001 - 2005, dưới sự lãnh, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Thanh Hóa cùng với sự cố gắng nỗ lực của các tầng lớp nhân dân trong huyện, Đảng bộ và nhân dân Quảng Xương đã đạt được nhiều kết quả quan trọng:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 11%/năm, tăng 3,04% so với nhiệm kỳ trước; thu nhập bình quân đầu người đạt 5,6 triệu đồng/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ; giảm tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp. Dân chủ xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Chất lượng các hoạt động văn hóa, thông tin, giáo dục, y tế... đều được nâng lên. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố, tăng cường. 80% tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh, 78% số đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.



**BÍ THƯ:
NGUYỄN ĐỨC XUÂN**



Day chuyen' công nghệ mới hiện đại hàng lên xuất khẩu của Công ty Sô.Tô.



Cánh đồng Còi đang mùa thu hoạch.



203 km kênh mương trên địa bàn huyện đã được xây dựng kiên cố

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NHIỆM KỲ 2006 - 2010:

- * Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 13% trở lên.
- * Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2010 đạt trên 12 triệu đồng.
- * Cơ cấu kinh tế: Nông - lâm - thủy sản 44%, công nghiệp - xây dựng 24%, Dịch vụ 32%.
- * Tổng sản lượng lương thực hàng năm đạt 130 ngàn tấn trở lên.
- * Tổng sản lượng đánh bắt, nuôi trồng thủy sản 13 ngàn tấn.
- * Hàng hóa tham gia xuất khẩu đến 2010 đạt 15 triệu USD.
- * Hàng năm giải quyết việc làm cho 6.000 lao động trở lên.
- * Tỷ lệ hộ nghèo dưới 15% vào năm 2010.
- * 80% tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch vững mạnh; Đảng bộ huyện giữ vững danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

4 CHƯƠNG TRÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TRỌNG TÂM:

- * Chương trình xây dựng cánh đồng 50 triệu đồng/héc - ta trở lên.
- * Chương trình phát triển đàn bò lai ngoại và lợn hướng nạc.
- * Chương trình phát triển thủ công nghiệp.
- * Chương trình xây dựng kết cấu hạ tầng với trọng tâm là phát triển giao thông.

NHỮNG THÀNH TÍCH NỔI BẬT TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG:

- Danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân thời kỳ chống Mỹ cho cán bộ, quân và dân huyện Quảng Xương.
- 125 bà mẹ được phong tặng, truy tặng danh hiệu "Mẹ Việt Nam anh hùng".
- 1 tập thể và 2 cá nhân được phong tặng danh hiệu "Anh hùng Lao động".
- 1 tập thể được phong tặng danh hiệu "Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới".



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG
QUANG NAM-ĐÀ NẴNG URBAN AND INDUSTRIAL ZONES DEVELOPMENT JOINT-STOCK COMPANY
KHU CÔNG NGHIỆP ĐIỆN NAM - ĐIỆN NGỌC

Văn phòng chính: 21 Lê Hồng Phong - TP.Đà Nẵng
Tel: 0511.821 844 - 816 707 * Fax: 84.511.827 322
Email: uiddn@dng.vnn.vn

Là chủ đầu tư cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, Công ty còn thực hiện: Xây dựng các công trình công nghiệp, công trình dân dụng và kinh doanh nhà, địa ốc, xây dựng đường sá, cấp thoát nước, kênh mương thủy lợi, điện, đường giao thông và dịch vụ vận tải.



ĐÀ NẴNG VÀ VÙNG PHỤ CẬN
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CƠ SỞ
HẠ TẦNG VÀ KHU CÔNG NGHIỆP

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:

Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc được UBND tỉnh Quảng Nam xác định là khu vực kinh tế trọng điểm với diện tích 145 ha giai đoạn I, giai đoạn II sẽ mở rộng thêm 330 ha. Nằm trên địa bàn các xã Điện Nam - Điện Ngọc, huyện Điện Bàn - tỉnh Quảng Nam, cách thành phố Đà Nẵng và sân bay Quốc tế Đà Nẵng 20 km, cách Cảng Tiên Sa 29 km về phía Bắc. Các ngành công nghiệp khuyến khích đầu tư là các ngành công nghiệp nhẹ, ít gây ô nhiễm như:

- Công nghiệp lắp ráp xe máy, điện tử, điện lạnh.
- Công nghiệp chế biến nông - lâm sản, thủy sản
- Công nghiệp may, lưới đánh cá, giày.
- Công nghiệp sản xuất mỹ phẩm, văn phòng phẩm.
- Công nghiệp hóa mỹ phẩm, hàng tiêu dùng



CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA VIỆT

Địa chỉ: Phường Long Bình - thành phố Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai
Điện thoại: 061.981 631 * Fax: 061.981 630

HƯỚNG ĐẾN XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ TRONG SẠCH - VỮNG MẠNH

Tiền thân của công ty CP Hòa Việt là công ty nguyên liệu thuốc lá Nam (thành viên của Tổng công ty thuốc lá Việt Nam) có chức năng cung cấp nguồn nguyên liệu cho các đơn vị sản xuất thuốc lá điếu. Năm 2005, Công ty đã tiến hành cổ phần hóa, giao khoán chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cho các đơn vị cơ sở trên các định mức kỹ thuật theo tiêu chuẩn của nhà nước. Công ty đã xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng với chủ trương đúng đắn của Ban giám đốc, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ công nhân viên... Năm 2005, Công ty đã hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu kế hoạch trong năm, doanh thu đạt được 522 tỉ đồng, nộp ngân sách 12 tỉ đồng, thu nhập bình quân của người lao động đạt 1,9 triệu đồng/người/tháng.

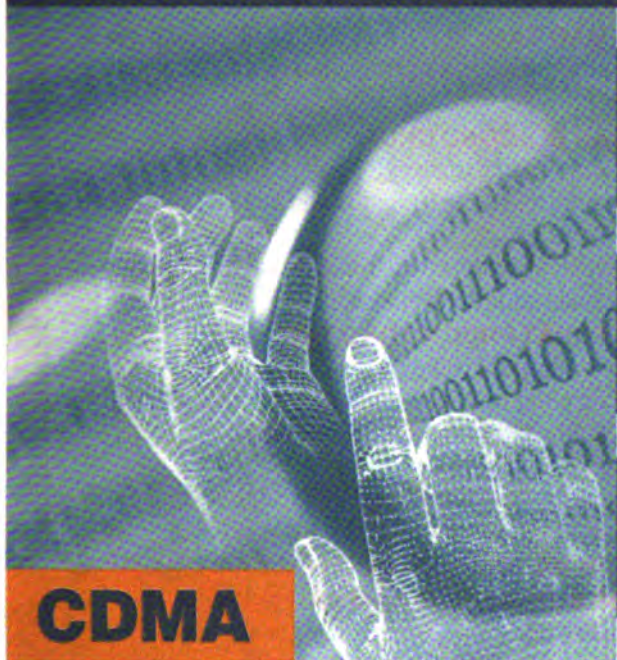
Công tác xây dựng đảng luôn được Công ty đặc biệt quan tâm. Trong năm 2005, Đảng ủy Công ty đã thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đảng viên, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, tuyên truyền các chủ trương chính sách, nghị quyết của Đảng đến từng cán bộ, đảng viên sau các đợt sinh hoạt, học tập... Niềm tin của các đảng viên và quần chúng trong Công ty ngày được giữ vững và nâng cao, đã có tác động tích cực đến nhận thức, phấn đấu và rèn luyện của mỗi thành viên. Đến nay, Công ty đã có 10 chi bộ với tổng số 117 đảng viên, Chi đoàn có 243 đoàn viên. Đảng ủy Công ty còn đề ra chỉ tiêu xây dựng phát triển đảng viên mới, tăng cường hoạt động theo dõi hồ sơ và quản lý đảng viên ở nơi công tác và cư trú, thực hiện tốt quy định 6/QĐ-TW cũng như tiến hành xác minh lý lịch chính trị của các cán bộ chưa là đảng viên theo chỉ thị 9/CT-TW... Công ty CP Hòa Việt không những thành công trong sản xuất kinh doanh mà còn hướng đến xây dựng một Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.



CÔNG TY ĐIỆN LỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nhà phân phối các dịch vụ VIỄN THÔNG ĐIỆN LỰC

DỊCH VỤ ĐIỆN THOẠI SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ CDMA 2000 - 1X



E.Com

**Dịch vụ điện thoại
cố định không dây**

E.Phone

**Dịch vụ điện thoại
di động nội tỉnh**

E.Mobile

**Dịch vụ điện thoại
di động toàn quốc**

CDMA

E.Line

DỊCH VỤ THUÊ KÊNH RIÊNG

Dịch vụ điện thoại đường dài trong nước và quốc tế

179...

**Chất lượng tốt nhất
Giá cả rẻ nhất**

E.Net

DỊCH VỤ INTERNET

E.Tel

**Dịch vụ điện thoại
cố định có dây**



EVN Telecom

Kết nối sức mạnh

096



TRƯỜNG KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ GIAO THÔNG - VẬN TẢI HÀ NỘI



Ths. Hoàng Quốc Cường
Bí thư Đảng ủy - Hiệu trưởng



Trường KTNV- GTVT Hà Nội được thành lập ngày 30/12/1965 theo quyết định số 6722/QĐ- TCCQ của Chủ tịch Ủy ban hành chính thành phố Hà Nội.

1. KẾT QUẢ ĐÀO TẠO: 30.770 học viên đã tốt nghiệp các ngành nghề: lái xe, sửa chữa ô tô, hàn công nghiệp, vận hành máy công trình...

2. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC:

- Tổng số CBCC: 111 người (thạc sỹ 3 người, đại học 22 người, cao đẳng SPKT 19 người, trung cấp 6 người, công nhân KT bậc cao 46 người).

- Tổng số giáo viên: 85 người có đủ trình độ chuyên môn theo ngành nghề và tiêu chuẩn chức danh giáo viên.

3. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO:

- Diện tích toàn trường: 247000m².
- Nhà cửa và các công trình bao gồm: nhà lớp học, nhà làm việc, xưởng trường, đường tập lái xe, sân tập, dốc tập lái xe...

- Số phòng học: 25 phòng.

- Tổng số phương tiện xe ô tô dạy lái, máy xúc đào: 49 chiếc.

- Tổng số máy móc, thiết bị hàn cắt và kiểm tra: 39 chiếc.

4. THÀNH TÍCH VÀ NHỮNG DANH HIỆU CAO QUÝ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG SỰ NGHIỆP 40 NĂM ĐÀO TẠO NGHỀ:

- Huân chương Lao động hạng Ba: năm 1984.
- Huân chương Lao động hạng Nhì: năm 1989.
- Huân chương Lao động hạng Nhất: năm 2005.
- Nhiều huân, huy chương các loại và cờ thi đua, bằng khen các cấp.



Ban chấp hành Đảng bộ Nhà trường khóa X



Lễ tốt nghiệp 1 lớp lái xe



Giờ học thực hành sửa chữa ô tô

ĐỊA CHỈ

- Cơ sở 1: Thôn Nguyên Xá - X. Minh Khai - H. Từ Liêm - Hà Nội * ĐT: 84.4.765 7642 * Fax: 84.4.765 5045
- Cơ sở 2: Số 360 đường Lạc Long Quân - P. Xuân La - Q. Tây Hồ- Hà Nội * Điện thoại: 84.4.753 4271

Địa chỉ: Phường Trung Sơn - thị xã Tam Điệp - tỉnh Ninh Bình
Điện Thoại: 030.864.066

Hiệu trưởng
VŨ TƯỜNG NHŨ



Hội diễn văn nghệ chào mừng
ngày Phụ nữ Việt Nam



Thực tập kiểm tra động cơ ô tô
bằng thiết bị hiện đại



Học sinh nghề mộc
trạm khắc luyện tay nghề

Trường trung học và dạy nghề cơ điện xây dựng nông nghiệp và PTNT được thành lập ngày 3/1/1997. Trên cơ sở hợp nhất 3 trường: Trường trung học cơ khí nông nghiệp trung ương, thành lập năm 1960; Trường công nhân xây dựng, thành lập năm 1968; Trường CNCK nông nghiệp Việt-Xô thành lập năm 1979.

○ Trường được kế thừa kinh nghiệm đào tạo trên 40 năm của các trường cũ, đặc biệt là kinh nghiệm đào tạo hiện đại của Liên Xô trước đây. Ngày nay, sau gần 10 năm hoạt động, trường đã trở thành một trong những trường điểm có quy mô chất lượng hàng đầu của Bộ và khu vực. Với đội ngũ 250 cán bộ giáo viên CNVC, trong đó 174 giáo viên trực tiếp giảng dạy, 164 đồng chí có trình độ trên đại học, đại học và cao đẳng. Phần lớn giáo viên thực hành có tay nghề thợ bậc cao. Chỉ tiêu đào tạo hằng năm từ 1200 đến 1500 học sinh hệ chính quy, 500 tại chức, lưu lượng học sinh thường xuyên có từ 3500 đến 4000. Trường đã và đang liên kết đào tạo với 3 trường đại học, 10 trường cao đẳng, THCN, DN của các bộ, các tỉnh và các ngành.

○ Trong những năm qua Đảng và Nhà nước tiếp tục quan tâm tới công tác giáo dục và đào tạo coi đây là nhiệm vụ quốc sách hàng đầu. Đảng ủy đã nắm bắt và vận dụng sáng tạo chủ trương chính sách pháp luật của Nhà nước, lãnh đạo thực hiện tốt các chương trình trọng điểm của ngành. Xây dựng trường ngày càng phát triển. Ban chấp hành Đảng ủy tập trung được sức mạnh đoàn kết thống nhất của toàn thể cán bộ, đảng viên, công nhân viên trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội nhiệm kỳ III đã đề ra. Chúng ta đã xây dựng và hoàn thiện quy chế dân chủ trong đảng, chỉ đạo chính quyền xây dựng quy chế nội bộ nhằm cụ thể hóa văn bản pháp quy của Nhà nước vào tạo điều kiện thực tế. Trong trường đã xây dựng được một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Trong quá trình thực hiện công tác lãnh đạo, đảng bộ luôn nhận được sự chỉ đạo sâu sát của BCH Đảng bộ thị xã Tam Điệp và của Ban Cán sự Đảng bộ NN& PTNT.

Kết quả đạt được trong nhiệm kỳ qua:

Năm 2003 thực hiện chương trình đào tạo nghề ngắn hạn cho nông dân.

Năm 2004, thực hiện xây dựng chương trình khung nhằm chuẩn hóa nội dung chương trình đào tạo. Năm 2005, thực hiện năm chất lượng đào tạo thông qua việc chuẩn hóa giáo trình, giáo án và mô hình học cụ.

Tiếp tục thực hiện nghị quyết TW 2 khóa 8 của Đảng về công tác giáo dục và đào tạo. Bằng việc mở rộng ngành nghề, đa dạng hóa các loại hình đào tạo. Mở rộng và phát triển quy mô nhằm đáp ứng kịp thời nguồn nhân lực qua đào tạo cho sự nghiệp CNH- HĐH nông nghiệp và nông thôn.

Công tác tuyển sinh.

Tuyển sinh là một nhiệm vụ quan trọng quyết định sự tồn tại và phát triển của mỗi nhà trường. Dưới sự lãnh đạo của BCH Đảng bộ, công tác tuyển sinh được tổ chức và thực hiện bằng nhiều biện pháp đảm bảo vượt chỉ tiêu và chất lượng đầu vào đúng quy chế tuyển sinh đối với từng ngành học.

Năm học 2003-2004 tuyển sinh 1985/1500 chỉ tiêu vượt 32%

Năm học 2004-2005 tuyển sinh 2291/1850 chỉ tiêu vượt 22%

Ngoài những kết quả trên nhà trường còn liên kết với các trường Đại học đào tạo hơn 900 cử nhân khoa học các ngành Silicat, tự động hóa, điện nông nghiệp, kỹ sư cơ khí, kỹ thuật xây dựng công trình nông thôn, quản trị kinh doanh và kế toán doanh nghiệp.

Tổ chức dạy hướng nghiệp cho 2610 học sinh phổ thông trung học trên địa bàn thị xã Tam Điệp.

Danh hiệu thi đua cao đã đạt được

- ❖ 2 Huân chương Lao động hạng Ba.
- ❖ 1 Huân chương Lao động hạng Nhì
- ❖ Từ năm 1997 đến nay, trường liên tục là trường tiên tiến và tiến tiến xuất sắc. Có một chiến sĩ thi đua cấp toàn quốc, 20 lượt chiến sỹ thi đua cấp Bộ, 14 giáo viên giỏi cấp quốc gia, 68 giáo viên giỏi cấp tỉnh và 3 nhà giáo ưu tú.

Thành tích đạt được trong nhiệm kỳ qua

- ❖ 3 năm liên Đảng bộ được công nhận là đảng bộ trong sạch, vững mạnh
- ❖ 3 năm liên trường được công nhận là trường tiên tiến xuất sắc của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- ❖ Được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tặng Cờ Thi đua xuất sắc
- ❖ 42 lần tập thể cá nhân được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tặng bằng khen
- ❖ Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen
- ❖ UBND tỉnh Ninh Bình công nhận là cơ quan văn hóa

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10.1



Giám đốc:
Kỹ sư NGUYỄN VĂN TỈNH

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

Đảng bộ phụ phân Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 trực thuộc Đảng bộ Công ty Sông Đà 10, đơn vị có truyền thống là khoan nổ mìn tạo hố móng các công trình ngầm và lộ thiên, khoan phun gia cố nền móng công trình, nền đất đá yếu.

Tập thể cán bộ, đảng viên và công nhân viên chức có trình độ, tay nghề cao, tinh thần đoàn kết gắn bó, luôn hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Đảng bộ luôn nhận được sự chỉ đạo sâu sát của ban chỉ đạo công tác đảng Tổng Công ty Sông Đà tại miền Trung và Ban thường vụ Đảng ủy Công ty Sông Đà 10.

NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC:

- Đảm bảo việc làm, đời sống cho 500 CBCNV, nâng cao uy tín của công ty trên thương trường

- Hoàn thành các mục tiêu tiến độ các công trình trọng điểm của Nhà nước cũng như các công trình đầu tư của Tổng Công ty.

- Được Tổng Công ty tin tưởng giao thi công các công trình trọng điểm: Thủy điện Sê San 3, Sê San 4, Pleikrông, Krông K' Mar và thủy điện Đổng Nai 4.

- Công tác xây dựng và phát triển nguồn lực con người, từng bước được thực hiện theo định hướng và Nghị quyết VIII của Tổng Công ty.

- Tập trung phát huy khai thác có hiệu quả các thiết bị xe, máy được trang bị phục vụ cho công tác

khoan nổ khai thác đá và thi công hố móng các công trình, đảm bảo các mục tiêu tiến độ thi công các công trình trọng điểm, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty trên thương trường.

- Công ty đã hoàn thành công tác cổ phần hóa theo đúng lộ trình đề ra.

- Việc làm và đời sống của 500 CBCNV tiếp tục nâng cao, thu nhập bình quân mỗi CBCNV năm 2004 đạt 2,5 triệu đồng/ người/ tháng so với 1,8 triệu đồng năm 2003.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN NĂM 2006 - 2010

- Mức tăng trưởng hàng năm từ 12% - 20%

- Doanh thu hàng năm tăng từ 12% - 20%

- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu hàng năm từ 5% - 8%

- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu hàng năm tăng 35% - 42%

- Không có nợ phải trả quá hạn

- Thu nhập bình quân 1 CBCNV/tháng, hàng năm tăng 5% - 10%

- Phân đấu trở thành một đơn vị mạnh với tính chuyên môn hóa cao, đủ năng lực sản xuất kinh doanh, sản phẩm có sức cạnh tranh cao trên thị trường khu vực miền Trung và Tây Nguyên;

- Xây dựng đội ngũ cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý năng động, có năng lực quản lý và trình độ chuyên môn cao, tăng cường chất lượng đội ngũ cán bộ để đầu thầu các công trình. Đội ngũ công nhân lành nghề, có tác phong công nghiệp đáp ứng được yêu cầu của cơ chế thị trường.

- Sử dụng hiệu quả năng lực thiết bị, mở rộng địa bàn thi công, nâng cao năng lực quản lý và chất lượng lao động; thực hiện tăng suất lao động, tiết kiệm nguyên vật liệu, giảm tối đa chi phí giá thành; tiêu chuẩn hóa các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tiên tiến đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và trong khu vực.

- Áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001 - 2000 trong sản xuất nhằm xây dựng và nâng cao uy tín thương hiệu của Công ty.



HUYỆN NAM GIANG



Bí thư huyện ủy: PHONG LUÂN



Mừng hội mùa



Truyền hình về làng Đắc Rô



Niềm vui có điện



Năm 2006, là năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV. Đảng bộ và nhân dân huyện phấn hoàn thành các mục tiêu phát triển KT-XH năm 2006.

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU:

1. Tổng thu ngân sách Nhà nước: 55,4 tỉ đồng.
2. Tổng chi ngân sách Nhà nước: 49,3 tỉ đồng.
3. Tổng sản lượng lương thực có hạt: 5.600 tấn.
4. Tổng đàn gia cầm 26.000 con, đàn bò 5.600 con, đàn lợn 8.700 con, đàn dê 750 con.
5. Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng: 4,2 tỉ đồng. Giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 32 tỉ đồng. Trồng rừng 200 ha.
6. Phần đầu giảm tỷ lệ đói nghèo xuống còn 46% (theo chuẩn mới).
7. Phần đầu 70% tổ chức cơ sở Đảng đạt trong sạch, vững mạnh.



Toàn cảnh thung lũng Thanh Mỹ

Nam Giang là huyện miền núi phía Tây của tỉnh Quảng Nam, một trong 8 huyện miền núi có diện tích tự nhiên 1.836,5 km², dân số 20.817 người với 4 dân tộc chính Cơ Tu, Ve, T'Riêng, Kinh và một số dân tộc anh em khác đến sinh sống sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng năm 1975. Huyện có 8 xã và thị trấn Thanh Mỹ, có cửa khẩu Đắc Tà Oọc qua đất nước bạn Lào là cửa ngõ hải quan đi về khu kinh tế mở Chu Lai và về Cảng Tiên Sa thành phố Đà Nẵng, phía Tây giáp huyện Đắc Chung tỉnh Sê Công của nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào, phía Đông giáp huyện Đại Lộc, phía Bắc giáp huyện Tây Giang và Đông Giang, phía Nam giáp huyện Phước Sơn và tỉnh Kon Tum. Cơ cấu kinh tế được Đại hội XV Đảng bộ huyện xác định là: “**Nông - Lâm, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch**” là địa phương có công trình thủy điện sông Bung 4 của quốc gia đang được xây dựng, khu bảo tồn thiên nhiên sông Thanh, có đường Hồ Chí Minh huyện thoại đi qua, là nơi có “Làng Rô nhỏ” của đồng chí Tố Hữu. Đảng bộ và nhân huyện đã vinh dự đón nhận Danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân thời kỳ chống Mỹ và Huân chương Lao động hạng Ba thời kỳ đổi mới.

Các chỉ tiêu kinh tế năm 2005 cơ bản hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch

1. Kinh tế: Tổng diện tích gieo trồng 5.594,6 ha tăng 3,4% so với năm 2004, trong đó cây công nghiệp chiếm 344 ha bằng 110,2% KH; Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 5.732 tấn, đạt 104% KH. Đàn gia súc tiếp tục tăng trong năm 2005 đạt 16.660 con trong đó chủ yếu là đàn bò 5.483 con, gia cầm 22.406 con, giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 28,1 tỉ đồng. Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp đạt 105,5% KH. Tổng vốn đầu tư XDCB 6 tỉ đồng, vốn chương trình mục tiêu 5,928 tỉ đồng. Tổng mức bán hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng đạt 25,5 tỉ đồng.

2. Văn hóa xã hội: Giáo dục được quan tâm toàn diện, chất lượng giáo dục được nâng lên, huyện có 4 trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia, có 1 trường công nhận hoàn thành phổ cập THCS. Hệ thống y tế ngày càng tăng cường hoàn thiện, đội ngũ cán bộ y tế được quan tâm đào tạo, nâng cao ý đức. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” đến nay có 11 thôn văn hóa cấp huyện, 4 thôn văn hóa cấp tỉnh, 71 gia đình được công nhận gia đình văn hóa. An ninh quốc phòng được giữ vững, an ninh vùng biên giới được ổn định, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc được quan tâm xây dựng và tăng cường.

3. Công tác xây dựng Đảng: Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền và các tổ chức đoàn thể thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị. Tập trung chỉ đạo công tác quán triệt Nghị quyết, chủ trương của Đảng đến tận cơ sở. Năm 2005 kết nạp được 101 người vào Đảng.

Địa chỉ: Đền Giàng, xã Ca Dy, H. Nam Giang, T. Quảng Nam.

Điện thoại: 0510. 792 266 * Fax: 0510. 792 373

Digitized by Google



CÔNG TY CỔ PHẦN CHÈ KIM ANH

KIMANH TEA STOCK HOLDING COMPANY



Công ty cổ phần chè Kim Anh được thành lập cuối năm 1959 (Lúc đó là xưởng chè Hà Nội). Là đơn vị đầu tiên của ngành chè Việt Nam chuyên sản xuất các loại chè xanh, chè đen, chè vàng, chè ướp hương hoa, củ, quả và các loại cây thuốc. Hơn nửa thế kỷ qua, sản phẩm chè Kim Anh đã có mặt trên khắp mọi miền Tổ quốc và xuất khẩu ra nước ngoài từ châu Á, Âu, Phi cho đến Mỹ La tinh...

Sản phẩm chè Kim Anh không những là thức uống giải khát bởi nó bổ sức khỏe mà còn có tác dụng phòng ngừa một số bệnh tiêu hóa, cao huyết áp, bệnh béo phì và có khả năng chống nhiễm xạ.

CÁC LOẠI SẢN PHẨM:

- * Sản phẩm trà hộp cao cấp: được tuyển chọn và chế biến từ vùng chè đặc sản Tân Cương Thái Nguyên và chè Tuyết Shan trên cao nguyên, có hương vị độc đáo của vùng chè đặc sản, Hương thơm - Vị đậm - Nước xanh.

- * Sản phẩm trà túi lọc.

- * Trà gói các loại ướp hương tự nhiên: gồm có trà Nhài, Sen, Đặc sản, Thanh Hương, Hồng Đào, Ngọc Sơn với công thức bao chế sao tẩm độc đáo tạo nên hương vị đặc biệt khó quên của trà Kim Anh.

- * Trà uống liền: được phối hợp giữa chè CTC với hương vị có trong Aliso, Lá Hân quả, Đào, Cam, Chanh, Táo, Gừng tạo ra sản phẩm trà hòa tan uống liền tiện dụng, giải nhiệt, lợi tiểu, phòng ngừa béo mập, ho sốt, long đờm.

- * Trà xuất khẩu: gồm có chè đen (OPA, OP, P, FBOP, F, D), chè xanh (OPA, F, xanh).

- * Trà hộp giấy.

Mạng lưới tiêu thụ sản phẩm trong nước: Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Quảng Ninh, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Yên Bái, Sơn Tây, Hà Đông, Hòa Bình, Ninh Bình, Hưng Yên, Nam Định, Thái Bình, Thanh Hóa, Quảng Bình, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh.

Mạng lưới tiêu thụ sản phẩm trên thế giới: Lào, Campuchia, Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Latvia, Pháp, Đức, Hoa Kỳ, Liên Bang Nga, Pakistan, Afganistan.



MAI ĐÌNH - SÓC SƠN - HÀ NỘI - VIỆT NAM

TEL: (04) 8.843265 - (04) 8.843222 * FAX: (04) 8.840724

E-mail: kimanhtea@netnam.vn

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.

MAY 25 2006

CURRENT SERIALS

KHU KINH TẾ NHƠN HỘI, TỈNH BÌNH ĐỊNH

NHON HOI ECONOMIC ZONE - BINH DINH PROVINCE

Điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư

Attractive destinations for investors



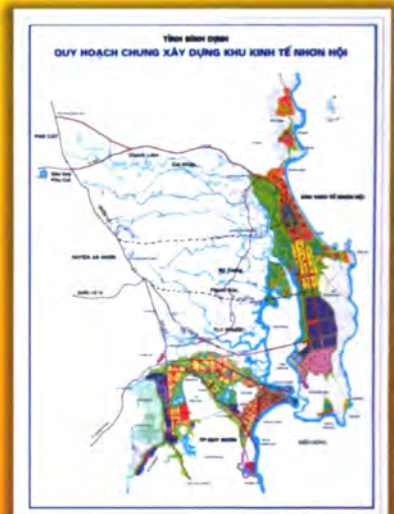
Ông NGUYỄN VĂN THIÊN
Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Bình Định
Trưởng ban Ban Quản lý KKT Nhơn Hội

□ Khu kinh tế Nhơn Hội được thành lập theo Quyết định số 141/2005/QĐ-TTg ngày 14/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ, nằm ở vị trí thuận lợi có nhiều lợi thế so sánh vượt trội so với các khu vực khác, được phép áp dụng các chính sách ưu đãi đầu tư ở mức cao nhất tại Việt Nam và cơ chế quản lý thông thoáng theo nguyên tắc “một cửa”.

□ UBND tỉnh Bình Định cam kết thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư ổn định lâu dài, đảm bảo những quyền lợi và cơ hội kinh doanh thật sự hấp dẫn cho các nhà đầu tư; sẵn sàng tạo mọi điều kiện thuận lợi và chào đón các doanh nhân, các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vào KKT Nhơn Hội.

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ:

- Dự án đầu tư kinh doanh cảng biển tổng hợp
- Dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu phi thuế quan
- Dự án đầu tư các khu du lịch: Hải Giang, Tân Thanh, Nhơn Lý - Cát Tiến, Khu du lịch sinh thái đầm Thị Nại - nằm trong tuyến du lịch trọng điểm quốc gia
- Dự án đầu tư Nhà máy đóng tàu 100.000 tấn trở lên
- Dự án cấp nước và xử lý nước thải Khu kinh tế
- Các dự án phát triển công nghiệp điện, điện tử; cơ khí, ô tô, sản xuất hàng tiêu dùng... đầu tư vào KCN, Khu phi thuế quan...



CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ X



BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ NHƠN HỘI

83 Lê Hồng Phong - TP. Quy Nhơn - tỉnh Bình Định

ĐT: (056) 820 957 - 820 958 * Fax: 056. 820 965

E-mail: kktnhonhoi@binhdinh.gov.vn - website: www.nhonhoi.gov.vn



Cầu vượt biển dài nhất Đông - Nam Á nối TP. Quy Nhơn với KKT Nhơn Hội



THÁNG 2 KỶ
RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 755

9

5-2006

• BỘ BIÊN TẬP :

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbtccs@hn.vnn.vn

**• Cơ quan thường trú
tại miền Trung :**

26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

**• Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• Tạp chí Cộng sản điện tử :

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

• Tổng Biên tập :

LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1: Đại hội X Đảng Cộng sản
Việt Nam
Ảnh: TTXVN

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X CỦA ĐẢNG

XÃ LUẬN - Năm vận hội mới, quyết sách đột phá, nỗ lực vượt bậc, vì sự phát triển mạnh mẽ và bền vững	3
Tiểu sử đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh	8
Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng khóa X	9
Danh sách Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X	12
Diễn văn khai mạc	16
Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về các văn kiện tại Đại hội X	18
Diễn văn bế mạc	33
Nghị quyết Đại hội	35

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

LÊ HỮU NGHĨA - Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong quá trình đổi mới	36
NGUYỄN DUY QUÝ - Đổi mới tư duy lý luận - thành tựu và một số vấn đề đặt ra	41
THANG VĂN PHÚC - Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa	46
HỒ XUÂN HÙNG - Để Việt Nam có tập đoàn kinh tế mạnh trong kinh tế thị trường, hội nhập	52
VÕ THANH THU - Phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020 - triển vọng và thách thức	57
NGUYỄN HẢI HỮU - Hướng tới giảm nghèo toàn diện, bền vững, công bằng và hội nhập	62

TƯ LIỆU

*** Số lượng đảng viên kết nạp trong năm qua	67
--	----

NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

VŨ TRỌNG DUNG - Những giá trị lý luận trong tác phẩm "Đường cách mệnh"	69
NGUYỄN XUÂN THÔNG - Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò, vị trí và chức năng của tổ chức cơ sở đảng	74
NGUYỄN VĂN THUY - Học tập tư tưởng Hồ Chí Minh, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng	78

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

LÊ XUÂN ĐÌNH - Vấn đề bóc lột giá trị thặng dư và quan hệ giữa tư bản với lao động hiện nay	82
NGUYỄN LINH KHIẾU - Thách thức nổi bật về chính trị - xã hội trong quá trình toàn cầu hóa kinh tế ở nước ta	87
VŨ ANH TUẤN - Cơ sở lý luận và thực tiễn phân định các thành phần kinh tế	93

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN THỊ HẰNG - Bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động trong các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa	97
PHẠM TẤT DONG - Thành tựu bước đầu và những vấn đề cấp thiết đặt ra trong đào tạo nhân lực ở nước ta	100
CHU TIẾN QUANG - NGUYỄN THỊ THU HẰNG - Về chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn	105

QUA SÁCH BÃO NƯỚC NGOÀI

*** Dư luận quốc tế về Đại hội X Đảng Cộng sản Việt Nam	111
---	-----

THẾ GIỚI VĂN ĐỀ - SỰ KIẾN

NGUYỄN VIẾT THẢO - Quan hệ giữa các nước tư bản phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa	116
--	-----

СОДЕРЖАНИЕ

• 10-й Съезд Коммунистической Партии Вьетнама: Передовая – Пользуясь новой благоприятной возможностью, решительно делая прорывные шаги, сосредоточиваем все усилия на бурном и устойчивом развитии. Биография Генерального секретаря Компартии Вьетнама Нонг Дык Маня. Вступительная речь. Доклад Центрального Комитета КПВ 9-го созыва о материалах X Съезда Коммунистической Партии Вьетнама. Заключительное выступление. Резолюции X Съезда КПВ • ЛЕ ХЫУ НГИА: Решительное сохранение за собой цели национальной независимости и строительства социализма в процессе обновления, опираясь на основу марксизма-ленинизма, идей Хо Ши Мина. • НГУЕН ЗУЙ КУИ: Обновление теоретического мышления – достижения и некоторые поставленные вопросы. • ТХАНГ ВАН ФУК: Обновление метода партийного руководства государством в условиях строительства правового социалистического государства. • ХО СУАН ХУНГ: Чтобы Вьетнам имел сильные экономические группировки в рыночной и интеграционной экономике. • ВУ ЧОНГ ЗУНГ: Теоретические ценности произведения Хо Ши Мина «Путь революции». • ЛЕ СУАН ДИНЬ: Проблема присвоения прибавочной стоимости и отношения между капиталом и трудом на данном этапе. • НГУЕН ТХИ ХАНГ: Защита подлинных интересов трудящихся в акционированных государственных предприятиях. • НГУЕН ВЬЕТ ТХАО: Отношения между развитыми капиталистическими странами в условиях глобализации.

CONTENTS

• The X-th National Congress of the Communist Party of Vietnam: Editorial – Seizing new opportunities, making breaking - through resolutions, endeavoring to the utmost for a vital and sustainable development. Biography of the Party General Secretary Nông Đức Mạnh. The opening speech to the Congress. The Report of CPV Central Committee of the IX-th tenure regarding the documents at the X-th Congress. The closing speech to the Congress. Resolutions of the Congress • LÊ HỮU NGHĨA: Keeping firmly the targets of national independence and socialism on the ground of Marxism-Leninism, Hồ Chí Minh's Thoughts during the renovation process • NGUYỄN DUY QUÝ: Renovation of theoretical thinking: achievements and some put-forward problems • THANG VĂN PHÚC: Renovating methods of Party leadership towards the state in the conditions of building the law-governed socialist state • HỒ XUÂN HÙNG: In order Vietnam could have a strong economic corporation in the integrated economic market • VŨ TRỌNG DUNG: Theoretical values of the Work "The Revolutionary path" • LÊ XUÂN ĐÌNH: The problems of surplus value exploitation and relationship between capital and labor at the present • NGUYỄN THỊ HẰNG: Protecting righteous interests of laborers in the equitised state enterprises • NGUYỄN VIỆT THẢO: Relations between developed capitalist states in the circumstances of globalization.

SOMMAIRE

• Le Xe Congrès national du Parti communiste du Vietnam : Editorial – Saisir la nouvelle fortune, prendre des décisions ouvrant une percée, faire des efforts géants, pour un développement ferme et durable. Biographie du Secrétaire général Nông Đức Mạnh. Allocution d'ouverture. Rapport du Comité central (issu du IXe Congrès) sur les Documents soumis au Xe Congrès. Allocution de clôture. Résolutions du Congrès. • LÊ HỮU NGHĨA : Poursuivre fermement les objectifs d'indépendance nationale et de socialisme sur la base du marxisme-léninisme et de la pensée de Hồ Chí Minh dans le processus du renouveau. • NGUYỄN DUY QUÝ : Le renouveau de la pensée théorique – réalisations et quelques questions posées. • THANG VĂN PHÚC : Renouveler le mode de direction du Parti vis-à-vis de l'Etat dans les conditions de l'édification d'un Etat de droit socialiste. • HỒ XUÂN HÙNG : Pour des groupes économiques puissants du Vietnam dans l'économie de marché et l'intégration. • VŨ TRỌNG DUNG : Les valeurs théoriques de l'ouvrage « La voie révolutionnaire ». • LÊ XUÂN ĐÌNH : L'exploitation de la valeur ajoutée et le rapport entre le capital et le travail à l'heure actuelle. • NGUYỄN THỊ HẰNG : La protection des intérêts légaux des travailleurs dans les entreprises étatiques mises en actionnariat. • NGUYỄN VIỆT THẢO : Relations entre les pays capitalistes développés dans le contexte de la mondialisation.

SUMARIO

• X Congreso Nacional del Partido: Editorial – Aprovechar la nueva ocasión para dar las decisiones y políticas de salto y esforzarnos por un desarrollo poderoso y estable. La biografía del secretario general de Nông Đức Mạnh. Discurso de apertura. Informe del Comité Central del IX Congreso Nacional sobre los documentos en el X Congreso Nacional del PCV. Discurso de clausura. Resolución del Congreso • LÊ HỮU NGHĨA: Estamos firmes con el objetivo de independencia nacional y de socialismo basado en el marxismo-leninismo y la ideología de Hồ Chí Minh durante el proceso de renovación. • NGUYỄN DUY QUÝ: La renovación de pensamiento teórico – éxitos y algunos problemas planteados. • THANG VĂN PHÚC: La renovación de método directivo del Partido para con el Estado en las condiciones de edificación de un estado con legislación socialista. • HỒ XUÂN HÙNG: Para que en Vietnam existan los poderosos grupos económicos en la economía mercantil y la integración. • VŨ TRỌNG DUNG: Valores teóricos en la obra "Camino revolucionario". • LÊ XUÂN ĐÌNH: El asunto de explotación de plusvalía y la actual relación entre los capitalistas y los trabajadores. • NGUYỄN THỊ HẰNG: Proteger los intereses legítimos de los trabajadores en las empresas estatales capitalizadas por acciones. • NGUYỄN VIỆT THẢO: Relaciones entre los países capitalistas desarrollados en la coyuntura de globalización.

目录

• 党的第十届全国代表大会：社论—为快速稳定发展抓住新的机遇，突破性决策，奋力努力。农德孟总书记简历。十大开幕词。九届中央委员会关于十大文件的报告。十大闭幕词。大会决议。黎友义：革新进程中以马列主义、胡志明思想为基础，坚持民族独立及社会主义目标。阮维贵：革新理论思维一成就及面临的一些问题。汤文福：在建设社会主义法制国家条件下革新党对国家的领导方式。胡春雄：让越南在融入市场经济进程中拥有强大的经济集团。武仲庸：《革命之路》作品中的理论价值。黎春亭：当前剩余价值剥削及劳资关系问题。阮氏姮：维护劳动者在股份制国有企业中的正当权益。阮曰草：全球化背景中发达资本主义国家之间的关系。



**CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
NGƯỜI SÁNG LẬP VÀ RÈN LUYỆN ĐẢNG TA**

Digitized by Google



NĂM VẠN HỘI MỚI, QUYẾT SÁCH ĐỘT PHÁ, NỖ LỰC VƯỢT BẬC, VÌ SỰ PHÁT TRIỂN MẠNH MỀ VÀ BỀN VỮNG

Từ ngày 18 đến ngày 25-4-2006, tại Hội trường Ba Đình – Thủ đô Hà Nội, long trọng diễn ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng – một Đại hội có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, đánh dấu giai đoạn phát triển mới trong tiến trình cách mạng nước ta ở thế kỷ XXI đã thành công tốt đẹp.

Tham dự Đại hội có 1.176 đại biểu, thay mặt cho trên 3,1 triệu đảng viên, cùng các đồng chí nguyên là lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước qua các thời kỳ, đại diện các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các nhân sĩ, trí thức, đại biểu các tôn giáo, thế hệ trẻ... tiêu biểu cho trí tuệ, bản lĩnh và sức mạnh đoàn kết thống nhất của toàn Đảng, toàn dân tộc ta.

Đại hội lần thứ X của Đảng là một sự kiện chính trị đặc biệt, ngày hội lớn trong đời sống chính trị của Đảng ta, của nhân dân ta; một mốc son chói lọi trên chặng đường 76 năm Đảng sinh thành và lãnh đạo cách mạng nước ta. Đại hội mang một ý nghĩa lịch sử trọng đại: 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo; nửa thập kỷ đầu thế kỷ XXI; 5 năm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX của Đảng. Đại hội lần này không chỉ diễn ra trong hoàn cảnh đất nước và trên thế giới đang có những chuyển biến mới mà còn mang trọng trách to lớn: Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội 5 năm 2001 – 2005 và Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội 10 năm 2001 – 2010, tổng kết 20 năm đổi mới, quyết định phương hướng phát triển đất nước và mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội 5 năm 2006 – 2010; kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, đề ra phương hướng xây dựng Đảng, bổ sung, sửa đổi một số điểm trong Điều lệ Đảng; bầu Ban Chấp hành Trung ương khóa X.

Với tinh thần trí tuệ, dân chủ, đoàn kết, đổi mới, Đại hội đã thảo luận và nhất trí thông qua các văn kiện quan trọng: **Báo cáo Chính trị; Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ, phát triển**

kinh tế – xã hội 5 năm 2006 – 2010; Báo cáo công tác xây dựng Đảng; Báo cáo một số vấn đề về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng; Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi); Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII trong nhiệm kỳ Đại hội IX và Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX. Các văn kiện đó là sự kết tinh cao độ trí tuệ tập thể của toàn Đảng, toàn dân, phản ánh ý chí, nguyện vọng của toàn thể dân tộc; thể hiện sự chuẩn bị tích cực nhất những tiền đề kinh tế – chính trị – xã hội, những điều kiện vật chất và tinh thần cho đất nước ta "tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới", với thế và lực mới, với gia tốc và tầm vóc mới, giành nhiều thành tựu to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở 5 năm cuối thập kỷ thứ nhất, phấn đấu xây dựng nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp, theo hướng hiện đại vào năm 2020.

Thành công tiêu biểu của Đại hội thể hiện trước hết ở sự nhất trí rất cao đối với toàn bộ các nội dung của các văn kiện Đại hội, phản ánh sự thống nhất về chính trị tư tưởng trong toàn Đảng, giữa Đảng với nhân dân; khẳng định quyết tâm không gì lay chuyển nổi của toàn Đảng, toàn dân tộc nhích bước trên con đường xã hội chủ nghĩa, dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác – Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đưa sự nghiệp đổi mới không ngừng phát triển, tiếp tục đạt được những thành tựu to lớn hơn nữa.

Thành công tiêu biểu của Đại hội còn được thể hiện ở việc thảo luận, quyết sách các vấn đề về nhân sự và bầu các cơ quan lãnh đạo của Đảng. Ban Chấp hành Trung ương khóa X do Đại hội bầu gồm 160 đồng chí Ủy viên chính thức và 21 đồng chí Ủy viên dự khuyết, đứng đầu là đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, vừa chung đức tinh thần đổi mới, vừa bảo đảm giữ vững sự ổn định để phát triển, kết hợp hài hòa ba độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, tính kế thừa và phát triển, thật sự tiêu biểu cho trí tuệ, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng và năng lực tổ chức thực tiễn của Đảng ta, trước yêu cầu phát triển mới của đất nước, trong giai đoạn cách mạng mới.

*

* *

Hai mươi năm đổi mới, trong đó có 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, là một chặng đường phấn đấu đầy gian khổ, vô cùng quyết liệt nhưng rất vẻ vang và rất đáng tự hào của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Đây là giai đoạn chuyển tiếp đặc biệt, có tính bước ngoặt giữa hai thế kỷ, đưa nước ta vượt qua rất nhiều thử thách, để phát triển không ngừng. Công cuộc đổi mới đã được toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta triển khai ngày càng mạnh mẽ, vững chắc không chỉ về quy mô, tính chất mà còn ở chiều sâu, một cách độc lập, sáng tạo và hiệu quả, vì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Nhìn lại nhiệm kỳ 2001 – 2005 và 20 năm đổi mới, Đại hội nhận định: Những thành tựu trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX đã góp phần quan trọng vào thành tựu chung của 20 năm đổi mới. Hai mươi năm qua, với sự nỗ lực vượt bậc của toàn Đảng, toàn thể dân tộc, ***công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử.*** Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Kinh tế tăng trưởng khá nhanh; sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang đẩy mạnh. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị – xã hội ổn định. Quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên

với triển vọng tốt đẹp. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản.

Đại hội đánh giá tổng quát: Những thành tựu đạt được trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX là **rất quan trọng**; những thành tựu của 20 năm đổi mới là **to lớn và có ý nghĩa lịch sử**.

Khẳng định những thành tựu đã đạt được, Đại hội thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, yếu kém, khuyết điểm, đáng chú ý là: Tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với khả năng; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn kém; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. Cơ chế, chính sách về văn hóa – xã hội chậm đổi mới; nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt. Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số hạn chế. Tổ chức và hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân còn một số khâu chậm đổi mới. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu.

Trên cơ sở phân tích khách quan, khoa học và toàn diện thực tiễn 20 năm đổi mới vừa qua, Đảng ta nêu bật **một số bài học lớn**:

Một là, trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác – Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

Ba là, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới.

Bốn là, phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức khai thác ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

Năm là, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Đó là những bài học có ý nghĩa **rất quan trọng**, tiếp tục **chỉ đạo hoạt động** và **bảo đảm thành công** cho công cuộc đổi mới của chúng ta trong những năm sắp tới.

Từ sự phân tích và dự báo tình hình thế giới và trong nước, đứng vững trên kết quả 20 năm đổi mới, dựa vào những tiền đề quan trọng và vững chắc đã được tạo ra, Đại hội nhận định: Tuy khó khăn còn nhiều nhưng **đất nước ta có nhiều cơ hội để tiến lên**. Đại hội khẳng định: **Tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ hơn, phát triển với tốc độ nhanh hơn và bền vững hơn**.

Xuất phát từ tình hình thực tế và yêu cầu phát triển đất nước, Đại hội **quyết định** mục tiêu bao trùm là: **Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển**; và chỉ rõ phương hướng tổng quát từ nay tới khi kết thúc thập kỷ thứ nhất của thế kỷ XXI: **Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; phát triển văn hóa; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tăng cường quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội**

nhập kinh tế quốc tế; giữ vững ổn định chính trị – xã hội; sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp, theo hướng hiện đại.

Những biện pháp cơ bản, quan trọng, có tính đột phá sáng tạo và tích cực để thực hiện thắng lợi mục tiêu trên, được Đại hội hoạch định là: Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức; giải quyết tốt các vấn đề xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ; tăng cường quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; phát huy dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân...

Nhân tố cơ bản, có ý nghĩa then chốt, quyết định thắng lợi toàn bộ công cuộc đổi mới trong những năm tới là, tiếp tục đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ngang tầm nhiệm vụ mới. Đại hội chỉ rõ: Phải nâng cao bản lĩnh chính trị và trình độ trí tuệ của Đảng; kiện toàn và đổi mới hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên; thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng; tăng cường quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra; đổi mới tổ chức, bộ máy và công tác cán bộ; và, đổi mới không ngừng phương thức lãnh đạo của Đảng. Hơn lúc nào hết, toàn bộ công tác xây dựng Đảng phải tạo ra bước phát triển căn bản mới về chất, Đảng phải thật sự trong sạch, vững mạnh; đồng thời, phải là người lãnh đạo, đi tiên phong chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác một cách mạnh mẽ, triệt để... nhằm bảo đảm vai trò lãnh đạo thật sự có hiệu quả đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong bất cứ hoàn cảnh và tình huống nào.

*

* *

Đại hội lần thứ X của Đảng là Đại hội của trí tuệ, đổi mới, đoàn kết, phát triển bền vững, vì hạnh phúc của nhân dân.

Đại hội lần thứ X đánh dấu bước trưởng thành quan trọng về tầm nhìn xa trông rộng, bản lĩnh chính trị vững vàng và trình độ trí tuệ sáng suốt của Đảng trong việc hoạch định đường lối và lãnh đạo đất nước đổi mới thành công theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong bối cảnh hết sức phức tạp, diễn biến khôn lường vừa qua. Ý chí kiên định và quyết sách đột phá của Đại hội lần thứ X là tấm gương phản ánh tập trung và sinh động nguyện vọng, trí tuệ, quyết tâm sắt đá và sự đoàn kết thống nhất của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta trên con đường xã hội chủ nghĩa, vì tương lai tươi sáng của dân tộc.

Kế thừa thành tựu và kinh nghiệm 20 năm đổi mới, phát huy truyền thống vẻ vang hơn 76 năm của Đảng, tinh thần và sức mạnh quật cường mấy nghìn năm của dân tộc, kiên định giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, không ngừng nỗ lực vượt bậc và toàn diện, chủ động nắm chắc thời cơ, quyết tâm vượt qua thách thức, chuyển ý chí, quyết sách của Đại hội lần thứ X thành phong trào hành động cách mạng rộng khắp, sâu sắc và hiệu quả, tiếp tục đẩy mạnh thắng lợi công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, nhịp bước tiến lên bền vững cùng thời đại. □



Đồng chí NÔNG ĐỨC MẠNH
Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương
Đảng Cộng sản Việt Nam khóa X

TIỂU SỬ

ĐỒNG CHÍ NÔNG ĐỨC MẠNH, TỔNG BÍ THƯ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đồng chí Nông Đức Mạnh sinh ngày 11-9-1940, tại xã Cường Lợi, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Cạn, xuất thân trong gia đình nông dân, dân tộc Tày.

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1958 - 1961: Học viên Trường trung cấp Nông lâm Trung ương, Hà Nội.

1962 - 1963: Công nhân lâm nghiệp, kỹ thuật viên điều tra rừng Ty Lâm nghiệp Bắc Cạn.

Vào Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1963.

1963 - 1965: Đội phó đội khai thác gỗ Bạch Thông.

1966 - 1971: Sinh viên Học viện Lâm nghiệp Lê-nin-grát, Liên Xô.

1972 - 1973: Phó Ban Thanh tra, Ty Lâm nghiệp tỉnh Bắc Thái.

1973 - 1974: Giám đốc Lâm trường Phú Lương, Bắc Thái.

1974 - 1976: Học viên Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc.

1976 - 1980: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái, Phó Ty Lâm nghiệp tỉnh Bắc Thái kiêm Chủ nhiệm Công ty Xây dựng Lâm nghiệp rồi Trường Ty Lâm nghiệp tỉnh Bắc Thái.

1980 - 1983: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái.

1984 - 10-1986: Phó Bí thư Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái.

11-1986 - 2-1989: Bí thư Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái.

12-1986: Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VI.

3-1989: Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

8-1989: Trưởng Ban Dân tộc Trung ương.

11-1989: Đại biểu Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VIII, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội

6-1991: Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VII).

9-1992: Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX.

6-1996: Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VIII.

9-1997: Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X.

1-1998: Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VIII.

4-2001: Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam, được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX (2001 - 2006).

4-2006: Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam, được bầu tái cử làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X (2006 - 2010). □

BỘ CHÍNH TRỊ BCH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

- | | |
|-----------------------|-----------------------|
| 1 - NÔNG ĐỨC MẠNH | 8 - PHÙNG QUANG THANH |
| 2 - LÊ HỒNG ANH | 9 - TRƯƠNG VĨNH TRỌNG |
| 3 - NGUYỄN TẤN DŨNG | 10 - LÊ THANH HẢI |
| 4 - NGUYỄN MINH TRIẾT | 11 - NGUYỄN SINH HÙNG |
| 5 - TRƯƠNG TẤN SANG | 12 - NGUYỄN VĂN CHI |
| 6 - NGUYỄN PHÚ TRỌNG | 13 - HỒ ĐỨC VIỆT |
| 7 - PHẠM GIA KHIÊM | 14 - PHẠM QUANG NGHỊ |

Tổng Bí thư: NÔNG ĐỨC MẠNH

BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

- | | |
|-----------------------|---------------------|
| 1 - NÔNG ĐỨC MẠNH | 5 - PHẠM QUANG NGHỊ |
| 2 - TRƯƠNG TẤN SANG | 6 - LÊ VĂN DŨNG |
| 3 - TRƯƠNG VĨNH TRỌNG | 7 - TÒNG THỊ PHÓNG |
| 4 - NGUYỄN VĂN CHI | 8 - TÔ HUY RÚA |

ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

- | | |
|-------------------------|------------------------|
| 1 - NGUYỄN VĂN CHI | 8 - LÊ HỒNG LIÊM |
| 2 - NGUYỄN THỊ DOAN | 9 - LÊ VĂN GIẢNG |
| 3 - TRẦN VĂN TRUYỀN | 10 - NGUYỄN VĂN ĐẢM |
| 4 - PHẠM THỊ HẢI CHUYỀN | 11 - SA NHU HÒA |
| 5 - TRẦN HÒA | 12 - NGUYỄN MINH QUANG |
| 6 - PHẠM CHÍ HÒA | 13 - BÙI VĂN THỂ |
| 7 - PHẠM THỊ HÒE | 14 - TÔ QUANG THU |

Chủ nhiệm: NGUYỄN VĂN CHI

BỘ CHÍNH TRỊ

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

KHÓA X



**Đồng chí
NÔNG ĐỨC MẠNH**



**Đồng chí
LÊ HỒNG ANH**



**Đồng chí
NGUYỄN TẤN DŨNG**



**Đồng chí
NGUYỄN MINH TRIẾT**



**Đồng chí
TRƯƠNG TẤN SANG**



**Đồng chí
NGUYỄN PHÚ TRỌNG**



Đồng chí
PHẠM GIA KHIÊM



Đồng chí
PHÙNG QUANG THANH



Đồng chí
TRƯƠNG VĨNH TRỌNG



Đồng chí
LÊ THANH HẢI



Đồng chí
NGUYỄN SINH HÙNG



Đồng chí
NGUYỄN VĂN CHI



Đồng chí
HỒ ĐỨC VIỆT



Đồng chí
PHẠM QUANG NGHỊ

DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X

ỦY VIÊN CHÍNH THỨC :

1. **HOÀNG TUẤN ANH**, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch
2. **LÊ HỒNG ANH**, Đại tướng, Bộ trưởng Bộ Công an
3. **LÊ THỊ THU BA**, Thứ trưởng Bộ Tư pháp
4. **LÊ THỊ BÂN**, Bí thư Tỉnh ủy Tây Ninh
5. **HUỲNH VĂN BE**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Bến Tre
6. **TRỊNH LONG BIÊN**, Bí thư Tỉnh ủy Điện Biên
7. **NGUYỄN THÁI BÌNH**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Trà Vinh
8. **TRƯƠNG HÒA BÌNH**, Thiếu tướng, Thứ trưởng Bộ Công an
9. **VÕ THANH BÌNH**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Cà Mau
10. **ĐÀO XUÂN CẤN**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Bắc Giang
11. **NGUYỄN VĂN CHI**, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa IX
12. **NGUYỄN VĂN CHIẾN**, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước
13. **VÕ MINH CHIẾN**, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Sóc Trăng
14. **VŨ TIẾN CHIẾN**, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Tây Bắc
15. **PHẠM THỊ HẢI CHUYẾN**, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa IX
16. **TRẦN THỊ KIM CÚC**, Bí thư Tỉnh ủy Tiền Giang
17. **NGUYỄN THẮNH CUNG**, Thiếu tướng, Chính ủy Quân khu 7
18. **HOÀNG XUÂN CỪ**, Trưởng ban Nghiên cứu của Bộ Chính trị về an ninh quốc gia
19. **ĐINH VĂN CƯƠNG**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Hà Nam
20. **HÀ HÙNG CƯỜNG**, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Bình
21. **NGUYỄN QUỐC CƯỜNG**, Trưởng Ban Tài chính - Quản trị Trung ương
22. **NGUYỄN THỊ DOAN**, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa IX, Phó Bí thư Đảng ủy khối I cơ quan Trung ương
23. **NGÔ VĂN DỤ**, Chánh văn phòng Trung ương Đảng
24. **ĐÀO NGỌC DUNG**, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh
25. **BÙI TIẾN DŨNG**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Thái Bình
26. **HỒ NGHĨA DŨNG**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Quảng Ngãi
27. **LÊ VĂN DŨNG**, Thượng tướng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị
28. **NGUYỄN TẤN DŨNG**, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ
29. **TRỊNH ĐÌNH DŨNG**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Vĩnh Phúc
30. **MAI THẾ DƯƠNG**, Bí thư Tỉnh ủy Bắc Cạn
31. **HUỲNH ĐẰM**, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
32. **TRẦN ĐÌNH ĐÂN**, Bí thư Tỉnh ủy Hà Tĩnh
33. **CHU VĂN ĐẠT**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Nam Định
34. **PHAN TẤN ĐẠT**, Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu
35. **NGUYỄN VĂN ĐẰNG**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Lâm Đồng
36. **HUỲNH MINH ĐOÀN**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Đồng Tháp
37. **NGUYỄN VĂN ĐƯỢC**, Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng
38. **NGUYỄN VĂN GIẤU**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Ninh Thuận
39. **VŨ HOÀNG HÀ**, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định
40. **HOÀNG TRUNG HẢI**, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp
41. **LÊ THANH HẢI**, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh
42. **TRẦN LƯU HẢI**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Hòa Bình

43. **NGUYỄN ĐỨC HẠT**, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Trung ương
44. **TRẦN VĂN HẰNG**, Phó Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương, Bí thư Ban Cán sự Đảng ngoài nước
45. **HÀ VĂN HIỂN**, Bí thư Tỉnh ủy Hà Tây
46. **VŨ VĂN HIỂN**, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam
47. **NGUYỄN VĂN HIỂN**, Phó Đô đốc, Tư lệnh Quân chủng Hải quân
48. **VŨ VĂN HIỂN**, Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam
49. **PHÙNG QUỐC HIỂN**, Bí thư Tỉnh ủy Yên Bái
50. **NGUYỄN VĂN HIỆN**, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao
51. **ĐẶNG VĂN HIẾU**, Thiếu tướng, Thứ trưởng Bộ Công an
52. **NGUYỄN HUY HIỆU**, Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng
53. **NGUYỄN THỊ THANH HÒA**, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
54. **PHƯƠNG MINH HÒA**, Thiếu tướng, Chính ủy Quân chủng Phòng không - Không quân
55. **VŨ NGỌC HOÀNG**, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam
56. **VŨ HUY HOÀNG**, Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn
57. **LÊ DOÃN HỢP**, Phó Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương
58. **BÙI VĂN HUẤN**, Trung tướng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị
59. **VƯƠNG ĐÌNH HUỆ**, Phó Tổng Kiểm toán Nhà nước
60. **ĐÌNH VĂN HÙNG**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Ninh Bình
61. **NGUYỄN SINH HÙNG**, Bộ trưởng Bộ Tài chính
62. **PHẠM XUÂN HÙNG**, Trung tướng, Phó Giám đốc Thường trực Học viện Quốc phòng
63. **VŨ ĐỨC HUY**, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Kinh tế Trung ương, Bí thư Đảng ủy khối cơ quan Kinh tế Trung ương
64. **ĐÌNH THẾ HUYNH**, Tổng Biên tập Báo Nhân Dân, Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam
65. **NGUYỄN TẤN HUNG**, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước
66. **NGUYỄN VĂN HƯỚNG**, Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Công an
67. **NGUYỄN TUẤN KHANH**, Phó Trưởng Ban Nội chính Trung ương, Bí thư Đảng ủy khối cơ quan Nội chính Trung ương
68. **TRƯƠNG QUANG KHÁNH**, Trung tướng, Chủ nhiệm Tổng cục Kỹ thuật
69. **PHẠM GIA KHIÊM**, Phó Thủ tướng Chính phủ
70. **HÀ THỊ KHIẾT**, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam
71. **NGUYỄN ĐỨC KIÊN**, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế và Ngân sách của Quốc hội
72. **PHAN TRUNG KIÊN**, Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng
73. **VŨ TRỌNG KIM**, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Dân vận Trung ương, Bí thư Đảng ủy khối cơ quan Dân vận Trung ương
74. **NGÔ XUÂN LỊCH**, Thiếu tướng, Chính ủy Quân khu 3
75. **ĐÀO TẤN LỘC**, Bí thư Tỉnh ủy Phú Yên
76. **NGUYỄN VĂN LỢI**, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa
77. **UÔNG CHU LƯU**, Bộ trưởng Bộ Tư pháp
78. **TRƯƠNG THỊ MAI**, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa, Giáo dục Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng của Quốc hội
79. **HỒ XUÂN MÃN**, Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên - Huế
80. **VI VĂN MẠN**, Thiếu tướng, Chính ủy Quân khu 1
81. **NÔNG ĐỨC MẠNH**, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương khóa IX
82. **ĐẶNG VŨ MINH**, Chủ tịch Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam
83. **NGUYỄN TẤN MINH**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
84. **ĐỖ HOÀI NAM**, Chủ tịch Viện Khoa học Xã hội Việt Nam
85. **MAI VĂN NĂM**, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Tây Nguyên
86. **NGUYỄN THỊ KIM NGÂN**, Thứ trưởng Bộ Thương mại
87. **PHẠM QUANG NGHỊ**, Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin
88. **LÊ HỮU NGHĨA**, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương
89. **NGUYỄN KHẮC NGHIÊN**, Trung tướng, Phó Tổng tham mưu trưởng QĐNN Việt Nam

90. **PHẠM KHÔI NGUYỄN**, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
91. **HUỖNH THỊ NHÂN**, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
92. **NGUYỄN THIÊN NHÂN**, Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND thành phố Hồ Chí Minh
93. **HOÀNG MINH NHẤT**, Bí thư Tỉnh ủy Hà Giang
94. **HÀ SƠN NHIN**, Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai
95. **VŨ VĂN NINH**, Thứ trưởng Bộ Tài chính
96. **NGUYỄN THỊ NUONG**, Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng, Phó Chủ tịch kiêm nhiệm Hội đồng Dân tộc của Quốc hội
97. **NGUYỄN ĐÌNH PHÁCH**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Hưng Yên
98. **CAO ĐỨC PHÁT**, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
99. **MAI QUANG PHẤN**, Thiếu tướng, Chính ủy Quân khu 4
100. **HOÀNG VĂN PHONG**, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
101. **TÔNG THỊ PHÓNG**, Trưởng ban Dân vận Trung ương
102. **PHÙNG HỮU PHÚ**, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy, Chủ tịch HĐND thành phố Hà Nội
103. **LÊ HỮU PHÚC**, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị
104. **NGUYỄN XUÂN PHÚC**, Phó Tổng Thanh tra Chính phủ
105. **VŨ HỒNG PHÚC**, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
106. **GIÀNG SEO PHỬ**, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương
107. **KSOR PHƯỚC**, Bộ trưởng - Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc
108. **NGUYỄN MINH QUANG**, Bí thư Tỉnh ủy Lai Châu
109. **NGUYỄN PHONG QUANG**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Hậu Giang
110. **TRẦN ĐẠI QUANG**, Thiếu tướng, Thứ trưởng Bộ Công an
111. **HOÀNG BÌNH QUÂN**, Bí thư Tỉnh ủy Tuyên Quang
112. **LÊ HOÀNG QUÂN**, Phó Bí thư Thường trực Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh
113. **NGUYỄN VIỆT QUÂN**, Thiếu tướng, Chính ủy Quân khu 9
114. **NGUYỄN HỒNG QUÂN**, Bộ trưởng Bộ Xây dựng
115. **NGUYỄN TẤN QUYỀN**, Bí thư Thành ủy thành phố Cần Thơ
116. **BÙI THANH QUYẾN**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Hải Dương
117. **NGUYỄN VĂN QUYNH**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Quảng Ninh
118. **TÔ HUY RÚA**, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Bí thư Đảng ủy khối cơ quan Trung ương về Công tác tư tưởng
119. **TRƯƠNG TẤN SANG**, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương
120. **TRƯƠNG VĂN SÁU**, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Long
121. **NGUYỄN BẮC SON**, Bí thư Tỉnh ủy Thái Nguyên
122. **NGUYỄN VĂN SON**, Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương, Bí thư Đảng ủy khối cơ quan Đối ngoại Trung ương
123. **HUỖNH NGỌC SON**, Trung tướng, Tư lệnh Quân khu 5
124. **SON SONG SON**, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Dân tộc
125. **THÀO XUÂN SÙNG**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Sơn La
126. **TẠ NGỌC TẤN**, Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh
127. **NGUYỄN BÁ THANH**, Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND thành phố Đà Nẵng
128. **PHÙNG QUANG THANH**, Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam
129. **TRẦN ĐÌNH THÀNH**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Đồng Nai
130. **NGUYỄN THẾ THẢO**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Bắc Ninh
131. **ĐINH LA THẮNG**, Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam
132. **ĐÀO TRỌNG THI**, Giám đốc Đại học quốc gia Hà Nội
133. **PHẠM VĂN THỌ**, Trưởng Ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương, Bí thư Đảng ủy khối I cơ quan Trung ương
134. **NGUYỄN VĂN THUẬN**, Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND thành phố Hải Phòng
135. **NIỀ THUẬT**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Đắk Lắk

136. **LÊ ĐỨC THÚY**, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
137. **LÊ THẾ TIỆM**, Thượng tướng, Thứ trưởng Bộ Công an
138. **TRƯƠNG VĂN TIẾP**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Long An
139. **NGUYỄN KHÁNH TOÀN**, Thượng tướng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Công an
140. **HUỲNH PHONG TRANH**, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ
141. **NGUYỄN MINH TRIẾT**, Bí thư Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh
142. **NGUYỄN QUỐC TRIỆU**, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội
143. **NGUYỄN PHÚ TRỌNG**, Bí thư Thành ủy thành phố Hà Nội, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương
144. **TRƯƠNG VINH TRỌNG**, Trưởng ban Nội chính Trung ương
145. **MAI THẾ TRUNG**, Bí thư Tỉnh ủy Bình Dương
146. **NGUYỄN THẾ TRUNG**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Nghệ An
147. **TRẦN VĂN TRUYỀN**, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa IX
148. **TRẦN VĂN TUẤN**, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương
149. **TRƯƠNG QUỐC TUẤN**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Kiên Giang
150. **ĐẶNG NGỌC TÙNG**, Phó Chủ tịch Thường trực Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam
151. **PHẠM MINH TUYẾN**, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Bảo vệ Chính trị nội bộ Trung ương
152. **NGUYỄN VĂN TỰ**, Bí thư Tỉnh ủy Khánh Hòa
153. **HUỲNH VĂN TÝ**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Bình Thuận
154. **ĐỖ BÁ TỶ**, Thiếu tướng, Phó Tư lệnh, Tham mưu trưởng Quân khu 2.
155. **Y VÊNG**, Bí thư Tỉnh ủy Kon Tum
156. **HỒ ĐỨC VIỆT**, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học - Công nghệ và Môi trường của Quốc hội
157. **NGUYỄN HOÀNG VIỆT**, Bí thư Tỉnh ủy An Giang
158. **BÙI QUANG VINH**, Bí thư Tỉnh ủy Lào Cai
159. **NGÔ ĐỨC VƯỢNG**, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Phú Thọ
160. **TRẦN QUỐC VƯỢNG**, Phó Chánh Văn phòng Thường trực Văn phòng Trung ương Đảng

ỦY VIÊN DỰ KHUYẾT:

1. **PHAN THANH BÌNH**, Thành ủy viên, Phó Giám đốc Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh
2. **ĐỖ VĂN CHIẾN**, Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang
3. **MAI VĂN CHÍNH**, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Thủ Thừa, tỉnh Long An
4. **PHẠM BIÊN CUONG**, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Tịnh Biên, tỉnh An Giang
5. **PHAN XUÂN DŨNG**, Viện trưởng Viện Ứng dụng công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ
6. **VÕ VĂN DŨNG**, Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thị ủy thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
7. **VŨ ĐỨC ĐAM**, Thứ trưởng Bộ Bưu chính - Viễn thông
8. **BÙI THỊ MINH HOÀI**, Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy Hà Nam
9. **ĐIỀU KRÉ**, Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Đắk Nông
10. **HẦU A LÊNH**, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai
11. **NGUYỄN HỒNG LĨNH**, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
12. **TRẦN THANH MẪN**, Thường vụ Thành ủy, Bí thư Quận ủy Bình Thủy, thành phố Cần Thơ
13. **PHẠM BÌNH MINH**, Vụ trưởng Vụ Các tổ chức quốc tế - Bộ Ngoại giao
14. **VÕ VĂN PHUÔNG**, Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thị ủy Thị xã Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
15. **NGUYỄN XUÂN QUANG**, Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Thành ủy thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình
16. **NGUYỄN THANH SON**, Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang
17. **ĐẶNG THỊ NGỌC THỊNH**, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và trẻ em
18. **VÕ VĂN THƯỜNG**, Thành ủy viên, Bí thư Quận ủy quận 12, thành phố Hồ Chí Minh
19. **NGUYỄN THỊ KIM TIẾN**, Viện trưởng Viện Pasteur, thành phố Hồ Chí Minh
20. **TRẦN CẨM TÚ**, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
21. **TRIỆU TÀI VINH**, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

DIỄN VĂN KHAI MẠC

**(Do đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Bộ Chính trị
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, đọc ngày 18-4-2006)**

Thưa Đoàn Chủ tịch Đại hội,

Thưa các vị khách quý,

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Hôm nay, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam long trọng khai mạc tại Thủ đô Hà Nội. Thay mặt Đoàn Chủ tịch, tôi xin nhiệt liệt chào mừng 1.176 đại biểu, được bầu ra từ đại hội đại biểu các cấp, đại diện cho trên 3,1 triệu đảng viên, tiêu biểu cho sức mạnh đoàn kết, ý chí và nguyện vọng của toàn Đảng, về dự Đại hội trong thời điểm lịch sử quan trọng của cách mạng và của dân tộc ta.

Đại hội chúng ta nồng nhiệt chào mừng các đồng chí nguyên Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, các đại biểu lão thành cách mạng, các đồng chí nguyên Phó Chủ tịch nước, Phó Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch Quốc hội, các đồng chí nguyên là Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng các khóa, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các nhân sĩ, trí thức và đại diện thế hệ trẻ là khách mời của Đại hội.

Trong giờ phút trọng thể này, Đại hội chúng ta thành kính tưởng nhớ và bày tỏ lòng biết ơn vô hạn Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người sáng lập và rèn luyện Đảng ta, lãnh tụ vĩ đại của Đảng và dân tộc ta, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới, chiến sĩ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế. Sự

nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân ta 76 năm qua đã khẳng định rằng, tư tưởng vĩ đại của Người cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin mãi mãi là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, là tài sản tinh thần vô giá của Đảng và dân tộc ta. Tư tưởng đó đã dẫn dắt chúng ta trên mỗi chặng đường xây dựng và phát triển đất nước, là ngọn cờ thắng lợi của cách mạng Việt Nam, là sức mạnh tập hợp và đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp cách mạng của chúng ta hôm nay và mai sau.

Đại hội chúng ta thành kính tưởng nhớ các thế hệ cán bộ, chiến sĩ, đồng bào, đồng chí đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đại hội bày tỏ lòng tiếc thương các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng khóa IX đã qua đời.

Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh và trân trọng cảm ơn sự tham gia nhiệt tình và sự đóng góp quý báu, đầy trách nhiệm của các tổ chức đảng, của toàn thể đảng viên, của các đoàn thể chính trị xã hội các cấp, của các vị lão thành cách mạng, các nhân sĩ, trí thức, các nhà khoa học và đông đảo các tầng lớp nhân dân trong nước, đồng bào Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài, bạn bè quốc tế vào các văn kiện Đại hội lần thứ X của Đảng, góp phần quan trọng làm cho các văn kiện trình Đại hội hôm nay thực sự là kết tinh của trí tuệ và sức sáng

tạo của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh và biểu dương phong trào thi đua sôi nổi của các tầng lớp nhân dân, các ngành, các cấp, các địa phương và đơn vị lập những thành tích xuất sắc chào mừng Đại hội.

Thưa Đại hội,

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam diễn ra trong thời điểm lịch sử có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Sự nghiệp đổi mới trên đất nước ta đã trải qua 20 năm. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vừa kết thúc 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, cũng là 5 năm đầu tiên của thế kỷ XXI. Trong 5 năm ấy, bên cạnh những thuận lợi cơ bản, nước ta cũng gặp không ít khó khăn, thách thức do những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, những khó khăn vốn có của nền kinh tế đang ở trình độ kém phát triển, thiên tai, dịch bệnh và những yếu kém chủ quan trong tổ chức và quản lý. Nhưng với sự nỗ lực vượt bậc của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng đã đạt được những thành tựu rất quan trọng. Nhìn khái quát cả 20 năm đổi mới, chúng ta thấy những thành tựu đạt được là to lớn và có ý nghĩa lịch sử, đã đưa lại cho đất nước ta một sự thay đổi cơ bản và toàn diện, làm cho thế và lực, uy tín quốc tế của nước ta tăng lên nhiều so với trước.

Trong những năm sắp tới, tình hình quốc tế sẽ có nhiều diễn biến nhanh chóng và phức tạp, khó lường. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta có những thuận lợi và cơ hội lớn để tiến lên, đồng thời cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức không thể xem thường.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng có nhiệm vụ nhìn thẳng vào sự thật để kiểm điểm, đánh giá khách quan, toàn diện thành tựu và những yếu kém, khuyết điểm, đồng thời rút ra được những bài học kinh

nghiệm qua việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2001 - 2005), chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) và nhìn lại 20 năm đổi mới; từ đó tiếp tục phát triển và hoàn thiện đường lối, quan điểm, định ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm tới (2006 - 2010); phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng; bổ sung, sửa đổi một số điểm trong Điều lệ Đảng; bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X thực sự tiêu biểu về phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, có đủ trí tuệ và năng lực lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X, đặc biệt là thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, gắn bó mật thiết với nhân dân, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong thời kỳ mới.

Thưa Đại hội,

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng nêu cao ý chí sắt đá của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phấn đấu đưa nước ta sớm ra khỏi tình trạng kém phát triển và vươn lên trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Chúng ta nhất định làm hết sức mình cho việc nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, thực hiện bằng được mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", vững bước tiến lên chủ nghĩa xã hội, sánh vai cùng các nước tiên tiến trên thế giới.

Với niềm tin sâu sắc đó, thay mặt Đoàn Chủ tịch, tôi xin tuyên bố khai mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chúc các đại biểu và các vị khách quý sức khỏe, hạnh phúc.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp. □

**NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO
VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG,
PHÁT HUY SỨC MẠNH TOÀN DÂN TỘC,
ĐẨY MẠNH TOÀN DIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI,
SỚM ĐƯA NƯỚC TA RA KHỎI
TÌNH TRẠNG KÉM PHÁT TRIỂN**

***(Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX
về các văn kiện tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng
do đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh trình bày ngày 18-4-2006)***

Thưa Đoàn Chủ tịch,

Thưa các vị khách quý,

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Đại hội X của Đảng họp vào lúc toàn Đảng, toàn dân ta kết thúc 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và đã trải qua 20 năm đổi mới.

Đại hội có nhiệm vụ kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và quyết định phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước trong thời gian tới. Chủ đề của Đại hội là: *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển.*

Ban Chấp hành Trung ương xin trình Đại hội các văn kiện: *Báo cáo Chính trị; Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010; Báo cáo công*

tác xây dựng Đảng; Báo cáo một số vấn đề về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng; Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII trong nhiệm kỳ Đại hội IX và Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX.

Trong quá trình chuẩn bị các văn kiện, đảng bộ các cấp, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội, các đồng chí lão thành cách mạng, các nhà trí thức đã đóng góp nhiều ý kiến phong phú và sâu sắc. Sau khi dự thảo *Báo cáo Chính trị* được công bố rộng rãi, đồng đảo các tầng lớp nhân dân trong nước và đồng bào ta định cư ở nước ngoài đã sôi nổi đóng góp nhiều ý kiến quý báu, đầy tâm huyết, thể hiện tinh thần trách nhiệm với Đảng, với dân tộc, mong muốn Đảng ta ngày càng vững mạnh, đất nước ta ngày càng phát triển, Đại hội X

đánh dấu bước phát triển về đường lối, chính sách, về tổ chức và nhân sự đáp ứng được đòi hỏi của cuộc sống. Các văn kiện trình Đại hội lần này là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân ta.

Từ diễn đàn trọng thể này, Đại hội chúng ta nhiệt liệt hoan nghênh và bày tỏ lòng biết ơn chân thành về sự đóng góp xây dựng quý báu ấy của đồng chí, đồng bào!

Thưa các đồng chí,

Sau đây, thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, tôi xin trình bày những nội dung chủ yếu trong các văn kiện trình Đại hội.

I – ĐÁNH GIÁ 5 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI IX CỦA ĐẢNG VÀ NHÌN LẠI 20 NĂM ĐỔI MỚI

Năm năm qua, bên cạnh những thuận lợi cơ bản do tiến trình đổi mới tạo ra, nước ta cũng gặp không ít khó khăn, thách thức do những yếu kém vốn có của nền kinh tế trình độ thấp; thiên tai, dịch bệnh xảy ra ở nhiều nơi; tình hình thế giới và khu vực diễn biến hết sức phức tạp. Trong hoàn cảnh đó, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta ra sức phấn đấu thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và **đã đạt những thành tựu rất quan trọng**:

Nền kinh tế đã vượt qua thời kỳ suy giảm, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, năm sau cao hơn năm trước, bình quân trong 5 năm (2001 - 2005) là 7,5% và phát triển tương đối toàn diện. Văn hóa và xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt; việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tốt, nhất là trong công cuộc xóa đói, giảm nghèo; đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện. Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng và an ninh được tăng cường; quan hệ đối ngoại có bước phát triển mới. Việc xây dựng

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có tiến bộ trên cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy. Công tác xây dựng Đảng đạt một số kết quả tích cực.

Đạt được những thành tựu trên là nhờ đường lối đúng đắn của Đảng; sự quản lý thống nhất theo pháp luật của Nhà nước, sự điều hành năng động của Chính phủ và sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Đó còn là do tác động tích cực của những cơ chế, chính sách đã ban hành; do kết quả đầu tư trong nhiều năm qua đã làm cho năng lực sản xuất của nhiều ngành và toàn bộ nền kinh tế tăng khá. Nhân dịp này, Đại hội chúng ta nhiệt liệt biểu dương các ngành, các cấp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các tầng lớp nhân dân đã lao động quên mình, góp phần đem lại những thành tựu rất quan trọng đó.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, chúng ta còn nhiều **khuyết điểm và yếu kém**:

Tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với khả năng; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn kém; cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm. Cơ chế, chính sách về văn hóa - xã hội chậm đổi mới; nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết tốt. Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số mặt hạn chế. Tổ chức và hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân còn một số khâu chậm đổi mới. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu.

Có những khuyết điểm đó là do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, chủ yếu là những nguyên nhân chủ quan như: Tư duy của Đảng trên một số lĩnh vực chậm đổi mới; một số vấn đề ở tầm quan điểm, chủ trương lớn chậm làm rõ nên chưa đạt được sự

thống nhất cao về nhận thức và thiếu dứt khoát trong hoạch định chính sách, chỉ đạo, điều hành. Sự chỉ đạo tổ chức thực hiện chưa tốt, nhất là trong ba lĩnh vực: xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tạo bước chuyển mạnh về phát triển nguồn nhân lực; đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt các cấp yếu kém về phẩm chất, năng lực và tinh thần trách nhiệm, vừa thiếu tính tiên phong, gương mẫu, vừa không đủ trình độ, năng lực hoàn thành nhiệm vụ.

Những khuyết điểm nói trên, trước hết thuộc về trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp là của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Ban Chấp hành Trung ương xin tự phê bình nghiêm túc về những khuyết điểm của mình trước Đại hội và trước nhân dân.

Thưa các đồng chí,

Những thành tựu trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX đã góp phần quan trọng vào thành tựu chung của 20 năm đổi mới.

Hai mươi năm qua, với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, ***công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử.***

Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Kinh tế tăng trưởng khá nhanh; sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang đẩy mạnh. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị - xã hội ổn định. Quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế nước

ta trên trường quốc tế không ngừng nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp.

Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản.

Xã hội xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng tiến bộ; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

Để đi lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc làm nền tảng tinh thần của xã hội; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Thưa các đồng chí,

Ban Chấp hành Trung ương rất vui mừng báo cáo với Đại hội, trong quá trình thảo luận và đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội lần này, trong Đảng và trong nhân dân, đã có sự nhất trí cao với đánh giá tổng quát: Những thành tựu đạt được trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX là ***rất quan trọng***; những thành tựu của 20 năm đổi mới là ***to lớn và có ý nghĩa lịch sử***.

Từ thực tiễn đổi mới, Đảng và Nhà nước ta càng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý. Có thể rút ra ***một số bài học lớn*** sau đây:

Một là, trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

Ba là, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới.

Bốn là, phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức khai thác ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

Năm là, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Thực tiễn chứng minh hùng hồn rằng, đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo thực hiện là hoàn toàn đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn của đất nước

và giai đoạn hiện nay. Tại Đại hội này, Đảng ta khẳng định "tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới", một chủ trương được toàn dân ủng hộ và dư luận quốc tế đánh giá cao.

Qua tổng kết lý luận - thực tiễn 20 năm đổi mới, chúng ta càng thấy rõ giá trị định hướng và chỉ đạo có ý nghĩa to lớn của ***Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*** (năm 1991) đồng thời cũng thấy rõ thêm những vấn đề mới đặt ra cần được giải đáp. Sau Đại hội X, Đảng ta cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển ***Cương lĩnh***, làm nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong quá trình đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội.

II – MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC 5 NĂM 2006 – 2010

Thưa các đồng chí,

Trong những năm sắp tới, ***trên thế giới***, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục phục hồi và phát triển nhưng vẫn tiềm ẩn những yếu tố bất trắc khó lường. Toàn cầu hóa kinh tế tạo ra cơ hội nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố bất bình đẳng, gây khó khăn, thách thức cho các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển. Khoa học và công nghệ sẽ có những bước đột phá mới. Mặt khác, những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, tranh chấp về lãnh thổ và tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp. Đồng thời, nhiều vấn đề toàn cầu bức xúc đòi hỏi các quốc gia và các tổ chức quốc tế phải phối hợp giải quyết như khoảng cách chênh lệch giữa các nhóm nước giàu và

nước nghèo ngày càng lớn; tình trạng môi trường tự nhiên bị hủy hoại, khí hậu diễn biến ngày càng xấu...

Ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương nói chung và Đông - Nam Á nói riêng, xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển tiếp tục gia tăng, nhưng luôn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định.

Trong nước, những thành tựu 5 năm qua (2001 - 2005) và 20 năm đổi mới (1986 - 2006) tạo thêm nhiều thuận lợi cho đất nước ta đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội với nhịp độ nhanh hơn, chất lượng cao hơn. Tuy nhiên, nước ta đang đứng trước nhiều thách thức lớn, đan xen nhau, tác động tổng hợp và diễn biến phức tạp, không thể coi thường bất cứ thách thức nào. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới vẫn tồn tại. Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên gắn liền với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn đang diễn ra nghiêm trọng chưa được ngăn chặn có hiệu quả. Những biểu hiện xa rời mục tiêu lý tưởng của chủ nghĩa xã hội chưa được khắc phục. Các thế lực thù địch vẫn đang ráo riết thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", gây bạo loạn, lật đổ, sử dụng các chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền", "dân tộc", "tôn giáo" hòng làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta.

Thưa các đồng chí,

Từ sự phân tích các mặt nêu trên, chúng ta khẳng định rằng: những năm tới tuy khó khăn còn nhiều nhưng *đất nước ta có nhiều cơ hội để tiến lên*. Đòi hỏi bức bách của toàn dân tộc ta lúc này là phải *tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ hơn, phát triển với tốc độ nhanh hơn và bền vững hơn*.

Năm năm 2006 - 2010 có ý nghĩa quyết định đối với việc hoàn thành *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm đầu thế kỷ XXI*.

Mục tiêu và phương hướng tổng quát của 5 năm 2006 - 2010 là: *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; phát triển văn hóa; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tăng cường quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; giữ vững ổn định chính trị - xã hội; sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại*.

Trong chủ đề của Đại hội cũng như trong mục tiêu và phương hướng tổng quát của 5 năm 2006 - 2010, *sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển* là mục tiêu trực tiếp của Đại hội X. Như chúng ta đều biết, Đại hội IX đã đề ra *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010* nhằm "đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển". Nay chúng ta nêu lên chữ *sớm* là thể hiện quyết tâm phấn đấu đạt mục tiêu chiến lược ấy *trước năm 2010*. Đây là điều mong ước thiết tha và là đòi hỏi bức xúc của toàn Đảng, toàn dân ta. Nếu "sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển" là thể hiện sự nhìn nhận nghiêm túc, khách quan về tình hình đất nước hiện nay, đồng thời cổ vũ nhân dân ta vươn lên với tinh thần tự tôn dân tộc và quyết tâm cao để đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển không chỉ ở mức thu nhập thấp mà còn ở những lĩnh vực khác như kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đời sống văn hóa tinh thần, chỉ số phát triển con người...

Việc thực hiện thắng lợi mục tiêu này, sẽ đánh dấu một bước phát triển mới trên con đường đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Với quyết tâm cao, chúng ta đề ra những chỉ tiêu định hướng về phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu trong 5 năm 2006 - 2010, trong đó, quan trọng nhất là: *đến năm 2010*, tổng sản phẩm trong nước (GDP) gấp 2,1 lần so với năm 2000; mức tăng GDP bình quân đạt 7,5% - 8%/năm, phân đầu đạt trên 8%/năm. Cơ cấu ngành trong GDP: khu vực nông nghiệp khoảng 15% - 16%; công nghiệp và xây dựng 43% - 44%; dịch vụ 40% - 41%. Tạo việc làm cho 8 triệu lao động, tỉ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới 5%. Tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) giảm xuống còn 10% - 11%...

III - TIẾP TỤC HOÀN THIỆN THỂ CHẾ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA. ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRI THỨC

Thưa các đồng chí,

Trong sự nghiệp xây dựng đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm. Trong 5 năm tới, chúng ta chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức.

Để hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, điều cần thiết trước hết là nắm vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta. Đó là: thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"; giải phóng mạnh mẽ và không ngừng phát triển sức sản xuất, nâng cao đời sống nhân

dân. Phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; hoàn thiện chế độ phân phối chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội. Phát huy vai trò làm chủ xã hội của nhân dân, bảo đảm vai trò quản lý, điều tiết nền kinh tế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Về nội dung, cần tiến hành đồng thời cả ba mặt:

- *Nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước.* Nhà nước tập trung làm tốt các chức năng: Định hướng sự phát triển bằng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách trên cơ sở tôn trọng và tuân thủ các nguyên tắc của thị trường. Tạo môi trường pháp lý thuận lợi để phát huy các nguồn lực của xã hội cho phát triển. Bảo đảm tính bền vững và tích cực của các cân đối kinh tế vĩ mô, hạn chế các rủi ro và tác động tiêu cực của kinh tế thị trường. Thực hiện quản lý nhà nước bằng hệ thống pháp luật, giảm tối đa sự can thiệp hành chính vào hoạt động của thị trường và doanh nghiệp...

- *Phát triển đồng bộ và quản lý có hiệu quả sự vận hành các loại thị trường cơ bản theo cơ chế cạnh tranh lành mạnh.* Cùng với việc phát triển mạnh thị trường hàng hóa, dịch vụ và thị trường sức lao động, cần phát triển vững chắc thị trường tài chính, bao gồm thị trường vốn và thị trường tiền tệ theo hướng đồng bộ, cơ cấu hoàn chỉnh; phát triển thị trường bất động sản, bao gồm thị trường quyền sử dụng đất và bất động sản gắn liền

với đất, làm cho đất đai thực sự trở thành nguồn vốn cho phát triển, thị trường bất động sản trong nước có sức cạnh tranh so với thị trường khu vực; phát triển *thị trường khoa học và công nghệ* trên cơ sở đổi mới cơ chế, chính sách để phần lớn sản phẩm khoa học và công nghệ (trừ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu phục vụ xây dựng đường lối, chiến lược, chính sách phát triển quốc phòng và an ninh) trở thành hàng hóa.

- *Phát triển mạnh các thành phần kinh tế, các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh.* Các thành phần kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng tồn tại và phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh.

Chúng ta chủ trương xây dựng và thực hiện *Chiến lược quốc gia* về phát triển doanh nghiệp, xây dựng một hệ thống doanh nghiệp Việt Nam có sức cạnh tranh cao, chủ lực là một số tập đoàn kinh tế và công ty lớn dựa trên hình thức cổ phần. Theo đó, cần tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là cổ phần hóa; đổi mới và phát triển các loại hình kinh tế tập thể; phát triển mạnh các hộ kinh doanh cá thể và các loại hình doanh nghiệp của tư nhân, đồng thời thu hút mạnh nguồn lực của các nhà đầu tư nước ngoài.

Về *đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức*, chúng ta tranh thủ các cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và tiềm năng, lợi thế của nước ta để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với phát triển kinh tế tri

thức. Phải coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và công nghiệp hóa, hiện đại hóa; phát triển mạnh các ngành kinh tế và các sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức.

Chúng ta chủ trương *đẩy mạnh hơn nữa công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân*. Phải phát triển toàn diện nông nghiệp, chuyển dịch mạnh cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng tạo ra giá trị gia tăng ngày càng cao, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường; thực hiện cơ khí hóa, điện khí hóa, thủy lợi hóa, đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ sinh học vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh, phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng địa phương. Khẩn trương xây dựng các quy hoạch phát triển nông thôn và thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; xây dựng các làng, xã, thôn, ấp, bản có cuộc sống no đủ, văn minh, môi trường lành mạnh; hình thành các khu dân cư đô thị hóa với kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ. Phát huy dân chủ ở nông thôn đi đôi với xây dựng nếp sống văn hóa, nâng cao trình độ dân trí; chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn theo hướng giảm nhanh tỉ trọng lao động làm nông nghiệp, tăng tỉ trọng lao động làm công nghiệp và dịch vụ.

Trong việc *phát triển công nghiệp, xây dựng và dịch vụ*, chúng ta khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế tác, công nghiệp phần mềm và công nghiệp hỗ trợ có lợi thế cạnh tranh, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu và thu hút nhiều lao động; phát triển một số khu kinh tế mở và đặc khu kinh tế. Khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển mạnh các ngành công nghiệp sản

xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; sản xuất tư liệu sản xuất quan trọng theo hướng hiện đại; ưu tiên thu hút đầu tư của các tập đoàn kinh tế và các công ty xuyên quốc gia. Khẩn trương thu hút vốn trong và ngoài nước đầu tư thực hiện một số dự án quan trọng về khai thác dầu khí, lọc dầu và hóa dầu, luyện kim, cơ khí chế tạo, hóa chất cơ bản, phân bón, vật liệu xây dựng, xây dựng các kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Tạo bước phát triển vượt bậc của các ngành dịch vụ, nhất là những ngành có chất lượng cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh; đưa tốc độ tăng trưởng của các ngành dịch vụ cao hơn tốc độ tăng GDP.

Chúng ta chủ trương *phát triển kinh tế vùng* thông qua các chính sách phù hợp tạo điều kiện cho các vùng trong cả nước cùng phát triển, đồng thời tạo sự liên kết giữa các vùng và nội vùng; *phát triển kinh tế biển* theo một chiến lược toàn diện, có trọng tâm, trọng điểm, sớm đưa nước ta thành một quốc gia mạnh về kinh tế biển trong khu vực, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế.

Phát triển khoa học và công nghệ ở nước ta phải phù hợp xu thế phát triển nhảy vọt của cách mạng khoa học - công nghệ trên thế giới. Cố gắng đi ngay vào công nghệ hiện đại đối với một số lĩnh vực then chốt và từng bước mở rộng ra toàn bộ nền kinh tế. Chú trọng đúng mức việc phát triển công nghệ cao để tạo đột phá và ứng dụng công nghệ dùng nhiều lao động để giải quyết việc làm.

IV – GIẢI QUYẾT TỐT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI, VĂN HÓA, GIÁO DỤC, KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Thưa các đồng chí,

Từ thực tiễn xây dựng đất nước mấy chục năm qua, chúng ta nhận thức ngày càng sâu

sắc rằng, xã hội, văn hóa là những lĩnh vực thể hiện rõ nhất bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong những năm tới, cần đưa việc giải quyết các vấn đề xã hội và phát triển văn hóa lên nhanh hơn nữa, tương xứng với nhịp độ phát triển kinh tế.

Về *xã hội*, chúng ta chủ trương kết hợp chặt chẽ, hợp lý các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, địa phương; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, thực hiện tốt các chính sách xã hội trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn quyền lợi với nghĩa vụ, cống hiến với hưởng thụ, tạo động lực mạnh mẽ hơn cho phát triển kinh tế - xã hội.

Chúng ta khuyến khích mọi người dân làm giàu theo pháp luật, đồng thời thực hiện có hiệu quả các chính sách xóa đói, giảm nghèo, thực hiện tốt hơn công bằng xã hội. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống chính sách bảo đảm dịch vụ công cộng thiết yếu, tạo điều kiện cho mọi người dân, kể cả người nghèo được đáp ứng nhu cầu về giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe, văn hóa - thông tin, thể dục - thể thao, tạo việc làm... Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng; phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân. Đổi mới và hoàn thiện hệ thống y tế theo hướng công bằng, hiệu quả và phát triển, tạo cơ hội cho mọi người dân được bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe. Xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe, tầm vóc con người Việt Nam, tăng tuổi thọ và cải thiện chất lượng giống nòi. Thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình, các chính sách ưu đãi xã hội.

Về *văn hóa*, chúng ta chủ trương tiếp tục phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc,

gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội, làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo ra chất lượng mới của cuộc sống; xây dựng và hoàn thiện giá trị, nhân cách con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ba lĩnh vực cần tập trung thực hiện bằng được là: xây dựng môi trường, lối sống và đời sống văn hóa của mọi người dân ở cơ sở, phát huy tinh thần tự nguyện, tính tự quản và năng lực làm chủ của nhân dân; khuyến khích sáng tạo văn học, nghệ thuật, tạo ra những tác phẩm, công trình có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật; xây dựng và nâng cấp đồng bộ hệ thống thiết chế văn hóa, chú trọng các công trình văn hóa lớn, tiêu biểu.

Theo phương hướng ấy, cần tiếp tục đầu tư cho việc bảo tồn và tôn tạo các di tích lịch sử và di sản văn hóa; tạo điều kiện cho các lĩnh vực xuất bản, thông tin đại chúng phát triển; bảo đảm tự do dân chủ cho mọi hoạt động sáng tạo văn hóa, văn học nghệ thuật đi đôi với phát huy trách nhiệm công dân của văn nghệ sĩ, chăm sóc các tài năng văn hóa, nghệ thuật; đổi mới nội dung và phương thức quản lý của Nhà nước về văn hóa...

Về **giáo dục và đào tạo**, chúng ta phấn đấu để lĩnh vực này cùng với khoa học và công nghệ thực sự là quốc sách hàng đầu thông qua việc đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chấn hưng nền giáo dục Việt Nam. Những biện pháp cụ thể là: đổi mới cơ cấu tổ chức, nội dung, phương pháp dạy và học theo hướng "chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa". Phát huy trí sáng tạo, khả năng vận dụng, thực hành của người học. Đề cao trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội. Chuyển dần mô hình giáo dục hiện nay sang mô hình giáo dục mở - mô hình xã hội học tập với hệ

thống học tập suốt đời, đào tạo liên tục, liên thông giữa các bậc học, ngành học. Phát triển giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và hệ thống hướng nghiệp, dạy nghề. Đổi mới hệ thống giáo dục đại học và sau đại học; gắn đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ với sử dụng, trực tiếp phục vụ chuyển đổi cơ cấu lao động. Đổi mới cơ chế quản lý giáo dục; thực hiện phân cấp, tạo động lực và sự chủ động của các cơ sở, các chủ thể tiến hành giáo dục. Nhà nước tăng đầu tư tập trung cho các mục tiêu ưu tiên, các chương trình quốc gia phát triển giáo dục, hỗ trợ các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; thực hiện miễn giảm việc đóng góp và cấp học bổng cho học sinh nghèo, các đối tượng chính sách, học sinh giỏi.

Về **khoa học và công nghệ**, chúng ta phấn đấu đến năm 2010, năng lực khoa học và công nghệ nước ta đạt trình độ của các nước tiên tiến trong khu vực trên một số lĩnh vực quan trọng.

Phát triển khoa học xã hội hướng vào việc tiếp tục góp phần làm sáng tỏ những nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. **Phát triển khoa học tự nhiên** theo hướng tập trung nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng, đặc biệt các lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu và thế mạnh. **Phát triển công nghệ**, đẩy mạnh có chọn lọc việc nhập công nghệ, mua sáng chế kết hợp với công nghệ nội sinh để nhanh chóng đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ; phát triển công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học và công nghệ vật liệu mới.

Chúng ta chủ trương **đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ** theo hướng

Nhà nước đầu tư vào các chương trình nghiên cứu quốc gia đạt trình độ khu vực và thế giới, xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ của một số lĩnh vực trọng điểm. Đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư, huy động các thành phần kinh tế tham gia và đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong lĩnh vực khoa học và công nghệ. Có chính sách trọng dụng nhân tài, các nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư, kỹ sư trưởng, kỹ thuật viên lành nghề và công nhân kỹ thuật có tay nghề cao; thu hút các nhà khoa học, công nghệ giỏi ở trong nước, ngoài nước và trong cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

V – TĂNG CƯỜNG QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH, MỞ RỘNG QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI; CHỦ ĐỘNG VÀ TÍCH CỰC HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Thưa các đồng chí,

Về **quốc phòng và an ninh**, cần thực hiện mọi biện pháp cần thiết, có hiệu quả để xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, văn hóa - tư tưởng và an ninh xã hội; duy trì trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội; góp phần giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn chặn, đẩy lùi và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, không để bị động, bất ngờ.

Chúng ta chủ trương kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường sức mạnh quốc phòng và an ninh trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân; đẩy mạnh xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố;

tiếp tục phát triển các khu kinh tế - quốc phòng, xây dựng các khu quốc phòng - kinh tế. Xây dựng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, là lực lượng nòng cốt của sức mạnh quốc phòng - an ninh; nâng cao chất lượng tổng hợp, sức chiến đấu để lực lượng vũ trang thực sự là lực lượng chính trị trong sạch, vững mạnh, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, luôn được nhân dân tin cậy, yêu mến.

Về **quan hệ đối ngoại**, chúng ta thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực.

Nhiệm vụ của công tác đối ngoại là giữ vững môi trường hòa bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Chúng ta chủ trương đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững, đồng thời phát triển quan hệ với tất cả các nước, các vùng lãnh thổ trên thế giới và các tổ chức quốc tế theo các nguyên tắc: tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; không dùng vũ lực hoặc đe dọa dùng vũ lực; giải quyết các bất đồng và tranh chấp thông qua thương lượng hòa bình; tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng và cùng có lợi.

Tiếp tục củng cố và tăng cường quan hệ với các đảng cộng sản, công nhân, đảng cánh tả, các phong trào độc lập dân tộc, cách mạng và tiến bộ trên thế giới; mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền; mở rộng công tác đối ngoại nhân dân theo phương châm "chủ động, linh hoạt, sáng tạo và hiệu quả".

Đẩy mạnh hơn nữa hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương, lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất. Cụ thể là: chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình, phù hợp với chiến lược phát triển đất nước từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020; thực hiện cam kết với các nước về thương mại, đầu tư và các lĩnh vực khác; chuẩn bị tốt các điều kiện để ký kết và thực hiện các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương. Thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện và có hiệu quả với các nước ASEAN, các nước châu Á - Thái Bình Dương; củng cố và phát triển quan hệ hợp tác song phương tin cậy với các đối tác chiến lược; khai thác có hiệu quả các cơ hội và vượt qua những thách thức, rủi ro khi nước ta là thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).

VI - PHÁT HUY DÂN CHỦ VÀ SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC, HOÀN THIÊN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Thưa các đồng chí,

Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược nhất quán của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đại đoàn kết toàn dân tộc cần lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và đồng bào ta định cư ở nước ngoài; xóa bỏ mọi mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích của dân tộc; đề cao truyền thống nhân nghĩa, khoan dung, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, giữ gìn sự ổn định chính trị và đồng thuận xã hội vì tương lai tươi sáng của dân tộc.

Đại đoàn kết là sự nghiệp của toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng, được thực hiện bằng nhiều biện pháp, hình thức, trong đó các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Các chính sách và pháp luật của Nhà nước phải nhằm phát huy mạnh mẽ hơn nữa dân chủ (dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp và chế độ tự quản của cộng đồng dân cư) đồng thời giữ vững kỷ cương xã hội và đạo lý dân tộc.

Chúng ta cần tiếp tục đổi mới và hoàn thiện các chính sách cụ thể đối với các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc, các tôn giáo; chú trọng chính sách đối với giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức, các doanh nhân, thế hệ trẻ, phụ nữ, cựu chiến binh, người cao tuổi, đồng bào định cư ở nước ngoài v.v..

Đảng ta luôn coi **vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc** là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài của sự nghiệp cách mạng nước ta. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; cùng nhau thực hiện thắng lợi

sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chúng ta thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm *quyền tự do tín ngưỡng*, theo hoặc không theo tôn giáo của công dân, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo pháp luật. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau, đồng bào theo tôn giáo và đồng bào không theo tôn giáo. Đấu tranh ngăn chặn các hành vi lợi dụng các vấn đề dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động trái pháp luật, kích động, chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc, tôn giáo, làm phương hại đến lợi ích chung của đất nước.

Thư các đồng chí,

Thực hiện đại đoàn kết, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, vì thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là một nội dung trọng yếu trong chủ đề của Đại hội này, là quyết tâm không gì lay chuyển nổi của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân; đại diện cho quyền lợi hợp pháp và nguyện vọng chính đáng của nhân dân; đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, các chương trình kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng thành hoạt động thực tiễn sinh động trong cuộc sống của nhân dân.

Nhà nước ban hành và bổ sung pháp luật để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội. Các cấp ủy đảng và các cấp chính quyền tăng cường tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân; thường xuyên lắng nghe ý kiến của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân phản ánh với Đảng, Nhà nước những vấn đề mà nhân dân quan tâm,

tham gia xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật sát hợp với cuộc sống. Thực hiện tốt *Quy chế dân chủ ở cơ sở* để Mặt trận, các đoàn thể và các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị. Về phần mình, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các hội quần chúng cần đổi mới mạnh mẽ và nâng cao chất lượng hoạt động, khắc phục cho được tình trạng hành chính hóa, phô trương, hình thức; làm tốt công tác dân vận theo phong cách *trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin*.

Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Nhà nước là đại diện quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức và thực hiện đường lối chính trị của Đảng. Mọi đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đều phải phản ánh lợi ích của đại đa số nhân dân. Nhân dân không chỉ có quyền mà còn có trách nhiệm tham gia hoạch định và thi hành các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Chúng ta chủ trương xây dựng một xã hội dân chủ, trong đó cán bộ, đảng viên và công chức phải thật sự là công bộc của nhân dân, đặt mình dưới sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Cần xây dựng cơ chế vận hành của Nhà nước, bảo đảm nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng

tính cụ thể, khả thi của các quy định trong văn bản pháp luật. Xây dựng và hoàn thiện thể chế giám sát, kiểm tra tính hợp hiến và hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền.

Theo phương hướng đó, tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, của Chính phủ, của các cơ quan tư pháp, đẩy mạnh cải cách hành chính và cải cách tư pháp, tăng cường hiệu lực và hiệu quả các hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp. Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp.

Tăng cường phòng ngừa và chống tham nhũng, lãng phí là đòi hỏi bức xúc của xã hội, là quyết tâm chính trị của Đảng ta, nhằm xây dựng một bộ máy lãnh đạo và quản lý trong sạch, vững mạnh, khắc phục một trong những nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của chế độ ta.

Năm năm qua, việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 khóa IX trên lĩnh vực đấu tranh phòng và chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí... tuy đã đạt được một số kết quả, có tác dụng cảnh báo, răn đe, ngăn ngừa, kiềm chế nhất định nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu đề ra, chưa ngăn chặn và đẩy lùi được các tệ nạn đó.

Sắp tới, phải thi hành một cách kiên quyết và đồng bộ hệ thống các biện pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí, bao gồm: bổ sung, hoàn thiện các quy định về quản lý kinh tế - tài chính, về thanh tra, kiểm tra; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, sắp xếp tổ chức bộ máy gọn nhẹ; bảo đảm công khai, minh bạch các hoạt động kinh tế, tài chính trong các cơ quan, đơn vị; tiếp tục đổi mới chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức. Khẩn trương và nghiêm chỉnh thực hiện *Luật*

phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; bổ sung, sửa đổi *Luật khiếu nại và tố cáo*. Xử lý kiên quyết, kịp thời, công khai người tham nhũng bất kể ở chức vụ nào, đương chức hay đã nghỉ hưu, tịch thu, sung công tài sản có nguồn gốc từ tham nhũng; xử lý nghiêm những người bao che cho tham nhũng, hoặc lợi dụng việc tố cáo tham nhũng để vu khống, làm hại người khác; có cơ chế khuyến khích và bảo vệ những người tích cực đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực; biểu dương và nhân rộng những gương cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư. Thực hiện tốt *Quy chế dân chủ ở cơ sở*; phát huy vai trò của cơ quan dân cử, của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và của nhân dân trong việc giám sát cán bộ, công chức và cơ quan công quyền; phát hiện, đấu tranh với các hành vi tham nhũng, lãng phí.

VII - ĐỔI MỚI, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA ĐẢNG; BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ ĐẢNG

Thưa các đồng chí,

Năm năm qua, trong quá trình lãnh đạo toàn diện công cuộc đổi mới, Đảng ta đã kiên trì và nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ then chốt về xây dựng Đảng trên cả ba mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, chú trọng cơ sở và địa bàn trọng yếu, nhờ đó đã đạt được một số kết quả tích cực. Tuy vậy, nhìn chung, cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình trong các cơ quan, tổ chức đảng, đảng viên chưa đạt yêu cầu đề ra. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống, bệnh cơ hội, giáo điều, bảo thủ, chủ nghĩa cá nhân và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức còn diễn ra nghiêm trọng. Nhiều tổ chức cơ sở đảng bị tê liệt, thiếu sức

chiến đấu và không đủ năng lực lãnh đạo và chỉ đạo để giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh. Công tác tư tưởng còn nhiều bất cập và thiếu tính thuyết phục, tính chiến đấu. Công tác lý luận chưa làm sáng tỏ được một số vấn đề quan trọng trong công cuộc đổi mới. Công tác tổ chức và cán bộ còn bộc lộ nhiều mặt yếu kém. Chất lượng và hiệu quả kiểm tra, giám sát chưa cao.

Trong những năm tới, chúng ta phải dành nhiều công sức tạo được chuyển biến rõ rệt về xây dựng Đảng, phát huy truyền thống cách mạng, bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng; xây dựng Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đoàn kết nhất trí cao, gần bó mật thiết với nhân dân, có phương thức lãnh đạo khoa học, có đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất và năng lực. Đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Trước hết, phải nâng cao bản lĩnh chính trị và trình độ trí tuệ của Đảng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vận dụng và phát triển sáng tạo trong thực tiễn hoạt động của Đảng. Nâng cao chất lượng nghiên cứu lý luận và đổi mới công tác giáo dục lý luận chính trị, công tác tư tưởng trong Đảng, nhất là cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt các cấp.

Hai là, kiện toàn và đổi mới hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, làm cho mỗi tổ chức cơ sở đảng có trách nhiệm tổ chức và quy tụ được sức mạnh của toàn đơn vị hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao, mỗi đảng viên thật sự tiên phong, gương mẫu, có phẩm chất, đạo đức cách mạng, có ý thức tổ chức kỷ luật và năng lực hoàn thành nhiệm vụ. Phải kiện toàn

hệ thống tổ chức cơ sở đảng, thể chế hóa về mặt nhà nước vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng; gắn việc nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên với việc nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng.

Đảng ta chủ trương: đảng viên làm kinh tế tư nhân phải gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và quy định cụ thể của Ban Chấp hành Trung ương. Những quy định ấy cần sớm được ban hành và chỉ đạo thực hiện, bảo đảm vừa phát huy khả năng làm kinh tế của đảng viên, vừa giữ được tư cách, phẩm chất đảng viên và bản chất của Đảng, kịp thời đưa ra khỏi Đảng những người thoái hóa, biến chất.

Ba là, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng; tăng cường quan hệ gần bó giữa Đảng với nhân dân; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra. Mọi cán bộ, đảng viên có quyền bàn bạc, tham gia quyết định công việc của Đảng, đồng thời có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh các nghị quyết của Đảng. Lãnh đạo các cấp phải lắng nghe ý kiến của cấp dưới, của đảng viên và nhân dân. Xây dựng quy chế ra quyết định của Đảng, bảo đảm phát huy trí tuệ tập thể; hoàn thiện quy chế kiểm tra, giám sát trong Đảng; kết hợp giám sát trong Đảng với giám sát của Nhà nước và giám sát của nhân dân.

Bốn là, đổi mới tổ chức, bộ máy và công tác cán bộ. Sắp xếp, đổi mới tổ chức, bộ máy của Đảng, đặc biệt là các ban đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, đảng ủy khối ở Trung ương và cấp ủy các địa phương gắn với kiện toàn tổ chức bộ máy của cơ quan nhà nước, đổi mới tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, bảo đảm tinh gọn, hoạt động thiết thực, hiệu quả; khắc

phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan và người đứng đầu không rõ. Xây dựng đội ngũ cán bộ đồng bộ, có cơ cấu hợp lý, chất lượng tốt, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo kế tiếp vững vàng. Có cơ chế, chính sách bảo đảm phát hiện, đánh giá, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng người có đức, có tài, dù là đảng viên hay người ngoài Đảng. Cụ thể hóa, thể chế hóa nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu tổ chức trong hệ thống chính trị về công tác cán bộ.

Năm là, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, trong đó tập trung đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng đường lối, quan điểm, các nghị quyết; lãnh đạo thể chế hóa, cụ thể hóa thành *Hiến pháp*, pháp luật; bố trí đúng cán bộ và thường xuyên kiểm tra việc tổ chức thực hiện. Đảng lãnh đạo nhưng không bao biện, làm thay Nhà nước; trái lại, phát huy mạnh mẽ vai trò chủ động, sáng tạo của Nhà nước trong quản lý đất nước và xã hội. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể xác định đúng mục tiêu, phương hướng hoạt động; đồng thời phát huy tinh thần tự chủ, sáng tạo của Mặt trận và các đoàn thể trong xây dựng, đổi mới tổ chức và hoạt động của mình.

Về bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, Ban Chấp hành Trung ương đề nghị kiên định các nguyên tắc cơ bản về Đảng và xây dựng Đảng theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời tiếp thu kết quả tổng kết 20 năm đổi mới, các công trình nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn về

xây dựng Đảng để xem xét, bổ sung, sửa đổi một số điểm cần thiết, chín muồi.

Trong các vấn đề đề nghị bổ sung, sửa đổi lần này, có 3 vấn đề lớn là:

- Bổ sung cách diễn đạt về Đảng: "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc".

- Bổ sung điều khoản "Bầu Ủy viên Trung ương dự khuyết" nhằm cả hai mục đích là bồi dưỡng, đào tạo, tạo nguồn cán bộ cho Trung ương và thay thế Ủy viên Trung ương chính thức khi khuyết.

- Giao thêm chức năng giám sát cho cấp ủy đảng và ủy ban kiểm tra các cấp, coi kiểm tra, giám sát trước hết là nhiệm vụ của cấp ủy, gắn công tác kiểm tra với công tác giám sát, có giám sát mới phát hiện được các vấn đề mới, khắc phục được thiếu sót, khuyết điểm ngay từ lúc mới manh nha.

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Đất nước ta ngày càng lớn mạnh. Thế giới đang thay đổi rất nhanh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nước ta phải sớm trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nhân dân ta xứng đáng được hưởng cuộc sống ngày càng ấm no, tự do, hạnh phúc.

Đại hội X của Đảng nêu cao ý chí sắt đá của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, triệu người như một, năng động và sáng tạo, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, quyết tâm đổi mới toàn diện và mạnh mẽ theo con đường xã hội chủ nghĩa, nhằm thực hiện bằng được mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", sánh vai cùng các nước trên thế giới trong nhịp bước khẩn trương của thời đại. □

DIỄN VĂN BẾ MẠC

***(Do đồng chí Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương
Đảng Cộng sản Việt Nam khóa X, đọc ngày 25-4-2006)***

Thưa đoàn Chủ tịch Đại hội,

Thưa các đồng chí, các vị khách quý,

Thưa các đồng chí đại biểu Đại hội,

Sau những ngày làm việc tích cực, nghiêm túc, với tinh thần trách nhiệm cao trước Đảng và nhân dân, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã hoàn thành toàn bộ chương trình đề ra.

Đại hội đã thảo luận và thông qua những văn kiện quan trọng: Báo cáo Chính trị; Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010; Báo cáo công tác xây dựng Đảng và Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi).

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm những đồng chí tiêu biểu cho 3,1 triệu đảng viên, có đủ tiêu chuẩn, phẩm chất và năng lực gánh vác những trọng trách do Đảng và nhân dân giao phó.

Thưa các đồng chí

Các văn kiện được thông qua tại Đại hội lần này là kết tinh trí tuệ và ý chí của toàn Đảng, toàn dân ta, là sự tổng kết sâu sắc thực tiễn và lý luận 20 năm đổi mới để tiếp tục hoàn thiện và phát triển đường lối, quan điểm đổi mới trong giai đoạn cách mạng hiện nay của nước ta.

Đại hội biểu thị quyết tâm to lớn của Đảng ta, trong những năm tới, lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân và toàn quân phấn đấu "nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng,

phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển", tạo nền tảng để đến 2020, nước ta cơ bản thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nhằm mục tiêu cao cả đó, Đại hội đã thông qua những quyết sách quan trọng trên tất cả các lĩnh vực cơ bản và trọng yếu của sự nghiệp phát triển đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; thông qua những nhiệm vụ to lớn nhằm tiếp tục đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao tầm trí tuệ, bản lĩnh chính trị và đạo đức, xây dựng Đảng ta thực sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đoàn kết nhất trí cao, gắn bó mật thiết với nhân dân, có phương thức lãnh đạo khoa học, có đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất và năng lực. Chúng ta đặc biệt coi trọng các biện pháp có hiệu quả nhằm phát huy cao nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng sự vững mạnh của toàn bộ hệ thống chính trị, đẩy mạnh đồng bộ cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi các tệ nạn này, làm lành mạnh tổ chức và bộ máy của chúng ta. Chúng ta nhất quyết tạo nên một sự chuyển biến rõ rệt và đạt tới chất lượng cao hơn trong việc thực hiện nhiệm vụ then chốt xây dựng Đảng, làm cho Đảng ta luôn xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

Với những kết quả nêu trên, chúng ta vui mừng báo cáo với toàn Đảng, toàn dân: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam đã thành công tốt đẹp.

Thưa các đồng chí,

Tại Đại hội X của Đảng, nhiều đồng chí trong Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khóa IX không tái ứng cử vào Ban Chấp hành Trung ương khóa X, tạo điều kiện để trẻ hóa cơ quan lãnh đạo của Đảng trong nhiệm kỳ mới, Đại hội đánh giá cao những cống hiến vừa qua của các đồng chí. Xin chúc các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc và tiếp tục đóng góp năng lực, trí tuệ, kinh nghiệm của mình cho sự nghiệp của Đảng, của nhân dân.

Ban Chấp hành Trung ương khóa X được Đại hội bầu, trao trọng trách trước Đảng, trước nhân dân, nguyện đem hết sức mình, đồng tâm hiệp lực, phấn đấu không ngừng nâng cao bản lĩnh, trí tuệ, phẩm chất đạo đức, cùng toàn đảng, toàn dân, toàn quân quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội.

Đại hội nhiệt liệt hoan nghênh và chân thành cảm ơn các đồng chí lão thành cách mạng, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, các nhân sĩ, trí thức, các vị chức sắc tôn giáo, đồng bào, chiến sĩ cả nước và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, với tình cảm và ý thức trách nhiệm trước Đảng và trước dân tộc, đã tâm huyết, chân thành, thẳng thắn đóng góp trí tuệ xây dựng các văn kiện Đại hội, ra sức thi đua lập nhiều thành tích chào mừng Đại hội và đã gửi đến Đại hội nhiều thư, điện chúc mừng nồng nhiệt.

Đại hội chân thành cảm ơn các đảng cộng sản và công nhân, các đảng cầm quyền của các nước, các tổ chức quốc tế đã gửi điện chúc mừng đến Đại hội, biểu thị những tình cảm đoàn kết hữu nghị tốt đẹp với Đảng ta và nhân dân ta.

Đại hội chân thành cảm ơn các cơ quan thông tấn, báo chí trong và ngoài nước đã đến dự và đưa tin kịp thời về Đại hội.

Đại hội biểu dương và cảm ơn toàn thể cán bộ, chiến sĩ, công nhân, viên chức đã tận tụy làm tốt công tác phục vụ Đại hội, góp phần tích cực vào thành công của Đại hội.

Thưa các đồng chí,

Thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng cổ vũ mạnh mẽ toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta tiến lên tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ hơn, phát triển với tốc độ nhanh hơn và bền vững hơn. Ngay sau Đại hội, các tổ chức đảng phải tổ chức tốt việc nghiên cứu, quán triệt sâu sắc đường lối, quan điểm mà Đại hội đã thông qua, tổ chức tuyên truyền rộng rãi trong toàn Đảng, toàn dân về kết quả của Đại hội và có kế hoạch cụ thể để đưa Nghị quyết vào cuộc sống, biến Nghị quyết thành hành động cách mạng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ có hiệu quả cao trong mọi lĩnh vực ngay từ những tháng đầu, năm đầu của kế hoạch 5 năm (2006 - 2010).

Đại hội kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, đồng bào ta ở trong cũng như ở ngoài nước, tiếp tục phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng, của dân tộc, nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, ra sức thi đua thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển và tiến mạnh trên con đường công nghiệp hóa - hiện đại hóa, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Với niềm tin tưởng sâu sắc vào tương lai của đất nước, tôi xin long trọng tuyên bố bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh muôn năm!

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam muôn năm!

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta! □

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ X

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam họp từ ngày 18-4-2006 đến ngày 25-4-2006 tại Thủ đô Hà Nội.

QUYẾT NGHỊ

1 - Thông qua Báo cáo Chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 và Báo cáo về công tác xây dựng Đảng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX trình Đại hội; giao Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X căn cứ vào kết quả biểu quyết và những kết luận của Đại hội để hoàn chỉnh và chính thức ban hành.

2 - Thông qua toàn văn Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam đã được bổ sung, sửa đổi.

3 - Giao Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X và các cấp ủy, tổ chức đảng xây dựng chương trình và kế hoạch hành động cụ thể để tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối và những chủ trương đã nêu trong các văn kiện Đại hội.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, phát huy truyền thống vẻ vang của toàn Đảng, toàn dân tộc, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, năng động và sáng tạo, nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, thực hiện “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Hà Nội, ngày 25-4-2006

**ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC
LẦN THỨ X ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**



KIẾN ĐỊNH MỤC TIÊU ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TRÊN NỀN TẢNG CHỦ NGHĨA MÁC - LÊ-NIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI

LÊ HỮU NGHĨA

1. Trong 20 năm đổi mới, nhờ vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nhờ sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và sự giúp đỡ, hợp tác của cộng đồng quốc tế, nhân dân ta đã đạt được *những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử*, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp.

Những thành tựu đó do nhiều nguyên nhân, trong đó một nguyên nhân quan trọng là Đảng luôn *kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong quá trình đổi mới*, coi đó là bài học đầu tiên, là nguyên tắc bất biến của sự nghiệp đổi mới.

Ngay từ khi mới ra đời, trong Cương lĩnh đầu tiên của mình, Đảng ta đã khẳng định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội và trong suốt hơn 76 năm qua Đảng luôn kiên trì mục tiêu đó. Kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội là "sợi chỉ đỏ" xuyên suốt đường lối cách mạng Việt Nam. Đường lối đó

không chỉ phù hợp trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ trước đây khi nhiệm vụ giải phóng dân tộc được đặt lên hàng đầu, mà còn là đường lối chỉ đạo trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa khi nhiệm vụ đổi mới và kiến quốc nổi lên hàng đầu. Độc lập dân tộc là tiền đề, điều kiện của chủ nghĩa xã hội, còn chủ nghĩa xã hội là bước phát triển tất yếu, là điều kiện để củng cố và bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc. Hồ Chí Minh khẳng định rằng "cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn"⁽¹⁾, "có tiến lên chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mình mỗi ngày một no ấm thêm, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm"⁽²⁾.

Từ thực tiễn cách mạng thế giới và từ kinh nghiệm của bản thân cách mạng Việt Nam, Đảng ta nhận thức sâu sắc rằng: *chỉ có con*

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 12, tr 305

(2) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 9, tr 173

đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Tổ quốc ta mới được độc lập, tự do, nhân dân ta mới trở thành người làm chủ, tự quyết định con đường phát triển của mình. Trong bối cảnh thế giới phức tạp của những năm 80, 90 của thế kỷ XX, khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô bị sụp đổ, Đảng ta vẫn kiên định con đường xã hội chủ nghĩa. Vì đó là con đường hợp quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam để có được một nước Việt Nam giàu mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. Đối với Đảng ta, đổi mới không phải là từ bỏ mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho chủ nghĩa xã hội được nhận thức và xây dựng có hiệu quả hơn; đổi mới không phải là đổi màu; đổi mới có nguyên tắc mà nguyên tắc hàng đầu là bảo đảm độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội cho đất nước. Nếu Đảng ta không kiên định con đường xã hội chủ nghĩa thì không thể có công cuộc đổi mới vừa giữ vững những thành quả cách mạng và mục tiêu cách mạng, vừa kiên quyết, dũng cảm từ bỏ những phương pháp và mô hình sai lầm, sáng tạo phương pháp và mô hình mới để xây dựng chủ nghĩa xã hội có hiệu quả hơn. Sự nghiệp đổi mới không chỉ đem lại thành tựu mới mà còn đem lại phương pháp mới, cách làm mới để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Việc kiên định con đường xã hội chủ nghĩa đòi hỏi Đảng ta không chỉ có bản lĩnh chính trị vững vàng mà còn phải có trí tuệ, *dám đổi mới và biết đổi mới.* Đây không phải là một công việc giản đơn, dễ dàng, có sẵn đáp án. Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp lâu dài, vô cùng khó khăn, gian khổ bởi điểm xuất phát của nước ta rất thấp, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, luôn bị các thế lực thù địch phá hoại. Đặc biệt sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa là một sự nghiệp mới mẻ, chưa có tiền lệ trong lịch sử, lại diễn ra trong bối cảnh chủ

nghĩa xã hội trên thế giới lâm vào khủng hoảng và thoái trào nên lại càng khó khăn. Đây là quá trình vừa làm, vừa học, vừa làm, vừa tổng kết, vừa rút kinh nghiệm, khái quát thành lý luận trên cơ sở lấy thực tiễn làm tiêu chuẩn của chân lý. Chính trong quá trình đó, Đảng ta từng bước hình thành những nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội ngày càng phù hợp hơn, từng bước khắc phục những quan niệm giáo điều, đơn giản, ấu trĩ về chủ nghĩa xã hội.

Trong những năm đổi mới, thể hiện tập trung nhận thức mới của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội là trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được Đại hội VII của Đảng (năm 1991) thông qua. Cương lĩnh đó đã khái quát những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Những đặc trưng đó vừa thể hiện tính phổ biến theo học thuyết Mác - Lê-nin về chủ nghĩa xã hội, vừa thể hiện tính đặc thù dân tộc, có tính đến những đặc điểm của thời đại. Từ đó đến nay, qua tổng kết 20 năm đổi mới, Đảng ta đã có sự bổ sung, phát triển một số điểm trong nhận thức về mục tiêu, bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội nước ta và chắc chắn chúng ta sẽ phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để bổ sung, phát triển hơn nữa nhận thức đó. Điều đó cũng là đương nhiên, phản ánh quá trình phát triển của thực tiễn và nhận thức.

Để có đường lối đổi mới đúng đắn, Đảng phải nắm vững, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, coi đó là cơ sở phương pháp luận quan trọng nhất để phân tích tình hình thực tế, để hoạch định và hoàn thiện đường lối đổi mới.

Từ khi ra đời đến nay, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu, vận dụng và

phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong điều kiện thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Qua nghiên cứu lý luận và trải nghiệm thực tiễn ở nhiều nước trên thế giới, Hồ Chí Minh rút ra kết luận rằng ngày nay học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Từ chỗ coi chủ nghĩa Mác - Lê-nin là "cái cốt của Đảng", "cái gốc của Đảng", đến Đại hội III (năm 1960), Đảng khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng. Đặc biệt, đến Đại hội VII (năm 1991) Đảng ta khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng. Việc chính thức đưa tư tưởng Hồ Chí Minh vào nền tảng tư tưởng của Đảng đánh dấu một bước tiến mới, một bước phát triển quan trọng trong tư duy lý luận của Đảng ta.

Trong những năm đổi mới, Đảng ta đã có sự nhận thức sâu sắc hơn, đúng đắn hơn đối với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đối với thực chất những tư tưởng của các nhà kinh điển mác-xít trên nhiều vấn đề quan trọng. Đối với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chúng ta ngày càng xác định rõ những luận điểm gì trước đây đúng, bây giờ vẫn đúng và lâu dài về sau vẫn đúng; những luận điểm gì trước đây đúng nhưng bây giờ không còn phù hợp do thực tiễn đã thay đổi; những luận điểm gì vốn trước đây đã không phù hợp; những luận điểm gì vốn đúng nhưng bị nhận thức sai, làm sai; những luận điểm gì mới cần được bổ sung vào lý luận qua tổng kết thực tiễn mới. Với tinh thần ấy, trong những năm đổi mới, Đảng ta đã bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin trên một loạt các vấn đề như vấn đề mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, vấn đề sở hữu tư liệu sản xuất, vấn đề phát triển kinh tế thị trường định

hướng xã hội chủ nghĩa, vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, v.v.. Nhờ đó, tư duy lý luận của Đảng ngày càng sâu sắc hơn, đồng thời có sự vận dụng, phát triển phù hợp hơn với thực tiễn Việt Nam, khắc phục bệnh giáo điều, bệnh chủ quan duy ý chí trong nhận thức và hành động.

Trong những năm đổi mới, Đảng ta cũng ngày càng nhận thức đầy đủ hơn, sâu sắc hơn vai trò, vị trí và nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh, đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm nghiên cứu, học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong nền tảng tư tưởng của Đảng ta, tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa Mác - Lê-nin là một thể thống nhất, có mối liên hệ nội tại cả về lịch sử và lô-gíc.

Thực tiễn cách mạng nước ta từ khi có Đảng nhất là trong 20 năm đổi mới đã khẳng định, chứng minh giá trị, sức sống của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Thắng lợi của công cuộc đổi mới cũng là thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở Việt Nam. Trung thành và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là những điều kiện bảo đảm cho thắng lợi sắp tới của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh mới vô cùng phức tạp của tình hình thế giới.

2. Trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới, Đảng ta đã kiên quyết đấu tranh chống những quan điểm sai trái, thù địch của các thế lực phản động và cơ hội chính trị, phê phán bệnh bảo thủ, giáo điều và những sai lầm tả khuynh và hữu khuynh. Gần đây, lợi dụng việc góp ý kiến dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội X của Đảng, một số ý kiến cực đoan với động cơ xấu đòi xóa bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, xóa bỏ chủ nghĩa xã hội và

định hướng xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng, đòi "đa nguyên, đa đảng"... Một số ý kiến cố tình khai thác, khoét sâu vào những yếu kém, khuyết điểm của chúng ta để xuyên tạc, vu cáo, bôi nhọ Đảng và Nhà nước ta. Họ cố tình quy kết một cách sai trái những yếu kém, khuyết điểm đó là do chủ nghĩa Mác - Lê-nin, do Đảng Cộng sản, do định hướng xã hội chủ nghĩa gây ra.

Những ý kiến bác bỏ con đường xã hội chủ nghĩa, phủ nhận định hướng xã hội chủ nghĩa thường cho rằng "đi vào chủ nghĩa xã hội là đi vào vết xe đổ của Liên Xô"; "đi lên chủ nghĩa xã hội là không tưởng, viển vông"; "chỉ có kinh tế thị trường chứ làm gì có kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa"; "định hướng xã hội chủ nghĩa là cái gì đó còn mù mờ". Những ý kiến này thường đem đối lập "định hướng xã hội chủ nghĩa" với "đổi mới", với "phát triển", cho rằng giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa là cản trở sự phát triển, làm cho đất nước ta "lạc điệu trong tiến trình phát triển của thế giới" v.v. và v.v.

Thực tiễn lịch sử Việt Nam trong hơn một thế kỷ qua đã cho thấy rằng con đường kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu khách quan của dân tộc, là chân lý lớn, là động lực xuyên suốt của cách mạng Việt Nam. Sự lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa là sự lựa chọn của Đảng, Bác Hồ và cũng chính là sự lựa chọn của nhân dân, của lịch sử. Sự ra đời của Đảng ta năm 1930, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 với sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954, thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước năm 1975, thắng lợi của công cuộc đổi mới từ 1986 đến nay là những mốc son chói lọi trên con đường đó, của sự lựa chọn lịch sử dân tộc.

Trong những năm đổi mới nhờ kiên định con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội nên công cuộc đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử mà thế giới phải khâm phục. Chúng ta vừa giữ vững ổn định chính trị – xã hội, vừa phát triển kinh tế – xã hội với tốc độ tương đối nhanh so với khu vực và thế giới; vừa giữ vững nền độc lập dân tộc vừa chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng hợp tác, giao lưu quốc tế. Ngày nay Việt Nam đã là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế. Như vậy, không phải định hướng xã hội chủ nghĩa cản trở cho đổi mới, cho phát triển mà trái lại nó đòi hỏi phải đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ hơn, đòi hỏi phát triển nhanh và bền vững hơn. Nhưng sự phát triển đó phải nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, phát triển vì con người, hướng về con người - mục tiêu cao nhất của phát triển.

Còn có ý kiến nói rằng "định hướng xã hội chủ nghĩa là mù mờ", là không khách quan, cố tình nhầm lẫn trước thực tế. So với cách đây 20 năm, nhận thức của chúng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã rõ hơn nhiều, ngày càng sáng tỏ hơn (tất nhiên, bên cạnh những điểm đã rõ, vẫn còn những điểm chưa rõ mà chúng ta phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu để làm sáng tỏ hơn nữa). Ngày nay, nói đến định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta tức là hướng đến xây dựng một xã hội "dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh", do nhân dân làm chủ; giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, thực hiện phát triển nhanh và bền vững; phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày

càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, nhân dân là chủ thể của quyền lực nhà nước. Định hướng xã hội chủ nghĩa cũng đòi hỏi phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, xem văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội; kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; hoàn thiện chế độ phân phối theo hướng lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế là chủ yếu, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác và thông qua phúc lợi xã hội. Định hướng xã hội chủ nghĩa không có nghĩa là thực hiện chủ nghĩa bình quân mà phải khuyến khích làm giàu chính đáng đi đôi với đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, tạo bình đẳng về cơ hội phát triển cho mọi người, tạo điều kiện cho người nghèo nâng cao cuộc sống của mình, không chấp nhận làm giàu phi pháp, bất chính bằng tham nhũng, tiêu cực..., không chế phân hóa 2 đầu, coi trọng các chính sách xã hội, an sinh xã hội v.v..

Toàn bộ những thành tựu qua 20 năm đổi mới đất nước không thể có được và không thể giữ được nếu không có sự lãnh đạo của Đảng. Sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền nhà nước của nhân dân là tiền đề chính trị, là điều kiện tiên quyết để phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chính vì hiểu rõ điều đó nên các thế lực đế quốc, phản động và cơ hội chính trị luôn tập trung tấn công vào vai trò lãnh đạo của Đảng. Việc chúng tuyên truyền quan điểm "đa nguyên, đa đảng" chính là sự chuẩn bị về tư tưởng hòng nhằm

thay đổi chế độ chính trị, xóa bỏ định hướng xã hội chủ nghĩa theo "kịch bản" mà các thế lực thù địch chống độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mong muốn. Bài học về "đa nguyên, đa đảng" dẫn đến sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu vẫn còn nóng hổi, nhắc nhở chúng ta luôn cảnh giác.

Để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng cần đẩy mạnh đổi mới và chỉnh đốn Đảng, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, nâng cao tầm trí tuệ, bản lĩnh và sức chiến đấu của Đảng, kiên định và bảo vệ, phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết đấu tranh chống lại những luận điểm sai trái, phản động muốn phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lê-nin với lập luận cho rằng chủ nghĩa Mác - Lê-nin là "ngoại lai", "ngoại nhập", "xa lạ với Việt Nam", đã lỗi thời vì chỉ thích hợp với nền văn minh cơ khí ở thế kỷ XIX chứ không thích hợp với nền văn minh tin học, với kinh tế tri thức trong thế kỷ XXI v.v..

Đồng thời phải kiên quyết khắc phục bệnh giáo điều (cả giáo điều cũ và giáo điều mới), nâng cao chất lượng nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, thường xuyên đổi mới nội dung và phương pháp nghiên cứu lý luận, phương pháp dạy và học chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh một cách thiết thực, hiệu quả, gắn với thực tiễn.

Sự nghiệp đổi mới đòi hỏi Đảng ta phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giải đáp được những vấn đề mới do thực tiễn đặt ra, tiếp tục làm sáng tỏ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta trong bối cảnh mới của thời đại ngày nay. □

ĐỔI MỚI TƯ DUY LÝ LUẬN – THÀNH TỰU VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

NGUYỄN DUY QUÝ *

TỪ năm 1986, Việt Nam thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. So với công cuộc cải tổ, cải cách và chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch tập trung sang kinh tế thị trường ở các quốc gia khác, đổi mới ở nước ta có những nét đặc thù riêng. Đổi mới ở nước ta diễn ra từ hai chiều: "từ dưới lên", tức là ở các hợp tác xã, doanh nghiệp và "từ trên xuống", tức là các quyết định của Đảng và Nhà nước. Mối liên hệ hai chiều ấy đã làm cho công cuộc đổi mới ở nước ta diễn ra không có sự xung đột giữa "phía trên" và "phía dưới", cũng như không có các "cú sốc" được tạo ra bởi các chính sách và biện pháp điều chỉnh vĩ mô quá cứng rắn và duy ý chí của bộ máy lãnh đạo "phía trên" như ở một số nước khác. Đó là đặc điểm nổi bật của quá trình đổi mới ở Việt Nam. Nói một cách khái quát, đặc điểm nổi bật của quá trình đổi mới ở Việt Nam là, vừa có sự sáng tạo của nhân dân ở cơ sở, vừa có sự lãnh đạo từ trên xuống. Do vậy, đổi mới ở nước ta đã dẫn đến những thành công to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

Khác với các nước Đông Âu và Liên Xô, ở Việt Nam, nhu cầu đổi mới các chính sách trước hết xuất phát từ chính lĩnh vực kinh tế, chứ không phải là hệ quả của những biến động chính trị. Đổi mới ở Việt Nam do Đảng

Cộng sản Việt Nam đề xướng và lãnh đạo, tổ chức thực hiện. Ngay từ đầu, Đảng ta đã xác định, đổi mới không phải là xóa bỏ chủ nghĩa xã hội mà chính là để có chủ nghĩa xã hội nhiều hơn, từng bước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội phù hợp với điều kiện lịch sử, xã hội nước ta trên cơ sở đổi mới tư duy lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta.

Đổi mới ở nước ta không phải là chuyển từ mô hình cũ sang một mô hình đã có sẵn lấy từ một nước nào đó, mà là quá trình xóa bỏ các yếu tố của mô hình cũ và thay thế bằng những yếu tố mới thích hợp hơn với điều kiện cụ thể của nước ta.

Quá trình đổi mới ở Việt Nam không phân chia thành các giai đoạn - giai đoạn chuẩn bị lý luận về đổi mới và giai đoạn áp dụng lý luận đó vào thực tế, mà là quá trình vừa khái quát lý luận từ thực tiễn đổi mới, vừa áp dụng lý luận ấy vào cuộc sống.

Đổi mới ở Việt Nam diễn ra trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến đổi lớn lao, hầu như tất cả các nước đều có sự điều chỉnh chính sách của mình. Những kinh nghiệm cải

* GS,VS, Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương

tổ, cải cách của các nước cũng là sự gợi mở cho Việt Nam trong sự tìm tòi con đường đổi mới. Vì vậy, tư duy lý luận đổi mới của nước ta được hình thành không chỉ từ việc đúc kết kinh nghiệm của bản thân nước ta, mà còn được đúc kết từ những kinh nghiệm thành công và không thành công của các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Đổi mới ở Việt Nam là một quá trình kết hợp biện chứng giữa đổi mới tư duy lý luận và chỉ đạo hoạt động thực tiễn. Trong quá trình đó, cái mới và cái cũ xen kẽ nhau; cái cũ không mất đi ngay mà lùi dần và có nơi, có lúc còn chiếm ưu thế so với cái mới, nhưng xu hướng chung là cái mới dần dần được khẳng định và đưa tới thành công. Điểm nổi bật của công cuộc đổi mới ở nước ta là luôn luôn lấy sự ổn định chính trị – xã hội làm tiền đề, làm điều kiện tiên quyết cho sự nghiệp đổi mới phát triển và chính sự phát triển lại tạo ra sự ổn định mới. Ổn định và phát triển gắn liền với nhau trong quá trình đổi mới: ổn định để phát triển và có phát triển mới có ổn định vững chắc hơn.

Văn kiện Đại hội VI của Đảng nhấn mạnh: "Đối với nước ta, đổi mới đang là yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng, là vấn đề có ý nghĩa sống còn... Vì vậy, phải đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy"⁽¹⁾. Để đổi mới tư duy, Đại hội VI của Đảng nêu rõ: "Tính bảo thủ, sức ỳ của những quan niệm cũ là trở ngại không nhỏ, nhất là những quan niệm ấy lại gắn chặt với những người mang nặng chủ nghĩa cá nhân và đầu óc thủ cựu. Cần tạo những điều kiện xã hội thuận lợi cho quá trình đổi mới tư duy: bầu không khí dân chủ trong xã hội, nhất là trong sinh hoạt đảng, trong nghiên cứu khoa học, tinh thần tôn trọng sự thật, tôn trọng chân lý, hệ thống thông tin chính xác; tự phê bình và phê bình được

tiến hành một cách thường xuyên và nghiêm túc, v.v. Điều quan trọng là phải coi trọng công tác lý luận nhằm cung cấp nội dung khoa học cho việc đổi mới tư duy"⁽²⁾.

Như vậy, đổi mới tư duy lý luận có vai trò rất quan trọng, nếu không nói là hàng đầu trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta.

Trong bài viết này, chúng tôi muốn đi sâu làm rõ *những thành tựu của đổi mới tư duy lý luận ở nước ta*. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, chúng ta đã chuyển từ tư duy dựa trên mô hình kinh tế hiện vật với sự tuyệt đối hóa sở hữu nhà nước và tập thể, với sự phát triển vượt trước của quan hệ sản xuất đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất... sang tư duy mới xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong sự thống nhất biện chứng với tính đa dạng của các hình thức sở hữu và tính đa dạng của các hình thức phân phối, lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế làm hình thức phân phối chủ yếu, kết hợp với phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội.

Đây là bước đổi mới tư duy căn bản mà ý nghĩa sâu xa của nó là tôn trọng quy luật khách quan về sự phù hợp giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và tùy thuộc vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất mà từng bước thiết lập quan hệ sản xuất tương ứng. Nhờ đó, mọi tiềm năng xã hội cũng như sức sản xuất được giải phóng. Nhân tố quan trọng bậc nhất của lực lượng sản xuất là nhân tố con người -

(1) Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr 132 - 133

(2) *Sđd*, tr 134

người lao động làm chủ, được thúc đẩy bởi quy luật lợi ích, trong đó lợi ích cá nhân của người lao động là động lực trực tiếp và là cơ sở để thực hiện và phát triển lợi ích của tập thể và của toàn xã hội.

Bước đổi mới tư duy này có ý nghĩa cách mạng, bởi nó đặt đúng vị trí và tầm vóc của cái tất yếu kinh tế trong sự phát triển tới chủ nghĩa xã hội của các nước phải đi con đường phát triển "rút ngắn" theo loại hình quá độ gián tiếp mà lịch sử đã quy định.

Thứ hai, chúng ta đã chuyển từ tư duy quản lý dựa trên mô hình một nền kinh tế tập trung, kế hoạch hóa tuyệt đối, với cơ chế bao cấp và bình quân sang tư duy quản lý mới thích ứng với nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó chính là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự điều tiết của kế hoạch ở tầm vĩ mô, thông qua quản lý, kiểm soát bằng pháp luật của Nhà nước. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã dẫn tới sự tác động, thâm nhập lẫn nhau giữa các thành phần kinh tế, tạo thành sự đan xen các hình thức sở hữu, các phương thức tổ chức quản lý, các phương thức phân phối lợi ích phù hợp với quan hệ sản xuất mới có tác dụng thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất ở thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Theo đó, con người với tư cách vừa là chủ thể sản xuất – kinh doanh, vừa là chủ thể tiêu dùng các sản phẩm hàng hóa được đặt vào những cơ hội như nhau để phát triển, được bộc lộ tài năng, được thử thách về trình độ, năng lực, tính chủ động, sáng tạo trong hoạt động kinh tế. Cơ chế thị trường đòi hỏi sự thừa nhận cạnh tranh, dẫn tới sự chênh lệch

thu nhập, sự phân hóa giàu - nghèo. Đây là mặt trái của cơ chế thị trường. Vấn đề đặt ra là phải có chính sách đúng đắn để cho cơ chế thị trường không dẫn tới sự phân hóa giàu - nghèo vượt quá giới hạn cho phép, vi phạm mục tiêu công bằng xã hội là mục tiêu mà chúng ta phấn đấu trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đây là một nét mới tiêu biểu cho tư duy kinh tế mới của Đảng ta.

Thứ ba, chúng ta đã tiến hành đổi mới tư duy về hệ thống chính trị - chuyển từ chế độ tập trung quan liêu với phương thức quản lý hành chính mệnh lệnh sang dân chủ hóa các lĩnh vực của đời sống xã hội, thực hiện dân chủ gắn liền với tôn trọng pháp luật, pháp chế, kỷ cương xã hội, phát huy quyền làm chủ thực sự của nhân dân. Bước đổi mới tư duy này đã góp phần quan trọng vào việc tháo gỡ từng bước những lực cản đối với tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa, xã hội; sản sinh ra những nhân tố mới, động lực mới của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước.

Nội dung cơ bản của đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta là thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Chính trị là vấn đề hết sức nhạy cảm. Bởi vậy, ngay từ đầu, khi đổi mới toàn diện đất nước, Đảng ta chủ trương phải giữ vững ổn định chính trị. Thực tiễn chứng minh chủ trương đó là hoàn toàn đúng đắn. Nhà nước là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Do đó, Đại hội IX của Đảng đề ra chủ trương xây dựng *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*. Chủ trương này là một thành tựu quan trọng của đổi mới tư duy lý luận về nhà nước ở nước ta, nhằm mục tiêu xây dựng Nhà nước ta thực sự là nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Đảng ta đã tiến hành bền bỉ cuộc vận động đổi mới và chỉnh đốn Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, phát huy ảnh hưởng và uy tín của Đảng trong xã hội, thực hiện đại đoàn kết toàn dân, xây dựng và tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với mọi mặt của đời sống xã hội.

Thực tiễn đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta đã xác nhận tầm quan trọng của những nguyên tắc, biện pháp và bước đi mà Đảng ta đã hoạch định trong đường lối đổi mới nói chung và đổi mới tư duy lý luận nói riêng.

Thứ tư, đổi mới tư duy lý luận đã làm rõ hơn quan niệm về sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa xã hội ở một nước xuất phát từ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và điều kiện rất quan trọng nữa là từ chính những đặc điểm, điều kiện và hoàn cảnh lịch sử cụ thể của nước đó. Đây cũng chính là tính khách quan, là cơ sở thực tiễn quy định nhận thức và những tìm tòi, sáng tạo của chủ thể lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nó cũng đồng thời làm sáng tỏ một lần nữa quan điểm thực tiễn là tính thứ nhất (so với lý luận), là yếu tố chi phối sự hoạch định đường lối, chính sách. Phải phát huy tinh thần độc lập, tự chủ và sáng tạo để tìm cách giải quyết phù hợp và có hiệu quả nhất những vấn đề do thực tiễn của nước mình đang đặt ra trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội với tư cách là một chế độ xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, là một tất yếu lịch sử của quá trình phát triển xã hội loài người, nên sớm muộn các dân tộc, các quốc gia trên thế giới sẽ đi tới chủ nghĩa xã hội. Song, sẽ không có một mô hình duy nhất để giải quyết các vấn đề của chủ nghĩa xã hội giống hệt nhau ở mọi nước; cũng không có một hình mẫu duy nhất về chủ

nghĩa xã hội được áp dụng cho tất cả các nước, mặc dù những nguyên tắc, nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về chủ nghĩa xã hội - chỗ dựa của các Đảng Cộng sản - đều như nhau. Tất nhiên, không phải vì thế mà có thể chấp nhận lý luận "chủ nghĩa xã hội dân tộc". Đó là thứ lý luận của chủ trương khép kín, đóng kín sự phát triển xã hội chủ nghĩa trong phạm vi quốc gia dân tộc, tách khỏi sự giao lưu, hợp tác quốc tế giữa các nước xã hội chủ nghĩa và giữa các nước xã hội chủ nghĩa với cộng đồng thế giới.

Vấn đề đặt ra là phải kết hợp dân tộc với quốc tế, truyền thống với hiện đại. Đó cũng là cơ sở của đường lối đối ngoại vừa hợp tác, vừa đấu tranh của nước ta. Nó mở ra khả năng để Việt Nam hội nhập vào thị trường kinh tế thế giới, vào đời sống chính trị quốc tế, vào sự giao lưu, hợp tác văn hóa. Tuy nhiên, để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta không chỉ phải khắc phục những ảnh hưởng của chủ nghĩa giáo điều, thứ chủ nghĩa tiếp nhận một cách máy móc và sao chép mô hình nước ngoài, mà còn phải đấu tranh chống lại âm mưu và hành động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, giữ vững nguyên tắc, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời linh hoạt, mềm dẻo trong sách lược.

Thực tiễn 20 năm đổi mới của nước ta cho thấy, kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế, văn hóa và quản lý xã hội thông qua hàng loạt những biện pháp thực tiễn, sáng tạo vừa phù hợp với đặc điểm trong nước, vừa thích ứng với xu thế của thời đại là cơ sở bảo đảm cho sự phát triển lành mạnh, tích cực của sự nghiệp đổi mới của nước ta.

Thứ năm, đổi mới tư duy lý luận đã làm rõ những nhận thức mới về nhân tố con người

nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới. Khắc phục những hạn chế và khiếm khuyết của mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội có liên quan đến vấn đề con người, tư duy lý luận mới đã làm sáng tỏ hơn tư tưởng nhân đạo, khoa học và cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề này. Trong khi phê phán và kiên quyết đấu tranh loại bỏ *chủ nghĩa cá nhân*, chúng ta thừa nhận và bảo vệ những lợi ích chính đáng của cá nhân, coi lợi ích cá nhân của người lao động là một trong những động lực trực tiếp thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội, là cơ sở thực hiện lợi ích chung của tập thể và của toàn xã hội. Hơn nữa, lợi ích xã hội, lợi ích tập thể không phải là cái gì trừu tượng, mà là cái rất cụ thể, gắn bó thiết thực với lợi ích chính đáng của từng người trong tập thể và trong cộng đồng xã hội.

Theo tư duy lý luận mới, con người là nguồn lực của mọi nguồn lực, vừa là động lực, vừa là mục tiêu của mọi chính sách kinh tế – xã hội. Sự phát triển của con người, thực chất là sự phát triển và hoàn thiện nhân cách của nó. Do đó, đầu tư cho con người là đầu tư cho phát triển. Đầu tư cho giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là đầu tư theo chiều sâu, đáp ứng đòi hỏi của phát triển và đón trước yêu cầu của phát triển trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

*

* *

Bước vào thiên niên kỷ mới, thế giới có nhiều biến động phức tạp. Khoa học, công nghệ có những bước tiến kỳ diệu. Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất. Hội nhập kinh tế quốc tế, toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế khách quan lôi cuốn nhiều nước tham gia;

xu thế này đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn kinh tế tư bản xuyên quốc gia chi phối, bởi vậy nó chứa đựng những mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác, vừa có đấu tranh. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển, có mặt sâu sắc hơn.

Tình hình trên vừa tạo ra cơ hội, vừa tạo ra thách thức đối với công cuộc đổi mới ở nước ta. Không ít vấn đề của thực tiễn công cuộc đổi mới đặt ra mà tư duy lý luận mới chưa giải quyết một cách sáng tỏ, cần tiếp tục nghiên cứu, giải quyết. Chẳng hạn, các vấn đề về thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về chế độ sở hữu và thành phần kinh tế; về kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập kinh tế quốc tế trong điều kiện toàn cầu hóa; về biến động của các giai tầng xã hội trong điều kiện hiện nay; về phân hóa giàu – nghèo; về cơ chế phản biện và giám sát xã hội; về nhà nước pháp quyền và xã hội dân sự; về tiêu chí nước Việt Nam công nghiệp theo hướng hiện đại; về dân chủ, văn hóa và phát huy nhân tố con người trong quá trình đổi mới; về quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong tình hình mới; và tổng quát là về thời đại, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, v.v.

Những vấn đề đó cần được tiếp tục nghiên cứu trên cơ sở đổi mới tư duy lý luận, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa – nền tảng tinh thần của xã hội. Đây là ba trụ cột quan trọng để tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. □

ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC TRONG ĐIỀU KIỆN XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

THANG VĂN PHÚC *

PHƯƠNG thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là hệ thống các phương pháp, các hình thức, các biện pháp mà Đảng tác động vào Nhà nước để hiện thực hóa ý chí và mục tiêu của Đảng. Về nguyên tắc, mục tiêu cao nhất của Đảng lãnh đạo Nhà nước là tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân bằng Nhà nước, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước trong quá trình xây dựng xã hội mới, nhằm làm cho mục tiêu của toàn bộ sự nghiệp cách mạng nói chung, của từng thời kỳ nói riêng được thực hiện có hiệu quả cao. Theo đó, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước bị quy định bởi đặc tính khách quan và chức năng cơ bản của hệ thống tổ chức nhà nước và tính chất lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước phản ánh mối quan hệ giữa mục tiêu và phương tiện, điều kiện đạt mục tiêu, hay nói rộng ra, đó là mối quan hệ giữa chức năng của hệ thống và cơ chế thực hiện.

Kinh nghiệm chỉ rõ rằng, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của bộ máy nhà nước và toàn xã hội là một trong những

phương diện quan trọng của mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước nói chung.

Ở nước ta, yêu cầu giải quyết mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước được đặt ra ngay từ khi Đảng ta giành được chính quyền và trở thành Đảng cầm quyền. Về vấn đề này, từ năm 1922, V.I. Lê-nin đã phát hiện "những quan hệ không đúng" giữa Đảng và các cơ quan Xô-viết và thừa nhận "sửa chữa được hiện tượng đó là việc rất khó vì ở nước ta chỉ có một đảng cầm quyền duy nhất đang lãnh đạo". Người đề nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng "cần phân định một cách rõ ràng hơn nữa những nhiệm vụ của Đảng (và của Ban Chấp hành Trung ương của nó) với nhiệm vụ của chính quyền Xô-viết; tăng thêm trách nhiệm và tính chủ động cho các cán bộ Xô-viết và các cơ quan Xô-viết;... còn về đảng thì dành quyền lãnh đạo chung công tác của tất cả các cơ quan nhà nước gộp chung lại, mà không can thiệp một cách quá thường xuyên, không chính qui và thường là nhỏ nhất, như hiện nay"⁽¹⁾.

* TS, Thứ trưởng Bộ Nội vụ

(1) Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến Bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 45, tr 75

I - QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG HỆ THỐNG TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

Từ khi cầm quyền, đặc biệt là trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam không ngừng chăm lo, xây dựng, củng cố và hoàn thiện bộ máy, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, và thực tế đã đạt được những thành tựu quan trọng. Thành tựu đó thể hiện sự phát triển, trưởng thành của Nhà nước ta trong hoạt động quản lý và tổ chức thực tiễn, đồng thời cũng đánh dấu sự phát triển của tiến trình đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Đại hội VI của Đảng (12-1986) đã quyết định đường lối đổi mới kinh tế - xã hội của đất nước, trong đó có nội dung quan trọng là đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước; xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước trong điều kiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý. Đó là các nhiệm vụ: Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng thành pháp luật, chính sách cụ thể; xây dựng chiến lược kinh tế - xã hội và cụ thể hóa chiến lược đó thành những kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quản lý hành chính - xã hội và hành chính - kinh tế; điều hành các hoạt động kinh tế, xã hội trong toàn xã hội theo kế hoạch, giữ vững pháp luật, kỷ cương nhà nước và trật tự xã hội, giữ vững quốc phòng và an ninh; kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của Nhà nước, phát hiện những mất cân đối và đề ra những biện pháp để khắc phục; thực hiện quy chế làm việc khoa học, có hiệu suất cao; xây dựng bộ máy gọn nhẹ, có chất lượng, với một đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị, năng lực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, quản lý xã hội.

Đại hội VII của Đảng (6-1991) đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, trong đó nêu rõ

quan điểm cần thiết sửa đổi hệ thống tổ chức nhà nước, cải cách bộ máy hành chính, kiện toàn các cơ quan luật pháp để thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý của Nhà nước. "Tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất quyền lực, có sự phân công phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương". "Nhà nước Việt Nam thống nhất ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, với sự phân công rành mạch ba quyền đó". Đại hội VII cũng đã chủ trương cải tiến tổ chức và hoạt động của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, sửa đổi cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của Chính phủ, coi trọng bàn bạc tập thể, đồng thời đề cao trách nhiệm và quyền hạn cá nhân của người đứng đầu Chính phủ, đứng đầu bộ, ngành trong quản lý và điều hành. Tăng cường hiệu lực của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Đổi mới hệ thống tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân các cấp và Tòa án nhân dân các cấp.

Theo đó, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 (12-1991), khóa VII, nhấn mạnh: "Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là điều kiện quan trọng nhất để tiến hành đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, làm cho sự lãnh đạo của Đảng có chất lượng và có hiệu quả hơn, đồng thời làm cho sự quản lý và điều hành của nhà nước có hiệu quả, pháp luật được tôn trọng, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy". Đảng lãnh đạo Nhà nước chứ không làm thay Nhà nước. Cần phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và giải quyết tốt mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước. Nhà nước thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng.

Thực hiện quan điểm chỉ đạo đó, ngày 15-4-1992, Quốc hội khóa VIII đã thông qua Hiến pháp sửa đổi, quy định những vấn đề cơ bản nhất về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 (1-1995), khóa VII, chủ trương tiếp tục xây dựng và

hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính. "Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa; xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội chủ nghĩa"

Nghị quyết Trung ương 3 (6-1997), khóa VIII, đã khẳng định những thành tựu quan trọng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và những đổi mới về nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, để vừa bảo đảm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy trách nhiệm, tính chủ động của các cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, thực tế là tổ chức bộ máy nhà nước còn nặng nề và chưa thật sự trong sạch, vững mạnh; sự lãnh đạo của Đảng chưa đáp ứng yêu cầu của quá trình đổi mới tổ chức, hoạt động của Nhà nước, Nghị quyết đã đề ra yêu cầu là cần nắm vững và thực hiện tốt ba nội dung trọng yếu về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là:

- Lãnh đạo các cơ quan nhà nước kịp thời thể chế hóa đường lối của Đảng thành pháp luật.

- Tăng cường quản lý cán bộ, đảng viên trong bộ máy nhà nước; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, vững mạnh, thực sự vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân.

- Tăng cường kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên trong việc thực hiện các nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 7 (năm 1999), khóa VIII, chủ trương tiếp tục hoàn thiện bộ máy nhà nước trong tổng thể bộ máy của hệ thống chính trị. Coi cải cách hành chính là nhiệm vụ thường xuyên, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác cải cách hành chính.

Kết quả là, đã giảm dần sự can thiệp trực tiếp của các cơ quan đảng đối với Nhà nước; khắc phục phong cách hoạt động theo kiểu

quan liêu, nặng về mệnh lệnh hành chính, xem nhẹ sự thuyết phục, giáo dục, nêu gương, kiểm tra của tổ chức đảng; cán bộ đảng bị công chức hóa...; từng bước quy chế hóa mối quan hệ lãnh đạo của các cơ quan đảng đối với các cơ quan nhà nước tương ứng; từng bước dân chủ hóa mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước. Nêu cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước bằng việc đưa ra cương lĩnh chính trị, đường lối chiến lược, chủ trương và chính sách lớn về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh... Chú trọng việc kiện toàn các tổ chức đảng và giáo dục, rèn luyện đảng viên trong các cơ quan nhà nước, tăng cường đào tạo cán bộ nhà nước...

Đồng thời về phía Nhà nước cũng đã hạn chế dần, đi tới khắc phục tình trạng quản lý xơ cứng, giảm tính thụ động, ỷ lại vào cơ quan lãnh đạo của Đảng. Các tổ chức trong hệ thống bộ máy nhà nước đã được kiện toàn, củng cố và từng bước thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ của mình.

Đại hội IX của Đảng đã tiếp tục khẳng định nội dung đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước: "Đảng lãnh đạo Nhà nước thông qua việc đề ra đường lối, chủ trương, các chính sách lớn, định hướng cho sự phát triển và kiểm tra việc tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước...".

Việc khẳng định Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng (Văn kiện Đại hội IX của Đảng và Điều 2, Hiến pháp năm 1992 và Hiến pháp năm 1992 sửa đổi, bổ sung) đã thể hiện bước phát triển mới về quan điểm chính trị của Đảng ta; đồng thời cũng là sự đổi mới có tính nguyên tắc trong quan hệ giữa Đảng với Nhà nước nói chung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước nói riêng. Nó đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục hoàn chỉnh cả về phía Đảng và cả phía Nhà nước.

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng nêu rõ: "Khẩn trương xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy định cụ thể về nguyên tắc, nội dung và cơ chế Đảng lãnh đạo đối với Nhà nước trong từng lĩnh vực: lập pháp, hành pháp, tư pháp và từng cấp, từng loại hình tổ chức nhà nước". Đó chính là sự đổi mới nhằm phát triển và tiếp tục hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

II - MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN, ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC

1 - Tiếp tục nghiên cứu những vấn đề có tính lý luận về mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Một là, tiếp tục đổi mới, nhận thức về Đảng và Nhà nước.

Đảng ta là đảng cầm quyền, là lực lượng lãnh đạo toàn xã hội, nhưng không phải là cơ quan quyền lực nhà nước; quyền lực của Đảng khác với quyền lực nhà nước.

Sự khác nhau đó quy định những điểm khác biệt về chức năng, nhiệm vụ, phương thức và phương pháp hoạt động giữa Đảng và Nhà nước, giữa Đảng với các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội khác. Nếu không phân biệt rõ ràng, thấu đáo những khác biệt đó và đặc biệt là không kiên quyết, mạnh dạn chuyển biến từ đổi mới nhận thức sang đổi mới tổ chức và hoạt động của Đảng và cả Nhà nước thì không tránh khỏi tình trạng đã xảy ra là "Nhà nước hóa Đảng" và "hình thức hóa Nhà nước" làm cho Đảng trở nên hành chính hóa, quan liêu hóa kiểu nhà nước và Nhà nước thì không có thực quyền, vừa thụ động vừa trì trệ, xơ cứng trong quản lý. Thước đo hiệu quả sự lãnh đạo của Đảng phải được thể hiện ở sức mạnh, hiệu lực thực tế của Nhà nước. Để quản lý, Nhà nước buộc phải dùng đến sức mạnh của tổ chức và

hành chính cũng như sức mạnh cưỡng chế của luật pháp.

Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng đường lối, nghị quyết, bằng công tác tổ chức cán bộ và kiểm tra việc Nhà nước thực hiện chấp hành đường lối, nghị quyết như thế nào, thông qua tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước và thông qua các cơ quan chuyên trách của hệ thống đảng. Là lực lượng lãnh đạo chính trị, Đảng quyết định những vấn đề chính trị thuộc về chiến lược phát triển, về đường lối, chủ trương, quan điểm, nguyên tắc đối với tổ chức và hoạt động của Nhà nước nhưng Nhà nước lại tổ chức quyền lực, thực thi vai trò, chức năng quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật. Do đó, Đảng không can thiệp sâu vào hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước có tính chất đặc thù của khoa học quản lý. Đảng cũng không thể lấn sân, bao biện, làm thay những công việc của chính quyền các cấp trong hệ thống quản lý hành chính... Điều đó chẳng những không hạ thấp và làm suy giảm vai trò lãnh đạo của Đảng, mà trái lại, còn làm tăng thêm sức mạnh bảo vệ và tự bảo vệ của Đảng, tránh cho Đảng rơi vào tình trạng độc đoán, lạm quyền, vi phạm pháp luật và vi phạm dân chủ.

Hai là, phân định rõ mục tiêu lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và mục tiêu hoạt động của Nhà nước.

Mục tiêu lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là phát huy vai trò của Nhà nước trong việc thể chế hóa, tổ chức thực hiện có hiệu quả những quan điểm chỉ đạo của Đảng đối với sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại. Mục tiêu quản lý của Nhà nước là biến toàn bộ quan điểm chỉ đạo của Đảng trên các phương diện tương ứng nói trên trở thành hiện thực.

Mục tiêu lãnh đạo của Đảng và mục tiêu quản lý của Nhà nước có nội dung tương tự như nhau, nhưng nội dung phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và nội dung quản lý của Nhà nước nhằm đạt mục tiêu đó lại có

nhiều điểm khác nhau. Điều đó được bộc lộ ở sự khác biệt giữa nhiệm vụ của Đảng với nhiệm vụ của Nhà nước. Với tư cách là Đảng cầm quyền, Đảng đề ra các chủ trương, đường lối, quan điểm có tính chiến lược và lãnh đạo việc tuyên truyền, cổ động quần chúng thực hiện; mặt khác, Đảng lãnh đạo các cơ quan nhà nước thể chế hóa, tổ chức thực hiện các đường lối, chủ trương, quan điểm, chính sách đó. Đảng không trực tiếp giải quyết các công việc của Nhà nước

Nhà nước bằng quyền lực của mình có nhiệm vụ "bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ về mọi mặt của nhân dân, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và của nhân dân, xây dựng đất nước giàu mạnh, thực hiện công bằng xã hội, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện".

Ba là, hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng khác với hệ thống tổ chức bộ máy của Nhà nước.

Hiện nay, cả hai hệ thống này đều đang đứng trước yêu cầu bức xúc phải đổi mới theo yêu cầu dân chủ - pháp quyền, trong sạch, vững mạnh, chống quan liêu tham nhũng có hiệu quả. Đảng đổi mới cơ chế lãnh đạo của mình đối với Nhà nước trên cơ sở tự chỉnh đốn Đảng, thực hiện dân chủ trong Đảng, "phải kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng ở tất cả các cấp từ Trung ương đến cơ sở" theo hướng tinh gọn và tinh nhuệ, thể hiện thật rõ tính đặc thù của lãnh đạo chính trị. Sử dụng các chuyên gia giỏi vào công việc được chuyên môn hóa là một trong những cách tốt nhất để khắc phục tình trạng "thừa" bộ máy mà "thiếu" hoạt động, như tình hình đã xảy ra.

Đòi hỏi bức xúc hiện nay đối với Nhà nước trên con đường tiến tới Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là tạo lập một hệ thống pháp luật đồng bộ, cải cách bộ máy hành chính nhà nước bảo đảm trong sạch, vững mạnh, hiệu lực và hiệu quả với đội ngũ công chức được đào tạo cơ bản, tinh thông chuyên môn nghiệp vụ,

tận tụy mẫn cán, am hiểu pháp luật và tôn trọng pháp luật, có chế độ công vụ, kỷ luật và đạo đức công chức được đề cao.

Bốn là, phương pháp lãnh đạo của Đảng khác với phương pháp quản lý của Nhà nước; đào tạo, huấn luyện và bố trí, sử dụng cán bộ đảng khác với đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ, công chức nhà nước.

Để bảo đảm thực hiện có hiệu quả phương thức lãnh đạo của Đảng cần đổi mới tổ chức bộ máy đảng và nhà nước cùng đội ngũ cán bộ, công chức, nâng cao mặt bằng dân trí, nhất là tri thức pháp luật; nâng cao vai trò của các cơ quan có chức năng thể chế hóa đường lối, quan điểm của Đảng, tổ chức thực hiện pháp luật; nâng cao chất lượng của các ban đảng có chức năng tư vấn trong việc chỉ đạo của Đảng đối với các cơ quan nhà nước tương ứng.

Năm là, đề cao tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ đảng viên.

Tiếp tục xây dựng Đảng trong tình hình mới, nâng cao năng lực lãnh đạo, chất lượng và hiệu quả thực tế của các nghị quyết, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên thực sự là đội ngũ tiên phong trong sự nghiệp mới, mỗi cán bộ, đảng viên thực sự là hạt nhân lãnh đạo, là tấm gương có sức lôi cuốn, tập hợp nhân dân trong tiến trình thực hiện các mục tiêu của đổi mới kinh tế, cải cách hành chính, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, trong cải cách tư pháp, trong thực hiện huy động sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân. Phát huy truyền thống người đảng viên cộng sản đã đi đầu, hy sinh trong sự nghiệp cách mạng giành độc lập dân tộc trước đây, cũng vẫn và mãi mãi là người đi đầu trong mọi lĩnh vực của sự nghiệp đổi mới, xây dựng phát triển đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

Lãnh đạo chính trị của Đảng là lãnh đạo toàn diện ở tầm quan điểm, đường lối, nguyên tắc, phương hướng, chủ trương lớn, những vấn đề nhạy cảm, do đó, nó đòi hỏi trình độ khoa học, tư tưởng, trí tuệ cao, nhạy bén,

sâu sắc, luôn vươn kịp tới trình độ hiện đại của thời đại.

2 – Yêu cầu thể chế hóa phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và việc xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước

Trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền, những quan hệ cơ bản, nhất là quan hệ lãnh đạo và quản lý, phải được thể chế hóa - cả về quyền hạn lẫn trách nhiệm. Đảng vừa là một bộ phận cấu thành hệ thống chính trị, vừa là người lãnh đạo hệ thống đó. Đảng là người lãnh đạo xây dựng Hiến pháp và pháp luật, nhưng Đảng cũng là một tổ chức chính trị, một bộ phận hữu cơ của xã hội; do đó, trong tổ chức và hoạt động của mình, Đảng phải tuân thủ đúng pháp luật, đảng viên và các tổ chức đảng không được đứng trên, đứng ngoài pháp luật. Hơn nữa, sự hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên không phải chỉ chịu sự kiểm tra, giám sát của Nhà nước mà còn chịu sự kiểm tra, giám sát của quần chúng nhân dân và các tổ chức xã hội.

Mặt khác, trên phương diện pháp lý, có thể nói, trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền, mọi nghị quyết của Đảng chỉ có giá trị bắt buộc đối với đảng viên và tổ chức đảng tương ứng. Muốn những nghị quyết đó được thực hiện bằng sức mạnh của toàn dân, của toàn bộ quần chúng trong phạm vi lãnh đạo của cơ quan đảng tương ứng, chúng phải được thể chế hóa thành pháp luật, hay quy chế, quy định, chính sách... của cơ quan nhà nước. Nói cách khác, trong quản lý xã hội, pháp luật cần được xem là tối thượng, việc quản lý Nhà nước đơn thuần bằng nghị quyết cần được khắc phục triệt để.

Nhu cầu thể chế hóa phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước nói chung và hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước nói riêng xuất phát từ đòi hỏi khách quan của nền kinh tế thị trường, xã hội công dân ngày càng phát triển, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ngày càng trở nên chuyên nghiệp, hiện đại, nhu cầu dân chủ hóa đời sống xã hội ngày càng cao...

Thể chế hóa vai trò và phương thức lãnh đạo của Đảng còn có ý nghĩa đề cao trách nhiệm của Đảng bằng pháp luật trước nhân dân.

Nhưng hiện nay, trong Hiến pháp chỉ mới ghi nhận vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội nói chung (Điều 4). Do đó, các quan điểm chỉ đạo cơ bản của Đảng về tổ chức bộ máy, nội dung và mục tiêu căn bản trong hoạt động của Nhà nước cần phải được thể chế hóa, công khai hóa và triển khai thực hiện bằng Nhà nước theo hệ chuẩn pháp luật đã xác định. Hệ thống quy phạm đó phải xác định rõ thẩm quyền, phạm vi và trách nhiệm... lãnh đạo của Đảng, nhiệm vụ của Nhà nước trong quan hệ với chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng.

Thể chế hóa phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước cần được cụ thể hóa cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, cơ chế vận hành của từng loại cơ quan trong bộ máy lập pháp, hành pháp, tư pháp, thích hợp với từng lĩnh vực và từng cấp hành chính. Ở đây, trước hết từ các nguyên tắc hiến pháp, hiến định, cần xác định rõ vai trò và phương thức lãnh đạo của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương đối với Quốc hội trong công tác tổ chức bộ máy nhà nước và việc thực hiện các chức năng lập hiến, lập pháp; giám sát tối cao; quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước; đồng thời, cần tính đến khả năng ban hành đạo luật quy định chi tiết về vai trò và phương thức lãnh đạo của các cấp ủy đối với chính quyền các cấp.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với việc xây dựng hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và phát huy hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là vấn đề hệ trọng, lớn và khó. Việc nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình cải cách, đổi mới để bổ sung, hoàn thiện hơn nữa cả nhận thức lý luận lẫn tổ chức thực hiện những quan điểm đó chắc chắn sẽ mang lại cho Đảng và Nhà nước ta những năng lực mới đáp ứng nhu cầu trong giai đoạn đổi mới hiện nay. □

ĐỂ VIỆT NAM CÓ TẬP ĐOÀN KINH TẾ MẠNH TRONG KINH TẾ THỊ TRƯỜNG, HỘI NHẬP

HỒ XUÂN HÙNG *

THEO quy luật thị trường, cạnh tranh tất yếu thúc đẩy tích tụ, tập trung vốn và quy mô sản xuất; doanh nghiệp thắng trong cạnh tranh thì phát đạt, ngược lại bị thua thì dẫn đến phá sản. Quá trình đó thúc đẩy sự liên kết ngang, thôn tính hay hợp nhất... Một trong số những sản phẩm của quá trình đó là tạo ra các tập đoàn kinh tế.

Bản thân mô hình tập đoàn là một hình thái tổ chức giữa các doanh nghiệp. Còn nhiều quan niệm khác nhau về tập đoàn, song cũng có một điểm chung nhất là: Tập đoàn doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có kết cấu tổ chức nhiều tầng, liên kết với nhau bằng quan hệ tài sản và quan hệ hợp tác nhằm đáp ứng đòi hỏi của nền sản xuất hàng hóa; và các doanh nghiệp trong tập đoàn đều có pháp nhân độc lập.

Lịch sử phát triển các tập đoàn doanh nghiệp thế giới cho thấy sự ra đời tập đoàn có hai cách. *Một là*, doanh nghiệp tự lớn, tự liên kết gia nhập hoặc thôn tính lẫn nhau. *Hai là*, Chính phủ sử dụng các chính sách vĩ mô có tính đến quyền lực hành chính thông qua các hình thức sáp nhập, tổ chức lại các doanh nghiệp theo cách làm và bước đi thích hợp.

Tập đoàn đã hoạt động phổ biến trên thế giới nhiều thập niên qua. Người dân Việt Nam cũng đã quen dùng hàng hóa của các tập đoàn, như: TOYOTA, HONDA, SUZUKI (Nhật Bản), SAMSUNG (Hàn Quốc), NOKIA (Phần Lan), SIEMEN (Đức), DUNHILL (Anh),

ALCATEL (Pháp), COCA COLA (Mỹ)... Trong bối cảnh toàn cầu hóa về kinh tế, để duy trì được tiềm lực kinh tế trong việc hợp tác và cạnh tranh quyết liệt, các quốc gia đều phải có các tập đoàn kinh tế mạnh và thông qua chúng để nâng cao năng lực cạnh tranh trên cả ba cấp độ: quốc gia, doanh nghiệp, sản phẩm. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ phát triển dù có vai trò bảo đảm cho sự phát triển kinh tế, ổn định xã hội ở mỗi nước, nhưng cũng chỉ là những "tầm thép" cho những "con tàu lớn" ra khơi.

Thực tế cho thấy, ảnh hưởng của tập đoàn với phát triển kinh tế - chính trị - xã hội - an ninh - quốc phòng của từng nước là rất lớn và nhiều chiều, tích cực và tiêu cực, cả trong trường hợp thành công và thất bại. Tích cực là khi chúng như những "con voi" khổng lồ kéo nền kinh tế, cũng như cạnh tranh với các nền kinh tế khác một cách mạnh mẽ. Thế nhưng lúc chúng ngã thì cũng gây hậu quả nghiêm trọng, không những về kinh tế, mà còn cả chính trị. Cuối thế kỷ trước, cả thế giới và nhất là người Hàn Quốc bàng hoàng trước sự đổ vỡ của Tập đoàn DEAWOO. Năm 2005, thế giới đã chứng kiến Thủ tướng Nhật Kô-i-du-mi tuyên bố giải tán Hạ viện khi họ không ủng hộ ông tư nhân hóa Tập đoàn Bưu chính Nhật Bản.

* Phó Trưởng ban, Ban chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp nhà nước Trung ương

Nước ta nhất định sẽ tham gia Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Các doanh nhân Việt Nam có trọng trách góp phần làm rạng rỡ non sông đất nước ta trong thời đại ngày nay. Tuy vậy, thực hiện trách nhiệm đó như thế nào đang là câu hỏi lớn chưa có câu trả lời thỏa đáng.

Đứng trước vận hội và thách thức lớn của quá trình hội nhập kinh tế thế giới, áp lực của cạnh tranh kinh tế là rất lớn, trong khi các doanh nghiệp Việt Nam đang rất nhỏ bé, lại chứa đựng nhiều yếu tố lịch sử, thị trường chưa phát triển, nên Nhà nước phải chủ động tác động để hình thành các tập đoàn kinh tế lớn là cần thiết.

Bên cạnh việc tạo hành lang pháp lý để các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế phát triển tạo điều kiện để các tập đoàn kinh tế không có sự tham gia vốn của Nhà nước ra đời, phát triển, tăng cường khả năng thu hút các nhà đầu tư nước ngoài; Đảng ta đã có chủ trương: "Hình thành một số tập đoàn kinh tế mạnh trên cơ sở các tổng công ty nhà nước, có sự tham gia của các thành phần kinh tế, kinh doanh đa ngành, trong đó có ngành kinh doanh chính, chuyên môn hóa cao và giữ vai trò chi phối lớn trong nền kinh tế quốc dân..."⁽¹⁾. Theo đó, Chính phủ đang tập trung chỉ đạo sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, cùng với quá trình cổ phần hóa (đã hơn 2.900 doanh nghiệp cổ phần hóa), giao bán khoán kinh doanh, cho thuê, giải thể, phá sản, hợp nhất, số lượng các doanh nghiệp nhà nước đang từng bước giảm dần (hiện còn gần 2.700 doanh nghiệp nhà nước 100% vốn), nhưng tăng về chất lượng, quy mô vốn, hiệu quả và doanh thu.

Trong quá trình chuyển đổi các mô hình mới của các tổng công ty cũng đang có nhiều vấn đề được đặt ra. Theo nghiên cứu của chúng tôi, trong số 100 tổng công ty, có 18 tổng công ty "91", ngoại trừ Tổng công ty Cà phê đang gặp khó khăn về tài chính còn lại đang lớn mạnh, đều khẳng định được mình trong cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

Các tổng công ty: Dầu khí, Điện lực, Bưu chính - Viễn thông, Công nghiệp tàu thủy, Dệt may, Than, Cao su đang có mức tăng trưởng nhanh cả về quy mô vốn, mạng lưới và hiệu quả kinh doanh. Phân tích sâu quá trình đổi mới các tổng công ty này chúng ta thấy, đã hình thành các mối liên kết trong sản xuất kinh doanh, liên doanh, liên kết, cơ chế tài chính, tuyển chọn lao động, cơ chế đầu tư..., nghĩa là đang xuất hiện một khuynh hướng phát triển theo kiểu hình thành các tập đoàn kinh tế của Việt Nam.

Trong 80 tổng công ty "90", có gần nửa là đang gặp khó khăn về tài chính, một số thì lúng túng trong việc tìm phương hướng kinh doanh. Bên cạnh giải pháp kiện toàn, tổ chức lại theo hướng đa sở hữu các tổng công ty yếu kém, một số chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, mà trong đó các công ty con là đa sở hữu, hạn chế số công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, tiến tới đa sở hữu công ty mẹ.

Việc lựa chọn các tổng công ty mạnh, như: LILAMA, Xăng dầu, KHATOCO, Rượu - Bia - Nước giải khát Sài Gòn và Hà Nội, Tài chính, Bảo hiểm, Ngân hàng, một số tổng công ty trong các lĩnh vực xây dựng, cơ khí, sản xuất vật liệu... trong quá trình sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước gần đây chính là để Chính phủ có chính sách tạo điều kiện cho nó tích tụ, hợp nhất, liên kết theo hướng hoạt động của các tập đoàn kinh tế. Bởi vậy, quá trình hình thành các tập đoàn doanh nghiệp ở Việt Nam cần lưu ý một số nội dung sau:

1 - Các tổng công ty phát triển lên tập đoàn là để hướng tới việc hình thành những tập đoàn mạnh của nền kinh tế

Vấn đề đặt ra là nội dung, chứ không phải là hình thức "bình mới to hơn còn rượu vẫn

(1) Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 21

như cũ". Ở nước ta, Chính phủ với tư cách là người chủ của các doanh nghiệp nhà nước phải có vai trò thúc đẩy doanh nghiệp nhà nước phát triển theo hướng tập đoàn kinh tế mạnh. Vì vậy, trước hết quá trình đó phải được gắn kết ngành và lãnh thổ, giữa doanh nghiệp nhà nước với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác với việc xem xét tổ chức lại doanh nghiệp nhà nước theo hướng sau:

a) *Hình thành các tập đoàn có mối liên kết ngang là chính.* Đây là dạng phổ biến ở Việt Nam. Chính phủ cần lựa chọn những tổng công ty mạnh, có nhiều doanh nghiệp hoạt động độc lập cùng ngành nghề, cần liên kết lại để chống lại một cách hiệu quả sự cạnh tranh của doanh nghiệp khác và cùng "đấu tay nhau" đi ra thị trường thế giới như: dệt may, công nghiệp cơ khí xây dựng, đóng tàu, rượu bia, thuốc lá, xi-măng, than v.v.. Những hạt nhân này thu hút các tổng công ty, công ty khác, gạt bỏ sự ràng buộc bởi bộ chủ quản, tỉnh chủ quản và vùng lãnh thổ. Việc "hút" các tổng công ty, công ty khác có thể là do tổ chức sáp nhập, hoặc mua cổ phần, hoặc được nhận đại diện phần vốn nhà nước, hoặc tự nguyện. Khuyến khích tập đoàn có nhiều công ty liên kết, công ty cổ phần, giảm thiểu công ty con do Nhà nước nắm giữ 100% vốn. Thu hút các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác, nhưng cùng ngành nghề tự nguyện gia nhập tập đoàn.

b) *Các tập đoàn có mối liên kết dọc là chủ yếu.* Đây là mô hình mà các doanh nghiệp hoạt động độc lập, nhưng lại trong tổng thể liên hợp sản xuất kinh doanh, hoàn chỉnh chặt chẽ như: Dầu khí, Than, Viễn thông, Hàng không, Bảo hiểm tài chính, ngân hàng... Với loại hình này, Chính phủ cần có chính sách để nó tích tụ nhanh, đổi mới công nghệ nhanh, chủ động đầu tư, liên doanh liên kết với bên ngoài, lựa chọn và tạo điều kiện để có một số tập đoàn đa quốc gia, trong đó phía Việt Nam nắm quyền kiểm soát.

Trong xu hướng hiện nay ở Việt Nam, liên kết và tổ chức tập đoàn doanh nghiệp chủ yếu

là thông qua mối liên kết công ty mẹ - công ty con. Nếu như tổng công ty chuyển sang mô hình công ty mẹ - công ty con làm ăn phát đạt, mở rộng quy mô, mạng lưới "sinh cháu, sinh chất"... tự nâng tầm do phát triển nội tại, hoặc là do một quá trình tổ chức lại tiếp theo, có thể bằng hành chính hoặc kinh tế hoặc cả hai hình thức đó, thì loại tổng công ty này đương nhiên sẽ trở thành tập đoàn kinh tế mạnh.

Những tổng công ty khác do tiếp tục kinh doanh kém hiệu quả, nội bộ mất đoàn kết thì dẫn đến phân rã hoặc là "chết", hoặc là bị các tổng công ty khác "thôn tính".

Điều quan trọng nhất để thúc đẩy quá trình hình thành tập đoàn là ở chỗ Chính phủ cần tập trung chỉ đạo củng cố, cơ cấu lại các tổng công ty đủ mạnh. Trên cơ sở đó, tạo môi trường pháp lý để các tổng công ty trở thành các tập đoàn.

2 – Hình thành tập đoàn gắn với chiến lược về cơ cấu ngành

Xây dựng chiến lược về cơ cấu ngành và dòng sản phẩm, trên cơ sở đó xác định lại những "chốt kinh tế" nào Nhà nước cần khống chế. Các chốt kinh tế này là điều kiện tiên quyết để đưa ra chính sách. Bởi vậy, một mặt, Chính phủ cần tác động trực tiếp để hình thành các tập đoàn doanh nghiệp nhà nước đa sở hữu ở các "chốt" đó; mặt khác, khuyến khích các tổng công ty mở rộng quy mô, lĩnh vực kinh doanh trên nguyên tắc nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh, tự lớn mạnh thành các tập đoàn kinh tế chứ không hạn chế ở các tổng công ty do Chính phủ lựa chọn.

Nước ta đang trong quá trình chuyển đổi, hệ thống thị trường chưa hoàn thiện; hệ thống ngân hàng thương mại chưa hướng tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, ngược lại không ít doanh nghiệp nhà nước đang dựa vào ngân hàng để tìm "sự sống", đẩy ngân hàng vào tình trạng rủi ro cao; cơ chế hình thành giá cả, cạnh tranh chưa hoàn thiện... Hơn nữa, các doanh nghiệp nhà nước vẫn chưa thực sự tự chủ cả trong kinh doanh, tài chính lẫn nhân sự. Vì

vậy, việc Chính phủ trực tiếp tác động để quá trình hình thành các tập đoàn doanh nghiệp nhà nước ở nước ta có bước đi phù hợp, không gượng ép, hành chính hóa và gắn với chiến lược cơ cấu ngành là việc làm rất cần thiết hiện nay.

3 – Lựa chọn tổng công ty làm "hạt nhân"

Để đáp ứng yêu cầu nêu trên, điều cực kỳ quan trọng là Chính phủ xem xét lựa chọn tổng công ty làm "hạt nhân", vừa để cơ cấu, tổ chức lại tổng công ty, vừa tạo điều kiện để tổng công ty "hút" thêm các tổng công ty, công ty thành viên khác trên cơ sở gắn kết công nghệ, kinh tế tạo nền tảng cho sự phát triển. Trong trường hợp này, cần chống xu hướng sáp nhập tràn lan, gây hậu quả khó lường. Ở nước ta, *Chính phủ nên có chủ trương cho các doanh nghiệp nhà nước lớn mua cổ phần của các doanh nghiệp nhà nước khác khi cổ phần hóa và cả của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác*, nhằm tạo điều kiện về kinh tế cho doanh nghiệp thực sự lớn mạnh. Mặt khác, để tập đoàn doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả nâng cao năng lực cạnh tranh, cần có cơ chế vận hành phù hợp, vừa tạo mối liên kết, phân công, vừa tạo cơ chế độc lập tự chủ cho các công ty con, tương thích với nền kinh tế thị trường trong điều kiện hội nhập ngày một sâu hơn vào kinh tế quốc tế.

4 – Áp dụng nhất quán nguyên tắc đa sở hữu

Trong quá trình hình thành và phát triển các tập đoàn kinh tế, nhất thiết phải thực hiện đa sở hữu, trong đó có cả các thành phần kinh tế khác, các nhà đầu tư nước ngoài để huy động vốn, và nhất là công nghệ tiên tiến để tạo sự ràng buộc trên diện rộng về các mối quan hệ lợi ích, cũng như san sẻ rủi ro thị trường, nhưng Nhà nước cần giữ quyền chi phối. Hầu hết các công ty, tổng công ty con là công ty cổ phần, cần tính đến cổ phần hóa ngay cả "công ty mẹ - tập đoàn", đối với những tập đoàn hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, Nhà nước giữ chi phối ở những lĩnh vực Nhà nước không cần nắm giữ 100% vốn.

5 – Sửa đổi cơ chế tài chính cho các tập đoàn theo hướng chuyển từ chế tài quản lý theo chi phí trực tiếp sang chế tài quản lý theo hiệu quả, lợi nhuận

Trong thời gian đầu, để tạo điều kiện cho một số tập đoàn có điều kiện vươn lên, nhất là những tập đoàn phải tham gia bình ổn giá có thể cho nộp thuế thu nhập doanh nghiệp chung toàn tập đoàn. Đồng thời với các chế tài này là cơ chế kiểm soát, giám sát chặt chẽ chống tình trạng tiêu cực lớn ở công ty con, mà chủ tịch tập đoàn không biết hoặc nằm ngoài phạm vi trách nhiệm. Có chế tài kiểm soát không để xảy ra tình trạng trốn thuế bằng cách thông qua chuyển giá nội bộ, chuyển lợi nhuận, cho vay nội bộ và đầu tư chéo... dẫn đến nguy cơ khủng hoảng tài chính.

6 – Cơ chế quản lý cán bộ phải sửa đổi mạnh theo nguyên tắc "bàn tay"

Nghĩa là, Đảng, Nhà nước nắm những vị trí quan trọng, khâu then chốt chứ không nắm tất cả các khâu, tạo điều kiện để cán bộ có đức có tài, có trách nhiệm phát huy hết khả năng. Chủ tịch tập đoàn là người mà Đảng và Nhà nước cần nắm giữ. Chủ tịch là đại diện chủ sở hữu, đại diện pháp nhân cho công ty mẹ - tập đoàn - có quyền quyết định nhân sự từ tổng giám đốc điều hành trở xuống. Có thể mới quy được trách nhiệm và mới thực sự coi trọng cho doanh nghiệp nhà nước. Để có các tập đoàn kinh tế mạnh, nhất thiết phải có những doanh nhân tâm can, không thể theo kiểu "con chị đi, con dì lớn".

7 – Chống độc quyền

Xu hướng hình thành các tập đoàn kinh tế tất yếu sẽ dẫn đến độc quyền nếu hệ thống pháp luật không có đủ chế tài để chống lại sự hình thành các quan hệ độc quyền trong kinh doanh. Vì vậy, để bảo đảm lợi ích người tiêu dùng, Nhà nước và Chính phủ cần chủ động trong giải pháp chống độc quyền. Hiện nay, có một số doanh nghiệp đang sử dụng độc quyền nhà nước cho doanh nghiệp. Nghĩa là sử dụng quyền năng hành chính của Nhà nước, do sự

không tách biệt giữa hành chính nhà nước với quản lý doanh nghiệp. Tình trạng này đã tạo cho một số tổng công ty có vị thế độc quyền và đặc quyền. Còn khả năng độc quyền về kinh tế trong kinh tế mở cửa các doanh nghiệp đó là thấp, và thực sự nó vẫn chưa phải đã đủ lớn mạnh tới mức độc quyền.

8 – Chống hội chứng tập đoàn

Các doanh nghiệp nhà nước phát triển để hình thành tập đoàn là hướng tích cực, phù hợp với quy luật kinh tế trong kinh tế thị trường. Tuy nhiên, do sự hình thành doanh nghiệp nhà nước ở nước ta trong giai đoạn hiện nay đang có sự tác động trực tiếp, tích cực của Nhà nước, bên cạnh các giải pháp kinh tế cần phải dùng cả biện pháp hành chính. Điều đó dẫn đến các tổng công ty dễ bị thu hút vào hướng này, trong khi điều kiện vật chất bên trong chưa đủ chín muồi.

Cách đây 7 - 8 năm, Chính phủ cho ra đời các tổng công ty nhà nước chủ yếu bằng cách gom các doanh nghiệp độc lập lại với hy vọng tạo "quả đấm" mạnh trong kinh tế, chủ động trong cạnh tranh. Bên cạnh những mặt được, thì từng ấy năm cũng bộc lộ rõ những yếu kém của các tổng công ty, yếu kém tới mức quá nhiều diễn đàn kinh tế - chính trị chỉ trích nó. Đặc biệt, ở đâu cũng phàn nàn: tổng công ty giống như "bì khoai tây" hoạt động kém hiệu quả.

Vậy ai dám chắc 5 - 7 năm nữa, các tập đoàn kinh tế mạnh của chúng ta không bị chỉ trích? Vì vậy đến nay Thủ tướng Chính phủ mới có quy định phê duyệt đề án thí điểm hình thành 4 tập đoàn: Than - Khoáng sản, Bưu chính - Viễn thông, Tài chính - Bảo hiểm, Dệt may. Các tập đoàn này đều hoạt động theo nguyên tắc mô hình công ty mẹ - công ty con. Từ nay đến hết năm 2006, Ban Đổi mới doanh nghiệp nhà nước Trung ương đang phối hợp với các bộ chuẩn bị đề án thí điểm thêm tập đoàn: Công nghiệp Tàu thủy, Công nghiệp Cao su, Điện lực và Dầu khí.

Rút bài học kinh nghiệm tổ chức tổng công ty, quá trình hình thành tập đoàn doanh nghiệp

phải dựa trên cơ sở củng cố lại, cơ cấu lại của tổng công ty, sau đó chọn "hạt nhân" để hình thành tập đoàn. Kiên quyết chống "hội chứng" tập đoàn.

9 – Về tiêu chí mang tính định lượng và định tính của tập đoàn

Chính phủ cần xây dựng và ban hành các tiêu chí mang tính định lượng, có tính đến tính định tính. Trên cơ sở đó, các doanh nghiệp tự xây dựng hoặc là Chính phủ với tư cách là "ông chủ" tác động tạo điều kiện thông qua sắp xếp, cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước để hình thành các tập đoàn theo tiêu chí, giảm thiểu thủ tục hành chính phê duyệt (thực chất cũng là cơ chế xin - cho, nhất là trong điều kiện chưa có tiêu chí). Khi đủ tiêu chí, doanh nghiệp tự đăng ký mô hình hoạt động cho chính mình phù hợp với Luật Doanh nghiệp (năm 2005).

10 – Về mô hình tập đoàn kinh tế mạnh ở Việt Nam

Tập đoàn kinh tế so với tổng công ty không chỉ khác về quy mô vốn, mạng lưới mà ngay cả tư cách pháp nhân, mối liên kết nội bộ; đặc biệt là liên kết kinh tế, hợp đồng trên nguyên tắc hiệu quả. Vì vậy, việc hình thành các tập đoàn kinh tế mạnh vừa có quá trình tự nhiên, vừa kết hợp quá trình tổ chức lại doanh nghiệp nhà nước, nhưng điều cốt yếu là tạo môi trường "tự nó" phát triển, tránh gò ép, hội chứng, phong trào. Phòng ngừa động cơ không lành mạnh tổ chức lại doanh nghiệp nhà nước theo kiểu "đánh bùn sang ao" hoặc là chỉ để nâng hạng, nâng cấp doanh nghiệp và cho ban lãnh đạo thì hậu quả lớn hơn nhiều so với một số tổng công ty đang hoạt động kém hiệu quả hiện nay.

Thực tế của Việt Nam, không thể khác được, cần tác động trực tiếp từ Chính phủ để có các tập đoàn kinh tế mạnh là tất yếu. Chính phủ sẽ điều hành các bước đi phù hợp, tương thích với sự phát triển của nền kinh tế, của chính các công ty nhà nước cũng như tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian tới. □

PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CHẾ XUẤT ĐẾN NĂM 2020 - TRIỂN VỌNG VÀ THÁCH THỨC

VÕ THANH THU *

NĂM 2006, đất nước kỷ niệm 20 năm chủ trương mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, đưa Việt Nam ***từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa***, hội nhập có hiệu quả với khu vực và thế giới. Hai mươi năm qua, kinh tế Việt Nam có nhiều đổi thay ngoạn mục, nổi bật nhất là tốc độ tăng trưởng kinh tế tương đối cao; chuyển dịch cơ cấu kinh tế mạnh mẽ từ nông nghiệp sang công nghiệp; đất nước đang thực hiện có hiệu quả tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những thành tựu đó có sự đóng góp không nhỏ của quá trình hình thành và phát triển các khu công nghiệp.

Ngày 18-10-1991, Chính phủ ban hành Nghị định 322/HĐBT về quy chế hoạt động khu chế xuất, sau đó ngày 25-11-1991 khu chế xuất Tân Thuận (thành phố Hồ Chí Minh), khu công nghiệp đầu tiên của cả nước được hình thành. Mười lăm năm trôi qua, tính đến tháng 6 - 2005 cả nước có 116 khu công nghiệp và khu chế xuất (110 khu công nghiệp; 2 khu công nghệ cao; 4 khu chế xuất; không kể khu kinh tế Dung Quất có diện tích 14.000ha). Tất cả các vùng kinh tế của nước ta đều có khu công nghiệp: *vùng trung du miền núi phía Bắc*: 3 khu công nghiệp; *vùng đồng bằng*

sông Hồng: 23 khu công nghiệp; *vùng duyên hải miền Trung*: 18 khu công nghiệp; *vùng Tây Nguyên*: 3 khu; *vùng miền Đông Nam Bộ*: 52 khu; *vùng đồng bằng sông Cửu Long*: 14 khu. Theo số liệu thống kê của Bộ Kế hoạch - Đầu tư, tính đến cuối năm 2004, các khu công nghiệp của Việt Nam đã thu hút 2.098 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng số vốn đăng ký là 17,8 tỉ USD (chiếm 36% tổng thu hút vốn FDI của cả nước); thu hút 2.339 dự án đầu tư trong nước, với tổng số vốn đăng ký đạt 136,7 ngàn tỉ đồng; tốc độ tăng trưởng công nghiệp tại các khu công nghiệp rất nhanh (bình quân giai đoạn 2001 - 2005 là 31,9%), đưa tỷ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của các khu công nghiệp chiếm 28% giá trị công nghiệp và 29% giá trị xuất khẩu của Việt Nam; các khu công nghiệp giải quyết việc làm trực tiếp cho trên 900 ngàn lao động... (kết quả này chưa kể đến sự đóng góp của trên 450 cụm công nghiệp do các địa phương quản lý).

Sau 15 năm phát triển các khu chế xuất, khu công nghiệp Việt Nam, có thể khái quát, chúng ta đã đạt được ***8 nhóm thành tựu cơ bản cần phát huy***:

* GS, TS, Giảng viên cao cấp Trường đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh

Đã xây dựng được một hệ thống gồm 120 khu công nghiệp, khu chế xuất tập trung và 450 cụm công nghiệp; hình thành cơ chế quản lý khu công nghiệp và khu chế xuất khá đầy đủ từ trung ương đến địa phương; cơ chế quản lý hành chính "một cửa tại chỗ" tại các khu công nghiệp đang phát huy tác dụng, làm tăng tính hấp dẫn của môi trường đầu tư. Mô hình các khu công nghiệp đặc biệt ra đời: khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, khu kinh tế mở, khu công nghiệp chuyên ngành... Nhiều thành phần kinh tế tham gia xây dựng khu công nghiệp, thu hút nhiều loại nguồn vốn đầu tư; phần lớn các khu công nghiệp hoạt động có hiệu quả, đóng góp vai trò quan trọng đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta; hình thành đội ngũ cán bộ quản lý khu công nghiệp có trình độ, năng động; tạo được đội ngũ công nhân đông đảo, chất lượng lao động ngày càng nâng cao.

Có thể khẳng định, sau 15 năm hình thành và phát triển, hệ thống các khu công nghiệp Việt Nam ngày càng khẳng định vai trò to lớn không thể thay thế trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần quyết định vào thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước.

Tuy nhiên, vấn đề phát triển các khu công nghiệp Việt Nam ở giai đoạn hiện nay **vẫn còn rất nhiều bất cập**, cần sớm có những giải pháp khắc phục. Từ thực tiễn chỉ đạo và tham gia nghiên cứu đề tài những giải pháp phát triển các khu công nghiệp Việt Nam trong điều kiện hiện nay, chúng tôi xin nêu một số nhận định và đề xuất:

Ở tầm vĩ mô, cho đến nay còn có một khoảng cách giữa vai trò và vị trí của khu công nghiệp, khu chế xuất với yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do đó, về mặt lý luận chúng ta vẫn chưa đủ cơ sở khoa học đích thực để có thể đưa ra một chiến lược phát triển khu công nghiệp mang tính nhất quán, đồng bộ và toàn diện.

Tuy đạt được một số thành tựu nhưng sự thành công của mô hình hoạt động các khu công nghiệp không đồng đều. Các khu công nghiệp ở miền Bắc, miền Trung gặp không ít khó khăn, các khu công nghiệp ở vùng trọng điểm phía Nam nhìn chung phát triển tốt, nhưng vẫn đang bộc lộ nhiều vấn đề phải tiếp tục được nghiên cứu hoàn thiện.

Ngay cả ở một khu công nghiệp, tính hợp tác liên kết giữa các tỉnh trong vùng nhằm phát triển các khu công nghiệp cũng còn rất yếu, nhiều tỉnh "xé rào" để xây dựng cơ chế ưu đãi riêng nhằm tạo ra các điều kiện cạnh tranh không lành mạnh trong thu hút các nhà đầu tư vào các khu công nghiệp của tỉnh mình. Việc này thể hiện sự không nhất quán, thiếu ổn định của môi trường đầu tư chung.

Vấn đề quy hoạch các khu công nghiệp trên bình diện cả nước tại các vùng kinh tế ở các tỉnh chưa thật sự khoa học, còn thiếu tính thực tế và tính liên kết. Thiếu sự đồng bộ và quan tâm đúng mức giữa quy hoạch trong và ngoài khu công nghiệp.

Trong tương lai gần, theo chương trình cắt giảm thuế quan của AFTA (ASEAN), APEC, gia nhập WTO... lúc đó cả Việt Nam sẽ là khu vực kinh tế mở (khu chế xuất). Chúng ta cần phải phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất như thế nào để đáp ứng yêu cầu nói trên? Đây rõ ràng là một bài toán còn đang cần có lời giải.

Hành lang pháp lý cho sự phát triển các khu chế xuất và khu công nghiệp còn nhiều bất cập, mâu thuẫn. Phân cấp tổ chức quản lý khu chế xuất và khu công nghiệp giữa trung ương địa phương chưa thật rõ ràng, còn chồng chéo. Cần thể chế hóa hơn nữa vấn đề thực hiện cơ chế quản lý "một cửa, tại chỗ" ở các khu công nghiệp.

Mười lăm năm qua, chúng ta chưa xác lập hệ thống các tiêu chuẩn đánh giá chế độ tự bảo

đảm kinh phí hoạt động của Ban quản lý các khu công nghiệp. Thực tế cho thấy, gần 4 năm Ban quản lý các khu chế xuất, khu công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đã chủ động đề xuất và xây dựng cho mình những quy định về chế độ tự bảo đảm kinh phí, nhưng cho đến nay vẫn chưa được tổng kết đánh giá. Liệu chế độ tự bảo đảm kinh phí theo mô hình này có thể áp dụng được ở các khu công nghiệp khác không?

Các chính sách về thuế, thuê đất, vay vốn ngân hàng, thủ tục xuất nhập khẩu... có nhiều điểm còn hạn chế gây trở ngại cho hoạt động của các khu chế xuất, khu công nghiệp và khu công nghệ cao.

Vấn đề quản lý và xử lý môi trường tại các khu công nghiệp còn là điểm yếu trong hoạt động tại các khu công nghiệp. Nhiều khu công nghiệp chưa có, hoặc chưa có đầy đủ hệ thống xử lý môi trường nhưng đã đi vào vận hành, đã làm cho môi trường sống ở nhiều vùng bị ô nhiễm. Đời sống công nhân chưa được quan tâm đúng mức. An ninh trật tự ở nhiều vùng công nghiệp phức tạp. Đình công, bãi công diễn ra ở nhiều nơi, tác động xấu đến môi trường đầu tư. Cơ chế chính sách có liên quan đến lao động, đến đình công, bãi công thiếu đồng bộ, chậm đổi mới... nhiều điểm lạc hậu, làm cho cơ chế chính sách được ban hành chậm đi vào thực tiễn. Vấn đề tưởng chừng giản đơn nhất như lao động phổ thông cũng bị thiếu hụt ở hầu hết các khu công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm, đặc biệt ở phía Nam, làm giảm khả năng tăng quy mô và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp... Các khu công nghệ cao gặp nhiều khó khăn trong phát triển, do vướng cơ chế chính sách; thiếu nguồn nhân lực có chất lượng cao; công tác vận động xúc tiến đầu tư vào các khu công nghệ cao chưa có hiệu quả. Các vấn đề xã hội của quá trình phát triển các khu công nghiệp chưa có biện pháp để giải quyết tốt như vấn đề đền bù giải tỏa đất đai,

vấn đề tái định cư, ổn định cuộc sống của nhân dân vùng bị giải tỏa...

Những vấn đề kể trên đang là những trở ngại cho sự phát triển các khu chế xuất, khu công nghiệp và khu công nghệ cao ở nước ta. Để các khu công nghiệp phát triển nhanh, đóng góp nhiều và có hiệu quả hơn nữa, cần tìm kiếm một hệ thống các giải pháp nhằm phát huy những thành tựu, khắc phục những tồn tại, tận dụng được các cơ hội, hạn chế các nguy cơ thách thức đối với quá trình phát triển các khu công nghiệp.

Từ thực tế nêu trên xin kiến nghị một nhóm giải pháp sau đây:

1 – Đổi mới bộ máy tổ chức quản lý các khu công nghiệp nhằm 2 mục tiêu:

- Hoàn thiện cơ chế "một cửa tại chỗ" ở cấp trung ương, tạo đầu mối giúp các ban quản lý các khu công nghiệp giải quyết nhanh chóng các vấn đề khó khăn, vướng mắc liên quan đến cơ chế chính sách ở tầm vĩ mô.

- Quản lý mọi loại hình các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mở, khu kinh tế và cả các cụm công nghiệp (hiện nay do các địa phương quản lý).

Để thực hiện các mục tiêu này cần sớm thành lập *Ban quản lý các khu công nghiệp Việt Nam ở cấp cơ quan ngang bộ*, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ tướng Chính phủ.

Hoàn thiện cơ chế quản lý "một cửa tại chỗ" tại ban quản lý các khu công nghiệp. Phải coi cơ chế "một cửa tại chỗ" trong hoạt động quản lý nhà nước tại các khu công nghiệp vừa là điều kiện, vừa là mục tiêu bảo đảm sự thành công của các khu công nghiệp. Điều này sẽ góp phần khắc phục tình trạng tùy tiện trong thực thi cơ chế quản lý "một cửa tại chỗ" hiện nay ở các ban quản lý khu công nghiệp trong cả nước, góp phần tạo môi trường hành chính lành mạnh nhằm tăng tính hấp dẫn của các khu

công nghiệp, tăng tính năng động, chủ động phục vụ các doanh nghiệp của cán bộ ở các ban quản lý các khu công nghiệp và khu chế xuất. Đồng thời góp phần đẩy mạnh tiến trình cải cách thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế ở một trình độ cao hơn trong tương lai.

Vì vậy, các bộ, ngành nên sớm ủy quyền chức năng quản lý nhà nước cho các ban quản lý các khu công nghiệp. Nội dung ủy quyền phải được thể chế bằng pháp luật.

2 – Xây dựng luật về khu công nghiệp

Sớm làm rõ chế định pháp luật của các loại hình khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mở, khu kinh tế, cụm công nghiệp, đặc khu kinh tế... để thống nhất nhận thức và cách thức tổ chức vận hành của từng loại hình khu công nghiệp trên cả nước. Xây dựng môi trường pháp lý ổn định, bảo đảm cho sự phát triển bền vững các khu công nghiệp. Tránh tình trạng tùy tiện xé rào, đặt ra những cơ chế chính sách mang tính địa phương, tạo môi trường cạnh tranh không lành mạnh, gây trở ngại cho sự phát triển chung của các khu công nghiệp. Xác lập hệ thống luật nhằm bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền lợi của các chủ đầu tư trong và ngoài nước, của nhân dân liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến sự phát triển của các khu công nghiệp.

3 – Hoàn thiện quy hoạch phát triển các khu công nghiệp

Quy hoạch phải có tầm chiến lược, trong công tác quy hoạch coi trọng tính dự báo. Đồng thời bao quát mọi loại hình khu công nghiệp với các quy mô khác nhau mang tính liên vùng, liên tỉnh. Khắc phục và tránh tình trạng 2 khu công nghiệp nằm kề sát nhau, nhưng do nằm trong 2 vùng quy hoạch với cơ chế quản lý khác nhau, dẫn tới cạnh tranh không lành mạnh. Bảo đảm sự phát triển cân đối giữa trong và ngoài khu công nghiệp, giữa

nơi doanh nghiệp hoạt động và vùng đô thị dân cư lân cận, coi trọng quy hoạch kết cấu hạ tầng phục vụ cho xử lý môi trường. Quy hoạch phải dựa trên cơ sở luật về các khu công nghiệp và cần thiết phải sử dụng biện pháp chế tài trong trường hợp phá vỡ quy hoạch.

4 – Nâng cao khả năng cạnh tranh của các khu công nghiệp

Khả năng cạnh tranh của các khu công nghiệp ở nước ta nói lên tính vượt trội trong quan hệ so sánh với khu công nghiệp của các nước khác trong khu vực. Có nhiều quan điểm khác nhau khi đánh giá năng lực cạnh tranh của các khu công nghiệp. Qua khảo sát chúng tôi xác định các tiêu chí sau đây:

- Môi trường pháp luật và hành chính tốt, vượt trội so với đối thủ cạnh tranh.

- Kết cấu hạ tầng tốt, đáp ứng được yêu cầu phát triển ở trình độ cao.

- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp kinh doanh thuận lợi với chi phí thấp. Nguồn nhân lực đáp ứng tốt về số lượng và chất lượng. Phương thức tiếp thị đạt chuẩn quốc tế.

Đối thủ cạnh tranh của các khu công nghiệp, khu chế xuất ở nước ta là các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao của các nước trong khu vực. Nâng cao khả năng cạnh tranh của các khu công nghiệp sẽ góp phần tăng cường thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp Việt Nam, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp hoạt động trong các khu công nghiệp.

5 – Chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho các khu công nghiệp

Tăng cường chất lượng nguồn nhân lực ở khâu quản lý nhà nước, đặc biệt là ban quản lý các khu công nghiệp và khu chế xuất. Trong đó chú trọng và bảo đảm sự cân đối giữa số lượng và chất lượng cán bộ quản lý doanh nghiệp và các chuyên gia. Từng bước đáp ứng

đầy đủ số lượng và chất lượng công nhân tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao cả về trước mắt và lâu dài.

Phát triển nguồn nhân lực chính là góp phần tạo ra những ưu thế quyết định lợi thế so sánh lớn nhất hiện nay của Việt Nam so với các nước trong khu vực.

6 – Những giải pháp phát triển khu dân cư ở các khu công nghiệp

Đây là giải pháp quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững của các khu công nghiệp. Quy hoạch khu công nghiệp phải bao gồm: quy hoạch trong và ngoài khu công nghiệp. Điều này cần ghi rõ trong luật về các khu công nghiệp.

Quy hoạch phải tính đến yếu tố văn hóa, tập quán sản xuất và đời sống ở từng vùng cụ thể của đất nước. Sự gắn kết đô thị gắn với các khu công nghiệp phải thể hiện rõ tầm chiến lược, có đầy đủ kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội phục vụ cho việc xây dựng một đô thị sạch, văn minh, hiện đại và an ninh.

Quy hoạch đô thị gắn với khu công nghiệp phải do các cơ quan có chuyên môn thực hiện và có sự đóng góp của chính quyền sở tại (nếu có điều kiện, có thể tham khảo ý kiến rộng rãi của người dân địa phương). Cách làm này làm giảm được tính hình thức của quy hoạch, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng của quy hoạch.

Sau khi quy hoạch được duyệt kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, các công ty phải dành một phần đất (theo tỷ lệ được luật hóa) để xây dựng nhà ở cho công nhân. Ban quản lý khu công nghiệp phải tham gia trực tiếp vào các quá trình phê duyệt, triển khai, giám sát triển khai thực hiện xây dựng khu dân cư, khu đô thị, nhà ở cho công nhân các khu công nghiệp.

Phát triển khu dân cư chính là giải pháp nâng cao chất lượng và bảo đảm nguồn lực ổn định cho các khu công nghiệp.

7 – Giải pháp quản lý môi trường tại các khu công nghiệp

Chỉ tiêu môi trường được coi là chỉ tiêu đánh giá chất lượng của khu công nghiệp. Bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp vừa là mục tiêu, vừa là những nội dung cần thực hiện để phát triển bền vững các khu công nghiệp. Cho nên, trong chiến lược, trong quy hoạch, phê duyệt, triển khai các khu công nghiệp, nội dung bảo vệ môi trường cần được phản ánh và quán triệt sâu rộng, bao gồm: quản lý môi trường từ khâu quy hoạch và xuyên suốt cả quá trình triển khai thực hiện, tổ chức hoạt động. Hoàn thiện hệ thống pháp lý để làm cơ sở xác lập công tác quản lý môi trường, xây dựng hệ thống quy định xử phạt gây ô nhiễm môi trường; quy định phí môi trường. Thẩm định kỹ nội dung môi trường trước khi cấp giấy phép cho doanh nghiệp.

Khuyến khích thành lập các khu công nghiệp chuyên ngành để nâng cao hiệu quả cho công tác đầu tư xử lý môi trường.

Mười lăm năm triển khai chiến lược phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần to lớn vào quá trình phát triển kinh tế, thực hiện có hiệu quả mục tiêu chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa, đẩy nhanh tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển đã bộc lộ nhiều tồn tại và thách thức. Thách thức lớn nhất theo chúng tôi chính là sự thiếu nhất quán trong *nhận thức* của các cấp quản lý về tầm quan trọng và vai trò của các khu công nghiệp trong công cuộc đổi mới kinh tế và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Sự thay đổi quan niệm và nâng cao nhận thức về vai trò của khu công nghiệp là "chìa khóa" quan trọng để tổ chức giải quyết tốt các vấn đề tồn tại có liên quan đến khu công nghiệp, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X của Đảng. □

HƯỚNG TỚI GIẢM NGHÈO TOÀN DIỆN, BỀN VỮNG, CÔNG BẰNG VÀ HỘI NHẬP

NGUYỄN HẢI HỮU *

1 - Xóa đói, giảm nghèo - điểm sáng trong công cuộc đổi mới đất nước

Thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, nền kinh tế nước ta đạt được tốc độ tăng trưởng cao và tương đối ổn định. GDP bình quân đầu người từ 180 USD vào năm 1990 lên 640 USD vào năm 2005. Đời sống của đại đa số nhân dân, nhất là nhóm người nghèo, đồng bào dân tộc sống ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo được cải thiện đáng kể. Nước ta được cộng đồng quốc tế đánh giá là "điểm sáng về giảm nghèo" trong hơn một thập kỷ qua và cuộc chiến chống nghèo, đói cũng là một trong những thành tựu trong công cuộc đổi mới của nước ta 20 năm qua. Thành tựu giảm nghèo xuất sắc trong những năm qua đã góp phần làm cho vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao; nhiều tổ chức quốc tế đa phương, song phương và các tổ chức phi chính phủ quốc tế đã cam kết mạnh mẽ ủng hộ nước ta trong cuộc chiến chống nghèo, đói.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng căn dặn: "chính sách của Đảng và Chính phủ là phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi" và "Dân đủ ăn đủ

mặc thì những chính sách của Đảng và Chính phủ sẽ dễ dàng thực hiện. Nếu dân đói, rét, dốt, bệnh thì chính sách của ta dù có hay mấy thì cũng không thực hiện được"⁽¹⁾. Tư tưởng này luôn luôn được quán triệt và được xây dựng thành những chính sách, chương trình cụ thể trong suốt 60 năm qua.

Bước vào thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến nay, trước những bức xúc của người nghèo, nhiều địa phương đã chủ động tạo ra phong trào xóa đói, giảm nghèo, mở đầu là thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1991 với chủ trương "*cộng đồng giúp người nghèo vốn và cách làm ăn*" và sau một năm thử nghiệm ở 2 ấp, đã thu được kết quả rất khả quan, hàng chục hộ đã thoát nghèo. Năm 1992, thành phố Hồ Chí Minh triển khai trên diện rộng và được người dân đồng tình ủng hộ; chủ trương hợp lòng dân, cách làm này sau đó lan tỏa ra nhiều địa phương khác và trở thành phong trào xóa đói, giảm nghèo sôi động trong cả nước. Từ thực tiễn phong trào xóa đói, giảm nghèo, Nghị quyết Trung ương 5, khóa VII đã nêu lên một nhiệm vụ có ý nghĩa kinh tế - chính trị, xã hội

* TS, Vụ trưởng Vụ Bảo trợ xã hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, năm 1996, t 7, tr 572

to lớn: *"Tăng thêm diện giàu và đủ ăn, xóa đói, giảm nghèo, nhất là ở vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng trước đây là căn cứ cách mạng"*⁽²⁾. Thực hiện các chủ trương của Đảng và Chính phủ, phong trào xóa đói, giảm nghèo đã trở thành cuộc vận động lớn, có tác dụng thiết thực làm giảm đáng kể số hộ nghèo đói, giúp cho các hộ còn nghèo, đói giảm bớt khó khăn. Đại hội VIII của Đảng (1996) đề ra mục tiêu: "Giảm tỷ lệ nghèo đói trong tổng số hộ của cả nước từ 20% - 25% hiện nay xuống còn khoảng 10% vào năm 2000, bình quân giảm 300 nghìn hộ/năm. Trong 2 - 3 năm đầu của kế hoạch 5 năm, tập trung xóa về cơ bản nạn đói kinh niên"⁽³⁾. Trước tình hình đó, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương chủ động nghiên cứu đánh giá thực trạng nghèo đói, xây dựng tiêu chí hộ nghèo, xác định chuẩn nghèo và đề xuất với Chính phủ một số cơ chế, chính sách giải pháp trợ giúp người nghèo về y tế, giáo dục, trợ cấp xã hội và nghiên cứu trình Chính phủ Chương trình Mục tiêu quốc gia xóa đói, giảm nghèo. Năm 1996, Chính phủ quyết định thành lập Ngân hàng phục vụ người nghèo nhằm mục đích cung cấp vốn tín dụng quy mô nhỏ, với cơ chế ưu đãi không phải thế chấp, thủ tục đơn giản và lãi thấp hơn lãi suất thị trường cho người nghèo, giúp họ có vốn sản xuất, kinh doanh; cộng đồng, dòng họ giúp đỡ cách làm ăn, kết hợp với hệ thống khuyến nông - lâm - ngư chuyển giao kiến thức, kỹ thuật và công nghệ cho người nghèo.

Cũng trong giai đoạn này, Đảng và Nhà nước có nhiều chính sách đổi mới theo hướng chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung, bao cấp, sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, đã tạo động lực mới cho tăng

trưởng kinh tế và xóa đói, giảm nghèo, nhất là chính sách khoán 10, giao đất, giao rừng; chính sách giao quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh cho các doanh nghiệp. Các chính sách trên đã thực sự giải phóng sức sản xuất, khuyến khích người lao động làm giàu cho chính họ. Nhờ vậy, nước ta đã thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế, đời sống nhân dân ổn định và từng bước được cải thiện, nâng cao; từ một nước hàng năm phải nhập khẩu gạo trở thành nước xuất khẩu gạo đứng thứ hai trên thế giới và có năm đạt sản lượng xuất khẩu 4 triệu tấn gạo; tỷ lệ nghèo, đói giảm nhanh từ 30,01% vào năm 1992 xuống còn 15,66% vào năm 1998, khoảng 10% vào năm 2000 và 7% vào năm 2005.

Một trong những thành tựu nổi bật trong thời kỳ đổi mới của nước ta không chỉ được nhân dân trong nước đồng tình, ủng hộ, đánh giá cao mà cộng đồng quốc tế cũng công nhận "là một điểm sáng về xóa đói, giảm nghèo". Xuất phát từ quan điểm, *vấn đề nghèo khó không được giải quyết thì không có một mục tiêu nào mà cộng đồng quốc tế, cũng như quốc gia đặt ra như tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, hòa bình, ổn định, bảo đảm các quyền con người được thực hiện*. Chính vì vậy, xóa đói, giảm nghèo trở thành một chủ trương lớn, một quyết sách lớn của Đảng và Nhà nước ta, và cao hơn nữa xóa đói, giảm nghèo là một nội dung quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đến cuối năm 2005, công cuộc xóa đói, giảm nghèo của Việt Nam đã đi qua hai chặng

(2) Xem: Văn kiện Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương, khóa VII, Hà Nội, 1993, tr 9, 7

(3) Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr 591

đường, đó cũng chính là hai giai đoạn thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia về xóa đói, giảm nghèo 1998 - 2000 và 2001 - 2005. Ở mỗi giai đoạn có những mục tiêu, điều kiện cụ thể không giống nhau nhưng cơ bản đều hướng tới mục tiêu chung là giảm tỷ lệ hộ sống dưới chuẩn nghèo.

Các nghiên cứu đánh giá gần đây đều khẳng định rằng, thành tựu của Việt Nam trong lĩnh vực xóa đói, giảm nghèo là một trong những thành công nhất trong quá trình phát triển kinh tế. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh trong vòng 5 năm từ 17,2% năm 2001 (2,8 triệu hộ) xuống còn 8,3% năm 2004 (1,44 triệu hộ), bình quân mỗi năm giảm được 34 vạn hộ và đến cuối năm 2005, cả nước còn khoảng 1,1 triệu hộ nghèo (7%). Như vậy so với mục tiêu đặt ra cho giai đoạn 2001 - 2005 (giảm từ 17,2% năm 2001 xuống còn 10% năm 2005) thì kết quả thực tế đã vượt so với chỉ tiêu đặt ra là 3% và không có sự chênh lệch lớn trong tốc độ giảm nghèo giữa các vùng. Đến cuối năm 2005, khu vực Đông Nam Bộ có tỷ lệ nghèo thấp nhất cả nước khoảng 2%; tiếp đến là đồng bằng sông Hồng 3,93%; trong khi đó Bắc Trung Bộ có tỷ lệ nghèo cao nhất với 9,28%, song tốc độ giảm nghèo các tỉnh vùng đồng bằng chậm hơn so với các vùng khác miền núi.

Bộ mặt các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn đã có sự thay đổi đáng kể, nhất là về kết cấu hạ tầng phục vụ cho phát triển sản xuất hàng hóa. Chất lượng cuộc sống của người dân ở các xã nghèo được nâng cao, nhất là nhóm hộ nghèo, đồng bào dân tộc ở miền núi và phụ nữ. Thu nhập bình quân của 20% nhóm nghèo nhất năm 2001 đạt 107.000 đồng/người/tháng và tăng khoảng 1,45 lần vào năm 2005. Chi tiêu bình quân của 20% nhóm nghèo nhất năm 2001 là 121.000 đồng/người/tháng và tăng

8% - 9%/năm trong giai đoạn 2002 - 2005. Những kết quả đó đã góp phần tạo được sự đồng thuận cao trong xã hội.

Có thể nói rằng công cuộc xóa đói, giảm nghèo của Việt Nam có được những thắng lợi như hiện nay là có sự đóng góp vô cùng quan trọng của chương trình xóa đói, giảm nghèo trong mấy năm qua. Tuy nhiên, tốc độ giảm nghèo ở nước ta không đồng đều, tốc độ giảm nghèo của nhóm dân tộc thiểu số chậm. Khu vực miền núi tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh hơn khu vực đồng bằng, thành thị, nhưng tỷ lệ hộ nghèo ở khu vực miền núi vẫn cao hơn nhiều (xem biểu).

Bảng 1: Tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số nghèo trong tổng số hộ nghèo (%)⁽⁴⁾

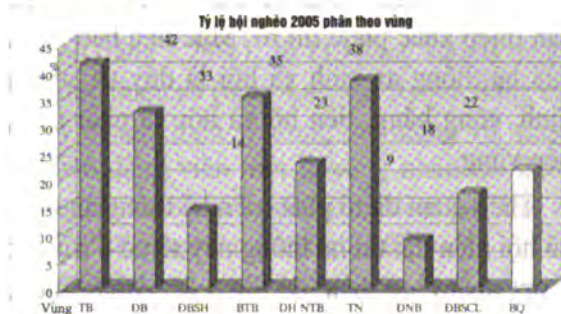
Năm \ Dân tộc	1992	1998	2005 ⁽⁵⁾
Dân tộc thiểu số	21	29	36
Dân tộc Kinh	79	71	64
Chung	100	100	100

Mặc dù số lượng hộ nghèo là dân tộc thiểu số đã giảm nhưng tỷ trọng trong tổng số hộ nghèo của cả nước từ năm 1992 đến 2005 có chiều hướng tăng lên. Điều đó cho thấy tốc độ giảm nghèo của đồng bào dân tộc thiểu số chậm hơn tốc độ chung của cả nước. Nhóm dân tộc có tỷ lệ hộ nghèo cao là Vân Kiều chiếm 60,3%; Pakô 58,5% và Mông 35% (vào năm 2003). Tốc độ giảm nghèo có xu hướng chậm lại do tác động của tăng trưởng kinh tế đến giảm nghèo giảm. Phân bố nghèo đói không đồng đều và tập trung cao ở khu vực miền núi, nông thôn. Thành tựu xóa đói, giảm

(4) Khảo sát mức sống dân cư Việt Nam, Tổng cục Thống kê

nghèo chưa bền vững. Qua xem xét sự phân bố về thu nhập của các hộ gia đình cho thấy còn một tỷ lệ khá lớn hộ gia đình nằm ngay sát cận trên chuẩn nghèo và nếu rủi ro, sự thay đổi của cơ chế chính sách và tác động của quá trình hội nhập thì khả năng tái nghèo của nhóm này sẽ rất lớn. Nguy cơ tái nghèo có thể tăng do thiên tai, dịch bệnh, biến động giá cả, tác động của hội nhập và phát triển kinh tế thị trường; cơ hội của người nghèo về việc làm ngày càng khó khăn hơn do đổi mới khoa học, công nghệ, biến động về đầu tư phát triển kinh tế giữa các vùng không đồng đều.

Biểu đồ 1: Tỷ lệ hộ nghèo phân theo vùng năm 2005 ⁽⁵⁾



So sánh với chuẩn nghèo các nước đang phát triển trong khu vực như Ma-lai-xi-a, Thái Lan, thì chuẩn nghèo của Việt Nam chỉ bằng 2/3, nhưng tỷ lệ nghèo đói của nước ta cao hơn gần 2 lần, so với Trung Quốc thì chuẩn nghèo của nước ta ngang bằng, nhưng tỷ lệ nghèo vẫn cao hơn 1,5 lần.

Những kết quả thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xóa đói, giảm nghèo giai đoạn 1998 - 2000 và 2001 - 2005 cùng với những vấn đề nảy sinh từ bức tranh nghèo đói hiện nay cho thấy, việc điều chỉnh chuẩn nghèo theo hướng tiếp cận dần với chuẩn quốc tế và tiếp tục thực hiện chương trình giảm nghèo giai đoạn 2006 - 2010 là hết sức cần thiết.

2 - Định hướng giảm nghèo đến năm 2010

Để tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm nghèo theo định hướng chung là toàn diện, bền vững, công bằng và hội nhập hơn, trước mắt từ nay đến năm 2010 vẫn cần thiết phải duy trì Chương trình Mục tiêu quốc gia về giảm nghèo để huy động nguồn lực tập trung giải quyết những nhu cầu bức xúc của người nghèo và nhu cầu bức xúc của một số vùng nghèo trọng điểm, tạo cho họ có những điều kiện cơ bản để hòa nhập cộng đồng và phát triển toàn diện. Nhưng về lâu dài không nên duy trì quá lâu các chương trình mục tiêu quốc gia, cách tiếp cận này chỉ nên là các chương trình ngắn hạn, nếu tiếp tục kéo dài sẽ tạo ra tâm lý ỷ lại và lâu dài trở thành một thói quen khó sửa đổi; khi quyết tâm sửa lại bị một áp lực rất lớn từ cộng đồng, xã hội. Cách tiếp cận khoa học hơn là thay thế việc hỗ trợ này bằng phát triển hệ thống an sinh xã hội hiện đại theo hướng luật hóa, xây dựng Nhà nước pháp quyền, quản lý xã hội bằng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. *Mục tiêu tổng quát* của Chương trình đến năm 2010 là đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, hạn chế tái nghèo; củng cố thành quả giảm nghèo, tạo cơ hội cho hộ đã thoát nghèo vươn lên khá giả; cải thiện một bước điều kiện sống và sản xuất ở các xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn; nâng cao chất lượng cuộc sống của nhóm hộ nghèo, hạn chế tốc độ gia tăng khoảng cách chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi, giữa nhóm hộ giàu và nhóm hộ nghèo.

Mục tiêu cụ thể tập trung vào 3 nhóm mục tiêu: góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 22%

(5) Nguồn: Số liệu Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

năm 2005 xuống còn 11% năm 2010 (trong 5 năm giảm 50% số hộ nghèo); thu nhập của nhóm hộ nghèo tăng 1,45 lần so với năm 2005; cải thiện điều kiện cơ bản cho cuộc sống và sản xuất ở các xã đặc biệt khó khăn vùng ven biển và hải đảo; 50% số xã ra khỏi hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. *Đối tượng của chương trình* là người nghèo, hộ nghèo, xã đặc biệt khó khăn, xã nghèo; ưu tiên đối tượng hộ nghèo mà chủ hộ là phụ nữ, hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có đối tượng bảo trợ xã hội (người già, người tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt); ưu tiên vùng còn nhiều khó khăn trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội và lấy địa bàn là xã và thôn để xây dựng kế hoạch trợ giúp.

Các chỉ tiêu cần đạt được đến năm 2010 bao gồm: các xã đặc biệt khó khăn, các xã nghèo cơ bản có đủ công trình kết cấu hạ tầng thiết yếu theo quy định; 6 triệu lượt hộ nghèo được vay vốn tín dụng ưu đãi; 4,2 triệu lượt người nghèo được khuyến nông - lâm - ngư, chuyển giao kỹ thuật, hướng dẫn cách làm ăn; 450 nghìn người nghèo được miễn, giảm học phí học nghề; 15 triệu lượt người nghèo khi ốm đau được khám chữa bệnh miễn phí; 19 triệu lượt học sinh nghèo được miễn, giảm học phí và các khoản đóng góp xây dựng trường (trong đó có 9 triệu học sinh tiểu học); 170.000 cán bộ tham gia công tác xóa đói, giảm nghèo ở các cấp được tập huấn nâng cao năng lực, trong đó 95% là cán bộ cấp cơ sở; 500.000 hộ nghèo được hỗ trợ xóa nhà tạm.

3 – Tầm nhìn đến năm 2020

Một trong những mục tiêu mà nước ta phấn đấu là đến năm 2020 phải trở thành nước công nghiệp phát triển ở trình độ công nghiệp hóa, GDP bình quân đầu người phải đạt trên 2.000 USD. Cùng với xu hướng hội nhập và toàn cầu hóa; quyết tâm xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân; cải cách hành chính.

Bối cảnh trên đòi hỏi nước ta phải từng bước phát triển mạnh mẽ hệ thống an sinh xã hội ngay từ bây giờ để thay thế các chương trình mang tính chất trợ giúp ngắn hạn như Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo hiện nay, nếu không nói là đã muộn, vì xét cho cùng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhà nước có *hai chức năng* quan trọng là *duy trì sự tăng trưởng kinh tế và phát triển hệ thống an sinh xã hội* để bảo đảm an toàn cho các thành viên xã hội khi họ gặp rủi ro về kinh tế. Hệ thống an sinh xã hội sẽ hướng tới bao phủ tất cả các thành viên xã hội để bảo vệ họ duy trì cuộc sống của mình thông qua các chức năng cơ bản của hệ thống an sinh xã hội là: phòng ngừa rủi ro; giảm thiểu rủi ro và can thiệp khắc phục rủi ro. Mục tiêu bao trùm của hệ thống an sinh xã hội là duy trì sự ổn định, công bằng, tiến bộ xã hội và phát triển bền vững.

Theo quan điểm phát triển hệ thống an sinh xã hội hiện đại thì hệ thống này sẽ có 4 trụ cột (hợp phần) cơ bản đó là: *các chính sách, chương trình bảo hiểm xã hội bao gồm cả bảo hiểm thất nghiệp; các chính sách, chương trình bảo hiểm y tế; các chính sách, chương trình trợ giúp đặc biệt (đối với người có công); các chính sách, chương trình trợ giúp xã hội, bao gồm cả trợ giúp người nghèo*. Hệ thống an sinh xã hội sẽ tạo nên nhiều tầng lưới an sinh khác nhau, lưới có chức năng như "*lưới đỡ*" những người gặp rủi ro bị suy giảm về kinh tế hoặc mất khả năng tạo thu nhập ổn định cuộc sống và "*tung*" họ trở lại vị trí trước khi họ gặp rủi ro. Mặc dù các lưới an sinh xã hội được thiết kế với 2 chức năng cơ bản là " *đỡ và tung*" nhưng không phải tất cả mọi người gặp rủi ro đều được tung trở lại vị trí trước khi gặp rủi ro,

(Xem tiếp trang 68)

SỐ LƯỢNG ĐẢNG VIÊN KẾT NẠP TRONG NĂM QUA

THỰC hiện Chỉ thị 44 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc kết nạp đảng viên mới, trong thời gian qua cấp ủy các cấp đã luôn quan tâm và làm tốt công tác phát triển đảng. Đợt kỷ niệm 115 năm Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn Đảng đã kết nạp thêm 169.461 đảng viên, tăng 7,59% so với năm 2004. Trong số đảng viên mới được kết nạp có 63.112 đồng chí là nữ (tăng 11,35% so với năm 2004); 65.789 là cán bộ, công chức nhà nước, viên chức hoạt động sự nghiệp, kinh doanh (tăng 2,23%); 20.119 đảng viên là người dân tộc thiểu số (tăng 4,41%); 30.508 đồng chí là sỹ quan, chiến sỹ trong lực lượng vũ trang; 11.646 đảng viên mới là công nhân lao động trong các thành phần kinh tế (chiếm 6,87%); và 36.722 là nông dân (chiếm 21,67%).

Có 107.124 đảng viên mới được kết nạp là đoàn viên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh bằng 63,2% trong tổng số đảng viên mới được kết nạp, tăng 12,66% so với năm 2004. Trong đó, 4.447 đảng viên là học sinh, sinh viên; 105.438 đồng chí có tuổi đời từ 18 - 30; 56.416 đảng viên mới có trình độ từ cao đẳng, đại học, thạc sỹ, tiến sỹ, tiến sỹ khoa học, chiếm 33,29% và tăng 12,75% so với năm 2004. Trong số 65/75 đảng bộ trực thuộc Trung ương có số đảng viên mới tăng so với năm 2004, có 15 đảng bộ số lượng đảng viên mới kết nạp tăng trên 20% là: Lai Châu, Thừa Thiên - Huế, Đắk Lắk, Đắk Nông, Vĩnh Long, thành phố Cần Thơ, Hậu Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, các Đảng bộ Khối các cơ quan Khoa giáo Trung ương về công tác tư tưởng, Khối Đối ngoại Trung ương, Khối cơ quan Khoa giáo Trung ương, Đảng bộ Đường sắt Việt Nam,

Đảng bộ Ngoài nước và Đảng bộ Công an Trung ương; 32.015 tổ chức cơ sở đảng kết nạp được đảng viên mới, chiếm 62,68% tổng số cơ sở đảng trong toàn quốc, tăng 2,43 lần so với năm 2004. Ngoại trừ 11 tỉnh vùng Đông Bắc Bộ là khu vực có tỷ lệ đảng viên mới tăng thấp nhất thì số đảng viên mới được kết nạp trong các vùng năm nay đã tăng lên đáng kể. Cụ thể:

+ Năm thành phố trực thuộc Trung ương, số đảng viên mới kết nạp tăng 1.458 đồng chí so với năm 2004; trong đó các đảng bộ: thành phố Cần Thơ tăng 26,21%, thành phố Hồ Chí Minh tăng 12,48%, thành phố Đà Nẵng tăng 11,59%, thành phố Hải Phòng tăng 6,6%.

+ Chín tỉnh đồng bằng sông Hồng, số đảng viên mới kết nạp tăng 710 đồng chí; trong đó các đảng bộ: Thái Bình tăng 11,94%, Nam Định tăng 8,63%, Vĩnh Phúc tăng 5,44%, Bắc Ninh tăng 3,36%, Hải Dương tăng 3,03%, Hà Nam tăng 2,44%, Hưng Yên tăng 0,9%, Hà Tây tăng 0,72%.

+ Sáu tỉnh Bắc Trung Bộ, số đảng viên mới kết nạp tăng 1.705 đồng chí; trong đó các đảng bộ: Thừa Thiên - Huế tăng 31,73%, Thanh Hóa tăng 10,77%, Quảng Bình tăng 7,55%, Nghệ An tăng 6,63%, Hà Tĩnh tăng 0,28%.

+ Năm tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ, số đảng viên mới kết nạp tăng 430 đồng chí; trong đó các đảng bộ: Khánh Hòa tăng 16,62%, Quảng Nam tăng 12,15%, Phú Yên tăng 3,63%, Bình Định tăng 3,46%.

+ Bốn tỉnh Tây Bắc Bộ, số đảng viên mới kết nạp tăng 555 đồng chí; trong đó các đảng bộ: Hòa Bình tăng 1,1%, Điện Biên tăng 6,39%, Lai Châu tăng 64,78% (Lai Châu là

đảng bộ có tỷ lệ đảng viên mới kết nạp tăng cao nhất trong toàn quốc).

+ Năm tỉnh Tây Nguyên, số đảng viên mới kết nạp tăng 1.265 đồng chí so với năm 2004; trong đó, Đắk Lắk tăng 31,37%, Đắk Nông tăng 29,46%, Kon Tum tăng 17,68%, Gia Lai tăng 13,94%, Lâm Đồng tăng 0,36%.

+ Bảy tỉnh ở miền Đông Nam Bộ, số đảng viên mới kết nạp tăng 760 đồng chí so với năm 2004; trong đó các đảng bộ: Bình Dương tăng 16,96%, Ninh Thuận tăng 26,67%, Bà Rịa - Vũng Tàu tăng 17,68%, Gia Lai tăng 13,94%, Lâm Đồng tăng 0,36%.

+ Mười hai tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, số đảng viên mới kết nạp tăng 2.376 đồng chí; trong đó các đảng bộ: Vĩnh Long tăng 28,33%, Hậu Giang tăng 26,79%, Bạc Liêu tăng 26,28%, Kiên Giang tăng 24,28%, Cà Mau tăng 14,43%, Sóc Trăng tăng 13,76%, Tiền Giang tăng 11,26%, Đồng Tháp tăng 10,89%, Bến Tre tăng 10,57%, Long An tăng 2,94%, An Giang tăng 3,39%, Trà Vinh tăng 0,92%.

Có 11/11 Đảng bộ trực thuộc Trung ương, số đảng viên mới kết nạp tăng 2.318 đồng chí so với năm 2004; trong đó Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương về công tác tư tưởng tăng 52,38%, Đảng bộ Ngoài nước tăng 35,35%, Đảng bộ Đường sắt Việt Nam tăng 31,99%, Đảng bộ Khối Đối ngoại Trung ương tăng 26%, Đảng bộ Khối cơ quan Khoa giáo Trung ương tăng 24,31%, Đảng bộ Công an Trung ương tăng 20,41%, Đảng bộ khối Nội chính Trung ương tăng 15,91%, Đảng bộ Khối dân vận Trung ương tăng 8,79%, Đảng bộ Quân sự Trung ương tăng 6,78%, Đảng bộ Khối I các cơ quan Trung ương tăng 2,73%, Đảng bộ Khối Kinh tế Trung ương tăng 2,61%.

Tính đến nay, trong toàn Đảng có trên 3,1 triệu đảng viên. □

VŨ NGỌC
(tổng hợp)

HƯỚNG TỚI GIẢM NGHÈO...

(Tiếp theo trang 66)

họ tiếp tục rơi xuống các tầng lưới thấp hơn. Các tầng lưới bên dưới cũng sẽ tiếp tục thực hiện chức năng của nó như tầng lưới đầu tiên, nhưng tầng lưới cuối cùng phải là tầng lưới có độ vững chắc rất cao, không để bất cứ thành viên xã hội nào lọt được qua đó; vì dưới đó con người sẽ rơi vào tình trạng bần cùng hóa, sống cuộc sống không phải của con người. Tầng lưới đó thuộc trụ cột (hợp phần) thứ 4 của hệ thống an sinh xã hội đó là các *chính sách, chương trình trợ giúp xã hội bao gồm cả trợ giúp người nghèo*.

Theo xu hướng hội nhập và phát triển bền vững, nước ta phải đổi mới một cách mạnh mẽ hệ thống an sinh xã hội hướng tới bao phủ tất cả các thành viên xã hội; đổi mới về thể chế tài chính để bảo đảm tính bền vững; đổi mới về thể chế tổ chức để bảo đảm hoạt động có tính chuyên nghiệp cao hơn, hiệu quả hơn, tiết kiệm chi phí hơn. Đối với hợp phần trợ giúp xã hội thì phải từng bước luật hóa các chính sách hiện có theo hướng: mở rộng đối tượng bao phủ, bổ sung các chính sách mới cho các đối tượng có thu nhập thấp (thực chất là những người nghèo); nâng cao mức trợ cấp xã hội theo hướng gắn chặt với sự biến động về mức sống dân cư, tiền lương tối thiểu và các mức chuẩn khác của hệ thống an sinh xã hội. Xây dựng đội ngũ nhân viên xã hội có tính chuyên nghiệp. Công tác xã hội phải trở thành một nghề có mã ngành đào tạo từ bậc trung học đến bậc cao đẳng, đại học, thạc sỹ, tiến sỹ, có mã nghề với hệ thống thang bảng lương riêng, có giấy phép hành nghề như nhiều nước trên thế giới và khu vực đã thực hiện từ một nửa thế kỷ nay. □

NHỮNG GIÁ TRỊ LÝ LUẬN TRONG TÁC PHẨM 'ĐƯỜNG CÁCH MỆNH'

VŨ TRỌNG DUNG *

“**Đ**ƯỜNG cách mệnh” gồm những bài viết của Hồ Chí Minh dùng để giảng dạy cho thanh niên yêu nước Việt Nam tham gia lớp huấn luyện chính trị từ những năm 1925 đến 1927 ở Quảng Châu (Trung Quốc) và được xuất bản lần đầu tiên năm 1927. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về lịch sử, vai trò và ý nghĩa to lớn của cuốn “Đường cách mệnh”. Bài viết này đề cập đến những giá trị về mặt lý luận của tác phẩm.

1 – Bước ngoặt trong lý luận về đường lối cách mạng giải phóng dân tộc

Vào nửa cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chi phối đường lối phát triển của từng dân tộc cũng như của cả thế giới lúc bấy giờ là đế quốc tư bản chủ nghĩa. Chúng có tiềm lực mạnh về kinh tế, về quân sự, không những thế, ở chúng còn có sự xảo quyệt trong ngôn luận, trong chiêu bài cai trị. Các thế lực đế quốc tư bản chia nhau thế giới thành các thuộc địa riêng để thống trị.

Cũng vào thời điểm đó, ở nước ta, sau khi triều đình Huế ký hiệp ước đầu hàng thực dân Pháp vào năm 1883, nước ta trở thành thuộc địa của Pháp, dân ta mất chủ quyền dân tộc, nước ta mất độc lập, tự do. Nhưng một nước đã có lịch sử hàng nghìn năm và người tài không bao giờ thiếu, đã từng thắng những đế quốc hùng mạnh trước

đây thì không bao giờ chịu khuất phục, chịu làm nô lệ. Suốt mấy mươi năm dưới ách thống trị của thực dân Pháp, đất nước này không ngớt những cuộc khởi nghĩa, những phong trào vận động nhân dân chống lại sự thống trị của thực dân Pháp. Phong trào Cần Vương, phong trào Duy Tân, phong trào Đông Du, phong trào Đông Kinh nghĩa thực, phong trào chống thuế ở Trung Kỳ, v.v. lần lượt nổi lên và lần lượt thất bại. Mỗi một lần thất bại là một lần đặt ra vấn đề nhận thức vì sao bị thất bại để chuyển sang một nhận thức mới, một đường lối cách mạng mới.

Trước tình hình đó, con đường giải phóng dân tộc thực sự lâm vào khủng hoảng trầm trọng. Đang lúc ấy thì xuất hiện Nguyễn Ái Quốc. Ở đầu những năm 20 của thế kỷ XX, ngôn luận và hành động của Nguyễn Ái Quốc không những làm rung động những người cách mạng Việt Nam, những người yêu nước ở các thuộc địa của Pháp, mà còn làm xôn xao cả chính trường Pháp. Cùng một lúc Nguyễn Ái Quốc thực hiện hai nhiệm vụ, vừa tố cáo chính sách thuộc địa của đế quốc Pháp, vừa chuẩn bị

* PGS. TS, Trưởng khoa Triết học, Học viện Chính trị Khu vực I, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

xây dựng cho thanh niên yêu nước Việt Nam lúc bấy giờ một nhận thức mới về con đường giải phóng dân tộc. Kết quả là, hai cuốn sách “Bản án chế độ thực dân Pháp” (xuất bản năm 1925) và “Đường cách mệnh” (xuất bản năm 1927) ra đời cách nhau không xa.

Hai cuốn sách với hai mục tiêu khác nhau. Nếu “Bản án chế độ thực dân Pháp” là tác phẩm tập trung phê phán chủ nghĩa thực dân Pháp, vạch trần bản chất giả nhân, giả nghĩa của các luận điệu “khai hóa”, “văn minh”, “dân chủ”, v.v. của thực dân Pháp ở Đông Dương thì “Đường cách mệnh” là cuốn sách giáo dục cho thanh niên về bản chất của thời đại, về mục tiêu của cách mạng giải phóng dân tộc, về con đường và biện pháp thực hiện nhiệm vụ cách mạng.

“Đường cách mệnh” tạo nên bước ngoặt trong nhận thức về đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh và của dân tộc. Điểm mới của cuốn sách so với lý luận cách mạng trước đó là trình bày một cách hệ thống về đối tượng cách mạng, các loại cách mạng trong lịch sử và điều cần thiết phải làm cách mạng “cho đến nơi” (tức cách mạng triệt để), về gần cách mạng giải phóng dân tộc với cách mạng vô sản thế giới và điều kiện phải có để bảo đảm cho cách mạng thắng lợi, v.v.. Nội dung và thực chất của lý luận cách mạng trong cuốn sách là chưa từng có ở nước ta. Cuốn sách ra đời như là kết quả của hàng loạt thử nghiệm cách mạng trước đó của dân tộc. Tất nhiên, lúc bấy giờ ở Nguyễn Ái Quốc đã có đầy đủ những tiền đề khách quan và chủ quan để thực hiện sứ mệnh mới của dân tộc.

Về mặt khách quan, cuốn sách có sự kế thừa tư tưởng của V.I. Lê-nin trong tác phẩm “Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa” (1920) “Sơ thảo” đã nêu lên các luận điểm mới cực kỳ quan trọng đối với phong trào giải phóng dân tộc là giai cấp vô sản các chính quốc và quần chúng lao động ở tất

cả các dân tộc phải gần gũi nhau để tiến hành cuộc cách mạng chung lật đổ bọn địa chủ và tư sản; là công nhân các chính quốc phải tích cực ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc; là chế độ xô-viết, một chế độ thật sự bảo đảm quyền bình đẳng của các dân tộc. Qua tác phẩm của V.I Lê-nin, Nguyễn Ái Quốc tìm được nguồn sức mạnh hùng hậu và chỗ dựa vững chắc ở nước Nga xô-viết và phong trào cách mạng vô sản thế giới. Vấn đề chỉ còn là phát huy nội lực.

Về mặt chủ quan, Nguyễn Ái Quốc lúc bấy giờ đã có đủ các yếu tố cần thiết để tiếp thu được những tư tưởng cách mạng ở “Sơ thảo” của V.I. Lê-nin. Trong mười năm (1911 - 1920), Nguyễn Ái Quốc đã nghiên cứu nhiều về con đường giải phóng dân tộc sao cho đi đến thành công. Cũng mười năm ấy, Người tiếp xúc với giai cấp vô sản thế giới và nhân dân các nước thuộc địa, phụ thuộc, thấy ở họ sức mạnh, nghĩa khí, và sự gần gũi, có thể đoàn kết với nhau, hỗ trợ nhau trong sự nghiệp. Tư tưởng của V.I. Lê-nin trong “Sơ thảo” như thấp sáng cho Nguyễn Ái Quốc một niềm tin, nghị lực vô bờ bến. Nếu không có yếu tố chủ quan này thì chưa chắc Nguyễn Ái Quốc đã xúc động đến nghẹn ngào khi đọc bản “Sơ thảo” để từ đó, Người tiếp thu được tư tưởng cách mạng của V.I. Lê-nin.

Lập trường yêu nước của Nguyễn Ái Quốc được sự dẫn đường của tư tưởng V.I. Lê-nin trong “Sơ thảo” đã giúp Người tạo ra một lý luận mới về con đường giải phóng dân tộc Việt Nam - một bước ngoặt thật sự trong lý luận giải phóng dân tộc.

2 – Những luận điểm mới trong đường lối và phương pháp cách mạng của “Đường cách mệnh”

Cuốn “Đường cách mệnh” tạo ra bước ngoặt trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc là đã xây dựng được những điểm mới trong đường lối và phương pháp cách mạng. Các điểm nổi bật là:

Trong các cuộc cách mạng bấy giờ chỉ có cách mạng theo chủ nghĩa Lê-nin là có thể đưa lại thắng lợi cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Những năm đầu của thế kỷ XX, cục diện chính trị ở Việt Nam không có gì đặc biệt, người Pháp yên tâm cai trị, sự thể như là dân tộc ta đã chấp nhận sự thống trị của Pháp, như là đã thừa nhận sự thành công trong công cuộc gọi là “khai hóa” của Pháp. Nhưng chẳng bao lâu lại dòn dập xảy ra một số sự kiện chính trị - xã hội làm náo động tình hình Đông Dương. Hết các cuộc chống đối ở Nam Kỳ lại đến tiếng bom ở Sa Điện, Quảng Châu (Trung Quốc) nhằm giết tên toàn quyền Đông Dương là Méc-lanh, rồi biểu tình đòi ân xá cho Phan Bội Châu và để tang Phan Châu Trinh. Các sự kiện ấy báo hiệu một cao trào cách mạng mới. Nguyễn Ái Quốc thấy mình có trách nhiệm đẩy nhanh cao trào cách mạng này.

Là người đã hoạt động trong phong trào cộng sản quốc tế, Nguyễn Ái Quốc thấy quan điểm cơ bản của phong trào này là phải dựa vào đấu tranh giai cấp và làm cách mạng vô sản ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Điều này theo Người là không phù hợp với thực tế. Nguyễn Ái Quốc thấy phải làm rõ thực trạng xã hội, cơ cấu giai cấp và trình độ con người ở Việt Nam để xác định một đường lối cách mạng đúng đắn. Theo Người, xã hội, giai cấp và con người phương Đông không giống phương Tây, cho nên nội dung và tính chất cách mạng cũng phải khác phương Tây. Đó là sự khác nhau đầu tiên của Nguyễn Ái Quốc so với các nhà cách mạng khác lúc bấy giờ.

Trong lúc các nhà cách mạng khác chủ trương đấu tranh giai cấp là động lực của cách mạng thì Nguyễn Ái Quốc lại đề cao chủ nghĩa dân tộc. Người nói “Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước”⁽¹⁾ cần phải “Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ nhân danh Quốc tế Cộng sản”⁽²⁾. Tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc lúc bấy giờ bị một số người cho là không phù hợp với lý luận cách mạng Mác - Lê-nin.

Để bảo vệ luận điểm của mình, Người đã chỉ rõ hàng loạt sự khác biệt giữa phương Đông và phương Tây, giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng các nước khác trên các lĩnh vực: cấu trúc kinh tế, kết cấu giai cấp, đấu tranh giai cấp, giác ngộ giai cấp và quyền lợi của con người. Người nói: chính chủ nghĩa dân tộc “đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho những người culi biết phản đối, nó làm cho những người “nhà quê” phản đối ngậm trước thuế tạp dịch và thuế muối. Cũng chủ nghĩa dân tộc đã luôn luôn thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc; nó đã thúc giục thanh niên bãi khóa, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản và làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917”⁽³⁾. Người còn nói: “Ân Độ hay Trung Quốc về mặt cấu trúc kinh tế, không giống các xã hội phương Tây thời Trung cổ, cũng như thời cận đại, và đấu tranh giai cấp ở đó không quyết liệt như ở đây”⁽⁴⁾. Không những thế, Người còn nói: “không thể cấm bỏ sung “cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được”⁽⁵⁾. Đó là những luận điểm vững cảm và sáng tạo làm cho một số người không bằng lòng nhưng cũng khó bắt bẻ.

Nhưng chủ nghĩa dân tộc mà Nguyễn Ái Quốc nêu lên không giống với chủ nghĩa dân tộc sô vanh, chủ nghĩa dân tộc cực đoan hẹp hòi hoặc chủ nghĩa dân tộc của một số người Việt Nam đương thời. Sự khác biệt cơ bản của chủ nghĩa dân tộc do Nguyễn Ái Quốc đề xướng là chủ nghĩa dân tộc do giai cấp vô sản lãnh đạo, với công nông là chủ cách mạng và đi theo con đường

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 1, tr 466

(2), (3), (4), (5) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 1, tr 467, 466, 465, 465

xã hội chủ nghĩa chứ không phải con đường tư bản chủ nghĩa.

Trong cuốn “Đường cách mệnh”, Nguyễn Ái Quốc nêu lên các loại cách mệnh khác nhau, nguyên nhân của cách mệnh, lý do sinh ra giai cấp cách mệnh, động lực cách mệnh, v.v.. Mục đích là trang bị cho những người yêu nước kiến thức về cách mệnh để tự giác lựa chọn một loại cách mệnh phù hợp, tiến bộ.

Cuốn sách “Đường cách mệnh” cùng với một số tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc trong thời gian đó đã phân tích một cách khoa học tính chất của thời đại, chiều hướng phát triển của phong trào cách mạng vô sản thế giới và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, nên đã đi tới những nhận định trở thành kim chỉ nam cho cách mạng Việt Nam thế kỷ XX. Đó là các nhận định: “Các dân tộc ở đó (ở phương Đông) không bao giờ có thể ngẩng đầu lên được nếu không gắn bó với giai cấp vô sản thế giới”(6), “Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi”(7), “Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lê-nin”(8). Đó là những đúc kết khoa học có giá trị lý luận và thực tiễn cao.

Sự thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và của hai cuộc kháng chiến chống đế quốc Pháp và Mỹ, đi đến thống nhất đất nước đã chứng minh cho sự đúng đắn, tài tình trong luận điểm về cách mạng giải phóng dân tộc của Hồ Chí Minh đã được bắt đầu từ cuốn “Đường cách mệnh”.

Có con người cách mạng mới đảm đương công việc thì cách mạng mới có thể đi đến thành công. Để cách mạng thành công, trong điều kiện lúc bấy giờ, Việt Nam không thể không tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế. Việc này các nhà yêu nước trước kia đã từng làm. Có người trông cậy vào Nhật, có người trông cậy vào Mỹ, vào Anh v.v... Những đối tượng mà họ trông cậy

đó đều là các nước đế quốc, do tính chất đế quốc mà các nước đó gần gũi với đế quốc Pháp hơn là gần gũi với cách mạng. Cũng là tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, song hướng tranh thủ cũng như tính chất tranh thủ ở Nguyễn Ái Quốc đã khác. Đối tượng đó là lực lượng cách mạng của thời đại, tức là giai cấp vô sản cách mạng thế giới và chính quyền Xô-viết Nga.

Trong hoạt động của mình, Nguyễn Ái Quốc đã tận dụng mọi cơ hội để kêu gọi phong trào cộng sản quốc tế ủng hộ cách mạng của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc. Tiếng nói của Người trong các cuộc hội nghị, trên các báo chí, trong các cuộc gặp gỡ trao đổi đã có tiếng vang, gây được sự đồng tình, ủng hộ. Nhưng một điều khác ở Nguyễn Ái Quốc là Người không bao giờ chỉ chú trọng ủng hộ của bên ngoài mà không chú ý thực lực bên trong. Trái lại, Người cho rằng, cách mạng của dân tộc phải do người dân tộc tự làm lấy.

Là người thực tế, Nguyễn Ái Quốc không ảo tưởng vào lực lượng sẵn có của dân tộc, không những thế, Người còn thấy lực lượng mà mình trông cậy vào là công nông và thanh niên trí thức yêu nước thì còn rất nhiều hạn chế, không thể đảm đương được cách mạng. Người nói: ở các dân tộc thuộc địa “thiếu khả năng tự giải phóng ở hầu hết những người bản xứ”(9), tình trạng đó còn trầm trọng ở thanh niên Việt Nam đương thời. Người chỉ rõ: “Nhưng chúng ta thiếu tổ chức và thiếu người tổ chức! Bởi thế công nghiệp và thương nghiệp của chúng ta là một con số không. Thế thì thanh niên của ta đang làm gì? Nói ra thì buồn, buồn lắm: họ không làm gì cả. Những thanh niên không có phương tiện thì không dám rời quê nhà; những người có phương tiện thì lại chìm

(6), (7) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 1, tr 483, 280

(8) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 2, tr 268

(9) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 1, tr 444

ngập trong sự biếng nhác; còn những kẻ đã xuất dương thì chỉ nghĩ đến việc thỏa mãn tính tò mò của tuổi trẻ mà thôi”⁽¹⁰⁾. Vấn đề đặt ra đối với Người, muốn gây dựng được cơ sở cách mạng ở trong nước thì phải tiến hành giáo dục những người đó.

Công việc giáo dục cho thanh niên Việt Nam trở thành nhiệm vụ cấp bách của Nguyễn Ái Quốc. Trong thư từ giữa bạn bè trong tổ chức “Hội liên hiệp thuộc địa” và tòa soạn báo “Người cùng khổ”, Người viết: “Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập”⁽¹¹⁾. Trong thư “Gửi Chủ tịch đoàn Quốc tế Cộng sản”, Người dự tính: “...rất có thể rồi sẽ phải đem tất cả hoặc gần tất cả thì giờ của tôi vào việc huấn luyện họ”⁽¹²⁾. Người đã quán triệt nhiệm vụ này.

Nội dung quan trọng hàng đầu của giáo dục đối với Người là giáo dục lý luận cách mạng tiên tiến lúc bấy giờ. Người trích câu nói của Lê-nin trong cuốn “Làm gì” để nói lên tầm quan trọng của lý luận cách mạng: Không có lý luận cách mệnh, thì không có cách mệnh vận động... Chỉ có theo lý luận cách mệnh tiên phong, đảng cách mệnh mới làm nổi trách nhiệm cách mệnh tiên phong. Lý luận ở đây là những kiến thức về tình hình thế giới, cách mạng thế giới, điều kiện khách quan và chủ quan của cách mạng, v.v...

Nội dung không kém phần quan trọng là giáo dục đạo đức cho người cách mạng. Người xác định tư cách của người cách mạng, trong đó đối với mình, với người, với việc. Người cho rằng, có đạo đức cách mạng thì người cách mạng mới hết lòng với sự nghiệp, mới đoàn kết và động viên được các người khác. Trong hệ thống lý luận cách mạng của mình, vấn đề đạo đức cách mạng giữ một vị trí lớn. Việc này được khởi đầu từ cuốn “Đường cách mệnh”.

Phân đặc biệt quan trọng trong “Đường cách mệnh” là phương pháp cách mệnh. Bởi vì có phương pháp cách mạng thích hợp thì mục tiêu cách mạng mới có thể thực hiện được. Chú ý đến phương pháp thì các nhà yêu nước tiền bối đã làm, song Nguyễn Ái Quốc thấy đó là những phương pháp lỗi thời, lạc hậu, không thực hiện được kết quả mong muốn. Phương pháp đảo chính, bạo loạn lật đổ mà các sĩ phu yêu nước chủ trương, nếu xảy ra cũng chỉ tác động đến một số kẻ bên trên, còn bên dưới thì không hề thay đổi, không phải là cách mạng với ý nghĩa “phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt”⁽¹³⁾ như Người yêu cầu. Phương pháp đầu độc, bắt cóc, ám sát mà Việt Nam quốc dân đảng hay dùng, theo Nguyễn Ái Quốc chỉ làm cho Pháp tăng cường đàn áp, dẫn đến đổ vỡ các tổ chức cách mạng đã được gây dựng. Theo Người, phương pháp cách mạng tiến bộ lúc bấy giờ phải là phương pháp mới. Phương pháp mới ở đây là tuyên truyền, vận động, thuyết phục, xây dựng tổ chức, v.v... Nghĩa là hoạt động theo phương pháp của các phong trào cách mạng của châu Âu lúc bấy giờ. “Đường cách mệnh” đã truyền bá phương pháp cách mạng trên. Đó chính là những điều kiện cần thiết để người cách mạng hoàn thành được sứ mệnh giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội.

Cuốn “Đường cách mệnh” đã tạo cho thanh niên yêu nước Việt Nam đương thời những kiến thức về cách mạng giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội. Những kiến thức đó, tự bản thân đã mang những giá trị lý luận to lớn không những có tác dụng đối với cách mạng đương thời, mà còn ảnh hưởng sâu sắc tới các bước đường cách mạng của Việt Nam về sau. □

(10) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 2, tr 193

(11) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 1, tr 192

(12), (13) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 2, tr 133, 263

NÓI tới tổ chức cơ sở đảng là nói tới các chi bộ và đảng bộ cơ sở ở nông thôn, thành thị, các cơ quan, đơn vị, thành phần kinh tế, lực lượng vũ trang...

Việc thành lập tổ chức cơ sở đảng đã được quy định cụ thể trong Điều lệ của Đảng. Có thể khái quát tổ chức cơ sở đảng là tổ chức đảng đông đảo nhất, gần với cơ sở và là nơi đưa đường lối của Đảng đến với quần chúng, trực tiếp lãnh đạo quần chúng thực hiện các nhiệm vụ của Đảng ở cơ sở qua các thời kỳ cách mạng.

Xây dựng tổ chức cơ sở đảng là nhiệm vụ hết sức quan trọng, liên quan tới sự tồn tại, phát triển, cũng như vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "Trong công tác xây dựng Đảng, cái gốc là chi bộ. Phải làm sao cho chi bộ vững để lúc thuận lợi cũng như khi gặp khó khăn, họ biết phát huy thắng lợi, khắc phục trở ngại, vững vàng tiến lên"⁽¹⁾.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của tổ chức cơ sở đảng, nên Đảng ta ngay từ khi ra đời cũng như qua các thời kỳ phát triển, lúc thuận lợi cũng như khi gặp khó khăn đều luôn quan tâm xây dựng, phát triển tổ chức cơ sở đảng. Do đó, Đảng ta luôn bám sâu vào quần chúng, lãnh đạo quần chúng cách mạng liên tiếp giành được thắng lợi này đến thắng lợi khác, trong suốt chặng đường lịch sử vẻ vang 76 năm qua.

Hiện nay, theo số liệu của Ban Tổ chức Trung ương Đảng, nước ta có hơn 47.000 tổ chức cơ sở đảng, với trên 3,1 triệu đảng viên, trong đó có 10.637 tổ chức đảng ở xã, phường, thị trấn, chiếm 22,6% tổ chức cơ sở đảng toàn

Tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò, vị trí và chức năng của tổ chức cơ sở đảng

NGUYỄN XUÂN THÔNG

quốc, nhưng chiếm tới trên 70% tổng số đảng viên cả nước*.

Nói tới tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng tổ chức đảng ở cơ sở, tức là nói tới tư tưởng, quan điểm của Đảng ta về xây dựng tổ chức cơ sở đảng qua các thời kỳ cụ thể, được thể hiện trong đường lối lãnh đạo và tổ chức thực hiện ở nước ta. Đây là một vấn đề hết sức quan trọng không những đối với trước đây, hiện nay mà cả sau này, cần được nghiên cứu một cách sâu sắc, toàn diện. Trong bài viết này xin được tập trung vào mấy nội dung sau:

Một là, khẳng định vai trò, vị trí, tầm quan trọng của tổ chức cơ sở đảng.

Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhấn mạnh: "Chi bộ là gốc rễ của Đảng"; "là động lực của mỗi cơ quan", "là hạt nhân lãnh đạo quần chúng ở cơ sở"; "các chi bộ mạnh tức là Đảng mạnh". "Chi bộ vững mạnh thì mọi chính sách của Đảng và Chính phủ nhất định thi hành được tốt". Tại Hội nghị phổ biến Nghị quyết Trung ương lần thứ ba về kế hoạch Nhà nước năm 1961

(1) Biên bản Hội nghị Bộ Chính trị ngày 25-12-1961, Tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh

* Ở Trung Quốc hiện có hơn 3.460.000 tổ chức cơ sở đảng với trên 66.940.000 đảng viên, có bốn loại tổ chức cơ sở đảng: ở nông thôn; ở xí nghiệp; ở khu dân cư đô thị và ở cơ quan, nhà trường, viện nghiên cứu, quân đội, các tổ chức xã hội khác

(30-1-1961) Bác Hồ nói: muốn làm nhà cho tốt phải xây nền cho vững. Muốn thực hiện kế hoạch tốt phải chăm lo *củng cố chi bộ*" (2). Trong bài nói chuyện tại Hội nghị tổng kết ba năm xây dựng chi bộ và đảng bộ cơ sở "bốn tốt" (19-4-1966) mở đầu Bác Hồ nêu rõ: "Đối với Đảng ta, xây dựng chi bộ cho tốt, cho vững mạnh là một việc vô cùng quan trọng. Điều đó chúng ta đều hiểu rõ"(3).

Nói tới vai trò, vị trí, tầm quan trọng của tổ chức đảng ở cơ sở, theo tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng ta, đó chính là hạt nhân chính trị ở cơ sở, là nền tảng của Đảng, của cách mạng và là sợi dây chuyền nối liền Đảng với dân. Như vậy cũng có nghĩa là không có tổ chức cơ sở đảng, không thể có sự tồn tại, phát triển của Đảng. Tổ chức cơ sở đảng được quan tâm củng cố, phát triển mạnh mẽ, thực hiện tốt vai trò lãnh đạo, tổ chức thực hiện ở địa bàn cơ sở, liên hệ mật thiết với quần chúng nhân dân, thông qua từng đảng viên của Đảng, thì Đảng sẽ phát triển và không ngừng lớn mạnh. Ngược lại, tổ chức cơ sở đảng yếu kém, đảng viên của Đảng ở cơ sở không gương mẫu trước quần chúng sẽ có tác hại rất lớn đối với uy tín và sự lãnh đạo của Đảng. Bởi vậy, để tổ chức đảng ở cơ sở thể hiện được vai trò, vị trí của mình đòi hỏi phải quan tâm xây dựng chi bộ, chỉ ủy vững mạnh; quan tâm bồi dưỡng, giáo dục đảng viên của Đảng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, tinh thần trách nhiệm của mình trước Đảng, trước nhân dân. Nói chuyện tại lớp huấn luyện đảng viên mới (14-5-1966) do Thành ủy thành phố Hà Nội tổ chức Bác Hồ căn dặn: "mỗi đảng viên phải hoạt động trong một tổ chức cơ sở của Đảng. Cho nên các cô, các chú phải hiểu rõ vai trò và nhiệm vụ của chi bộ... Phải hiểu rõ quyền hạn, nhiệm vụ của người đảng viên, nâng cao tinh thần trách nhiệm của mình đối với Đảng... Công tác giáo dục đảng viên phải là một điều quan trọng trong chương trình công tác của cấp ủy"(4). Đồng thời đối với tổ chức đảng, hoặc đảng viên yếu kém, vi phạm kỷ luật,

khuyết điểm phải nghiêm khắc, đấu tranh, phê bình, giáo dục. Bác Hồ nói: "Chúng ta phải phê bình nghiêm khắc những chi bộ kém. Ở những chi bộ ấy, có những đảng viên không gương mẫu, nội bộ thiếu đoàn kết, xa rời quần chúng. Chẳng những không làm đúng mà có nơi còn làm trái ngược đường lối, chính sách của Đảng.

Tệ hơn nữa là trong những chi bộ ấy có một số đảng viên và cán bộ, có cả cán bộ cao cấp, cán bộ lãnh đạo quan liêu, mệnh lệnh nặng. Đảng cần phải thi hành kỷ luật thật nghiêm khắc những cán bộ mắc sai lầm đó". Bác còn chỉ rõ: "Để tránh tình trạng có đảng viên kém, có chi bộ kém, từ nay các huyện ủy, thành ủy, tỉnh ủy cần phải đi sâu đi sát đến các chi bộ, cần phải giúp đỡ các chi bộ một cách thiết thực và thường xuyên"(5).

Hai là, tổ chức đảng ở cơ sở có chức năng lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước ở cơ sở; lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ở đơn vị, chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân, động viên quần chúng hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, lãnh đạo các tổ chức quần chúng.

Đây là chức năng hết sức quan trọng của tổ chức đảng, trong hệ thống chính trị ở cơ sở. Để làm tốt chức năng này, Bác Hồ và Đảng ta luôn quan tâm tới việc xây dựng đội ngũ đảng viên ở cơ sở, từ việc xét kết nạp đảng, đến việc giáo dục, bồi dưỡng, giao nhiệm vụ và kiểm tra đảng viên cũng như các tổ chức đảng. Nhờ đó, có thể nói, tuyệt đại đa số đảng viên và các tổ chức đảng ở cơ sở, qua các thời kỳ đều đã phát huy và làm tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, xứng đáng là hạt nhân chính trị ở cơ sở. Tuy nhiên, cũng còn có không ít tổ chức đảng và đảng viên ở cơ sở chưa làm tốt chức năng nói trên, hoặc do trình độ, năng lực còn hạn chế, hoặc phẩm

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, Hà Nội, t 10, tr 266

(3) (4) (5) Hồ Chí Minh: *Sdd*, t 12, tr 77, 94 - 95, 79

chất chưa tốt mà làm còn lúng túng, có nơi, có lúc phạm sai lầm, ảnh hưởng đến uy tín và vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng.

Có thể nói qua các thời kỳ, ở nhiều thời điểm và môi trường khác nhau, Bác Hồ thường xuyên đề cập tới chức năng của tổ chức cơ sở đảng. Trong bài viết nhân dịp kỷ niệm 33 năm ngày thành lập Đảng (3-2-1963), Người chỉ rõ: "Mỗi chi bộ của Đảng phải là một hạt nhân lãnh đạo quần chúng ở cơ sở, đoàn kết chặt chẽ, liên hệ mật thiết với quần chúng, phát huy được trí tuệ và lực lượng vĩ đại của quần chúng. Mỗi cấp bộ của Đảng phải là một cơ quan lãnh đạo vững chắc ở địa phương, theo đúng đường lối, chính sách của Trung ương".

Nói chuyện tại Hội nghị tổng kết ba năm xây dựng chi bộ và đảng bộ cơ sở "bốn tốt" (1966) Bác Hồ nhấn mạnh: "Đảng viên tốt thì chi bộ mới tốt. Muốn đảng viên tốt chi bộ phải thường xuyên giáo dục mỗi đồng chí nhiệm vụ của đảng viên là gì? Tư cách của đảng viên là thế nào? Đồng thời giúp đỡ đảng viên hằng ngày tự kiểm điểm mình".

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện đường lối, chính sách của Đảng ở cơ sở, tổ chức đảng cần nhận thức rõ nhiệm vụ và cách thức tiến hành, tuyệt đối không được áp đặt, làm thay, hay thiếu dân chủ. Ngay từ đầu tháng 4-1954, khi đang tập trung vào nhiệm vụ kháng chiến chống thực dân Pháp để giành thắng lợi, Bác Hồ đã chỉ ra nhiệm vụ của chi bộ là "- Làm sao cho toàn thể nhân viên đều cố gắng thực hiện đầy đủ chính sách của Đảng, của Chính phủ và hết lòng hết sức phụng sự nhân dân

- Làm sao cho mọi người thực hành cần, kiệm, liêm, chính.

- Làm sao để tẩy trừ những bệnh quan liêu, hình thức, tham ô, lãng phí, a dua, dối trá, trái luật lệ của Chính phủ, trái kỷ luật lao động. Vạch rõ các khuyết điểm và đề ra cách sửa chữa.

...

- Giải thích cho mọi người thấu hiểu chính sách của Đảng, của Chính phủ... làm cho mọi

người đều hiểu rõ nhiệm vụ vẻ vang của mình, bất kỳ ở địa vị nào, làm công việc gì... Chi bộ phải dùng cách chính trị, giáo dục, đề nghị, giải thích, khai hội bàn bạc với quần chúng... chứ tuyệt đối không được lạm quyền... Phải nhớ rằng: Chi bộ là một tổ chức lãnh đạo chính trị, chứ không phải là một tổ chức hành chính"⁽⁶⁾.

Để lãnh đạo được quần chúng, để chi bộ là "cái gốc" trong công tác xây dựng Đảng, đưa đường lối, chính sách của Đảng đến với quần chúng, biến thành các phong trào cách mạng to lớn, rộng khắp, Hồ Chí Minh yêu cầu mỗi đảng viên cũng như các chi bộ, chi ủy ở cơ sở phải nêu cao trách nhiệm, gương mẫu, phát huy vai trò của mình. Tại Diễn văn bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng, Bác Hồ kêu gọi: "Mỗi đảng viên ta phải là một chiến sĩ tích cực, gương mẫu, xứng đáng với lòng tin cậy của Đảng và của nhân dân. Mỗi chi bộ ta phải là hạt nhân vững chắc, lãnh đạo đồng bào thi đua yêu nước, cần kiệm xây dựng nước nhà. Mỗi cấp ủy Đảng phải là động cơ mạnh mẽ thúc đẩy phong trào cách mạng sôi nổi tiến lên"⁽⁷⁾.

Ba là, một số nội dung về xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng hiện nay.

Liên hệ với thực tế, chúng ta thấy không ít tổ chức đảng ở cơ sở, không ít đảng viên hiện nay chưa nhận thức đúng và chưa thực hiện tốt chức năng của mình ở cơ sở. Do đó đã xảy ra tình trạng bao biện, làm thay chức năng của chính quyền, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội, bỏ quên chức năng chính của tổ chức đảng ở cơ sở. Trái lại, có nơi lại khoán trắng cho chính quyền, làm giảm vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng. Đây là vấn đề cần sớm khắc phục, giải quyết để tránh tình trạng: việt vị, sai vị và vắng vị.

Ngày nay, trong điều kiện và bối cảnh mới, để thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới đất

(6) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 7, tr 268 - 269

(7) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 10, tr 205

nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ, văn minh, theo định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi càng phải nâng cao sự lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Do đó, vị trí, vai trò cũng như chức năng của tổ chức cơ sở đảng, không những không hề giảm mà còn phải tăng cường hơn nữa. Muốn vậy, đòi hỏi mỗi đảng viên và tổ chức đảng cần nhận thức sâu sắc quan điểm của Đảng ta và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng nói chung về xây dựng tổ chức cơ sở đảng nói riêng. Cụ thể, trong xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng cần làm tốt những nội dung sau:

- Các đảng bộ, chi bộ cơ sở phải phấn đấu thực hiện đúng và tốt chức năng là hạt nhân lãnh đạo chính trị ở cơ sở, thông qua từng tổ chức đảng và từng đảng viên của Đảng.

- Cấp ủy cấp trên phải tập trung chỉ đạo, củng cố các đảng bộ, chi bộ cơ sở yếu kém, xây dựng chi bộ trong sạch, vững mạnh, đúng thực chất. Khắc phục tình trạng như đồng chí Phạm Văn Đồng nói: "Chúng ta thường báo cáo rằng chất lượng tổ chức đảng và đảng viên là trong sạch, vững mạnh chiếm 70% - 80%, nhưng thực chất đâu có phải như vậy" (Tạp chí Cộng sản số 5-1999). Kiên quyết không để xảy ra tình trạng tổ chức đảng bị tê liệt hoặc là bình phong cho những kẻ suy thoái, tham nhũng như ở PMU18 thuộc Bộ Giao thông - Vận tải vừa qua.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt của cấp ủy và chi bộ, bảo đảm sinh hoạt có chất lượng, hiệu quả, thể hiện tính chiến đấu của tổ chức đảng; thể hiện trí tuệ và văn hóa Đảng.

- Phân công, hướng dẫn, kiểm tra đảng viên chấp hành nhiệm vụ và thực hiện đúng Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước. "Trong nội bộ Đảng có dân chủ rộng rãi, đồng thời có kỷ luật nghiêm khắc. Người đảng viên phải khiêm tốn, thành khẩn, không có đảng viên nào có thể đứng trên Đảng, tự cho mình là hơn Đảng" (Hồ Chí Minh).

- Tổ chức đảng và đảng viên ở cơ sở phải quan tâm và thường xuyên giữ mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với quần chúng.

- Coi trọng việc phát triển đảng viên đúng tiêu chuẩn, bảo đảm chất lượng, thực sự là những người ưu tú, gương mẫu trong quần chúng để như Bác Hồ nói: cán bộ, đảng viên phải được dân tin, dân phục, dân yêu.

- Đổi mới việc phân tích, đánh giá chất lượng tổ chức đảng và đảng viên ngay từ địa bàn cơ sở.

Cùng với việc xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, một nội dung rất quan trọng hiện nay là phải đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng ở cơ sở với những nội dung chính như sau:

Thứ nhất, đảng bộ, chi bộ cơ sở phải làm đúng vai trò hạt nhân lãnh đạo toàn diện, nắm vững "phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt", chăm lo xây dựng chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng ở cơ sở vững mạnh.

Thứ hai, mọi đảng viên đều phải nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu trong mọi việc, trước quần chúng, vững vàng về tư tưởng chính trị, có đạo đức trong sáng, lối sống lành mạnh, gắn bó với quần chúng nhân dân.

Thứ ba, đổi mới việc ra nghị quyết của đảng bộ, chi bộ, của cấp ủy, xây dựng quy chế làm việc giữa bí thư với người đứng đầu chính quyền, Mặt trận, đoàn thể. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với các cuộc bầu cử ở cơ sở; tăng cường và làm tốt công tác kiểm tra của Đảng từ cơ sở. Làm tốt công tác kiểm tra phải bao gồm: kiểm tra chấp hành đường lối, chính sách của Đảng; kiểm tra việc thực hiện các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, giữ gìn kỷ luật trong Đảng, khắc phục tình trạng kiểm tra hời hợt, kết luận không chính xác, xử lý không nghiêm hoặc sai lệch, làm ảnh hưởng đến uy tín và vai trò của Đảng, làm giảm lòng tin của quần chúng. Nghĩa là, phải nhận thức đầy đủ và vận dụng đúng đắn tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong điều kiện mới. □

TƯ tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống tệ quan liêu, tham nhũng là một chỉnh thể hoàn thiện và có tính nhất quán cao. Người để lại trên 60 tác phẩm chuyên sâu về phòng, chống tệ quan liêu, tham nhũng.

Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về phòng, chống quan liêu, tham nhũng để thấu triệt trách nhiệm của chúng ta đối với cuộc đấu tranh lâu dài, cam go và không kém phần quyết liệt này, chúng ta càng thấy thấm thía nỗi trăn trở của Người về vấn đề sinh tử này.

Một là, cần phải loại trừ chủ nghĩa cá nhân.

Hồ Chí Minh kịch liệt lên án và kiên quyết loại trừ chủ nghĩa cá nhân trong chế độ xã hội chủ nghĩa. Rất nhiều bài viết, bài nói, nhất là từ khi khôi phục và xây dựng kinh tế sau hòa bình lập lại, đã thể hiện rõ thái độ của Người đối với chủ nghĩa cá nhân. Người chỉ rõ: chủ nghĩa cá nhân là trái ngược với chủ nghĩa tập thể; trái ngược với chủ nghĩa xã hội, là vết tích xấu nhất và nguy hiểm nhất của xã hội cũ để lại. Chủ nghĩa cá nhân trái ngược với đạo đức cách mạng, nếu nó còn lại trong mình, dù là ít thôi, thì nó sẽ chờ dịp để phát triển, để che lấp đạo đức cách mạng. Người lên án: "Chủ nghĩa cá nhân là một thứ rất gian xảo, xảo quyết; nó khéo dỗ dành người ta đi xuống dốc"⁽¹⁾; và cho rằng, "thắng lợi của chủ nghĩa xã hội không thể tách rời thắng lợi của cuộc đấu tranh trừ bỏ chủ nghĩa cá nhân"⁽²⁾.

Người nhắc đi, nhắc lại rằng, nguồn gốc của sự suy thoái về đạo đức, lối sống, nguồn gốc của tệ tham nhũng, không gì khác là chủ nghĩa cá nhân, nó đẻ ra tất cả tính hư, nết xấu như: lười biếng, suy bì, kiêu căng, kèn cựa, nhút nhát, lãng phí, tham ô, v.v... Nó là kẻ thù hung ác của đạo đức cách mạng, của chủ nghĩa xã hội. Trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc*,

Người cảnh báo: "Chủ nghĩa cá nhân như một thứ vi trùng rất độc, do nó mà sinh ra các thứ bệnh rất nguy hiểm". Các thứ bệnh nguy hiểm đó, thực chất là tệ quan liêu, tham nhũng, được biểu hiện thành tệ: tham lam, lười biếng, kiêu ngạo, hiếu danh, thiếu kỷ luật, óc hẹp hòi, óc địa phương, óc lãnh tụ, hữu danh vô thực, kéo bè, kéo cánh, cạnh thị, cá nhân, lười biếng...

Trong tác phẩm *"Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân"*, viết năm 1969 một lần nữa Người chỉ rõ: "Do cá nhân chủ nghĩa mà ngại gian khổ, khó khăn, sa vào

Học tập tư tưởng Hồ Chí Minh, đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng

NGUYỄN VĂN THỤY *

tham ô, hủ hóa, lãng phí, xa hoa. Họ tham danh trục lợi, thích địa vị quyền hành. Họ tự cao tự đại, coi thường tập thể, xem khinh quần chúng, độc đoán chuyên quyền. Họ xa rời quần chúng, xa rời thực tế, mắc bệnh quan liêu, mệnh lệnh".

Hai là, trau dồi đạo đức cách mạng là nhiệm vụ trọng tâm trong phòng chống quan liêu, tham nhũng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, tham nhũng, lãng phí là hậu quả của việc thiếu rèn luyện, trau dồi đạo đức cách mạng, suy thoái đạo đức cách mạng. Vì vậy, nâng cao đạo đức

* TS, Thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII

(1), (2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 9, tr 284, 291

cách mạng là biện pháp phòng, chống cơ bản tệ quan liêu, tham nhũng. Trong quan hệ giữa cán bộ, đảng viên với nhân dân, đạo đức cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh, là "việc gì lợi cho dân ta phải hết sức làm, việc gì hại cho dân ta phải hết sức tránh", là "hòa mình với quần chúng thành một khối, tin quần chúng, lắng nghe ý kiến của quần chúng", khắc phục những việc làm trái phép, những hành vi cậy thế, cậy quyền, tư túi, kéo bè, kéo cánh, hủ hóa xa hoa, chia rẽ, bè phái, kiêu ngạo, khinh dân, lên mặt quan cách mạng.

Những năm gần đây, trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, do tập trung cao vào nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế, việc nâng cao đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên đã chưa được quan tâm đúng mức. Vì thế, tình trạng suy thoái tư tưởng chính trị và đạo đức lối sống trong cán bộ, đảng viên và trong xã hội diễn biến phức tạp. Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII đã phân tích tình hình đó; các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4, Hội nghị Trung ương 9, khóa IX tiếp tục chỉ ra thực trạng đáng lo ngại đó. Đây chính là nguy cơ đe dọa công cuộc đổi mới, đe dọa vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tồn vong của chế độ.

Ba là, phải tẩy sạch tệ tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu.

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn trăn trở, lo lắng về tệ tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu trong Đảng và trong bộ máy của Nhà nước. Năm 1952, khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp cần dành mọi sự tập trung cao độ vào việc chuẩn bị tổng phản công, với phương châm "trường kỳ kháng chiến, dựa vào sức mình là chính", Người dành sự quan tâm đặc biệt về thực hành tiết kiệm và chống tham ô, lãng phí, chống bệnh quan liêu. Người coi "chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu cũng quan trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận". Người chỉ rõ một số biểu hiện chính của lãng phí: lãng phí lao động, lãng phí thời giờ, lãng phí của công... Theo Người: "Có nạn tham ô, lãng phí là vì bệnh quan liêu", là do "không sát

công việc thực tế, không theo dõi và giáo dục cán bộ, không gần gũi quần chúng, đối với công việc thì trông hình thức mà không xem xét khắp mọi nơi, không vào sâu vấn đề, chỉ biết khai hội, viết chỉ thị, xem báo cáo trên giấy, chứ không kiểm tra đến nơi, đến chốn". Kết quả là, "có mắt mà không thấu suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững, kết quả là những người xấu, những cán bộ kém tha hồ tham ô, lãng phí".

Người coi "tham ô là trộm cướp", là một tệ nạn, mà mọi xã hội, mọi công dân không thể chung sống, không thể chứa chấp, phải loại trừ chúng. Người chỉ rõ, tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là "kẻ thù" của nhân dân, của Chính phủ và là "kẻ thù khá nguy hiểm. Vì nó không mang guom, mang súng, mà nó nằm trong các tổ chức của ta, để làm hỏng công việc của ta", nó "là thứ giặc ở trong lòng", "giặc nội xâm". Tháng 3-1961, trong bài *Xây dựng những con người của chủ nghĩa xã hội*, tư tưởng được Người nêu lên từ 10 năm trước đó vẫn nhất quán: "Tham ô, lãng phí tài sản của Nhà nước, của tập thể, của nhân dân là hành động trộm cướp, mà ai cũng phải thù ghét, phải trừ bỏ". Phải chống bệnh quan liêu, mệnh lệnh vì nó là nguồn gốc sinh ra tham ô, lãng phí.

Sáu năm qua, thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Đảng và Nhà nước ta đã nỗ lực thực hiện tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, ngăn chặn, đẩy lùi một bước quan trọng tệ tham nhũng, lãng phí và bệnh quan liêu. Tuy nhiên, trong báo cáo của Ban Chỉ đạo Trung ương 6 (2) trình Bộ Chính trị, nhận xét, "tuy có những chuyển biến tích cực nhưng tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trên nhiều lĩnh vực, cả những lĩnh vực mà Trung ương xác định là trọng điểm tập trung chỉ đạo, vẫn chưa giảm, thậm chí có mặt còn trầm trọng hơn và đã xuất hiện những biểu hiện mới". Đây là vấn đề bức xúc nhất trong Đảng và trong xã hội ta hiện nay. Hơn lúc nào hết, tình trạng này phải được ngăn chặn, đẩy lùi.

Bốn là, xây dựng con người xã hội chủ nghĩa là chiến lược cơ bản để phòng chống tệ quan liêu, tham nhũng.

Theo Hồ Chí Minh, việc xây dựng con người xã hội chủ nghĩa được coi là chiến lược lâu dài nhằm khắc phục tệ tham nhũng, lãng phí và bệnh quan liêu. "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trước hết cần có con người xã hội chủ nghĩa". Ngay từ khi còn đang tìm đường cứu nước, vấn đề xây dựng con người mới đã được Người đặt ra. Trong tác phẩm *Đường cách mệnh* (năm 1927), Người viết: Đối với tự mình phải "Cần kiệm. Hòa mà không tư. Cả quyết sửa lỗi mình. Cẩn thận mà không nhút nhát. Hay hỏi. Nhẫn nại (chịu khó). Hay nghiên cứu xem xét. Vị công vô tư. Không hiếu danh. Không kiêu ngạo. Nói thì phải làm. Giữ chủ nghĩa cho vững. Hy sinh. Ít lòng tham muốn về vật chất. Bí mật". Đối với người, phải "Khoan thứ. Với đoàn thể phải nghiêm. Có lòng bày vẽ cho người. Trục mà không táo bạo. Hay xem xét người". Khi làm việc phải "Xem xét hoàn cảnh kỹ càng. Quyết đoán. Dũng cảm. Phục tùng đoàn thể".

Trên cơ sở tinh hoa văn hóa dân tộc và văn hóa phương Đông, Chủ tịch Hồ Chí Minh xây dựng chuẩn mực con người xã hội chủ nghĩa với 8 chữ: "cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư". Theo Người, con người có tư tưởng và tác phong xã hội chủ nghĩa là những người "có ý thức làm chủ Nhà nước, tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa và tư tưởng mình vì mọi người, mọi người vì mình"; phải "luôn luôn chăm lo đến đời sống của quần chúng, phải chí công vô tư, có tinh thần lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ". Nghĩa là, trong mọi hành động, con người xã hội chủ nghĩa trước hết phải vì lợi ích của xã hội, của tập thể. Để có con người xã hội chủ nghĩa, Người dành sự quan tâm đặc biệt đến giáo dục, đào tạo. Người nhắc nhở các cấp ủy và chính quyền: "Giáo dục nhằm đào tạo *những người kế tục sự nghiệp cách mạng to lớn của Đảng và nhân dân ta*, do đó các ngành, các cấp đảng và chính quyền địa phương phải *thật sự*

quan tâm hơn nữa đến sự nghiệp này, phải chăm sóc nhà trường về mọi mặt" ⁽³⁾.

Song, những năm gần đây việc xây dựng con người xã hội chủ nghĩa của ta đã bộc lộ nhiều bất cập. Tư tưởng "mình vì mọi người", trước khi nhận được hệ quả là "mọi người vì mình" đã không còn là ý thức định hướng hành động của nhiều cán bộ, đảng viên. Tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XI, ngày 12-6-2004, Thủ tướng Phan Văn Khải đã khái quát thực trạng này khá đậm nét và sâu sắc, như sau: "Một điều đang làm cho nhân dân ta cảm thấy nhức nhối và các đồng chí lão thành cách mạng hết sức lo lắng, đó là tình trạng nhiều tệ nạn xã hội kéo dài dai dẳng đi liền với sự xuống cấp của xã hội trên một số mặt, đặc biệt là nhiều đức tính tốt đẹp của con người được hun đúc trong lịch sử và trong kháng chiến bị phai nhạt, hệ giá trị xã hội có phần bị đảo lộn, nhiều nét đồi bại trỗi dậy, nổi lên là bệnh ham quyền, ham chức, ham lợi, ham danh, chạy theo đồng tiền bất chấp pháp luật và đạo lý; bệnh không trung thực, không thẳng thắn, nói dối và làm giả với nhiều biến dạng lắt léo. Phải thẳng thắn thừa nhận rằng: cái hư hỏng, đồi bại chính từ sự thoái hóa (quan liêu, tham nhũng, ham chức, quyền, danh, lợi, dối trá, mất đoàn kết) trong một số những người có chức có quyền thuộc bộ máy công quyền và khu vực kinh tế nhà nước, nêu gương xấu, lây lan ra xã hội, đặc biệt là tác động mạnh đến thế hệ trẻ".

Rõ ràng đây là vấn đề rất bức xúc, Đảng và Nhà nước cần có những giải pháp quyết liệt mới có thể khắc phục, ngăn chặn, đẩy lùi được. Trước mắt, theo tôi, cần xem xét lại các vấn đề trong định hướng chiến lược giáo dục - đào tạo và y tế, vì đây là hai lĩnh vực đang có xu thế thương mại hóa, thị trường hóa, làm ảnh hưởng trực tiếp tới nhiệm vụ, mục tiêu xây dựng con người và đang để lại những hậu quả không tốt đối với chúng ta trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội.

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 12, tr 404

Năm là, không ngừng nâng cao hiệu quả vũ khí tự phê bình và phê bình.

Tự phê bình và phê bình là nguyên tắc của xây dựng Đảng và luôn được Hồ Chí Minh nhấn mạnh trong quá trình xây dựng đạo đức cách mạng. Người chỉ ra, "những khuyết điểm khá phổ thông và nghiêm trọng" trong cơ quan lãnh đạo các cấp là "những bệnh chủ quan, quan liêu, mệnh lệnh, hẹp hòi và bệnh công thần" mà nguyên nhân là do "dân chủ trong Đảng chưa được thực hiện rộng rãi. Phê bình và tự phê bình chưa thành nền nếp thường xuyên". Người yêu cầu: "Phải mở rộng phong trào phê bình và tự phê bình ở trong Đảng, ở các cơ quan, các đoàn thể, trên các báo chí cho đến nhân dân. Phê bình và tự phê bình phải thường xuyên, thiết thực, dân chủ, từ trên xuống và từ dưới lên"⁽⁴⁾. Trong bài *Đạo đức cách mạng*, Người viết: Trong suốt quá trình cách mạng, Đảng ta không ngừng phát triển và đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, cũng vì "Đảng ta khéo dùng cái vũ khí sắc bén phê bình và tự phê bình". Không thực hiện tốt tự phê bình và phê bình thì "nhất định lạc hậu, thoái bộ". Người nhắc nhở phải phát hiện và tuyên dương những gương "người tốt, việc tốt", để mọi người học tập và noi theo. Trong *Di chúc*, Người viết: "Nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng".

Theo tư tưởng đó, thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII, từ ngày 19-5-1999 đến 19-5-2001, Đảng ta đã tiến hành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình trong toàn Đảng, với yêu cầu đưa việc đó trở thành nền nếp, thường xuyên. Nhưng cuộc vận động đó đã không đạt yêu cầu đề ra, và liên tục 6 năm, đến nay vẫn chưa đạt yêu cầu đó. Tình trạng chung hiện nay tự phê bình và phê bình là hình thức, nể nang, né tránh, không thực chất, hiệu quả rất thấp, không mang tính giáo dục, tác dụng cảnh tỉnh, răn đe. Trong cơ chế thị trường hiện nay, tự phê bình và phê bình phải có những đổi mới từ trong nhận thức, chỉ đạo và trong quy trình, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đôn đốc...

Sáu là, phải dựa vào nhân dân để đấu tranh có hiệu quả với tệ tham nhũng, lãng phí và bệnh quan liêu.

Xuyên suốt trong tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh về chống quan liêu, tham nhũng chúng ta thấy rất rõ quan điểm "Đảng chịu sự giám sát của nhân dân; dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng" như trong Điều lệ Đảng đã ghi. Hồ Chí Minh thường coi đây như là "bảo bối", khi gặp việc gì dù khó khăn đến mấy, nếu dựa vào dân ắt vượt qua được. Nhân dân là nguồn sức mạnh vô địch của Đảng. Trong đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng, vai trò quan trọng của quần chúng lại càng không thể thiếu. Người nêu rõ: "Phong trào chống tham ô, lãng phí, quan liêu ắt phải dựa vào lực lượng quần chúng mới thành công".

Gần đây, Hội nghị Trung ương 4, khóa IX kết luận, một trong 6 nguyên nhân làm cho cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí chưa đạt yêu cầu là "nhiều cấp ủy, tổ chức đảng chưa thực sự dựa vào dân, chưa coi trọng tiếp thu ý kiến phê bình của dân". Thấu triệt và thực hiện tư tưởng dựa vào nhân dân của Hồ Chí Minh, chắc chắn chúng ta sẽ tạo ra động lực mới, khắc phục tình trạng ấy.

Thực hiện tư tưởng của Người, ngày 18-02-1998, Bộ Chính trị khóa VIII đã ra Chỉ thị 30-CT/TW Về xây dựng Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Chỉ thị đã giao cho Ban Cán sự đảng Chính phủ cùng Đảng đoàn của Quốc hội chỉ đạo nghiên cứu và thực hiện. Ngày 28/3/2002 Ban Bí thư đã đánh giá lại việc thực hiện và ra tiếp Chỉ thị 10-CT/TW về Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở. Để thực hiện tốt chỉ thị này trong thời kỳ mới, cần chú trọng phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, dựa vào nhân dân để đấu tranh có hiệu quả với tệ tham nhũng, lãng phí và bệnh quan liêu. □

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 6, tr 168



VẤN ĐỀ BÓC LỘT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ VÀ QUAN HỆ GIỮA TƯ BẢN VỚI LAO ĐỘNG HIỆN NAY

LÊ XUÂN ĐÌNH

TRONG nghiên cứu xã hội, Mác đã có phương pháp tiếp cận mang bản chất khoa học và nhân văn, khác xa so với các học giả tư sản. Như V.I.Lê-nin đã nói: "Phàm ở chỗ nào các nhà kinh tế học tư sản nhìn thấy quan hệ giữa vật với vật (hàng hóa này đổi lấy hàng hóa khác), thì ở chỗ đó, Mác đã tìm thấy *quan hệ giữa người với người*"⁽¹⁾. Trong *Lời tựa viết cho lần xuất bản thứ nhất của "Tư bản"*, Mác đã nói rằng, "Hình thái của giá trị, với cái dạng hoàn chỉnh của nó là hình thái tiền, thì rất không có nội dung và rất đơn giản. Tuy vậy, từ trên 2000 năm nay, trí tuệ của loài người đã tìm hiểu nó một cách vô hiệu, trong khi trí tuệ đó đã phân tích được, ít ra cũng là gần sát, những hình thái có nội dung phong phú và phức tạp hơn nhiều... Vì nghiên cứu một cơ thể đã phát triển thì dễ hơn là nghiên cứu tế bào của cơ thể đó"⁽²⁾. Thật vậy, đến giữa thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản đã phát triển đến đỉnh điểm của tự do cạnh tranh, có nghĩa là các hình thức ban đầu của chủ nghĩa tư bản độc quyền đã ra đời và phát triển. Và rằng, khi phân tích những hình thái kinh tế, theo Mác, người ta không thể dùng kính hiển vi hay những phản ứng hóa học được. Sức trừu tượng hóa phải thay thế cho tất cả các phương pháp phân tích, mô tả trực tiếp.

"*Tư bản*" là một tác phẩm thiên tài của Mác. Để viết tác phẩm đó ông đã làm việc trong thời gian bốn chục năm và đã phát hiện ra rằng, chế độ kinh tế là cơ sở để trên đó kiến trúc thượng tầng chính trị được xây dựng, nên Mác chú ý đến việc mổ xẻ, nghiên cứu chế độ kinh tế. Mác đã phát hiện ra cơ sở khoa học của sự bóc lột tư bản chủ nghĩa, sự đối lập lợi ích không thể điều hòa được giữa các nhà tư bản và công nhân làm thuê, giữa tư bản và lao động, tính chất đối kháng và nhất thời của tất cả các quan hệ kinh tế của chủ nghĩa tư bản.

"*Tư bản*" là hệ thống các phạm trù kinh tế, phản ánh các quy luật của xã hội tư bản. Hệ thống đó đem lại một quan niệm hoàn chỉnh về xã hội đó và làm rõ các quy luật vận động của nó. Và đó chính là sự độc nhất vô nhị của tác phẩm "*Tư bản*" trong lịch sử tư tưởng kinh tế.

"*Tư bản*" là một tác phẩm phê phán mẫu hình chủ nghĩa tư bản đã được hình thành trong khoa học kinh tế. Không phải ngẫu

(1) V.I.Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, t 23, tr 54

(2) C.Mác và Ph. Ăng-ghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t 23, tr 16

nhiên mà cho đến nay ở phương Tây không chỉ các nhà kinh tế, mà chủ yếu là các nhà xã hội học, các nhà tư tưởng xã hội - những người mà đối tượng nghiên cứu trước hết là các hình thức nhận thức xã hội - vẫn tôn kính Mác. Tác phẩm "*Những bóng ma của Mác*" của nhà triết học người Pháp J.Đê-ri-đa là một trong số đó.

Theo cách tiếp cận của Mác, bản chất của bóc lột chính là giá trị thặng dư của lao động làm thuê không được trả cho người lao động hay nói cách khác bị nhà tư bản chiếm đoạt. Trên thực tế, giá trị thặng dư biểu hiện qua bề ngoài của nó là lợi nhuận. Mác là nhà kinh tế đầu tiên giải thích thành công nguồn gốc của giá trị thặng dư, sản xuất ra giá trị thặng dư dưới dạng một hệ thống các phạm trù và các quan hệ khách quan, quy luật kinh tế khách quan, có một lô-gíc nội tại thống nhất. Nghĩa là không mâu thuẫn giữa quy luật giá trị, quy luật trao đổi ngang giá, với việc tạo ra giá trị thặng dư trong quá trình tái sản xuất tư bản xuất phát từ tính chất hai mặt của một loại hàng hóa đặc biệt, đó là sức lao động, mà giá trị sử dụng của nó có chức năng tạo ra giá trị mới. Giá trị mới này lại không thuộc về người có sức lao động mà là người sở hữu tư bản.

Từ đó đến nay, các học giả tư sản dù muốn cũng chưa ai đưa ra được một lý thuyết nào bác bỏ học thuyết giá trị thặng dư của Mác.

Ngày nay có người dựa vào nhu cầu "nôn nóng muốn đi đến kết luận và khao khát muốn biết mối liên hệ giữa những nguyên lý chung với các vấn đề trực tiếp mà họ đang quan tâm" của đông đảo quần chúng, đã nêu lên cách tiếp cận thiên về chủ nghĩa thực chứng, không nhằm giải thích nguồn gốc của giá trị thặng dư, mà mô tả một cách cơ học quá trình luân chuyển, hay nói cách khác là quá trình phân phối giá trị tăng thêm của hàng hóa trên thị trường.

Với cách tiếp cận này, những người ủng hộ nó thường quan niệm bóc lột dưới nhiều hình

thức rất khác nhau, như: cướp đoạt lẫn nhau; tham nhũng; đặc quyền đặc lợi; thậm chí có cả chuyện người lười nhác bóc lột lại người siêng năng; người nghèo bóc lột lại người giàu, người kém cỏi bóc lột lại người tài năng... Bản thân các lý thuyết này đã xây dựng nên những mô hình toán học để đo độ bất bình đẳng trong phân phối của cải xã hội. Đơn cử là hệ số GINI. Theo hệ số này, những giả định của sự phân phối công bằng vẫn là cào bằng, nghĩa là ai cũng như ai (bình đẳng tuyệt đối là đường thẳng 45° trên hệ tọa độ Đê-các). Trong khi về mặt bản chất trong hiện thực xã hội không thể có những con người như nhau về sức khỏe, hoàn cảnh, kỹ năng lao động..., cho nên những lý thuyết này ra đời, tuy có giải quyết được một phần nào đó nhu cầu của cuộc sống thực tiễn, nhưng vẫn sa vào những ước lệ và thiên về lô-gíc hình thức, và nhất là chưa thể phản ánh được đầy đủ, chứ chưa nói là giải thích đúng bản chất của các hiện tượng kinh tế - xã hội.

Ở một chừng mực nào đó, cách tiếp cận *lượng* có thể giúp chúng ta có thêm một cách giải thích được sự trì trệ của thời kỳ tồn tại cơ chế bình quân trong phân phối. Nghĩa là, khi sự phân phối quân bình làm cho chênh lệch thu nhập giữa các cá nhân trong xã hội không lớn (hệ số GINI thấp) thì đồng thời cũng làm cho người lười biếng và người có năng lực lao động kém hơn bóc lột lại những người siêng năng, chăm chỉ và có năng lực lao động cao hơn. Từ đó làm cho động lực lao động sản xuất, nâng cao năng suất và hiệu suất công việc, - một nhân tố mà theo V.I Lê-nin - bảo đảm sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong cuộc thi đua với chủ nghĩa tư bản, trong suốt gần 8 thập niên tồn tại của hệ thống đó bị triệt tiêu..., xã hội rơi vào trạng thái trì trệ về mặt năng suất lao động.

Cách tiếp cận *lượng* trong kinh tế chính trị cổ điển nói chung thường lấy y nguyên những

thuật ngữ mà nó tìm thấy ở trong đời sống thương nghiệp và công nghiệp, và nó đã dùng những thuật ngữ ấy mà hoàn toàn không thấy rằng làm như thế là tự gò bó mình vào trong cái khuôn khổ chật hẹp của những khái niệm do các danh từ ấy diễn đạt. Như Ăng-ghe-n đã nhận xét, khoa kinh tế chính trị cổ điển đã biết rõ rằng lợi nhuận và địa tô chỉ là những phần, những mẫu của cái bộ phận sản phẩm không được trả công mà người lao động phải nộp cho nhà kinh doanh (người này chỉ là kẻ đầu tiên chiếm được phần sản phẩm ấy, nhưng lại không phải là kẻ độc nhất và cuối cùng sở hữu phần sản phẩm ấy). Nhưng khoa kinh tế chính trị cổ điển cũng không bao giờ vượt quá những giới hạn của các quan điểm thông thường về lợi nhuận và địa tô, nó không bao giờ nghiên cứu toàn bộ cái phần sản phẩm không được trả công ấy (Mác gọi là sản phẩm thặng dư với tư cách là một chỉnh thể). Vì vậy, nó không bao giờ hiểu được một cách rõ ràng nguồn gốc và bản chất của bộ phận sản phẩm không được trả công ấy, cũng như những quy luật điều tiết sự phân phối sau này đối với giá trị của bộ phận sản phẩm ấy. Ngày nay, có học giả viện dẫn ra khu vực dịch vụ, kinh tế tri thức... xuất hiện làm cho giá trị thặng dư nói riêng, và giá trị của hàng hóa nói chung, không còn giải thích được bằng hao phí lao động xã hội cần thiết của học thuyết Mác... Có tác giả đưa ra quan điểm bóc lột chỉ xuất hiện khi có độc quyền, còn giới chủ hưởng lợi nhuận theo tỷ suất lợi nhuận trung bình của xã hội thì không có bóc lột v.v. và v.v. Chính họ cũng không thoát khỏi những ước lệ có tính chất đạo đức xã hội khi cho rằng, người lao động đã thỏa thuận với giới chủ để có công ăn, việc làm và thu nhập, nhưng trong học thuyết Mác đã nói: nếu mọi hiện tượng đều trùng khớp với bản chất của nó thì mọi khoa học đều thừa. Bản chất của sự vật nằm ngay trong quá trình vận động không ngừng của nó, đó là biện chứng và đó cũng là

phát triển. Cần phải nói rằng, việc nhìn ra bản chất của lao động thặng dư và bóc lột lao động là một vấn đề, nhưng việc tuân thủ các bước phát triển theo quy luật khách quan và chấp nhận ở một chừng mực nhất định của bóc lột để đẩy mạnh sự phát triển lực lượng sản xuất xã hội lại là một vấn đề khác. Những cách làm xơ cứng, giáo điều hoàn toàn xa lạ với phương pháp luận mác-xít.

Nếu trong kinh tế *lượng* người ta có thể dùng các thuật toán (chẳng hạn như phân tích tương quan) để dự báo xu hướng vận động của hiện tượng trong tương lai, thì đó cũng chỉ là cách tính toán trên cơ sở những con số thống kê của quá khứ, nghĩa là chỉ bằng sự phân tích lượng, mà không thể đưa vào mô hình phân tích những nhân tố mới sẽ xảy ra trong tương lai. Nhưng trong sự đánh giá bản chất của hiện tượng, chủ nghĩa Mác đã phát hiện ra quy luật vận động khách quan của xã hội, - quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, từ đó dự báo tính chất lịch sử nhất thời của chế độ tư bản chủ nghĩa, và sự ra đời tất yếu của chủ nghĩa xã hội. Dự báo đó là kết quả tất yếu của phương pháp luận mác-xít, - phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử.

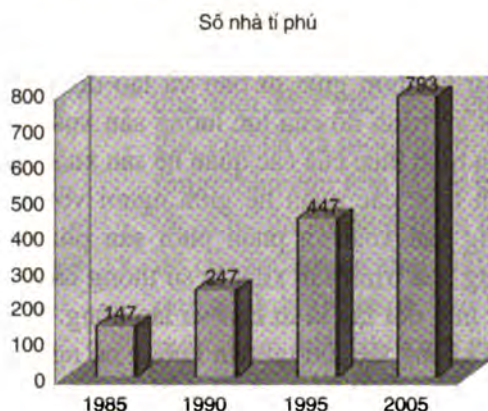
Mác đã thừa nhận là tác phẩm "*Tư bản*" đã vẽ hình dáng của nhà tư bản và địa chủ hoàn toàn không phải bằng màu hồng, nhưng ông cũng giới hạn rằng, đó chỉ là con người hiện thân của những phạm trù kinh tế, là kẻ đại biểu cho những quan hệ và những lợi ích giai cấp nhất định. Và vì thế ít quy trách nhiệm hơn cho các cá nhân về những điều kiện mà xét theo ý nghĩa xã hội thì cá nhân đó trước sau vẫn là một sản phẩm của những điều kiện đó, dù cho về mặt chủ quan cá nhân đó có muốn vươn lên khỏi những điều kiện ấy tới mức nào chăng nữa⁽³⁾.

(3) Xem: C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Sđd*, t 23, tr 21

Mặc cho rằng, quy luật tích lũy của chủ nghĩa tư bản tất yếu sẽ dẫn đến bần cùng hóa cả về tương đối và tuyệt đối và ắt sẽ dẫn đến bùng nổ cách mạng. Trong khi chủ nghĩa tư bản đã tìm thấy được các nguồn dự trữ để tự đổi mới, tồn tại và phát triển. Điều dễ hiểu là chủ nghĩa tư bản đã tìm cách chữa trị, bóc đúng toa thuốc để chữa trị bằng cách giảm bớt sự xung đột xã hội có thể dẫn đến bùng nổ cách mạng bằng nhiều thủ thuật: my dân, mua chuộc giai cấp công nhân, tăng số dân cư trung lưu giảm bớt sự phân hóa giàu nghèo - dẫn tới bần cùng hóa dân cư, tuy vẫn còn nhưng ở mức có thể chịu đựng được...

Trong chủ nghĩa tư bản hiện đại, các vấn đề xã hội có thể được giải quyết phần nào. Nhưng sẽ là sai lầm về mặt nhận thức luận nếu như không đánh giá được rằng, chính những sự thay đổi theo hướng giảm bớt các mâu thuẫn nội tại, thì bản thân chủ nghĩa tư bản hiện đại cũng đã tự biến đổi. Nhưng dù có biến đổi như thế nào, nó cũng chỉ bảo đảm cuộc sống sung túc cho một nhóm người thiểu số là các tỉ phú. Nếu năm 1985 cả thế giới có 147 tỉ phú đô-la Mỹ, thì năm 2005 con số đó đã là 793 với tổng tài sản của họ lên tới khoảng 2.600 tỉ đô-la⁽⁴⁾ (xem biểu đồ). Số liệu thống kê một lần nữa khẳng định điều mà các nhà phân tích phương Tây đã nhận định đúng từ 10 năm về trước rằng, giai đoạn toàn cầu hóa kinh tế, chuyển giao ồ ạt công nghệ tiên tiến đang là cơ hội tốt để các nhà tỉ phú này kiếm tiền nhanh hơn. Và rằng, khi người ta đã nắm trong tay nhiều tiền thì sẽ nắm công nghệ hiện đại do mua và đầu tư các phát minh sáng chế, rồi sử dụng chúng để thực hiện cái gọi là chủ nghĩa thực dân kinh tế đối với thế giới thứ ba. Thực tế cho thấy, các tập đoàn xuyên quốc gia đang tập trung vào những khâu sản xuất béo bở, như thiết kế mẫu mã và chuyển giao công nghệ với mức tỉ suất lợi nhuận siêu ngạch độc quyền.

Biểu đồ: số các nhà tỉ phú tăng lên nhanh trong 20 năm gần đây



Trên trái đất hiện có hơn 6 tỉ người. Có thể khẳng định rằng, nếu không có những lực lượng kiềm chế cái ác, thúc đẩy cái tốt thì chủ nghĩa tư bản không thể bảo đảm mức sống cao cho bộ phận dân cư cơ bản của tuyệt đại đa số các nước, không thể giảm bớt khoảng cách thu nhập và bất bình đẳng giữa các nước giàu và các nước nghèo. Thật trớ trêu là những nước giàu có nhất thế giới lại buộc cho những nước nghèo bán phá giá (nghĩa là chấp nhận thấp hơn chi phí sản xuất) để đánh thuế cao các sản phẩm nhập khẩu trong các quan hệ thương mại hiện đại dưới khẩu hiệu "tự do hóa". Cũng như việc xuất khẩu tư bản, cho vay kèm các điều kiện thuê chuyên gia, mua sắm thiết bị giá cắt cổ của các chủ nợ... Có lẽ nên nói thế này, nếu không có chủ nghĩa Mác chúng ta sẽ "yên phận hơn" trong việc chấp nhận các điều kiện đó, ngay cả các điều kiện về lao động. Những biện pháp bảo hộ chính là giữ giá cả độc quyền, trong khi quy luật tất yếu của sự tăng năng suất lao động, - một kết quả tất yếu của phát triển lực lượng sản xuất, là dẫn tới giảm chi phí sản xuất - cơ sở để giảm giá hàng hóa, cũng như quy luật tỷ suất lợi nhuận bình quân

(4) www.forbes.com/forbes/2006/0327

giảm... là những điều mà chúng ta dễ tìm thấy câu trả lời thỏa đáng trong học thuyết kinh tế của Mác.

Toàn bộ quá trình sản xuất tư bản chủ nghĩa là sự kết hợp giữa tư bản và lao động. Tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất quyết định hình thức của các quan hệ sản xuất, tức là hình thức các quan hệ giữa người với người trong sản xuất và phân phối sản phẩm. Và trong quá trình sản xuất là sự thống nhất giữa các mặt đối lập là tư bản và lao động. Nhà tư bản không thể tồn tại nếu không có người lao động và ngược lại, người lao động cũng không thể tồn tại nếu thiếu tư bản, cho dù tư bản đó là của người khác hay là của chính mình (như trong sản xuất hàng hóa giản đơn). Bởi vậy, theo chủ nghĩa Mác đấu tranh xóa bỏ bóc lột, không có nghĩa là xóa bỏ mọi hình thức kết hợp giữa tư bản và lao động hay sở hữu tư nhân, mà là đẩy nhanh các giai đoạn phát triển của lực lượng sản xuất. Mác nói: "Một xã hội, ngay cả khi đã phát hiện được quy luật tự nhiên của sự vận động của nó, - mà mục đích cuối cùng của tác phẩm này là tìm ra quy luật vận động kinh tế của xã hội hiện đại, - cũng không thể nào nhảy qua các giai đoạn phát triển tự nhiên hay dùng sắc lệnh để xóa bỏ những giai đoạn đó. Nhưng nó có thể rút ngắn và làm dịu bớt được những cơn đau đẻ"⁽⁵⁾. Chính Mác đã nhìn thấy sự xuất hiện của một hình thức mới nảy sinh từ trong lòng chủ nghĩa tư bản, đó là hình thức xí nghiệp tập thể của các cổ đông, mà ở đó người lao động sử dụng tư bản của mình để bóc lột lại chính mình.

Ngày nay, các chuyên gia đều thừa nhận rằng, mâu thuẫn lợi ích giữa tư bản và lao động vẫn tồn tại ngay cả khi xuất hiện các yếu tố thống nhất chúng. Chẳng hạn, ở Mỹ người ta đã cố gắng (và có kết quả) hướng doanh nghiệp vào giải quyết những vấn đề xã hội thông qua ngân sách, thông qua hệ thống đơn đặt hàng của nhà nước. Còn ở Tây Âu, luật lao

động rất phát triển đã được hình thành, đang được tiếp tục hoàn thiện, và nó buộc các nhà doanh nghiệp phải tính đến các lợi ích của người lao động. Chắc rằng, đã không cần làm tất cả những điều đó nếu như mâu thuẫn giữa tư bản và lao động đã lùi vào quá khứ. Quả vậy, bất cứ ở đâu khi lợi ích của giới chủ được tăng lên thì lợi ích của người lao động bị giảm đi tương ứng. Sự kiện xảy ra trong tháng 3 và 4-2006 ở Cộng hòa Pháp thêm một lần nữa nói lên điều đó. Gần một tháng xuống đường của sinh viên và người lao động nhằm chống lại Luật hợp đồng lao động lần đầu (CPE) theo đó Luật mới cho phép giới chủ có thêm nhiều quyền hơn trong việc sa thải công nhân. Chính phủ đã phải nhượng bộ theo hướng được "làm mềm" đi để bảo đảm tốt hơn quyền lợi của người lao động.

Mặc dù, trong *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*, Mác và Ăng-ghe-nơ đã nêu lên mục tiêu chung của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản châu Âu và giai cấp vô sản Mỹ là quy định về pháp lý ngày làm việc 8 giờ. Thế nhưng điều đó đã chỉ có thể đạt được lần đầu tiên trong lịch sử chủ nghĩa tư bản vào năm 1919 tại Oa-sinh-ton, nghĩa là sau khi Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, giai cấp vô sản Mỹ đã có điểm tựa để tiếp tục cuộc đấu tranh giành lợi ích chính đáng của mình và đã thắng lợi, buộc chính quyền Mỹ đưa ra luật quy định ngày làm việc 8 giờ.

Có người cho rằng, cần xem xét quỹ đạo phát triển của phương Tây theo hướng nhà nước phúc lợi trong bối cảnh có các "cơn chấn động cách mạng" của toàn bộ thế giới còn lại, nhất là các phong trào của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới. Không thể tăng tiền lương cho người lao động, nếu

(Xem tiếp trang 92)

(5) C.Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ: *Sđd*, t 23, tr 21

Thách thức nổi bật về chính trị - xã hội trong quá trình toàn cầu hóa kinh tế ở nước ta

NGUYỄN LINH KHIẾU

HAI mươi năm qua, cùng với quá trình đổi mới, mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã từng bước trực tiếp tham gia vào quá trình toàn cầu hóa kinh tế. Toàn cầu hóa là một quá trình phát triển mạnh mẽ những mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các quốc gia, các khu vực và của toàn thế giới. Khởi đầu từ kinh tế, toàn cầu hóa ngày càng tác động sâu rộng đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Toàn cầu hóa bắt nguồn từ sự phát triển mạnh mẽ và tính chất xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất; từ sự phát triển cả chiều sâu và chiều rộng của kinh tế thị trường; từ sự cấu trúc lại phân công lao động quốc tế; từ sự ra đời và ngày càng đóng vai trò đặc biệt quan trọng của các công ty xuyên quốc gia, các tổ chức tài chính và ngân hàng thế giới; từ thực tiễn khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp... Cuối cùng, toàn cầu hóa còn có nguồn gốc từ thực tiễn thế giới ngày càng nảy sinh những vấn đề chung mang tính

toàn cầu. Để giải quyết nó, đòi hỏi phải có sự hợp tác của mọi khu vực, mọi quốc gia, của tất cả mọi người. Rõ ràng, toàn cầu hóa là kết quả tất yếu của sự phát triển cao độ của lực lượng sản xuất và quá trình hình thành, tạo lập một quan hệ sản xuất mới phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất.

Toàn cầu hóa là xu thế khách quan của quá trình phát triển lịch sử thế giới. Đó là bước phát triển quá độ bao chứa những biến động và đột biến mang tính toàn cầu. Nó cho thấy, hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa hiện nay đã trở nên lỗi thời, không còn phù hợp và báo hiệu nhân loại đang ở bước chuyển của sự hình thành và ra đời một hình thái kinh tế - xã hội mới phù hợp, cao hơn hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa.

Toàn cầu hóa có những đặc trưng cơ bản như: 1- là một quá trình tất yếu khách quan của sự phát triển lịch sử; 2- diễn ra với tốc độ nhanh, mạnh mẽ và toàn diện; 3- tác động đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; 4- mang tính hai mặt cả tích cực và tiêu cực; 5- làm cho mọi quá trình, mọi quan hệ và mọi lĩnh vực của đời sống thế giới trở nên phụ thuộc vào nhau và gắn bó với nhau; 6- là cơ hội để các nước giàu càng giàu hơn và cho phép nước nghèo có thể trở nên giàu có; 7- làm cho sự phân hóa giàu và nghèo ngày càng gay gắt; 8- làm sâu sắc hơn sự bất bình đẳng giữa các giai cấp, các nhóm

người, các dân tộc, các quốc gia và các khu vực;... Mặc dù là quá trình khách quan, nhưng toàn cầu hóa đang bị các thế lực "tài phiệt" thao túng về kinh tế và các thế lực "đế quốc" sử dụng để thực hiện tham vọng thống trị thế giới của chúng.

Trong thời đại thế giới phát triển không đều và không thuần nhất hiện nay, toàn cầu hóa vừa là cơ hội cho sự phát triển của mọi quốc gia, mọi khu vực; đồng thời, cũng là nguy cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, mọi khu vực, nhất là đối với các nước đang phát triển và các khu vực nghèo của thế giới. Tuy nhiên, khi quá trình toàn cầu hóa mới ở giai đoạn đầu và đang bị các công ty xuyên quốc gia, các tổ chức ngân hàng - tài chính quốc tế chi phối, các thế lực "tài phiệt" thao túng, các "cường quốc" sử dụng như một phương tiện, nên trong cái nhìn của nhiều quốc gia trên thế giới, toàn cầu hóa mang khuôn mặt của chủ nghĩa đế quốc. Chính vì vậy, phong trào chống toàn cầu hóa đã phát triển rộng khắp với quy mô ngày càng lớn trên toàn thế giới

Phong trào chống toàn cầu hóa, lúc đầu, là chống lại quá trình toàn cầu hóa kinh tế tư bản chủ nghĩa và đế quốc chủ nghĩa, nhưng dần dần, chống lại mặt trái, mặt tiêu cực của toàn cầu hóa, chống lại việc sử dụng toàn cầu hóa để thống trị thế giới của các thế lực đế quốc. Phong trào chống toàn cầu hóa hiện nay, chỉ chống lại những hậu quả xấu do nó gây ra và việc lợi dụng nó áp đặt mô hình của quốc gia này đối với quốc gia khác; chống lại sự áp đặt những giá trị của chủ nghĩa tư bản đối với toàn thế giới, sự đói nghèo trong tầng trưởng, sự bất công trong phát triển; chống lại chủ nghĩa tự do mới, sự du nhập và phổ biến lối sống thực dụng, chủ

nghĩa cá nhân vị kỷ, sự bá quyền về kinh tế, sự thao túng về chính trị, sự can thiệp quân sự khốc liệt của các cường quốc đối với các quốc gia khác...

Khi "chiến tranh lạnh" kết thúc, Liên Xô tan rã, hệ thống xã hội chủ nghĩa ở châu Âu sụp đổ, Mỹ đã trở nên hết sức ngang ngược, tự cho mình là bá chủ, là siêu cường duy nhất thống trị thế giới. Mỹ bất chấp các nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc, các công ước quốc tế... đã sử dụng toàn cầu hóa để phô trương sức mạnh kinh tế và quân sự của mình để áp đặt mô hình chính trị - xã hội kiểu Mỹ, để truyền bá văn hóa, lối sống, lối tư duy Mỹ. Mỹ gây sức ép và sử dụng các tổ chức tài chính, ngân hàng quốc tế, các công ty xuyên quốc gia để bao vây, cấm vận những nước trái ý mình, bất chấp sự phản đối của cộng đồng quốc tế. Mỹ tự ban hành những đạo luật riêng để phán xét các quốc gia khác về nhân quyền, tự do, dân chủ, tôn giáo, dân tộc. Mỹ tự cho mình cái quyền được trực tiếp can thiệp, sử dụng vũ lực, kích động ly khai, gây bạo loạn lật đổ đối với các quốc gia trái ý mình... Lợi dụng toàn cầu hóa, Mỹ thực hiện mưu đồ chiếm đoạt các nguồn tài nguyên, năng lượng của thế giới; kiểm chế các đối thủ cạnh tranh; tiêu diệt các quốc gia trái ý đồ của mình; nhanh chóng thiết lập sự cai trị và kiểm soát quân sự đối với các khu vực quan trọng nhất của thế giới về kinh tế, địa - chính trị. Về chiến lược, Mỹ đang ráo riết thực hiện tham vọng sắp đặt một trật tự thế giới mới, tiến hành thiết lập thế giới một cực - nghĩa là toàn thế giới do Mỹ đứng đầu, tất cả các nước đều là chư hầu, hoặc đều phụ thuộc vào Mỹ.

Chính với việc thực hiện tham vọng đó của Mỹ và một số nước đồng minh của Mỹ

trong quá trình toàn cầu hóa hiện nay, nên bên cạnh những mặt tích cực đối với các nước đang phát triển, toàn cầu hóa, cũng mang đến rất nhiều rủi ro và thách thức. Nhất là những nước không phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa, những nước có chế độ xã hội khác với Mỹ. Việt Nam là một trong những quốc gia như thế. Vì vậy, cùng với những thuận lợi, cơ hội phát triển mạnh mẽ khi hội nhập vào quá trình toàn cầu hóa kinh tế, Việt Nam cũng đang đứng trước nhiều, nhiều thách thức mới. Một số thách thức về chính trị - xã hội đối với Việt Nam trong toàn cầu hóa kinh tế là:

1 - Toàn cầu hóa là những quá trình xã hội vận động thông suốt xuyên qua mọi khu vực thế giới, mọi biên giới quốc gia, vì vậy, thách thức đầu tiên về chính trị đối với Việt Nam cũng như mọi quốc gia khác là **chủ quyền quốc gia**, độc lập, tự chủ và an ninh, quốc phòng. Chủ quyền quốc gia là quyền tối cao trong phạm vi một lãnh thổ nhất định. "Quyền lực tối cao" và "phạm vi lãnh thổ" là hai dấu hiệu đặc trưng của chủ quyền quốc gia. Thiếu một trong hai yếu tố này sẽ không còn chủ quyền quốc gia. Có chủ quyền quốc gia mới có độc lập, tự chủ và từ đó, mới thực hiện được các hoạt động an ninh, quốc phòng. Dĩ nhiên, an ninh, quốc phòng chính là công cụ để bảo vệ chủ quyền quốc gia và độc lập tự chủ.

Trong các xã hội truyền thống, chủ quyền quốc gia mang tính tuyệt đối. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, chủ quyền quốc gia mất dần tính tuyệt đối. Với sự ra đời và ngày càng có vai trò quan trọng trong đời sống quốc tế của Liên hợp quốc và các tổ chức của nó, các liên minh và hợp tác khu vực, các khối quân sự, tòa án quốc tế,

In-te-pôn, các tổ chức thương mại, tài chính và tiền tệ quốc tế (IMF, WTO, WB),... và với sự bất chấp của các thế lực đế quốc hiếu chiến trực tiếp can thiệp quân sự vào các quốc gia, làm cho chủ quyền quốc gia, tính độc lập tự chủ của các quốc gia ngày càng bị xói mòn, gặp nhiều nguy cơ và trở nên tương đối. Việt Nam hiện nay, là một trong những quốc gia nằm trong nguy cơ ấy. Về kinh tế và quân sự, Việt Nam đều không có lợi thế so sánh trong khu vực và quốc tế. Trong khi đó, Việt Nam trong quá trình đổi mới gặp nhiều cản trở và sức ép của nhiều tổ chức quốc tế... Cùng với nó, những thế lực thù địch quốc tế và bọn phản động người Việt lưu vong vẫn điên cuồng thực hiện âm mưu chống phá Việt Nam. Chúng sử dụng các con bài "nhân quyền", "tự do", "dân chủ", "tôn giáo", "dân tộc"... tuyên truyền lôi kéo, kích động, chia rẽ, ly khai, hòng gây nên tình trạng bất ổn ở Tây Nguyên và một số vùng khác; đồng thời, chúng ráo riết thực hiện chiến dịch "diễn biến hòa bình", "bạo loạn lật đổ" trên phạm vi toàn quốc.

2 - Do sự khác biệt về truyền thống văn hóa, hình thái xã hội và chế độ chính trị nên khi tham gia vào quá trình toàn cầu hóa, một loạt vấn đề về **giá trị chính trị - tư tưởng** của Việt Nam cũng khác biệt với những giá trị chính trị của các nước đang chi phối toàn cầu hóa. Đó là các giá trị về *hệ tư tưởng, dân chủ, nhân quyền, tự do*...

Hiện nay, người ta luôn có cảm tưởng toàn cầu hóa thực chất là phương Tây hóa, tư bản hóa. Đó là do, những thế lực chi phối toàn cầu hóa đang bằng mọi cách phổ biến và áp đặt những giá trị của họ ở mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Đặc biệt là những giá trị tư tưởng - chính trị. Vì thế, sự

xung đột hệ giá trị nói chung và những giá trị chính trị cơ bản nói riêng giữa Việt Nam và các thế lực đế quốc trong toàn cầu hóa là không tránh khỏi. Dĩ nhiên, sau khi hệ thống chủ nghĩa xã hội thế giới sụp đổ ở châu Âu, phong trào xã hội chủ nghĩa rơi vào thoái trào thì vấn đề đối đầu hệ tư tưởng với tư cách là của hai hệ thống thế giới không còn.

Những thế lực chi phối toàn cầu hóa đang vẽ ra một viễn cảnh "thiên đường" rằng, thế giới đại đồng, thế giới nhất thể và thống nhất toàn diện. Theo họ, hệ tư tưởng vô sản đã bị phá sản hoàn toàn và trên thế giới chỉ còn lại một hệ tư tưởng duy nhất - đó là hệ tư tưởng tư sản. Hệ tư tưởng tư sản với cốt lõi là chủ nghĩa tự do mới, tôn sùng các giá trị cá nhân, tư nhân hóa triệt để, thị trường tự do không điều tiết, đa đảng, đa nguyên chính trị, nhân quyền cao hơn chủ quyền, dân chủ tư sản và tự do tuyệt đối... Hệ tư tưởng tư sản với những đặc trưng như thế, đang được siêu cường Mỹ truyền bá và phô trương trong toàn cầu hóa. Nó hoàn toàn trái ngược và xa lạ với hệ tư tưởng vô sản của chúng ta được xây dựng trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Trên cơ sở hệ tư tưởng - chính trị, các vấn đề dân chủ, nhân quyền, tự do, tôn giáo và dân tộc... cũng đưa đến những quan niệm khác nhau và do đó, cũng có cách hành xử khác nhau trong thực tiễn. Việt Nam không thể chấp nhận một nền dân chủ của số ít, bất bình đẳng; tư tưởng nhân quyền cao hơn chủ quyền; lối sống cá nhân tự do tuyệt đối, cá lớn nuốt cá bé; và không thể chấp nhận những thế lực lợi dụng tự do tôn giáo, để chống phá, gây bất ổn xã hội, kích động bạo loạn, ly khai, khủng bố...

Lợi dụng sự khác nhau về hệ tư tưởng dẫn đến sự khác nhau về cách đánh giá và nhìn nhận những giá trị chính trị, thời gian qua, những thế lực phản động quốc tế đã dựng lên các "chiêu bài" dân chủ, nhân quyền, tự do ngôn luận, tôn giáo và dân tộc để bằng nhiều con đường khác nhau can thiệp gián tiếp hoặc trực tiếp vào công việc nội bộ của Việt Nam. Nhưng, chúng đã, đang và sẽ bị thất bại. Bởi lẽ, mỗi dân tộc, mỗi thể chế chính trị, mỗi xã hội đang phát triển mạnh mẽ, bao giờ cũng có những nội lực, những động lực, những bản sắc và những giá trị sinh tồn thực sự riêng của nó. Ngày nay, không một thế lực nào có thể dùng sức mạnh của mình để buộc một dân tộc khác, xã hội khác, cộng đồng khác phải tuân theo những giá trị mà mình áp đặt. Tuy nhiên, sự xung đột các giá trị chính trị giữa Việt Nam và các cường quốc chi phối toàn cầu hóa là một thách thức gay gắt đòi hỏi chúng ta phải có một nội lực phi thường và một bản lĩnh "đi bất biến ứng vạn biến" mới vượt qua được.

3 - Việt Nam đang phải đối diện với những **vấn đề xã hội** gay gắt nảy sinh đồng thời với kinh tế thị trường và toàn cầu hóa. Đó là, sự phân hóa giàu nghèo và bất bình đẳng xã hội gia tăng; tình trạng di dân tự do không kiểm soát được; tệ nạn tham nhũng trở thành "quốc nạn"; đạo đức xã hội có nguy cơ xuống cấp nghiêm trọng; tệ nạn mại dâm, ma túy, buôn lậu, tội phạm chưa bị đẩy lùi;... Hơn thế, trong điều kiện toàn cầu hóa, những tệ nạn xã hội trên đây không chỉ hạn chế trong khuôn khổ của Việt Nam mà ngày càng mang tính khu vực và quốc tế. Nếu chúng ta không sớm nhận diện những hiểm họa đe dọa này và có những giải pháp kịp thời, phù hợp, sẽ rất dễ dẫn đến tình trạng không ổn định về mặt chính trị - tư tưởng.

4 - Hệ thống chính trị của Việt Nam được thiết lập phù hợp với nguyên tắc tập trung dân chủ và vận hành theo cơ chế: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ. Những kẻ phản đối mô hình này cho rằng sự vận hành của nó một cách tự nhiên dẫn đến chế độ quan liêu, bao biện, tham nhũng, chuyên quyền và mất dân chủ. Trái với nhận định này, thời gian qua, cùng với đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, nâng cao năng lực của cả hệ thống chính trị, đề cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc cùng các tổ chức thành viên và thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở đã làm sụp đổ mọi tham vọng lợi dụng toàn cầu hóa tấn công, bôi nhọ và tìm cách phá hoại hệ thống chính trị ở Việt Nam.

Thực tế cho thấy, toàn cầu hóa đã và đang có những tác động mạnh mẽ đối với Nhà nước và toàn bộ nền hành chính của Việt Nam. Đó là sự chia sẻ quyền lực của Quốc hội và Chính phủ trong các vấn đề kinh tế, đối ngoại và trật tự, an ninh. Cụ thể, sự tham gia ngày càng nhiều của các công ty xuyên quốc gia, các tổ chức ngân hàng và tài chính quốc tế, các tổ chức chống tội phạm và khủng bố... vào đời sống kinh tế - xã hội Việt Nam; đồng thời, là sự thực hiện các hiệp định, các cam kết quốc tế của Việt Nam trong quan hệ quốc tế. Thực tế này cũng đặt ra nhiều thách thức đối với vị trí, vai trò và chức năng của Nhà nước Việt Nam. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cải cách và đổi mới phương thức hoạt động của Chính phủ, cải cách một cách triệt để nền hành chính quốc gia mà Việt Nam đã và đang thực hiện chính là những chủ trương và giải pháp kịp thời nhằm không ngừng nâng cao vị trí, vai trò và hiệu quả xã hội của các bộ máy này.

Toàn cầu hóa mở rộng giao lưu và tạo ra một môi trường tự do và dân chủ mang tính quốc tế. Trong điều kiện đó, một mặt, những tổ chức chính trị - xã hội của quần chúng ngày càng có vị trí và vai trò quan trọng trong việc tham gia giải quyết những vấn đề của các quốc gia, các khu vực và quốc tế; nhưng mặt khác, chính các tổ chức này, cũng rất dễ bị các thế lực phản động lôi kéo, lợi dụng, chi phối và kích động gây mâu thuẫn trong hệ thống chính trị dẫn đến mất ổn định xã hội. Toàn cầu hóa đặt ra yêu cầu cần đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng Cộng sản, sự quản lý của Nhà nước đối với các tổ chức chính trị - xã hội của quần chúng theo hướng thúc đẩy sự lớn mạnh của các tổ chức này và nâng cao vị trí, vai trò của chúng trong hệ thống chính trị và đồng thuận cùng cả hệ thống chính trị trực tiếp tham gia thực hiện chiến lược phát triển quốc gia.

5 - Về vấn đề Đảng Cộng sản cầm quyền. Đảng chính trị cầm quyền lãnh đạo đất nước là một tất yếu khách quan ở mọi quốc gia. Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thành công sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam mấy chục năm qua là sự lựa chọn của lịch sử, của dân tộc và là vấn đề riêng của nhân dân Việt Nam. Thế nhưng, thời gian qua, các thế lực phản động người Việt và nước ngoài đã dùng nhiều thủ đoạn không ngừng tấn công vào vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Vấn đề làm mất vai trò cầm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam là trọng tâm trong những âm mưu đen tối của chúng. Tuy nhiên, cho đến nay, mọi âm mưu và thủ đoạn của các thế lực phản động nhằm vào Đảng Cộng sản Việt Nam đã thất bại.

Mặc dù vậy, trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, vấn đề vai trò và vị trí của Đảng

Cộng sản cầm quyền vẫn là một vấn đề cần hết sức quan tâm. Quan trọng là Đảng Cộng sản cầm quyền cần phải sáng suốt, đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của mình đối với nhà nước và xã hội, phát huy dân chủ hơn nữa, tăng cường lắng nghe và tiếp thu sự phản biện của các tổ chức chính trị - xã hội của quần chúng. Điều cơ bản là, muốn giữ vững vai trò người lãnh đạo duy nhất ở Việt Nam trong điều kiện toàn cầu hóa hiện nay thì Đảng Cộng sản Việt Nam phải thực sự trong sạch, vững mạnh và các đảng viên của Đảng phải trở thành những tấm gương sáng, những con người mẫu mực thực sự: cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư.

Như vậy, toàn cầu hóa kinh tế đã mang đến cho Việt Nam nhiều thời cơ nhưng cũng nhiều thách thức trong phát triển. Cho đến nay, mặc dù chúng ta đã từng bước nắm bắt thời cơ và đã bước đầu vượt qua thách thức, nhưng, nhiều thách thức vẫn còn đó và những thách thức mới cũng đang nảy sinh. Vì vậy, để tiếp tục vượt qua thách thức trong quá trình phát triển tiếp theo, chúng ta cần: tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, nắm bắt thời cơ; kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội; gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội; kết hợp sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc với sức mạnh của thời đại; không ngừng đổi mới và nâng cao sức mạnh của cả hệ thống chính trị, nâng cao vị trí và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản; thực hiện công bằng xã hội, đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, tệ nạn xã hội; kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn của các thế lực phản động lợi dụng toàn cầu hóa để chống phá cách mạng Việt Nam. □

VẤN ĐỀ BÓC LỘT...

(Tiếp theo trang 86)

như không giảm tỷ lệ lợi nhuận trong GDP và tỷ lệ tích lũy của cả nền kinh tế... Đó là một bằng chứng nữa về sự xung đột lợi ích giữa lao động và tư bản. Các nhà khoa học của Nga cũng đã phải lên tiếng rằng: "Không nên tuyệt đối hóa cách tiếp cận giai cấp, nhưng xem nhẹ nó thì thật là đáng chê trách"⁽⁶⁾. Một số nhà phân tích cũng đã nhầm lẫn khi đánh đồng phân tích nộp vào ngân sách nhà nước giữa các nhà nước khác nhau, mà không thấy được rằng do bản chất giai cấp của nhà nước mà phân tích (như Mác gọi là khẩu trừ trong tác phẩm *Phê phán Cương lĩnh Gô-ta*) ấy sẽ quay lại người lao động hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp. Thực tế cho thấy, xu thế tăng lên dần của các quỹ phúc lợi công cộng thể hiện ít nhiều sự tiến bộ của xã hội.

Tóm lại, sự tồn tại của các quan hệ bóc lột trong nền kinh tế là một tất yếu lịch sử tùy thuộc vào tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất. Bởi vậy, việc vận dụng nó cũng giống như vận dụng các quy luật kinh tế khách quan. Vận dụng đúng nó sẽ là động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững. Nếu vận dụng sai thì hoặc là nhà tư bản không có động lực đầu tư sản xuất, hoặc là người lao động không có động lực để tham gia quá trình sản xuất ra sản phẩm hàng hóa, thì xã hội sẽ bị đình đốn. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa tư bản và lao động trong việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chính là bảo đảm sự hài hòa về lợi ích giữa các bên (nhà doanh nghiệp, người lao động và xã hội) và thúc đẩy nhanh quá trình phát triển của lực lượng sản xuất. □

(6) Xem: *Thông tin Những vấn đề lý luận* (phục vụ lãnh đạo) từ số 5/tháng 3 - 2006 đến số 7/tháng 4-2006

Cơ sở lý luận và thực tiễn phân định các thành phần kinh tế

VŨ ANH TUẤN *

KINH tế nhiều thành phần luôn là nội dung lý luận quan trọng trong chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước ta, nhằm phát huy các nguồn lực xã hội để phát triển đất nước. Tuy nhiên, ở thời kỳ bao cấp chính sách này chỉ dừng lại ở lý thuyết, hình thức; nền kinh tế lúc này chủ yếu là kinh tế công với hai hình thức: kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể. Kinh tế quốc doanh được ưu tiên phát triển, lan rộng nhanh chóng bao trùm toàn bộ nền kinh tế quốc dân, ngược lại các hình thức khác bị xem nhẹ, thậm chí bị cấm đoán như kinh tế tư nhân. Kết cục đó tất yếu dẫn đến hậu quả: xã hội trì trệ, mất động lực phát triển, các nguồn lực bị lãng phí...

Về lý thuyết, ở thời kỳ này vẫn tồn tại nhiều thành phần kinh tế, nhưng trên thực tế không có sự bình đẳng giữa các thành phần, cạnh tranh giữa các thành phần không được thừa nhận, thị trường hình thành bị chi phối bởi cơ chế hai giá, công cụ kế hoạch chủ quan bao trùm toàn bộ hoạt động kinh tế - xã hội. Điều đó vi phạm yêu cầu các quy luật khách quan, nhất là quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

Trải qua gần hai mươi năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, nền kinh tế nước ta đã

và đang vận hành theo cơ chế mới - cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong suốt chặng đường đó, chúng ta đã nhận thức đúng đắn và thực hiện một cơ cấu kinh tế khách quan - cơ cấu kinh tế nhiều thành phần. Trong văn kiện Đại hội IX, Đảng ta tiếp tục khẳng định chính sách kinh tế nhiều thành phần là chiến lược

lâu dài, nhất quán trong phát triển kinh tế - xã hội. Quan điểm này thể hiện sự nhận thức và vận dụng đúng đắn lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Từ sau Đại hội VII của Đảng, nền kinh tế nhiều thành phần thật sự khởi động, kinh tế tư nhân được khuyến khích phát triển đạt được những thành tựu không thể phủ nhận. Tuy nhiên vấn đề này vẫn còn nhiều ý kiến. Để khẳng định nền kinh tế nhiều thành phần là khách quan, lâu dài, cần thiết xác định rõ cơ sở khoa học và thực tiễn phân định các thành phần kinh tế nhằm củng cố vững chắc cơ sở lý luận của một chính sách kinh tế quan trọng của Đảng ta.

Việc xác định các thành phần kinh tế cần dựa trên các căn cứ và cơ sở sau đây:

1 - Sự tuân thủ yêu cầu của các quy luật kinh tế khách quan

Xuất phát từ quy luật chung phổ biến - mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, mỗi thành phần kinh tế bao giờ cũng phải thích ứng với một trình độ nhất định của lực lượng sản xuất, theo đó lực lượng sản xuất là nội dung có vai trò quyết định với

* PGS, TS, Trường đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh

hình thức của quan hệ sản xuất và với thành phần kinh tế.

Thực trạng nước ta hiện nay cho thấy sự đa dạng hóa về trình độ của lực lượng sản xuất trên tất cả các lĩnh vực nên về hình thức quan hệ sản xuất và cơ cấu thành phần kinh tế tất yếu phải được đa dạng hóa. Bởi thế nên khi xác định cơ cấu thành phần kinh tế cần thiết phải xem xét đến trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, và cố nhiên việc xem xét ấy phải được tiến hành trong trạng thái động. Trong mỗi quan hệ này, cần lưu ý rằng mỗi thành phần kinh tế vừa tồn tại độc lập tương đối vừa có sự tương tác qua lại, thể hiện sự vừa hợp tác vừa cạnh tranh, vừa thống nhất vừa mâu thuẫn trong một chỉnh thể kinh tế - xã hội thống nhất.

Không nên hiểu các thành phần kinh tế như những bộ phận tách rời, những lực lượng độc lập tự trị và theo đó cơ cấu nhiều thành phần là sự hợp nhất cơ học của các thành phần kinh tế trong xã hội. Cũng cần nói thêm rằng trong nền kinh tế toàn cầu hóa ngày nay cả lực lượng sản xuất và các hình thức quan hệ kinh tế - xã hội đều biến động gia tốc, nên việc xem xét chỉ đúng và hiện thực gắn với tư duy sáng tạo - tư duy "cái cũ không ra đi, cái mới không thể xuất hiện", để từ đó xóa bỏ triệt để tư duy cũ về sự đối kháng với kinh tế phi công hữu, ưu tiên nâng đỡ quá mức cần thiết cho kinh tế công hữu, tạo môi trường bình đẳng thật sự - sân chơi lành mạnh cho các thành phần kinh tế.

2 - Cả lý luận và thực tiễn đều cho thấy yếu tố quan trọng để phân định thành phần kinh tế là quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất

Về mặt lý luận, sở hữu tư liệu sản xuất luôn là nhân tố cơ bản, nội dung cốt lõi của quan hệ sản xuất và của mọi thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội. Sở hữu cũng đồng thời là phạm trù cơ bản, xuất phát để xem xét các vấn đề kinh tế - xã hội. Một mặt, sở hữu phản ánh bản chất kinh tế trong quan hệ xã hội giữa người và người và do đó giữa các thành phần kinh tế với

nhau. Mặt khác, sở hữu gắn liền và liên quan đến lợi ích kinh tế, đến động lực phát triển kinh tế - xã hội. Xuất phát từ căn cứ này, sở hữu tư liệu sản xuất luôn giữ vai trò cơ sở kinh tế để xác định sự khác biệt giữa các thành phần kinh tế. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng quan hệ sở hữu và thành phần kinh tế là những khái niệm không đồng nhất. Thật vậy, mỗi hình thức sở hữu có thể tham gia vào nhiều thành phần kinh tế khác nhau, nhiều hình thức tổ chức kinh tế khác nhau, đồng thời mỗi hình thức tổ chức kinh tế thuộc mỗi thành phần kinh tế lại có thể dung hợp nhiều hình thức sở hữu khác nhau. Có thể dễ dàng nhận thấy qua xem xét sau đây: Sở hữu nhà nước có thể có mặt trong nhiều hình thức tổ chức kinh tế khác nhau như trong các doanh nghiệp nhà nước, các liên doanh kinh tế, trong công ty cổ phần..., ngược lại công ty cổ phần lại biểu hiện như một tổ chức kinh tế dung hợp nhiều hình thức sở hữu thuộc nhiều chủ thể khác nhau cấu thành.

Việc lấy quan hệ sở hữu làm cơ sở chính để phân định thành phần kinh tế một mặt phù hợp với việc xem xét bản chất quan hệ sản xuất và kết cấu giai cấp, mặt khác phản ánh đúng thực tiễn diễn biến kinh tế - xã hội qua các giai đoạn lịch sử. Tuy nhiên, cũng có những ý kiến khác nhau về căn cứ này, trên thực tế đều nhằm định vị đúng hơn và khẳng định bản chất kinh tế của mỗi thành phần:

Thứ nhất, tư tưởng hiện hành cho rằng sở hữu là cơ sở và căn cứ chỉ rõ phạm vi từng thành phần kinh tế, theo đó mỗi hình thức sở hữu là tiền đề cho sự ra đời, tồn tại và phát triển của mỗi thành phần kinh tế. Xuất phát từ chức năng kinh tế của nhà nước, từ vai trò quản lý nền kinh tế trên cả vĩ mô và vi mô và từ quan điểm về sự chủ đạo của kinh tế nhà nước, mà thành phần kinh tế nhà nước bao gồm các doanh nghiệp 100% vốn do nhà nước bỏ vốn đầu tư, những công ty cổ phần mà nhà nước tham gia góp vốn với tỷ lệ chi phối, những doanh nghiệp mà nhà nước nắm giữ cổ phiếu đặc biệt.

Thứ hai, thành phần kinh tế nhà nước chỉ bao gồm những doanh nghiệp do nhà nước đầu tư hoạt động gắn với kinh tế tài nguyên môi trường, kết cấu hạ tầng, an ninh - quốc phòng, phúc lợi xã hội do ngân sách nhà nước trực tiếp đầu tư và quản lý.

Thứ ba, thành phần kinh tế nhà nước nhất thiết và chỉ gồm những cơ sở kinh tế 100% vốn của nhà nước đầu tư, số còn lại dù bất kỳ nhà nước góp vốn với tỷ lệ bao nhiêu cũng được coi là kinh tế cổ phần nếu như tổ chức kinh tế đó gồm nhiều chủ thể ở nhiều hình thức sở hữu khác nhau cùng tham gia đầu tư. Còn nếu như chỉ có hai đối tác là nhà nước và tư nhân thì bất kể đó là tư nhân trong nước hay tư nhân nước ngoài đều được coi là thành phần kinh tế tư bản nhà nước.

Cũng cần lưu ý, trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay, việc đa dạng hóa các nguồn lực là cần thiết khách quan. Theo đó, một loại hình vốn đặc biệt như đất đai, tài nguyên khoáng sản thuộc sở hữu nhà nước nhưng lại đang trực tiếp cấu thành nguồn vốn nói chung ở mọi thành phần kinh tế, mọi loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh. Bởi vậy, cần thiết phải xem xét và xử lý tốt nhất mối quan hệ giữa quyền sở hữu (sở hữu pháp lý) với quyền quản lý và sử dụng (sở hữu thực hiện về mặt kinh tế) nhất là đối với vốn đất đai và nguồn lực lao động. Ngoài ra, cần nhanh chóng xem xét và thể chế hóa các nguồn vốn khác như: vốn tri thức, chất xám, uy tín, bản quyền hay sở hữu trí tuệ nói chung.

3 – Sự tương thích giữa các nguyên tắc quản lý, hình thức phân phối thu nhập với các thành phần kinh tế. Khi nghiên cứu các quan hệ giai cấp xã hội và các quan hệ kinh tế - xã hội chúng ta nhận thấy quan hệ sở hữu tư liệu sản xuất là quan hệ trung tâm, phản ánh bản chất gắn liền với lợi ích thiết thân của chủ sở hữu. Ở đây, sở hữu vừa được coi là mục tiêu vừa được coi là phương tiện và là căn cứ xuất

phát để xem xét các vấn đề kinh tế, chính trị, quyền lực và động lực trong mọi hoạt động kinh tế - xã hội. Mặc nhiên các quan hệ sở hữu giữ vai trò quyết định đến tính chất và nội dung các quan hệ xã hội khác, nhưng nó cũng chịu sự tác động trở lại của các quan hệ phân phối lợi ích. Mỗi thành phần kinh tế chịu sự chi phối của những quy luật khách quan của nó, theo đó những nguyên tắc quản lý và phân phối tương ứng sẽ hình thành.

Trước thời kỳ đổi mới, nền kinh tế chịu sự chi phối của cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp, đi theo là hệ thống quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa nên việc quản lý và phân phối lợi ích phải tuân theo kiểu chủ nghĩa xã hội. Ngày nay, nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường mở - kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều thành phần khác nhau cùng tham gia. Do đó, quan hệ quản lý và phân phối tất yếu phải được đa dạng hóa, điều đó làm nảy sinh động lực kinh tế mới. Bởi vậy, việc xử lý tốt quan hệ giữa quyền sở hữu với quyền sử dụng tư liệu sản xuất là cách tốt nhất để khẳng định vai trò của chủ sở hữu, để khai thông và phát huy các nguồn lực xã hội, tạo động lực mới thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội.

Hơn một thế kỷ rưỡi trôi qua, nhân loại đã chứng kiến hiện thực phát hiện thiên tài của C. Mác, khi nghiên cứu chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh với hai chủ đề: vốn cho vay và vốn ruộng đất. Ông đã chỉ ra đặc điểm quan trọng trong mối quan hệ này đó là sự tách rời giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng. Ngày nay, với quan niệm mới về quản lý (quản lý được coi là một nghề như bao nghề nghiệp khác) thì cần thiết phải tính đến một đặc điểm mới đó là sự tách rời giữa quyền sở hữu với quyền quản lý và hưởng lợi từ việc sử dụng tư liệu sản xuất mà thực chất quyền này gắn với các hoạt động quản lý và phân phối lợi ích. Tuy nhiên, các quyền này không thể độc lập với nhau mà trái

lại luôn có quan hệ và không thể tách rời nhau, hơn nữa chính việc nâng cao hiệu quả của quá trình sử dụng và quản lý tư liệu sản xuất là biểu hiện cụ thể của quan hệ sở hữu được thực hiện về mặt kinh tế, nên việc xem xét cơ cấu thành phần kinh tế nhất thiết phải tính tới quan hệ quyền sở hữu pháp lý và sở hữu kết quả.

4 – Tư duy bao cấp của thời kỳ trước đổi mới đã loại trừ và không thừa nhận nhiều yếu tố quan trọng của sản xuất, nhiều loại nguồn lực chưa được coi là vốn hay hàng hóa đã dẫn đến hậu quả tệ hại. Sự lãng phí nguồn lực quan trọng bất tận một cách nghiêm trọng (nguồn lực tri thức), trong khi chúng ta lại cố vắt kiệt các nguồn lực vốn bị hạn chế khác một cách không có hiệu quả (ngân sách ít ỏi, tài nguyên hạn chế).

Ngày nay, quá trình phân tích kinh tế đòi hỏi phải coi trọng các nguồn lực mới nên khi phân tích cơ sở khoa học, cơ sở kinh tế của việc phân định các thành phần kinh tế cần thiết xem xét đến tính chất của lao động trong các thành phần kinh tế khác nhau. Vấn đề này từng được cho rằng người lao động là người làm chủ trong các hoạt động kinh tế - xã hội nhất là đối với kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể. Cần thiết phải bổ sung cách lý giải khác khi cho rằng người lao động - người làm thuê hay người lao động đồng thời vừa là người làm chủ vừa là người làm thuê.

Cũng cần nhận thức rõ rằng, mặc dù lao động trong mỗi thành phần kinh tế khác nhau, mỗi hình thức tổ chức kinh tế - xã hội khác nhau, trong mỗi khu vực hay ngành nghề khác nhau luôn có tính độc lập tương đối và chịu tác động khác nhau của những quy luật riêng có thích ứng với từng thành phần ấy. Tuy nhiên, hết thảy chúng lại cùng chịu sự chi phối của một hệ thống phân công lao động thống nhất được qui định bởi tính chất chung của nền kinh tế - xã hội. Trong điều kiện ngày nay, lao động dù ở bất kỳ thành phần kinh tế nào với hình thức tổ chức gì đi nữa thì cũng là lao động mà

trước hết cần được trả công thích đáng theo cơ chế thị trường, đồng thời đó cũng là sự đóng góp cho tập thể và cho xã hội.

Tóm lại, cần tiếp tục khẳng định chính sách kinh tế nhiều thành phần của Đảng ta là chủ trương lớn, đúng đắn, hợp lòng dân, có tác dụng khơi dậy và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế và thực hiện công bằng xã hội. Đây là chính sách nhất quán, lâu dài trong suốt thời kỳ quá độ ở nước ta.

Hơn nữa việc phát triển kinh tế thị trường ở nước ta không phải là hiện tượng tự phát và sao chép một cách cứng nhắc mà là phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là mô hình kinh tế chưa từng có trong tiền lệ, mà là một sự khám phá mới, một quá trình đòi hỏi vừa từng bước tiến hành vừa từng bước đổi mới không ngừng và hoàn thiện.

Tuy nhiên, việc mở cửa nền kinh tế, khuyến khích các thành phần khác nhau tham gia phát triển kinh tế không phải không có những hạn chế, tiêu cực. Việc thực hiện đồng thời nhiều thành phần kinh tế trong cơ cấu kinh tế - xã hội đòi hỏi một mặt phải tạo ra khuôn khổ chung, luật chơi chung nhằm bình đẳng, không phân biệt các thành phần khác nhau, tạo sự lạc quan cho giới doanh nhân, đồng thời cũng cần thiết có những đối sách hợp lý nhằm quản lý có hiệu quả mọi thành phần kinh tế trong nền kinh tế quốc dân. Bởi, đặc tính cơ bản của kinh tế thị trường là sự đấu tranh chuyển hóa lợi ích giữa công và tư diễn ra rất gay gắt dưới nhiều hình thức cả ngầm ngấm và công khai.

Trong bối cảnh đó, việc tăng cường nghiên cứu, tìm tòi những căn cứ khoa học làm cơ sở cho việc phân định và thực hiện các thành phần kinh tế là cần thiết. Từ đó, tiến tới hoàn thiện lý luận kinh tế nhiều thành phần là việc làm rất có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn ở nước ta hiện nay. □



BẢO VỆ LỢI ÍCH CHÍNH ĐẢNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC CỔ PHẦN HÓA

NGUYỄN THỊ HẰNG *

SAU hơn 13 năm thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, nhất là từ sau Nghị quyết Trung ương 3 và Nghị quyết Trung ương 9, khóa IX, chúng ta đã đạt được những kết quả đáng khích lệ: thu hút được nguồn vốn từ xã hội để phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, xuất khẩu, tạo thêm việc làm mới, tăng thu nhập cho người lao động; người lao động có cổ phần trong doanh nghiệp nên đã gắn bó và có trách nhiệm hơn đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Trong tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, hai vấn đề được quan tâm nhiều nhất là chính sách đối với người lao động và định giá doanh nghiệp. Trong đó, chính sách đối với người lao động là rất quan trọng, và là vấn đề rất nhạy cảm có ảnh hưởng không nhỏ đến tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Để chính sách này đi vào cuộc sống, thì lợi ích chính đáng của người lao động trong các doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa phải được giải quyết thỏa đáng cả việc làm, ổn định đời sống. Hay nói một cách khác, quyền làm chủ của người lao động tại doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa phải được bảo đảm.

Bảo đảm việc làm, tăng thu nhập và ưu đãi để người lao động có cổ phần trong doanh nghiệp là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước Việt Nam, được thể chế bằng các văn bản pháp luật "Nhà nước có chính sách để người lao

động mua cổ phần, góp vốn phát triển doanh nghiệp" (Điều 11, Bộ luật Lao động). Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3, khóa IX, về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước cũng đã khẳng định: "Mục tiêu cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là nhằm tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, trong đó có đông đảo người lao động, để sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của Nhà nước và huy động thêm vốn của xã hội vào phát triển sản xuất, kinh doanh...".

Thực hiện chủ trương này, Chính phủ đã có nhiều chính sách để người lao động mua cổ phần góp vốn xây dựng doanh nghiệp, gắn một phần trách nhiệm của người lao động, với tư cách là người chủ phần vốn góp của mình tại doanh nghiệp:

Thứ nhất, người lao động được chia số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi (bằng tiền) không phải nộp thuế thu nhập để mua cổ phần (Điều 13, Nghị định 44/1998/NĐ-CP; Điều 14, Nghị định 64/2002/NĐ-CP; Điều 15, Nghị định 187/2004/NĐ-CP).

Thứ hai, người lao động có quyền chuyển số tiền vốn mà công ty vay thành cổ phần nếu có nguyện vọng (Điều 8, Nghị định số 44/1998/NĐ-CP). Trong thực tế nhiều người

* Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

lao động đã cho doanh nghiệp vay vốn để hoạt động, khi có nguyện vọng, họ muốn chuyển thành cổ phần. Quy định này đã đáp ứng được nguyện vọng và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động.

Thứ ba, người lao động mua cổ phần ưu đãi tại doanh nghiệp cổ phần hóa, được sở hữu cổ phần này và được hưởng các quyền lợi theo nó (Điều 14, Nghị định 44/1998/NĐ-CP; Điều 27, Nghị định 64/2002/NĐ-CP; Điều 37, Nghị định 187/2004/NĐ-CP).

Nếu như Nghị định số 28/CP ngày 7-5-1996 của Chính phủ, thực hiện chính sách cấp không một số cổ phiếu để hưởng cổ tức, nhưng không được chuyển nhượng và chính sách cho vay trả chậm với lãi suất trong thời gian 5 năm, tổng mức mua chịu không vượt quá 15% - 20% giá trị doanh nghiệp, thì đến Nghị định 44/1998/NĐ-CP đã thay thế bằng chính sách giảm giá 30% đối với số cổ phần được mua theo giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp. Số lượng cổ phần ưu đãi mà người lao động được mua, được tính theo thâm niên công tác của họ. Cứ mỗi năm làm việc cho nhà nước, người lao động được mua tối đa 10 cổ phần, trị giá mỗi cổ phần là 100.000 đồng mà chỉ phải trả 70.000 đồng. Người lao động có quyền sở hữu cổ phần của mình và có thể chuyển nhượng, thừa kế. Chính sách này đã khắc phục được những khó khăn, hạn chế khi thực hiện Nghị định số 28/CP.

Tuy nhiên, trong thực tế triển khai thực hiện, đa số người lao động không được mua đủ 10 cổ phần ưu đãi cho một năm công tác, vì có quy định tổng giá trị ưu đãi cho người lao động không được vượt quá 20% giá trị phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Quy định này đã dẫn đến tình trạng bất hợp lý là những doanh nghiệp có vốn lớn, lao động ít thì người lao động được mua đủ 10 cổ phần ưu đãi cho số năm công tác. Ngược lại, những doanh nghiệp có vốn nhỏ, lao động nhiều (loại hình doanh nghiệp phổ biến ở địa phương) thì giá trị cổ phần ưu đãi theo quy định chỉ đủ bán cho người lao động cứ mỗi năm công tác được 6 - 8 cổ phần, thậm chí có những doanh nghiệp còn thấp hơn.

Để khắc phục tình trạng trên, Nghị định 64/2002/NĐ-CP đã xóa bỏ việc khống chế này và quy định doanh nghiệp có thể bán cổ phần ưu đãi cho người lao động đến khi hết phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp. Đặc biệt, đối với người lao động nghèo còn được mua cổ phần theo giá ưu đãi nhưng được hoàn trả trong 3 năm đầu để hưởng cổ tức và trả dần trong 7 năm tiếp theo không phải chịu lãi suất.

Nghị định 187/2004/NĐ-CP, ngày 16-11-2004, của Chính phủ, đã kết hợp hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động, bảo đảm quyền lợi chính đáng của người lao động bằng việc tăng số cổ phần ưu đãi tối đa, người lao động có thể mua lên 100 cổ phần (mỗi cổ phần có giá trị 10.000 đồng), với giá giảm 40% so với giá đấu bình quân bán cho các nhà đầu tư khác (nhà đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài, đầu tư chiến lược). Điều này tạo điều kiện cho cổ đông là người lao động tiếp cận dần đến giá trị thực của cổ phiếu trên thị trường.

Thứ tư, Nghị định 41/2002/NĐ-CP của Chính phủ, ban hành ngày 11-4-2002 đã đáp ứng được mong mỏi của doanh nghiệp và chính bản thân người lao động trong các doanh nghiệp. Nếu như trước đây, người lao động mất việc, thôi việc, được hưởng trợ cấp theo Điều 17, Điều 42 của Bộ luật Lao động (tương ứng với 1 tháng tiền lương và 1/2 tháng tiền lương cho mỗi năm làm việc tại doanh nghiệp), thì nay đã được hưởng các chính sách hỗ trợ khác, bao gồm:

- Chính sách về hưu trước tuổi (khoản 1, Điều 3, Nghị định 41/2002/NĐ-CP), áp dụng đối với người lao động dôi dư, thực hiện hợp đồng lao động không xác định thời hạn, đủ tuổi công tác, cống hiến cho doanh nghiệp và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, thì người lao động đó không bị trừ phần trăm tiền lương hưu, mà còn được hưởng thêm 2 khoản khuyến khích là 3 tháng tiền lương hiện hưởng cho 1 năm về hưu trước tuổi; 5 tháng tiền lương cho 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội, từ năm thứ 21 trở đi được thêm 1/2 tháng tiền lương cho 1 năm công tác.

- Chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội và giải quyết nghỉ hưu cho những người lao động dôi dư (thực hiện hợp đồng lao động không xác định thời hạn), đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định, nhưng còn thiếu tối đa 1 năm đóng bảo hiểm xã hội (khoản 2, Điều 3 Nghị định 41/2002/NĐ-CP). Người lao động được Nhà nước hỗ trợ đóng một lần số tiền bảo hiểm xã hội cho những tháng còn thiếu với mức 15% tiền lương tháng.

- Chế độ trợ cấp mất việc làm và trợ cấp thêm áp dụng cho những người lao động dôi dư thực hiện hợp đồng lao động không xác định thời hạn không thuộc đối tượng về hưu trước tuổi và thiếu tối đa 1 năm đóng bảo hiểm xã hội. Đối tượng này được trợ cấp mất việc và được trợ cấp thêm 1 tháng tiền lương thực tế làm việc trong khu vực nhà nước; 6 tháng tiền lương đi tìm việc làm và đào tạo nghề miễn phí (điểm c, khoản 3, Điều 3 Nghị định số 41/2002/NĐ-CP). Đây là điều khoản hỗ trợ để người lao động sau khi rời khỏi doanh nghiệp nhà nước còn có điều kiện làm việc sẽ có cơ hội trở lại làm việc. Trong thời gian tìm việc, nếu người lao động thấy cần phải chuyển nghề, nâng cao tay nghề, còn được hỗ trợ đi học nghề miễn phí trong thời gian 6 tháng. Chế độ trợ cấp mất việc làm còn được áp dụng đối với người lao động dôi dư thực hiện hợp đồng lao động từ 12 đến 36 tháng (khoản 1, Điều 4, Nghị định 41/2002/NĐ-CP). Trường hợp này, người lao động dôi dư được hưởng 70% số tiền lương đang hưởng cho thời gian còn lại của hợp đồng lao động.

- Người lao động dôi dư và lao động bị mất việc làm, do cơ cấu lại công ty cổ phần trong vòng 12 tháng kể từ ngày doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, được hưởng chính sách quy định tại Nghị định 41/2002/NĐ-CP, ngày 11-4-2002, của Chính phủ, về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước.

Ngoài những chính sách, chế độ nêu trên người lao động dôi dư được quyền bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội. Điều này thể hiện tính ưu việt vượt trội so với chế độ, chính sách mà người lao động được hưởng trước đây. Bảo đảm cho người lao động mất việc dù tìm được

việc làm hay không tìm được việc làm cũng được bảo đảm về cuộc sống sau này.

Thứ năm, người lao động sản xuất và cung cấp nguyên vật liệu cũng được mua cổ phần ưu đãi (Điều 27, Nghị định 64/2002/NĐ-CP).

Thứ sáu, đối với tài sản đang dùng trong sản xuất, kinh doanh đầu tư từ nguồn quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi của doanh nghiệp được tính vào giá trị doanh nghiệp và chuyển thành cổ phần thuộc sở hữu của người lao động tùy theo thời gian thực tế của người lao động đã làm việc tại doanh nghiệp (Điều 7, Nghị định 64/2002/NĐ-CP).

Thứ bảy, ngoài các ưu đãi trên, người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa với tư cách là một công dân Việt Nam được mua số lượng cổ phần theo quy định của pháp luật (Điều 4, Điều 5, Nghị định số 64/2002/NĐ-CP; Điều 4, Nghị định 187/2004/NĐ-CP).

Người lao động dôi dư tại thời điểm cổ phần hóa có nhu cầu đào tạo, đào tạo lại để bố trí việc làm mới trong công ty cổ phần thì được nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí từ Quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước để tổ chức đào tạo, đào tạo lại (Điều 37, Nghị định số 187/2004/NĐ-CP).

Có thể nói, quá trình xây dựng chính sách đối với người lao động trong doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa gắn liền với các chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước của Đảng và Nhà nước là một quá trình khó khăn, phức tạp với nhiều thử nghiệm, tìm tòi trong nước và nghiên cứu kinh nghiệm một số nước. Tuy nhiên, những chính sách ra đời sau cũng kế thừa, phát huy những mặt mạnh và khắc phục những điểm yếu của chính sách trước, phù hợp với tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, nhằm hoàn thiện và bảo đảm ngày càng cao lợi ích chính đáng của người lao động. Chính sách lao động trong cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đã đáp ứng được nguyện vọng chính đáng, bảo đảm lợi ích hợp pháp của người lao động. Để bảo đảm mục tiêu mà Đảng và Nhà nước đặt ra trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đó là phải giải quyết ngay từ đầu mối quan hệ giữa tăng trưởng với bảo đảm an sinh xã hội và công bằng xã hội. □

Thành tựu bước đầu và những vấn đề cấp thiết đặt ra trong đào tạo nhân lực ở nước ta

PHẠM TẮT DONG *

NHÂN tài là một bộ phận quan trọng của nhân lực, một bậc chất lượng hết sức quan trọng cần được coi là mục tiêu ưu tiên của chiến lược giáo dục và đào tạo. Với quan niệm như vậy, *dân trí và nhân tài là khái niệm không tách rời với khái niệm nhân lực*. Mục tiêu "Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài" phản ánh một tầm tư duy giáo dục phù hợp với xu thế phát triển của thế giới. Đào tạo nhân lực có chất lượng là một yêu cầu bức thiết của đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đây là vấn đề căn bản thể hiện sự đổi mới tư duy giáo dục của Đảng ta.

Hội nghị Trung ương 6, khóa IX đã đề ra 3 nhiệm vụ để tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2, khóa VIII: *Một là*, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo nhân tài. Trong nhiệm vụ này, trọng tâm là đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ thông tin vào các cấp học, bậc học. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách tổ chức phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhân tài. *Hai là*, phát triển hợp lý quy mô giáo dục cả đại trà và mũi nhọn phục vụ quá trình chuyển đổi cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ, cơ cấu xã hội;

vấn đề bổ túc trên tiểu học cho người lớn và phát triển giáo dục không chính quy; xây dựng hệ thống trung tâm học tập cộng đồng. *Ba là*, thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục, tạo cơ hội học tập cho mọi tầng lớp nhân dân, nhất là cơ hội học cao đẳng và đại học cho con em nông dân và các gia đình diện chính sách.

Quán triệt những quan điểm của Đảng, công tác đào tạo công nhân và cán bộ kỹ thuật đã được đẩy mạnh từng bước.

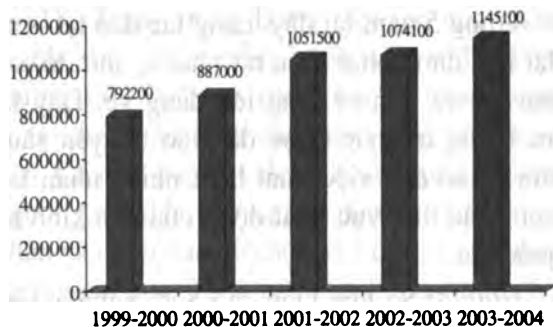
Về giáo dục chuyên nghiệp: Số trường dạy nghề đã tăng lên khá nhanh kể từ năm 1998 đến nay. Nếu như năm 1998 cả nước có 129 trường dạy nghề thì đến năm 2004 con số đó đã lên tới 226 trường (tăng 1,75 lần). Ngoài ra, một số trường cao đẳng, đại học và trung học chuyên nghiệp cũng có hệ dạy nghề, do đó tổng số cơ sở đào tạo nghề dài hạn đã lên tới 391 cơ sở.

Hệ thống đào tạo nghề ngắn hạn phát triển rất nhanh và đa dạng. Tính đến năm 2004, ở nước ta có 300 trung tâm dạy nghề, 150 trung tâm dịch vụ việc làm, 300 trung tâm giáo dục kỹ thuật tổng hợp, hướng nghiệp và trung tâm

* GS,TS, Phó Chủ tịch Hội Khuyến học Việt Nam, Tổng Biên tập Tạp chí Thế giới trong ta

giáo dục thường xuyên có dạy nghề. Số học sinh trong các trường dạy nghề cả hệ dài hạn lẫn hệ ngắn hạn đều tăng. So với năm học 1998 - 1999, số học sinh năm học 2003 - 2004 đã tăng 72% (665700/1145100).

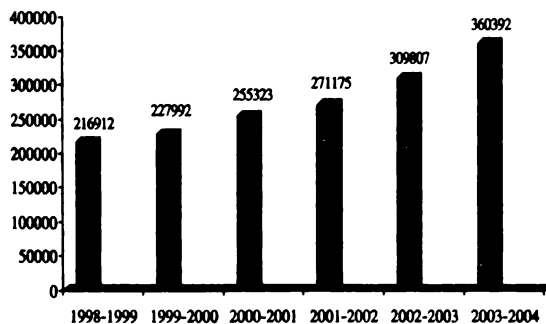
Hình 1: Số học sinh trong các trường dạy nghề giai đoạn 1998 - 2004.



(Nguồn: Kế hoạch - Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Số trường trung học chuyên nghiệp không tăng, trong giai đoạn 1998 - 2004 chỉ tăng từ 247 trường lên 286 trường. Nhưng, ngoài hệ trung học chuyên nghiệp, nhiều trường cao đẳng và đại học cũng đào tạo học viên trung học chuyên nghiệp. Do vậy, sang đầu năm 2004, cả nước đã có 405 cơ sở đào tạo trung học chuyên nghiệp. Một số trường trung học chuyên nghiệp được nâng cấp thành trường cao đẳng. Nếu như năm học 1998 - 1999 có 216.912 học sinh thì hiện nay con số đó là 360.392 (tăng 66,1%).

Hình 2: Số học sinh trong các trường trung học chuyên nghiệp giai đoạn 1998 - 2004.



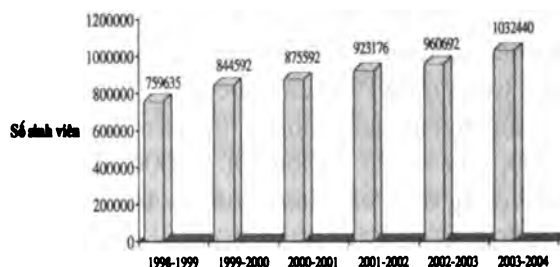
(Nguồn: Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Về giáo dục cao đẳng và đại học: Đến hết năm 2004, cả nước có 127 trường cao đẳng, 87 đại học, học viện và trường đại học. Có 147 cơ sở đào tạo sau đại học, trong đó 95 cơ sở được đào tạo tiến sĩ. Trong 5 năm từ năm học 1998 - 1999 đến năm học 2003 - 2004, trong nước đã có thêm 23 trường đại học và 52 trường cao đẳng.

Nhà nước đã bắt đầu chú ý xây dựng các trường cao đẳng và đại học ở một số tỉnh (như mở trường đại học công lập ở Thanh Hóa, An Giang, Vĩnh Long, Tây Bắc) để đào tạo nhân lực tại chỗ và tạo ra những trung tâm nghiên cứu khoa học, công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Trong thời gian này, số sinh viên cao đẳng và đại học tăng bình quân 6,4%/năm, từ 760.000 năm học 1998 - 1999 lên 1.032.000 năm học 2003 - 2004. Có thể nói, quy mô đào tạo tăng lên khá nhanh.

Hình 3: Số sinh viên cao đẳng và đại học giai đoạn 1998 - 2004



(Nguồn: Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Nhằm cung ứng cán bộ có trình độ đại học cho các khu vực khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật, hành chính, sự nghiệp... số trường đại học cũng như số sinh viên đang tăng lên. Tuy nhiên, sự phân bố các cơ sở được đào tạo cao đẳng và đại học chưa hợp lý, số trường cao đẳng và đại học tập trung nhiều nhất là vùng đồng bằng sông Hồng, sau đến là vùng Đông Nam Bộ. Sự tăng thêm các cơ sở đào tạo ở bậc học này chắc chắn phải tính đến

các vùng đông dân cư nay còn ít trường, lớp cao đẳng, đại học và cũng cần ưu tiên cho các vùng khó khăn.

Về cơ cấu ngành nghề trong đào tạo, xét về tổng số thì khối khoa học cơ bản chiếm tỷ lệ lớn nhất (53%), tiếp theo là khối kinh tế - luật (16%), khối kỹ thuật - công nghệ (12%), khối sư phạm (10%), khối nông - lâm - ngư (5%), khối y - dược - thể dục thể thao (3%) và khối văn hóa - nghệ thuật (1%). Nếu xét về cơ cấu tuyển mới hàng năm thì sư phạm chiếm khoảng 24,7%: tin học khoảng 5,4%; các nhóm ngành văn hóa - nghệ thuật - thể dục thể thao, y dược và nông lâm ngư khoảng 6%, khối kỹ thuật - công nghệ khoảng 25%; khối kinh tế khoảng 20% và khối khoa học cơ bản (cả tự nhiên và xã hội) khoảng 18,9%.

Sự phát triển hệ thống giáo dục đại học đang cho ra trường ngày càng nhiều những doanh nhân trẻ, bổ sung vào lực lượng quản lý và vận hành các doanh nghiệp. Vào năm 2000, số doanh nghiệp nhà nước chỉ còn 5.280 (giảm đi 7.020 doanh nghiệp so với năm 1989) thì trong lĩnh vực ngoài quốc doanh, số doanh nghiệp tăng lên rất nhanh. Nếu trong năm 1995 cả nước có 17.655 doanh nghiệp ngoài quốc doanh thì đến cuối năm 2000, con số đó đã lên tới 47.000, đăng ký hoạt động dưới các dạng công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty tư nhân, công ty cổ phần.

Trong số những nhà quản lý các doanh nghiệp, số người được đào tạo đại học và sau đại học tăng dần, cộng với hơn 250.000 cán bộ khoa học và công nghệ làm việc trong lĩnh vực này thì sẽ là một nguồn nhân lực có những đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế.

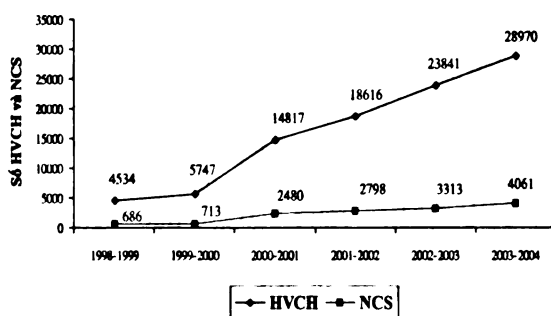
Về bồi dưỡng nhân tài, hệ thống trường chuyên đã bồi dưỡng cho nhiều học sinh tham dự nhiều kỳ thi học sinh giỏi quốc tế. Số huy chương trong các kỳ thi Olympic do học sinh Việt Nam đoạt được ngày càng nhiều. Trong mấy năm qua, đã có trên dưới 1.000 học sinh

năng khiếu được đào tạo, bồi dưỡng thành thạc sỹ hoặc tiến sỹ.

Gần đây, Đại học quốc gia Hà Nội đã mở "lớp đào tạo cử nhân khoa học tài năng" với những ưu tiên về tuyển chọn sinh viên giỏi, về chế độ học bổng, về trang thiết bị, về cán bộ giảng dạy để đào tạo nhân tài khoa học.

Trong 5 năm lại đây, công tác đào tạo sau đại học được phát triển rất nhanh, nhờ đó, số thạc sỹ và tiến sỹ tăng lên đáng kể. Đây là lực lượng trí thức được đào tạo chuyên sâu, làm cơ sở cho việc xuất hiện nhiều nhân tài trong các lĩnh vực hoạt động của nền kinh tế quốc gia.

Hình 4: Số học viên cao học, nghiên cứu sinh giai đoạn 1998 - 2004



(Nguồn: Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Giáo dục Đào tạo)

Sau khi Liên Xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ, Đảng ta đã có những chuyển hướng về hợp tác quốc tế trong đào tạo cán bộ. Nghị quyết 02-NQ/HNTW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã nhấn mạnh quan điểm hợp tác đào tạo với các nước như sau:

- Dành ngân sách nhà nước thỏa đáng để cử những người giỏi và có phẩm chất tốt đi đào tạo và bồi dưỡng về những ngành nghề và lĩnh vực then chốt ở những nước có nền khoa học, công nghệ phát triển.

- Khuyến khích đi học nước ngoài bằng con đường tự túc, hướng vào những ngành mà

đất nước đang cần, theo quy định của Nhà nước.

Thực hiện Nghị quyết này, Chính phủ đã dành 100 tỉ đồng đầu tư cho việc đào tạo ở nước ngoài vào năm 2000 (tương đương với 7,12 triệu USD tại thời điểm đó). Vấn đề nhân tài ngày càng trở nên bức thiết, đến Đại hội IX, Trung ương Đảng một lần nữa nhấn mạnh rằng: "Có chính sách hỗ trợ đặc biệt những học sinh có năng khiếu, hoàn cảnh sống khó khăn được theo học ở các bậc học cao. Có quy hoạch và chính sách tuyển chọn người giỏi, đặc biệt chú ý đến con em công nhân và nông dân để đào tạo ở các bậc đại học và sau đại học. Tăng ngân sách nhà nước cho việc cử người đi học ở các nước có nền khoa học và công nghệ tiên tiến. Khuyến khích việc du học tự túc".

Hiện nay, nước ta đã có quan hệ hợp tác đào tạo cán bộ với trên dưới 50 nước trên thế giới, trong đó có nhiều nước có quan hệ hợp tác lâu dài như Thụy Điển, Hà Lan, Pháp; các nước có nhiều chương trình hợp tác như Pháp, Đức, Thụy Điển, Thái Lan, Mỹ, Nhật... Số người được tuyển để đào tạo ở nước ngoài theo diện Hiệp định đạt khoảng 200 người mỗi năm. Cùng với lưu học sinh theo diện học bổng, số lưu học sinh đi du học tự túc ở nước ngoài tăng lên đáng kể. Hiện có 38.500 lưu học sinh Việt Nam đang học tại hơn 30 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, trong đó hơn 70% thuộc diện du học tự túc.

Là một nước nông nghiệp đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vấn đề "tri thức hóa công, nông" có ý nghĩa chiến lược. Tính đến hết năm 2004, số lao động làm việc trong nền kinh tế khoảng 42.300.000 người, trong đó 58,6% thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, 17,4% thuộc lĩnh vực công nghiệp và xây dựng, còn lại 24% thuộc lĩnh vực dịch vụ. Nhu cầu công nhân ở các doanh nghiệp rất lớn, nên tỷ lệ tăng công nhân khá

nhANH. Trong những năm 1998 - 2000, tỷ lệ tăng công nhân bình quân là 10%/năm. Số lượng công nhân tăng ở 4 loại hình doanh nghiệp: doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và hộ kinh doanh cá thể.

Ở cơ sở xã, phường, việc học tập của người lao động, nhất là nông dân, thường được tiến hành ở các trường, lớp bổ túc văn hóa, các trung tâm học tập cộng đồng (xã, phường), các trung tâm giáo dục thường xuyên (quận, huyện và tỉnh), trung tâm ngoại ngữ - tin học. Chương trình học tập đáp ứng nhiều yêu cầu, từ xóa mù chữ, bổ túc văn hóa tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông đến học ngoại ngữ và vi tính.

Vấn đề học tập của nông dân, công nhân và những lao động nghèo luôn được gắn với chương trình xóa đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng, tăng được việc làm trong xã hội. Cùng với các chính sách và giải pháp xóa đói, giảm nghèo, những chính sách giáo dục đã góp phần giảm được trên 2 triệu hộ nghèo, từ 17,28% đầu năm 2001 xuống 8,31% cuối năm 2004. Đến cuối năm 2005, tỷ lệ đó là 7% (theo chuẩn cũ), theo chuẩn mới là 22%.

Nhiều gia đình nghèo đã chịu khó học hỏi, tiếp thu kỹ thuật mới, áp dụng kinh nghiệm hay để tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, nhờ đó mức thu nhập hằng tháng cũng tăng lên. Tính chung trong 2 năm 2001 - 2002, thu nhập bình quân đầu người của các tầng lớp dân cư theo giá thực tế đạt 357.000 đồng/tháng, tăng 21% so với năm 1999 (khu vực thành thị đạt 626.000 đồng/tháng, khu vực nông thôn đạt 275.000 đồng/tháng).

Vấn đề dạy nghề cho nông dân đang trở thành công việc bức thiết của giáo dục - đào tạo hiện nay. Bởi vì kinh tế trang trại là vấn đề mới cần quan tâm, năm 2001, số trang trại tăng 33,9% so với năm 1999, trong đó số

trang trại trồng cây dài ngày chiếm một tỷ lệ khá cao so với trang trại chăn nuôi; đã bắt đầu xuất hiện những trang trại kinh doanh tổng hợp. Giai đoạn 2006 - 2010 sẽ có hàng triệu nông dân rời khỏi ruộng đất và tham gia các nghề phi nông nghiệp.

Trước những yêu cầu mới của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, công tác chuẩn bị nhân lực đặt ra một số vấn đề cấp thiết sau:

Một là, hệ thống giáo dục Việt Nam có nhiệm vụ chính trị hết sức to lớn trong một vài thập kỷ tới. Đó là chuẩn bị nguồn nhân lực đủ năng lực chuyển nhanh nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp, đồng thời lại phải chuyển một số lĩnh vực sản xuất thăng sang nền kinh tế tri thức.

Đứng trước nhiệm vụ đó, hệ thống giáo dục phải thấy được ý nghĩa của sự đổi mới mạnh mẽ và vai trò trung tâm của tri thức trong quá trình đào tạo nguồn nhân lực.

Trước bối cảnh phát triển của thế giới và mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, giáo dục phải xuất phát từ những tiền đề chính trị, kinh tế và xã hội trong nước, mặt khác phải nhận thức đầy đủ những yếu tố phi vật chất trong sản xuất và dịch vụ để xây dựng một hệ thống giáo dục mềm dẻo hơn, đa dạng hơn, tính khả thi cao hơn nhằm làm cho mỗi con người trong xã hội, nhất là thế hệ trẻ, không bị thất bại trong học tập và Nhà nước không bị lãng phí về nguồn nhân lực.

Dư luận chung trong xã hội hiện nay là mong mỗi giáo dục cho ra đời những sản phẩm có tầm trí tuệ cao hơn, có những phẩm chất đạo đức trong sáng hơn để lao động sáng tạo phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Điều đó cho thấy, hệ thống giáo dục phải được tổ chức lại, giúp cho mỗi con người luôn bám sát được những tiến bộ của công nghệ, không rơi vào tình trạng thất

nghiệp và được công bằng trong quyền lợi và nghĩa vụ học tập.

Hai là, hiện nay, nhu cầu học tập của người lớn đang tăng lên. Nhu cầu đó nảy sinh và phát triển bởi sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động đang diễn ra theo nhịp độ công nghiệp hóa, mở rộng thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.

Người lớn bắt đầu đòi hỏi những hình thức học tập đa dạng như giáo dục cơ sở thông qua hình thức không chính quy, đại học tại chức, học ngoại ngữ, máy vi tính, đào tạo nghề và đào tạo lại để đáp ứng sự phát triển của nghề, học ở các trung tâm học tập cộng đồng để làm ngay... Sự phát triển của giáo dục cho người lớn thuộc hệ thống giáo dục phải tính đến sự định hướng và cách tổ chức học tập suốt đời.

Việc tổ chức học tập suốt đời phải tính đến các hướng sau đây:

- Quá trình giáo dục ban đầu cho thế hệ trẻ và quá trình giáo dục tiếp tục giáo dục ban đầu phải là chuỗi liên tục.

- Giáo dục nhà trường và giáo dục ngoài nhà trường, giáo dục chính quy và không chính quy phải gắn kết chặt chẽ, sao cho một người có thể chuyển việc học của mình từ hệ thống này sang hệ thống kia không có những vướng mắc, cản trở.

- Giáo dục công lập và ngoài công lập là bình đẳng, cùng nhau phát triển;

- Mở rộng các hình thức học sau trung học, phát triển mạnh hệ đại học, từng bước đại học hóa các bộ phận hợp thành nguồn nhân lực (đại học hóa giáo viên tiểu học và trung học cơ sở, đại học hóa các sĩ quan trong quân đội, đại học hóa công nhân trong các lĩnh vực sản xuất sử dụng công nghệ cao...).

Ba là, bồi dưỡng nhân tài, hình thành và phát triển đội ngũ trí thức, từ đó xuất hiện

(Xem tiếp trang 110)

Về chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn

CHU TIẾN QUANG * - NGUYỄN THỊ THU HẰNG **

1 – Khái quát về tình hình thực hiện chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn

Đầu tư xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng trong nông nghiệp, nông thôn là một trong những chính sách quan trọng, có tác động tích cực đến sự thành công của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Chính sách này càng quan trọng đối với những nền kinh tế có tỷ lệ dân số khu vực nông nghiệp, nông thôn lớn như Việt Nam. Chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng được hiểu là chính sách huy động và phân bổ các nguồn lực bằng tiền, tài sản vật chất và sức lao động bỏ vào đầu tư để tạo ra những kết cấu hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp, các hoạt động kinh tế khác diễn ra ở nông thôn trong thời gian dài. Kết cấu hạ tầng phát triển sẽ là điều kiện bảo đảm cho sản xuất nông nghiệp, các hoạt động kinh tế khác ở nông thôn tăng trưởng nhanh, có được khả năng cạnh tranh cao trong kinh tế thị trường.

Nhận thức đúng vai trò to lớn đó, trong những năm vừa qua Đảng và Nhà nước đã đề

ra các chính sách biện pháp, cụ thể đối với đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn. Vốn đầu tư từ ngân sách vào xây dựng các công trình hạ tầng, như: điện, đường giao thông, thủy lợi, trường học, trạm y tế... ở nông thôn đã không ngừng tăng, nhất là trong 5 năm vừa qua. Bên cạnh đầu tư trực tiếp từ ngân sách, đã hình thành các nguồn vốn khác như: tín dụng đầu tư, các chương trình mục tiêu quốc gia... nhờ đó đã thu hút, mở rộng thêm các hình thức đầu tư của các thành phần kinh tế khác vào phát triển các công trình hạ tầng trực tiếp phục vụ sản xuất - kinh doanh như nhà xưởng, kho tàng..., trong đó có cả khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (gồm ODA và FDI). Nhờ đó các loại kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn đã có bước phát triển nhanh, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế, làm thay đổi đáng kể diện mạo nông thôn. Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, vốn đầu tư xã

* TS, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương

** ThS, Đại học Ngoại thương, Hà Nội

hội vào nông, lâm, ngư nghiệp giai đoạn 2001 - 2005 theo giá hiện hành đạt trên 124 ngàn tỉ đồng (vốn ngân sách: 49 ngàn tỉ; vốn tín dụng ưu đãi: 25,2 ngàn tỉ; vốn góp của dân, của các doanh nghiệp: 44,2 ngàn tỉ; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI: 6,2 ngàn tỉ).

Vốn đầu tư xã hội vào nông, lâm, thủy sản đã tăng từ 19.720 tỉ đồng năm 2001 lên 27.120 tỉ đồng vào năm 2004 và ước tính lên 30.600 tỉ đồng vào năm 2005. So sánh các dòng vốn cho thấy vốn ngân sách nhà nước chiếm tỷ trọng cao nhất, bình quân 5 năm là 39,3%, tiếp đó là vốn của dân và doanh nghiệp chiếm tỷ trọng 35,5%, vốn tín dụng nhà nước 20,2%, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) chiếm tỷ trọng rất nhỏ: 5%.

Kết quả phân tích cơ cấu, hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư vào nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2001 - 2005 đã rút ra một số nhận xét sơ bộ như sau:

Một là: Chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn trong giai đoạn 2001 - 2005 đã từng bước chuyển từ cơ chế Nhà nước đầu tư toàn bộ sang Nhà nước và nhân dân cùng đầu tư, ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng cho những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Hai là: Chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn đổi mới theo hướng huy động mọi nguồn lực cả trong và ngoài nước. Vốn ngân sách tập trung đầu tư trực tiếp vào các công trình hạ tầng cơ bản, quan trọng và thiết yếu, nhân dân cùng bỏ vốn, công sức đầu tư các công trình hạ tầng nối tiếp.

Ba là: Tỷ trọng vốn đầu tư trực tiếp từ ngân sách trong tổng đầu tư xã hội vào nông nghiệp, nông thôn đã giảm từ 46,7% (năm 2001), xuống 39,3% hiện nay. Thay vào đó tỷ trọng vốn tín dụng đầu tư đã tăng từ 13,3% lên 20,2% tổng đầu tư xã hội vào nông nghiệp, nông thôn. Nếu chỉ tính riêng tỷ trọng vốn

ngân sách đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trong tổng vốn đầu tư của ngân sách vào nền kinh tế, thì kết quả đã giảm từ 13,1% xuống 8,9% trong giai đoạn 2001 - 2004.

Động thái giảm các tỷ trọng trên đây phản ánh kết quả tích cực trong việc điều chỉnh chính sách đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn của Chính phủ những năm vừa qua, song cũng gây ra những tác động chưa thuận đối với phát triển một số kết cấu hạ tầng cơ bản của kinh tế nông nghiệp, nông thôn mà bài viết này sẽ phân tích ở phần sau đây.

2 - Kết quả thực hiện chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với 5 hạng mục cơ bản có vai trò quan trọng trong phát triển nông nghiệp, nông thôn và vấn đề đặt ra

Hệ thống đường giao thông nông thôn hiện nay chiếm tới trên 80% tổng chiều dài đường giao thông cả nước. Theo số liệu điều tra 8.934 xã của Tổng cục Thống kê công bố vào năm 2003⁽¹⁾ thì, trên 94,5% số xã đã có đường ô-tô đến trung tâm, 32,9% số xã có đường liên thôn được nhựa/bê-tông hóa, 3,1% số xã có đường nội thôn được nhựa hóa hoặc bê-tông hóa.

Tuy vậy, mạng lưới giao thông tại các huyện, xã miền núi chất lượng thấp, đi lại khó khăn nhất là vào mùa mưa. Nhu cầu về vốn đầu tư cho phát triển hệ thống giao thông nông thôn rất lớn, nhưng vốn trong nước còn hạn hẹp, chưa thu hút được nguồn vốn nước ngoài đầu tư. Do vậy nhiều tuyến đường quan trọng chưa có vốn để đầu tư, chất lượng chưa tốt, khi mưa lũ dễ bị hư hỏng, làm hạn chế sản xuất hàng hóa, chi phí lưu thông cao.

Hệ thống cấp điện nông thôn: đã phát triển nhanh, số hộ nông thôn được sử dụng điện ngày càng tăng. Tổng số xã có điện chiếm tỷ

(1) Tổng cục thống kê: *Kết quả tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản 2001*; Nxb Thống kê, 10-2003

lệ 89,6%, số hộ sử dụng điện chiếm 79%. Tỷ lệ hộ sử dụng điện cao nhất là ở đồng bằng sông Hồng (98,8%) và Bắc Trung Bộ (88,4%); thấp nhất là các vùng Tây Bắc (51%) và Tây Nguyên (51,5%). Một số nơi có điều kiện về thủy năng đã phát triển các công trình thủy điện nhỏ phục vụ cho sinh hoạt của dân cư trong vùng.

Tuy vậy, mục tiêu phát triển lưới điện nông thôn đặt ra quá cao so với khả năng về vốn đầu tư nên tính khả thi thấp. Ngành điện chưa triển khai chương trình hướng dẫn các cộng đồng dân cư nông thôn, hoặc các hợp tác xã nông nghiệp hiện đang quản lý một bộ phận lưới phân phối điện về kiến thức quản lý và hiểu biết kỹ thuật đối với hệ thống biến áp và tải điện nên chưa tạo ra được sự thay đổi lớn về chất trong hoạt động phân phối điện ở nông thôn. Ở một số nơi ngành điện triển khai tiếp quản hệ thống lưới điện của hợp tác xã nông nghiệp để quản lý và bán điện đến từng hộ như đối với thành thị, nhưng không khả thi do quá tốn kém, lại khó quản lý. Thay vì nỗ lực đó, nếu giúp đỡ và hợp tác chặt chẽ với các hợp tác xã nông nghiệp nâng cao trình độ quản lý phân phối điện cho người tiêu dùng thì ngành điện có thể nâng cao được hiệu quả hoạt động kinh doanh điện của mình ở các vùng nông thôn.

Kết cấu hạ tầng thủy lợi: Cùng với nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, nông dân đã đóng góp một phần chi phí và công sức xây dựng hệ thống kênh nội đồng dẫn nước vào ruộng theo phương châm “nhà nước và nhân dân cùng làm”. Kết quả là tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động đã lên đến 36,2%, trong đó diện tích đất lúa được tưới tiêu chủ động chiếm 62,9%, cây hằng năm 48,1%. Phát triển thủy lợi đã bước đầu tạo điều kiện hình thành và phát triển các vùng chuyên canh cây trồng như lúa ở đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng, cao su và cà

phê ở miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên, chè ở vùng Trung Du và miền núi phía Bắc...

Tuy vậy, kết cấu hạ tầng thủy lợi hiện nay vẫn yếu kém, sử dụng tổng hợp nguồn nước chưa đạt yêu cầu; các mục tiêu trong quy hoạch phát triển thủy lợi vẫn nặng tập trung phát triển cây lương thực (đầu tư cho thủy lợi phục vụ sản xuất lúa thường chiếm từ 79% - 80% tổng đầu tư vào toàn bộ ngành thủy lợi). Do vậy tạo ra sự bất cập so với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu sản xuất, nhất là yêu cầu thủy lợi cho cây công nghiệp, cho chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. Tình trạng xuống cấp của các hệ thống công trình thủy nông đã qua nhiều năm khai thác, nhưng nguồn thu từ thủy lợi phí không đủ để trang trải chi phí thường xuyên, không có tích lũy để tự đầu tư cải tạo. Bộ máy vận hành các công trình thủy nông quá lớn (hiện có 172 doanh nghiệp nhà nước đang quản lý các công trình thủy nông lớn, với trên 20 ngàn cán bộ kỹ thuật, công nhân vận hành). Cơ chế hoạt động của các công ty thủy nông hiện nay không rõ ràng, vừa phải kinh doanh, vừa phải làm “dịch vụ” cho sản xuất nông nghiệp và các hoạt động kinh tế khác ở nông thôn. Giá nước do Nhà nước xác định, không thay đổi theo chi phí sản xuất. Đây là mâu thuẫn lớn nhất đang cản trở hoạt động của các công ty thủy nông hiện nay. Người sử dụng chưa thấy tiềm ẩn những nguy cơ khan hiếm nước trong tương lai, dẫn tới sử dụng không tiết kiệm, thiếu tính bền vững. Chất lượng nước ngày càng giảm, mức độ ô nhiễm ngày càng tăng do sử dụng phân bón vô cơ, hóa chất và do chất thải công nghiệp không được xử lý, một số vùng ven đô nông dân đã không thể canh tác vì nguồn nước tưới bị ô nhiễm. Chưa chú trọng đầu tư phát triển các công trình thủy lợi nhỏ, vừa có chức năng cản trở dòng chảy của nước lũ vào mùa mưa, vừa là nguồn nước dự trữ cho mùa khô hạn ở tất cả các vùng nông nghiệp, đặc biệt là những vùng đất dốc.

Nghiên cứu về sự phát triển hệ thống thủy lợi cho thấy, chính sách đầu tư phát triển thủy lợi chưa thực sự phù hợp với thực tiễn. Vốn đầu tư vào thủy lợi chiếm tỷ trọng trên 80% tổng vốn ngân sách đầu tư vào nông, lâm, thủy sản, nhưng lại tập trung quá nhiều vào các công trình lớn, bỏ qua các công trình nhỏ và vừa có ý nghĩa cung cấp nguồn nước, tạo cân bằng sinh thái ở tất cả các vùng. Chưa có quan điểm về phát triển thủy lợi nhỏ trong một hệ thống chính thể, thống nhất của hệ thống thủy lợi lớn. Vốn đầu tư vào thủy lợi không đồng đều giữa các vùng nên đã tạo ra chênh lệch lớn về điều kiện thủy lợi. Số liệu điều tra của Tổng cục Thống kê cho thấy, trong khi vùng đồng bằng sông Hồng đạt tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động lên tới 71%, thì các vùng khác rất thấp. Đồng bằng sông Cửu Long: 59%; Bắc Trung Bộ: 36%; duyên hải miền Trung: 31%; Đông Bắc: 23%; Đông Nam Bộ: 13%; Tây Nguyên: gần 6%; Tây Bắc: 7,7%. Các công trình được đầu tư ở mức thấp, chưa đồng bộ, hệ thống kênh mương cấp II, cấp III không tốt và thiếu nên năng lực sử dụng thấp (khoảng 60% - 65% năng lực thiết kế của công trình nguồn). Chưa có cơ chế huy động mạnh vốn ngoài ngân sách để đầu tư vào thủy lợi, trong khi đóng góp của nông dân không đủ để bù đắp khấu hao cho các công trình thủy lợi. Hiện còn trên 1,3 triệu héc-ta đất sản xuất lúa dễ bị nước mặn xâm nhập ở vùng ven biển đồng bằng sông Cửu Long, các vùng khô hạn gay gắt ở miền Trung, Tây Nguyên, miền núi và một số vùng thường ngập úng ở đồng bằng Bắc Bộ đang rất cần được đầu tư về thủy lợi. Sự tham gia của cộng đồng vào phát triển và quản lý tài nguyên nước còn rất hạn chế do nhận thức của người dân, của cán bộ quản lý chưa đầy đủ.

Kết cấu hạ tầng thương mại trong nông nghiệp, nông thôn: Hệ thống này có ý nghĩa rất lớn trong thúc đẩy sản xuất và giao lưu

hàng hóa. Trong những năm vừa qua Nhà nước đã có chính sách khuyến khích phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn. Theo kết quả điều tra của Tổng cục Thống kê, tổng số xã có chợ trong cả nước chiếm 56,12%. Tỷ lệ cao nhất là đồng bằng sông Cửu Long, gần 72%, tiếp đó đến vùng Đông Nam Bộ, gần 70%, duyên hải miền Trung: 65%, đồng bằng sông Hồng: 63%, thấp nhất là vùng Tây Bắc: 28,4%.

Tuy vậy, những hạn chế của kết cấu hạ tầng thương mại nông thôn hiện nay là, cả nước vẫn còn khoảng 50% (khoảng trên 4 ngàn xã) chưa có chợ. Hệ thống chợ nông thôn về cơ bản còn tạm bợ, đơn sơ. Chợ đã không được sử dụng có hiệu quả do chưa thực sự thuận tiện cho nông dân, doanh nghiệp. Chưa hình thành được các trung tâm giao dịch thương mại và dịch vụ nông thôn có quy mô lớn.

Kết cấu hạ tầng nước sạch nông thôn: Chính phủ đã hình thành chương trình quốc gia nước sạch đến năm 2010 với mục tiêu 70% dân cư nông thôn được dùng nước sạch, đạt tiêu chuẩn vệ sinh quốc gia với mức ít nhất 60 lít/ngày/người, sử dụng hố xí hợp vệ sinh và thực hiện giữ vệ sinh môi trường làng xã. Tổng nhu cầu vốn cho toàn chương trình từ năm 2000 đến 2020 vào khoảng 50 ngàn tỉ đồng. Tính trong 5 năm (1998 - 2003), tổng số vốn đầu tư xã hội đã được huy động cho đầu tư cung cấp nước sạch nông thôn là 4.795 tỉ đồng, trong đó đầu tư của người dân đóng góp chiếm tỷ lệ lớn nhất: 44%; tiếp đó đến ngân sách trung ương: 18%; ngân sách địa phương: 10%; nước ngoài: 16%; và vốn từ các chương trình khác: 12%.

Những khó khăn và vấn đề đặt ra trong chương trình cấp nước sạch là⁽²⁾: Chưa có quy

(2) Theo báo cáo của Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, 2004

hoạch tổng thể cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn trên địa bàn rộng lớn. Chưa giám sát đầy đủ số lượng và chất lượng nước đã cung cấp cho dân cư nông thôn. Chưa có số liệu thống kê phản ánh tính bền vững của chương trình. Đặc biệt là chưa có cơ chế, chính sách cho vay tín dụng và chính sách khuyến khích các nhà đầu tư bỏ vốn xây dựng các công trình sản xuất nước sạch nhỏ ngay tại cộng đồng để bán trực tiếp cho dân.

3 – Một số kiến nghị

Thứ nhất: Trong giai đoạn 2006 - 2010 do các nguồn vốn của dân và doanh nghiệp tư nhân còn rất hạn chế, vì vậy vốn đầu tư nhà nước vào nông nghiệp, nông thôn vẫn là nguồn chủ đạo. Đề nghị Quốc hội, Chính phủ điều chỉnh tăng tỷ trọng phần chi ngân sách đầu tư vào nông, lâm, ngư nghiệp và nông thôn để đạt mức 20% - 22% tổng chi ngân sách đầu tư vào nền kinh tế như những năm đầu kế hoạch (năm 2000), đưa tỷ trọng đầu tư từ nguồn nhà nước vào nông nghiệp, nông thôn (bao gồm đầu tư ngân sách và tín dụng đầu tư nhà nước lên khoảng trên 50% tổng đầu tư toàn xã hội vào nông thôn. Phần còn lại sẽ huy động từ khu vực dân cư, doanh nghiệp và nguồn FDI, chiếm khoảng gần 50% tổng đầu tư xã hội).

Tuy nhiên, tỷ lệ này sẽ là hợp lý trong trung hạn (5 năm tới), với mục tiêu để tạo ra tương đối đầy đủ và đồng bộ đủ các hạng mục kết cấu hạ tầng cơ bản nói trên, để phục vụ đắc lực hơn cho phát triển nông nghiệp, nông thôn theo yêu cầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thông qua các phát triển kết cấu hạ tầng đó thúc đẩy các loại hình doanh nghiệp và người dân nông thôn bỏ vốn đầu tư kinh doanh ở nông thôn, nhất là thúc đẩy các dòng vốn của doanh nghiệp Việt Nam và vốn FDI chuyển nhiều hơn vào nông nghiệp, nông thôn trong những năm tới. Trong điều kiện trình độ kết cấu hạ tầng thấp kém như hiện nay thì chính

sách đa dạng hóa vốn đầu tư xã hội vào nông nghiệp, nông thôn theo chúng tôi là chưa khả thi và chưa thể phát huy mạnh mẽ sức hút của nó.

Thứ hai: Đối với các vùng phát triển tốt các loại nông sản hàng hóa xuất khẩu đã được hình thành trong những năm qua, như: vùng lúa gạo ở đồng bằng sông Cửu Long; vùng cà phê ở Tây Nguyên; vùng chè ở Trung Du, miền Núi phía Bắc; vùng cao su ở Đông Nam Bộ; vùng điều ở miền Trung, vùng cây ăn quả ở Khu bốn cũ... thì ngoài vốn đầu tư nhà nước vào các hạng mục kết cấu hạ tầng cơ bản hiện nay, cần nhanh chóng xây dựng cơ chế, quy định để các doanh nghiệp trên địa bàn có nghĩa vụ đóng góp đầu tư trở lại vào những kết cấu hạ tầng của vùng sản xuất mà doanh nghiệp sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Thứ ba: Các địa phương cần tìm kiếm các hình thức thích hợp để chủ động quảng bá và triển khai các hình thức BT, BOT, BOO trong đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng ở nông thôn. Theo đó, chính quyền các tỉnh, huyện phải sớm quy hoạch quỹ đất giành vào phát triển kết cấu hạ tầng các loại, công bố công khai quy hoạch này và các cơ chế gọi vốn kèm theo để các nhà đầu tư trong và ngoài nước có cơ sở tin cậy tìm kiếm cơ hội đầu tư cho bản thân họ. Hiện nay, một số tỉnh mới mới chào các nhà đầu tư vào sản xuất là chính, chưa chú ý mời chào đầu tư vào kết cấu hạ tầng.

Thứ tư: Đối với nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, điều quan trọng là phải được phân bổ và sử dụng có hiệu quả. Mục tiêu sử dụng nguồn vốn này là tập trung đầu tư vào các hạng mục hạ tầng có ý nghĩa tạo điều kiện bản lề để nông dân chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp và mở mang các hoạt động kinh tế công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn, phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo (đó là đường giao thông nông thôn, mạng lưới cung cấp điện; nước sạch, xử lý ô nhiễm môi trường

nông thôn; kết cấu hạ tầng tại các đô thị nhỏ, các điểm văn hóa - bưu điện ở làng, xã, các trung tâm văn hóa cụm xã...)

Từ nghiên cứu thực tiễn và tham khảo các nghiên cứu khác, chúng tôi cho rằng, đã đến lúc phải xây dựng một *chương trình phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn thống nhất*, xóa bỏ cách tiếp cận phân biệt cơ sở hạ tầng riêng cho vùng nghèo, xã nghèo với kết cấu hạ tầng chung cho vùng không nghèo như hiện nay, kết quả đã dẫn đến sự phát triển riêng biệt, nhỏ lẻ, không đồng bộ về hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn. Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn thống nhất cần được xây dựng phù hợp với các mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn trong dài hạn (đến năm 2020 và có thể dài hơn nữa). Nội dung của chương này bao gồm các cơ chế, chính sách và điều kiện bảo đảm cho việc xây dựng, phát triển đầy đủ tất cả các loại kết cấu hạ tầng thiết yếu ở các vùng nông thôn đến trình độ quốc tế, hoặc khu vực. Chương trình được công bố cho cấp tỉnh và huyện để địa phương chủ động tiến hành quy hoạch đất sử dụng vào phát triển các loại kết cấu hạ tầng thuộc chương trình, lập kế hoạch về thời gian xây dựng, kế hoạch huy động các loại vốn để đầu tư. Tiến tới áp dụng cơ chế Chính phủ chỉ phân bổ vốn ngân sách đầu tư cho những địa phương đã sẵn sàng về quy hoạch và kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng.

Thứ năm: Mục tiêu của nguồn vốn tín dụng đầu tư nhà nước là Nhà nước hỗ trợ các địa phương đầu tư dưới hình thức tín dụng. Do vậy, nên khuyến khích các địa phương sử dụng nguồn vốn này để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Song cần phải hoàn thiện hơn nữa các nguyên tắc, cơ chế ràng buộc trách nhiệm trong việc sử dụng hiệu quả và trả nợ vốn đã vay, nhất là các nguyên tắc trong tính toán thu hồi vốn từ công trình hạ tầng được xây dựng từ nguồn vốn tín dụng đầu tư nhà nước. □

THÀNH TỰU...

(Tiếp theo trang 104)

những người tài giỏi có khả năng chỉ đạo, dẫn dắt tập thể của mình trong lao động sản xuất. Trong điều kiện kinh tế tri thức thì nhân tài là nhân tố quyết định. Sức cạnh tranh giữa các quốc gia trong thế kỷ XXI là sức mạnh tổng hợp, trước hết là trên lĩnh vực công nghệ cao mà then chốt là trình độ nhân tài của mỗi nước. Nước nào có ưu thế về nhân tài thì sẽ có vị trí cao trên trường quốc tế.

Các khu công nghiệp sử dụng công nghệ cao là nơi thu hút nhiều nhân tài, nhiều nhà khoa học. Các phòng thí nghiệm trọng điểm cũng đòi hỏi cao về nhân tài. Việc đào tạo, bồi dưỡng nhân tài luôn đi kèm với việc bảo vệ đội ngũ nhân tài và thu hút nhân tài từ nơi khác.

Muốn có nhân tài phải có trường đại học hiện đại và những khu trung tâm nghiên cứu khoa học lớn. Đó là nơi thực sự đủ năng lực đào tạo nhân tài và cũng là nơi thu hút nhân tài từ các nơi khác. Trường đại học của chúng ta chưa sánh được với các trường đại học lớn của khu vực và của thế giới. Đó là một thách thức thực sự.

Bốn là, ngành giáo dục phải khắc phục ngay những tiêu cực trong nhà trường và trong hệ thống đào tạo của mình, làm ảnh hưởng lớn đến chất lượng nguồn nhân lực. Chẳng hạn, nạn học giả cấp bằng thật là một nguy cơ. Có nhiều thạc sĩ đạt mức xuất sắc trong bảo vệ luận văn nhưng thực chất không hơn gì một sinh viên giỏi. Có một số tiến sĩ mắc phải những sai sót không đáng có trong các bài viết và các bài giảng của mình. Cách đào tạo và quản lý đào tạo nhân lực thiếu chặt chẽ đã có những tác hại lớn, tạo ra một số người chưa đạt yêu cầu của mục tiêu giáo dục đã ghi trong các văn kiện của Đảng. □



DỰ LUẬN QUỐC TẾ VỀ ĐẠI HỘI X ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1- Báo chí quốc tế viết về Đại hội X

Trong những ngày từ 18-4 đến 25-4-2006, Thủ đô Hà Nội rực màu cờ đỏ, khẩu hiệu chào mừng Đại hội X Đảng Cộng sản Việt Nam. Đại hội X là một sự kiện chính trị trọng đại đối với toàn Đảng, toàn dân ta và thu hút sự quan tâm của bạn bè quốc tế.

Tờ *"Liên Vọng - Đông Phương Châu San"* của Tân Hoa Xã (Trung Quốc) ngày 19-4-2006 có bài viết "Việt Nam 20 năm nhìn lại", đã đưa ra nhận định: Đại hội X thu hút sự quan tâm chưa từng thấy của quốc tế..., là một đại hội có ảnh hưởng quan trọng đối với đất nước Việt Nam đang có nền kinh tế phát triển với tốc độ cao...

Báo *"Granma"*, cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Cu-ba số ra ngày 19-4-2006, đã đăng trên trang quốc tế tin khai mạc Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam; đánh giá cao sự phát triển kinh tế của Việt Nam cũng như những thành công mà Việt Nam đạt được trong việc giải quyết các vấn đề xã hội, đặc biệt là xóa đói, giảm nghèo; quyết tâm đẩy mạnh công tác tư tưởng và đấu tranh chống tham nhũng; sự tiếp tục tiến hành đường lối độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa và đa dạng hóa các quan hệ quốc tế⁽¹⁾.

Trang quốc tế các báo lớn của Lào như tờ *Pa-thét Lào, Viên Chăn Mây, Tin tức KPL...* liên tục đưa tin và ảnh về phiên khai mạc Đại hội. Trên trang nhất báo Pa-thét Lào đăng điện

mừng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Lào gửi tới Đại hội. Trong những ngày trước đó, Đài Truyền hình quốc gia Lào cùng các báo Lào đã đưa nhiều tin về hoạt động chuẩn bị Đại hội, giới thiệu thành tựu phát triển kinh tế, xã hội của Việt Nam trong 20 năm đổi mới đất nước⁽²⁾.

Tờ *Bưu điện Băng-cốc* (Thái Lan) số ra ngày 18-4-2006 nêu bật quyết tâm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong việc xây dựng Đảng vững mạnh, có đầy đủ năng lực, phẩm chất, phong cách lãnh đạo và quản lý khoa học phù hợp với thời kỳ đổi mới, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng nhằm giữ vững niềm tin của xã hội. Tờ *Nhật báo kinh doanh* có hai bài viết nhan đề "Việt Nam đẩy mạnh cải cách" và "Đảng Cộng sản Việt Nam cảnh báo về tham nhũng" cho biết Việt Nam đang đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới nhằm đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu và nỗ lực hội nhập kinh tế khu vực đang phát triển năng động⁽³⁾.

Hãng Thông tấn Itar-Tass (Nga) đưa tin: Đại hội sẽ tổng kết hoạt động 5 năm vừa qua, xác định những phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam đến năm 2010 và bầu ban lãnh đạo mới của Đảng Cộng sản Việt Nam. *Hãng tin AFP* (Pháp) đưa tin về

(1) Xem trang tin www.vnanet.vn

(2) Xem: Báo *Nhân Dân*, ngày 20-4-2006, tr 8

(3) Xem trang tin www.vnanet.vn

Đại hội X với nhận định: Việt Nam hiện là nền kinh tế phát triển nhanh nhất ở khu vực Đông - Nam Á, mức tăng trưởng kinh tế năm 2005 đạt hơn 8% và đang đặt mục tiêu gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) trong năm nay, cũng như giảm tỷ lệ đói nghèo xuống 10% vào năm 2010. *Hãng tin AP (Mỹ)* phát bài viết của phóng viên thường trú tại Hà Nội khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục đẩy nhanh tiến trình cải cách, một chính sách đã giành được sự ủng hộ rộng rãi của nhân dân Việt Nam và được cộng đồng quốc tế đánh giá cao⁽⁴⁾.

Báo "*Nước Đức mới*" ngày 19-4-2006 dẫn lời Chủ tịch Trần Đức Lương khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh mãi là nền tảng tư tưởng cho hành động của Đảng Cộng sản Việt Nam. Bài báo cho rằng từ lâu Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ là đại biểu cho riêng giai cấp công nhân mà còn là đội quân tiên phong của cả dân tộc⁽⁵⁾.

Hãng thông tấn Yon-hap (Hàn Quốc) cũng có nhiều bài viết phản ánh không khí chuẩn bị Đại hội Đảng X, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến những đổi mới dân chủ ở Việt Nam. Theo nhận định của Yon-hap, dân chủ hóa tại Việt Nam được thể hiện rõ trước thềm Đại hội Đảng X. Người dân thông qua các cơ quan ngôn luận được bày tỏ công khai mong muốn, yêu cầu của mình. Phóng viên của hãng Yon-hap nêu rõ: "Việc Ban tổ chức Đại hội lần đầu tiên bố trí trung tâm báo chí có phiên dịch trực tiếp phục vụ các nhà báo trong và ngoài nước là một "thay đổi lớn" trong tiến trình dân chủ hóa thông tin" và việc bầu chọn ban lãnh đạo mới của Đại hội X cũng sẽ được tiến hành dân chủ.

Các báo lớn của Nhật Bản như: *Y-o-mi-u-ri*, *San-kei*, *Ni-hon Kei-zai*, *A-sa-hi*, *A-ka-ha-ta*, *Japan Times* đều đưa tin đậm nét về Đại hội. Báo *Y-o-mi-u-ri* số ra ngày 18-4-2006 có

bài ca ngợi những thành tựu của Việt Nam sau 20 năm đổi mới, từ một đất nước nghèo đói bị chiến tranh tàn phá nặng nề, Việt Nam đã vươn lên trở thành nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao, thị trường Việt Nam ngày càng thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài, tỷ lệ nghèo đói ở Việt Nam đã giảm xuống dưới mức 20%...⁽⁶⁾.

Ngày 25-4-2006, hàng loạt tờ báo và các hãng thông tấn trên thế giới như: Trung Quốc, Nga, Mỹ, Nhật, Anh, Ô-xtrây-li-a, Tây Ban Nha, Niu Di-lân... đã đưa tin, bài, ảnh về thành công của Đại hội X Đảng Cộng sản Việt Nam. Hãng AFP dẫn lời Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khẳng định: Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân sẽ nỗ lực cải cách toàn diện, đưa đất nước thoát khỏi tình trạng kém phát triển và tạo nền tảng đưa Việt Nam về cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

Báo *Kom pas* (La Bàn) của In-đô-nê-xi-a (ngày 25-4) dẫn các nguồn tin nước ngoài về thành công của Đại hội X, nói về quyết tâm của Việt Nam trong cải cách kinh tế, hội nhập kinh tế quốc tế, nhằm đạt được mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tân Hoa xã (Trung Quốc) nêu rõ: Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam đã bế mạc sau khi các đại biểu đạt được sự nhất trí về Báo cáo Chính trị, các vấn đề kinh tế - xã hội lớn và về công tác xây dựng Đảng. Đại hội đã nhất trí nâng cao khả năng lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, thúc đẩy quá trình đổi mới, nhanh chóng đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển.⁽⁷⁾

(4), (5) Xem trang tin www.vnanet.vn

(6) Xem: Báo *Nhân Dân*, ngày 20-4-2006, tr 7

(7) Xem: Báo *Quân đội nhân dân*, ngày 26-4-2006

2 – Các đảng trên thế giới chúc mừng Đại hội X

Vừa qua, Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận được nhiều điện mừng của các Đảng trên thế giới.

Điện mừng của *Đảng Cộng sản Trung Quốc* có đoạn: 76 năm qua, Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam thực hiện giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và không ngừng đạt được những bước tiến quan trọng trong quá trình tìm tòi con đường phát triển phù hợp với tình hình Việt Nam. Công cuộc Đổi mới bắt đầu cách đây 20 năm đã mở ra kỷ nguyên mới cho xây dựng chủ nghĩa xã hội của Việt Nam... Đại hội Đảng X là Đại hội quan trọng diễn ra vào lúc Đảng và nhân dân Việt Nam hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ mà Đại hội IX đề ra và công cuộc Đổi mới bước vào thời kỳ then chốt... Đại hội lần này sẽ kế thừa quá khứ, mở ra tương lai, trở thành Đại hội đoàn kết, Đại hội thắng lợi...

Ban Chấp hành Trung ương *Đảng Nhân dân Cách mạng Lào* đánh giá cao về công cuộc Đổi mới của Việt Nam, những thành tựu to lớn và toàn diện mà nhân dân Việt Nam đã đạt được trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Những thành tựu đó đã tạo thế và lực mới cho đất nước tiếp tục phát triển, giữ vững ổn định chính trị và trật tự xã hội, kinh tế tiếp tục tăng trưởng nhanh, đời sống nhân dân được cải thiện, quan hệ hợp tác với nước ngoài ngày càng được mở rộng, sự nghiệp đổi mới tiếp tục được nâng lên tầm cao mới...

Đảng Cộng sản Cu-ba bày tỏ lòng khâm phục đối với Đảng và nhân dân Việt Nam, đồng thời tin tưởng rằng Đại hội sẽ là một

đóng góp quyết định cho nỗ lực của những người cộng sản Việt Nam trong sự nghiệp phát triển đất nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh bất hủ, vì hạnh phúc của nhân dân cũng như trong sự nghiệp bảo vệ những thành quả mà chủ nghĩa xã hội đã mang lại cho nhân dân Việt Nam. Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam là một sự kiện chính trị trọng đại đối với Việt Nam, đánh dấu một mốc quan trọng trong công cuộc đổi mới, đây là dịp để các nhà lãnh đạo Việt Nam đánh giá lại những thành tựu kinh tế - xã hội trong hơn 20 năm qua và xác định phương hướng phát triển của đất nước trong tương lai ⁽⁸⁾.

Trong điện mừng Đại hội X Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương *Đảng Lao động Triều Tiên* bày tỏ sự tin tưởng vào việc nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, việc phát huy chủ nghĩa yêu nước và tinh thần đoàn kết của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân Việt Nam vì sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam phồn vinh.

Điện mừng của *Đảng Nhân dân Cam-pu-chia* viết: Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo đất nước, nhân dân Việt Nam thu được thắng lợi to lớn trên mọi lĩnh vực, và tin tưởng vững chắc rằng Đại hội X lần này sẽ thông qua những nghị quyết mới quan trọng nhằm hoàn thành thắng lợi công cuộc đổi mới và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai ⁽⁹⁾.

Đảng Cộng sản Pháp nêu lên quan hệ sâu đậm giữa Đảng Cộng sản Pháp và Đảng Cộng sản Việt Nam, giữa những người cộng sản hai nước Pháp và Việt Nam được thiết lập từ năm 1920; khẳng định tầm quan trọng trong việc làm sâu sắc thêm các cuộc trao đổi giữa

(8) Xem: Báo *Quân đội nhân dân* cuối tuần, ngày 23-4-2006, tr 16

(9) Xem trang tin www.vnanet.vn

hai đảng cộng sản, và sự đổi mới trong quan hệ thường xuyên, tin cậy, cởi mở giữa hai nước, đặc biệt trong bối cảnh quốc tế hiện nay⁽¹⁰⁾. *Đảng Cộng sản Mỹ* bày tỏ sự phấn khởi về những thành tựu kinh tế, chính trị, xã hội mà nhân dân Việt Nam đã giành được dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; chúc mừng những nỗ lực xóa đói nghèo và bệnh tật bất chấp những hậu quả kéo dài của các cuộc chiến tranh đế quốc để lại; tái khẳng định cam kết chung phấn đấu cho hòa bình, công lý và chủ nghĩa xã hội. *Đảng Cộng sản Liên bang Nga* cho rằng nhân dân Việt Nam cần cù đã tạo ra những điều kiện thuận lợi để tiến lên trên con đường tiến bộ. Đảng Cộng sản Việt Nam đang thể hiện cách tiếp cận có tính nguyên tắc, sáng tạo trong giải quyết các vấn đề phức tạp và quan trọng, đồng thời kiên định tư tưởng của chủ nghĩa xã hội⁽¹¹⁾.

Đảng Tiến bộ của nhân dân lao động Síp, Đảng Cộng sản các dân tộc Tây Ban Nha (PCPE), Đảng Nhân dân cách mạng Mông Cổ, Đảng Cộng sản Séc và Mô-ra-va, Đảng Cộng sản U-crai-na, Đảng Công nhân cộng sản Hung-ga-ri, Đảng Cộng sản Hy Lạp, Đảng Cộng sản Na-uy đều bày tỏ sự trân trọng đối với những thắng lợi mà Việt Nam đã đạt được trong các cuộc kháng chiến vì độc lập, tự do và thống nhất đất nước; tỏ lòng ngưỡng mộ con đường lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam cùng sự tưởng nhớ tới sự nghiệp đấu tranh vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người con lỗi lạc của dân tộc Việt Nam, người đã cống hiến cả cuộc đời mình cho sự nghiệp giải phóng đất nước, cho cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc; tin tưởng vào chiến lược phát triển đất nước khi Việt Nam tạo được những bước phá mới về kinh tế - xã hội; ghi nhận những đóng góp tích cực của những người cộng sản Việt Nam vào sự nghiệp phát triển các phong trào quốc tế chống đế quốc và những nỗ lực cùng

cố phong trào cộng sản quốc tế, đề cao bản sắc, hệ tư tưởng cộng sản và đưa ra đề án về tương lai xã hội chủ nghĩa⁽¹²⁾...

3- Những chính khách, chuyên gia nước ngoài đánh giá về Đại hội X

Trả lời phỏng vấn của báo Quân đội nhân dân ngày 20-4-2006, Đại sứ Vương quốc Anh tại Việt Nam, ông Rô-bốt Go-đơn nhận xét: "đợt phát động nhân dân đóng góp ý kiến cho dự thảo Báo cáo Chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam vừa qua rất *cởi mở và sôi nổi*. Hàng loạt ý kiến với cách nhìn khác nhau đã đăng tải trên các phương tiện đại chúng. Điều này chứng tỏ Đảng Cộng sản Việt Nam sẵn sàng lắng nghe những lời góp ý", và điều này cho thấy tinh thần dám nhìn thẳng vào sự thật của Đảng. Theo Đại sứ, dù có sự thay đổi về ban lãnh đạo thì Việt Nam sẽ không thay đổi hướng đi hiện nay bởi trong Đảng Cộng sản Việt Nam luôn có sự đồng thuận⁽¹³⁾.

Đại sứ Thụy Điển tại Việt Nam, bà An-na Lin-xtét khẳng định: Công cuộc Đổi mới của Việt Nam trong 20 năm qua không chỉ đem lại những thay đổi về kinh tế mà còn đem lại sự thay đổi sâu sắc cả về xã hội, chính trị và quan điểm về chính sách đối ngoại của Việt Nam. Bà nhấn mạnh việc dự thảo Báo cáo Chính trị trình Đại hội X được đưa ra lấy ý kiến rộng rãi của từng người dân địa phương cho thấy rõ nét sự phát triển của quyền công dân, dân chủ tại Việt Nam⁽¹⁴⁾.

Ông Giô-na-than Pin-cốt chuyên gia của Chương trình phát triển Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNDP) đánh giá: Việc dự thảo

(10), (11) Xem: Báo Nhân Dân, ngày 20-4-2006, tr 1, tr 5

(12) Xem: *Tlđđ*, ngày 21-4-2006, tr 2

(13), (14) Xem: Báo Quân đội nhân dân, ngày 20-4-2006, tr 8

Báo cáo Chính trị trình Đại hội Đảng X được đưa ra lấy ý kiến rộng rãi trong công chúng là một tiến triển rất tích cực. Ông cho rằng trong dự thảo Báo cáo Chính trị có đề cập việc đảng viên làm kinh tế tư nhân phải tuân thủ pháp luật, mọi quy định cũng như quy chế của Đảng là một thông điệp cho thấy Đảng Cộng sản Việt Nam rất cởi mở. Đó cũng là một bước tiến nữa tiến tới chế độ pháp quyền, theo đó tất cả mọi người không kể đảng viên hay không phải là đảng viên đều phải tuân thủ mọi pháp luật.

Ông Z.Pa-vlich, Tùy viên thương mại Ba Lan tại Việt Nam bày tỏ sự đánh giá cao về việc đưa *vấn đề tham nhũng* ra trao đổi và tìm biện pháp ngăn chặn. Bầu không khí dân chủ ở Việt Nam, theo ông, cũng giống như ở các nước có đầy đủ các tiêu chí dân chủ khác⁽¹⁵⁾.

Tổng Thư ký Đảng Dân chủ Tự do (LDP), Chủ tịch Liên minh nghị sĩ hữu nghị Nhật - Việt, ông Chur-tô-mur Ta-kê-bê cho rằng: Đại hội X là Đại hội mở và dân chủ. Ông tin tưởng rằng Đại hội sẽ thành công tốt đẹp. Ban lãnh đạo mới của Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ nâng cao hơn nữa vai trò lãnh đạo, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc Đổi mới để sớm đưa Việt Nam ra khỏi danh sách các nước kém phát triển. Về vấn đề chống tham nhũng, ông Ta-kê-bê hy vọng rằng, Đại hội X Đảng Cộng sản Việt Nam sẽ thảo luận vấn đề này một cách thực chất, đồng thời có biện pháp xử lý nghiêm khắc để ngăn chặn tình trạng tham nhũng, góp phần làm trong sạch bộ máy lãnh đạo cũng như nâng cao uy tín của Đảng⁽¹⁶⁾.

Ông Pin-cốt, chuyên gia Liên hợp quốc cho rằng: Đổi mới một lần nữa định nghĩa lại bản chất của quyền công dân Việt Nam. Theo ông, việc phát triển quyền công dân dân chủ nhất thiết phải là một tiến trình từng bước. Bởi vì nó sẽ dẫn tới quá trình thay đổi văn hóa -

chính trị lâu dài và không có kim chỉ nam nào mà mọi nước có thể làm theo. Do vậy, Việt Nam phải tìm được con đường riêng dẫn tới quyền công dân dân chủ.

Bà F.Oát-nơ, Cao ủy phụ trách đối ngoại và chính sách láng giềng châu Âu, cho rằng: việc Việt Nam quyết tâm cải cách và việc tiến trình này được khẳng định sẽ được tiếp tục ở Việt Nam là điều quan trọng nhất đối với Liên minh châu Âu (EU). Đây chính là cơ sở để hai bên tiếp tục phát triển quan hệ hợp tác. Ngoài ra, bà đánh giá cao việc lấy ý kiến của dân về các văn kiện Đại hội Đảng và việc xin ý kiến của các đối tác, nhà tài trợ nước ngoài về kế hoạch phát triển 5 năm, giúp đối tác nước ngoài có cơ hội đánh giá, xem xét khả năng hỗ trợ. Việt Nam là một mô hình tốt trong hoạt động phối hợp với các nhà viện trợ quốc tế để đạt được các mục tiêu thiên niên kỷ⁽¹⁷⁾.

Từ góc độ người Việt Nam sống tại nước ngoài hướng về Đại hội X của Đảng, giáo sư Trường đại học Mác-tin Luy-thơ (Đức), Hoàng Vũ Cường cho rằng: Đại hội lần này có nhiều nét mới như việc mọi người dân đều được theo dõi và đóng góp ý kiến vào dự thảo văn kiện Đại hội. Điều đó cho thấy người dân và tầng lớp lãnh đạo ngày càng gần nhau hơn. Ông hy vọng vào đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và đất nước để người dân tin hơn vào Đảng và đảng viên toàn tâm, toàn ý cho lợi ích của toàn dân tộc, thực sự phấn đấu cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. □

NGUYỄN THU PHƯƠNG
(Tổng thuật)

(15) Xem: *Tlđđ*, ngày 22-4-2006, tr 8

(16), (17) Xem trang tin www.vnnet.vn, *TLđđ*



QUAN HỆ GIỮA CÁC NƯỚC TỰ BẢN PHÁT TRIỂN TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA

NGUYỄN VIỆT THẢO *

SAU chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945), các nước tự bản chủ nghĩa bước vào thời kỳ phát triển mới mà một trong những đặc trưng nổi bật là sự hình thành và phát triển của ba trung tâm Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản. Đây vừa là ba mô hình chủ yếu của chủ nghĩa tư bản hiện đại xét trên cả hai phương diện phương thức sản xuất và chế độ xã hội, đồng thời cũng là ba trung tâm quyền lực của hệ thống tư bản chủ nghĩa thế giới. Chúng duy trì mối quan hệ vừa hợp tác, vừa căng thẳng, vừa mâu thuẫn, cạnh tranh gay gắt. Ba trung tâm này bao gồm tuyệt đại đa số các nước tự bản phát triển trên thế giới, bởi vậy mối quan hệ giữa ba trung tâm cũng chính là nội dung chủ yếu của quan hệ giữa các nước tự bản phát triển.

Từ đầu thập kỷ 90 của thế kỷ trước tới nay, mối quan hệ giữa các nước tự bản phát triển xoay quanh hai tiêu điểm lớn là tái cấu trúc thế giới sau chiến tranh lạnh và thúc đẩy xu thế toàn cầu hóa. Trong bối cảnh này, họ đã triển khai được *mối quan hệ phối hợp khá hiệu quả* trong quá trình thiết lập cục diện địa chiến lược thế giới mới của chủ nghĩa tư bản độc quyền, trong các chương trình kiểm soát tài chính - tiền tệ, tự do hóa thương mại toàn cầu và trong

chiến lược chống phá các lực lượng cách mạng thế giới.

Sự tan rã của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới tạo cho chủ nghĩa tư bản cơ hội ngàn vàng vẽ lại bản đồ chính trị thế giới. Hơn một thập kỷ rưỡi đã trôi qua, các nước tự bản phát triển có nhiều nỗ lực phối hợp trong việc *củng cố và mở rộng không gian chiến lược của chủ nghĩa tư bản độc quyền*. Gần như trong cùng một thời kỳ, cả Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản đều điều chỉnh chiến lược toàn cầu. Điểm chung trong các điều chỉnh này là tận dụng triệt để thời cơ lịch sử, củng cố vững chắc vai trò chi phối của tư bản độc quyền quốc tế trên hai hướng chiến lược châu Âu - Đại Tây Dương và châu Á - Thái Bình Dương, đồng thời tạo thế bao vây chiến lược đối với các đối thủ hàng đầu là Liên bang Nga và Trung Quốc.

Xu thế toàn cầu hóa càng làm gia tăng vai trò, vị trí địa chiến lược của châu Âu. Các học thuyết địa chính trị đều đã gộp đại lục Á, Âu và Phi thành hòn đảo khổng lồ của thế giới, trong đó không gian từ Đông Âu tới Xi-bê-ri được xem là *vùng đất trái tim*; và Đông Âu là cửa

* TS, Tổng Biên tập Tạp chí Lý luận chính trị

ngõ vào vùng đất trái tim đó. Người ta cho rằng, ai khống chế được Đông Âu, sẽ tiến được vào vùng đất trái tim để chế ngự hòn đảo thế giới và bá chủ địa cầu. Ngoài vai trò, vị trí địa chiến lược này, châu Âu còn có tiềm lực lớn về kinh tế, chính trị và quân sự, thường xuyên tác động đến sự vận động của thế giới. Đó là những cơ sở chủ yếu tạo ra cho châu Âu vị thế là khu vực then chốt quyết định chiến tranh và hòa bình thế giới từ lịch sử cận đại đến nay. Bởi vậy, trong bối cảnh toàn cầu hóa với đầy yếu tố bất trắc khó lường, Mỹ và các nước tư bản phát triển khác đặc biệt coi trọng việc thiết lập cục diện an ninh xuyên Đại Tây Dương giữa Tây Âu và Bắc Mỹ.

Trên hướng châu Âu - Đại Tây Dương, Mỹ và các cường quốc phương Tây khác tiến hành đồng thời hai quá trình mở rộng Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) và Liên minh châu Âu (EU). Năm 1998, NATO kết nạp thêm ba quốc gia Đông Âu là Hung-ga-ri, Séc và Ba Lan. Năm 2002, bảy nước khác gia nhập tổ chức này, trong đó có ba nước Bắc Âu (Lát-vi-a, E-xtô-ni-a và Lít-va) và bốn nước Trung Nam Âu (Ru-ma-ni, Bun-ga-ri, Xlô-ve-ni-a và Xlô-va-ki-a). Tháng 4-1999, sau chiến tranh Cô-xô-vô, Mỹ chi phối được quốc gia Nam Âu là Nam Tư. Năm 2001, Mỹ và các đồng minh phương Tây đánh chiếm Áp-ga-ni-xtan và chốt giữ được nhiều vị trí trọng yếu ở Trung Á. Và năm 2003, liên quân Mỹ - Anh đã bắt đầu cuộc chiến tấn công I-rắc. Như vậy là, vòng cung địa chiến lược do các đồng minh phương Bắc tạo lập thật sự rộng lớn, kéo dài từ Bắc Âu xuống Tây Á - Trung Đông, đồng thời từ Tây Âu chọc xiên xuống tận Nam Âu, bao vây được cả sườn giữa Ấn Độ, Nga và Trung Quốc.

Đến năm 2004, EU đã được mở rộng bao gồm 25 quốc gia thuộc hầu như toàn bộ lục địa châu Âu, phản ánh khá rõ nét ý tưởng phối hợp chặt chẽ giữa các nước tư bản phát triển nhằm nhất thể hóa kinh tế - xã hội châu lục trong khuôn khổ của toàn cầu hóa tự do tư bản chủ

nghĩa. Trong lúc đó, các nước thành viên Hiệp định Thương mại Tự do Bắc Mỹ (NAFTA) là Mỹ, Ca-na-đa và Mê-hi-cô cũng củng cố và chuẩn bị phương án mở rộng phạm vi hoạt động; đồng thời Nhật Bản và các nước công nghiệp hóa mới ở Đông Á có nhiều nỗ lực tạo lập sức mạnh chung. Quá trình tăng cường và củng cố ba trung tâm tư bản chủ nghĩa là một trong những nội dung nổi bật hàng đầu của quan hệ giữa các cường quốc tư bản trong xu thế toàn cầu hóa. Tư bản độc quyền quốc tế tham vọng phân chia nhau các không gian chiến lược toàn cầu. Đây là cơ sở kinh tế - vật chất để họ thực hiện ý đồ thiết lập cục diện thế giới bá quyền của chủ nghĩa tư bản trong điều kiện toàn cầu hóa.

Trên hướng châu Á - Thái Bình Dương, các nước tư bản phát triển sớm xây dựng hệ thống các quan hệ song phương, đa phương trên nhiều bình diện. Mỹ thiết lập Cộng đồng Thái Bình Dương mới, gắn các lợi ích an ninh khu vực với tăng trưởng kinh tế và thúc đẩy dân chủ. Sự hiện diện của 48.000 quân Mỹ tại Nhật Bản và 37.000 quân khác tại Hàn Quốc; sự điều chỉnh Hiệp ước An ninh Mỹ - Nhật mở rộng hoạt động tác chiến của Mỹ ra các khu vực phụ cận và những hành động năng nổ của Nhật Bản trong cuộc chiến Áp-ga-ni-xtan; những biểu hiện về sự đồng thuận chính trị giữa Mỹ và Nhật Bản, Mỹ và Ô-xtrây-li-a cộng với hoạt động phối hợp giữa các nước tư bản phát triển trong Diễn đàn Hợp tác Á - Âu (ASEM) từ đầu thập kỷ 90 đến nay v.v.. là những phản ánh khá sinh động về sự cấu kết, thống nhất giữa các cường quốc tư bản trong quá trình tìm kiếm ưu thế chiến lược cho quyền lực của tư bản độc quyền ở châu Á - Thái Bình Dương, một khu vực hứa hẹn nhiều tiềm năng lớn trong bản đồ chính trị thế giới thế kỷ XXI.

Từ nhiều năm nay, cộng đồng quốc tế áp ủ hy vọng toàn cầu hóa và hội nhập sẽ tạo cơ hội cho tất cả các quốc gia, trong đó có các quốc gia phương Nam, phát huy vai trò, vị trí quốc tế

của mình; đồng thời thực hiện sự phát triển trong đa dạng. Các nước tư bản phát triển dường như cảm nhận những nhân tố tiềm ẩn có khả năng đe dọa ưu thế truyền thống, vừa phân chia khu vực ảnh hưởng, vừa phối hợp tạo lập cục diện chiến lược quốc tế của tư bản độc quyền, phục vụ mưu đồ ngăn chặn mọi đối thủ chiến lược và biến toàn cầu hóa thành tự do hóa tư bản chủ nghĩa. Kết cấu quan hệ quốc tế này chứa đầy tính chất co cụm cục bộ, trái ngược với bản chất mở của toàn cầu hóa với tính cách là một xu thế khách quan. Kiểu quan hệ quốc tế này đang và sẽ tiếp tục làm toàn bộ hệ thống quốc tế đương đại vận động một cách thiếu cân bằng và chứa nhiều nguy cơ bùng nổ.

Toàn cầu hóa được triển khai trên nhiều lĩnh vực, nhưng hiện nay chủ yếu là trên lĩnh vực kinh tế - thương mại và tài chính tiền tệ. Bởi vậy, hệ thống quan hệ nội bộ giữa các nước tư bản phát triển cũng đang hướng vào mục tiêu *tự do hóa thương mại toàn cầu và kiểm soát tài chính - tiền tệ quốc tế*.

Trong thế giới toàn cầu hóa hiện nay, các quan hệ kinh tế quốc tế xâm nhập lẫn nhau, đan xen nhau ngày càng đa dạng, đa chiều. Quan hệ giữa các nước, các nền kinh tế tư bản phát triển là một điển hình. Ba trung tâm tư bản chủ nghĩa nói riêng và các nước phương Tây nói chung đã trở thành đối tượng đầu tư và đối tác thương mại chính của nhau. Cách mạng khoa học - công nghệ, kinh tế tri thức, xu thế toàn cầu hóa không chỉ tạo ra cơ sở vật chất - kỹ thuật và thị trường liên hoàn cho sự xâm nhập kinh tế giữa các nước tư bản phát triển, mà còn mở ra những lĩnh vực đầu tư, buôn bán mới; mặt khác cũng tạo ra sự tương đồng nội bộ rất lớn trong sản xuất kinh doanh, môi trường kinh tế và các mặt bảo đảm khác. Gần 45% đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Mỹ được đưa vào thị trường EU và gần 60% FDI của EU là dành cho Mỹ. Hai đối tác Mỹ và EU chiếm tổng cộng 63% FDI của Nhật Bản. Về buôn bán, Mỹ và EU chiếm hơn 20% tổng giá trị kim ngạch song

phương, đồng thời cả hai đều chiếm tỷ trọng lớn trong tổng giá trị ngoại thương của Nhật Bản.

Sự xâm nhập, đan xen giữa các chủ thể kinh tế phương Tây còn được thể hiện thông qua quá trình sáp nhập, hợp nhất các công ty xuyên quốc gia. Mở đầu từ thập kỷ 80, quá trình này diễn ra mạnh mẽ trong những năm vừa qua, đưa tổng giá trị mua bán giữa các đại tư bản độc quyền quốc tế lên tới gần 2 nghìn tỉ USD hằng năm.

Từ đầu thập kỷ 80 của thế kỷ XX đến nay, Mỹ và các nước G7 phối hợp với nhau khá hiệu quả trong việc tạo lập một sự cưỡng chế tập thể về thương mại toàn cầu đối với các nước nghèo và đang phát triển. Ngoài việc xuất nhập khẩu hàng hóa, họ muốn đưa vào chương trình nghị sự và các vòng đàm phán của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) hàng loạt vấn đề then chốt khác của nền kinh tế mới như dịch vụ, công nghệ cao, đầu tư, sở hữu trí tuệ, môi trường, chính sách cạnh tranh, xét thầu chính phủ và tiêu chuẩn lao động. Những vấn đề này được đưa ra bàn bạc và từng bước thể chế hóa tại các Hội nghị Bộ trưởng WTO hằng năm, dưới sự khống chế tập thể của siêu cường Mỹ và các cường quốc tư bản khác. Họ làm được điều này trước hết là nhờ vào ưu thế kinh tế thương mại: các nước G7 chiếm 45% GDP toàn thế giới, 78% kim ngạch buôn bán, 85% FDI ra nước ngoài và 70% FDI của nước ngoài, đồng thời chiếm cổ phần áp đảo trong tổng quỹ của các thiết chế kinh tế thương mại toàn cầu.

Toàn cầu hóa trong quỹ đạo của chủ nghĩa tự do tư bản hiện nay không xóa bỏ độc quyền, mà ngược lại làm cho độc quyền được thực hiện gay gắt hơn dưới những hình thức phổ biến là độc quyền xuyên quốc gia, độc quyền nhà nước và độc quyền quốc tế nhà nước. Với việc sử dụng các hình thức độc quyền này, các trung tâm tư bản chủ nghĩa, các cường quốc công nghiệp phát triển đã phối hợp, nhân nhượng, thỏa hiệp với nhau trong việc phân

chia thị trường thế giới. Đối tượng phân chia không chỉ là thị trường tiêu thụ hàng hóa, vùng nguyên liệu, lao động rẻ, mà là toàn bộ những yếu tố tham gia vào quá trình tái sản xuất mở rộng bao gồm những yếu tố cần thiết cho bản thân quá trình sản xuất, những yếu tố thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm và những yếu tố bảo đảm sự hoạt động của tư bản. Trong khuôn khổ những nỗ lực phân chia thị trường thế giới những năm gần đây, các cường quốc phương Tây cũng tỏ ra khá đồng thuận trong đối sách chiến lược đối với thị trường Liên bang Nga, Trung Quốc, các nước chuyển đổi và các thị trường mới nổi dậy với mục tiêu chung là đưa tất cả vào quỹ đạo phương Tây.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, Mỹ và các đồng minh phương Tây lợi dụng ưu thế nhiều mặt, ráo riết thực hiện các chiến lược toàn cầu phản cách mạng. Tất cả các chiến lược đó đều có chung bản chất phản động, mục tiêu phản cách mạng và lợi ích bá quyền thế giới.

Về bản chất, chủ nghĩa tư bản không có sự đoàn kết, thống nhất, nhưng trong điều kiện nhất định, các cường quốc tư bản vẫn có khả năng tạo lập sự hợp tác, phối hợp, đồng thuận và tìm kiếm tiếng nói chung trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, an ninh và phát triển như đã được thể hiện trong thế giới toàn cầu hóa hiện nay. Tuy nhiên, trong mọi thời kỳ, họ không che giấu nổi những mâu thuẫn cố hữu. Ngày nay, mâu thuẫn giữa các nước tư bản hàng đầu thể hiện trên ba vấn đề lớn là *xác lập trật tự thế giới, phân chia thị trường toàn cầu và cạnh tranh ưu thế phát triển*.

Sau khi Liên Xô tan rã, Mỹ còn lại với tư cách là siêu cường thế giới duy nhất. Ưu thế ấy của Mỹ đến nay vẫn là một thực tế trên các lĩnh vực chủ yếu về kinh tế, quân sự, khoa học - công nghệ... Hiện nay và trong những năm tới, khó có cường quốc nào cạnh tranh được với Mỹ vị trí siêu cường nêu trên. Lợi dụng thời cơ lịch sử, các chính quyền Mỹ từ cuối thập kỷ 80 của thế kỷ XX đến nay đều công khai tuyên bố

tham vọng bá chủ toàn cầu, vạch ra hàng loạt chiến lược nhằm thực hiện vai trò độc quyền lãnh đạo thế giới. Cuộc chiến tranh vùng Vịnh tháng 8-1990, chiến tranh Bô-xni-a - Héc-xê-gô-vi-na năm 1995, tiến trình Đông tiến của NATO, cuộc chiến Cô-xô-vô tháng 4-1999, chiến tranh Áp-ga-ni-xtan cuối năm 2001, cuộc chiến tranh I-rắc năm 2003... là những biểu hiện cụ thể của mưu đồ chiến lược Mỹ về một trật tự thế giới đơn cực do Mỹ khống chế. Đối lập với Mỹ là hàng loạt cường quốc tư bản phương Tây không giấu diếm ý tưởng xây dựng một trật tự thế giới đa cực. Họ củng cố sức mạnh của các thể chế khu vực không có sự tham gia của Mỹ (tiêu biểu là EU). Họ ký kết nhiều hiệp định quan hệ đối tác chiến lược với các nước lớn khác (Nga, Trung Quốc, Ấn Độ) nhằm thành lập nhiều thực thể đối trọng với Mỹ. Họ bác bỏ sự áp đặt của Mỹ trong một số vấn đề quốc tế quan trọng. Mâu thuẫn về ý đồ thiết lập trật tự thế giới nổi lên như mâu thuẫn hàng đầu trong quan hệ giữa Mỹ và các cường quốc tư bản khác. Nó có khả năng làm cho quá trình toàn cầu hóa diễn biến một cách không đồng điệu với sức nặng chi phối của nhiều trung tâm quyền lực quốc tế và trung tâm kinh tế toàn cầu đối trọng nhau.

Phân chia thị trường thế giới được bắt đầu từ cuối thế kỷ XIX, khi chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn độc quyền đế quốc. Những thăng trầm của chủ nghĩa tư bản từ đó đến nay, suy cho cùng, đều có căn nguyên và động lực từ những mâu thuẫn xảy ra trong quá trình phân chia thị trường thế giới giữa các thể lực tư bản hàng đầu. Họ sử dụng hàng loạt công cụ, thiết chế để cạnh tranh thị trường như tăng cường hoạt động của mạng lưới các công ty xuyên quốc gia; áp dụng chính sách bảo hộ mậu dịch dưới nhiều biến tướng tinh vi, chủ động thành lập các thị trường liên kết khu vực, v.v... Mâu thuẫn giữa các nước tư bản phương Tây, giữa các tập đoàn độc quyền thế giới được thể hiện thành những cuộc chiến tranh thương mại diễn

ra khá thường xuyên, hoặc những biện pháp trả đũa gay gắt, hoặc những vụ khiếu kiện kéo dài... Mặc dù ngày nay không quốc gia nào, không thể lực nào có thể đạt tới sự độc quyền tuyệt đối, nhưng sự cạnh tranh thị trường gay gắt giữa các cường quốc tư bản cũng có ảnh hưởng phức tạp đến tiến trình toàn cầu hóa nói riêng và đời sống quốc tế nói chung.

Trong thời đại của cách mạng khoa học - công nghệ và toàn cầu hóa hiện nay, mâu thuẫn giữa các nước tư bản phát triển còn xuất hiện trong việc cạnh tranh ưu thế phát triển bao gồm công nghệ tiên tiến, truyền bá văn hóa - tư tưởng và giải quyết các vấn đề toàn cầu cấp bách.

Theo quan niệm truyền thống, cơ sở chủ yếu của quyền lực là sức mạnh quân sự và sức mạnh kinh tế. Ngày nay, chính trị học hiện đại đã bổ sung cơ sở thứ ba là tri thức, trí tuệ được chuyển thành các phát minh khoa học và bí quyết công nghệ. Các chính quyền tư bản phương Tây rất ý thức được điều này, đã xây dựng nhiều chiến lược cạnh tranh với tổng chi phí cho nghiên cứu và phát triển (R & D) ngày càng cao; tiến hành thường xuyên các hoạt động tình báo nhằm khai thác bí mật khoa học - công nghệ của đối phương và ban hành những quy định nghiêm ngặt nhằm bảo vệ độc quyền công nghệ tiên tiến. Bản chất ích kỷ này của chủ nghĩa tư bản không thể tương dung với tính chất xã hội hóa cao độ của khoa học - công nghệ với tư cách là lực lượng sản xuất trực tiếp và với tính chất mở của xu thế toàn cầu hóa.

Ngay từ đầu thập kỷ 90, chính quyền Mỹ đã công khai khẳng định mục tiêu trong chiến lược toàn cầu là phổ biến các giá trị Mỹ ra toàn thế giới. Mỹ đã lợi dụng tiến trình toàn cầu hóa để tiến hành "Mỹ hóa" tư duy, tình cảm, tư tưởng, lối sống, sinh hoạt... của toàn thế giới. Ý đồ bá quyền này đã bị ngay các chính quyền phương Tây lên án từ nhiều năm nay. Họ gọi Mỹ là chủ nghĩa đế quốc về văn hóa, là siêu cường đơn độc... và đã nhiều lần, họ đối lập với Mỹ trong

đánh giá về tôn giáo và nhân quyền trên thế giới. Cuộc đấu tranh trong nội bộ các cường quốc phương Tây chống lại bá quyền văn hóa Mỹ cũng không kém phần kiên quyết so với chống lại nền chính trị đơn phương cường quyền của Mỹ trong quá trình toàn cầu hóa hiện nay.

Các đồng minh phương Tây còn mâu thuẫn trong việc giải quyết những vấn đề toàn cầu cấp bách đang đe dọa sự sống còn của nhân loại. Thế giới nói chung và các cường quốc phương Tây nói riêng đều yêu cầu Mỹ phải từ bỏ thái độ ích kỷ, thực hiện trách nhiệm lớn hơn nữa trong việc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường sinh thái, chữa trị các căn bệnh hiểm nghèo; xóa đói, giảm nghèo ở các nước thuộc thế giới thứ ba, ngăn chặn ma túy... Sự khác biệt về quan điểm giữa Mỹ và các nước phương Tây khác được phản ánh rõ nét tại các diễn đàn quốc tế, như Hội nghị Ky-ô-tô (Nhật Bản) năm 2002 và Hội nghị tài trợ cho phát triển Mông-tơ-rây (Mê-hi-cô) tháng 5-2002...

Những mâu thuẫn, bất đồng nêu trên tồn tại một cách thực tế, phản ánh bản chất và hạn chế nội tại của chủ nghĩa tư bản. Mặt khác, chúng vận động trong một thế giới toàn cầu hóa và trong cục diện hợp tác nhiều mặt giữa Mỹ và các đồng minh phương Tây. Bởi vậy, những mâu thuẫn ấy tuy vẫn gay gắt, phức tạp, nhưng được khống chế trong giới hạn nhất định. Một số mâu thuẫn, bất đồng đã được tháo gỡ thông qua thương lượng, thỏa hiệp. Quan hệ giữa các cường quốc tư bản phát triển hiện nay là mối quan hệ vừa hợp tác, vừa cạnh tranh; vừa hướng tâm, vừa ly tâm; vừa phối hợp, vừa chế ước nhau. Những véc-tơ thuận nghịch đa chiều này tạo ra mâu thuẫn biện chứng ngay trong lòng mối quan hệ nội bộ của chủ nghĩa tư bản hiện đại. Hạn chế lịch sử và khả năng tiếp tục thích nghi và phát triển của thực thể kinh tế - xã hội này trong những năm tới cũng cần được xem xét từ đặc điểm và xu hướng của mối quan hệ vừa được đề cập. □



TỔNG CÔNG TY THÀNH AN

THANH AN CORPORATION

(BINH ĐOÀN 11)

Địa chỉ: 141 Hồ Đắc Di - Nam Đồng - Đống Đa - Tp. Hà Nội Tel: 8.573 077-8.572 793-5.330 163 - Fax: 04.8 573 112

Tổng Công ty Thành An là một doanh nghiệp kinh tế quốc phòng của quân đội hoạt động trên địa bàn cả nước và nước ngoài. Được thành lập lại theo Quyết định số 400/QĐ-QP, ngày 04-4-1996, của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Tổng giám đốc

Đại tá **TRẦN XUÂN CẢNH**



Trụ sở Tổng công ty

NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT- KINH DOANH CHỦ YẾU

- ♦ Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bưu điện, sân bay, bến cảng, cầu đường, đường dây tải điện, trạm biến áp, công trình cấp thoát nước, công trình công cộng và các công trình xây dựng cơ bản khác.
- ♦ Thi công nạo vét và san lấp mặt bằng.
- ♦ Lắp đặt thiết bị cơ, điện, nước công trình, trang trí nội ngoại thất và hoàn thiện công trình.
- ♦ Lắp đặt và kinh doanh thiết bị máy móc.
- ♦ Tư vấn khảo sát thiết kế xây dựng.
- ♦ Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng.
- ♦ Khai thác khoáng sản.
- ♦ Sản xuất cơ khí, sửa chữa thiết bị và các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng và tiêu dùng.
- ♦ Vận tải phục vụ xây dựng.
- ♦ Dịch vụ nhà khách.
- ♦ Đào tạo, huấn luyện và cung ứng lao động ngành xây dựng.
- ♦ Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng phục vụ xây dựng của Tổng công ty.
- ♦ Đầu tư phát triển hạ tầng và kinh doanh nhà.

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN:

- | | | |
|--|--|--|
| ☐ CÔNG TY LẮP MÁY 386
116 Vũ Xuân Thiều, Phúc Lợi, Long Biên Hà Nội | ☐ CÔNG TY TƯ VẤN VÀ THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH
141 Hồ Đắc Di, Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội | ☐ CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH
364/1A Phan Văn Trị, P.3, Q. Gò Vấp |
| ☐ CÔNG TY XÂY LẮP 665
Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội | ☐ CÔNG TY LIÊN DOANH ACSCO
tại CHDCND Lào | ☐ CHI NHÁNH HOÀ BÌNH
Tổ 1, P. Tân Thịnh, thị xã Hoà Bình |
| ☐ CÔNG TY XÂY LẮP 96
Số 2 Nguyễn Văn Trỗi, Hải Châu, Đà Nẵng | ☐ CÔNG TY ĐẦU TƯ XÂY LẮP VÀ THƯƠNG MẠI 36
141 Hồ Đắc Di, Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội. | ☐ CHI NHÁNH MIỀN TRUNG
265 Phan Đình Phùng, TP. Quảng Ngãi |
| ☐ CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 56
326 Lê Trọng Tấn, Hà Nội | ☐ XÍ NGHIỆP 141
Số 2 Bạch Đằng, Hồng Bàng, Hải Phòng | ☐ TRƯỜNG DẠY NGHỀ SỐ 18 BQP
Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội |
| ☐ CÔNG TY XÂY LẮP 394
18H, Cộng Hoà, Tân Bình, TP Hồ Chí Minh | ☐ XÍ NGHIỆP 59
141 Hồ Đắc Di, Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội | ☐ TRUNG TÂM THÍ NGHIỆM & KBCLXD
Xuân Đình, Từ Liêm, Hà Nội |
| ☐ CÔNG TY CỔ PHẦN 77
Xã Liên Sơn, Kim Bảng, Hà Nam | ☐ XÍ NGHIỆP CẢNG VÀ KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG
108 Lê Trọng Tấn, Hà Nội | ☐ TRUNG TÂM XUẤT KHẨU LAO ĐỘNG
141 Hồ Đắc Di, Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội |



Khu chung cư Mỹ Đình 1



Lắp sông Công thủy điện Bân Vê



Đoàn trường Hải Quan



Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y được thành lập theo Quyết định số 06/QĐ-TTg, ngày 05 tháng 01 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt dự án: phát triển kinh tế - xã hội khu vực cửa khẩu Bờ Y. Theo quyết định số 217/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, BQL trực thuộc Thủ tướng Chính phủ và phạm vi xây dựng KKT cửa khẩu Bờ Y rộng 68.570 ha, bao gồm thị trấn Plei Kẩn và các xã Sa loong, Bờ Y, Đắc Sứ, Đắc Nông, Đắc Dục thuộc huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum có địa giới như sau: phía bắc giáp huyện Đắc Glai, phía nam giáp huyện Sa Thầy, đông giáp huyện Đắc Tô và xã Đắc Ang (huyện Ngọc Hồi), phía tây giáp Lào và Cam-pu-chia (có chung đường biên giới với Lào 30 km, Cam-pu-chia 25 km). KKT giáp ranh với tỉnh Atô-pơ của Lào và Ratanakiri của Cam-pu-chia, nằm trong tam giác phát triển bao gồm 10 tỉnh kề cận của 3 nước và là trung tâm liên kết trên hành lang kinh tế Đông Tây. KKT được hướng phát triển theo cả 4 hướng với từng phân khu chức năng: khu công nghiệp và thương mại, khu đô thị, khu du lịch- dịch vụ, khu phát triển nông lâm nghiệp. Theo dự kiến trong tương lai, đường 18 từ cửa khẩu Bờ Y đến thị xã tỉnh lỵ Atô-pơ (Lào) dài 117 km với nguồn vốn ODA 49 triệu USD sẽ hoàn chỉnh, mở ra một trang mới của khu vực tam giác phát triển.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU CỦA KHU KINH TẾ CỬA KHẨU QUỐC TẾ BỜ Y:

- Xây dựng và phát triển khu KTCKQT Bờ Y trở thành vùng động lực, trung tâm liên kết trên hành lang kinh tế Đông - Tây trong tam giác phát triển ba nước Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia.
- Xây dựng Khu KTCKQT Bờ Y trở thành đô thị biên giới, thúc đẩy phát triển kinh tế, phát huy tác dụng lan toả của Khu KTCKQT Bờ Y đối với tam giác phát triển ba nước Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia trong quá trình hội nhập.
- Thúc đẩy phát triển khu vực nông thôn, biên

giới và hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái, văn hoá, xã hội, dân tộc, trật tự an ninh quốc phòng trên cơ sở tạo được nhiều việc làm, thúc đẩy đào tạo, nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực.

- Tạo điều kiện bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và an ninh biên giới quốc gia, giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bảo đảm đoàn kết dân tộc, tăng cường mối quan hệ hợp tác hữu nghị với các quốc gia trong khu vực.

CÁC NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN:

- Triển khai thực hiện quy hoạch xây dựng chung, lập quy hoạch chi tiết phát triển khu KTCKQT Bờ Y.
- Cấp, gia hạn và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư, giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân và doanh nghiệp trong và ngoài nước, giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, giấy phép lao động...
- Quản lý toàn bộ diện tích đất, mặt nước đã quy hoạch cho đầu tư phát triển khu KTCKQT Bờ Y.
- Xây dựng, ban hành các khung giá, phí và lệ phí để thực hiện tại Khu KTCKQT Bờ Y.
- Là đầu mối giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hình thành, triển khai và thực hiện các dự án đầu tư, kinh doanh và hoạt động tại Khu KTCKQT Bờ Y.
- Quản lý, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên và môi trường trong Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y.
- Thực hiện việc quản lý các nguồn đầu tư, quản lý sử dụng các dự án xây dựng bằng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước tại Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y theo đúng quy định.
- Tổ chức, triển khai, giới thiệu, đàm phán xúc tiến đầu tư thương mại, du lịch trong và ngoài nước.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM

Địa chỉ: 169 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội * Điện thoại: 04- 8 573 204 (111)/ 8 518 316/ 8 517 076 * Fax: (84-4) 8 518 316



Hiệu trưởng

PGS. TSKH. NGUYỄN VIỆT VƯỢNG

Trường đại học Công đoàn Việt Nam thành lập ngày 15-5-1946. Trường đã phát triển từng bước từ Trường sơ cấp, trung cấp, đến cao cấp và ngày 19-5-1992 đã được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính Phủ) đổi tên thành Trường Đại học Công đoàn Việt Nam. Trường Đại học Công đoàn Việt Nam là trường đại học đa ngành, đa cấp, là trung tâm nghiên cứu khoa học và thực tiễn về những lĩnh vực khoa học khác nhau, đặc biệt là lĩnh vực phong trào công nhân và hoạt động công đoàn.

Từ khi hòa nhập vào hệ thống giáo dục quốc gia, thực hiện chức năng đào tạo cán bộ cho tổ chức công đoàn và đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội, Trường Đại học Công đoàn đã đào tạo trên 10.000 sinh viên đại học hệ chính quy tập trung và hơn 7.000 sinh viên hệ tại chức.

Trường đã và đang thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, cấp bộ, cấp cơ sở. Những hoạt động nghiên cứu này đã góp phần vào việc thực hiện nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường và sự phát triển của đất nước.

Trường Đại học Công đoàn rất coi trọng mở rộng quan hệ hợp tác trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học với các học viện, trung tâm đào tạo cán bộ công đoàn các nước như Nga, Trung Quốc, Lào...

- Hệ đào tạo: Chính qui tập trung, tại chức.

- Các ngành đào tạo:

Hiện nay trường có 6 ngành: Quản trị kinh doanh, Bảo hộ lao động, Xã hội học, Công tác xã hội, Tài chính ngân hàng, Kế toán.

Sắp tới sẽ mở thêm các ngành mới: Kinh tế, Pháp luật lao động và công đoàn, Văn hoá quần chúng, Ngoại ngữ.

- Lưu lượng sinh viên hằng năm: 6.500 sinh viên

- Đội ngũ cán bộ giảng dạy: Trường có tổng số 210 cán bộ giảng viên và 190 cán bộ giảng viên kiêm chức và cộng tác viên khoa học.

- Cơ sở vật chất: 01 giảng đường 7 tầng, 01 giảng đường 4 tầng, 01 thư viện 4 tầng, 01 nhà thí nghiệm 4 tầng, 01 nhà giáo dục thể chất 2 tầng, 01 ký túc xá 5 tầng, 02 ký túc xá 4 tầng, 01 nhà ăn 2 tầng của sinh viên.



CÁC DANH HIỆU CAO QUÝ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

- Huân chương Lao động hạng Nhất (1981)

- Huân chương Độc lập hạng Ba (1991)

- Huân chương Độc lập hạng Nhì (2001)

- Huân chương Lao động hạng Ba cho Công đoàn trường (2000)

- Huân chương Lao động hạng Ba cho công tác TDTT (2001)

- Huân chương Lao động hạng Nhất của nước CHDCND Lào (2001)

NHIỆT LIỆT CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ X



CÔNG TY DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ
(THUỘC TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN)

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC VÀ LIÊN DOANH



CÔNG VIÊN VĂN HÓA ĐẦM SEN



KHU DU LỊCH SINH THÁI VẦM SẮT



KHÁCH SẠN NGỌC LAN



NHÀ HÀNG PHONG LAN



KHÁCH SẠN PHÚ THỌ



NHÀ HÀNG THỦY TẠ ĐẦM SEN



CLB TDTT ĐẦM SEN



TRUNG TÂM BOWLING ĐẦM SEN



CÔNG VIÊN NƯỚC ĐẦM SEN



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HỒNG PHÁT

212A, Đường 3/2, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

Điện thoại: 071.830 150 - Fax: 071.834 083

KHU DÂN CƯ CÁI SƠN HÀNG BÀNG

BÁN NỀN CÓ SỔ ĐỎ

- ❖ Khu dân cư **CÁI SƠN HÀNG BÀNG** có vị trí trung tâm TP Cần Thơ, nằm cặp đường Nguyễn Văn Cừ nối dài và nối tỉnh lộ 923, dân cư đông đúc.
- ❖ Gần Trường đại học Cần Thơ, Bệnh viện đa khoa, Siêu thị METRO, bến xe, hội đủ các điều kiện đầu tư, sinh hoạt, học tập ...

**PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN LINH HOẠT
TIỀN MẶT HOẶC CHUYỂN KHOẢN**



THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG QUẬN LIÊN CHIÊU

Chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X

Địa chỉ: Số 91 - Ngô Thời Nhậm * Điện thoại: 0511 841 012 * Fax: 0511 841 882

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN 85 PROJECT MANAGEMENT UNIT 85

Địa chỉ: 184 Nguyễn Sỹ Sách- thành phố Vinh * Điện thoại: 038 844 782/ 841 252; Fax: 038 841 253



Ban quản lý dự án 85 đón nhận
Huân chương Độc lập hạng Ba tại
lễ khánh thành hầm Hải Vân

Ban quản lý dự án 85 tiền thân là ban kiến thiết 278 được Bộ GTVT thành lập năm 1979 và được đổi tên là Ban quản lý công trình năm 1985 và thành Ban Quản lý dự án 85 năm 1995 thực hiện nhiệm vụ thay mặt Bộ làm đại diện chủ đầu tư các công trình xây dựng giao thông quan trọng. Với sự cố gắng phấn đấu không ngừng vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, cho đến nay, Ban Quản lý dự án 85 đã tổ chức, quản lý, điều hành xây dựng hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng nhiều công trình được công nhận đạt chất lượng cao như:

- ❖ Quốc lộ 8A - Hà Tĩnh (xây dựng 1988 - 1996) đạt danh hiệu con đường ngang đẹp nhất Việt Nam 1997- 2002.
- ❖ Cầu Sông Gianh Km 625 +500 trên Quốc lộ 1A- tỉnh Quảng Bình (XD 1994- 1998), cầu dài 750m có nhịp bê tông cốt thép dự ứng lực dài nhất Đông Nam Á (120m) thi công theo công nghệ đúc hẫng của Cộng hòa Pháp, đạt huy hiệu công trình áp dụng công nghệ mới Đông Nam Châu Á và là 10 công trình tiêu biểu ngành GTVT 1990- 2000.
- ❖ Cầu Quán Hàu km 671+500 trên quốc lộ 1A- tỉnh Quảng Bình (XD 1996-2000), cầu dài 550m thi công với công nghệ đúc hẫng và đúc đẩy, công trình được cấp bằng chất lượng cao trong nước.
- ❖ Các công trình được đánh giá có hiệu quả cao trong Hội nghị tiểu vùng sông Mê Kông (GMS) đó là Cảng Tiên Sa- Đà Nẵng, hầm Hải Vân Quốc lộ 9.

Vừa qua, Hiệp hội các Công ty tư vấn Hoa Kỳ (ACEC) đã bầu chọn dự án Hầm đường bộ qua đèo Hải Vân là công trình kỹ thuật chất lượng cao (EEA) năm 2005 và sẽ tổ chức trao giải thưởng uy tín này vào ngày 2/5/2006 tại Washington D.C cho Ban Quản lý dự án 85 và hãng Luoís Berger. Ngày 31/3/2006, ACEC đã có thư gửi Thủ tướng Phan Văn Khải về việc chúc mừng và thông báo sự kiện trên.



TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI SÀI GÒN SAIGON TRADING GROUP

Địa chỉ: 275B Phạm Ngũ Lão, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84.8) 8 368 779 - 8 368 735 Fax: (84.8) 8 375 902 - 8 369 327

Email: satra@hcm.vnn.vn

Website: www.satra.hochiminhcity.gov.vn

Tổng công ty Thương mại Sài Gòn - SATRA được hình thành từ những công ty chuyên nghiệp trong các lĩnh vực sản xuất và kinh doanh có năng lực và nhiều uy tín của thành phố Hồ Chí Minh. SATRA sở hữu một số vốn rất lớn và hiện đang chiếm lĩnh một thị phần đáng kể trong hoạt động sản xuất kinh doanh của thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh khu vực phía Nam Việt Nam.

Một số lĩnh vực hoạt động chính của Satra:

1. Sản xuất - kinh doanh: sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, bán sỉ, bán lẻ và phân phối các loại thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng công nghiệp như: thủy hải sản, lương thực, nông sản phẩm, thịt và chế phẩm từ thịt, thực phẩm chế biến, hàng bách hóa và gia dụng, gỗ và đồ gỗ gia dụng, vải, sợi và quần áo may sẵn, hàng thủ công mỹ nghệ, bao bì, các loại giấy, nhựa, sắt thép, máy móc, thiết bị, phụ tùng, hóa chất, nhiên liệu, xăng dầu, chất đốt, v.v...

2. Dịch vụ: phục vụ nhu cầu đa dạng của các doanh nghiệp và cá nhân như: cung ứng tàu biển, giao nhận xuất nhập khẩu, du lịch, cho thuê bất động sản (cao ốc văn phòng, cửa hàng, kho bãi), cung ứng lao động và các dịch vụ khác cho cơ quan và người nước ngoài, dịch vụ kỹ thuật phục vụ công tác thăm dò và khai thác dầu khí, v.v...

3. Đầu tư tài chính: tham gia vào các dự án đầu tư, góp vốn đầu tư vào các doanh nghiệp khác, mua bán cổ phiếu, trái phiếu và các chứng từ có giá khác, v.v...



BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH SƠN LA



ĐỊA CHỈ: TỔ 4- PHƯỜNG CHIỀNG LÊ- THỊ XÃ SƠN LA * ĐT: 022.853 262

Đảng bộ Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La tiền thân là chi bộ Bệnh viện khu vực tự trị Tây bắc (Bệnh viện được thành lập tháng 7 - 1954). Trong quá trình xây dựng và trưởng thành, Đảng bộ đã qua 21 kỳ đại hội. Hiện nay, Đảng bộ có 102 đảng viên, chiếm 33% tổng số cán bộ, công chức sinh hoạt tại 11 chi bộ. BCH đảng bộ nhiệm kỳ 2005 - 2008 gồm 11 đồng chí (Đ/c Lê Nguyên Tùng, thầy thuốc ưu tú, giám đốc bệnh viện là Bí thư Đảng ủy. Đ/c Phạm Ngọc Toàn, trưởng phòng TCCB là Phó bí thư, thường trực công tác đảng).

Đảng bộ bệnh viện đã lãnh đạo bệnh viện hoàn thành tốt công tác cấp cứu, khám bệnh và điều trị cho cán bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, cán bộ nhân dân tỉnh Hòa Phấn, nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào.



Ban chấp hành Đảng bộ Bệnh viện nhiệm kỳ 2005 - 2008

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2004 - 2005:

- Số giường bệnh được giao: 300, thực hiện 400, vượt 100 giường.

- Công suất giường bệnh đạt: 109%.
- Bệnh nhân điều trị nội trú đạt: 116,5%.
- Tổng số lần khám bệnh đạt: 144%.
- Tỷ lệ tử vong giảm 0,8% so với KH.
- Tổng số ca phẫu thuật: 122,2%.

Công tác xây dựng Đảng: công tác giáo dục bồi dưỡng lý luận chính trị luôn được quan tâm.

- Nhiều năm Đảng bộ bệnh viện được công nhận đảng bộ trong sạch vững mạnh. Năm 2000 và 2004 được bằng khen đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu.

- Năm 2003, bệnh viện được đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba.

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI VIỆT NAM CHI NHÁNH HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: 70 Chương Mỹ, thành phố Hải Dương * Điện thoại: 0320 845 344 * Giám đốc: **VƯƠNG VĂN HÙNG**

Chi nhánh Ngân hàng Hải Dương bước vào năm thứ 3 sau khi thành lập, bộ máy tổ chức đã ổn định, cơ chế của các nghiệp vụ cho vay đối tượng chính sách và hộ nghèo về cơ bản đã hoàn thiện, trình độ cán bộ NHCSXH và trình độ của cán bộ các tổ chức chính trị xã hội đã được nâng lên. Cơ sở vật chất và phương tiện làm việc được Trung ương và địa phương quan tâm đã được tăng cường từng bước. Tất cả các thuận lợi trên đã tạo điều kiện để NHCSXH vượt qua thử thách vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

MỤC TIÊU NĂM 2006

Phát huy thành tích đạt được trong năm 2005, căn cứ vào chỉ đạo của HĐQT và Ban lãnh đạo NHCSXH Việt Nam về kế hoạch tăng trưởng tín dụng năm 2006. Căn cứ vào mục tiêu phát triển kinh-xã hội và mục tiêu xóa đói giảm nghèo, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 14 đề ra các mục tiêu năm 2006:

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo 2% năm, cuối năm 2010 còn 7,5% (theo chuẩn mới).

- Phần đầu đến năm 2010 có trên 90% hộ dân được dùng nước hợp vệ sinh.

- Hằng năm giải quyết việc làm mới cho 3 vạn lao động trở lên; đến năm 2010 có trên 40% số lao động qua đào tạo.

- Chi nhánh xây dựng kế hoạch tín dụng năm 2006 trên một số chỉ tiêu cơ bản sau: Tổng nguồn vốn đạt 506 tỉ đồng, tăng 30% so với năm 2005; Tổng dư nợ cho vay đạt 504,5 tỉ đồng, tỷ lệ sử dụng vốn đạt 99,7 tăng 114,7 tỉ đồng (+29,43%); Tỷ lệ quá hạn chung dưới 0,5% so tổng dư nợ.

- Hoạt động của NHCSXH được cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp và nhân dân địa phương đánh giá cao. Với thành tích 3 năm hoạt động, đơn vị được Hội đồng Thi đua NHCSXH đề nghị Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba.





CÔNG TY PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ

Trân trọng cảm ơn Người Tiêu Dùng đã bình chọn

sản phẩm **ĐẠM PHÚ MỸ**® của chúng tôi là

"HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO NĂM 2005"

ĐẠM PHÚ MỸ®

cho mùa bội thu



DO NGƯỜI TIÊU DÙNG
BÌNH CHỌN

TỔNG CÔNG TY DẦU KHÍ VIỆT NAM

CÔNG TY PHÂN ĐẠM & HÓA CHẤT DẦU KHÍ - PVFCCo.

Số 10 Phố Quang - Phường 2 - Quận Tân Bình - TP. HCM

Tel: 08. 9 974748 - Fax: 08. 9 974757

Nhà máy đạm Phú Mỹ

Khu Công Nghiệp Phú Mỹ I - Tân Thành - Bà Rịa - Vũng Tàu

Tel: 064. 921468 - Fax: 064. 921477



UREA

46.3% NITROGEN MAX
1% BIURET MAX
0.4% MOISTURE MAX
50 Kgs NET
USE NO HOOKS

PRODUCT OF PETROVIETNAM
FERTILIZER AND CHEMICAL CO.

URÊ

NITƠ : 46.3% ĐẠM
BIURÊT : 1% ĐẠM
ĐỘ ẨM : 0.4% ĐẠM
KHỐI LƯỢNG TÍNH : 50 KG
KHÔNG SỬ DỤNG MỐC

SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY

ĐẢNG BỘ CÔNG TY THUỐC LÁ ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: số 01 Đỗ Phúc Tịnh, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng
Điện Thoại: 0511. 846 466, Fax: 0511. 846 251 * Email: datoco@dng.vnn.vn

Được sự quan tâm chỉ đạo của Thành ủy Đà Nẵng, lãnh đạo Tổng công ty thuốc lá, Đảng ủy và ban lãnh đạo Công ty đã chủ động đề ra nhiều giải pháp chỉ đạo và động viên toàn thể CBCNV, đảng viên đoàn kết, tự tin xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, hoàn thành xuất sắc các mục tiêu SXKD, nhiệm vụ chính trị nhiều năm liền với các kết quả đáng biểu dương trên các mặt như sau:



Ban chấp hành Đảng bộ Công ty nhiệm kỳ 2005 -2008

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2005:

- * Tổng giá trị sản xuất công nghiệp: 196,545 tỉ đồng, đạt 123 % KH.
- * Tổng doanh thu: 207,473 tỉ đồng, đạt 126% KH.
- * Sản lượng chế biến lá: 21.000 tấn, đạt 164% KH.
- * Sản lượng thuốc lá điếu: 53.744 triệu bao, đạt 179% KH.
- * Sản lượng thuốc lá đầu tư trực tiếp và thu mua: 800 tấn, đạt 75% KH.
- * Kim ngạch xuất khẩu: 1.747.000 USD, đạt 97% KH.
- * Nộp ngân sách: 30 tỉ đồng, đạt 200% KH.
- * Lợi nhuận: 28,8 tỉ đồng, đạt 236% KH.
- * Giải quyết việc làm cho 57 lao động thường xuyên với thu nhập 2.350.000 đồng/người/tháng và 600- 700 lao động thời vụ tại các vùng trồng nguyên liệu với thu nhập bình quân 1.000.000 đồng/người/tháng.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY THUỐC LÁ ĐÀ NẴNG:

- * Đầu tư trực tiếp, hướng dẫn kỹ thuật trồng và thu mua nguyên liệu thuốc lá từ nông dân (đã ký hợp đồng với 3500 hộ nông dân) phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu.
- * Sản xuất thuốc lá điếu cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu.
- * Sản xuất chế biến tách cọng lá cho các nhà máy thuốc lá trong nước và nước ngoài.

CÁC BỘ PHẬN TRỰC THUỘC:

- * Văn phòng công ty.
- * Nhà máy sản xuất.



SONG DA CORPORATION
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6.06

SONG DA NO 6.06 JOINT STOCK COMPANY

SONG DA No 6.06 JSC

ĐỊA CHỈ: XÃ HƯƠNG VÂN- HUYỆN HƯƠNG TRÀ- TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
ĐIỆN THOẠI: 84- 84 551 135 * 84- 84 557 908 EMAIL: songda.hue@vnn.vn

GIÁM ĐỐC: TÔ ĐÌNH KẾN.



Giám đốc điều hành ông Tô Đình Kến tại Đại hội cổ đông



Khai thác mỏ đá Văn Xá cung cấp cho nhà máy xi măng Luksvaxi

Với phương châm đem lại sự thành công cho khách hàng chính là đem lại sự thành công cho Công ty. Công ty Cổ phần Sông Đà 6.06 mong muốn được liên doanh và quan hệ hợp tác thương mại với tất cả các thành phần kinh tế trên các lĩnh vực:

- ❖ Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện, dân dụng và công nghiệp.
- ❖ Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, vật tư, thiết bị.
- ❖ Đầu tư, kinh doanh cơ sở hạ tầng, kinh doanh xuất nhập khẩu.
- ❖ Kinh doanh nhà hàng, khách sạn và các dịch vụ du lịch.
- ❖ Khai thác mỏ, nguyên liệu phục vụ cho sản xuất xi măng và phụ gia bê tông.

Một số công trình giao thông, thủy lợi, thủy điện dân dụng và công nghiệp mà Công ty đã và đang tham gia thi công:

- ❖ Thủy điện Bình Điền- Thừa Thiên Huế.
- ❖ Thủy điện Hương Điền- Thừa Thiên Huế.
- ❖ Khu tái định cư Thủy điện Bình Điền.
- ❖ Thủy điện Xekaman 3- Lào.
- ❖ Khai thác đá nguyên liệu cung cấp cho Nhà máy Xi măng Luksvaxi- Thừa Thiên Huế.
- ❖ Cung cấp xi măng, vật tư phụ tùng... tại các công trình thủy điện Sêsan 3A, Sêsan 4 (Gia Lai), thủy điện Rào Quán (Quảng Trị), thủy điện Bình Điền, thủy điện Sêkaman 3 (Lào).





CÔNG ĐOÀN TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ - NÔNG SẢN



Chủ tịch công đoàn: **TRẦN VĂN DUYỆT**

Ngày 02-07-2003 Ban Thường vụ Công đoàn Nông nghiệp và PTNT ra quyết định số 455/QĐ- CĐN về việc sát nhập công đoàn hai TCT: TCT xuất nhập khẩu nông sản và thực phẩm chế biến và TCT rau quả thành Công đoàn TCT rau quả - nông sản. Sau khi sát nhập, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Tổng công ty đã nhanh chóng ổn định tổ chức, lãnh đạo chính trị tư tưởng bảo đảm mọi hoạt động tiếp tục phát triển, đời sống cán bộ công nhân viên ngày càng được nâng cao. Để có được những thành tích này ngoài việc chủ động linh hoạt trong công tác quản lý, sản xuất kinh doanh còn có vai trò quan trọng của tổ chức công đoàn tổng công ty - thể hiện qua các mặt như sau:

1. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN GIÁO DỤC;

- ★ Phối hợp với chính quyền tổ chức và hướng dẫn học tập nghị quyết.
- ★ Học tập các chính sách liên quan đến người lao động.
- ★ Ngoài hoạt động chuyên môn Công đoàn TCT còn tích cực tham gia các hoạt động xã hội như: mua công trái Chính phủ 250 triệu đồng, ủng hộ quỹ vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa...

2. PHÁT ĐỘNG NHIỀU PHONG TRÀO THI ĐUA:

- ★ Phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, nâng cao chất lượng cải tiến mẫu mã, đa dạng hoá sản phẩm...
- ★ Phong trào "Xanh- Sạch- Đẹp", văn hoá - văn nghệ - thể thao CNVC - LĐ tích cực tham gia.
- ★ Phong trào thi đua lập thành tích chào mừng đại hội công đoàn TCT.
- ★ Nhiều phong trào thi đua lập thành tích xuất sắc chào mừng đại hội Đảng các cấp và Đại hội X của Đảng

3. THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC CÙNG CHÍNH QUYỀN như chỉ đạo các công đoàn cơ sở tham gia đổi mới sắp xếp lại doanh nghiệp...



Với nỗ lực phấn đấu, với tinh thần trách nhiệm cao Công đoàn TCT cùng với chính quyền đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, hoàn thành tốt nhiệm vụ góp phần đưa TCT Rau quả - Nông sản phát triển vững chắc trong xu thế hội nhập của đất nước.



PHÚ AN SINH

Sản Phẩm Gia Cầm An Toàn



Sạch từ trang trại tới bàn ăn!



154/1 Tô Ngọc Vân - KP1 - P. Thạnh Xuân - Q.12 - TP. HCM
Điện thoại: (08) 7 168 002 - 7 168 503 - Fax: (08) 7 169 873

Huyện Như Xuân

Địa chỉ: Thị trấn Yên Cát - Như Xuân - Thanh Hóa * ĐT: 037. 878 136



TỈNH ỦY VIÊN - BÍ THƯ
LÊ THANH HẢI

Như Xuân là huyện miền núi nằm ở phía Tây tỉnh Thanh Hóa với diện tích tự nhiên 71.946,72 héc - ta; dân số 61.623 người. Là vùng đất giàu tiềm năng về tài nguyên rừng, khoáng sản, đất đai màu mỡ thuận lợi cho việc trồng các loại cây công nghiệp, lâm nghiệp, chăn nuôi đại gia súc... Những năm qua, được sự quan tâm đầu tư của nhà nước, cơ sở hạ tầng kỹ thuật của huyện từng bước được tăng cường, có đường Hồ Chí Minh qua huyện với tổng chiều dài 47,3 km, có đường ngang nối với Cảng nước sâu, khu đô thị Nghi Sơn và thành phố Thanh Hóa.

Bằng nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện, trong 5 năm qua, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 10,5%/năm. Bước vào nhiệm kỳ 2005-2010, Đại hội Đảng bộ huyện khóa XX đã quyết định những mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và những giải pháp lớn nhằm phát huy sức mạnh của các dân tộc trong huyện, huy động tối đa nguồn lực, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; tăng cường quốc phòng - an ninh; xây dựng Đảng bộ và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

NHỮNG MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI ĐẾN NĂM 2010

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm 14% trở lên.
- Cơ cấu kinh tế: nông - lâm - thủy sản: 44%; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng: 27%; dịch vụ thương mại - vận tải - bưu chính viễn thông: 29%.
- Đảm bảo GDP bình quân đầu người đến năm 2010 đạt 530 USD trở lên.
- Tổng sản lượng lương thực đạt 26 ngàn tấn; bình quân lương thực đầu người 400 kg/năm.
- Tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu đạt 4 triệu USD.
- Thu ngân sách nhà nước hằng năm tăng bình quân 10% trở lên.
- Độ che phủ rừng 62,5%.
- 45% số trường đạt chuẩn quốc gia, 90% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế.
- Hạ tỷ lệ tăng dân số xuống 1,01%, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng hằng năm từ 2-3%.
- 70% trở lên số làng có tủ sách báo, 100% số xã có trạm truyền thanh, 95% dân số được xem truyền hình.
- Giải quyết việc làm cho 2.000 lao động mỗi năm, 35% lao động qua đào tạo; xóa hộ đói, giảm hộ nghèo mỗi năm 5% trở lên.
- 100% đường giao thông liên xã được nhựa hóa và cấp phối hóa; 100% thôn bản, tiểu khu phố có nhà văn hóa.
- Về xây dựng Đảng, hằng năm có 80% tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh; kết nạp mỗi năm 150 đảng viên trở lên; 98% trở lên đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ.

30.4.1975

Nhiệt liệt chào mừng

31 NĂM NGÀY GIẢI PHÓNG MIỀN NAM
THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC
30.4.1975 - 30.4.2006



Chăm sóc sức khỏe của bạn từ giấc ngủ

ndam/X
9
H68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.

JL 12 196

CURRENT SERIALS

10

5-2006

Digitized by Google

ĐẢNG BỘ TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ ĐẢNG BỘ CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 9

Dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy Tổng Công ty xây dựng Sông Đà, sự cố gắng hết mình của cán bộ công nhân viên trong công ty, Công ty Sông Đà 9 đã có sự bứt phá vượt trội.

Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 30% năm, gấp hai lần so với chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ công ty nhiệm kỳ thứ XII đề ra. Tổng giá trị sản xuất kinh doanh năm 2003 là 360,8 tỉ đồng; năm 2004 là 504,8 tỉ đồng; năm 2005 là 579 tỉ đồng, chỉ tiêu Đại hội lần thứ XII đến hết năm 2005 là 395 tỉ đồng, như vậy vượt mức 46% so với chỉ tiêu Đại hội lần thứ XII đề ra, tăng 6,5 lần so với năm 2000. Lợi nhuận năm 2003 đạt 10,22 tỉ đồng; năm 2004 đạt 15,48 tỉ đồng; năm 2005 đạt 25,16 tỉ đồng, so với Đại hội đến hết năm 2005 là 17,4 tỉ đồng, vượt mức 44% so với chỉ tiêu đề ra.



Đoàn chủ tịch Đại hội

❖ Về vốn chủ sở hữu hiện có là 77,99 tỉ đồng, tổng giá trị tài sản hiện có là 711 tỉ đồng, tổng số lao động sử dụng hiện nay là 3.341 người. Đảm bảo đủ việc làm và không ngừng nâng cao đời sống cho người lao động, thu nhập bình quân hằng năm 1,7 triệu đồng/người/tháng.

❖ Về công tác đổi mới phát triển doanh nghiệp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 khóa IX, từ năm 2002 đến nay, Đảng bộ công ty đã chỉ đạo cổ phần hóa 05 chi nhánh, xí nghiệp thành các công ty cổ phần, các công ty cổ phần đang từng bước được củng cố phát triển, đảm bảo lãi cổ tức cho các cổ đông (10 - 17%)

❖ Thực hiện chủ trương đa dạng hóa ngành nghề, đa dạng hóa sản phẩm như sản xuất điện, sản xuất các sản phẩm cơ khí, sản xuất que hàn, kinh doanh nhà, xây dựng dân dụng, công nghiệp, sản xuất bê tông. Cơ cấu sản xuất kinh doanh đã có sự thay đổi, tỷ trọng sản xuất công nghiệp chiếm 4,3%.

❖ Đã duy trì tốt phong trào thi đua trong CNVC - LB trên các công trường trong điểm, tạo không khí lao động sôi nổi, khắc phục khó khăn, chủ động sáng tạo (trong nhiệm kỳ vừa qua đã có 25 sáng kiến cải tiến kỹ thuật với giá trị làm lợi 2,35 tỉ đồng) hoàn thành các mục tiêu quan trọng như:

CÁC CÔNG TRÌNH ĐƯỢC GIAO THẦU:

Nhiệm kỳ qua, Công ty được giao thi công các công trình như đường Hồ Chí Minh; các công trình thủy điện Sê San 3, Tuyên Quang, Plei Krông, Sơn La, Sê San 4, Bản Vẽ. Trên các công trình, Công ty Sông Đà 9 đều được Tổng công ty tin tưởng giao những phần việc khó khăn, phức tạp và được chủ đầu tư đánh giá là đơn vị luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên các công trường.

CÁC CÔNG TRÌNH TỰ ĐẦU TƯ:

Thực hiện định hướng phát triển của nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Công ty lần thứ XII với mục tiêu đa dạng hóa ngành nghề, đa dạng hóa sản phẩm, trong nhiệm kỳ qua Đảng bộ công ty đã tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án như: Nhà máy thủy điện Nậm Mu với tổng mức đầu tư 220 tỉ đồng, Nhà máy chế tạo cơ khí Sông Đà với tổng mức đầu tư 11,13 tỉ đồng, tòa nhà hỗn hợp Mỹ Đình tổng mức đầu tư 28,5 tỉ đồng, nhà máy sản xuất que hàn mức đầu tư 5,5 tỉ đồng, Trạm bê tông thương phẩm Mỹ Đình tổng mức đầu tư 11,35 tỉ đồng, Khu đô thị mới Tân Vạn, Biên Hòa tổng mức đầu tư 14,5 tỉ đồng.



Ban chấp hành Đảng bộ Công ty khóa XIII

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA ĐẢNG BỘ CÔNG TY ĐẾN NĂM 2010

Nền tảng doanh nghiệp là Công ty cổ phần vững mạnh, sản xuất kinh doanh đa ngành nghề, đa sản phẩm; lấy thi công cơ giới làm chính, lấy hiệu quả kinh tế làm nền tảng cho sự phát triển bền vững. Tiếp tục đầu tư các dự án thủy điện vừa và nhỏ, đầu tư và phát triển nhanh các sản phẩm cơ khí, lắp máy, nhà ở, khu đô thị và các dịch vụ khác.... Chủ động phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao sức cạnh tranh trong xu thế hội nhập, đảm bảo đủ việc làm và không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, góp phần hoàn thành sản xuất kinh doanh 5 năm (2006 - 2010) của Tổng Công ty.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2010

- Tổng giá trị SXKD: 937 tỉ đồng, tương đương 58,8 triệu USD.
- Doanh thu: 870 tỉ đồng, tương đương với 54,7 triệu USD.
- Nộp NSNN: 36 tỉ đồng, tương đương 2,26 USD.
- Lợi nhuận: 35 tỉ đồng, tương đương 2,2 triệu USD.

- Cổ tức: 12 - 15%.
- Tổng số lao động: 3995 người.
- Thu nhập bình quân 1 người từ 2,8 triệu đến 3,0 triệu đồng/người/tháng.



THÁNG 2 KỶ

RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 756

10

5-2006

● **BỘ BIÊN TẬP :**

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbtccs@hn.vnn.vn

● **Cơ quan thường trú
tại miền Trung :**

26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

● **Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

● **Tạp chí Cộng sản điện tử :**

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

● **Tổng Biên tập :**

LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1: Tượng đài Bác Hồ với
đồng bào các dân tộc
(Hà Giang)

Ảnh: TTXVN

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

TÔ HUY RỬA - Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước - dưới góc
nhìn phát triển kinh tế - xã hội bền vững 3

PHẠM KHÔI NGUYỄN - Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ
môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa
đất nước 8

NGUYỄN TRỌNG PHÚC - Đổi mới tư duy chính trị của Đảng trong
lãnh đạo sự nghiệp đổi mới 13

NHÂN KỶ NIỆM 116 NĂM NGÀY SINH CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (19-5-1890 - 19-5-2006)

LÊ MẬU HÃN - Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự sáng lập và rèn luyện
Đảng Cộng sản Việt Nam 19

ĐOÀN THẾ HANH - Nhận thức và thực tiễn về thời kỳ quá độ lên
chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh 25

LÊ HUY THỰC - Hồ Chí Minh bàn về công nghiệp hóa, hiện
đại hóa 29

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

TRẦN NGUYỄN TUYÊN - Một số vấn đề về nhận thức bản chất
khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin 34

MAI TRUNG HẬU - Kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng
Hồ Chí Minh trong đấu tranh phê phán một số quan điểm phản
mác-xít 38

VĂN TẠO - Quan điểm mới về giai cấp công nhân Việt Nam qua
văn kiện Đại hội X của Đảng 43

VÕ VĂN THẮNG - Ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường đến việc
xây dựng lối sống ở nước ta hiện nay 47

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN PHONG QUANG - Hậu Giang tiếp tục vượt khó đi lên 51

PHẠM MẠNH HÙNG - Xã hội hóa công tác y tế - kết quả và những
vấn đề đặt ra 56

TỔNG THỂ GIA - Một số bài học từ thực tiễn giải quyết khiếu
nại, tố cáo của công dân ở thành phố Hồ Chí Minh 60

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

HÒA MẠC - Sự chính mình 63

QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI

*** Về chính sách xây dựng nông thôn xã hội chủ nghĩa mới ở
Trung Quốc 65

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

HÀ MỸ HƯƠNG - Quan hệ giữa các nước lớn khu vực châu Á -
Thái Bình Dương: một vài phân tích và dự báo 68

СОДЕРЖАНИЕ

• ТО ХУ РЬА: Акционирование государственных предприятий – с точки зрения устойчивого социально-экономического развития. • ФАМ КХОЙ НГУЕН: Комплексное осуществление мер по охране окружающей среды в период форсирования индустриализации, модернизации страны. • НГУЕН ЧОНГ ФУК: Обновление политического мышления Партии в руководстве делом обновления страны. • ЛЕ МАУ ХАН: Президент Хо Ши Мин и основание, воспитание Коммунистической Партии Вьетнама. • ДОАН ТХЕ ХАНЬ: Познание и практика переходного периода к социализму во Вьетнаме в соответствии с идеями Хо Ши Мина. • ЧАН НГУЕН ТУЕН: Некоторые вопросы о познании научной и революционной сущности марксизма-ленинизма. • МАЙ ЧУНГ ХАУ: Упорное и решительное удержание марксизма-ленинизма и идей Хо Ши Мина в критической борьбе против некоторых антимарксистских концепций. • ВАН ТАО: Новая концепция о вьетнамском рабочем классе в материалах 10-го Съезда КПВ. • ФАМ МАНЬ ХУНГ: Обобщение дела здравоохранения населения – результаты и поставленные вопросы. • ХА МИ ХЫОНГ: Отношения между крупными державами в азиатско-тихоокеанском регионе: некоторые аналитические и прогнозные мнения.

CONTENTS

• TÔ HUY RŨA: State enterprises' equitisation in the perspective of sustainable socio-economic development • PHAM KHÔI NGUYỄN: Synchronously implementing the solutions for environment protection in the period of accelerating industrialisation and modernisation of the country • NGUYỄN TRỌNG PHÚC: Renovating the Party's political thinking in the leadership of the renovation matter • LÊ MAU HÂN: President Hồ Chí Minh and the foundation, training of the Communist Party of Vietnam • ĐOÀN THẾ HANH: Recognition and practices in the transitional period to socialism in Vietnam following Hồ Chí Minh's thoughts • TRẦN NGUYỄN TUYẾN: Some problems regarding the scientific and revolutionary essences of Marxism – Leninism • MAI TRUNG HAU: Keeping firmly Marxism – Leninism and Hồ Chí Minh's thoughts in the struggle to criticise some anti-Marxist viewpoints • VÂN TAO: New viewpoints on the Vietnamese working class in X Party Congress's documents • PHAM MANH HÙNG: Socialisation of public health services – achievements and the problems put forward • HÀ MỸ HƯƠNG: Relationship between the great states in the Asia-Pacific region: some analyses and forecasts.

SOMMAIRE

• TÔ HUY RŨA: La mise en actionnariat des entreprises étatiques sous l'angle de vue du développement socio-économique durable. • PHAM KHÔI NGUYỄN: Une application synchrone des mesures de protection de l'environnement dans la période d'accélération de l'industrialisation et de la modernisation du pays. • NGUYỄN TRỌNG PHÚC: Rénover la pensée politique du Parti dans la direction de l'œuvre de renouveau. • LÊ MAU HÂN: Le Président Hồ Chí Minh et la fondation et l'entraînement du Parti communiste du Vietnam. • ĐOÀN THẾ HANH: Connaissance et pratique de la période de transition au socialisme au Vietnam selon la pensée de Hồ Chí Minh. • TRẦN NGUYỄN TUYẾN: Quelques questions sur la connaissance de la nature scientifique et révolutionnaire du marxisme-léninisme. • MAI TRUNG HAU: Poursuivre fermement le marxisme-léninisme et la pensée de Hồ Chí Minh dans la lutte contre certains points de vue anti-marxistes. • VÂN TAO: Nouveaux points de vue sur la classe ouvrière vietnamienne dans les documents du X^e Congrès du Parti. • PHAM MANH HÙNG: Socialisation des soins sanitaires – résultats et problèmes posés. • HÀ MỸ HƯƠNG: Relations entre les puissants de l'Asie-Pacifique: certaines analyses et prévisions.

SUMARIO

• TÔ HUY RŨA: La accionalización de empresas estatales bajo el ángulo de desarrollo socioeconómico estable. • PHAM KHÔI NGUYỄN: La realización integral de las soluciones de protección del medio ambiente en el periodo del impulso de industrialización y modernización nacional. • NGUYỄN TRỌNG PHÚC: La renovación de ideología política del Partido en la dirección de la obra de renovación. • LÊ MAU HÂN: El presidente Hồ Chí Minh y la fundación e instrucción del PCV. • ĐOÀN THẾ HANH: El conocimiento y la realidad sobre el periodo de transición al socialismo en Vietnam según la ideología de Hồ Chí Minh. • TRẦN NGUYỄN TUYẾN: Algunos problemas acerca de la comprensión de la naturaleza científica y revolucionaria del marxismo-leninismo. • MAI TRUNG HAU: Estar firmes con el marxismo-leninismo y la ideología de Hồ Chí Minh en la lucha y la crítica contra algunos puntos de vista antimarxistas. • VÂN TAO: Nuevo punto de vista sobre la clase obrera vietnamita a través de los documentos del X Congreso Nacional del Partido. • PHAM MANH HÙNG: Socialización del trabajo sanitario – resultado y problemas planteados. • HÀ MỸ HƯƠNG: Relaciones entre las potencias de Asia-Pacífico: unos análisis y pronósticos.

目錄

• 苏辉若：在经济—社会持续发展视角下看国企股份化 • 范魁元：大力推动国家工业化、现代化时期中同步实现各项环保措施 • 阮仲福：在革新事业中革新党的政治思维 • 黎茂汗：胡志明主席与越南共产党的创立及锤炼 • 段世亨：用胡志明思想去认识与实践越南社会主义过渡时期 • 陈阮宜：关于认识马列主义的科学与革命本质的若干问题 • 梅忠厚：在斗争与批判反马克思主义观点中坚持马列主义与胡志明思想 • 文造：党的十大文件中关于越南工人阶级的新观点 • 范孟雄：医疗卫生工作社会化的结果及其面临的一些问题 • 何美香：亚太地区大国关系的分析与预测。



CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC - DƯỚI GÓC NHÌN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI BỀN VỮNG

TÔ HUY RỬA *

Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là một trong những hướng quan trọng của quá trình cải cách doanh nghiệp nhà nước - bộ phận không thể thiếu trong thành phần kinh tế nhà nước. Trong đổi mới kinh tế, một vấn đề lớn được đặt ra là phải phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất và từng bước xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp với trình độ lực lượng sản xuất. Để giải phóng lực lượng sản xuất, tất yếu phải phát triển mạnh mẽ nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang cơ chế thị trường và xây dựng thể chế kinh tế thị trường, đa dạng hóa các hình thức sở hữu, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo. Muốn vậy, phải đổi mới mạnh mẽ các doanh nghiệp nhà nước. Theo hướng đó, sau nhiều năm tìm tòi và thử nghiệm trong thực tế, Đảng ta đã lựa chọn *cổ phần hóa như một phương thức có hiệu quả để đổi mới các doanh nghiệp nhà nước* như các Nghị quyết 3 và Nghị quyết 9 của Ban Chấp hành Trung ương khóa IX đã chỉ rõ.

Cho đến nay, với sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và tinh thần chủ động trong thực hiện của các cấp, các ngành, từ trung ương

tới địa phương, tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước đã thu được những thành tựu bước đầu đáng khích lệ, đủ để chứng minh tính đúng đắn của sự lựa chọn đó. Tuy nhiên, trong xã hội cũng như trong tư tưởng, nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn còn có những băn khoăn, lo lắng. Dựa vào những khiếm khuyết thực tế ở một số doanh nghiệp đã cổ phần hóa, có ý kiến lo lắng rằng, đó là cơ hội cho tình trạng chiếm đoạt tài sản của Nhà nước, là một hình thức tránh né thuật ngữ "*tư nhân hóa*", là sự thủ tiêu hoặc làm suy yếu vai trò điều tiết nền kinh tế của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa,...

Về cơ bản, đó là những suy nghĩ thật tâm của những người đã từng gắn bó rất lâu với mô hình kinh tế cũ, bởi quan điểm cho rằng "càng nhiều quốc doanh thì càng nhiều chủ nghĩa xã hội".

Đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước cho tới nay đã thực sự trở thành một trong những thách thức phải vượt qua, trên con đường tiếp tục đổi mới kinh tế, xây dựng

* PGS, TS.

và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Không vượt qua được thách thức này là rất nguy hại cho chính thành phần kinh tế nhà nước nói riêng và cho cả nền kinh tế quốc dân nói chung.

Theo số liệu của các cơ quan hữu quan, đến cuối năm 2005, có 5.000 doanh nghiệp nhà nước ở nước ta, tạo ra khoảng 30% GDP và 15% việc làm phi nông nghiệp, nhưng lại chiếm gần 50% tổng số dư nợ tín dụng của các ngân hàng trong nước. Xét về hiệu quả kinh tế - xã hội, đây thực sự là vấn đề đáng lưu ý. Tỷ lệ nợ xấu của khu vực này *lại đang có chiều hướng gia tăng* (8 tháng đầu năm 2005 là 3,08% so với cùng kỳ năm 2004 là 2,41% và năm 2003 là 2,72%)⁽¹⁾. Những vướng mắc từ việc thu hồi nợ đối với doanh nghiệp nhà nước là một bài toán rất nan giải trong suốt thời kỳ đổi mới. Điều đáng lưu ý là, nhóm doanh nghiệp nhà nước *"hoạt động yếu kém nhất"* theo phân loại dựa trên mức lợi nhuận và mức nợ lại bao gồm tất cả các loại hình doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ. Rõ ràng là, *quy mô không phải là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thực trạng như trên của doanh nghiệp nhà nước*.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, vấn đề có ý nghĩa quyết định là *phát triển kinh tế - xã hội bền vững*. Bài học của các nền kinh tế phát triển nhanh nhưng không bền vững là hết sức rõ ràng và cần xem xét một cách nghiêm túc. Nếu phát triển nhanh trong một vài thập niên như các "con rồng", "con hổ" châu Á, để rồi phải gánh chịu khủng hoảng tài chính như năm 1997, chấp nhận các điều kiện của IMF làm một lối thoát duy nhất là rất nguy hiểm. Tư nhân hóa ồ ạt để được công nhận là một nền kinh tế thị trường như các nước Đông Âu và SNG, cũng

có nghĩa là chấp nhận một giai đoạn đổ vỡ về kinh tế và xã hội, chấp nhận một đa số nghèo đi để có một thiểu số giàu lên rất nhanh đến mức có đại diện trong số vài chục người giàu nhất thế giới. Nước Nga vào cuối năm 2005, với 2% số người giàu nhất chiếm 30% của cải xã hội, còn 10% dân số nghèo nhất chỉ có 2,4% của cải và qua thăm dò dư luận có 74% người dân tiếc nuối về Liên bang Xô-viết⁽²⁾. Trung Quốc trong tiến trình cải cách và mở cửa, nhất là trong cải cách kinh tế, xây dựng thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, đã chú ý thử nghiệm chế độ cổ phần và có những tìm tòi lý luận về vấn đề này đáng để chúng ta tham khảo.

Trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa ở hầu hết các nước, tăng trưởng GDP thường được coi là nhu cầu cấp bách, là ưu tiên số một trong chiến lược phát triển, nhưng về lâu dài người ta càng thấy rõ nó không phải là duy nhất của sự phát triển. Càng ngày nhân loại càng ý thức được một cách rõ ràng hơn tầm quan trọng sống còn của sự phát triển bền vững cả về kinh tế và xã hội. Thực tiễn thế giới cho thấy, chất lượng sống cao nhất không phải là ở những quốc gia giàu có nhất theo mô hình kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa triệt để nhất. Nhiều công trình nghiên cứu từ những góc độ khác nhau về thực tiễn đều có chung một kết luận rằng, *loại hình sở hữu hỗn hợp dưới hình thức phổ biến là các doanh nghiệp cổ phần, có sức cạnh tranh cao nhất và tạo nên chất lượng tăng trưởng tốt nhất*.

Không phải ngẫu nhiên các nhà cải cách Trung Quốc đề xuất chế độ cổ phần là

(1) Nguồn: Ban đổi mới doanh nghiệp nhà nước của Chính phủ và một số tin của *Thời báo Ngân hàng*, quý 4-2005

(2) Báo: *"Độc lập"* (Nga), ngày 25-12-2005

hình thức thực hiện *chủ yếu* của chế độ công hữu.

Việc cổ phần hóa phần lớn các doanh nghiệp nhà nước mà chúng ta đang nỗ lực thực hiện, cũng chính là xác lập chế độ cổ phần trong kinh tế nhà nước, nhằm đa dạng hóa các hình thức sở hữu, *thực chất là phát triển hình thức sở hữu hỗn hợp để từng bước làm tăng thực lực kinh tế của chế độ sở hữu công cộng toàn dân.*

Xét về mặt lịch sử và lý luận, chế độ cổ phần (biểu hiện thành giải pháp kinh tế là cổ phần hóa doanh nghiệp) đã ra đời trong quá trình phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa từ mấy thế kỷ trước đây. Do sản xuất - kinh doanh càng phát triển, nên yêu cầu tập trung và tích tụ vốn càng cao. Cổ phần hóa đáp ứng yêu cầu đó. Nó chính là hình thức *hùn vốn* trong sản xuất, kinh doanh, trong đó những ai tham gia vào quá trình này sẽ được *hưởng lợi* (hoặc chịu rủi ro), theo tỷ lệ đóng góp cổ phần. Công ty Đông Ấn Độ của Anh trong thời kỳ thực dân Anh thống trị Ấn Độ là một loại hình chế độ cổ phần. Nước Mỹ hồi cuối thế kỷ XIX, khi cần tập trung một nguồn vốn lớn để xây dựng đường sắt, cũng đã tổ chức xí nghiệp theo chế độ cổ phần.

Áp dụng chế độ cổ phần bằng cách cổ phần hóa doanh nghiệp, sẽ liên kết được những nguồn vốn và tư liệu sản xuất phân tán của các sở hữu tư nhân lại với nhau, làm cho nó trở thành *nguồn vốn xã hội, thúc đẩy nhanh việc xã hội hóa nguồn vốn và tư liệu sản xuất.* Đây là điều được rút ra từ thực tiễn xã hội hóa sản xuất tư bản chủ nghĩa ở thế kỷ XIX, mà các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đặc biệt quan tâm nghiên cứu.

C. Mác cho rằng, chế độ cổ phần là đòn bẩy mạnh mẽ để phát triển sức sản xuất của xã hội hiện đại. Ph. Ăng-ghe-n cũng chỉ rõ,

sản xuất tư bản chủ nghĩa do công ty cổ phần kinh doanh đã không còn là sản xuất tư nhân, quá trình chuyển đổi vốn tư nhân thành vốn xã hội đã thúc đẩy mạnh mẽ việc xã hội hóa sản xuất và phát triển sức sản xuất.

Lô-gíc nhận thức ở đây, nhìn từ góc độ kinh tế và phát triển kinh tế cho thấy: đã thừa nhận kinh tế thị trường thì một cách tất yếu tự nhiên cần phải thừa nhận chế độ cổ phần và cổ phần hóa. Với chế độ sở hữu tư nhân (tư hữu) tư bản chủ nghĩa, chế độ cổ phần phục vụ cho việc tăng nguồn vốn cho sản xuất - kinh doanh tư bản chủ nghĩa, chủ yếu đem lại lợi ích cho nhà tư bản. Với chế độ sở hữu xã hội (công hữu), cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước phục vụ cho việc tăng nguồn lực cho sản xuất - kinh doanh, vì lợi ích của người lao động.

Trong cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, công nhân và người lao động tham gia mua cổ phiếu, có cổ phần và có vị thế làm chủ của những người cổ đông. Họ trở thành *đồng sở hữu* cùng với doanh nghiệp và Nhà nước. Đó là sự hiện diện của *sở hữu cá nhân, hợp thành cơ sở để hình thành sở hữu xã hội.* Đây thực sự là sở hữu vốn và tư liệu sản xuất, tạo cho công nhân và lao động địa vị kinh tế để thực sự làm chủ doanh nghiệp.

Cần khắc phục trong nhận thức là, chỉ thấy sở hữu cá nhân về tư liệu sinh hoạt, trong khi không ý thức được hoặc phủ nhận sở hữu cá nhân về tư liệu sản xuất, mà đây mới là bản chất của vấn đề làm chủ kinh tế của người lao động. Không có sự tham gia của sở hữu cá nhân thì sở hữu xã hội không có nội dung hiện thực, trừu tượng, phi lịch sử. Cá nhân người lao động *không có sở hữu của mình*, thì hành vi lao động của anh ta thiếu vắng căn bản động lực kích thích và trên thực tế anh ta chỉ có thể làm chủ một cách hình thức, danh nghĩa mà thôi.

Trước đây do bệnh giáo điều, chúng ta đã đồng nhất sở hữu tư nhân với sở hữu cá nhân, đó là chưa kể đến sự giản lược, đồng nhất mọi hình thức tư nhân (tư nhân tư hữu, chiếm hữu bằng bóc lột, phi lao động của tư sản là hoàn toàn khác với tư nhân của người lao động cá thể). Vượt qua được những hạn chế và định kiến này, tôn trọng *lợi ích cá nhân*, tôn trọng *sở hữu cá nhân* của người lao động, chúng ta sẽ thấy cổ phần hóa là *giải pháp thực hiện hình thức sở hữu hỗn hợp* giữa sở hữu tư nhân (bao gồm cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân) với sở hữu tập thể và sở hữu Nhà nước. *Sức mạnh sở hữu toàn dân là hợp thành từ nhiều đồng sở hữu mà Nhà nước (doanh nghiệp nhà nước) có vị trí chi phối chủ đạo.*

Kinh nghiệm của Trung Quốc qua hơn 28 năm cải cách cho thấy, cải cách chế độ cổ phần được coi là một đột phá lý luận kinh tế để xây dựng lý luận kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Trung Quốc đạt được những bước tiến đáng kể trong lĩnh vực này, từ năm 1997 đến 2001, xí nghiệp chế độ cổ phần (cổ phần hóa) tăng từ 7.200 lên tới gần 300.000, số lao động từ 6,437 triệu người lên 27,466 triệu người, doanh thu từ 813,1 tỉ nhân dân tệ (NDT) lên 5.673,3 tỉ NDT. Thực tế đó có sức thuyết phục, đem lại nhận thức đúng đắn về vai trò của chế độ cổ phần, của cổ phần hóa trong xây dựng kinh tế quốc hữu.

Trong điều kiện của nước ta, khi chuyển từ mô hình kinh tế có tỷ lệ doanh nghiệp nhà nước *rất cao* nhưng hiệu quả kinh tế - xã hội lại *rất thấp*, sang mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cổ phần hóa bộ phận lớn doanh nghiệp nhà nước là *một bước đi tất yếu*, không chỉ vì mục tiêu thoát khỏi tình trạng năng suất thấp, mà còn vì sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Sự đóng góp

của cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước vào sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội là ở chỗ, nó làm tăng vốn, tăng lợi nhuận, giảm nợ xấu, chia sẻ rủi ro cho các chủ sở hữu riêng lẻ, tạo động lực làm chủ cho người lao động, tạo sức mạnh kinh tế để giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường... Sau hàng chục năm thực hiện, tuy rằng tiến độ còn rất chậm, song nguyên nhân không phải vì tính không hiệu quả của doanh nghiệp cổ phần mà là do nhiều nguyên nhân khác. Cổ phần hóa doanh nghiệp của Việt Nam không phải là "sự rút lui toàn diện của doanh nghiệp nhà nước" hay là tư nhân hóa, như một số người lo lắng.

Tính đến ngày 27-10-2005, cả nước đã cổ phần hóa được 1.960 doanh nghiệp nhà nước, hầu hết đều hoạt động có hiệu quả, vốn điều lệ và doanh thu tăng, thu nhập của người lao động được cải thiện rõ rệt. Riêng 10 tháng của năm 2005, đã cổ phần hóa được 400 doanh nghiệp nhà nước. Tại Hà Nội, bình quân của 86 doanh nghiệp đã cổ phần hóa tăng doanh thu tới 1,5 lần⁽³⁾. Vốn nhà nước được bảo toàn và tiếp tục tăng. Doanh nghiệp "tự thân vận động" tốt hơn khi còn được bảo lãnh vay vốn của Nhà nước, xóa bỏ được tình trạng giãn nợ và khoanh nợ cho Nhà nước, tiến dần tới sự liên doanh giữa ngân hàng và doanh nghiệp cùng có lợi và cùng chia sẻ rủi ro như thông lệ của kinh tế thị trường. Điều đáng lưu ý là, có rất ít doanh nghiệp cổ phần kinh doanh có hiệu quả mà không hề có cổ đông là Nhà nước. Thực tế cho thấy những doanh nghiệp mà Nhà nước định bán hết 100% cổ phần, đều rất khó thực hiện cổ phần hóa. Đó là một vấn đề cần được quan tâm, tìm hiểu kỹ lưỡng.

(3) Nguồn: Báo Thanh niên, ngày 27-10-2005

Khi tham gia cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, các cá nhân sẽ vững tin hơn nhiều nếu thấy Nhà nước còn nắm giữ tỷ lệ cổ phiếu nhất định, không phải vì đó là di sản của thời bao cấp như một số người quan niệm, mà bởi vì *người ta chưa tin có cá nhân hay pháp nhân kinh tế nào có đủ độ tin cậy hơn Nhà nước*, cho dù Nhà nước của ta vẫn còn nhiều bất cập, yếu kém về mặt quản lý kinh tế. Chừng nào kinh tế nhà nước còn đủ sức để đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, thì chừng đó Nhà nước vẫn là nhân tố quan trọng nhất bảo đảm cho sự phát triển bền vững của các thành phần kinh tế khác. Nắm giữ một tỷ lệ cổ phiếu nhất định, Nhà nước có thể định hướng được doanh nghiệp sau cổ phần hóa tiếp tục phục vụ lợi ích của các cổ đông và bảo đảm lợi ích hợp pháp của người lao động, trong điều kiện kinh doanh một cách thân thiện với môi trường. Hơn thế, với tư cách là một cổ đông quan trọng, Nhà nước bảo đảm thực thi các chính sách, luật pháp của mình hữu hiệu hơn tại chính doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hóa tạo ra khả năng phát triển nguồn vốn nhà nước bằng cách thu hút và tổ chức thêm nhiều nguồn vốn từ xã hội, mở rộng phạm vi chi phối của nguồn vốn nhà nước.

Cổ phần hóa còn tạo thuận tiện cho việc lưu động vốn nhà nước giữa các doanh nghiệp và ngành nghề khác nhau, thông qua thị trường vốn, làm tăng hiệu quả vốn trong sản xuất - kinh doanh. Đối với người lao động, cổ phần hóa tạo điều kiện cho họ trở thành cổ đông, tăng thêm lợi ích thông qua vốn đầu tư.

Vấn đề là ở chỗ, làm thế nào để việc thực hiện cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước không gây ra những tiêu cực trong kiểm kê

tài sản, đánh giá, thẩm định tổng lượng vốn của doanh nghiệp, đánh giá toàn bộ tài sản doanh nghiệp, định mức cổ phiếu và thu hút được đông đảo công nhân tham gia cổ phần. Do đó, cần tăng cường các biện pháp quản lý, kiểm tra, giám sát và phát huy được vai trò làm chủ của công nhân để ngăn chặn những tiêu cực có thể xảy ra. Bởi lẽ, giải pháp, chủ trương nào, ngoài tính đúng đắn, hợp lý của nó cũng có thể phát sinh những mặt trái phải phòng ngừa.

Sự bền vững trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, được bảo đảm bởi rất nhiều nhân tố chứ không phải chỉ có cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Như đã phân tích ở trên, cổ phần hóa là một trong những giải pháp chủ yếu để phát triển kinh tế nhà nước. Tính chất bền vững của một quốc gia, một nền kinh tế đang trên chặng đường vừa chuyển đổi mô hình, vừa thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xét cho cùng lại tùy thuộc rất nhiều vào sự bền tâm, vững chí của đại đa số nhân dân. Đến lượt nó, sự bền tâm, vững chí đó lại được xây dựng trên nền tảng của lợi ích trước mắt và lâu dài của người lao động và của cộng đồng xã hội. Bảo đảm lợi ích thiết thân cho người lao động và giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa các chủ thể lợi ích trong cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, đó là thực hiện dân chủ hóa kinh tế. Theo ý nghĩa này, đối với đại đa số người lao động ở nước ta, cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước (nơi họ đang làm việc, hoặc được hưởng lợi từ các dịch vụ và hàng hóa làm ra) có tầm vóc của một giải pháp mang tính *đột phá* trong quá trình đổi mới doanh nghiệp nhà nước vì sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững, tạo động lực để thực hiện có hiệu quả mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. □

THỰC HIỆN ĐỒNG BỘ CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

PHẠM KHÔI NGUYỄN *

TÌNH hình kinh tế - xã hội nước ta thời gian qua, đặc biệt là từ khi thực hiện chính sách đổi mới, đã có bước phát triển hết sức quan trọng. Tốc độ tăng GDP luôn đạt mức cao trong suốt hơn mười năm qua. Cơ cấu kinh tế chuyển đổi theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội đều có bước chuyển biến tích cực, đời sống của nhân dân không ngừng được nâng cao. Tuy vậy, cùng với quá trình phát triển đó, hiện nay, nước ta đang đứng trước nhiều thách thức về môi trường. Trong bối cảnh đó, ngày 15-11-2004, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa IX đã ra Nghị quyết 41-NQ/TW, *Về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước* và ngày 22-02-2005, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 34/2005/QĐ-TTg ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết này.

Được sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước, sự nỗ lực của các cấp, các ngành, các đoàn thể, sự hưởng ứng của nhân dân và sự giúp đỡ thông qua viện trợ, cam kết quốc

tế, công tác bảo vệ môi trường ở nước ta trong thời gian qua đã đạt được những kết quả bước đầu hết sức quan trọng trên các mặt sau:

Điểm nổi bật cơ bản nhất, là chúng ta ngày càng nhận thức rõ hơn vai trò của bảo vệ môi trường trong sự phát triển bền vững của đất nước. Điều đó được thể hiện trước hết trong các văn kiện của Đảng. Nghị quyết Đại hội lần thứ IX của Đảng đã nêu rõ: "phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ trường". Theo tinh thần đó, Nghị quyết 41- NQ/ TW của Bộ Chính trị đã khẳng định quan điểm chỉ đạo xuyên suốt về bảo vệ môi trường phải được gắn kết chặt chẽ, hài hòa với phát triển kinh tế và bảo đảm công bằng xã hội.

Trong xã hội, nhận thức về môi trường cũng ngày càng được nâng cao, nhất là trong bối cảnh môi trường đã trở thành vấn đề toàn cầu và thực tế trong nước cho thấy không thể

(*) TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Thường trực Bộ Tài nguyên và Môi trường

không bảo vệ môi trường, nếu muốn được sống trong môi trường trong lành và có được sự phát triển bền vững.

Từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường. Các quan điểm của Đảng về bảo vệ môi trường trong phát triển bền vững đã nhanh chóng được thể chế hóa bằng các công cụ chính sách, pháp luật cụ thể. Bên cạnh hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, nhiều chiến lược, kế hoạch cũng đã được ban hành, trong đó phải kể đến Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói, giảm nghèo và Định hướng chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam), Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Việc ban hành và áp dụng các công cụ kinh tế trong quản lý bảo vệ môi trường đã bước đầu được triển khai có hiệu quả. Nhiều bộ, ngành đã ban hành các quy định, kế hoạch hành động về bảo vệ môi trường trong khu vực mình quản lý.

Hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đã bắt đầu được hình thành từ năm 1992 với việc thành lập Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường các tỉnh, thành. Sau khi thành lập Bộ Tài nguyên và Môi trường, bên cạnh việc tăng cường và hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về môi trường cấp bộ, hệ thống quản lý nhà nước về môi trường đã được hình thành đến cấp huyện và một số nơi đã bố trí cán bộ giúp ủy ban nhân dân cấp xã quản lý môi trường. Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam và các hội viên thành viên ở các tỉnh, thành được thành lập và đi vào hoạt động ổn định. Nhiều hội nghề nghiệp liên quan

đến môi trường cũng được thành lập hoặc tổ chức nhiều hoạt động có hiệu quả về môi trường.

Nhiệm vụ tổ chức triển khai thực thi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về môi trường đã được các cấp, các ngành đặc biệt chú trọng. Nhiều đề án, dự án, mô hình nhằm ngăn ngừa, ứng phó và khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường đã được thực hiện có kết quả. Công tác quan trắc và giám sát môi trường đã đặt trọng tâm vào các vùng kinh tế trọng điểm, các khu công nghiệp, các đô thị, các lưu vực sông bị ô nhiễm nặng; qua đó cung cấp các thông tin cần thiết cho công tác giáo dục truyền thông, xây dựng các chương trình, dự án khắc phục ô nhiễm, nhất là ô nhiễm nguồn nước các lưu vực sông Cầu, sông Đáy, sông Nhuệ, sông Sài Gòn và sông Đồng Nai. Hệ thống quan trắc môi trường quốc gia đang được tiến hành xây dựng và quy hoạch gắn với quy hoạch mạng lưới trạm quan trắc khí tượng thủy văn. Hiện nay số trạm, số điểm quan trắc đã được phân bố trên hầu khắp lãnh thổ nước ta và tần suất quan trắc đã được tăng lên.

Công tác đánh giá tác động môi trường thời gian qua đã được chú ý, vừa tạo thuận lợi khuyến khích đầu tư phát triển vừa có tác dụng ngăn ngừa ô nhiễm. Quy trình thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đã không ngừng được cải tiến, hoàn thiện. Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường được tăng cường. Việc tổ chức nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực bảo vệ môi trường không ngừng được đẩy mạnh. Nhiệm vụ tuyên truyền, nâng cao nhận thức và ý thức về bảo vệ môi trường được đặc biệt coi trọng. Các lớp đào tạo, tập huấn ngắn hạn trong nước và nước ngoài về môi trường

đã nâng cao rõ rệt kiến thức và pháp luật về môi trường cũng như kỹ năng quản lý cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội. Hoạt động hợp tác quốc tế về môi trường không ngừng được củng cố và phát triển.

Bên cạnh những việc đã làm được, công tác bảo vệ môi trường vẫn còn nhiều yếu kém và đang tồn tại nhiều vấn đề cần phải giải quyết một cách tích cực hơn trong thời gian tới.

Thứ nhất, tư tưởng coi trọng lợi ích cục bộ, trước mắt về kinh tế mà không chú ý đến lợi ích về môi trường còn khá phổ biến. Hiện tượng xem nhẹ bảo vệ môi trường, không thực hiện hoặc chỉ thực hiện một cách đối phó còn xảy ra ở các cấp, các ngành. Nhiều khu công nghiệp, cơ sở sản xuất, dịch vụ chưa tuân thủ nghiêm túc các quy định về phòng ngừa ô nhiễm, giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải. Tình trạng vứt rác, phóng uế bừa bãi, làm mất vệ sinh nơi công cộng, sử dụng các biện pháp hủy diệt trong khai thác thủy sản, đánh bắt động vật quý hiếm, thậm chí nhập khẩu chất thải xảy ra ở nhiều nơi, nhưng chưa có biện pháp khắc phục kịp thời.

Thứ hai, bộ máy tổ chức quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tuy đã được tăng cường một bước, nhưng còn thiếu về số lượng và yếu về năng lực; sự phối hợp liên ngành, liên vùng còn kém hiệu quả dẫn đến chồng chéo chức năng trong khi lại bỏ trống nhiệm vụ quản lý.

Thứ ba, đầu tư cho bảo vệ môi trường còn rất thấp. Các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản chưa chú trọng khâu đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng về bảo vệ môi trường, nguồn chi thường xuyên của ngân sách nhà nước cho hoạt động sự nghiệp môi trường còn quá thấp, các doanh nghiệp chưa chú ý đầu tư thay đổi công nghệ, thiết bị, công trình xử lý

chất thải nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường. So với các nước trong khu vực và trên thế giới, đầu tư bảo vệ môi trường ở Việt Nam còn rất thấp. Ở Trung Quốc và các nước ASEAN đầu tư cho môi trường trung bình hàng năm chiếm khoảng 1% GDP, ở các nước phát triển thường chiếm từ 3% - 4% GDP.

Thứ tư, chúng ta chưa có chế tài đủ mạnh nhằm ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, nhất là chậm phát triển các biện pháp kinh tế phù hợp với cơ chế thị trường. Đây là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến việc hầu hết các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không tuân thủ quy định pháp luật. Thực tế cho thấy có đến 70% các khu công nghiệp không có hệ thống xử lý nước thải, 90% cơ sở sản xuất, dịch vụ không xử lý nước thải mà đổ thẳng ra môi trường. Mặc dù, Bộ luật Hình sự đã ban hành, có dành một chương về tội phạm môi trường, nhưng triển khai trên thực tế gặp rất nhiều khó khăn do quy định dấu hiệu phạm tội chưa rõ ràng, khó định lượng hậu quả gây ra cho môi trường.

Thứ năm, chúng ta đang đứng trước thực trạng và những thách thức gay gắt đối với công tác bảo vệ môi trường. Nguồn tài nguyên nước đang bị ô nhiễm, chủ yếu là ở các vùng hạ lưu sông do ảnh hưởng chất thải từ các đô thị và các cơ sở công nghiệp. Nguồn gây ô nhiễm chính là nước thải chưa qua xử lý, xuất phát từ các hoạt động sinh hoạt của dân cư đô thị và các hoạt động sản xuất công nghiệp. Các dạng *thoái hóa đất* chủ yếu là: xói mòn, rửa trôi, đất có độ phì thấp và mất cân bằng dinh dưỡng, đất chua hóa, mặn hóa, phèn hóa, bạc màu, khô hạn và sa mạc hóa, đất ngập úng, lũ quét, đất trượt và sạt lở, đất bị ô nhiễm. Trên 50% diện tích đất (3,2 triệu ha) ở vùng đồng bằng

và trên 60% diện tích đất (13 triệu ha) ở vùng đồi núi có những vấn đề liên quan tới suy thoái đất. Các yếu tố gây ô nhiễm không khí hiện nay là bụi và khí thải từ sản xuất công nghiệp và hoạt động giao thông - vận tải rất nghiêm trọng. Chất lượng rừng và đa dạng sinh học đang là một trong những vấn đề môi trường bức xúc nhất của nước ta hiện nay. Theo thống kê, diện tích đất có rừng nước ta hiện nay vào khoảng 11,5 triệu ha, trong đó 84% là rừng tự nhiên. Trong vòng chưa đầy 50 năm, diện tích che phủ rừng đã giảm từ 43% xuống còn 27% (năm 1990). Sau đó, nhờ những giải pháp kịp thời, diện tích rừng đã được nâng lên 33% (năm 2001) và 34,4% (năm 2003). Mặc dù vậy, rừng tự nhiên đầu nguồn và rừng ngập mặn vẫn tiếp tục bị tàn phá nghiêm trọng. Rừng giàu, rừng kín, rừng nguyên sinh chỉ còn chiếm khoảng 13% và rừng tái sinh chiếm tới 55% tổng diện tích rừng.

Việt Nam được coi là một trong những quốc gia có tính đa dạng sinh học cao nhất trên thế giới. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, đa dạng sinh học ở nước ta bị suy giảm mạnh. Nguyên nhân chính là do cháy rừng, tình trạng phá rừng bừa bãi và chuyển đổi mục đích sử dụng đất đai (làm đầm nuôi thủy sản, xây dựng đường sá, chuyển đất rừng thành đất nông nghiệp), dẫn đến thu hẹp nơi cư trú và nguồn nuôi dưỡng các giống loài. Tình trạng buôn bán trái phép động thực vật quý hiếm, sử dụng các biện pháp khai thác có tính hủy diệt và gia tăng ô nhiễm môi trường cũng góp phần làm suy giảm đa dạng sinh học.

Trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, yêu cầu bảo vệ môi trường đặt ra rất lớn nhưng công tác bảo vệ môi trường đang đứng trước nhiều thử thách, trong đó nổi lên là:

- Ý thức bảo vệ môi trường trong xã hội còn thấp, đặc biệt là chưa biến nhận thức về bảo vệ môi trường thành hành động trong thực tế.

- Bộ máy tổ chức và năng lực quản lý môi trường chưa đáp ứng yêu cầu, vừa thiếu về lực lượng vừa yếu về năng lực.

- Nhiều vấn đề môi trường bức xúc chưa được giải quyết trong khi dự báo mức độ ô nhiễm môi trường tiếp tục gia tăng.

- Kết cấu hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường lạc hậu, nguồn lực bảo vệ môi trường của Nhà nước và các doanh nghiệp đều bị hạn chế.

- Sự gia tăng dân số, di dân tự do và đói nghèo chưa được giải quyết một cách cơ bản.

- Hội nhập kinh tế quốc tế đặt ra các yêu cầu ngày càng cao về môi trường và tác động của các vấn đề môi trường khu vực và toàn cầu ngày càng lớn.

- Mâu thuẫn giữa yêu cầu tăng trưởng kinh tế và giải quyết việc làm với yêu cầu bảo vệ môi trường chưa được xử lý đang là thách thức lớn nhất trong công tác bảo vệ môi trường.

Mục tiêu của chúng ta về bảo vệ môi trường trong thời gian tới là: ngăn ngừa, hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường do hoạt động của con người và tác động của tự nhiên gây ra. Sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ đa dạng sinh học. Khắc phục ô nhiễm môi trường, trước hết ở những nơi đã bị ô nhiễm nghiêm trọng, phục hồi các hệ sinh thái đã bị suy thoái, từng bước nâng cao chất lượng môi trường. Xây dựng nước ta trở thành nước có môi trường tốt, có sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; mọi người đều có ý thức bảo vệ môi trường, sống thân thiện với thiên nhiên.

Để đạt được mục tiêu đó, các bộ, các cấp, các ngành và các địa phương cần phải xác định rõ trách nhiệm của mình, chủ động phối hợp để tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

1 – *Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường.* Thông qua các hình thức thích hợp, phổ biến, quán triệt rộng rãi nội dung Nghị quyết 41-NQ/TW, Chương trình hành động của Chính phủ, các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường. Hình thành và tăng cường năng lực cho các bộ phận tuyên truyền về môi trường của các bộ, ngành và địa phương. Tăng cường công tác tuyên truyền đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, cộng đồng dân cư để giúp các cơ sở này nhận thức rõ trách nhiệm và tự giác thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

2 – *Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.* Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường; xây dựng Luật Đa dạng sinh học và cơ sở văn bản hướng dẫn thi hành. Phối hợp với các bộ, ngành rà soát, điều chỉnh, bổ sung nội dung bảo vệ môi trường đối với các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành có liên quan. Xác định rõ trách nhiệm, sự phân công, phân cấp hợp lý nhiệm vụ bảo vệ môi trường giữa các bộ, ngành và các địa phương theo hướng tăng cường sự liên kết, phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc bảo vệ môi trường.

3 – *Tạo sự chuyển biến cơ bản trong đầu tư bảo vệ môi trường.* Tiếp tục thể chế hóa việc áp dụng công cụ kinh tế; ban hành quy định về việc thu và sử dụng các loại phí, lệ phí bảo vệ môi trường theo danh mục đính

kèm Pháp lệnh phí và lệ phí; khẩn trương xây dựng Luật Thuế bảo vệ môi trường; phân định rõ các nội dung chi từ ngân sách nhà nước cho các hoạt động sự nghiệp môi trường. Trên cơ sở đó hình thành mục chi ngân sách nhà nước riêng cho các hoạt động sự nghiệp môi trường, xây dựng kế hoạch thực hiện để đến năm 2006 bố trí không dưới 1% tổng chi ngân sách nhà nước cho mục chi các hoạt động sự nghiệp môi trường và bảo đảm tăng dần hàng năm theo tốc độ tăng trưởng kinh tế. Đa dạng hóa đầu tư bảo vệ môi trường để bảo đảm có đủ nguồn lực bảo vệ môi trường, trong đó chú trọng huy động mọi nguồn lực trong toàn xã hội để đầu tư bảo vệ môi trường. Rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách, biện pháp cụ thể để khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho bảo vệ môi trường; tăng tỷ lệ đầu tư cho bảo vệ môi trường từ nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

4 – *Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường.* Phát huy vai trò chủ động, tích cực của các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức quần chúng, cộng đồng dân cư trong việc tham gia và giám sát công tác bảo vệ môi trường. Đa dạng hóa các loại hình hoạt động bảo vệ môi trường, có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế thực hiện các dịch vụ bảo vệ môi trường, khuyến khích thành lập các tổ chức đánh giá, tư vấn, giám định về bảo vệ môi trường.

5 – *Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, chuyển giao, ứng dụng công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực cho bảo vệ môi trường.* Xây dựng luận cứ khoa học phục vụ công tác hoạch định chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về bảo vệ môi trường.

(Xem tiếp trang 18)

ĐỔI MỚI TƯ DUY CHÍNH TRỊ CỦA ĐẢNG TRONG LÃNH ĐẠO SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

NGUYỄN TRỌNG PHÚC *

TOÀN bộ tiến trình cách mạng nói chung, xây dựng chủ nghĩa xã hội nói riêng, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo là sự nghiệp chính trị to lớn dưới ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, toàn Đảng cùng toàn dân trải qua nhiều gian khổ, hy sinh và đã giành được thắng lợi vẻ vang, qua đó, có những cống hiến nổi bật cả về lý luận và thực tiễn. Xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự biến đổi cách mạng sâu sắc, triệt để, toàn diện với những khó khăn, thách thức mới và Đảng chưa có nhiều kinh nghiệm. Vì vậy, Đảng không ngừng khảo nghiệm thực tiễn, tự mình nâng cao trình độ nhận thức lý luận và khả năng tư duy sáng tạo, để hoạch định đúng và tổ chức thành công đường lối cách mạng.

Đại hội lần thứ VI của Đảng (12-1986) nhận thức rõ: "Đối với nước ta, đổi mới đang là yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng, là vấn đề có ý nghĩa sống còn"⁽¹⁾. Nhiều năm trước đó, nhận thức của Đảng về chủ nghĩa xã hội có nhiều quan niệm lạc hậu, nhất là những quan niệm về công nghiệp hóa, về cải tạo xã hội chủ nghĩa, về cơ chế quản lý kinh tế, về phân phối, lưu thông v.v... Đó là một trong những nguyên nhân làm cho đất nước phát triển chậm, thậm chí rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội ngay ở chặng đường đầu của thời kỳ quá độ. Vì vậy, phải đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy. Đại hội VI nêu rõ: "Muốn

đổi mới tư duy, Đảng ta phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, kế thừa di sản quý báu về tư tưởng và lý luận cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh". Quan điểm của Đại hội VI là rất rõ ràng và có ý nghĩa chỉ đạo sâu sắc. "Đổi mới tư duy không có nghĩa là phủ nhận những thành tựu lý luận đã đạt được, phủ nhận những quy luật phổ biến của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, phủ nhận đường lối đúng đắn đã được xác định, trái lại, chính là bổ sung và phát triển những thành tựu ấy"⁽²⁾.

Đường lối đổi mới là sản phẩm của đổi mới tư duy, của sự khảo nghiệm từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội nhiều năm trước đó, là sự kế thừa và phát triển đường lối đã hình thành qua các thời kỳ và tổng kết thực tiễn một cách nghiêm khắc, sáng tạo. Vì thế, có thể khẳng định, đường lối đổi mới do Đại hội VI của Đảng khởi xướng và sau này được các Đại hội Đảng, và Hội nghị Trung ương tiếp theo bổ sung, phát triển, là sự thể hiện tư duy chính trị không ngừng đổi mới.

Trong quá trình đổi mới, từ thực tế nền kinh tế nước ta ở điểm xuất phát thấp kém, lạc hậu, lại lâm vào khủng hoảng từ cuối thập niên

* PGS. TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1), (2) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr 125

bảy mươi, Đảng ta chủ trương lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, tạo ra bước phát triển có tính đột phá để sớm đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Sự đổi mới chính sách kinh tế được thực hiện một cách sâu rộng, nhất quán, từ cơ cấu kinh tế đến cơ chế quản lý, từ sự tạo ra bước phát triển nhảy vọt trong nông nghiệp với Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (ngày 5-4-1988), đến sự phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; từ phát huy tối đa nội lực trên cơ sở giải phóng triệt để sức sản xuất đến mở rộng hợp tác tranh thủ thu hút vốn đầu tư nước ngoài, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế; từ xóa đói giảm nghèo một cách thiết thực, vững chắc đến đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện chiến lược phát triển khoa học - công nghệ, xây dựng kinh tế tri thức. Với đường lối, chính sách đúng đắn đó, Đảng, Nhà nước ta đã đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội từ 1996 và đạt thành tựu to lớn về kinh tế qua 20 năm đổi mới.

Sẽ không thể có thành tựu to lớn về kinh tế nếu không bắt đầu từ đổi mới tư duy chính trị, hình thành và phát triển không ngừng đường lối đổi mới, khởi đầu từ Đại hội VI đến *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* được thông qua tại Đại hội VII (6-1991), được phát triển, hoàn chỉnh tại Đại hội VIII (6-1996) và Đại hội IX (4-2001). Nhìn một cách hệ thống và thấu đáo sự phát triển đường lối đổi mới suốt 20 năm qua, mới có thể thấy rõ tư duy chính trị sáng suốt của Đảng. Và có thể khẳng định rõ ràng rằng, xây dựng Đảng về chính trị, bảo đảm tính đúng đắn, khoa học, hiện thực của đường lối, là nhân tố có ý nghĩa quyết định thắng lợi của sự nghiệp đổi mới. Ý nghĩa của việc xác định xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt chính là ở đó.

Cố nhiên, chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế. Song chính trị có vị trí của nó và

có tác động to lớn tới kinh tế. V.I. Lê-nin đã từng chỉ ra rằng, không có một lập trường chính trị đúng, thì một giai cấp nhất định nào đó, không thể giữ được sự thống trị của mình và do đó cũng không thể hoàn thành được nhiệm vụ của mình trong lĩnh vực sản xuất. Thấu triệt sâu sắc và xử lý thành công mối quan hệ giữa chính trị và kinh tế trong công cuộc đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị. "Xét trên tổng thể, Đảng ta bắt đầu công cuộc đổi mới từ đổi mới tư duy chính trị trong việc hoạch định đường lối và các chính sách đối nội, đối ngoại. Không có sự đổi mới đó thì không có mọi sự đổi mới khác"(3).

Chính trị trong điều kiện Đảng Cộng sản cầm quyền và xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết là bảo đảm và nâng cao vai trò, năng lực lãnh đạo của Đảng, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa và bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đổi mới tư duy chính trị không chỉ nhận thức rõ hơn, đúng đắn hơn mục tiêu và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, mà còn từ hiện thực khách quan, từ thực tiễn làm rõ hơn những vấn đề lý luận về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, về vai trò, chức năng quản lý của Nhà nước và quyền làm chủ của nhân dân.

Tư duy chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới là hệ thống những quan điểm lý luận về giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, về xây dựng và phát huy vai trò, sức mạnh của hệ thống chính trị, nhất là vai trò của Đảng và Nhà nước, và về vai trò làm chủ của nhân dân. Về chính trị, ngay từ đầu Đảng đã xác định là đổi mới có nguyên tắc.

(3) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 71

Hội nghị Trung ương 6, khóa VI (3-1989), đã đề ra sáu nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới. Những nguyên tắc đó có giá trị chỉ đạo đúng đắn cho toàn bộ sự nghiệp đổi mới từ đó đến nay. Đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu, là mục tiêu lý tưởng của Đảng và nhân dân ta. Vì vậy, đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả bằng những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp. Đó là nguyên tắc hàng đầu của sự nghiệp đổi mới của Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam.

Kiên định mục tiêu có tính nguyên tắc đó, nên mặc dù nền kinh tế chuyển dần sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, song Đảng ta không bao giờ xa rời mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Từ thực tiễn của công cuộc đổi mới, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã được nhận thức ngày càng rõ hơn về các chặng đường, bước đi của thời kỳ quá độ. Đại hội VIII của Đảng khẳng định nước ta đã hoàn thành những nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, cho phép chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, dự kiến sẽ hoàn thành vào năm 2020. Đại hội đã khái quát rõ hơn về mô hình của chế độ xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta đang phấn đấu xây dựng với 6 đặc trưng mà Cương lĩnh Đại hội VII đã đề ra. Đại hội X của Đảng tổng kết 20 năm đổi mới đã khẳng định xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; có Nhà nước pháp

quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới. Đại hội cũng đã chỉ ra rõ hơn về nội dung và khả năng bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa để đi lên chủ nghĩa xã hội, về cách thức, giải pháp để thực hiện mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

Sự phát triển nhận thức trên đây của Đảng là kết quả từ sự tổng kết quá trình đổi mới và là sản phẩm của tư duy chính trị mới.

Cần phải nhấn mạnh rằng, từ khi bắt đầu và trong suốt quá trình đổi mới, Đảng đặc biệt chú trọng tăng cường củng cố sự ổn định chính trị - xã hội, xây dựng và tăng cường sức mạnh của hệ thống chính trị. Từ Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (3-1989) khóa VI, Đảng chính thức dùng khái niệm hệ thống chính trị và nhấn mạnh: *làm cho các tổ chức trong hệ thống chính trị hoạt động năng động, có hiệu quả hơn*. Cương lĩnh (năm 1991) đã trình bày toàn diện về *hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của Đảng*. Cương lĩnh khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác, bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực, phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể. Đảng không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị. Cương lĩnh cũng xác định rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân. Nhà nước Việt Nam thống nhất ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp với sự phân công rành mạch ba quyền đó. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là liên minh chính trị của các đoàn thể nhân dân và cá nhân tiêu biểu của các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các

dân tộc, các tôn giáo, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên, vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, là nhằm xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Nhằm đổi mới mạnh mẽ hệ thống chính trị, bảo đảm sự lãnh đạo, quản lý, vận hành thông suốt của toàn bộ sự nghiệp đổi mới, Đảng không ngừng hoàn thiện tư duy về chính trị, chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam.

Về xây dựng Nhà nước, Hội nghị Trung ương 2, khóa VII chủ trương cải cách, đổi mới một bước tổ chức bộ máy nhà nước nhằm tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước bằng pháp luật. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (1-1994) khóa VII, chủ trương xây dựng *Nhà nước pháp quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân*. Hội nghị Trung ương 8, khóa VII, Hội nghị Trung ương 3, khóa VIII, Đại hội IX của Đảng đã phát triển hoàn chỉnh quan điểm về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Đại hội X của Đảng nhấn mạnh: *Phát huy dân chủ, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*. Quan điểm cơ bản thống nhất và xuyên suốt của Đảng là: quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Xây dựng cơ chế bảo vệ Hiến pháp, định rõ cơ chế, cách thức bảo đảm tính tối cao của Hiến pháp và pháp luật trong đời sống kinh tế - xã hội. Trong suốt 20 năm đổi mới, Quốc hội đã tập trung xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật. Đây mạnh công cuộc cải cách hành chính cả về chức năng, nhiệm vụ, phương thức quản lý điều hành, hệ thống tổ chức bộ máy hành chính nhà nước và đội ngũ cán bộ công chức. Cải cách nền tư pháp, bộ máy và hoạt động tư pháp. Hoạt động thực tiễn đó của Nhà nước có vai trò to lớn

trong công cuộc đổi mới đồng thời cũng phản ánh tư duy mới của Đảng về vai trò, hoạt động của Nhà nước.

Về xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân đã được đề ra căn bản trong Cương lĩnh (1991), tiếp tục được nêu rõ trong Nghị quyết 07/NQ-TW của Bộ Chính trị, khóa VII, các Đại hội VIII và IX của Đảng. Từ hoạt động thực tiễn, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đã góp phần quan trọng củng cố sức mạnh của hệ thống chính trị, phát huy quyền làm chủ của nhân dân; phát triển và củng cố sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Từ thực tiễn của 20 năm đổi mới, Đại hội X của Đảng nhấn mạnh yêu cầu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân thực hiện tốt *vai trò giám sát và phản biện xã hội*.

Về xây dựng Đảng và thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng. Đại hội VI của Đảng đã tổng kết các bài học lấy dân làm gốc, xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan là điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. "phải xây dựng Đảng ngang tầm nhiệm vụ chính trị của một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa"⁽⁴⁾. Cương lĩnh (1991) của Đảng khẳng định một bài học lớn là: *Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam*. Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Cương lĩnh nhấn mạnh, Đảng phải nắm vững, vận dụng sáng tạo và góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, bản lĩnh chính trị, năng lực tổ chức của mình để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra.

(4) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, đã dẫn, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr 31

Quan điểm đúng đắn về Đảng và vai trò lãnh đạo của Đảng, về xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong quá trình lãnh đạo sự nghiệp đổi mới phải trên những quan điểm căn bản đó. Hội nghị Trung ương 3, khóa VII, Hội nghị Trung ương sáu (lần 2), khóa VIII, đã phát triển và cụ thể hóa những nội dung, yêu cầu xây dựng, chỉnh đốn Đảng phù hợp với diễn biến và phát triển của công cuộc đổi mới. Từ Cương lĩnh (1991), Đảng đã nhận thức sự cần thiết, *phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực lãnh đạo của Đảng*.

Đại hội IX của Đảng nêu rõ yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Đại hội chỉ ra rằng, những thành tựu, yếu kém trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo của Đảng và những ưu, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng. Đại hội X của Đảng chủ trương tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ngang tầm với yêu cầu và nhiệm vụ của tình hình mới là đòi hỏi có ý nghĩa sống còn đối với Đảng ta và chế độ ta. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với toàn bộ công cuộc đổi mới đã được thực tế khẳng định, được nhân dân thừa nhận, được bạn bè quốc tế đánh giá cao. Thực tế đó không thể lực thù địch nào có thể phủ nhận hoặc xuyên tạc được.

Cùng với những thành tựu về xây dựng Đảng và những thành công của quá trình đổi mới, Đảng ta luôn luôn tự phê bình về những khuyết điểm, yếu kém trong lãnh đạo quản lý đất nước, xã hội. Tại Đại hội X, Đảng đã thẳng thắn thừa nhận cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng chưa đạt yêu cầu đề ra. Tình trạng suy thoái về tư tưởng, chính trị, phẩm chất, đạo đức, lối sống, bệnh cơ hội, thực dụng, tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu dân trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên diễn ra rất nghiêm trọng. Nhiều tổ chức

cơ sở đảng thiếu sức chiến đấu và không đủ năng lực giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh ở cơ sở. Công tác tư tưởng còn thiếu tính chiến đấu, tính thuyết phục và hiệu quả chưa cao. Công tác lý luận chưa làm sáng tỏ được một số vấn đề quan trọng trong công cuộc đổi mới. Việc kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị thiếu kiên quyết. Công tác tổ chức cán bộ trên một số mặt còn yếu kém. Chất lượng và hiệu quả kiểm tra, giám sát chưa cao. Những khuyết điểm đó chủ yếu và trước hết là do tư duy của Đảng trên một số lĩnh vực chậm được đổi mới. Công tác tổ chức chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Đảng đề ra chưa tốt. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, kể cả một số cán bộ chủ chốt các cấp yếu kém cả về phẩm chất và năng lực; vừa thiếu tính tiên phong gương mẫu, vừa không đủ trình độ, năng lực hoàn thành nhiệm vụ.

Đây là sự tự phê bình thẳng thắn, có trách nhiệm. Bản lĩnh chính trị của một Đảng lãnh đạo là thẳng thắn thừa nhận khuyết điểm, tìm rõ nguyên nhân của khuyết điểm để đề ra giải pháp sửa chữa có hiệu quả. Đó là biểu hiện của một Đảng chân chính cách mạng, chắc chắn và tiên bộ, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng đòi hỏi. Thái độ đúng đắn, xây dựng phải là đánh giá đúng những ưu điểm để tiếp tục phát huy tốt hơn và nhận rõ những sai lầm, khuyết điểm để quyết tâm sửa chữa. Đảng ta luôn luôn hoan nghênh, trân trọng những ý kiến đóng góp và phê bình của nhân dân. Đột lấy ý kiến toàn dân đóng góp vào dự thảo văn kiện trình Đại hội X của Đảng từ 3-2 đến 3-3-2006 đã có hàng vạn ý kiến đầy tâm huyết và trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân đối với Đảng, chế độ và đất nước. Nhưng cũng có một số người, lợi dụng sự phê bình, góp ý để đả kích sự lãnh đạo của Đảng, phủ nhận thành quả cách mạng và đổi mới, thậm chí hằn học, xuyên tạc lịch sử một cách trắng trợn, đòi Đảng Cộng sản Việt Nam từ bỏ vai trò lãnh đạo, từ bỏ con đường xã hội chủ nghĩa... và đã bị chính công luận và nhân dân ta bác bỏ. Những thắng lợi về vang của

cách mạng Việt Nam trong thế kỷ XX và thắng lợi của công cuộc đổi mới đang diễn ra trên đất nước ta hiện nay minh chứng tính khoa học, cách mạng và hiện thực của con đường đó.

Trong lịch sử, Đảng không bao giờ thỏa mãn với những gì đã làm được, mà luôn luôn đặt ra những yêu cầu, đòi hỏi cao hơn. Những thành tựu đổi mới 20 năm qua là to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Song, chặng đường sắp tới còn nhiều khó khăn, thách thức lớn. Làm sao đưa nước ta ra khỏi tình trạng một nước kém phát triển trước năm 2010, để trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Điều đó đòi hỏi nỗ lực của toàn dân tộc, nhưng trước hết là nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng hiện nay, đòi hỏi phải nâng cao trình độ trí tuệ, tư duy và trình độ lý luận của Đảng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Chú trọng tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận làm cơ sở để bổ sung, phát triển Cương lĩnh, đường lối gắn liền với nâng cao bản lĩnh chính trị, vững vàng vượt qua mọi khó khăn thách thức. Tăng cường sức mạnh tổ chức và kỷ luật của Đảng, nâng cao chất lượng hệ thống tổ chức đảng, chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên; thường xuyên sàng lọc đảng viên, đưa ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách. Phát huy tốt hơn nữa những giá trị truyền thống vẻ vang của Đảng, như truyền thống độc lập, tự chủ, sáng tạo; truyền thống đoàn kết thống nhất trong Đảng; truyền thống kiên cường bất khuất của đảng viên cộng sản, tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên; truyền thống gần bó mật thiết với nhân dân và dân tộc, truyền thống chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Thành công của Đại hội X Đảng Cộng sản Việt Nam mở ra một thời kỳ phát triển mới của cách mạng và dân tộc Việt Nam. □

THỰC HIỆN ĐỒNG BỘ...

(Tiếp theo trang 12)

Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ môi trường, công nghệ sạch, thân thiện môi trường, phát triển các công nghệ xử lý và tái chế, tái sử dụng chất thải. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong bảo vệ môi trường. Xây dựng và nhân rộng các mô hình về sản xuất sạch; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật về an toàn hạt nhân và an toàn bức xạ. Ban hành hệ thống tiêu chuẩn môi trường quốc gia; xây dựng và tổ chức thực hiện đề án thúc đẩy chuyển giao và ứng dụng công nghệ môi trường.

6 – Mở rộng hợp tác quốc tế bảo vệ môi trường; đáp ứng yêu cầu về môi trường trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Thực hiện đầy đủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia, các hoạt động hợp tác quốc tế song phương và đa phương về môi trường, chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ để bảo đảm hiệu quả của các hoạt động trên. Hoàn thiện hệ thống chính sách, tiêu chuẩn môi trường Việt Nam phù hợp với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh việc phổ biến và áp dụng các tiêu chuẩn về môi trường có liên quan đến sản phẩm và hàng hóa xuất nhập khẩu. Xây dựng chiến lược hợp tác và huy động tối đa các nguồn lực quốc tế, chú trọng việc nâng cao năng lực xây dựng các chương trình, dự án, quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ quốc tế cho bảo vệ môi trường. Tăng cường hợp tác với các quốc gia có chung đường biên giới, nhất là có chung các con sông để bảo vệ môi trường khu vực biên giới và kiểm soát ô nhiễm xuyên biên giới. □

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI SỰ SÁNG LẬP VÀ RÈN LUYỆN ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

LÊ MẬU HÂN *

I - CHỦ NGHĨA DÂN TỘC, Ý CHÍ ĐỘC LẬP VÀ KHÁT VỌNG TỰ DO LÀ ĐỘNG LỰC LỚN CỦA ĐẤT NƯỚC

Đất nước được hoàn toàn độc lập, dân được hoàn toàn tự do là khát vọng của một dân tộc có ngàn năm văn hiến. Quá trình dựng nước và giữ nước đã sớm tạo dựng Việt Nam thành một quốc gia dân tộc. Dân Việt Nam có một ý thức rõ rệt về quyền tự chủ. Điều đó đã tạo thành một động lực dân tộc mạnh mẽ để chiến thắng ngoại bang xâm lược. Bài thơ *Nam quốc sơn hà* được xem như bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc Việt Nam đã khẳng định:

"Đất nước Đại Nam, Nam đế ngự,
Sách trời định phận rõ non sông.
Cớ sao nghịch tặc sang xâm phạm?
Bay hãy chờ coi, chuốc bại vong!"⁽¹⁾

"*Bình ngô Đại cáo*" cũng tiếp tục khẳng định nền dân tộc và chủ quyền quốc gia dân tộc Việt Nam.

Đầu tháng 1-1947, trả lời các nhà báo, Hồ Chí Minh nói: "tự do độc lập là quyền trời cho của mỗi dân tộc"⁽²⁾.

Người từng khẳng định: "tổ tiên đã treo bao tấm gương đại đức và dũng cảm, chí khí và tự

tôn"⁽³⁾ và đã lập nên bao chiến công hiển hách trong các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc. Viết về chiến thắng chống quân phong kiến phương Bắc xâm lược đầu thế kỷ XV, Hồ Chí Minh đã nêu rõ: "nhờ ý chí độc lập và lòng khát khao tự do hơn là nhờ quân đông nước mạnh, nước Nam đã thắng"⁽⁴⁾.

Nghiên cứu truyền thống lịch sử và cấu trúc kinh tế, xã hội Việt Nam, Hồ Chí Minh chỉ rõ sự xung đột về quyền lợi giai cấp được giảm thiểu, cuộc đấu tranh giai cấp ở đây không diễn ra quyết liệt như ở phương Tây, trái lại dưới ách thống trị của ngoại bang thời Trung cổ cũng như thời cận đại, mâu thuẫn dân tộc lại sâu sắc hơn và cuộc đấu tranh dân tộc chống quân xâm lược thống trị để giành độc lập tự do càng quyết liệt hơn. Với tư duy khoa học khách quan, nắm vững được phương pháp biện chứng duy vật, Hồ Chí Minh nêu rõ học thuyết của Mác đã xây dựng trên một triết

* PGS, Nhà giáo nhân dân, Đại học quốc gia Hà Nội

(1) Bùi Duy Tân: *Theo dòng khả luận văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội, 2005, tr 153

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 7

(3), (4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 1 tr 79, 80

lý nhất định của lịch sử châu Âu chứ chưa phải là của toàn nhân loại, cho nên cần phải bổ sung "cơ sở lịch sử" của chủ nghĩa Mác bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được. Xuất phát từ nhận định khách quan khoa học đó, Người đã đặt vấn đề cần "Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử của nó, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông. Đó chính là nhiệm vụ mà các Xô-viết đảm nhiệm"⁽⁵⁾. Đối với Việt Nam, "Chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước. Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho những người cu li biết phản đối, nó làm cho những người "nhà quê" phản đối ngằm trước thuế tạp dịch và thuế muối. Cũng chủ nghĩa dân tộc đã luôn luôn thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc; nó đã thúc giục thanh niên bãi khóa, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản và làm vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa"⁽⁶⁾; "Phát động chủ nghĩa dân tộc bản xứ... (là) một chính sách mang tính hiện thực tuyệt vời. Giờ đây, người ta sẽ không thể làm gì được cho người An Nam nếu không dựa trên các động lực vĩ đại, và duy nhất của đời sống xã hội của họ. Khi chủ nghĩa dân tộc của họ thắng lợi, thì đã lâu lắm rồi, phần lớn thế giới sẽ Xô-viết hóa và lúc đó, nhất định chủ nghĩa dân tộc sẽ biến thành chủ nghĩa quốc tế"⁽⁷⁾. "Một chủ nghĩa dân tộc sáng suốt không mâu thuẫn với chủ nghĩa quốc tế chân chính. Sự thức tỉnh của ý thức dân tộc Việt Nam không hề đi theo sự bài ngoại quen thuộc, đặc điểm của những cuộc bùng nổ thông thường, biệt phái của chủ nghĩa dân tộc"⁽⁸⁾.

II - THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM - SỰ CHUẨN BỊ TIỀN QUYẾT CHO CÁC BƯỚC TIỀN LỊCH SỬ NHẢY VỌT CỦA DÂN TỘC

Từ khát vọng nóng bỏng về độc lập và tự do thúc giục, Hồ Chí Minh đã dần thân trên

các nẻo đường thế giới để xem xét, học hỏi, tìm suy một giải pháp dân tộc, một con đường cứu nước, cứu dân thoát khỏi vòng nô lệ áp bức của chủ nghĩa thực dân Pháp. Hành trang mang theo của Hồ Chí Minh trên các nẻo đường tìm chân lý giải phóng dân tộc là vốn giá trị văn hóa tư tưởng truyền thống, là chủ nghĩa dân tộc, ý chí độc lập và khát vọng tự do. Dựa trên cơ sở vốn quý và giá trị văn hóa tư tưởng truyền thống của dân tộc, Hồ Chí Minh đã nghiên cứu, tiếp biến và phát triển, tổng hòa biện chứng tinh hoa văn hóa tư tưởng phương Đông và tư tưởng các cuộc cách mạng Âu, Mỹ thế kỷ XVII, XVIII, đặc biệt lấy học thuyết cách mạng của Mác và Lê-nin làm cơ sở thế giới quan và phương pháp luận, xây dựng được một hệ thống quan điểm toàn diện và sáng tạo về tư tưởng giải phóng và phát triển làm kim chỉ nam cho cuộc chiến tranh vì độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam, đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước theo xu thế tiến bộ của thời đại mới. Hệ thống quan điểm tư tưởng cách mạng sáng tạo của Hồ Chí Minh được hình thành về cơ bản trong những năm 20 của thế kỷ XX có giá trị như một học thuyết giải phóng và phát triển về cách mạng thuộc địa, được truyền bá trực tiếp có tổ chức thích hợp vào Việt Nam.

Cũng trong thời gian này ở trong nước, tình hình các giai cấp có những biến chuyển mạnh. Giai cấp công nhân đã phát triển về số lượng (khoảng 22 vạn vào năm 1929). Các cuộc đấu tranh của công nhân đã diễn ra dưới các hình thức và yêu cầu khác nhau, trong đó hình thức đặc thù là bãi công với ý thức chính trị ngày càng rõ rệt. Cùng với phong trào công nhân, phong trào dân tộc, dân chủ của các giai cấp và tầng lớp nhân dân khác, đặc biệt là phong

(5), (6), (7) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 1, tr 465, 466, 467

(8) *Bản án chế độ thực dân Pháp*, Nxb Lao động, Hà Nội, 1997, tr 123

trào thanh niên, học sinh, sinh viên, trí thức cũng đang diễn ra ở nhiều nơi với các hình thức khác nhau.

Một số tổ chức yêu nước cấp tiến cũng đã lần lượt ra đời. Sau một thời gian hoạt động ở châu Âu, Hồ Chí Minh đã về Quảng Châu (Trung Quốc), tìm gặp những người Việt Nam yêu nước đang hoạt động ở đây, chọn lựa và huấn luyện họ thành những cán bộ nòng cốt, chuẩn bị để xây dựng một tổ chức tiên phong cách mạng để vận động và tổ chức phong trào cách mạng ở trong nước. Tháng 6-1925 Hồ Chí Minh thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên, mở lớp huấn luyện chính trị, đào tạo cán bộ cho Hội. Phần lớn cán bộ được đào tạo ở Quảng Châu được phái về nước hoạt động, tuyên truyền tư tưởng giải phóng của Hồ Chí Minh, tổ chức phong trào đấu tranh của quần chúng và phát triển tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.

Ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh chiếu rọi vào Việt Nam đã nhanh chóng nâng cao ý thức chính trị của phong trào công nhân và phong trào yêu nước của các tầng lớp nhân dân Việt Nam. Từ năm 1929 đến 1930, một phong trào dân tộc dân chủ với ý thức chính trị rõ rệt và có tổ chức đã diễn ra ở nhiều nơi. Điều đó đã thúc đẩy những người tiên tiến, giác ngộ nhất của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và Tân Việt cách mạng Đảng thực hiện quan điểm cách mạng của Hồ Chí Minh "cách mệnh... Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy"⁽⁹⁾. Đảng cách mệnh ấy chính là Đảng Cộng sản.

Trong bối cảnh ấy, từ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên đã phân hóa thành Đông Dương cộng sản Đảng và An Nam cộng sản

Đảng. Tân Việt cách mạng Đảng cũng chuyển biến nhanh chóng và lập ra Đông Dương cộng sản liên đoàn. Các tổ chức cộng sản hoạt động riêng rẽ nhau. Biết được tình hình đó, Hồ Chí Minh đang hoạt động ở Xiêm đã phải quay trở lại Trung Quốc để thống nhất các tổ chức cộng sản, với tư cách là phái viên của Quốc tế cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương.

Hồ Chí Minh đã triệu tập và chủ trì hội nghị đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng họp từ ngày 6-1-1930 tại Cửu Long (Hương Cảng) để quyết định thống nhất hai đảng thành một đảng, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngày 24-2-1930, Đông Dương Cộng sản liên đoàn cũng được thống nhất vào Đảng Cộng sản Việt Nam, một đảng được vũ trang bằng lý luận về giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, trực tiếp là tư tưởng Hồ Chí Minh.

Ngay từ khi mới ra đời, Đảng đã có cương lĩnh chính trị khoa học và sáng tạo, nhuần nhuyễn về quan điểm dân tộc và giai cấp, thấm đượm tính dân tộc và nhân văn.

Độc lập tự do là tư tưởng cốt lõi, là viên ngọc quý lấp lánh ánh sáng trong cương lĩnh đầu tiên của Đảng - Cương lĩnh Hồ Chí Minh. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đầu năm 1930 là sản phẩm của dân tộc trong thời đại mới, sản phẩm của sự kết hợp lý luận giải phóng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam trong những năm 20 của thế kỷ XX.

Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành người lãnh đạo duy nhất phong trào dân tộc

(9) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 2, tr 267, 268

Việt Nam. Đây là sự giao phó lịch sử qua thử thách sàng lọc nghiêm khắc trên trường tranh đấu cách mạng quyết liệt của nhân dân ta; là thành quả của một quá trình chuẩn bị, vận động thành lập Đảng của Hồ Chí Minh, của một tập thể học trò, của các chiến sĩ cận vệ cách mạng do Người đào tạo và rèn luyện.

Đây là một thành công sáng tạo của Hồ Chí Minh về việc thành lập một Đảng cách mạng kiểu mới ở một nước thuộc địa, một quốc gia dân tộc có nền văn hiến lâu đời.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đánh dấu một bước ngoặt lịch sử vĩ đại của cách mạng Việt Nam, là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt trong tiến trình lịch sử tiến hóa của dân tộc được mở đầu bằng thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, mở ra một kỷ nguyên lịch sử mới - kỷ nguyên độc lập, tự do.

Tiếp tục sự nghiệp Cách mạng Tháng Tám, quyết tâm giữ vững lời thề độc lập ngày 2-9-1945, phấn đấu dưới ngọn cờ Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam đã kiên trì cuộc đấu tranh cách mạng dài 30 năm, đã đánh thắng các đội quân xâm lược nhà nghề của hai đế quốc Pháp, Mỹ, lập nên những chiến công hiển hách có ý nghĩa lịch sử vĩ đại và tính thời đại sâu sắc và ngày nay đang tiếp tục tiến lên giành được những thành tựu lớn trên con đường đổi mới và hội nhập quốc tế vì đất nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

III - ĐẢNG CÁCH MẠNG TIỀN PHONG, HIỆN THÂN CỦA TRÍ TUỆ, DANH DỰ VÀ LUONG TÂM CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN, CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cách mạng, lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến

lược, các định hướng về chủ trương, chính sách về hành động tiên phong gương mẫu của đảng viên, trước hết là cương lĩnh và chiến lược cách mạng. Đảng truyền bá lý luận cách mạng vào trong nhân dân, có lý luận cách mạng và đường lối chính trị soi đường thì quần chúng mới hoạt động đúng đắn, mới phát triển tài năng trí tuệ và lực lượng vô tận của cả dân tộc, kết hợp nội lực dân tộc với sức mạnh của thời đại. Cương lĩnh, chiến lược, đường lối, chính sách của Đảng phải sáng tạo trên cơ sở thế giới quan khoa học mác-xít, phép biện chứng duy vật, đặc biệt là tư tưởng Hồ Chí Minh, lấy nguồn giá trị văn hóa tư tưởng truyền thống làm bệ đỡ, phù hợp với yêu cầu phát triển của dân tộc và thời đại.

Trên cơ sở Cương lĩnh Chính trị đầu tiên do Hồ Chí Minh soạn thảo, Đảng Cộng sản Việt Nam từng bước vượt qua mọi thử thách, tiếp tục phát triển cương lĩnh đường lối, chính sách phù hợp với hoàn cảnh lịch sử cụ thể của đất nước và thế giới trong từng thời kỳ lịch sử. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ như là "một cơn lốc lớn đang làm biến đổi số mệnh của hàng triệu con người", thúc đẩy các dân tộc vùng lên để tự cứu lấy mình, giải phóng khỏi ách nô dịch của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân. Pháp - Nhật trở thành kẻ thù chính của cả dân tộc Việt Nam. Lúc này, "Nhân dân Việt Nam... ai cũng chán ghét cuộc đời nô lệ, ai cũng mong muốn độc lập, tự do và đang trong tư thế một người lên tiếng vận người ủng hộ"⁽¹⁰⁾. Trong hoàn cảnh mới đó, Hồ Chí Minh đã chỉ đạo Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định phải *thay đổi chiến lược cách mạng*, coi cách mạng nước ta lúc này là một cuộc *cách mạng giải phóng dân tộc*, nhằm tập trung lực lượng của cả dân tộc để đánh đuổi Pháp - Nhật, giành lại độc lập tự

(10) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 3, tr 140

do, thành lập một nước Việt Nam dân chủ mới. *Chính quyền cách mạng của nước Việt Nam dân chủ mới là của chung toàn dân tộc.* Sự thay đổi chiến lược cách mạng kịp thời đó của Hồ Chí Minh có ý nghĩa quyết định đầu tiên dẫn đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, chính quyền cách mạng ở vào tình thế "ngàn cân treo sợi tóc". Hồ Chí Minh, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã nêu cao hơn nữa ngọn cờ dân tộc, tiến hành kháng chiến và kiến quốc với khẩu hiệu chiến dịch: "Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết", nắm vững phương pháp "đĩ bất biến, ứng vạn biến", thiên biến, vạn hóa trong sách lược, kể cả việc tuyên bố Đảng Cộng sản tự giải tán, nhưng thực chất là rút vào hoạt động bí mật để lãnh đạo cách mạng, ra sức xây dựng chế độ mới và nhân nhượng để giữ vững quyền độc lập, tự do. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổ chức toàn dân kháng chiến với ý chí "Thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ".

Tháng 2-1951, Đảng tiến hành họp Đại hội lần thứ hai, đề ra những nhiệm vụ chính trong những nhiệm vụ mới là: 1. Đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. 2. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam.

Để đưa kháng chiến đến thắng lợi, chúng ta phải có một đảng công khai, có tổ chức thích hợp với tên gọi mới là Đảng Lao động Việt Nam. Đưa kháng chiến đến thắng lợi là nhiệm vụ của cả dân tộc. Nhiệm vụ, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì vậy, như Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam"⁽¹¹⁾.

Đại hội lần thứ hai của Đảng đã đề ra những nhiệm vụ và chính sách để đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi và đặt cơ sở kiến thiết đất nước. Đặc biệt, Đại hội đã vạch ra chiến lược tiến hành thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chính cương Đảng Lao động Việt Nam xác định thực hiện chiến lược cách mạng đó là một quá trình đấu tranh lâu dài.

Đây là một chiến lược cách mạng khoa học, sáng tạo, không rập khuôn giáo điều.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trước hết là thắng lợi của tư tưởng "Không có gì quý hơn độc lập tự do", của chiến lược kết hợp tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam nhằm mục tiêu chủ yếu là giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Thành tựu của 20 năm xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc đã minh chứng đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo thực hiện là phù hợp với thực tiễn đất nước và xu thế của thế giới trong giai đoạn hiện nay, khẳng định giá trị định hướng và chỉ đạo có ý nghĩa to lớn của cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đảng được thông qua tại Đại hội lần thứ VII của Đảng năm 1991.

Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân. Ngay khi mới thành lập, trong toàn Đảng chỉ có hơn 300 đảng viên, đến tháng 8-1945, Đảng cũng chỉ có mấy ngàn đảng viên. Các giai đoạn về sau, đội ngũ đảng viên tăng lên hàng chục vạn, hàng triệu người. Dù ít hay nhiều, cán bộ, đảng viên của Đảng phải là những người giác ngộ cách mạng, phụng sự nhân dân, phụng sự Tổ quốc. Đảng phải là

(11) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 6, tr 175, 159 - 160

một tổ chức đoàn kết thống nhất, xây dựng theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Đảng không phải là một bè nhóm để tranh địa vị, giành tước lộc. Đảng phải gồm những người mà "giàu sang không thể quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể khuất phục". Chính vì vậy, khi Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, nắm chính quyền trong cả nước. Về sự hy sinh của các tiên liệt cách mạng, Hồ Chí Minh đã nêu rõ: "Các đồng chí ta như đồng chí Trần Phú, đồng chí Ngô Gia Tự, đồng chí Lê Hồng Phong, đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai, đồng chí Hà Huy Tập, đồng chí Nguyễn Văn Cừ, đồng chí Hoàng Văn Thụ, và trăm nghìn đồng chí khác đã đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng, của giai cấp, của dân tộc lên trên hết, lên trước hết. Các đồng chí đó đã tin tưởng sâu sắc, chắc chắn vào lực lượng vĩ đại và tương lai vẻ vang của giai cấp và của dân tộc. Các đồng chí ấy đã vui vẻ hy sinh hết thảy, hy sinh cả tính mệnh mình cho Đảng, cho giai cấp, cho dân tộc. Các đồng chí ấy đã đem xương máu mình vun tưới cho cây cách mạng, cho nên cây cách mạng đã khai hoa, kết quả tốt đẹp như ngày nay. Tất cả chúng ta phải noi theo gương anh dũng, gương chí công vô tư ấy mới xứng đáng là người cách mạng" (12).

Khi Đảng trở thành một Đảng cầm quyền, nếu không coi trọng đúng mức rèn luyện tư tưởng, đạo đức cho cán bộ, đảng viên, sẽ dễ dẫn đến tệ quan liêu, độc đoán, tham nhũng, làm thoái hóa biến chất đội ngũ của Đảng. Hồ Chí Minh đã từng căn dặn, "Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân" (13). Người cũng đã nhắc nhở chúng ta rằng: "Một dân tộc, một

đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân... Mỗi con người đều có thiện và ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi, đó là thái độ của người cách mạng" (14).

Lời dạy của Hồ Chí Minh là một chân lý phản ánh đúng thực tiễn. Nó đã và mãi mãi là lời cảnh báo đối với Đảng ta, với mỗi cán bộ, đảng viên. Đảng Cộng sản phải luôn luôn đề phòng và chống nguy cơ lớn là sai lầm không chỉ về đường lối mà cả về bệnh quan liêu, thoái hóa, biến chất khi trở thành Đảng cầm quyền. Đây là vấn đề sống còn của Đảng.

Đảng Cộng sản Việt Nam do Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, là người lãnh đạo duy nhất của dân tộc Việt Nam. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng và đang tiếp tục thực hiện sứ mệnh xây dựng đất nước theo đường lối đổi mới. Đảng phải luôn luôn nắm vững thế giới quan và phương pháp luận của học thuyết Mác - Lê-nin, đặc biệt là tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng làm giàu trí tuệ, bản lĩnh chính trị và năng lực tổ chức của mình. Mọi đường lối, chủ trương của Đảng phải xuất phát từ thực tế, phải tôn trọng quy luật khách quan. Đảng Cộng sản Việt Nam không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động, của dân tộc Việt Nam, hiện thân của trí tuệ, lương tâm, danh dự của dân tộc Việt Nam - một đảng đạo đức và văn minh. □

(12) Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t 6, tr 175, 159 - 160

(13) Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t 12, tr 510

(14) Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t 12, tr 557 - 558

Nhận thức và thực tiễn về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh

ĐOÀN THẾ HANH

THỰC tiễn vận động của các hình thái kinh tế - xã hội trong lịch sử loài người đã minh chứng rằng, bước chuyển từ xã hội trước tiến lên xã hội sau dù đột biến, nhảy vọt hay tuần tự, thông thường phải trải qua một thời kỳ *trung gian, cải biến*. Nghiên cứu về quá trình chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, dù nền sản xuất ở đó đã được công nghiệp hóa, hiện đại hóa, C.Mác và Ph.Ăng-ghe-nh vẫn khẳng định nhất thiết phải kinh qua *thời kỳ quá độ*. Các ông viết: "Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy... không thể là cái gì khác hơn là *nền chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản*"⁽¹⁾. Đó là giai đoạn cần thiết để cải biến xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin cũng chỉ ra hai con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội. *Một là*, quá độ trực tiếp, đối với trường hợp những nước tư bản chủ nghĩa phát triển cao. *Hai là*, quá độ gián tiếp, đối với những nước còn đang ở trình độ tiền tư bản chủ nghĩa hoặc tư bản trung bình.

Sau Cách mạng Tháng Mười, nước Nga lạc hậu (so với phương Tây lúc bấy giờ), dưới sự dẫn dắt của V.I. Lê-nin bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, và được xác định là *tương đối lâu dài*, gồm nhiều bước quá độ nhỏ... V.I. Lê-nin viết: "Nếu phân tích tình hình chính trị hiện nay,

chúng ta có thể nói rằng chúng ta đang ở vào một thời kỳ quá độ trong thời kỳ quá độ"⁽²⁾.

Thấm nhuần quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về thời kỳ quá độ, Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc rằng, *quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là thời kỳ tất yếu khách quan*. Vì thế, Người chủ trương, sau khi hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, chúng ta chọn con đường *rút ngắn, bỏ qua tư bản chủ nghĩa, nhưng phải trải qua thời kỳ quá độ*. Cách đi này được Hồ Chí Minh chỉ rõ khi Người phân tích mâu thuẫn cơ bản giữa yêu cầu phải tiến lên trở thành một nước có nền công nông nghiệp hiện đại, khoa học - kỹ thuật tiên tiến với tình trạng lạc hậu kém phát triển, đồng thời phải đối phó với các thế lực cản trở, phá hoại mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Người nói: "Miền Bắc nhất định phải tiến lên chủ nghĩa xã hội. Mà *đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ* là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải

(1) C. Mác - Ph. Ăng-ghe-nh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 19, tr 47

(2) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t 42, tr 266

kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa...

Vì vậy, nhiệm vụ quan trọng nhất của chúng ta là phải *xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội*, đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội..." (3).

Quan niệm tiến dần lên chủ nghĩa xã hội của Hồ Chí Minh thể hiện sự nhận thức rằng, thời kỳ quá độ là một chặng tiến gần và trực tiếp với chủ nghĩa xã hội, nhưng *nó là một giai đoạn độc lập tương đối*. Về tính chất, có lần Hồ Chí Minh đã giải thích nghĩa đen của từ *quá độ* có nghĩa, khoảng thời gian ngồi trên đò ngang để qua sông. Đó là lúc đã tạm biệt phía bờ A, nhưng cũng chưa tới phía bờ B. Nếu hình tượng một chút, quan niệm bên bờ A (nơi xuất phát) là chế độ thuộc địa nửa phong kiến, thì con đò đã rời bến; bên bờ B (nơi sẽ tới) là chủ nghĩa xã hội, thì đò chưa tới. Như vậy, theo Hồ Chí Minh, thời kỳ quá độ mang tính độc lập, nó đang từ bỏ những cái cũ, cái lạc hậu và bước đầu xây dựng những cái mới, cái tiến bộ. Nó hoàn toàn chưa phải là thời kỳ mới hẳn, hàm chứa toàn vẹn những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội. Đây chính là bước đi tất yếu và thích hợp đối với điều kiện Việt Nam. Hồ Chí Minh nói, ta bước vào thời kỳ quá độ tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, không qua con đường phát triển tư bản chủ nghĩa với nghĩa là bỏ qua một phương thức sản xuất, một hình thái kinh tế xã hội, một chế độ chính trị. Sở dĩ chọn bước đi đó, vì dân tộc đã độc lập, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, có sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa đi trước.

Theo Hồ Chí Minh, quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là thời kỳ xây dựng **chế độ dân chủ mới** với hai đặc điểm cần chú ý: **Một là, về chính trị**, trên nền tảng công nông liên minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân làm chủ đất nước, xây dựng nền chuyên chính dân chủ nhân dân, nghĩa là dân chủ với nhân dân, chuyên chính trừng trị bọn phản động làm phản đất nước, chống lại nhân dân.

Hai là, về thành phần kinh tế, thời kỳ quá độ có **5 thành phần kinh tế khác nhau**: Kinh tế quốc doanh, có tính chất chủ nghĩa xã hội; kinh tế hợp tác xã, có tính chất nửa chủ nghĩa xã hội; kinh tế cá nhân của nông dân và thủ công nghệ; kinh tế tư bản tư nhân; và kinh tế tư bản nhà nước.

Như vậy, *quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội là một thời kỳ phải phát triển kinh tế nhiều thành phần*. Chỉ có như vậy mới phát huy được sức mạnh tổng hợp của tất cả mọi nguồn lực, mọi đối tượng, dân tộc và thời đại vào công cuộc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Tuy vậy, với nhiều lý do khách quan, chủ quan, trước kia chúng ta lại hiểu bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là xóa bỏ tất cả những hình thức sở hữu khác, chỉ duy trì hai hình thức sở hữu là toàn dân và tập thể. Cơ chế tập trung quan liêu bao cấp này được lắp ghép vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, là cách làm duy ý chí, dẫn đến tình trạng hiệu quả không cao, thu nhập quốc dân nhỏ bé, đời sống nhân dân thấp. Có thể nói, thời điểm những năm 80 của thế kỷ XX, đất nước ta khủng hoảng về kinh tế - xã hội, cần phải được đổi mới. Nguyên nhân của tình trạng trên có nhiều, trong đó có do chúng ta nhận thức không đầy đủ tư tưởng Hồ Chí Minh về quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hồ Chí Minh khẳng định lộ trình gián tiếp đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là trải qua thời kỳ quá độ với nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế tư bản tư nhân và kinh tế tư bản nhà nước vẫn được coi trọng, giữ vai trò kinh tế - xã hội to lớn. Người chỉ ra rằng, *nếu ta khéo lãnh đạo, khéo tổ chức thì giai cấp tư sản cũng có thể theo chúng ta đi lên chủ nghĩa xã hội*. Trong điều kiện có nhiều thành phần kinh tế cùng tồn tại và phát triển như vậy, để hướng tới chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh lưu

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 10, tr 13

ý phải làm cho thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa phát triển và giữ vai trò chủ đạo. Để đạt được cả mục tiêu kinh tế, chính trị, xã hội, ở thời kỳ này, Người lưu ý cần giữ 4 điều chủ chốt sau đây:

"1 – Công tư đều lợi. Kinh tế quốc doanh là công. Nó là nền tảng và sức lãnh đạo của kinh tế dân chủ mới. Cho nên chúng ta phải ra sức phát triển nó và nhân dân ta phải ủng hộ nó. Đối với những người phá hoại nó, trộm cắp của công, hay gian lận thuế, thì phải trừng trị.

Tư là những nhà tư bản dân tộc và kinh tế cá nhân của nông dân và thủ công nghệ. Đó cũng là lực lượng cần thiết cho cuộc xây dựng kinh tế nước nhà. Cho nên Chính phủ cần giúp họ phát triển. Nhưng họ phải phục tùng sự lãnh đạo của kinh tế quốc gia, phải hợp với lợi ích của đại đa số nhân dân.

2 – Chủ và thợ đều lợi. Nhà tư bản thì không khỏi bóc lột. Nhưng Chính phủ ngăn cấm họ bóc lột công nhân quá tay. Chính phủ phải bảo vệ quyền lợi của công nhân. Đồng thời, vì lợi ích lâu dài, anh chị em thợ cũng để cho chủ được số lợi hợp lý, không yêu cầu quá mức.

Chủ và thợ đều tự giác, tự động, tăng gia sản xuất lợi cả đôi bên.

3 – Công nông giúp nhau... thắt chặt liên minh giữa công nông.

4 – Lưu thông trong ngoài... Đó là chính sách mậu dịch, giúp đỡ lẫn nhau rất có lợi cho kinh tế nước ta.

Bốn chính sách ấy là mấu chốt để phát triển kinh tế của nước ta"⁽⁴⁾.

Quan điểm của Đảng ta ở Đại hội IX và Báo cáo Chính trị trình Đại hội X, về kinh tế, đã thể hiện tư tưởng Hồ Chí Minh. Chúng ta xác định bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa tức là bỏ qua vị trí thống trị của chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản, nhưng ta kế thừa những yếu tố của nền kinh tế thị trường và phát triển nó theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Ở đây, cần nhận

thức rằng, kinh tế thị trường là kết quả của nền văn minh nhân loại, nó tạo ra những bước tiến dài và là tiến bộ nhất trong lịch sử kinh tế loài người từ buổi bình minh tới đó. Dưới sự điều tiết của Nhà nước, chúng ta sẽ gạt bỏ những hạn chế, sử dụng tính năng động của nó trong việc tạo ra cơ sở vật chất với hiệu quả cao nhất cho thời kỳ quá độ.

Về mức độ của thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, theo Hồ Chí Minh, đó là một công việc hết sức khó khăn, bởi chủ nghĩa xã hội là tiến bộ, tốt đẹp, văn minh. Nhưng từ lạc hậu đến tiến bộ, từ dã man đến văn minh là quá trình phấn đấu hết sức gian khổ. Nhận thức được điều đó, cả dân tộc chúng ta cùng nhau hành động theo một hướng thì cái tốt đẹp nhanh tới hơn. Bản thân việc đi lên chủ nghĩa xã hội là khó khăn và đối với hoàn cảnh nước ta lại càng khó khăn. Hồ Chí Minh khẳng định: "Việt Nam là một nước nông nghiệp lạc hậu, công cuộc đổi xã hội cũ thành xã hội mới gian nan, phức tạp hơn việc đánh giặc"⁽⁵⁾. "Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc biến đổi khó khăn nhất và sâu sắc nhất. Chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta. Chúng ta phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm."⁽⁶⁾ So sánh việc xây dựng đất nước ở thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội với việc thắng đế quốc, Hồ Chí Minh cho rằng, thắng đế quốc tương đối dễ, thắng bản cùng, lạc hậu khó khăn. Thắng đế quốc thực chất là giành chính quyền, còn giữ chính quyền là xây dựng chế độ mới. Thách thức đối với Đảng không chỉ ở việc tổ chức nhân dân giành chính quyền mà còn tổ chức nhân dân giữ chính quyền. Xây dựng chế độ mới tốt đẹp là thiết thực giữ chính quyền

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 7, tr 221 - 222

(5) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 9, tr 176

(6) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 8, tr 493

hiệu quả nhất. Trong *Di chúc*, khi viết về công cuộc khôi phục đất nước sau chiến tranh, Người gọi đây là "*cuộc chiến đấu khổng lồ*" chống nghèo nàn, lạc hậu, xây cái mới.

Nhận thức rõ tính chất phức tạp của thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, nên Hồ Chí Minh đòi hỏi Đảng, Nhà nước, nhân dân ta phải quyết tâm cao hơn nữa, không chủ quan, tự mãn, say sưa với thắng lợi trong quá khứ mà thiếu đi sự năng động, sáng tạo trước những khó khăn, gian khổ. Xác định được như vậy, chúng ta mới vững tâm và quyết tâm tìm tòi phương thức, cách đi phù hợp để xây dựng đất nước theo hướng đích mà Đảng và nhân dân ta đồng thuận lựa chọn.

Về *độ dài của thời kỳ quá độ*, Hồ Chí Minh xác định là phải *lâu dài*. Theo Người, sau khi giành độc lập dân tộc, ta bước vào thời kỳ quá độ. Lúc đầu, Người cũng đưa ra dự đoán về độ dài của thời kỳ quá độ ở nước ta: chắc sẽ đòi hỏi ba, bốn kế hoạch dài hạn, nếu nhân dân ta cố gắng thì có thể rút ngắn hơn. Về sau, Hồ Chí Minh nêu rõ: "Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một cuộc đấu tranh cách mạng phức tạp, gian khổ và lâu dài"⁽⁷⁾. Có nhà báo hỏi: bao giờ chủ nghĩa xã hội được xây dựng ở Việt Nam, Hồ Chí Minh trả lời: Xây dựng chủ nghĩa xã hội là lâu dài, không đơn giản.

Về *bước đi của thời kỳ quá độ*, với nhiều lý do, Hồ Chí Minh chưa có điều kiện làm rõ, nhưng xuất phát từ hoàn cảnh, điều kiện dân tộc và thời đại, Người đã chỉ ra những bước dài, ngắn khác nhau cho lộ trình chung, cho từng lĩnh vực, tùy theo hoàn cảnh. Nhưng đi bước nào phải chắc bước ấy. Do hoàn cảnh khác nhau nên bước đi của Việt Nam có thể khác với Liên Xô, và điều đó theo Người, cũng là mác-xít.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ đang soi sáng sự nghiệp đổi mới 20 năm vừa qua và tương lai.

Trong bối cảnh mới, trước yêu cầu và nhiệm vụ mới của thời kỳ đẩy mạnh công

ng nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trong mỗi bước đi lên, chúng ta tiếp tục thấm nhuần sâu sắc, vận dụng sáng tạo và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh:

- **Một là**, giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đối với thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Xây dựng, chỉnh đốn để Đảng trong sạch, vững mạnh, ngang tầm với nhiệm vụ mới, không chỉ là công việc của Đảng mà còn là *trách nhiệm của toàn dân tộc*, bởi Đảng ta là con nòi của dân tộc ta. Cần giữ vững "kỷ luật sắt" trong Đảng. Muốn hiện thực hóa công tác xây dựng và chỉnh đốn, toàn Đảng phải thống nhất với quyết tâm sắt đá, tiến hành từ trên xuống dưới, không có vùng đặc quyền, không có đối tượng đặc ân, mọi đảng viên đều bình đẳng trước Điều lệ Đảng, pháp luật và chính sách của Nhà nước.

- **Hai là**, điểm xuất phát của chúng ta so với các nước đi trước là rất thấp với khoảng cách khá xa, muốn xây dựng xã hội mới, tốt đẹp phải có sức lực và thời gian. Cần tập trung huy động tối đa mọi nguồn nội lực nhất là của các thành phần kinh tế và phát triển chúng trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. Tranh thủ cao nhất yếu tố thời đại, khai thác mạnh mẽ các mối quan hệ quốc tế trên cơ sở tôn trọng chế độ chính trị, luật pháp khác biệt; tôn trọng độc lập dân tộc, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước với phương châm: Việt Nam sẵn sàng là bạn với tất cả các nước. Do tính chất lâu dài, mọi chủ trương, đường lối không thể nôn nóng, càng không thể đề ra những "liệu pháp xốc", phải bằng những giải pháp phát triển bền vững. Tuy nhiên, nguy cơ tụt hậu về kinh tế của chúng ta là có thực. Vì vậy, phát triển nhanh, bền vững và đúng

(Xem tiếp trang 33)

(7) Hồ Chí Minh: *Sổ đ*, t 9, tr 2

Hồ Chí Minh

bàn về công nghiệp hóa, hiện đại hóa

LÊ HUY THỰC *

1 – Về tiền đề, cơ sở để tiến hành công nghiệp hóa

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhanh hay chậm là tùy thuộc vào tiềm năng, thế mạnh của mỗi nước, nhất là trong việc xác định bước đi cho phù hợp, phương thức tiến hành và bảo đảm tính bền vững của toàn bộ quá trình phát triển. Muốn tiến hành công nghiệp hóa, trước hết phải tích lũy vốn, phải thực hành tiết kiệm để tập trung mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Thế nhưng, ở các nước đang thời kỳ tiến hành công nghiệp hóa, xuất khẩu thường nhỏ hơn nhập khẩu. Điều đó làm cho cán cân thanh toán thường xuyên bị thiếu hụt, dự trữ ngoại tệ nhỏ bé do phải nhập khẩu máy móc thiết bị. Bởi vậy, để có vốn chúng ta phải đẩy mạnh sản xuất để có nguồn vốn vững chắc lâu dài. Trên thế giới nhiều quốc gia có kinh nghiệm là đẩy mạnh phát triển nông nghiệp để có tích lũy xây dựng công nghiệp và tiến hành công nghiệp hóa thành công. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Phải cải tạo và phát triển nông nghiệp để tạo điều kiện cho việc công nghiệp hóa nước nhà. Phải có một nền nông nghiệp phát triển thì công nghiệp mới có thể phát triển mạnh... Nông nghiệp phát triển tốt thì công nghiệp sẽ phát triển nhanh" (1).

Trong sự phát triển kinh tế - xã hội, lực lượng sản xuất có vai trò nền tảng và quyết định hình thức của quan hệ sản xuất. Lực lượng sản xuất phát triển sẽ thúc đẩy quan hệ sản xuất phát triển theo, tạo đà để nền kinh tế đi lên. Tại Đại hội đại biểu Công đoàn tỉnh Thanh Hóa lần thứ 6, ngày 19-7-1960, Hồ Chí Minh đã căn dặn:

"Nước ta là một nước nông nghiệp giống như Trung Quốc, Triều Tiên. Muốn phát triển công nghiệp, phát triển kinh tế nói chung phải lấy việc phát triển nông nghiệp làm gốc, làm chính. Nếu không phát triển nông nghiệp thì không có cơ sở để phát triển công nghiệp vì nông nghiệp cung cấp nguyên liệu, lương thực cho công nghiệp và tiêu thụ hàng hóa của công nghiệp làm ra" (2). Hồ Chí Minh nhấn mạnh, muốn phát triển công nghiệp (kể cả công nghiệp nhẹ) phải lấy việc phát triển nông nghiệp làm gốc, làm chính, làm cơ sở. Theo Người, nếu không có cơ sở đó thì công nghiệp nói chung, công nghiệp nặng nói riêng, không thể phát triển được.

Quan điểm, tư tưởng nêu trên của Hồ Chí Minh về vai trò của nông nghiệp làm cơ sở, điều kiện phát triển công nghiệp và công nghiệp hóa đã chưa được quán triệt một cách đầy đủ từ Đại hội III (năm 1960) đến Đại hội V của Đảng (năm 1981), nhất là việc ưu tiên quá mức cho công nghiệp nặng "ưu tiên

(*) Tạp chí Lý luận chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1), (2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t 10, tr 14 - 15, 180

phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý..." (3). Đây là một trong số những nguyên nhân làm cho việc phát triển công nghiệp nặng cũng như tiến hành công nghiệp hóa gặp không ít khó khăn, trở ngại; kết quả thu được không mấy khả quan.

Do chưa chú trọng phát triển nông nghiệp nên trong một thời gian dài nước ta đã không sản xuất được đủ lương thực, thực phẩm, phải trông chờ vào trợ giúp của các nước anh em trong phe xã hội chủ nghĩa. Từ đó, nền kinh tế chẳng những lệ thuộc vào bên ngoài cả về lương thực, hàng tiêu dùng, mà còn cả về vốn, trang thiết bị cho công nghiệp. Rút cuộc, phát triển công nghiệp và công nghiệp hóa cũng chỉ đem lại những kết quả rất hạn chế.

Trong thực tiễn cách mạng, Đảng ta đã nhận thức và khắc phục được sai lầm cũ, quyết tâm đổi mới để phát triển, chú trọng phát triển nông nghiệp, tạo ra nhiều lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Văn kiện Đại hội VI của Đảng đã chỉ rõ: "khắc phục khuyết điểm tách rời công nghiệp với nông nghiệp, hướng công nghiệp nặng phục vụ thiết thực và có hiệu quả cho nông nghiệp và công nghiệp nhẹ" để "tạo tiền đề đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa" (4). Từ Đại hội VI của Đảng (năm 1986) và tiếp đến các Đại hội VII, VIII, IX, đường lối phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã được điều chỉnh cho phù hợp và được thực hiện có hiệu quả. Thực tế đã chứng minh cả lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, cũng như các ngành kinh tế khác ở nước ta đều có bước phát triển tốt. Từ một quốc gia thiếu lương thực nước ta đã trở thành một quốc gia xuất khẩu gạo đứng thứ 2 thế giới. Nền kinh tế Việt Nam không những ngày càng phát triển nhanh, mà còn hội nhập sâu vào kinh tế quốc tế, trở thành đối tác tin cậy đối với các quốc gia trên thế giới. Đáng chú ý là việc khơi thông các dòng vốn, nhất là thu hút vốn nước ngoài không ngừng tăng lên, từ đó càng có điều kiện

và nguồn lực để thúc đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

2 - Lựa chọn những bước đi của công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải thích hợp

Từ đầu những năm 60 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Ở Việt Nam, nông nghiệp còn chiếm một tỷ trọng lớn trong nền kinh tế, nên việc tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phải từ nông nghiệp, lấy nông nghiệp làm tiền đề, điều kiện, cơ sở để phát triển. Chúng ta tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa từ một nền kinh tế có công nghiệp ở trình độ thấp kém. Thực tế này buộc chúng ta phải có những việc làm, bước đi tuần tự trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phải chú trọng xây dựng cơ sở vững chắc. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chúng ta không những phải làm đầy đủ những nhiệm vụ như các nước đã có nền công nghiệp tương đối phát triển thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mà còn phải đồng thời thực hiện những công việc mang tính đặc thù của Việt Nam là điểm xuất phát thấp (sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu). Trong khi đó, thời đại hiện nay, do khoa học, kỹ thuật và công nghệ trên phạm vi toàn thế giới đang phát triển mạnh, nên chúng ta phải tìm cách để "đi tắt, đón đầu", ứng dụng những thành tựu, tiến bộ khoa học hiện đại nhất, mới nhất của trí tuệ loài người trong một số lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế. Chẳng hạn, trên thế giới đã hình thành và phát triển kinh tế tri thức, thì Việt Nam cũng cần phải từng bước phát triển kinh tế tri thức để rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Có như vậy mới tận dụng được sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc và xu thế của thời đại để tiến hành thành công

(3) Lê Duẩn: *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1976, t II, tr 29

(4) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr 171

sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ngoài ra, cũng phải tính đến bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế, các quan hệ vừa hợp tác cùng có lợi, vừa cạnh tranh gay gắt với các quốc gia để phát triển đất nước. Bởi vậy, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta cũng phải làm sao để có được cơ cấu kinh tế không những vừa bảo đảm độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vừa xác định đúng tiềm năng, thế mạnh Việt Nam trong sự phân công lao động quốc tế.

*Trong quá trình tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay chúng ta phải quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về **kết hợp nội lực với ngoại lực**. Chúng ta tiếp tục phát huy nội lực và lợi thế so sánh, tranh thủ ngoại lực - nguồn vốn, công nghệ mới, kinh nghiệm quản lý, mở rộng thị trường - phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong việc phát huy nội lực, chúng ta có sức mạnh về con người Việt Nam lao động cần cù, tiết kiệm, thông minh, sáng tạo.*

Trong những năm đổi mới, nhiều ngành đã mạnh dạn đầu tư đổi mới công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, lựa chọn đúng các bước đi tắt đón đầu đem lại hiệu quả kinh tế cao, nâng cao năng lực cạnh tranh góp phần vào tăng trưởng kinh tế của đất nước.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thực chất là để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nền kinh tế phát triển theo một chiến lược với các mục tiêu và các chỉ tiêu cụ thể được tính toán và dự báo có cơ sở khoa học. Bên cạnh việc phải tính đến xu thế về sự lệ thuộc, sự tham gia của một nước vào nền kinh tế quốc tế về nhiều ngành, lĩnh vực, dây chuyền sản xuất... để tăng cường hợp tác, trao đổi, học tập lẫn nhau về khoa học, kỹ thuật, kinh nghiệm tổ chức, quản lý trong việc tạo ra sản phẩm ngày một tốt hơn, năng suất lao động ngày một cao hơn, chúng ta cần phải kết hợp khôn khéo nội lực với ngoại lực, sức mạnh bên trong với những nhân tố tích cực, tiến bộ bên ngoài. Mở cửa,

hợp tác, tranh thủ ngoại lực là chủ trương đúng với tinh thần, tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời cũng là xu thế tiến bộ của thời đại.

3 - Tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải đồng bộ

Tại Hội nghị Trung ương họp vào tháng 11-1959, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh, phải hiện đại hóa nông nghiệp, chú trọng cải tiến kỹ thuật, công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ phải phục vụ nông nghiệp, gắn với nông nghiệp. Khi công nghiệp đã có bước phát triển mạnh, mà nông nghiệp không tiến bộ như công nghiệp hoặc cầm chừng, Hồ Chí Minh sử dụng hình ảnh và dễ hiểu về vai trò, vị trí của hai ngành kinh tế chủ yếu thì như người có hai chân bị què một chân: "Công nghiệp và nông nghiệp như hai chân của con người... Nông nghiệp không phát triển thì công nghiệp cũng không phát triển được. Ngược lại, không có công nghiệp thì nông nghiệp cũng khó khăn. Công nghiệp và nông nghiệp quan hệ với nhau rất khăng khít... nông nghiệp là cơ sở cho công nghiệp... *Công nghiệp* phải phục vụ nông nghiệp cho tốt, phải làm máy bơm, làm công cụ cải tiến, chế thuốc trừ sâu, v.v. cho nông nghiệp"⁽⁵⁾.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh và văn kiện Đảng không chỉ chú trọng hiện đại hóa hai ngành kinh tế là nông nghiệp và công nghiệp, mà còn nhấn mạnh vấn đề hiện đại hóa tất cả các ngành kinh tế quốc dân để tạo nên sự phát triển đồng bộ trong đời sống kinh tế, xã hội. Chủ trương hiện đại hóa nhiều lĩnh vực của ngành công nghiệp nặng cũng được tiến hành như: Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp khai thác dầu khí, công nghiệp năng lượng, phân bón, hóa chất từ dầu khí; phát triển công nghiệp kỹ thuật hiện đại; phát triển công nghiệp ở các tỉnh, tránh tập trung quá mức công nghiệp vào các đô thị lớn. Đi đôi với phát triển công

(5) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 10, tr 619

nghiệp nặng, việc hiện đại hóa đối với ngành công nghiệp nhẹ cũng được tiến hành đồng bộ. Nghị quyết Đại hội IX của Đảng chỉ rõ: "Phát triển công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm; công nghiệp may mặc, dệt, da giày, chế biến thức ăn gia súc, cơ khí, vật liệu xây dựng, hóa chất"⁽⁶⁾.

Nhờ quán triệt đúng tư tưởng của Hồ Chí Minh về công nghiệp hóa, và được Chính phủ tiến hành đồng bộ ở các ngành kinh tế đã có tác dụng tích cực làm cho nền kinh tế phát triển. Trong mỗi chặng đường phát triển của cách mạng, có những điển hình tiên tiến lan tỏa cả bề rộng và bề sâu đem lại hiệu quả kinh tế và xã hội. Thực tế đã chứng minh tính đúng đắn của chủ trương trên và nó đã đi vào thực tiễn cuộc sống, phù hợp với lòng dân, được nhân dân đồng tình ủng hộ.

4 - Muốn chú trọng khoa học - công nghệ, phải phát triển mạnh giáo dục và đào tạo để nâng cao trí

Trong một nền kinh tế dựa vào kinh tế tri thức thì mọi người phải học tập thường xuyên để có thể thích nghi với sự phát triển và làm chủ những thành tựu mới nhất của khoa học - công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất kinh doanh. Mục tiêu của giáo dục đào tạo là phát triển nguồn nhân lực nhằm tạo ra những con người có khả năng, bản lĩnh để thực hiện thành công công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Không phải đến ngày nay việc nâng cao tri thức mới được coi trọng, mà ngay từ khi đất nước mới giành được độc lập, Hồ Chí Minh đã huấn thị: "Phải học. Ngày nay không phải học để có bằng cấp, để thoát ly sản xuất. Phải học chính trị, học văn hóa, học kỹ thuật để nâng cao hiểu biết. Bởi vì công nghiệp, nông nghiệp của ta ngày càng tiến bộ thì người công nhân, người nông dân, người lao động trí óc phải càng ngày càng tiến bộ mới làm được tốt"⁽⁷⁾. Để các ngành của nền kinh tế phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đòi hỏi mọi người lao động phải ra sức học tập nâng

cao tri thức, hiểu biết để sản xuất, làm được việc, đáp ứng được yêu cầu của công việc. Cần mở rộng giao lưu về giáo dục đào tạo với các nước, tiếp cận với những mô hình giáo dục tiên tiến nhất để vận dụng sáng tạo vào nước ta. Có chính sách cử tuyển giáo viên, sinh viên đi học tập, nghiên cứu ở các nước phát triển, thu hút nhiều giáo sư, chuyên gia nước ngoài vào nước ta để giảng dạy, nghiên cứu khoa học, trao đổi kinh nghiệm. Trong bối cảnh toàn cầu hoá kinh tế hiện nay, nước ta cần chủ động, tích cực lựa chọn con đường ngắn nhất tranh thủ ngoại lực, phát huy nội lực ngay cả trong lĩnh vực tiếp thu khoa học, chuyển giao công nghệ... làm cho tiềm lực khoa học, kỹ thuật và công nghệ của đất nước ngày càng thêm mạnh. Tuy vậy, cũng cần tránh những bước đi nóng vội, chủ quan lẫn lộn chừa, chậm trễ; vì cả hai đều dẫn đến sai lầm gây lãng phí các nguồn lực và tụt hậu hoặc xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Trong các văn kiện Đại hội VI, VII, VIII và IX của Đảng đều rất chú trọng ứng dụng khoa học, kỹ thuật, nâng cao tri thức cho người lao động, đổi mới công tác giáo dục và đào tạo thể hiện đường lối nhất quán của Đảng và Nhà nước ta. Trong văn kiện Đại hội VI¹ Đảng ta đã nhấn mạnh: "Phát triển khoa học và công nghệ, nâng cao năng lực nội sinh, coi đó là nhân tố quan trọng để thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa"⁽⁸⁾. Văn kiện Đại hội IX của Đảng đã chỉ rõ: "Để đáp ứng yêu cầu về con người và nguồn nhân lực là nhân tố quyết định sự phát triển đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa,

(6) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 315

(7) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 8, tr 413

(8) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr 187

cần tạo chuyển biến cơ bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo"(9).

Như vậy, Hồ Chí Minh và Đảng ta luôn coi trọng công tác giáo dục và đào tạo, coi đây là một trong những phương thức để công nghiệp hóa, hiện đại hóa thành công. Về công tác vừa mang tính cấp bách, vừa mang tính chiến lược lâu dài này chúng ta đã quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, đã thu được khá nhiều kết quả đáng ghi nhận. Hiện nay, ở nước ta có nhiều người, phần đông trong lớp trẻ, được học tập, đào tạo để nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nắm bắt công nghệ mới, tri thức mới để làm việc trong các doanh nghiệp, trong bộ máy của Đảng và Nhà nước, làm cán bộ để phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Tuy nhiên, để làm việc có hiệu quả, Người đã dạy: học phải kết hợp với hành; dụng nhân như dụng mộc, phải vì việc mà chọn người chứ không vì người mà đặt việc. Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển giáo dục, đào tạo nhân tài là: "Đào tạo trí thức mới. Cải tạo trí thức cũ. Công nông trí thức hóa. Trí thức công nông hóa"(10). Người còn căn dặn: phải đi sâu vào việc điều tra nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm; học phải liên hệ với thực tế, phải có thí nghiệm và thực hành. Vì vậy, các trường đào tạo khoa học nghiệp vụ chuyên môn cần chuyên sâu trên từng lĩnh vực để đáp ứng được yêu cầu của cách mạng, của xã hội, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ngày nay, tư tưởng Hồ Chí Minh bàn về công nghiệp hóa, hiện đại hóa vẫn còn nguyên giá trị của nó. Càng thấm nhuần những những lời dạy của Người, đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta càng rõ nét và sẽ thu thêm nhiều thắng lợi. □

(9) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, đã dẫn, tr 201

(10) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 6, tr 203 - 204

NHẬN THỨC VÀ THỰC TIỄN...

(Tiếp theo trang 27)

hướng là phương châm phù hợp đối với nền kinh tế nước ta trong thời kỳ quá độ.

- **Ba là**, cụ thể hóa hơn nữa cơ chế: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ thành nguyên tắc hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị, trong xã hội; làm cơ sở cho sự phối hợp thống nhất và đồng bộ. Khắc phục tình trạng chung chung, nặng về lý thuyết.

- **Bốn là**, tái cấu trúc bộ máy của Đảng và Nhà nước khoa học hơn, hiệu quả hơn, bảo đảm vững mạnh hơn và trong sạch hơn theo hướng tinh gọn. Đổi mới chính sách cán bộ và xây dựng, chỉnh đốn lại đội ngũ cán bộ thích hợp với bộ máy mới, với đòi hỏi của sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- **Năm là**, Chính phủ sớm có chiến lược phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn mà chúng ta có ưu thế, phù hợp với điều kiện chúng ta là nước nghèo, đi sau, để tạo động lực riêng mạnh mẽ của sự phát triển trong nền kinh tế thế giới. Để tránh thiệt hại cho các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp, cá nhân, chính quyền các cấp, các hội nghề nghiệp cần nhận rõ trách nhiệm, hợp tác chặt chẽ, thống nhất vì sự phát triển lành mạnh của nền kinh tế quốc dân, nhất là ở những ngành mà ta có ưu thế.

- **Sáu là**, có những giải pháp hữu hiệu để tăng hiệu quả đầu tư, tạo nên thế mạnh, mũi nhọn trong cơ cấu kinh tế của mỗi doanh nghiệp, địa phương, ngành và lớn hơn là cả nước, tránh dàn trải, thất thoát. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí từ trung ương tới địa phương bằng mọi cách để tập trung vốn cho đầu tư, tập trung trí tuệ cho công cuộc phát triển, giảm giá thành, tăng chất lượng sản phẩm, tạo ưu thế cạnh tranh trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế. □



MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NHẬN THỨC BẢN CHẤT KHOA HỌC VÀ CÁCH MẠNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊ-NIN

TRẦN NGUYỄN TUYẾN *

TỪ thực tiễn cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng, và kim chỉ nam cho hành động cách mạng ở nước ta. Trong những năm đổi mới, Đảng ta đã có sự phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào hoàn cảnh cụ thể của thực tiễn cách mạng Việt Nam trên một loạt vấn đề lý luận mới, như: về mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa... Tư duy lý luận của Đảng ngày càng phát triển và nhận thức sâu sắc hơn bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Sự phát triển của thế giới và công cuộc đổi mới của Việt Nam hiện nay đang đặt ra nhiều vấn đề đòi hỏi phải có nhận thức đúng về bản chất, xu thế phát triển của thời đại và đặc điểm của quốc gia dân tộc, trên cơ sở này xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội phù hợp. Có nhiều nhân tố mới đang và sẽ tác động đến sự vận động và phát triển của toàn thế giới và từng quốc gia trong những thập niên đầu thế kỷ XXI, như: cách mạng khoa học - công nghệ, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, bước quá độ của nhân loại từ kinh tế công nghiệp sang kinh tế tri thức... Trong bối cảnh

như vậy, để có chiến lược và chính sách phát triển đúng đắn đòi hỏi phải có nhận thức đúng về bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Mặc dù đã trải qua hơn 150 năm, nhất là sau khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu tan rã, lịch sử thế giới đang ở trong một "khúc quanh" phức tạp của sự phát triển, song chủ nghĩa Mác - Lê-nin vẫn tỏ rõ sức sống của nó trong đời sống hiện thực, những giá trị tinh thần, tính khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin được thực tiễn khẳng định tính đúng đắn của nó.

Một học thuyết được thừa nhận là *cách mạng* phải xuất phát từ những nhận thức *khoa học* về thế giới khách quan, tính khoa học càng cao thì tính cách mạng càng triệt để. Khác về cơ bản so với các học thuyết khác trên các phương diện về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, nội dung, tính giai cấp... học thuyết của C. Mác, theo V.I. Lê-nin: "Là sự thừa kế thẳng và trực tiếp những học thuyết của các đại biểu xuất sắc nhất trong triết học, trong kinh tế chính trị học và trong chủ nghĩa xã hội"⁽¹⁾. Dựa

* PGS, TSKH, Viện trưởng Viện Kinh điển Mác - Lê-nin

(1) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, t 23, tr 49 - 50

trên những thành tựu của tư tưởng nhân loại, nhất là của triết học cổ điển Đức, kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh, chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp, áp dụng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử trong nghiên cứu, C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n đã làm cuộc cách mạng sâu sắc nhất trong tư tưởng, nhận thức của nhân loại, tạo nền móng cho lý luận khoa học về chủ nghĩa xã hội.

Học thuyết do C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n sáng lập là sự thống nhất giữa tính khoa học và tính cách mạng. Các ông đã vạch rõ sự phát sinh, phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, nêu lên những mặt tiến bộ, đồng thời cũng vạch rõ những khuyết tật và mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản. Phù hợp với lý thuyết về hình thái kinh tế - xã hội, coi sự phát triển của xã hội loài người là một quá trình lịch sử - tự nhiên, C. Mác cho rằng, chủ nghĩa tư bản tất yếu sẽ bị thay thế bởi một phương thức sản xuất mới, cao hơn, tiến bộ hơn, đó là phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa.

V.I. Lê-nin đã bảo vệ và phát triển học thuyết của Mác - Ăng-ghe-n, nâng lên trình độ cao mới trong bối cảnh chủ nghĩa tư bản phát triển lên giai đoạn cao của nó là chủ nghĩa đế quốc trong hoàn cảnh lịch sử cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX.

Kế thừa học thuyết của C. Mác trong điều kiện mới, V.I. Lê-nin đã sáng tạo ra lý luận khoa học về chủ nghĩa đế quốc, khởi thảo lý luận mới về cách mạng xã hội chủ nghĩa, phát hiện quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản và chỉ ra cho giai cấp công nhân Nga cái "mắt xích" yếu nhất của nó để tiến hành thành công Cách mạng Tháng Mười Nga. Người đã xác định kế hoạch xây dựng chủ nghĩa xã hội, đề ra Chính sách Kinh tế mới (NEP), phác họa những đường nét cơ bản của sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở những nước kinh tế chậm phát triển.

Để nhận thức được tính khoa học và cách mạng trong học thuyết của C. Mác, cần phải có quan điểm thực tiễn. Như V.I. Lê-nin đã khẳng

định, lý luận nhận thức phải xuất phát từ thực tiễn và trở về thực tiễn thì lý luận mới mang tính khoa học, khắc phục căn bệnh giáo điều hay lý luận suông. Theo V.I. Lê-nin, bản chất và linh hồn sống của chủ nghĩa Mác là phân tích cụ thể một tình huống cụ thể.

Bản thân các nhà kinh điển không coi học thuyết của mình như một cái gì đó hoàn thiện, bất biến, mà luôn đòi hỏi phải có sự bổ sung, vận dụng phát triển sáng tạo trong những điều kiện lịch sử cụ thể. Bởi lẽ, chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng tạo, do vậy phải căn cứ vào những điều kiện cụ thể mới có những định hướng giải pháp phù hợp. Các nhà kinh điển cũng không bao giờ coi học thuyết của mình như là những câu trả lời vạn năng cho mọi tình huống của cuộc sống, mà đòi hỏi phải luôn được xem xét gắn với sự phát triển của thực tiễn, với tư cách là động lực của nhận thức, là tiêu chuẩn khách quan của mọi chân lý.

Trong lời tựa Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản viết cho bản tiếng Đức vào năm 1872, C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n đã khẳng định: "Chính ngay "Tuyên ngôn" cũng đã giải thích rõ rằng bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời, và do đó, không nên quá câu nệ vào những biện pháp cách mạng nêu ra ở cuối chương II. Đoạn này, ngày nay mà viết lại thì về nhiều mặt, cũng phải viết khác đi. Vì đại công nghiệp đã có những bước tiến hết sức lớn trong hai mươi năm qua"⁽²⁾. Các ông lý giải lý do không sửa lại là vì: "Tuyên ngôn là một tài liệu lịch sử mà chúng tôi không có quyền sửa lại".

Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác, Lê-nin đã xuất phát từ điều kiện cụ thể của nước Nga, với tư cách là mắt xích yếu nhất của hệ thống đế quốc chủ nghĩa sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, để đi đến kết luận khoa học rằng, nước Nga đã hội tụ đầy đủ các điều kiện khách

(2) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 18, tr 128

quan và chủ quan để cách mạng xã hội chủ nghĩa có thể nổ ra (điều này trái với dự báo của Mác và Ăng-ghe-nen là cách mạng vô sản có khả năng nổ ra đồng loạt ở các nước tư bản phát triển, nơi mà mâu thuẫn giữa vô sản và tư sản đã đẩy đến mức độ cùng cực). Cũng do nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác, Lê-nin đã vạch ra Chính sách Kinh tế mới mùa xuân năm 1921 thay cho Chính sách Cộng sản thời chiến được áp dụng trong điều kiện nước Nga bị bao vây bởi các nước đế quốc và nội chiến trong nước. Nhờ có Chính sách Kinh tế mới mà nước Nga đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tăng cường tiềm lực kinh tế, quốc phòng, tạo tiền đề quan trọng để thực hiện công nghiệp hóa đất nước.

Thực chất của Chính sách Kinh tế mới là đổi mới nhận thức về chủ nghĩa xã hội với thừa nhận sự tồn tại của nền kinh tế nhiều thành phần, phát triển quan hệ hàng hóa tiền tệ, kinh tế thị trường, thực hiện sự trao đổi giữa thành thị và nông thôn, giữa công nghiệp và nông nghiệp, thay chính sách trưng thu lương thực bằng chính sách thuế lương thực, chú trọng khuyến khích lợi ích vật chất coi đó là động lực quan trọng để phát triển kinh tế, sử dụng các hình thức của chủ nghĩa tư bản nhà nước. Ở đây dường như có mâu thuẫn về quan niệm của Mác và Ăng-ghe-nen khi cho rằng, chủ nghĩa cộng sản xóa bỏ buôn bán, cùng với việc xã hội nắm lấy những tư liệu sản xuất thì sản xuất hàng hóa cũng bị loại trừ.

Thực ra phải hiểu điều kiện lịch sử cụ thể của những quan điểm của các nhà kinh điển, điều khẳng định ở trên của Mác và Ăng-ghe-nen là những dự đoán về giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản chứ không phải nói về giai đoạn thấp của nó, tức là chủ nghĩa xã hội. Điều này Mác đã khẳng định: Đó là một xã hội vừa thoát thai từ xã hội tư bản chủ nghĩa, do đó là một xã hội về mọi phương diện - kinh tế, đạo đức, tinh thần còn mang những dấu vết của xã hội cũ mà nó đã lột lòng ra... Như vậy làm sao xóa ngay được cái dấu vết đặc trưng của chủ nghĩa tư bản

là kinh tế hàng hóa. Các nhà kinh điển đã chỉ ra một cách đúng đắn về mặt phương pháp luận khi cho rằng cơ sở để xóa bỏ chế độ tư hữu là lực lượng sản xuất phải được phát triển đến một trình độ nhất định với trình độ xã hội hóa cao, chứ không phải chỉ bằng quyết định mệnh lệnh hành chính hay mong muốn chủ quan.

Trong tác phẩm *"Những nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản"* viết năm 1847, Ph. Ăng-ghe-nen đã chỉ rõ rằng, chủ nghĩa cộng sản là đối lập với chế độ tư hữu, và sẽ có lý khi các đảng cộng sản đều khẳng định mục tiêu của mình là xóa bỏ chế độ tư hữu. Tuy nhiên, khi được hỏi có nên xóa bỏ chế độ tư hữu ngay hay không sau khi cách mạng vô sản thành công, Ph. Ăng-ghe-nen đã trả lời dứt khoát rằng: Không, không và không thể thủ tiêu chế độ tư hữu ngay lập tức, "cũng y như không thể làm cho lực lượng sản xuất hiện có tăng lên ngay lập tức đến mức cần thiết để xây dựng một nền kinh tế công hữu. Cho nên..., chỉ có thể cải tạo xã hội hiện nay một cách dần dần, và "chỉ khi nào đã tạo nên được một khối lượng tư liệu sản xuất cần thiết cho việc cải tạo đó thì khi ấy mới thủ tiêu được chế độ tư hữu"(3).

Biện chứng của lịch sử là ở chỗ, để thủ tiêu chế độ tư hữu thì phải phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, kinh tế hàng hóa, kinh tế thị trường và như vậy phải trải qua chế độ tư hữu trong một thời gian dài. Đây là quy luật khách quan, biện chứng của sự phát triển, chính vì không nhận thức và vận dụng được quy luật này, nhiều nước xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu trước đây đã không thực hiện đúng đường lối của V.I. Lê-nin trong Chính sách Kinh tế mới, chủ trương nhanh chóng xóa bỏ chế độ tư hữu, không thừa nhận nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, không phát triển quan hệ hàng hóa - tiền tệ và kinh tế thị trường, thực hiện chiến lược công nghiệp hóa theo hướng nội là chủ yếu, không tích cực tham gia

(3) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nen: *Sđd*, t 4, tr 469

vào phân công hợp tác quốc tế, coi nhẹ vai trò của dịch vụ trong nền kinh tế.

Ở Việt Nam, nhất là trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới, chúng ta đã nhận thức đầy đủ hơn về mối quan hệ giữa mục tiêu và phương tiện, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã khẳng định: "sản xuất hàng hóa không đối lập với chủ nghĩa xã hội, mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng"⁽⁴⁾

Rõ ràng, C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ mới chỉ nêu ra những dự báo khoa học về xã hội cộng sản thông qua sự phân tích hiện thực của chủ nghĩa tư bản, điều này đòi hỏi các đảng cộng sản phải vận dụng phát triển sáng tạo học thuyết của Mác, Ăng-ghe-nơ trong điều kiện cụ thể của nước mình. Chính V.I. Lê-nin xuất phát từ thực tiễn nước Nga đã tổng kết: "Chúng ta không hình dung một thứ chủ nghĩa xã hội nào khác hơn là chủ nghĩa xã hội dựa trên cơ sở tất cả những bài học mà nền văn minh lớn của chủ nghĩa tư bản đã thu được"⁽⁵⁾.

Để nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác phải thấm nhuần rằng, chủ nghĩa Mác không phải là một giáo điều chết, một học thuyết đã hoàn thành hẳn, có sẵn đâu vào đấy, bất di bất dịch nào đó, mà là một kim chỉ nam sống cho hành động, chính vì thế nên nó không thể không phản ánh sự biến đổi đặc biệt nhanh chóng của điều kiện xã hội.

Trong việc vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện cụ thể của mỗi nước cần tránh khắc phục quan điểm chủ quan duy ý chí, giáo điều, tả khuynh làm cho học thuyết tư tưởng của các nhà kinh điển bị méo mó. Thực tiễn công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu và Liên Xô và thực tiễn Việt Nam thời kỳ trước đổi mới đã cho thấy rõ điều đó. Cuộc sống cho thấy, mô hình chủ nghĩa xã hội cũ với tính kế hoạch hóa tập trung cao độ, tập trung đẩy mạnh cải tạo, phát triển quan hệ sản xuất mà không chú trọng

đầy đủ đến vai trò của lực lượng sản xuất, cũng như phát triển nó, coi nhẹ yếu tố khuyến khích vật chất gắn với sử dụng quan hệ hàng hóa - tiền tệ và kinh tế thị trường đã làm cho mô hình này không có sức sống và lâm vào khủng hoảng trầm trọng.

Những kết quả của quá trình cải cách ở Trung Quốc gần 30 năm qua gắn với chủ trương Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác, phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện Trung Quốc; cho rằng những nguyên lý của chủ nghĩa Mác có tính phổ biến, còn đối tượng vận dụng chủ nghĩa Mác có tính đặc thù, đặc tính riêng, nếu xa rời tình hình cụ thể của Trung Quốc và đặc tính của thời đại thì chủ nghĩa Mác không thể phát huy tác dụng. Muốn thực hiện Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác, thì không những phải nghiên cứu phân tích một cách khoa học tình hình Trung Quốc, mà còn phải nắm bắt chính xác nhịp đập thời đại và đặc trưng thời đại mà chúng ta đang sống. Các nhà nghiên cứu Trung Quốc cho rằng, các bậc tiền bối đều là những người của xã hội, đều ở trong một hoàn cảnh lịch sử nhất định, sự từng trải thực tiễn và nhận thức của họ đều chịu hạn chế của lịch sử nên đều mang dấu ấn của thời đại đó, tính dự đoán của họ cũng chỉ có thể lấy điều kiện thời đại đương thời để làm căn cứ, không thể vượt qua không gian lịch sử đang sống để giải quyết mọi vấn đề có thể nảy sinh trong lịch sử sau đó hàng thế kỷ.

Nguyên tắc trong thúc đẩy Trung Quốc hóa chủ nghĩa Mác là phải vừa có sự kế thừa, vừa có sự đổi mới, trong quá trình cải cách, thực tiễn mới sẽ nảy sinh vấn đề mới, việc giải quyết vấn đề mới hình thành lý luận mới, qua đó không ngừng phát triển chủ nghĩa Mác. Chủ nghĩa Mác vốn không phải là một giáo điều, mà là kim chỉ nam cho hành động, đòi hỏi

(Xem tiếp trang 46)

(4) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1996, tr 97

(5) V.I. Lê-nin: *Sđd*, t36, tr 334

SỰ sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu đã gây nên một sự biến lịch sử to lớn: hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới bị phá vỡ, phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa rơi vào bước thoái trào nghiêm trọng. Một số Đảng Cộng sản bị khủng hoảng sâu sắc về tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng sang Đảng Xã hội dân chủ. Không ít người trước đây vốn tin tưởng vào chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vào chủ nghĩa xã hội nay cũng bị ngã nghiêng, chao đảo, không đứng vững trước những thử thách khắc nghiệt của lịch sử. Tình hình đó đã tạo lợi thế cho các thế lực chống cộng của chủ nghĩa đế quốc tấn công vào chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa xã hội. Chúng luôn luôn lấy sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu để cố chứng minh rằng, chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã thật sự lỗi thời, chủ nghĩa xã hội chỉ là không tưởng, là một bước đi chệch hướng tạm thời của lịch sử do sự áp đặt chủ quan của các Đảng Cộng sản nên không thể tồn tại; chỉ có chủ nghĩa tư bản là có sức sống vì nó luôn luôn thích nghi với thời đại. Chúng còn cho rằng, học thuyết về đấu tranh giai cấp, về bạo lực cách mạng và chuyên chính vô sản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin được các Đảng Cộng sản sùng bái, tin theo một cách mù quáng, nên đã gây ra các cuộc đấu tranh giai cấp đẫm máu trong lịch sử. Khi các Đảng Cộng sản trở thành đảng cầm quyền thì thiết lập nên chuyên chính vô sản độc tài, phản dân chủ; do đó, phải đánh đổ chế độ một đảng cầm quyền và thay vào đó

Kiên trì chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong đấu tranh phê phán một số quan điểm phản mác-xít

MAI TRUNG HẬU *

bằng chế độ đa đảng, đa nguyên chính trị mới thiết lập được một xã hội thật sự dân chủ.

Ở nước ta cũng có một số người đưa ra những lập luận phản bác chủ nghĩa Mác - Lê-nin, trái với quan điểm, đường lối của Đảng. Vì vậy, chúng ta cần phê phán những quan điểm phản mác-xít đó để bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, bảo vệ quan điểm, đường lối đúng đắn của Đảng trong công cuộc đổi mới.

Sự sụp đổ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước Đông Âu có phải đã chứng minh cho "sự đúng đắn" trong những luận điểm của bọn chống cộng và những kẻ phụ họa theo chúng không? Hoàn toàn không phải. Sự kiện xảy ra ở Liên Xô và các nước Đông Âu do nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân cơ bản là các Đảng Cộng sản cầm quyền ở đó sa vào giáo điều, chủ quan, bảo thủ, sai lầm về đường lối, không đáp ứng được yêu cầu phát triển của xã hội, dẫn đến sự khủng hoảng kinh tế - xã hội ngày càng trầm trọng. Khi tiến hành

* PGS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

cải tổ, cải cách lại xa rời chủ nghĩa Mác - Lê-nin, phạm phải sai lầm này đến sai lầm khác, lúc tả khuynh, lúc hữu khuynh, kể cả sự phản bội (ở Liên Xô) ⁽¹⁾. Có quan điểm khá phổ biến cho rằng, khủng hoảng kinh tế - xã hội là nguyên nhân dẫn đến sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và các nước Đông Âu. Nếu thế thì tại sao Trung Quốc, Việt Nam cũng bị khủng hoảng kinh tế - xã hội và gặp rất nhiều khó khăn nhưng chẳng những vẫn đứng vững mà còn có bước phát triển mới? Điều đó chỉ có thể được giải thích là, các Đảng Cộng sản cầm quyền ở đó có đường lối đúng đắn, có đội ngũ cán bộ quyết tâm phấn đấu lãnh đạo nhân dân thực hiện công cuộc cải cách, đổi mới, giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Rõ ràng, ở đây nhân tố chủ quan - vai trò của Đảng Cộng sản cầm quyền là vô cùng quan trọng, đặc biệt là cơ quan lãnh đạo cấp cao và lãnh tụ của Đảng. Sở dĩ một đảng cầm quyền hùng mạnh nhất, với hơn 20 triệu đảng viên, giàu truyền thống và kinh nghiệm đấu tranh cách mạng như Đảng Cộng sản Liên Xô, lại chịu sự thất bại nhanh chóng và thảm hại như vậy là bởi, Đảng Cộng sản Liên Xô bị thoái hóa, biến chất, trước hết là trong giới lãnh đạo cấp cao của Đảng, đã hướng công cuộc cải tổ của họ đi chệch mục tiêu xã hội chủ nghĩa, phản lại chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Đó là bài học quý giá mà các Đảng Cộng sản, đặc biệt là các Đảng Cộng sản cầm quyền, cần rút ra về công tác xây dựng Đảng. Nếu Đảng Cộng sản cầm quyền thật sự trong sạch, vững mạnh, biết vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin phù hợp với thực tiễn cách mạng của nước mình thì các thế lực thù địch không thể thực hiện được chiến lược "diễn biến hòa bình" của chúng.

Như vậy, có thể rút ra kết luận: sự thất bại của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu

là sự thất bại của việc xa rời chủ nghĩa Mác - Lê-nin chứ không phải là sự lỗi thời của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, của chủ nghĩa xã hội, như bọn chống cộng và những kẻ theo đuôi chúng lập luận. Tất nhiên, mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực, bên cạnh tính ưu việt như chúng ta đã biết, cũng có những nhược điểm, khuyết tật. Những nhược điểm, khuyết tật đó, xét cho cùng, là do những điều kiện lịch sử sản sinh ra nó. Do đó, các Đảng Cộng sản cầm quyền cần có nhận thức đúng, có những biện pháp khắc phục những nhược điểm, khuyết tật đó và phát huy những ưu điểm vốn có của nó, đổi mới nó, làm cho nó ngày càng hoàn thiện và đứng vững, như Trung Quốc và Việt Nam đã làm.

Có phải chủ nghĩa tư bản sẽ tồn tại vĩnh viễn vì nó luôn luôn biết thích nghi với thời đại không? Ngày nay, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới đã làm cho lực lượng sản xuất đạt đến trình độ xã hội hóa cao, dẫn đến quá trình toàn cầu hóa kinh tế dưới dự chi phối của các tập đoàn tư bản lũng đoạn xuyên quốc gia. Bản thân quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa cũng có những biến đổi để thích nghi với sự phát triển của lực lượng sản xuất, làm nảy sinh những nhân tố trái với chính nó như là những mầm mống của xã hội tương lai (chế độ "sở hữu cổ phần",

(1) Về sự phản bội của những người lãnh đạo cấp cao ở Liên Xô đã được chính Goóc-ba-chốp, nguyên Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô, tự phơi bày trong diễn văn đọc ở Trường đại học Tổng hợp Mỹ ở Thổ Nhĩ Kỳ. Ông ta nói: "Mục đích của tôi là tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản... Khi đích thân làm quen với phương Tây, tôi hiểu ra rằng mình không thể nào rời bỏ mục tiêu đã đề ra. Để thực hiện mục tiêu này, tôi cần phải giành lấy toàn bộ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô và Nhà nước Liên Xô, cũng như lãnh đạo tất cả các nước trong phe xã hội chủ nghĩa. Tôi đã tìm được chiến hữu để thực hiện mục tiêu này, trong số đó A.N. Ia-cốp-lép và E.A. Sê-vát-nát-de giữ vai trò đặc biệt. Trong sự nghiệp chung của chúng tôi, không thể nào đánh giá hết công lao của họ" (xem Tạp chí *Thông tin công tác tư tưởng*, số 9, năm 2000, tr 45)

"dân chủ hóa" quản lý và "tham dự lợi nhuận" của những người lao động làm thuê...). Thực tế đó đã được phản ánh dưới hình thức méo mó, xuyên tạc trong các mô hình xã hội của các nhà tương lai học phương Tây như "chủ nghĩa tư bản nhân dân", "chủ nghĩa tư bản của người lao động", "xã hội hậu công nghiệp"...

Khi quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa biến đổi, giai cấp công nhân cũng biến đổi theo. Trước kia, giai cấp công nhân là sản phẩm của nền đại công nghiệp cơ khí thì ngày nay, nền sản xuất tự động hóa và sự ra đời của nền kinh tế tri thức đã làm cho họ chuyển hóa dần thành giai cấp công nhân trí thức (sự hòa nhập giữa lao động trí óc và lao động chân tay). Khi quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa không còn thích nghi với lực lượng sản xuất đạt đến trình độ xã hội hóa rất cao và giai cấp công nhân trí thức đã trưởng thành, thì họ sẽ gánh lấy sứ mệnh lịch sử của mình là đưa chủ nghĩa tư bản quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tất nhiên, sự biến đổi của giai cấp công nhân sẽ khiến cho đội tiền phong của nó là Đảng Cộng sản cũng phải phát triển lên một trình độ cao hơn về tri thức, đạo đức cách mạng và phong cách lãnh đạo; có như vậy mới lãnh đạo được giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Trong điều kiện lịch sử mới, chủ nghĩa xã hội được xây dựng cũng có nhiều cái mới, phong phú hơn mà học thuyết của chủ nghĩa xã hội khoa học, do bị hạn chế bởi những điều kiện lịch sử sản sinh ra nó, chưa thể đề cập đến. Do đó, các Đảng Cộng sản cần vận dụng và phát triển sáng tạo học thuyết ấy để nó luôn luôn trở thành ngọn cờ lý luận soi đường cho phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa thế giới.

Có phải các Đảng Cộng sản sùng bái, tin theo một cách mù quáng học thuyết về đấu tranh giai cấp, về bạo lực cách mạng nên đã gây ra cuộc đấu tranh giai cấp đẫm máu trong lịch sử? Chủ nghĩa Mác - Lê-nin cho rằng, đấu tranh giai cấp chỉ là một giai đoạn nhất định

trong lịch sử phát triển xã hội loài người. Đấu tranh giai cấp tất yếu dẫn đến chuyên chính vô sản. Chuyên chính vô sản chỉ là bước quá độ tiến lên xóa bỏ mọi giai cấp. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin coi bạo lực cách mạng không phải là mục đích mà chỉ là phương tiện, là "bà đỡ" để đưa xã hội mới ra đời trong lòng xã hội cũ. Trong cuộc đấu tranh giai cấp, sở dĩ giai cấp vô sản phải dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng của giai cấp tư sản cầm quyền là bởi giai cấp tư sản đã sử dụng bộ máy bạo lực phản cách mạng khổng lồ (quân đội và cảnh sát) để đàn áp đẫm máu cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản và nhân dân lao động ở cả chính quốc và thuộc địa. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin cũng đề cập đến khả năng dùng biện pháp hòa bình nếu giai cấp tư sản tự nguyện rút lui khỏi vũ đài chính trị, nhưng khả năng này rất hiếm. Thực tiễn lịch sử đã chứng minh tội ác của giai cấp tư sản thống trị trong việc đàn áp giai cấp vô sản và nhân dân lao động; bởi vậy, không thể "đổi trắng thay đen", đổ tội cho chủ nghĩa Mác - Lê-nin được.

Phải chăng nền chuyên chính vô sản của giai cấp công nhân được thiết lập sau khi giành được chính quyền do Đảng Cộng sản lãnh đạo là độc tài, phản dân chủ? Trong xã hội có giai cấp và đối kháng giai cấp, chế độ dân chủ bao giờ cũng có hai mặt là dân chủ và chuyên chính. Ở đây cần hiểu vấn đề là dân chủ với ai và chuyên chính với ai. Chế độ dân chủ trong xã hội nô lệ thực hiện dân chủ với giai cấp chủ nô và chuyên chính với giai cấp nô lệ. Chế độ dân chủ trong xã hội tư bản thực hiện dân chủ với giai cấp tư sản và chuyên chính với giai cấp vô sản và nhân dân lao động. Chế độ dân chủ tư sản là một bước tiến lịch sử so với chế độ dân chủ chủ nô và chế độ chuyên chế phong kiến, nhưng thực chất vẫn là chế độ dân chủ của thiểu số giai cấp tư sản thống trị. Phải chăng giai cấp tư sản xây dựng bộ máy

quyền lực nhà nước khổng lồ là để thực thi dân chủ trong toàn xã hội? Không phải như vậy. Bộ máy ấy dùng để đàn áp các lực lượng chống đối khi chế độ tư bản bị đe dọa, nhằm bảo vệ lợi ích và địa vị thống trị của giai cấp tư sản. Mặc dù luật pháp tư sản ghi nhận các quyền tự do, dân chủ của công dân, nhưng trên thực tế, các quyền đó lại bị nhà nước tư sản vi phạm. Điển hình là vụ đàn áp người da đen nổi dậy chống tệ phân biệt chủng tộc ở thành phố Lốt-an-giơ-lét của Mỹ. Trong vụ đàn áp đó, Tổng thống Mỹ (Bu-sơ cha) và chính quyền địa phương đã huy động 6.000 vệ binh quốc gia, trên 9.000 cảnh sát, 3.000 lính của sư đoàn 7 và 1.300 lính thủy đánh bộ đàn áp, làm 58 người chết (hầu hết là người da đen), trên 2.000 người bị thương, 2.500 người bị bắt.

Kế thừa và phát triển tư tưởng chuyên chính vô sản của C. Mác, V.I. Lê-nin đề cập nhiều mặt, nhiều khía cạnh của chuyên chính vô sản. Nhưng vấn đề cốt lõi của nó, theo V.I. Lê-nin, là giai cấp vô sản nắm quyền thống trị chính trị với ý thức là *chỉ một mình mình nắm, thông qua đội tiền phong của mình là Đảng Cộng sản*. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa cộng sản, giai cấp vô sản nắm quyền thống trị chính trị là nắm lấy nhà nước. Tất nhiên, đó phải là một nhà nước *dân chủ kiểu mới* (dân chủ đối với giai cấp vô sản và nhân dân lao động) và *chuyên chính kiểu mới* (chống lại giai cấp tư sản đã bị lật đổ nhưng luôn luôn tìm cách khôi phục lại địa vị thống trị của mình). Do đó, V.I. Lê-nin gọi chuyên chính vô sản là dân chủ vô sản. Giai cấp vô sản sử dụng chính quyền nhà nước của mình để thực thi và bảo vệ các quyền tự do, dân chủ của đại đa số nhân dân; giáo dục, động viên và tổ chức họ tham gia quản lý nhà nước, tham gia công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội; đồng thời, kiên quyết trấn áp các thế lực thù địch vi phạm pháp luật, gây bạo loạn hòng lật đổ nhà nước vô sản và chế độ xã hội mới.

Như vậy, chuyên chính vô sản là phương tiện tất yếu để giai cấp vô sản thực hiện sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, tiến tới chủ nghĩa cộng sản văn minh, xóa bỏ các giai cấp, xây dựng xã hội mới không còn áp bức, bóc lột. Rõ ràng, về bản chất, chuyên chính vô sản luôn mang tính nhân đạo cao cả. Chuyên chính vô sản là một hình thức dân chủ kiểu mới, chưa từng có trong lịch sử trước đây, do đó, trong quá trình thực hiện, nó không tránh khỏi những biểu hiện sai lầm, thiếu sót về mặt này, mặt khác. Những sai lầm, thiếu sót mang tính độc đoán, chuyên quyền của một số nhà lãnh đạo trong các Đảng Cộng sản cầm quyền vì động cơ địa vị và quyền lợi cá nhân, xa rời nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thiếu số phục tùng đa số trong hoạt động chính trị, đó không phải là sản phẩm của nền chuyên chính vô sản như các thế lực chống cộng và bọn theo đuôi chúng đã xuyên tạc.

Chuyên chính vô sản có nhiều hình thức chính trị khác nhau, phù hợp với đặc điểm của mỗi nước và trong từng thời kỳ lịch sử. Ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, chúng ta đang xây dựng hệ thống chính trị dân chủ, bao gồm Đảng lãnh đạo, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Vai trò lãnh đạo Nhà nước và xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam đã được hiến định. Điều đó chính là sự xác nhận một thực tế lịch sử: chỉ có Đảng Cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo duy nhất cách mạng Việt Nam và đã đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác - Cách mạng Tháng Tám, hai cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử trong thời kỳ đổi mới được dư luận thế giới đồng tình và khâm phục. Đảng lãnh đạo Nhà nước xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm bảo đảm và thực thi các

quyền của công dân và nghĩa vụ của công dân đối với Nhà nước cũng như đối với xã hội. Đảng, Nhà nước và công dân đều hoạt động trong khuôn khổ của pháp luật. Đảng cố gắng đổi mới phương thức lãnh đạo đối với hệ thống chính trị nhằm nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với hoạt động của Đảng, Nhà nước, cán bộ, đảng viên và công chức trong bộ máy công quyền.

Đảng và Nhà nước ta đã làm được nhiều việc để thực hiện chế độ dân chủ của đại đa số nhân dân, đồng thời đề cao trật tự, kỷ cương xã hội, nhằm chống lại những hành động vi phạm pháp luật và những hoạt động chống đối của các thế lực thù địch, giữ vững sự ổn định chính trị và môi trường hòa bình để nhân dân an cư lạc nghiệp, cùng nhau đoàn kết, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Những đường lối, chủ trương lớn của Đảng, những dự án luật quan trọng của Nhà nước đều đưa ra để Mặt trận Tổ quốc thực hiện nhiệm vụ phản biện xã hội và nhân dân tham gia ý kiến; qua đó, chúng được chỉnh lý, sửa đổi trước khi ban hành hợp với "ý Đảng, lòng dân". Đảng và Nhà nước từng bước xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, coi đó vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình thực thi dân chủ xã hội chủ nghĩa, chúng ta cũng có những thiếu sót, khuyết điểm, như tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu, cửa quyền, những nhiễu, ức hiếp nhân dân còn xảy ra ở không ít cán bộ, công chức. Đặc biệt, nạn tham nhũng, lãng phí còn xảy ra nghiêm trọng. Đó là cái ung nhọt trong bộ máy công quyền cần kiên quyết cắt bỏ.

Các thế lực thù địch và những kẻ theo đuôi chúng đã thổi phồng những thiếu sót, khuyết điểm đó để phủ nhận nền dân chủ xã hội

chủ nghĩa, công kích Đảng Cộng sản Việt Nam là độc tài, phản dân chủ. Chúng làm như vậy nhằm chia rẽ Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, hòng thực hiện chiến lược và âm mưu "diễn biến hòa bình", gây bạo loạn và lật đổ, xóa bỏ chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, thiết lập chế độ dân chủ đa nguyên, đa đảng kiểu phương Tây. Chúng ta cần làm cho nhân dân thấy rõ âm mưu đen tối của chúng, kiên quyết bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ mà chúng ta đã tốn bao xương máu mới gây dựng nên. Đảng ta vẫn kiên trì khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng của mình; kiên trì xây dựng và chỉnh đốn Đảng để Đảng luôn xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời cũng là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy.

Chúng ta khẳng định chắc chắn rằng, còn chủ nghĩa tư bản, còn đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc trong quá trình toàn cầu hóa thì chủ nghĩa Mác - Lê-nin vẫn còn giữ nguyên giá trị, chưa có một học thuyết nào khác thay thế được. Đúng như sự đánh giá của Đại hội quốc tế về C. Mác năm 1995: "Chủ nghĩa Mác vẫn giữ nguyên ý nghĩa và tầm quan trọng của nó trong thế giới hiện đại..."⁽²⁾, và chủ nghĩa Mác "vẫn luôn luôn là một căn cứ quyết định cho các tổ chức cách mạng của giai cấp công nhân quốc tế, cho các Đảng Cộng sản chân chính đề ra đường lối chiến lược và sách lược của mình" ⁽³⁾. □

(2) Đại hội quốc tế về C. Mác diễn ra từ ngày 27 đến ngày 30-9-1995, nhân kỷ niệm 100 năm ngày ra đời chủ nghĩa Mác, với 500 viện nghiên cứu, tạp chí mác-xít và 30 trường đại học đến từ 22 nước trên thế giới

(3) Tuần báo *Giải phóng*, tiếng nói của hàng vạn chiến sĩ cách mạng các nước Mỹ La-tinh cư trú ở Thụy Điển, số ra ngày 7-7-1995

Quan điểm mới về giai cấp công nhân Việt Nam qua văn kiện Đại hội X của Đảng

VĂN TẠO*

BƯỚC vào Đại hội X của Đảng, giai cấp công nhân Việt Nam vui mừng được thấy Báo cáo Chính trị của Đại hội khẳng định: "Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt Nam". Như vậy, Đảng đã sáng suốt kế thừa và phát huy tư tưởng Hồ Chí Minh về việc xây dựng một đảng kiểu mới theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin ở một nước từ cách mạng giải phóng dân tộc tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Như chúng ta biết, sau thành công của Cách mạng Tháng Tám và thắng lợi bước đầu của kháng chiến chống thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rút ra một chân lý về *tính chất của đảng tiên phong*. Trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội II, ngày 11-2-1951, Người nêu rõ: "Đảng Lao động Việt Nam phải là người lãnh đạo sáng suốt, kiên quyết, trung thành của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, của nhân dân Việt Nam, để đoàn kết và lãnh đạo dân tộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn, để thực hiện dân chủ mới. Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân

và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam"⁽¹⁾. Luận điểm này chứng tỏ rằng, Người đã lấy thực tiễn mới để chứng minh cho chân lý về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam mà Người đã nêu ra từ khi thành lập Đảng. Năm 1960, tổng kết về ba mươi năm hoạt động của Đảng, Người nói: Chủ nghĩa Mác - Lê-nin kết hợp với phong trào công

nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương vào đầu năm 1930. Điều đó cũng có nghĩa là: Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt Nam.

Ngày nay, sau 20 năm đổi mới thành công, nhìn lại về mặt lý luận, chúng ta thấy, nếu từ Đại hội I đến Đại hội VI, Đảng ta vẫn khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng, thì đến Đại hội VII (năm 1991), Đảng đã khẳng định: "Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động"⁽²⁾. Căn cứ vào thực tiễn cách mạng hiện nay, chúng ta nhận thấy, luận điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra tại Đại hội lần III của Đảng: "Đảng Lao động Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt Nam" vẫn còn thích hợp với mục tiêu xây dựng xã

* GS

(1) *Văn kiện Đảng: Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t 12, tr 37 - 38

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr 159

hội Việt Nam hiện nay là "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Đây cũng chính là nội dung *cơ bản* của chính thể "Dân chủ mới" mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng đề ra trong Chương trình cứu nước của Mặt trận Việt Minh từ Cách mạng Tháng Tám.

Bỏ qua những điều khoản nhằm thủ tiêu chế độ thuộc địa nửa phong kiến trong Chương trình cứu nước của Mặt trận Việt Minh, thì nội dung cơ bản của "Dân chủ mới" là: **a - Về mặt chính trị:** 1- Thi hành phổ thông đầu phiếu. 2 - Ban bố quyền tự do dân chủ: Tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng, tự do tổ chức, tự do hội họp, tự do đi lại trong nước và tự do xuất dương... 5 - Đàn bà, đàn ông ngang quyền... **b - Về mặt kinh tế:** ... 4 - Mở mang các ngành kinh tế, nhất là kỹ nghệ nặng, khiến cho nền kinh tế quốc gia phát triển một cách độc lập và mau chóng; khuyến khích các nghề thủ công... 7 - Mở mang các công trình lấy nước vào ruộng; bồi đắp đê điều làm cho nghề nông phồn thịnh. 8 - Nhân dân tự do khai khẩn đất hoang do chính phủ giúp đỡ. 9 - Thuế đoan độc lập. 10 - Mở mang các đường giao thông - vận tải và các hải cảng... **c - Về mặt xã hội:** 1 - Thi hành luật ngày làm 8 giờ và các luật xã hội khác. 2 - Bãi trừ nạn thất nghiệp và mại dâm... 4 - Cấp dưỡng những người tàn tật và dạy nghề cho họ. 5 - Lập thêm nhà thương và nhà đỡ đẻ... **d - Về mặt văn hóa:** 1 - Mở mang nền Tân văn hóa Việt Nam... 3 - Cưỡng bách giáo dục đến bậc sơ học. 4 - Lập các trường chuyên môn huấn luyện chính trị, quân sự và kỹ thuật để đào tạo các hạng nhân tài. 5 - Khuyến khích và giúp đỡ về mọi mặt làm cho các hạng trí thức và nghệ sĩ được phát triển tài năng đến tột bậc... 7 - Khuyến khích và giúp đỡ nền thể dục quốc dân. **e - Chính sách đối với các tầng lớp nhân dân:** 1 - Tự sản - được tự do kinh doanh. Được giúp đỡ trong việc mở mang các ngành kỹ nghệ cần thiết... 3 - Nhà buôn - Được tự do thông thương. Sản nghiệp thương mại được

pháp luật binh vực. 4 - Thợ thuyền - Được hưởng luật lao động. 5 - Dân cày - Có đủ ruộng cày cấy. 6 - Binh lính - Hậu đãi binh lính có công gìn giữ Tổ quốc và phụ cấp đầy đủ cho gia đình họ. 7 - Công chức - Hậu đãi công chức xứng đáng với tài năng của mỗi người... 11 - Người già và kẻ tàn tật - Được Chính phủ chăm nom và cấp dưỡng"⁽³⁾.

Chế độ xã hội như thế, đã có lúc chúng ta coi như "bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội". Về cơ bản, nó cũng tương tự như nội dung chế độ xã hội mà chúng ta đang xây dựng trong giai đoạn hiện nay. Cương lĩnh của Đảng năm 1991 xác định rõ xã hội Việt Nam mà chúng ta đang xây dựng là: "- Do nhân dân lao động làm chủ. - Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. - Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. - Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân. - Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. - Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới"⁽⁴⁾.

Như vậy, chúng ta có thể giữ vững quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tính chất của Đảng ta hiện nay là "Đảng của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt Nam". Tuy nhiên, cần có sự thống nhất về nhận thức: trong mệnh đề "Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam", khái niệm "giai cấp công nhân" phải xuất phát từ thực tiễn mới hiện nay.

Sang thế kỷ XXI, giai cấp công nhân nước ta đang cùng cả dân tộc tích cực hoàn thành

(3) Xem: Văn kiện Đảng: Toàn tập, sđd, t 7, tr 467 - 470

(4) Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr 8 - 9

cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ III, nhanh chóng kết thúc thời đại "văn minh công nghiệp" để tiến lên nền "văn minh trí tuệ".

Từ đầu những năm 1980, nước ta bắt đầu đi vào *cuộc cách mạng thông tin*. Từ đó đến nay, giai cấp công nhân nước ta đã có những nét đổi mới như sau:

1 - Về cơ bản, giai cấp công nhân đã được trí thức hóa. Một bộ phận lớn giai cấp công nhân đã là trí thức. Đó là những người lao động chân tay và lao động trí óc có trình độ cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ. Bên cạnh đó là những doanh nhân trong công, nông, thương nghiệp, du lịch, dịch vụ, trong đó có người tuy không có bằng cấp, học vị, nhưng có trí tuệ cao, có nhiều sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh. Nhờ vậy, khối liên minh công nhân, nông dân, trí thức ngày càng có sự gắn kết chặt chẽ.

2 - Trong tất cả các lĩnh vực lao động sản xuất, người công nhân không còn thuần túy là người làm thuê (chỉ có quyền được bán sức lao động để sống), mà đã có phần nào *làm chủ*, chí ít là *làm chủ đất nước*, góp phần *làm chủ Nhà nước* (định ra Hiến pháp, pháp luật...), nhằm làm chủ trong cả sản xuất lẫn phân phối sản phẩm lao động.

3 - Đại bộ phận công nhân *không còn hoàn toàn là vô sản* như hồi đầu thế kỷ XX, mà đã là hữu sản, trong đó một số công nhân trí thức đã có *sở hữu trí tuệ* - một thứ sở hữu có thể tạo ra của cải làm giàu cho xã hội và cho bản thân mình; một số công nhân đã có *cổ phần xí nghiệp*, được hưởng lợi nhuận từ cổ phần góp vào, theo đúng pháp luật nhà nước của chính giai cấp mình quy định.

4 - Giai cấp công nhân vẫn đóng vai trò tiên phong, đang trên đà đưa "khoa học, kỹ thuật trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp", đang đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nắm những vị trí then chốt về khoa học, công nghệ, tạo ra năng suất lao động cao và một lượng sản phẩm xã hội cao nhất trong nền kinh tế quốc dân.

5 - Giai cấp công nhân Việt Nam đã có một *vị thế quốc tế* của một nước có *nền kinh tế sánh vai được với 5 châu*, một trong những nước tăng tiến nhanh về xuất khẩu, tăng trưởng nhanh về khoa học, công nghệ, kể cả về tin học.

6 - Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam đang lãnh đạo thành công công cuộc đổi mới của dân tộc. Bản thân giai cấp công nhân cũng là *lực lượng tiên phong trong công cuộc đổi mới* của dân tộc.

Trong công cuộc đổi mới đất nước, chúng ta luôn chú trọng đến sự đổi mới tư duy của giai cấp công nhân. Nếu trong đổi mới tư duy lần thứ nhất, diễn ra vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, khi giai cấp công nhân Việt Nam từ nhận thức về "giai cấp tự mình" đến nhận thức về "giai cấp cho mình", dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, thì nay giai cấp công nhân đang cần có sự đổi mới tư duy lớn lần thứ hai - một sự lặp lại trong cái không lặp lại của lịch sử. Đó là phải nhận thức rõ bản chất của "*giai cấp tự mình*" và "*giai cấp cho mình*" hiện nay như thế nào.

Với tính cách là "giai cấp tự mình", giai cấp công nhân đã có nhiều đổi mới, được khái quát thành 6 điểm kể trên; còn với tính cách là "giai cấp cho mình", đòi hỏi giai cấp công nhân phải thấy được trách nhiệm thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" ở mức cao hơn thế kỷ thứ XX. Bởi vì:

- *Thứ nhất*, "dân giàu" ở thế kỷ XXI là trong điều kiện mới - điều kiện "kinh tế toàn cầu hóa" với những thuận lợi đáng kể nhưng có những khó khăn to lớn. Thuận lợi ai cũng rõ, còn khó khăn lại khôn lường. Đó là sự cạnh tranh quyết liệt giữa các quốc gia dân tộc, các thành phần kinh tế, các khu vực kinh tế; sự phân hóa giàu nghèo sâu sắc; sự lũng đoạn tình vi của các siêu cường; sự phân cực mãnh liệt giữa các xu thế kinh tế, chính trị...

Thứ hai, "nước mạnh" trong một tương quan mới về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quân sự, khoa học - kỹ thuật của thế kỷ XXI. Ở nửa cuối thế kỷ trước, nhờ đánh thắng được "các đế quốc to", giành được độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, xây dựng được một xã hội mới, nên nước ta đã mạnh lên gấp nhiều lần so với hồi đầu thế kỷ. Bước sang thế kỷ XXI, chúng ta phải vươn lên là "nước mạnh", nhất là "nước mạnh" về kinh tế. Tất nhiên, để tiếp tục vươn lên, chúng ta phải khắc phục kỳ được những thách thức lớn mà Đảng ta đã chỉ ra.

Thứ ba, về "xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", chúng ta đã phấn đấu xây dựng, đạt được nhiều thành quả. Tuy nhiên, để tiến vào thế kỷ XXI, chúng ta còn phải giải quyết nhiều vấn đề lớn về "công bằng". Mặt bằng tối thiểu của "công bằng" là phải hoàn toàn xóa được đói, giảm được nghèo, mà cái nghèo của thế kỷ XXI đã khác cái nghèo của thế kỷ XX.

Thế hệ mới của giai cấp công nhân nước ta nhất định sẽ đưa đất nước vững vàng bước vào thế kỷ mới, *trong đó lực lượng trẻ của giai cấp công nhân, nhất là lao động trí thức sẽ đóng vai trò tiên phong*. Lớp lao động trí thức này đang hình thành và phát triển nhanh chóng. Họ có mặt trong tất cả các lĩnh vực công nghệ hiện đại như tin học, sinh học, nguyên tử, điện tử, điều khiển học, vật liệu mới. Họ đang được đào tạo rộng rãi về công nghệ thông tin ở tất cả các ngành như công nghiệp, thương nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính - viễn thông, vô tuyến truyền hình, văn hóa - giáo dục, du lịch - dịch vụ... Về số lượng, lớp lao động trí thức hiện đã lên đến hàng vạn người và trong tương lai gần có thể lên đến hàng triệu người. Trong xu thế hiện đại hóa, toàn cầu hóa, với hướng tiến tới nền *thương mại điện tử, chính phủ điện tử*, cùng với sự gia nhập WTO, tương lai của sự ra đời *một đội ngũ công nhân hiện đại của nền văn minh trí tuệ* ở nước ta không còn xa nữa. □

MỘT SỐ VẤN ĐỀ...

(Tiếp theo trang 37)

phải căn cứ vào những nguyên tắc, phương pháp cơ bản của chủ nghĩa Mác, không ngừng kết hợp với thực tiễn đang thay đổi, biến hóa, từ đó tìm ra lời giải đáp để giải quyết vấn đề mới, qua đó phát triển bản thân lý luận chủ nghĩa Mác. Do vậy, phủ nhận tính khoa học của chủ nghĩa Mác là sai lầm, là có hại, nhìn nhận chủ nghĩa Mác theo kiểu giáo điều cũng là sai lầm, có hại. Phải đột phá trong lý luận của những người đi trước, kế thừa phát triển lý luận đó trong điều kiện mới.

Ở Việt Nam, qua 20 năm đổi mới, Đảng ta đã khẳng định, kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Thực tế đất nước cho thấy, đổi mới là yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng, là vấn đề có ý nghĩa sống còn. Tuy nhiên, đổi mới không phải là phủ định thành tựu và cách làm trước đây, mà là khẳng định những gì đã hiểu đúng làm đúng, loại bỏ những gì hiểu sai làm sai, hoặc những gì trước kia đúng nhưng nay không còn phù hợp, bổ sung nhận thức mới và cách làm mới, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn cách mạng. Đổi mới không phải từ bỏ mục tiêu chủ nghĩa xã hội, mà làm cho chủ nghĩa xã hội được nhận thức đúng đắn hơn, được xây dựng hiệu quả hơn. Đây là quá trình không phải xa rời chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, mà là nhận thức đúng, vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết, tư tưởng đó. Nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, lấy đó làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng, dùng lý luận tư tưởng đó làm cơ sở quan trọng để đánh giá tình hình, với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, lấy đó làm cơ sở xuất phát để hoạch định đường lối đổi mới thì cách mạng sẽ không ngừng phát triển và đi tới thắng lợi. □

TỪ sau Đại hội lần thứ VI của Đảng, nền kinh tế nước ta chuyển sang mô hình, cơ chế mới. Đó là nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước, định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Đây là cơ sở kinh tế tạo tiền đề cho các quan hệ chính trị, đạo đức, pháp luật, văn hóa,... hình thành phù hợp với bản chất chế độ xã hội

Ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường đến việc xây dựng lối sống ở nước ta hiện nay

VÕ VĂN THẮNG *

ta. Từ đó, chúng ta xây dựng lối sống văn minh, lành mạnh trong toàn xã hội. Những năm qua, cơ chế kinh tế mới thay thế cho cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp đã nhanh chóng thể hiện ưu thế của nó và được đông đảo quần chúng nhân dân, các thành phần kinh tế ở nước ta đồng tình, ủng hộ.

Kinh tế thị trường đã có nhiều ảnh hưởng tích cực, nhưng đồng thời cũng có không ít tác dụng tiêu cực đối với đời sống xã hội và với việc xây dựng lối sống ở nước ta.

1 – Những ảnh hưởng tích cực

Thứ nhất, kinh tế thị trường đã góp phần giải phóng các tiềm năng kinh tế: tài nguyên vốn, nguồn lực con người, khoa học, công nghệ tạo ra sản phẩm lao động với số lượng nhiều hơn, chất lượng tốt hơn, mẫu mã, hình

thức đẹp hơn cho toàn xã hội. Với thể chế dân chủ của nền kinh tế mở, ngoài vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, sự tồn tại đa dạng của các quan hệ sản xuất, quan hệ sở hữu, các thành phần kinh tế khác đã đóng góp một cách tích cực, lớn lao vào sự phát triển nền kinh tế chung của đất nước. Khu vực kinh tế tư nhân có bước phát triển vượt bậc, đóng góp đáng kể cho việc giải quyết việc làm cho người lao động và ngân sách của nhà nước. Đến nay có khoảng 120.000 doanh nghiệp đăng ký kinh doanh. Hàng chục triệu người làm việc trong khu vực tư nhân. Nền kinh tế có sự chuyển dịch tích cực: Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng trong GDP năm 2005 là 41%; tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp 20,9%; dịch vụ 38,1%. Trong cơ cấu vốn đầu tư xã hội, tỷ trọng vốn huy động trong nước ngày một gia tăng, nhất là nguồn vốn huy động trong dân cư tăng mạnh. Điều này góp

phần quan trọng cho việc tăng trưởng kinh tế đất nước, tạo điều kiện cho lối sống xã hội ổn định về mặt vật chất.

Thứ hai, kinh tế thị trường đã góp phần đa dạng và năng động hóa nền sản xuất, tạo điều kiện cho quá trình dân chủ hóa các thành phần kinh tế - xã hội, thúc đẩy nhanh tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Khai thác mặt tích cực này, trong những năm gần đây, để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, Đảng và Nhà nước ta chủ trương đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, làm cho lực lượng sản xuất phát triển đa dạng, phong phú và nhanh hơn, để tăng năng suất lao động, có đủ sức mạnh cạnh tranh và điều kiện hội nhập kinh tế quốc

* TS, Trường đại học An Giang

tế, khắc phục tình trạng lạc hậu của lực lượng sản xuất, của lao động thủ công, lao động nông nghiệp, manh mún... Với sự nỗ lực phát huy sức mạnh trong thời gian qua, nền kinh tế nước ta từng bước hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới. Chúng ta đang bắt đầu thực hiện giảm thuế nhập khẩu trong AFTA; thực hiện Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ; xúc tiến hợp tác toàn diện Việt Nam - Nhật Bản, Việt Nam - EU; nỗ lực khắc phục mọi khó khăn, đẩy nhanh lộ trình đàm phán gia nhập WTO; tham gia tích cực việc hình thành khu vực mậu dịch tự do ASEAN với Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ. Có thể nói, nền kinh tế nước ta từng bước chuyển mình theo chiều hướng tích cực. Theo Diễn đàn kinh tế thế giới năm 2003, năng lực cạnh tranh quốc gia của Việt Nam năm 2001 và 2002 đứng thứ 60 trong tổng số 75 nước. Thực tế cho thấy, từ khi thực hiện nền kinh tế thị trường ở nước ta, thu nhập của các cá nhân và cộng đồng tăng lên, có người thu nhập rất cao. Mức sống của người dân từng bước được nâng lên, tạo điều kiện cho dân trí phát triển, góp phần hình thành nếp sống của xã hội công nghiệp, tạo điều kiện xây dựng lối sống văn minh, tiên tiến, hiện đại.

Thứ ba, kinh tế thị trường tác động đến việc hình thành thói quen suy nghĩ về tính hiệu quả, tính thiết thực của công việc. Nước ta hiện nay đang tiến hành nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo, do vậy, tạo điều kiện kích thích năng lực cá nhân phát triển, chủ động, sáng tạo trong lao động. Hầu hết các cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác, cá nhân, gia đình đã phát huy được năng lực tích cực, sáng tạo của mình trong lao động sản xuất kinh doanh, khắc phục khó khăn vươn lên và thành đạt trong cuộc sống, lấy năng suất, kết quả lao động làm tiêu chuẩn bình xét, đánh giá con người và công việc. Từ đây, hình thành từng bước thói quen trong suy nghĩ, hình thành lối sống công nghiệp trong

thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước: khẩn trương, tích cực chứ không trì trệ, chú trọng kết quả lao động, có ý thức, ý chí tìm tòi, sáng tạo, năng động, hoạt bát trong đời sống nói chung, trong công việc nói riêng.

Thứ tư, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ trong thời đại bùng nổ thông tin ngày nay và nền kinh tế thị trường cũng làm ảnh hưởng to lớn đến đời sống của nhân dân. Những tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ trên thế giới và trong nước đã làm tăng năng suất lao động, giảm thời gian lao động, tăng thời gian nhàn rỗi, nghỉ ngơi, giải trí. Những tiến bộ khoa học và công nghệ thâm nhập vào nhiều lĩnh vực khác nhau, tạo nên sự thu hút và hấp dẫn các tầng lớp công chúng khác nhau. Các dịch vụ viễn thông, các phương tiện truyền thông hiện đại, các hãng điện ảnh nổi tiếng, các trung tâm và các loại hình vui chơi giải trí gắn với cạnh tranh trong kinh doanh xuất hiện ngày càng nhiều... Nhân dân không chỉ là người tiếp nhận thụ động mà trở thành người chủ động trong các sinh hoạt văn hóa tinh thần. Có điều kiện thực hiện thỏa mãn nhu cầu tinh thần ngày càng cao trong nền kinh tế thị trường như vậy, con người đã từng bước xây dựng lối sống văn minh, hiện đại.

2 – Những ảnh hưởng tiêu cực

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã và đang được thực hiện ở nước ta, cùng với nhiều tác động tích cực, nó còn có những ảnh hưởng tiêu cực trong việc xây dựng lối sống mới hiện đại cho con người Việt Nam hiện nay.

Một là, nền kinh tế thị trường đã dẫn đến sự phân hóa xã hội sâu sắc. Đó là sự cách biệt giữa khu vực nông thôn và thành thị, giữa các ngành nghề khác nhau trong xã hội, giữa người có thu nhập quá thấp với người có thu nhập quá cao. Điều này đã dẫn đến chỗ các chủ thể trong cộng đồng có sự mất bình đẳng, "cá lớn nuốt cá bé" và do vậy, nhiều mâu thuẫn về lợi ích xuất

hiện trong xã hội. Thực tế cho hay, trong nền kinh tế thị trường, nhìn chung, nhiều người, nhiều đơn vị sản xuất kinh doanh trở nên giàu có, vững mạnh, nhưng cũng có không phải là cá biệt những người, đơn vị sản xuất phải phá sản, thất bại, thua lỗ. Cả hai thái cực này đều là những điều kiện, cơ sở nảy sinh những quan niệm suy nghĩ, hành vi, lối sống tiêu cực. Đó là một trong những mặt trái của nền kinh tế thị trường đối với việc xây dựng lối sống mới ở nước ta hiện nay.

Hai là, dưới tác động của nền kinh tế thị trường, hiện tượng suy thoái đạo đức, lối sống đang diễn ra ngày càng nhiều. Biểu hiện của hiện tượng này là lối sống thực dụng, sùng bái đồng tiền, cá nhân vị kỷ, tham nhũng, tệ nạn xã hội mỗi ngày một phát triển; nạn thất nghiệp, ô nhiễm môi trường, sinh thái, bệnh tật, xem thường luân lý và các giá trị tinh thần, giá trị nhân văn, đề cao lợi ích vật chất, bàng quan với cuộc sống, v.v. Không ít thanh niên có lối sống buông thả, thiếu hoài bão, lý tưởng, không quan tâm đến cộng đồng, họ chỉ lo cho cá nhân, vị kỷ, không quan tâm đến chính trị, quay lưng với truyền thống, tham gia vào các tệ nạn xã hội. Tất cả đều xa lạ với thuần phong, mỹ tục của dân tộc. Nghiêm trọng hơn là hiện tượng suy thoái về đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trong đó có cả cán bộ có chức, có quyền khá cao.

Khi sức mạnh đồng tiền chi phối thì tệ nạn xã hội cũng có chiều hướng gia tăng. Số lượng các vụ tham nhũng ngày càng tăng về quy mô lẫn số lượng. Các vụ buôn lậu ma túy bị phát hiện, vụ sau lớn hơn vụ trước, tính chất nguy hiểm và nghiêm trọng cũng tăng lên. Những cán bộ, đảng viên tham nhũng là những người làm việc trong cơ quan nhà nước, tổ chức, đoàn thể chính trị, xã hội, lợi dụng quyền hạn tham ô tài sản, lừa đảo hay lạm dụng chức quyền, tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa. Chỉ tính những vụ tham nhũng bị phát hiện và xử

lý từ tháng 7-1990 đến tháng 12-1991 đã có 1.750 tỉ đồng bị chiếm đoạt, 37 triệu USD, 2.235 lượng vàng, 36.350 tấn thóc, khoảng 200 tỉ đồng tiền nợ của các doanh nghiệp nhà nước. Dệt Nam Định làm cho Nhà nước thiệt hại gần 100 triệu USD. Minh Phụng chiếm đoạt khoảng 500 triệu USD của Nhà nước.

Theo đánh giá của các nhà nghiên cứu sự suy thoái đạo đức, lối sống hiện nay ở nước ta còn biểu hiện ở bệnh cơ hội, diễn ra dưới nhiều hình thức mà điển hình là các kiểu chạy chức trước khi bầu cử, chạy quyền trước khi bổ nhiệm; chấp nhận "chức nhỏ" miễn là được "quyền lớn"; chấp nhận "chức bé" ở cơ quan nhà nước hơn là "quan to" ở cơ quan đảng; chạy "chỗ" trước khi bổ nhiệm, phân công công tác; tìm chỗ ngon, chỗ kiếm được nhiều "lợi"; chạy "lợi" khi phân chia ngân sách, xét duyệt dự án; chạy "tội" khi vi phạm pháp luật, thậm chí chạy cho cả tội phạm. Điều đáng lo ngại về sự suy thoái đạo đức, lối sống hiện nay là nó đã lan sang cả lĩnh vực vốn dĩ trước đây chưa từng xảy ra, đó là lĩnh vực khoa học, văn hóa - nghệ thuật và xâm nhập cả trong cơ quan bảo vệ pháp luật. Có thể thấy điều này ở việc gian dối trong làm đề tài khoa học, hội thảo khoa học, dự án, mua bán bằng cấp. Nhận định về vấn đề này, Hội nghị Trung ương 10, khóa IX có nhấn mạnh: những biểu hiện của lối sống không lành mạnh, thoái hóa về đạo đức xã hội chưa được đấu tranh quyết liệt nên có xu hướng gia tăng.

Ba là, kinh tế thị trường làm biến dạng nhiều giá trị dẫn đến đánh mất bản sắc văn hóa dân tộc. Ngày nay, cùng với việc phát triển kinh tế thị trường là sự tác động mạnh mẽ của xu thế toàn cầu hóa kinh tế, hội nhập quốc tế, các giá trị văn hóa truyền thống có những biến đổi nhất định và nó đang đặt ra nhiều vấn đề thật bức xúc cho xã hội. Hội nghị Trung ương 5, khóa VIII đã nhận định: "Tệ sùng bái nước ngoài, coi thường những giá trị văn hóa dân

tộc, chạy theo lối sống thực dụng, cá nhân vị kỷ... đang gây hại đến thuần phong mỹ tục của dân tộc. Không ít trường hợp vì đồng tiền và danh vị mà chà đạp lên tình nghĩa gia đình, quan hệ thầy trò, đồng chí, đồng nghiệp. Buôn lậu và tham nhũng phát triển. Ma túy, mại dâm và các tệ nạn xã hội khác gia tăng⁽¹⁾. Lối sống hưởng thụ, thờ ơ với những vấn đề chung của dân tộc, né tránh trách nhiệm hoặc không dám chịu trách nhiệm trước công việc, không muốn cống hiến cho xã hội có xu hướng ngày càng phát triển trong một bộ phận dân cư, trong đó có cả cán bộ, đảng viên và tuổi trẻ.

Ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng - nước là một giá trị nổi bật trong xây dựng lối sống của dân tộc Việt Nam, nhưng dưới tác động của nền kinh tế thị trường, ngày nay, giá trị này cũng bị thay đổi, có phần theo hướng tiêu cực. Mỗi quan hệ cộng đồng - làng xã - quốc gia, không được gắn chặt. Ở nhiều nơi, ngay cả nông thôn, nơi mà cộng đồng làng xã từng được coi là "bức rào chắn" vững vàng nhất đối với mọi thứ xâm lược văn hóa, nơi mà "tình làng, nghĩa xóm" sâu đậm nhất, cũng không còn gần gũi, thắt chặt như xưa. Hiện tượng "đèn nhà ai nấy rạng" có chiều hướng gia tăng.

Lòng thương người, khoan dung, thậm chí nhún nhường, tình thần lạc quan, tin tưởng vào sự chiến thắng của chính nghĩa, cái đẹp trước cái phi nghĩa, cái xấu, sẵn sàng cứu mang những ai gặp hoạn nạn, khó khăn, bất hạnh vốn có truyền thống giờ đây cũng ít nhiều bị biến dạng, tình làng, nghĩa xóm, quan hệ người với người, lòng bao dung bị mờ nhạt dần. Sự đùm bọc cứu mang, giúp đỡ người khó khăn ít được diễn ra từ tình cảm chân thật, nơi đáy lòng. Quan hệ mật thiết của truyền thống xã hội nông nghiệp xưa kia không còn đậm nét. Có thể nói, nếp sống công nghiệp và hiện đại đã làm xơ cứng lối sống tình cảm, mất đi những cảnh sinh hoạt thanh bình của làng quê, tình cảm gắn con người với thiên nhiên. Thế giới

tinh thần, tình cảm không những ít được quan tâm mà ngày càng bị nghèo đi, thậm chí còn bị què quặt. Đây là sự mất mát to lớn đối với lối sống của người Việt Nam hiện nay.

Một điều cần lưu ý nữa là, khi đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường, tính năng động của con người dần dần được phát huy, thu nhập tăng lên, nhiều cá nhân và cả các cơ quan nhà nước bắt đầu tập nhiễm lối sống xa hoa, lãng phí, thực dụng, đua đòi vật chất, tiêu xài phung phí. Tinh thần cần cù lao động, tiết kiệm không được chú ý phát huy trong xây dựng lối sống. Điều này là trái với đức tính truyền thống của dân tộc ta. Họ không thấy rằng, ngày nay, chính các nước phát triển cũng lên án lối sống này. Hội nghị Trung ương 9, khóa IX đã chỉ ra: "Điều làm cho nhân dân bất bình lo lắng, bức xúc nhất hiện nay là tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng, chính trị và phẩm chất, đạo đức, lối sống của một số cán bộ, đảng viên vẫn còn nghiêm trọng..."⁽²⁾

Những tác động tích cực và ảnh hưởng tiêu cực của kinh tế thị trường trong xây dựng lối sống mới ở nước ta hiện nay đang đặt ra gay gắt. Chúng ta cần phát huy được cao nhất tác dụng tích cực và hạn chế được nhiều nhất ảnh hưởng tiêu cực của nền kinh tế đó để xây dựng lối sống cho con người Việt Nam trong thời đại mới. Những biến đổi của lối sống đã đặt ra vấn đề phải làm sao hình thành lối sống mới thích ứng được với nhu cầu của đời sống hiện thực; lối sống đó có vai trò duy trì và thúc đẩy sự ổn định và phát triển của xã hội, vừa mang đậm bản sắc dân tộc vừa mang tính nhân loại phổ quát, kế thừa có chọn lọc, phát triển tất cả những giá trị nhân văn tốt đẹp mà nhân loại sáng tạo ra trong lịch sử. □

(1) Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr 64

(2) Xem: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2001, tr 78 - 79



HẬU GIANG TIẾP TỤC VƯỢT KHÓ ĐI LÊN

NGUYỄN PHONG QUANG *

MỚI tách ra từ tỉnh Cần Thơ năm 2004, Hậu Giang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách: kết cấu hạ tầng yếu kém, cần đầu tư xây dựng nhiều, nhưng nguồn vốn hạn hẹp, nhất là nguồn vốn từ ngân sách nhà nước; chất lượng nguồn nhân lực, mặt bằng dân trí, trình độ phát triển kinh tế còn thấp, đội ngũ cán bộ thiếu, khả năng tiếp thu khoa học - kỹ thuật còn nhiều hạn chế; năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền và cán bộ chưa tương xứng với yêu cầu...

Hậu Giang ở trung tâm của tiểu vùng tây sông Hậu, điểm gắn kết trung chuyển giữa tây sông Hậu và bán đảo Cà Mau, cầu nối giữa thành phố Cần Thơ với các tỉnh Kiên Giang - Bạc Liêu, Sóc Trăng, tạo thành trục phát triển; lại có lợi thế về sản xuất nông nghiệp, hệ thống giao thông thủy bộ thuận tiện nối liền với vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Nhân dân các dân tộc Hậu Giang có truyền thống đoàn kết, đấu tranh anh dũng, kiên cường trong kháng chiến; cần cù trong lao động, sáng tạo trong xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội. Do đó, lợi thế và tiềm năng phát triển của tỉnh Hậu Giang không chỉ là của địa phương mà còn mang ý nghĩa quan trọng đối với Nam Bộ và cả nước.

Từ những ngày đầu mới thành lập, Tỉnh ủy đã chú trọng xây dựng hệ thống chính trị; tập trung xem xét, phân công, bố trí cán bộ trong tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể phù hợp với năng lực, điều kiện và yêu cầu công tác, kịp thời đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương. Trên cơ sở tiếp thu sự chỉ đạo từ Trung ương, tỉnh đã đề ra các trọng tâm công tác sát hợp tình hình thực tế của địa phương và đề cao kế hoạch trong tổ chức thực hiện. Công tác kiểm tra, giải quyết những vấn đề vướng mắc trong thực hiện thường xuyên được duy trì, xây dựng được tinh thần đoàn kết, tạo động lực phấn đấu, thi đua thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đều khắp ở các ngành, các cấp. Việc củng cố tổ chức bộ máy hợp lý, kịp thời, luôn được quan tâm bảo đảm thực hiện yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tỉnh xác định rõ những thuận lợi, khó khăn, thách thức, từ đó đề ra mục tiêu định hướng và các trọng tâm, giải pháp đột phá đồng thời coi trọng sự phối hợp đồng bộ giữa chính quyền và các tổ chức đoàn thể trong tổ chức thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế, ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Thực tế đã cho thấy, việc huy động các nguồn lực tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Hậu Giang

tăng, cải thiện điều kiện sản xuất, cải thiện điều kiện sinh hoạt của người dân đã giải quyết được những vấn đề bức xúc của địa phương, tạo được sự đồng thuận trong các tầng lớp nhân dân. Trong 2 năm qua, tỉnh đã đầu tư gần bốn nghìn tỉ đồng, cải tạo hệ thống thủy lợi, giao thông, chợ, cụm công nghiệp, trường học, bệnh viện... quy hoạch phát triển đô thị, các lĩnh vực ngành, nghề, nhờ đó đã góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh với bình quân 2 năm 2004 - 2005, đạt 10,95%, trong đó khu vực I (nông - lâm - thủy sản) tăng 5,48%, khu vực II (công nghiệp - xây dựng), tăng 16,15%, khu vực III (dịch vụ) tăng 13,43%.

Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng khu vực I giảm từ 51,31% (năm 2000) xuống còn 48,88% (2005); khu vực II tăng từ 26,16% (năm 2000) lên 27,83% (năm 2005), đứng sau Cần Thơ và cao hơn 11 tỉnh trong vùng. Khu vực III tăng từ 22,53% (năm 2000) lên 27,39% (2005), cao hơn 5 tỉnh trong vùng.

Thu nhập bình quân đầu người năm 2005 đạt 6,7 triệu đồng, tăng 1,7 lần so với năm 2000, mức tăng khá đều, ở khu vực phi nông nghiệp tăng 1,85 lần, khu vực nông nghiệp tăng 1,65 lần.

Huy động nguồn vốn đầu tư phát triển trên địa bàn trong 2 năm 2004 - 2005 đạt trên 3.900 tỉ đồng, bằng 51,3% tổng vốn đầu tư huy động trong 5 năm (2000 - 2005). Tỷ lệ huy động vốn/GDP năm 2005 đạt 38,9%, chủ yếu là vốn trong nước, cơ cấu đầu tư tập trung cho các công trình trọng điểm, trong đó khu vực III chiếm 60%, khu vực II chiếm 33%, khu vực I chiếm 7%.

Văn hóa - xã hội của tỉnh tiếp tục phát triển. Giáo dục - đào tạo có bước chuyển biến tích cực cả về quy mô và chất lượng. Năm 2004, tỉnh được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập trung học cơ sở và có 18 xã, phường,

284 ấp đạt đơn vị văn hóa. Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân và kế hoạch hóa gia đình đi vào chiều sâu, đạt kết quả tốt. Chính sách ưu đãi, chăm sóc thương binh, gia đình liệt sỹ, người có công với cách mạng, hộ nghèo, đồng bào Khơ-me được quan tâm. Công tác xóa đói, giảm nghèo, đạt kết quả tốt. Trên 81% lao động trong độ tuổi có việc làm ổn định.

Phát huy kết quả bước đầu đã đạt được, trong những năm tới Hậu Giang phấn đấu đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, phấn đấu xây dựng tỉnh trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học - công nghệ của vùng tây sông Hậu. Để đạt được mục tiêu trên, Hậu Giang tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ, chủ yếu sau đây:

Một là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn

Phấn đấu trong 5 năm tới (2006 - 2010) tốc độ tăng trưởng kinh tế nông nghiệp đạt 7,5% - 8%/năm, đạt giá trị 50 triệu đồng/ha canh tác. Đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, hình thành một số vùng sản xuất nguyên liệu nông sản hàng hóa tập trung gắn với công nghệ chế biến hiện đại. Ổn định diện tích trồng lúa 80.000 ha, trong đó có 70.000 ha lúa chất lượng cao, 10.000 ha lúa đặc sản, bảo đảm tổng sản lượng lúa của tỉnh trung bình khoảng 1 triệu tấn/năm. Bảo đảm diện tích trồng mía khoảng 10.500 ha tập trung ở các huyện Phụng Hiệp, Long Mỹ, Vị Thanh, để cung cấp nguyên liệu cho hai nhà máy đường trong khu vực. Đầu tư khôi phục lại vùng trồng dưa công nghiệp ở các huyện Vị Thanh, Long Mỹ, với diện tích 3.000 - 4.000 ha. Tiếp tục nâng cao thương hiệu các sản phẩm đặc sản của địa phương. Đẩy mạnh đầu tư cải tạo vườn tạp, khai thác lợi thế tự nhiên để mở rộng diện tích cây ăn trái như xoài, bưởi, măng cụt, cam, quýt. Phát triển các loại cây lâm nghiệp vừa

tập trung vừa phân tán tạo cảnh quan, môi trường, kết hợp nuôi trồng thủy sản và du lịch sinh thái. Khai thác tốt 54.000 ha mặt nước để nuôi trồng thủy sản nước ngọt. Sử dụng giống tốt có năng suất chất lượng cao, để tăng tổng đàn heo, gia cầm mỗi loại từ 10% - 12%/năm, phát triển nhanh đàn trâu, bò, dê...

Đẩy nhanh ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn lọc, nhập nội, nhân giống cây trồng con vật nuôi phục vụ cho sản xuất nông nghiệp của tỉnh và cả vùng tây sông Hậu. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật tiên tiến để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nông - ngư nghiệp và hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo vệ môi trường. Ứng dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến trong canh tác, thu hoạch, bảo quản, chế biến, hạ giá thành, tăng giá trị nông sản đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

Hai là, phát triển mạnh công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch

Phấn đấu đưa giá trị sản lượng công nghiệp của tỉnh năm 2010 đạt 5.500 tỉ đồng, tăng hai lần so với năm 2005, bình quân hằng năm tăng 16% - 17%. Trong đó đặc biệt ưu tiên đầu tư để sớm hoàn thành kết cấu hạ tầng, lấp kín hai khu công nghiệp tập trung: sông Hậu và Tân Phú Thạnh - Vị Thanh cùng các trung tâm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp các huyện, thị. Phát triển các ngành, nghề ở nông thôn, tạo việc làm, thu hút nhiều lao động, tập trung cho công nghiệp chế biến các mặt hàng nông - thủy sản xuất khẩu, cơ khí phục vụ nông nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng, dệt may, da giày. Tăng nhanh các sản phẩm công nghiệp sử dụng công nghệ cao để tạo ra một số sản phẩm công nghiệp chế biến chủ lực của tỉnh về nông - thủy sản có thương hiệu, có uy tín trong nước và quốc tế.

Đầu tư hoàn chỉnh các trung tâm thương mại, siêu thị ở trung tâm thị xã Vị Thanh,

Tân Hiệp và một số huyện. Quy hoạch, sắp xếp, tổ chức lại, mở rộng và xây dựng mới mạng lưới chợ nông thôn. Đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng nông - thủy sản qua chế biến có thể mạnh và tiềm năng của tỉnh. Cùng cố, giữ vững thị trường đã có và tìm kiếm mở rộng thêm thị trường mới. Phấn đấu đến năm 2010 giá trị hàng hóa xuất khẩu của tỉnh đạt 300 - 350 triệu USD.

Phát triển mạnh du lịch sinh thái, du lịch văn hóa mang nét đặc thù sông nước Hậu Giang. Xã hội hóa dịch vụ du lịch, khuyến khích các tổ chức và cá nhân nâng cấp, mở rộng hệ thống nhà hàng, khách sạn, đa dạng hóa hoạt động du lịch. Xây dựng Hậu Giang thành một trong những quần thể du lịch quan trọng, liên hoàn của vùng đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt là cụm du lịch xung quanh thành phố Cần Thơ và các tỉnh tây sông Hậu.

Xây dựng và mở rộng khu du lịch sinh thái Tây Đô, đầu tư xây dựng, khai thác khu du lịch sinh thái Tầm Vu, khu bảo tồn thiên nhiên Long Ngọc Hoàng, làng nghề và chợ nổi ngã bảy Phụng Hiệp, khu du lịch sinh thái rừng Tràm chim Long Mỹ, Vị Thủy. Nâng cấp cụm du lịch văn hóa gắn liền với các di tích lịch sử đã được xếp hạng quốc gia và các chùa chiền, lễ hội văn hóa truyền thống của đồng bào Khơ-me.

Trên cơ sở phát triển kinh tế nông, công nghiệp, thương mại, du lịch nói trên, phấn đấu đến năm 2010 cơ cấu kinh tế của tỉnh có một bước chuyển dịch quan trọng: khu vực I còn 29% - 30% (hiện nay 43,88%), khu vực II tăng lên là 35% - 36% (hiện nay 28,3%), khu vực III là 34% - 35% (hiện nay 27,30%).

Ba là, huy động các nguồn lực, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong 5 năm (2005 - 2010) dự kiến phải đạt 13.000 -

15.000 tỉ đồng, bình quân mỗi năm khoảng 2.600 - 3.000 tỉ đồng, tỷ lệ huy động vốn đầu tư/GDP khoảng từ 40% - 42%. Để có nguồn vốn đầu tư trên, ngoài nguồn vốn của trung ương đầu tư bình quân trên 500 tỉ đồng/năm, tỉnh sẽ thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp: đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, có nhiều chính sách thu hút vốn đầu tư trong và ngoài tỉnh, khai thác và sử dụng tốt các nguồn vốn đầu tư khác trên thị trường.

Tập trung xây dựng, từng bước hoàn chỉnh để sớm đưa vào sử dụng các công trình trọng điểm trên địa bàn tỉnh, bảo đảm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, nâng cao mọi mặt đời sống của nhân dân, trong đó trọng tâm được xác định là:

- Đẩy nhanh tiến độ và sớm hoàn thành các công trình trọng điểm quốc gia về giao thông như: các quốc lộ 1A, 61B nam sông Hậu; các tuyến Quản Lộ - Phụng Hiệp, Bón Tổng - Một Ngàn; cầu Cái Tư, các trục đường huyết mạch liên tỉnh, liên huyện theo quy hoạch. Xây dựng mới đường Hậu Giang, đường Tây sông Hậu và các tuyến thuộc nội ô thị xã Vị Thanh, Tân Hiệp.

- Ưu tiên đầu tư hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp tập trung sông Hậu có quy mô quốc gia, cụm công nghiệp tập trung Tân Phú Thạnh, khu công nghiệp Vị Thanh quy mô cấp tỉnh và các trung tâm công nghiệp, tiểu khu công nghiệp các huyện.

- Hoàn chỉnh các dự án thủy lợi do trung ương đầu tư, đẩy mạnh tu sửa, nạo vét kênh mương tưới tiêu để phục vụ sản xuất tốt hơn, giảm nhẹ thiên tai do lũ gây ra, sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên nước.

- Đầu tư hoàn thiện hai trại giống nông nghiệp Vị Thủy, Châu Thành A, vùng lúa chất lượng cao, mía, khóm nguyên liệu, vùng nuôi thủy sản, vùng cây ăn trái tập trung.

- Mở rộng và cải tạo mạng lưới chuyển tải điện, tăng cường 5 trạm biến thế 110 kV với tổng dung lượng 170 MVA để cung cấp cho các khu công nghiệp, 6 huyện và nhu cầu tiêu dùng của nhân dân. Lắp đặt mới và cải tạo đường dây hạ thế có độ dài từ 1.468 km (năm 2005) lên 1.968 km (năm 2010). Tổng dung lượng sẽ tăng từ 40.047 KVA (năm 2005) lên 90.144 KVA (năm 2010).

- Triển khai và mở rộng nhà máy nước Vị Thanh công suất 20.000m³/ngày đêm, nhà máy nước Phụng Hiệp công suất 10.000 m³/ngày đêm, nhà máy nước các huyện công suất từ 2.000 - 5.000 m³/ngày đêm và hệ thống cấp nước sinh hoạt nông thôn. Xây dựng hệ thống thoát nước thị xã Vị Thanh giai đoạn một: 5.500 m³/ngày đêm, giai đoạn hai: 5.500 m³/ngày đêm để bảo đảm môi trường sinh thái đô thị.

- Phát triển mạng lưới bưu chính - viễn thông với các dịch vụ mới ở khắp các địa bàn trong tỉnh, phần đầu đến năm 2010 đạt 10 máy/100 dân.

- Đầu tư xây dựng mới bệnh viện tỉnh tại Vị Thanh với 500 giường bệnh, nâng cấp xây dựng mới một số bệnh viện huyện. Xây dựng trường dạy nghề, các trung tâm dạy nghề ở các huyện, trường cao đẳng cộng đồng, trường dân tộc nội trú, trung tâm thể dục - thể thao tỉnh...

Bốn là, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của các thành phần kinh tế

Tiếp tục sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, bố trí cơ cấu nguồn vốn hợp lý, đẩy mạnh hoạt động dịch vụ, thương mại, xuất nhập khẩu của tỉnh. Bảo đảm đủ các điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, đặc biệt chú trọng trình độ năng lực cán bộ quản lý chủ chốt, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở trong doanh nghiệp, bảo đảm cho doanh nghiệp hoạt động theo đúng luật pháp Nhà nước.

Khuyến khích và tạo điều kiện để các doanh nghiệp ngoài tỉnh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đầu tư hoặc liên kết, liên doanh với các doanh nghiệp trong tỉnh đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Tập trung chỉ đạo đưa kinh tế tập thể thoát khỏi những yếu kém hiện nay, phấn đấu có tốc độ tăng trưởng cao hơn, tiến tới có tỷ trọng ngày càng lớn trong GDP của tỉnh, có những giải pháp mạnh về đầu tư, có chính sách cụ thể, tạo điều kiện để kinh tế phát triển mạnh hơn. Tiếp tục củng cố các hợp tác xã hiện có, xây dựng các hợp tác xã mới đủ điều kiện, đúng luật và Điều lệ hợp tác xã. Phát triển rộng rãi các hình thức tổ hợp tác giản đơn, nhất là trong sản xuất nông nghiệp, đầu tư kinh phí hoạt động phù hợp. Bố trí cán bộ chỉ đạo quản lý cấp huyện, thị xã có đủ năng lực, hiểu biết, có khả năng tham mưu cho cấp ủy và ủy ban nhân dân các cấp. Quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý các hợp tác xã. Chú trọng mở rộng các hình thức liên kết giữa hợp tác xã với các thành phần kinh tế khác, nhất là các doanh nghiệp nhà nước, hộ nông dân trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng vật tư và chuyển giao khoa học - công nghệ.

Vận dụng các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, ban hành các chính sách thông thoáng tạo môi trường kinh doanh thật sự thuận lợi cho tư nhân đầu tư phát triển, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, giải quyết việc làm. Đặc biệt, khuyến khích sản xuất kinh doanh các ngành nghề trong nông thôn, tạo nhiều việc làm cho người lao động. Tiếp tục thực hiện cải cách các thủ tục hành chính từ khâu đăng ký kinh doanh, nộp thuế đến kiểm tra, kiểm soát tránh phiền hà cho các chủ đầu tư. Kịp thời biểu dương, khen thưởng, suy tôn những người sản xuất giỏi, chấp hành tốt pháp luật; khuyến khích, tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển không hạn chế quy mô trên mọi lĩnh vực

mà luật pháp không cấm. Mở rộng cửa đón tiếp và kêu gọi các nhà đầu tư nước ngoài đến Hậu Giang mở cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Để tổ chức thực hiện những nhiệm vụ chủ yếu trên, Đảng bộ Hậu Giang xác định việc tập trung đẩy mạnh Cuộc vận động xây dựng chính đồn Đảng, thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh là khâu then chốt. Công tác giáo dục, rèn luyện đạo đức, phẩm chất, lối sống, nêu cao tinh thần tiên phong, gương mẫu trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, theo gương Bác Hồ phải được chú trọng, tăng cường. Nâng cao chất lượng đảng viên đi đôi với yêu cầu tăng cường xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, để đáp ứng vai trò hạt nhân nòng cốt trong mọi lĩnh vực công tác. Thực hiện tốt công tác đào tạo, bố trí, luân chuyển cán bộ và sắp xếp tổ chức bộ máy để đáp ứng yêu cầu về năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện. Tăng cường sự lãnh đạo, kiểm tra đối với chính quyền các cấp, đổi mới công tác tổ chức để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân trong triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, chủ trương của Trung ương và của Tỉnh ủy. Bên cạnh đó, tiếp tục thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở, đổi mới công tác tuyên truyền và vận động quần chúng tạo sự thống nhất cao với chủ trương của Đảng về đại đoàn kết toàn dân, công tác tôn giáo, dân tộc.

Mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức, song, với những nỗ lực, quyết tâm vượt khó mà Đảng bộ, chính quyền và nhân dân đã thể hiện, làm nên những thành tựu trong 2 năm vừa qua, Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh Hậu Giang với tinh thần quyết tâm, đoàn kết, nỗ lực phấn đấu thi đua trong công tác, lao động sản xuất, kinh doanh... để lập thành tích chào mừng Đại hội lần thứ X của Đảng, phấn đấu đưa Hậu Giang tiến kịp các tỉnh trong vùng đồng bằng sông Cửu Long. □

KHAI niệm "Xã hội hóa chăm sóc sức khỏe" hay "xã hội hóa y tế" lần đầu tiên được đề cập đến trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII (năm 1993). Nghị quyết 4 của Trung ương đã chỉ rõ: sự nghiệp chăm sóc sức khỏe là trách nhiệm của cộng đồng và mỗi người dân, là trách nhiệm của các cấp ủy và chính quyền, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội, trong đó ngành y tế giữ vai trò nòng cốt.

Thực hiện chủ trương xã hội hóa y tế, 12 năm qua chúng ta thấy có những thành tích nổi bật sau:

Trước hết, ý thức tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe của nhân dân đã có nhiều tiến bộ. Điển hình là phong trào rèn luyện thân thể của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là của lớp người cao tuổi; việc thực hiện cuộc vận động không hút thuốc lá, phong trào xây dựng làng văn hóa - sức khỏe trong toàn quốc đã trở thành một phong trào sâu rộng, thu hút nhiều người tham gia và mang lại kết quả rất đáng khích lệ. Ý thức của người dân trong chia sẻ với nhau về những thử thách và gánh nặng của những khoản tiền chi tiêu cho khám chữa bệnh đã được hình thành và nhiều hình thức tổ chức đã xuất hiện: bảo hiểm y tế, quỹ từ thiện, quỹ khám chữa bệnh cho người nghèo...

Y tế công lập không ngừng được củng cố và phát triển, cơ sở y tế tư nhân cũng xuất hiện với nhiều hình thức kinh tế khác nhau: 42 bệnh viện tư trên địa bàn 9 tỉnh thành với 3.500 giường (chiếm 3% số giường bệnh cả

nước), 4 bệnh viện có vốn đầu tư nước ngoài, khoảng 30.000 phòng khám tư, 6.659 nhà thuốc, 6.414 phòng chẩn trị y học cổ truyền.

Tuy vậy, việc xã hội hóa y tế vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập. Đứng trước nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày một tăng lên và khả năng đáp ứng của nhà nước còn có hạn, việc thực hiện chủ trương xã hội hóa là một yêu

Xã hội hóa công tác y tế - kết quả và những vấn đề đặt ra

PHẠM MẠNH HÙNG *

cầu khách quan. Nghị quyết 46/NQ-TW của Bộ Chính trị Về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới ban hành ngày 23-2-2005 đã nêu rõ quan điểm về xã hội hóa như sau: Xã hội hóa các hoạt động chăm sóc sức khỏe gắn với tăng cường đầu tư của Nhà nước, thực hiện tốt việc trợ giúp cho các đối tượng chính sách và người nghèo trong chăm sóc và nâng cao sức khỏe. Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe là bốn phận

của mỗi người dân, mỗi gia đình và cộng đồng; là trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội, trong đó ngành y tế giữ vai trò nòng cốt về chuyên môn và kỹ thuật. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các dịch vụ chăm sóc và nâng cao sức khỏe.

Chúng ta cần hiểu đúng nội hàm của chủ trương xã hội hóa y tế và vận dụng một cách đúng đắn để bảo đảm ngành y tế đi đúng định hướng "công bằng, hiệu quả và phát triển".

* GS, TSKH, Phó Trưởng ban Khoa giáo Trung ương

Trong chủ trương xã hội hóa y tế, phải làm cho mỗi cá thể biết **tự bảo vệ sức khỏe**, đó chính là cách tích cực nhất để góp phần giảm gánh nặng bệnh tật của xã hội. Thực tế cho thấy có không ít người chủ quan với sức khỏe, không quan tâm, hoặc không biết tự bảo vệ sức khỏe của mình, đến khi ốm đau chỉ biết ỷ lại và đòi hỏi ở cộng đồng xã hội sự quan tâm, chia sẻ cho bản thân mình. Việc hút thuốc lá, nghiện rượu hoặc lạm dụng rượu, tiêm chích ma túy... của một số người hiện nay ở nước ta là những ví dụ điển hình cho việc coi nhẹ tự bảo vệ sức khỏe. Nhiều người coi thường việc phòng tránh tai nạn giao thông đã gây nên những hậu quả khôn lường. Thời gian qua, trung bình mỗi năm đã có gần 12.000 người chết vì tai nạn giao thông, ngoài ra còn biết bao nhiêu người bị thương tật để lại những hậu quả đau lòng về tinh thần và vật chất cho chính bản thân, gia đình và xã hội. Nghèo đói là nguyên nhân dẫn đến bệnh tật, nhưng mặt khác, chính **bệnh tật lại là một trong những nguy cơ hàng đầu dẫn đến nghèo đói**. Bệnh tật làm cho người đã nghèo lại càng bị nghèo hơn, vì tốn tiền của, công sức chữa bệnh. Khi đã giảm sút sức khỏe thì khả năng lao động yếu kém và khó làm ra đồng tiền. Bệnh tật làm cho người "cận nghèo" sẽ rơi vào tình trạng tái nghèo. **Nếu biết tự bảo vệ sức khỏe cho chính mình thì đó là cách tốt nhất làm giảm bệnh tật và giảm nguy cơ dẫn đến nghèo đói.**

Mỗi người không chỉ cần biết tự bảo vệ sức khỏe, mà còn phải **chủ động và tích cực tham gia vào các hoạt động chăm sóc sức khỏe của cộng đồng xã hội**. Tính thụ động và tính không tích cực tham gia vào các hoạt động chăm sóc sức khỏe được biểu hiện đa dạng. Hiện nay có không ít người còn thờ ơ trước các hoạt động chăm sóc sức khỏe của cộng đồng. Họ không để ý đến các cuộc vận động chăm sóc sức khỏe, từ cuộc vận động cung cấp nước sạch, vệ sinh môi trường tại nơi cư trú, đến việc tập thể dục rèn luyện thân thể và cao hơn

là vận động sinh đẻ có kế hoạch hay chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng chống HIV/AIDS... Đó là chưa nói tới có một số ít người còn có các hoạt động vô tình hay cố ý đi ngược lại những hoạt động chăm sóc sức khỏe của cộng đồng.

Nội hàm tiếp theo của chủ trương xã hội hóa y tế là huy động cộng đồng thể hiện trách nhiệm với các cá thể người trong chăm sóc sức khỏe. Trước hết, cộng đồng phải biết **chia sẻ những rủi ro trong ốm đau, bệnh tật** với các cá thể sống trong cộng đồng đó. Con người tồn tại trong cộng đồng nhưng tồn tại dưới dạng cá thể, đơn chiếc. Quy luật khách quan mà mọi cá thể người phải tuân theo, đó là "sinh, lão, bệnh, tử". Bệnh và tật luôn gắn liền với quá trình tồn tại của loài người. Ngoài ra cấu trúc của cơ thể con người rất đa dạng và được bộ gen của cơ thể đó xác định. Có cá thể may mắn và cũng có cá thể thiếu may mắn về phương diện cấu trúc cơ thể. Bản chất xã hội của con người hay nói cách khác là tính nhân đạo được thể hiện trước hết ở sự sẵn lòng chia sẻ những rủi ro về bệnh tật của đồng loại, thậm chí biết chia sẻ một phần cơ thể của mình để cứu sống đồng loại (ví dụ: cho các mô hoặc các tạng để ghép). Vì vậy, cộng đồng phải khích lệ và đề cao giá trị nhân phẩm của các hành động nhằm mục đích chia sẻ đó.

Nhiều cá thể sẵn lòng chia sẻ, nhưng họ không có cơ hội để thể hiện. Vì vậy, cộng đồng phải có trách nhiệm **tổ chức để các cá thể người có điều kiện tham gia các hoạt động chăm sóc sức khỏe**. Tổ chức để các cá thể trong một cộng đồng tham gia các hoạt động chăm sóc sức khỏe chính là biết tạo ra sức mạnh của số đông người trong chăm sóc sức khỏe. Một ví dụ dễ thấy là: một người không đủ tiền để chữa bệnh khi ốm đau, nhưng nếu biết tổ chức **bảo hiểm y tế** để người khỏe chia sẻ với người ốm, người giàu chia sẻ với người nghèo, người trong độ tuổi lao động biết chia sẻ với độ tuổi trẻ em và người cao tuổi và

mỗi người dành dụm lúc khỏe để có nguồn tiền chi cho lúc ốm đau, thì cả cộng đồng có thể vượt qua khó khăn về tài chính y tế. Cũng như mọi hoạt động khác, hoạt động chăm sóc sức khỏe của cá thể người từ tự phát chỉ có thể biến thành tự giác khi có tác động của cộng đồng thông qua các hoạt động tập thể. Bởi vậy, vai trò hướng dẫn, tổ chức của cộng đồng là điều không thể thiếu trong mọi nơi mọi lúc của sự nghiệp chăm sóc sức khỏe. Biết hướng dẫn, tổ chức đúng cách thì cá thể người và cộng đồng sẽ hài hòa và không có xung đột với nhau. Trái lại hướng dẫn, tổ chức không đúng cách thì không những không tạo ra sự hài hòa giữa cá thể và cộng đồng mà còn có thể làm tai hại đến sự nghiệp chăm sóc sức khỏe.

Vai trò hướng dẫn, tổ chức của cộng đồng trong chủ trương xã hội hóa thể hiện ở 4 khía cạnh sau đây:

Một là, cộng đồng phải phát động những phong trào và những cuộc vận động chăm sóc sức khỏe. Nếu không có một cuộc vận động lớn mang tính quốc gia để mọi người hãy tự chăm sóc sức khỏe và tham gia tích cực vào các hoạt động chăm sóc sức khỏe thì một mình ngành y tế sẽ chẳng bao giờ làm được sự nghiệp chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Cần nêu cao khẩu hiệu mới: "Mọi người vì sức khỏe" bên cạnh khẩu hiệu: "Sức khỏe cho mọi người". Khẩu hiệu: "Sức khỏe cho mọi người" tuy đã nói lên sự công bằng nhưng lại chưa thể hiện sự tham gia tích cực của mỗi cá thể con người trong chăm sóc sức khỏe. Nên thêm "Mọi người vì sức khỏe" không những thể hiện sự công bằng trong chăm sóc sức khỏe mà còn nói lên vai trò, tác động tích cực của mỗi người vào sự nghiệp chung này.

Hai là, làm thế nào phát huy vai trò của các đoàn thể chính trị hay các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong các hoạt động chăm sóc sức khỏe. Với tính chất tự nguyện và mạng lưới sâu rộng trong quần chúng, với số lượng hội viên đông, các đoàn thể chính trị và tổ chức

xã hội - nghề nghiệp là một lực lượng đông đảo nhất trong thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe. Quan niệm này cần được nhận thức đầy đủ để tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức xã hội - nghề nghiệp này được thành lập và tham gia hoạt động chăm sóc sức khỏe. Ví dụ: Hội hành nghề y tế tư nhân, Hội các thầy thuốc nghỉ hưu, các Hội nghề nghiệp y tế, Hội bảo trợ bệnh nhân nghèo... Gần đây nhiều tổ chức phi chính phủ trong nước đã được thành lập đã có những hoạt động rất hiệu quả trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng, đặc biệt là phòng chống HIV/AIDS. Chỉ có phát triển các hình thức hoạt động này chúng ta mới thực sự gọi là xã hội hóa chăm sóc sức khỏe và cải cách nền hành chính theo tinh thần gọn nhẹ và hiệu quả. Chính thông qua các hội này mà một số hoạt động quản lý nhà nước được phối hợp và tăng cường.

Ba là, kêu gọi và tạo môi trường thuận lợi để các thành phần y tế ngoài công lập xuất hiện và trở thành một bộ phận của ngành y tế: y tế tư nhân, y tế hợp tác, y tế tư bản tư nhân, y tế tư bản nhà nước, y tế với vốn 100% của nước ngoài. Trước hết phải thực sự coi y tế ngoài công lập là một bộ phận cấu thành của ngành y tế về tất cả các phương diện: giáo dục chính trị tư tưởng và đạo đức nghề nghiệp y tế, bồi dưỡng chuyên môn và tay nghề, tham gia các hoạt động nhân đạo và công ích, tuyên dương và khen thưởng... Mở rộng y tế ngoài công lập sẽ huy động được nguồn lực tài chính trong cộng đồng để đầu tư cho ngành y tế các trang thiết bị y tế (nhất là những trang thiết bị công nghệ cao) trong khi nguồn ngân sách nhà nước chưa đủ lo cho công việc này. Mở rộng y tế ngoài công lập cũng sẽ huy động được nhiều nguồn nhân lực, đặc biệt là những công chức, viên chức y tế đã nghỉ hưu. Họ là những người có kinh nghiệm nghề nghiệp và từng trải, tham gia vào chăm sóc sức khỏe. Mở rộng y tế ngoài công lập sẽ còn tạo ra nhiều khả năng lựa chọn cho người dân trong sử dụng các dịch vụ y tế

và thông qua sự lựa chọn này sẽ tạo ra sự *cạnh tranh lành mạnh* trong việc cung cấp các dịch vụ y tế. Cần nhấn mạnh: *Phát triển y tế ngoài công lập không đồng nghĩa với tư nhân hóa ngành y tế.*

Bốn là, mối quan hệ giữa quản lý nhà nước và xã hội hóa y tế. Bất luận trong hoàn cảnh nào, dù huy động được sự tham gia đồng đảo của các tầng lớp nhân dân và đoàn thể, tổ chức xã hội thì Nhà nước vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc đề xuất những chủ trương và chính sách chăm sóc sức khỏe để hướng sự nghiệp này đi đúng hướng. Đó là "công bằng, hiệu quả và phát triển". Nhà nước phải đóng vai trò chủ đạo trong đầu tư và điều phối các nguồn đầu tư trong chăm sóc sức khỏe. Nhà nước còn cần thực hiện chức năng thanh tra và kiểm tra để làm cho các hoạt động chăm sóc sức khỏe không đi trượt ra ngoài các hành lang pháp lý. Trong tình huống nào, nhà nước cũng không thể buông lỏng công tác quản lý trong chăm sóc sức khỏe.

Năm là, phải đề ra và nhận thức đúng **mục tiêu ưu tiên** của chủ trương xã hội hóa y tế trong giai đoạn hiện nay. Chủ trương xã hội hóa y tế là một chủ trương lâu dài của Đảng và Nhà nước nhằm "phát huy tiềm năng trí tuệ và vật chất trong nhân dân, huy động toàn xã hội tham gia vào sự nghiệp bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tạo điều kiện để toàn xã hội được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe ngày càng cao"⁽¹⁾. Tuy vậy, trong mục tiêu chung đó cần xác định mục tiêu ưu tiên cho giai đoạn hiện nay. Có như vậy mới có các giải pháp tập trung, tránh dàn trải và quên nhiệm vụ ưu tiên. Trong giai đoạn hiện nay, xã hội hóa y tế nhằm: "thực hiện tốt việc trợ giúp các đối tượng chính sách và người nghèo trong chăm sóc sức khỏe"⁽²⁾. Mọi hoạt động của xã hội hóa y tế, trước hết phải ưu tiên nhằm vào mục tiêu này để thể hiện bằng được tính chất nhân đạo của y tế và định hướng công bằng, hiệu quả và phát triển" của nền y tế

Việt Nam. Trong lý thuyết quản lý y tế, cần phân biệt khái niệm "**nhu cầu**" (need) và "**yêu cầu**" (demand). Khái niệm "nhu cầu" là muốn nói tới những đòi hỏi do thực trạng bệnh tật và sức khỏe tạo ra (người nghèo thường có nhu cầu cao hơn người giàu), còn khái niệm "yêu cầu" mang tính phụ thuộc vào khả năng chi trả của người sử dụng dịch vụ (người có nhiều tiền thì có yêu cầu cao hơn). Trong giai đoạn hiện nay, xã hội hóa y tế phải ưu tiên tập trung vào việc trợ giúp các đối tượng chính sách và người nghèo trong chăm sóc sức khỏe.

Nhận thức đúng đắn những nội hàm của chủ trương xã hội hóa y tế có một ý nghĩa rất quan trọng. *Một mặt*, nhận thức đúng đắn giúp chúng ta huy động được toàn xã hội vào chăm sóc sức khỏe, nhân tố bảo đảm cho sự thành công của sự nghiệp này. *Mặt khác*, nhận thức đúng đắn giúp chúng ta tránh được những khuynh hướng "thương mại hóa" y tế, làm mất đi tính chất "công bằng" của nền y tế. Những khuynh hướng này luôn dễ xuất hiện trong cơ chế thị trường và lại thường được ngụy biện bởi khái niệm xã hội hóa. Ví dụ: tư nhân hóa ngành y tế; coi tất cả các dịch vụ y tế là dịch vụ tiêu dùng mà không phải là dịch vụ công cộng; tìm mọi giải pháp đầu tư chỉ để trang bị những kỹ thuật cao, rồi tận thu viện phí, thậm chí lạm dụng kỹ thuật cao để thu viện phí tạo ra lợi nhuận; quá đề cao giải pháp viện phí trong tạo nguồn tài chính y tế; đánh thuế trên các dịch vụ y tế... Những biểu hiện này tuy chưa xuất hiện một cách phổ biến nhưng cần được nhận dạng và đề phòng, bởi vì chúng sẽ làm chệch hướng "nhân đạo" và "xã hội chủ nghĩa" của nền y tế nước ta. □

(1) Kế hoạch thực hiện xã hội hóa bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân - Bộ Y tế ban hành ngày 21-6-2005

(2) Nghị quyết 46/NQ-TW của Bộ Chính trị về "bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới" ban hành ngày 23-2-2005

THÀNH phố Hồ Chí Minh có 24 quận, huyện, 317 phường, xã, thị trấn với dân số 6,5 triệu người, chiếm 7,5% dân số cả nước, trong đó gần 2 triệu người tạm trú. Từ năm 1990, do tốc độ đầu tư phát triển kinh tế - xã hội và tiến trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng kéo theo sự biến động về cơ cấu dân cư, đất đai; việc chỉnh trang xây dựng mới kết cấu hạ tầng liên quan đến đất đai, nhà ở đụng chạm đến quyền lợi thiết thân của người dân; công tác quản lý đô thị còn nhiều yếu kém... làm phát sinh nhiều vụ việc khiếu nại, tố cáo trên địa bàn. Trong nhiều năm qua số lượng đơn thư khiếu nại tố cáo ở thành phố luôn chiếm tỷ lệ cao so với cả nước. Đặc biệt về lĩnh vực nhà đất, xây dựng chiếm 70% các vụ khiếu kiện, trong đó khiếu kiện đồng người ở các dự án gia tăng về số lượng, gay gắt về tính chất và kéo dài đã ảnh hưởng đến ổn định xã hội và phát triển kinh tế trên địa bàn thành phố.

Trước tình hình đó thành phố đã lập 4 đoàn khảo sát tình hình phát sinh khiếu nại, tố cáo ở một số quận, huyện trọng điểm, chỉ đạo củng cố, kiện toàn cơ quan tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo ở các cấp, các ngành. Ban Thường vụ Thành ủy ban hành Nghị quyết 18-NQ/TU ngày 8-8-1998 về công tác quy hoạch, đền bù khi thu hồi đất và tái bố trí dân cư. Chấn chỉnh Văn phòng tiếp dân, tăng cường công tác giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của công dân. Thực hiện Chỉ thị 09-CT/TW của Ban Bí thư ngày 6-3-2002 về một số vấn đề cấp bách cần thực hiện trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hiện nay (gọi tắt là Chỉ thị 09-CT/TW), Kế hoạch 01-KH/TW của Ban Bí thư về kiểm tra lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân, Ban Thường vụ Thành ủy đã có Kế hoạch số 16 KH/TU thành lập Ban chỉ đạo kiểm tra thực hiện giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, kiểm tra 2 đơn vị thành phố (Văn phòng tiếp công dân và Sở Địa chính - Nhà đất)

Một số bài học từ thực tiễn giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân ở thành phố Hồ Chí Minh

TỔNG THÉ GIA *

và 6 quận, huyện (quận 2, 7, 9, Phú Nhuận, Bình Thạnh, Bình Chánh) có nhiều vụ khiếu kiện phức tạp. Đến cuối tháng 11-2002 Ban Thường vụ Thành ủy tổ chức sơ kết về thực hiện Kế hoạch 01-KH/TU của Ban Bí thư để ra giải pháp nâng cao hiệu quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Thực hiện Chỉ thị 09-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn thành phố có chuyển biến đáng kể theo chiều hướng tích cực. Rõ nét nhất là nhận thức, trách nhiệm của tổ chức đảng và đảng viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân được nâng lên. Thành phố đã xác định tổ chức tiếp công dân, đối thoại để giải quyết khiếu nại, tố cáo là nhiệm vụ trọng tâm, là nguyên tắc xuyên suốt trong công tác lãnh đạo của các cấp ủy chính quyền các cấp thành phố. Các cấp ủy đã tập trung kiểm tra việc giải quyết khiếu nại, tố cáo công dân nhất là các vụ khiếu nại kéo dài, những vụ mà trong khi giải quyết, còn có ý kiến khác nhau, tìm nguyên nhân để lãnh đạo chủ trì giải quyết. Hội đồng dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp tham gia

* Vụ trưởng, Báo Nhân Dân

giám sát chính quyền các cấp giải quyết khiếu nại, tố cáo. Lãnh đạo Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng các ngành tiếp công dân hàng tuần. Trong 6 năm qua chính quyền các cấp thành phố tổ chức tiếp 104.495 lượt công dân. Đối với những vụ việc kéo dài phức tạp, các ngành thành phố đã bàn bạc, tham mưu cho lãnh đạo thành phố giải quyết từng vụ việc.

Những năm qua thành phố đã tiếp nhận 70.551 đơn khiếu nại, tố cáo, đã giải quyết theo thẩm quyền 90,2% đơn khiếu nại và 87,9% đơn tố cáo. Phần lớn nội dung đơn khiếu nại tập trung vào các lĩnh vực nhà đất, quy hoạch, đền bù giải tỏa, tái định cư. Nội dung đơn tố cáo tập trung vào hành vi tham nhũng, vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tư pháp, vi phạm kỷ luật trong quản lý kinh tế. Thành phố đã giải quyết 224 vụ khiếu nại đồng người, chủ yếu là giá đền bù và chính sách tái định cư như dự án chợ Cầu Sáng (Bình Chánh), dự án mở rộng đường Xô-viết Nghệ Tĩnh (quận Bình Thạnh), đường song hành xa lộ Hà Nội (quận 2) dự án khu dân cư Rạch Miễu (Phú Nhuận), dự án trường tiểu học phường 4, quận 9.

Thành phố quan tâm làm công tác hòa giải ở cơ sở, coi đây là biện pháp tích cực phòng ngừa, hạn chế khiếu nại tố cáo phát sinh từ cơ sở. Hội Nông dân các cấp tham gia hòa giải hơn 7.000 vụ khiếu kiện ở nông thôn, xây dựng 8.700 tổ hòa giải ở cơ sở. Hầu hết các vụ phát sinh trong nội bộ nhân dân đều được đưa ra hòa giải ở cơ sở, tỷ lệ hòa giải thành công 75%, góp phần hạn chế các điểm nóng phát sinh, giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn. Qua giải quyết khiếu nại, tố cáo đã phát hiện nhiều công chức sai phạm, kỷ luật hành chính 643 cán bộ, thu hồi cho nhà nước gần 15 tỉ đồng, 920 ha đất.

Cùng với giải quyết khiếu nại, tố cáo hành chính, thành phố cũng đã tập trung giải quyết khiếu nại, tố cáo về hoạt động tư pháp. Cấp ủy, thủ trưởng cơ quan tư pháp thành phố đã tập trung kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ, chọn cán bộ có phẩm chất và năng lực bổ sung cho bộ phận tiếp dân, rà soát các vụ khiếu nại kéo dài để giải quyết dứt điểm. Sáu năm qua ngành tư pháp thành phố đã giải quyết 23.660 vụ khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền, đạt 93,5%. Qua giải quyết khiếu nại, tố cáo ngành tư pháp đã xử lý hình sự 44 người, xử lý hành chính 279 người.

Từ thực tế ở những quận huyện, cơ sở giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là những vụ việc phức tạp đồng người trong thời gian vừa qua, có thể rút ra mấy kinh nghiệm sau.

Thứ nhất, tạo sự chuyển biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp ủy chính quyền, các ngành trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân là yếu tố quan trọng hàng đầu. Từ đó, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền các cấp và cả hệ thống chính trị vào cuộc, tập trung giải quyết dứt điểm các vụ kéo dài, không để phát sinh khiếu kiện tiếp. Đặc biệt bí thư cấp ủy trực tiếp lãnh đạo, kiểm tra công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo đồng thời cấp trên kịp thời hướng dẫn nghiệp vụ để cơ sở phòng ngừa, giải quyết sớm khi khiếu kiện mới phát sinh.

Thứ hai, trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, thủ trưởng các ngành, các cấp phải trực tiếp đối thoại với công dân; cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo phải công khai dân chủ, làm rõ đúng, sai, tạo sự đồng thuận giữa cấp giải quyết và người khiếu kiện, khi giải quyết sai thì phải sửa nghiêm túc; kết hợp giải quyết theo chính sách pháp luật thấu lý đạt tình với hòa giải để chấm dứt khiếu kiện và tăng cường đoàn kết trong nội bộ nhân dân.

Thứ ba, quan tâm phân tích nguyên nhân phát sinh khiếu kiện để có giải pháp giải quyết và phòng ngừa trong đó coi việc thực hiện đúng chính sách, pháp luật Nhà nước là điều kiện cơ bản hạn chế khiếu kiện. Vì vậy, thời gian qua thành phố đã điều chỉnh, bổ sung chính sách quy hoạch, đền bù, giải tỏa, tái định cư bảo đảm quyền lợi chính đáng của người dân, tập trung thực hiện có hiệu quả chính sách này đã góp phần giảm nhiều "điểm nóng" khiếu kiện. Những khiếu kiện phức tạp kéo dài do lịch sử để lại sau quá trình cải tạo công thương nghiệp, cải tạo nông nghiệp liên quan đến nhà, đất còn chờ hướng dẫn của Trung ương thì cơ quan giải quyết cũng trả lời cho dân rõ,

Thứ tư, bổ sung đội ngũ cán bộ các cơ quan tiếp công dân giải quyết khiếu nại, tố cáo về số lượng và bồi dưỡng huấn luyện về kỹ năng, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật, quan điểm quản chúng, thái độ phục vụ nhân dân; đồng thời quy định rõ trách nhiệm cá nhân trong việc xem xét, kết luận, kiến nghị, giải quyết, xử lý phù hợp với pháp luật, nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Những cố gắng trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo ở thành phố Hồ Chí Minh vừa qua là rất đáng ghi nhận, đã góp phần giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Số lượng đơn thư khiếu nại, tố cáo không tăng cao như thời gian trước. Khiếu nại vượt cấp và "điểm nóng" có giảm. Chất lượng giải quyết các vụ việc bảo đảm chính xác, đúng pháp luật hơn hạn chế được sai sót. Nhưng nghiêm túc nhìn nhận, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo ở thành phố chưa có chuyển biến thực cơ bản, còn nhiều bất cập. Khiếu nại, tố cáo của công dân trên địa bàn thành phố hiện nay vẫn còn diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ bùng phát nơi này, nơi khác ảnh hưởng tới an ninh chính trị, an toàn xã hội. Trong khi đó, nhiều cấp ủy, chính quyền chưa thật sự quan tâm có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo phần lớn còn giao khoán cho cơ quan thanh tra và các ngành chức năng giải quyết. Đơn thư khiếu kiện còn chuyển lòng vòng. Đơn thư khiếu nại, tố cáo để quá thời hạn luật định còn phổ biến, lượng đơn tồn đọng còn nhiều. Khá nhiều quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật chưa được thực hiện, làm giảm sút niềm tin của nhân dân vào hiệu lực của bộ máy nhà nước.

Sở dĩ có tình hình trên là do nhiều nguyên nhân nhưng nguyên nhân mấu chốt, trực tiếp là việc quán triệt các quan điểm yêu cầu cấp bách trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo theo tinh thần Chỉ thị 09-CT/TW của Ban Bí thư chưa sâu sắc ở nhiều cấp ủy và nhiều sở, ngành. Thực hiện chính sách nhất là quản lý và sử dụng đất đai, quy hoạch, giải tỏa đền bù khi thu hồi đất và tái định cư nhiều trường hợp chưa "thấu tình, đạt lý" là nguyên nhân cơ bản làm phát sinh khiếu nại, tố cáo nhưng thành phố chậm phát hiện và chấn chỉnh kịp thời. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, kỷ cương kỷ luật trong bộ máy hành chính, trong xã hội chưa nghiêm. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo nhìn chung còn nặng tính hành chính, khép kín thiếu dân chủ, chưa coi trọng đối thoại công khai giữa người khiếu nại, người bị khiếu nại và người giải quyết khiếu nại dẫn đến việc ra quyết định cuối cùng không chuẩn xác, phải chỉnh sửa nhiều lần, giải quyết kéo dài, phức tạp. Dù quy trình và cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo có được cải tiến nhưng nguyên nhân cơ bản làm cho công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

kém hiệu quả là một bộ phận không nhỏ cán bộ công chức giải quyết khiếu nại, tố cáo chưa có quan điểm, thái độ phục vụ nhân dân, non yếu về năng lực nghiệp vụ và kiến thức pháp luật, thiếu công tâm, đùn đẩy, những nhiều tiêu cực.

Thành phố đề ra nhiệm vụ thời gian tới là tiếp tục quán triệt sâu sắc Chỉ thị 09-CT/TW, tạo sự chuyển biến mạnh về nâng cao nhận thức, trách nhiệm và hành động của các cấp ủy và chính quyền các cấp, các ngành, đảng viên coi giải quyết khiếu nại, tố cáo là nhiệm vụ thường xuyên của cả hệ thống chính trị. Ban Thường vụ cấp ủy và bí thư cấp ủy trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Bí thư cấp ủy, người đứng đầu chính quyền, cơ quan tư pháp, các đoàn thể chịu trách nhiệm về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo ở địa phương, đơn vị mình. Phân công một cán bộ lãnh đạo chủ chốt của mỗi cấp, mỗi ngành chịu trách nhiệm công tác quan trọng này. Đối với vụ việc phức tạp phải thống kê định rõ giải quyết dứt điểm. Cấp ủy chỉ đạo, chính quyền tiếp xúc với người khiếu kiện, có sự tham dự cơ quan liên quan để thống nhất biện pháp giải quyết dứt điểm. Cần thực hiện nghiêm túc việc tổ chức đối thoại tiếp xúc với người khiếu nại, người bị khiếu nại và các cơ quan liên quan. Tuyệt đối không kéo dài tình trạng "một cửa", khép kín đối với cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo. Lãnh đạo, thủ trưởng các cấp các ngành đề cao trách nhiệm chống quan liêu trì trệ trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân kiểm tra, giám sát thực hiện công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đẩy mạnh việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở thực hiện đúng phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra trong quy hoạch, trình tự thu hồi đất, giao đất, phương án đền bù tái định cư. Điều quan trọng là tìm các giải pháp nhằm ngăn chặn đến mức tối thiểu việc phát sinh khiếu nại, tố cáo. Trong tình hình hiện nay Ban Thường vụ Thành ủy chỉ đạo sớm bổ sung xây dựng cơ chế, chính sách đối với các dự án, kiện toàn bộ máy cán bộ làm công tác đền bù, giải tỏa. Không bố trí cán bộ thiếu phẩm chất, năng lực về công tác ở lĩnh vực này. Xử lý cán bộ thiếu trách nhiệm, sai phạm. Đưa nội dung tiếp công dân giải quyết khiếu kiện thành một chỉ tiêu bình xét thi đua khen thưởng hằng năm. □



SỢ CHÍNH MÌNH

HÒA MAC

ÔNG trưởng ban - sếp trực tiếp của chúng tôi được nghỉ hưu, trong bữa tiệc chia tay, tâm tình cởi mở ông nói: "Làm việc dưới quyền anh, các em sợ nhất điều gì?". Bọn tôi nhìn nhau chẳng ai chịu lên tiếng trước.

Anh phó trưởng ban, người kế nhiệm sếp trong tương lai, sau một hồi rào đón đưa đẩy cười nói: có lẽ cái khó của chúng em là giữ được lòng tin yêu của sếp. Cái sợ lớn nhất của chúng em là sợ không được anh ủng hộ trong công việc; công việc không xuôi, lương lậu chậm lên; đề tài, dự án không được tham gia... là ảnh hưởng đến miếng cơm, manh áo, là lao đao, túng quẫn... Rất may mà những vấn đề ấy không xảy ra ở đơn vị mình. Nói thật với anh, nhiều lúc thấy những đồng nghiệp ở nơi khác phải *lựa*, phải *chiều*, phải *thỏa hiệp* với sếp của họ để công việc được "thông đồng bén giọt" mà em thấy gai người. Mỗi một việc lớn, việc nhỏ gì qua được cửa của anh,

được anh "khai sinh" là chúng em hả lòng, hả dạ, thở phào. Bọn em "rất sợ" tính thận trọng, tỉ mỉ của anh, dù đã hết sức cẩn thận mà vẫn bị anh bắt lỗi... Nghề của mình, danh lợi bổng lộc không có nhưng trách nhiệm lại cao, sơ xảy một chút là mang họa lớn. Có anh "gác cửa", bọn em yên tâm kê gối ngủ ngon. Nỗi sợ lớn nhất của em bây giờ là sợ không xứng đáng với sự kén chọn mà anh đã tin tưởng giao phó cho em...

Như dòng nước đã khơi nguồn, sau những lời của anh phó trưởng ban mỗi người lần lượt bày tỏ với sếp những nỗi sợ bấy lâu còn chất chứa trong lòng. Người thì sợ sếp vì sếp thanh liêm, mẫu mực và tận tụy với công việc quá, làm cho nhân viên khó lòng theo kịp. Người thì sợ sếp vì sếp hiền rộng, biết nhiều; ngoại ngữ tinh thông; lý luận, nghiệp vụ, thực tiễn cái gì cũng giỏi. Làm nhân viên dưới quyền một người *tài đức song toàn như sếp* sao mà không sợ. Cái

chính là sợ mình thiếu năng lực, sợ không hoàn thành nhiệm vụ... Tóm lại là, họ chỉ sợ chính mình, họ nói họ sợ chỉ là cách nịnh ngầm sếp mà thôi.

Là người làm công tác quản lý, đến lúc "mãn chiều xế bóng", "gác kiểng nghỉ ngơi" được nghe những lời chân tình ấy, chắc sếp tôi phải thấy hạnh phúc và sung sướng lắm. Vậy mà ông vẫn *đăm chiêu* như có chút gì không thỏa mãn. Chắc rằng sếp muốn nghe những lời nói thật?

Thấy tôi cúi mặt ngồi im, sếp dõi ánh mắt vào tôi nửa như khích lệ, nửa như yêu cầu, hình như sếp muốn tôi nói ra một điều gì đó khác với những điều mà xưa nay tôi vẫn nói với sếp, khác với những điều các bạn tôi vừa bày tỏ? Tôi thấy gai lạnh sống lưng, đầu lưỡi tê cứng không cất nên lời. Tôi vốn là người rất thiếu tự tin trong giao tiếp, để tránh cho tôi không bị hớ khi chuyện trò, bàn luận với mọi người, sếp luôn căn dặn: "Học nói chỉ cần 3 năm, học im cần cả cuộc đời", tôi tuân thủ tuyệt đối nguyên tắc ấy, cố làm cho mọi người nhầm tưởng mình là người tế nhị, kín đáo. Trong tình huống này, tôi biết nói gì khi "bá quan văn võ" ngồi đây dù không nói ra nhưng ai cũng biết *xưa nay tôi vốn đi bằng đôi chân của sếp*,

tôi đâu có đi được bằng đôi chân của mình?

Tôi "đồng cam cộng khổ" với sếp đã lâu, nhưng phong kiến thức rất mỏng, lại không chịu nghiên cứu, trau dồi và cố gắng học hỏi nên trình độ chuyên môn rất thấp. Bản tính chủ quan, lại thêm thói làm ẩu nên chất lượng công việc chỉ vào loại tầm tầm. Bù lại tôi có hình thức dễ coi và luôn tỏ ra dịu dàng, tế nhị, ngoan hiền nên được sếp rất cưng chiều, vị nể, cất nhắc làm chủ thư ký chuyên môn. Làm thư ký tôi trở thành người quan trọng, ai muốn báo cáo công việc với sếp đều phải qua chiếc cầu nối là tôi, công việc muốn trôi chảy không thể không "biết điều" với thư ký. Chỉ cần tôi ỏn thót nhỏ nhẹ vào tai sếp phần thiệt, phần hơn, kẻ "ung", người "ghét"... là sếp cứ theo đó mà giải quyết. Thật vô phúc cho ai đó không biết làm vừa lòng tôi. Nhiều khi cái ngu, cái dốt của tôi đã làm ảnh hưởng không tốt đến uy tín của sếp và công việc của cơ quan mà sếp đâu có biết. Mọi người vì sợ quyền lợi, bổng lộc không được đáp ứng nên phải phỉnh nịnh tôi dù sau lưng họ vẫn chửi tôi là dốt. Tôi như con cáo lâu nay nhờ oai hùm nên được mở mày, mở mặt, nay hùm thiêng đã ra đi, chắc chẳng còn cơ hội phách lối, ngạo mạn nữa.

Như thấu những day dứt trong thái độ im lặng gượng gạo của tôi, sếp nói với mọi người như xăm hỏi: "Yêu,

ghét, lo, sợ... là sự thường nhật ở đời, đã là con người ai cũng có tâm lý ấy. Cảm ơn các em đã quý trọng và giúp đỡ anh trong những tháng năm qua. Anh vui nhất là anh em mình luôn giữ được tình thân bền chặt trong mọi hoàn cảnh. Nay dù đã "hạ cánh" an toàn, anh vẫn còn nhiều day dứt cũng muốn bày tỏ để các em hiểu thêm... Một chút công danh, quyền lực như anh cũng chẳng khác nào ảo ảnh "hữu danh vô thực ấy mà". Minh phấn đấu gần nửa đời người mới đạt được, rồi một phần đời còn lại, phải "gồng mình" lên để gìn giữ, canh chừng để không hổ danh với thiên hạ, để người đời ít cười chê. Giữ gìn được phẩm giá, lương tâm cho xứng với chút danh nhỏ nhoi đã có thật vô cùng chật vật. Nó cũng quyết liệt, cũng hao tâm, tổn trí chẳng khác nào người lính ở vị trí tiền tiêu, luôn phải cảnh giác đương đầu với kẻ thù. Có danh rồi phải cố giữ để không thành người hám lợi; không thành kẻ lợi dụng danh nghĩa, chức tước để mưu cầu lợi ích cá nhân, sự ấy ai cũng hiểu, ai cũng tường nhưng không phải ai cũng làm được. Khi anh có chút quyền uy, bao kẻ xa lạ bỗng trở thành người thân thiết, bao kẻ đón hèn bủa vây mời gọi, bao cái vôi bạch tuộc bao quanh. Nhìn đâu cũng thấy lợi, động vào chỗ nào cũng thấy bổng lộc, tiền hô, hậu ủng, kẻ tung người hứng, làm cho chính bản thân ta

cũng chẳng nhận ra mình. Chính vì vậy mà đã không ít người trượt dài xuống dốc. Danh lợi- vinh nhục cận kề...

Ngừng giây lát, chiêu hớp nước chè nóng hồi từ tay anh phó ban mời, sếp tôi nói tiếp: *Điều mà anh sợ nhất là sợ chính mình, sợ không vượt qua được bản thân mình.* Nhiều lúc anh cũng tự hỏi, tại sao mình lại chưa biết sợ sự đón hèn, nhàn nhạt của mình? Tại sao nhiều lúc mình cứ cố tỏ ra tận tụy lấy lòng cấp trên, xuê xoa, theo đuôi cấp dưới? Phải chăng vì mình sợ va chạm, sợ ảnh hưởng không tốt đến công danh? Dù các em còn vì nể không nói thẳng, nhưng anh cũng tự thấy mình chỉ là một nhà quản lý tồi. Quản lý tồi nên đã làm hỏng không ít cán bộ mà đâu có biết?

Những lời chân tình, thâm sâu của sếp khiến mọi người vô cùng cảm động; mọi người càng được dịp mở lòng, chuyện đời, chuyện thể sự, chuyện đức, chuyện tài, gia đình, bè bạn... không khí tâm tình, lưu luyến mãi chẳng rời... Riêng tôi, tôi đã ngộ ra rất nhiều điều. Lặng lẽ đến bên cạnh sếp tôi trân trọng trao tặng ông những bông hồng vàng rực rỡ đã được tôi chuẩn bị rất công phu. Nghĩ đến lúc phải chấp chứng những bước đi đầu tiên trên "đôi chân của chính mình" tôi không khỏi sợ hãi đến run rẩy. □



VỀ CHÍNH SÁCH XÂY DỰNG NÔNG THÔN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA MỚI Ở TRUNG QUỐC

VỀ chính sách đối với nông thôn, nông dân, nông nghiệp, từ 1978 đến 2005, Trung ương Đảng Cộng sản và Quốc vụ viện (Chính phủ) Trung Quốc đã ra 7 "văn kiện số 1" về chính sách của Đảng đối với nông thôn. Văn kiện số 1 năm 1978 là về khoán đến hộ mở đầu cho công cuộc cải cách. Năm 2004, 2005 và 2006 đã ra 3 văn kiện liên tiếp về "Tam nông": *Đẩy mạnh tăng thu nhập cho nông dân; Đẩy mạnh hơn nữa công tác nông thôn và đề cao năng lực phát triển nông nghiệp tổng hợp; Xúc tiến xây dựng nông thôn xã hội chủ nghĩa mới.*

Văn kiện số 1 năm 2006 đưa ra các giải pháp nhiều mặt về xây dựng nông thôn, vấn đề xã hội và dân chủ, chủ trương coi việc xây dựng "Nông thôn xã hội chủ nghĩa mới" là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài trong kế hoạch 5 năm 2006 - 2010.

Hiện nay, sự phát triển kinh tế - xã hội của Trung Quốc đã đi vào một thời kỳ mới, nhà nước có khả năng kinh tế để hỗ trợ cho việc phát triển nông nghiệp, nông thôn và điều phối sự phát triển giữa nông thôn - đô thị. Cơ sở khoa học - thực tiễn để đề ra nhiệm vụ xây dựng nông thôn xã hội chủ nghĩa mới là: Nông nghiệp chưa đạt mức có thể làm cơ sở cho việc phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao sinh kế của nông dân. Năm 2005 sản lượng lương thực có hạt chỉ đạt 484 triệu tấn,

như vậy đã bị giảm đi 30 triệu tấn so với năm cao nhất từ trước đến nay và hơn nữa chưa đủ thỏa mãn yêu cầu cuộc sống. Thiếu đất trồng trọt và nước gây cản trở cho việc phát triển nông nghiệp. Cần đầu tư nhiều hơn nữa vào nông nghiệp để tăng việc áp dụng khoa học - kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất. Khoảng cách giữa đô thị và nông thôn đang tăng thêm, do đó cần thu hẹp lại khoảng cách này.

Theo *Nhân Dân nhật báo*, trong 5 năm qua thu nhập của nông dân tăng bình quân 5% mỗi năm. Thu nhập phi nông nghiệp tăng đáng kể và trở thành yếu tố quan trọng trong việc tăng thu nhập. Sản lượng lương thực hàng năm tăng lên do tăng năng suất thay vì tăng diện tích như trước đây, hiện đã đạt mức trung bình 4,6 tấn/ha. Hiện nay, 38% diện tích đất trồng trọt được cơ giới hóa và 48% sản lượng nông sản tăng là do cải tiến kỹ thuật. Thu nhập thuần đầu người của nông dân Trung Quốc năm 2005 là 3.255 Nguyên⁽¹⁾ (tương đương 402 USD), tăng 3,14 Nguyên (tăng 6%) so với năm trước. Tuy vậy, con số này vẫn còn thấp xa so với thu nhập của dân cư đô thị tới 3,22 lần (10.493 Nguyên). Nếu lấy sự khác nhau về kết cấu hạ tầng, phúc lợi xã hội như giáo dục, y tế, văn hóa để so sánh, thì mức độ chênh lệch còn lớn hơn nhiều.

(1) Nhân Dân tệ

Thực tế cho thấy, những chính sách cải cách đặt ra đối với nông thôn những năm trước là hoàn toàn đúng đắn và cần tiếp tục chú trọng đến vấn đề này. Bởi vì, thu nhập và sức mua thấp của nông dân làm cho nhu cầu của nông thôn không mở rộng (năm 2005 chỉ chiếm 32,9% của giá trị bán lẻ trong nước). Xây dựng nông thôn xã hội chủ nghĩa mới là điều cần thiết cho sự tăng cầu trong nước và còn góp phần tạo ra một xã hội hài hòa, công bằng và có lợi cho toàn dân.

Từ thực trạng đó, Đảng và Nhà nước Trung Quốc đã đề ra 5 mục tiêu trong việc xây dựng nông thôn xã hội chủ nghĩa mới là: Nâng cao năng suất lao động trong nông thôn, phát triển kết cấu hạ tầng, phát triển xã hội, nâng cao dân chủ và mức sống của nông dân.

Cần phải nói thêm rằng, xây dựng nông thôn xã hội chủ nghĩa mới không chỉ là xây dựng làng xã mới, mà phải đặc biệt chú ý đến hiệu quả và nội dung hơn là vào hình thức bề ngoài. Phải mềm dẻo, sử dụng sự thương lượng dân chủ hơn là dùng chỉ thị. Nông thôn phải phát triển tùy theo khả năng và đặc điểm bản thân, nhà nước chỉ hỗ trợ người nông dân thông qua các dự án lớn nhỏ.

Tài liệu năm nay đưa ra 7 nhiệm vụ chính để tăng lợi nhuận, giảm gánh nặng cho nông dân và cụ thể hóa nhiệm vụ chiến lược đề ra tháng 10 năm trước thành 32 biện pháp có lợi cho nông dân, trong đó có các mục tiêu chủ yếu là: Phát triển nông nghiệp hiện đại, tăng thu nhập của nông dân và cải tiến cơ sở hạ tầng nông thôn theo một số nội dung cơ bản, như sau:

Nhà nước đầu tư nhiều hơn vào nông nghiệp: Đầu tư ngân sách của Chính phủ cho nông nghiệp, nông thôn năm nay là 339,7 tỉ Nguyên, tăng 42,2 tỉ Nguyên so với năm 2005. Chính phủ Trung Quốc sẽ hủy bỏ thuế nông nghiệp, một loại thuế đã thu trong suốt nhiều năm qua. Cải cách này sẽ mang lại cho

nông dân 33,6 tỉ Nguyên tiền thuế và 70 tỉ từ các loại phí khác. Nhà nước chủ trương xây dựng một cơ chế để công nghiệp và đô thị cùng thúc đẩy sự phát triển nông thôn. Phân phối thu nhập quốc dân sẽ được điều chỉnh để việc sử dụng các khoản thuế, đầu tư ngân sách, tài sản cố định và tín dụng tăng hơn nữa cho nông nghiệp và nông thôn. Hỗ trợ từ vốn nhà nước sẽ lớn và tăng liên tục. Trái phiếu và vốn ngân sách đi về nông thôn sẽ đặc biệt chú trọng đầu tư để cải tiến sản xuất và nâng cao điều kiện sống cho người dân.

Kết cấu hạ tầng: Thuế thu từ việc sử dụng đất canh tác sẽ tăng lên và nhiều thứ thuế mới sẽ được áp dụng trong nền kinh tế với mục tiêu phát triển nông thôn. Phí thu từ sử dụng đất được dùng chủ yếu vào các dự án phát triển đất nông nghiệp nhỏ và bảo vệ nguồn nước. Chính phủ sẽ ban hành các quy định để bảo đảm và điều tiết thu nhập thuế đất cho việc phát triển đất nông nghiệp, ưu tiên xây dựng kết cấu hạ tầng cấp thiết cho đời sống nông dân. Dự tính mức đầu tư vào phát triển khoa học - kỹ thuật là 71,6 tỉ Nguyên (tăng 19,2% hằng năm). Chương trình nước sạch sẽ được ưu tiên cho nông thôn, trước hết ở các vùng nước bị ô nhiễm; năng lượng sạch được áp dụng rộng rãi; mạng lưới điện, đường nông thôn sẽ được xúc tiến xây dựng và nâng cấp.

Chính sách: Hệ thống hỗ trợ nông nghiệp và nông dân sẽ được bảo đảm và củng cố bằng cách tăng hỗ trợ trực tiếp cho sản xuất ở các vùng trồng lương thực, đặc biệt cho việc mua hạt giống chất lượng cao và máy nông nghiệp. Một hệ thống hoàn chỉnh cung cấp vật tư và bảo vệ thị trường sẽ được xây dựng để bảo đảm quyền lợi cho nông dân sản xuất lương thực. Không ngừng tăng thu nhập của nông dân vì đây là cơ sở kinh tế của nông thôn mới. Bên cạnh đó, việc dịch chuyển lao động nông thôn sang các lĩnh vực khác cũng phải được chú ý, phải dỡ bỏ các rào cản của

việc di cư lao động nông nghiệp đến thị trường lao động đô thị và dần dần xây dựng bảo hiểm xã hội cho lao động di cư.

Giáo dục nông thôn: Cũng từ năm nay, Chính phủ Trung Quốc sẽ cấp mỗi năm 103 tỉ Nguyên để bảo đảm sự hoạt động của các thị, trấn và chính sách giáo dục bắt buộc ở nông thôn (bao gồm 78 tỉ chuyển từ ngân sách trung ương và 25 tỉ từ ngân sách địa phương). Chính phủ sẽ có những chính sách hỗ trợ nhằm thực hiện giáo dục bắt buộc 9 năm cho học sinh nông thôn và giảm dần gánh nặng về chi phí cho giáo dục của nông dân, như: học sinh ở miền tây được miễn học phí, con em các gia đình nghèo sẽ được phát sách giáo khoa miễn phí, được trợ cấp ăn ở. Trong 2 năm tới, Chính phủ sẽ miễn phí nhập học và các phí khác cho tất cả học sinh nông thôn thuộc diện học bắt buộc. Từ 2007, Chính phủ sẽ đầu tư nâng cấp các trường nông thôn và mở rộng chính sách này ra cho tất cả các vùng nông thôn. Đặc biệt là, cả nông dân ở nông thôn và nông dân di cư ra đô thị đều phải được đào tạo để nâng cao trình độ kỹ thuật và quản lý kinh tế. Ngân sách chi cho giáo dục bắt buộc lên tới 218,2 tỉ Nguyên trong 5 năm tới.

Bảo hiểm xã hội: Trung Quốc sẽ tổ chức một kiểu hợp tác xã chăm sóc y tế trong 40% các huyện, tăng trợ cấp từ 20 Nguyên cho mỗi nông dân tham gia hợp tác xã này lên 40 Nguyên. Ngân sách cũng tăng 4,2 tỉ Nguyên cho chương trình này. Chính phủ hứa sẽ xây dựng hợp tác xã chăm sóc y tế với sự hỗ trợ của ngân sách và sẽ nhân rộng các hợp tác xã kiểu này vào năm 2008, đồng thời đầu tư nâng cấp kết cấu hạ tầng y tế ở nông thôn. Bảo hiểm xã hội và chương trình kế hoạch hóa gia đình sẽ được chú trọng. Chính phủ sẽ tăng trợ cấp khó khăn cho nông thôn, chi cho việc đổi mới và nâng cao thiết bị các bệnh viện ở các thị, trấn và một số làng xã là 20 tỉ Nguyên.

Cải cách tài chính: Khoảng 10 biện pháp cải cách tài chính đã được nêu ra, trong đó chú trọng xây dựng các thể chế tài chính cộng đồng, có kiểm soát chặt chẽ. Các tổ chức tài chính dành một tỷ lệ vốn thích hợp cho kinh tế nông thôn. Sẽ áp dụng thí điểm hình thức bảo hiểm nông thôn đồng thời mở rộng tín dụng có thể chấp cho hộ nông dân và doanh nghiệp.

Chức năng của chính quyền: Chính quyền cấp xã sẽ được phát triển để tạo điều kiện cho việc đầu tư sản xuất. Cải tiến chế độ thuế ở nông thôn. Đặt tài chính của các huyện dưới sự kiểm soát của chính quyền huyện.

Môi trường: Chú ý hơn vào việc quy hoạch làng và khu dân cư. Hiện nay có nhu cầu phải quy hoạch lại nông thôn để vừa xây dựng một xã hội khá giả, vừa bảo vệ đất xây dựng ở nông thôn. Nhà nước sẽ giúp nông dân miễn phí trong việc bố trí lại nhà cửa.

Từ khi thành lập nước Trung Quốc mới, nhất là sau cải cách, mở cửa, nông thôn Trung Quốc đã có nhiều thay đổi và đạt nhiều thành tựu. Tuy vậy, phát triển nông nghiệp và nông thôn vẫn ở giai đoạn khó khăn, kết cấu hạ tầng và phát triển xã hội còn lạc hậu, thu nhập thành thị và nông thôn cách biệt ngày càng lớn, cơ chế thúc đẩy dài hạn sản xuất lương thực có hạt và tăng thu nhập nông dân cũng như một quy hoạch phát triển toàn diện nông thôn và đô thị chưa được hình thành. Bởi vậy, xây dựng một xã hội khá giả là một nhiệm vụ rất nặng nề, nhưng rất quan trọng vì không có xã hội khá giả ở nông thôn thì không thể có xã hội khá giả cho cả nước. Năm năm tới là khoảng thời gian để đặt nền móng cho một nông thôn xã hội chủ nghĩa mới, cũng như xây dựng mối quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp, giữa đô thị và nông thôn. □

THẾ TUẤN
(Tổng thuật)



QUAN HỆ GIỮA CÁC NƯỚC LỚN KHU VỰC CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG: MỘT VÀI PHÂN TÍCH VÀ DỰ BÁO

HÀ MỸ HƯƠNG *

THEO truyền thống và thực tiễn quốc tế, một nước được coi là nước lớn, *trước hết*, nước đó phải có một số hoặc tất cả các lợi thế so sánh với các nước khác, như lớn về diện tích, đông về dân số; giàu có về tài nguyên thiên nhiên hoặc các nguồn lực vật chất khác; mạnh về quân sự - quốc phòng; chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tiềm lực kinh tế - thương mại, khoa học - kỹ thuật thế giới; có nhiều giá trị văn hóa - tinh thần đặc sắc. *Thứ hai*, nước đó phải có quyền lực cao hơn trong mối quan hệ tương tác với các quốc gia khác, đồng thời quyền lực đó phải được thể hiện qua chính sách cụ thể của quốc gia đó và phải được sử dụng để gây ảnh hưởng đến đời sống quan hệ quốc tế (QHQT). *Thứ ba*, nước đó phải có tư duy và ý chí thực hiện vai trò của một nước lớn. *Thứ tư*, quốc gia đó phải được các quốc gia khác công nhận là nước lớn. Căn cứ vào các tiêu chí như vậy, người ta cho rằng trong số hơn 190 nước trên thế giới hiện nay, có 11 quốc gia được coi là nước lớn. Đó là Mỹ, Ca-na-đa, Bra-xin, Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, Nga, Đức, Pháp, Anh, I-ta-li-a.

Nói về các nước lớn trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, như Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Nga và Ấn Độ, thì đều là những nước lớn nhất, nhì thế giới, xét theo mọi tiêu chí. Từ lâu, khu vực này đã thu hút sự quan tâm theo dõi và nghiên cứu của cộng đồng quốc tế chẳng những do sự phát triển kinh tế sôi động với mức tăng trưởng GDP của khu vực cao nhất thế giới, mà

còn bởi nơi đây hội tụ, đan xen lợi ích nhiều mặt và là nơi tranh giành ảnh hưởng của các nước lớn trên thế giới. Cục diện quan hệ giữa các nước lớn khu vực châu Á - Thái Bình Dương phản ánh khá rõ nét và điển hình cục diện quan hệ giữa các nước lớn trên thế giới hiện nay.

1 - Vị thế của các nước lớn châu Á - Thái Bình Dương trong những năm đầu của thế kỷ XXI

Sau khi Liên Xô tan rã, so sánh lực lượng giữa các nước lớn đã bắt đầu thay đổi theo hướng có lợi cho Mỹ - siêu cường thế giới duy nhất, với sức mạnh quốc gia tổng hợp và trên từng mặt vượt xa tất cả các đồng minh và đối tác. Vì vậy, thay thế cho "trật tự thế giới hai siêu cường" là "cục diện một siêu đa cường". Điều đáng chú ý là sau "chiến tranh lạnh", nhìn vào ba trung tâm kinh tế thế giới, thì Nhật Bản bị rơi vào tình trạng suy thoái trầm trọng (chỉ gần đây mới phục hồi trở lại), Liên minh châu Âu (EU) vẫn tiếp tục ỉ ạch với mức tăng trưởng GDP rất thấp, riêng Mỹ suốt từ năm 1993 đến nay có mức tăng trưởng kinh tế rất ngoạn mục và kéo dài chưa từng thấy. Trong các chỉ số thể hiện sức mạnh và tiềm lực kinh tế của một nước, nhiều chỉ số của Mỹ luôn chiếm vị trí đứng đầu thế giới. Về quân sự - quốc phòng, chi phí quân sự hằng năm của Mỹ là khoảng 3,6% GDP của

* TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

nước Mỹ (năm 2004 là 437 tỉ USD)⁽¹⁾, chiếm tới 40% toàn bộ chi phí quân sự của cả thế giới. Về chính trị, Mỹ đang duy trì được ảnh hưởng chính trị rất lớn tại hầu hết các khu vực, nhiều tổ chức quốc tế và nhiều quốc gia. Nghĩa là cho đến những năm đầu tiên của thế kỷ XXI, chưa có nước lớn nào có thể nổi lên thách thức vị thế siêu cường thế giới của Mỹ.

Tuy nhiên, dù chưa có nước nào mạnh bằng Mỹ, nhưng so với thời kỳ "chiến tranh lạnh", khoảng cách giữa các nước lớn đã thu hẹp hơn. Đáng kể nhất là Trung Quốc, một đất nước được ví là "con sư tử đang thức dậy và bắt đầu làm rung chuyển thế giới" (R. Nic-xơn). Quá trình cải cách mở cửa từ hơn 1/4 thế kỷ qua đã đem lại cho Trung Quốc một tầm vóc kinh tế, chính trị, quân sự đủ lớn đến mức không một chủ thể QHQT nào ở khu vực có thể bỏ qua trong tính toán chiến lược của mình. Về kinh tế, trong 26 năm kể từ năm 1978 đến năm 2004, GDP của Trung Quốc tăng từ 147,3 tỉ lên 1.649,4 tỉ USD, bình quân hàng năm tăng 9,4%; kim ngạch xuất nhập khẩu tăng từ 20,6 tỉ lên 1.154,8 tỉ USD; FDI thực hiện đến cuối năm 2004 đạt 562,1 tỉ USD; GDP 9 tháng đầu năm 2005 đạt 1289,7 tỉ USD⁽²⁾; dự trữ ngoại tệ đến cuối năm 2005 đạt mức kỷ lục là 818,9 tỉ USD, tăng 34,3 % so với năm 2004⁽³⁾. Về quân sự, Trung Quốc không ngừng hiện đại hóa lực lượng vũ trang. Mấy năm gần đây Trung Quốc liên tục tăng ngân sách quốc phòng (năm 2004 là 29 tỉ USD). Nước này hiện đang duy trì một đội quân thường trực lớn nhất thế giới với khoảng 2,5 triệu quân. Trung Quốc còn là nước có vũ khí hạt nhân ở mức đủ để kiểm chế mối đe dọa hạt nhân của đối phương trong điều kiện chiến tranh cục bộ. Về chính trị - ngoại giao, năm 1997 lần đầu tiên Trung Quốc tuyên bố: "Trung Quốc là nước lớn có trách nhiệm với cộng đồng quốc tế", cũng từ đó triển khai một chiến lược ngoại giao nước lớn, chủ động tham gia giải quyết các vấn đề của khu vực và thế giới. Quan hệ đối ngoại của Trung Quốc được gia tăng cả về bề rộng lẫn chiều sâu, đem lại nhiều thành công cho Trung Quốc.

Cường quốc tiếp theo trong cục diện "đa cường" là Nhật Bản với nền kinh tế sau 13 năm đình trệ vài ba năm trở lại đây đã và đang phục hồi theo hướng khá ổn định. Nhìn một cách tổng

thể, Nhật Bản là nước có tiềm lực kinh tế mạnh. Đây là nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, là một trong những nước đi đầu trong nhiều lĩnh vực khoa học - công nghệ mũi nhọn, là nước có dự trữ ngoại tệ lớn nhất (đến cuối năm 2005 đạt con số 846,9 tỉ USD), đồng thời là chủ nợ lớn nhất, nhà tài trợ ODA lớn nhất thế giới. Về quân sự - quốc phòng, những năm gần đây, Nhật Bản rất chú ý tăng cường sức mạnh lực lượng vũ trang, đặc biệt là lực lượng hải quân. Ngân sách quốc phòng của Nhật Bản kể từ năm 2002 đã vượt mức 1% GDP, tức là khoảng 50 tỉ USD/năm, chỉ đứng sau Mỹ và Nga. Chính phủ Nhật Bản đang thực thi đường lối từng bước biến Nhật Bản trở thành "một quốc gia bình thường", nghĩa là có quân đội như các nước khác.

Liên bang Nga, do suy thoái kinh tế kéo dài suốt thập niên 90 của thế kỷ trước mà sức mạnh quốc gia tổng hợp bị suy giảm nghiêm trọng. Nhưng do nước Nga sở hữu nguồn tài nguyên dầu khí vô cùng giàu có, là nước xuất khẩu dầu lớn thứ hai thế giới trong khi giá dầu thế giới những năm gần đây liên tục tăng cao, cộng với những điều chỉnh chính sách kinh tế đúng đắn đã làm nền kinh tế Nga hồi sinh khá ấn tượng, tăng trưởng GDP nhiều năm liền ở mức cao 6% - 7%, dự trữ ngoại tệ tính đến tháng 12-2005 đạt 169,1 tỉ USD⁽⁴⁾. Về chính trị, nước Nga dưới thời Tổng thống V. Pu-tin đã ra khỏi khủng hoảng, tạo dựng được cục diện chính trị nhìn chung ổn định. Ngoài ra, do Nga vẫn duy trì được sức mạnh quân sự - quốc phòng và phần nào ảnh hưởng chính trị kế thừa từ Liên Xô, cộng với vị thế Ủy viên Thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, nên vẫn là cường quốc quan trọng trên bàn cờ chính trị - an ninh quốc tế.

Cường quốc tiếp theo ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương là Ấn Độ. Mười lăm năm thực hiện chính sách cải cách kinh tế đã đem lại

(1) Thông tấn xã Việt Nam: *Tin tham khảo chủ nhật*, ngày 20-11-2005

(2) Báo *Hà Nội mới*, số ra ngày 2-11-2005, tr 8

(3) Báo *Quốc tế*, số 3, 1-2006

(4) Nguyễn Hồng Thu: "Kinh tế Nga tiếp tục hồi sinh", *Thời báo kinh tế Việt Nam*, Kinh tế 2005 - 2006, Việt Nam và thế giới, tr 104

những thành tựu vượt bậc cho nước này trên nhiều lĩnh vực, nhất là công nghiệp phần mềm máy tính. Các sản phẩm tin học của Ấn Độ chiếm tới 30% thị trường phần mềm của thế giới và Ấn Độ trở thành nước có phần mềm máy tính lớn thứ hai thế giới, chỉ đứng sau Mỹ. Từ năm 1991 đến nay, GDP của Ấn Độ tăng trưởng nhanh với mức bình quân hằng năm là 6,5%, riêng năm 2005 là 7,5%. Nhìn chung, những thành tựu kinh tế của Ấn Độ khá ngoạn mục. Kinh tế phát triển đã giúp Ấn Độ tăng cường sức mạnh quân sự, hiện Ấn Độ có một lực lượng vũ trang vào loại lớn và mạnh trên thế giới. Tất cả những nhân tố này cộng với sự điều chỉnh chính sách đối ngoại được dư luận quốc tế đánh giá là đúng hướng và hiệu quả đã giúp Ấn Độ gia tăng đáng kể vị thế quốc tế của mình.

2 - Cục diện quan hệ giữa các nước lớn châu Á - Thái Bình Dương thập niên đầu thế kỷ XXI

Nói về cục diện quan hệ giữa các nước lớn châu Á - Thái Bình Dương thập niên đầu của thế kỷ XXI, thì cách nhìn nhận "một siêu đa cường" đến nay vẫn chưa thay đổi. Vai trò, vị trí nổi trội của Mỹ thậm chí còn tiếp tục được duy trì ít nhất trong vài thập niên nữa. Nhận định này có cơ sở xuất phát từ việc xem xét, đánh giá thực trạng và xu hướng vận động của Mỹ và các nước lớn, nhỏ khác trong cộng đồng quốc tế. Ngoài ra, có một thực tế là chẳng những Mỹ muốn duy trì nguyên trạng cục diện "một siêu đa cường", mà các nước lớn khác, vì rất nhiều nguyên nhân khác nhau và vì những toan tính chiến lược của mình, cũng chưa muốn thay đổi ngay cục diện này.

Tuy nhiên, trong cục diện "một siêu đa cường" đó, các cặp quan hệ song phương, các tam giác, tứ giác vận động khá phức tạp, do mỗi nước luôn có sự điều chỉnh chính sách và các mối quan hệ sao cho phục vụ tốt nhất lợi ích quốc gia mình.

Quan hệ Mỹ - Nga có thể coi là một ví dụ điển hình cho những thăng trầm, nóng lạnh bất thường trong quan hệ giữa các nước lớn. Những năm đầu sau khi Liên Xô tan rã, quan hệ giữa hai đối thủ này dường như đã chuyển đổi về chất sang thời kỳ "trắng mặt". Nhưng thời kỳ "trắng mặt" trong quan hệ Mỹ - Nga đã chấm dứt nhanh hơn người ta tưởng. Nga dần dần nhận ra

những ảo tưởng trong việc có thể nhanh chóng thiết lập được quan hệ đồng minh hay đối tác chiến lược với Mỹ, nên bắt đầu điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng độc lập hơn, cân bằng hơn ở cả hai hướng: châu Âu - Đại Tây Dương và châu Á - Thái bình Dương, trong đó việc tăng cường quan hệ hợp tác toàn diện với các nước thuộc Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG) được coi là ưu tiên chiến lược đối ngoại số một. Sự điều chỉnh thực chất từ khi V. Pu-tin trở thành Tổng thống Nga năm 2000 và bắt đầu thực hiện một chính sách đối ngoại thực dụng (hiểu theo nghĩa chú trọng hiệu quả thực tế). Quan hệ Mỹ - Nga ngày càng thể hiện rõ tính chất vừa hợp tác, vừa cạnh tranh về lợi ích chính trị ở khu vực và va chạm về lợi ích toàn cầu. Tuy nhiên, những nỗ lực tìm kiếm cơ hội hợp tác cho đến nay vẫn là mặt khá nổi trội trong quan hệ Nga - Mỹ. "Sự kiện ngày 11-9" ở nước Mỹ và sự hợp tác giữa hai nước trong cuộc chiến chống khủng bố là một minh chứng cho việc tận dụng cơ hội để thúc đẩy hợp tác của hai nước lớn này. Đánh giá chính sách đối ngoại Nga sau 5 năm dưới thời Tổng thống Pu-tin, Bộ Ngoại giao Nga cho rằng "quan hệ của Nga với Mỹ đã trở nên ổn định và phát triển theo hướng tiến bộ"; "đã có sự chuyển động lên một trình độ mới về chất của quan hệ đối tác tin cậy lẫn nhau và cùng có lợi"⁽⁵⁾. Tuy nhiên, trên thực tế có thể thấy Mỹ chưa từ bỏ chính sách kiềm chế Nga, thu hẹp khu vực ảnh hưởng của Nga, trước hết tại SNG. Dư luận quốc tế có cơ sở khi cho rằng trong các cuộc "cách mạng sắc màu" diễn ra gần đây ở một số nước SNG có bàn tay đạo diễn, dàn dựng của Mỹ. Chẳng hạn, sau khi quan hệ Nga - U-crai-na xấu đi, người ta thấy một trong những nguyên nhân chủ yếu gây ra những bi kịch tương tự trong không gian hậu Xô viết bắt nguồn từ chính sách "xuất khẩu dân chủ" của Mỹ sang các nước SNG nhằm mục đích, *thứ nhất*, chuyển hóa các nước này vào "quỹ đạo dân chủ" phương Tây; *thứ hai*, cô lập nước Nga. Sự vận động của quan hệ Mỹ - Nga cho đến nay vẫn phản ánh khá điển hình tính chất vừa hợp tác, vừa cạnh tranh, kiềm chế lẫn nhau trong quan hệ giữa các nước lớn những

(5) <http://www.mid.ru>

năm đầu thế kỷ XXI. Nếu đường lối đối ngoại của Nga không thay đổi sau bầu cử Tổng thống năm 2008, thì có thể dự báo đặc điểm và tính chất quan hệ Mỹ - Nga sẽ ít thay đổi trong nửa sau của thập niên này.

Cặp quan hệ đang ngày càng thu hút nhiều hơn sự quan tâm theo dõi của cộng đồng quốc tế trong những năm gần đây là **quan hệ Mỹ - Trung**. Các học giả Trung Quốc cho rằng đây là cặp quan hệ song phương quan trọng nhất và cũng phức tạp nhất trong quan hệ giữa các nước lớn hiện nay. Cục diện vừa hợp tác chặt chẽ, vừa cạnh tranh quyết liệt trong quan hệ Mỹ - Trung thể hiện hầu như trên tất cả các lĩnh vực quan hệ song phương và trên trường quốc tế. Trong lĩnh vực kinh tế - thương mại; *một mặt*, Mỹ - Trung là những đối tác lớn hàng đầu của nhau với kim ngạch thương mại hai chiều hàng năm lên tới hàng trăm tỉ USD; *mặt khác*, luôn tồn tại tranh chấp, bất đồng giữa hai nước trong nhiều vấn đề, như quyền sở hữu trí tuệ, hàng giả, tỷ giá đồng nhân dân tệ,... Trong lĩnh vực chính trị - an ninh, văn hóa - xã hội; *một mặt*, như phát biểu của Chủ tịch Hồ Cẩm Đào trong cuộc gặp Tổng thống Mỹ G. Bu-sơ tại Bắc Kinh tháng 11-2005, hai nước Trung - Mỹ có lợi ích chung rộng rãi và cùng có trách nhiệm lớn lao trong các vấn đề như cải tổ Liên hợp quốc, giải quyết các điểm nóng, chống khủng bố, phòng chống thiên tai, dịch bệnh; *mặt khác*, giữa hai nước luôn tồn tại những bất đồng trong các vấn đề như đơn cực và đa cực, dân chủ và nhân quyền, vấn đề Đài Loan, Nhật Bản... Nhưng do hai nước hiện đang có những lợi ích chung rất lớn trong các lĩnh vực quan hệ song phương, trong mục tiêu kiểm chế các nước lớn, nhỏ khác, trong đối phó với các nguy cơ đe dọa an ninh quốc tế và khu vực, nhất là khi các nguy cơ đe dọa an ninh phi truyền thống đang gia tăng một cách đáng lo ngại những năm gần đây nên trong quan hệ hai nước trên thực tế đang gia tăng mặt hợp tác với nhau hơn so với mặt đấu tranh. Xu hướng này sẽ còn tiếp tục trong nhiều năm tới.

Cặp quan hệ thứ ba rất đáng chú ý là **quan hệ Nga - Trung**, mối quan hệ được dư luận quốc tế đánh giá là ngày càng khăng khít, bền chặt. Kể từ khi hai nước Nga - Trung ký *Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược* (năm 1994), quan hệ giữa hai nước đã được

nâng lên tầm cao mới về chất. Với việc hai nước ký Hiệp định láng giềng thân thiện, hữu nghị và hợp tác (ngày 16-7-2001), quan hệ đối tác chiến lược Nga - Trung ngày càng phát triển sâu rộng hơn. Bộ Ngoại giao Nga đánh giá "đây là thời kỳ tốt đẹp nhất trong lịch sử hơn 300 năm quan hệ đầy những thăng trầm, phức tạp"⁽⁶⁾. Cuộc tập trận chung của hai nước vào tháng 8-2005 là cuộc tập trận quy mô lớn chưa từng có trong lịch sử hơn 50 năm quan hệ Liên Xô/ Nga - Trung. Hợp tác Nga - Trung trên các lĩnh vực chính trị - đối ngoại, quân sự - an ninh không chỉ dừng lại ở cấp độ song phương mà còn được gia tăng trong các tổ chức quốc tế và khu vực, mà hợp tác trong Tổ chức hợp tác Thượng Hải (SCO) là một ví dụ điển hình. Trên thực tế, trước sự lấn lướt của Mỹ, cả Nga lẫn Trung Quốc đều cần đến nhau, đều cho rằng sự hợp tác chặt chẽ trên mọi bình diện của họ mang lại những lợi ích nhiều mặt cho cả đôi bên lẫn cho cộng đồng quốc tế. Trên lĩnh vực kinh tế - thương mại, từ năm 1999, kim ngạch thương mại hai chiều có sự gia tăng đáng kể, năm 2003 đạt mức gần 14 tỉ USD, năm 2004 lên tới 18 tỉ USD. Đặc biệt, mới đây Nga và Trung Quốc cũng đã đạt được những thỏa thuận rất quan trọng trong lĩnh vực dầu khí, và người ta hy vọng rằng hợp tác năng lượng giữa hai nước sẽ trở thành lực đẩy rất quan trọng cho sự hợp tác toàn diện, sâu sắc hơn của họ.

Tuy nhiên, trong quan hệ Nga - Trung cũng còn tồn tại một số vấn đề cản trở sự hợp tác của họ. Chẳng hạn, trong lĩnh vực kinh tế - thương mại, việc hàng tiêu dùng giá rẻ song chất lượng thấp của Trung Quốc tràn ngập thị trường Nga, cạnh tranh quyết liệt với hàng hóa Nga đã đặt các nhà sản xuất và kinh doanh Nga vốn hầu như chưa có khả năng cạnh tranh trên thương trường quốc tế lâm vào tình thế rất khó khăn. Ngoài ra, có thể thấy trên thực tế, nếu như sự hợp tác Nga - Trung trong lĩnh vực này, khía cạnh này tăng lên thì không hiếm khi lại đi liền với cạnh tranh, kiểm chế lẫn nhau trong lĩnh vực khác, khía cạnh khác, nghĩa là họ chưa có quan hệ đối tác chiến lược thực sự, theo đúng nghĩa của thuật ngữ này. Mặc dù vậy, vẫn có thể nói

(6) <http://www.mid.ru>

rằng cả hiện nay lẫn trong tương lai, mặt hợp tác trong quan hệ Nga - Trung nổi trội hơn.

Một cặp quan hệ nước lớn gần đây trở thành đề tài thu hút sự quan tâm sâu sắc của cộng đồng quốc tế vì những căng thẳng giữa họ là **quan hệ Nhật - Trung**. Thực ra, quan hệ giữa hai nước lớn này từ lâu đã luôn tồn tại hai mặt: vừa hợp tác vừa cạnh tranh, kiềm chế lẫn nhau. Mặt hợp tác thể hiện rõ hơn trong lĩnh vực kinh tế - thương mại. Nhật Bản luôn là bạn hàng lớn hàng đầu của Trung Quốc, kim ngạch thương mại hai chiều năm 2004 đạt 210 tỉ USD⁽⁷⁾. Mặt cạnh tranh, kiềm chế lẫn nhau của Nhật Bản và Trung Quốc thể hiện nổi bật trong lĩnh vực chính trị - đối ngoại, quân sự - quốc phòng. Giữa hai nước vẫn tồn tại sự nghi kỵ, còn lâu mới đạt đến mức hiểu biết lẫn nhau như trong quan hệ Nga - Trung. Những căng thẳng trong quan hệ Nhật - Trung xung quanh các sự kiện như việc thăm đến Y-a-su-ku-ni của Thủ tướng J. Côi-dư-mi, sách giáo khoa lịch sử của Nhật, tranh chấp trên biển Hoa Đông v.v... chỉ là bề nổi của tảng băng. Nếu Nhật Bản lo ngại sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc thành bá chủ khu vực, thì việc chính phủ Nhật Bản có xu hướng gia tăng sức mạnh quân sự bị Trung Quốc cáo buộc là nước này đang quân phiệt hóa, đe dọa an ninh của Trung Quốc. Đây cũng là nguyên cơ để Trung Quốc phản đối Nhật Bản trở thành Ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Ngoài ra, nhân tố Mỹ, chính sách của Mỹ, tính chất khác nhau của các quan hệ Mỹ - Trung, Mỹ - Nhật, Mỹ - Nhật - Đài Loan cũng là nhân tố tác động đáng kể đến quan hệ Nhật - Trung. Tóm lại, có nhiều nhân tố chủ quan và khách quan, bên trong và bên ngoài, lịch sử và hiện tại tạo nên tính chất phức tạp và bất ổn trong quan hệ Nhật - Trung. Vì những nhân tố này khó thay đổi trong tương lai gần, nên sự cải thiện về chất quan hệ Nhật - Trung không sớm diễn ra, thậm chí không loại trừ một kịch bản rất xấu cho mối quan hệ này, dù không nước nào trong khu vực mong muốn điều đó.

Cặp quan hệ nước lớn gần đây hầu như đã chuyển đổi về chất một cách bất ngờ là **quan hệ Mỹ - Ấn Độ**. Trong thập niên 90 của thế kỷ XX, quan hệ giữa hai nước từng trải qua những thăng trầm, nóng lạnh, nhưng băng giá nhất là sau khi Ấn Độ thử hạt nhân và trở thành nước có vũ khí hạt nhân năm 1998. Tuy vậy, "sự kiện ngày

11-9" và việc Ấn Độ ủng hộ tích cực cuộc chiến chống khủng bố của Mỹ đã tạo cơ hội, và trên thực tế đã làm ấm lại quan hệ Mỹ - Ấn trong những năm đầu thế kỷ XXI. Nhưng có thể thấy sự cải thiện quan hệ Mỹ - Ấn bắt nguồn từ những nguyên nhân sâu xa hơn. Một mặt, đó là việc giới cầm quyền Mỹ thay đổi nhận thức về vị thế, vai trò của Ấn Độ - nước được coi là "nền dân chủ lớn nhất thế giới" - trong chiến lược toàn cầu của Mỹ nói chung, chính sách kiềm chế Trung Quốc và Nga nói riêng. Mặt khác, về phía Ấn Độ, đó là những chính sách, những toan tính vừa mang tính chiến lược, vừa khá thực dụng khi thúc đẩy hợp tác toàn diện với Mỹ. Điều đáng chú ý là năm 2005 vừa qua đã đánh dấu mức độ hợp tác ở tầm cao mới của Ấn Độ với Nga và Trung Quốc bằng rất nhiều sự kiện: các chuyến thăm cấp cao lẫn nhau; sự tham gia của Ấn Độ vào SCO với tư cách quan sát viên; tổ chức các cuộc tập trận chung; ký kết các hợp đồng mua bán vũ khí, dầu mỏ,... Nghĩa là Ấn Độ vẫn duy trì và muốn thúc đẩy hợp tác cùng có lợi với hai nước này, nói cách khác, muốn thực hiện chính sách cân bằng trong quan hệ với cả Mỹ lẫn Trung Quốc và Nga. Nhưng việc Mỹ - Ấn ký *Hiệp định về quan hệ đối tác chiến lược* nhân chuyến thăm Ấn Độ của Tổng thống Mỹ hồi tháng 3-2006 đã được dư luận quốc tế đánh giá là sự chuyển biến về chất trong quan hệ của họ, và dường như Ấn Độ thấy rằng hợp tác với Mỹ có lợi hơn, nên đang nghiêng về Mỹ hơn. Tuy nhiên, hãy còn quá sớm để dự báo quan hệ Mỹ - Ấn sẽ có sự thay đổi về chất trong những năm tới.

Tóm lại, cục diện vừa hợp tác chặt chẽ vừa chế ước và cạnh tranh với nhau nhằm giành được lợi ích lớn nhất cho mình là đặc điểm xuyên suốt, mang tính bao trùm trong quan hệ giữa các cường quốc tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Tuy nhiên, tùy từng mối quan hệ cụ thể và từng thời điểm cụ thể, mặt hợp tác có thể lớn hơn mặt cạnh tranh hoặc ngược lại. Cộng đồng quốc tế hy vọng các cường quốc khu vực châu Á - Thái Bình Dương gia tăng hợp tác theo hướng góp phần tích cực hơn vào xu thế hòa bình, ổn định, thúc đẩy hợp tác cùng có lợi, cùng phát triển trong khu vực và trên thế giới. □

(7) Tạp chí *Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, số 3-2005, tr 75

Năm 2006 là năm đầu thực hiện kế hoạch 5 năm 2006 - 2010 và thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XV, là năm diễn ra Đại hội X của Đảng. Đảng bộ, quân và dân huyện Triệu Sơn nỗ lực phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ trọng tâm sau:

Tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, tận dụng thời cơ, vượt qua mọi khó khăn, thách thức; khai thác và sử dụng có hiệu quả mọi tiềm năng và nguồn lực, cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút đầu tư phát triển của mọi thành phần kinh tế. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ KH-KT và công nghệ, tạo bước đột phá về chất lượng và hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ. Đảm bảo tăng trưởng kinh tế với tốc độ nhanh hơn, bền hơn, gắn với củng cố quốc phòng - an ninh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân thật sự trong sạch vững mạnh.

HUYỆN TRIỆU SƠN



Bí thư: BUI THANH KIÊN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU:

- * Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm trên 13%; bình quân đầu người đạt 850 USD trở lên.
- * Cơ cấu kinh tế trong GDP đến năm 2010 là: nông nghiệp 32%, công nghiệp và xây dựng 35%, dịch vụ 33%.
- * Tổng giá trị hàng hóa tham gia xuất khẩu đạt 5,0 - 5,5 triệu USD.
- * Tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm: 1.400 - 1.500 tỉ đồng.
- * Giữ vững chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở; đạt chuẩn phổ cập trung học phổ thông; 50% số trường ở các cấp đạt chuẩn quốc gia.
- * 100% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế.
- * trên 90% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch.
- * 40%-50% số xã khai trương xây dựng xã văn hóa.
- * Giải quyết việc làm 5 năm cho 9.000 lao động.
- * Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn mới) đến năm 2010 còn dưới 20%.
- * 100% cơ sở ổn định chính trị, 80% tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh. Đảng bộ huyện đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh.

CÁC CHƯƠNG TRÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TRỌNG TÂM:

- * Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, trọng tâm là xây dựng cánh đồng 50 triệu đồng/héc - ta/năm, hộ có thu nhập 50 triệu đồng/năm và phát triển chăn nuôi bò thịt, bò sữa.
- * Chương trình phát triển đường giao thông nông thôn.
- * Chương trình phát triển thị trấn, các tụ điểm kinh tế, làng nghề, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.
- * Chương trình giải quyết việc làm xóa đói giảm nghèo.
- * Chương trình xây dựng đời sống văn hóa, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài và chăm sóc sức khỏe nhân dân.



VIỆN SỐT RÉT - KÝ SINH TRÙNG- CÔN TRÙNG QUY NHƠN

Institute malariology, palasitology and entomology Quy Nhon

611B Nguyễn Thái Học, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056 846 571 * Fax: 056 846 755

Email: vsrkstctqn@dng.vnn.vn, trieutung@dng.vnn.vn

Website: <http://www.impe-qn.org.vn>



VIỆN TRƯỞNG
TS. TRIỆU NGUYÊN TRUNG

MỘT SỐ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN VIỆN

Viện Sốt rét ký sinh trùng- côn trùng Quy Nhơn là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Y tế và được sắp xếp lại theo Quyết định số 230/ 1998/QĐ- TTg ngày 30/11/1998 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 49/2003/NĐ- CP ngày 15/5/2003 của Chính phủ. Viện có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo chuyên khoa về phòng chống sốt rét, các bệnh ký sinh trùng và côn trùng truyền bệnh trong phạm vi khu vực miền Trung- Tây Nguyên với 15 tỉnh, 140 huyện, thị; 1.930 xã, phường; diện tích 100.566 km²; dân số 15.098.762 người.

Qua 28 năm hoạt động (1977- 2005), Viện đã quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của đơn vị, triển khai các dịch vụ khoa học kỹ thuật, phát triển các dự án trong nước và quốc tế; tiếp nhận quản lý và phân phối kinh phí, thuốc, hóa chất, trang thiết bị y tế đến các địa phương. Viện đã mở rộng hợp tác quốc tế như Dự án PCSR Việt - Ô-xtrây-li-a, Dự án PCSR Việt Nam- EC, MCNV (Hà Lan), Trường đại học Trung y được Quảng Châu (Trung Quốc), hợp tác với Tổ chức Y tế thế giới. Hiện nay, Viện đang tham gia thực hiện Dự án PCSR QTV do WHO tài trợ trên địa bàn 13/15 tỉnh thuộc khu vực miền Trung- Tây Nguyên. Thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, cấp bộ, cấp cơ sở và đề tài hợp tác quốc tế. Viện đã phối hợp với Trường đại học Y Hà Nội đào tạo thạc sĩ chuyên ngành. Đào tạo kỹ thuật viên trung học, đào tạo lại và đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý và cán bộ chuyên môn kỹ thuật chuyên ngành sốt rét, ký sinh trùng và côn trùng truyền bệnh cho các tuyến.

Kết quả hoạt động của tổ chức đảng và các đoàn thể: Từ một chi bộ có 16 đảng viên, đến nay Viện đã có Đảng bộ gồm 37 đảng viên (bao gồm 3 chi bộ trực thuộc) chiếm 34,25% so với tổng số cán bộ công chức. Đảng bộ luôn đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch, vững mạnh nhiều năm liền. Công tác công đoàn luôn được quan tâm đúng mức, vai trò của các đoàn thể thanh niên và phụ nữ cũng được phát huy.

Hoạt động của Viện Sốt rét KST- CT Quy Nhơn đã góp phần quyết định làm giảm bệnh nhân sốt rét và không để xảy ra dịch sốt rét trên địa bàn khu vực. Viện và các khoa chuyên môn đã vinh dự đón nhận nhiều phần thưởng cao quý của nhà nước như Huân chương Lao động hạng Ba, hạng Hai, hạng Nhất; Huân chương Độc lập hạng Ba; Cờ thi đua của Chính phủ, Bộ Y tế; Bằng khen của Chính phủ, bộ, ngành cấp trên; nhiều bác sĩ của Viện được phong tặng danh hiệu Thầy thuốc Nhân dân, Thầy thuốc ưu tú và chiến sĩ thi đua toàn quốc, Huy chương vì sức khỏe nhân dân. Hiện nay, Viện sốt rét KST- CT Quy Nhơn có Hội đồng khoa học, 5 phòng chức năng, 6 khoa chuyên môn và 02 đơn vị cấu thành, 20 tổ chuyên môn với các phương tiện nghiên cứu đồng bộ và đang quy hoạch phát triển Viện thành trung tâm nghiên cứu khoa học kỹ thuật của khu vực miền Trung- Tây Nguyên về lĩnh vực sốt rét, ký sinh trùng và côn trùng truyền bệnh.

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn được thành lập theo:

- Quyết định số 24/2005/QĐ-TTg ngày 26.01.2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

- Quyết định số 85/2005/QĐ-UB ngày 24.05.2005 của Chủ tịch UBND TP.HCM thành lập Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, kinh doanh đa ngành, trong đó ngành chính là sản xuất, cung ứng nước sạch và các sản phẩm, dịch vụ khác về ngành nước để làm nòng cốt trong việc thực hiện quy hoạch phát triển ngành cấp nước trên địa bàn thành phố và các vùng lân cận.

1. Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn (Công ty mẹ) tên giao dịch tiếng Anh : SAIGON WATER CORPORATION, tên viết tắt: SAWACO là doanh nghiệp Nhà nước, được hình thành trên cơ sở tổ chức lại Công ty cấp nước TP.HCM trực thuộc Sở GTCC.

Trụ sở chính: số 01, Công trường quốc tế, quận 3, TP.HCM
ĐT: 8 291 777 - 8 291 974 - 8 231 090 *Fax: 8 241 644

2. Các đơn vị kinh tế hạch toán phụ thuộc Tổng công ty bao gồm:

- Nhà máy nước Thủ Đức;
- Nhà máy nước Tân Hiệp;
- Xí nghiệp Cấp nước Trung An
- Chi nhánh Cấp nước Tân Hoà;

3. Các doanh nghiệp nhà nước chuyển sang Công ty TNHH một thành viên do Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (Công ty mẹ) đầu tư 100% vốn điều lệ:

- Công ty khai thác và xử lý nước ngầm thành phố;
- Công ty công trình giao thông công chính;

4. Các đơn vị kinh tế hạch toán phụ thuộc Công ty Cấp nước TP chuyển sang Công ty cổ phần, trong đó Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (Công ty mẹ) giữ cổ phần chi phối trên 50% vốn điều lệ, gồm:

- Công ty cổ phần Cấp nước Thủ Đức - Biên Hoà;
- Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè;
- Công ty cổ phần Cấp nước Gia Định;
- Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành;
- Công ty cổ phần Cấp nước Chợ Lớn;
- Công ty cổ phần Cấp nước Phú Hoà Tân;
- Công ty cổ phần Cơ khí Công trình cấp nước;
- Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng cấp nước;

5. Doanh nghiệp nhà nước chuyển thành Công ty cổ phần, trong đó Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (Công ty mẹ) có vốn góp không chi phối:

- Công ty Tư vấn xây dựng Công trình giao thông công chính;

6. Tổng số vốn của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn tại thời điểm ngày 31.12.2002 là 2.102.362.613 đồng.

7. Ngành nghề kinh doanh:

- + Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước và khai thác, sản xuất, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất - kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ khác về ngành nước;
- + Sản xuất - kinh doanh vật tư, phụ tùng ngành cấp nước, thoát nước và các loại vật liệu xây dựng khác;
- + Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cấu kiện bê tông, ống nước bê tông dự ứng lực, ống nhựa lõi thủy tinh sợi phục vụ cho các công trình cấp thoát nước và các công trình chuyên ngành giao thông công chính;
- + Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, công nghệ ngành cấp nước, thoát nước;
- + Tổ chức đào tạo các lĩnh vực liên quan đến ngành nước;
- + Thực hiện chức năng tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, thoát nước; công trình dân dụng - công nghiệp và các công trình xây dựng chuyên ngành giao thông công chính;
- + Khảo sát, thiết kế, lập dự án, thẩm định thiết kế và giám sát thi công các công trình cấp nước, thoát nước, dân dụng - công nghiệp;
- + Tổng thầu xây dựng các công trình cấp nước, thoát nước, các công trình duy tu, sửa chữa và xây dựng cầu, đường bộ, bến bãi, cảng sông, cảng biển, bờ kè, san lấp mặt bằng, nạo vét sông - kênh rạch, các công trình chiếu sáng công cộng, tái lập môi trường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và công trình khác;
- + Đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác;



CÔNG TY CAO-SU ĐỒNG NAI

DONG NAI RUBBER COMPANY (DONARUCO)

Địa chỉ: Xã Xuân Lập - thị xã Long Khánh - tỉnh Đồng Nai * Điện thoại: 061 724 444 * Fax: 061 724 123

E-mail: donaruco@hcm.vnn.vn * **Website:** www.donaruco.com

Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh: 39 Bến Vân Đồn - quận 4 - TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08 9 400 345 * **Fax:** 08 9 400 874



Giải thưởng chất lượng
của Hiệp hội cao-su thế giới
tặng sản phẩm cao-su Đồng Nai



Khai thác mủ cao-su



Vườn cao-su giống

LĨNH VỰC SẢN XUẤT KINH DOANH

- + Trồng và khai thác cao-su thiên nhiên.
- + Thương nghiệp bán buôn.
- + Sản xuất các sản phẩm bằng hạt PE.
- + Sản xuất các sản phẩm bằng nguyên liệu cao-su.
- + Xây dựng kết cấu hạ tầng, cụm dân cư, kinh doanh địa ốc.
- + Xây dựng dân dụng, công nghiệp và giao thông.
- + Xây lắp thủy lợi.
- + Chế biến các loại đá xây dựng.
- + Sản xuất bao bì và sản phẩm mộc gia dụng
- + Dịch vụ vận tải hàng hóa.
- + Chế tạo, gia công sửa chữa thiết bị và sản phẩm cơ khí.
- + Thiết kế thi công hệ thống điện sinh hoạt và công nghiệp.

Công ty Cao-su Đồng Nai sẵn sàng liên doanh hợp tác thương mại với tất cả các thành phần kinh tế trong và ngoài nước trên các lĩnh vực: Tiêu thụ sản phẩm cao-su; sản xuất hàng hóa từ nguyên liệu cao-su; hợp tác khoa học - kỹ thuật về cao-su và các lĩnh vực thuộc ngành nghề kinh doanh.



Văn phòng Công ty



HỢP TÁC XÃ RẠCH GẦM

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

Địa chỉ: 02 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - thành phố Mỹ Tho - tỉnh Tiền Giang

Điện thoại: 073.873 342 - 878 027 * Fax: 073.873 361



*H*ợp tác xã Rạch Gầm là một đơn vị kinh tế tập thể có quy mô, lớn cả về vốn, sản phẩm và thị trường. Hợp tác xã có 16 ngành nghề kinh doanh đang đứng hàng đầu trong các đơn vị hợp tác xã vận tải đường sông của cả nước.

Hợp tác xã luôn tích cực tham gia các hoạt động xã hội. Đến nay đã đóng góp xây dựng 15 nhà tình nghĩa, 8 nhà tình thương, nuôi dưỡng suốt đời hai Mẹ Việt Nam Anh hùng và đóng góp hàng tỉ đồng cho các quỹ cứu trợ, bảo trợ xã hội, giúp đỡ đồng bào gặp thiên tai...

- Hợp tác xã Rạch Gầm đã vinh dự được tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba, và cùng nhiều phần thưởng cao quý khác.

- Năm 2005, Hợp tác xã đã vinh dự được nhà nước phong tặng danh hiệu **Anh hùng Lao động**



ÔNG TRẦN ĐỖ LIÊM

Trưởng BQT - Chủ nhiệm HTX Rạch Gầm

NĂNG LỰC SẢN XUẤT - KINH DOANH:

- Hợp tác xã đang sở hữu 242 sà lan tàu thuyền với tổng tải trọng 54.000 tấn.
- Hệ thống cung cấp xăng dầu gồm: một tổng kho có sức chứa gần triệu lít, chín trạm xăng dầu bán lẻ.
- Thi công các công trình xây dựng cầu cống, đường bê tông nhựa, kênh mương thủy lợi...
- Xưởng cơ khí đóng và sửa chữa tàu, xà lan tới 600 tấn.
- Phân xưởng sản xuất phân bón.
- Dịch vụ xe ô tô tải và xe ô tô khách, du lịch.
- Hệ thống các cửa hàng kinh doanh dịch vụ, đại lý...



CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT TỈNH ĐẮK NÔNG

Địa chỉ: 46 Lý Thường Kiệt - thị xã Gia Nghĩa - tỉnh Đắk Nông

Điện thoại: (050) 544 832 - 544 831 Fax: 544 835

CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT ĐẮK NÔNG

Kính chào Quý khách!

➤ Công ty Xổ số Kiến thiết tỉnh Đắk Nông là một doanh nghiệp mới thành lập, thương hiệu về Đắk Nông còn mới mẻ, tuy có nhiều khó khăn nhưng cũng đầy triển vọng. Kính mong Quý khách hãy đến và ủng hộ Xổ số Kiến thiết tỉnh Đắk Nông.

➤ Công ty Xổ số Kiến thiết tỉnh Đắk Nông phát hành đồng thời **VÉ XỔ SỐ KIẾN THIẾT, VÉ XỔ SỐ BÓC, VÉ XỔ SỐ CÀO, VÉ XỔ SỐ LÔ TÔ** của tỉnh Đắk Nông.

➤ Thứ Bảy *nhớ mua vé Xổ số kiến thiết tỉnh Đắk Nông*, Quý khách sẽ có cơ hội trở thành tỷ phú nhanh nhất.

Chúc Quý Khách May Mắn!

VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI CÁC TỈNH:

Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Ninh Thuận, Phú Yên, Khánh Hòa, Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk



Xổ số Kiến thiết ích nước, lợi nhà

TRƯỜNG DẠY NGHỀ CAO BẮNG

ĐỊA CHỈ: KM 4 PHƯỜNG SÔNG HIẾN- THỊ XÃ CAO BẮNG- TỈNH CAO BẮNG

ĐIỆN THOẠI: 84 26 850 710 *FAX: 84 26 850 621

HIỆU TRƯỞNG: ĐÀM ĐÌNH LỢI



Lớp học ngắn hạn nghề tin học văn phòng trình độ A. Địa điểm mở tại Sở Công an tỉnh Cao Bằng



Quyết định thành lập: Số 1426/ QĐ- TC- UB ngày 22/08/2002 của UBND tỉnh Cao Bằng. Chính thức hoạt động từ tháng 10/2003

CÁC NGÀNH NGHỀ ĐƯỢC PHÉP ĐÀO TẠO:

Đào tạo chính quy, dài hạn (công nhân kỹ thuật bậc 3/7): Kỹ thuật điện tử; Sửa chữa ô tô xe máy và thiết bị cơ khí; Nguội và lắp ráp cơ khí; Vận hành máy thi công; Điều khiển phương tiện vận tải đường bộ; Công nghệ điện hóa, Xây dựng dân dụng; Sản xuất chế biến gỗ, lương thực, thực phẩm; sản xuất hàng dệt may; Kỹ thuật cắt gọt kim loại; Thư ký nghiệp vụ văn phòng, khách sạn nhà hàng; Kỹ thuật máy tính; Tin học ứng dụng
Đào tạo ngắn hạn: Tin học, ngoại ngữ, lái xe ô-tô và một số nghề cho nông dân như: Kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi; Kỹ thuật thú y; Xây dựng dân dụng; Vận hành sửa chữa máy nông nghiệp.

QUY MÔ ĐÀO TẠO HÀNG NĂM:

- * Dài hạn: lưu lượng học sinh từ 1000- 1200 học sinh/ năm
- * Ngắn hạn: Từ 3500- 4000 học sinh/ năm.

LƯU LƯỢNG HỌC SINH ĐÀO TẠO TRONG 2 NĂM 2004 VÀ 2005

- * Năm 2004: Hệ dài hạn: 250 học sinh hệ ngắn hạn: 1140
- * Năm 2005: Hệ dài hạn: 340 học sinh hệ ngắn hạn: 4300

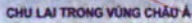
Dự án đầu tư xây dựng trường: 121 tỉ đồng (trong đó: xây lắp 38 tỉ, thiết bị dạy học 61 tỉ) đã được UBND tỉnh phê duyệt tháng 9/2005 hiện nay đang triển khai, dự kiến phần xây lắp hoàn thành vào năm 2008. Riêng phần thiết bị dạy học đang lập dự án kêu gọi đầu tư.

**RẤT MONG NHẬN ĐƯỢC SỰ ĐẦU TƯ, GIÚP ĐỠ CỦA CÁC CẤP,
CÁC NGÀNH VÀ SỰ HỢP TÁC CỦA CÁC ĐƠN VỊ BẠN ĐỂ CÙNG
PHÁT TRIỂN.**



Tỉnh Quảng Nam-Việt Nam, WWW.chulai.gov.vn

Tỉnh Quảng Nam-Việt Nam, WWW.chulai.gov.vn



CHU LẠI TRONG VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM MIỀN TRUNG

CHU LAI NÂM Ở PHÍA NAM
TỈNH QUẢNG NAM - VIỆT NAM



**1. CHU LAI CÓ MỘT VỊ TRÍ ĐỊA LÝ KHẢ THUAN LỢI,
Nằm ở trung tâm của Việt Nam và khu vực
Đông Nam Á.**

**1. CHU LAI CÓ MỘT VỊ TRÍ ĐỊA LÝ KHẢ THUAN LỢI,
Nằm ở trung tâm của Việt Nam và khu vực
Đông Nam Á.**

2. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỚI CƠ CHẾ MỘT CỬA NHANH CHÓNG VÀ HIỆU QUẢ.

3. CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT VỀ THUẾ, ĐẤT ĐAI VÀ QUYỀN KINH DOANH RẤT HẤP DẪN.

4. CƠ SỞ HẠ TẦNG HOÀN THIỆN; MẶT BẰNG RỘNG RÃI, GẦN QUỐC LỘ 1A, CẢNG BIỂN VÀ SÂN BAY.

5. NGUỒN LAO ĐỘNG DỒI DÀO, TÍNH KỸ LUẬT CAO VÀ MỨC LƯƠNG HỢP LÝ.

KHU ĐỀN THÁP CÔ MỸ SƠN



ĐỒ THỊ CỘNG HỢI AN



CẢNG BIÊN KỲ HÀ 20.000 DWT

SÂN BAY CHU LAI

CHẾ BIẾN HẢI SẢN



LẬP RÁP Ô TÔ



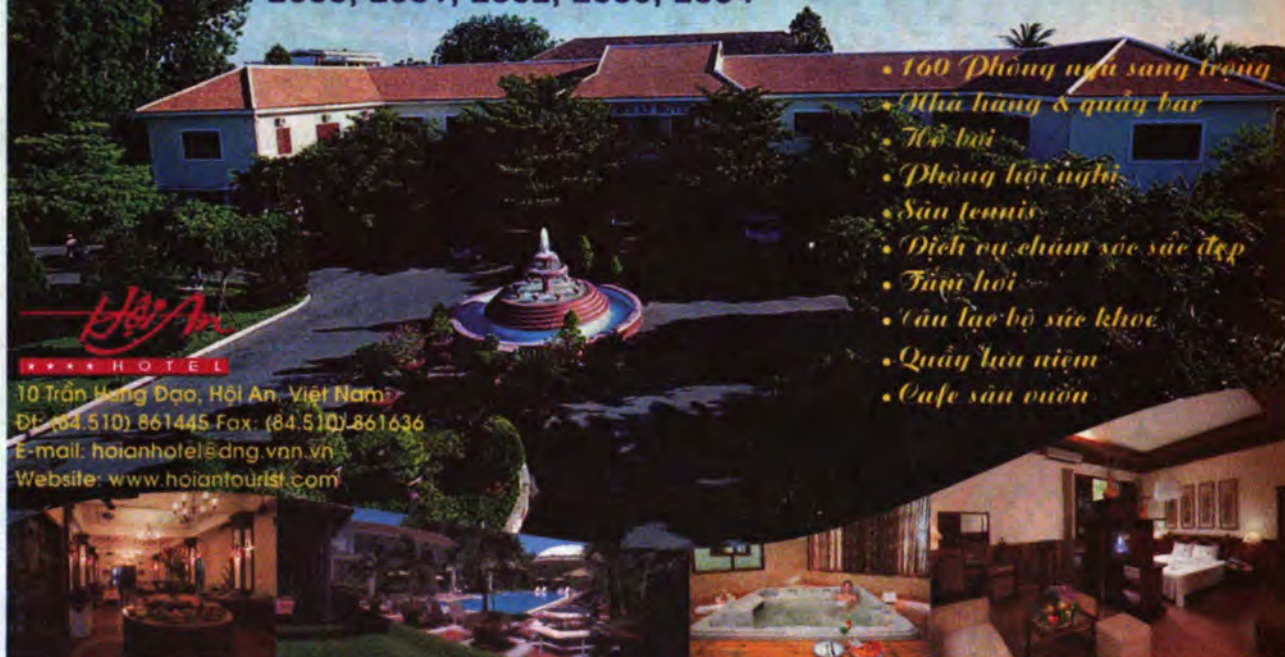
MAY MÀC



QL 1A XUYÊN VIỆT

Hospitality from the heart of an Ancient town

TOP TEN HOTEL
2000, 2001, 2002, 2003, 2004



- 160 Phòng ngủ sang trọng
- Nhà hàng & quầy bar
- Hồ bơi
- Phòng hội nghị
- Sân tennis
- Dịch vụ chăm sóc sức đẹp
- Tắm hơi
- Câu lạc bộ sức khỏe
- Quầy lưu niệm
- Cafe sân vườn

Hoi An
HOTEL
10 Trần Hưng Đạo, Hội An - Việt Nam
ĐT: (84.510) 861445 Fax: (84.510) 861636
E-mail: hoianhotel@dnng.vn.vn
Website: www.hoiantourist.com

KHU DU LỊCH SINH THÁI NGHỈ DƯỠNG NHNo&PTNT VIỆT NAM TẠI HỘI AN HOI AN BEACH RESORT OF AGRIBANK

Địa chỉ: Thôn Tân Thịnh - phường Cẩm An - thị xã Hội An - Quảng Nam * Điện thoại: (0510) 927 729 - 927 739 * Fax: (0510) 927 769

- ☆ Nằm trên bờ biển Cửa Đại, Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng NHNo&PTNT Việt Nam tại Hội An cách khu phố cổ Hội An 5km, Khu đến tháp Mỹ Sơn 48km, Ngũ Hành Sơn (Non Nước) 20km và thành phố Đà Nẵng 30km. Đây là vị trí trung tâm thuận lợi cho du khách tham quan các địa danh lịch sử-văn hoá, các danh lam thắng cảnh của vùng đất Quảng Nam và Đà Nẵng.
- ☆ Hoi An Beach Resort of Agribank là điểm dừng chân lý tưởng cho du khách, với các phòng nghỉ hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc tế và các dịch vụ hỗ trợ như: Hội trường có sức chứa 300 chỗ ngồi bảo đảm tổ chức thành công các cuộc hội nghị, hội thảo; điện thoại quốc tế; Internet tốc độ cao; truyền hình vệ tinh; đặt chỗ máy bay, tàu lửa, taxi; thu đổi séc du lịch, gia hạn Visa; dịch vụ chăm sóc sức đẹp, hồ bơi, sân tennis, nhà hàng...
- ☆ Đội ngũ nhân viên trẻ, đẹp, nhiệt tình và giàu kinh nghiệm, phục vụ tận tình chu đáo mọi nhu cầu của quý khách.
- ☆ Tất cả mang lại sự hấp dẫn đáng nhớ với kỳ nghỉ ngơi thoải mái của quý khách.



Nhà nghỉ Hội An

Sự hài lòng và mãn nguyện của du khách là sự thành công của
Hoi An Beach Resort of Agribank!



Ban Chấp hành
Đảng bộ huyện
khóa VIII (2005-2010)



Bí thư huyện ủy:
ĐÀO HỒNG THỊNH

M'drăk là huyện cửa ngõ phía đông của tỉnh Đắk Lắk, diện tích tự nhiên là trên 134.000 ha, có địa giới hành chính giáp với các huyện Ninh Hoà và Khánh Vĩnh của tỉnh Thanh Hoá, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. Toàn huyện có 11 xã và 1 thị trấn, 167 thôn, buôn, tổ dân phố. Dân số 59.190 người, gồm 17 dân tộc anh em cùng sinh sống, trong đó dân tộc thiểu số chiếm 36%. Đời sống kinh tế, xã hội của đồng bào còn khó khăn nhưng tỷ lệ hộ nghèo đã giảm hàng năm.



Huyện M'DRĂK

Trong 5 năm qua, vượt qua nhiều khó khăn thử thách Đảng bộ huyện với tinh thần trách nhiệm cao đã lãnh đạo đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện đạt được những thành tựu quan trọng trên các mặt như sau:

1. Về kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế: đạt khá cao 12,45%/năm, tổng giá trị sản xuất đạt 352 tỉ đồng (năm 2005), cơ cấu kinh tế chuyển dịch từng bước theo hướng tích cực, cơ cấu kinh tế: NLN 60,4%, CN- XD 18,6%, TM- DV 21%.

Về ngân sách - tín dụng: thu ngân sách trên địa bàn năm 2005 đạt 8,23 tỉ đồng, tăng bình quân 18,8%. Tổng dư nợ cuối kỳ 59,8 tỉ đồng.

Các thành phần kinh tế phát triển đã góp phần giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động với thu nhập ổn định.

2. Về văn hoá - xã hội:

Giáo dục: hiện có 34 đơn vị trường học, tăng 4 trường so với chỉ tiêu NQĐH. Hằng năm duy trì công tác xóa mù chữ và hoàn thành công tác phổ cập giáo dục tiểu học, có 4/12 xã được công nhận hoàn thành giáo dục trung học cơ sở, 1 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 1.

Y tế: trong một số năm gần đây đã cơ bản đẩy lùi và điều trị có hiệu quả đối với các bệnh xã hội như: sốt rét, phong, lao, tâm thần, bừa cổ... Trung tâm y tế huyện được Nhà nước trao tặng Huân chương Lao động hạng Ba năm 2006.

Thực hiện các chính sách xã hội: đã giải quyết chính sách 3560 trường hợp, xây dựng

14 ngôi nhà tặng Mẹ Việt Nam anh hùng. Công tác xóa đói giảm nghèo được quan tâm, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 32,3% đầu nhiệm kỳ đến nay còn 12,82%.

Công tác tôn giáo, dân tộc: đồng bào dân tộc được quan tâm, chăm lo đời sống vật chất tinh thần bằng nhiều chương trình, dự án đầu tư xây dựng để tăng trưởng kinh tế, phát triển văn hóa góp phần cải thiện đáng kể đời sống của đồng bào.

3. Về an ninh - quốc phòng: chủ động phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn, tham gia đấu tranh bóc gỡ cơ sở của Fulro, góp phần giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn.

4. Kết quả xây dựng hệ thống chính trị:

Tiếp tục công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đảng bộ, bảo đảm định hướng lãnh đạo của các tổ chức đảng, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của đội ngũ cán bộ đảng viên. Năm 2004 số tổ chức cơ sở đảng TSVM đạt 58,33%, năm 2005 đạt 62,8%. Tổng số đảng viên: 1.282 đồng chí, hằng năm kết nạp 73 quần chúng ưu tú vào Đảng, đạt 104%.

Thực hiện tốt chủ trương đào tạo và sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số, đã có 105 cán bộ dân tộc thiểu số.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng luôn được quan tâm, đã bồi dưỡng và chuẩn hóa kiến thức chuyên môn cho 289 đồng chí, tập huấn nghiệp vụ cán bộ cơ sở 1.661 cho đồng chí.



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN NÂM CHIẾN

ĐỊA CHỈ: XÃ NÂM PÂM, HUYỆN MUỐNG LA, TỈNH SƠN LA. ĐT: 022.830 615 * FAX: 022.830 471

VĂN PHÒNG TẠI HÀ NỘI: PHÒNG 304 - KHU B, NHÀ GIÓ, THANH XUÂN NAM, QUẬN THANH XUÂN, TP. HÀ NỘI

Năm 2005 công tác thi công trên công trường thủy điện Nâm Chiến gặp rất nhiều khó khăn do khí hậu thời tiết khắc nghiệt, địa hình thi công phức tạp ảnh hưởng rất lớn tới tiến độ thi công, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban giám đốc Công ty, công tác thi công xây dựng thủy điện Nâm Chiến và công tác xây dựng Đảng trong năm qua đã đạt được kết quả to lớn tạo tiền đề phát triển cho những năm tiếp theo.

GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG NĂM 2005:

- ❖ Kế hoạch năm 2005: 180,235 tỉ đồng.
- ❖ Thực hiện năm 2005: 182,370 tỉ đồng.

CÔNG TÁC ĐẢNG:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tổng công ty Sông Đà lần thứ IX, Đảng bộ và các chi bộ trực thuộc các tổ chức triển khai học tập Nghị quyết gắn với sinh hoạt chi bộ.

Các chi bộ thuộc Đảng bộ Công ty đã xây dựng được chương trình hành động cụ thể công tác cũng như sinh hoạt, làm cho mỗi đảng viên nâng cao nhận thức chính trị, quan điểm, lập trường tư tưởng, tin tưởng vào đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước. Thực hiện nghiêm túc chỉ thị, nghị quyết của Đảng ủy tổng Công ty, Đảng ủy Công ty, gắn liền với nhiệm vụ sản xuất xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh.

CÔNG TÁC QUẢN CHỨNG:

Tổ chức công đoàn: Đã tích cực tham gia quản lý, kiểm tra giám sát thực hiện quy chế dân chủ ở đơn vị, duy trì thường xuyên các phong trào thi đua, phong trào văn hóa thể thao đạt kết quả cao. Năm qua đã tham gia hội diễn văn nghệ quần chúng khu vực Tây Bắc do Tổng Công ty Sông Đà tổ chức và đã giành được giải thưởng, tham gia giải cầu lông do Công đoàn Sơn La tổ chức...

Tổ chức đoàn thanh niên: đã đi vào hoạt động có chiều sâu, xây dựng tốt các phong trào thanh niên như tham gia các cuộc thi tìm hiểu về Đảng, Bác Hồ, Đất nước Việt Nam qua các hình thức thi viết, tham gia hội diễn văn nghệ giao lưu văn hóa thể thao với các đơn vị thi công trên công trường với đơn vị, địa phương. Với 34 đoàn viên tuổi đời còn trẻ chi đoàn Công ty Nâm Chiến dưới sự chỉ đạo của Đảng ủy, Ban giám đốc công ty và lòng nhiệt tình tuổi trẻ phong trào thi đua lao động sản xuất trên công trường đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, các đoàn viên thanh niên đã hoàn thành tốt các công việc được giao.

CHÍNH SÁCH NHÂN LỰC:

Chính sách nhân lực luôn xuất phát từ yêu cầu hoạt động, theo định hướng đổi mới và phát triển sản xuất, kinh doanh của Công ty, thực hiện mục tiêu vì con người và sự tiến bộ xã hội làm động lực phát triển. Luôn đảm bảo thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trách nhiệm của từng cá nhân từ các cấp lãnh đạo, quản lý, điều hành cho đến cán bộ công nhân viên trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

THÀNH TÍCH DANH HIỆU: CBCNV công ty không ngừng phấn đấu

và đã đạt được các danh hiệu:

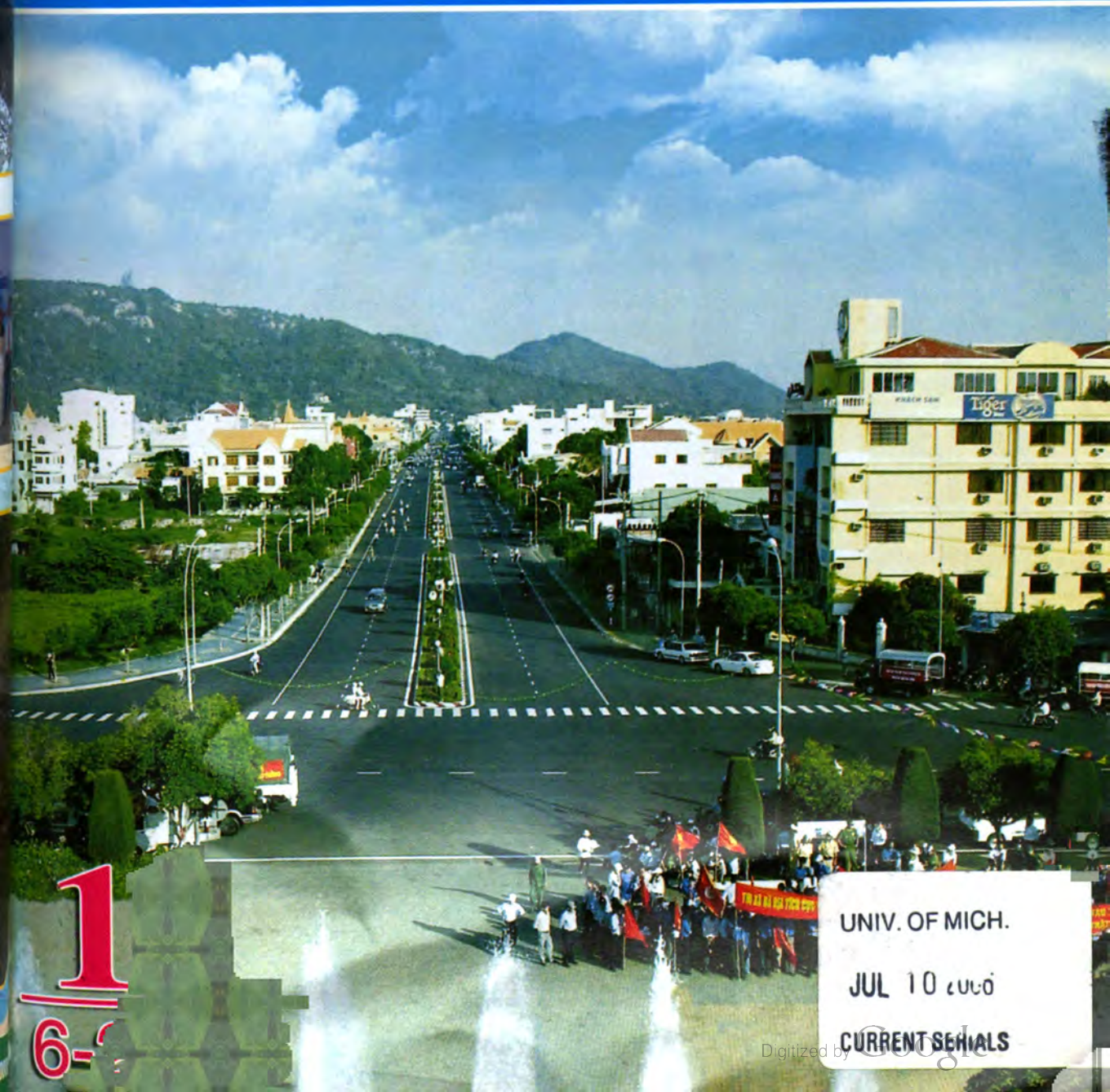
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Xây dựng.
- Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ngành, cơ sở và nhiều giấy khen khác.



X
H68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.

JUL 10 2000

CURRENT SERIALS

Digitized by Google

CỤM CẢNG HÀNG KHÔNG MIỀN NAM

Địa chỉ: Cảng Hàng không Quốc tế Tân Sơn Nhất- TP. Hồ Chí Minh * Điện thoại 08.8 48 53 58

Trong những năm qua, Đảng bộ cụm cảng Hàng không Miền Nam đã không ngừng phát huy sức mạnh lãnh đạo trên mọi hoạt động của cụm cảng, bám sát nhiệm vụ chính trị; dự đoán đúng tình hình, chủ động đề ra nhiều biện pháp triển khai thực hiện; lãnh đạo và tổ chức đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế, xã hội của các địa phương trên địa bàn Cụm cảng Hàng không Miền Nam hoạt động. Hoàn thành vượt mức các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong nhiệm kỳ: phục vụ hạ cất cánh các loại tăng 18,9%; phục vụ vận tải hành khách tăng 16,4%; phục vụ vận chuyển hàng hóa, hành lý bưu kiện tăng 30,9%; tổng doanh thu tăng 23,5% so với hai năm trước; năng suất lao động tăng 116,1%/người/năm; đời sống vật chất, tinh thần CB- CNV hàng năm đều được cải thiện. Ngày 19/4/2004, Cụm cảng Hàng không Miền Nam vinh dự được Chủ tịch Nước CHXHCN Việt Nam phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới” vì đã có thành tích đặc biệt xuất sắc, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Ngày 4/1/2006 được Chủ tịch Nước quyết định tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng ba. Đây là sự đánh giá cao của Đảng, Nhà nước về thành tích và minh chứng sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng bộ trong nhiệm kỳ qua.



Với tinh thần hướng tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, Đại hội đại biểu Cụm cảng Hàng không Miền Nam lần thứ V (nhiệm kỳ 2005 - 2008) đã xác định phương hướng nhiệm vụ trọng tâm là Tiếp tục giữ vững an ninh, an toàn hàng không; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa Cụm cảng Hàng không Miền Nam; Xây dựng và khai thác có hiệu quả nhà Ga quốc tế Tân Sơn Nhất. Đa dạng hóa dịch vụ thương mại, mở rộng về quy mô và chất lượng dịch vụ mặt đất; tập trung cải tạo, nâng cấp hai cảng hàng không Liên Khương và Cần Thơ... nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu cụ thể sau:

☞ Đưa nhà Ga quốc tế Tân Sơn Nhất vào khai thác quý I năm 2007, đảm bảo an toàn, hiệu quả; mở cửa hàng không Tân Sơn Nhất để đáp ứng tốc độ tăng trưởng trên 20%/năm.

☞ Cảng hàng không Liên Khương (Đà Lạt, Lâm Đồng) đến quý III/ 2006 đưa đường hạ cánh mới vào hoạt động, cuối năm 2008 xây dựng xong khu ga hàng không mới.

☞ Cảng hàng không quốc tế Cần Thơ: tập trung nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới đồng bộ đường HCC, đường lăn, sân đậu máy bay và ga hàng không để năm 2008 đưa vào khai thác.

☞ Xây dựng xong khu Cảng hàng không mới Rạch Giá vào cuối năm 2006.

☞ Hoàn tất toàn bộ hàng rào bảo vệ cho tất cả các Cảng hàng không.

☞ Bảo đảm doanh thu và nộp ngân sách Nhà nước hàng năm tăng.

☞ Giữ vững thu nhập của người lao động không bị giảm.

Đại hội lần thứ V của Đảng bộ Cụm cảng Hàng không Miền Nam là Đại hội dân chủ, trí tuệ, đoàn kết, trách nhiệm và kỷ cương. Tiếp tục đổi mới theo tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành Hàng không. Đại hội thể hiện sự quyết tâm đổi mới và hội nhập theo tinh thần báo cáo chính trị tại Đại hội X của Đảng; động viên toàn thể cán bộ, đảng viên, công nhân viên tăng cường đoàn kết nhất trí xung quanh đảng bộ; không ngừng phát huy truyền thống đơn vị “Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới”; tiếp tục hiện đại hóa Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất và các Cảng Hàng không địa phương nhằm đáp ứng kịp yêu cầu tăng trưởng của thị trường hàng không khu vực và trên thế giới.





THÁNG 2 KỶ
RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 757

11
6-2006

● **BỘ BIÊN TẬP :**

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbtccs@hn.vnn.vn

● **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**

26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

● **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

● **Tạp chí Cộng sản điện tử :**

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

● **Tổng Biên tập :**

LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1: Đường Lê Hồng Phong, Thành phố Vũng Tàu
Ảnh: Nguyễn Quốc Chương

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

Thông báo Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X 3

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

NGUYỄN DUY NIÊN- Nắm bắt thời cơ, vượt qua thách thức, thực hiện thắng lợi đường lối đối ngoại Đại hội X của Đảng 4
ĐỖ QUỐC SAM - Về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 9

HỘI THẢO KHOA HỌC QUỐC TẾ

"Tác phẩm của C.Mác và những thách thức của thế kỷ XXI"
TRẦN QUANG NHIẾP - Chủ nghĩa Mác soi sáng con đường cách mạng Việt Nam 14
*** Tổng thuật Hội thảo 18

NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

HÀ VĂN THỊNH - Tìm hiểu về chiến lược đại đoàn kết trong tư tưởng Hồ Chí Minh 23
LÊ NGỌC HÙNG - Học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về bản chất và phương pháp tiếp cận dư luận xã hội 27

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

TRẦN NGỌC HIỀN - Xây dựng môi trường văn hóa cho sự phát triển bền vững của đất nước 32
TRẦN PHÚC THẮNG - Sự tác động của nền kinh tế thế giới đến quan hệ giai cấp, ý thức hệ và văn hóa ở Việt Nam 37
LƯƠNG VĂN TỰ - Kết thúc đàm phán song phương với Hoa Kỳ về việc Việt Nam gia nhập WTO và triển vọng ký hiệp định 41
PHẠM QUANG THAO - Hoàn thiện thể chế thương mại trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế 43

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

ĐINH VĂN HÙNG - Ninh Bình phát triển kinh tế gắn với xóa đói, giảm nghèo 48
LÂM THỊ ĐẸP - Một số giải pháp đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2006 - 2010 ở tỉnh Long An 52
PHẠM VĂN VANG - Phát triển rừng bền vững trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 55
TRIỀU HẢI HOÀNG - Để du lịch Bình Thuận trở thành ngành kinh tế mũi nhọn 60

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

NGUYỄN THU MỸ - ASEM: Các kịch bản phát triển trong những năm sắp tới 63
NGUYỄN TRUNG - Đôi điều về cuộc chiến tranh I-rắc 67

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

*** Hội thảo khoa học - thực tiễn: "Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong điều kiện hiện nay" 71
*** Hội thảo "Công tác đảng ngoài nước - một số vấn đề đặt ra hiện nay và giải pháp" 72

СОДЕРЖАНИЕ

• Информация о 2-ом Пленуме Центрального комитета Коммунистической Партии Вьетнама X созыва. • НГУЕН ЗИ НИЕН: Радикальное использование благоприятных возможностей, преодоление испытаний в целях успешного выполнения внешнеполитической линии X Съезда Партии. • ДО КУОК ШАМ: Об индустриализации, модернизации во Вьетнаме. • ЧАН КУАНГ НИЕП: Марксизм освещает путь вьетнамской революции. • ХА ВАН ТХИНЬ: Изучение стратегии широкого единения в идеях Хо Ши Мина. • ЛЕ НГОК ХУНГ: Изучение идей Хо Ши Мина о сущности и методах подхода к общественному мнению. • ЧАН НГОК ХИЕН: Создание культурной среды для устойчивого развития страны. • ЧАН ФУК ТХАНГ: Воздействие мировой экономики на классовые отношения, идеологию и культуру во Вьетнаме. • ЛЫОНГ ВАН ТЫ: Завершение двусторонних переговоров с Соединенным Штатом Америки о вступлении Вьетнама в ВТО и перспективах подписания Соглашения. • ФАМ КУАНГ ТХАО: Совершенствование торговых уложений в условиях международной экономической интеграции. • ДИНЬ ВАН ХУНГ: Провинция Ниньбинь развивает экономику в тесной связи с ликвидацией голода и снижением уровня бедности. • НГУЕН ЧУНГ: Некоторые мнения об Иракской войне.

CONTENTS

• Information of the 2-nd Plenum of CPV Central Committee (10th Tenure) • NGUYỄN DY NIÊN: Seizing the opportunities, overcoming the challenges, successfully implementing the foreign policies of the X Party Congress • ĐỖ QUỐC SAM: Regarding industrialization, modernization in Vietnam. • TRẦN QUANG NHIỆP: Marxism enlightening the revolutionary path of Vietnam • HÀ VĂN THỊNH: Investigating the great solidarity strategy in Hồ Chí Minh's thoughts • LÊ NGỌC HÙNG: Learning Hồ Chí Minh's thoughts on the essence and methods of approaching to social, public opinions • TRẦN NGỌC HIÊN: Building the cultural environment for the sustainable development of the country • TRẦN PHÚC THĂNG: Affects of World's economy to class relations, ideology and culture of Vietnam • LƯƠNG VĂN TỰ: The end of the bilateral negotiations with the USA regarding Vietnam's joining into WTO and the prospects of the Treaty signing • PHẠM QUANG THAO: Perfecting trade institutions in the context of World economic integration • ĐINH VĂN HÙNG: Ninh Binh province developing economy in connection with famine cancellation and poverty reduction • NGUYỄN TRUNG: Some opinions on the Iraq war.

SOMMAIRE

• Communiqué du 2e plénum du Comité central du Parti (issu du Xe Congrès). • NGUYỄN DY NIÊN: Saisir l'opportunité, surmonter les défis, mener avec succès la ligne de politique extérieure définie par le Xe Congrès national du Parti. • ĐỖ QUỐC SAM: A propos de l'industrialisation et de la modernisation au Vietnam. • TRẦN QUANG NHIỆP: Le marxisme éclaire la voie de la révolution vietnamienne. • HÀ VĂN THỊNH: Recherche sur la stratégie de la grande union dans la pensée de Hồ Chí Minh. • LÊ NGỌC HÙNG: Suivre la pensée de Hồ Chí Minh sur la nature et les méthodes d'approche de l'opinion publique. • TRẦN NGỌC HIÊN: L'édification de l'environnement culturel pour un développement durable du pays. • TRẦN PHÚC THĂNG: L'impact de l'économie mondiale aux rapports entre classes, idéologie et culture au Vietnam. • LƯƠNG VĂN TỰ: La fin des négociations bilatérales avec les Etats-Unis sur l'adhésion du Vietnam à l'OMC et la perspective de la signature de l'Accord. • PHẠM QUANG THAO: Le perfectionnement des institutions commerciales dans le contexte de l'intégration économique internationale. • ĐINH VĂN HÙNG: Le développement économique parallèlement à la liquidation de la famine et la réduction de la pauvreté dans la province de Ninh Binh. • NGUYỄN TRUNG: Certaines réflexions sur la guerre de l'Irak.

SUMARIO

• Comunicado del II Pleno del CC del Partido (X Congreso). • NGUYỄN DY NIÊN: Aprovechar la ocasión, superar las pruebas y cumplir exitosamente la línea exterior del X Congreso del Partido. • ĐỖ QUỐC SAM: Acerca de la industrialización y modernización en Vietnam. • TRẦN QUANG NHIỆP: El marxismo alumbró el camino de la revolución vietnamita. • HÀ VĂN THỊNH: En conocimiento de la estrategia de gran unidad expresada en la ideología de Hồ Chí Minh. • LÊ NGỌC HÙNG: Estudiar el pensamiento de Hồ Chí Minh sobre la naturaleza y métodos de acceder a opiniones sociales. • TRẦN NGỌC HIÊN: Por la edificación de una atmósfera cultural para un desarrollo estable del país. • TRẦN PHÚC THĂNG: Impactos de la economía mundial a las relaciones de clase, la ideología y la cultura de Vietnam. • LƯƠNG VĂN TỰ: La terminación de negocio bilateral con EE UU sobre el ingreso vietnamita en la OMC y las perspectivas de la firma de Acuerdo. • PHẠM QUANG THAO: La perfección del mecanismo comercial en contexto de la integración económica internacional. • ĐINH VĂN HÙNG: Ninh Binh y su desarrollo económico en ligazón con la liquidación de hambre y la liquidación de pobreza. • NGUYỄN TRUNG: Unas palabras sobre la guerra en Iraq.

目 录

• 党十届二中全会公告 • 阮怡年：把握机遇，跨越挑战，胜利落实十大对外路线 • 杜国彬：关于越南的工业化与现代化 • 陈光摄：马克思主义照耀着越南革命道路 • 何文盛：探询有关胡志明思想中的大团结战略 • 黎玉雄：学习胡志明思想关于了解社会舆论的本质与方法 • 陈玉轩：为国家可持续发展营造文化氛围 • 陈福升：世界经济给越南阶级关系、意识形态及文化带来的影响 • 梁文自：越美就越南加入世界贸易组织双边谈判结束及协定签署的展望 • 范光韬：融入国际经济背景中完善贸易体制 • 丁文雄：宁平省把经济发展与消饥、减贫工作联系起来 • 阮忠：对伊拉克战争的几点看法。

THÔNG BÁO

HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA X



Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chủ trì Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X

Ảnh: Đinh Xuân Tuân (TTXVN)

TRONG hai ngày 27 và 28 tháng 5 năm 2006, Ban Chấp hành Trung ương khóa X đã họp Hội nghị toàn thể lần thứ hai tại Thủ đô Hà Nội. Đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh chủ trì, phát biểu khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Hội nghị đã thảo luận và thống nhất việc lựa chọn nhân sự giới thiệu ứng cử các chức danh lãnh đạo cấp cao của Nhà nước để Quốc hội bầu, phê chuẩn tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XI theo quy định của pháp luật.

Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X làm việc với tinh thần trách nhiệm, nghiêm túc, dân chủ và đã thống nhất cao với những vấn đề do Bộ Chính trị trình Trung ương. □



NẮM BẮT THỜI CƠ, VƯỢT QUA THÁCH THỨC, THỰC HIỆN THẮNG LỢI ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG

NGUYỄN DUY NIÊN *

DAI hội Đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ X (4-2006), sự kiện chính trị trọng đại của đất nước đã thành công tốt đẹp, đánh dấu mốc son mới trên con đường phát triển của cách mạng Việt Nam, thể hiện quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân đưa đất nước phát triển lên một tầm cao mới trước những vận hội to lớn đang mở ra cho dân tộc Việt Nam.

Diễn ra vào thời điểm đất nước ta đang có những bước chuyển mình mạnh mẽ, Đại hội X của Đảng đã kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và 20 năm tiến hành công cuộc Đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo, trên cơ sở đó xác định mục tiêu và phương hướng phát triển đất nước cho giai đoạn tiếp theo 2006 - 2010. Đại hội đánh giá cao những thành tựu đất nước ta đã đạt được qua 20 năm đổi mới, đồng thời xác định rõ thời gian tới *tuy còn nhiều khó khăn nhưng đất nước ta có nhiều cơ hội để tiến lên; toàn dân tộc ta phải tranh thủ cơ hội, vượt qua thách thức, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ, phát triển với tốc độ nhanh hơn và bền vững hơn với mục tiêu sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để*

đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Để góp phần thực hiện thành công mục tiêu đó, công tác đối ngoại có vai trò rất quan trọng. Nghị quyết Đại hội X của Đảng đã xác định rõ nhiệm vụ của công tác đối ngoại trong giai đoạn tới là *"giữ vững và củng cố môi trường hòa bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi hơn nữa cho công cuộc đổi mới, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội"*. Trong môi trường đối ngoại hiện nay và trước những yêu cầu ngày càng khẩn trương của sự nghiệp đổi mới toàn diện, việc tạo dựng, gìn giữ một môi trường quốc tế hòa bình đồng thời tranh thủ tối đa các nguồn lực bên ngoài cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đòi hỏi công tác đối ngoại phải luôn được thực hiện trên tinh thần đổi mới, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế và mang lại hiệu quả lớn hơn.

* Bộ trưởng Bộ Ngoại giao

I – Những thuận lợi và thách thức trong công tác đối ngoại 5 năm tới

Sau 20 năm đổi mới và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, thế và lực của đất nước ta ngày càng được tăng cường. Đây là *thuận lợi trước hết và cơ bản nhất* trong bối cảnh tình hình nước ta hiện nay. Với nền kinh tế tăng trưởng nhanh và môi trường chính trị - xã hội luôn ổn định, Việt Nam ngày càng tỏ rõ sức hút mạnh mẽ đối với các đối tác kinh tế, thương mại và đầu tư nước ngoài. Sự nghiệp đổi mới của chúng ta luôn được thế giới đánh giá cao, coi đây là một trong những công cuộc cải cách thành công nhất. Trong bối cảnh đó, việc Đại hội X khẳng định Việt Nam sẽ tiếp bước mạnh mẽ trên con đường đổi mới đã được cộng đồng quốc tế nhiệt liệt hoan nghênh. Không khí dân chủ, nghiêm túc, nhìn thẳng vào sự thật của Đại hội và quyết tâm nâng cao năng lực của Đảng nhằm lãnh đạo đất nước vươn tới phồn vinh đã tạo nên hình ảnh đầy sức thuyết phục về một Việt Nam đổi mới, phát triển và hội nhập quốc tế.

Thuận lợi cơ bản thứ hai là cùng với sự lớn mạnh của đất nước, vị thế của Việt Nam trong những năm qua ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. Đánh giá về thành tựu của công tác đối ngoại trong những năm đổi mới, Nghị quyết Đại hội X đã nêu rõ *"trong tình hình thế giới và khu vực diễn biến hết sức phức tạp, quan hệ đối ngoại đã có bước phát triển mới, hội nhập kinh tế quốc tế được tiến hành chủ động và tích cực, vị thế của nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao"*, góp phần quan trọng vào việc gia tăng sức mạnh tổng hợp của đất nước. Trong những năm qua, công tác đối ngoại đã trở thành mặt trận quan trọng trong thời bình, góp phần giữ vững và củng cố môi trường hòa bình, tạo những điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt, chúng ta đã tạo dựng được khuôn khổ quan hệ

hợp tác hữu nghị, ổn định lâu dài và ngày càng đi vào chiều sâu với các nước láng giềng, khu vực. Đồng thời, từ việc bình thường hóa quan hệ, chúng ta từng bước nâng cấp, xác lập khuôn khổ quan hệ hữu nghị hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, các trung tâm kinh tế - chính trị lớn, các nước công nghiệp phát triển, tạo bước đột phá trong quan hệ quốc tế của Việt Nam. Bên cạnh các mối quan hệ đó, chúng ta chủ động củng cố, phát triển quan hệ hợp tác với các nước bạn bè truyền thống, các nước đang phát triển trên thế giới. Sự trưởng thành đáng tự hào của Ngoại giao Việt Nam còn được thể hiện ở hoạt động ngoại giao đa phương với việc chúng ta tổ chức thành công nhiều hội nghị quốc tế lớn; ngoại giao phục vụ phát triển kinh tế cũng như công tác về người Việt Nam ở nước ngoài có những bước phát triển mới góp phần tạo ra nguồn lực quan trọng từ bên ngoài phục vụ công cuộc phát triển đất nước. Có thể nói, hiện nay chúng ta đang tạo được một môi trường quan hệ và hợp tác quốc tế thuận lợi hơn bao giờ hết, những thành tựu đạt được có ý nghĩa quan trọng, tạo cơ sở thuận lợi cho việc triển khai thực hiện nhiệm vụ đối ngoại trong thời gian tới.

Thuận lợi thứ ba là mặc dù tình hình thế giới và khu vực trong 5 năm tới vẫn có thể diễn biến phức tạp nhưng hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn và chủ đạo. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương ngày càng gia tăng vai trò của mình trong các mối quan hệ quốc tế nói chung và quan hệ kinh tế quốc tế nói riêng, tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam thúc đẩy quan hệ với tất cả các đối tác, các nước trên cơ sở vừa tranh thủ vị trí địa - chính trị, địa - kinh tế của Việt Nam, vừa phát huy những tiềm năng, thế mạnh riêng của đất nước.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi cơ bản đó, chúng ta cũng đang đứng trước những

thách thức không thể coi nhẹ. Về chủ quan, đó là nguy cơ tụt hậu ngày càng xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Quá trình hội nhập ngày càng sâu vào nền kinh tế thế giới và triển vọng gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đòi hỏi chúng ta phải gia tăng sức cạnh tranh trong toàn nền kinh tế, từng ngành, nghề, lĩnh vực. Các vấn đề quan liêu, tham nhũng, lãng phí nếu không được giải quyết tích cực sẽ làm suy giảm nội lực và tác động không thuận đến hình ảnh và vị thế của Việt Nam trước quốc tế.

Về khách quan, những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới tiếp tục tác động nhiều chiều tới an ninh và sự phát triển của Việt Nam: kinh tế thế giới vẫn tiềm ẩn những yếu tố bất trắc khó lường; toàn cầu hóa tạo ra cơ hội nhưng cũng chứa đựng nhiều yếu tố rủi ro, thách thức cho các quốc gia, nhất là các nước đang phát triển. Bên cạnh những vấn đề an ninh truyền thống như chiến tranh cục bộ, xung đột dân tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ... tiếp tục diễn biến phức tạp, các vấn đề an ninh phi truyền thống như thiên tai, dịch bệnh, khí hậu liên tục nổi lên. Ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông - Nam Á, quá trình tập hợp lực lượng giữa các nước lớn đã và đang tác động phức tạp tới các nước trong khu vực, trong đó có Việt Nam. Ngoài ra, chúng ta phải cảnh giác trước những âm mưu "diễn biến hòa bình", gây bạo loạn, những hành động ẩn núp dưới các chiêu bài khác nhau hòng gây mất ổn định chính trị trong nước.

II – Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện thắng lợi đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới

Những thuận lợi và khó khăn đặt ra trên con đường phát triển đất nước đòi hỏi chúng ta phải kiên trì nguyên tắc, song linh hoạt về sách lược, có những lựa chọn đúng đắn, phù hợp về đường lối, tranh thủ mọi cơ hội, đẩy lùi và giảm thiểu các nguy cơ, thách thức nhằm bứt phá, tạo thế và lực mới cho đất nước.

Về đường lối chung, Nghị quyết Đại hội Đảng X đã khẳng định rõ chúng ta tiếp tục *thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế* với phương châm *Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực*. Đây là đường lối đã được phát triển và ngày càng được hoàn thiện trong 20 năm đổi mới cũng như trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, góp phần nâng cao vị thế quốc tế của nước ta trên trường quốc tế.

Trên cơ sở những kinh nghiệm đúc kết được qua thực tiễn đối ngoại phong phú và sôi động những năm qua, trong việc triển khai thực hiện đường lối và phương châm đối ngoại của Đại hội X, chúng ta cần quán triệt những tinh thần chỉ đạo sau:

Thứ nhất, cần luôn phát huy cao độ tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực tự cường; luôn đặt lợi ích của quốc gia, của dân tộc lên hàng đầu. Đây là tinh thần chỉ đạo quan trọng nhất trong việc hoạch định cũng như triển khai thực hiện chính sách đối ngoại. Hiện nay, có thể nói lợi ích quốc gia tối cao của chúng ta là bảo đảm môi trường quốc tế hòa bình, ổn định nhằm phát triển đất nước, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong việc triển khai chính sách đối ngoại, chúng ta vừa nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, vừa giương cao ngọn cờ hòa bình, hợp tác để phát triển. Chúng ta chủ động hội nhập kinh tế quốc tế trên cơ sở phù hợp với chiến lược phát triển của đất nước, đồng thời coi trọng giữ gìn bản sắc dân tộc; kết hợp hài hòa giữa chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế, tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập, tiến bộ xã hội và phát triển.

Thứ hai, phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong tình hình mới. Kết hợp

sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại thực sự là vấn đề chiến lược của cách mạng Việt Nam nói chung và công tác đối ngoại nói riêng qua mọi thời kỳ; là nguyên lý cơ bản của tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh. Vận dụng vào hoàn cảnh thực tiễn hiện nay, bên cạnh phát huy nội lực và sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc, chúng ta cần tận dụng xu thế hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới và trong khu vực; tận dụng những thành tựu của cách mạng khoa học - công nghệ cùng những mặt tích cực của quá trình toàn cầu hóa. Nội lực luôn là yếu tố quyết định, nhưng chúng ta cũng cần hết sức tranh thủ các nguồn ngoại lực thông qua việc hội nhập và hợp tác quốc tế nhằm phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thứ ba, cần thường xuyên đổi mới về tư duy đối ngoại, tư duy lý luận và tư duy nhận thức. Điều này thể hiện qua cách nhìn nhận, đánh giá khách quan tình hình thế giới, về mối quan hệ đối tác - đối tượng, hợp tác - đấu tranh trong quan hệ quốc tế; tác động qua lại mật thiết giữa các yếu tố bên trong và các yếu tố bên ngoài; những cơ hội và thách thức đối với Việt Nam trong một thế giới luôn vận động và biến đổi không ngừng. Đổi mới về tư duy đòi hỏi chúng ta vận dụng linh hoạt tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh mà nổi bật là nguyên tắc *"đĩ bất biến, ứng vạn biến"*, *"thêm bạn bớt thù"*, kiên định về nguyên tắc, mềm dẻo về sách lược.

Thứ tư, cần tạo sức mạnh tổng hợp trong các lực lượng tham gia quan hệ đối ngoại trên mọi lĩnh vực và dưới nhiều hình thức khác nhau, kết hợp ngoại giao Nhà nước, ngoại giao Đảng, ngoại giao nhân dân, ngoại giao Quốc hội, ngoại giao an ninh - quốc phòng... Sức mạnh quốc gia ngày nay là tổng hợp tất cả các yếu tố, từ chính trị, quân sự, an ninh đến kinh tế, văn hóa. Các yếu tố này luôn đan xen, tác động và bổ sung lẫn nhau trong sự phát triển của đất nước.

III - Phương hướng đối ngoại trong 5 năm tới

Quán triệt nhiệm vụ, đường lối và tinh thần chỉ đạo đó, hoạt động đối ngoại của chúng ta trong thời gian tới cần được triển khai một cách toàn diện trong đó tập trung vào các hướng chính sau:

Một là, tiếp tục mở rộng quan hệ đối ngoại với tất cả các đối tác, các nước, đồng thời triển khai có trọng tâm, trọng điểm, củng cố và hoàn thiện khuôn khổ quan hệ ổn định, lâu dài với các nước nhất là láng giềng khu vực, các nước lớn và các đối tác quan trọng; tạo bước chuyển biến mới trong quan hệ hợp tác theo hướng đưa các mối quan hệ đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững, tạo sự tin cậy lẫn nhau.

Hai là, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng và toàn diện hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu, khu vực và song phương trên cơ sở lấy phục vụ lợi ích đất nước làm mục tiêu cao nhất và là nguyên tắc chủ đạo, đồng thời linh hoạt, mềm dẻo phù hợp với thông lệ quốc tế; thực hiện cam kết với các nước về thương mại, đầu tư, mở cửa thị trường; chuẩn bị tốt các điều kiện ký kết các hiệp định thương mại tự do song phương, đặc biệt là với các nước lớn; ký các hiệp định hợp tác kinh tế đa phương và khu vực; thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện có hiệu quả với các nước thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông - Nam Á (ASEAN), các nước khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Ba là, tăng cường hơn nữa vai trò của hoạt động kinh tế đối ngoại, tạo môi trường pháp lý thuận lợi, cải thiện môi trường đầu tư nhằm thu hút đầu tư nước ngoài trực tiếp (FDI), các khoản viện trợ không hoàn lại (ODA); kết hợp tốt và hài hòa giữa chính trị đối ngoại với kinh tế đối ngoại, góp phần tạo thêm nguồn lực từ bên ngoài, phục vụ tốt mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Bốn là, xây dựng và củng cố đường biên giới hòa bình, hợp tác phát triển với các nước láng giềng, đặc biệt hoàn thành việc phân giới, cắm mốc với Trung Quốc và Cam-pu-chia như mục tiêu đã đề ra; kịp thời giải quyết các vấn đề nảy sinh, góp phần tạo môi trường hòa bình thuận lợi cho phát triển, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước. Sẵn sàng đối thoại với các nước và các tổ chức quốc tế và khu vực về những vấn đề cùng quan tâm, trong đó có vấn đề dân chủ, nhân quyền, tôn giáo để họ hiểu rõ đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta; không chấp nhận bất cứ hành động nào lợi dụng các vấn đề này để can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam.

Năm là, cùng với các hoạt động ngoại giao song phương, cần tăng cường hơn nữa hoạt động trên các diễn đàn đa phương ở khu vực và trên thế giới; mở rộng sự hợp tác nhiều mặt với các tổ chức khu vực và quốc tế; chủ động tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu; tiếp tục củng cố, nâng cao vai trò, vị thế của Việt Nam trong các định chế quốc tế. Đặc biệt, trong thời gian trước mắt, mục tiêu chính của chúng ta là tổ chức thành công Hội nghị cấp cao APEC 14 vào cuối năm 2006 tại Hà Nội; tích cực hướng tới mục tiêu ứng cử trở thành ủy viên không thường trực tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc khóa 2008 - 2009; nâng cao hơn nữa vai trò của Việt Nam trong ASEAN; đẩy mạnh sự tham gia và đóng góp của chúng ta vào Phong trào Không liên kết và xa hơn là xem xét, nghiên cứu bước đầu tham gia có chọn lọc vào một số hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc...

Sáu là, tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 36 của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài, tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ ổn định cuộc sống; bảo vệ quyền lợi chính đáng, có các chính sách để người Việt Nam ở nước ngoài hướng về quê hương, góp phần xây dựng đất nước. Đại hội X tiếp tục khẳng định đồng bào Việt Nam định

cư ở nước ngoài là một bộ phận không tách rời và là nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước.

Bảy là, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác thông tin tuyên truyền và văn hóa đối ngoại, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, hợp tác hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân trên thế giới, góp phần làm cho bạn bè quốc tế hiểu rõ và biết nhiều hơn về công cuộc Đổi mới, về đất nước và con người Việt Nam trên con đường hội nhập và phát triển, ủng hộ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của chúng ta.

Tám là, phối hợp chặt chẽ hoạt động ngoại giao của Đảng, của Quốc hội, ngoại giao Nhà nước với ngoại giao nhân dân, đối ngoại quốc phòng - an ninh, chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại, thực hiện tốt việc thống nhất quản lý hoạt động đối ngoại để phát huy sức mạnh tổng hợp, hoàn thành tốt nhiệm vụ đối ngoại chung của đất nước.

Chín là, xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đối ngoại ngang tầm với yêu cầu của sự nghiệp cách mạng. Đội ngũ cán bộ này phải có những hiểu biết sâu rộng, thành thạo ngoại ngữ, giỏi về nghiệp vụ và kỹ năng đối ngoại; có lập trường chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Đảng và Tổ quốc; có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao; trở thành cán bộ đối ngoại "vừa hồng, vừa chuyên". Với đội ngũ cán bộ đó cùng với việc quán triệt sâu sắc đường lối đối ngoại do Đại hội X của Đảng đề ra, chúng ta sẽ hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao phó và góp phần vào việc thực hiện thắng lợi những mục tiêu chung của đất nước; đưa nước ta tiến nhanh, tiến mạnh trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa; thực hiện thành công mục tiêu cao đẹp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. □

VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở VIỆT NAM

ĐỖ QUỐC SAM*

KẾT quả thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) theo các Nghị quyết Đại hội VIII và IX của Đảng đã đem lại những thay đổi quan trọng trong đời sống kinh tế, xã hội của đất nước trong hơn 10 năm qua. Tuy nhiên, nếu so với mục tiêu chiến lược của CNH, HĐH thì vẫn có biểu hiện chậm trễ và thiếu đồng bộ. Trong việc cụ thể hóa đường lối, quan điểm của Đảng và tổ chức thực hiện, chúng ta chưa xác định rõ những bước đi thích hợp, một lộ trình cụ thể cho một chiến lược hoàn chỉnh về CNH, HĐH. Có nhiều nguyên nhân, nhưng đáng chú ý là vẫn còn có những vấn đề lý luận về CNH, HĐH cần được tiếp tục làm rõ.

1 – Khái niệm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Theo nghĩa hẹp, CNH được hiểu là quá trình chuyển dịch từ nền kinh tế trong đó nông nghiệp giữ vai trò chủ đạo sang nền kinh tế công nghiệp là chủ đạo. Theo nghĩa rộng, CNH là quá trình chuyển dịch từ kinh tế nông nghiệp (hay tiền công nghiệp) sang kinh tế công nghiệp, từ xã hội nông nghiệp sang xã hội công nghiệp, từ văn minh nông nghiệp sang văn minh công nghiệp. Người ta cũng phân biệt “CNH cổ điển” theo kiểu nước Anh và châu Âu hai thế kỷ trước với “CNH kiểu mới” có kết hợp với tin học hóa, toàn cầu hóa kinh tế và kinh tế tri thức.

Theo cách hiểu phổ biến hiện nay, HĐH là quá trình chuyển biến từ tính chất truyền thống cũ sang trình độ tiên tiến, hiện đại. Về ý nghĩa kinh tế, HĐH được giải thích là quá trình chuyển dịch căn bản từ xã hội truyền thống sang xã hội hiện đại, bắt đầu từ thế kỷ XVII đến nay và vẫn còn chưa kết thúc. Có người chia quá trình HĐH thành hai giai đoạn: Hiện đại hóa lần thứ nhất tương ứng với thời kỳ CNH cổ điển, và HĐH lần thứ hai tương ứng với thời kỳ tri thức hóa.

Ở nước ta, hiện nay thường dùng cụm từ CNH, HĐH với cách hiểu là “công nghiệp hóa và hiện đại hóa gắn kết với nhau trong cùng một quá trình, ngay từ đầu và suốt trong các giai đoạn phát triển”. Ở đây, CNH được hiểu theo nghĩa rộng, không chỉ giới hạn ở khía cạnh kinh tế, mà còn cả về mặt xã hội, văn hóa. Hiện đại hóa hiểu theo nghĩa thông dụng, thời gian chỉ là thứ nguyên so sánh. Nói cách khác, chúng ta đang trong giai đoạn công nghiệp hóa, song không hoàn toàn như công nghiệp hóa kiểu cổ điển, chỉ chú ý phát triển công nghiệp để tăng cao tỷ trọng công nghiệp trong tổng sản phẩm xã hội, mà đồng thời phát triển công nghệ, thực hiện tin học hóa, từng bước phát triển kinh tế tri thức, nghĩa là thực hiện “công nghiệp hóa kiểu mới” hay nói như

* GS

văn kiện Đại hội IX công nghiệp hóa theo hướng hiện đại.

Căn cứ vào các văn kiện của Đảng và Nhà nước, CNH ở nước ta có những đặc điểm là CNH gắn kết với HĐH trong suốt các giai đoạn phát triển, vừa mang tính chất công nghiệp hóa về kinh tế - xã hội, vừa có tính chất hiện đại hóa về công nghệ ở mức tương ứng. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thực hiện theo cách rút ngắn thời gian để sớm có thể đuổi kịp các nước trong vùng và trên thế giới. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thể hiện định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện công bằng xã hội, cân đối giữa phát triển kinh tế và xã hội. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hướng phát triển bền vững, ngoài chính sách xã hội còn quan tâm bảo vệ và cải thiện môi trường. Trong thực hiện CNH, HĐH coi giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ là nền tảng và động lực của sự phát triển; coi trọng CNH, HĐH trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, nhất là trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển.

Dựa vào định hướng và các tính chất trên, có thể xây dựng một mô hình CNH phù hợp và xác định các tiêu chí định lượng để đánh giá trình độ CNH và so sánh với các nước khác.

2 – Về tiêu chí công nghiệp hóa

Nghị quyết Đại hội IX đặt ra mục tiêu: *đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại*, song ngoài một số mục tiêu mang tính định tính, không nêu rõ những tiêu chí để xác định thế nào là một nước công nghiệp, thế nào là một nước công nghiệp theo hướng hiện đại và thế nào là cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

Hiện nay, trên thế giới các nhà nghiên cứu sử dụng hàng trăm tiêu chí khác nhau để nhận biết và đánh giá các dạng, loại và trình độ phát triển, mỗi tiêu chí đều thể hiện một tính chất được lượng hóa và một mức độ phải đạt. Ở mỗi nước và mỗi giai đoạn phát triển thường sử dụng một hệ thống các tiêu chí khác nhau.

Trong điều kiện Việt Nam, khi chọn hệ thống tiêu chí CNH theo hướng hiện đại (CNH kiểu mới) cần tôn trọng một số nguyên tắc sau: Phải thể hiện rõ định hướng và các đặc trưng CNH của nước ta; Tương hợp với các tiêu chí đang được sử dụng rộng rãi trên thế giới để tiện so sánh, đánh giá; Các dữ liệu thống kê của Việt Nam và quốc tế có đủ để tính toán các chỉ tiêu định lượng; Đơn giản, thuận tiện, định nghĩa rõ ràng không thể nhầm lẫn.

Tiêu chí đánh giá không thể, hoặc rất khó, quy về một chỉ số đơn nhất vì các yếu tố đặc trưng có thể khác nhau khá lớn về bản chất, song số lượng tiêu chí cũng không nên quá lớn để dễ phân tích và tìm kiếm số liệu. Để thuận tiện cho việc so sánh, có thể sắp xếp các tiêu chí vào các nhóm, mỗi nhóm đại diện cho một khía cạnh của sự phát triển. Ứng với yêu cầu CNH ở nước ta, có thể có các nhóm về kinh tế, khoa học - công nghệ, chính sách xã hội, cải thiện môi trường, chất lượng cuộc sống...

Từ các tiêu chí phản ánh các đặc trưng CNH trên, có thể tính toán hoặc suy diễn ra các chỉ tiêu định lượng và lựa chọn mức độ của mỗi chỉ tiêu tương ứng với trình độ hoàn thành CNH. Theo kinh nghiệm nước ngoài, trình độ hoàn thành CNH có thể lấy tương đương với mức bình quân của 18 nước phát triển nhất (theo xếp hạng của Ngân hàng thế giới WB) vào những năm 60 của thế kỷ XX. Nếu có đủ cơ sở, cũng có thể tham chiếu một số ít chỉ tiêu liên quan hiện đại hóa vào khoảng 1-2 thập niên sau. Qua nghiên cứu, bước đầu có thể nêu ra một danh mục tiêu chí và chỉ tiêu sau:

- Chỉ tiêu kinh tế: GDP bình quân đầu người tính theo sức mua tương đương PPP; tỷ trọng kinh tế nông nghiệp trong GDP; tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng số lao động; năng suất lao động bình quân; tiêu hao năng lượng đầu người; tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu trên GDP; chỉ số cạnh tranh quốc tế.

- Chỉ tiêu xã hội và chất lượng cuộc sống: chỉ số phát triển con người (HDI); tỷ lệ

đô thị hóa; khoảng cách đô thị và nông thôn; chỉ số GINI.⁽¹⁾

- Chỉ tiêu môi trường: tỷ lệ sử dụng nước sạch; chi phí bảo vệ và cải thiện môi trường trong GDP; tỷ lệ chất thải được xử lý; tỷ lệ phủ xanh đất nước.

- Chỉ tiêu tin học hóa và kinh tế tri thức: tỷ lệ hộ gia đình có máy tính và nhập mạng; tỷ lệ kinh phí cho nghiên cứu và triển khai R&D chiếm trong GDP; số chứng chỉ về phát minh - sáng chế trên 10.000 dân; tỷ trọng sản phẩm công nghệ mới, công nghệ cao trong sản lượng công nghiệp và hàng xuất khẩu.

Hệ thống các chỉ tiêu kinh tế - xã hội được lựa chọn có cơ sở khoa học sẽ cho phép thấy rõ chúng ta đang đứng ở vị trí nào trên con đường CNH, HĐH, còn cách xa đích bao nhiêu, và cần tập trung năng lực vào những lĩnh vực nào để sớm đứng vào hàng ngũ những nước công nghiệp hoặc “cơ bản” có thể coi là một nước công nghiệp.

3 – Về công nghiệp hóa rút ngắn và vấn đề đuổi kịp các nước

Có nhiều lý do để tin tưởng rằng CNH của nước ta có nhiều khả năng để rút ngắn thời gian so với các nước CNH cổ điển châu Âu trước đây. Một mặt, việc gắn kết cả yêu cầu CNH và HĐH vào cùng trong một quá trình sẽ cho phép tránh được trùng lặp trong nhiều bước có tính chuyển tiếp và một số khâu cơ cấu lại hai ba lần. Mặt khác, tiến trình CNH của chúng ta không phải là một quá trình tự phát, tự điều chỉnh, mà là một tiến trình có điều khiển, chỉ đạo theo một đường lối và một chiến lược nhất quán với những bước đi có chọn lọc, có tính toán hợp lý. Ngoài ra, chúng ta cũng thừa hưởng được nhiều kinh nghiệm cả thành công và thất bại của các nước đi trước.

Với đà phát triển khá nhanh của nước ta như hiện nay, đến năm 2020 GDP bình quân đầu người cũng mới đạt trên dưới 2.000 USD. Với mức thu nhập ấy, các chỉ tiêu phát triển khác

cũng khó có khả năng đạt mức cao, chất lượng của sự phát triển khó bảo đảm vững chắc. Bởi vậy, con đường an toàn cho việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và rút ngắn thời gian có thể dựa trên hai yếu tố. *Một là*, nhanh chóng phát triển công nghệ mới, công nghệ cao để nâng cao và duy trì tốc độ phát triển. *Hai là*, chuẩn bị tốt nhất các điều kiện tiền đề cho CNH, HĐH (giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, kết cấu hạ tầng, thể chế quản lý...) để nắm bắt và lợi dụng tối đa thời cơ thuận lợi khi nó xuất hiện để tạo ra những bước phát triển có tính nhảy vọt với tốc độ đột biến cao hơn. Nội dung đó cũng đã được thể hiện trong Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, đây đồng thời cũng là sự đúc rút từ kinh nghiệm của một số nước công nghiệp mới.

Vấn đề đuổi kịp các nước đi trước có thể thực hiện được trong một khoảng thời gian hợp lý hay không cũng là một vấn đề cần được làm rõ. Nếu so sánh với một vài nước khu vực, thì thời gian đuổi kịp còn khá dài. Ví dụ, thu nhập bình quân đầu người hiện nay của Thái Lan, Trung Quốc cao gấp 3- 4 lần so với Việt Nam, nhưng tốc độ tăng thu nhập cũng xấp xỉ hoặc cao hơn ta. Trong khi đó, nếu tốc độ phát triển của Việt Nam được giữ liên tục như hiện nay thì sau 30 năm nữa cũng vẫn chưa thể đuổi kịp họ về thu nhập. Như vậy, bài toán đuổi kịp tính với hai nước trên hầu như không khả thi trong trung hạn.

Tuy nhiên, nếu tính so sánh với bình quân của các nhóm nước, mà chúng ta cần đặt mục tiêu đuổi kịp, như nhóm các nước đang phát triển, nhóm nước châu Á, hay mức bình quân toàn cầu v.v., thì kết cục bài toán lại hoàn toàn khác. Ví dụ, so với nhóm các nước đang phát triển, thì sẽ cần 20 năm để đuổi kịp và bắt đầu vượt lên trước. So với bình quân toàn cầu sẽ cần khoảng 30 năm, và thậm chí so với mức

(1) Hệ số GINI dùng để đánh giá sự bất bình đẳng về phân phối thu nhập

khởi đầu của các nước đã phát triển, mà tốc độ tăng trưởng liên tục thường rất thấp, chúng ta cũng sẽ thấy rõ khả năng đuổi kịp là hiện thực.

Hơn nữa, những ước tính trên đây mới chỉ xét đến một yếu tố tăng trưởng về kinh tế - thu nhập bình quân đầu người, chưa tính đến ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đang có lợi cho chỉ số tăng trưởng của những nước như Việt Nam và cũng chưa kể đến khả năng có thể có bước phát triển đột biến khi có cơ hội như dự kiến của *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội*. Các nhà nghiên cứu nước ngoài ước tính Trung Quốc đã đi được 73% trên con đường công nghiệp hóa, và cũng theo ước tính trên, Việt Nam cũng đã đạt được 61%. Như vậy, mục tiêu năm 2020 “cơ bản trở thành một nước công nghiệp” không phải là không có cơ sở để thực hiện.

4 – Về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn

a - Cần tạo trong nông nghiệp, nông thôn môi trường ban đầu thích hợp để có thể tiếp nhận những chính sách và giải pháp cụ thể của quá trình CNH, HĐH. Có ba việc cần làm trước:

- Sớm hoàn thành chương trình xóa đói, giảm nghèo ở các vùng nông thôn, tạo mặt bằng kinh tế - xã hội tương đối đồng đều. Quan tâm vấn đề áp dụng những tiêu chuẩn nghèo đối sát với tiêu chuẩn quốc tế để dễ đánh giá và so sánh, đồng thời chú trọng đến yêu cầu bền vững, không để xảy ra hiện tượng đói nghèo trở lại và làm biến dạng môi trường nông thôn.

- Sớm xây dựng một nền kinh tế hàng hóa ở nông thôn, phá vỡ thế độc canh, tự cấp tự túc còn rớt lại. Muốn vậy, chỉ giúp nông thôn xây dựng kết cấu hạ tầng tối thiểu (điện, đường, trường, trạm, chợ) và cho vay vốn ban đầu vẫn chưa đủ. Còn cần sớm hình thành một mạng lưới công ty, xí nghiệp vừa và nhỏ (kể cả cực nhỏ) trên cơ sở huy động sự tham gia của các doanh nghiệp từ các vùng công nghiệp, các lực

lượng quân đội tại chỗ làm kinh tế và nguồn vốn của Nhà nước.

- Xây dựng quy hoạch về an toàn lương thực và bảo vệ môi trường sinh thái nông thôn, vừa sử dụng hợp lý đất đai, mặt nước, vừa chủ động phòng chống thiên tai.

b - Việc áp dụng các phương pháp công nghiệp và tổ chức tiên tiến vào sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, tạo năng suất cao và chất lượng hàng hóa nông sản đáp ứng yêu cầu của thị trường trong và ngoài nước, sẽ bảo đảm cho thu nhập của người nông dân được nâng lên xấp xỉ với mặt bằng thu nhập chung của xã hội. Muốn đạt được yêu cầu trên, trước hết cần đầu tư vào các biện pháp kỹ thuật: thủy lợi hóa, cơ giới hóa, sinh học hóa và điện khí hóa. Bên cạnh đó, các giải pháp về tổ chức sản xuất đang đặt ra những vấn đề bức xúc. Không thể công nghiệp hóa nông nghiệp trên cơ sở những mảnh ruộng quá manh mún, những tổ chức sản xuất quá nhỏ bé, luôn bị động về tiêu thụ sản phẩm và khó khăn về áp dụng các biện pháp công nghệ mới. Các hình thức hợp tác xã sản xuất ở đồng bằng và các kiểu trang trại ở vùng trung du, miền núi và ven biển phải đóng góp vào việc mở rộng quy mô khai thác, nhờ đó các biện pháp kỹ thuật mới phát huy được hiệu quả. Mặt khác, muốn đưa nông nghiệp lên trình độ hiện đại thì đã đến lúc cần tạo điều kiện để áp dụng một cách phổ biến các công nghệ mới vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, xây dựng những khu nông nghiệp công nghệ cao, đổi mới kỹ thuật và tổ chức sản xuất, kể cả tổ chức lại cuộc sống ở các vùng nông thôn.

c - Một nhân tố quan trọng trong CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là vấn đề phát triển công nghiệp ở các vùng nông thôn hay là vấn đề cơ cấu lại kinh tế và lao động nông thôn. Theo số liệu thống kê, lao động nông nghiệp hiện đang đóng góp khoảng 20% GDP toàn quốc, tỷ lệ đó sẽ giảm dần (tuy giá trị tuyệt đối vẫn tăng), dự báo có thể xuống dưới 10% sau năm 2020. Như vậy, muốn tăng thu nhập của

nông dân lên gần với mức chung của cả nước thì tỷ lệ lao động trong nông nghiệp còn cần giảm nhiều, diện tích đất canh tác cho mỗi lao động phải tăng lên... Do đó số lao động dôi dư ở vùng nông thôn sẽ rất lớn. Tạo việc làm mới sẽ là vấn đề cấp bách và kéo dài trong suốt thời kỳ CNH, HĐH.

Dương nhiên là khu vực công nghiệp và dịch vụ (sẽ chiếm đến 80% - 90% nền kinh tế) phải có nhiệm vụ thu hút số lao động dôi dư đó. Song nếu chuyển tất cả về mấy thành phố lớn và các khu công nghiệp sẽ không thể là phương án tối ưu. Tuy có thể tăng nhanh tỷ lệ đô thị hóa, nhưng những nhu cầu về đất đai, kết cấu hạ tầng và rủi ro về môi trường là rất khó giải quyết, chưa kể nhu cầu về vốn đầu tư để tạo ra việc làm trong công nghiệp hiện đại. Giải pháp thích hợp sẽ là tích cực phát triển công nghiệp và dịch vụ ở các vùng nông thôn, hình thành một mạng lưới công - thương vừa, nhỏ và siêu nhỏ vừa nằm gần các vùng nguyên liệu và hộ tiêu thụ, vừa tạo nhiều việc làm và có thể xử lý tốt vấn đề môi trường và đô thị hóa.

Ngoài những khu công nghiệp tập trung lớn hàng trăm héc-ta, trong quy hoạch phát triển cần sắp xếp một mạng lưới "tiểu khu công nghiệp" hay cụm công nghiệp vừa và nhỏ ở khắp các tỉnh (trong đó có các cụm làng nghề) để cho công nghiệp cũng như đô thị không bị quá tải bởi tình trạng tập trung vào một số cực, mà điều kiện thực tế không đủ sức chịu đựng về mọi phương diện xã hội, môi trường và cung ứng...

d - Một vấn đề bao trùm về CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn là việc xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới. Giai đoạn đầu cần quan tâm đến đường sá và điện nước. Vấn đề đòi hỏi nhiều thời gian hơn là việc sắp xếp lại dân cư cho phù hợp với phân bố lại lao động và cải thiện môi trường sống vùng nông thôn để vẫn giữ nguyên được khung cảnh thiên nhiên đặc trưng làng quê, nhưng lại có được những tiện nghi đời sống hiện đại như ở các đô thị.

Thực hiện những yêu cầu trên, cách tốt nhất là sắp xếp và hình thành nhiều thị trấn nhỏ làm nơi tập trung công nghiệp và dịch vụ, nơi ươm tạo và phát triển kỹ thuật, công nghệ phục vụ nông thôn, và biến những nơi này thành điểm văn hóa nông thôn mới. Một mạng lưới những thị trấn như vậy, phân bố rộng trên tất cả các vùng lãnh thổ, nối liền với những trung tâm công nghiệp mới và những đô thị đã có sẵn bằng một hệ thống giao thông thuận lợi, một mạng thông tin và các hạ tầng kỹ thuật... có thể bảo đảm cho sự phát triển hài hòa của toàn bộ đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội của cả nước.

Song song với việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật đó, cần thực hiện chương trình nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực và bồi dưỡng nhân tài ở vùng nông thôn ngang tầm nhiệm vụ mới.

5 - Về phát triển khoa học, công nghệ

Vấn đề làm thế nào để khoa học, công nghệ (kể cả giáo dục và đào tạo) thực sự trở thành nền tảng và động lực của CNH, HĐH đã được làm rõ dần với chủ trương của Chính phủ về "xã hội hóa", đổi mới quản lý công tác khoa học, công nghệ và đổi mới quản lý giáo dục đại học.

Cơ chế quản lý khoa học, công nghệ những năm qua thường không nối kết trực tiếp người nghiên cứu với người sử dụng kết quả nghiên cứu. Giữa 2 khâu cung và cầu đó thường phải qua khâu trung gian là Nhà nước, kinh phí nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ chủ yếu là từ ngân sách nhà nước. Trong khi đó, doanh nghiệp (nhất là doanh nghiệp nhà nước) không bị ràng buộc (đúng ra là chưa có động lực) phải tìm đến tiến bộ khoa học. Các cơ quan khoa học, công nghệ lớn phần nhiều là thuộc sở hữu nhà nước, tình trạng bao cấp làm cho lao động của các nhà khoa học chưa được đánh giá đúng mức do hoạt động khoa học,

(Xem tiếp trang 51)

"TÁC PHẨM CỦA C. MÁC VÀ NHỮNG THÁCH THỨC CỦA THẾ KỶ XXI"

Lời Bộ Biên tập: Nhân kỷ niệm 188 năm Ngày sinh C. Mác (5-5-1818 – 5-5-2006), từ ngày 3 đến ngày 6-5-2006, tại Cung Đại hội La Ha-ba-na (Cu-ba), long trọng diễn ra Hội thảo khoa học quốc tế : **"Tác phẩm của C. Mác và những thách thức của thế kỷ XXI"**. Đây là cuộc Hội thảo lần thứ 3 (cứ 2 năm một lần) về chủ đề này. Ba trăm năm mươi đại biểu của các Đảng Cộng sản, công nhân, cánh tả và khách mời từ 30 nước thuộc 4 châu lục và Đoàn đại biểu Cu-ba đã tới dự. Hai trăm sáu chín bản tham luận khoa học gửi tới và hơn 80 ý kiến được trình bày tại Hội thảo. Ba đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Cu-ba: Ri-các-đô A-la-công Kê-sa-đa – Chủ tịch Quốc hội, An-be Pri-ê-tô – Bộ trưởng Bộ Văn hóa và Pê-đrô Rốt Lê-an – Chủ tịch Trung tâm những người lao động toàn Cu-ba, tới dự và chủ trì Hội thảo.

Nhận lời mời của Ban Tổ chức Hội thảo, Đoàn đại biểu Tạp chí Cộng sản – Cơ quan Lý luận và Chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam – do PGS, TS Trần Quang Nhiếp, Phó Tổng Biên tập Thường trực dẫn đầu, đã tới dự và trình bày tham luận tại Phiên họp toàn thể Hội thảo. Sau đây, chúng tôi xin giới thiệu bản tham luận của PGS, TS Trần Quang Nhiếp và bài Tổng thuật Hội thảo.

CHỦ NGHĨA MÁC SƠI SÁNG CON ĐƯỜNG CÁCH MẠNG VIỆT NAM

TRẦN QUANG NHIẾP

CHÚNG ta đang sống trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, được mở đầu từ Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại. Suốt hơn 80 năm, chủ nghĩa xã hội dưới ánh sáng soi

đường của học thuyết Mác, đã đạt được những thành tựu to lớn về nhiều mặt, góp phần làm thay đổi đời sống các dân tộc trên hành tinh.

Tuy nhiên, lịch sử thường rất phức tạp, không theo con đường thẳng tắp, mà trải qua những

khúc quanh. Hệ thống xã hội chủ nghĩa sau một giai đoạn phát triển mạnh mẽ, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan đã tạm đi vào thoái trào. Những người đối địch với chủ nghĩa xã hội, đối địch với chủ nghĩa Mác coi đây là "thời cơ vàng", ra sức bác bỏ chủ nghĩa Mác, bác bỏ chủ nghĩa xã hội. Họ rêu rao "chủ nghĩa Mác đã lỗi thời", "chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản không phải là đích mà loài người hướng tới", "nền văn minh tin học không dung nạp chủ nghĩa xã hội", "chủ nghĩa Mác là sản phẩm của nền văn minh cơ khí, nó chỉ thích hợp ở thế kỷ XIX, chứ không phù hợp với thời đại ngày nay", "sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở một mảng lớn trên thế giới, chứng tỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin là một sai lầm"... Những luận điệu đối địch thiếu căn cứ khoa học ấy của họ đã khiến nhiều người dao động, mất phương hướng, giảm lòng tin vào con đường xã hội chủ nghĩa. Đó chính là thách thức lớn nhất đối với chủ nghĩa Mác hiện nay. Vì thế, việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác là nhiệm vụ quan trọng, bức thiết của chúng ta hiện nay.

Sức sống của học thuyết Mác thể hiện ở nhiều lĩnh vực, nhưng bao trùm ở chỗ nó giải đáp những vấn đề mà tư tưởng tiên tiến của loài người đặt ra, soi sáng các nhiệm vụ lịch sử đã chín muồi của nhân loại, đó là nhiệm vụ *giải phóng con người* khỏi mọi ách áp bức, bóc lột, khỏi mọi sự tha hóa của con người. Sức sống của học thuyết Mác cũng được thể hiện trong *thực tiễn đời sống* xã hội hiện đại, mặc dù đời sống xã hội trải qua những thăng trầm, quanh co, khúc khuỷu, song vẫn không ra ngoài những quy luật phổ biến đã được trình bày một cách khoa học, sáng rõ trong học thuyết Mác, mặc cho người ta thừa nhận hay không thừa nhận điều đó. Cho nên, nếu không có học thuyết Mác, sẽ không hiểu được chủ nghĩa tư bản hiện đại, không hiểu được xu hướng biến đổi và phát triển của thời đại ngày nay. Vì vậy, chừng nào chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc còn tồn tại, chừng nào nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới chưa hoàn thành thì chủ nghĩa Mác - lý luận về sự giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp của giai cấp công nhân và

nhân dân lao động các dân tộc vẫn còn giá trị lý luận và thực tiễn to lớn.

Tuy nhiên, khoa học và thực tiễn luôn luôn biến đổi, phát triển nên học thuyết Mác cũng không ngừng được bổ sung, phát triển. Chủ nghĩa Mác là một hệ thống "mở", một khoa học phát triển về sự phát triển thế giới và xã hội loài người. Cho nên, không ngừng phát triển chủ nghĩa Mác vừa là yêu cầu của thực tiễn xã hội, vừa là yêu cầu nội tại của bản thân học thuyết Mác. Bởi vậy một cách khách quan có phát triển và thông qua phát triển, chủ nghĩa Mác mới tự bảo vệ và phát huy sức mạnh đối với thời đại. Trong bối cảnh quốc tế diễn biến phức tạp hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn *tiếp tục khẳng định sự trung thành của mình với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*.

Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Đồng thời đề ra nhiệm vụ phải bảo vệ và phát triển nó một cách sáng tạo.

Để làm được điều đó, chúng ta phải làm sáng tỏ những vấn đề về các đặc điểm chủ yếu, các xu hướng của thời đại và những vấn đề đặt ra đối với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, những giá trị và yêu cầu phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong thời đại ngày nay.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã thực sự là *ngọn đuốc soi đường cho tiến trình cách mạng Việt Nam* vượt qua muôn vàn thử thách để đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Thắng lợi của cuộc tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, lập nên Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông - Nam Á, của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cùng bọn tay sai của chúng; giành lại độc lập chủ quyền của dân tộc; những thành tựu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam... đã khẳng định tính đúng đắn, sức sống của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng

Hồ Chí Minh đối với con đường cách mạng Việt Nam, khẳng định sức mạnh đại đoàn kết của nhân dân Cu-ba, nhân dân Mỹ - La-tinh và nhân dân tiến bộ thế giới với nhân dân Việt Nam.

Trước tình trạng khủng hoảng chung của chủ nghĩa xã hội, Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12-1986) đã xác định, đối với Việt Nam đổi mới là yêu cầu bức thiết của sự nghiệp cách mạng và là vấn đề có ý nghĩa sống còn. Nhưng muốn đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam phải nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đảng Cộng sản Việt Nam xác định, đổi mới dựa trên lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đổi mới không đổi màu, vẫn kiên trì mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đổi mới vẫn giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát huy nội lực kết hợp với sức mạnh của thời đại. Đổi mới kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội.

Đổi mới ở Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo, tổ chức thực hiện. Ngay từ đầu, Đảng xác định đổi mới không phải là từ bỏ chủ nghĩa xã hội mà chính là để có chủ nghĩa xã hội nhiều hơn, từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội phù hợp với điều kiện lịch sử, xã hội Việt Nam trên cơ sở đổi mới tư duy lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Đổi mới ở Việt Nam diễn ra trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến đổi lớn, hầu như các nước đều có sự điều chỉnh chính sách của mình. Những kinh nghiệm cải tổ, cải cách của các nước đều là sự gợi mở cho Việt Nam trong việc tìm tòi con đường đổi mới. Vì vậy, những tư duy lý luận đổi mới của Việt Nam được hình thành không chỉ từ việc đúc kết kinh nghiệm của bản thân mình mà còn được đúc kết từ những kinh nghiệm thành công và không thành công của các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

Đổi mới ở Việt Nam là quá trình kết hợp biện chứng giữa đổi mới tư duy lý luận và chỉ đạo hoạt động thực tiễn; là sự thống nhất hai chiều "dưới lên" và "trên xuống"; là sự gặp gỡ giữa ý Đảng với lòng dân. Điểm nổi bật của công cuộc đổi mới ở Việt Nam là luôn lấy sự ổn định chính trị - xã hội làm tiền đề, làm điều kiện tiên quyết cho sự nghiệp đổi mới phát triển và chính sự phát triển đã tạo ra sự ổn định mới ở cấp độ cao hơn.

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam vừa diễn ra tại Hà Nội đã tổng kết những thành tựu 20 năm đổi mới. Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Kinh tế tăng trưởng khá nhanh, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết dân tộc được củng cố, tăng cường, chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế Việt Nam trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn...

Những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử đó chứng tỏ đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam là đúng đắn, thể hiện sự trung thành và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Tuy nhiên, Đại hội cũng chỉ rõ những yếu kém của Việt Nam cần khắc phục. Đó là sự phát triển kinh tế chưa vững chắc. Năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn hạn chế. Nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết. Tình trạng quan liêu tham nhũng, lãng phí tiêu cực còn khá nặng nề. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng cần được tăng cường nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong tình hình mới.

Từ thực tiễn 20 năm đổi mới, Đại hội X đã rút ra một số bài học kinh nghiệm lớn.

Một là, trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa

xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, có hình thức và cách làm phù hợp.

Ba là, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, và luôn nhạy bén với cái mới.

Bốn là, phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức tranh thủ ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

Năm là, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Tiếp tục quán triệt chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường cách mạng Việt Nam, trong công cuộc đổi mới hiện nay, Đại hội X của Đảng khẳng định toàn Đảng, toàn dân tranh thủ thời cơ, vượt qua thách thức, đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và đồng bộ phát triển nhanh, bền vững thực hiện *mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa*. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức. Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đào tạo, khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển. Phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội. Tăng cường quốc phòng và an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của các đoàn thể nhân dân. Phát huy dân chủ, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Mặc dù đã hơn 150 năm, nhất là sau khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu tan rã, lịch sử thế giới đang ở trong một "khúc quanh" phức tạp của sự phát triển, song *chủ nghĩa Mác - Lê-nin vẫn tỏ rõ sức sống của mình trong đời sống hiện thực*. Những giá trị tinh thần, tính khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin ngày càng được thực tiễn khẳng định về sự đúng đắn, sức sáng tạo của nó. Đối với cách mạng Việt Nam, chủ nghĩa Mác - Lê-nin luôn luôn là ngọn đuốc soi đường, là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Đó là nhân tố quyết định, bảo đảm mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Điều quan trọng là việc tiếp thu, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin phải với tinh thần sáng tạo, biết kế thừa, phát huy những luận điểm trước đây và hiện nay vẫn đúng; biết sửa chữa những nhận thức sai về các luận điểm đúng; biết vượt qua những luận điểm gì trước đây đúng nhưng nay không còn phù hợp; những luận điểm gì mới cần được bổ sung vào lý luận do thực tiễn mới đặt ra... Tất cả đều phải biết vượt qua lối tư duy máy móc, sáo mòn, rập khuôn một cách cứng nhắc. Đồng thời phải hết sức tránh mọi biểu hiện xa rời, thoát ly chủ nghĩa Mác một cách cực đoan, máy móc dưới danh nghĩa "đổi mới tư duy".

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin là một học thuyết khoa học và cách mạng, nó trang bị cho chúng ta thế giới quan, phương pháp luận tiến bộ; vì thế, đây là vấn đề luôn luôn mới và việc nhận thức nó không ngừng phải nâng lên ở những tầng bản chất sâu và cao hơn. Thực tiễn sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam đã chứng minh chủ nghĩa Mác - Lê-nin không thể thiếu được và bao giờ nó cũng là ánh sáng soi đường, là nhân tố quyết định bảo đảm cho thắng lợi cuối cùng. Có thể nói, nếu không có chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh thì không có con đường giải phóng dân tộc, không có con đường cách mạng đúng đắn của Việt Nam. Điều đó đặt ra cho những người cộng sản chân chính Việt Nam nhiệm vụ không ngừng học tập, nghiên cứu để nắm vững, vận dụng, bảo vệ và phát triển tích cực chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay. □

TỔNG THUẬT HỘI THẢO

NHÌN tổng thể, 269 bản tham luận và trong đó 80 đại biểu phát biểu tại ba Tiểu ban và ba Phiên họp toàn thể đều dành sự tập trung thảo luận một cách toàn diện và sâu sắc về **"Các con đường đi tới giành chính quyền cách mạng trong thế kỷ XXI; các giai cấp, các phong trào xã hội và các chính đảng"**.

Ba phiên họp toàn thể đã đề cập các vấn đề: **1 – Chủ nghĩa đế quốc: Hệ thống quyền lực của tư bản trên thế giới hiện nay; 2 – Cách mạng: Xây dựng chính quyền mới; 3 – Chủ nghĩa xã hội: Quá trình giải phóng trong thế kỷ XXI.** Ba Tiểu ban tập trung sự quan tâm đề cập tới các vấn đề: **1 – Tư tưởng của C. Mác và những thách thức trong thế kỷ XXI; 2 – Giai cấp, các phong trào xã hội và các chính đảng; 3 – Cách mạng, sự thay đổi và chính quyền cách mạng.**

*
* *

Tiến sĩ Ri-các-đô A-la-công Kê-sa-đa, Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Cu-ba, Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa Cu-ba, phát biểu khai mạc hội nghị đề cập: Những thách thức chính trị từ chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa xã hội, trong thời đại hiện nay. Đồng chí nhấn mạnh: *Tư bản luận* của C. Mác cần được coi là nguồn cổ vũ và chỉ đạo, để từ tư tưởng của C. Mác xây dựng một lý luận và một thực tiễn mới, không ngừng phát triển và liên tục hoàn thiện trong thế kỷ XXI, vì sự nghiệp giải phóng con người.

Tiểu ban thảo luận vấn đề **Bảo vệ nhân loại** do đồng chí A-ben Pri-ê-tô, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Văn hóa Cu-ba, điều hành, nêu bật tầm quan trọng về khái niệm và huy động các các tổ chức có khả năng phối hợp một cách hữu cơ ba mặt không thể thiếu cho sự cải tạo tổng thể theo hướng cách mạng: Các phong trào xã hội - chính trị, trí thức tiến bộ và dư luận công chúng toàn thế giới.

Cuộc thảo luận về đề tài **Tư tưởng C. Mác và những thách thức trong thế kỷ XXI**, với 8 tham luận, đều nhấn mạnh: Đối mặt với văn hóa tích lũy và tiêu dùng mang tính bá quyền và phân biệt đối xử, cần phải có một "nền văn hóa giải phóng" được bảo vệ với triển vọng mang tính mác-xít, tạo nên một sự đột phá mới mẻ mang tầm vĩ mô để khôi phục lại sự đa dạng văn hóa và tầm quan trọng của giáo dục cùng với nền đạo đức cam kết gắn bó với nhân loại. Theo tinh thần này, cần lưu ý xây dựng một hệ giải pháp toàn diện và khả thi cho việc kiến giải và xử lý vấn đề giai cấp, trong đó phải bao gồm giải pháp cho vấn đề người bản xứ và các cộng đồng dân tộc thiểu số địa phương.

Nhiều ý kiến đồng tình với luận đề này và nhấn mạnh, khái niệm Nhà nước - Dân tộc, như nhiều người vẫn hiểu hiện nay, không phản ánh một cách thích đáng những xung đột liên quốc gia và cũng không phản ánh đúng đắn những mâu thuẫn dân tộc trong nội bộ từng quốc gia này. Chính điều này đang đặt lại

vấn đề cấp bách là, phải suy nghĩ lại "vấn đề dân tộc" từ những phân tích mang tính khách quan và lịch sử cụ thể.

Đồng thời, cần nghiên cứu chủ nghĩa Mác trong bối cảnh Mỹ La-tinh và phải khôi phục lại những nghiên cứu và tư tưởng của C. Mác trong khu vực nói riêng và toàn thế giới nói chung, với tính cách chủ nghĩa Mác là một chỉnh thể thống nhất và toàn vẹn. *TS Rô-béc-tô (Mê-hi-cô)* góp một cách nhìn khá mới mẻ: Phải bắt đầu từ chính những thách thức từ trong tư duy, rằng: Hiện nay, tư tưởng C. Mác đang tiềm tàng sức sống hay đang lỗi thời, như ai đó hốt hoảng, hoang mang. Câu trả lời ở đây, chỉ có thể là, chúng ta sẽ không thể nào hiểu được, dù là chút may, rằng quan hệ phức tạp, đan xen giữa con người với con người, giữa con người với sản xuất, giữa con người với các vấn đề lợi ích... sẽ ra sao, nếu chúng không đặt trong ánh sáng của chủ nghĩa Mác. Đó là lời giải cho tư duy đúng đắn nhất. Do đó, cần thiết phải có sự liên kết giữa các nhà khoa học, các nhà chính trị ở nhiều quốc gia, ngõ hầu làm sáng tỏ hơn nữa về vấn đề hệ trọng này.

Tại Tiểu ban thảo luận về **Các giai cấp, các phong trào xã hội và các chính đảng**, 16 ý kiến đều thống nhất về tầm quan trọng của chủ nghĩa quốc tế, coi đây như một thành tố không thể thiếu trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản trong đó cần có sự phân biệt các quan hệ liên minh cần thiết lập để có lợi cho cuộc đấu tranh của những người bị trị và chống lại các cuộc chiến tranh để quốc đồng thời nhấn mạnh rằng không thể làm cách mạng thay cho một ai. Các đại biểu Ác-hen-ti-na, Cu-ba, Cô-lôm-bi-a, Vê-nê-xu-ê-la... nhấn mạnh: Trong bối cảnh Mỹ La-tinh, các cuộc cách mạng Cu-ba, Vê-nê-xu-ê-la và Bô-li-vi-a tiêu biểu cho một sự đoàn kết, nhất trí tiên tiến nhằm hướng tới xây dựng một chính quyền

của đa số và của những người lao động, tạo thuận lợi cho một quá trình cách mạng chân chính tiến lên chủ nghĩa xã hội, trong thế kỷ XXI. Bởi: dù hơn 150 năm đã qua, những điều C.Mác nói về sự bóc lột của chủ nghĩa tư bản vẫn luôn đúng, và do đó, sự cần thiết liên hiệp những người bị bóc lột trên toàn thế giới càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết, vì một thế giới tốt đẹp.

Trong cuộc thảo luận tại Tiểu ban, các tham luận đã phân tích những thách thức trong sự phát triển xã hội trong khu vực và châu lục trong thế kỷ XXI này và nêu rõ rằng, cuộc khủng hoảng của các quốc gia châu Phi là sự thể hiện của khủng hoảng kinh tế đang do Quỹ Tiền tệ quốc tế và Ngân hàng thế giới thúc đẩy. Chủ nghĩa tự do mới là một thực tế đang diễn ra ở châu Phi, gây tác hại mạnh mẽ cho nhiều khu vực đặc biệt là y tế và giáo dục. Tất cả các quốc gia châu Phi đang phải chấp nhận những thách thức của chủ nghĩa tự do mới. Về luận đề này, *TSM. A. Pi-rê-la (Vê-lê-xu-ê-la)*, *TS P.Ro-ma (Hôn-đu-rát)* trong các tham luận bàn về chủ nghĩa tự do mới - những giới hạn của nó, đã vạch rõ: Chủ nghĩa tự do mới đã được sử dụng triệt để trong tay nhà nước tư sản, để hình thành chủ nghĩa thực dân mới; và tất cả được xoay quanh cái trục là chủ nghĩa tự do cá nhân sặc mùi tư sản. Nói trực tiếp, vào những năm 80 của thế kỷ XX, ở Vê-nê-xu-ê-la, nhà nước tư sản bảo trợ và dung dưỡng cho chủ nghĩa cá nhân tự do phát triển, và đó là bản chất của chủ nghĩa thực dân mới: 80% số tài sản quốc gia nằm trong tay 5% số kẻ giàu nhất Vê-nê-xu-ê-la. Quyền lợi của những người lao động bị bỏ qua, thậm chí bị chà đạp tàn nhẫn. Tình hình ở châu Phi vào những thập kỷ 80 của thế kỷ XX cũng tồi tệ không kém. Chủ nghĩa tự do mới cũng đã từng đẩy Ác-hen-ti-na rơi vào thảm trạng không thể tồi tệ hơn, như một học giả Ác-hen-ti-na khẳng định.

Vì những lẽ đó, hơn bao giờ hết, hiện nay, chủ nghĩa Mác có thể công hiến những lập luận mới để chúng ta có thể hiểu toàn vẹn và sâu sắc hơn khái niệm toàn cầu hóa, khi đề cập tới chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc hiện nay, đồng thời có phương hướng đúng đắn tập trung kiến giải trùng và rõ những tác động nhiều chiều và phức hợp đang làm suy yếu vị thế, vai trò của giai cấp công nhân, khả năng và sự công hiến của những người lao động hiện nay, trong cuộc đấu tranh giải phóng.

Tại Tiểu ban này, những thảo luận về những kinh nghiệm và tình hình nhiều quốc gia, khu vực trong đó có Bra-xin, Mê-hi-cô, Việt Nam, Chi-lê, Ấn Độ.... đã gây sự chú ý đặc biệt.

Trong nhóm thảo luận về đề tài **Cách mạng, sự thay đổi và chính quyền cách mạng**, 9 ý kiến đề cập đến một trong các nhiệm vụ hiện nay để hướng tới chủ nghĩa xã hội, một sự thay thế có hiệu quả trật tự tư bản chủ nghĩa, là khôi phục lại sức sống vốn có của các tác phẩm của C. Mác đang ngày càng hiện diện nhiều hơn trong các lực lượng tiến bộ; đồng thời, phân tích, nghiên cứu một cách thấu đáo và nghiêm túc hơn nữa về những thất bại của một số quốc gia xã hội chủ nghĩa, trong thế kỷ XX. Một số đại biểu nêu lên sự cần thiết phải thảo luận mô hình "chủ nghĩa xã hội nhà nước" đã từng trở thành như một chế định mang tính lập trường của giai cấp quan liêu. Và, những chuyên gia này đánh giá rằng, đối với việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, cần có sự nghiên cứu đặc thù về các giai cấp, chủng tộc, dân tộc thiểu số, giới, về thanh niên, v.v... cùng với sự nghiên cứu nhất quán và hệ thống các quan hệ quốc tế và môi trường xã hội - kinh tế và chính trị thế giới. Liên quan vấn đề này, bằng góc nhìn: "Kinh tế chính trị học trên bình diện triết học", *TS La-cô* (Bra-xin) đặt vấn đề: Muốn hiểu được mối quan hệ giữa

con người - tư liệu sản xuất - và sản xuất, phải đặt dưới ánh sáng tư tưởng C. Mác. Không như thế không hiểu được thế giới trên phương diện lịch sử một cách đa dạng; không thể nào kiến giải một cách thuyết phục được sự cần thiết xác lập một trật tự xã hội mới thay thế xã hội tư sản, một cách khách quan và biện chứng. Đó là việc cấp bách, của tất cả chúng ta, không trừ một ai.

Các đại biểu dành nhiều thời gian và sự ưu tiên nghiên cứu chủ đề về các kinh nghiệm và những bài học của các cuộc cách mạng, trong đó nổi bật là cuộc Cách mạng Cu-ba trong những năm qua và nêu bật những thành tựu và ảnh hưởng của cuộc cách mạng này đối với khu vực. *An-đét Cha-vét* (Đại sứ Vê-nê-xu-ê-la tại Cu-ba) khẳng định: Chúng ta phải làm gì và làm thế nào để biến giấc mơ thành hiện thực, thông qua cuộc cách mạng của mình? Các cuộc cách mạng tuy mang những nét chung nhưng vẫn không làm mất đi những đặc thù riêng của nó. Cách mạng ở Cu-ba là ví dụ điển hình, sinh động và thuyết phục tại châu Mỹ La-tinh. Ở Vê-nê-xu-ê-la, cách mạng đã được thực hiện theo xu hướng như thế - một cuộc cách mạng "tưởng như không tưởng" đã thành công trên thực tế. Chúng tôi sẽ xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa Vê-nê-xu-ê-la. Đó là mong muốn vĩ đại của nhân dân chúng tôi, và chúng tôi sẽ làm tất cả những gì có thể làm được, vì sự nghiệp đó. Thách thức lớn đối với Cu-ba là, phải đảm đương việc tiếp tục hoàn thiện hệ thống, chế độ từ nội bộ đất nước, chế độ của mình, như một và tiếp tục là tấm gương mẫu mực.

Các đại biểu đã đề cập một cách khá đa diện và dưới nhiều mức độ tới vấn đề ALBA (Giải pháp Bô-li-va cho các dân tộc châu Mỹ), một sáng kiến do Cu-ba và Vê-nê-xu-ê-la đề xướng cách đây một năm; và mới đây, ngày 1-5-2006, có thêm Bô-li-vi-a

tự nguyện tham gia và cùng có chung ý kiến cho rằng, ALBA thực thi quyền dân chủ, làm cho các dân tộc có quyền có tiếng nói của mình. Đây là một phong trào quốc tế mới để cùng chia sẻ sự phát triển và quyền được sống một cuộc sống xứng đáng, tốt đẹp và hoàn chỉnh hơn. Đề cập trực tiếp vấn đề này, tham luận của *TS La-cô* tiếp tục triển khai: Nếu nhìn kinh tế chính trị học đơn thuần thì không thể nào hiểu được hiện tượng sự phân biệt lao động nhập cư ở nước Mỹ hay cuộc đấu tranh cho lợi ích của sinh viên Pháp, hoặc sự bảo trợ cho sản xuất nông nghiệp ở Mỹ hay sự can thiệp của ALCA (Khu vực Tự do mậu dịch châu Mỹ) do Mỹ cầm đầu để chống lại ALBA. Điều đáng nói, quan hệ giữa con người - tư liệu sản xuất - và sản xuất, vẫn như C. Mác nói, nhưng mang ý nghĩa thời sự mới, trong bối cảnh chủ nghĩa tư bản đang mưu toan xô đẩy loài người tới bờ vực thẳm của sự khốn khổ và bần cùng hóa, nhằm tước đoạt tối đa lợi nhuận và cột chặt họ vào vòng nô lệ, lệ thuộc vào cỗ xe tư bản chủ nghĩa một cách man rợ.

Ba phương diện chính được Hội thảo đề cập xoay quanh ba trục đề tài trở thành đặc trưng của các phiên họp toàn thể của Hội thảo phiên toàn thể bé mọn là: **Chủ nghĩa đế quốc và hệ thống quyền lực của chúng; cách mạng như một quyền lực mới và chủ nghĩa xã hội như một quá trình giải phóng.**

Về các vấn đề liên quan tới chủ nghĩa đế quốc, Hội thảo lưu ý rằng, trong thời gian gần đây, người ta thường ra sức tách rời khái niệm chủ nghĩa đế quốc với toàn cầu hóa hoặc thế giới hóa, và nhấn mạnh đây không phải là vấn đề thuộc về ngữ nghĩa. Điều đặc trưng của chủ nghĩa tư bản ngày nay là vai trò thủ lĩnh và bá quyền của Mỹ. Chiến lược thống trị mới của Mỹ đối với Mỹ La-tinh là xác lập kẻ thù theo những điểm then chốt về ba phương diện: đấu tranh chống ma túy, chống chủ nghĩa dân túy

(populismo) và chống chủ nghĩa khủng bố, những cái đó phù hợp với lợi ích địa - chính trị và chiến lược của các nước này với khu vực Mỹ La-tinh và vùng Ca-ri-bê nói riêng và các châu lục khác nói chung. *TS. I. Rô-béc-tô Ba-giô* (I-ta-li-a) nhấn mạnh: Con người đang đối mặt với chiến tranh ở mọi quy mô và mức độ, dưới cây gậy chỉ huy của chủ nghĩa đế quốc. Chúng ta phải bằng mọi cách ngăn chặn chúng. *TS U. G. Rây* (Mỹ) bày tỏ: Mỹ nói các nước khác vi phạm dân chủ, nhân quyền nhưng lại dung túng cho những kẻ khủng bố ẩn nấp, trú ngụ ngay tại nước Mỹ. Gần nửa thế kỷ bao vây cấm vận tàn khốc Cu-ba là bằng chứng về sự kỳ thị, thậm chí sợ hãi của đế quốc Mỹ đối với chủ nghĩa xã hội ở đây và ở châu Mỹ La-tinh. Và vì thế, C. Mác còn sống mãi, chừng nào những bất công ấy còn tiếp diễn.

Về vấn đề liên quan tới **Xây dựng chính quyền mới là thời điểm không thể thiếu của cách mạng**, các đại biểu nêu bật, hiện nay, khái niệm chính quyền phải gắn kết chính trị với xã hội, phải giành và xây dựng chính quyền. Từ đó, cần xây dựng lực lượng cho sự thay đổi to lớn đó, đồng thời phải tập hợp các lực lượng quần chúng và các phong trào xã hội vì mục tiêu đó. Việc giành chính quyền vẫn tiếp tục là đề tài trung tâm và vừa là việc cần kíp vừa lâu dài trong thực tiễn chính trị của phong trào cánh tả. *PGS, TS C. N. A-yut* (Cu-ba), trong tham luận: "Nhà nước và dân tộc đương đại - những thách thức trong thế giới toàn cầu hóa" và *R. Rô-be-uyt* (Pháp) với tham luận: "Vấn đề chủ quyền quốc gia - thách thức đương đại", đều nhấn mạnh: Đây là vấn đề rất quan trọng và hết sức nhạy cảm. Nói đến nhà nước, dân tộc là nói tới quyền tự quyết, nói tới bản sắc dân tộc - những thứ rất dễ bị tổn thương hoặc biến mất trong toàn cầu hóa. Vấn đề đang đặt ra là, chủ nghĩa đế quốc tập trung ở Mỹ hay là một nhóm đế quốc đang đe dọa

thế giới hiện đại, trực tiếp là khu vực châu Mỹ La-tinh. Vấn đề nhà nước và dân tộc ở phía Bắc và Nam khu vực đang có một sự khác biệt không nhỏ, nhưng mặc dù vậy, ALCA đang lâm vào một thất bại lớn. Trọng trách của chúng ta là, phải tìm ra lối thoát cho cuộc khủng hoảng ở phía Nam khu vực và các dân tộc khác ở châu Phi xa xôi.

Bàn tròn thảo luận về **Chủ nghĩa xã hội, quá trình giải phóng trong thế kỷ XXI** nêu bật sự cần thiết phải thúc đẩy ý tưởng cho rằng, sự phát triển đầy đủ và tự do của mỗi người phải là tiền đề và hệ quả của sự phát triển xã hội như một tổng thể và tình đoàn kết phải được coi như giá trị then chốt cho sự tiếp tục phát triển không chỉ về bề rộng mà quan trọng hơn cả về chiều sâu của một nền văn hóa xã hội chủ nghĩa. Các tham luận của Đoàn Đại biểu Việt Nam, Trung Quốc, Vê-nê-xu-ê-la, Ác-hen-ti-na... khi đề cập tới kinh nghiệm và thành công của công cuộc đổi mới ở Việt Nam, cải cách ở Trung Quốc, xu thế phát triển xã hội chủ nghĩa ở Vê-nê-xu-ê-la,... dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác, tại phiên toàn thể bế mạc được Hội thảo hoan nghênh nhiệt liệt.

Về vấn đề này, hai học giả - một của phương Tây: *GS, TS R. Rô-ba-giô* (I-ta-li-a) và một của khu vực Nam Mỹ: *GS V. Van-đốt* (Ca-na-đa) cùng chung cách nhìn: Không ai có quyền và được phép tự do nói bừa rằng, chủ nghĩa xã hội, theo tư tưởng C. Mác, được dựa trên một nền móng xộc xệch. Đặc biệt, *GS, TS R. Rô-ba-giô* kiến giải rõ hơn: Tư tưởng C. Mác đang soi sáng con đường giải phóng xã hội trong thế kỷ XXI, như nó đã làm điều đó một cách tự nhiên và không ai có thể phủ nhận được ở thế kỷ XX. Nhưng cần thiết phải lưu ý rằng, sự áp dụng ở mỗi quốc gia, không phải giống nhau. Liên Xô cứng nhắc nên chế độ xã hội chủ nghĩa ở đó đã sụp đổ. Các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu cũng vậy. Tuy điều đó làm giảm đi đáng kể lòng tin

vào C. Mác, và ở Mỹ La-tinh là trầm trọng, nhưng không vì thế, chúng ta mất phương hướng hay rơi vào một thứ trung dung, hay tệ hơn một số khác thì như về theo C. Mác, rồi đòi xét lại V.I. Lê-nin. Đó quả là điều hết sức tệ hại và chúng cần phải bị rũ bỏ, ngay từ trong ý nghĩ của mỗi chúng ta, nếu chúng ta không muốn lạc hậu trong thế giới hiện nay.

Trong dịp này, hai hoạt động lựa chọn: Hội nghị bàn tròn về vai trò Cu-ba trong các Diễn đàn xã hội toàn cầu và chiếu bộ phim tài liệu với nhan đề *"Mang lại chính quyền cho người nghèo"* biểu dương sự tham gia của quần chúng vào quá trình cách mạng ở Vê-nê-xu-ê-la đã làm phong phú và hấp dẫn hơn về chung quanh chủ đề Hội thảo.

*

* *

Cũng như hai cuộc Hội thảo trước, cuộc gặp gỡ lần này đã tập hợp được đông đảo những đại diện ưu tú của tư tưởng xã hội của thời đại đến từ bốn châu lục. Những buổi tranh luận, thảo luận cởi mở và nghiêm túc về những chủ đề sống còn đang tác động đến tất cả chúng ta, là sự thể hiện yêu cầu cấp bách phải tìm được lối thoát cho trật tự hiện nay và chứng minh thật rõ ràng tầm quan trọng và giá trị của những vấn đề từng được đề cập đến luôn tỏa sáng và tính hiệu lực của nó vẫn phát triển trong hiện thực ngày càng rộng rãi, dưới ngọn cờ tư tưởng của C. Mác - kim chỉ nam của con đường đấu tranh và phát triển đúng đắn của loài người, trong thế kỷ XX và thế kỷ XXI hiện nay. Đó là thực tiễn cách mạng và xu thế tiến bộ, là sự biểu hiện sức sống bất diệt của tư tưởng C. Mác trong không gian chính trị và xã hội rất phức tạp nhưng đầy triển vọng sáng sủa hiện nay. □

PHẠM ĐÌNH ĐĂNG
(Tổng thuật)

TÌM HIỂU VỀ CHIẾN LƯỢC ĐẠI ĐOÀN KẾT TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

HÀ VĂN THỊNH *

SỨC mạnh của một cộng đồng, hay một dân tộc tùy thuộc rất nhiều vào mức độ cố kết, gắn kết của chính nó, nhất là khi phải đương đầu với những thách thức lớn lao của lịch sử xã hội. Bài viết này cố gắng tìm khía cạnh mới về một đề tài mà hầu như ai cũng biết, đó là *Chiến lược đại đoàn kết* trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Vấn đề đoàn kết trong tư tưởng Hồ Chí Minh là **ngọn núi lớn nhất** trong dãy núi điệp trùng của thời đại Hồ Chí Minh. Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng duy nhất của Đảng ta, của dân tộc ta. Nền tảng tư tưởng ấy là một hệ giá trị, một hệ quy chiếu để từ đó chúng ta tiếp tục thực hiện mục tiêu đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo vì cái đích đi tới là dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Ngược dòng lịch sử, điều chúng ta dễ nhận thấy là con đường ra đi tìm đường cứu nước của người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc được bắt đầu từ đòi hỏi tìm biết sức mạnh về *đoàn kết*. Người đã nói: "Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp: Tự

do, Bình đẳng, Bác ái... muốn tìm xem những gì ẩn đằng sau những chữ ấy"⁽¹⁾. Người còn nói rằng, "đoàn kết... là vấn đề mà tôi quan tâm hơn hết và do đó mà tôi đã tìm ra được con đường đúng"⁽²⁾. Ở mức độ của một tư duy thông thường, về mặt ngữ nghĩa của ngôn từ thì "*Tự do*", "*Bình đẳng*" và "*Bác ái*" là những mỹ từ gợi cảm. Mà, một xã hội trong đó chứa đựng một sự thật như vậy là một xã hội hòa thuận, yên bình. Đương nhiên, sự gắn kết giữa con người trong xã hội ấy là một xã hội đại đồng, tươi đẹp.

Từ năm 1919, Nguyễn Ái Quốc đã nói đến vấn đề *đại đồng*. Trong bài *Phong trào cộng sản Quốc tế*, Nguyễn Ái Quốc viết rằng: "Không Tử vĩ đại khởi xướng thuyết đại đồng và truyền bá sự bình đẳng về tài sản"⁽³⁾. Ở đây, quan niệm về *đoàn kết* như là một nguyên tắc; tuy nhiên nó vẫn còn chung chung, chưa thật đầy đủ. Phải chờ đến 2 năm

* Trường đại học khoa học Huế

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 1, tr 477

(2) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 12, tr 471

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 1, tr 35

sau, năm 1921, hai chữ **đoàn kết** mới xuất hiện **chính thức, đầu tiên** trong bài *Phong trào cách mạng ở Ấn Độ* của Nguyễn Ái Quốc: "Người giàu người nghèo, quý tộc và nông dân, Hồi giáo và Phật giáo, đều hợp sức **đoàn kết**"⁽⁴⁾. Nhận định trên giống như một lời tiên tri⁽⁵⁾. Nếu chúng ta đọc lại bài viết này của Nguyễn Ái Quốc thì sự đánh giá này càng rõ hơn... Cách đặt vấn đề của Nguyễn Ái Quốc cho phép rút ra những nhận xét nhỏ: 1) Cái đe dọa và nguy hại nhất của đoàn kết là xung đột, mâu thuẫn từ hai vấn đề chủ yếu: mâu thuẫn giai cấp (người giàu, người nghèo) và mâu thuẫn tôn giáo. 2) Cuộc cách mạng của bất kỳ dân tộc nào cũng phải nhận thức rõ vấn đề này. Ấn Độ chỉ là một trong những biểu hiện nổi bật của khả năng đoàn kết lúc đó. 3) Cả hai bài đều nói lên *sự quan tâm đặc biệt* của Nguyễn Ái Quốc đối với vấn đề đoàn kết quốc tế.

Đến năm 1920, vấn đề *đoàn kết* chỉ mới được giới hạn trong phạm vi giải quyết các *quan hệ giữa con người với con người*. Phải đến năm 1921, lý luận *đoàn kết* trong quan điểm của Nguyễn Ái Quốc phát triển thành một *nguyên lý* với nội hàm lớn và toàn diện, đó chính là *đoàn kết giai cấp*. Điểm đáng chú ý là, *đoàn kết giai cấp* được Nguyễn Ái Quốc đặt làm tiêu đề bài viết, và coi *đoàn kết* là vấn đề **nguyên tắc**, nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng. Trong bài viết này, khi bàn về cuộc bãi công của công nhân hàng hải ở Bra-xin, Nguyễn Ái Quốc khẳng định *đoàn kết giai cấp* sẽ là động lực đầu tàu của toàn bộ sức mạnh *đoàn kết dân tộc*; rằng trên đời *cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản*⁽⁶⁾.

Từ những dẫn liệu trên, cho phép chúng ta kết luận rằng, đối với Nguyễn Ái Quốc, *cứu nước là đoàn kết, cách mạng là đoàn kết*. Nó không chỉ là hai mặt của vấn đề về cuộc cách mạng giải phóng dân tộc mà giống như "hai cánh của con chim", bay thẳng tới bầu trời tự do của Tổ quốc.

Đoàn kết có thể coi là sự *đồng hành*, là tinh thần thường trực trong cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nếu trong những tháng, năm cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp, vấn đề *đoàn kết* là điều trăn trở, thôi thúc cần kêu gọi và xây dựng, thì sau khi hòa bình lập lại, nó vẫn tiếp tục là trọng tâm, là vấn đề đặc biệt, là mối quan tâm thường xuyên của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sau đây, ta thử tìm xem trong quãng thời gian từ ngày 22-7-1954 đến ngày 14-6-1955 - năm đầu tiên sau khi kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Hồ Chí Minh đã quan tâm đến *đoàn kết* như thế nào?

Tổng số bài viết, điện văn, trả lời phỏng vấn trong thời gian này của Hồ Chí Minh là 118 bài. Trong số đó, số điện văn, trả lời phỏng vấn có nhắc đến vấn đề *đoàn kết* là 33 bài, (chiếm 38,94%), còn lại 85 bài Hồ Chí Minh viết và nói với Đảng và các tầng lớp nhân dân ta. Như vậy, vấn đề *đoàn kết* chủ yếu được Chủ tịch Hồ Chí Minh nói

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 1, tr 41

(5) Khả năng phán đoán chính xác các sự kiện lịch sử trong tương lai của Nguyễn Ái Quốc được chứng minh rất rõ ở nhiều trường hợp. Chẳng hạn, trong Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t 1, tr 243 - 244, Nguyễn Ái Quốc viết: "Thái Bình Dương và các thuộc địa xung quanh Thái Bình Dương, tương lai có thể trở thành một lò lửa của cuộc chiến tranh thế giới sắp tới". Đây là nhận định được đăng trên *Le Paria*, số 24, tháng 4-1924 - có ý nghĩa là 17 năm trước khi chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ (7-12-1941)

(6) Xem Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 1, tr 265 - 266

với nhân dân trong nước. Tuy nhiên, ta cũng hiểu rằng, trong ngôn ngữ ngoại giao, hai chữ *đoàn kết* thường được thay thế bằng các từ như *tình hữu nghị, mối quan hệ chặt chẽ...* Cũng cần nhấn mạnh, số lượng 38,94% trên đây đủ chứng minh rất rõ quan điểm xuyên suốt của Người về *đoàn kết* quốc tế quan trọng đến mức nào!

Trong 85 bài viết, bài nói chuyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người đã có những khẳng định cụ thể khác nhau về tầm quan trọng của *đoàn kết*. Có khi, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói *đoàn kết là sức mạnh của Đảng* ⁽⁷⁾; Ngày nay, sự *đoàn kết trong Đảng là quan trọng hơn bao giờ hết* ⁽⁸⁾ (Hồ Chí Minh nhấn mạnh); ở một chỗ khác Người lại cho rằng *đoàn kết là lực lượng mạnh nhất của chúng ta* ⁽⁹⁾; là một lực lượng vô địch của chúng ta ⁽¹⁰⁾. Đặc biệt, không ít lần, Người lưu ý phải **thật thà đoàn kết**...

Đoàn kết, theo Hồ Chí Minh, là một vấn đề chiến lược; *không phải là một thủ đoạn chính trị* ⁽¹¹⁾, trong đó *đoàn kết* giữa Đảng với nhân dân là quan trọng nhất. Bởi vì, đó là *nền gốc của đại đoàn kết*. Người cũng lưu ý chúng ta phải tránh cho bằng được hai nguy cơ: *cô độc hẹp hòi và đoàn kết vô nguyên tắc* ⁽¹²⁾. Bài *Nói chuyện tại hội nghị đại biểu Mặt trận Liên Việt toàn quốc* ngày 10-1-1955, có thể coi là một trong những biểu hiện mẫu mực của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề *đoàn kết*. Chỉ có hơn 500 từ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã 19 lần nhắc đến hai chữ **Đoàn Kết**(!)

Chỉ trong vòng chưa đầy một năm, qua 85 bài viết và nói chuyện, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề cập đến cụm từ *đoàn kết* đến 137 lần. Đó là một tỷ lệ rất lớn trong bối cảnh của một vị Chủ tịch nước có và luôn

phải bàn đến, trăm công ngàn việc. Đây là một số liệu mà người viết bài này đã "chọn" ra rất tình cờ vì lẽ không đủ thời gian để thống kê toàn bộ cả 12 tập của *Hồ Chí Minh toàn tập* có bao nhiêu lần Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhắc đến hai tiếng thiêng liêng: **Đoàn kết**

Trong 8 tháng của năm 1969, tổng số bài được lưu giữ là 35, có 42 lần Chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc đến hai từ *đoàn kết*. Điều đáng chú ý nhất là trong bài *phát biểu cuối cùng* (18-7-1969) và trong *Di chúc*; *đoàn kết* được Người nhắc tới 7 và 8 lần! Thậm chí, ngay cả những điều *mong muốn cuối cùng* trong *câu cuối cùng* của Di chúc của Người, thì *đoàn kết* cũng là mong muốn thứ nhất: *"Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới."* (tác giả nhấn mạnh).

Từ tư tưởng Hồ Chí Minh về *Chiến lược đại đoàn kết* trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người và nhất là trong năm 1969, bước đầu có thể nêu ra được một số kết luận sau đây:

Thứ nhất, sức mạnh của dân tộc, sự ổn định và phát triển chỉ có thể có được nếu không ngừng tăng cường *đoàn kết*. Đặc biệt, thời kỳ hòa bình lại càng phải quan tâm nhiều hơn. Bởi vì, những bất đồng, mâu thuẫn về quyền lợi, địa vị hầu như không đáng kể trong chiến tranh thì đến thời hòa bình lại trở thành nguy cơ rất lớn mà Hồ Chí Minh đã không ít lần nhắc đến: nguy cơ từ "viên đạn bọc đường". Sự *đoàn kết*

(7), (8), (9), (10), (11), (12) Hồ Chí Minh: *Sổđ*, t 7, tr 335, 492, 368, 397, 438

trong đảng cầm quyền là cái xương sống của toàn bộ sự nghiệp cách mạng của cả dân tộc. Muốn đoàn kết được, phải thẳng thắn phê bình mọi biểu hiện sai trái. Trong cuộc *gặp mặt cuối cùng* trước đông đảo quần chúng - gặp các đồng chí lãnh đạo Tổng Công đoàn Việt Nam, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: Các báo đảng bài của công nhân phê bình, thế là tốt. Báo *Lao Động* nên mở rộng mục này cho quần chúng phê bình trên báo⁽¹³⁾. Cuộc đấu tranh này không dễ dàng, bởi vì nó là cuộc đấu tranh đầy phức tạp và nhạy cảm, trong đó có cả sự đấu tranh với chính bản thân của mỗi con người.

Thứ hai, khi Hồ Chí Minh nói: *Phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình*; một mặt, Người nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc đoàn kết trong nội bộ đảng, mặt khác, nó phản ánh rằng, Người đã thấy rõ khối đoàn kết trong Đảng "đã và đang có vấn đề". Lảng tránh thực tế này, hoặc không dám nhìn thẳng vào sự thật là một cách nhìn không thật sự khoa học và có thể sẽ tạo ra không ít những sai lầm. Bất kỳ đảng phái nào cũng luôn tiềm tàng nguy cơ chia rẽ, tình trạng bè phái. Ngăn chặn và thường xuyên "trông chừng" nguy cơ đó và loại bỏ nó là một nhiệm vụ thuộc về nguyên tắc tối cao của Đảng.

Thứ ba, không hề ngẫu nhiên khi những dòng chữ cuối cùng của Chủ tịch Hồ Chí Minh lại là viết thư cho Tổng thống Mỹ R.Nich-xon khi cuộc chiến tranh chống đế quốc Mỹ của Việt Nam đang ở trong giai đoạn gay go, ác liệt nhất. Vậy mà, Hồ Chí Minh đã nhìn thấy, *chuẩn bị trước cơ sở để* xúc tiến quan hệ Việt - Mỹ nói riêng, tình đoàn kết với nhân dân Mỹ nói chung. Đường như Hồ Chí Minh đã nhìn thấy rõ

sự thật rằng: thế giới ngày càng phát triển, loài người càng gần gũi thì việc duy trì đoàn kết lại càng khó khăn, phức tạp. Đoàn kết quốc tế chỉ có được khi ta có thực lực, bởi "*thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to thì tiếng mới lớn*"⁽¹⁴⁾. Thực lực không chỉ giới hạn trong sức mạnh của dân tộc mà còn là sự hóa giải đúng và đủ các quan hệ với các nước lớn. Hòa khí hay đoàn kết quốc tế, trước hết và luôn phải là đoàn kết nội bộ, từ đó củng cố được mối quan hệ bền vững, hiệu quả với các cường quốc khác.

Hai ngàn năm trăm năm trước, với Nho học, Khổng Tử đã vẽ nên con mắt cho con rồng văn minh Trung Hoa, một biểu tượng văn hóa của dân tộc này. Ba mươi bảy năm trước đây, trước lúc "đi xa", Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dặn dò chúng ta rằng *đoàn kết phải là con ngươi của con mắt*, của toàn bộ sức mạnh Việt, hồn Việt. Thuyết Đại đồng của Khổng Tử dựa trên cơ sở của cái chung chung. Hai chữ bác ái của người Pháp còn là những mỹ từ trừu tượng, mông lung khi chủ nghĩa thực dân còn đang say sưa đi xâm lược và mở rộng thuộc địa. Câu mở đầu của Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là: *Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!* Lê-nin đã phát triển thành: *Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!*

Với Hồ Chí Minh, *đoàn kết* là một chân lý rõ ràng và được mở rộng theo một trình tự phát triển từ con người của cộng đồng tới giai cấp và vượt ra ngoài giai cấp; vượt qua mọi khác biệt về tôn giáo, chính kiến, xuyên suốt và bao trùm tất cả mọi mối quan hệ; lấp lánh suốt thời gian và tỏa sáng mọi không gian. □

(13), (14) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 12, tr 567

HỌC TẬP TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ BẢN CHẤT VÀ PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN DƯ LUẬN XÃ HỘI

LÊ NGỌC HÙNG *

1 – Bản chất của dư luận xã hội

Hiện nay, việc nghiên cứu về dư luận xã hội trở nên quan trọng và cần thiết, bởi vì nó trực tiếp liên quan tới quan điểm và chính sách đối mới toàn diện đời sống kinh tế - chính trị - xã hội do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo từ năm 1986 đến nay. Các phương châm lãnh đạo và hành động thực tiễn được dư luận xã hội ủng hộ sâu rộng, nhất là khi Quy chế Dân chủ ở cơ sở đi vào cuộc sống thì vai trò của dư luận xã hội càng thể hiện rõ. Rất nhiều tấm gương điển hình trong công tác xóa đói, giảm nghèo và tăng trưởng kinh tế đã được dư luận xã hội ủng hộ nhiệt tình. Không ít các vụ việc sai trái ở các cấp, các ngành đã bị dư luận xã hội phản ứng quyết liệt. Dư luận xã hội đang đóng vai trò phản biện xã hội trong cải cách hành chính. Nhưng bản chất dư luận xã hội là gì? Cần nghiên cứu và định hướng dư luận xã hội như thế nào?... là những vấn đề đặt ra hết sức cấp thiết.

Dư luận là một hiện tượng xã hội gắn liền với đời sống của con người. Con người có tiếng nói là có phương tiện để bày tỏ suy nghĩ, tình cảm và chia sẻ ý kiến với nhau trong quá trình cùng sinh sống và lao động. Trong xã hội có sự phân chia giai cấp, dư luận xã hội là ý kiến của công chúng được nói công khai về

những vấn đề công cộng. Do đó, về thực chất, dư luận xã hội phản ánh mong muốn, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân. Quần chúng lao động sử dụng dư luận xã hội như là diễn đàn để nói lên ý kiến của mình nhằm ngợi ca những điều tốt đẹp và phê phán những thói hư, tật xấu của xã hội và nhất là nhằm bảo vệ quyền lợi của mình. Xét từ góc độ này, trong xã hội phân chia giai cấp, dư luận xã hội là ý kiến của quần chúng nhân dân mà không phải lúc nào giai cấp thống trị cũng muốn nghe và dám nghe. Điều này giải thích tại sao trong một thời kỳ rất dài của lịch sử loài người, dư luận xã hội vẫn thường xuyên tồn tại, nhưng không được tìm hiểu và nghiên cứu một cách khoa học.

Trên thế giới, mãi đến thời đại Ánh sáng, cùng với sự phát triển của kinh tế công nghiệp và các cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật, hiện tượng dư luận xã hội mới được nghiên cứu một cách khoa học. Sự phát triển kinh tế thị trường đòi hỏi các nhà sản xuất kinh doanh phải quan tâm tìm hiểu dư luận xã hội của các nhóm người đặc biệt có tên gọi chung là nhóm khách hàng. Dư luận xã hội dưới góc độ

* PGS, TS, Viện Xã hội học và Tâm lý lãnh đạo, quản lý. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

kinh tế học được hiểu là thị hiếu của khách hàng. Chế độ dân chủ tư sản đòi hỏi các đối thủ cạnh tranh của các đảng phái chính trị phải tranh thủ dư luận xã hội từ phía các nhóm cử tri. Như thế có nghĩa là, từ góc độ chính trị học, dư luận xã hội là thái độ và hành vi của các cử tri đối với những chính sách và chính khách cụ thể. Trước yêu cầu về mặt kinh tế và chính trị như vậy, các cuộc điều tra dư luận xã hội đã được thực hiện và không ngừng được cải tiến về phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu. Đồng thời, các cách tiếp cận khoa học về dư luận xã hội trong chính trị học, kinh tế học, tâm lý học và xã hội học về dư luận xã hội cũng phát triển mạnh mẽ, nhất là ở những nước công nghiệp hàng đầu thế giới.

Tại Việt Nam, cùng với công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội trong 20 năm qua, các vấn đề của dư luận xã hội bắt đầu được đẩy mạnh nghiên cứu một cách khoa học, hệ thống. Các cơ sở nghiên cứu và đào tạo đã chú ý tìm hiểu nguồn gốc lịch sử, xã hội, văn hóa, tư tưởng của hiện tượng dư luận xã hội. Trong các trường đại học đang có môn học về dư luận xã hội. Trong các viện nghiên cứu đang có các tập thể nhà khoa học thường xuyên thực hiện các đề tài thăm dò dư luận xã hội. Một số sách và tài liệu về dư luận xã hội đã được biên soạn để giảng dạy và tham khảo. Điều quan trọng là càng tiến hành các cuộc thăm dò dư luận xã hội nhiều bao nhiêu, các nhà nghiên cứu càng thấy cần thiết phải trở lại tìm hiểu những luận điểm của tư tưởng Hồ Chí Minh về dư luận xã hội. Các nhà khoa học của thế kỷ XXI hiểu rất rõ rằng không thể tìm thấy một học thuyết có sẵn và đầy đủ về dư luận xã hội trong các tác phẩm kinh điển. Nhưng chắc chắn có thể tìm ra những ý tưởng khoa học sâu sắc bàn về bản chất, vị trí, vai trò và cơ chế hình thành dư luận xã hội trong các tác phẩm của Hồ Chí Minh. Điều cơ bản là cần học tập tinh thần phương pháp luận khoa học và cách mạng trong tư

tưởng Hồ Chí Minh về bản chất dư luận xã hội. Qua đó, có thể hiểu sâu sắc hơn tinh thần khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin để có thể vận dụng một cách sáng tạo vào việc nghiên cứu và định hướng dư luận xã hội nhằm phục vụ công cuộc bảo vệ và xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

2 - Quan điểm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về dư luận xã hội

Dư luận xã hội là một hiện tượng xã hội đặc biệt phản ánh nhận thức, quan niệm, ý kiến nhận xét, đánh giá, thái độ, tâm tư, nguyện vọng, tình cảm và xu hướng hành động của các nhóm xã hội đối với những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống của họ. Dư luận xã hội luôn chứa đựng các yếu tố nhận thức, tình cảm và khả năng hành động của các nhóm xã hội nhất định. Để nhận thức và định hướng dư luận xã hội vào giải quyết những vấn đề đặt ra đối với sự nghiệp xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ và văn minh, cần tích cực học tập nghiêm túc những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh.

Dư luận xã hội là sự nhận thức và quyết tâm làm cách mạng của đông bào. Bản chất "tập thể" với nghĩa là sự hiểu biết và sự quyết tâm hành động tập thể của dư luận xã hội đã được Hồ Chí Minh nhấn mạnh trong nhiều tác phẩm của Người. Trong tác phẩm "Đường cách mệnh", Hồ Chí Minh đã nêu rõ ý nghĩa quan trọng có tính quyết định của sự đồng tâm nhất trí của nhiều người, của vô số người đối với sự nghiệp cách mạng. Người viết: "Việc gì khó cho mấy, quyết tâm làm thì làm chắc được, ít người làm không nổi, nhiều người đồng tâm hiệp lực mà làm thì phải nổi". "Muốn đồng tâm hiệp lực, muốn bền gan thì trước ai ai cũng phải hiểu rõ vì sao mà phải làm, vì sao mà không làm không được, vì sao mà ai ai cũng phải gánh một vai"⁽¹⁾. Để đối phó với những

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 2, tr 261

nguyên cơ tụt hậu về kinh tế hiện nay, đòi hỏi sự nhận thức rõ ràng về nguyên nhân và sự quyết tâm vượt khó làm giàu của các tầng lớp xã hội. Một mình khu vực kinh tế nhà nước không thể xoay chuyển tình thế mà phải có sự đồng tâm hiệp lực của tất cả các thành phần kinh tế. Sự cởi mở và ủng hộ của dư luận xã hội đối với động cơ và việc làm giàu theo đúng pháp luật đang tạo ra thời cơ cho những bước chuyển biến mạnh về tư duy lý luận và thực tiễn quản lý kinh tế Việt Nam.

Định hướng dư luận xã hội có nghĩa là làm cho dân hiểu và quyết tâm làm cách mạng giành và giữ độc lập tự do cho dân tộc. Hồ Chí Minh chỉ rõ vì sao giai cấp thống trị cấm không cho dân học tập: đó là vì chúng sợ người dân hiểu biết sẽ đồng lòng nhất trí đứng lên đánh đổ chúng. Muốn làm cách mạng thì phải định hướng dư luận xã hội, tức là làm cho dân hiểu vì sao phải làm cách mạng và phương pháp làm cách mạng như thế nào. Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương phương pháp định hướng dư luận xã hội là tuyên truyền, vận động để mọi người dân đều hiểu, đều tỉnh ngộ và đoàn kết làm cách mạng giành độc lập tự do cho dân tộc. Làm cách mạng có nghĩa là phải giảng giải lý luận và chủ nghĩa Mác - Lê-nin cho dân hiểu. Khi trả lời câu hỏi vì sao phải viết cuốn *Đường cách mệnh*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ghi rõ: "Sách này chỉ ao ước sao đồng bào xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết mà làm cách mệnh"⁽²⁾.

Định hướng dư luận xã hội phải dựa trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ muốn làm cách mạng phải giành được sự ủng hộ thực sự bằng hành động cách mạng của quần chúng nhân dân. Muốn vậy phải vận động và tổ chức dân chúng. Đảng phải vững thì mới lãnh đạo cách mạng thành công. Muốn đảng vững chắc thì đảng phải có trí khôn tức là phải có lý luận của chủ nghĩa

Mác - Lê-nin. "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mạng nhất là chủ nghĩa Lê-nin"⁽³⁾. Theo học thuyết Mác - Lê-nin, chúng ta mạnh dạn đổi mới tư duy lý luận trên cơ sở phân tích những yêu cầu của thực tiễn đổi mới kinh tế - xã hội vừa qua. Có thể thấy điều này qua việc hơn 88% đại biểu tham dự Đại hội lần thứ X của Đảng vừa qua tán thành quy định đảng viên làm kinh tế tư nhân - một quy định theo kịp sự phát triển và yêu cầu của thực tế dư luận xã hội vừa qua.

Định hướng dư luận xã hội là tìm đủ cách giải thích cho dân hiểu. Sau tác phẩm *Đường cách mệnh* (năm 1927), vào năm 1947 Bác Hồ viết tác phẩm nổi tiếng "Sửa đổi lối làm việc". Trong tác phẩm quan trọng này, Bác Hồ căn dặn cán bộ phải sửa chữa các khuyết điểm khi làm việc với dân. Để tạo ra dư luận xã hội ủng hộ sự nghiệp cách mạng, Bác Hồ căn dặn cán bộ phải *"tìm đủ cách giải thích cho dân hiểu"* và không làm theo cách *"hạ lệnh, cách cưỡng bức"*⁽⁴⁾. Bởi vì nếu dân không hiểu, dân oán trách. Những thủ tục hành chính phức tạp, ví dụ thủ tục hộ khẩu, luôn gây ra sự khó hiểu và sự phàn nàn, thậm chí oán trách đang đòi hỏi phải cải cách mạnh mẽ. Việc nâng giá xăng dầu vừa qua đã được dư luận xã hội chấp nhận, ủng hộ là nhờ trước đó các cơ quan có trách nhiệm đã giải trình, phân tích sự cần thiết của việc nâng giá.

Định hướng dư luận xã hội phải dựa vào niềm tin tuyệt đối vào dân. Bác phát hiện ra một chân lý và đòi hỏi cán bộ đảng viên phải luôn ghi nhớ khi làm việc với dân. Đó là chân lý: "Dân rất tốt. Lúc họ đã hiểu thì việc gì khó khăn mấy họ cũng làm được, hy sinh mấy họ cũng không sợ"⁽⁵⁾. Những vướng mắc, phần

(2), (3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 2, tr 262, 268

(4), (5) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 245, 246

lớn là do cán bộ lãnh đạo quản lý không sát dân, không tin dân, không thực sự thực hiện phương châm: "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Một số cán bộ chưa tin là dân có thể cùng tham gia vào quá trình ra quyết định, "dân quyết" nên bùng bít thông tin, thiếu minh bạch. Thí dụ, một số sự việc liên quan tới giải tỏa mặt bằng tái định cư thời gian qua. Đây là một trở ngại rất lớn trong quá trình ra quyết định và triển khai thực hiện các quyết định phát triển kinh tế - xã hội.

Định hướng dư luận xã hội phải phù hợp với nguyện vọng của quần chúng tiến bộ. Muốn hiểu tâm tư, nguyện vọng, suy nghĩ của người dân thì cán bộ, đảng viên phải sát quần chúng, hợp quần chúng và sửa chữa căn bệnh hình thức, bệnh chủ quan. Bác Hồ chỉ rõ phương pháp nắm bắt dư luận xã hội của quần chúng là: phải chịu khó học hỏi xem "quần chúng cần cái gì, muốn nghe muốn biết cái gì, ham chuộng cái gì". Vai trò của dư luận xã hội là rất quan trọng, rất cần thiết để có thể tổ chức có hiệu quả các hoạt động. Bác Hồ đã chỉ rõ: "Bất cứ việc to việc nhỏ, chúng ta phải xét rõ và làm cho hợp trình độ văn hóa, thói quen sinh hoạt, trình độ giác ngộ, kinh nghiệm tranh đấu, lòng ham, ý muốn, tình hình thiết thực của quần chúng. Do đó mà định cách làm việc, cách tổ chức. Có như thế mới có thể kéo được quần chúng". Bác chỉ rõ một nguyên nhân cơ bản của sự yếu kém trong công tác đó là sự xa rời quần chúng: "nơi nào công việc kém là vì cán bộ cách xa dân chúng, không cùng dân chúng, bàn bạc, không giải thích"⁽⁶⁾.

Dư luận xã hội gắn với tập trung dân chủ trong Đảng. Để cách mạng thành công Đảng phải vững mạnh, cán bộ, đảng viên phải biết rõ ưu điểm và khuyết điểm của bản thân để sửa chữa những khuyết điểm đó. Muốn vậy, người lãnh đạo Đảng và Chính phủ không những phải nắm bắt dư luận xã hội của quần chúng

nhân dân, mà còn phải thường xuyên lắng nghe dư luận của cán bộ, đảng viên. Cách tốt nhất không gì bằng là "khuyến cán bộ mình mạnh bạo đề ra ý kiến và phê bình. Như thế không những không phạm đến uy tín của người lãnh đạo mà lại tỏ ra dân chủ thật thà trong Đảng". Bác Hồ nêu rõ tác hại của sự tăng bốc và sự mất dân chủ trong Đảng khi cán bộ không bày tỏ ý kiến của mình. Bác viết: "Nếu cán bộ không nói năng, không đề ý kiến, không phê bình, thậm chí lại tăng bốc mình, thế là một hiện tượng rất xấu. Vì không phải họ không có gì nói, nhưng vì họ không dám nói, họ sợ. Thế là mất hết dân chủ trong Đảng. Thế là nội bộ của Đảng âm u, cán bộ trở nên những cái máy, trong lòng uất ức, không dám nói ra, do uất ức mà hóa ra oán ghét, chán nản. Như thế mà muốn cán bộ công tác cho giỏi thì sao được"⁽⁷⁾. Như vậy, có thể thấy Bác Hồ đặc biệt quan tâm tới dân chủ trong Đảng và coi việc cán bộ, đảng viên phát biểu ý kiến, bày tỏ thái độ, góp ý phê bình là một hiện tượng bình thường và rất cần thiết để nâng cao hoạt động của Đảng. Việc đè nén và tạo ra tâm lý "sợ không dám nói" sẽ gây tác hại to lớn như mất dân chủ, mất đoàn kết, oán ghét, chán nản, âm u. Những ý kiến được nói ra mà không sợ bị trừng phạt là dư luận xã hội.

3 – Quy trình tìm hiểu và định hướng dư luận xã hội

Tư tưởng Hồ Chí Minh chứa đựng những quan niệm cơ bản về quy trình tìm hiểu và định hướng dư luận xã hội. Lắng nghe dư luận xã hội của quần chúng nhân dân và của cán bộ, đảng viên là cần thiết nhưng chưa đủ. Bởi vì rất nhiều người và nhiều loại ý kiến. Do đó, cần tập trung các ý kiến khác nhau, so sánh kỹ lưỡng, phân tích kỹ nội dung ý kiến của các tầng lớp xã hội có các ý kiến đó, tìm ra những

(6), (7) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 295, 280

mâu thuẫn trong các ý kiến khác nhau, xem rõ cái nào đúng, cái nào sai. Chọn lấy ý kiến đúng, đưa ra cho dân chúng bàn bạc, lựa chọn lại để nâng cao dần sự giác ngộ của dân chúng. "Thế gọi là: tập trung ý kiến, ra sức thi hành". Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, một quy trình tìm hiểu và định hướng dư luận xã hội bao gồm các yếu tố và các bước: 1 - Thu thập các loại ý kiến của các tầng lớp xã hội khác nhau về những vấn đề nhất định, 2 - So sánh kỹ, phân tích kỹ các nội dung của các loại ý kiến, 3 - Phát hiện ra mâu thuẫn trong các ý kiến, 4 - Phân biệt cái đúng và cái sai trong các ý kiến, 5 - Lựa chọn ý kiến đúng trong số các ý kiến đã có, 6 - Đem ý kiến đúng đã được lựa chọn cho người dân bàn bạc, so sánh và giải quyết vấn đề.

Các nhà nghiên cứu dư luận xã hội cũng sử dụng các bước thu thập và xử lý thông tin về dư luận xã hội. Nhưng một vấn đề quan trọng mà họ ít khi làm được là "đem ý kiến đúng đã được lựa chọn đến với người dân để họ so sánh, bàn bạc, lựa chọn lại". Điều đó, cho thấy, nắm bắt được dư luận xã hội vẫn chưa đủ, điều cần thiết là phải làm cho dân giác ngộ và tham gia bày tỏ ý kiến, bàn bạc, lựa chọn, quyết định và thực hiện. Về điều này Bác Hồ căn dặn: "phải khéo tập trung ý kiến của quần chúng, hóa nó thành cái đường lối để lãnh đạo quần chúng. Phải đem cách nhân dân so sánh, xem xét, giải quyết các vấn đề, mà hóa nó thành cách chỉ đạo nhân dân"⁽⁸⁾. Có đối xử một cách khoa học và khéo léo với dư luận xã hội mới có thể thực hiện được một trong những nguyên tắc lãnh đạo của Đảng là "tuyệt đối không nên theo đuôi quần chúng".

Thực tế cho thấy, một ý tưởng chính sách dù đúng đắn nhưng không tạo được dư luận xã hội ủng hộ cũng khó có thể được thực hiện thành công. Chẳng hạn, đề án tăng học phí đại học đã bị dư luận xã hội phản ứng, không ủng hộ nên phải rút lại. Nếu thấy rằng cần thiết

phải tăng học phí đại học để nâng cao chất lượng giáo dục đại học Việt Nam thì rõ ràng cần phải đối xử một cách khoa học đối với dư luận xã hội về vấn đề này. Lúc đó, có thể phải tổ chức nghiên cứu và định hướng dư luận xã hội theo quy trình nghiêm túc để tạo được sự ủng hộ tích cực của các tầng lớp nhân dân, các cán bộ lãnh đạo quản lý và các cán bộ khoa học đối với một đề án đúng đắn nhằm đầu tư vào giáo dục đại học.

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, dư luận xã hội bao gồm sự hiểu biết, thái độ và sự quyết tâm hành động của quần chúng nhân dân và các cán bộ đảng viên nhằm xây dựng một đất nước độc lập, tự do, hạnh phúc. Định hướng dư luận xã hội đòi hỏi phải nâng cao nhận thức và tạo cơ chế dân chủ để quần chúng nhân dân và cán bộ, đảng viên dám nói lên ý kiến của họ để Đảng và Chính phủ hiểu rõ ưu điểm và khuyết điểm. Cách thức thu thập, xử lý các thông tin về dư luận xã hội phải tuân theo một quy trình khoa học có tính nghệ thuật "khéo léo". Chân lý mà Bác Hồ phát hiện ra ở đây là: *phải tuyệt đối tin tưởng vào dân*.

Dư luận xã hội trở thành một thiết chế xã hội cơ bản đáp ứng nhu cầu chia sẻ thông tin, bày tỏ tình cảm, suy nghĩ và chuẩn bị sẵn sàng hành động của các cá nhân và các nhóm xã hội đối với những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống. Chúng ta càng cần phải tìm hiểu và học tập các quan điểm cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh để xây dựng cơ sở lý luận khoa học cách mạng cho nghiên cứu và giảng dạy về dư luận xã hội. Có như vậy, dư luận xã hội của các tầng lớp xã hội, các nhóm xã hội và các cán bộ đảng viên mới thực sự trở thành *đối tượng và công cụ* của lãnh đạo và quản lý xã hội nhằm mục tiêu phát triển đất nước bền vững. □

(8) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 298



XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA ĐẤT NƯỚC

TRẦN NGỌC HIỀN *

I - NÂNG CAO VAI TRÒ VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, MỘT VẤN ĐỀ CẤP BÁCH HIỆN NAY

Tổng kết 20 năm đổi mới, chúng ta phấn khởi với những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử nhưng cũng lo lắng trước những hạn chế và yếu kém. Muốn vượt lên trên thực trạng hiện nay, cần phải *đặt những thành tựu bên cạnh những hạn chế như hai mặt của một vấn đề*. Đó là *cách nhìn hệ thống* cho phép thấy rõ thực chất vấn đề và gợi ý về giải pháp.

1 - Nước ta đã liên tục đạt mức tăng trưởng cao về *số lượng* trong nhiều năm. Đó là thành tựu nổi bật. Nhưng mặt khác *chất lượng và hiệu quả* còn thấp kém do trình độ khoa học, công nghệ và trình độ lãnh đạo, quản lý còn thấp, chưa chủ động sáng tạo trong bối cảnh thực tiễn biến đổi nhanh; tình trạng tham nhũng, lãng phí khá phổ biến và ngày càng nghiêm trọng, mà vụ PMU18 theo tôi chỉ là mặt nổi của tảng băng. Cũng nên lưu ý rằng những tổn thất lớn do tham nhũng, quan liêu, lãng phí đều được tính trong GDP hằng năm.

Nhìn vấn đề kinh tế ở cả hai mặt nói lên điều gì? Tư duy kinh tế đã được đổi mới một bước tạo ra thành tựu về kinh tế, nhưng nhận thức về khoa học, công nghệ, về *đạo đức, văn hóa trong kinh tế thị trường* thì chậm trễ nhiều so với

kinh tế. Sự phát triển không đồng bộ ấy là sự phát triển chưa bền vững vì thiếu vai trò cần có của văn hóa.

2 - Đổi mới kinh tế đã nâng cao một bước *mức sống* của nhân dân một cách phổ biến ở đô thị và nông thôn, nhưng *lối sống* lại đang sút kém, quan hệ trong tổ chức, trong gia đình, quan hệ giữa con người và cộng đồng đang ngày càng có nhiều biểu hiện tiêu cực. Dù chúng ta đã cố gắng thi đua để có được hàng vạn làng văn hóa, cơ quan văn hóa được công nhận, đã có chục triệu gia đình văn hóa, đã xây dựng được hàng vạn bản hương ước, quy ước văn hóa thôn xóm, nhưng cũng không ngăn cản được sự trỗi dậy của những tiêu cực xã hội tiêu nông được "nâng cấp" bởi những tiêu cực của thị trường.

Điều đáng lo ngại nhất là lối sống tiêu cực lại xâm nhập vào đội ngũ lãnh đạo, quản lý ở nhiều nơi, tạo thành một loại quan hệ ngầm như một lối sống không còn biết xấu hổ như: nịnh bợ, chạy chức quyền, nhận và đưa hối lộ, chạy bằng cấp... Lối sống đó trên thực tế đã chống lại các quy định tiêu chuẩn cán bộ của Đảng. Nguy hại nhất là lối sống đó đã nêu một tấm gương xấu trước nhân dân, vừa làm

* GS, TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

mất lòng tin những người chính trực, vừa tạo môi trường xấu cho sự nảy nở bọn lưu manh. Lối sống ấy là cản trở lớn nhất cho việc cải cách giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực.

Suy nghĩ về mối quan hệ giữa nâng cao mức sống với sự sút kém lối sống nói lên điều gì?

Việc nỗ lực nâng cao mức sống vật chất cho con người đã *không đi đôi* với nâng cao dân trí, cải thiện đời sống văn hóa tinh thần cho con người. Vì vậy, việc nâng cao chỉ số phát triển con người Việt Nam có tiến bộ (2005 so 2004 tăng lên 4 bậc và xếp thứ 108 trong 177 nước) nhưng chưa phải là cái đích của đường lối. Kinh nghiệm thế giới cho thấy rằng: nâng cao mức sống cho nhân dân bằng phát triển kinh tế đã khó, nhưng nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho con người còn khó hơn. Đối với nước ta, không phát triển hài hòa giữa mức sống và lối sống cho con người, cho xã hội, thì sẽ nguy hại cho định hướng xã hội chủ nghĩa về mặt xã hội.

3 - Thực hiện đường lối của Đảng về xây dựng một xã hội *công bằng, dân chủ, văn minh*, các cấp quản lý đã xây dựng và thực hiện nhiều biện pháp như xây dựng Quy chế Dân chủ ở cơ sở, các dự án xóa đói giảm nghèo, các chương trình về an sinh xã hội. Nhưng mặt khác, tình trạng quan liêu hành chính còn nặng nề và phổ biến từ cấp cơ sở. Người ta nói "hành dân là chính", người dân cảm nhận được điều đó khi đến cơ quan công quyền. Rõ ràng là hành chính quan liêu và tham nhũng *không thể đi đôi* với công bằng, dân chủ, văn minh. Nghịch lý này kéo dài đã nhiều năm nói lên điều gì?.

Một là, còn nhận thức "công bằng, dân chủ, văn minh" theo kiểu ban ơn vốn là biểu hiện của một văn hóa chính trị thời bao cấp trước đây.

Hai là, chúng ta còn thiếu một văn hóa chính trị phù hợp với đường lối, với định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Ba là, điều đáng tiếc là: Đảng ta trong giai đoạn trước thông qua thực tiễn đã hình thành một nền văn hóa chính trị phù hợp với yêu cầu phát triển dân tộc và có chất lượng ngang tầm

thời đại - đó là văn hóa chính trị Hồ Chí Minh, nhưng giá trị quý báu đó đã không được vận dụng tốt trong thực tế ở giai đoạn hiện nay.

Bốn là, đến nay vẫn chưa xây dựng xong *thể chế dân chủ*. Từ năm 1986, nước ta chuyển sang *kinh tế thị trường*, năm 2001 xác định *Nhà nước pháp quyền*. Đó là hai trụ cột, nền tảng của dân chủ. Nhưng đến nay, ngay cả nhận thức, cũng chưa thấy vai trò của *xã hội dân sự* - trụ cột thứ ba tạo ra nền tảng thể chế dân chủ. Chưa có đầy đủ ba trụ cột và chưa thiết lập được *mối quan hệ tương tác hai chiều giữa ba trụ cột* ấy, tức là chưa xây dựng được thể chế dân chủ. Nguyên nhân của sự chậm trễ này là do tác động của chủ nghĩa giáo điều và bảo thủ vốn là nhân tố văn hóa cũ, nên không nhận thức được quy luật chung về phát triển của nhân loại và vận dụng vào nước ta.

4 - Trong xây dựng Nhà nước pháp quyền, cơ quan lập pháp đã có nhiều cố gắng xây dựng và sửa đổi hệ thống pháp luật - theo hướng Nhà nước pháp quyền nhân dân, nhưng sự phát triển không đồng bộ giữa lập pháp, hành pháp, tư pháp, đã không có sự phối hợp và kiểm soát lẫn nhau. Kết quả là công tác *thực thi pháp luật* (cả hành pháp và tư pháp) đều còn yếu kém ở tất cả các cấp quản lý về mặt năng lực (tính chuyên nghiệp) và cả về mặt phẩm chất đạo đức. Những sự kiện lớn về tham nhũng, lãng phí, quan liêu đều do dân phát hiện và chỉ khi có sức ép của công luận thì mới giải quyết.

Sự tiến bộ và hạn chế trong xây dựng Nhà nước nói lên điều gì?.

Do bị thiên kiến, chúng ta nhận thức về Nhà nước pháp quyền vẫn rất hạn chế và rất chậm về cải cách tổ chức và thể chế quản lý so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Điều đáng quan tâm ở vấn đề này là chưa coi trọng vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền. Trong đó Bác nêu hai tiêu chuẩn xây dựng nhà nước: **Đạo đức là gốc, Pháp luật là chuẩn**. Đạo đức đây là gồm cả phẩm chất và trách nhiệm trước dân.

Như vậy, trong lĩnh vực xây dựng Nhà nước rất cần phát huy vai trò văn hóa. Các vụ cán bộ chiếm đoạt đất đai ở nhiều địa phương, sự tham nhũng quy mô lớn trong các ban quản lý dự án v.v. là biểu hiện thứ văn hóa lỗi thời đang chi phối trong một bộ phận cán bộ, kể cả cao cấp.

5 - Phù hợp với xu thế của thời đại, nước ta đã có nhiều nỗ lực trong tiến trình hội nhập quốc tế, đã đạt được nhiều thành công trong quan hệ đối ngoại. Nhưng kết quả đó lại đi đôi với một tình trạng nước ta đang tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhịp độ phát triển khu vực và thế giới. Nguyên nhân nào đưa đến nghịch lý ấy? Sau khi phân tích vấn đề kinh tế, xã hội, chính trị đã đổi mới với nhiều tiến bộ, có thể nhận ra nguyên nhân chủ yếu tạo ra nghịch lý trên là *nguyên nhân văn hóa*. Bởi vì, ai cũng thừa nhận tiềm năng to lớn của dân tộc và con người Việt Nam, nhưng tiềm năng đó chưa được phát huy, khai thác mạnh mẽ. Kinh nghiệm các nước cho thấy muốn tiến cùng thời đại thì phải phát huy đầy đủ sức mạnh dân tộc và tiếp thu những tiến bộ của thời đại bằng những cuộc *giải phóng tư tưởng* (Trung Quốc trải qua ba cuộc giải phóng tư tưởng mới có những thành tựu như ngày nay). Còn nhiều nước Mỹ La-tinh và vùng biển Ca-ri-bê do tăng trưởng phiến diện đã rơi vào tình trạng "Tăng trưởng mà không phát triển", hoặc tình trạng "Công nghiệp hóa không có công nghệ" như một số nước châu Á ở giai đoạn đầu.

II - PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT HUY VAI TRÒ VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI HIỆN NAY

Những phương hướng phát huy, nâng cao vai trò văn hóa đều gắn liền với những nhu cầu thực tiễn của lĩnh vực chủ yếu là *kinh tế*, bao gồm những vấn đề văn hóa trong doanh nghiệp, doanh nhân và những vấn đề văn hóa chủ yếu trong quản lý kinh tế vĩ mô.

Điều chúng tôi hết sức quan tâm là *tính đặc thù của tiến trình phát triển nước ta: Điểm*

xuất phát của tiến trình này là nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, mà về mặt văn hóa là ở thời kỳ tiền văn minh. Mặt khác, *bối cảnh quốc tế* của tiến trình này là nền kinh tế công nghiệp phát triển cao và đang quá độ nhanh chóng lên nền kinh tế tri thức, mà về mặt văn hóa là thời kỳ văn minh công nghiệp đang quá độ lên nền văn minh hậu công nghiệp. Trong bước quá độ này đang diễn ra sự thay đổi mối quan hệ giữa kinh tế với văn hóa. Nếu trước đây văn hóa phụ thuộc vào kinh tế thì trong giai đoạn hậu công nghiệp sẽ có sự thay đổi: kinh tế phụ thuộc vào văn hóa.

Do tính đặc thù của tiến trình phát triển nước ta nên bài toán về phát triển, theo ý nghĩa thực tiễn trở thành *bài toán về văn hóa*. Tùy theo thái độ và cách xử lý bài toán này mà nước ta có hai hướng: hoặc phát triển nhanh và bền vững, hoặc "tăng trưởng mà không phát triển". Đất nước đi theo hướng nào tùy thuộc vào sự phát triển văn hóa trong khu vực doanh nghiệp, doanh nhân và trong khu vực quản lý vĩ mô.

1 - Phương hướng phát huy vai trò văn hóa trong doanh nghiệp và doanh nhân

Để khu vực doanh nghiệp và doanh nhân đi theo *hướng phát triển nhanh và bền vững*, cần quan tâm đến những vấn đề văn hóa trong hoạt động kinh doanh.

a) *Có tầm nhìn và tư duy* về xu hướng vận động kinh tế trong thời đại hiện nay.

Đặc trưng kinh tế chủ yếu của thời đại hiện nay là *tiến trình kinh tế tri thức thay thế kinh tế công nghiệp cơ khí*. Tiến trình này đang chi phối quá trình toàn cầu hóa và hội nhập; đang tác động mạnh về thay đổi phân công lao động có tính chất thế giới, do đó thay đổi về tổ chức doanh nghiệp; đang phân hóa về đẳng cấp doanh nhân và trình độ tổ chức quản lý nền kinh tế của Nhà nước.

Tiến trình lịch sử nói trên là cơ hội chưa từng có đối với doanh nhân và Nhà nước. Trong hoạt động thương mại và đầu tư, nếu doanh nhân không dũng cảm, sáng tạo nắm lấy kinh tế

tri thức, cả mặt lực lượng sản xuất và mặt phương thức quản trị kinh doanh thì chính họ đánh mất tương lai của mình.

Điều kiện đầu tiên để vận dụng kinh tế tri thức là doanh nhân cùng với tập thể lao động phải tiếp cận nền giáo dục hiện đại và thông tin để trở thành một "dàn nhạc" gồm các nhạc công là những người lao động tri thức và giám đốc là nhạc trưởng.

b) Hoạt động theo *định hướng mới về phát triển kinh tế: Phát triển bền vững*

Tiến trình kinh tế tri thức thay thế kinh tế công nghiệp đã đưa đến sự thay đổi về *định hướng* phát triển kinh tế: từ tăng trưởng một cách phiến diện (chạy theo lợi nhuận, bỏ qua vấn đề xã hội và môi trường) chuyển sang *phát triển đồng thuận* giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội và bảo vệ môi trường. Người ta gọi đó là *định hướng phát triển bền vững*. Kinh tế tri thức và phát triển bền vững là "một cặp song sinh", tạo ra điều kiện cần và đủ cho một thời đại mới ra đời và đã được thể hiện trong nhiều văn bản và tiêu chí quốc tế.

Hiện nay định hướng phát triển bền vững đang lớn mạnh đằng sau sự vận động giữa hai mặt thuận - nghịch trong nền kinh tế thị trường hiện đại tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, tầm nhìn và tư duy của doanh nhân về định hướng phát triển mới là một vấn đề văn hóa, một yêu cầu về phẩm chất và trình độ của họ, là một tiêu chí phân biệt doanh nhân kiểu mới và doanh nhân kiểu cũ.

c) *Chủ động hình thành tư duy quản lý hiện đại mang đặc điểm văn hóa Việt Nam*

Tư duy quản lý đã phát triển theo tiến trình lịch sử nền kinh tế thị trường, nên tư duy quản lý vừa mang tính chất phổ biến, vừa có đặc điểm riêng của mô hình kinh tế ở mỗi nước và khu vực khác nhau.

Tính chất phổ biến theo tiến trình lịch sử kinh tế thị trường cho thấy các bước phát triển của tư duy quản lý:

- Khi kinh tế thị trường xác lập trên nền tảng công nghiệp cơ khí thì hình thành vấn đề *quản*

lý theo khoa học. C.Mác là một trong rất ít người đã quan niệm quản lý theo khoa học. Ông quan niệm doanh nghiệp như một dàn nhạc mà giám đốc là nhạc trưởng, nên không thể tùy tiện tổ chức lao động và bố trí giám đốc.

- Tiếp đó là tư duy quản lý theo thuyết "*Con người kinh tế*" của F.Taylor, coi trọng khuyến khích vật chất để tăng năng suất lao động và coi con người như vật phụ thuộc vào máy móc.

- Tư duy quản lý theo thuyết "*Con người xã hội*" thay thế thuyết trên, đề cao tính tự giác sáng tạo bằng quy chế làm việc, lợi ích, nhân cách của người lao động và người quản lý.

- Trong giai đoạn hiện nay, tư duy quản lý đang phát triển theo hướng kết hợp đề cao *giá trị cá nhân* đi đôi với đề cao *trách nhiệm cá nhân*, nhằm tạo sự phát triển hài hòa cá nhân với tập thể và cộng đồng. Do coi trọng vai trò cá nhân hòa hợp với cộng đồng, nên hiệu quả của quản lý ngày càng phụ thuộc vào văn hóa quản lý của doanh nhân. Hơn nữa, trong con người lao động và tập thể đều mang bản sắc văn hóa dân tộc, nên hiệu quả quản lý theo khoa học hiện nay còn phụ thuộc vào việc phát huy văn hóa dân tộc.

2 – Phát huy vai trò văn hóa trong hoạt động quản lý vĩ mô

Khuyênh hướng tách rời hoạt động quản lý kinh tế với văn hóa là một nhược điểm lớn trong quản lý vĩ mô, đã tạo ra điều kiện thuận lợi cho kiểu quản lý hành chính quan liêu kéo dài, rất khó sửa chữa. Ở đâu có quản lý quan liêu, tham nhũng thì ở đó có sự tách rời hoạt động quản lý kinh tế với văn hóa.

Đường lối phát triển bền vững và định hướng xã hội chủ nghĩa, tự nó đã xác định rõ vị trí, vai trò văn hóa trong hoạt động quản lý vĩ mô, cần phải được vận dụng thiết thực trong giai đoạn trước mắt.

a) *Xây dựng thể chế dân chủ – điều kiện quyết định* để phát huy vai trò văn hóa trong quản lý vĩ mô:

Hiện nay nước ta đang trên con đường hình thành thể chế dân chủ. Trong thời đại mới,

dân chủ là biểu hiện tập trung của văn hóa phát triển, nên xây dựng thể chế dân chủ là con đường thực tế đưa văn hóa hiện đại vào đời sống dân tộc và hoạt động nhà nước, khác với cách chỉ đề ra quy chế và kêu gọi như trước đây.

Theo quy luật chung phát triển kinh tế - xã hội hiện đại thì thể chế dân chủ là *mối quan hệ tương tác lẫn nhau* giữa Nhà nước pháp quyền với kinh tế thị trường (mà cộng đồng doanh nghiệp là đại biểu) và xã hội dân sự (mà các đoàn thể nhân dân là đại biểu). Chỉ trong quan hệ tác động lẫn nhau thì Nhà nước, cộng đồng doanh nghiệp và các tổ chức xã hội mới cùng phát triển, tạo ra sức mạnh tổng hợp *lớn hơn* sức mạnh riêng của từng lĩnh vực kinh tế, xã hội và chính trị cộng lại.

Vì vậy, khi văn hóa tinh thần tồn tại dưới hình thức thể chế dân chủ thì văn hóa có sức giải phóng con người khỏi những lệ thuộc vào tự nhiên, vào những tư tưởng và quy chế lỗi thời, để chuyển từ "con người kinh tế", "con người xã hội" lên **con người văn hóa**.

b) *Đổi mới công tác đào tạo, quy chế sử dụng nguồn nhân lực quản lý vĩ mô*

Xây dựng môi trường văn hóa cho sự phát triển bền vững của dân tộc phụ thuộc nhiều vào chất lượng đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực quản lý vĩ mô, để họ có khả năng thực hiện quản lý theo khoa học và văn hóa, thể hiện trước nhân dân như một tấm gương sáng.

Muốn vậy, phải coi trọng tính chủ động, sáng tạo gắn liền với trách nhiệm của *cá nhân người quản lý* đồng thời phải tạo *môi trường* văn hóa chính trị dân chủ để phát huy tập thể lãnh đạo, quản lý. Lịch sử đã cho thấy: phát hiện chân lý, ý tưởng mới thường ở một số cá nhân tài năng, còn vận dụng vào cuộc sống phải dựa vào tập thể. Không thể lấy *chủ nghĩa tập thể* thay cho vai trò sáng tạo của cá nhân, cũng không thể dùng mệnh lệnh cá nhân thay vai trò tập thể và quần chúng.

Nhà khoa học và văn hóa lỗi lạc A. Anh-xtanh từng chỉ ra điều ấy: "Chỉ cá thể đơn lẻ mới có thể tư duy và qua đó, tạo ra những giá trị mới

cho xã hội, thậm chí đề ra những quy phạm đạo đức mới để đời sống cộng đồng hướng theo. Nếu không có những cá thể sáng tạo, suy nghĩ và phân xét độc lập, thì sự phát triển lên cao của xã hội là khó tưởng tượng; cũng như vậy, một cá thể đơn lẻ sẽ không thể phát triển nếu thiếu mảnh đất dinh dưỡng của cộng đồng" ⁽¹⁾.

c) *Xây dựng ngành công nghiệp văn hóa* góp phần xây dựng môi trường văn hóa phát triển bền vững.

Ngành công nghiệp văn hóa bao gồm nhiều lĩnh vực như: xuất bản, phát hành, điện ảnh, phát thanh truyền hình, vui chơi giải trí, kinh doanh tác phẩm nghệ thuật, trình diễn, dịch vụ tin tức v.v... Tùy theo sự phát triển mà có sự phân công lao động trong lĩnh vực này. Đó là ngành cung cấp sản phẩm văn hóa và dịch vụ văn hóa nhằm đáp ứng nhu cầu văn hóa, tinh thần của xã hội. Công nghiệp văn hóa ở các nước phương Tây vừa là ngành kinh tế (doanh số ngành này ở nước Anh tương đương với ngành công nghiệp ô-tô, còn ở Nhật đã vượt ngành ô-tô), đồng thời là công cụ truyền bá, phát triển nền văn hóa của họ.

Như vậy công nghiệp văn hóa là nơi kết hợp cụ thể giữa kinh tế với văn hóa. Nhưng kết hợp như thế nào, vì mục đích gì phụ thuộc vào phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và quan điểm quản lý của Nhà nước.

Để xây dựng môi trường văn hóa cho sự phát triển bền vững của đất nước; phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, giữa nhu cầu vật chất và nhu cầu tinh thần của con người, nước ta rất cần xây dựng ngành công nghiệp văn hóa, mà bước đầu là tổ chức lại các đơn vị hoạt động văn hóa thành một hệ thống. Vấn đề đặt ra là phải có *công trình nghiên cứu* tốt về xây dựng ngành công nghiệp này gắn liền với hình thành thể chế quản lý phù hợp với mục tiêu xây dựng môi trường văn hóa phát triển bền vững. □

(1) Anh-xtanh: *Thế giới như tôi thấy*, Nxb Tri thức, Hà Nội 2005, tr 24

SỰ TÁC ĐỘNG CỦA NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI ĐẾN QUAN HỆ GIAI CẤP, Ý THỨC HỆ VÀ VĂN HÓA Ở VIỆT NAM

TRẦN PHÚC THĂNG *

SỰ biến đổi của thế giới hiện đại như một tất yếu lịch sử và đánh dấu sự chuyển biến quan trọng trong lịch sử xã hội loài người. Lịch sử xã hội loài người đã trải qua các nấc thang phát triển khác nhau và các nấc thang đó được C.Mác xác định bằng sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, có ba bước chuyển quan trọng, mang tính đột phá trong lịch sử xã hội loài người:

Bước chuyển thứ nhất là từ xã hội cộng sản nguyên thủy sang xã hội chiếm hữu nô lệ. Đó là bước chuyển từ chế độ công hữu sang chế độ tư hữu, từ con người cộng đồng sang con người giai cấp, con người cá nhân và đặc biệt, từ xã hội không thành văn sang xã hội thành văn. Bước chuyển này đã làm cho sự phát triển kinh tế trong hàng trăm năm có thể so sánh với sự phát triển kinh tế trong hàng triệu năm trước đây và trên cơ sở đó, triết học, toán học, thiên văn học và các khoa học khác lần lượt ra đời. Nếu không có bước chuyển này, lịch sử sẽ còn tiếp tục "bò đi những bước chậm chạp".

Bước chuyển thứ hai là từ xã hội phong kiến sang xã hội tư bản chủ nghĩa. Đây là bước chuyển đã tạo ra sự phát triển vượt bậc của lực lượng sản xuất.

Trong "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản", C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n viết: "Giai cấp tư sản,

trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại. Sự chinh phục những lực lượng thiên nhiên, sự sản xuất bằng máy móc, việc áp dụng hóa học vào công nghệ và nông nghiệp, việc dùng tàu chạy bằng hơi nước, đường sắt, máy điện báo, việc khai phá từng lục địa nguyên vẹn, việc khai thông các dòng sông cho tàu bè đi lại được, hàng khối dân cư tựa hồ như từ dưới đất trời lên, có thế kỷ nào trước đây lại ngờ được rằng có những lực lượng sản xuất như thế vẫn nằm tiềm tàng trong lòng lao động xã hội"⁽¹⁾.

Từ sự phát triển của công nghiệp và kinh tế hàng hóa, chủ nghĩa tư bản đã tạo ra những dân tộc thống nhất và hơn thế, tạo ra những mối quan hệ quốc tế mới. "Nhờ cải tiến mau chóng công cụ sản xuất và làm cho các phương tiện giao thông trở nên vô cùng tiện lợi, giai cấp tư sản lôi cuốn đến cả những dân tộc đã man nhứt vào trào lưu văn minh. Giá rẻ của những sản phẩm của giai cấp ấy là trọng pháo bắn thủng tất cả những bức vắn lý tưởng

* GS, TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) C.Mác và Ph.Ăng-ghe-n: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 603

thành và buộc những người đã man bài ngoại một cách ngoan cường nhất cũng phải hàng phục"⁽²⁾.

Từ đó, nó tạo ra các mối quan hệ giữa các dân tộc thay cho tình trạng cô lập của các địa phương và các dân tộc trước đây. Nó không chỉ hình thành một nền kinh tế có tính quốc tế mà còn tạo cơ sở cho việc hình thành một nền văn hóa thế giới.

Chính do sự phát triển mạnh mẽ và mới mẻ ngay từ đầu ấy mà chủ nghĩa tư bản đã tạo ra những tiền đề hết sức quan trọng cho những biến đổi sâu sắc trong thời đại ngày nay, tạo ra *bước chuyển vĩ đại thứ ba* trong lịch sử loài người: bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản sang chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Bước chuyển đó cũng là kết quả của sự phát triển cao của cách mạng khoa học - công nghệ và của toàn cầu hóa. Hai yếu tố này là sản phẩm tất yếu của chủ nghĩa tư bản, và đồng thời cũng là điều kiện để thủ tiêu chủ nghĩa tư bản. Nói như C.Mác, giai cấp tư sản không những rèn vũ khí để giết mình mà còn đào tạo những người sử dụng vũ khí đó là giai cấp vô sản. Cho nên, mọi hoạt động của giai cấp tư sản, trước hết là hoạt động kinh tế, đều có hai mặt. Một mặt, tạo ra những điều kiện cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản; mặt khác, tạo tiền đề cho sự phủ định chủ nghĩa tư bản. Mặc dù bị phủ định là xu thế tất yếu của chủ nghĩa tư bản, nhưng hiện nay nó vẫn còn đủ sức để gây ra những biến động trên thế giới, nhất là những biến động về kinh tế trong quá trình toàn cầu hóa.

Vì vậy, nói đến sự biến đổi của nền kinh tế thế giới đương đại phải đề cập tới cái lõi của nó là toàn cầu hóa kinh tế. Chính toàn cầu hóa kinh tế đã tạo nên những biến đổi quan trọng nhất của nền kinh tế ở tất cả các quốc gia, các khu vực, và nó là cơ sở, là tiền đề để tạo nên các biến đổi quan trọng khác về xã hội, văn hóa và tư tưởng.

Ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản chủ trương Việt Nam muốn "làm bạn với tất cả" các nước trong cộng đồng quốc tế, "chủ động hội nhập" kinh tế quốc tế. Vì vậy, mọi biến đổi của nền kinh tế thế giới, từ tích cực đến tiêu cực, đều ảnh hưởng tới xã hội Việt Nam ở những mức độ và góc độ khác nhau.

Những biến đổi của nền kinh tế thế giới tác động đến quan hệ giai cấp, hệ tư tưởng, văn hóa ở Việt Nam bằng hai cách - trực tiếp và gián tiếp. Tác động trực tiếp là, cùng với quá trình xâm nhập của nền kinh tế thế giới, hệ tư tưởng ngoài mác-xít và nền văn hóa của các nước cũng du nhập vào Việt Nam, tác động thẳng đến các mối quan hệ xã hội, hệ tư tưởng và văn hóa ở Việt Nam. Tác động gián tiếp là những tác động thông qua kinh tế: nền kinh tế thế giới ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam; nền kinh tế Việt Nam lại ảnh hưởng đến các quan hệ xã hội, hệ tư tưởng và văn hóa ở Việt Nam. Thông qua cả hai cách tác động này, trong thời gian qua, ở Việt Nam có những hệ quả cơ bản sau:

1 - Hệ quả về quan hệ giai cấp xã hội

Xã hội Việt Nam vốn là xã hội không có sự phân hóa giai cấp sâu sắc như xã hội phương Tây. Tính đến năm 1957 - 1958, tài sản của hàng nghìn nhà tư sản ở Hà Nội cũng chỉ tương đương với giá trị của một nhà máy cơ khí vào loại lớn của miền Bắc thời kỳ đó và vào loại nhỏ của Hà Nội hiện nay. Ở nông thôn, có gia đình được gọi là địa chủ mà chỉ có 1/3 ha ruộng đất. Sự chênh lệch không đáng kể này là do Việt Nam là một nước nông nghiệp lạc hậu, lại phải đương đầu với nhiều cuộc chiến tranh lớn nên người dân không có cơ hội làm giàu.

Từ khi Việt Nam mở cửa, hội nhập, phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần,

(2) C.Mác và Ph. Ăng-ghen: *Sđd*, tr 602

có nhiều công ty nước ngoài vào đầu tư, quan hệ giai cấp có nhiều biến đổi lớn. Trong xã hội, sự phân hóa giàu nghèo cũng như sự chênh lệch về thu nhập, mức sống ngày càng tăng. Sự chênh lệch đó diễn ra ở mọi phương diện: giữa thành thị và nông thôn; giữa đồng bằng và miền núi; công nhân và nông dân; giữa công nhân xí nghiệp trong nước và công nhân xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; giữa công nhân xí nghiệp nhà nước và công nhân xí nghiệp tư nhân; giữa chủ doanh nghiệp và người làm công.

Điều tra của Tổng cục Thống kê về mức sống dân cư từ năm 1992 đến năm 2002 cho thấy, thu nhập bình quân đầu người của nhóm nghèo nhất tăng lên rất chậm. Năm 2001 - 2002 so với năm 1992-1993 tăng khoảng 49,1%. Trong khi nhóm giàu nhất, cũng trong thời gian trên, tăng tới 223,5%. Nghèo đói vẫn tập trung ở nông thôn. Tại khu vực này, số người nghèo chiếm trên 90% tổng số người nghèo của cả nước, trong số đó có 45% sống dưới ngưỡng nghèo. Kết quả khảo sát mức sống dân cư gần đây cho thấy, tỷ lệ hộ nghèo chung trong tổng số dân cư năm 2002 là 28,9% thì ở các tỉnh miền núi phía Bắc là 43,9% (trong đó Tây Bắc là 68%), Tây Nguyên là 51%, Bắc Trung Bộ là 43,9%, đồng bằng sông Hồng là 22,4%, đồng bằng sông Cửu Long là 23,4%.

So sánh 10% số hộ có thu nhập cao nhất với 10% số hộ có thu nhập thấp nhất thì tỷ lệ chênh lệch là 8,14 lần; so sánh 5% thì tỷ lệ chênh lệch là 19,85 lần⁽³⁾.

Ở từng địa phương, sự chênh lệch giữa một người giàu và một người nghèo có khi rất lớn; cá biệt tới hàng trăm, thậm chí hàng nghìn lần. Sự chênh lệch này do nhiều nguyên nhân, có cả nguyên nhân chính đáng và nguyên nhân không chính đáng, nhưng suy đến cùng, nó là hệ quả tất yếu của toàn cầu hóa kinh tế.

2 – Hệ quả về hệ tư tưởng

Ở Việt Nam, hệ tư tưởng chính thống là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân hay là chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Người Việt Nam tin vào chủ nghĩa Mác - Lê-nin không phải như một giáo lý cứng nhắc mà như một lý luận khoa học. Tính đúng đắn của lý luận này đã được khẳng định bằng thực tiễn, thông qua quá trình cách mạng lâu dài, đầy gian khổ, nhưng cũng hết sức vẻ vang.

Toàn cầu hóa, nhất là toàn cầu hóa kinh tế, đã tác động đến hệ tư tưởng ở Việt Nam trên cả hai phương diện: tích cực và tiêu cực. Tác động tích cực là, do giao lưu quốc tế được mở rộng, người Việt Nam nhận thấy rõ hơn bản chất của chủ nghĩa tư bản, với tất cả những mặt tích cực và những mâu thuẫn không thể khắc phục được của nó. Qua đó, tính đúng đắn trong những nhận định của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về bản chất của chủ nghĩa tư bản ngày càng được chứng minh và khẳng định. Mặt khác, khi tiếp xúc với các trào lưu tư tưởng ngoài mác-xít, tính khoa học và cách mạng của lý luận mác-xít càng được sáng tỏ.

Tuy nhiên, sự tác động của toàn cầu hóa kinh tế cùng với việc phát triển nền kinh tế thị trường của đất nước đã làm nảy sinh tư tưởng thực dụng ở không ít người. Bên cạnh đó, một số tư tưởng ngoài mác-xít như chủ nghĩa hiện sinh, chủ nghĩa Phrớt... và đặc biệt là một số tư tưởng duy tâm, cũng có điều kiện truyền bá vào Việt Nam. Điều đó ít nhiều tác động đến thế giới quan duy vật mác-xít về hệ tư tưởng Mác - Lê-nin nói chung. Những tác động đó cùng với một số hiện tượng tiêu cực trong xã hội đã làm cho một số người không được học tập chủ nghĩa Mác - Lê-nin một cách hệ thống, không nắm vững bản chất khoa học và cách mạng của lý luận này hoặc không vững vàng

(3) Nguyễn Thị Hằng, Lê Duy Đồng: *Phân phối và phân hóa giàu nghèo sau 20 năm đổi mới*, Nxb Lao động - xã hội, Hà Nội, 2005, tr 30

về tư tưởng, tỏ ra hoang mang, dao động, giảm niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vào lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

3 – Hệ quả về văn hóa

Ở Việt Nam những năm gần đây, nhiều di sản văn hóa được thế giới công nhận, nhiều giá trị văn hóa truyền thống như hát quan họ, hát ca trù, hát chèo... được phục hồi, phát huy. Nguyên nhân là do chủ trương phát triển văn hóa của Đảng và Nhà nước, nhưng cũng một phần là do sự giao lưu quốc tế rộng rãi trên cơ sở của phát triển kinh tế toàn cầu. Cùng với việc phục hồi, phát huy các giá trị văn hóa nói trên, nhiều khu phố cổ, nhiều bản làng với những nhà sàn, nhà rông, "văn hóa công chiêng" của đồng bào các dân tộc thiểu số được duy trì và phát triển. Trong điều kiện phát triển nền kinh tế hiện đại, ngành du lịch được xem là ngành công nghiệp "không khói" đã ảnh hưởng không nhỏ đến việc khai thác nhiều giá trị văn hóa cổ truyền của đất nước.

Mặt khác, do giao lưu quốc tế được mở rộng, nền văn hóa Việt Nam có điều kiện tiếp thu các giá trị mới của nền văn hóa thế giới và ngày càng trở nên đa dạng, phong phú. Điều dễ nhận thấy là, trong bất kỳ thời đại nào, sự phát triển khép kín tất yếu sẽ làm cho nền văn hóa trở nên khô cằn.

Tuy nhiên, sự tác động của toàn cầu hóa, đặc biệt là toàn cầu hóa kinh tế, không thể không gây ra những hệ quả tiêu cực đối với nền văn hóa Việt Nam, như:

- Một số giá trị văn hóa truyền thống không được giới trẻ thực sự quan tâm. Nhiều loại nhạc mới và nhiều phim ảnh của nước ngoài thu hút một bộ phận không nhỏ giới trẻ; điều đó càng làm cho họ xa rời các giá trị văn hóa truyền thống.

- Một số giá trị văn hóa truyền thống, kể cả vật chất và tinh thần, không được bảo quản, gìn giữ, thậm chí đem ra mua bán để trục lợi; có những giá trị tinh thần bị biến dạng hoặc bị mai một.

- Không ít gia đình, phá bỏ quan hệ truyền thống tốt đẹp; bị quan niệm sống thực dụng, tùy thích làm cho hạnh phúc gia đình và sự ràng buộc trách nhiệm tan vỡ, rạn nứt. Nhiều cuộc ly hôn trở thành nguyên nhân của những tệ nạn xã hội.

- Một số người thay đổi nhanh chóng lối sống: đang là người cần cù, chịu khó, khoan dung, độ lượng, chân thật, bỗng dưng trở thành kẻ tham lam, ích kỷ, coi thường danh dự của tập thể, cộng đồng, thậm chí của cả bản thân, chỉ tập trung vào việc thực hiện những mục tiêu cá nhân đầy tính vụ lợi.

Nhìn chung, sự tác động của toàn cầu hóa kinh tế đối với xã hội Việt Nam là mạnh mẽ và sự tác động này sẽ còn tiếp tục tăng thêm trong những năm tới. Đó là những tác động không tránh khỏi trong quá trình "đau đẻ" của lịch sử xã hội loài người trước khi bước vào xã hội xã hội chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa thực sự.

Do bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội nên xã hội Việt Nam không thể không trải qua những bước đi ban đầu của nền kinh tế thị trường. Đồng thời, trong bối cảnh mới, toàn cầu hóa kinh tế lại đem đến cho xã hội Việt Nam những ảnh hưởng của chủ nghĩa tư bản thời kỳ cuối. Sự tác động hỗn hợp của những yếu tố này đã tạo ra những hiện tượng phức tạp trong đời sống xã hội. Đó là cái khiến cho toàn cầu hóa kinh tế đối với Việt Nam vừa là thời cơ, vừa là thách thức. Song, với bề dày của lịch sử dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Việt Nam hoàn toàn có đủ khả năng nắm vững thời cơ, vượt qua thách thức; khai thác, tận dụng những mặt tích cực của toàn cầu hóa kinh tế để tạo ra sức mạnh chiến thắng các tác động tiêu cực của nó. Do đó, sự nghiệp cách mạng Việt Nam vẫn có đầy đủ những điều kiện cơ bản để giành thắng lợi trong một thế giới đầy biến động hiện nay. □

KẾT THÚC ĐÀM PHÁN SONG PHƯƠNG VỚI HOA KỲ VỀ VIỆC VIỆT NAM GIA NHẬP WTO VÀ TRIỂN VỌNG KÝ HIỆP ĐỊNH

LƯƠNG VĂN TỰ *

Diễn biến phiên đàm phán thứ 12

Để gia nhập WTO, các nước phải kết thúc đàm phán đa phương về các cam kết liên quan đến minh bạch hóa chính sách; xây dựng chương trình pháp luật để thực hiện các hiệp định của WTO; cam kết các chính sách vĩ mô theo quy định của WTO; kết thúc đàm phán đa phương về vấn đề nông nghiệp. Đồng thời phải kết thúc đàm phán song phương về việc mở cửa thị trường hàng hóa và dịch vụ với tất cả các đối tác có yêu cầu đàm phán với mình. WTO cũng có nguyên tắc đồng thuận. Một nước muốn gia nhập phải được ít nhất 2/3 đối tác có yêu cầu đàm phán nhất trí, trong số 2/3 này phải có các đối tác lớn như EU, Hoa Kỳ, Ca-na-đa, Nhật Bản, Trung Quốc v.v... Song trên thực tế, phải được tất cả các thành viên Ban công tác nhất trí thì mới được gia nhập WTO. Kinh nghiệm của tất cả các đối tác đã gia nhập WTO trong những năm qua như Trung Quốc, Đài Loan, Nê-pan, Cam-pu-chia... cho thấy, đối tác đàm phán song phương khó khăn, nhiều yêu cầu phức tạp và mang tính chất quyết định nhất vẫn là Hoa Kỳ. Bất cứ một nước nào chưa kết thúc đàm phán song phương được với EU và Hoa Kỳ thì chưa thể gia nhập WTO. EU gồm 25 quốc gia, song 60% chính sách thương mại của họ tập trung vào Ủy ban EC, nên họ linh hoạt hơn Hoa Kỳ và họ thường kết thúc đàm phán với các nước xin gia nhập trước Hoa Kỳ. Thời gian từ khi EU kết thúc

đàm phán song phương đến thời gian kết thúc đàm phán với Hoa Kỳ ít nhất là một năm. Trường hợp nước ta cũng tương tự như vậy. Ta kết thúc đàm phán song phương với EU tháng 9-2004 nhưng đến 13-5-2006 ta mới kết thúc đàm phán song phương về mặt nguyên tắc với Hoa Kỳ.

Chúng ta phải tiến hành 12 phiên đàm phán song phương để đi đến kết quả trên. Sau khi ký Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ (BTA), nhiều người cho rằng ta đã xong 70% tiến trình đàm phán gia nhập WTO với Hoa Kỳ. Song phía Hoa Kỳ mới coi BTA là "hòn đá tảng" để Việt Nam đàm phán gia nhập WTO với họ và còn bao nhiêu vấn đề phải đàm phán tiếp. Ví dụ BTA chỉ mới đàm phán khoảng 300 dòng thuế, còn với WTO thì Hoa Kỳ yêu cầu ta đàm phán 10.000 dòng thuế, chưa kể các loại thuế theo ngành, thuế tiêu thụ đặc biệt, vấn đề dịch vụ, xây dựng pháp luật, minh bạch hóa chính sách. Qua 11 phiên đàm phán, đến phiên thứ 11 (tháng 3-2006) tại Giơ-ne-vơ, Việt Nam và Hoa Kỳ đã đạt được bước tiến vượt bậc. Những vấn đề còn lại cho phiên 12 (ngày 9 đến 13-5-2006) không còn nhiều. Ví dụ như hàng hóa (tức thuế) đã xong phần thuế nông nghiệp và hầu hết các mặt hàng công nghiệp tại

* Thứ trưởng Bộ Thương mại, Trưởng đoàn đàm phán Chính phủ

Gior-ne-vơ, chỉ còn lại thuế nhập khẩu ô-tô, phụ tùng ô-tô và thuế xuất khẩu sắt phế liệu. Về dịch vụ, còn lại dịch vụ viễn thông, dịch vụ dầu khí, phân phối, môi trường, một phần nhỏ dịch vụ tài chính, ngân hàng, và những vấn đề nhạy cảm mang tính chất quyết định chính trị như vấn đề trợ cấp nông nghiệp, thời kỳ quá độ để bỏ những trợ cấp trái với quy định của WTO, vấn đề dệt may, vấn đề nền kinh tế phi thị trường (NME), và bỏ lệnh cấm nhập khẩu thịt bò có xương v.v... Do những vấn đề này quá nhạy cảm đối với cả hai bên nên thời gian đàm phán lúc đầu dự kiến 2 ngày: 9 và 10-5-2006, đã kéo dài thành 4 ngày 3 đêm, trong đó có 2 đêm 11 và 12-5-2006 kéo dài đến tận sáng. Cấp đàm phán lần này ở cấp cao. Phía Hoa Kỳ là cấp thứ trưởng (Phó đại diện thương mại Hoa Kỳ - USTR) và trợ lý, phía ta đến đêm 11 và 12-5, đàm phán ở cấp bộ trưởng và thứ trưởng. Ông Rốp Pốt-man (Rob Portman), đại diện USTR (cấp bộ trưởng), tuy không trực tiếp đàm phán, song cũng dành nửa giờ để trao đổi với Bộ trưởng Trương Đình Tuyển qua đàm thoại ra-đi-ô và ông coi đây là cuộc đàm phán mang tính chất lịch sử trong quan hệ kinh tế thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ. Đàm phán vừa kéo dài, liên tục, chúng ta bị chênh lệch múi giờ 11 tiếng so với giờ Hà Nội, lại vừa căng thẳng, có lúc tưởng chừng như vỡ cuộc nếu không đủ kiên nhẫn. Cuối cùng, hai bên đều có những nhân nhượng cần thiết để đi đến kết thúc về mặt nguyên tắc đàm phán. Ta kiên trì đấu tranh vấn đề phân phối văn hóa phẩm, như sách báo, tạp chí... là lĩnh vực UNESCO giải quyết, nên phải bỏ ra, chứ không đưa vào WTO. Vấn đề dệt may, Hoa Kỳ chấp nhận bỏ hạn ngạch xuất sang Hoa Kỳ khi ta gia nhập WTO, còn Việt Nam sẽ bỏ các trợ cấp tuy rất nhỏ cho ngành dệt may nhưng trái với quy định của WTO ngay từ khi gia nhập WTO. Vấn đề thịt bò, Hoa Kỳ chứng minh hiện nay có 56 nước đã bỏ lệnh cấm nhập khẩu thịt bò có xương, trong đó có nhiều nước thành viên ASEM, nên cuối cùng chúng ta cũng chấp nhận. Vấn đề kinh tế phi thị trường cũng là vấn đề hết sức khó khăn. Chúng ta đề nghị Hoa Kỳ bỏ vấn đề này, nhưng Hoa Kỳ cho rằng đây là vấn đề nhạy cảm đối

với Quốc hội Hoa Kỳ. Trên thực tế ta mới được Trung Quốc công nhận là nền kinh tế thị trường, còn Hàn Quốc công nhận là nền kinh tế hướng theo thị trường (Market driven economy), EU công nhận trong từng vụ tranh chấp và ta đang trong quá trình đàm phán với EU để EU xem xét công nhận nền kinh tế của ta là nền kinh tế thị trường. Cuối cùng, EU cũng đã chấp nhận rút ngắn thời gian 3 năm so với các nước xã hội chủ nghĩa khác. Tóm lại, về cơ bản ta đã kết thúc đàm phán song phương với Hoa Kỳ. Hai bên đang thống nhất lời văn của Hiệp định và thương lượng để ký chính thức tại Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế APEC, từ ngày 31-5 đến 2-6-2006 tại thành phố Hồ Chí Minh. Phía Hoa Kỳ nói rằng bằng thỏa thuận cả gói, bao gồm thực hiện đầy đủ BTA, kết thúc đàm phán song phương về việc Việt Nam gia nhập WTO và giải quyết những vấn đề song phương để thúc đẩy quan hệ hai nước, họ sẽ trình Quốc hội Hoa Kỳ xem xét thông qua quyền thương mại thông thường vĩnh viễn cho Việt Nam (PNTR).

Những thuận lợi và khó khăn sau khi Việt Nam gia nhập WTO

Về thuận lợi:

Một là, uy tín của ta trên trường quốc tế sẽ được nâng lên. Hiện nay trong APEC chỉ còn Nga và Việt Nam chưa phải là thành viên WTO. Trong ASEM và trong ASEAN chỉ có Việt Nam và Lào chưa phải là thành viên WTO.

Hai là, sẽ có thị trường toàn cầu cho hàng hóa và dịch vụ của ta nhằm tăng trưởng thương mại, đặc biệt là tăng trưởng xuất khẩu. Chúng ta phải phấn đấu trong thập niên tới có được kim ngạch xuất khẩu 100 tỉ USD trở lên. Hiện nay dân số Việt Nam đông hơn nhiều so với Thái Lan, Phi-líp-pin, nhưng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam mới bằng 1/3 của Thái Lan và 2/3 của Phi-líp-pin. Là thành viên của WTO, hàng hóa và dịch vụ của ta được đối xử công bằng hơn. Những vụ kiện chống bán phá giá, đưa ra WTO giải quyết, quyền lợi của ta được bảo đảm hơn.

(Xem tiếp theo trang 47)

Hoàn thiện thể chế thương mại trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế

PHẠM QUANG THAO *

THỂ chế thương mại là *những luật lệ, hình thức, các định chế và chế tài quy định luật chơi và cách chơi đối với các chủ thể tham gia trên thị trường*. Nền kinh tế thương mại thế giới hiện nay đang vận động trong bối cảnh quá trình toàn cầu hóa và khu vực hóa diễn ra rất sâu sắc, nhanh chóng. Khái niệm về ranh giới giữa thị trường trong nước với thị trường nước ngoài đã bị thay đổi theo hướng đan cài với nhiều hình thức quan hệ đa dạng, phức tạp. Các chiến lược phát triển hướng vào xuất khẩu hay thay thế nhập khẩu không còn giữ nguyên ý nghĩa cổ điển của nó, bởi vì thị trường của mỗi quốc gia đều phải **"mở cửa"** thông qua việc cắt giảm hàng rào thuế quan và phi thuế quan. Các cuộc chiến tranh thương mại nhằm giành giật thị trường giữa hàng nội và hàng ngoại ngày một trở nên quyết liệt. Vòng đời sản phẩm hàng hóa được rút ngắn nên việc lựa chọn sản phẩm và tổ chức tốt thị trường là yếu tố rất quan trọng, có ý nghĩa sống còn đối với quốc gia và doanh nghiệp.

Do sự phát triển của khoa học, công nghệ và tiến trình hội nhập, hình thái tổ chức thị trường và phương thức hoạt động thương mại cũng đã thay đổi. Thương mại điện tử đã ra đời và đang có những bước phát triển nhanh chóng. Ngày nay, khái niệm buôn bán không còn được hiểu theo nghĩa đen thuần túy như trước, mà bao gồm một phạm vi rộng lớn hơn, bao trùm lên mọi hoạt động kinh tế của các quốc gia, với 4 nội dung cơ bản: hàng hóa - dịch vụ - đầu tư và các yếu tố thương mại liên quan đến sở hữu trí tuệ.

Đối với bất kỳ một quốc gia nào trên thế giới, không lệ thuộc vào thể chế chính trị, không thể có

kinh tế thị trường nếu không tiến hành tự do hóa thương mại. Đây là một trong những đặc trưng chủ yếu và cũng là nội dung quan trọng nhất của việc vận hành nền kinh tế theo cơ chế thị trường, có sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Với thị trường hóa giá cả và thương mại hóa nền kinh tế, xây dựng đồng bộ các loại thị trường là khâu trung tâm đột phá, Việt Nam đã tiến những bước dài trên con đường đổi mới. Gần 20 năm qua, nền kinh tế nước ta đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ. Cùng với quá trình tăng trưởng kinh tế của đất nước, ngành thương mại cũng không ngừng mở rộng và phát triển. Thương mại và thị trường đã góp phần tạo nên bức tranh kinh tế với nhiều "gam màu" tươi sáng trên nhiều khía cạnh và bình diện khác nhau. Một thị trường thống nhất và ổn định trong toàn quốc đã hình thành. Thương mại phát triển sôi động, về cơ bản đã đáp ứng được những nhu cầu của sản xuất và tiêu dùng. Đội ngũ thương nhân ngày càng đông đảo và đa dạng. Mạng lưới kinh doanh thương mại, dịch vụ tiếp tục "phủ sóng" trên cả ba địa bàn: thành thị, nông thôn và miền núi, góp phần gắn chặt sản xuất với tiêu thụ, hàng hóa với thị trường, thị trường trong nước với thị trường quốc tế. Một số sản phẩm hàng hóa của Việt Nam đã vươn lên chiếm lĩnh những vị trí quan trọng trên thị trường quốc tế. Có thể nói, chúng ta đang có thời cơ và vận hội để rút ngắn con đường phát triển của mình mà lịch sử thế giới đã phải trải qua hàng trăm năm mới có.

* Hiệu trưởng Trường Cán bộ Thương mại Trung ương, Bộ Thương mại

Hội nhập kinh tế quốc tế đòi hỏi phải chấp nhận "luật chơi" và "cách chơi" của các sân chơi khác nhau như: WTO, ASEAN, APEC, ASEM, ACFTA..., song cho tới nay cơ chế, hệ thống chính sách kinh tế, thương mại của nước ta vẫn còn nhiều bất cập. Chính sách, cơ chế chúng ta đang áp dụng lại còn có những yếu tố, những điều khoản cần kịp thời chỉnh sửa cho phù hợp với "luật chơi" của WTO, ASEAN, APEC, ASEM, trong khi những biện pháp, chính sách mà được các tổ chức trên thừa nhận tạo lợi thế cho kinh tế và thương mại thì chúng ta lại chưa có. Đây là một điểm yếu mà Việt Nam cần lưu ý khắc phục.

Việc mở cửa thị trường thông qua các cam kết giảm thuế sẽ chẳng có một chút giá trị nào nếu như các hàng rào phi thuế quan vẫn được áp dụng. Chính vì vậy việc loại bỏ hàng rào phi thuế quan luôn là yêu cầu đồng hành với cắt giảm thuế quan trong mọi hình thức hội nhập kinh tế quốc tế. Như vậy Việt Nam sẽ không được phép duy trì các biện pháp phi thuế mà không có lý do chính đáng theo các quy định của WTO, APEC, ASEAN/ AFTA... Điều này đồng nghĩa với các biện pháp cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu hay chưa cho phép nhập khẩu... kể cả các biện pháp mang tính chất hạn ngạch kiểu "chỉ tiêu định hướng" sẽ sớm phải loại bỏ. Như vậy, nhiều doanh nghiệp đang được bảo hộ sẽ phải đối mặt với không ít thách thức do nguy cơ gia tăng cạnh tranh của hàng nhập khẩu.

Hiện nay, Việt Nam đã có quan hệ với 200 nước và vùng lãnh thổ, đã ký Hiệp định Thương mại với 61 nước và thỏa thuận đối xử tối huệ quốc với 68 quốc gia. Tuy nhiên, có thể nói chúng ta đã hội nhập sâu với tư cách là một nước nhỏ trên mọi góc độ về giai đoạn phát triển.

Trong thời gian tới, chúng ta sẽ gặp khó khăn lớn khi phải cạnh tranh với các nước trong khu vực, trong việc thu hút đầu tư nước ngoài. Các thị trường truyền thống sẽ gặp hàng loạt những khó khăn, không dễ gì khắc phục trong "một sớm, một chiều". Bởi vậy, việc hoàn thiện và đổi mới thể chế thương mại phải đặt trong bối cảnh vừa phải thúc đẩy tăng trưởng bền vững, giữ gìn và bảo vệ môi trường, vừa phải cạnh tranh trên thị trường quốc tế, lại chủ động cạnh tranh ở ngay thị trường trong nước. Bước đầu chúng tôi có thể nêu một số xu hướng chung phát triển thị trường ở nước ta đến năm 2010 như sau:

Một là, thị trường hàng hóa tiếp tục phát triển nhanh trên cả hai phương diện cung và cầu. Về

phía cung ứng, dưới tác động của hội nhập kinh tế quốc tế và do ảnh hưởng trực tiếp của lịch trình thực hiện CEPT, khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc, dự báo khả năng tăng trưởng kinh tế trong nước sẽ làm cho quy mô hàng hóa cung ứng trên thị trường gia tăng nhanh cả từ sản xuất trong nước và nguồn hàng nhập khẩu. Về phía cầu hàng hóa, trong giai đoạn đến năm 2010, nhu cầu tiêu dùng của dân cư đối với nhóm hàng phi lương thực - thực phẩm sẽ tăng nhanh hơn đối với nhóm hàng thực phẩm. Đồng thời, nhu cầu mua hàng hóa vật tư cho các chương trình, dự án của Chính phủ cũng gia tăng nhanh, nhất là các hàng hóa vật tư đáp ứng cho nhu cầu xây dựng kết cấu hạ tầng.

Hai là, thị trường sẽ được thúc đẩy phát triển theo hướng hình thành thị trường cạnh tranh thực sự do áp lực cả từ phía thực thi các chính sách của Chính phủ và từ phía hoạt động của các doanh nghiệp. Từ nay đến năm 2010 là thời kỳ triển khai mạnh mẽ việc hình thành các yếu tố đồng bộ của thị trường, cộng với việc cắt giảm các hàng rào thuế và phi thuế, tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại doanh nghiệp nhà nước theo hướng đẩy mạnh cổ phần hóa, sự phát triển nhanh của khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ, cũng như của các doanh nghiệp nước ngoài sẽ là các yếu tố thúc đẩy cạnh tranh trên thị trường.

Ba là, thị trường sẽ phát triển theo hướng vừa gắn kết chặt chẽ giữa các thị trường đô thị, nông thôn và miền núi, vừa có sự bứt phá nhanh, vượt trội của các thị trường đô thị; thị trường vùng, khu vực có lợi thế so sánh về quy mô sản xuất, khả năng trung chuyển hàng hóa.

Bốn là, thị trường trong nước ngày càng "nhạy cảm" hơn với các biến động của thị trường khu vực và quốc tế. Trong điều kiện nền kinh tế mở, sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các doanh nghiệp (hãng) phân phối hàng hóa sản xuất ở nước ngoài trên thị trường nội địa sẽ kéo theo những tác động mạnh mẽ của thị trường ngoài nước đến thị trường nước ta. Cường độ của những tác động đó tỷ lệ với tỷ trọng của các doanh nghiệp nước ngoài trong nền kinh tế nói chung và hoạt động thương mại nói riêng. Trong xu thế này, thị trường các hàng hóa cơ bản, như xăng, dầu, vốn, các sản phẩm đầu vào trung gian cho các ngành sản xuất trong nước sẽ có ảnh hưởng lớn đến thị trường hàng hóa khác và sẽ "nhạy cảm" hơn đối với những tác động của thị trường ngoài nước.

Trong giai đoạn tới, cùng với xu thế phát triển khách quan của các xu hướng thị trường nêu trên, bối cảnh chính trị trên thế giới và đường lối phát triển kinh tế của Đảng cũng sẽ tác động tới quản lý nhà nước về thương mại ở nước ta trên 4 khía cạnh sau:

Thứ nhất: Chính sách và cơ chế quản lý sẽ được đổi mới và hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chính sách xuất - nhập khẩu phải tạo ra hành lang pháp lý thuận lợi cho đẩy mạnh xuất khẩu và quản lý tốt nhập khẩu, khuyến khích việc nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ hiện đại và công nghệ cao nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chính sách thương mại đối với thị trường trong nước phải góp phần thúc đẩy thị trường phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ hai: Chính sách và cơ chế quản lý thương mại sẽ được thể hiện một cách nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần với nhiều hình thức tổ chức kinh doanh, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

Thứ ba: Quản lý nhà nước về thương mại sẽ góp phần thúc đẩy sự hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại thị trường hiện chưa có hoặc còn sơ khai, như: thị trường lao động, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường khoa học, công nghệ.

Thứ tư: Quản lý nhà nước về thương mại sẽ chủ yếu dựa trên nền tảng của sự tiếp tục đổi mới các công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế như: đổi mới kế hoạch hóa, cải cách hệ thống thuế và các cải cách trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ.

Từ những nhận định có tính chất dự báo trên, theo chúng tôi phương hướng hoàn thiện thể chế thương mại trong những năm tới là:

Đối với thị trường trong nước cần tập trung theo hướng:

+ Chấm dứt mọi hình thức bao cấp qua cấp vốn, tín dụng, trợ giá cho một số đối tượng, làm méo mó các quan hệ thương mại.

+ Sớm tạo lập một sân chơi cho tất cả các doanh nghiệp, cùng hoạt động trên cơ sở một hệ thống chính sách và luật pháp thống nhất với giá,

phí đồng nhất trên cơ sở thực thi Luật Doanh nghiệp (năm 2005), Luật Đầu tư mới...

+ Công tác cải cách hành chính phải tập trung giải quyết việc giảm thiểu thủ tục hành chính, loại bỏ giấy phép không cần thiết, phục vụ doanh nghiệp và tạo điều kiện để mọi hoạt động kinh tế diễn ra trôi chảy, thông thoáng. Trên cơ sở đó, lựa chọn một số hướng đột phá về đơn giản hóa thủ tục hành chính trong đăng ký kinh doanh, thu thuế, hải quan, kiểm tra, thanh tra hoạt động doanh nghiệp.

Trong hội nhập kinh tế quốc tế cần hướng vào việc đáp ứng các chuẩn mực quốc tế trong mọi hoạt động kinh tế đối ngoại. Để thực hiện các cam kết quốc tế của nước ta, như đối với AFTA, APEC, WTO, ACFTA, Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ cần tập trung xử lý các vấn đề chủ yếu sau:

+ Đối chiếu pháp luật hiện hành với các cam kết quốc tế để điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện hệ thống luật pháp vừa bảo đảm tính đồng bộ vừa phù hợp với các định chế song phương và đa phương.

+ Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đối ngoại, kiện toàn Ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế để thực sự đảm đương được vai trò "tư lệnh chiến trường" trong quá trình chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong đổi mới quản lý nhà nước về thương mại cần thực hiện vai trò thống nhất quản lý nhà nước của Bộ Thương mại đối với toàn bộ lĩnh vực thương mại trên thị trường. Như vậy mới có thể từng bước thực hiện sự phân biệt chức năng quản lý nhà nước với chức năng sản xuất kinh doanh, khắc phục được tình trạng bộ nào, ngành nào cũng làm chức năng quản lý thương mại dịch vụ, điều hòa lưu thông hàng hóa. Những mặt hàng quan trọng luôn có sự ách tắc và xuất hiện khá nhiều những chống chéo, thiếu phối hợp, sai lệch trong vận dụng cơ chế, chính sách cũng như xử lý các hậu quả của nó do sự tồn tại dai dẳng của mô hình quản lý theo kiểu "bộ chủ quản, sở chủ quản".

Cùng với quá trình cải cách nền hành chính quốc gia, tổ chức lại các bộ, ngành và hệ thống các doanh nghiệp nhà nước, trong điều kiện hệ thống pháp luật ngày càng đầy đủ, thì việc xóa bỏ mô hình bộ chủ quản, sở chủ quản đối với lĩnh vực thương mại cũng cần phải được đặt ra như một tất yếu khách quan.

Đổi mới quản lý theo hướng thống nhất quản lý nhà nước của Bộ Thương mại đối với hoạt động thương mại đòi hỏi phải tổ chức và hoàn thiện bộ máy quản lý, hình thành hệ thống quản lý nhà nước về thương mại thống nhất từ trung ương đến địa phương, làm rõ vai trò, nhiệm vụ các sở thương mại, định hình cơ quan quản lý hành chính - kinh tế nhà nước trên địa bàn quận, huyện, xác định giới hạn trách nhiệm và mối quan hệ giữa các tổ chức quản lý, như: bộ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, sở, quận, huyện... pháp quy hóa các mối quan hệ đó thành luật hoặc nghị định của Chính phủ để bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện.

Trước những chuyển biến sâu sắc về tình hình kinh tế, thương mại của đất nước, đặc biệt là tiến trình hội nhập kinh tế thế giới trong những năm qua như: việc thực thi các hiệp định thương mại, tham gia khu vực mậu dịch tự do, các diễn đàn hợp tác kinh tế, quá trình đàm phán gia nhập WTO, ngoài Luật Thương mại đã được chỉnh sửa, Luật Cạnh tranh mới được ban hành, rõ ràng còn phải bổ sung nhiều luật khác. Theo đó cần mở rộng phạm vi của Luật Thương mại, bao gồm các quan hệ trong hoạt động trao đổi hàng hóa hữu hình và phần lớn hoạt động thương mại dịch vụ; bổ sung các quy định cơ bản trong thương mại quốc tế như vấn đề về các biện pháp chống trợ cấp, các biện pháp tự vệ, đối kháng chống phá giá, xác lập quyền kinh doanh xuất - nhập khẩu về thương mại dịch vụ trong nước và quốc tế... Hoàn thiện các quy định về giải quyết tranh chấp thương mại để đáp ứng được quyền lợi chính đáng của các doanh nghiệp khi phát sinh tranh chấp và phù hợp với các thông lệ và các định chế quốc tế mà Việt Nam đã có cam kết tham gia.

Việc xây dựng một cơ chế giám sát thương mại và thực thi bảo hộ kịp thời là một yêu cầu khách quan trong giai đoạn hiện nay. Kinh nghiệm của các nước đi trước đều cho thấy sự cần thiết của cơ chế bảo hộ "tạm thời". WTO xây dựng khung khổ chung nhất về các nguyên tắc xử sự của một quốc gia liên quan cơ chế đó. Mỗi quốc gia, thành viên đó sẽ vận dụng và xây dựng các cơ chế cụ thể theo cách riêng tùy thuộc vào điều kiện và nhu cầu của mình.

Năm 2002, Việt Nam bước đầu đã phải đối mặt với những vấn đề còn rất mới mẻ. Đó là các rào

cản thương mại mới của nước ngoài đối với những sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Cùng với sự dỡ bỏ các hàng rào thương mại truyền thống, các nước đang lạm dụng các hàng rào thương mại mới nhằm ngăn chặn hàng hóa xuất khẩu của nước ta. Nếu cơ chế giám sát có thể cho phép chúng ta xem xét vấn đề và xử lý một cách linh hoạt hơn thì có thể tránh được những tình huống theo kiểu như vụ kiện bán phá giá cá basa của Hoa Kỳ. Cho đến nay, tuy Bộ Thương mại đã xây dựng cơ chế theo dõi về tình hình xuất khẩu, nhưng tính chuyên trách chưa cao, sự gắn bó giữa doanh nghiệp và các cơ quan còn thiếu chặt chẽ. Vì thế, trước tình huống các mặt hàng xuất khẩu gặp khó khăn, cả các cơ quan quản lý chức năng và doanh nghiệp nước ta tỏ ra hết sức lúng túng về phương pháp giải quyết, thậm chí khi sự việc đã trở thành một vụ kiện thì đã quá muộn để có thể tìm giải pháp tốt hơn, mà không ảnh hưởng đến quyền lợi của hai bên. Bởi vậy, bước đầu chúng tôi xin đề xuất một số phương hướng điều chỉnh và hoàn thiện chính sách thương mại hàng hóa của Việt Nam trong từng lĩnh vực, như sau:

- Đối với những sắc thuế nội địa như thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế sử dụng đất... cần phải cải cách từng bước, tiến tới xóa bỏ những điểm phân biệt đối xử giữa hàng hóa sản xuất trong nước và hàng nhập khẩu, giữa các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Tiếp tục ban hành, bổ sung, hoàn thiện và cơ cấu lại các sắc thuế nội địa, để bảo đảm phần nào bù đắp được tình trạng sụt giảm thu ngân sách nhà nước khi chúng ta thực hiện cắt giảm thuế nhập khẩu. Việt Nam cũng cần tiếp tục hoàn thiện danh mục biểu thuế nhập khẩu theo hướng phù hợp hoàn toàn với danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu của Tổ chức Hải quan thế giới (HS) và danh mục biểu thuế thống nhất của ASEAN/AFTA, ACFTA. Với cách sửa đổi theo các danh mục này, số dòng thuế sẽ được chi tiết cụ thể hơn nên sẽ thuận lợi hơn cho việc kê khai áp mã số, cũng như xác định mức thuế phải nộp.

Bên cạnh đó, để bảo hộ hợp lý thị trường và sản xuất nội địa trong quá trình hội nhập quốc tế, đồng thời vẫn phù hợp với các quy định của WTO, Việt Nam cũng nên nhanh chóng xây dựng và

hoàn thiện những quy định, chính sách mang tính pháp lý chặt chẽ hơn trong việc sử dụng các công cụ điều tiết mới, như:

- **Thuế tuyệt đối:** Khi áp dụng nó, thuế sẽ được thu theo một số tiền nhất định cho một đơn vị hàng hóa, không căn cứ trên giá và thuế suất của mặt hàng như thuế thu theo tỷ lệ phần trăm hiện đang áp dụng.

- **Thuế bảo vệ môi trường:** Là loại thuế nhằm ngăn ngừa và khắc phục hậu quả mà hàng nhập khẩu gây ra đối với môi trường sống, đồng thời tạo điều kiện cho việc bảo hộ hợp lý sản xuất và thị trường trong nước khi các biện pháp hạn chế định lượng hàng hóa nhập khẩu được bãi bỏ.

- **Các chính sách trong lĩnh vực phi thuế quan:** Gắn với tình hình thực tiễn, kết hợp với các cam kết đã và sẽ có hệ thống phi thuế quan của Việt Nam có thể được xây dựng thành 3 nhóm lớn sau: Loại 1 là những biện pháp phi thuế quan phổ thông trong khuôn khổ của WTO; loại 2 là những biện pháp kỹ thuật; loại 3 là những chính sách vĩ mô khác có tác động điều tiết gián tiếp xuất nhập khẩu: cơ chế tỷ giá hối đoái, thanh toán, lãi suất, tín dụng ngân hàng, chính sách đầu tư...

- **Hàng rào kỹ thuật thương mại và các biện pháp vệ sinh dịch tễ:** Việt Nam cần khẩn trương rà soát điều chỉnh, bổ sung, xây dựng mới các tiêu chuẩn về chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu về nhãn mác, bao bì sản phẩm, tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm, các biện pháp kiểm dịch động thực vật phù hợp với các yêu cầu của WTO và thông lệ quốc tế. Đồng thời, Việt Nam cũng nên khẩn trương sửa đổi bổ sung Pháp lệnh về chất lượng hàng hóa, Pháp lệnh Đo lường và ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các Pháp lệnh đó.

- **Các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại:** Trước mắt, tiếp tục duy trì yêu cầu nội địa hóa như là một trong các điều kiện của đầu tư nhưng giảm bớt số ngành, số sản phẩm thuộc đối tượng của chính sách này, chỉ tập trung vào một số ít những sản phẩm quan trọng, thật cần thiết để kích thích sự phát triển của ngành có liên quan, tạo ra những sản phẩm có thương hiệu Việt Nam. Về lâu dài, chúng ta phải đưa ra lộ trình bãi bỏ những quy định về nội địa hóa đối với tất cả các sản phẩm. □

KẾT THÚC ĐÀM PHÁN...

(Tiếp theo trang 42)

Ba là, có được hệ thống pháp luật minh bạch, ổn định, sẽ tạo điều kiện tốt để thu hút đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước nhằm thực hiện mục tiêu sớm đưa Việt Nam thoát khỏi tình trạng kém phát triển.

Bốn là, chúng ta chủ động tham gia vào chính sách thương mại toàn cầu để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế thương mại và bảo đảm quyền lợi của mình.

Về khó khăn:

Một là, để có thị trường toàn cầu ta cũng phải mở cửa thị trường trong nước cho các nước theo một lộ trình nhất định. Cạnh tranh giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp nước ngoài sẽ gay gắt hơn trong điều kiện phần lớn doanh nghiệp của ta là nhỏ và vừa. Đa số doanh nghiệp của ta rất năng động, song bị hạn chế về vốn và công nghệ.

Hai là, những biện pháp bảo hộ về thuế, các lệnh cấm nhập khẩu sẽ giảm tác dụng khi chúng ta giảm thuế và bỏ những lệnh cấm trái với quy định của WTO. Vấn đề thu ngân sách qua thuế nhập khẩu sẽ giảm nhưng được bù lại bằng tăng kim ngạch xuất khẩu và tăng tổng số thuế thu.

Ba là, chúng ta buộc phải nhanh chóng nâng cao năng lực cạnh tranh cấp nhà nước, cấp ngành hàng và cấp doanh nghiệp.

Bốn là, ta phải nhanh chóng xây dựng chính sách an sinh, đào tạo lại đội ngũ cán bộ cả về chuyên môn, ngoại ngữ, đào tạo lại tay nghề cho công nhân để đáp ứng yêu cầu lao động mới.

Khó khăn thách thức tuy nhiều, song nếu so với thế và lực của ta cách đây 20 năm khi mới mở cửa thì đã khác xa. Tin rằng sau Đại hội X của Đảng, với quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân, các doanh nhân... chúng ta sẽ tranh thủ được thời cơ, vượt lên trên thách thức, đưa nền kinh tế và đất nước ta tiếp tục phát triển. □



NINH BÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẮN VỚI XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO

ĐINH VĂN HÙNG *

SAU 20 năm đổi mới, Ninh Bình đã thu được nhiều thành tích quan trọng. Năm năm gần đây kinh tế Ninh Bình phát triển mạnh, tốc độ tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, các nguồn lực huy động cho đầu tư phát triển tăng nhanh; cơ sở vật chất - kỹ thuật được tăng cường; văn hóa - xã hội có tiến bộ, đời sống nhân dân được cải thiện, bộ mặt đô thị và nông thôn có nhiều đổi mới; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, quốc phòng được tăng cường; hệ thống chính trị được củng cố. Các chỉ tiêu do Đại hội XIV của Đảng bộ tỉnh đề ra cơ bản hoàn thành, nhiều chỉ tiêu hoàn thành vượt mức, đáng kể là phát triển kinh tế gắn với xóa đói, giảm nghèo tạo tiền đề cho bước phát triển trong thời gian tới.

Những năm qua (2001 - 2005) tốc độ tăng trưởng GDP của tỉnh đạt bình quân 11,9%; tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân hàng năm: nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 4%; công nghiệp tăng 26,8%; dịch vụ tăng 12,1%. Cơ cấu kinh tế (theo GDP) tính đến năm 2005: nông, lâm nghiệp, thủy sản: 31%; công nghiệp, xây dựng: 36%; dịch vụ: 33%. Sản lượng lương thực quy thóc bình quân đạt 45,4 vạn tấn/năm. Giá trị sản phẩm trên

một héc-ta canh tác đạt 25,4 triệu đồng/năm. Thu ngân sách năm 2005 đạt 554 tỉ đồng. GDP bình quân đầu người năm 2005 đạt 5,3 triệu đồng, gấp 2,1 lần so với năm 2000; giải quyết việc làm bình quân mỗi năm 15.700 lao động. Năm 2002, tỉnh đã hoàn thành phổ cập trung học cơ sở, số trường tiểu học chuẩn quốc gia đạt 79,8%. Đến nay tỉnh xây dựng 114 điểm bưu điện văn hóa xã, đạt 90%; 95% địa bàn dân cư được phủ sóng phát thanh, 85% được phủ sóng truyền hình; 60% số hộ được dùng nước sạch. Có 84% đường giao thông nông thôn được cứng hóa phần mặt; số kênh mương được kiên cố hóa đến hết năm 2005 là 60%.

Đảng bộ, quân và dân Ninh Bình chú trọng công tác xóa đói, giảm nghèo không chờ cho kinh tế - xã hội phát triển mới tiến hành.

Hàng năm, tỉnh đã xây dựng kế hoạch xóa đói, giảm nghèo với mục tiêu hạ tỷ lệ hộ nghèo từ 7,4% cuối năm 2004 xuống còn 6,2% vào cuối năm 2005 (giảm khoảng 2.500 hộ nghèo). Căn cứ vào chương trình, mục tiêu, kế hoạch của tỉnh, các đơn vị đã xây dựng chương trình, mục tiêu, kế hoạch

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Ninh Bình

xóa đói, giảm nghèo cụ thể của từng địa phương, đơn vị, đề ra các giải pháp mang tính khả thi.

Tỉnh đã hướng dẫn các đơn vị lập danh sách 51.824 đối tượng thuộc diện nghèo và các xã thuộc Chương trình 135 để Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Bảo hiểm Xã hội Ninh Bình đã phát hành 51.824 phiếu khám chữa bệnh với tổng số tiền là 2.591 triệu đồng cho người nghèo và phát tận tay cho đối tượng, tạo điều kiện cho họ trong khám, chữa bệnh. Đồng thời tỉnh đã chỉ đạo chặt chẽ việc xây dựng kế hoạch tập huấn cán bộ làm công tác xóa đói, giảm nghèo gồm 28 lớp, với 2.910 cán bộ các cấp với tổng kinh phí 254 triệu đồng.

Thực hiện Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg ngày 8-7-2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2006 - 2010; Công văn số 792/LĐTBXH ngày 23-3-2005 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; Công văn số 62/UB-VP6, ngày 24-3-2005, của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc điều tra xác định hộ nghèo giai đoạn 2006 - 2010, Sở Lao động Thương binh và Xã hội đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban chỉ đạo và tổ giám sát viên điều tra, xác định hộ nghèo giai đoạn 2006 - 2010, tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác xóa đói, giảm nghèo từ cấp tỉnh, xuống tận các xã, phường, thị trấn. Quá trình điều tra xác định hộ nghèo ở Ninh Bình đã được tiến hành dân chủ, công khai, công bằng, đúng tiêu thức. Kết quả điều tra toàn tỉnh có 40.013 hộ thuộc diện nghèo, chiếm tỷ lệ 18,02%; trong đó, khu vực thành thị có 2.409 hộ (chiếm 7,70%) và khu vực nông thôn có 37.604 hộ (chiếm 19,12%). Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đang cố gắng tập trung chỉ đạo để làm tốt vấn đề xóa đói,

giảm nghèo, cũng như tình trạng tái nghèo của tỉnh.

Các cấp, các ngành của tỉnh đã phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, tiếp tục triển khai dự án tín dụng xóa đói, giảm nghèo Việt - Đức (KFW) Fa III tại thị xã Ninh Bình, huyện Yên Khánh, Yên Mô và Hoa Lư với tổng số kinh phí trên 6.000 triệu đồng. Tổ chức kiểm tra vốn vay ở 16 xã thực hiện dự án, qua kiểm tra bảo đảm đúng đối tượng, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, tỷ lệ nợ quá hạn thấp (0,2%). Thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp bù lãi suất vốn vay KFW cho các huyện, thị xã thực hiện dự án kịp thời, chính xác. Năm 2005, tỉnh đã phối hợp với Ngân hàng Chính sách Xã hội cho 19.372 lượt hộ nghèo và cận nghèo vay vốn để sản xuất kinh doanh với doanh số 59.528 triệu đồng, góp phần giúp cho 2.619 hộ vươn lên thoát nghèo. Những mô hình này đang được lãnh đạo tỉnh rất quan tâm, rút kinh nghiệm và nhân rộng.

Để thực hiện công cuộc xóa đói, giảm nghèo, một vấn đề cần được quan tâm là phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là ở vùng sâu, vùng xa... Thời gian qua Ninh Bình đã đầu tư 2.950 triệu đồng và 5.920 ngày công để xây dựng kết cấu hạ tầng cho các xã nghèo, "xã đặc biệt khó khăn", xã bãi ngang ven biển để xây dựng 6 công trình nước sạch, đường giao thông, thủy lợi nhỏ, điện sinh hoạt... Trong quá trình triển khai, các địa phương trong tỉnh đã thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở công khai trong việc lựa chọn công trình đầu tư xây dựng với nguyên tắc xã có công trình, dân có việc làm, tăng thu nhập, góp phần xóa đói, giảm nghèo.

Tổng nguồn vốn xóa đói, giảm nghèo đến tháng 12-2005 là 260.000 triệu đồng, trong đó vốn Ngân hàng Phục vụ người nghèo là

238.500 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương là 4.500 triệu đồng, vốn dự án Việt - Đức Fa III là 6.000 triệu đồng, vốn huy động cộng đồng là 11.000 triệu đồng. Năm 2005, có 19.350 lượt hộ nghèo và cận nghèo được vay với tổng số tiền 339.700 triệu đồng. Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình xóa đói, giảm nghèo, Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên, Liên đoàn Lao động,... đã phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành vận động hội viên tham gia tích cực, đạt hiệu quả cao. Chương trình, mục tiêu quốc gia xóa đói, giảm nghèo trong nhiều năm qua ở Ninh Bình đã có kết quả tốt. Riêng năm 2005, thực hiện chương trình này ở Ninh Bình đã có 2.619 hộ thoát nghèo. Đồng thời Chương trình xóa đói, giảm nghèo ở Ninh Bình đã từng bước được xã hội hóa và thực sự trở thành phong trào quần chúng rộng lớn, thể hiện mối quan hệ truyền thống tốt đẹp tình làng, nghĩa xóm, đạo lý "thương người như thể thương thân" của dân tộc ta.

Bên cạnh việc thực hiện xóa đói, giảm nghèo, trong những năm qua, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân, các ngành, các địa phương trong tỉnh đã có phong trào xóa nhà tranh, vách đất và kết quả đạt được rất đáng tự hào. Ngày 23-2-2005, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ra quyết định về việc điều tra, lập kế hoạch "xóa nhà tranh, tre, nứa, lá" cho các hộ gia đình khó khăn. Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các sở, ban, ngành liên quan thực hiện.

Trong quá trình tổ chức triển khai, một số đơn vị làm tốt công tác xóa đói, giảm nghèo như các huyện Nho Quan, Gia Viễn; các thị xã Tam Điệp, Ninh Bình; lực lượng vũ trang Quân khu III; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; ngành lao động - thương binh và xã hội các

cấp trong tỉnh,... Kết quả đạt được trong thời gian vừa qua là do được sự quan tâm, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở, sự phối kết hợp của các cấp, các ngành, đoàn thể và sự đồng tình ủng hộ tích cực của các tầng lớp nhân dân cả về vật chất và tinh thần. Tỉnh đã hỗ trợ kinh phí kịp thời cho các huyện, thị xã; lực lượng vũ trang Quân khu III tích cực huy động lực lượng giúp dân xây dựng nhà; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp chủ động trong việc tuyên truyền, vận động các tổ chức đoàn thể quần chúng, các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị và các tầng lớp nhân dân nhiệt tình hưởng ứng, tham gia tích cực. Tóm lại, sự hợp tác chặt chẽ giữa các ngành với các cơ quan, các cấp chính quyền là yếu tố quan trọng tạo nên thành tích trong mục tiêu xóa đói, giảm nghèo của tỉnh.

Qua những thành tựu đã đạt được và hạn chế về công tác xóa đói, giảm nghèo ở Ninh Bình từ nhiều năm qua, nhất là 5 năm gần đây, có thể rút ra những bài học kinh nghiệm:

Thứ nhất, xây dựng và triển khai đồng bộ các chính sách, dự án về giảm nghèo; lồng ghép có hiệu quả các chính sách, dự án giảm nghèo với các chính sách kinh tế - xã hội khác của tỉnh. Phân công trách nhiệm rõ ràng cho các cấp, các ngành trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách dự án giảm nghèo.

Thứ hai, tạo bước đột phá mới trong chỉ đạo, phát huy sức mạnh và sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân, gắn trách nhiệm của các cấp, các ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể để đạt và vượt mục tiêu xóa đói, giảm nghèo đã đề ra; đẩy mạnh phong trào "Ngày vì người nghèo" đến mọi tổ chức kinh tế, xã hội, các tầng lớp dân cư.

Thứ ba, gắn xóa đói, giảm nghèo với giải quyết việc làm. Đối với khu vực nông thôn thực hiện có hiệu quả các đề án, dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, tổ chức sản xuất, cung ứng và quản lý giống, kiên cố hóa kênh mương, phát triển ngành, nghề ở nông thôn... Đối với khu vực thành thị thực hiện có hiệu quả đề án phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và ngành tiểu thủ công nghiệp, phát triển thương mại, du lịch. Có cơ chế, chính sách khuyến khích việc thành lập, mở rộng phát triển các cơ sở sản xuất với quy mô ngành, nghề đa dạng, thu hút được nhiều lao động.

Thứ tư, đẩy mạnh việc nhân rộng các mô hình, kinh nghiệm xóa đói, giảm nghèo có hiệu quả, nhất là mô hình xóa đói, giảm nghèo ở các vùng đặc thù, khó khăn như vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đông đồng bào theo đạo Thiên Chúa; hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo phương châm: cộng đồng, dòng họ, bản thân hộ nghèo và nhà nước cùng lo. Tăng cường công tác đào tạo nghề, nhất là dạy nghề cho nông dân, hướng dẫn cách làm ăn để nâng cao chất lượng lao động, tập trung dạy nghề hướng dẫn cách làm ăn cho người nghèo ở vùng nông thôn, vùng đô thị hóa, khu công nghiệp.

Thứ năm, thường xuyên tổ chức bồi dưỡng tập huấn nâng cao nhận thức, năng lực cho cán bộ làm công tác xóa đói, giảm nghèo, đặc biệt là ở cơ sở. Gắn kết chặt chẽ giữa Chương trình xóa đói, giảm nghèo và việc làm; gắn Chương trình 135 với các chương trình, dự án khác trên địa bàn, bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội, đồng thời cụ thể hóa các chỉ tiêu, mục tiêu, kế hoạch đến cơ sở xã, phường, thôn, bản, để mọi người dân nắm được và tích cực tham gia thực hiện. □

VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA...

(Tiếp theo trang 13)

công nghệ còn *tập trung* quá nhiều vào Nhà nước, phụ thuộc vào cơ chế hành chính *quan liêu*, phần lớn được ngân sách nhà nước *bao cấp*.

Để khắc phục những nhược điểm trên, Nhà nước nên tập trung chủ yếu vào việc ban hành các chính sách quản lý và khuyến khích hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, xác định các hướng ưu tiên cho từng thời kỳ tương ứng với các chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Về nhu cầu nghiên cứu, Nhà nước đặt hàng bằng phương thức giao thầu hoặc đấu thầu các đề tài về quản lý nhà nước và khoa học cơ bản, đồng thời lập các quỹ hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ và quỹ "mạo hiểm" để hỗ trợ một phần cho các đề tài về sản xuất, kinh doanh phục vụ các hướng ưu tiên quốc gia và bù đắp cho phần rủi ro trong nghiên cứu khoa học, công nghệ.

Có cơ chế khuyến khích và ràng buộc để các doanh nghiệp trực tiếp đặt hàng với các tổ chức nghiên cứu, được nhận sự hỗ trợ của các quỹ hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, được ưu đãi trong việc lập quỹ khoa học, công nghệ và trong khai thác, sử dụng các kết quả nghiên cứu công nghệ trong nước. Các tổ chức khoa học, công nghệ áp dụng cơ chế sự nghiệp mới, có quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về kế hoạch hoạt động, về tổ chức nhân sự và thu chi tài chính, không phân biệt thuộc trung ương hay địa phương, công lập hay dân lập, chỉ còn sự khác nhau về trình độ, năng lực chuyên môn, khoa học, nghĩa là năng lực cạnh tranh. Thu nhập của cán bộ khoa học phải dựa vào kết quả của lao động khoa học bỏ ra, có thể rất cao nếu đem ứng dụng vào thực tế có hiệu quả, nhưng cũng có thể chỉ đạt mức bình thường nếu chưa được ứng dụng, hoặc chưa có kết quả. Ngoài ra, cần có chế tài cụ thể trong việc bảo vệ quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ. □

MỤC tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước giai đoạn 2006 - 2010, được Trung ương xác định là: *"Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, đạt được chuyển biến quan trọng theo hướng phát triển nhanh và bền vững..."*

Nghị quyết số 53-NQ/TW của Bộ Chính trị xác định mục tiêu phát triển của vùng Đông Nam Bộ và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trong thời gian tới là: huy động cao nhất các nguồn lực, khai thác có hiệu quả tiềm năng và lợi thế của vùng để phát triển nhanh, ổn định và bền vững, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao,...

Căn cứ vào định hướng của Trung ương và dựa trên những lợi thế của địa phương, Nghị quyết Đảng bộ tỉnh Long An lần thứ VIII, đưa ra mức phấn đấu tăng trưởng bình quân 14%/năm cho giai đoạn 2006 - 2010. Đây là chỉ tiêu tổng hợp quan trọng của nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong kế hoạch 5 năm tiếp theo đầu thế kỷ XXI.

Những năm qua, Long An có nhiều cố gắng thúc đẩy tăng trưởng đạt mức bình quân hằng năm là 9,4%. Tuy nhiên, kinh tế của tỉnh đang ở điểm xuất phát thấp, cơ cấu kinh tế còn lạc hậu, GDP bình quân đầu người năm 2005 chỉ bằng 87% của cả nước, bằng 51% vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và bằng 106% vùng đồng bằng sông Cửu Long.

So với một số tỉnh vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và của cả nước trình độ phát triển kinh tế - xã hội của Long An hiện nay chậm khoảng 5 - 7 năm. Một số tỉnh có quy mô kinh tế và những điều kiện khác tương đồng với Long An chọn mục tiêu tăng trưởng kinh

tế bình quân hằng năm giai đoạn 2006 - 2010 từ 13,5% - 16%.

Để thực hiện đúng tinh thần chỉ đạo của Trung ương, phù hợp với khả năng khai thác các tiềm năng, lợi thế của tỉnh, tránh nguy cơ tụt hậu quá xa so với các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm, Long An chọn bước đi có tính đột phá với mức tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm từ 13,5% - 14%. Điều này xuất phát từ những cơ sở sau đây:

MỘT SỐ GIẢI PHÁP ĐẨY NHANH TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ GIAI ĐOẠN 2006 - 2010 Ở TỈNH LONG AN

LÂM THỊ ĐEP *

Về vị trí địa lý: Long An với vị thế là cửa ngõ các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, đồng thời là tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của cả nước có khả năng thu hút đầu tư phát triển công nghiệp và đô thị trong quá trình phân công vùng lãnh thổ. Long An có cửa khẩu quốc gia Bình Hiệp - Mộc Hóa tạo khả năng mở rộng giao thương hàng hóa với các nước Đông Dương; có cửa sông Soài Rạp hướng ra biển Đông thuận tiện cho việc phát triển dịch vụ vận tải biển.

Về kết cấu hạ tầng: Trong kế hoạch Trung ương sẽ đầu tư đường N1, N2, đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương,

* Giám đốc Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Long An

quốc lộ 50, hỗ trợ đầu tư hệ thống giao thông nông thôn đến trung tâm xã.

Về phía tỉnh, hiện nay các trục giao thông chính qua các khu cụm công nghiệp và kết nối với thành phố Hồ Chí Minh về cơ bản đã được đầu tư giai đoạn một. Chỉ cần đầu tư một số công trình như đường 19, Tân Lập - Long Hậu, Tân Kim - Hiệp Phước, Long Cang - Long Định, Mỹ Yên - Tân Bửu, Thuận Đạo, đường qua khu công nghiệp Đức Hòa 2, 3,... sẽ đáp ứng được nhu cầu phát triển công nghiệp và dân sinh.

Hiện nay, một số dự án lớn cấp nước ở Long An đã và đang triển khai như nhà máy nước Gò Đen (Bến Lức), nhà máy nước ODA Đan Mạch và chuẩn bị triển khai nhà máy nước khu công nghiệp Xuyên Á (Đức Hòa). Một số dự án đang chuẩn bị như cấp nước Phước Vĩnh Đông, dự án cấp nước khu công nghiệp Đức Hòa III... Tỉnh đang phối hợp với thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu triển khai dự án cấp nước lớn cho vùng từ nguồn nước mặt Hồ Phước Hòa - Dầu Tiếng. Khả năng có thể đáp ứng nhu cầu trong tương lai gần.

Điện và thông tin liên lạc đã được đầu tư đi trước một bước, cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất và dân sinh.

Về nguồn nhân lực: *Nền kinh tế cần khoảng 900.000 lao động*, trong đó phần tăng thêm trong kỳ là 160.000 lao động. Khả năng đáp ứng: lao động mới gia tăng ở địa phương 110.000, lao động chuyển đổi là 25.000. Lao động cần bổ sung thêm ngoài tỉnh 25.000 người, địa phương đang có kế hoạch sẽ phối hợp với các tỉnh lân cận để tuyển dụng. Nhu cầu đào tạo mới lao động là 140.000 người. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2010 phải đạt tỷ lệ 40% tổng nguồn.

Nhu cầu vốn đầu tư: *Tổng vốn 47.000 tỉ đồng, chiếm 45% GDP* với hệ số suất đầu tư (ICOR) là 3,52. So với 5 năm trước tăng lên 1,75 lần. Khả năng cân đối:

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước: 9.850 tỉ đồng, chiếm 21% tổng vốn đầu tư, trong đó vốn ngân sách Trung ương 4.700 tỉ đồng, chiếm 10% tổng vốn đầu tư, vốn ngân sách địa phương 5.150 tỉ đồng, chiếm 11% tổng vốn đầu tư.

Nguồn vốn doanh nghiệp trong nước 11.850 tỉ đồng, chiếm 25% tổng vốn đầu tư. Nguồn vốn đầu tư nước ngoài 15.000 tỉ đồng, chiếm 32% tổng vốn đầu tư. Nguồn vốn tín dụng 1.800 tỉ đồng, chiếm 4% tổng vốn đầu tư. Vốn dân cư và vốn huy động khác 8.500 tỉ đồng, chiếm 18% tổng vốn đầu tư.

Về tài nguyên đất: *Nhu cầu thu hồi đất cho phát triển công nghiệp là 5.000 ha*, trong đó 3.000 ha phục vụ phát triển công nghiệp đô thị và dịch vụ trong kỳ kế hoạch và 2.000 ha chuẩn bị cho giai đoạn tiếp theo. Trong 3.000 ha cần đổi trong kỳ kế hoạch đã thu hồi 2.000 ha, năm 2006 sẽ phải thu hồi tiếp 1.000 ha để đáp ứng yêu cầu.

Phát triển một số ngành lĩnh vực quan trọng

Trong lĩnh vực công nghiệp: *Tăng trưởng bình quân hằng năm của ngành giai đoạn 2001 - 2005 là 17,8%* là một cố gắng lớn, nhiều ngành nghề mới được mở ra, năng lực sản xuất của ngành không ngừng được nâng lên cả về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên, sự phát triển của công nghiệp chưa tương xứng với vị thế và tiềm năng của tỉnh. Nhiều cơ hội đầu tư đã bị bỏ qua hoặc kéo dài thời gian triển khai dự án do chưa chuẩn bị tốt điều kiện tiếp nhận làm hạn chế tăng trưởng kinh tế.

Thực hiện chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kết hợp với khai thác tiềm năng và lợi thế của tỉnh dự kiến giai đoạn 2006 - 2010 tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp bình quân hàng năm là 24%. Chỉ số này đã thể hiện rất rõ công nghiệp chính là ngành đột phá có tính chất quyết định đến tính khả thi của tăng trưởng kinh tế của Long An.

Điều kiện và khả năng phát triển công nghiệp là:

- Về kết cấu hạ tầng phục vụ thu hút đầu tư phát triển công nghiệp đã được tập trung đầu tư trong 5 năm qua và sẽ tiếp tục đầu tư hoàn thiện trong kỳ kế hoạch.

- Nhu cầu cần 110.000 lao động sẽ được đáp ứng phát triển công nghiệp.

- Nhu cầu đất đai phục vụ phát triển công nghiệp với 3.000 ha diện tích đất tự nhiên. Khó khăn lớn nhất trong những năm qua cũng như hiện nay là vấn đề thu hồi đất. Với sự chỉ đạo điều hành tập trung, quyết liệt trên nguyên tắc giải quyết tốt mối quan hệ lợi ích của nhân dân, của nhà doanh nghiệp và lợi ích nhà nước thì chỉ tiêu trên sẽ được thực hiện tốt.

- Ngoài cơ chế chính sách chung của cả nước, Long An sẽ vận dụng cơ chế đặc thù của vùng, của địa phương, thực hiện tốt chương trình cải cách hành chính nhằm tạo động lực cho các doanh nghiệp chọn Long An để đầu tư, nhu cầu về vốn đầu tư phát triển công nghiệp là 23.600 tỉ đồng, chiếm trên 50% trong tổng mức đầu tư chung. Dự kiến sẽ thu hút 3.500 doanh nghiệp trong nước với 12.000 tỉ đồng vốn đầu tư và thu hút hơn 15.000 tỉ đồng (850 triệu USD) của đầu tư nước ngoài.

Thực hiện chủ trương của Trung ương trong việc phân bố lại không gian lãnh thổ của vùng kinh tế trọng điểm, Long An có cơ hội và có khả năng tiếp nhận tái bố trí đầu tư và đầu tư mới trên địa bàn đáp ứng được chỉ tiêu về vốn.

Các nhân tố trên cho thấy, hoàn toàn có thể đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp.

Nông nghiệp: Tăng trưởng bình quân hàng năm giai đoạn 2001 - 2005 là 6%, bao gồm sự gia tăng cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Trong điều kiện đất đai thổ nhưỡng có nhiều bất lợi so với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và chịu ảnh hưởng lớn của dịch bệnh thì kết quả trên là đáng khích lệ. Các mô hình sản xuất có hiệu quả trong nông nghiệp, trong thủy sản đã được khẳng định.

Giai đoạn 2006 - 2010 dự kiến tăng trưởng kinh tế nông nghiệp bình quân hằng năm là 5,5%, quy mô sản xuất có xu hướng thu hẹp dần và từng bước chuyển sang phát triển theo chiều sâu, nâng cao chất lượng và hiệu quả. Trong đó, thủy sản được chọn là khâu đột phá với mức tăng trưởng bình quân là 18%/năm.

Giải pháp trọng tâm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là hai mũi nhọn: công tác giống cây con và ứng dụng khoa học công nghệ phục

vụ cho việc hình thành và phát triển nền nông nghiệp ven đô. Bước đầu xây dựng nền móng cho sự phát triển công nghệ cao. Đưa giá trị tăng thêm bình quân một ha đất nông nghiệp hàng năm từ 15 triệu đồng/ha hiện nay được nâng lên 25 triệu đồng/ha vào năm 2010.

Thương mại - dịch vụ: Tăng trưởng bình quân là 8,5%/năm giai đoạn 2001 - 2005. Nhiều loại hình dịch vụ có bước phát triển khá. Hoạt động xuất nhập khẩu đã có chuyển biến rõ nét. Tuy nhiên, sự phát triển trên còn chậm, chưa tạo ra bước chuyển dịch về cơ cấu kinh tế theo yêu cầu.

Trong kỳ kế hoạch với sự phát triển mạnh kinh tế - xã hội nói chung và phát triển công nghiệp với tốc độ cao nói riêng sẽ tạo điều kiện và môi trường phát triển mạnh mẽ thương mại - dịch vụ. Một số ngành dịch vụ mới đã và đang hình thành sẽ phát triển nhanh trong năm năm tới. Đầu tư xây dựng hạ tầng, dịch vụ cảng, kho bãi, nhất là dịch vụ phục vụ phát triển công nghiệp,... dự kiến tốc độ tăng trưởng khu vực này là 14,2%/năm. Một số dự án lớn của ngành sẽ được triển khai: dự án khu cửa khẩu quốc gia Bình Hiệp - Mộc Hóa, dự án làng nổi Tân Lập, dự án cảng Long An...

Giáo dục, y tế, văn hóa - xã hội: cùng với tăng trưởng kinh tế cao, trong thời gian qua lĩnh vực này phát triển ổn định và đã đạt những thành tựu quan trọng. Trình độ dân trí gia tăng đáng kể, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được cải thiện, văn hóa được giữ vững và phát triển, giải quyết việc làm và xóa đói giảm nghèo từng bước đi vào chiều sâu... Các chỉ tiêu đạt được nêu trong dự thảo Báo cáo Chính trị của Đại hội đều vượt trội so với mức bình quân cả nước, đó là một cố gắng lớn của Long An. Tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề tồn tại cần phải tiếp tục giải quyết tạo đà phát triển vững chắc cho các giai đoạn tiếp theo.

Để bảo đảm phát triển bền vững, Long An đang tập trung thực hiện một số giải pháp:

Về đào tạo phát triển nguồn nhân lực: Để bảo đảm nhu cầu lao động cả về số lượng và

(Xem tiếp trang 59)

Phát triển rừng bền vững trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

PHẠM VĂN VANG *

Việt Nam, "rừng vàng" là cách nói ví von về nguồn lợi của rừng. Nhưng để lĩnh vực kinh tế quan trọng này thực sự trở thành như chính tên gọi đó còn phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu và nhiều việc phải làm, trong đó những giải pháp nhằm để rừng thực sự được phát triển bền vững đang là một yêu cầu bức xúc.

Cùng với sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước gần hai thập niên qua, nghề rừng nước ta đã đạt được những thành tựu bước đầu quan trọng. Hai chương trình quốc gia lớn trong vòng mười năm gần đây trên đất rừng là: *Chương trình 327 phủ xanh đất trống, đồi núi trọc* (1993 - 1998) và *dự án trồng mới 5 triệu héc-ta rừng* (1999 - 2003) đã trồng mới được khoảng 1,8 triệu héc-ta, khoanh nuôi tái sinh gần 1 triệu héc-ta, trồng cây công nghiệp dài ngày, cây lấy quả 10 vạn héc-ta, xây dựng vườn của kinh tế hộ khoảng 3 vạn héc-ta. Đặc biệt, thực hiện chủ trương của Nhà nước giao đất, giao rừng cho hộ gia đình, làng, bản,... trồng, chăm sóc, bảo vệ, những năm gần đây, mỗi năm giao khoán được từ 2 đến 2,2 triệu héc-ta rừng, chủ yếu là rừng phòng hộ đầu nguồn xung yếu, nơi có nhiều

đồng bào các dân tộc sinh sống. Bởi vậy, độ che phủ của rừng nước ta hiện nay được tăng lên đáng kể, từ 28% năm 1993 lên 36,1% năm 2003⁽¹⁾, khoảng 38% năm 2005, đáp ứng một số nhu cầu kinh tế - xã hội, góp phần giảm bớt những tác hại của thiên tai đối với sản xuất và đời sống.

Điều quan trọng là, diện tích rừng trồng cũng như rừng được khoanh nuôi, chăm sóc, bảo vệ theo phương thức giao khoán cho hộ gia đình đảm nhận, đã tạo ra bước chuyển cơ bản từ người dân tự do chặt phá rừng

theo phương thức du canh, du cư nay đã trở thành người bảo vệ, chăm sóc, nuôi dưỡng rừng, làm cho cuộc sống ổn định, chấm dứt được tệ nạn phá rừng đốt nương làm rẫy gây ra biết bao hậu quả khôn lường về tự nhiên, môi trường sinh thái, về sản xuất và đời sống, nhất là trên vùng đồi núi đất dốc. Đây là một kết quả đáng ghi nhận và tự hào.

Tuy nhiên, vấn đề lớn đặt ra, tại sao nói "rừng vàng" mà người kinh doanh nghề rừng lại có tỷ lệ hộ nghèo còn cao, mặc dù về lý thuyết đều khẳng định kinh doanh trên đất rừng đem lại hiệu quả kinh tế (tỷ suất lợi nhuận) cao hơn nhiều so với các ngành khác trong kinh doanh nông - lâm nghiệp trên cùng một loại đất. Nhưng trên thực tế ở nước ta, tại những địa phương có nhiều rừng và đất rừng thì người dân lại không sống được bằng chính nghề rừng.

Hiện nay, với 18 triệu dân chiếm gần 22 % dân số cả nước, sống trên 12,1 triệu héc-ta rừng và hơn 6,77 triệu héc-ta đất rừng (bằng

* TS, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

(1) Xem: Vương Xuân Chính: "Làm sao để rừng thực sự là vàng"- Tạp chí Kinh tế và dự báo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số 2-2005, tr 28

56,6% diện tích tự nhiên cả nước), nhưng thu nhập từ lâm nghiệp chỉ bằng 1% thu nhập (GDP) của cả nước⁽²⁾. Nguyên nhân chủ yếu là do *năng suất rừng trồng của ta quá thấp*, năng suất trung bình chỉ đạt bằng 1/5 đến 1/7 năng suất rừng trồng của nhiều nước trên thế giới. Đã vậy, tiêu thụ sản phẩm gặp nhiều khó khăn do chất lượng và khả năng cạnh tranh trên thị trường thấp. Vì vậy, một số nơi đã có tình trạng người dân quay lưng lại với rừng. Đây là vấn đề bức xúc hiện nay cần được các cơ quan chức năng quan tâm đúng mức.

Tình trạng năng suất rừng trồng hay rừng khoanh nuôi nước ta quá thấp và người dân dưới tán rừng không sống được bằng chính nghề rừng phải xem xét theo 2 phương diện: *Một là*, phương thức kinh doanh trên đất rừng; *Hai là*, cơ chế, chính sách đối với nghề rừng.

1 – Về phương thức kinh doanh trên đất rừng

Đã có những khẳng định khoa học về phương thức kinh doanh có hiệu quả trên đất rừng ở nước ta. Đó là phương thức kinh doanh nông - lâm kết hợp, tức là kết hợp sản xuất nông nghiệp với sản xuất lâm nghiệp nhằm tạo ra nhiều loại sản phẩm có giá trị trên đơn vị diện tích, lấy ngắn nuôi dài, bảo đảm các điều kiện kinh doanh lâu dài có hiệu quả, nhất là trên đất dốc. Trên phạm vi cả nước, căn cứ vào điều kiện tự nhiên sinh thái của từng vùng để thực hiện phương thức kinh doanh nông - lâm kết hợp nhằm đem lại hiệu quả cao cho sản xuất kinh doanh nông - lâm nghiệp.

Nhận thức đầy đủ về phương thức kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp, đó là sự thống nhất hữu cơ hai mặt của vấn đề quan hệ kinh tế - xã hội với quan hệ tự nhiên. Một mặt, phương thức đó sử dụng hợp lý, với hiệu quả cao đất đai và các tài nguyên thiên nhiên khác. Mặt khác, nó biểu hiện như là phương thức thâm canh, kinh doanh chuyên môn hóa với phát triển tổng hợp theo từng vùng tự nhiên - sinh thái nhằm tạo ra năng suất đất cao. Như vậy, thực chất của việc kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp là một

phương thức kinh doanh có hiệu quả phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của từng vùng, từ đó có điều kiện xây dựng cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất hợp lý trong nông - lâm nghiệp, khai thác mọi tiềm năng thế mạnh về tự nhiên cũng như kinh tế - xã hội, các nguồn lực *đất đai, lao động*, khí hậu và các tài nguyên khác được sử dụng một cách có lợi nhất. Phương thức này đã được thể hiện ở tầm vĩ mô cũng như vi mô theo các phương diện: *cơ cấu kinh tế và cơ cấu sản xuất kinh doanh, về bố trí sử dụng đất đai và các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác theo ngành và vùng lãnh thổ*. Áp dụng phương thức sản xuất này đem lại ý nghĩa thực tiễn to lớn, giải quyết các yêu cầu kinh tế - xã hội, nhất là vấn đề đời sống (lương thực, thực phẩm), nhu cầu nguyên liệu phục vụ sản xuất (nguyên liệu giấy, sợi dệt, nguyên liệu sản xuất của các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phục vụ xuất khẩu...) nâng cao hiệu quả đầu tư, kinh doanh lâu dài nông - lâm nghiệp, nhất là vùng đất dốc, đẩy nhanh quá trình phân công lao động xã hội trước hết là trong 2 ngành nông, lâm nghiệp chiếm khoảng 70% lao động nước ta; cải thiện môi trường sinh thái trên khắp các vùng lãnh thổ. Bởi vậy, phương thức kinh doanh kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp *có thể trở thành con đường phát triển bền vững tất yếu của nông nghiệp, lâm nghiệp, nông thôn và đem lại hiệu quả cao ở nước ta*. Trên thực tế, kinh doanh nông - lâm kết hợp đã được áp dụng với nhiều hình thức, mô hình rất phong phú, trên từng vùng sinh thái nước ta, như: Hình thức lâm - ngư kết hợp trên đất ngập mặn sinh lầy chống sóng ven biển; hình thức lâm - ngư - nông kết hợp trên đất phèn; hình thức lâm - nông kết hợp trên đất cát ven biển; hình thức nông - lâm kết hợp hình thành các vành đai rừng chắn gió trên hệ thống đồng ruộng, đường giao thông, hệ thống thủy lợi, sông ngòi, hồ, ao; hình thức nông - lâm kết hợp theo hệ sinh thái V.A.C trên đất thổ cư, kinh tế hộ gia đình; hình

(2) Tài liệu đã dẫn

thức nông - lâm kết hợp trên vùng đồi núi thấp, cao nguyên, hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp dài ngày; hình thức nông - lâm kết hợp trên đất dốc vùng chuyên canh cây lương thực, thực phẩm; hình thức lâm - nông kết hợp trên vùng nguyên liệu giấy, sợi dệt, gỗ trụ mỏ, rừng đặc sản; hình thức lâm - nông kết hợp trên đất dốc và đất bằng theo hệ sinh thái vườn - rừng, rừng - vườn; hình thức lâm - nông kết hợp bảo vệ tự nhiên, môi trường vùng núi cao, đầu nguồn; các hình thức chăn nuôi gia súc, thú kinh tế, nuôi ong và nuôi thả thủy sản trong rừng.

Các mô hình sản xuất nông - lâm kết hợp hoặc lâm - nông kết hợp nói trên đã được tổng kết kinh nghiệm trong đời sống thực tiễn. Thực tế cũng cho thấy rất nhiều điển hình trên mọi vùng lãnh thổ kinh doanh nông - lâm kết hợp đem lại hiệu quả cao và trở thành các nhà "triệu phú", "tỷ phú" nhờ sản xuất kinh doanh nông nghiệp kết hợp với lâm nghiệp. Song, do nhiều nguyên nhân, đến nay chúng vẫn chưa được triển khai nhân rộng trên các vùng sinh thái ở nước ta. Vấn đề đặt ra là làm thế nào có những giải pháp thiết thực để áp dụng rộng rãi các mô hình nông - lâm hay lâm - nông kết hợp và nhân rộng các điển hình kinh doanh kết hợp nông nghiệp với lâm nghiệp trong đời sống thực tiễn nhằm nâng cao năng suất sinh khối, hiệu quả sử dụng đất cũng như các tài nguyên thiên nhiên khác trong nông, lâm nghiệp của nước ta.

2 - Về cơ chế, chính sách đối với nghề rừng

Hiện nay, cơ chế chính sách của Nhà nước ta đối với nghề rừng tuy đã có bước chuyển từ người dân tự do chặt phá rừng, đốt nương làm rẫy trở thành người chăm sóc, bảo vệ, nuôi dưỡng rừng theo chế độ giao khoán của Nhà nước. Song cơ chế này, "rừng vẫn là rừng của Nhà nước" người dân chỉ là "chủ hờ" trong thời gian nhận khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ. Xét về thực chất, người nhận khoán, chỉ là người "làm thuê" và được nhận thù lao theo mức khoán. Sau khi nhận thù lao, hầu như người dân

không còn quyền lợi cũng như nghĩa vụ gì đối với rừng nên có lúc, có nơi họ không quan tâm đến rừng. Với cơ chế này, rừng vẫn chưa thực sự có chủ cụ thể, dẫn đến nạn lâm tặc chặt phá rừng, cả dân cũng chặt phá, đốt rừng, lấn chiếm rừng làm nương rẫy, nạn cháy rừng, sâu hại còn xảy ra gay gắt, gây bất ổn thường xuyên, nhất là khi lợi ích của người dân bị xâm phạm. Trong khi Nhà nước vẫn phải cấp tiền thuê dân bảo vệ mà rừng vẫn bị xâm hại.

Đáng lưu ý là, từ khi ruộng đất được giao quyền sử dụng cho hộ gia đình kinh doanh và thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước, nông nghiệp nước ta đã có bước phát triển đột phá, từ thiếu lương thực hàng năm phải nhập khẩu trở thành một nước xuất khẩu lương thực đứng thứ 2 trên thế giới, đời sống của nông dân không ngừng được cải thiện. Trong lâm nghiệp cũng vậy, không ai khác, nếu người dân thực sự là chủ của rừng thì việc trồng, chăm sóc, bảo vệ cũng như phát triển nghề rừng mới bền vững. Vì khi người dân thực sự là chủ, lợi ích kinh tế và cuộc sống của họ mới gắn bó chặt chẽ với rừng, họ mới thiết tha bảo vệ, đầu tư thâm canh phát triển lâu dài nghề rừng. Khi đất rừng được giao quyền sử dụng, rừng đã là của dân, thì Nhà nước cũng không cần phải đầu tư ngân sách thuê người dân chăm sóc, bảo vệ theo lối bao cấp như hiện nay. Người dân không còn quan niệm "làm thuê" cho Nhà nước, cũng không còn thờ ơ với việc trồng, chăm sóc bảo vệ rừng, trái lại họ còn tăng đầu tư kinh phí và công sức cho việc thâm canh rừng đạt năng suất cao, thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Đã đến lúc, ngành lâm nghiệp phải đi sâu nghiên cứu, tạo ra bước chuyển và đổi mới toàn diện tư duy, quan điểm phát triển và cơ chế chính sách đối với rừng và đất rừng, bao gồm cả chính sách đầu tư, tổ chức sản xuất và quản lý, thị trường và giá cả,... Đặc biệt là chính sách đối với người làm nghề rừng. Phải có quan điểm phát triển bảo đảm thực hiện cả 2 chức năng cơ bản của nghề rừng là chức năng phòng hộ và chức năng kinh tế. Phải có quan điểm phát triển

rừng gắn với đất rừng, với người làm nghề rừng. Nếu thiếu một trong những quan điểm phát triển trên thì ngành lâm nghiệp nước ta khó có thể phát triển bền vững, rừng sẽ bị thu hẹp dần, môi trường sinh thái sẽ bị tàn phá ngày càng nghiêm trọng trên mọi miền đất nước, không riêng gì ở miền núi. Theo những quan điểm phát triển đó, việc xây dựng cơ chế và mọi chính sách phát triển nghề rừng phải bắt nguồn từ quan điểm *tạo mọi điều kiện, môi trường thuận lợi cho người kinh doanh nghề rừng*, rừng phải nuôi được người dưới tán rừng và tiến tới miền núi phải *làm giàu từ rừng*. Có như vậy, hai phần ba lãnh thổ nước ta là đồi núi mới có thể phát huy được thế mạnh là *rừng và đất rừng*, miền núi mới có thể đuổi kịp và phát triển hơn miền xuôi, đời sống vật chất cũng như văn hóa tinh thần của nhân dân mới ngày càng được cải thiện, phát triển bền vững.

Trên cơ sở đổi mới tư duy, quan điểm phát triển nghề rừng nói trên, về mặt cơ chế và tổ chức quản lý cũng cần được đổi mới đồng bộ. Rừng và đất rừng nước ta rộng lớn, khả năng kinh doanh và quản lý (theo lối cũ) của Nhà nước sẽ có giới hạn nếu không có sự thay đổi về phương thức quản lý, do đó rừng và đất rừng cần thiết phải giao cho các thành phần kinh tế khác, đặc biệt là hộ gia đình kinh doanh lâu dài mới bảo đảm phát triển bền vững với hiệu quả cao. Đồng thời, các doanh nghiệp nhà nước (nông, lâm trường) ngoài chức năng sản xuất kinh doanh còn có chức năng dịch vụ (cung cấp giống, thuốc trừ sâu, hướng dẫn kỹ thuật, thu mua lâm sản,...) đối với hộ gia đình và các thành phần kinh tế khác kinh doanh phát triển nghề rừng.

Khi rừng và đất rừng được giao quyền sử dụng cho hộ gia đình, các thành phần kinh tế khác tự chủ kinh doanh lâu dài, về mặt quản lý nhà nước cũng cần giao cho các địa phương có trách nhiệm tổ chức quản lý, thực hiện "xã hội hóa nghề rừng" - rừng do dân trồng, chăm sóc, bảo vệ dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ, quản lý của các tổ chức kinh tế, chính quyền cơ sở. Từ đó cơ

chế quản lý nghề rừng cần được đổi mới theo hướng kết hợp chặt chẽ giữa nông, lâm trường quốc doanh, các ban quản lý rừng, các đơn vị kinh tế, các doanh nghiệp và các cấp chính quyền cơ sở với dân; chuyển người dân từ vị trí trông, chăm sóc, bảo vệ rừng "thuê" cho Nhà nước thành "người chủ" thực sự của rừng và đất rừng, gắn bó thiết thân với rừng.

Cần thực hiện *chính sách đa dạng hóa các nguồn đầu tư phát triển nghề rừng*. Chúng ta biết rằng, rừng là cây lâu năm, tuy vốn đầu tư không lớn trên đơn vị diện tích, nhưng kinh doanh dài ngày nên thu hồi vốn chậm, do đó cũng phải có phương thức huy động vốn đặc thù. Bù lại, nguồn lợi của rừng đem lại rất lớn, ngoài các nguồn lợi chính về lâm sản, đặc sản rừng còn có nguồn lợi về phòng hộ cho sản xuất và đời sống, bảo vệ cho môi trường trong lành, tô đẹp cảnh quan... Giải pháp phòng tránh thiên tai hữu hiệu nhất là bảo vệ và phát triển rừng. Bởi vậy, Nhà nước phải đánh giá đúng nguồn lợi này, đồng thời làm cho mỗi người phải có trách nhiệm đóng góp vào việc thực hiện giải pháp này. Điều này phải được tuyên truyền rộng rãi, phổ cập cho toàn xã hội. Nhà nước phải có cơ chế gắn kết trách nhiệm của những đối tượng hưởng lợi trực tiếp từ rừng đem lại, trước hết là ngành thủy lợi, điện, du lịch,... phải có nghĩa vụ trong việc chăm lo bảo vệ và phát triển rừng. Ngoài việc mạnh dạn giao rừng cho các thành phần kinh tế, hộ gia đình kinh doanh, có thể giao một số loại rừng cho các đối tượng hưởng lợi trực tiếp từ rừng quản lý hoặc thông qua các ban quản lý rừng phòng hộ, rừng danh lam thắng cảnh, du lịch, rừng quốc gia, *đầu tư vốn để bảo vệ và phát triển*. Nhà nước cũng cần ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ thích đáng cho người dân làm nghề rừng dưới nhiều hình thức: *hỗ trợ vốn đầu tư trực tiếp, vay vốn lãi suất thấp, giá thu mua ưu đãi cho người trồng rừng, thực hiện chính sách khuyến lâm, v.v.*

Tùy điều kiện từng nơi, nhất là các vùng núi cao, độ dốc lớn, khó khăn trong việc sản xuất lương thực, thực hiện phương thức kinh doanh

nông - lâm kết hợp, Nhà nước có thể áp dụng chính sách hỗ trợ vốn kinh doanh ban đầu (giống, lương thực) cho người trồng rừng theo diện tích thành rừng với mức 2 - 5 triệu đồng/héc-ta để bảo đảm lương thực cho người dân an tâm làm nghề rừng. Những nơi có vị trí địa lý khó khăn trong việc trồng cây lâu năm, thực hiện phương thức kinh doanh lâm - nông kết hợp, Nhà nước có thể hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh 4 - 5 triệu đồng/héc-ta. Những nơi có điều kiện sản xuất lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày, có điều kiện khai thác các sản phẩm phụ đem lại thu nhập, thực hiện phương thức kinh doanh nông - lâm kết hợp theo phương châm "lấy ngắn nuôi dài", Nhà nước có thể hỗ trợ vốn sản xuất (cây giống và công trồng rừng) 1 - 2 triệu đồng/héc-ta.

Trong các vùng sản xuất nghề rừng chuyên môn hóa tập trung, chuyên canh như vùng sản xuất nguyên liệu giấy, sợi dệt, gỗ, trụ mỏ,... Nhà nước cần tăng vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất như: mở đường lâm nghiệp, xây dựng các trạm trại cơ giới, cung cấp giống cây trồng, phòng chống sâu bệnh, cháy rừng, xây dựng công trình thủy điện, nhiệt điện phục vụ sản xuất và đời sống,...

Cần nghiên cứu để ban hành các chính sách giao quyền sử dụng rừng và đất rừng cho các thành phần kinh tế, hộ gia đình kinh doanh, chính sách thu mua lâm sản hợp lý, cung cấp các dịch vụ phục vụ sản xuất nghề rừng, xác định rõ trách nhiệm và nghĩa vụ đóng góp của người kinh doanh trên đất rừng, của các đối tượng hưởng lợi trực tiếp từ rừng đối với Nhà nước, với địa phương cơ sở.

Thực hiện những vấn đề cơ bản nêu trên, rừng của nước ta sẽ phát triển bền vững, thực sự trở thành một ngành kinh tế quan trọng, - "rừng vàng", góp phần làm giàu cho đất nước. Làm được như vậy, hơn 22% dân số nước ta sống trên đất rừng sẽ ổn định và có điều kiện phát triển về nhiều phương diện, thiên tai bất thường sẽ không còn xảy ra, môi trường sinh thái hài hòa, đất nước thực sự trở thành một quốc gia phát triển nhanh và bền vững. □

MỘT SỐ GIẢI PHÁP...

(Tiếp theo trang 54)

chất lượng, ngoài phần ngân sách nhà nước đầu tư đòi hỏi phải thực hiện thật tốt chủ trương xã hội hóa đào tạo. Tạo cơ chế gắn kết chặt chẽ giữa các đơn vị đào tạo và doanh nghiệp. Nhà nước hỗ trợ đào tạo về kiến thức pháp lý nền cho người lao động, doanh nghiệp chịu trách nhiệm đào tạo ngành nghề chuyên môn. Hình thành quỹ đào tạo nguồn nhân lực từ các doanh nghiệp nhằm hỗ trợ đào tạo không từ nguồn ngân sách nhà nước.

Huy động nguồn vốn đầu tư: Cần phải tạo ra môi trường đầu tư hấp dẫn bao gồm nhiều giải pháp có tính tổng hợp, trong đó trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, công khai, minh bạch. Thực hiện tốt cơ chế tập trung đầu mối.

Tăng trưởng cao nhưng phải bảo đảm tính bền vững theo hướng cân đối hài hòa giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa xã hội, phát triển hiện tại không làm tổn hại đến tài nguyên thiên nhiên và môi trường sống của con người, không quá nôn nóng chấp nhận tăng trưởng bằng mọi giá.

Tổ chức, điều hành đóng vai trò đặc biệt quan trọng, quyết định thành công hay thất bại của kế hoạch. Trong những năm qua đạt được những thành tựu to lớn là nhờ vai trò quản lý điều hành năng động, linh hoạt của đảng bộ và các cấp chính quyền. Tuy nhiên, bài học kinh nghiệm lớn cần phải khắc phục đó là tình trạng đầu tư dàn trải trên một số lĩnh vực quan trọng, lựa chọn quy mô đầu tư vượt quá xa khả năng thực tế, một số nguồn lực đưa vào cân đối thiếu vững chắc tạo áp lực rất lớn trong quản lý điều hành.

Từ những bài học kinh nghiệm về những thành công cũng như tồn tại trong nhiều năm qua đã giúp cho hệ thống quản lý xây dựng kế hoạch tổ chức điều hành chặt chẽ hơn, bám sát nội dung các chương trình của nghị quyết với các nguồn lực vững chắc, mang lại hiệu quả tối ưu cả về kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng. □

HƠN 10 năm qua, hoạt động du lịch của Bình Thuận đã và đang có sự chuyển biến tích cực, ngày càng khẳng định vai trò, vị trí của nó. Chính quyền các cấp của tỉnh đã có những biện pháp cụ thể, hữu hiệu để thúc đẩy du lịch phát triển ổn định. Cùng với những chủ trương đúng đắn, định hướng phù hợp và nhiều chính sách thiết thực khuyến khích phát triển du lịch theo hướng toàn diện, đồng bộ, Bình Thuận đã có bước đột phá trong tổ chức chỉ đạo quy hoạch và đầu tư kết cấu hạ tầng để phát triển vững chắc các khu du lịch, làng du lịch. Với tốc độ tăng trưởng du lịch bình quân hằng năm đạt 39,7% trong 10 năm qua, có thể khẳng định, ngành "công nghiệp không khói" của tỉnh Bình Thuận đang vận hành theo xu hướng sớm trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong nền kinh tế chung của tỉnh.

Bình Thuận thuộc Nam Trung Bộ là "một vùng sơn thủy hữu tình", hội tụ rất nhiều cái "nhất". Đó là nơi có vùng đồi cát Mũi Né đẹp nhất, có bãi đá Cổ Thạch ở Tuy Phong hình hài đa dạng nhất, có ngọn đèn biển Kê Gà hơn trăm năm tuổi bằng đá cao nhất, có tượng Phật nằm lớn nhất (trên núi Tà Kú, dài 49 mét ở chùa Linh Sơn Trường Thọ), có

tháp nước đẹp nhất (cao 32 mét với hơn 70 năm tuổi ở thành phố Phan Thiết), có đền thờ cá voi Vạn Thủy Tú lớn nhất (lưu giữ 100 bộ xương cá voi) v.v... Sau hơn 10 năm nỗ lực bằng "mũi đột phá" du lịch, Bình Thuận hiện còn nổi tiếng bởi những khu du lịch phục vụ nghỉ ngơi, thưởng thức, tận hưởng thiên nhiên đạt tiêu chuẩn với số lượng đứng đầu cả nước. Giờ đây, cả vùng đất giàu có bởi hàng trăm di tích lịch sử - văn hóa, cùng dải bờ biển tuyệt đẹp dài 192 ki lô mét của Bình Thuận đang được "đánh thức". Sức hấp dẫn của nó thực sự làm "mê hoặc" các nhà đầu tư, khi cả "chủ" và "khách" cùng tin tưởng và hy vọng về tương lai của ngành "công nghiệp không khói" ở vùng đất giàu có cát, núi và biển này.

Trong những năm qua, công tác quản lý nhà nước về du lịch cũng như quản lý nhà nước chuyên ngành về du lịch đã được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cấp, các ngành của tỉnh đặc biệt quan tâm. Điều này được thể hiện từ những biện pháp và cách làm cụ thể sau:

Thứ nhất, tỉnh ban hành và tổ chức chỉ đạo thực hiện kịp thời các văn bản pháp quy về hoạt động du lịch (về quản lý hoạt động kinh doanh, về đầu tư, về vệ sinh môi trường...), đồng thời có những chính sách cụ thể về khuyến khích thu hút vốn đầu tư. Tỉnh đã có những chủ trương, định

hướng phát triển du lịch toàn diện, đồng bộ, trong đó có các bước đột phá trong tổ chức chỉ đạo quy hoạch phát triển các khu du lịch, phát triển kết cấu hạ tầng, (đường giao thông, thông tin liên lạc, điện, nước), từng bước khắc phục tình trạng ô nhiễm về vệ sinh môi trường, phát triển diện tích cây xanh, cải tạo hạ tầng đô thị các khu dân cư...

Thứ hai, tỉnh và các ban, ngành điều hành có hiệu quả việc xúc tiến phát triển du lịch theo định hướng quy hoạch thông qua việc kêu gọi, thu hút được nhiều dự án đầu tư có tính khả thi, của các nhà đầu tư cả trong

và ngoài nước. Nhiều dự án du lịch đã được xây dựng và đi vào hoạt động có hiệu quả.

Thứ ba, bước đầu thiết lập được quyền quản lý toàn diện của nhà nước tại địa phương đối với tất cả các hoạt động du lịch, bao gồm đầu tư, tổ chức khai thác kinh doanh và tham quan du lịch, vệ sinh môi trường, trật tự an toàn xã hội; bảo đảm tính mạng, tài sản của khách du lịch và giữ vững an ninh quốc gia.

Thứ tư, củng cố và kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về du lịch theo hướng chuyên môn hóa. Các địa phương có khu du lịch đều đã thành lập các ban quản lý khu du lịch để giải quyết có hiệu quả các vấn đề về môi trường, an ninh - trật tự và

Để du lịch Bình Thuận trở thành ngành kinh tế mũi nhọn

TRIỀU HẢI HOÀNG

hướng dẫn, định hướng hoạt động của các doanh nghiệp theo đúng quy chế, pháp luật.

Những năm gần đây ngành du lịch Bình Thuận đã thể hiện vai trò tích cực trong việc tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý có hiệu quả đối với toàn bộ các hoạt động du lịch, thể hiện trên các mặt sau.

- Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các quyết định, quy định về quản lý các hoạt động du lịch, dịch vụ du lịch, ban hành các chỉ thị về tăng cường công tác vệ sinh, môi trường tại các khu, tuyến, điểm du lịch trong tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan nghiên cứu, các ngành có liên quan tổ chức tốt việc quy hoạch định hướng phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh và từng khu du lịch.

- Đóng vai trò chủ đạo trong việc tư vấn, thông tin quảng bá, xúc tiến phát triển du lịch tại địa phương.

Sự phát triển của ngành du lịch không chỉ góp phần khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế du lịch của địa phương, giải quyết việc làm cho người lao động tại chỗ, mà còn thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển theo chiều hướng tích cực, kéo theo nhiều công trình du lịch trên địa bàn được hình thành, góp phần làm đẹp thêm cảnh quan và cải thiện môi trường khu vực.

Đến nay, Bình Thuận đã có 377 dự án đầu tư du lịch còn hiệu lực, với tổng vốn đăng ký đầu tư gần 10.000 tỉ đồng, trong đó có 78 dự án đã đi vào hoạt động kinh doanh. Số lượng khách du lịch đến Bình Thuận tăng bình quân hằng năm trên 30%, năm 2005 đạt 1,7 triệu lượt khách, trong đó có khoảng 150.000 lượt khách khách du lịch quốc tế, đạt doanh thu 450 tỉ đồng, tăng gấp 15 lần so với năm 1995. Lượng khách đến Bình Thuận với mục đích du lịch biển chiếm trên 80% trong tổng số khách và tỷ trọng này có xu hướng ngày càng tăng, nhất là sau khi có sự đầu tư ở các khu vực Phan Thiết - Mũi Né, Tiến Thành, Hàm Thuận Nam... Lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực du lịch có trên 10.000 người, tăng gấp 10 lần so với năm 1995. Cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành và chất lượng phục vụ đều tăng và có tiến bộ. Nếu năm 1995, toàn tỉnh chỉ có 23 cơ sở lưu trú du lịch với 610 phòng nghỉ, cả năm chỉ đón vài chục ngàn khách, thì hiện nay Bình Thuận đã có 102 khách sạn lớn nhỏ với khoảng 3.200 phòng nghỉ; trong đó có 4 khách sạn đạt tiêu chuẩn 4 sao với

342 phòng, 9 khách sạn tiêu chuẩn 3 sao với 588 phòng, 18 khách sạn tiêu chuẩn 2 sao với 802 phòng, 15 khách sạn 1 sao với 376 phòng, cùng hàng chục cơ sở lưu trú đạt tiêu chuẩn tối thiểu và khoảng 220 nhà trọ, nhà nghỉ với trên 2.000 phòng, tập trung ở các khu du lịch như Phan Thiết, Mũi Né, Bình Thạnh (Tuy Phong), Lagi, Tân Hải (Hàm Tân)... Ngoài ra còn có một sân golf 18 lỗ với diện tích 65 ha nằm ở trung tâm thành phố Phan Thiết; 25 điểm tham quan văn hóa - du lịch và hệ thống các nhà hàng với đầy đủ các tiện nghi, các dịch vụ phục vụ như vận chuyển, vui chơi giải trí được phân bố khắp toàn tỉnh đáp ứng tốt nhu cầu tìm hiểu, thưởng thức của du khách.

Tuy nhiên, so với tiềm năng, lợi thế thì sự phát triển của ngành du lịch Bình Thuận vẫn chưa tương xứng vì vậy, hiệu quả kinh tế còn thấp. Biểu hiện của những bất cập là chất lượng đội ngũ lao động trong ngành du lịch chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ khách, nhất là đối với khách quốc tế, do nghiệp vụ chuyên môn và trình độ ngoại ngữ còn nhiều mặt hạn chế, sự chuyên môn hóa và hợp tác hóa chưa cao. Việc mở rộng thị trường còn nhiều lúng túng và thiếu đồng bộ, chưa có sự chỉ đạo toàn diện trong công tác quảng bá tuyên truyền nên du khách còn thiếu thông tin cần thiết khi đến Bình Thuận. Mặt khác, môi trường một số điểm du lịch không bảo đảm, có nguy cơ suy thoái về môi trường, nếu không có các giải pháp khắc phục. Trong đó, điểm đặc biệt chú ý là việc giải quyết các mâu thuẫn giữa phát triển du lịch với phát triển kinh tế biển chưa tốt. Chẳng hạn như vấn đề xử lý rác thải, chất thải của các cơ sở chế biến hải sản và các loại phương tiện đánh bắt hải sản cũng như sinh hoạt của dân cư. Mâu thuẫn giữa vấn đề quy hoạch nuôi trồng thủy sản với quy hoạch, phát triển du lịch v.v... Đây là những thách thức không nhỏ, đòi hỏi phải có nguồn kinh phí lớn, có sự nhất trí rất cao trong các ngành, các cấp và phải làm cho nhân dân đồng tình ủng hộ thì mới có thể giải quyết được. Lượng khách du lịch đến Bình Thuận tuy có tốc độ tăng trưởng nhanh, nhưng tỷ trọng khách du lịch quốc tế còn nhỏ (hiện chỉ chiếm khoảng dưới 10% tổng lượng khách), thời gian lưu trú còn ngắn, chi tiêu cho mua sắm và vui chơi giải trí thấp. Sản phẩm du lịch chưa đa dạng, chưa khai thác tốt cảnh quan môi trường và giá trị văn hóa tinh thần để hấp dẫn và lưu giữ khách. Công tác quảng bá, tiếp thị du lịch còn hạn chế, việc nghiên cứu thị trường còn tản mạn, tự phát, thiếu thông tin.

Hoạt động tiếp thị của các doanh nghiệp còn phân tán và mang tính riêng lẻ, kinh phí cho tuyên truyền quảng bá, tiếp thị còn hạn hẹp. Công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ du lịch còn bộc lộ nhiều hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư phát triển du lịch. Trình độ dân trí nhìn chung còn thấp, vệ sinh, văn minh xã hội còn nhiều vấn đề bất cập. Trình độ quản lý và đội ngũ cán bộ, nhân viên chưa ngang tầm đòi hỏi của yêu cầu, nhiệm vụ phát triển ngành du lịch... Các biện pháp quản lý cụ thể, sự phối hợp quản lý của các ngành, các cấp và các địa phương chưa cao...

Chương trình hành động về phát triển du lịch đến năm 2010 của tỉnh đã xác định rõ: "phát triển kinh tế du lịch nhanh, bền vững, đạt hiệu quả về nhiều mặt: kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng và trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường, cảnh quan sinh thái, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc, tạo tiền đề cần thiết để kinh tế du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh...". Mục tiêu chung nhất là đưa Bình Thuận trở thành một mắt xích quan trọng trong việc phát triển du lịch vùng phù hợp với tốc độ phát triển chung của khu vực và cả nước. Để đạt được mục tiêu đó, Bình Thuận đã đề ra những nhiệm vụ và giải pháp chung để phát triển ngành du lịch và xây dựng các làng du lịch phát triển bền vững trong những năm tới như sau.

Một là, tập trung phát triển các sản phẩm du lịch lợi thế, đặc thù của Bình Thuận, thực hiện đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, các loại hình dịch vụ; kết hợp các yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại để hấp dẫn, thu hút khách như: các sản phẩm du lịch gắn với khai thác thế mạnh tài nguyên biển; gắn với giá trị văn hóa, tài nguyên nhân văn, lễ hội; gắn với nhu cầu khám phá, tìm hiểu, nghiên cứu các giá trị vật thể, phi vật thể nổi trội của tỉnh; sản phẩm du lịch gắn với thể thao mạo hiểm, giải trí, nghỉ dưỡng; sản phẩm du lịch gắn với tham quan di tích chiến tranh, di tích cách mạng, di tích văn hóa; sản phẩm du lịch kết hợp với chữa bệnh, nghỉ dưỡng tại các nguồn nước khoáng nóng; sản phẩm du lịch kết hợp với văn hóa ẩm thực v.v.. Khuyến khích đầu tư phát triển loại hình du lịch công vụ, hội nghị, hội thảo, hội chợ, nghiên cứu... và phát triển các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp phục vụ du lịch.

Hai là, có quy hoạch và phân kỳ đầu tư xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển du lịch phù hợp với từng khu quy hoạch và loại

hình du lịch. Đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch, đi đôi với việc đầu tư hệ thống giao thông, điện, nước, vệ sinh môi trường, viễn thông, các trạm cứu hộ ven biển ở các bãi tắm công cộng và các khu du lịch; có kế hoạch quản lý, bảo tồn hệ thống tài nguyên du lịch, xây dựng quy chế bảo vệ tài nguyên du lịch.

Ba là, tăng cường thu hút đầu tư, hợp tác kinh tế về du lịch, đẩy mạnh xúc tiến quảng bá du lịch trong nước và quốc tế theo từng thời kỳ và phù hợp với từng nhóm đối tượng. Ưu tiên thu hút đầu tư, xúc tiến khai thác các thị trường khách du lịch có đặc điểm, sở thích phù hợp với sản phẩm của tỉnh; trong đó chú ý đến thị trường khách quốc tế, thông qua các tổ chức du lịch quốc tế chủ động tạo nguồn khách nước ngoài ổn định.

Bốn là, tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển du lịch. Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, nhân viên làm việc trong các khu du lịch, làng du lịch. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, giáo dục trong cộng đồng nhân dân về nhiệm vụ phát triển du lịch của tỉnh, qua đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân, góp phần xây dựng du lịch tỉnh nhà phát triển ngày càng bền vững theo các tiêu chí hấp dẫn, thân thiện, văn minh, hiện đại.

Năm là, tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội; vệ sinh môi trường tại các khu, tuyến, điểm du lịch, nhằm tạo sự an tâm, thoải mái, gắn gũi cho du khách khi đến các khu du lịch, các làng du lịch ở Bình Thuận.

Tóm lại, cùng với sự hào phóng của thiên nhiên, du lịch Bình Thuận đang có những điều kiện tốt và cơ hội thuận lợi để phát triển toàn diện và vững chắc, nhanh chóng hội nhập vào khu vực miền Trung cũng như cả nước và quốc tế. Tuy nhiên, bên cạnh nỗ lực của mình, Bình Thuận đang rất cần sự quan tâm, hỗ trợ và hợp tác phát triển nhiều và thiết thực hơn nữa của Chính phủ, các bộ, ngành, tổng cục, các nhà đầu tư trong và ngoài nước trong quá trình thực hiện mục tiêu đưa du lịch Bình Thuận trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Điều này chỉ sớm thành hiện thực, nếu Bình Thuận hội đủ các yếu tố nội và ngoại lực, tạo nên nguồn lực mạnh mẽ để "ngành công nghiệp không khói" của tỉnh nhà thực sự tăng tốc trong những năm tới. □



ASEM: CÁC KỊCH BẢN PHÁT TRIỂN TRONG NHỮNG NĂM SẮP TỚI

NGUYỄN THU MỸ *

TIẾN trình hợp tác Á - Âu (ASEM) đến nay đã được 10 năm. Trong 10 năm qua, tiến trình này đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ. Quan hệ hợp tác kinh tế Á - Âu nói chung, giữa Đông Á và Liên minh châu Âu (EU) nói riêng phát triển mạnh dưới tác động của các kế hoạch hành động, như Kế hoạch thuận lợi hóa thương mại (TFAP), Kế hoạch xúc tiến đầu tư (IPAP)... Ngoài ra, các cuộc đối thoại văn hóa và văn minh được khởi xướng tại Hội nghị cấp cao Á - Âu IV (Cô-pen-ha-gen) theo sáng kiến của Trung Quốc và Pháp đang ngày càng đi vào chiều sâu, góp phần tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau về các giá trị văn hóa của hai châu lục.

Những thành tựu kể trên đang tạo đà phát triển tích cực cho ASEM trong thời gian tới. Tuy nhiên, do tồn tại và phát triển trong môi trường quốc tế đang có nhiều biến đổi, cùng số lượng 39 nước thành viên đa dạng về lịch sử, văn hóa, chế độ chính trị, trình độ phát triển như hiện nay, ASEM đang đứng trước nhiều khả năng phát triển.

1 - Dự báo các kịch bản phát triển của ASEM

Nói đến khả năng phát triển của ASEM, nhiều học giả nước ngoài, trong đó có nhà nghiên cứu Xin-ga-po Y-ô-lây-hi đã dự báo về 3 kịch bản phát triển của tiến trình này như sau:

Kịch bản thứ nhất, ASEM vận động theo mô hình Khối Thịnh vượng chung

Kịch bản này được xây dựng dựa trên một số giả định về diễn biến sắp tới của chính trường

thế giới. Theo các giả định này, các khu vực trên thế giới như châu Á, châu Âu và một số cường quốc như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc... sẽ không có nhiều biến động trong thời gian tới.

Về châu Á, các "điểm nóng" như bán đảo Triều Tiên, eo biển Đài Loan, vấn đề biển Đông, các phong trào li khai ở Đông - Nam Á vẫn tồn tại nhưng không leo thang. Chủ nghĩa Hồi giáo cực đoan và mạng lưới khủng bố tại khu vực được đặt trong sự cảnh giác của chính phủ các nước thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông - Nam Á (ASEAN). Bên cạnh đó, tình hình của các quốc gia đơn lẻ vẫn diễn biến ổn định như Nhật Bản tiếp tục cải cách; kinh tế Trung Quốc tiếp tục tăng trưởng cao; sự ổn định bên trong của các nước lớn vẫn được duy trì...

Về châu Âu, đặc biệt là EU vẫn tiếp tục theo đuổi tiến trình mở rộng cùng những cố gắng nhằm hội nhập hơn nữa. Một số quyết định đề hợp lý hóa thể chế và thủ tục ra quyết định được tiến hành nhưng không mang tính đột phá. Về phương diện chiến lược, EU vẫn là khu vực ổn định nhất trên sân khấu toàn cầu; nền kinh tế châu Âu ổn định và phát triển chậm chạp. Về chính trị, khuynh hướng cực đoan, dân tộc chủ nghĩa bị kiềm chế bởi xã hội dân sự và các thể chế ngoài chính phủ...

Hoa Kỳ do dự giữa chủ nghĩa đơn phương và đa phương. Khuynh hướng này dẫn tới sự bất bình trong quan hệ của Mỹ với châu Á và châu

* PGS, TS, Viện nghiên cứu Đông - Nam Á

Âu. Vậy nên trước mắt sẽ không có chính sách lớn nào được đưa ra. Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) tiếp tục các hội nghị hằng năm và các hội nghị khác với các kết quả lẫn lộn nhưng không có sự mới mẻ.

Với giả định về môi trường chính trị thế giới khá ổn định như vậy, ASEM có thể vẫn sẽ là một diễn đàn ngoại giao liên chính phủ, vận động theo mô hình Khối Thịnh vượng chung. Về cơ bản, "ASEM vẫn là diễn đàn liên chính phủ phi chính thức mà không có bất kỳ tư cách pháp nhân chính thức nào"⁽¹⁾. ASEM không phải là một chủ thể quốc tế quan trọng vì không thể quyết định hành động quốc tế. Đối với cộng đồng quốc tế rộng lớn hơn, ASEM vẫn chỉ là ngoại biên và bộ máy hiện hành của ASEM không cho phép có sự đóng góp ý nghĩa nào đối với tiến trình thay đổi trên thế giới. Tuy nhiên, điều đó không hàm ý rằng ASEM là tổ chức không thích hợp. Ngược lại, nó mang lại lợi ích cho các nước thành viên như Khối Thịnh vượng chung đã làm thông qua Đại hội thể thao Khối Thịnh vượng chung, Trường đại học Khối Thịnh vượng chung, Học bổng và Quỹ Khối Thịnh vượng chung do Ban Thư ký quản lý.

Kịch bản thứ hai, ASEM trở thành một diễn đàn hiệu lực và hiệu quả

Kịch bản này được xây dựng dựa trên giả định Đông Á trở thành một thực thể mạnh và hội nhập, tạo nên một cực quan trọng trong nền kinh tế và chính trị thế giới. Để có được điều đó, Đông Á cần những điều kiện như: Hoa Kỳ vẫn tiếp tục chủ nghĩa đơn phương; EU hội nhập, hướng nội và tiếp tục quên lãng các thể chế đa phương...

Nếu Mỹ và EU phát triển theo hướng đó, Đông Á sẽ đi vào hội nhập. Ngoài ra, còn một số nhân tố khác có khả năng thúc đẩy hội nhập khu vực ở Đông Á đó là: Kinh tế Mỹ suy yếu dẫn tới sự tan rã của hệ thống mậu dịch đa phương; Mỹ thi hành chính sách đối ngoại điều hòa, đặc biệt trong quan hệ với Trung Quốc; sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế Đông Á tăng lên do không còn chịu ảnh hưởng lớn từ nền kinh tế Mỹ; Trung Quốc hội nhập mạnh mẽ vào khu vực.

Khi hội đủ các điều kiện trên, Đông Á sẽ thành một lực lượng khu vực hùng mạnh. Một cộng đồng Đông Á mạnh, quả quyết sẽ không thể và không bị người châu Âu lãng quên. Bên cạnh đó, một EU hội nhập ngày càng phát triển với một chính sách đối ngoại và an ninh chung minh bạch hơn cùng bản sắc an ninh và phòng thủ châu Âu nhằm trở thành một chủ thể toàn cầu. Khi đó, hai khu vực sẽ phát triển thành diễn đàn liên khu vực vững chắc, có khả năng lập ra chương trình nghị sự và hoạt động như một nhân tố hợp lý hóa. Nó sẽ vận động vượt ra ngoài mối bận tâm hiện nay về một nền chính trị tầm thường được xây dựng trên các dự án kiểu tạm thời.

Với kịch bản này, ASEM sẽ có thể trở thành một diễn đàn hướng vào hiệu quả nhiều hơn vì nó không còn là diễn đàn với các chủ thể trái ngược nhau mà là diễn đàn của hai thực thể khu vực hùng mạnh. Nó sẽ có thể vận động từ diễn đàn xây dựng lòng tin thành diễn đàn tập trung vào giải quyết vấn đề và thương lượng. ASEM sẽ trở nên táo bạo hơn, tập trung hơn với tư cách là một diễn đàn kết nối hai khu vực đóng góp 2/3 thị trường tiêu thụ trong lĩnh vực mậu dịch và đầu tư, đối thoại chính trị cũng sẽ được tăng cường. ASEM sẽ có thể ảnh hưởng tới chương trình nghị sự toàn cầu ⁽²⁾.

Kịch bản thứ ba, ASEM hoạt động như một định chế bao trùm

Trong kịch bản này ASEM có thể hoạt động như một định chế bao trùm mà ở đó, các nguyên tắc được đặt ra nhằm chỉ đạo các lĩnh vực hợp tác chính. ASEM sẽ cung cấp một khuôn khổ bao trùm cho phép "kết nối các chế độ hợp tác vận động với các tốc độ khác nhau" giống như một câu lạc bộ có nguyên tắc, cam kết với các tiêu chuẩn rộng rãi về ứng xử giữa các thành viên. Đây là quan điểm khá gần gũi với quan điểm của ba nhà khoa học Han Mô, Giê-ra Sê-gan và Giu-sóp Oa-na-đi. Các nhà khoa học này cho rằng, tốt nhất nên xem ASEM là một tập

(1) Y-ô-lây-hi: *Định hướng tương lai của tiến trình hợp tác Á - Âu*, Bài giảng tại Trường đại học Asef, Thái Lan, từ ngày 28-7 đến 10-8-2002, (tiếng Anh)

(2) Y-ô-lây-hi: *Tài liệu đã dẫn*, tr 10

hợp các quan hệ hơn là một mối quan hệ rõ ràng giữa hai chủ thể nối kết bởi niềm luật của ASEM.

Để ASEM phát triển theo kịch bản này cũng cần có các điều kiện nhất định, đó là sự thất bại hay sự suy yếu của các thể chế toàn cầu. Nhân tố này sẽ tạo sức ép đối với ASEAN. Và kết quả là một số thành viên của ASEAN sẽ hợp lực lại với nhau và với các nước bên ngoài để tiếp tục phát triển thông qua việc đóng góp những sáng kiến. Những tập hợp như vậy tạo thành các liên minh tự nguyện. Cơ sở để xây dựng những liên minh tự nguyện dựa trên quan điểm của một số nhà lãnh đạo ASEAN khi cho rằng ASEAN không cần cân nhắc tới việc kìm hãm sự hợp tác giữa các thành viên có khả năng và sẵn sàng tiến nhanh hơn.

Theo kịch bản này, ASEM sẽ vẫn tương đối lỏng lẻo, vẫn là một thể chế phi chính thức. Tuy nhiên, những hệ thống khác nhau trong phạm vi của nó có thể có các hình thức khác nhau.

2 – Triển vọng phát triển của ASEM trong thời gian tới

Ba kịch bản mà một số học giả nước ngoài đã dự báo là ba khả năng phát triển của ASEM trong những năm tiếp theo. Ngoài ra, vẫn có thêm một khả năng nữa cho rằng ASEM sẽ dần suy yếu và biến mất. Tuy nhiên, khả năng này không thể xảy ra khi những lợi ích mà ASEM đưa lại cho hai châu lục nói chung và từng nước thành viên nói riêng là điều được tất cả các đối tác thừa nhận.

Do vậy, vấn đề đặt ra là phân tích các kịch bản đó như thế nào và việc dự báo một kịch bản khả thi nhất dựa trên những phát triển gần đây của ASEM.

Kịch bản thứ nhất: ASEM phát triển theo mô hình Khối Thịnh vượng chung, một kịch bản không mấy thuyết phục do:

Một là, dự báo trên được đưa ra từ năm 2002, trước khi diễn ra Hội nghị cấp cao ASEM IV. Đây là yếu tố gây bất hợp lý do thời gian sau hội nghị, thế giới đã diễn ra nhiều sự kiện quan trọng: EU đã tạo được bước đột phá sau khi mở rộng; tình hình Đông Á cũng có những bước tiến lớn, đặc biệt là trong tiến trình hội nhập kinh tế

khu vực; Hoa Kỳ không còn do dự giữa chính sách đơn phương và đa phương trong quan hệ quốc tế...

Hai là, Khối Thịnh vượng chung là tổ chức của các quốc gia vốn là thuộc địa hoặc vùng ảnh hưởng của Anh, trong đó, Anh đóng vai trò hạt nhân. Thông qua Khối Thịnh vượng chung, Anh muốn duy trì quan hệ nhất định với những nước vốn là thuộc địa và vùng ảnh hưởng của mình; ngược lại, nhờ vị thế của Anh ở châu Âu và trên thế giới, những nước này có cơ hội phát triển và tránh được những ảnh hưởng bất lợi từ các cường quốc khác. Nhưng, thực tế là trong ASEM không có đối tác nào đóng vai trò tương tự như Anh trong Khối Thịnh vượng chung mặc dù Ủy ban châu Âu (EC) là đối tác hạt nhân bên phía châu Âu. Phía châu Á có các đối tác lớn như Trung Quốc, Nhật Bản, nhưng họ chỉ tham gia vào ASEM với tư cách đối tác bình thường như các nước Đông - Nam Á khác.

Do vậy, mặc dù hiện nay, cơ chế hoạt động của ASEM có một vài điểm tương tự như Khối Thịnh vượng chung, nhưng ASEM không thể phát triển theo mô hình đó.

Kịch bản thứ hai: Một tương lai phát triển của ASEM theo kịch bản này chính là điều các đối tác mong đợi. Tuy nhiên, những điều kiện cần thiết để hiện thực hóa kịch bản trên khó có thể xảy ra trong tương lai gần. Thật vậy, mặc dù Mỹ sẽ tiếp tục đường lối đơn phương trong quan hệ quốc tế, nhưng quan hệ Trung Quốc - Mỹ vẫn phát triển tốt đẹp do lợi ích của cả hai bên. Ngoài ra, sự kiện Đài Loan tuyên bố độc lập và việc Trung Quốc sử dụng các biện pháp quân sự nhằm đẩy nhanh quá trình thống nhất đất nước sẽ khiến quan hệ Trung Quốc với Mỹ, EU, ASEAN xấu đi. Một hệ quả như vậy sẽ khiến các nhà lãnh đạo Bắc Kinh phải cân nhắc thận trọng vì mục tiêu cao nhất của Trung Quốc hiện nay là sự trỗi dậy hòa bình.

Ngoài ra, giả định về việc EU hội nhập, hướng nội và quên lãng các thể chế đa phương không hẳn đã đúng. EU đang tiến tới nấc thang cao nhất trong tiến trình hội nhập khu vực; họ sẽ phải dành nhiều thời gian hơn cho các vấn đề nội bộ nhưng chưa có dấu hiệu nào cho thấy sự

"quên lãng" các thể chế đa phương, đặc biệt khi mâu dịch đa phương đang đưa lại nhiều lợi ích cho EU. Hơn nữa, đối thủ thương mại chính của EU trên thế giới hiện nay lại là Mỹ. Các cuộc đàm phán mâu dịch trong khuôn khổ Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) sẽ giúp EU nâng cao vị thế của họ trước Mỹ, đồng thời bảo đảm ưu thế của EU đối với các nước đang phát triển. Các thể chế mâu dịch đa phương trong khuôn khổ WTO cũng cung cấp cho EU một lý do "chính đáng" để từ chối các đề nghị mâu dịch song phương với ASEAN.

Từ những phân tích trên có thể đi tới kết luận rằng ASEM khó có thể phát triển theo kịch bản thứ hai ở tầm ngắn hạn và trung hạn.

Kịch bản thứ ba: Đây là kịch bản có nhiều khả năng hơn cả. Những phân tích về tình hình EU trong giai đoạn hiện nay và trong những năm sắp tới cho thấy EU sẽ phải ưu tiên nhiều hơn cho các vấn đề nội bộ và cho các mối quan hệ quan trọng như quan hệ xuyên Đại Tây Dương. Những bất đồng hiện nay của họ với Mỹ, về bản chất chỉ là bất đồng giữa các đồng minh chiến lược chứ không phải là giữa các đối thủ. Mặc dù khuynh hướng độc lập với Mỹ đang ngày càng phát triển nhưng khuynh hướng đó sẽ không dẫn tới việc EU đối lập với Mỹ. Đối với cả EU và Mỹ, đối thủ hiện nay của họ là một Trung Quốc đang trở dậy hòa bình, mạnh mẽ và ngày càng quả quyết hơn trên trường quốc tế, là một nước Nga dưới sự lãnh đạo của một thể hệ lãnh đạo mới trí tuệ hơn, năng động hơn đang quyết tâm phục hồi vị thế siêu cường từng có của mình.

Châu Á sẽ vẫn giữ một vị trí quan trọng trong chiến lược của EU do những cơ hội kinh tế mà châu Á đang và sẽ đưa lại. Do vậy, EU có thể chấp nhận thể chế hóa ASEM tới một mức độ nào đó, chẳng hạn như lập Ban thư ký ảo như khuyến nghị của Nhóm đặc nhiệm về quan hệ đối tác kinh tế Á - Âu, thậm chí là một Ban thư ký thực sự tương tự như Ban Thư ký APEC. Nhưng họ sẽ không muốn ASEM phát triển thành một cơ chế hợp tác chính thức, một diễn đàn thương lượng giữa châu Á và châu Âu vì nếu ASEM phát triển theo hướng đó, châu Âu sẽ phải cam kết nhiều hơn với châu Á, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay, EU không muốn và

cũng không đủ nguồn lực để làm như vậy. Mặt khác, do sức ép từ phía châu Á và của các nước thành viên, có thể EU sẽ có những cam kết trong việc lập Khu vực Tự do thương mại (FTA) với Đông Á. Trong trường hợp đó, họ sẽ lựa chọn những đối tác quan trọng không chỉ đối với EC mà còn đối với đại đa số các nước thành viên. Như vậy, khả năng xuất hiện các cơ chế hợp tác khác trong lòng ASEM là điều hoàn toàn có thể xảy ra ngay cả từ phía EU.

Mặc dù hợp tác Đông Á đang phát triển nhanh và phần lớn các đối tác châu Á của ASEM còn tham gia vào APEC, tuy nhiên, như đã nói ở trên, các đối tác châu Á rất coi trọng ASEM và mong muốn thúc đẩy tiến trình này phát triển hơn nữa. Việc mở rộng ASEM có thể khiến quá trình thể chế hóa ASEM diễn ra chậm chạp hơn do sự đa dạng về lợi ích quốc gia của các đối tác thành viên, tạo bất lợi đối với tình hình hợp tác hiện nay, nhất là với các đối tác phát triển mạnh hơn. Khi đó, những đối tác này có thể đề xuất các dự án hợp tác mới dưới danh nghĩa ASEM, cùng một số đối tác khác lập thành liên minh tự nguyện nhằm phát triển vượt trội hơn. Tuy nhiên, một số học giả châu Âu lại phản đối ý tưởng ASEM - FTA. Họ cho rằng ASEM không cần ganh đua với chương trình tự do hóa thương mại của APEC; và nếu hệ thống mâu dịch đa phương tiến triển tốt sẽ đưa tới sự tự do mâu dịch vào năm 2025.

Những quan điểm khác nhau về đề xuất thành lập khu mâu dịch tự do ASEM càng cho thấy khả năng xuất hiện những "liên minh tự nguyện" là hoàn toàn có thể xảy ra trong ASEM.

Tóm lại, dự báo về triển vọng phát triển của tiến trình hợp tác Á - Âu trong những năm sắp tới là ASEM sẽ đi vào các hoạt động thực chất hơn. Tiến trình này sẽ được thể chế với việc thành lập một Ban thư ký ảo, tiếp nối theo đó là một Ban thư ký thực sự. ASEM sẽ vẫn là một tiến trình hợp tác phi chính thức giữa châu Á và châu Âu. Tuy nhiên, trong lòng ASEM sẽ xuất hiện những liên minh tự nguyện giữa các nước thành viên để tiến hành trước một số dự án hợp tác phù hợp với lợi ích và mong muốn của họ. Các liên minh này sẽ mở cửa cho sự tham gia của các đối tác khác khi họ có nguyện vọng. □

ĐÔI ĐIỀU VỀ CUỘC CHIẾN TRANH I-RẮC

NGUYỄN TRUNG

CUỘC chiến tranh I-rắc hiện đang là điểm nóng, là vấn đề có tác động lớn đến hòa bình, ổn định ở khu vực Trung Đông cũng như thế giới. Cuộc chiến này còn có những nét khá đặc biệt đáng để suy ngẫm và bàn luận.

Thắng lợi và thất bại.

Thắng lợi hay thất bại là vấn đề luôn được đặt ra với các bên trong mọi cuộc chiến tranh. Với I-rắc, nước nhỏ yếu bị tiến công, bị chiếm đóng, thua thiệt mọi bề, chỉ có sự đau thương, chết chóc và tàn phá. Hơn 30.000 người bị thiệt mạng, hơn 120.000 người bị thương, hơn 200 trường học bị phá hủy, nhiều công trình văn hóa, nhiều di tích lịch sử ở đất nước có nền văn minh lâu đời bị hủy hoại, môi trường bị ô nhiễm nặng nề. Điều kiện sống của người dân tồi tệ, hơn 800.000 người tỵ nạn dờ sống, dờ chết. Chỉ riêng trong năm 2005, các cơ sở dầu lửa của I-rắc đã bị tấn công phá hoại tới 185 lần, thiệt hại 6,25 tỉ USD. Sản lượng dầu của I-rắc giảm một nửa so với trước chiến tranh...

Còn Mỹ, một siêu cường với lực lượng quân sự áp đảo, lại được một số đồng minh ủng hộ, góp quân, chỉ trong vòng ba tuần lễ tiến công, quân Mỹ đã chiếm được Thủ đô Bát-đa, lật đổ chế độ S. Hu-xê-in, và sau đó bắt sống cả Tổng thống I-rắc. Nhưng cho tới nay, đã hơn ba năm rồi, nước Mỹ vẫn chưa "ca khúc khải hoàn", chưa ai dám khẳng định thắng lợi của Mỹ trong cuộc chiến tranh này mà chỉ thấy nói nhiều đến sự sa lầy, thất bại. Tờ *Time* của Mỹ đưa ra câu hỏi: "Liệu Mỹ có thể giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh này?". Báo *Nhân Đạo* của Pháp

ngày 2-3-2006 nêu ý kiến của P.J. Lu-i-gia, một chuyên gia nghiên cứu về I-rắc và Trung Đông cho rằng: "Ngay lúc này Mỹ nên chịu thất bại sớm còn hơn muộn, bởi lẽ chấp nhận thất bại trong vài năm tới sẽ là thảm họa đối với ảnh hưởng của Mỹ trên thế giới".

Phải chăng thực tiễn cuộc chiến tại I-rắc đang làm cho người ta phải suy ngẫm, bổ sung thêm về nội hàm mới của những khái niệm "thắng lợi", "thất bại" của chiến tranh ngày nay. Xưa kia, một đạo quân viễn chinh "công thành, chiếm đất", lật đổ chính quyền, bắt sống vua tôi của nước đối địch thì đó là thắng lợi tuyệt đối không thể chối cãi. Ngày nay, Mỹ làm việc đó ở I-rắc một cách chóng vánh, nhưng không có thắng lợi mà còn bị sa lầy và nguy cơ thất bại là khó tránh khỏi. Bởi vì mục tiêu chiến tranh của Mỹ ngày nay không chỉ có như vậy. Mục tiêu cơ bản, cuối cùng của Mỹ ở I-rắc là phải ổn định được tình hình, rút quân viễn chinh về nước (càng sớm càng tốt), thành lập được một chính quyền thân Mỹ, xây dựng I-rắc thành hình mẫu cho chiến lược "Dân chủ hóa" ở "Đại Trung Đông" với các chuẩn mực giá trị của Mỹ để bảo đảm cho địa vị "lãnh đạo", cho các lợi ích kinh tế, chính trị của Mỹ ở khu vực địa chiến lược trọng yếu và nhiều dầu lửa nhất thế giới này.

Mục tiêu cơ bản đó của Mỹ đến nay chẳng những chưa thực hiện được mà còn rất xa vời. Điều này đồng nghĩa với thất bại. Hơn 130 ngàn quân Mỹ còn đang chiếm đóng và bị sa lầy tại I-rắc. Đã hơn ba năm, đất nước này chưa có ngày hòa bình, ổn định. Xung đột vũ trang, bạo lực khủng bố vẫn diễn ra hàng ngày giữa các

dân tộc, tôn giáo, giữa các lực lượng nổi dậy với quân chiếm đóng. Hình ảnh nổi bật của I-rắc ngày nay vẫn là một đất nước hoang loạn, mù mịt khói lửa chiến tranh, bạo lực khủng bố, máu chảy đầu rơi. Mọi nỗ lực của Mỹ để ổn định chính trị ở nước này dường như đều vô vọng.

Theo tiến trình chính trị ở I-rắc do Mỹ đạo diễn, cuộc bầu cử Quốc hội I-rắc ngày 15-12-2005 được tiến hành để lập ra chính phủ lâm thời, sau đó sẽ lựa chọn thủ tướng đứng ra thành lập chính phủ mới ở I-rắc. Nhưng từ đó đến nay, việc thành lập chính phủ mới vẫn bế tắc do nhiều nguyên nhân, đặc biệt là do cuộc tranh giành quyền lực quyết liệt giữa ba phe phái chủ chốt trong Quốc hội I-rắc đại diện cho người Hồi giáo dòng Si-ai, dòng Xăn-ni và người Cuốc. Mặc dù giành được số ghế nhiều hơn trong Quốc hội I-rắc (130 trong tổng số 275 ghế), Liên minh thống nhất I-rắc (UIA) gồm bảy chính đảng của người Hồi giáo dòng Si-ai vẫn cần liên minh với người Hồi giáo dòng Xăn-ni và người Cuốc để thành lập chính phủ đoàn kết dân tộc. Cuối tháng 2-2006, UIA đề cử ông I. Gia-pha-ri, Thủ tướng lâm thời làm ứng cử viên thủ tướng của chính phủ mới. Thế nhưng, Liên minh người Hồi giáo dòng Xăn-ni và Liên minh người Cuốc đã kiên quyết bác bỏ việc đề cử này vì cho rằng trong thời gian đương nhiệm cương vị Thủ tướng lâm thời, ông I. Gia-pha-ri không đủ năng lực lãnh đạo đất nước thoát khỏi tình trạng bạo lực, rối ren; không ngăn chặn được tình trạng chia rẽ trong Chính phủ. Tình trạng bế tắc kéo dài trong việc thành lập chính phủ mới ở I-rắc tạo ra khoảng trống quyền lực, là mảnh đất tốt cho các lực lượng nổi dậy ở nước này hoạt động, bạo lực giữa các phe phái cũng gia tăng. Tiêu biểu là vụ đánh bom Đền Vàng thiêng liêng của người Hồi giáo dòng Si-ai ở thành phố Xa-ma-ra hồi tháng hai năm nay làm hàng trăm người chết và bị thương. Người Si-ai trên khắp nước này đã đốt cháy nhiều đền thờ, bắn chết nhiều giáo sĩ, uy hiếp, bắt cóc các gia đình người Hồi giáo dòng Xăn-ni. Ngày 7-4 vừa rồi, lại xảy ra vụ đánh bom liều chết vào thánh đường Bu-ra-tha của người Si-ai ở phía bắc thủ đô Bát-đa làm 79 người chết, 160 người bị thương. Đây có thể coi là vụ tàn sát đẫm máu nhất ở I-rắc từ đầu năm đến

nay. Những vụ bạo lực nhỏ lẻ khác vẫn xảy ra hàng ngày. Thứ trưởng Bộ Nội vụ I-rắc H.A.Ca-man cảnh báo rằng, I-rắc thật sự lâm vào một cuộc nội chiến "không tuyên bố". Ông nêu rõ: "Hằng ngày, nhiều người Hồi giáo dòng Si-ai, dòng Xăn-ni, người Cuốc và người Cơ đốc bị sát hại và điều duy nhất mà người ta chưa chính thức tuyên bố rằng đây là một cuộc nội chiến với sự tham gia của tất cả các phe phái". Vậy là, người dân I-rắc đã là nạn nhân của cuộc chiến tranh xâm lược, nay lại đang trở thành nạn nhân của cuộc nội chiến "nổi da xáo thịt". Đây quả là tấn bi kịch lớn của một dân tộc từng có nền văn minh lâu đời ở vùng Vịnh Ba-tư.

Trước tình trạng bế tắc, khủng hoảng chính trị kéo dài và trước sức ép từ mọi phía, kể cả Mỹ, Anh cũng công khai đòi ông I. Gia-pha-ri từ chức, cuối cùng ông này cũng tự nguyện rời bỏ chính trường. Ngày 22-4, Quốc hội I-rắc đã họp bầu ra các chức danh chủ chốt trong Chính phủ và Quốc hội. Ông G. A. Ma-li-ki, người Si-ai do UIA đề cử, được bầu làm Thủ tướng và đứng ra thành lập Chính phủ mới trong vòng 30 ngày. Đây là bước khai thông đáng khích lệ. Dư luận hy vọng ông G. A. Ma-li-ki có đủ bản lĩnh và uy tín để có thể thành lập được một Chính phủ Đoàn kết dân tộc đại diện thực sự cho ý chí và quyền lợi của nhân dân I-rắc, chấm dứt tình trạng bế tắc, khủng hoảng chính trị kéo dài, đưa đất nước này dần vào thế ổn định. Tuy nhiên, dư luận cũng cho rằng, dù có thành lập được Chính phủ mới thì I-rắc vẫn phải đứng trước rất nhiều khó khăn, trở ngại trên con đường thiết lập trật tự, ổn định. Bởi tâm lý nghi kỵ, hận thù về phe phái sắc tộc, tôn giáo còn ăn sâu không dễ một sớm một chiều mất đi. Thực tế cho thấy, sau khi ông G.A. Ma-li-ki được bổ nhiệm đứng ra thành lập Chính phủ mới, các vụ bạo lực đẫm máu giữa các phe phái vẫn tiếp tục xảy ra tại I-rắc. Hơn nữa, các lực lượng nổi dậy còn tăng cường hoạt động chống lại sự có mặt của quân chiếm đóng nước ngoài. Báo *Nhân Đạo* ngày 2-3-2006 khẳng định: "Dưới sự chiếm đóng của Mỹ, sẽ không thể có ổn định cho quá trình chính trị ở I-rắc". Tuy nhiên, tờ *Le Figaro* ngày 17-4 của Pháp lại viết "rời khỏi I-rắc lúc này đối với Mỹ sẽ là một sai lầm nghiêm trọng hơn cả lúc họ đến,

bởi những chấn động về một sự bùng nổ sắc tộc, tôn giáo ở I-rắc sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến các nước vùng Vịnh". Vậy là, hơn 130 ngàn quân Mỹ đang chiếm đóng I-rắc vẫn không rút về nước được, trung bình cứ mỗi ngày có 4 lính Mỹ phải bỏ mạng. Đó là tình thế thất bại, thật sự sa lầy, tiến thoái lưỡng nan của Mỹ.

Sai và đúng.

Thắng lợi hay thất bại trong chiến tranh phụ thuộc rất nhiều vào đường lối, chiến lược, chiến thuật của các bên là đúng đắn hay sai lầm. Gần đây, giới chức chóp bu Mỹ cũng nói nhiều đến vấn đề đúng, sai trong cuộc chiến tranh I-rắc. Tổng thống G.W.Bu-sơ đã từng thừa nhận sai lầm của tình báo Mỹ trong việc cáo buộc I-rắc có vũ khí hủy diệt hàng loạt để lấy cớ phát động chiến tranh. Ngày 6-4-2006, mặc dù thừa nhận "quân đội Mỹ đã mắc nhiều sai lầm ở I-rắc" nhưng ông G.W.Bu-sơ vẫn bào biện rằng, phát động cuộc chiến tranh chống I-rắc "về cơ bản, chiến lược của Mỹ đối với I-rắc là đúng đắn". Còn Bộ trưởng Ngoại giao C.Rai-xơ khi trả lời phỏng vấn đài BBC trong chuyến thăm Anh gần đây cũng thừa nhận: "Mỹ đã mắc hàng nghìn sai lầm chiến thuật tại I-rắc". Nhưng bà cũng lại cả quyết: "Tôi cả tin rằng quyết định đưa quân vào I-rắc là một quyết định chiến lược đúng". Vậy là cả ông Tổng thống và Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ đều thừa nhận sai lầm của Mỹ ở I-rắc, nhưng chỉ là sai lầm chiến thuật, còn chiến lược vẫn là đúng đắn. Câu hỏi đặt ra là: một cái đúng mà để ra hàng nghìn cái sai, thì liệu đó có phải là cái đúng chiến lược không? Giáo sư E. Ca-ríp thuộc khoa Quốc tế Trường đại học Oa-sinh-ton nhận xét một cách mỉa mai: "Khi C.Rai-xơ thừa nhận Mỹ phạm sai lầm ở I-rắc thì đó là một chuyển biến tích cực trong tiến trình chính sách ngoại giao của Mỹ, nhưng chúng ta đừng quên rằng, bà C.Rai-xơ chưa đề cập tới sự phá sản, mới tuyên bố rằng đó chỉ là sai lầm chiến thuật chứ chưa phải sai lầm chiến lược". Hãy khoan kết luận sự thừa nhận của Tổng thống và Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ như vậy là đúng hay sai, nếu chỉ tính riêng cái "sai lầm chiến thuật" ấy thì Mỹ đã và đang phải "trả giá" quá đắt rồi. Ngày 1-4-2006, Bộ Quốc phòng Mỹ thông báo

đã có 2.327 sĩ quan và binh sĩ Mỹ chết và 17.381 binh sĩ khác bị thương trong cuộc chiến tranh I-rắc kể từ ngày 20-3-2003 đến nay. Mỹ đã tốn hơn 100 tỉ USD cho cuộc chiến tranh I-rắc (so với 61 tỉ cho chiến tranh vùng Vịnh năm 1991, 17 tỉ cho chiến tranh Áp-ga-ni-xtan). Đó là cái giá quá đắt thống kê được qua báo chí của Mỹ và phương Tây. Song, còn những cái giá đắt nữa mà người ta không thể thống kê được. Đó là uy tín, danh dự của nước Mỹ, của chính quyền Mỹ, những vết thương trong lòng nước Mỹ bởi sự bất đồng, chia rẽ do cuộc chiến tranh này gây ra. Hàng trăm ngàn người Mỹ đã biểu tình phản đối cuộc chiến tranh chống I-rắc, hơn 1.700 người bị bắt. Khi điều kiện sống của người dân Mỹ ngày càng khó khăn, thanh niên Mỹ thất nghiệp nhiều thì chính quyền Mỹ lại đổ hàng trăm tỉ USD vào cuộc chiến tranh phi nghĩa bị thế giới lên án. Vì vậy, uy tín của Tổng thống Bu-sơ giảm sút ở mức kỷ lục, chỉ còn 36% số người Mỹ được thăm dò ủng hộ - mức thấp nhất so với các đời tổng thống trước đây. Trong hàng ngũ Đảng Cộng hòa, nhiều nhân vật vai vế (như F. Phu-cu-y-a-ma, W.Buc-cơ-lây, G. Uyn, B. Bac-let, A. Sun-van...) đã từng ủng hộ ông Bu-sơ nay cũng quay lưng lại với ông bởi họ nhận thấy sự thất bại của cuộc chiến tranh này. Bộ trưởng Quốc phòng Đ.Răm-xphen cũng đang đứng trước áp lực nặng nề của giới quân nhân, cựu chiến binh Mỹ đòi ông phải từ chức bởi những sai lầm trong chỉ đạo cuộc chiến tranh I-rắc.

Mặc dù hoạt động ngoại giao của chính quyền Mỹ diễn ra dồn dập, nhiều lý lẽ biện minh được đưa ra, nhưng hậu quả của cuộc chiến tranh I-rắc vẫn luôn đè nặng và tác động lớn đến tình hình an ninh thế giới. Mỹ coi chiến tranh I-rắc là trọng điểm của cuộc chiến tranh chống khủng bố trên phạm vi toàn cầu do Mỹ cầm đầu, nhưng từ khi phát động cuộc chiến I-rắc đến nay, những hoạt động khủng bố chẳng những không giảm mà còn tăng lên gấp bội ở I-rắc cũng như nhiều nơi khác trên thế giới. Bởi chính vì phát động cuộc chiến I-rắc, Mỹ đã làm suy yếu "mặt trận chống khủng bố quốc tế" mà Mỹ khởi xướng. Mâu thuẫn giữa Mỹ với các cường quốc như Nga, Trung Quốc, Pháp, Đức...

nhiều khi gay gắt, một phần cũng vì bất đồng quan điểm về cuộc chiến I-rắc do Mỹ phát động. Nhiều tổ chức quốc tế, khu vực mà Mỹ là thành viên hay có quan hệ mật thiết như Liên hợp quốc, EU, NATO... đều không có sự nhất trí, bị chia rẽ trong vấn đề I-rắc. Hậu quả nặng nề từ sai lầm của Oa-sinh-ton trong cuộc chiến tranh này đối với nhân dân I-rắc, đối với nước Mỹ, với hòa bình, ổn định của khu vực Trung Đông và thế giới còn tiếp diễn và không thể lường hết được.

Thoát hiểm khỏi vũng lầy I-rắc bằng cách nào?

"Mỹ đang bế tắc, sa lầy ở I-rắc", "Kịch bản nào để thoát khỏi cuộc khủng hoảng I-rắc?"; "G.W. Bu-sơ đang tìm lối thoát hiểm"... là những tiêu đề mà báo chí Mỹ và phương Tây nêu ra gần đây. Trong đó họ gợi ý cho chính quyền Mỹ những "kịch bản", "lối thoát hiểm" khỏi I-rắc. Đại thể có hai loại:

Loại thứ nhất nêu ra ba kịch bản: *Một là*, thành lập tại I-rắc một nước Cộng hòa liên bang với một chính quyền trung ương, hoặc củng cố các tôn giáo thông qua tăng cường quyền lực cho địa phương và tự trị hóa các vùng lãnh thổ. *Hai là*, giao phó cho Liên hợp quốc trách nhiệm điều hành, đưa I-rắc vào thời kỳ quá độ chính trị và tái hòa nhập vào cộng đồng quốc tế. *Ba là*, Mỹ sẽ đề nghị Liên đoàn A-rập cử các lực lượng A-rập đến I-rắc để thiết lập sự ổn định ở nước này. Theo các nhà phân tích, các kịch bản đó xem ra đều ít tính khả thi.

Loại thứ hai nêu ra một kịch bản có vẻ thực tế hơn, đó là Mỹ và Anh phải sớm rút dần quân khỏi I-rắc và sớm để cho người I-rắc giải quyết các vấn đề của họ. Theo ý kiến này, "quả bóng hòa bình" hiện đang ở bên sân của người I-rắc. Nếu người I-rắc không thể hòa giải với nhau, Mỹ phải tuyên bố "kết thúc trò chơi". Đó chỉ là những gợi ý khách quan để Oa-sinh-ton tham khảo. "Thoát hiểm khỏi vũng lầy I-rắc bằng cách nào?" vẫn đang còn là dấu hỏi treo lơ lửng đối với giới cầm quyền Mỹ.

Thiết nghĩ, muốn có lối "thoát hiểm" khỏi vũng lầy I-rắc một cách an toàn thì trước hết cần tìm đúng nguyên nhân, cội nguồn dẫn đến sự sa

lầy, thất bại. Một khi giới chóp bu ở Mỹ vẫn chỉ thừa nhận về "sai lầm chiến thuật" còn "chiến lược vẫn đúng đắn" thì e rằng tự mình vẫn chưa "tìm đúng bệnh", chưa tự mình trị bệnh cho mình được. Gán cho cái tội mà người ta không hề có (vũ khí hủy diệt hàng loạt) để lấy cớ phát động chiến tranh xâm lược, chiếm đóng, tàn phá, hủy hoại cả một đất nước, một chế độ, một nhà nước có chủ quyền, bị dư luận rộng rãi trên thế giới, kể cả nhân dân Mỹ phản đối, sao lại có thể là "sai lầm chiến thuật"? Đó phải là sai lầm chiến lược, là tội ác lớn, là lỗi xử sự rất xa lạ trong quan hệ quốc tế ở một xã hội loài người văn minh. Cho rằng "quân đội Mỹ đã mắc nhiều sai lầm", thậm chí "hàng nghìn sai lầm ở I-rắc" chỉ là cách trốn tránh trách nhiệm, đổ mọi tội lỗi cho những người lính thừa hành mệnh lệnh của Tổng thống Hoa Kỳ, khác nào chỉ nhìn thấy ngọn mà không thấy gốc, chỉ thấy hiện tượng bên ngoài mà không thấy bản chất, căn nguyên của cơn bệnh, của vấn đề Mỹ đang sa lầy, thất bại ở I-rắc!

Để có được "lối thoát hiểm ra khỏi vũng lầy I-rắc", để hòa bình, ổn định được tái thiết ở đất nước vùng Vịnh này, góp phần củng cố an ninh khu vực Trung Đông và thế giới, Mỹ cần nghiêm chỉnh thừa nhận sai lầm chiến lược của mình, rút hết quân Mỹ về nước, để cho nhân dân I-rắc được quyền tự quyết định vận mệnh của mình, thực sự có quyền tự do dân chủ bầu người lãnh đạo đất nước mình trong các cuộc bầu cử sắp tới, với sự giúp đỡ, trung gian hòa giải của cộng đồng quốc tế, nhất là Liên hợp quốc. Các bên liên quan trong vấn đề I-rắc đều phải tôn trọng những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc. Đặc biệt các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, quyền tự quyết của các quốc gia, dân tộc. Các phe phái, dân tộc, tôn giáo ở I-rắc cần đặt lợi ích quốc gia, dân tộc lên trên hết, xóa bỏ hận thù, chấm dứt mọi hành động khủng bố, trả thù lẫn nhau, khôi phục tình đoàn kết, hòa hợp dân tộc, tôn giáo để cho đất nước có nền văn minh lâu đời ở vùng Vịnh này được thanh bình, đời sống nhân dân được ấm no, hạnh phúc. Đó cũng là mong muốn của mọi người có lương tri trên thế giới. □

HỘI THẢO KHOA HỌC - THỰC TIỄN "TU TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY"

Vừa qua, nhân Kỷ niệm 116 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh và chào mừng thành công Đại hội X của Đảng, tại khu Di tích Phủ Chủ tịch đã tổ chức Hội thảo khoa học - thực tiễn "Tu tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng trong điều kiện hiện nay".

Ban Tổ chức nhận được 45 báo cáo của 48 tác giả là các giáo sư, tiến sĩ, các nhà khoa học, quản lý từ 22 cơ quan ở trung ương và Hà Nội như: Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Hội đồng Lý luận Trung ương, Tạp chí Cộng sản, Báo Nhân Dân, Bộ Văn hóa - Thông tin, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Tư lệnh Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh,...

Nội dung các tham luận đã nêu lên khá toàn diện những vấn đề về nguyên lý, nguyên tắc, những cảnh báo, dự báo mà Hồ Chí Minh đã nêu và các biện pháp, giải pháp, nhằm thực hiện nhiệm vụ then chốt là xây dựng Đảng hiện nay.

Một là, Hội thảo đã phân tích lý luận của Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền, về bản lĩnh chính trị của Đảng, về mối quan hệ giữa bản lĩnh chính trị và sự phát triển sáng tạo của Đảng cầm quyền... Nhiều báo cáo làm rõ nội hàm khái niệm Đảng cầm quyền, nhận thức về Đảng cầm quyền trong điều kiện mới, hệ thống những nội dung cơ bản về bản lĩnh chính trị của một chính đảng cách mạng; giải thích mối quan hệ giữa giữ vững nguyên lý và sáng tạo lý luận nhằm làm cho Đảng luôn luôn đổi mới, trước hết là đổi mới tư duy lý luận và khả năng tổng kết thực tiễn để hình thành và khẳng định được đường lối cách mạng của Đảng, vừa có tính hệ thống, vừa có tính sáng tạo đột phá ở từng giai đoạn, từng thời kỳ có tính bước ngoặt. Các báo cáo tiếp cận ở góc độ này đều khẳng định: muốn là đảng cầm quyền, là đảng có bản lĩnh chính trị, hay một đảng cách mạng chân chính, trước hết đảng đó phải là đảng của giai cấp và của dân tộc, phải luôn gắn bó máu thịt với nhân dân, không xa rời mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, xây dựng xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. Đó là nguyên tắc có tính hạt nhân để bảo đảm đường lối của Đảng luôn luôn đúng.

Hai là, các báo cáo đã trình bày một cách có hệ thống về những vấn đề như: xây dựng Đảng về tư tưởng, chính trị và tổ chức để Đảng luôn xứng đáng là đội tiên phong của cách mạng. Một số báo cáo đi sâu giải quyết mối quan hệ giữa xây dựng, củng cố Đảng và khẳng định xây dựng Đảng không thể tách rời đổi mới, phải không ngừng đổi mới phương pháp lãnh đạo của Đảng. Nhiều báo cáo đều khẳng định rằng: Xây dựng Đảng theo tư tưởng Hồ Chí Minh không phải chỉ có chống, chỉ có đề phòng mà điều quan trọng là Đảng phải tự bút phá, tự vươn tới, tự khẳng định mình để chứng tỏ Đảng là trí tuệ, đạo đức và văn minh như Bác Hồ đã chỉ rõ.

Ba là, nhiều báo cáo phân tích trực tiếp những vấn đề có tính giải pháp như: tư tưởng Hồ Chí Minh về chống chủ nghĩa cá nhân, chống sự suy thoái trong Đảng, nguy cơ mất dân chủ trong Đảng, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình trong Đảng... Một số báo cáo đề cập đến vấn đề xây dựng đạo đức cách mạng, vấn đề sinh hoạt đảng và xây dựng tổ chức cơ sở đảng, sự tu dưỡng của đảng viên, tính gương mẫu của người đảng viên trước công việc và trước nhân dân. Nhiều báo cáo nhấn mạnh đến việc cần thấm nhuần sâu sắc những tư tưởng lớn và những bài học hết sức sinh động của Hồ Chí Minh về cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, triệt để chống tham ô, lãng phí, tham nhũng. Phải nghiêm khắc phê phán thái độ vô cảm và sự ứng xử vô trách nhiệm trước nhân dân của một số cán bộ, đảng viên. Nếu tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc xây dựng Đảng, biết đề phòng những cảnh báo của Hồ Chí Minh về những căn bệnh của đảng cầm quyền và quyết tâm khắc phục những hư hỏng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rất rõ, thì nhất định Đảng sẽ tiến bộ, sẽ vượt qua được thử thách, làm tròn vai trò lãnh đạo cách mạng trong thời kỳ mới.

Bốn là, các báo cáo trong phần dẫn dụ, hoặc liên hệ thực tế rất quan ngại đến tình hình một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên có chức, có quyền thoái hóa, biến chất, tham ô, lãng phí, tham nhũng. Điều đó nếu không được ngăn

chặng sẽ dẫn tới nguy cơ, hiểm họa đối với Đảng, đòi hỏi Đảng phải kiên quyết chống tham nhũng và phải gắn việc chống tham nhũng với công tác xây dựng Đảng. Đảng phải tự làm trong sạch mình, phải kiên quyết loại bỏ khỏi bộ máy của mình những kẻ thoái hóa, những tên quan tham... để lấy lại niềm tin trong nhân dân. Muốn vậy, toàn Đảng từ người đứng đầu cho đến từng đảng viên phải thấm nhuần hơn nữa tư tưởng Hồ Chí Minh, phải thực sự rèn luyện đạo đức cách mạng, phải coi vấn đề hành động theo gương đạo đức Bác Hồ là điều quan trọng nhất. Đồng thời với việc học tập và rèn luyện của mỗi người cần phải xây dựng và hoàn thiện hệ thống chế tài đủ mạnh để ngăn chặn những hành vi và loại bỏ tất cả những ai vi phạm nguyên tắc đạo đức và phẩm chất của người cán bộ, đảng viên. □

ĐỖ ĐỨC HÌNH

(Phó giám đốc Khu Di tích Phủ Chủ tịch)

HỘI THẢO "CÔNG TÁC ĐẢNG NGOÀI NƯỚC - MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA HIỆN NAY VÀ GIẢI PHÁP"

NHÀM góp phần tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác đảng, công tác vận động quần chúng ở ngoài nước theo tinh thần Chỉ thị 51- CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX và Nghị quyết Đại hội X của Đảng, ngày 4-5-2006, tại Hà Nội, Ban Cán sự Đảng ngoài nước tổ chức Hội thảo "Công tác đảng ngoài nước - một số vấn đề đặt ra hiện nay và giải pháp".

Một trăm sáu mươi đại biểu tham gia hội thảo là các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đại diện lãnh đạo các ban của Đảng, các đồng chí đại sứ - bí thư đảng ủy các nước, các nhà khoa học, các đồng chí có nhiều năm hoạt động ở nước ngoài, các đồng chí lãnh đạo Ban Cán sự Đảng ngoài nước qua các thời kỳ, cùng cán bộ, chuyên viên của Ban. Báo cáo Đề dẫn của đồng chí Trần Văn Hằng, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Ban Cán sự Đảng ngoài nước, khẳng định những đóng góp to lớn của đội ngũ đảng viên ở ngoài nước đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta qua 45 năm xây dựng và trưởng thành của Ban Cán sự Đảng ngoài nước. Năm năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, trước tình hình thế giới diễn biến phức tạp, các đảng bộ ở ngoài nước đã lãnh đạo cán bộ, đảng viên, quần chúng vững vàng vượt qua khó khăn, thử thách; các tổ chức cơ sở đảng từng bước được củng cố, tăng cường quản lý đảng viên, phát huy được vai trò lãnh đạo của Đảng, công tác quần chúng có nhiều đổi mới theo hướng thiết thực và hiệu quả... Trong những năm tới, dù hoàn cảnh đặc thù có khó khăn, phức tạp đến đâu, yêu cầu các đảng bộ và đảng viên ở ngoài nước phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng về nhiệm vụ đối ngoại. Do vậy, đòi hỏi Ban Cán sự Đảng ngoài nước phải đổi mới mạnh mẽ, toàn diện và sâu sắc hoạt động của mình, trước hết là đổi mới phương thức công tác đảng ngoài nước theo tinh thần Chỉ thị số 51-CT/TW, ngày 13-4-2005, của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX.

Ba mươi lăm báo cáo tham gia Hội thảo đã tập trung làm rõ hai vấn đề lớn. *Một là*, bằng cách nào để làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đảng viên, cán bộ để họ có nhận thức đúng về vai trò, vị trí của người đảng viên trước nhiệm vụ nặng nề ở nước ngoài mà Đảng và Tổ quốc giao phó? *Hai là*, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và quản lý đảng viên ở ngoài nước như thế nào cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh công tác để phát huy tốt vai trò lãnh đạo?.

Mười lăm tham luận trình bày tại Hội thảo đã bàn sâu về nguyên tắc, giải pháp lớn mà ba tổ chức đảng: Các cấp ủy ở ngoài nước, Ban Cán sự Đảng ngoài nước, các cơ quan cấp ủy có đương sự công tác ở nước ngoài phải quán triệt và nghiêm túc thực hiện để làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đảng viên ở ngoài nước và công tác xây dựng tổ chức cơ sở đảng và quản lý đảng viên ở nước ngoài.

Tổng kết, TS Trần Văn Hằng đánh giá cao kết quả Hội thảo, hệ thống hóa, rút ra **những kết luận về hai vấn đề lớn** của công tác đảng ngoài nước mà Hội thảo trao đổi, và đề xuất **5 kiến nghị** với Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Đài Truyền hình Việt Nam về nghị quyết, quy chế của Đảng, về kinh phí hoạt động, về thông tin đối với tổ chức đảng và đảng viên ở ngoài nước.

Công tác đảng ngoài nước trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay là vấn đề lớn, có tính thời sự, và hết sức nhạy cảm. Hội thảo "Công tác đảng ngoài nước - một số vấn đề đặt ra hiện nay và giải pháp" của Ban Cán sự Đảng ngoài nước thực sự có ý nghĩa khoa học và thực tiễn. □

HUYỆN KIM BẢNG²

ĐỊA CHỈ: THỊ TRẤN QUẾ - HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

Điện thoại: 0351.820 038 * 820 023



**Bí thư
CHU ĐỨC THỌ**



Toàn cảnh trụ sở làm việc

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXII (2001 - 2005) đề ra 7 mục tiêu, 7 nhiệm vụ đã đạt được kết quả khá toàn diện, góp phần quan trọng vào thành tựu chung của tỉnh, tạo tiền đề phát triển cho những năm tiếp theo. Kết quả cụ thể: Tốc độ phát triển kinh tế tăng dần qua các năm, bình quân 5 năm đạt 8,2% (năm 2005 đạt 9,1%); Nông nghiệp 42,5%; Công nghiệp-TTCN-Xây dựng: 28,5; Dịch vụ: 29%. Thu nhập bình quân đầu người phần huyện quản lý đến năm 2005 đạt 4,3 triệu đồng/người (tính cả kinh tế Trung ương 8,8 triệu đồng). Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng bình quân hàng năm đạt 34 tỉ đồng. Hệ thống chính trị và Quốc phòng-An ninh vững mạnh.

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ 2005-2010

MỤC TIÊU:

1. Phát triển kinh tế với nhịp độ cao bền vững, chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa-hiện đại hóa nông nghiệp-nông thôn.
2. Tiếp tục nâng cao cải thiện đời sống nhân dân.
3. Phát triển VH-XH tương xứng với tăng trưởng kinh tế; tăng cường nâng cao chất lượng đời sống văn hóa cơ sở, tạo chuyển biến mới trong phát triển giáo dục, y tế, việc làm, xóa nghèo, phòng và giảm tệ nạn xã hội.
4. Giữ vững an ninh chính trị, quốc phòng - an ninh vững mạnh.
5. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh. Phần đầu trên 85% chỉ, đảng bộ cơ sở đạt trong sạch, vững mạnh.

NHIỆM VỤ THỰC HIỆN:

1. Phát triển nông nghiệp: Cơ cấu giá trị sản xuất đạt tỷ lệ sau, trồng trọt lâm nghiệp 57,8%; chăn nuôi thủy sản 38,2%; dịch vụ 4%.
2. Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: Phần đầu sản xuất CN-TTCN đến năm 2010 là ngành sản xuất chính, tốc độ tăng chung 24%, trong đó CN-TTCN ngoại quốc doanh tăng 31% trở lên, sản xuất vật liệu xây dựng và sản xuất tại các cụm tiểu thủ công nghiệp là mũi nhọn, đón bẩy trong phát triển CN-TTCN.
3. Xây dựng cơ sở hạ tầng: Thực hiện tốt phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" nhằm huy động sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, tiếp tục đầu tư nâng cấp kết cấu hạ tầng cho sản xuất và đời sống, góp phần phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh, đồng bộ; thúc đẩy phát triển nông thôn theo hướng đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tiến bộ, văn minh.
4. Phát triển thương mại - dịch vụ, du lịch, tài chính, ngân hàng: Tập trung khai thác thế mạnh các ngành thương mại, dịch vụ tiềm năng, tạo bước chuyển mới, đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế toàn huyện. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực thương mại, dịch vụ có giá trị cao, coi ngành thương mại, dịch vụ, du lịch, là một trong những ngành cần được quan tâm trong phát triển kinh tế của huyện.

5. Phát triển lĩnh vực Văn hóa; Giáo dục - Đào tạo, Khoa học công nghệ và môi trường. Về văn hóa, thông tin, thể dục thể thao: Phần đầu đến 2010 có 90% gia đình, tăng 30 làng, 30 cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa. 10 xã xây dựng xong Nhà văn hóa trung tâm; thể dục thể thao thành tích cao đạt nhiều giải thưởng hơn 5 năm qua, phần đầu xếp thứ 3 trở lên. Về Giáo dục - đào tạo; khoa học - công nghệ và môi trường: Phần đầu xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia: 100% trường tiểu học vào năm 2007, trường mầm non 70%, trường THCS 60% vào năm 2010. Quan tâm đầu tư thỏa đáng các hoạt động khoa học - công nghệ, vệ sinh môi trường sinh thái và đào tạo nghề.

6. Nâng cao chất lượng hoạt động phát triển sự nghiệp y tế - dân số gia đình và trẻ em: 99,98% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đủ Vacxin. Trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 19,5%. 100% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. 40% xã, thị trấn đạt "xã phù hợp với trẻ".

7. Đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm và thực hiện chính sách xã hội: Tiếp tục giảm tỷ lệ hộ nghèo, giải quyết việc làm xuất khẩu lao động và dạy nghề, phần đầu giải quyết việc làm mới cho 10.000 lao động (1750 xuất khẩu lao động); làm thêm 28700 lao động; giảm tỷ lệ hộ nghèo 2%/năm, không có hộ đói nghèo.

8. Quốc phòng - an ninh, nội chính: Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể chính trị phát động phong trào quần chúng xây dựng thể trận Quốc phòng toàn dân và phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc từ các thôn, xóm.

9. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị vững mạnh: Về xây dựng Đảng: quan tâm hàng đầu công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong cán bộ, đảng viên, tổ chức, học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương. Phần đầu trên 85% chỉ, Đảng bộ cơ sở đạt trong sạch vững mạnh, trong đó 25% đạt trong sạch vững mạnh tiêu biểu; không có chi đảng bộ yếu kém. Xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh, thực hiện tốt cơ chế "1 cửa" ở cơ sở. Công tác dân vận, xây dựng các đoàn thể nhân dân vững mạnh. Thực hiện tốt phong cách: trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân, "nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin".

Phát huy truyền thống cách mạng quê hương và những kinh nghiệm đã được đúc rút từ nhiều năm qua, Đảng bộ và nhân dân huyện nhà quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ do Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXIII đề ra.

TỔNG CÔNG TY CAO SU VIỆT NAM

TRỤ SỞ: 236 NAM KỲ KHỞI NGHĨA, QUẬN 3, TP. HỒ CHÍ MINH
ĐIỆN THOẠI: 9 235 234 – 9 235 235; FAX: 84 - 8 - 9 327 341



Tổng Công ty Cao su Việt Nam là Tổng công ty 91, được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập ngày 29/4/1995.

Tổng Công ty Cao su Việt Nam có 41 đơn vị thành viên, trong đó có 23 công ty trồng, khai thác, chế biến mủ cao su với Tổng diện tích vườn cây trên 219.000 hecta, 11 đơn vị công nghiệp, xây dựng, dịch vụ, sự nghiệp, các đơn vị cổ phần, liên doanh có vốn góp của Tổng Công ty Cao su Việt Nam. Địa bàn hoạt động của Tổng công ty nằm trên 17 tỉnh, thành phố, từ Quảng Ninh, Hà Nội đến các tỉnh duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ và thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số lao động toàn Tổng công ty là 83.000 người. Hoạt động của Tổng Công ty Cao su Việt Nam không những mang lại hiệu quả kinh tế, mà còn đảm bảo môi sinh, môi trường, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, an ninh quốc phòng; đặc biệt là giải quyết công ăn, việc làm ổn định lâu dài cho đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ ở các tỉnh Tây Nguyên, góp phần xóa đói, giảm nghèo, đưa ánh sáng văn hóa đến vùng sâu, vùng xa.

Tại thành phố Hồ Chí Minh có 17 đơn vị hoạt động trên các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, xây dựng, nghiên cứu khoa học và sự nghiệp khác; các đơn vị này chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ khối cơ sở Tổng Công ty Cao su Việt Nam (có 10 đơn vị đã chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần).

Năm 2004, Tổng công ty mở ra hướng đầu tư phát triển các dự án ngoài ngành và đầu tư ra nước ngoài. Tính đến cuối tháng 3/2005, Tổng công ty đã tham gia góp vốn và là cổ đông sáng lập của 12 doanh nghiệp ngoài ngành, với tổng mức đầu tư 8.700 tỉ đồng, trong đó vốn điều lệ 1.254 tỉ đồng. Tổng công ty tham gia góp vốn điều lệ 766 tỉ đồng. Đồng thời đàm phán, thỏa thuận góp vốn vào các dự án khác với tổng mức đầu tư trên 3.447 tỉ đồng, trong đó vốn điều lệ 1.491 tỉ đồng. Tổng công ty tham gia góp vốn điều lệ 740 tỉ đồng.

Đầu tư ra nước ngoài, Tổng công ty đã thành lập công ty cổ phần 100% vốn nhà nước (có 6 đơn vị thành viên góp vốn) thực hiện dự án trồng cao su tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, quy mô bước đầu 10.000 ha, tổng vốn đầu tư 22 triệu USD, vốn điều lệ 7 triệu USD. Năm 2005 trồng 1.703 ha, kế hoạch năm 2006 trồng 6.000 ha. Được sự chấp thuận của Chính phủ, Tổng công ty xây dựng dự án tiếp tục đầu tư sang Lào với quy mô diện tích cao su đạt từ 40.000-50.000 ha vào những năm 2015, 20.000 ha keo lai, 1 nhà máy ván MDF với tổng dự toán dự án khoảng 150-200 triệu USD.

Được sự chấp thuận của Chính phủ, Tổng Công ty Cao su Việt Nam đã xây dựng đề án chuyển Tổng Công ty Cao su Việt Nam thành **Tập đoàn Kinh tế Công nghiệp Cao su**, hoạt động theo mô hình công ty mẹ-công ty con, với cơ cấu kinh tế từ Nông nghiệp-công nghiệp-dịch vụ sang công nghiệp-nông nghiệp-dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa ngành nghề, đa dạng hóa sở hữu, đang trình chính phủ phê duyệt.

Thành tích:

▲ Năm 2005 đã khai thác được 303.557 tấn = 107,8% kế hoạch; tổng doanh thu ước đạt 8.468 tỉ đồng, tổng nộp ngân sách 1.041,2 tỉ đồng; tổng lợi nhuận ước đạt 3.034 tỉ đồng, trong đó lợi nhuận từ sản xuất kinh doanh cao su là 2.860 tỉ đồng; tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu là 35,8% (tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu cao su là 38,9%); tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước là 46,6%.

▲ Có 7 đơn vị trực thuộc được Nhà nước phong tặng danh hiệu **Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới**

▲ Đang đề nghị Nhà nước phong tặng Tổng Công ty Cao su Việt Nam danh hiệu **Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới**



TỔNG CÔNG TY ĐƯỜNG SẮT VIỆT NAM

CÔNG TY QUẢN LÝ ĐƯỜNG SẮT VINH PHÚ

Chứng chỉ ISO 9001: 2000 do tổ chức TUV NORD- CHLB Đức chứng nhận

Địa chỉ: Phường Bến Gót - Việt Trì - Phú Thọ * Điện thoại: 0210.910 217



Đ/c Đỗ Văn Trường
Giám Đốc Công ty

LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP:

Là doanh nghiệp nhà nước có chức năng hoạt động công ích, cổ đầy đủ tư cách pháp nhân thực hiện hạch toán kinh tế độc lập.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

CHỦ YẾU:

Quản lý, duy tu, sửa chữa theo từng cấp kỹ thuật cầu đường, đảm bảo an toàn chạy tàu thông suốt trong mọi tình huống.

Xây dựng các công trình có quy mô vừa và nhỏ.

Sản xuất vật liệu xây dựng và kết cấu thép chuyên ngành.

Kinh doanh các dịch vụ khác ngoài hoạt động công ích.

BẰNG KHEN CỦA CHÍNH PHỦ VÀ CHỨNG CHỈ ISO .9001 . 2000

TRỊNH ĐỘ TIẾN BỘ 10 NĂM 2005



TRUNG TÂM GIỚI THIỆU VIỆC LÀM PHÚ THỌ

Địa chỉ: số 76- Đường Hùng Vương- Tp.Việt Trì * Điện thoại: 0210.846 476

Năm 2005, trung tâm giới thiệu việc làm luôn cố gắng vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ, các chỉ tiêu được hoàn thành năm sau cao hơn năm trước. Với các kết quả cụ thể sau:

Công tác chuyên môn:

- Công tác tư vấn: tư vấn về chế độ chính sách, về việc làm, học nghề được 7.980 lượt người, đạt 105% kế hoạch năm 2005.
- Công tác giới thiệu việc làm và cung ứng lao động: 612 người, đạt 87,4% kế hoạch năm 2005. Trong đó: xuất khẩu lao động 150 người; giới thiệu việc làm trong nước 462 người.
- Công tác đào tạo nghề: kết quả đào tạo nghề ngắn hạn theo các nhóm ngành nghề là 1.541 người, đạt 103% kế hoạch năm 2005.

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng:

- Chỉ đạo các tổ chức đoàn thể tuyên truyền, giáo dục CB và CNVC đoàn kết nhất trí, vượt khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ.

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục truyền thống thường xuyên.

- Triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng các cấp và Kết luận Hội nghị Trung ương lần thứ 12 khóa IX.

Kết quả thi đua năm 2005:

- Trung tâm đạt: Đơn vị lao động tiên tiến.
- Cá nhân lao động tiên tiến: 23 đồng chí.
- Chiến sỹ thi đua: 02 đồng chí



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH



TS. TRẦN CHÍ THIÊN - Hiệu trưởng

Trường đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên được thành lập trên cơ sở sáp nhập và tổ chức lại hai khoa: Khoa Kinh tế Nông nghiệp của Trường đại học Nông Lâm và Khoa Kinh tế Công nghiệp của Trường đại học Kỹ thuật công nghiệp.

Trường đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh có chức năng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh, kế toán tài chính và phát triển nông thôn phục vụ cho công cuộc xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở miền núi và trung du phía Bắc Việt Nam.

Hiện nay, trường có 182 CSNV (124 giảng viên), với tỉ lệ 10% giảng viên có học vị tiến sĩ, 50% có trình độ thạc sĩ, có 30% số giảng viên đang làm nghiên cứu sinh, học cao học ở các trường đại học trong và ngoài nước.

Quy mô của trường năm học 2005 - 2006 là 5000 sinh viên các hệ đào tạo thuộc 5 chuyên ngành: Kinh tế nông nghiệp; Quản trị kinh doanh tổng hợp; Quản trị doanh nghiệp công nghiệp; Kế toán tổng hợp; Kế toán doanh nghiệp công nghiệp; Marketing; Tài chính ngân hàng.

Quy mô đào tạo sau đại học của trường hiện nay là hơn 100 học viên thuộc chương trình thạc sĩ kinh tế nông nghiệp.

NHIỆM VỤ:

- Đào tạo nguồn nhân lực ở các trình độ sau đại học, đại học và các bậc thấp hơn.
- Bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về kinh tế, kế toán tài chính, quản trị kinh doanh và phát triển nông thôn cho cán bộ quản lý ở các cơ sở kinh doanh và các địa phương.
- Nghiên cứu, chuyển giao kết quả nghiên cứu vào thực tế sản xuất và đời sống.

Trường đại học kinh tế và quản trị kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên phấn đấu trở thành một trường đại học chất lượng cao về đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh, kế toán tài chính và phát triển nông thôn, góp phần đẩy lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi và trung du phía Bắc Việt Nam.



Lễ công bố quyết định thành lập Đảng bộ

- Hợp tác nghiên cứu khoa học với các trường đại học, các viện nghiên cứu trong và ngoài nước.
- Hợp tác với các tổ chức chính phủ, phi chính phủ về đào tạo và triển khai các dự án thuộc lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh, kế toán tài chính và phát triển nông thôn

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO:

1. Thạc sĩ Kinh tế Nông nghiệp (2 năm).
2. Cử nhân (4 năm): Kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn; Quản trị kinh doanh tổng hợp; Quản trị doanh nghiệp công nghiệp; Kế toán tổng hợp; Kế toán doanh nghiệp công nghiệp.
3. Các khóa đào tạo ngắn hạn: Kế toán trưởng; Kế toán máy; Khởi sự doanh nghiệp; Phát triển doanh nghiệp; Kỹ năng quản lý; Đàm phán kinh doanh; Đào tạo kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng marketing; Quản lý hợp tác xã; các vấn đề nâng cao hiệu quả phát triển nông thôn; Lập, phân tích và đánh giá các dự án phát triển nông thôn.

QUAN HỆ QUỐC TẾ: với nhiều trường đại học: đại học Losbanos- Philippines, đại học Hohenheim- Đức, đại học Hawaii- Hoa Kỳ, các tổ chức quốc tế: INSA- ETEA của Tây Ban Nha, SNV của Hà Lan, The Ford Foundation, Fulbright của Hoa Kỳ...

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC:

- Tham gia dự án phát triển nông nghiệp bền vững ở các lưu vực sông miền núi phía Bắc.
- Chủ trì dự án nghiên cứu hiệu quả sử dụng tài nguyên nước và đất với sự tham gia của nhiều viện nghiên cứu và trường đại học.
- Triển khai việc nghiên cứu dự án sự thay đổi của tình trạng đói nghèo và phúc lợi của hộ gia đình nông dân ở miền núi tỉnh Thái Nguyên.
- Triển khai dự án: Hiện trạng và giải pháp thu hút đầu tư phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.



Địa chỉ: Km9, đường 3/2, thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên
Điện thoại: 0280 647 685 Fax: 0280 647 684 E-mail: tueba.university@gmail.com

ĐIỆN LỰC VINH PHÚC

ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN CỦA CÔNG TY ĐIỆN LỰC 1 - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

ĐIỆN THOẠI: 0211.861 143 * FAX: 0211.861 152

TỈNH ỦY VIÊN, GIÁM ĐỐC DLVP: KỸ SƯ NGUYỄN HỮU THỌ

Điện lực Vinh Phúc được thành lập theo Quyết định số 245/ĐVN-TCCB-LĐ ngày 14/3/1997, của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Điện lực Vinh Phúc có trụ sở đóng tại km số 1 đường 2B (đi Tam Đảo), thuộc phường Liên Bảo, TX Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.



Trạm 110kV Vinh Yên là trạm đầu mối nhận lưới điện Quốc gia cho Vĩnh Phúc.

KHỐI LƯỢNG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH SỬA CHỮA:

- ❖ Trạm 110kV đang vận hành 2 trạm, dung lượng 183 MVA.
- ❖ Đường dây cao thế 110KV: 80 km Trạm 110kV đang xây dựng: 02, dung lượng: 50MVA
- ❖ Đường dây trung thế: 1200km Trạm trung gian phụ tải: 1000TBA với dung lượng 466.400KVA
- ❖ Đường dây hạ thế 0,4kV: 240km

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- ❖ Quản lý vận hành kinh doanh bán điện năng trên địa bàn toàn tỉnh Vĩnh Phúc và các vùng lân cận.
- ❖ Thiết kế xây dựng và cải tạo, sửa chữa đường dây và trạm điện đến 35 kV
- ❖ Lập dự án đầu tư các công trình đường dây và trạm đến 35kV thuộc nhóm C
- ❖ Thiết kế và lập tổng dự toán các công trình đường dây và trạm điện đến 110kV thuộc nhóm C
- ❖ Giám sát và kiểm tra chất lượng các công trình đường dây và trạm điện đến 110kV và các công trình kiến trúc phụ trợ khác có liên quan.
- ❖ Đại lý các dịch vụ viễn thông, điện thoại cố định có dây, cố định không dây, di động nội tỉnh và toàn quốc, cho thuê kênh luồng, truy nhập và kết nối Internet, dịch vụ điện thoại đường dài giá rẻ 179.
- ❖ Đại lý mạng truyền hình cáp.

Thành tích sản xuất kinh doanh, xây dựng và đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của địa phương những năm qua: được Nhà nước CHXHCNVN tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba, nhiều bằng khen, cờ của Chính phủ, UBND tỉnh Vĩnh Phúc, Tổng công ty Điện lực Việt Nam, Công ty Điện lực 1 và các ngành.

CÔNG TY ĐIỆN LỰC 1 ĐIỆN LỰC HÀ NAM

Điện lực Hà Nam là đơn vị nhà nước trực thuộc Công ty Điện lực 1 được thành lập ngày 1 - 4 - 1997, số lao động hiện có 480 người (tính đến 30 - 11 - 2005).

ĐIỆN LỰC HÀ NAM CÓ NHIỆM VỤ CHÍNH NHƯ SAU

- ❖ Quản lý vận hành, xây dựng cải tạo, sửa chữa lưới điện.
- ❖ Kinh doanh điện năng trong tỉnh Hà Nam.
- ❖ Tham gia xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển lưới điện trên địa bàn tỉnh Hà Nam.
- ❖ Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế đường dây và trạm biến áp điện đến cấp điện áp 35kV.
- ❖ Tư vấn giám sát thi công các công trình đường dây và trạm biến áp điện đến cấp điện áp 110kV.
- ❖ Kinh doanh vật tư thiết bị điện.

Năm 2004 với kết quả đạt được rất đáng phấn khởi, Điện lực Hà Nam đã vinh dự được đón Cờ thi đua xuất sắc và Bằng khen của Bộ Công nghiệp, Bằng khen của UBND tỉnh Hà Nam, Bằng khen của Bộ Tài Chính, Bộ LĐ&TBXH, được UBND tỉnh công nhận danh hiệu Văn hóa 2004. Cùng với danh hiệu đó, Điện lực Hà Nam luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; của Đảng ủy khối cơ quan dân chính đảng tỉnh và Công ty Điện lực 1. Điều này đã tạo đà cho Điện lực Hà Nam trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2005.

MỤC TIÊU NHIỆM VỤ NĂM 2006

Năm 2006, Điện lực Hà Nam phấn đấu thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, kế hoạch được giao.

❖ Các chỉ tiêu kinh doanh điện năng:

- ⊙ Điện thương phẩm 486 Tr.kWh.
- ⊙ Tổn thất điện năng là 6,5%.
- ⊙ Giá bán bình quân 659,41 đồng/kWh.
- ⊙ Doanh thu bán điện 320,47 tỉ đồng.
- ⊙ Tổng khách hàng dùng điện là 26.000 khách hàng.
- ⊙ Doanh thu sản xuất kinh doanh khác 5,2 tỉ đồng.

⊙ Dự nợ thủy nông dưới 1 tỉ đồng.

- ❖ Thực hiện kế hoạch sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên.
- ❖ Thực hiện đầu tư xây dựng.
- ❖ Thực hiện an toàn lao động.
- ❖ Thực hiện tốt công tác quản lý kỹ thuật vận hành.
- ❖ Đảm bảo năng suất lao động từ 10-12%, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao

động. Phấn đấu có mức thu nhập tăng 9% so với năm 2005.

- ❖ Triển khai thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000 và hoạt động kinh doanh viễn thông điện lực. Phấn đấu đến đầu quý III năm 2006 có thể khai thác kinh doanh viễn thông điện lực trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

BƯU ĐIỆN TỈNH BẮC KẠN

Địa chỉ: tổ 7B - phường Đức Xuân
thị xã Bắc Kạn - tỉnh Bắc Kạn



Cung cấp các dịch vụ:

Bưu chính

Chuyển phát bưu phẩm, bưu kiện
Chuyển phát nhanh (EMS thỏa thuận)
Thư chuyển tiền
Điện chuyển tiền
Chuyển tiền nhanh
Tiết kiệm bưu điện
Phát hành báo chí...

Viễn thông

Điện thoại: cố định, di động
Gọi 171 liên tỉnh & quốc tế
Facsimile
Điện báo
Điện thoại thẻ CardPhone, 1719, 1717
Dịch vụ **108** giải đáp thông tin KH-VH-XH
Hộp thư thông tin 801 xxx
Internet: 1260, 1260-P, ADSL-VNN
Các dịch vụ tiện ích trên tổng đài điện tử.



**KÍNH CHÚC QUÝ KHÁCH HÀNG
GẶP NHIỀU MAY MẮN VÀ THÀNH ĐẠT!**

Cuộc sống đích thực



SÀI GÒN CÔNG THƯƠNG NGÂN HÀNG SAIGON BANK FOR INDUSTRY AND TRADE (SAIGONBANK)

2C Phó Đức Chính - quận 1 - TP.Hồ Chí Minh
Tel: (08) 9143183 Fax: (08) 9143193
Website: www.saigonbank.com.vn

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương là Ngân hàng TMCP được thành lập đầu tiên trong hệ thống Ngân hàng Cổ phần tại Việt Nam hiện nay. Ra đời ngày 16 - 10 - 1987, với vốn điều lệ ban đầu là 650 triệu đồng và thời hạn hoạt động là 50 năm. Sau gần 18 năm thành lập, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ lên 400 tỉ đồng.

Nhờ vốn điều lệ tăng trưởng qua từng năm mà Ngân hàng đã thúc đẩy tăng trưởng nghiệp vụ, phát triển mạng lưới hoạt động, kết quả kinh doanh liên tục có lãi.

Các dịch vụ của ngân hàng

- Huy động các loại tiền gửi thanh toán và tiền gửi tiết kiệm
- Cho vay ngắn, trung và dài hạn bằng nhiều phương thức
- Thực hiện các nghiệp vụ bảo lãnh trong và ngoài nước
- Thực hiện dịch vụ thanh toán, xuất nhập khẩu dưới các hình thức (L/C) và (D/A, D/P).
- Mua bán ngoại tệ trong nước và quốc tế, chuyển tiền kiều hối, chuyển tiền nhanh quốc tế MoneyGram.
- Thanh toán các loại thẻ tín dụng quốc tế: Visa, MasterCard, JCB.
- Phát hành và thanh toán thẻ của SaigonBank: Thẻ đa năng, thẻ ATM, thẻ liên kết
- Các dịch vụ Ngân hàng khác: nhận kiểm đếm hộ, nhận tiền tại trụ sở của khách hàng, chi hộ lương, chi trả lương qua thẻ cho các tổ chức kinh tế, cung cấp dịch vụ phone banking...



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN I CÔNG TY QUẢN LÝ NHÀ QUẬN I

Địa chỉ: 28 - 30 Nguyễn Thái Bình - quận 1 - TP.Hồ Chí Minh
Điện thoại: 8 211 190 - 9 140 387 • Fax: (84.8) 9 142 446

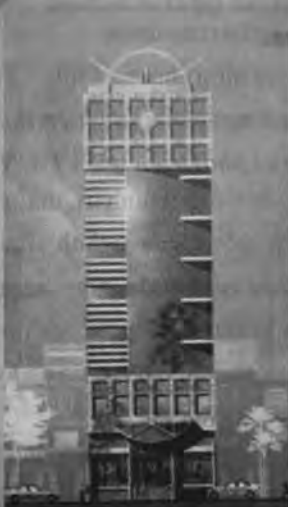
CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ

HOẠT ĐỘNG CÔNG ÍCH :

- Tổ chức hợp đồng cho thuê, thu tiền thuê nhà và sửa chữa nhà thuộc sở hữu nhà nước.
- Đầu tư khai thác và phát triển quỹ nhà thuộc sở hữu nhà nước.
- Lập hồ sơ bán nhà thuộc sở hữu nhà nước theo Nghị định 61/CP.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH KHÁC:

- Xây dựng sửa chữa, trang trí nội thất các công trình dân dụng.
- Thực hiện các tư vấn về ĐTXD: Lập và thẩm định dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, khảo sát xây dựng, quản lý và giám sát thi công, tư vấn đấu thầu.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh nhà. Cho thuê văn phòng.
- Đo vẽ địa chính



CAO ỐC VĂN PHÒNG 84.88.88
HỒ TÙNG MẬU

ĐẢNG BỘ BƯU ĐIỆN TỈNH AN GIANG

Địa chỉ: Số 02 Lê Lợi, phường Mỹ Bình, TP Long Xuyên, An Giang

Dứng trước yêu cầu đổi mới tổ chức, hiện đại hóa mạng lưới, nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ; nâng cao đời sống vật chất tinh thần của CB.CNVC....; Đảng bộ Bưu điện tỉnh An Giang đã vượt qua nhiều khó khăn thử thách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao.

*** Một số kết quả đạt được trong nhiệm kỳ XI (2003-2005).**

- Mở rộng dung lượng, nâng cao chất lượng hệ thống chuyển mạch và các đài trạm phát triển nhanh mạng điện thoại, mở điểm truy cập Internet phục vụ nông thôn và các trường học trong tỉnh, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần, góp phần vào sự nghiệp CNH-HĐH nông nghiệp và nông thôn An Giang.
- Mở nhiều dịch vụ mới, nâng cao chất lượng chăm sóc khách hàng.
- Doanh thu tăng 33,6% năm, phát triển máy điện thoại tăng bình quân 19% năm.
- Đảng bộ đã tập trung nâng cao trình độ chính trị của Đảng viên, đến nay đã có hơn 50% tổng số Đảng viên trong Đảng bộ có trình độ trung cấp trở lên; trong đó có 4 cử nhân, 9 cao cấp. Nhiệm kỳ XI, kết nạp được 32 Đảng viên mới.
- Đảng bộ xây dựng và bám sát quy chế hoạt động, phát huy dân chủ trong Đảng và trong đơn vị; giữ nghiêm các nguyên tắc sinh hoạt Đảng, đề cao vai trò tự phê bình và phê bình trong Đảng; giữ vững đoàn kết nội bộ.
- Nhiều năm liên tục đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh.



*Đ/C Trần Văn Trộn - Bí Thư Đảng Ủy
Giám đốc Bưu Điện tỉnh An Giang*



*BCH Đảng Bộ Bưu Điện tỉnh An Giang
Nhiệm kỳ XII (2005-2008)*

*** Một số mục tiêu nhiệm kỳ XII (2005-2008).**

- Phấn đấu mức tăng trưởng doanh thu hằng năm cao hơn bình quân toàn VNPT từ 15% trở lên. Máy điện thoại tăng hàng năm 20%, đến cuối năm 2008 đạt tỷ lệ 8,5 máy/100 dân.
- Phát triển mạnh mẽ các dịch vụ, đưa Bưu chính là tổng đại lý các dịch vụ BC-VT. Phấn đấu đến cuối năm 2008, Bưu chính cân bằng thu chi và đứng vững trong cơ chế cạnh tranh.
- Phấn đấu đến cuối năm 2008, có từ 80% trở lên đảng viên có trình độ trung, cao cấp chính trị.
- Tập trung chỉ đạo thực hiện chương trình: **"Tuổi trẻ Bưu điện thi đua tình nguyện, thực hiện thắng lợi chiến lược hội nhập và phát triển BC-VT-CNTT"**.
- Giáo dục nâng cao nhận thức chính trị, thấm nhuần 10 chữ vàng truyền thống của ngành Bưu điện: **"Trung thành - dũng cảm - tận tụy - sáng tạo - nghĩa tình"**; chăm lo đời sống vật chất tinh thần của CB - CNVC, làm động lực phát triển xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Phát huy thành tích đã đạt được và truyền thống vẻ vang của ngành, toàn Đảng bộ Bưu điện tỉnh An Giang quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu nhiệm vụ Đại hội XII Đảng bộ đề ra.

CÔNG ĐOÀN THỦY SẢN VIỆT NAM

TRỤ SỞ SỐ 12/20 NGUYỄN CÔNG HOAN - BA ĐÌNH- HÀ NỘI.

ĐIỆN THOẠI: 04 8 344 937 * FAX: 04 7 717 370

CHỦ TỊCH: LƯƠNG LÊ CƯỜNG * PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC: HOÀNG HÀ NỘI.

MỘT VÀI NÉT NGÀNH THỦY SẢN

Việt Nam hiện có 3.260 km chiều dài bờ biển, hơn 2.000 hòn đảo lớn nhỏ. Diện tích vùng biển gồm nội thủy, lãnh hải 226.000 km² và vùng đặc quyền kinh tế khoảng 1 triệu km². Việt Nam có 28 tỉnh, thành phố có biển hầu hết đã có sở thủy sản, các tỉnh nội đồng khác đã thành lập các chi cục thủy sản. Tốc độ tăng trưởng tổng sản lượng thủy sản giai đoạn 2000-2005 đạt bình quân 8,97%/năm, giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 10,5%. Hiện nay toàn ngành thủy sản có khoảng 4 triệu lao động, trong đó lao động thường xuyên và thu nhập chủ yếu từ thủy sản khoảng 1,2 triệu người. Năm 2005, tổng sản lượng thủy sản đạt 3,4328 triệu tấn bằng tăng 52,53% so với năm 2000 (trong đó sản lượng nuôi trồng đạt 1,4374 triệu tấn tăng 43,79% so với năm 2000. Số lượng tàu cá gần máy hiện nay có 90.880 chiếc, trong đó có gần 8.750 tàu khai thác hải sản xa bờ.

MỘT VÀI NÉT VỀ CÔNG ĐOÀN THỦY SẢN VIỆT NAM

Công đoàn Thủy sản Việt Nam được thành lập ngày 20 tháng 10 năm 1992 đang trực tiếp quản lý chỉ đạo 3 công đoàn tổng công ty, 26 công đoàn cơ sở trực thuộc với 13.703 đoàn viên, phối hợp quản lý chỉ đạo 20 công đoàn ngành thủy sản địa phương, 16 công đoàn NN&PTNT (có thủy sản) với 44.486 đoàn viên.

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG NỔI BẬT GIAI ĐOẠN 2000- 2005

Công đoàn Thủy sản Việt Nam xác định tập trung đẩy mạnh các phong trào thi đua phục vụ cho "An toàn vệ sinh thực phẩm từ đầu nguồn đến bàn ăn" theo tiêu chuẩn HACCP (đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh) và xây dựng cán bộ công chức "giỏi một việc, biết nhiều việc" (đối với đơn vị HCSN) trong các lĩnh vực chính của ngành là chế biến thủy sản, nuôi trồng thủy sản, khai thác hải sản, cơ khí hậu cần và dịch vụ thủy sản, quản lý nhà nước ngành

thủy sản, vậy nên đã tổ chức được hội thi "bàn tay vàng" trong công nghiệp chế biến thủy sản vào năm 2000, hội thi "Kiến thức pháp luật- kiến thức gia đình" trong nữ công nhân lao động ngành thủy sản năm 2002 theo HACCP năm 2004. Tất cả các hội thi này đều được phát động trong toàn ngành từ cơ sở đến trung ương.

Từ năm 2000 đến nay Công đoàn Thủy sản Việt Nam được giao và làm chủ nhiệm 3 đề tài khoa học cấp Bộ nghiên cứu khảo sát điều kiện, môi trường lao động, đề xuất các giải pháp cải thiện điều kiện và môi trường lao động kể cả bệnh nghề nghiệp trong ba lĩnh vực chính là chế biến thủy sản, nuôi trồng thủy sản và khai thác hải sản. (Đến năm 2005 đã hoàn thành 2 đề tài).

Hàng năm phối hợp với các đơn vị chức năng của bộ và các ban của Tổng Liên đoàn mở được bình quân 14 lớp tập huấn với trên 1.200 lượt người tham dự. Riêng năm 2005 mở được 24 lớp với 2.400 lượt người tham dự, nội dung tập trung vào các chuyên đề của Tổng Liên đoàn và của ngành thủy sản

Công tác phối hợp với các Liên đoàn lao động địa phương đã được đẩy mạnh nhất là trong các năm 2004 và 2005. Hoạt động này đã được các cấp công đoàn đánh giá cao. Hiện nay đang tiếp tục xây dựng và ký kết quy chế phối hợp làm việc.

Các hoạt động nhân đạo từ thiện đã được đẩy mạnh, hàng năm đóng góp cho các quỹ nhân đạo từ thiện trên 3 tỉ đồng, đến năm 2003 toàn ngành đã phụng dưỡng 132 bà mẹ Việt Nam anh hùng, xây dựng 138 căn nhà tình nghĩa. Công đoàn Thủy sản Việt Nam là thành viên sáng lập và thường trực Quỹ Nhân đạo nghề cá Việt Nam. Từ đầu năm 1997 đến nay đã quyên góp được gần 4,8 tỉ đồng và cứu trợ cho lao động nghề cá trên 3,2 tỉ đồng trong đó cấp trợ giá 100% và 50% của gần 5,3 vạn áo phao cứu sinh cho ngư dân nghèo, chi cứu trợ cho gần 1.500 gia đình có nạn nhân bị chết, bị thương do thiên tai trên biển và các tỉnh bị thiên tai lũ lụt.



Bộ trưởng Bộ Thủy sản Tạ Quang Ngọc cùng đoàn CB ngành TS và CĐTSVN và tặng quà bộ đội đảo Trường Sa



Đ/c Hoàng Hà Nội PCT thường trực CĐTS VN thăm và tặng quà bộ đội đảo Trường Sa



Đoàn làm phim của Đài THVN thực hiện nội dung "Cần quan tâm hơn nữa đến CN ngành TS" tại đơn vị sản xuất Nhà máy chế biến thủy sản



D/C PHẠM BÁ DIỆM - BÍ THƯ HUYỆN ỦY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

HUYỆN QUAN SƠN

Địa chỉ Huyện ủy:
Thị trấn Quan Sơn,
huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Điện thoại: 037 590 020

Quan Sơn là huyện có vị trí địa lý quan trọng nằm ở cửa ngõ phía Tây của tỉnh Thanh Hóa, có trục quốc lộ 217 dài 75 km, có cửa khẩu quốc tế với nước cộng hòa DCND Lào. Huyện có nhiều tiềm năng về tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân lực dồi dào. Với truyền thống đoàn kết, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Quan Sơn đã quyết tâm vượt qua khó khăn, chủ động vận dụng sáng tạo các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đã thu được những kết quả đáng khích lệ trong nhiệm kỳ qua (2001- 2005), thể hiện trên các mặt như sau:

Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế trong huyện: 5,9%/năm. trong đó: Nông - lâm - ngư nghiệp tăng 5,1%, công nghiệp - xây dựng tăng 3,2%, thương mại - dịch vụ tăng 3,2%.
- Thu nhập bình quân năm 2005: 2.780.000 đồng.
- Tổng thu ngân sách trên huyện năm 2005 đạt 26.887.000.000 đồng.
- Cơ cấu kinh tế: NN - CN, XD - DV là 57,05% - 14,59% - 28,36%.
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2005 đạt 30,80 tỉ đồng. Nhiều chương trình, dự án được đầu tư xây dựng: các trung tâm cụm xã, nâng cấp cửa khẩu Na Mèo, thủy lợi, điện, trạm y tế, trường học, truyền hình...

Văn hóa- Xã hội:

- Công tác giáo dục, đào tạo từng bước phát triển đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Chất lượng giáo dục ngày càng được nâng cao, số học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh không ngừng tăng. Đến nay đã có 289/336 được xây dựng kiên cố, 4 trường chuẩn quốc gia, tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2005 đạt 11,8%.
- Hoạt động văn hóa, thông tin tuyên truyền được quan tâm đầu tư, toàn huyện có 4 trạm phát lại truyền hình. Năm 2005 có 4130 hộ gia đình đạt chuẩn "Gia đình văn hóa".
- Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân: 12/12 xã, thị trấn có trạm y tế đảm bảo việc khám chữa bệnh cho nhân dân.
- Công tác xóa đói giảm nghèo đã thu được những kết quả đáng khích lệ, tỷ lệ đói nghèo từ 51% năm 2000 giảm còn 27,53% năm 2005. Đời sống nhân dân ổn định và từng bước được cải thiện.

Công tác xây dựng Đảng:

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị luôn được đổi mới và nâng cao, trong 5 năm qua đã mở được 77 lớp bồi dưỡng cho 7.592 lượt cán bộ, đảng viên.
- Các cấp ủy Đảng thường xuyên quan tâm đến công tác xây dựng hệ thống tổ chức Đảng, tổ chức bộ máy chính quyền, các đoàn thể. Trong 5 năm đã kết nạp được 789 quần chúng ưu tú vào Đảng.

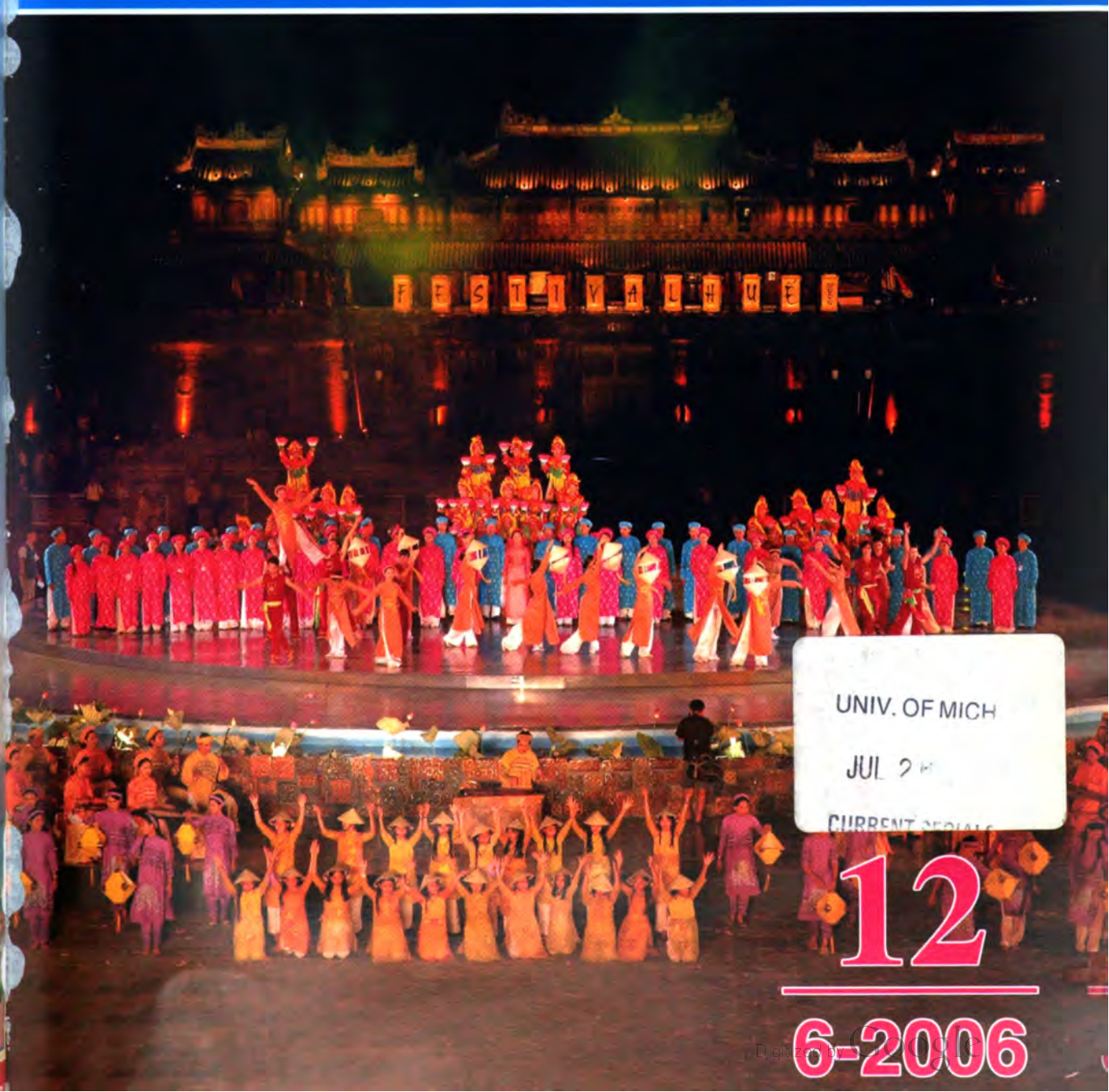
Một số chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2005- 2010:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 9,5% trở lên.
- Thu nhập bình quân: 9- 9.500.000 đồng/năm.
- Sản lượng lương thực năm 2010 đạt 13.000 tấn.
- 100% xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS vào năm 2006.
- Giảm tỷ lệ hộ đói nghèo 5- 7%/năm.
- 100% thôn, bản có tổ chức đảng với 80% tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch, vững mạnh.

X
H68B

Tạp chí Công sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH

JUL 24

CURRENT SERIALS

12

6-2006

Digitized by Google



CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TRÌNH VIETTEL

Địa chỉ: Số 1 Giang Văn Minh- Ba Đình - Hà Nội
Điện Thoại: 042 661 229 069 882 056 * **Fax:** 042 661 227
E-mail: viettelxlt@viettel.com.vn



Thượng tá: Hoàng Công Vinh
CHỦ TỊCH- GIÁM ĐỐC CÔNG TY

LĨNH VỰC SẢN XUẤT KINH DOANH:

- Xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp thuộc nhóm B, C, đường trục, hệ thống công bố của mạng cáp quang, cáp đồng, cáp đồng trục và mạng tin học.
- Lắp đặt, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng các công trình bưu chính, viễn thông.
- Sản xuất, lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, các công trình cột cao.
- Sản xuất lắp ráp, sửa chữa và kinh doanh các thiết bị điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, và thiết bị thu phát vô tuyến điện.
- Kinh doanh các thiết bị toàn bộ về điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin và các sản phẩm điện tử, viễn thông và công nghệ thông tin, thực hiện các dự án bưu chính, viễn thông công nghệ thông tin.
- Cung cấp dịch vụ điện thoại trung kế vô tuyến(Radio Trunking), tư vấn và cung cấp các dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin khác, các giải pháp kỹ thuật về viễn thông, công nghệ thông tin.

CÁC CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU:

- Mở rộng mạng ngoại vi thành phố của Bưu điện Hà Nội năm 2001-2002.
- Lắp đặt tổng đài, mạng cáp và các tuyến truyền dẫn Viba số cho BCHQS các tỉnh phía Bắc và Tây Bắc.
- Thiết kế, lắp đặt hệ thống giao ban truyền hình cho Bộ Quốc Phòng và Liên hiệp đường sắt VN.
- Chế tạo, lắp dựng cột anten H=125m Đài TH Hà Nam, H= 115m Đài TH Hà Tây, H= 125m Đài TH Tuyên Quang, H= 80m Đài TH Đà Nẵng, H= 80m Đài TH Dung Quất, H= 87m Bưu điện Hải Phòng, H= 100m Bưu điện Bắc Ninh, H= 85m Bưu điện Thanh Hóa, H= 80m TT quản lý tần số Hải Phòng, H= 125m Đài TH Việt Nam, H=140m Đài TH QG Lào, H= 100m Đài TH TT Huế, Công trình cột anten Bộ Công An tại TP. Hồ Chí Minh.
- Cung cấp, lắp đặt hệ thống tổng đài cho Công an tỉnh Bình Thuận, CA tỉnh Phú Yên.
- Cung cấp, lắp đặt hệ thống tổng đài và hệ thống âm thanh nội bộ cho trụ sở Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội.
- Thiết kế, cung cấp và lắp đặt mạng cáp tin học thuộc trụ sở làm việc kiểm toán nhà nước.
- Thi công mạng cáp tổng đài học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Mạng cáp Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh. Hệ thống trang thiết bị sở chỉ huy diễn tập Học viện Quốc Phòng
- Thi công tuyến cáp quang Tân Thanh - Trảng Định (Lạng Sơn).
- Lắp đặt trên 2000 trạm BTS- Dự án điện thoại di động Viettel Mobile.
- Xây lắp công trình cáp quang Quân sự 1A, 1B, 1C.
- Lắp đặt hệ thống âm thanh hội trường Quân khu IV.
- Thi công hệ thống công bố và mạng cáp khu đô thị Trung Hoà Nhân Chính, Quang Minh, Mỹ Đình.
- Thi công Hệ thống cáp thuộc dự án Xây dựng mạng thông tin công viên phần mềm Quang Trung giai đoạn 2001- 2005.
- Cung cấp thiết bị và dịch vụ Radio Trunking cho Công ty xe buýt Hà Nội, Sơn Dương, Mạnh Trường Bình, Ngọn lửa thần.





THÁNG 2 KỶ

RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 758

**12
6-2006**

● **BỘ BIÊN TẬP :**

52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội

Điện thoại : (04) 7 753 605

Fax : (04) 7 753 633

Email: bbtccs@hn.vnn.vn

● **Cơ quan thường trú
tại miền Trung :**

26 Trần Phú,

Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : (080) 51301

Fax : (080) 51303

● **Cơ quan thường trú
tại miền Nam :**

19 Phạm Ngọc Thạch,

Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (08) 8 274 638

Fax : (08) 8 231 664

● **Tạp chí Cộng sản điện tử :**

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

● **Tổng Biên tập :**

LÊ HỮU NGHĨA



Bìa 1: Festival Huế 2006

Ảnh: Bá Tích

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

HOÀNG TRUNG HẢI - Bộ Công nghiệp sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước	3
VÕ THỊ THẮNG - Để nước ta sớm trở thành một trung tâm du lịch có tầm cỡ trong khu vực	8

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

HOÀNG CHÍ BẢO - Chủ nghĩa Mác - Lê-nin: những vấn đề cần nghiên cứu hiện nay	13
DƯƠNG THỊ BÌNH MINH - BẠCH MINH HUYỀN - Hoàn thiện chính sách thuế phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế	18
CHU THÁI THÀNH - Những yêu cầu về phẩm chất của nhà báo trong thời kỳ mới	23
ĐỖ THẾ TÙNG - Bàn thêm về vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân	27
NGUYỄN LINH KHIẾU - Giáo dục gia đình hướng tới xây dựng con người thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa	32

HỘI NGHỊ TOÀN QUỐC CÔNG TÁC PHÁT HÀNH - BẠN ĐỌC TẠP CHÍ CỘNG SẢN

LÊ HỮU NGHĨA - Báo cáo Đề dẫn	37
*** Báo cáo Tổng thuật	41

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

CAO SỸ KIỂM - HOÀNG HẢI - Mấy vấn đề về phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam	46
VÕ TRỌNG VIỆT - Bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới, vùng biển của Tổ quốc trong tình hình mới	51
MINH NHẬT - Thành tựu chủ yếu qua 10 năm thực hiện "Cương lĩnh hành động Bắc Kinh" của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	55
NGUYỄN XUÂN ĐỊNH - Nhà máy đạm Phú Mỹ - điểm sáng về phát huy nội lực thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa	60

THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP

TÔN NỮ THỊ NINH - Mối quan hệ giữa tham nhũng với dân chủ và dân tộc	65
--	----

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NAM DŨNG - Dễ hay khó?	68
------------------------	----

THẾ GIỚI: VĂN ĐỀ - SỰ KIỆN

VÕ THỦ PHƯƠNG - "Cách mạng màu sắc" - nhìn lại và suy ngẫm	69
--	----

СОДЕРЖАНИЕ

• **ХОАНГ ЧУНГ ХАЙ**: Министерство индустрии проводит в порядок и обновляет государственные предприятия. • **ВО ТХИ ТХАНГ**: В целях превращения Вьетнама в крупный туристический центр в регионе. • **ХОАНГ ТЫИ БАО**: Марксизм-ленинизм: проблемы, которые необходимо изучать в настоящее время. • **ЗЫОНГ ТХИ БИНЬ МИНЬ - БАТЬ МИНЬ ХУЕН**: Совершенствование налоговой политики в соответствии с ходом международной экономической интеграции. • **ТЮ ТХАЙ ТХАНЬ**: Требования о нравственных качествах журналистов в новый период. • **ДО ТХЕ ТУНГ**: Еще обсуждается вопрос занятия членов Партии частной экономикой. • **НГУЕН ЛИНЬ КХИЕУ**: Семейное воспитание обращается к созданию человека в период ускорения индустриализации и модернизации. • **КАО ШИ КХИЕМ - ХОАНГ ХАЙ**: Некоторые проблемы о развитии малых и средних предприятий во Вьетнаме. • **ВО ЧОНГ ВЬЕТ**: Прочная защита пограничного и морского суверенитета Родины в новой обстановке. • **ВО ТХУ ФЫОНГ**: «Цветная революция» – ретроспективный взгляд и тщательное обдумывание.

CONTENTS

• **HOÀNG TRUNG HẢI**: The Ministry of Industry arranges and renovates state enterprises. • **VÕ THỊ THẮNG**: In order our country could be a region's tourist center of major stature at an early date. • **HOÀNG CHÍ BẢO**: Marxism - Leninism: the issues to be studied at the present. • **DƯƠNG THỊ BÌNH MINH-BACH MINH HUYỀN**: Perfecting tax policies in accordance with the progress of World economic integration. • **CHU THÁI THÀNH**: The demands for reporters' personal dignity in the new period. • **ĐỖ THÊ TÙNG**: More discussion about the problem of doing private business by the Party members. • **NGUYỄN LINH KHIẾU**: Family education directed toward the formation of the man of the industrialisation, modernisation period. • **CAO SỸ KIÊM-HOÀNG HẢI**: Some problems in the development of small and medium enterprises in Vietnam. • **VÕ TRỌNG VIỆT**: Steadily protecting sovereignty of the border and sea areas of the country in the new circumstances. • **VÕ THỦ PHƯƠNG**: Looking back and thinking over "The colour revolutions".

SOMMAIRE

• **HOÀNG TRUNG HẢI**: Le ministère de l'Industrie réorganise et réforme les entreprises publiques. • **VÕ THỊ THẮNG**: Pour que le Vietnam devienne un centre touristique important de la région dans un proche avenir. • **HOÀNG CHÍ BẢO**: Le marxisme-léninisme : questions à étudier à l'heure actuelle. • **DƯƠNG THỊ BÌNH MINH-BACH MINH HUYỀN**: Achever la politique fiscale en conformité avec le processus de l'intégration économique internationale. • **CHU THÁI THÀNH**: Les qualités requises d'un journaliste dans la nouvelle étape. • **ĐỖ THÊ TÙNG**: A propos de l'économie privée des membres du Parti. • **NGUYỄN LINH KHIẾU**: L'éducation dans la famille visant à éduquer l'homme de la période d'accélération de l'industrialisation et de la modernisation. • **CAO SỸ KIÊM-HOÀNG HẢI**: Quelques questions sur le développement des petites et moyennes entreprises au Vietnam. • **VÕ TRỌNG VIỆT**: Défendre fermement la souveraineté frontalière et maritime de notre Patrie dans la nouvelle conjoncture. • **VÕ THỦ PHƯƠNG**: La « révolution de couleur » - regard rétrospectif et réflexions.

SUMARIO

• **HOÀNG TRUNG HẢI**: La reorganización y la renovación de empresas estatales en el ministerio de industria. • **VÕ THỊ THẮNG**: A fin de que nuestro país se convierta tempranamente en un centro turístico de envergadura en la región. • **HOÀNG CHÍ BẢO**: El marxismo-leninismo: cuestiones a estudiar en la actualidad. • **DƯƠNG THỊ BÌNH MINH-BACH MINH HUYỀN**: Perfeccionar la política de impuestos en conformidad al proceso de integración económica internacional. • **CHU THÁI THÀNH**: Demandas de cualidades del periodista en el periodo nuevo. • **ĐỖ THÊ TÙNG**: Más discusiones sobre la participación del militante del Partido en el terreno de la economía privada. • **NGUYỄN LINH KHIẾU**: La educación familiar en orientación a la formación de hombres del periodo de desarrollo de industrialización y modernización. • **CAO SỸ KIÊM-HOÀNG HẢI**: Algunas cuestiones del desarrollo de empresas de envergadura media y pequeña en Vietnam. • **VÕ TRỌNG VIỆT**: La firme defensa del derecho sobre la frontera y área marítima de Vietnam en la nueva situación. • **VÕ THỦ PHƯƠNG**: La "revolución de color" – mirada retrospectiva y meditación.

目 录

• **黄忠海**: 工业部署、革新国有企业 • **武氏胜**: 使我国早日成为本地区具有级别的旅游中心 • **黄志宝**: 马—列主义: 目前需要研究的若干问题 • **杨氏平明—白明玄**: 完善符合国际经济融入进程的税务政策 • **周泰成**: 新时期有关记者品质的一些要求 • **杜世松**: 再论有关党员做私有经济 • **阮灵嘯**: 家庭教育面向培育大力推动工业化、现代化时期的人才 • **高士谦—黄海**: 有关在越南发展中小型企业的一些问题 • **武仲越**: 在新形势中稳固捍卫祖国边界、海域的主权 • **武首方**: “彩色革命”——回顾及思索。



BỘ CÔNG NGHIỆP SẮP XẾP, ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

HOÀNG TRUNG HẢI *

1 – Quá trình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước

a - Những kết quả bước đầu

Năm 2005, Bộ Công nghiệp xác định giá trị doanh nghiệp cho 105 doanh nghiệp và bộ phận doanh nghiệp cổ phần hóa; quyết định vốn nhà nước tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần cho 68 doanh nghiệp; xét duyệt và chuyển 100 doanh nghiệp và bộ phận doanh nghiệp sang công ty cổ phần, đạt 149% kế hoạch năm, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước; giá trị vốn nhà nước của các doanh nghiệp chuyển đổi là 7.596 tỉ đồng, tăng 2,32 lần so với năm 2004, bình quân 75,96 tỉ đồng/doanh nghiệp. Theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ, có thêm 23 doanh nghiệp chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Đến nay, Bộ Công nghiệp đã có 50 doanh nghiệp và 2 bộ phận doanh nghiệp được chuyển đổi hoạt động theo mô hình này. Trong đó, Tổng Công ty Điện lực có 4, Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam có 6, ngành hóa chất có 2, ngành dệt may có 7, ngành thuốc lá có 9; các Tổng công ty “90” có 24 doanh nghiệp. Sáp nhập tiếp 2 doanh nghiệp, nâng tổng số doanh nghiệp sáp nhập giai đoạn 2001 - 2005 là 27. Giao 1 doanh nghiệp cho tập thể người lao động, giải thể 1 doanh nghiệp và đang triển khai bán 1 doanh nghiệp.

Về mô hình “công ty mẹ - công ty con”, đến nay, Bộ Công nghiệp có 12 doanh

nghiệp (4 tổng công ty và 8 doanh nghiệp) tổ chức hoạt động theo mô hình này. Gần đây nhất, Tổng Công ty Giấy, Tổng Công ty Thuốc lá và 3 doanh nghiệp chuyển sang hoạt động theo mô hình “công ty mẹ - công ty con”.

Bộ Công nghiệp đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch, kể cả kế hoạch điều chỉnh bổ sung theo Nghị quyết Trung ương 9 và Quyết định bổ sung của Thủ tướng Chính phủ (riêng doanh nghiệp độc lập, kế hoạch cổ phần hóa 188 doanh nghiệp, thực hiện 192 doanh nghiệp, tăng 2%).

Từ năm 1994 đến hết năm 2005, có 326 doanh nghiệp (202 doanh nghiệp độc lập, 124 bộ phận doanh nghiệp) được cổ phần hóa, tổng vốn nhà nước là 13.778 tỉ đồng, bình quân 42,2 tỉ đồng/doanh nghiệp. Các doanh nghiệp thuộc các tổng công ty trực thuộc Bộ đã được cổ phần hóa chiếm tỷ lệ 13% tổng vốn nhà nước. Con số này tuy chưa lớn, do còn ít các doanh nghiệp lớn tiến hành cổ phần hóa, song vẫn cao hơn tỷ lệ bình quân chung cả nước là 9%.

b – Hoạt động của các doanh nghiệp sau cổ phần hóa

Các doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa hoạt động năng động hơn, tài chính được lành mạnh hơn, đồng thời lao động dồi dư

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp

cũng được sắp xếp hợp lý hơn. Vì vậy, doanh nghiệp hoạt động ổn định và phát triển. Qua khảo sát ở 23 đơn vị đã cổ phần hóa trên 1 năm cho thấy, đều phát triển tốt hơn trước.

+ **Về vốn kinh doanh:** Có 17 doanh nghiệp (chiếm 74%) có vốn kinh doanh tăng lên so với trước khi cổ phần hóa, với mức tăng xấp xỉ 2 lần (Công ty cổ phần Xây lắp Đông Anh, thuộc Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam, sau cổ phần hóa, vốn tăng từ 1,131 tỉ đồng lên 9,516 tỉ đồng, Công ty cổ phần May Vinh Phú vốn trước khi cổ phần hóa có 2,29 tỉ đồng, nay tăng gấp 4 lần...).

+ **Về doanh thu:** Có 73,9% số doanh nghiệp doanh thu tăng hơn trước (Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Điện tử - Tin học Đà Nẵng tăng từ 6 tỉ đồng lên 24 tỉ đồng; Công ty cổ phần Than Tây nam đá mài tăng từ 21 tỉ đồng lên 41 tỉ đồng; Công ty Dụng cụ cơ khí xuất khẩu tăng từ 27 tỉ đồng lên 51 tỉ đồng...).

+ **Về lợi nhuận:** Có 91% số doanh nghiệp có lãi. Nhiều công ty cổ phần đạt cổ tức khá cao: Công ty cổ phần May Bình Minh đạt trên 18%/năm; Công ty cổ phần Bao bì hộp thiếc Cầu Tre đạt 11,6%/năm; đặc biệt, Công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp nhẹ số 2 đạt tới 25%/năm ...

Các doanh nghiệp cổ phần của khối cơ khí, xây dựng cũng đều hoạt động tốt, đặc biệt Công ty cổ phần Dụng cụ Cơ khí xuất khẩu cổ tức đạt tới 40%/năm, vốn điều lệ tăng từ 10 tỉ lên 20 tỉ đồng.

+ **Về nộp ngân sách:** Có trên 52% số doanh nghiệp nộp ngân sách cao hơn trước khi cổ phần hóa. Điển hình là Công ty cổ phần Thương mại Hải Phòng (thuộc Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam) nộp ngân sách tăng từ 47 triệu đồng lên 1,3 tỉ đồng. Tuy nhiên, tỷ lệ nộp ngân sách tăng ít hơn các chỉ tiêu khác, chủ yếu do các doanh nghiệp vẫn đang trong thời gian được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ **Về lao động:** 78% số doanh nghiệp có số lao động tăng hơn trước khi cổ phần hóa, nhất là các doanh nghiệp ngành dệt may

(điển hình là Công ty cổ phần May Hồ Gươm tăng 886 lao động, Công ty cổ phần May Việt Hưng tăng 442 lao động, Công ty cổ phần May Lê Trực tăng 142 lao động,...).

+ Các Tổng Công ty, sau khi tiến hành cổ phần hóa đều làm ăn có lãi. Ở Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam, tất cả các doanh nghiệp đều đạt cổ tức trên 15%/năm (riêng Công ty cổ phần Hạ Long - Thanh Lịch đạt 8%/năm). Tại Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, các đơn vị đều phát triển, cổ tức đạt trên 10%/năm. Ở Tổng Công ty Thép Việt Nam, các doanh nghiệp đều hoạt động thuận lợi và phát triển. Đặc biệt, Công ty cổ phần Thương mại Hải Phòng, vốn điều lệ tăng từ 5 tỉ đồng lên 20 tỉ đồng, dự kiến năm 2005 là 50 tỉ đồng, cổ tức đạt trên 30%/năm. Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam, mặc dù giá vật tư đầu vào tăng, nhưng các đơn vị đều phát triển, sản xuất - kinh doanh có hiệu quả (Công ty cổ phần Bột giặt Lix cổ tức đạt 22%/năm, Công ty cổ phần Bột giặt NET cổ tức đạt 18%/năm. Riêng Công ty cổ phần Phát triển phụ gia và sản phẩm dầu mỏ chỉ đạt cổ tức bằng lãi suất ngân hàng...). Tổng Công ty Dệt - May Việt Nam, các đơn vị đều đạt cổ tức từ 12%/năm trở lên (Công ty cổ phần May Bình Minh và Hưng Long đạt 18%/năm. Riêng Công ty cổ phần May Thăng Long có sa sút do hậu quả của việc giải thể Liên doanh May Bái Tử Long với Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam).

2 - Sự lãnh đạo của Ban Cán sự Đảng Bộ Công nghiệp đối với công tác sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc

a - Quán triệt các nghị quyết của Đảng về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, Nghị quyết Trung ương 9, khóa IX, và Chỉ thị số 01/2003/CT-TTg, ngày 16-01-2003, của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, Ban Cán sự Đảng Bộ Công nghiệp đã thống nhất chủ trương và quyết định thành lập Ban Đổi mới và

Phát triển doanh nghiệp của Bộ, phân công đồng chí thứ trưởng, Phó Bí thư Ban Cán sự làm Trưởng ban. Các đồng chí thứ trưởng khác phụ trách ngành nào cũng trực tiếp chỉ đạo công tác sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp của ngành mình.

Các cơ quan chức năng của Bộ thực hiện việc phối hợp với Công đoàn Công nghiệp Việt Nam tổ chức các lớp tập huấn ở hai miền Nam, Bắc cho cán bộ chủ chốt của chính quyền và công đoàn các tổng công ty và doanh nghiệp về nội dung Nghị quyết Trung ương 3 và Trung ương 9, các nghị định, chỉ thị của Chính phủ về công tác đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước, thu hút trên 900 người tham dự.

Sau khi quán triệt chủ trương về công tác cổ phần hóa, Bộ tổ chức lớp tập huấn về xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, về nghiệp vụ và chính sách với lao động dôi dư khi sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước cho Ban Cán sự Đảng và Đảng ủy các tổng công ty và các doanh nghiệp, cùng đại diện cán bộ chủ chốt và người lao động của các doanh nghiệp.

Mặc dù vậy, nhận thức của một số doanh nghiệp và cá nhân chưa có chuyển biến sâu sắc trong việc đẩy mạnh sắp xếp, nhất là mở rộng diện cổ phần hóa. Việc xây dựng phương án cổ phần hóa và bán cổ phần ở một số doanh nghiệp còn ngại đầu giá ra ngoài, muốn khép kín trong nội bộ doanh nghiệp, việc tổ chức đại hội cổ đông chưa khân trương theo quy định. Trước tình hình đó, Ban Cán sự Đảng Bộ Công nghiệp đã và đang kịp thời chấn chỉnh vấn đề này.

b – Thể chế hóa về công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước

Dưới sự chỉ đạo của Ban Cán sự Đảng, Bộ Công nghiệp đã ban hành một loạt các văn bản quan trọng để triển khai công tác này. Thực hiện Chương trình và kế hoạch hành động của ngành Công nghiệp theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 và 9, khóa IX của Đảng, Bộ ban hành Chỉ thị số 02/2003/CT-BCN, ngày 23-01-2003, Về tiếp

tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả Tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Công nghiệp và Chỉ thị số 09/2004/CT-BCN, ngày 31-3-2004, Về đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 9, khóa IX của Đảng và triển khai thực hiện Luật Doanh nghiệp nhà nước.

Bộ Công nghiệp ban hành nhiều văn bản về thực hiện cổ phần hóa như: Hướng dẫn quy trình cổ phần hóa, hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa; mẫu phương án cổ phần hóa; quy chế tổ chức chọn các nhà thầu tham gia xác định giá trị doanh nghiệp; hướng dẫn tổ chức bán đấu giá cổ phần, hướng dẫn nội dung xác định giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần; ...

Về công tác tổ chức - cán bộ, Ban Cán sự Đảng ban hành văn bản số 124/CV-BCS, ngày 8-1-2004, hướng dẫn việc bố trí cán bộ trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và công ty cổ phần. Đồng thời, Bộ Công nghiệp cũng ban hành Quyết định số 543/QĐ-TCCB, ngày 29-3-2004, về Quy chế làm việc của công chức là ủy viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm tại các tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Bộ. Qua đó, nâng cao trách nhiệm quản lý, bảo toàn và phát triển phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp.

Bộ ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổng công ty trong việc thành lập Ban Đổi mới và Phát triển tại các doanh nghiệp. Trước đây, khi thực hiện Nghị định 64/2002/NĐ-CP, Bộ đã ủy quyền Hội đồng quản trị Tổng công ty 91 thuộc Bộ thành lập Hội đồng xác định giá trị doanh nghiệp có vốn nhà nước dưới 5 tỉ đồng. Việc ủy quyền này đã đề cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị, đồng thời tạo điều kiện để các tổng công ty chủ động hơn khi triển khai thực hiện công tác đổi mới và sắp xếp doanh nghiệp.

Khi thực hiện Nghị định 187/2004/NĐ-CP, Bộ chỉ định cơ quan tài chính trung gian có chức năng xác định giá trị doanh nghiệp

trong danh sách của Bộ Tài chính, để thực hiện xác định giá trị cho doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa; chỉ đạo dành ít nhất 20% vốn điều lệ bán ra ngoài bằng đấu giá để chống bán cổ phần khép kín trong nội bộ doanh nghiệp.

Ban Cán sự Đảng Bộ Công nghiệp đã chỉ đạo các cơ quan chức năng của Bộ tham gia góp ý các văn bản pháp quy do các bộ, ngành dự thảo, đồng thời nghiên cứu vận dụng, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách cho phù hợp với điều kiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ.

c – Chủ động tháo gỡ những khó khăn trong công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước

Nhìn chung, tiến độ thể chế hóa về cơ chế chính sách sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp nhà nước còn chậm, do đó việc triển khai thực hiện sắp xếp doanh nghiệp nhà nước chủ yếu được tập trung triển khai mạnh từ năm 2003 trở lại đây. Một số văn bản đến nay chưa được ban hành, như các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Doanh nghiệp nhà nước (năm 2003), Nghị định của Chính phủ về quản lý mới, tổ chức lại, giải thể công ty nhà nước; về thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với công ty nhà nước; về quy chế quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh đối với công ty nhà nước và quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác; cơ chế sắp xếp cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong doanh nghiệp khi sắp xếp lại doanh nghiệp; mối quan hệ giữa tổng công ty với các công ty cổ phần thành viên...

Các doanh nghiệp đang tiến hành cổ phần hóa còn vướng mắc trong các khâu như: Xác định giá trị doanh nghiệp (giữa sổ sách và thực tế); xác định lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp; xác định lợi nhuận sau thuế bình quân 3 năm trên vốn nhà nước...

Những vấn đề sau cổ phần hóa cũng đang gặp vướng mắc không nhỏ, như việc di chuyển mặt bằng sản xuất ra ngoài khu đô thị (do không được hưởng chính sách ưu đãi về đền bù như khi còn là doanh nghiệp

nhà nước); việc vay vốn ngân hàng phục vụ cho sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển gặp khó khăn hơn (do phải thế chấp, nên nhiều doanh nghiệp thiếu vốn kinh doanh)...

Các công ty có cổ phần chi phối của Nhà nước, theo quy định vẫn là doanh nghiệp nhà nước, thành viên của Tổng công ty và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, tuy được tự chủ cao và năng động hơn nhưng khi muốn phát hành cổ phiếu để tăng vốn, nếu Tổng công ty không có vốn bổ sung hoặc không muốn mất quyền chi phối sẽ không nhất trí, làm ảnh hưởng đến sự phát triển của doanh nghiệp. Ngoài ra, các chính sách về tiền lương của Hội đồng quản trị và cán bộ quản lý, việc giao kế hoạch, chế độ báo cáo thống kê..., chưa có quy định cụ thể, nên các doanh nghiệp còn lúng túng khi thực hiện.

Bên cạnh đó, một số chính sách ban hành còn chưa thống nhất, như việc xác định giá trị, chất lượng còn lại của nhà cửa, vật liệu kiến trúc theo Thông tư số 13/LB-TT, ngày 18-8-1994, của liên Bộ: Xây dựng - Tài chính - Vật giá Chính phủ, với hướng dẫn tại Thông tư số 79/2002/TT-BTC của Bộ Tài chính. Một số chính sách đã ban hành nhưng chưa đi vào cuộc sống, không triển khai thực hiện được như Thông tư số 05/2003/TT-NHNN, ngày 24-2-2003, của Ngân hàng Nhà nước về xử lý nợ tồn đọng của doanh nghiệp nhà nước tại các Ngân hàng Thương mại nhà nước...

Trong thời gian tới, Ban Cán sự Đảng Bộ Công nghiệp sẽ tập trung chỉ đạo các cơ quan chức năng của Bộ và các Tổng công ty, doanh nghiệp trực thuộc làm tốt các công việc sau: Đẩy mạnh tiến độ cổ phần hóa và sắp xếp doanh nghiệp của ngành trong năm 2006 theo kế hoạch đã được phê duyệt; hoàn thành phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Điện tử - Tin học Việt Nam, xem xét tiếp việc sắp xếp và thực hiện cổ phần hóa toàn Tổng công ty theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; triển khai thực hiện đề án Hội đồng quản trị ký hợp đồng thuê Tổng Giám đốc tại Tổng Công ty Thiết bị

kỹ thuật điện, khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; hoàn thành Đề án xây dựng Tập đoàn kinh tế Dầu khí để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Xây dựng Đề án chuyển sang hoạt động theo mô hình “công ty mẹ - công ty con” các Tổng công ty (Thép, Máy và Thiết bị công nghiệp, Máy động lực - Máy nông nghiệp, Xây dựng công nghiệp, Thiết bị kỹ thuật điện) để trình duyệt theo quy định.

Đối với các tổng công ty đã chuyển sang hoạt động theo mô hình Tập đoàn kinh tế hoặc theo mô hình “công ty mẹ - công ty con”, Ban Cán sự chỉ đạo xây dựng lộ trình cổ phần hóa đối với các doanh nghiệp thành viên, thay vì chuyển sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên như trước kia. Rà soát và có lộ trình cụ thể để các doanh nghiệp đã là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (thuộc các tập đoàn hay các tổng công ty hoạt động theo mô hình mẹ - con) chuyển sang thực hiện cổ phần hóa.

Tiếp tục chỉ đạo các cấp chính quyền phối hợp cùng công đoàn ngành công nghiệp Việt Nam khảo sát tình hình phát triển sản xuất kinh doanh, nắm bắt những hạn chế, khó khăn, vướng mắc của các doanh nghiệp sau cổ phần hóa để tổng hợp, đề xuất với Nhà nước có các cơ chế chính sách phù hợp, tạo điều kiện các doanh nghiệp này phát triển ổn định, vững chắc.

3 - Những hạn chế, vướng mắc trong quá trình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước

a - Về nhận thức tư tưởng, một số cán bộ chuyển biến còn chậm, chưa tích cực, kiên quyết trong việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Vẫn còn quan điểm cho rằng, cổ phần hóa nhiều sẽ giảm số đơn vị thành viên, giảm nguồn thu kinh phí và vị thế của tổng công ty ở cấp doanh nghiệp; một số e ngại khi sang công ty cổ phần không còn được các cơ chế ưu đãi của Nhà nước về vay vốn, ưu đãi đầu tư, di chuyển mặt bằng,... nên có tư tưởng kéo dài thời gian còn là doanh nghiệp nhà nước.

b - Về tài chính, một số doanh nghiệp khi xác định giá trị để cổ phần hóa, do bị vướng mắc về tài chính, công nợ dây dưa không giải quyết dứt điểm được, lỗ cộng dồn quá lớn đứng ra phải giải thể, phá sản, song vướng mắc về chính sách tài chính, việc làm của người lao động nên không giải quyết ngay được. Một số doanh nghiệp phải di chuyển mặt bằng sản xuất ra ngoài thành phố, vướng mắc về đối tác liên doanh với nước ngoài nên tiến trình cổ phần hóa bị chậm tiến độ, nhất là các doanh nghiệp thuộc ngành da giày, khoáng sản, dệt nhuộm,...

c - Những doanh nghiệp trong diện sắp xếp thường là doanh nghiệp vừa và nhỏ, thiết bị công nghệ chưa được đầu tư đổi mới, sức cạnh tranh yếu,... do đó khi cổ phần hóa không hấp dẫn đối với người mua cổ phần.

d - Chỉ thị số 01/2003/CT-TTg, ngày 16-01-2003, của Thủ tướng Chính phủ quy định những doanh nghiệp có vốn trên 5 tỉ đồng, đang sản xuất kinh doanh có lãi, cổ phần hóa lần đầu Nhà nước giữ cổ phần 51%. Do đó, số lượng cổ phần chi phối nhiều (trong số 326 đơn vị đã cổ phần hóa có 167 doanh nghiệp cổ phần chi phối, chiếm 51%). Vì vậy, số cổ phần còn lại không đủ để bán ưu đãi đối với người lao động và không còn cổ phần bán ra ngoài. Đó cũng là nguyên nhân cơ bản gây ra hiện tượng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp, như báo chí đã nêu.

e - Do công ty có cổ phần chi phối của Nhà nước vẫn là doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty, nhưng cơ chế quản lý, mối quan hệ của Tổng công ty với các công ty cổ phần thành viên này chưa rõ ràng, như giao kế hoạch, chế độ báo cáo thống kê, xếp hạng doanh nghiệp, chính sách tiền lương cho cán bộ quản lý doanh nghiệp và người được cử quản lý vốn nhà nước,... nên còn hiện tượng Tổng công ty can thiệp hành chính vào hoạt động của công ty cổ phần.

(Xem tiếp trang 17)

ĐỂ NƯỚC TA SỚM TRỞ THÀNH MỘT TRUNG TÂM DU LỊCH CÓ TẦM CỠ TRONG KHIU VỰC

VÕ THỊ THẮNG *

QUA 20 năm đổi mới, ngành du lịch đã nỗ lực vượt qua khó khăn, huy động nội lực và tranh thủ nguồn lực quốc tế để nâng cao năng lực hoạt động, đạt được những thành tựu quan trọng cả trong đổi mới tư duy và đổi mới “cách làm” du lịch.

Về đổi mới tư duy phát triển du lịch, các văn kiện Đại hội lần thứ VI, VII, VIII, IX, X của Đảng và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, của Chính phủ đã chỉ rõ du lịch là “ngành kinh tế quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội” và “là ngành kinh tế tổng hợp quan trọng có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hóa cao, vì vậy phát triển du lịch là nhiệm vụ và trách nhiệm của các ngành, các cấp, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội;... là một hướng chiến lược quan trọng trong đường lối phát triển kinh tế- xã hội của Đảng và Nhà nước”⁽¹⁾. Đây là kết quả của sự khảo cứu lý luận và tổng kết thực tiễn hoạt động du lịch trong nước và quốc tế; là định hướng và quan điểm rất quan trọng chỉ đạo sự phát triển du lịch Việt Nam trong thời gian qua.

Do đổi mới mạnh về tư duy, nên cách “làm” du lịch từng bước được đổi mới toàn diện. Các cơ chế, chính sách phát triển du lịch được hình thành, tạo môi trường cho du

lịch phát triển. Chiến lược phát triển du lịch giai đoạn 2001 - 2010 và Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch giai đoạn 1995 - 2010 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; quy hoạch 3 vùng và các trọng điểm du lịch được xây dựng; 58 tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương đã có quy hoạch phát triển du lịch. Các loại quy hoạch này đã và đang được điều chỉnh phù hợp với diễn biến tình hình và yêu cầu của sự phát triển.

Chủ trương, chính sách phát triển du lịch của Đảng và Nhà nước được thể chế hóa bằng các văn bản quy phạm pháp luật. Luật Du lịch, văn bản pháp lý cao nhất, đã được Quốc hội, khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua, có hiệu lực từ 01-01-2006. Pháp lệnh xuất, nhập cảnh, cư trú, đi lại và các văn bản liên quan khác được các ngành liên quan rà soát, sửa đổi bổ sung; thủ tục nhập, xuất cảnh, cư trú, đi lại, hải quan liên tục được cải tiến, đã áp dụng miễn thị thực đơn phương hoặc song phương cho công dân Nhật Bản, Hàn Quốc, 4 nước Bắc Âu và các nước ASEAN. Khách vào nước ta thuận tiện hơn trước; kinh doanh

* Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch, Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo Nhà nước về Du lịch

(1) Xem: *Chỉ thị 46/TC- TW*, ngày 14-10-1994, của Ban Bí thư

du lịch đã có hành lang pháp lý tương đối đủ bảo đảm hoạt động thuận lợi và quản lý tốt.

Chương trình hành động quốc gia về du lịch 2000 - 2005 triển khai có kết quả đã tạo ra sự chuyển biến nhiều mặt, từ phát triển sản phẩm đến tuyên truyền quảng bá, từ nâng cao nhận thức về du lịch và chuyển hóa thành hành động thiết thực trong phát triển du lịch đến tăng cường năng lực quản lý du lịch, từ đào tạo phát triển nhân lực đến giáo dục du lịch toàn dân, làm cho hoạt động du lịch sôi động và phong phú thêm, hình ảnh du lịch Việt Nam được hình thành, củng cố và ngày một nâng cao ở cả trong và ngoài nước. Chương trình hành động quốc gia về du lịch 5 năm tới (2006 - 2010) đang trong quá trình phê duyệt.

Trong 20 năm đổi mới, ngành du lịch đã huy động ngày một nhiều nguồn lực cho đầu tư phát triển, nhất là phát triển kết cấu hạ tầng và nguồn nhân lực cho du lịch. Đặc biệt trong 5 năm qua, Nhà nước đã đầu tư 2.146 tỉ đồng vốn ngân sách hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng du lịch. Lượng “vốn mồi” này đã được sử dụng đúng mục đích và hiệu quả, khuyến khích các địa phương thu hút hàng nghìn tỉ đồng đầu tư hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật cho du lịch. Lợi thế về hạ tầng và điều kiện kinh tế - xã hội của các khu kinh tế mở, các vùng kinh tế trọng điểm được chú trọng khai thác để phát triển du lịch. Nhờ thế, cơ sở vật chất - kỹ thuật của du lịch, đặc biệt là cơ sở lưu trú phát triển nhanh, có khả năng đón được hàng triệu khách quốc tế và nội địa, phục vụ được các sự kiện, hội nghị quốc tế lớn. Hoạt động du lịch thu hút sự tham gia của các thành phần kinh tế; hệ thống kinh doanh du lịch đang được sắp xếp, đổi mới để nâng cao năng lực cạnh tranh và làm ăn có hiệu quả.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch có bước chuyển biến quan trọng. Cơ sở đào tạo, đội ngũ giáo viên, chương trình, giáo trình, phương pháp đào tạo được đổi mới, góp phần tích cực trong đào tạo

mới, đào tạo lại và bồi dưỡng nguồn nhân lực cho ngành. Công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ được chú trọng. Những tiến bộ và cố gắng nêu trên đã góp phần tích cực vào việc hình thành và phát triển đội ngũ lao động ngày càng tăng về số lượng, nâng cao về chất lượng và hợp lý hóa về cơ cấu.

Hiệu quả chiều sâu về nhiều mặt của du lịch ngày càng rõ nét. Ở đâu du lịch phát triển, ở đó diện mạo đô thị, nông thôn được chỉnh trang, sạch đẹp hơn, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Sức lan tỏa của hoạt động du lịch sang các ngành và các vùng miền khác rất mạnh, tạo ra khả năng tiêu thụ tại chỗ cho hàng hóa và dịch vụ, thúc đẩy các ngành khác phát triển; mỗi năm, hàng chục lễ hội truyền thống được khôi phục, tổ chức dân đi vào nền nếp và lành mạnh, phát huy được thuần phong mỹ tục. Nhiều làng nghề thủ công truyền thống được khôi phục và phát triển, tạo thêm các điểm du lịch, sản xuất hàng lưu niệm, thủ công mỹ nghệ bán cho khách, nhân dân có thêm việc làm và thu nhập; góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế cả nước và từng địa phương, tăng thu nhập, xóa đói giảm nghèo và nhiều hộ dân ở không ít địa phương đã giàu lên nhờ làm du lịch. Du lịch phát triển đã tạo thêm nguồn thu để tôn tạo, trùng tu các di tích và nâng cao ý thức, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư giữ gìn, phát triển di sản văn hóa. Tuyên truyền, quảng bá du lịch ở nước ngoài và tại chỗ trong nước đã truyền tải được giá trị văn hóa dân tộc đến bạn bè quốc tế, khách du lịch và nhân dân.

Điều quan trọng hơn cả là du lịch đã góp phần phát triển yếu tố con người trong công cuộc đổi mới. Hoạt động du lịch đã tạo ra trên 75 vạn việc làm trực tiếp và gián tiếp cho các tầng lớp dân cư, góp phần nâng cao dân trí, đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; mở rộng giao lưu giữa các vùng trong nước và với nước ngoài; đã thực hiện

tốt vai trò ngoại giao nhân dân với chức năng “sứ giả” của hòa bình, góp phần hình thành, củng cố môi trường cho nền kinh tế mở, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ quốc tế đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ chỗ chưa có vị thế trên trường quốc tế, Du lịch Việt Nam đã vươn lên, tham gia chủ động dần trong hội nhập du lịch quốc tế; thiết lập và mở rộng quan hệ hợp tác du lịch nhiều mặt với các nước láng giềng, các nước trong khu vực và thế giới; ký 27 hiệp định hợp tác du lịch song phương với những nước là thị trường du lịch trọng điểm và đầu mối giao lưu quốc tế; đã có quan hệ bạn hàng với trên 1.000 hãng, trong đó có nhiều hãng lớn, của hơn 60 nước và vùng lãnh thổ. Du lịch nước ta là thành viên của Tổ chức Du lịch thế giới, của Hiệp hội Du lịch châu Á - Thái Bình Dương, của Hiệp hội Du lịch Đông - Nam Á và phát huy được vai trò, khai thác tốt quyền lợi hội viên. Đã ký Hiệp định hợp tác du lịch đa phương 10 nước ASEAN; tham gia chủ động hơn trong hợp tác du lịch tiểu vùng, khu vực, liên khu vực và thế giới. Nhờ thế đã tranh thủ được vốn, kinh nghiệm, công nghệ, nguồn khách để phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh quảng bá và hội nhập kinh tế quốc tế, chủ động gắn kết với du lịch khu vực và thế giới. Tính chủ động hội nhập cũng được thể hiện rõ trong việc thực hiện chủ trương dựa vào lợi thế so sánh (như văn hóa, ẩm thực, nguyên liệu, lao động rẻ...) đầu tư ra nước ngoài, chủ yếu là kinh doanh ăn uống ở các nước láng giềng, Nhật Bản, Đức và Hoa Kỳ.

Tất cả những cố gắng và thành tựu nêu trên đã tạo ra thế và lực cho du lịch nước ta. Nhờ thế, ngành du lịch đã có những bước tiến bộ vượt bậc trong tổ chức đón ngày càng nhiều khách nước ngoài đến Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài về thăm Tổ quốc và nhân dân đi du lịch trong và ngoài nước. Từ 1986 đến 1990, lượng khách quốc tế và nội địa hàng năm còn rất nhỏ. Nhưng

giai đoạn 1990 - 2000 có thể khẳng định là giai đoạn “bứt phá” trong tăng trưởng khách và thu nhập. Khách quốc tế tăng trên 9 lần, từ 250 nghìn lượt (năm 1990) lên 2,05 triệu lượt (năm 2000); khách nội địa tăng 11 lần, từ 1 triệu lượt lên 11 triệu lượt; thu nhập du lịch tăng gần 13 lần từ 1.350 tỉ đồng lên 17.400 tỉ đồng. Năm năm gần đây (2001 - 2005), tuy phải đối mặt với rất nhiều khó khăn như chiến tranh, khủng bố, dịch SARS và cúm gia cầm, nhưng do áp dụng các biện pháp táo bạo tháo gỡ kịp thời, nên lượng khách và thu nhập du lịch hàng năm vẫn tiếp tục tăng trưởng 2 con số. Khách quốc tế năm 2001 đạt 2,33 triệu lượt, năm 2005 đạt 3,43 triệu. Khách nội địa năm 2001 đạt 11,7 triệu lượt; năm 2005 đạt 16,1 triệu lượt. Du lịch phát triển đã góp phần tăng tỷ trọng GDP của ngành dịch vụ (riêng GDP du lịch hiện chiếm khoảng 4% GDP cả nước, theo cách tính của WTO thì con số này là 9%). Du lịch là một trong ít ngành kinh tế nước ta mang lại nguồn thu 2 tỉ USD/năm. Hơn 10 năm trước, Du lịch Việt Nam đứng vào hàng thấp nhất khu vực, nhưng đến nay khoảng cách này đã được rút ngắn, đã đuổi kịp và vượt Phi-líp-pin, chỉ còn đứng sau Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan và In-đô-nê-xi-a. Theo WTO, hiện nay Việt Nam là một trong những nước có tốc độ tăng trưởng du lịch cao nhất khu vực và thế giới. Năm 2004, Du lịch Việt Nam được Hội đồng Du lịch và Lữ hành thế giới xếp thứ 7 thế giới về tăng trưởng lượng khách trong số 174 nước.

Trong 20 năm đổi mới, Du lịch Việt Nam đã có những bước đi dài cả ở cấp độ chiến lược và tác nghiệp, cơ bản thực hiện được các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao cho. Hoạt động du lịch rất sôi động, có bước phát triển vượt bậc, nhưng vẫn giữ được an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và nhanh chóng thu hẹp khoảng cách với các nước có du lịch phát triển trong khu vực, mang lại hiệu quả nhiều mặt, thu hút nhiều lao động, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu

kinh tế, tạo ra nhiều giá trị mới và nguồn thu cho đất nước, góp phần tích cực vào công cuộc đổi mới, hội nhập khu vực và thế giới của đất nước. Du lịch nước ta đã hội đủ và đang hoàn thiện điều kiện cần có của một ngành kinh tế mũi nhọn.

Những thành công nổi bật trên đây do nhiều nguyên nhân, trước hết, *nguyên nhân khách quan* là: trong thời gian qua, tình hình thế giới có những biến đổi sâu sắc với những bước nhảy vọt chưa từng thấy về khoa học và công nghệ. Kinh tế tri thức đang có vai trò ngày càng nổi bật trong phát triển lực lượng sản xuất. Toàn cầu hóa là một xu thế khách quan, ngày càng có nhiều nước tham gia, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là một xu thế lớn phản ánh nguyện vọng và đòi hỏi của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc. Trong bối cảnh đó, nhu cầu du lịch tăng mạnh, du lịch thế giới phát triển nhanh với xu thế chuyển dần sang khu vực Đông Á - Thái Bình Dương, đặc biệt là khu vực Đông - Nam Á. Đây thực sự là một cơ hội tốt cho du lịch nước ta phát triển.

Nguyên nhân chủ quan cần phải kể đến là chính sách và thành tựu đổi mới, mở cửa hội nhập của Đảng và Nhà nước đã, đang và sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho du lịch phát triển. Hệ thống pháp luật hoàn thiện dần, tạo cơ sở pháp lý toàn diện hơn cho hoạt động du lịch. Ban chỉ đạo Nhà nước về du lịch điều phối hiệu quả các hoạt động du lịch của các cấp, các ngành, giải quyết kịp thời các vướng mắc trong hoạt động du lịch. Chương trình hành động quốc gia về du lịch được triển khai kết quả, tạo tiền đề và chuyển biến về chất trên diện rộng cho ngành du lịch. Sự phối kết hợp liên ngành, liên vùng chặt chẽ đã tạo ra sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của các cấp, các ngành, các tầng lớp xã hội; giải phóng và phát huy được nguồn lực trong nước, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia hoạt động du lịch, tranh thủ được hỗ trợ quốc tế, làm cho hoạt động du lịch trở nên sôi động, tiến bộ hơn.

Nhà nước đã chú trọng đầu tư xây dựng mới và nâng cấp kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác các tiềm năng du lịch to lớn của đất nước, tăng khả năng giao lưu giữa các vùng và phát triển các tuyến, điểm tham quan du lịch. Đời sống nhân dân được cải thiện, nhu cầu du lịch nội địa tăng nhanh. Nước ta lại có chế độ chính trị ổn định, an ninh bảo đảm, là điểm du lịch còn mới trên bản đồ du lịch thế giới với tiềm năng tài nguyên du lịch đa dạng và phong phú, được bình chọn là điểm du lịch thân thiện, an toàn, hấp dẫn trong khu vực, là điều kiện bảo đảm cho du lịch phát triển nhanh và bền vững 20 năm qua.

Điều quan trọng góp phần không nhỏ vào thành tựu của ngành du lịch trong những năm qua phải kể đến là sự kế thừa truyền thống 45 năm và sự nỗ lực phấn đấu, kiên trì vượt qua khó khăn, năng động, sáng tạo của cán bộ, nhân viên toàn ngành du lịch, từ Tổng cục Du lịch đến các đơn vị sự nghiệp, các sở quản lý du lịch ở 64 tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương, các doanh nghiệp đã chuyển biến cả nhận thức và hành động, thích nghi dần cơ chế mới, từng bước hội nhập chủ động với du lịch và thế giới. Đặc biệt là sự hưởng ứng của nhân dân đã làm cho sự nghiệp phát triển du lịch ngày càng được xã hội hóa.

Tuy đạt được những kết quả đáng kể nêu trên, nhưng các chỉ tiêu chủ yếu về lượng khách và thu nhập mà ngành du lịch đạt được so với một số quốc gia có du lịch phát triển trong khu vực vẫn còn có khoảng cách. Tổ chức bộ máy, nhân sự của ngành chưa tương xứng với vai trò, vị trí và nhiệm vụ chính trị của một ngành kinh tế mũi nhọn. Cơ chế, chính sách phát triển còn có mặt hạn chế, bất cập, thiếu đồng bộ; xây dựng và quản lý quy hoạch còn nhiều việc phải làm. Đầu tư kết cấu hạ tầng, xúc tiến quảng bá và đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực mới đáp ứng được một phần yêu cầu phát triển;

chất lượng sản phẩm, dịch vụ du lịch và sức cạnh tranh chưa cao. Những hạn chế này cần được giải quyết khẩn trương trong tiến trình phát triển du lịch nhanh và bền vững

Thời gian tới, Du lịch Việt Nam phát triển với vai trò một ngành kinh tế mũi nhọn; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động trên cơ sở khai thác lợi thế và điều kiện tự nhiên, sinh thái, truyền thống văn hóa lịch sử, đáp ứng nhu cầu du lịch trong nước và phát triển nhanh du lịch quốc tế, sớm đạt trình độ phát triển du lịch của khu vực. Phát triển du lịch trong giai đoạn 2006 - 2010 phải được coi là khâu đột phá quan trọng để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng thu ngoại tệ, rút ngắn khoảng cách tụt hậu và tăng cường hội nhập quốc tế. Từ định hướng chiến lược đó, Du lịch Việt Nam xác định phần đầu từ nay đến năm 2020 sẽ sớm đứng vào nhóm các nước có ngành du lịch phát triển hàng đầu khu vực. Năm 2010 đón 5,5 - 6 triệu lượt khách quốc tế, tăng ba lần so với năm 2000, nhịp độ tăng trưởng bình quân 11,4%/năm và 25 triệu lượt khách nội địa, tăng hơn hai lần so với năm 2000; thu nhập du lịch đạt 4 - 4,5 tỉ USD, đưa tổng sản phẩm du lịch (GDP) năm 2010 đạt 6,5% GDP của cả nước (khoảng 14 % theo cách tính của Tổ chức Du lịch thế giới).

Để thực hiện các mục tiêu trên, toàn ngành tập trung làm chuyển biến mạnh mẽ các lĩnh vực chủ yếu là: tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách và luật pháp về du lịch; củng cố và mở rộng thị trường du lịch nội địa và quốc tế; phát triển sản phẩm; tăng cường xúc tiến, tuyên truyền quảng bá; đẩy mạnh đầu tư phát triển; kiện toàn bộ máy và chú trọng đào tạo phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu ứng dụng khoa học - công nghệ; bảo vệ, tôn tạo và phát triển tài nguyên, môi trường du lịch; chủ động mở rộng hợp tác quốc tế. Tích cực triển khai các dự án cụ thể trên các địa bàn trọng điểm chiến lược nhằm

đẩy nhanh phát triển du lịch bền vững ở cả 3 vùng du lịch Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ - Nam Bộ. Mỗi vùng, dựa trên thế mạnh, tiềm năng du lịch và điều kiện phát triển, xây dựng những sản phẩm đặc trưng, tạo thành hệ thống sản phẩm du lịch đa dạng đặc sắc cho từng vùng và cả nước, đủ sức cạnh tranh, tăng sức hấp dẫn thu hút khách.

Đầu tư cho du lịch là đầu tư phát triển vì vậy cần tăng mức đầu tư từ ngân sách nhà nước tương xứng với một ngành kinh tế mũi nhọn, thu hút mạnh đầu tư nước ngoài, huy động nguồn vốn trong dân, trong các thành phần kinh tế để xây dựng 4 khu du lịch tổng hợp và 18 khu du lịch chuyên đề quốc gia, tôn tạo nâng cấp các đô thị du lịch. Bên cạnh đó, ưu tiên đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, nâng cấp và cải tiến thủ tục đón khách tại cửa khẩu quốc tế để thúc đẩy nhu cầu du lịch ngày càng gia tăng; đồng thời tăng cường năng lực và hiệu lực quản lý nhà nước về du lịch từ trung ương đến địa phương; phát triển nguồn nhân lực du lịch đồng bộ về cơ cấu, số lượng và chất lượng. Những giải pháp nêu trên cần được triển khai đồng bộ từ trung ương đến địa phương, với sự tham gia của toàn xã hội, trong đó ngành du lịch phải đi đầu làm nòng cốt.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo của Chính phủ và Ban chỉ đạo Nhà nước về du lịch, với sự phối kết hợp thường xuyên, đồng bộ của các cấp, các ngành, các địa phương, có những bước đi phù hợp và cách làm quyết liệt, tập trung nguồn lực đúng mức, với sự cố gắng nỗ lực của toàn ngành, với đà phát triển và thành tựu đã tạo ra được trong 20 năm đổi mới, nếu tổ chức, bộ máy của ngành du lịch được kiện toàn và nâng cấp, cơ quan quản lý nhà nước về du lịch ở trung ương đủ mạnh, nhất định Du lịch Việt Nam sẽ phát triển với quy mô, tốc độ và hiệu quả cao hơn, đạt được thành tựu lớn hơn, sớm đưa nước ta trở thành một trung tâm du lịch có tầm cỡ trong khu vực. □



CHỦ NGHĨA MÁC - LÊ-NIN: NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN NGHIÊN CỨU HIỆN NAY

HOÀNG CHÍ BẢO *

NÓI tới chủ nghĩa Mác - Lê-nin là nói tới thế giới quan, hệ tư tưởng và phương pháp luận của giai cấp công nhân và đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, tiến tới xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, thực hiện lý tưởng và mục tiêu cộng sản chủ nghĩa. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã có lịch sử trên 150 năm, trải qua nhiều giai đoạn phát triển khác nhau, gắn liền với lịch sử đấu tranh của giai cấp công nhân và phong trào công nhân, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Sự phát triển lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin từ khi ra đời tới nay còn gắn liền với các cuộc cách mạng vô sản mà tiêu biểu nhất là Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga năm 1917 - cuộc cách mạng mở ra một thời đại mới trong lịch sử loài người, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã trở thành nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam hành động không chỉ đối với các Đảng Cộng sản cầm quyền, đối với giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở các nước xã hội chủ nghĩa đã và đang xây dựng chủ nghĩa xã hội trong

nhieu thập kỷ nay, mà còn đối với các Đảng Cộng sản và công nhân trên thế giới trong cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Lịch sử hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin còn là lịch sử của cuộc đấu tranh nhằm chống lại chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa cơ hội đủ loại với mưu toan xuyên tạc bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, hòng hạ thấp tầm vóc và ý nghĩa của nó, tiến tới phủ nhận và từ bỏ nó trong đời sống ý thức xã hội và trong thực tiễn phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên toàn thế giới.

Cuộc đấu tranh đó càng trở nên phức tạp và gay gắt hơn trong bối cảnh hiện nay, khi chủ nghĩa xã hội hiện thực chưa ra khỏi cuộc khủng hoảng, phong trào cách mạng thế giới đang lâm vào thoái trào sau sự đổ vỡ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, hệ thống xã hội chủ nghĩa tan rã, trật tự thế giới thay đổi, toàn cầu hóa kinh tế mang tính chất tư bản chủ nghĩa và cách mạng khoa

* GS, TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

học - công nghệ đang tác động mạnh mẽ tới tất cả các khu vực, các quốc gia - dân tộc.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa xã hội đang đứng trước những thách thức to lớn và trước những đòi hỏi bức xúc của *đổi mới để phát triển*. Việc nhận thức lại chúng *trên quan điểm đổi mới, phát triển, sáng tạo và hiện đại* nhằm làm sáng tỏ bản chất khoa học và cách mạng của chúng có một tầm quan trọng đặc biệt, có ý nghĩa sống còn đối với những người cộng sản và các Đảng Cộng sản trên thế giới, cũng như đối với tương lai, triển vọng của chủ nghĩa xã hội và đối với công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay ở nước ta.

Thực tiễn và kinh nghiệm cho thấy: Khi nào nhận thức đúng đắn và vận dụng sáng tạo bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào thực tiễn thì phong trào cách mạng phát triển và thu được thành tựu to lớn. Khi nào phạm sai lầm giáo điều, chủ quan, duy ý chí, xa rời bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin thì cách mạng lâm vào khó khăn, lý luận bị xơ cứng, lạc hậu và phong trào cách mạng sẽ bị trì trệ, khủng hoảng, thậm chí gặp tổn thất lớn và thất bại.

Những khuynh hướng, quan điểm và thái độ khác nhau giữa bảo vệ và xuyên tạc bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin diễn ra không chỉ trong nội bộ phong trào công nhân, phong trào cộng sản quốc tế và trong các Đảng Cộng sản ở các nước, mà còn trong sự đấu tranh giữa các lực lượng đối lập, giữa cách mạng và phản cách mạng, giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, giữa những người mác-xít chân chính và những kẻ giả danh mác-xít.

Đảng ta, qua 20 năm đổi mới đã nhất quán lập trường có tính nguyên tắc là kiên trì sự lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của

Đảng và của nhân dân ta, là kim chỉ nam cho hành động của cách mạng Việt Nam.

Việc nghiên cứu một cách *cơ bản và hệ thống*, làm sáng tỏ bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin chẳng những cần thiết cho việc đổi mới nhận thức, phát triển lý luận, mà còn cung cấp những luận chứng khoa học đáng tin cậy làm cơ sở cho việc hoạch định đường lối, chính sách của Đảng, góp phần thúc đẩy sự nghiệp đổi mới tới thắng lợi, tham gia vào cuộc đấu tranh tư tưởng - lý luận nhằm bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, phát huy sức sống và ảnh hưởng của nó trong tiến trình phát triển của cách mạng.

Khái niệm “bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác- Lê-nin” được sử dụng từ lâu trong lịch sử nghiên cứu, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin, trong hoạt động tư tưởng, lý luận và trong đường lối chính trị của các Đảng Cộng sản, trong phong trào cách mạng của nhiều nước trên thế giới. Thuật ngữ khoa học này thường được diễn đạt bằng nhiều cách khác nhau. Có khi nó được diễn đạt là *tính đảng và tính khoa học, tính cách mạng và tính khoa học*, hoặc *chủ nghĩa duy vật khoa học và thực tiễn cách mạng...*

Về vấn đề này, đã có lần V. I. Lê-nin chỉ quy vào một từ, đó là *phép biện chứng*. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh giá trị, sức sống của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, cho rằng, cái bản chất, cốt lõi của nó mà những người cách mạng phải nắm vững là *tinh thần và phương pháp* để nhận thức thế giới và cải tạo thế giới.

Trong các văn kiện chính trị và sách báo lý luận, chúng ta thường thấy cách diễn đạt, trình bày một cách phổ biến về bản chất chủ nghĩa Mác - Lê-nin là: trước hết, nhấn mạnh đến *cách mạng*, sau đó mới là *khoa học* trong cụm từ “bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin”.

Chúng tôi cho rằng, *cần phải nhận thức lại vấn đề này*. Nghiên cứu một học thuyết,

một chủ nghĩa, trước hết là nhận thức, tiếp cận chân lý, nắm lấy thuộc tính bản chất của đối tượng, phát hiện quy luật chi phối sự vận động và xu hướng phát triển của nó. Chỉ trên cơ sở ấy mới có thể bàn tới giá trị, ý nghĩa cách mạng của học thuyết, chủ nghĩa mà chúng ta nghiên cứu.

Có thể nói, khoa học là cơ sở, là tiền đề lý luận của cách mạng. Cách mạng là hệ quả tất yếu nảy sinh từ thực tiễn và khoa học. Từ nhận thức khoa học, đi tới hành động cách mạng. Từ nhận thức đúng đắn, chân thực thế giới khách quan, đi tới cải tạo thế giới.

Làm sáng tỏ vấn đề và những mối liên hệ nêu trên chẳng những góp phần đổi mới tư duy lý luận, trau dồi năng lực tư duy lý luận sáng tạo trong nghiên cứu, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, mà còn xác lập cơ sở khoa học thực tiễn đúng đắn cho việc giải quyết các vấn đề mà thực tiễn đặt ra trong đổi mới và phát triển hiện nay.

Di sản mà các nhà kinh điển để lại cho hậu thế thật là đồ sộ, bao quát nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống hiện thực. Đã có không ít công trình của các học giả trong nước và ngoài nước đề cập tới những khía cạnh khác nhau của vấn đề này. Theo chúng tôi, để làm rõ bản chất, đặc điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, cần tổ chức tốt lực lượng chuyên gia, tập trung nghiên cứu một cách có hệ thống các vấn đề sau đây:

Thứ nhất, nghiên cứu lịch sử hình thành và các giai đoạn phát triển từ chủ nghĩa Mác đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin, trong đó cần chú ý đến “giai đoạn Lê-nin trong sự phát triển của chủ nghĩa Mác”.

Thứ hai, nghiên cứu nội dung lý luận trong từng bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác.

Thứ ba, nghiên cứu di sản của V.I. Lê-nin và những đóng góp của ông trong sự truyền bá, vận dụng, phát triển chủ nghĩa Mác cũng như trong sự phát triển từ chủ nghĩa Mác đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Thứ tư, nghiên cứu mối tương quan giữa chủ nghĩa Mác với chủ nghĩa xã hội khoa học - theo cả nghĩa rộng và hẹp.

Thứ năm, nghiên cứu mối tương quan giữa chủ nghĩa Mác - Lê-nin với chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Thứ sáu, nghiên cứu lịch sử phép biện chứng mác-xít.

Thứ bảy, nghiên cứu các tác phẩm cụ thể của các nhà kinh điển và của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thứ tám, nghiên cứu tác phẩm và chùm tác phẩm theo chủ đề và theo giai đoạn.

Thứ chín, nghiên cứu mối quan hệ giữa khoa học và cách mạng, cách mạng và khoa học trong chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Thứ mười, nghiên cứu các mối quan hệ giữa thế giới quan - phương pháp luận - hệ tư tưởng, giữa lý luận và phương pháp, giữa lý luận và tổng kết thực tiễn để phát triển lý luận và dự báo khoa học.

Nhận thức đúng bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, làm sáng tỏ chân giá trị và sức sống của nó trong tình hình hiện nay là một vấn đề *không đơn giản*. Ở đây, có không ít trở lực cần vượt qua như nhận thức *giáo điều* đối với chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Sự phong phú của tư tưởng và sự sâu sắc, uyên bác của trí tuệ khoa học thể hiện trong các tác phẩm kinh điển đã bị giản lược hóa, làm nghèo nàn đi, thậm chí bị thông tục và tầm thường hóa. Những giá trị khoa học gắn liền với năng lực sáng tạo cũng như tư tưởng nói chung của các ông đã từng bị diễn giải một cách cứng nhắc, khuôn sáo và hình thức. Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác được *hình thành và phát triển* trong một quá trình lâu dài, thể hiện sự kết hợp hữu cơ giữa nghiên cứu lý luận nghiêm túc với tổng kết thực tiễn đấu tranh chính trị một cách công phu, với tất cả sự phong phú của kinh nghiệm lịch sử, dũng khí phê phán và tự phê phán, tính nhất quán, triệt để về quan điểm và phương pháp, về tư tưởng và

học thuật của các nhà kinh điển nhiều khi đã bị làm lu mờ đi.

Trong lịch sử chủ nghĩa Mác từng diễn ra hai tình huống:

Một là, những kẻ thù đủ mọi loại của chủ nghĩa Mác thường xuyên tạc, phê phán, bác bỏ C. Mác một cách có dụng ý, thậm chí để chống C. Mác, nhiều khi chúng phải khoác áo mác-xít. Điều đó, theo V. I. Lê-nin, chỉ càng nói lên giá trị, sức sống của chủ nghĩa Mác.

Hai là, những người gọi là “mác-xít” theo đuôi chủ nghĩa Mác, ra sức truyền bá và thực hành tư tưởng của chủ nghĩa Mác, tưởng như tất cả đều trung thành và bảo vệ C. Mác nhưng trong thực tế, không ít người đã làm *mất tín nhiệm*, làm *tổn thương giá trị* của chủ nghĩa Mác, dù là không tự giác, do thiếu hiểu biết khoa học, do bị cầm tù bởi chủ nghĩa giáo điều. Họ đã vô tình biến tư tưởng khoa học thành những giáo điều, tín điều bất biến, tạo ra những rào chắn mọi khả năng tìm tòi sáng tạo. Học thuyết khoa học và cách mạng bị họ làm cho mất sinh khí lý luận và thực tiễn vốn có của nó.

Để khắc phục tình trạng đó, cần bảo đảm tự do tư tưởng trong nghiên cứu, khuyến khích những nghiên cứu sáng tạo trong Đảng, trong xã hội. Nói tóm lại, phải xác lập thái độ, tinh thần và phương pháp khoa học đối với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nghĩa là nghiên cứu, tiếp cận nó trên mảnh đất hiện thực, như Ph. Ăng-ghe-n đã đòi hỏi.

Cũng ở đây, có một tình huống có vấn đề về thuật ngữ *chủ nghĩa Mác - Lê-nin* - thuật ngữ liên quan đến quan điểm và cách giải thích của Sta-lin. Cần hiểu như thế nào về mối liên hệ giữa “chủ nghĩa Mác” và “chủ nghĩa Lê-nin”? Vì vậy, vấn đề về sự trung thành với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vốn được coi là một nguyên tắc tư tưởng của Đảng Cộng sản, cần được làm sáng tỏ hơn. Ở đây, sự trung thành được hiểu là trung thành với phẩm chất khoa học và cách mạng của chủ

nghĩa Mác - Lê-nin trên tinh thần độc lập, sáng tạo, có nghiên cứu, chứ không phải là trung thành một cách giáo điều.

Rõ ràng, phải có những nghiên cứu công phu cả về lịch sử và lý luận chủ nghĩa Mác mới đủ sức cắt nghĩa điều đó, mới nhận ra diện mạo chân thực của Mác và chủ nghĩa mang tên ông.

Trong nghiên cứu lý luận hiện nay, *có thể cần* nhận thức lại nhiều điều mà từ bấy lâu nay vẫn được xem là đã rõ ràng, sáng tỏ, nhưng thực tế không hẳn là như vậy. Chẳng hạn, *về cách hiểu các nguồn gốc hình thành chủ nghĩa Mác*, ngoài ba nguồn gốc trực tiếp được các nhà kinh điển kế thừa có chọn lọc, có phê phán, còn biết bao thành tựu tư tưởng, lý luận, khoa học khác đã được các ông thu thái, phát triển để làm nên những tinh hoa tư tưởng ở thời đại mình.

Hoặc, một vài khía cạnh lý luận có quan hệ trực tiếp đến những kiến giải về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội như:

- Lý luận về *sở hữu*, về xóa bỏ chế độ tư hữu được coi như một tóm tắt lý luận của những người cộng sản trong “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”. Liệu *sở hữu xã hội* (chế độ công hữu), được coi là đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội, có tách rời khỏi *sở hữu cá nhân* với tư cách là *sở hữu của người sản xuất hay không*? *Sở hữu cá nhân* có phải chỉ là *sở hữu về tư liệu tiêu dùng*, của cải, tài sản cho sinh hoạt của anh ta như vẫn hiểu bấy lâu nay, hay nó phải là *sở hữu cá nhân về tư liệu sản xuất*, và nó là cơ sở *không thể thiếu* để *sở hữu xã hội* trở nên có tính hiện thực?

- Lý luận về *thả hóa*, từ thả hóa lao động đến thả hóa bản chất người (nhân tính), trong “Bản thảo kinh tế - triết học 1844” của Mác. Liên quan đến vấn đề này là vấn đề *bóc lột*, trong những kiến giải của C. Mác ở nửa sau thế kỷ XIX. Cho đến nay, trong điều kiện mới của thế kỷ XXI, vấn đề bóc lột cần được hiểu như thế nào?

- Lý luận về *lô gíc lịch sử* – *tự nhiên* trong sự phát triển của quá trình lịch sử xã hội và sự kế tiếp nhau của các thời đại kinh tế, của các chế độ xã hội. Vấn đề đặt ra là, làm thế nào để bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa mà không làm sai lệch lô-gíc lịch sử – *tự nhiên* trong tổ chức và xây dựng xã hội mới?

- Lý luận về *dân chủ và pháp quyền, nhà nước pháp quyền và xã hội công dân* hay *đời sống xã hội dân sự*. Liên quan đến vấn đề này là vấn đề xây dựng một nền chính trị văn minh, không xảy ra tha hóa quyền lực; có thể dùng các thiết chế quyền lực ngoài nhà nước để kiểm soát quyền lực nhà nước, quyền lực chính trị nói chung được dân chúng ủy quyền?...

Tư tưởng, học thuyết của chủ nghĩa Mác cần được nhìn nhận trong trạng thái động, cần được bổ sung và phát triển, không nên biến thành những tín điều. Chính Hồ Chí Minh đã dạy chúng ta rằng, chủ nghĩa Mác - Lê-nin là kim chỉ nam hành động chứ không phải là kinh thánh.

V.I. Lê-nin từng đòi hỏi phải không ngừng bổ sung vào lý luận của C.Mác và phải phân tích cụ thể một tình hình cụ thể khi xem xét từng nguyên lý của chủ nghĩa Mác. Đó chính là bản chất, linh hồn sống của chủ nghĩa Mác. Ph.Ăng-ghe-n, vào những năm cuối đời, đã đặc biệt lưu ý rằng, lý luận của Mác mà ông có phần đóng góp, là một phương pháp, một sự gọi mở cho tư duy và hành động để mỗi người phải tự mình độc lập giải quyết lấy vấn đề đặt ra, chứ không xem những gì các ông để lại là những câu trả lời vạn năng cho mọi tình huống của cuộc sống.

Đó cũng là cái cần thiết cho chúng ta hiện nay trong nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nhằm nhận thức đầy đủ bản chất và đặc điểm của nó, và qua đó, hiểu đúng, làm đúng, phù hợp với thực tiễn đang biến đổi mau lẹ, biến đổi chưa từng có so với thời đại của các nhà kinh điển. □

BỘ CÔNG NGHIỆP...

(Tiếp theo trang 7)

g - Một số doanh nghiệp khi xác định giá trị doanh nghiệp không còn vốn nhà nước (âm vốn) không cổ phần hóa được, phải chuyển đổi hình thức sắp xếp (giao, bán, giải thể, phá sản,...) nhưng gặp khó khăn về giải quyết lao động và chính sách xã hội.

h - Sau cổ phần hóa, một số cơ chế, chính sách chưa động viên doanh nghiệp như vay vốn ngân hàng khó hơn vì phải thế chấp, không còn tín chấp như doanh nghiệp nhà nước, chính sách đền bù khi di chuyển mặt bằng ra ngoài thành phố, không được ưu đãi như doanh nghiệp nhà nước. Do vậy, chưa động viên doanh nghiệp tích cực thực hiện cổ phần hóa.

4 - Một số kiến nghị

a - Nhận thức về đổi mới sắp xếp doanh nghiệp tuy đã được nâng lên, nhưng một số cán bộ doanh nghiệp vẫn còn dè dặt, chưa kiên quyết. Do đó cần được quán triệt sâu rộng hơn nữa về Nghị quyết Trung ương 3, Trung ương 9, khóa IX để nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về chủ trương và nội dung đổi mới sắp xếp doanh nghiệp.

b - Căn cứ Quyết định số 155/2004/QĐ-TTg, ngày 24-8-2004, của Thủ tướng Chính phủ ban hành tiêu chí, danh mục phân loại công ty nhà nước và công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty nhà nước, thì có một số doanh nghiệp được giữ lại 100% vốn nhà nước để chuyển sang công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên. Nay các doanh nghiệp này chuyển sang thực hiện cổ phần hóa nhưng chưa có cơ chế hướng dẫn, gây khó khăn trong việc đăng ký kinh doanh sau cổ phần hóa.

c - Đề nghị Bộ Tài chính sớm nghiên cứu, ban hành các cơ chế chính sách và biện pháp hữu hiệu, mạnh mẽ hơn để xử lý dứt điểm những vướng mắc về tài chính khi thực hiện cổ phần hóa và sắp xếp lại doanh nghiệp. □

Hệ thống thuế nước ta hiện nay sau nhiều lần cải cách vẫn còn nhiều điểm chưa phù hợp với những tiêu chí của một hệ thống thuế hiệu quả và hiện đại. Điều này có những nguyên nhân:

- Nền kinh tế nước ta đang ở giai đoạn đầu tiếp cận với cơ chế thị trường và đứng trước yêu cầu bức xúc của tiến trình đổi mới về phát triển kinh tế - xã hội, nên cải cách hệ thống thuế chủ yếu dựa vào phương thức vừa làm vừa rút kinh nghiệm.

- Các tổ chức của kinh tế thị trường chưa thể hiện đầy đủ nên việc cải cách hệ thống thuế khó tránh khỏi sự thiếu đồng bộ và vận hành có những lúc thoát ly khỏi sự ràng buộc của cơ chế thị trường.

- Nền kinh tế ngày càng phát triển toàn diện và theo xu hướng hội nhập, trong khi đó cơ sở khoa học của việc cải cách hệ thống thuế theo hướng hiện đại chưa được nhận thức và đánh giá một cách sâu sắc. Do vậy, hệ thống thuế chưa chuyển hướng kịp thời để thích nghi với môi trường kinh tế ngày càng đổi mới.

Bên cạnh nhóm nguyên nhân bên trong, quá trình cải cách chính sách thuế cũng chịu áp lực từ nhiều phía.

- Xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực lan tỏa rộng rãi, làm cho thị trường quốc tế ngày càng phát triển mở rộng trên cơ sở luật cạnh tranh chung mà cơ bản là theo các nguyên tắc của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Toàn cầu hóa cũng có tác động mạnh mẽ đến nguồn thu của ngân sách nhà nước và là một trong những nguyên nhân thúc đẩy cải cách thuế ở các quốc gia trên

Hoàn thiện chính sách thuế phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế

DƯƠNG THỊ BÌNH MINH * - BẠCH MINH HUYỀN **

thế giới. Nhiều nước đang tăng dần tỷ lệ động viên từ thuế so với GDP; giảm dần số lượng thuế suất và giảm mức thuế suất gắn liền với mở rộng diện chịu thuế thu nhập; xu thế áp dụng thuế giá trị gia tăng thay cho thuế doanh thu diễn ra trên phạm vi toàn cầu, mang tính quốc tế.

- Thời đại ngày nay là thời đại của công nghệ thông tin và sự bùng nổ của khu vực dịch vụ, kể cả các dịch vụ tài chính. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, nhất là thông tin mạng có tác động mạnh đến tiến trình hiện đại hóa công tác dự báo, quản lý và thu thuế.

- Tùy theo mục tiêu và các yêu cầu về công bằng, bình đẳng xã hội do các nhà nước đặt ra trong từng thời kỳ, sự vận động của nền kinh tế, nhận thức của các nhà nước về công cụ thuế mà nhà nước có thể tác động tới các sắc thuế theo các hướng vận động khác nhau. Ở các nước phát triển hiện nay đang diễn ra xu hướng giảm dần tỷ trọng động viên từ thuế trực thu, tăng tỷ trọng động viên từ thuế gián thu và điều đó là ngược lại so với các nước đang phát triển.

- Hiệu quả và cạnh tranh kinh tế tác động tới cả doanh nghiệp và Nhà nước: các doanh

* GS, TS, Trường đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh

** PGS, TS, Vụ Chính sách thuế - Bộ Tài chính

ngành phải biết thu hút công nghệ, kỹ thuật, thu hút vốn và trình độ quản lý; các nhà nước tăng cường sử dụng chính sách thuế và hướng các hệ thống thuế cạnh tranh với nhau nhằm thực hiện các mục tiêu huy động nguồn lực và các yếu tố cho kinh doanh, đặc biệt đối với các đặc khu kinh tế, khu kinh tế mở, khu công nghiệp...

Xu hướng và những tác động trên đây ảnh hưởng nhiều mặt đến quá trình thực hiện chính sách thuế ở Việt Nam.

Về thuận lợi, hệ thống chính trị ổn định, Đảng và Nhà nước quyết tâm đổi mới chính sách và kiện toàn hệ thống tài chính - tiền tệ nhằm thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng bền vững. Nhiều năm liên tiếp chúng ta đã đạt được thành tựu quan trọng trong điều hành kinh tế vĩ mô do kiểm soát được lạm phát, thúc đẩy kinh tế tăng trưởng ổn định trên cơ sở phối hợp đồng bộ các chính sách kinh tế, tài chính - tiền tệ. Sự thành công của các lần cải cách thuế giúp Chính phủ có nhiều kinh nghiệm trong việc thực hiện cải cách chính sách thuế ở các giai đoạn tiếp theo. Mặt khác, là một nước đi sau trong tiến trình hội nhập quốc tế, Việt Nam có thể rút ra nhiều bài học kinh nghiệm của các nước phát triển trong việc thực hiện cải cách chính sách thuế.

Tuy nhiên, chúng ta cũng đang đối mặt với không ít thách thức. Là một nền kinh tế đang chuyển đổi, quy mô nền kinh tế - tài chính còn nhỏ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế triển khai chậm, nhiều tiềm năng trong và ngoài nước chưa được khai thác đúng mức, làm cho việc gia tăng nguồn thu và tiến hành thu thuế có những khó khăn nhất định. Thực tế cho thấy, thuế chưa bao quát hết các nguồn thu, quản lý chi tiêu công còn nhiều hạn chế và bao cấp ở một số lĩnh vực, nhiệm vụ chi còn lớn. Thách thức này làm giảm đi khả năng xây dựng một hệ thống thuế dựa vào những loại thuế hiện đại như thuế thu

nhập, thuế *giá trị gia tăng* và thuế tài sản. Với những nguồn thu không ổn định việc sử dụng thuế để thúc đẩy cạnh tranh, nâng cao hiệu quả kinh tế, thúc đẩy tái đầu tư, thu hút vốn trong và ngoài nước là một thử thách không nhỏ.

Mặt khác, phải thừa nhận khả năng và hiệu quả quản lý thuế còn nhiều hạn chế, tốc độ áp dụng các thành tựu của công nghệ thông tin trong quản lý thuế còn chậm. Năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ quản lý thuế còn yếu, chế độ thưởng, phạt chưa rõ ràng và nghiêm minh, công tác tổ chức quản lý hành thu - cơ chế tự kê khai, tự nộp thuế chưa mang lại hiệu quả cao, chế độ khuyến khích, chế độ tiền lương chưa hợp lý đã tạo ra nhiều khó khăn để thiết lập một hệ thống quản lý thuế tốt.

Công tác thu thập, hệ thống hóa và xử lý thông tin về đối tượng nộp thuế cũng chưa theo kịp yêu cầu phát triển, các dữ liệu về lịch sử doanh nghiệp, về các mối quan hệ chủ yếu của doanh nghiệp, tình hình chấp hành luật pháp, nhân thân của doanh nghiệp chưa được cập nhật thường xuyên... Những yêu cầu về thông tin, báo cáo thống kê chưa được thiết lập một cách có hệ thống... Thiếu hệ thống thông tin, thiếu cơ sở dữ liệu tin cậy và cung cấp không kịp thời, làm cho những người ra quyết định chính sách gặp phải nhiều khó khăn trong việc đánh giá sự ảnh hưởng của những thay đổi cơ bản đến hệ thống thuế hiện hành.

Chính sách thuế là một bộ phận trọng tâm của chính sách tài chính quốc gia, liên quan đến việc huy động và phân bổ các nguồn lực tài chính của xã hội. Vì vậy, huy động nguồn lực của hệ thống thuế phải góp phần kiểm soát quy mô tài chính khu vực công, giữ kỷ luật tài chính tổng thể để lành mạnh hóa nền tài chính quốc gia và ổn định kinh tế vĩ mô. Theo định hướng phát triển tài chính Việt Nam đến năm 2010, tỷ lệ thu ngân sách

nhà nước phải ở mức bình quân hằng năm vào khoảng 21% - 22% GDP, trong đó thuế, phí và lệ phí đạt 20% - 21% GDP. Trên cơ sở đó, bảo đảm quy mô chi ngân sách nhà nước vào khoảng 25% - 26% GDP, không chế bội chi ngân sách nhà nước 5% GDP; kiểm soát nợ chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia ở mức không quá 50% GDP. Hệ thống thuế góp phần mở rộng và phát triển các khu vực kinh tế; kích thích tiết kiệm và đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút vốn đầu tư của nền kinh tế trong bối cảnh hội nhập và thực hiện các cam kết quốc tế, thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng ổn định và bền vững, thực hiện thành công chiến lược giảm nghèo tổng thể.

Trong tiến trình hoàn thiện chính sách thuế cần quán triệt sâu sắc và toàn diện quan điểm của Đảng và Nhà nước về đổi mới chính sách thuế. Chính sách động viên của thuế cần tôn trọng kỷ luật tài chính. Tăng cường tính hiệu quả của hệ thống thuế trên cơ sở hình thành một cơ cấu thuế vừa hiện đại, vừa phù hợp với một nền kinh tế đang chuyển đổi trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Chính sách thuế phải góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế. Hệ thống thuế hiện đại theo thông lệ quốc tế yêu cầu phải bảo đảm đơn giản, ổn định và có tính luật pháp cao. Hoàn thiện cơ chế quản lý và tổ chức hành thu thuế, tiến tới tương đồng với khu vực về trình độ quản lý.

Theo yêu cầu phát triển của nền kinh tế, việc nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chính sách thuế phải nhằm thiết lập một hệ thống thuế công bằng và hiệu quả, có khả năng tài trợ nhu cầu cần thiết của chi tiêu công. Đặc biệt trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế chính sách thuế đóng vai trò nhạy cảm đặc biệt. Hệ thống thuế cần: (1) gia tăng nguồn

thu để tài trợ nhu cầu chi tiêu công, hạn chế vay nợ công; (2) gia tăng nguồn thu trong cách thức bảo đảm công bằng xã hội và giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động kinh tế; (3) gia tăng nguồn thu trong cách thức không làm chệch hướng đáng kể những thông lệ và tiêu chuẩn quốc tế. Hướng đi này tập trung vào một số lĩnh vực cụ thể.

Thuế giá trị gia tăng

Trong những năm tới, thuế giá trị gia tăng phải là một trong những sắc thuế giữ vị trí quan trọng nhất trong hệ thống thuế. Thuế giá trị gia tăng được thu vào hầu hết các hàng hóa, dịch vụ ở tất cả các khâu từ sản xuất, lưu thông cho đến tiêu dùng trên phạm vi cả nước, không phân biệt hàng hóa, dịch vụ được sản xuất trong nước hay nhập khẩu. Với phạm vi điều chỉnh rộng, tính trung lập cao, thuế giá trị gia tăng sẽ là công cụ đóng góp nguồn thu đáng kể cho ngân sách nhà nước. Việc đổi mới, hoàn thiện thuế giá trị gia tăng phải nhằm nâng cao hiệu quả của sắc thuế này, làm cho nó thực sự trở thành công cụ có hiệu lực của Nhà nước trong việc huy động tối đa nguồn tài chính cho ngân sách nhà nước phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trong thời gian trước mắt, *thuế suất* của thuế giá trị gia tăng vẫn tiếp tục duy trì 3 mức: 0%, 5% và 10%. Sau năm 2010, để nâng cao hiệu quả của thuế giá trị gia tăng và bảo đảm tính trung lập của sắc thuế này, thuế giá trị gia tăng sẽ chỉ còn áp dụng một mức thuế suất, không kể mức thuế suất 0% áp dụng cho xuất khẩu, không phân biệt đối xử giữa hàng sản xuất trong nước và hàng nhập khẩu. Về *phương pháp tính thuế*, đến năm 2010, tiếp tục duy trì việc sử dụng hai phương pháp tính thuế như hiện hành, đó là phương pháp khấu trừ thuế (gọi tắt là phương pháp khấu trừ) và phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng (gọi tắt là phương pháp trực tiếp). Từ năm 2010, xây

dụng ngưỡng doanh thu chịu thuế, theo đó, các đối tượng có mức doanh thu hàng năm vượt trên ngưỡng sẽ là đối tượng bắt buộc phải đăng ký, nộp thuế giá trị gia tăng; các đối tượng có mức doanh thu dưới ngưỡng không bắt buộc phải thực hiện đăng ký, nộp thuế giá trị gia tăng (các đối tượng này thực hiện nộp thuế theo phương thức khoán và không được quyền khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào).

Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và các công cụ tự vệ khác

Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu có xu hướng thu hẹp dần các mặt hàng chịu thuế và mức thu. Điều này có nghĩa là cả đối tượng chịu thuế cũng như thuế suất đều có xu hướng giảm dần để phù hợp với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Trong những năm tới, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu vẫn là một công cụ huy động nguồn thu cho ngân sách. Cùng với tiến trình hội nhập, vai trò huy động nguồn thu của sắc thuế này có xu hướng giảm dần để nhường chỗ cho thực hiện mục tiêu kiểm soát hoạt động ngoại thương là chính.

Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu vẫn sử dụng phương pháp tính thuế truyền thống, theo đó, số thuế phải nộp được xác định căn cứ vào giá tính thuế, số lượng hàng hóa thực tế xuất hoặc nhập khẩu và thuế suất của các mặt hàng xuất hoặc nhập khẩu. Tuy nhiên, về cách xác định giá tính thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, thực hiện tuân thủ theo các nguyên tắc của hội nhập, nghĩa là giá được xây dựng theo các nguyên tắc của Hiệp định trị giá chung về thuế quan và thương mại (GATT). Thuế suất thuế nhập khẩu tiếp tục áp dụng phân biệt theo các khu vực thương mại, theo đó, thuế suất thuế nhập khẩu được chia làm 3 loại: thuế suất ưu đãi được áp dụng cho những hàng hóa có xuất xứ từ nước hoặc khu vực có quan hệ đối xử

tốt huệ quốc với Việt Nam; thuế suất ưu đãi đặc biệt được áp dụng đối với những hàng hóa có xuất xứ từ những nước hoặc khu vực có thỏa thuận ưu đãi đặc biệt về thuế nhập khẩu với Việt Nam (khu vực thương mại tự do, liên minh thuế quan hoặc thương mại biên giới và các trường hợp ưu đãi đặc biệt khác); thuế suất thông thường áp dụng đối với hàng xuất xứ từ những nước hoặc khu vực không có thỏa thuận quan hệ đối xử tốt huệ quốc trong quan hệ thương mại với Việt Nam.

Ngoài ra, để hạn chế những tác động tiêu cực từ bên ngoài đối với sản xuất trong nước, các công cụ tự vệ khác cũng cần được đưa vào Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu để kết hợp hỗ trợ cho thuế nhập khẩu như: thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế chống phân biệt đối xử.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là một trong những sắc thuế trực thu chủ yếu và giữ vị trí quan trọng trong hệ thống thuế nhằm điều tiết thu nhập từ kết quả sản xuất kinh doanh của mọi cơ sở kinh doanh có thu nhập. Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, quy mô của hoạt động kinh doanh ngày càng mở rộng, hiệu quả kinh doanh ngày càng cao, tích lũy từ nội bộ doanh nghiệp ngày càng nhiều thì nguồn thu về thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ ngày càng lớn.

Đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cần tiến hành rà soát, sắp xếp lại, chuyên thu nhập của các thể nhân kinh doanh hiện đang thuộc diện điều chỉnh của luật thuế thu nhập doanh nghiệp sang điều chỉnh bởi luật thuế thu nhập cá nhân. Và như vậy, thuế thu nhập doanh nghiệp thực sự chỉ là sắc thuế điều chỉnh đối với thu nhập của các pháp nhân kinh doanh. Tiếp tục duy trì mức thuế suất phổ thông là 28% và ổn định trong một khoảng thời gian, sau đó sẽ được xem xét lại vào những năm

2008 - 2009⁽¹⁾. Để tạo điều kiện cho doanh nghiệp tăng tích lũy, đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, có thể điều chỉnh giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp xuống thấp hơn so với mức hiện hành, đồng thời minh bạch các quy định về tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong các văn bản dưới luật như các quy định về doanh thu, chi phí tính thuế, thủ tục đăng ký, kê khai, thu nộp thuế, quyết toán thuế, về ưu đãi, miễn giảm thuế... Trong đó, các chi phí hợp lý được trừ khi tính thu nhập chịu thuế sẽ được điều chỉnh, hoàn thiện dần theo hướng phù hợp với thông lệ quốc tế. Mức thuế suất cụ thể sẽ được nghiên cứu xem xét trên cơ sở khả năng huy động và mức tăng trưởng GDP bình quân của thời kỳ đó.

Thuế thu nhập cá nhân

Sắc thuế này sẽ cùng với thuế thu nhập cá nhân trở thành loại thuế trực thu chủ yếu, chiếm vị trí quan trọng trong hệ thống thuế và tỷ trọng thuế thu nhập cá nhân trong tổng thu ngân sách nhà nước sẽ có xu hướng tăng cao. Tuy nhiên, trong những năm tới, thu nhập của đại bộ phận dân cư tuy có được cải thiện nhưng vẫn còn ở mức thấp, vì vậy, trước mắt vẫn cần duy trì thuế đối với người có thu nhập cao nhưng sắc thuế này cần được sửa đổi theo hướng: bổ sung thêm thu nhập của cá nhân từ chuyển quyền sử dụng đất, quyền thuê đất vào diện thu nhập chịu thuế; sửa đổi biểu thuế đối với thu nhập thường xuyên áp dụng đối với người Việt Nam để đồng bộ với Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Trong thời gian tới cần nghiên cứu xây dựng và áp dụng Luật Thuế thu nhập cá nhân với mô hình đánh thuế thu nhập cá nhân căn cứ vào thu nhập tổng hợp. Thu nhập chịu thuế từ mọi nguồn của các cá nhân phát sinh trong năm sẽ được tổng hợp lại và áp dụng một biểu thuế suất chung. Đồng thời phải xác định ngưỡng thu nhập chịu thuế và phải tính đến yếu tố chiết trừ gia cảnh nhằm bảo đảm sự động viên của thuế sát với khả năng đóng góp của người nộp.

Thuế tài sản

Thuế tài sản là loại thuế điều tiết một phần thu nhập của những cá nhân có quyền sở hữu, quyền sử dụng các tài sản là quyền sử dụng đất, nhà, ô-tô, tàu thuyền... Hiện nay hệ thống thuế của nước ta chưa có sắc thuế này, trong tương lai sẽ nghiên cứu để điều chỉnh một số loại thuế như thuế nhà đất, lệ phí trước bạ và bổ sung khoản thu về thừa kế, quà tặng để đưa vào diện điều chỉnh của thuế tài sản, xây dựng thuế tài sản theo hướng:

- **Đối với nhà, đất:** thuế đánh vào đối tượng có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, vật kiến trúc gắn trên đất. Thuế thu hằng năm với mức động viên thấp, tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) tính trên giá trị đất, trị giá nhà, vật kiến trúc.

- **Đối với thuế đăng ký tài sản:** Thuế được thu một lần vào người có tài sản nằm trong danh mục tài sản nhà nước cần quản lý khi thực hiện các thủ tục đăng ký tài sản hoặc khi có nhu cầu được xác định tính pháp lý của các văn tự liên quan đến giao dịch chuyển nhượng đối với tài sản như: nhà, đất, tàu thủy, máy bay, ô-tô, xe máy, súng thể thao, vốn kinh doanh của các công ty, các tài sản vô hình như nhãn hiệu thương mại, quyền sở hữu trí tuệ.

Hoàn thiện chính sách thuế là một quá trình phấn đấu của cả hệ thống chính trị, trong đó vai trò của các cơ quan thuế vừa với tư cách là người tham mưu, người thực hiện có vai trò quan trọng. Là hệ thống công cụ đòn bẩy của nền kinh tế, thuế góp phần to lớn vào quá trình chuyển đổi và chủ động hội nhập. □

(1) So với các nước và vùng lãnh thổ trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương vào thời điểm 2003 (Ô-xtrây-li-a 30%, Trung Quốc 33%, Hồng Kông 17%, Ấn Độ 35,7%, In-đô-nê-xi-a 10%, 15% và 30%, Nhật Bản 30%, Hàn Quốc 15% và 27%, Ma-lai-xi-a 28%, Niu-di-lân 33%, Phi-lip-pin 32%, Xin-ga-po 22%, Thái Lan 30%), thì mức thuế suất 28% của Việt Nam không phải là cao

NGHỊ quyết Đại hội lần thứ X của Đảng khẳng định tiếp tục sự nghiệp đổi mới toàn diện, phát triển nhanh và bền vững, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Đó là môi trường, điều kiện để các nhà báo thể hiện tài năng, thực hiện được điều mình ấp ủ, là cơ hội để họ tiếp tục rèn luyện tự vươn lên và cống hiến nhiều hơn cho cách mạng và đất nước.

Bước vào thời kỳ mới, nhà báo có nhiều thuận lợi mà các giai đoạn trước đây không có, nhưng sứ mệnh vẫn không hề giảm nhẹ, cũng như bản chất cách mạng không hề thay đổi. Chúng ta không thể hình dung được, nếu sự nghiệp đổi mới mà thiếu sự tham gia, đóng góp tích cực của các nhà báo. Càng không thể hình dung được sự phát triển của đời sống văn hóa, tinh thần xã hội và nâng cao dân trí mà không có sự đóng góp của họ; đặc biệt là trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chỉ có hòa mình trong thực tiễn

cách mạng, tham gia tích cực vào công cuộc đổi mới các nhà báo mới hoàn thành được sứ mệnh vinh quang và cao cả của mình.

Công cuộc đổi mới toàn diện đang diễn ra sâu rộng trên khắp đất nước, với những phong trào quần chúng cách mạng sôi nổi, phong phú. Những phong trào đó thể hiện trong đấu tranh chính trị, tư tưởng, bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống, văn hóa, xã hội, phát triển khoa học, công nghệ, giáo dục, đào tạo. Cuộc sống, hành động sáng tạo của hàng triệu quần chúng trong thời kỳ này là mạch nguồn đề tài vô tận

cho các nhà báo. Họ đang viết bài, đưa tin, đóng góp tích cực cho công cuộc đổi mới toàn diện đất nước và chính trong quá trình đổi mới đó mà bản thân họ ngày càng phát triển, trưởng thành. Bản chất xã hội và đặc điểm tâm lý nhà báo đã tạo nên ở họ những tố chất trùng hợp tự nhiên giữa nguyện vọng, khát vọng với yêu cầu của thời kỳ mới. Một thế hệ nhà báo mới, trẻ và năng động, có học vấn cao, sức sáng tạo lớn đang được rèn luyện, thử thách và trưởng thành trong môi

trường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Họ sẽ có được phẩm chất tích cực của tư duy xã hội mới (tư duy chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học...) để trở thành những người viết báo thích ứng với nền sản xuất tiên tiến, hiện đại, với khoa học và công nghệ cao. Nhờ đó, các nhà báo trẻ càng tỏ ra sâu sắc và nhạy cảm hơn với thực tiễn, tích lũy nhiều kinh nghiệm hơn, giúp họ đứng trên quan điểm thực tiễn để lựa chọn các giá trị và chuẩn mực, dùng lý trí

và tư duy phê phán để đánh giá các giá trị và chuẩn mực của cuộc sống. Nhà báo trưởng thành trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ là những nhà báo có cá tính mạnh mẽ, tự khẳng định có tư duy mới đáp ứng kịp thời những đòi hỏi của cách mạng, có hành động thiết thực, không duy ý chí và giáo điều.

Thời kỳ mới làm cho nhà báo trở nên năng động, sáng tạo hơn, làm bộc lộ các tiềm năng và tài năng trong hoạt động báo chí. Họ có trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân cao, có tay nghề, học vấn, biết sử dụng các

Những yêu cầu về phẩm chất của nhà báo trong THỜI KỲ MỚI

CHU THÁI THÀNH

công nghệ thông tin báo chí hiện đại. Đây là thời kỳ làm báo đầy hào hứng, có nhiều điều kiện để phát triển năng lực và nhân cách, giúp cho nhà báo thành đạt. Trong thời kỳ này, hoạt động của nhà báo càng phong phú, tích cực bao nhiêu thì bản thân họ càng giàu có thêm về nhân quan chính trị, về tri thức nhiều mặt, về những giá trị tinh thần, tư tưởng... Vì thế, chúng ta đồng tình với ý kiến cho rằng: *Sự phong phú hiện thực của mỗi cá nhân hoàn toàn tùy thuộc vào sự giàu có của những quan hệ xã hội hiện thực của cá nhân đó.* Ở thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa mỗi cá nhân mới có thể nhận được những phương tiện cho phép phát triển toàn diện tất cả những sở trường, năng khiếu của mình.

Ngày nay, cơ sở vật chất - kỹ thuật của nghề làm báo phát triển nhanh chóng chưa từng thấy. Với đường lối đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta là giữ vững độc lập tự chủ, đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế đã tạo điều kiện cho cơ sở vật chất - kỹ thuật của báo chí tăng nhanh. Các dàn máy in, chế bản điện tử hiện đại được trang bị ở các nhà in làm cho báo chí nước ta đổi mới và hấp dẫn hơn nhiều. Đây là điều kiện mới cho nhà báo, làm cho báo chí ngày càng thêm phong phú, đa dạng về nội dung, rực rỡ về màu sắc, trình bày đẹp, hiện đại.

Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, các nhà báo đang tích cực cùng với nhân dân, tận tâm, tận lực phấn đấu cho thắng lợi của sự nghiệp nặng nề nhưng rất vẻ vang này. Nhà báo chân chính, có trách nhiệm với xã hội, trước hết, phải là người vui với niềm vui của toàn Đảng, toàn dân, trước mỗi thành tựu của đất nước; lo với nỗi lo chung trước mọi thử thách, khó khăn của toàn xã hội. Chính những phẩm chất tốt đẹp, cơ bản ấy đã góp phần tạo ra sự khởi sắc và tăng thêm uy tín của báo chí. Nhiều nhà báo có bản lĩnh chính trị và tinh thần trách nhiệm cao trước xã hội, trước nhân dân với trình độ nghề nghiệp vững vàng đang tìm thấy trong thực

tiền sinh động những chất liệu, tạo nên những tác phẩm báo chí có chất lượng, cổ vũ, nhân rộng cái mới, cái đẹp, điều thiện, điều tích cực, đầy lòng nhân ái trong xã hội chúng ta.

Công cuộc đổi mới toàn diện ở nước ta không chỉ có những cơ hội lớn cho nhà báo phát triển, mà còn có cả những khó khăn và thách thức mới. Xây dựng một đất nước từ nghèo nàn thành phồn vinh, một xã hội lạc hậu thành tiên bộ, công bằng, dân chủ, văn minh là không hề đơn giản. Khai phá một con đường mới đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp hoàn toàn mới mẻ. Vì vậy, hoạt động của nhà báo phải gắn chặt với những sự kiện của công cuộc đổi mới toàn diện, đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhằm giải quyết những vấn đề mới mẻ, nóng bỏng đang đặt ra.

Để thực hiện được sứ mệnh cao cả đó, yêu cầu đối với các nhà báo thực sự bức xúc:

Thứ nhất, nhà báo phải đi sâu vào cuộc sống, phát hiện những nhân tố mới, điển hình tiên tiến, cái hay, cái đẹp trong xã hội, giới thiệu gương “người tốt, việc tốt” làm cho cái chân, thiện, mỹ lan tỏa sâu rộng trong đời sống xã hội. Bên cạnh đó, nhà báo tích cực đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng và các tệ nạn xã hội góp phần quan trọng vào cuộc vận động làm trong sạch bộ máy Đảng, nhà nước, làm lành mạnh quan hệ xã hội, giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy mạnh mẽ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhà báo tham gia đắc lực vào cuộc đấu tranh ngăn chặn, khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái; làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch, bảo vệ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ đấu tranh tư tưởng, lý luận có mối quan hệ hữu cơ với nhiệm vụ giáo dục lý tưởng cách mạng, uốn nắn những nhận thức lệch lạc. Nhà báo góp phần giáo dục thế giới quan, bồi dưỡng lòng yêu nước, cổ vũ truyền thống hào hùng của dân tộc, phân tích và khẳng định những thành tựu to lớn của sự nghiệp cách mạng, nhất là sự nghiệp đổi mới toàn diện, mạnh mẽ của đất nước hôm nay. Điều quan trọng là phải nhanh chóng khắc phục khuynh

hướng “thương mại hóa”, “nhật chính trị”, xa rời tôn chỉ, mục đích trong hoạt động báo chí.

Thứ hai, nhà báo phải góp phần tác động những tư tưởng tích cực đến mọi tầng lớp nhân dân, không chỉ ở thành thị, nông thôn mà cả ở vùng sâu, vùng xa của đất nước. Họ viết về nhiều vấn đề trên nhiều lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng Đảng, quốc tế... Trên những vấn đề phong phú, đa dạng và không ít phức tạp đó, đòi hỏi họ phải có kiến thức sắc sảo để nắm bắt chính xác mọi khía cạnh của các sự kiện, các hiện tượng của đời sống xã hội. Cuộc sống mới yêu cầu nhà báo không ngừng rèn luyện, không chỉ nhanh mà còn phải nhạy, không chỉ khản trương, xông xáo mà còn phải sáng suốt. Chọn lọc để viết hay không viết, công bố hay không công bố một thông tin, mức độ đến đâu là việc làm mà mỗi nhà báo phải cân nhắc, xuất phát từ lợi ích của Đảng của giai cấp, dân tộc và Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, nhà báo phải có phẩm chất và năng lực cần thiết để thực hiện trách nhiệm chính trị - xã hội. Mỗi giai đoạn có những yêu cầu cụ thể về phẩm chất đối với nhà báo, nhưng những yêu cầu chung, đòi hỏi chung nhất của xã hội đối với nhà báo, là *bản lĩnh chính trị vững vàng*. Bởi vì, làm báo là hoạt động chính trị - xã hội thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Bản lĩnh chính trị thể hiện trong việc nhận thức sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng một cách tự giác, vững vàng trước những thử thách, xử lý những vấn đề mới nảy sinh với thái độ khoa học và cách mạng. Có được bản lĩnh chính trị, nhà báo phải rèn luyện thực tế nghiêm túc. Bản lĩnh chính trị của nhà báo trong giai đoạn mới đòi hỏi thấm nhuần các quan điểm, mục tiêu, nội dung, đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ở từng thời kỳ, cả giai đoạn trước mắt và lâu dài. Có như vậy, nhà báo mới có thể tuyên truyền đầy đủ tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo ra sức thuyết phục đối với toàn xã hội, chống

lại những tư tưởng bảo thủ, lạc hậu, làm chậm trễ, hoặc ngăn cản bước đi của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ tư, trung thành với nhân dân, phấn đấu vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là phẩm chất của nhà báo cách mạng. Ở giai đoạn cách mạng hiện nay, cuộc đấu tranh tư tưởng giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa là rất gay gắt; trước yêu cầu đất nước ta hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới, càng đòi hỏi *phẩm chất trung thành* cao của nhà báo mới đứng vững ở vị trí “xung kích” trên mặt trận tư tưởng - văn hóa. Mặt khác, trong thời kỳ mới đòi hỏi nhà báo phải thường xuyên tiếp xúc với nhân dân, giải đáp những vấn đề mới do cuộc sống đặt ra; góp phần tổ chức, phát động phong trào hành động cách mạng của nhân dân. Mọi thông tin, nghị luận và hành vi của nhà báo đều phải thể hiện đầy đủ trách nhiệm cao cả đó.

Thứ năm, trong thời kỳ đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhà báo cần phải có là *tri thức khoa học tổng hợp*. Bởi vì, nhà báo cần cả một hệ thống kiến thức để đánh giá đúng đắn về mọi phương diện kinh tế - xã hội và làm tốt nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền, giáo dục, nâng tầm tri thức của mọi người dân.

Nhà báo hiện nay đòi hỏi phải có trình độ tư duy sâu sắc, khoa học, có kỹ năng làm báo giỏi. Viết về lĩnh vực kinh tế, nhà báo phải vừa là nhà kinh tế, vừa là nhà hoạt động khoa học xã hội và nhân văn. Muốn viết được nhiều bài báo hay, sát hợp với đối tượng cũng phải tư duy nghiên cứu rất khoa học, nhưng lại phải thể hiện nó bằng kỹ năng báo chí, bảo đảm tính thời sự.

Thứ sáu, nhà báo phải có *tính thích ứng* cao với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn liền với đổi mới công nghệ và các thách thức đặt ra liên tục của đất nước. Thời kỳ mới là một quá trình phát triển kinh tế với gia tốc ngày càng cao, với việc sử dụng khoa học và công nghệ hiện đại. Đó là cơ hội “ngàn vàng” cho đội ngũ nhà báo rèn luyện và cống hiến; đồng thời là sự phát huy cao độ vốn trí

tuệ và trình độ phát triển mọi mặt của nhà báo. Thời kỳ mới là một cuộc tấn công về giáo dục, xã hội, văn hóa, là một đòi hỏi cao về đạo đức, về tính năng, tinh thần sáng tạo của nhà báo để đáp ứng mọi yêu cầu thông tin của các tầng lớp nhân dân. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đòi hỏi thông tin nhiều chiều, đa dạng, nhanh nhạy và chính xác. Do đó, nhà báo phải được đào tạo, bồi dưỡng theo hướng tăng hàm lượng chất xám và nghiệp vụ báo chí, nhằm đổi mới và làm phong phú thêm kiến thức trong mỗi nhà báo cho phù hợp với yêu cầu mới.

Trong thời kỳ mới, chúng ta mở rộng các quan hệ quốc tế và giao lưu văn hóa, thông tin báo chí với các nước. Vì thế, có rất nhiều nguồn tin xâm nhập vào nước ta. Chúng ta không thể ngăn cấm bằng mệnh lệnh hành chính đối với sự tràn ngập thông tin. Tình hình đó yêu cầu các nhà báo ngoài sự phê phán, phân tích, còn phải có sự hướng dẫn, xử lý các nguồn thông tin không chính xác. Cách làm báo theo kiểu trước đây không còn phù hợp với yêu cầu cung cấp thông tin của công chúng, của xã hội trong thời kỳ mới. Đây cũng là vấn đề khá bức xúc, đòi hỏi các nhà báo vươn lên mạnh mẽ, đủ sức chiếm lĩnh và hướng dẫn dư luận xã hội, hạn chế các nọc độc thông tin từ bên ngoài.

Thứ bảy, nhà báo chú trọng tính *trung thực, khách quan* và có cái tâm trong sáng. Lê-nin đã chỉ rõ: *sự thật là sức mạnh của báo chí chúng ta*. Bác Hồ nhắc nhở: *Không nên chỉ viết cái tốt mà giấu cái xấu. Nhưng phê bình phải đúng đắn. Nêu cái hay, cái tốt thì phải có chừng mực, chớ phóng đại...* Đây là đạo đức cao quý của người cầm bút thời kỳ nào cũng được coi là nguyên tắc nghề nghiệp phải tuân theo. Ở thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa càng đòi hỏi cao hơn nguyên tắc đạo đức này, vì con người lúc ấy là con người của công nghiệp hiện đại, có suy nghĩ khoa học và tác phong công nghiệp trong mọi lĩnh vực hoạt động xã hội. Nhà báo tiếp cận sớm và nhanh với tiến trình cải biến xã hội từ nông nghiệp lạc hậu thành công nghiệp hiện

đại. Phản ánh quá trình cải biến này một cách trung thực, khách quan và tư duy khoa học là một đòi hỏi khách quan đối với nhà báo.

Đất nước ta đang chuyển mình thực sự và mạnh mẽ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa để nhanh chóng thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu. Mục tiêu đó đặt ra cho các nhà báo phải phấn đấu đạt được những đức tính, năng lực cần thiết: vững vàng về chính trị; trong sáng về lối sống; tinh thông về nghiệp vụ; giàu có về trí tuệ; tác phong công nghiệp hiện đại... Về những phẩm chất này, ngay từ năm 1847, trong bài luận chiến với Kác Ghen-xen, Mác và Ăng-ghe-nh đã chỉ ra rằng: *Những người làm báo cách mạng cần phải có tư tưởng rõ, phong cách tốt, kiến thức rộng, lý luận khoa học, chính xác, tinh thông và cần thiết phải có một số tài năng văn học nhất định. Đồng thời, họ phải là những chiến sỹ cách mạng, tự nguyện khấp mình vào đội ngũ những chiến sỹ hết lòng hết dạ phục vụ sự nghiệp của giai cấp công nhân*. Bác Hồ dạy: *Cán bộ báo chí cũng là chiến sỹ cách mạng. Cây bút, trang giấy là vũ khí sắc bén của họ*. Điều đó, yêu cầu các nhà báo phải có nỗ lực lớn, quyết tâm cao, có niềm tin vững chắc, ý chí và nghị lực phi thường vượt lên khó khăn, thách thức, nắm bắt cơ hội, phát huy nội lực để trở thành những người chiến sỹ trên mặt trận tư tưởng - văn hóa của Đảng. Thời kỳ mới sẽ thử thách, sàng lọc và khẳng định những giá trị đích thực, sẽ làm xuất hiện nhiều tài năng trong đội ngũ nhà báo. Nó cũng sẽ tạo ra và phát triển không ngừng nguồn lực nhà báo trẻ, thông minh và đầy sáng tạo cho tương lai.

Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang tạo ra thời cơ và vận hội lớn cho các nhà báo bộc lộ các tiềm năng, tài năng sáng tạo của mình. Trên mỗi bước tiến lên của công cuộc đổi mới, hiện đại hóa đất nước sẽ tạo đà cho sự phát triển cao hơn về chất của nhà báo và ngược lại nhà báo được nâng cao về chất sẽ là nguồn xung lực lớn, góp phần thúc đẩy sự nghiệp đổi mới toàn diện, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững. □

Bàn thêm về vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân

ĐỖ THẾ TÙNG *

“ĐẢNG viên làm kinh tế tư nhân” là một vấn đề rất quan trọng, liên quan trực tiếp đến tính nguyên tắc của tổ chức đảng và tiêu chuẩn đảng viên. Bởi vậy, đòi hỏi phải có phương pháp luận khoa học và kiên định lập trường của giai cấp công nhân mới có thể tìm được lời giải đáp đúng đắn. Trong bài này chúng tôi muốn làm sáng tỏ một số quan điểm chung trong cách tiếp cận vấn đề.

Trước hết cần khẳng định rằng, kinh tế tư nhân không phải là một chỉnh thể thuần nhất, mà gồm cả kinh tế cá thể, tiểu chủ và tư bản tư nhân với các trình độ rất khác nhau về lực lượng sản xuất. Bởi vậy, không thể có một chính sách chung cho sự phát triển của kinh tế tư nhân. Đồng thời, khi so sánh các tổ chức kinh tế tư nhân không thể chỉ dựa vào một tiêu thức duy nhất là tư hữu về tư liệu sản xuất, mà phải xét cả những tiêu thức khác, nhất là trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, để có định hướng thích hợp cho những hình thức phát triển thấp tiến nhanh lên các hình thức cao hơn, tiến bộ hơn.

Như chúng ta đã biết, ngoài con đường hình thành các hợp tác xã, kinh tế cá thể tiểu chủ phát triển ắt sẽ dẫn đến sự ra đời và phát triển kinh tế tư bản tư nhân. Đó là quy luật, nên không thể ngăn cấm. Theo V.I. Lê-nin,

“Chính sách ấy (ngăn cấm - TG) là một sự đại đột và tự sát đối với đảng nào muốn áp dụng nó. Đại đột, vì về phương diện kinh tế, chính sách ấy là không thể nào thực hiện được; tự sát, vì những đảng nào định thi hành một chính sách như thế, nhất định sẽ bị phá sản”⁽¹⁾. Hơn nữa, một nước dưới sự lãnh đạo chính trị

của giai cấp vô sản, thì có thể sử dụng chủ nghĩa tư bản tư nhân (chứ đừng nói gì chủ nghĩa tư bản nhà nước) để xúc tiến chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa tư bản tư nhân đóng vai trò “trợ thủ” cho chủ nghĩa xã hội, theo V.I. Lê-nin, điều đó “... không có gì là ngược đời cả đó là một sự thật kinh tế hoàn toàn không thể chối cãi được”⁽²⁾ vì “công lao lịch sử” của chủ nghĩa tư bản là làm tăng vọt lực lượng sản xuất và xã hội hóa lao động. Nhưng thừa nhận tính chất tiến bộ về vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản là hoàn toàn tương dung... với sự thừa nhận tuyệt đối rằng chủ nghĩa tư bản có những mặt tiêu cực, đen tối; và rằng, chủ nghĩa tư bản vốn có những mâu thuẫn xã hội rộng lớn và sâu sắc làm lộ rõ tính chất quá độ lịch sử của chế độ kinh tế ấy. Bởi vậy, cần thiết phải có định hướng, quản lý, điều tiết của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

V.I. Lê-nin đã phê phán những người dân túy ở Nga không dám nhìn thẳng vào sự thật, không dám *gọi sự vật bằng tên thật của nó*, nên một mặt, họ muốn phát triển kinh tế hàng hóa, nhưng mặt khác, họ lại phủ nhận tính tất yếu của sự ra đời nhà tư bản trong quá trình đó. Họ có khuynh hướng chung là che giấu

* GS, TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1), (2) V.I. Lê-nin: *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 43, tr 267, tr 281

sự đối kháng giai cấp và sự bóc lột người lao động.

Dù ca ngợi sự tiến bộ của chủ nghĩa tư bản đến mức nào cũng không được quên rằng, những người công nhân làm thuê và những nhà tư bản là *một thể thống nhất của hai mặt đối lập*. Sự thống nhất biểu hiện ở chỗ nếu nhà tư bản không thuê công nhân thì công nhân sẽ chết đói, và nếu tư bản không bóc lột được lao động thặng dư thì tư bản cũng tiêu ma. Sự đối lập về lợi ích kinh tế biểu hiện trong sự phân phối giá trị mới tạo ra (gồm $v + m$, tiền công và giá trị thặng dư), nếu tiền công (v) tăng lên thì giá trị thặng dư (m) (hay lợi nhuận) phải giảm xuống hoặc ngược lại.

Như vậy, kinh tế tư bản tư nhân vừa có mặt tiến bộ, cần phải khuyến khích phát triển, vừa bóc lột giá trị thặng dư nên còn sự đối lập về lợi ích kinh tế giữa công nhân và nhà tư bản. Nhưng không vì thế mà ngăn cản sự phát triển của nó. Đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản không phải bằng cách ngăn cấm hay “làm chậm” sự phát triển của nó lại, mà là bằng cách đẩy nhanh sự phát triển của nó lên, không phải là từ phía sau mà là từ phía trước, không phải theo hướng phản động, mà theo hướng tiến bộ⁽³⁾. Bởi vì, “... do chính ngay những quy luật phát triển của chủ nghĩa tư bản mà chế độ xã hội chủ nghĩa nhất định phải phát sinh?”⁽⁴⁾

Trong điều kiện hiện nay ở nước ta, nhận thức đúng sự thật như trên là để có chính sách phù hợp về hai mặt. *Một mặt*, phải bảo đảm môi trường kinh doanh thuận lợi sao cho nhà tư bản có thể thu được lợi nhuận thích đáng để họ mạnh dạn đầu tư phát triển kinh tế. Trong điều kiện toàn cầu hóa và khu vực hóa kinh tế, sự cạnh tranh để thu hút đầu tư ngày càng gay gắt, thì chính sách ưu đãi càng có vai trò quan trọng. *Mặt khác*, khi Nhà nước điều tiết việc phân phối lại một phần tổng sản phẩm thặng dư của xã hội, thì giá trị mới được tạo ra có một phần thuộc về Nhà nước dưới các hình thức thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và các loại

thuế khác. Bởi vậy, Nhà nước có chức năng và phải tìm biện pháp điều hòa lợi ích của xã hội, của nhà tư bản và công nhân, sao cho “chủ và thợ cùng có lợi” thì xã hội cũng có lợi, để tránh xảy ra mâu thuẫn, xung đột xã hội, cản trở sự phát triển ổn định và bền vững.

Vì kinh tế tư bản tư nhân bóc lột lao động thặng dư của công nhân và có sự đối lập về lợi ích kinh tế giữa công nhân và nhà tư bản, nên điểm cốt lõi của vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân là: *đảng viên Đảng Cộng sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân, có được phát triển kinh tế tư bản tư nhân không?, có được làm nhà tư bản không?*

Muốn trả lời câu hỏi trên phải kết hợp những nguyên lý về kinh tế chính trị với những nguyên lý về xây dựng Đảng. Trong xã hội còn tồn tại những giai cấp khác nhau, để đấu tranh, bảo vệ lợi ích của mình, giai cấp công nhân cần có tổ chức đảng để lãnh đạo và tập hợp lực lượng không những của giai cấp mình, mà còn liên minh với những giai cấp và tầng lớp xã hội khác nữa. Mỗi đảng chính trị đều dựa trên quan điểm, lập trường và lợi ích của một giai cấp nhất định, thể hiện bản chất của giai cấp hay một tầng lớp trong giai cấp đó. Từng cá nhân có thể từ bỏ lập trường, quan điểm và lợi ích của giai cấp mà mình xuất thân để gia nhập đảng của một giai cấp khác, *nhưng không thể có một đảng chính trị nào lại mang bản chất của hai hay nhiều giai cấp khác nhau*.

Một đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân thì chỉ có thể dựa trên lập trường, quan điểm và lợi ích của giai cấp công nhân, thể hiện bản chất của giai cấp công nhân. Song vì lợi ích của những người lao động và nhân dân nói chung về cơ bản phù hợp với lợi ích của giai cấp công nhân, và đảng liên hệ chặt chẽ với quần chúng, một lòng, một dạ phụng sự giai cấp và nhân dân, nên “Đảng là đảng của giai cấp lao động, mà cũng là đảng

(3), (4) Xem: V.I. Lê-nin: *Sđd*, t 1, tr 456, 215

của toàn dân”(5). “*Tư tưởng của Đảng là tư tưởng của giai cấp công nhân, nó đấu tranh cho lợi ích của toàn dân. Vì vậy, trong Đảng không thể có những tư tưởng, lập trường và tác phong trái với tư tưởng, lập trường và tác phong của giai cấp công nhân*”(6).

Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: Tất cả những người không có tư liệu sản xuất, phải bán sức lao động mà sống, là công nhân. *Nhưng chỉ công nhân công nghệ là hoàn toàn đại biểu cho các đặc tính của giai cấp công nhân*”, nghĩa là khi nói Đảng mang bản chất của giai cấp công nhân phải hiểu là bản chất của công nhân đại công nghiệp, *tiêu biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến nhất*. Những đảng viên xuất thân từ các giai cấp khác và cả những đảng viên là công nhân đều phải rèn luyện theo những “đặc tính cách mạng” của công nhân đại công nghiệp. “Lãnh đạo được hay không, là do *đặc tính cách mạng*, chứ không phải do số người nhiều ít của giai cấp”(7).

Trong suốt chặng đường đấu tranh cho mục tiêu dành thắng lợi cuối cùng, Đảng phải có chiến lược và sách lược cách mạng thật cụ thể và thích hợp, khôn khéo quy định ở giai đoạn nào thì phải dựa vào lực lượng nào, đoàn kết lực lượng nào, cô lập và phân hóa lực lượng nào, để tiêu diệt kẻ thù của giai cấp, của nhân dân; theo tính chất cách mạng của nước ta mà quyết định động lực cách mạng bao gồm những giai cấp nào. Trong giai đoạn hiện nay, Đảng ta đã xác định: “Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng, là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”(8).

Trong khối đại đoàn kết này tất yếu có các nhà doanh nghiệp lớn nhỏ, nhưng cũng lại có ý kiến cho rằng, ở nước ta hiện chưa có và sẽ không có giai cấp tư sản. Khi bàn về vấn đề này, chúng ta hãy nhớ lại sự kiện V.I. Lê-nin phê phán phái dân túy khi họ viện cố giai cấp

tư sản ở Nga thời ấy, nhất là ở nông thôn, còn non yếu, đang ra đời, để phủ nhận sự tồn tại và phát triển của kinh tế tư bản tư nhân và giai cấp tư sản, không thấy rằng do sự phân hóa hai cực của sản xuất hàng hóa nhỏ, tất yếu sẽ ra đời các nhà tư bản, mà kinh tế tư bản tư nhân tiến bộ hơn các loại kinh tế tư nhân khác, nên nhất định nó phải phát triển nhanh hơn, mạnh hơn, do đó không có lực cản nào ngăn nổi sự ra đời và phát triển của giai cấp tư sản dân tộc. Vấn đề ở đây là tầng lớp hay giai cấp tư sản dân tộc có đối kháng với lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và Nhà nước hay không? Điều này hoàn toàn tùy thuộc vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong việc điều tiết thu nhập và các mối quan hệ giữa tư bản và lao động trong hoàn cảnh cụ thể của phát triển đất nước.

Trong tình hình nước ta hiện nay, khi giai cấp công nhân vẫn chưa phải là tuyệt đại đa số dân cư, thì tất nhiên số đông đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam vẫn là những người xuất thân từ nông dân, tiểu tư sản, trí thức và cả tư sản dân tộc nữa. Nhưng dù xuất thân từ thành phần giai cấp nào cũng đều phải không ngừng tu dưỡng, rèn luyện lập trường, quan điểm và bản chất của giai cấp công nhân đại công nghiệp để trở thành “những chiến sĩ của giai cấp công nhân”.

Trong “Bài nói tại Hội nghị nông vận và dân vận toàn quốc”, Hồ Chí Minh đã nhắc nhở các đảng viên Đảng Lao động Việt Nam rằng: “Mình là đảng viên phải phục vụ nông dân, lãnh đạo nông dân kháng chiến kiến quốc, nhưng không phải là mình đứng vào địa vị nông dân”(9). Ở đây cũng vậy, Đảng tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân kể cả tư bản tư nhân, nhưng không vì thế mà đảng viên lại rời bỏ lập trường,

(5), (6) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 7, tr 231, 230

(7) Hồ Chí Minh: *Sdd*, t 7, tr 212

(8) *Tạp chí Cộng sản*, số 4-2006, tr 24

(9) Hồ Chí Minh: *Sdd*, t 7, tr 29

quan điểm của giai cấp công nhân, đứng vào địa vị của nhà tư bản. Nếu kết nạp một người xuất thân từ giai cấp tư sản vào Đảng Cộng sản Việt Nam, thì đó *không phải là “kết nạp nhà tư bản vào Đảng”* mà là kết nạp một người đã tự nguyện từ bỏ lập trường, quan điểm, tư tưởng của giai cấp tư sản để tiếp thu lập trường, quan điểm và tư tưởng của giai cấp công nhân. Nếu trong một chi bộ mà gồm cả nhà tư bản (theo đúng nghĩa của từ này) và người làm thuê, với lợi ích kinh tế đối lập nhau (như đã phân tích ở phần trên), thì không thể thống nhất về quan điểm, lập trường... được, liệu ai sẽ là người có vai trò quyết định và liệu có còn là đội tiên phong của giai cấp công nhân nữa không? Trừ những trường hợp rất hãn hữ (mà ở đây không bàn về những ngoại lệ, ngẫu nhiên này) còn nói chung thì cả ở những doanh nghiệp tư nhân kinh doanh giỏi, tại đó lương của người lao động cao, cũng khó có sự nhất trí về lợi ích giữa chủ và thợ. Bởi vậy, ca tụng một chiều những cách đối xử tốt của nhà tư bản đối với công nhân, để đi đến kết luận rằng không có sự đối lập về lợi ích, thì cũng không thể chấp nhận được, không khác gì thấy cây mà chẳng thấy rừng. Vấn đề đặt ra là phải hiểu biết một cách thuần thực cơ chế bóc lột của tư bản đối với lao động để có đối sách thích hợp bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động và vì sự phát triển chung của đất nước, cũng như định hướng phát triển cho các thành phần kinh tế theo hướng tiến bộ.

Theo chúng tôi, dù Đảng cho phép đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam được làm kinh tế tư nhân, hoặc thậm chí sau này sẽ kết nạp một số người từ tầng lớp tiểu chủ và nhà tư sản vào Đảng, thì cũng phải xuất phát từ một nguyên tắc chung - Đảng viên trước hết là những công dân ưu tú, nhưng đó mới chỉ là điều kiện cần. Điều kiện đủ là công dân ưu tú đó phải chấp nhận Cương lĩnh, Điều lệ của Đảng và những ràng buộc trong việc tham gia làm kinh tế tư nhân.

Chúng ta hoan nghênh và khuyến khích mọi đảng viên cũng như mọi công dân thi đua làm giàu. Nhưng việc làm giàu của đảng

viên cộng sản *vừa giống, vừa khác* với cách làm giàu của nhà tư bản tư nhân, làm giàu mà không xa rời bản chất của đội tiên phong của giai cấp công nhân. Sự “vừa giống, vừa khác” là ở chỗ, *học cách kinh doanh và quản lý của nhà tư bản, nhưng thực hiện phân phối không theo cách của nhà tư bản.*

Về kinh doanh, không những chúng ta phải kế thừa cơ sở vật chất - kỹ thuật và thành tựu khoa học - công nghệ của chủ nghĩa tư bản, mà còn phải học tập cách tổ chức và quản lý của các nhà tư bản. V.I. Lê-nin đã chỉ rõ, phải học tập chủ nghĩa xã hội phần lớn ở những người lãnh đạo các tờ-rót, phải học tập chủ nghĩa xã hội ở những nhà tổ chức lớn nhất của chủ nghĩa tư bản. Và phải biết lợi dụng những yếu tố về tài năng tổ chức, về vốn hiểu biết kỹ thuật mà xã hội trước đã tích lũy được, những yếu tố mà chín phần mười, và có thể là chín mươi chín phần trăm, lại thuộc về giai cấp đối lập một cách thù địch với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa (10).

Trong kinh tế thị trường, muốn làm giàu phải học tập cách kinh doanh và quản lý của nhà tư bản giỏi. Tuy nhiên, giá trị thặng dư được tạo ra trong sản xuất, còn vấn đề có bóc lột hay không, nếu có thì mức độ như thế nào là hợp đạo lý, lại diễn ra trong việc phân phối giá trị thặng dư đó. Nếu toàn bộ hoặc đại bộ phận giá trị thặng dư (trừ thuế) rơi vào túi nhà tư bản thì đó là bóc lột, nhưng cũng không phải vì thế mà người lao động lại có thể đòi hết mọi giá trị thặng dư về mình. Những khoản khấu trừ thuộc về nhà nước thì họ sẽ được hưởng một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua hệ thống phân phối lại và các phúc lợi xã hội, phúc lợi công cộng.

Ngày nay, ngay tại các nước tư bản phát triển cũng có những điều luật, chế tài cụ thể để kiểm soát chặt chẽ việc tuân thủ ngày, giờ lao động, nhất là có điều luật khống chế các công ty trong việc cấu kết để nắm độc quyền và hưởng lợi nhuận siêu ngạch. Hà cớ gì,

(10) Xem: V.I. Lê-nin: *Sdd*, t 36, tr 164 - 170

Nhà nước của chúng ta mang bản chất của dân, do dân và vì dân lại không có những bộ luật, những chế tài bảo vệ những lợi ích chính đáng của người lao động, và chỉ cho phép *bóc lột văn minh, vì sự phát triển, tiến bộ xã hội và chấn hưng đất nước!*

Làm giàu theo đúng như các nhà tư bản ấy là có bóc lột, nhưng trong hoàn cảnh nước ta hiện nay, kinh tế tư bản tư nhân vẫn tiến bộ hơn sản xuất nhỏ, vẫn là hợp pháp, nên được khuyến khích phát triển. Vậy, trên con đường làm giàu này, vị trí tiên phong của đảng viên cộng sản ở đâu? Để phát triển kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đảng viên cộng sản phải *đi tiên phong, tìm một cách làm giàu chưa có tiền lệ trong lịch sử, đó là làm giàu văn minh, làm giàu cho bản thân mình, đồng thời cho cả cộng đồng, gương mẫu trong việc chấp hành pháp luật.*

Không phải đảng viên nào cũng có thể làm kinh tế tư nhân giỏi. Mỗi người có năng khiếu và tư chất riêng, do phân công lao động xã hội mà đi vào từng lĩnh vực thích hợp. Đảng đang cần rất nhiều đảng viên giỏi kinh doanh, cũng như cần đảng viên giỏi trong các lĩnh vực khác, nhưng dù ở lĩnh vực nào đảng viên cũng phải giữ gìn bản chất của đội tiên phong của giai cấp công nhân. Bởi vậy, những đảng viên là chủ doanh nghiệp tư nhân muốn vẫn xứng đáng là đảng viên cộng sản ưu tú thì ***phải theo một số quy định riêng***, mà những nhà tư bản (đúng nghĩa) không cần phải tuân theo. Nói một cách hình tượng thì những đảng viên đó phải là những “nhà tư bản đỏ”.

Như trên đã phân tích, sự bóc lột chủ yếu biểu hiện trong việc phân phối giá trị thặng dư. Bởi vậy, không những cần có luật, chế tài thích hợp để bảo đảm vừa có động lực đẩy nhanh sự phát triển kinh tế, vừa bảo vệ tốt lợi ích chính đáng của người lao động, mà còn cần *quy định một số điều kiện về phân phối giá trị thặng dư*, mà những đảng viên làm chủ doanh nghiệp tư nhân phải tự giác chấp hành. Những quy định này như thế nào, đề nghị Trung ương Đảng tập hợp một số chuyên gia biên soạn, rồi hoàn thiện dần trong quá trình

tổng kết hoạt động thực tiễn. Theo suy nghĩ ban đầu của chúng tôi, những quy định đó ít nhất phải bao hàm những điểm cơ bản sau đây:

Một là, phải theo nguyên tắc phân phối của chủ nghĩa xã hội là làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng. Những đảng viên làm chủ doanh nghiệp tư nhân chấp hành đúng pháp luật và những điều quy định của Đảng thì được sử dụng thu nhập chính đáng của mình để nâng cao mức sống của bản thân mình và gia đình mình, có lối sống lành mạnh, không được xa hoa, lãng phí...

Hai là, quan tâm cải thiện điều kiện làm việc và đời sống của công nhân trong doanh nghiệp, tiền công trả tương ứng với năng suất lao động và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, khi giá trị mới tăng lên thì tiền công cũng được tăng theo cùng tỷ lệ với mức tăng lợi nhuận, không để xảy ra đối kháng giữa chủ với thợ. Những doanh nghiệp xuất sắc không những làm gương cho các doanh nghiệp tư nhân, mà còn cho cả các doanh nghiệp nhà nước.

Ba là, tự giác, xung phong tham gia các hoạt động xã hội, như góp quỹ xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ các vùng bị thiên tai, góp quỹ khuyến học, xây nhà tình nghĩa v.v.

Bốn là, nếu đảng viên nào không muốn ràng buộc bởi những quy định riêng của Đảng, thì vẫn được pháp luật bảo vệ và khuyến khích trong việc phát triển sản xuất, kinh doanh. Nhưng họ không còn đủ tiêu chuẩn đứng trong hàng ngũ của Đảng.

Riêng với các đảng viên là cán bộ, công chức, Đảng và Nhà nước cần có chế tài chặt chẽ hơn, ngoài việc quy định bản thân họ không được tham gia các hoạt động kinh doanh tư nhân, còn có những ràng buộc khác trong các mối quan hệ gia đình thân thuộc để họ không lợi dụng được chức vụ, quyền hạn, làm lợi cho cá nhân và gia đình, cũng như lợi dụng việc Đảng cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân để rửa tiền, hợp thức hóa các khoản thu nhập bất chính do tham nhũng mà có. □

TRONG Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Đảng ta, con người Việt Nam được coi vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Để có được một thế hệ con người Việt Nam mới đáp ứng

những yêu cầu của sự nghiệp đổi mới trong bối cảnh toàn cầu hóa, chúng ta cần có một chiến lược giáo dục vừa tiên tiến, vừa kế thừa, phát huy được những giá trị truyền thống nhằm tạo nên một hợp lực chung thống nhất giữa giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường và giáo dục xã hội.

Mỗi loại hình giáo dục đều có vai trò và vị trí không thể thay thế trong việc hình thành con người Việt Nam mới, nhưng giáo dục gia đình với những đặc trưng riêng của mình có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong giai đoạn đổi mới và hội nhập quốc tế hiện nay. Gia đình là một thiết chế xã hội, là một nhóm người có quan hệ hôn nhân và huyết thống, cùng chung sống và có chung ngân sách. Mặc dù chịu tác động mạnh mẽ của cơ chế kinh tế thị trường và toàn cầu hóa, nhưng gia đình Việt Nam vẫn là một giá trị bền vững, vẫn là tế bào của xã hội, là nơi chăm sóc, nuôi dưỡng, nương tựa của mỗi con người suốt cả cuộc đời và là môi trường quan trọng giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách cho thế hệ trẻ.

Cùng với các chức năng tái sản xuất con người, kinh tế, tâm lý - tình cảm, giáo dục gia

Giáo dục gia đình hướng tới xây dựng con người thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa

NGUYỄN LINH KHIẾU

đình không chỉ là một chức năng cơ bản của gia đình Việt Nam mà trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế hiện nay, chức năng giáo dục của gia đình càng trở nên có ý nghĩa đặc biệt. Trong xã hội hiện đại, giáo dục gia đình là một bộ phận cơ bản hợp thành hệ thống giáo dục xã hội nhằm xây dựng và phát triển con người một cách toàn diện, hướng tới nâng cao chất lượng nguồn lực con người, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội hiện đại.

Giáo dục gia đình là sự tác động một cách tự giác, thường xuyên, có hệ thống và có mục đích đến sự phát triển toàn diện một con người. Nó có những đặc trưng sau: được bắt đầu từ khi đứa trẻ ra đời và theo suốt cuộc đời một con người; xuất phát từ tình cảm và thông qua tình cảm; gắn liền với từng đứa trẻ nên rất cụ thể và cá biệt; mang tính phong phú, tổng hợp và phối hợp cao bởi sự không thuần nhất của các thành viên gia đình; chủ yếu dùng phương pháp nêu gương, giảng giải, thuyết phục bằng tình cảm và hành vi ứng xử; hướng tới mục đích xây dựng những con người mới đáp ứng cả vai trò chủ nhân gia đình và chủ nhân đất nước...

Giáo dục gia đình bị quy định bởi chế độ kinh tế - xã hội mà cơ bản là hệ tư tưởng, chuẩn mực đạo đức, hệ thống giá trị và trình độ văn hóa của mỗi xã hội nhất định. Cùng với giáo dục xã hội, nó góp phần tạo ra những con người đủ phẩm chất đạo đức, đủ năng lực chuyên môn, đủ thể chất cá nhân... đáp ứng được yêu cầu mới của xã hội hiện đại nhằm hướng tới thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Trong gia đình, ngay từ khi còn nhỏ, những mầm mống về nhân cách, sở thích, năng khiếu, năng lực và tiềm năng phát triển của mỗi cá nhân từng bước được hình thành và phát hiện. Chính từ sự sớm nắm bắt được những "mầm mống" này mà giáo dục gia đình sẽ góp phần nuôi dưỡng, thúc đẩy những khả năng quý báu ở trẻ về tài năng và phẩm chất; đồng thời, có giải pháp phù hợp nhằm điều chỉnh, hạn chế và ngăn chặn những xu hướng phát triển mang tính "lệch chuẩn" ở trẻ. Rõ ràng, giáo dục gia đình có ý nghĩa quyết định trong việc tạo ra những công dân tốt, cung cấp nguồn nhân lực phát triển mới góp phần tích cực xây dựng xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.

Với những thành tựu to lớn và toàn diện về kinh tế - xã hội mà công cuộc đổi mới mang lại, chúng ta đang chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, nắm bắt thời cơ, tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức để phát triển. Tuy nhiên, do điểm xuất phát thấp, cơ cấu kinh tế chưa hợp lý, chất lượng nguồn lao động thấp, phân bố dân cư mất cân đối, sự phân hóa giàu nghèo ngày càng gay gắt và các nguồn lực phát triển nhìn chung yếu, kém, phân tán... nên, khi hội nhập vào toàn cầu hóa kinh tế, chúng ta gặp nhiều bất lợi hơn là thuận lợi, gặp nhiều thách thức hơn là cơ hội, gặp nhiều rủi ro hơn là may mắn.

Trong bối cảnh đó, vấn đề đặt ra là, chúng ta phải bắt đầu từ đâu để tạo ra một động lực

phát triển mới, một lợi thế so sánh mới trong quá trình hội nhập quốc tế để tích cực đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thiết thực góp phần đưa đất nước phát triển vượt bậc theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Rõ ràng, phát triển nguồn lực con người - chủ thể hoạt động của mọi quá trình kinh tế - xã hội của tất cả các quốc gia là vấn đề cơ bản nhất. Thực vậy, so với nhiều quốc gia, Việt Nam đang sở hữu một nguồn lao động trẻ năng động, dồi dào. Tuy đây là một lợi thế của chúng ta, nhưng, chất lượng nguồn nhân lực của chúng ta còn thấp, chưa đáp ứng được những đòi hỏi vừa đa dạng, vừa khắt khe của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Không có một nguồn nhân lực mới đủ số lượng và chất lượng đáp ứng mọi nhu cầu và đòi hỏi của giai đoạn mới của sự nghiệp đổi mới thì Việt Nam khó có thể tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và phát triển xã hội một cách toàn diện như hiện nay. Vì vậy, đào tạo nguồn nhân lực mới nhằm chủ động tạo ra những động lực mới cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kỳ mới đang là một đòi hỏi cấp thiết. Đây là một nhiệm vụ hết sức nặng nề của nền giáo dục Việt Nam hiện nay. Là một trong ba bộ phận cấu thành của nền giáo dục đương đại Việt Nam, giáo dục gia đình sẽ phải đổi mới nội dung và phương pháp như thế nào để chủ động, tích cực cùng giáo dục nhà trường và giáo dục xã hội tạo ra một nguồn lực con người mới đáp ứng những đòi hỏi của thời kỳ phát triển mới.

Để xây dựng nguồn lực con người đáp ứng những yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giáo dục gia đình ở nước ta hiện nay mang nhiều nội dung mới thống nhất với nội dung giáo dục chung của nhà trường và xã hội. Có thể nêu

một số nội dung cơ bản của giáo dục gia đình Việt Nam hiện nay như sau:

Giáo dục đạo đức: Giáo dục gia đình là hình thức giáo dục tác động đầu tiên đến với trẻ, đặc biệt để lại dấu ấn sâu nặng khi trẻ chưa có dịp giao tiếp nhiều với xã hội. Vì vậy, nó đóng vai trò quan trọng nhất trong quá trình hình thành nhân cách. Giáo dục đạo đức trong gia đình là một quá trình thường xuyên, liên tục nhằm xây dựng, bồi dưỡng ý thức đạo đức, tình cảm đạo đức, hành vi đạo đức và tạo ra một môi trường gia đình với những tình cảm trong sáng, lành mạnh giàu tình thương, đậm đà tính nhân văn. Từ đó, hình thành trong trẻ những phẩm chất cao quý của con người như: tình yêu thương cha mẹ, anh em ruột thịt, họ hàng; tình yêu quê hương xứ sở, lòng yêu Tổ quốc, trân trọng truyền thống dân tộc. Cũng từ đó, hình thành lòng trung thực, tôn trọng sự thật, tính tự trọng, sự khiêm tốn, tinh thần dũng cảm, ý chí vươn lên; đồng thời, xây dựng bản lĩnh thẳng thắn, kiên quyết bảo vệ cái đúng, cái tốt, cái đẹp, phê phán cái sai, lên án cái ác và cái xấu,... Những tình cảm và phẩm chất quý báu này cần thiết cho con người ở mọi thời đại và càng quan trọng hơn trong điều kiện sự du nhập của lối sống thực dụng và mặt trái của cơ chế thị trường đang trở thành một thách thức trong quá trình xây dựng con người Việt Nam mới.

Giáo dục tri thức khoa học, văn hóa: Khi khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, khi kinh tế tri thức đang trở thành trọng tâm của mọi quốc gia, khi quá trình toàn cầu hóa đã xâm nhập mọi lĩnh vực, mọi ngõ ngách của đời sống xã hội thì để thật sự trở thành chủ nhân tương lai của đất nước, trẻ em phải được từng bước trang bị một cách đầy đủ nhất tri thức khoa học và văn hóa hiện đại.

Trong điều kiện khoa học và công nghệ phát triển như vũ bão, từng ngày, từng giờ làm

thay đổi đời sống xã hội thì tri thức khoa học và văn hóa không phải là cái gì xa lạ với mọi người. Vì vậy, nếu không chủ động, tích cực làm chủ kho tàng tri thức và văn hóa đồ sộ của nhân loại, thế hệ trẻ Việt Nam chắc chắn sẽ bị lạc hậu và tụt sâu so với thế hệ trẻ của các quốc gia khác. Chỉ khi được trang bị một cách toàn diện, đầy đủ những tri thức khoa học và văn hóa của nhân loại, dân tộc thì thế hệ trẻ mới có sự hiểu biết sâu rộng, có điều kiện làm chủ tri thức và qua đó rèn luyện năng lực tư duy khoa học, óc phân tích, tổng hợp, hình thành khả năng phán đoán, dự báo. Trên cơ sở đó, thế hệ trẻ mới biết vận dụng những tri thức khoa học và văn hóa vào hoạt động thực tiễn.

Giáo dục tri thức khoa học và văn hóa chính là xây dựng thái độ, động cơ và mục đích học tập; là sự định hướng giá trị, tri thức, sự gợi mở phương pháp tiếp cận tri thức và văn hóa; là sự giao lưu, trao đổi nhằm kiểm chứng và bổ sung nguồn tri thức, rèn luyện khả năng tổng hợp tri thức khoa học và giá trị văn hóa... Đó chính là con đường ngắn nhất, đơn giản nhất, trực tiếp nhất biến kiến thức khoa học, vốn văn hóa thành năng lực thực hành, khả năng ứng xử và xử lý tình huống trong đời sống. Điều này hoàn toàn phù hợp với những đòi hỏi của xã hội hiện đại đối với người lao động mới. Rõ ràng, trong điều kiện hiện nay, giáo dục tri thức khoa học và văn hóa đang từng bước trở thành nội dung quan trọng và mang tính hiệu quả cao của giáo dục gia đình.

Giáo dục lao động: Lao động có vai trò đặc biệt quan trọng trong sự hình thành con người và xã hội loài người. Đối với mỗi con người, lao động vừa là phương thức hình thành nhân cách, phát triển tình cảm, bộc lộ năng lực cá nhân, vừa tạo ra nguồn của cải nuôi sống bản thân và xã hội. Chỉ có thông qua lao động, trẻ mới có điều kiện hoàn thiện nhân cách, trở

thành con người phát triển toàn diện và những năng lực, năng khiếu bẩm sinh, mần mống tài năng ở trẻ mới có điều kiện phát lộ và chín muồi. Do đó, giáo dục lao động là một nhiệm vụ quan trọng của giáo dục, nhất là giáo dục gia đình.

Giáo dục lao động trong gia đình, trước hết, là giáo dục cho trẻ ý thức lao động, tình yêu lao động, sự tôn trọng lao động, quý trọng thành quả lao động và có thái độ đúng đắn đối với mọi loại lao động, có thái độ phê phán hành vi lười biếng, trốn tránh, miệt thị, coi thường lao động; đồng thời, hình thành ở trẻ thói quen lao động, sự hăng say làm việc, nhiệt tình, tích cực, có trách nhiệm với công việc. Giáo dục cho trẻ có ý thức, có quan niệm đúng đắn về các loại hình lao động khác nhau, về cả kỹ năng lao động và kỷ luật lao động. Giáo dục để hình thành ở trẻ thái độ tôn trọng lao động, và trong mọi hoàn cảnh, mọi trường hợp phải biết cách hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ một cách tự giác, sáng tạo và hiệu quả. Giáo dục lao động trong gia đình chính là từng bước chuẩn bị một cách chu đáo cho xã hội những người lao động mới, tạo nên một lực lượng lao động mới với đầy đủ phẩm chất, kỹ năng, trình độ và năng lực để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Giáo dục tính tự lập và ý thức cộng đồng: Trong thời kỳ hội nhập và chuyển đổi hiện nay, tính năng động, sáng tạo, chủ động và ý thức hợp tác, tinh thần tập thể, ý thức cộng đồng của cá nhân đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong sự thành công của mỗi người. Để có được những phẩm chất này con người phải trải qua cả một quá trình học tập và rèn luyện lâu dài, nên ngay từ khi còn nhỏ, con người cần được gia đình chủ động giáo dục và rèn luyện. Giáo dục gia đình hướng vào tạo lập cho trẻ tinh thần độc lập, tự chủ, ý thức tự rèn luyện, tính năng động, nhạy bén, phấn đấu

chủ động sáng tạo, dám nghĩ, dám làm... Thực hiện được điều đó, nghĩa là gia đình đã chủ động trang bị cho trẻ - những chủ nhân tương lai một hành trang quan trọng để trẻ vững vàng và tự tin trong cuộc sống hiện đại nhiều biến động.

Mặt khác, xã hội hiện đại là một xã hội mở, để thành công trong cuộc sống và sự nghiệp, mỗi người phải tự ý thức được rằng, cá nhân mình chỉ là một nhân tố, một bộ phận, một mắt xích trong cộng đồng xã hội; đồng thời, họ cũng phải thấy được vai trò và vị trí, quyền lợi và nghĩa vụ, cống hiến và hưởng thụ... của mình trong cộng đồng xã hội. Vì vậy, để có được những phẩm chất trên, cần có những nội dung, biện pháp cụ thể trong giáo dục gia đình một cách thường xuyên, liên tục từ khi trẻ còn nhỏ đến khi trẻ trưởng thành.

Giáo dục thể chất và sức khỏe sinh sản vị thành niên: Con người là một sinh thể - xã hội. Không có một cơ thể cường tráng, khỏe mạnh thì thật khó có một tâm hồn trong sáng, lành mạnh và đủ khả năng sáng tạo những giá trị vật chất và tinh thần hữu ích cho xã hội. Giáo dục thể chất trong gia đình là trang bị cho trẻ một hệ thống kiến thức một cách trực quan, sinh động, đơn giản và phù hợp với lứa tuổi về cấu tạo cơ thể, chức năng và vai trò của các bộ phận cơ thể, quá trình phát triển của cơ thể; về hệ thống dinh dưỡng và thực phẩm bồi bổ cho sự phát triển cơ thể một cách hợp lý và khoa học; là xây dựng cho trẻ ý thức tự rèn luyện, biết cách ăn uống, sinh hoạt, lao động, nghỉ ngơi điều độ, hợp vệ sinh theo khoa học, biết cách tự bồi dưỡng và chăm sóc sự phát triển toàn diện bản thân. Đó là con đường gia đình góp phần mang lại cho xã hội những con người khỏe mạnh về thể chất và thông minh, sáng tạo, lành mạnh về tinh thần - những con người đủ sức khỏe, trí tuệ và năng lực gánh vác những trọng trách của tương lai.

Gia đình hiện đại cần sớm trang bị cho trẻ những kiến thức quan trọng và phù hợp về giới tính và tình dục nói riêng, sức khỏe sinh sản vị thành niên nói chung. Đây là những nội dung "cấm kỵ" trong giáo dục của gia đình truyền thống, nhưng lại đang trở thành một nhu cầu cấp thiết cần được trang bị cho trẻ để mỗi vị thành niên có đủ kiến thức, kỹ năng, năng lực và bản lĩnh làm chủ bản thân, tự bảo vệ được mình.

Giáo dục sức khỏe sinh sản vị thành niên trong gia đình nghĩa là trang bị cho trẻ những kiến thức cơ bản và khoa học về tình bạn khác giới, tình yêu, tình dục, về hôn nhân và gia đình, về cấu tạo và sự phát triển của cơ quan sinh sản nam và nữ, về quá trình thụ thai và các biện pháp tránh thai; về các bệnh lây truyền qua đường tình dục, HIV/AIDS, về tội phạm, nghiện hút và mại dâm... Không làm chủ được những kiến thức hết sức thiết yếu này, vị thành niên rất dễ mắc sai lầm và mất phương hướng trong cuộc sống; thậm chí, dễ bị lôi cuốn vào những hành động vô ý thức tự hủy hoại cuộc đời và sự nghiệp của mình. Giáo dục thể chất và sức khỏe sinh sản vị thành niên đang trở thành một trong những nội dung mới và cần thiết trong giáo dục gia đình của xã hội hiện đại. Khi trẻ được trang bị một cách tương đối đầy đủ, có hệ thống và khoa học những kiến thức này, chắc chắn sẽ góp phần cho sự thành công và hạnh phúc của mỗi con người trong xã hội hiện đại.

Như vậy, giáo dục gia đình Việt Nam hiện nay đã có một bước phát triển mới cả về nội dung và phương pháp. Nó hướng tới xây dựng và phát triển con người một cách toàn diện, phong phú, và đa dạng cả về đạo đức, tri thức khoa học, và văn hóa, tình yêu lao động, tính tự lập và ý thức cộng đồng, sức khỏe sinh sản... Nghĩa là, giáo dục gia đình Việt Nam hiện nay ngày càng thống nhất với giáo dục xã

hội và không chỉ hướng tới phát triển đạo đức, xây dựng nhân cách mà cơ bản hơn là hướng tới xây dựng một nguồn nhân lực mới đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trong khi hướng tới góp phần tích cực xây dựng một thể hệ con người Việt Nam mới, giáo dục gia đình cũng đang chịu sự tác động mạnh mẽ cả tích cực và tiêu cực của nhiều nhân tố như: sự tác động của những tàn dư tâm lý, tập quán, lối tư duy truyền thống lạc hậu, của di hại chiến tranh, của khoa học - công nghệ, của phân hóa xã hội, của mở cửa, giao lưu và hội nhập quốc tế, của các phương tiện thông tin đại chúng hiện đại, của các nền văn hóa và giáo dục thế giới, của cải cách giáo dục trong nhà trường diễn ra ở nước ta thời gian qua...

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự biến đổi mạnh mẽ của kinh tế - xã hội, cùng với những khó khăn nêu trên, để nâng cao hơn nữa vai trò và vị trí của giáo dục gia đình trong quốc sách giáo dục nhằm hướng tới góp phần xây dựng một thể hệ con người Việt Nam mới, một nguồn nhân lực mới đáp ứng kịp thời yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau: - Tuyên truyền phổ biến sâu rộng trong xã hội về chiến lược giáo dục, quốc sách giáo dục của Việt Nam giai đoạn hiện nay; - Xây dựng chiến lược củng cố và phát triển gia đình trong tình hình mới; - Nghiên cứu một cách sâu sắc thực trạng giáo dục gia đình những ưu, nhược điểm và đề xuất chiến lược giáo dục mới; - Phối kết hợp tạo thành thể thống nhất chung giữa ba bộ phận: giáo dục gia đình, nhà trường và xã hội; - Nâng cao trình độ dân trí của toàn xã hội; - Đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục gia đình, kết hợp cả phương pháp truyền thống và phương pháp hiện đại, đề cao tính hiệu quả trong giáo dục gia đình. □



Lời Bộ Biên tập: Để chuẩn bị cho việc đánh giá 10 năm thực hiện Chỉ thị 11-CT/TW của Bộ Chính trị Về việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng và đưa Nghị quyết Đại hội X của Đảng vào cuộc sống; tiếp theo các hội nghị tổ chức tại Đồ Sơn, Hải Phòng (2002), Bình Định (2003), Lào Cai (2004), Cần Thơ (2005); ngày 6-6-2006, Hội nghị toàn quốc công tác Phát hành - Bạn đọc Tạp chí Cộng sản đã được tổ chức tại thành phố Vũng Tàu.

Sau đây, xin giới thiệu với bạn đọc Báo cáo Đề dẫn và Báo cáo Tổng thuật của Hội nghị.

BÁO CÁO ĐỀ DẪN

LÊ HỮU NGHĨA

Hôm nay, tại thành phố biển Vũng Tàu, Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản, Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam và Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu phối hợp tổ chức Hội nghị toàn quốc công tác Phát hành - Bạn đọc Tạp chí Cộng sản năm 2006.

Đây là Hội nghị nhằm chuẩn bị cho việc đánh giá 10 năm (28-12-1996 - 28-12-2006) thực hiện Chỉ thị 11-CT/TW của Bộ Chính trị Về việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng,

được tổ chức sau thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng.

Thay mặt Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản, tôi gửi tới các đồng chí đại biểu lời chúc sức khỏe, đạt nhiều kết quả trong công tác, góp phần nhanh chóng đưa Nghị quyết Đại hội X của Đảng vào cuộc sống.

Nhận thức tầm quan trọng to lớn của công tác tư tưởng, lý luận và việc đưa lý luận, đường lối, chủ trương của Đảng vào thực tiễn

cách mạng, Đảng ta luôn quan tâm và đánh giá cao công tác phát hành báo, tạp chí của Đảng. Qua các thời kỳ, Đảng đều có các chỉ thị, nghị quyết về công tác này, nhất là trong thời gian gần đây.

Chỉ thị 11 của Bộ Chính trị (ra ngày 28-12-1996) *Về việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng* nhấn mạnh: Để góp phần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với toàn xã hội, đưa tiếng nói của Đảng, Nhà nước đến với cán bộ, đảng viên và nhân dân trên mọi miền đất nước; phản ánh kịp thời, đúng đắn ý chí, nguyện vọng cùng những thành tích, sáng kiến, kinh nghiệm của các tầng lớp nhân dân trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy và tổ chức đảng các cấp, các ban, ngành, đoàn thể tổ chức tốt việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng.

Tiếp đó, ngày 22-12-2000, Bộ Chính trị khóa VIII có Chỉ thị số 60 *Về công tác của Tạp chí Cộng sản trong tình hình mới*. Trong Chỉ thị 60, Bộ chính trị nêu rõ: Tạp chí Cộng sản là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, có bề dày truyền thống 70 năm, đã không ngừng phấn đấu, trưởng thành, đóng góp tích cực vào sự nghiệp cách mạng nước ta, luôn quán triệt và thể hiện đúng đường lối, quan điểm của Đảng, tuyên truyền các nghị quyết của Đảng, góp phần nâng cao trình độ lý luận chính trị của cán bộ, đảng viên, động viên phong trào cách mạng của nhân dân.

Trong công cuộc đổi mới, Tạp chí Cộng sản đã có nhiều cố gắng trong công tác lý luận, đưa đường lối, quan điểm của Đảng vào cuộc sống, tham gia tổng kết thực tiễn, góp phần thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tạp chí đã kiên định đấu tranh chống các quan điểm, tư tưởng sai trái và các luận điệu thù địch nhằm bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng.

Chỉ thị yêu cầu các ngành, các địa phương, cơ quan cung cấp tư liệu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều tra, nghiên cứu

và biên tập của Tạp chí Cộng sản. Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các cán bộ lãnh đạo chủ chốt có trách nhiệm viết bài cho Tạp chí, thường xuyên góp ý kiến phê bình, xây dựng Tạp chí. Các cấp ủy và cơ quan tuyên giáo các cấp cần tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung và hướng dẫn sử dụng có hiệu quả Tạp chí Cộng sản trong cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Quán triệt và nhận thức rõ các chỉ thị trên, trong gần 10 năm qua, nhất là những năm gần đây, cấp ủy các cấp đã có sự quan tâm chỉ đạo cụ thể, các ngành, các đơn vị đã có sự phối hợp, thường xuyên có sự kiểm tra, đánh giá tổng kết, khen thưởng, nhắc nhở kịp thời, nên công tác phát hành báo, tạp chí của Đảng nói chung, Tạp chí Cộng sản nói riêng đã được duy trì và số lượng ngày càng tăng. Hiện nay, Tạp chí Cộng sản mỗi tháng ra 2 kỳ, mỗi kỳ phát hành trên 6,4 vạn cuốn. Hầu hết các tỉnh, thành phố số lượng phát hành tạp chí ổn định, nhiều tỉnh, thành phố, đơn vị số lượng phát hành khá cao và tăng đều trong nhiều năm. Chẳng hạn như các tỉnh, thành: Quảng Ninh, Bắc Giang, Hà Tây, Thanh Hóa, Nghệ An, Đà Nẵng, Lâm Đồng, Gia Lai, Đồng Nai, Vĩnh Long; hoặc những đơn vị cơ sở như đại học Sư phạm Xuân Hòa, tỉnh Vĩnh Phúc (40 cuốn/kỳ). Đảng ủy phường Quang Trung, thị xã Sơn Tây (18 cuốn/kỳ), Xí nghiệp khảo sát điện I, thị xã Hà Đông (18 cuốn/kỳ)... Trong đó Quảng Ninh là tỉnh dẫn đầu toàn quốc về số lượng phát hành Tạp chí Cộng sản với 2.620 cuốn/kỳ, Đà Nẵng là thành phố đạt tỷ lệ phát hành cao trong nhiều năm qua (trên 1.700 cuốn/kỳ), Gia Lai là tỉnh ở Tây Nguyên, tuy còn gặp nhiều khó khăn nhưng luôn đạt trên 1.000 cuốn một kỳ; tỉnh Hà Tây hằng năm đều tổ chức hội nghị tổng kết, đánh giá công tác phát hành báo chí và số lượng phát hành cao (1.732 cuốn/kỳ).

Sở dĩ các địa phương trên làm tốt công tác phát hành báo, tạp chí của Đảng là do các tỉnh, thành ủy sau khi có Chỉ thị 11 và Chỉ thị 60 của Bộ Chính trị đã có văn bản gửi tới các tổ

chức cơ sở đảng để quán triệt, thực hiện. Ban Tuyên giáo, Bưu điện tỉnh, thành, huyện, thị đã tích cực đôn đốc, kiểm tra. Công tác tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân đọc và sử dụng kinh phí mua báo, tạp chí của Đảng có sự chủ động, bảo đảm đúng đối tượng, mục đích. Chẳng hạn như nhiều đơn vị, địa phương cuối năm đều có dự trù kinh phí riêng để mua báo, tạp chí của Đảng, giao cho Ban Tuyên giáo đặt đúng số lượng, đúng đối tượng và bưu điện chuyển đến tận các tổ chức đảng

Bên cạnh đó, trong những năm qua, được sự phối hợp của cấp ủy các tỉnh, thành và của Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam (nay là Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông), Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản đã tổ chức thành công các cuộc hội nghị ở Quảng Ninh, Lào Cai, Tuyên Quang, Nghệ An, Hà Tĩnh, Đà Nẵng, Bình Định, Khánh Hòa, Cần Thơ, Bà Rịa - Vũng Tàu nhằm quán triệt Chỉ thị 11 và Chỉ thị 60, đồng thời lắng nghe ý kiến đóng góp cụ thể, thiết thực của các đại biểu, bạn đọc, cộng tác viên để nâng cao chất lượng nội dung, hình thức của Tạp chí, đưa Tạp chí đến bạn đọc kịp thời, đúng đối tượng.

Tuy nhiên, qua làm việc với các địa phương, qua kết quả khảo sát ở các cơ sở, qua số liệu thống kê của ngành bưu điện, công tác phát hành báo, tạp chí của Đảng nói chung, đối với Tạp chí Cộng sản nói riêng còn có những hạn chế. Chẳng hạn như có cấp ủy chưa nhận thức đầy đủ nội dung Chỉ thị 11 và Chỉ thị 60 của Bộ Chính trị nên chưa có sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên, cụ thể. Cá biệt, đến nay có tỉnh chưa ban hành văn bản hướng dẫn để thực hiện các chỉ thị trên. Nhiều địa phương, cơ quan, đơn vị chưa thực sự quan tâm, tạo điều kiện trong việc mua, đọc, phát hành báo, tạp chí của Đảng và sử dụng một cách có hiệu quả. Do đó, hiện vẫn còn những tổ chức cơ sở đảng “trắng” báo, tạp chí của Đảng (bao gồm Tạp chí Cộng sản, báo Nhân Dân, báo đảng bộ địa phương). Có nơi sử dụng kinh phí mua báo, tạp chí của Đảng không đúng mục đích. Có nơi lấy lý do

thiếu kinh phí nên trong một thời gian dài không đặt đủ số lượng báo, tạp chí theo quy định, mặc dù vấn đề kinh phí đã có hướng dẫn cụ thể, chi tiết trong Thông tư liên tịch số 205 ngày 5-4-2004 giữa Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Bộ Tài chính.

Một số nơi tuy có thường xuyên mua Tạp chí Cộng sản, nhưng số lượng ít, không đúng theo quy định. Còn nhiều tổ chức đảng, kể cả trong các cơ quan nội chính, trường học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp nhiều năm nay chưa có Tạp chí. Có nơi Tạp chí chưa đến được với những đối tượng bạn đọc thực sự có yêu cầu. Có cán bộ, đảng viên lấy lý do bận công việc, không có thời gian đọc báo, tạp chí của Đảng. Chúng tôi đề nghị, những hạn chế nêu trên cần sớm có biện pháp cụ thể để khắc phục, giải quyết, nhằm bảo đảm cho báo, tạp chí của Đảng đến được với đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân, thiết thực nâng cao nhận thức cho mọi người, kịp thời đưa đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước đến tận cơ sở.

Từ thực tiễn vừa qua, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

Trước hết, phải có sự nhận thức đúng vai trò, tầm quan trọng của báo, tạp chí Đảng và quan tâm chỉ đạo thường xuyên của cấp ủy các cấp đối với việc đọc, phát hành và sử dụng có hiệu quả báo, tạp chí của Đảng.

Thứ hai, luôn có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan tuyên giáo các cấp với ngành bưu điện để nắm số lượng phát hành từng tháng, cả năm và những đơn vị, cơ sở thực hiện tốt; nhắc nhở, phê bình những nơi làm chưa đúng Chỉ thị 11 và quy định của cấp ủy địa phương. Cuối năm cần có sự tổng kết, đánh giá trong kết quả thi đua của các đơn vị, địa phương.

Thứ ba, việc sử dụng kinh phí mua báo, tạp chí của Đảng được quy định trong Thông tư liên tịch số 205 cần được phổ biến sâu rộng, có hướng dẫn cụ thể để bảo đảm nguồn kinh phí được sử dụng đúng mục đích, khắc phục tình trạng ở một số cơ sở hiện nay sử dụng không đúng, hoặc lấy lý do khó khăn về kinh phí không mua báo, tạp chí của Đảng.

Thứ tư, công tác phát hành cần được mở rộng hơn nữa, nhất là đối với những nơi xa xôi, hải đảo, đi lại khó khăn. Có thể nghiên cứu để điều chỉnh, tăng thêm kinh phí phát hành báo, tạp chí của Đảng đối với những địa phương nói trên.

Thứ năm, duy trì đều Hội nghị Phát hành - Bạn đọc Tạp chí Cộng sản hằng năm để tăng cường mối quan hệ giữa cấp ủy địa phương với Tạp chí, giữa Bộ Biên tập với các cộng tác viên, thông tin viên, nhằm tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng nội dung cũng như hình thức của Tạp chí, đáp ứng với đòi hỏi của nhiệm vụ cách mạng hiện nay cũng như sự tin cậy của cán bộ, đảng viên và bạn đọc cả nước.

Bởi vậy, trước yêu cầu, nhiệm vụ mới của cách mạng, để đưa đường lối Nghị quyết Đại hội X của Đảng vào cuộc sống, tại hội nghị toàn quốc này, trên cơ sở quán triệt đầy đủ Chỉ thị 11 và Chỉ thị 60 của Bộ Chính trị, từ kết quả và những hạn chế vừa qua, nhất là từ kinh nghiệm thực tiễn ở các địa phương, đơn vị, cơ quan, tôi xin đề nghị các đồng chí cho ý kiến tập trung vào những nội dung sau đây:

Một là, sự quan tâm và chỉ đạo của cấp ủy các cấp trong việc mua, đọc và phát hành báo, tạp chí của Đảng trong thời gian qua. Những kết quả cụ thể trong việc phát huy tác dụng của Tạp chí Cộng sản đối với địa phương, đơn vị.

Hai là, những chủ trương, biện pháp đẩy mạnh việc phát hành báo, tạp chí trong thời gian tới, nhằm thực hiện tốt Chỉ thị 11 của Bộ Chính trị ở địa bàn cơ sở.

Ba là, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện việc mua, đọc, phát hành báo, tạp chí của Đảng hiện nay, trực tiếp là Tạp chí Cộng sản.

Bốn là, những kiến nghị đối với Trung ương Đảng, Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản, với cấp ủy, các cơ quan tuyên giáo, bưu điện trong việc đưa báo, tạp chí của Đảng đến với bạn đọc và phát huy tác dụng của báo, tạp chí Đảng hiện nay ở từng cơ sở. Chẳng hạn như vấn đề quản lý, sử dụng kinh phí, vấn đề đổi

mới nội dung, hình thức Tạp chí, hay việc tiến hành đánh giá tổng kết, khen thưởng hằng năm. Việc phối kết hợp giữa Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản với cấp ủy địa phương mà trực tiếp là Ban Tuyên giáo tỉnh, thành và bưu điện các cấp.

Việc đưa báo, tạp chí của Đảng đến với bạn đọc và phát huy vai trò, tác dụng của nó trong thực tiễn hiện có những thuận lợi. Đó là sự chỉ đạo, thường xuyên của Bộ Chính trị và Trung ương; sự quan tâm cụ thể của cấp ủy; mạng lưới phát hành qua bưu điện rộng khắp và kịp thời; chất lượng báo, tạp chí của Đảng ngày một cải tiến và nâng cao; nhu cầu của cán bộ, đảng viên và nhân dân tăng lên. Các tổ chức đảng ở cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, địa phương... qua thực tế ngày càng nhận thức rõ tầm quan trọng và sự cần thiết phải đẩy mạnh, tăng cường việc đọc, phát hành báo, tạp chí của Đảng. Bởi qua đó giúp cho cán bộ, đảng viên nắm bắt kịp thời và quán triệt được các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị trong thời kỳ mới.

Mặt khác, Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng có nhiều vấn đề quan trọng, cấp bách đối với nhiệm vụ cách mạng nước ta trong giai đoạn mới. Những vấn đề đó sẽ được thể hiện trong nội dung, chương trình tuyên truyền của Tạp chí, những bài viết của Tạp chí nhằm đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của bạn đọc.

Hy vọng sau Hội nghị Phát hành - Bạn đọc toàn quốc năm 2006 này, các cấp, các ngành, các địa phương tiếp tục có sự quan tâm đầy đủ hơn, có những biện pháp mạnh mẽ, cụ thể và sự chỉ đạo thường xuyên hơn, để làm cho việc đọc, phát hành báo, tạp chí Đảng nói chung, Tạp chí Cộng sản nói riêng có sự chuyển biến tích cực, đem lại hiệu quả tốt, góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và thực hiện có kết quả những nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng mà Nghị quyết Đại hội X của Đảng đã đề ra. □

BÁO CÁO TỔNG THUẬT

TỚI dự Hội nghị toàn quốc công tác Phát hành - Bạn đọc Tạp chí Cộng sản năm 2006 có GS, TS **Lê Hữu Nghĩa**, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản; đồng chí **Nguyễn Văn Cường**, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu; TS **Hoàng Thọ Thái**, Bí thư Đảng ủy, Ủy viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông Việt Nam; các đồng chí bí thư, phó bí thư tỉnh ủy, thành ủy; phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; lãnh đạo Ban Tuyên giáo, Bưu điện các tỉnh, thành phố; Tổng công ty phát hành báo chí Trung ương; các cán bộ, phóng viên, biên tập viên, cán bộ Bộ Biên tập và một số ban, ngành tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Gần 30 báo cáo và tham luận gửi đến Hội nghị, tập trung vào những vấn đề chính sau đây:

1 – Vai trò của báo, tạp chí của Đảng

Các ý kiến phát biểu đều khẳng định vai trò của báo chí cách mạng Việt Nam trong đó có báo, tạp chí của Đảng đối với công tác tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên và đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Tạp chí Cộng sản là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, nên việc đưa Tạp chí đến tay các cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân là rất cần thiết. Đồng chí **Hoàng Thọ Thái**, nhấn mạnh: Hội nghị Phát hành - Bạn đọc Tạp chí Cộng sản lần này được tổ chức với quy mô toàn quốc, nhằm đánh giá và tổng kết 10 năm thực hiện

Chỉ thị 11-CT/TW ngày 28-8-1996 của Bộ Chính trị *Về việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng*, đồng thời đưa Nghị quyết Đại hội X của Đảng vào cuộc sống. Đây là Hội nghị có ý nghĩa sâu sắc và thiết thực. Hội nghị có mặt những đại biểu đến từ khắp các miền đất nước, đại diện cho các khâu trong dây chuyền làm báo, như biên tập, xuất bản, phát hành Tạp chí. Hội nghị này được tổ chức thể hiện sự quan tâm và mong mỏi của các cấp ủy, chính quyền và tất cả những người làm báo nhằm không ngừng nâng cao chất lượng công tác phát hành và bạn đọc, góp phần làm cho Tạp chí Cộng sản mãi mãi xứng đáng là ngọn cờ lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Việc thực hiện Chỉ thị 11-CT/TW của Đảng bộ Vũng Tàu đã góp phần tích cực cung cấp thông tin, nâng cao nhận thức lý luận, rèn luyện bản lĩnh chính trị, trau dồi trí tuệ cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, trong đó Tạp chí Cộng sản đóng vai trò quan trọng. Trong bài phát biểu, đồng chí **Nguyễn Văn Cường** nhận định: Tạp chí Cộng sản là một kênh thông tin quan trọng trong công tác tư tưởng, giáo dục lý luận chính trị giúp cho cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc hơn cơ sở lý luận, tính thực tiễn của các nghị quyết, chỉ thị của Đảng; góp phần làm tốt công tác giáo dục lý luận chính trị gắn với giáo dục truyền thống, giáo dục đạo đức, bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đồng chí **Phan Tuấn Pha**, Bí thư Tỉnh ủy Đắc Nông khẳng định sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với báo chí: “Trong bất cứ hoàn cảnh nào Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng hoạt động báo chí, coi báo chí

là phương tiện chủ yếu để tuyên truyền, vận động và giáo dục quần chúng, là vũ khí sắc bén để đấu tranh với quân thù.”

Là bạn đọc thường xuyên của Tạp chí Cộng sản, đồng chí **Thái Vĩnh Liệu**, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Quảng Trị phát biểu: “Tạp chí cung cấp nhiều thông tin lý luận mang tính khoa học trên nhiều lĩnh vực: chính trị, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng và cả những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, đấu tranh chống lại những quan điểm sai trái, thù địch về dân chủ, nhân quyền, về toàn cầu hóa, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; giải đáp những vấn đề nhạy cảm mà thực tiễn đang đòi hỏi trả lời. Qua đó củng cố lòng tin, tạo sự đoàn kết thống nhất trong nhận thức và hành động cách mạng. Nhiều chuyên mục được bạn đọc chú ý như: đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống; Nghiên cứu - Trao đổi; Thực tiễn - Kinh nghiệm; Sinh hoạt tư tưởng...”

Đồng chí **Hà Thị Lâm**, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình đánh giá cao vai trò của báo chí đối với vấn đề quản lý nhà nước: báo chí là một kênh thông tin quan trọng cung cấp những quan điểm, chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước, phổ biến những kinh nghiệm hay, những điển hình tiên tiến giúp các nhà quản lý trong việc hoạch định chính sách của địa phương.

Đồng chí **Lê Quang Dục**, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên cho biết: “Các ấn phẩm báo chí phát hành trên địa bàn Thái Nguyên đã góp phần giúp Đảng bộ, chính quyền, toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh nâng cao nhận thức về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; hiểu biết hơn về tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội của các địa phương, đơn vị trong nước, nắm bắt kịp thời, đầy đủ những diễn biến chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của các nước trong

khu vực và trên thế giới. Qua báo chí, mỗi tổ chức, cá nhân, nhất là các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể và mỗi cán bộ đảng viên đã học hỏi được nhiều kinh nghiệm, phương pháp trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đơn vị, địa phương mình.”

Đồng chí **Phan Đức Hương**, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Vĩnh Long: “Quá trình thực hiện Chỉ thị 11-CT/TW của Bộ Chính trị đã giúp cho cán bộ, đảng viên và một bộ phận đông đảo các tầng lớp nhân dân hiểu rõ hơn chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hiệu quả của việc đọc báo, tạp chí của Đảng đã góp phần đáng kể vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, thể hiện qua sự phát triển không ngừng về kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh trong gần hai nhiệm kỳ qua.”

2 – Tình hình triển khai và thực hiện Chỉ thị 11 ở các địa phương

Việc đọc báo, tạp chí của Đảng trong những năm gần đây có nhiều tiến bộ, đó là do có sự quan tâm của các cấp ủy đối với việc chỉ đạo mua, đọc và làm theo báo, tạp chí của Đảng; sự tích cực tham mưu hướng dẫn, triển khai, kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị 11 của các Ban Tuyên giáo; sự cố gắng của hệ thống bưu điện các tỉnh, thành phố đã không quản khó khăn đưa báo, tạp chí đến cơ sở, đặc biệt đến tận tay cán bộ, đảng viên ở vùng sâu, vùng xa.

Theo đồng chí **Nguyễn Văn Cường**: “Thực hiện Chỉ thị 11-CT/TW của Bộ Chính trị Về việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng và Chỉ thị 60-CT/TW của Bộ Chính trị về công tác của Tạp chí Cộng sản trong tình hình mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu đã ban hành Thông tri số 15, ngày 03-01-1998 và Công văn số 681, ngày

28-8-1999, nhằm triển khai và chỉ đạo thực hiện đến các cấp ủy, chính quyền, các cơ quan ban, ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở đó, các đảng bộ trực thuộc đã ban hành quy định cụ thể việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng tới các chi, đảng bộ cơ sở.

Đồng chí **Thái Vĩnh Liệu** cho biết: “Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác tư tưởng - lý luận trong công cuộc đổi mới xây dựng đất nước, trong đó báo chí của Đảng đóng vai trò tích cực vào công tác chính trị tư tưởng, bồi dưỡng lý luận, nâng cao trình độ nhận thức cho cán bộ, đảng viên, hằng năm Tỉnh ủy Quảng Trị có sự chỉ đạo cho các cấp ủy đẩy mạnh việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng, trong đó có Tạp chí Cộng sản. Mười năm qua, quán triệt nghiêm túc Chỉ thị 11 CT/TW của Bộ Chính trị và Chỉ thị 15-CT/TU của Thường vụ Tỉnh ủy, hầu hết các huyện, thị ủy, đảng bộ khối cơ quan đã chủ động trích ngân sách thường xuyên để mua báo, tạp chí Đảng cho các đảng bộ, chi bộ. Riêng báo Quảng Trị được tỉnh cấp kinh phí cho các tổ chức cơ sở đảng miền núi. Việc đọc báo và tạp chí của Đảng ở nhiều tổ chức đơn vị đã được thực hiện và đi vào nề nếp. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, bưu điện đã có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác phát hành, rà soát lại các tổ chức cơ sở đảng chưa mua các loại báo chí theo quy định, tìm rõ nguyên nhân để tham mưu đề xuất hướng khắc phục; định kỳ 5 năm tổ chức tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 11-CT/TW và 15-CT/TU”.

Đại diện Thường trực Tỉnh ủy Vĩnh Long phổ biến một kinh nghiệm để tăng cường việc đọc và làm theo báo, tạp chí của Đảng đối với cán bộ, đảng viên: “Ngay sau khi tiếp thu Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Long

đã cụ thể hóa bằng Chỉ thị 08-CT/TU và tiến hành triển khai, quán triệt, đưa vào thực hiện rộng rãi trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Đặc biệt Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy đưa việc mua và đọc báo, tạp chí của Đảng thành một chỉ tiêu xét chi, đảng bộ trong sạch, vững mạnh hằng năm. Trong gần 10 năm, qua ba lần tổ chức Hội nghị sơ kết, thấy rằng: Việc mua, đọc báo tạp chí của Đảng đã và đang đi vào nề nếp trong toàn Đảng bộ. Sinh hoạt báo chí của Đảng đã và đang trở thành nhu cầu thường xuyên đối với mỗi cán bộ, đảng viên và các chi bộ, đảng bộ cơ sở trong toàn tỉnh. Không những thế, phong trào đọc báo, tạp chí của Đảng còn được nhân rộng ra các tầng lớp nhân dân.”

Để thực hiện tốt Chỉ thị 11-CT/TW ở địa phương, phải có sự tham mưu và phối hợp của Ban Tuyên giáo và bưu điện các tỉnh, thành phố. Đồng chí, **Trần Thế Sơn**, Phó Giám đốc Bưu điện tỉnh Lâm Đồng phản ánh: “Bưu điện tỉnh Lâm Đồng đã thường xuyên phối hợp với Ban Tuyên giáo tham mưu cho lãnh đạo tỉnh đề ra các biện pháp cụ thể như: Tỉnh ủy Lâm Đồng ban hành văn bản yêu cầu các cấp ủy, các ban, ngành, đoàn thể, địa phương phải thực hiện tốt việc tuyên truyền, vận động đặt mua và đọc báo Đảng. Ban Tài chính Tỉnh ủy bảo đảm đủ kinh phí để các cơ quan, đơn vị hưởng kinh phí của Đảng đặt mua và phát báo Nhân Dân, báo Lâm Đồng và Tạp chí Cộng sản cho tất cả các chi bộ, đảng bộ của Tỉnh ủy, Thành ủy, Huyện ủy; Các doanh nghiệp nhà nước phải trích kinh phí của đơn vị để mua báo Nhân Dân, báo Lâm Đồng và Tạp chí Cộng sản; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì cùng với Ban Tài chính Tỉnh ủy, Bưu điện, Sở Tài chính - Vật giá, Báo Lâm Đồng bàn biện pháp tốt nhất nhằm đặt mua báo, tạp chí của Đảng và chuyển đến cơ sở một cách đầy đủ, kịp thời, đúng đối tượng.”

Về sự phối hợp giữa Tạp chí Cộng sản và Tập đoàn Bưu chính - Viễn thông trong công tác phát hành Tạp chí, đồng chí **Hoàng Thọ Thái** nêu rõ: “Đối với Tạp chí Cộng sản, trong nhiều năm qua, đặc biệt là từ năm 2000, Tập đoàn đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản, Ban Tuyên giáo các tỉnh, thành phố trong việc nắm bắt tình hình phát hành Tạp chí Cộng sản tại các địa phương. Thường xuyên trao đổi và kịp thời gửi các văn bản chỉ đạo của Tập đoàn về công tác phát hành cho Bộ Biên tập để cùng có biện pháp phối hợp. Cung cấp đầy đủ, kịp thời sản lượng phát hành Tạp chí của từng bưu điện tỉnh, thành phố cho Bộ Biên tập. Phối hợp tổ chức các hội nghị chuyên đề bàn về biện pháp tăng sản lượng phát hành Tạp chí Cộng sản ở các địa phương. Tập đoàn đã tham gia phát hành trên 75% tổng sản lượng phát hành của Tạp chí Cộng sản”.

Trong quá trình thực hiện, các địa phương cũng gặp khó khăn, như ý kiến của đồng chí **Nguyễn Thành Công**, Phó Giám đốc Công ty Phát hành báo chí Trung ương: “Mặc dù báo chí luôn được đánh giá có vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống kinh tế - xã hội, là sự cần thiết không thể thiếu được của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân trong công cuộc đổi mới hiện nay, nhưng ở nhiều nơi, nhất là vùng sâu, vùng xa có nhiều chi, đảng bộ còn “trắng báo”, chưa có Báo Nhân Dân, Tạp chí Cộng sản, tạp chí Xây dựng Đảng. Tạp chí Cộng sản tuy là tờ báo có số lượng phát hành lớn nhất trong các loại tạp chí hiện nay đang phát hành qua hệ thống ngành bưu điện nhưng sản lượng mỗi kỳ phát hành mới chỉ đạt 64.000 cuốn. Đây là con số chưa tương xứng so với 200.000 tổ chức cơ sở đảng các cấp cùng hơn 3 triệu đảng viên trong cả nước, đồng thời cũng chưa tương xứng với vị trí và vai trò được đặt ra cho tạp chí của Trung ương Đảng”.

Việc triển khai thực hiện Chỉ thị 11-CT/TW và Chỉ thị 60-CT/TW trên thực tế còn nhiều hạn chế. Theo đồng chí **Nguyễn Sỹ**, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Bắc Ninh thì việc sử dụng báo, tạp chí của Đảng ở không ít cơ sở chưa hiệu quả. Việc sử dụng báo chí như một diễn đàn dân chủ công khai chưa được coi trọng thể hiện ở việc đọc báo, tạp chí mới chỉ dừng lại một chiều là nhận tin chứ chưa chuyển thành thông tin hữu ích, người đọc ít cộng tác với cơ quan báo chí để phản ánh các vấn đề của đơn vị, địa phương.

Nguyên nhân của những hạn chế trên là:

- Một số cấp ủy chưa đánh giá đúng vai trò của báo chí trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và hoạch định chính sách ở cơ sở nên chưa coi trọng công tác nghiên cứu báo chí, dẫn đến việc mua và đọc báo, tạp chí chưa đầy đủ, thường xuyên.

- Kinh phí để mua báo Đảng hạn chế, nhiều nơi sử dụng không đúng mục đích kinh phí mua báo, tạp chí của Đảng.

- Trình độ lý luận của đại đa số cán bộ, đảng viên ở cơ sở chưa cao, tâm lý ngại đọc, ngại nghiên cứu còn phổ biến.

- Có những bài Tạp chí Cộng sản chưa thật bám sát thực tiễn, chưa đúc kết được những bài học kinh nghiệm của các vùng miền, các địa phương.

Đồng chí **Phan Đức Hương** cho rằng: Nội dung những bài đăng trong mục Thực tiễn – Kinh nghiệm còn chung chung, giống như báo cáo, chưa đúc kết được kinh nghiệm. Chưa giúp bạn đọc có thể học tập và vận dụng một cách thiết thực vào thực tiễn địa phương mình.

3 – Kiến nghị và đề xuất

Để tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 11 của Bộ chính trị, các đại biểu đề nghị Tạp chí Cộng sản phải đổi mới hơn nữa để thu hút bạn đọc bằng chính nội dung của mình, tăng cường các bài phục vụ cho việc quán triệt, triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc

lần thứ X của Đảng, có nhiều hơn nữa các bài học kinh nghiệm của các địa phương, các bài đấu tranh tư tưởng chống lại những luận điểm sai trái...

Đồng chí **Thái Vĩnh Liệu** đề xuất: “Để tuyên truyền sát hợp với đặc điểm từng vùng hiện nay, mỗi kỳ Tạp chí nên giới thiệu một vài mô hình ở các địa phương, nhất là ở cơ sở trong việc thực hiện các nghị quyết của Đảng, kinh nghiệm và cách giải quyết những vấn đề còn vướng mắc, bất cập trong tổ chức thực hiện. Các bài viết cần chú ý sát từng đối tượng, phù hợp với trình độ nghiên cứu của cán bộ, đảng viên ở nông thôn, nhất là vùng đồng bào miền núi.”

Đồng chí **Phan Tuấn Pha**, kiến nghị: “Tiếp tục chỉ đạo các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể tổ chức thực hiện tốt việc đọc, nghiên cứu báo, tạp chí của Đảng, coi đây là một chỉ tiêu để phấn đấu, là nhiệm vụ chính trị quan trọng nhằm tuyên truyền, giáo dục tư tưởng, nâng cao nhận thức cách mạng cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên, chiến sỹ lực lượng vũ trang và quần chúng nhân dân.

Đề nghị Trung ương đưa Tạp chí Cộng sản vào danh mục các báo được hỗ trợ kinh phí phát hành tới vùng sâu, vùng xa để cán bộ, đảng viên ở đó có điều kiện đọc Tạp chí.”

Đồng chí **Phan Đức Hương**. Số lượng phát hành tạp chí trong thời gian qua trên địa bàn tỉnh tăng, phần lớn là do thực hiện theo quy định của chỉ thị cấp ủy chứ chưa thể hiện đúng nhu cầu thực tế của bạn đọc. Đồng chí đề nghị: Tạp chí cần có những biện pháp động viên, mở rộng mạng lưới cộng tác viên tại các địa phương. Thực tế cho thấy, có nhiều chuyên viên nghiên cứu, các đồng chí lãnh đạo, quản lý của địa phương có kinh nghiệm thực tiễn, các cán bộ nghiên cứu... rất quan tâm đến báo, tạp chí của Đảng, có thể đóng góp thiết thực cho Tạp chí, cần được tập hợp lại thành một đội ngũ cộng tác viên thường xuyên, đông đảo.

Theo PGS, TS **Phan Xuân Biên**, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh: Tạp chí Cộng sản là cơ quan lý luận, chính trị của Đảng, có nhiệm vụ tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, giáo dục tư tưởng cho cán bộ, đảng viên nhưng muốn thu hút đông đảo bạn đọc, Tạp chí phải đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng, như vậy lý luận phải mới, thông tin phải gắn với hoạt động thực tiễn năng động, sáng tạo, đưa ra những bài học kinh nghiệm. Bài viết cần sinh động, đa dạng và phù hợp với nhiều sở thích khác nhau của bạn đọc. Ít nhất trong một số cũng phải có một, hai bài thật ấn tượng, đáng nhớ. Tạp chí nên tăng cường những bài phê phán, đấu tranh những tư tưởng sai trái, thù địch.

Tại Hội nghị nhiều đồng chí đề nghị Bộ Biên tập nên xuất bản 2 loại tạp chí để phù hợp với từng loại đối tượng, một để phục vụ cho các nhà khoa học, các nhà lãnh đạo quản lý có trình độ lý luận cao; một dành cho các cấp lãnh đạo và đông đảo cán bộ, đảng viên ở cơ sở.

Nhiều ý kiến tham luận của các đồng chí cán bộ tuyên giáo, bưu điện ở các tỉnh đã nêu những kinh nghiệm thực tế sinh động, cụ thể ở các địa phương trong thời gian qua trong việc đẩy mạnh việc phát hành báo, tạp chí của Đảng cũng như sử dụng báo, tạp chí của Đảng một cách hiệu quả, thiết thực.

Thay mặt Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản, đồng chí Tổng Biên tập cảm ơn và tiếp thu những ý kiến đóng góp chân thành của các đại biểu để tiếp tục nâng cao hơn nữa nội dung và hình thức của Tạp chí, đáp lại sự tin yêu của bạn đọc. Đồng chí đã nêu lên một số nhiệm vụ quan trọng của Tạp chí trong thời gian tới và mong nhận được sự cộng tác thường xuyên thông qua các bài viết, thư góp ý của các đồng chí lãnh đạo các cấp, các đồng chí làm công tác tuyên giáo ở các địa phương. □



MÁY VẤN ĐỀ VỀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở VIỆT NAM

CAO SỸ KIÊM * - HOÀNG HẢI

1 - Vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong phát triển kinh tế - xã hội

Doanh nghiệp nhỏ và vừa có vai trò quan trọng trong tạo việc làm mới, giảm tỷ lệ thất nghiệp, góp phần ổn định xã hội. Thực tế cho thấy, với lượng vốn không lớn cũng dễ dàng tạo lập được các doanh nghiệp nhỏ và vừa, nên số lượng các doanh nghiệp thuộc loại hình này thường rất nhiều. Vì thế, tuy số lượng lao động trong một doanh nghiệp nhỏ và vừa không đông, nhưng do số lượng doanh nghiệp lớn nên loại hình doanh nghiệp này vẫn là nguồn chủ yếu tạo ra phần lớn việc làm cho xã hội. Ở các nước, số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa thường chiếm từ 90 đến 95% tổng số doanh nghiệp trong nền kinh tế và giải quyết việc làm cho khoảng 2/3 lực lượng lao động xã hội. Chẳng hạn, các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Thụy Điển đã tạo cho hơn 60% số lao động có việc làm; tỷ lệ này ở Nhật Bản là 66,9%; Đài Loan là 78%; Chi-lê là 70,3%. Tác dụng tạo việc làm của các doanh nghiệp nhỏ và vừa càng có vai trò quan trọng trong thời kỳ kinh tế suy thoái, tựa như một chiếc "van an toàn" để điều chỉnh vĩ mô nền kinh tế, hạn chế những tác động tiêu cực của các cuộc khủng hoảng kinh tế.

Ở Việt Nam, có hơn 70% dân số sống tại các vùng nông thôn và chủ yếu dựa vào sản xuất

nông nghiệp, trong lúc quỹ đất giành cho sản xuất nông nghiệp ngày càng trở nên hạn hẹp, sức ép của tình trạng thiếu đất canh tác, thiếu việc làm ở nông thôn ngày càng tăng mạnh, tiềm ẩn nhiều vấn đề xã hội phức tạp. Do vậy, có thể thấy ở đây một giải pháp quan trọng là phát triển ngành nghề sản xuất và dịch vụ thông qua phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa phân bố rộng rãi ở các vùng nông thôn, góp phần hình thành các vệ tinh xung quanh các thành phố, thị trấn lớn nhỏ. Hiện nay trong cả nước, doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm khoảng 96% tổng số doanh nghiệp, tạo ra khoảng 49% việc làm phi nông nghiệp ở nông thôn và khoảng 25% - 26% cho lực lượng lao động cả nước. Rõ ràng, đây là nhân tố quan trọng đối với những người chưa có việc làm ở đô thị hoặc những người sống ở các vùng nông thôn đang tìm kiếm việc làm, những lao động dôi dư trong quá trình chuyển cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất và sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước và những người làm nông nghiệp trong những lúc nông nhàn. Cơ hội tăng thêm việc làm có ý nghĩa rất quan trọng về mặt xã hội, nó không chỉ mang lại lợi ích cho tất cả mọi người, kể cả

* TS, Phó Trưởng Ban Kinh tế Trung ương, Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa

những người đang thất nghiệp, phụ nữ và người tàn tật, mà còn có tác dụng ổn định chính trị - xã hội.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa góp phần quan trọng trong việc tạo lập sự phát triển cân bằng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo vùng lãnh thổ. Thông thường, các doanh nghiệp lớn thường tập trung ở các vùng đô thị, nơi có kết cấu hạ tầng phát triển. Xu hướng đó dễ gây ra tình trạng mất cân đối nghiêm trọng về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, miền trong một quốc gia. Chính các doanh nghiệp nhỏ và vừa thường phát triển và phân bố trên diện rộng để khai thác tiềm năng, lợi thế của các địa phương, phát triển các ngành sản xuất, dịch vụ, tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nên đã góp phần quan trọng trong việc tạo lập sự cân đối trong phát triển giữa các vùng, miền và các địa phương.

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam thường tập trung chủ yếu vào lĩnh vực thương mại và dịch vụ, với tỷ lệ 55,62%, do lĩnh vực này dễ kinh doanh, vốn ít, không đòi hỏi trình độ chuyên môn cao, mức độ rủi ro ít, vốn quay vòng nhanh...; lĩnh vực công nghiệp chiếm 16,14%; xây dựng chiếm 15,11% và nông nghiệp chỉ còn tỷ lệ 13,13%. Với cơ cấu như vậy, các doanh nghiệp nhỏ và vừa đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng sản phẩm công nghiệp và thương mại - dịch vụ, giảm tỷ trọng sản phẩm nông nghiệp trong GDP. Đây cũng là vấn đề rất có ý nghĩa để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa có nhiều khả năng trong việc thu hút các nguồn vốn, nguồn lực đầu tư trong dân cư và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của xã hội cho tăng trưởng và phát triển kinh tế. Trong tổng các nguồn vốn đầu tư phát triển của Việt Nam những năm qua, nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước chiếm khoảng 20% - 22%, từ khu vực doanh nghiệp nhà nước có khoảng 18% - 19%; trong nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển: 12% - 13%; trong nguồn vốn

đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI: 16% - 17%; trong khi đó, nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ khu vực dân cư, doanh nghiệp tư nhân chiếm tỷ trọng lớn nhất, khoảng 27% - 28% và có xu hướng ngày càng tăng (từ 22,6% năm 2001 tăng lên 28,7% năm 2004). Việc tạo lập một doanh nghiệp nhỏ và vừa đã tạo cơ hội cho đông đảo dân cư có thể dễ dàng huy động vốn từ họ hàng, bạn bè và người thân. Cho nên doanh nghiệp nhỏ và vừa được xem là phương tiện có hiệu quả trong việc huy động, sử dụng các khoản tiền nhàn rỗi trong dân và biến nó trở thành nguồn vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh khá quan trọng. Trong 4 năm qua (tính từ năm 2001 đến tháng 8-2004), không kể 2,6 triệu hộ kinh doanh cá thể và khoảng 18.000 hợp tác xã⁽¹⁾, cả nước đã có 147.311 doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp, trong đó riêng doanh nghiệp nhỏ và vừa đã có tổng số vốn đăng ký tương đương với tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đăng ký ở Việt Nam. Số lượng lớn các doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng với các hình thức huy động vốn linh hoạt và đa dạng, phương thức sử dụng vốn có hiệu quả đã làm cho khối các doanh nghiệp nhỏ và vừa góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Với những đặc điểm về quy mô và khả năng tận dụng mọi tiềm năng, nguồn lực về lao động, nguyên vật liệu với trữ lượng hạn chế, trong đó, có nhiều nguồn lực tuy không đáp ứng nhu cầu sản xuất quy mô lớn, nhưng lại sẵn có và có nhiều sản phẩm phụ hoặc phế liệu, phế phẩm của các doanh nghiệp lớn, các sản phẩm trung gian... doanh nghiệp nhỏ và vừa góp phần đắc lực vào việc khai thác hiệu quả tiềm năng của ngành nghề truyền thống ở các địa phương, như các ngành nghề thủ công, mỹ nghệ, chế biến thủy hải sản...

Tóm lại, doanh nghiệp nhỏ và vừa có vai trò quan trọng trong việc làm tăng khả năng cung ứng lao động dịch vụ cho xã hội, tăng sản phẩm,

(1) Cũng thuộc DNNVV theo tiêu chí quy định tại Nghị định 90/2001/CP, ngày 23-11-2001

tăng giá trị xuất khẩu và tăng nguồn thu cho ngân sách. Thực tế cho thấy, nhờ những ưu thế này, mỗi năm các doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng góp 31% giá trị tổng sản lượng công nghiệp; 78% tổng mức bán lẻ; 64% tổng lượng vận chuyển hàng hóa; gần 60% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước và 100% giá trị sản lượng hàng hóa của một số ngành nghề thủ công mỹ nghệ như thêu ren, chạm khắc...

Ngoài ra, các doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng đóng vai trò quan trọng trong quá trình liên kết sản xuất của các doanh nghiệp, tập đoàn lớn; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của đất nước.

2 – Một số mặt hạn chế trong phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở nước ta

Vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày càng quan trọng trong nền kinh tế như vậy nên thời gian vừa qua khối doanh nghiệp này cũng đã được Đảng và Nhà nước khuyến khích phát triển mạnh mẽ bằng nhiều chủ trương, chính sách sát hợp⁽²⁾ cùng với sự trợ giúp đắc lực của chính quyền các cấp, nhưng thực tế các doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế trong quá trình hoạt động.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa tuy nhiều về số lượng, nhưng mới chỉ đóng góp dưới 28% tổng sản phẩm quốc nội (GDP), theo nhiều đánh giá, như vậy chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của loại hình doanh nghiệp này.

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện đang có sự phát triển thiếu định hướng, mất cân đối và phân bố chưa đồng đều, trái ngược với những ưu thế vốn có của mình. Các doanh nghiệp nhỏ và vừa phần lớn thường tập trung ở những vùng trọng điểm như Đông Nam Bộ: 35,8%; đồng bằng sông Hồng: 24,3% và đồng bằng sông Cửu Long: 16,6%; các khu vực khác số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm tỷ lệ không đáng kể; sự phân bố theo ngành nghề cũng không cân đối (như số liệu đã nêu ở trên).

Nguyên nhân của tình trạng trên có thể thấy rõ trong những vướng mắc, bất cập từ thể chế, chính sách của Nhà nước cũng như từ môi

trường sản xuất kinh doanh chung của nền kinh tế và từ những hạn chế của chính các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Bởi vậy, hiện đang có những rào cản không nhỏ cho quá trình phát triển của loại hình doanh nghiệp này.

Văn bản pháp quy quá nhiều, thiếu đồng bộ, hay thay đổi và thiếu thống nhất... gây phiền hà và nhiều lúc làm nản lòng các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ví dụ, Luật Thuế thu nhập công ty được vận dụng thành một dải rất rộng các khuyến khích ở từng địa phương dễ gây tình trạng tùy tiện, xin - cho trong việc được xếp vào danh mục khuyến khích nào có lợi cho các doanh nghiệp.

Trách nhiệm về chi phí và chế độ cho việc giải tỏa đền bù trong giải phóng mặt bằng không thống nhất cũng gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Công cuộc cải cách hành chính ở Việt Nam nhìn chung còn nhiều hạn chế nên chi phí gia nhập thị trường của doanh nghiệp cao, còn nhiều chi phí không chính thức. Bên cạnh đó, còn có một số rào cản khác, như: quy hoạch không ổn định, thuê đất của Nhà nước rất khó khăn, thời gian chờ nhận đất trong các khu công nghiệp lâu, không công bằng trong việc chuyển quyền sử dụng đất (do chính sách ưu đãi tiền thuê đất được áp dụng chủ yếu cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài). Chẳng hạn, thủ tục cấp quyền sử dụng đất bình quân ở thành phố Hồ Chí Minh 418 ngày, Hà Nội là 325 ngày... và Huế 82 ngày; trong chế độ hiện hành còn có quá nhiều loại thuế suất với mức thuế cao, các quy định về thuế quá phức tạp, chồng chéo, nhiều trường hợp miễn trừ và chưa bảo đảm sự công bằng. Kết quả một cuộc điều tra doanh nghiệp gần đây cho thấy, có tới 44,2% ý kiến của các doanh nghiệp nhỏ và vừa cho rằng, đối với họ còn có tình trạng đối xử không công bằng.

(2) Đảng và Nhà nước ta rất khuyến khích phát triển các DNNVV thể hiện qua các nghị định, nghị quyết: *Nghị định 90/2001/NĐ-CP*; *Nghị quyết 14/NQ-TW*, ngày 18-3-2002; *Quyết định 94/2002/QĐ-TTg*.

Chính sách thuế VAT vẫn có nhiều bất cập trong việc tính thuế, thu thuế và hoàn thuế. Chính sách thuế VAT chưa cho phép các doanh nghiệp trực tiếp cung cấp các dịch vụ cho doanh nghiệp chế xuất được hưởng thuế suất 0%, mà phải chịu thuế 10%; khi hoàn thuế phải chờ từ 3 - 6 tháng hoặc lâu hơn... làm mất một chu kỳ sản xuất (trung bình từ 6 - 8 tháng). Việc định giá và áp giá tính thuế nhập khẩu chưa phù hợp với tình hình thực tế...

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa vẫn khó tiếp cận với các nguồn tài chính tín dụng cũng như các hình thức góp vốn khác, hạn chế các quyền về tài sản liên quan đến đất đai, bất động sản và các tài sản vô hình, thiếu các hình thức bảo lãnh tín dụng. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các quyết định về việc ban hành quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng (Quyết định 193/2001/QĐ-TTg, ngày 20-12-2001 và Quyết định 115/2004/QĐ-TTg ngày 25-6-2004) và các bộ, ngành đã ban hành các thông tư hướng dẫn các quyết định trên (Thông tư 42/2002/TT-BTC ngày 7-5-2002 của Bộ Tài chính và Thông tư 06/2003/TT-NHNN ngày 10-4-2003 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam). Nhưng đến nay số lượng Quỹ bảo lãnh tín dụng được thành lập và đi vào hoạt động trên phạm vi cả nước còn rất ít. Nhìn chung, tình hình tiếp cận các nguồn tín dụng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng đã từng bước được cải thiện phần nào nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của loại hình doanh nghiệp này trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Ngoài ra, tuy Luật Doanh nghiệp đã có nhiều thông thoáng, cởi mở hơn đối với quá trình đăng ký và hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhiều giấy phép đã được bãi bỏ nhưng hiện vẫn tồn tại các quy định làm giảm hiệu lực pháp lý của đạo luật này như Luật Thương mại cũng có điều khoản quy định về đăng ký kinh doanh, một số địa phương còn quyết định ngừng cấp đăng ký kinh doanh ở một số lĩnh vực...

Ngoài những khó khăn cơ bản về thể chế, chính sách, các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn có một số hạn chế về trình độ khoa học công nghệ.

Phần lớn công nghệ đang sử dụng lạc hậu từ 1 đến 2 thế hệ⁽³⁾; tay nghề lao động, các kỹ năng và nghiệp vụ quản lý còn rất thấp so với nhu cầu hiện nay; khả năng tiếp cận thị trường của các sản phẩm sản xuất ra còn manh mún. Khả năng tiếp cận với thị trường trong nước và quốc tế còn gặp nhiều khó khăn, sức cạnh tranh vẫn còn ở mức độ rất thấp. Việc tiếp cận với thông tin về văn bản, pháp luật, thị trường, tiến bộ công nghệ... còn tản mạn và hạn chế.

Cùng với những hạn chế nêu trên, trong quá trình hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn nảy sinh một số vấn đề như: nhiều doanh nghiệp đăng ký kinh doanh nhưng không hoạt động hoặc hoạt động không đúng danh mục đã đăng ký, tình trạng trốn thuế, gian lận thương mại, không kê khai nộp thuế ngày càng diễn biến phức tạp, ngày một tinh vi. Điển hình như ở thành phố Hồ Chí Minh, qua công tác kiểm tra, thành phố đã thu hồi 638 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do những vi phạm như: không hoạt động tại trụ sở đăng ký, không gửi báo cáo theo định kỳ... hay phát sinh các tệ nạn xã hội. Chỉ sau 3 tháng thực hiện Nghị định 37 (ngày 10-4-2003 về xử phạt hành chính trong đăng ký kinh doanh) đã có 60 trường hợp doanh nghiệp vi phạm bị đã bị xử phạt... Những con số trên vẫn chưa phản ánh hết những tiêu cực khác trong hoạt động của một bộ phận doanh nghiệp nhỏ và vừa như góp vốn không, giả mạo hồ sơ, giấy tờ tùy thân hoặc mượn giấy tờ của người lao động tìm việc để lập hồ sơ đăng ký kinh doanh... Theo số liệu thống kê của Cục Thuế Hà Nội, hiện đang có trên 400 doanh nghiệp có hiện tượng "bỏ trốn" khỏi địa chỉ kinh doanh; năm

(3) Thành phố Hồ Chí Minh được xem là khu vực phát triển nhất cả nước, thì trình độ công nghệ của các DNNVV cũng chỉ ở mức trung bình và lạc hậu, có 37,7% công nghệ ở trình độ dưới trung bình. Ở Hà Nội chỉ có 13,5% DNNVV có trang thiết bị tương đối hiện đại, 66% mức trung bình còn lại là lạc hậu. Đến nay chỉ có hơn 30 DNNVV ở Hà Nội được cấp chứng nhận chất lượng ISO. Các DNNVV ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng mới sử dụng rất ít In-tơ-nét trong việc tiếp cận thông tin để phục vụ sản xuất, kinh doanh

2002 Cục Thuế Hà Nội đã phát hiện 124 doanh nghiệp bỏ trốn mang theo 31.753 hóa đơn thuế VAT; năm 2003 chỉ có 2.240 trong số 14.404 doanh nghiệp cả nước đã nộp báo cáo tài chính. Nhiều doanh nghiệp không thực hiện chế độ báo cáo, né tránh đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động cũng như thực hiện các chế độ, chính sách cần thiết cho người lao động theo quy định của pháp luật; không bảo đảm vệ sinh thực phẩm, nhiều doanh nghiệp vi phạm việc bảo vệ môi trường sinh thái.

3 – Mấy gợi ý để doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp tục phát triển mạnh hơn nữa trong thời gian tới

Một là, sớm xây dựng khung pháp lý chung cho các thành phần kinh tế cùng bình đẳng phát triển cùng với việc ban hành Luật Doanh nghiệp chung, Luật Đầu tư chung, Luật Chống độc quyền; có những hướng dẫn cụ thể về Luật Phá sản, Luật Cạnh tranh. Từng bước xây dựng Chính phủ điện tử để khắc phục sự nhùng nhằng, nâng cao năng lực của các cơ quan quản lý kinh doanh và hành chính công quyền trong các hoạt động thực thi luật pháp, cấp phép đầu tư, quản lý đất đai, thuế, xuất nhập khẩu và hải quan... Cần lựa chọn lĩnh vực ưu tiên phát triển riêng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên cơ sở các chiến lược phát triển ngành đã được phê duyệt.

Hai là, có lộ trình giảm các chi phí khởi nghiệp và vận hành kinh doanh như: đơn giản hóa quy trình cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; đơn giản hóa quy trình đăng ký và cấp mã số thuế, khắc dấu; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu công trình; giảm gánh nặng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc tuân thủ các quy định liên quan đến kế toán và tăng mức độ tin cậy của các báo cáo tài chính của doanh nghiệp.

Cải thiện môi trường tài chính tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa bằng các biện pháp như: tăng cường tính cạnh tranh trong hệ thống ngân hàng; cải thiện quan hệ giữa các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính với các doanh nghiệp nhỏ và vừa; hình thành Quỹ hỗ trợ phát triển cho các doanh nghiệp nhỏ và

vừa và triển khai hoạt động rộng rãi các Quỹ bảo lãnh tín dụng giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa vượt qua những trở ngại về khả năng tiếp cận, khai thác mọi nguồn vốn.

Ba là, hỗ trợ ở mức độ phù hợp để các doanh nghiệp nhỏ và vừa có điều kiện nâng cao năng lực cạnh tranh trong quá trình đất nước chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế và gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Do vậy, Nhà nước cần tăng cường và nâng cao hơn nữa hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp qua cơ chế thị trường bằng cách: mở rộng các dịch vụ phát triển kinh doanh; cung cấp thông tin thị trường; dịch vụ hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, kể cả đối tượng là chủ sử dụng lao động và bản thân người lao động trong doanh nghiệp; hỗ trợ đẩy mạnh khả năng tiếp cận các nguồn tài chính cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; phát triển Quỹ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ đầu tư mạo hiểm. Thông qua các cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa cấp tỉnh, Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa và thông qua In-tơ-nét, các doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể dễ dàng tiếp cận đối với các thông tin cần thiết về luật pháp, quy định về thuế, quy định về lao động, đăng ký kinh doanh và cấp phép, các quy định về môi trường, về các chương trình tài chính, các ưu đãi trong đầu tư và các chương trình hỗ trợ của Chính phủ cũng như của các nhà tài trợ...

Bốn là, về phía các doanh nghiệp nhỏ và vừa muốn tồn tại và phát triển trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế thì cần thực hiện 5 *nhiệm vụ trọng tâm*: Nâng cao trình độ quản lý, kỹ năng trong kinh doanh; Đổi mới công nghệ máy móc thiết bị, đây là yêu cầu quan trọng giúp các doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao chất lượng và mẫu mã sản phẩm, tăng tính cạnh tranh trên thị trường; Đầu tư vào các hoạt động tiếp thị (Marketing) và tìm kiếm, khai thác các thị trường mới; Đào tạo nguồn nhân lực, coi đầu tư vào phát triển nguồn nhân lực là đầu tư chiến lược của doanh nghiệp không thể thiếu trong quá trình kinh doanh; Bảo đảm nguồn tín dụng kinh doanh có hiệu quả trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. □

BẢO VỆ VỮNG CHẮC CHỦ QUYỀN BIÊN GIỚI, VÙNG BIỂN CỦA TỔ QUỐC TRONG TÌNH HÌNH MỚI

VÕ TRỌNG VIỆT *

TRONG thời gian qua, trước những diễn biến phức tạp của tình hình trong nước và quốc tế, Đảng ta đã kịp thời đổi mới tư duy, nhận thức về bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Nghị quyết 08 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa IX ra đời đã cho chúng ta nhận thức rõ và sâu sắc, toàn diện hơn về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đó là bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia, nền tảng văn hóa, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa, sự nghiệp đổi mới và lợi ích quốc gia dân tộc... Nghị quyết cũng xác định rõ sự gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữa quốc phòng - an ninh và phát triển kinh tế - xã hội, giữa đối tượng và đối tác, giữa hợp tác và đấu tranh.

Sức mạnh quốc phòng - an ninh bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới là sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh và đối ngoại, sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước mà quân đội, công an là lực lượng nòng cốt. Mặc dù những năm qua, tình hình diễn biến phức tạp, kẻ địch chống phá quyết liệt, nhưng ý chí, trách nhiệm của toàn xã hội

đối với công tác quốc phòng - an ninh được nâng cao, tạo được sự đồng thuận lớn trong các tầng lớp nhân dân. Ở một số địa bàn vùng Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và một số nơi khác, tuy còn tiềm ẩn một số vấn đề phức tạp, nhưng về cơ bản, chúng ta đã giải quyết ổn định và từng bước phát triển. Tuy nhiên, lâu nay chúng ta còn tập trung giải quyết những vấn đề trước mắt, về trật tự xã hội, chưa quan tâm đúng mức những vấn đề cơ bản về an ninh quốc gia, tiềm lực quốc phòng, quân sự ở trình độ cao.

Nước ta với Trung Quốc có chung đường biên giới dài 1.463 km, qua 6 tỉnh của Việt Nam, 2 tỉnh của Trung Quốc. Biên giới Việt Nam - Lào có chiều dài 2.067 km, qua 10 tỉnh Việt Nam và 9 tỉnh Lào. Biên giới Việt Nam - Cam-pu-chia dài 1.137 km, qua 9 tỉnh Việt Nam, 7 tỉnh Cam-pu-chia. Bờ biển nước ta dài 3.260 km, với 550 cửa sông, 68 vịnh, 53 cảng biển, có 3.000 đảo lớn nhỏ. Khu vực ven biển có 26 tỉnh, thành phố. Những con số thống kê khái quát trên nói lên phần nào những thuận lợi cũng như khó khăn trong quản lý nhà nước về biên giới đất liền và biển đảo.

* Thiếu tướng, Chính ủy Bộ đội Biên phòng

Trong nhiều năm qua, Đảng ta đã có các chỉ thị, nghị quyết về xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia. Nhà nước ta cũng đã tiến hành đàm phán, ký kết nhiều hiệp định, hiệp ước về biên giới với các nước láng giềng, đồng thời ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật để thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng về biên giới. Từ đó, các cấp, các ngành, các địa phương và lực lượng đã coi trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ bảo vệ biên giới và xây dựng lực lượng bảo vệ biên giới.

Trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia, chúng ta đã tiến hành đấu tranh giải quyết tốt hàng ngàn vụ việc chính trị, hình sự, tranh chấp xảy ra trên biên giới, vùng biển. Đặc biệt là ký Hiệp định đường biên giới đất liền với Trung Quốc và tiến hành phân giới, cắm mốc; ký Hiệp định về vùng đánh cá chung trên biển giữa Trung Quốc với Việt Nam và đang từng bước triển khai thực hiện Dự án tôn tạo, tăng dày hệ thống mốc giới Việt Nam - Lào, ký Hiệp ước bổ sung về hoạch định biên giới quốc gia giữa Việt Nam - Cam-pu-chia, đang chuẩn bị triển khai hoạch định phân giới, cắm mốc, phân định chủ quyền giữa hai nước. Đồng thời thông qua đàm phán, thương lượng đang mở ra phương hướng giải quyết các vấn đề tồn tại, tranh chấp chủ quyền biên giới, biển đảo giữa nước ta với các nước láng giềng.

Trong phát triển kinh tế - xã hội, Đảng, Nhà nước đã quan tâm đầu tư phát triển ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, hải đảo, nhiều công trình kinh tế trọng điểm đã được xây dựng. Nhiều dự án kinh tế - xã hội xóa đói, giảm nghèo đã được thực hiện ở vùng sâu, vùng xa biên giới, hải đảo, hàng loạt các khu kinh tế mở, các cửa khẩu biên giới đã được khai thông. Đường lên biên giới, đường tuần tra biên giới được mở

rộng, hệ thống đồn biên phòng được tăng về số lượng, củng cố về chất lượng và di chuyển ra sát biên giới, các khu kinh tế - quốc phòng là hậu thuẫn và chỗ dựa rất lớn cho nhân dân và các đồn biên phòng ở vùng biên giới trọng điểm, phức tạp của Tổ quốc; đã và đang mở ra nhiều cơ hội thuận lợi cho dịch vụ, giao lưu hàng hóa, vừa làm sôi động thị trường ở biên giới, vừa là điều kiện xây dựng quan hệ hợp tác hữu nghị giữa nước ta với các nước láng giềng.

Trong xây dựng biên giới hòa bình hữu nghị, ổn định và hợp tác phát triển chúng ta đã giành được nhiều kết quả tốt đẹp. Chưa lúc nào quan hệ nhân dân và các lực lượng bảo vệ biên giới của nước ta với các nước láng giềng có mối quan hệ, giao lưu tốt đẹp như hiện nay. Những vấn đề tranh chấp chủ quyền, phòng chống tội phạm, cứu hộ, cứu nạn, xây dựng đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần ở nhiều địa phương đã có sự phối hợp chặt chẽ với nhân dân và các lực lượng bảo vệ biên giới của nước ta với các nước láng giềng, góp phần tích cực vào sự ổn định tình hình biên giới giữa hai nước. Một số vấn đề về biên giới, lãnh thổ, vùng chồng lấn trên biển với một số quốc gia đã được giải quyết.

Nhưng hiện nay biên giới đất liền, vùng biển, vùng trời của Tổ quốc hiệu lực quản lý nhà nước chưa đầy đủ, thiếu vững chắc. Đường biên giới quốc gia trên thực địa còn chưa thực sự ổn định, vùng biển và một số vùng lãnh thổ quan trọng trên bộ còn có sự tranh chấp hoặc bị lấn chiếm trái phép. Việc ký Hiệp ước, Hiệp định về biên giới đất liền, vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc và Hiệp ước bổ sung biên giới với Cam-pu-chia là cơ hội cho hòa bình, ổn định và phát triển ở khu vực và thế giới, phù hợp với lợi ích cơ bản của nhân dân hai nước. Nhưng từ nay cho đến khi phân định xong đường biên giới, hoàn thành việc cắm mốc trên thực địa và bảo đảm thực hiện hiệp ước,

hiệp định nghiêm chỉnh là chặng đường đấu tranh lâu dài và gian khổ. Các vùng biên giới chưa thực sự vững mạnh, nền kinh tế còn ở trình độ thấp kém, nhịp độ tăng trưởng thấp, giáo dục, y tế, văn hóa còn cách xa so với yêu cầu, nhiều vấn đề xã hội bức xúc và gay gắt chưa được giải quyết tốt. Nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân chưa được củng cố vững chắc, an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa và trật tự xã hội đang nảy sinh nhiều vấn đề mới nhưng hiệu quả phát hiện còn chậm, ngăn chặn đẩy lùi còn thấp. Công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược về quốc phòng, an ninh, đối ngoại chưa theo kịp diễn biến của tình hình. Sự phối hợp giữa an ninh, quốc phòng, đối ngoại trong việc giải quyết một số vấn đề cụ thể còn thiếu chặt chẽ.

Trên thế giới, hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn. Kinh tế thế giới và khu vực tiếp tục phục hồi và phát triển nhưng vẫn tiềm ẩn những yếu tố bất trắc khó lường. Những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động khủng bố, tranh chấp về biên giới, lãnh thổ, biển đảo và các tài nguyên thiên nhiên tiếp tục diễn ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp, gây bất ổn về kinh tế, chính trị, xã hội ở từng nước...

Để xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, đưa công tác quản lý - xây dựng và bảo vệ biên giới vùng biển tiến kịp yêu cầu nhiệm vụ, cần thực hiện những giải pháp vừa chiến lược, cơ bản, vừa cụ thể, cấp bách sau:

Thứ nhất, tiếp tục tăng cường bảo vệ và quản lý biển đảo quốc gia. Bảo vệ biển đảo chính là bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia, trước mắt là chống đói nghèo, lạc hậu. Nhiều nước lớn coi biển Đông là một khu vực trọng điểm về quyền lợi. Đối với nước ta bảo vệ và

quản lý biển là một bộ phận trong chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng và Nhà nước ta. Vì vậy, trong khi vẫn chăm lo giải quyết những vấn đề trước mắt, Đảng, Nhà nước cần quan tâm đầy đủ những lợi ích lâu dài về biển, tăng cường nghiên cứu khoa học, hoàn chỉnh hệ thống pháp lý về biển, ban hành Luật Môi trường biển. Trước hết, tập trung củng cố tổ chức, lực lượng chuyên trách về biển, chuẩn bị lực lượng, phương tiện, cơ sở vật chất tạo điều kiện để từng bước vươn ra làm chủ trên biển trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI. Tiếp tục thực hiện có trọng điểm chương trình biển Đông, hải đảo, xây dựng các đoàn tàu, tập đoàn tàu lớn gắn kinh tế với quốc phòng - an ninh ở vùng biển trọng điểm, từng bước đưa dân ra sinh sống ở những đảo có đủ điều kiện. Tập trung đầu tư về mọi mặt cho vùng biển bãi ngang, nơi đang còn nhiều khó khăn, thiếu thốn để từng bước trở thành phòng tuyến nhân dân vững chắc bảo vệ biển đảo của Tổ quốc.

Thứ hai, chú trọng nhiệm vụ quản lý, bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ, biên giới quốc gia trong thời kỳ mở cửa, giao lưu, hội nhập. Hiện nay, biên giới, vùng biển nước ta còn nhiều điểm tranh chấp, chồng lấn, tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định trước mắt và lâu dài. Về mặt chiến lược Đảng và Nhà nước ta cần tập trung đàm phán giải quyết dứt điểm về chủ quyền, lãnh thổ giữa nước ta với các nước láng giềng; các địa phương cần có sự chỉ đạo, định hướng để tăng cường quan hệ, giao lưu, tạo sự gần gũi, thân thiện, tin cậy lẫn nhau giữa nhân dân hai nước ở hai bên biên giới. Đó là tiền đề cơ bản để giải quyết các vấn đề phức tạp xảy ra dễ dàng và nhẹ nhàng hơn. Thực tế hiện nay trên các tuyến biên giới, nhất là Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Cam-pu-chia và vùng biển, còn nhiều lý do khác nhau nên một số địa phương còn cứng nhắc, máy móc trong quan hệ giao lưu ở hai bên biên giới. Đồng

thời Đảng và Nhà nước có những cơ chế chính sách đặc biệt, thỏa đáng cho lực lượng bảo vệ biên giới làm nhiệm vụ quan trọng đặc biệt để họ yên tâm gắn bó cả cuộc đời binh nghiệp của mình nơi biên cương, hải đảo của Tổ quốc, thu hút được người tài giỏi lên biên giới nghiên cứu và làm việc.

Thứ ba, đổi mới công tác quản lý, bảo vệ và xây dựng biên giới, tập trung vào ba khâu trọng yếu là: quản lý tốt mốc quốc giới và các dấu hiệu đường biên giới quốc gia; kiểm soát chặt chẽ việc lưu thông biên giới và duy trì nghiêm quy chế biên giới, kết hợp chặt chẽ bảo vệ đường biên, mốc giới với bảo vệ an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh văn hóa với phòng thủ sẵn sàng chiến đấu. Xây dựng kế hoạch chặt chẽ bảo vệ biên giới với bảo vệ nội địa và nội bộ; kết hợp chặt chẽ giữa ba tuyến: ngoại biên, biên phòng, nội địa (đất liền) - tuyến khơi - lòng - bờ (biển đảo). Phát huy sức mạnh tổng hợp tại chỗ với sức mạnh cả nước, sức mạnh của lực lượng chuyên trách và các lực lượng, phương tiện khác, tập trung trọng điểm, quán xuyên cho được chính diện đường biên giới và chiều sâu khu vực biên phòng, đối tượng và địa bàn phù hợp với đặc điểm từng tuyến biên giới. Đẩy mạnh hơn nữa việc quy hoạch đưa dân cư ra sát biên giới, nhất là những vùng biên giới chưa có dân hoặc dân ở xa biên giới; gắn quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội với công tác bảo vệ, quản lý biên giới, phát triển nông - lâm - ngư nghiệp với chủ động điều chỉnh kịp thời về bố trí lực lượng thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân trên các vùng biên giới.

Thứ tư, tổ chức thực hiện chặt chẽ và có hiệu quả thiết thực các chương trình kinh tế - xã hội của Nhà nước với tăng cường sức mạnh quốc phòng, an ninh, thích hợp với từng tuyến biên giới, tạo cho được những điển hình về kinh tế nông - lâm - công nghiệp, những điểm

sáng về văn hóa ở các vùng biên giới. Từng địa phương, từng cấp, từng ngành cần cụ thể hóa các chương trình kinh tế - xã hội của Nhà nước, rà soát điều chỉnh cơ cấu kinh tế - kỹ thuật, cơ cấu đầu tư, định bước đi thích hợp cho từng vùng biên giới, gắn chặt xây dựng kinh tế, văn hóa với củng cố quốc phòng - an ninh, coi trọng xây dựng kết cấu hạ tầng, điện, đường, trường, trạm, đầu tư thích đáng cho các khu kinh tế - quốc phòng trên các địa bàn chiến lược quan trọng. Sự kết hợp nói trên cần đưa vào chương trình chiến lược kinh tế - xã hội của Nhà nước đến năm 2010 và 2020. Tiếp tục phát triển các khu kinh tế - quốc phòng, xây dựng các khu quốc phòng - kinh tế với mục tiêu tăng cường quốc phòng - an ninh là chủ yếu, tập trung vào các địa bàn trọng điểm chiến lược và những khu vực nhạy cảm trên biên giới đất liền, biển đảo. Xây dựng công nghiệp quốc phòng trong hệ thống công nghiệp quốc gia, đầu tư có chọn lọc theo hướng hiện đại, vừa phục vụ quốc phòng vừa phục vụ dân sinh.

Thứ năm, xây dựng chương trình phát triển và củng cố lực lượng chính trị - vũ trang tại chỗ, duy trì và nâng cao chất lượng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc và phong trào thi đua quyết thắng trong dân quân tự vệ ở các xã biên giới. Tổ chức tốt Ngày Biên phòng toàn dân hằng năm một cách thiết thực, để giáo dục nghĩa vụ và quyền lợi cho mọi thế hệ công dân đối với sự nghiệp bảo vệ biên giới. Gắn các chính sách xã hội với chủ trương xây dựng và củng cố quốc phòng - an ninh biên giới. Ban hành chính sách khuyến khích các hình thức kết nghĩa, đỡ đầu giữa nội địa thành phố với biên giới, các lực lượng phía sau với các lực lượng phía trước trên biên giới, thực hiện chế độ luân chuyển thanh niên, cán bộ quân đội, công an, cán bộ khoa học, kỹ thuật thay phiên nhau tham gia nghiên cứu bảo vệ và xây dựng

(Xem tiếp trang 64)

Thành tựu chủ yếu qua 10 năm thực hiện "Cương lĩnh hành động Bắc Kinh" của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

MINH NHẬT

hành và sửa đổi nhằm tạo ra cơ chế thuận lợi nhất cho việc thực hiện và bảo đảm quyền tự do và bình đẳng của phụ nữ nói riêng, giải quyết những vấn đề nảy sinh có liên quan đến phụ nữ nói chung theo *Cương lĩnh hành động Bắc Kinh*.

VAI trò của phụ nữ Việt Nam trong sự nghiệp phát triển và xây dựng đất nước luôn được Đảng, Nhà nước ghi nhận và đánh giá cao. Nhà nước Việt Nam mới ra đời, Hiến pháp đầu tiên (1946) của nước ta đã khẳng định: "*Phụ nữ bình đẳng với nam giới về mọi phương diện*"; và trong các Hiến pháp sửa đổi sau này (1959, 1980, 1992), vấn đề bình đẳng nam nữ tiếp tục được khẳng định. Vị trí và vai trò của phụ nữ đã được Nhà nước thể chế hóa thông qua hệ thống luật pháp, cơ chế chính sách nhằm bảo đảm lợi ích chính đáng của phụ nữ trong tất cả các lĩnh vực. Tại Hội nghị thế giới lần thứ 4 về phụ nữ của Liên hợp quốc (tại Bắc Kinh - Trung Quốc, tháng 5-1995), Việt Nam đã công bố Chiến lược Vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đến năm 2000, và văn bản này trở thành cam kết quốc tế quan trọng của Việt Nam về vấn đề phụ nữ.

Trên cơ sở bảo đảm quyền bình đẳng của phụ nữ với nam giới theo Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam và tinh thần của Hội nghị Phụ nữ thế giới lần 4, hơn 10 năm qua, nhiều luật pháp và chính sách đã được Nhà nước ban

Đề tăng cường sự phát triển bền vững về kinh tế, thực hiện có hiệu quả chính sách xóa đói nghèo, Chính phủ đã xây dựng Chiến lược về Phát triển và Xóa đói, giảm nghèo nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, cơ chế, chính sách và biện pháp của chiến lược phát triển kinh tế xã hội cho giai đoạn 2001 - 2010, trong đó xác định bình đẳng giới là mục tiêu có ý nghĩa thiết yếu đối với toàn bộ Chiến lược.

Cùng với việc đó, từ tình hình thực tế của phụ nữ Việt Nam trong 10 năm qua và trên cơ sở những vấn đề trọng tâm được đề cập trong Cương lĩnh hành động Bắc Kinh, Chính phủ Việt Nam đã xây dựng hai chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam, gồm *Chiến lược phát triển vì sự tiến bộ của Phụ nữ Việt Nam đến năm 2000* và *Chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của Phụ nữ Việt Nam đến 2010*. Các chiến lược này có vai trò cốt yếu trong khuôn khổ chung của Chính phủ nhằm thực hiện và duy trì bình đẳng giới; tạo điều kiện phát huy mọi tiềm năng, nâng cao vai trò, tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội; nâng cao chất lượng cuộc sống cho phụ nữ, cũng như tạo

điều kiện cần thiết để phụ nữ được hưởng các quyền cơ bản của mình một cách bình đẳng và đầy đủ.

Ngay sau Hội nghị Bắc Kinh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của Phụ nữ Việt Nam khẩn trương xây dựng và ban hành kế hoạch hành động quốc gia và được cụ thể hóa thành kế hoạch hành động của các bộ, ngành và tỉnh, thành phố. Qua hơn 10 năm thực hiện Cương lĩnh hành động Bắc Kinh, phong trào và hoạt động của Phụ nữ Việt Nam đã đạt được những thành tựu bước đầu đáng ghi nhận.

Về các hoạt động xóa đói giảm nghèo cho phụ nữ: Để thực hiện mục tiêu tới năm 2010 đạt tỷ lệ 80% số hộ đói nghèo do phụ nữ làm chủ hộ được vay vốn từ chương trình xóa đói, giảm nghèo và 50% số phụ nữ trong tổng số người được vay vốn tín dụng, trong nhiều năm qua, các cấp Hội chỉ đạo linh hoạt thực thi các chính sách hỗ trợ vốn, công tác khuyến nông, khuyến lâm giúp người nông dân nói chung và phụ nữ nông thôn nói riêng nâng cao kiến thức khoa học - kỹ thuật, trọng tâm tập trung giải quyết các vấn đề: Xem xét, thông qua và duy trì các chính sách kinh tế vĩ mô, các chiến lược khắc phục nạn đói nghèo; sửa đổi các điều luật, hệ thống quản lý hành chính nhằm bảo đảm các quyền và sự tiếp cận bình đẳng của phụ nữ đối với các nguồn lực kinh tế; tạo điều kiện cho phụ nữ được tiếp cận các cơ chế, các thể chế tiết kiệm và ứng dụng; tiến hành nghiên cứu phụ nữ giải quyết nạn đói nghèo...

Trên tinh thần đó, các cấp Hội chủ động khai thác nguồn vốn từ các chương trình quốc gia, từ hệ thống ngân hàng, các tổ chức tín dụng và từ nội lực của phụ nữ để duy trì và phát triển các hoạt động cho vay vốn và tiết kiệm cho phụ nữ. Thực hiện Nghị quyết liên tịch với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hơn 1,3 triệu phụ nữ vay vốn với

tổng số 5.134 tỉ đồng, thành lập trên 56.000 tổ phụ nữ vay vốn tiết kiệm. Mô hình này trở thành tiêu biểu vì tỷ lệ nợ quá hạn rất thấp (0,71%), chị em sử dụng hiệu quả đồng vốn được vay và giúp xã hội hóa một bước công tác tín dụng ngân hàng. Đối với Ngân hàng Chính sách xã hội, số vốn do Hội tín chấp chiếm hơn 50% tổng doanh số vốn cho hộ nghèo do ngân hàng quản lý; và, từ nguồn vốn này, các cấp Hội đã tín chấp được hơn 4.000 tỉ đồng cho hơn 1,5 triệu phụ nữ vay.

Để bảo đảm sử dụng hiệu quả đồng vốn, Hội đã xây dựng mô hình điểm "*Tổ, nhóm phụ nữ tiết kiệm*", lồng ghép với các hoạt động khác, tạo ra cơ chế quản lý bảo đảm sử dụng an toàn, hiệu quả đồng vốn vay. Đây là hoạt động phù hợp và đạt hiệu quả cao vì thủ tục vay vốn đơn giản, không cần tài sản thế chấp, được thực hiện ngay tại địa bàn. Tính đến tháng 5-2004, số tổ, nhóm phụ nữ tiết kiệm đạt 163.846 đơn vị, với tổng số thành viên là 2.422.580 người.

Các phong trào "Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình", phong trào "Ngày tiết kiệm vì phụ nữ nghèo", để tự tạo được nguồn vốn trong nội bộ phụ nữ và nâng cao ý thức tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng được nhân rộng. Từ năm 1997 - 2004, qua các phong trào này, Hội Phụ nữ các cấp huy động 866.968 triệu đồng cho hơn 760.000 lượt phụ nữ vay vốn sản xuất và phát triển kinh tế hộ gia đình. Nhìn chung, tỷ lệ hoàn trả vốn vay của chị em tương đối cao: trên 95%. Với tinh thần chủ đạo là tập trung giúp phụ nữ nghèo an cư để lạc nghiệp, Hội các cấp tổ chức nhiều phong trào: xây dựng nhà tình thương, giúp phụ nữ nghèo xóa nhà tranh tre, dột nát, xóa nhà ở tạm bợ bằng cách vận động các tầng lớp phụ nữ và cộng đồng góp tiền của, ngày công. Chỉ tính riêng trong giai đoạn 2002 - 2004, các cấp Hội đã huy động và ủng hộ trên 18 tỉ đồng

xây dựng nhà tình thương cho phụ nữ nghèo khó. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đã ký Nghị quyết liên tịch với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hỗ trợ phụ nữ nông thôn phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng cuộc sống. Trong sự phối hợp này, ngành nông nghiệp đóng vai trò chuyển giao kiến thức, hướng dẫn kỹ thuật, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam là người tổ chức, vận động chị em tham gia và áp dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn.

Để xóa đói, giảm nghèo bền vững, Hội Phụ nữ các cấp đặc biệt quan tâm tới việc đào tạo đội ngũ cán bộ thực hiện công tác xóa đói, giảm nghèo. Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phối hợp với 11 tỉnh mở 12 lớp tập huấn cho 807 cán bộ của Hội, chủ yếu dành cho các xã nghèo, xã miền núi, vùng sâu, vùng xa nhằm nâng cao kiến thức cho chị em nhất là về chính sách xóa đói, giảm nghèo, kỹ năng tổ chức các hoạt động xóa đói, giảm nghèo. Bằng nhiều mô hình, cách làm và biện pháp thiết thực, các cấp Hội góp phần tích cực vào việc tăng tỷ lệ phụ nữ nghèo được vay vốn, chuyển giao tiến bộ khoa học - kỹ thuật, giúp nhiều phụ nữ thoát đói nghèo, hạ thấp tỷ lệ đói nghèo. Các hoạt động xóa đói của Hội Phụ nữ đã góp phần giảm tỷ lệ đói nghèo toàn quốc từ 23% (năm 1994) xuống còn 9,96% (năm 2002).

Các hoạt động giáo dục - đào tạo cho phụ nữ và trẻ em được coi là một chương trình trọng tâm của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong 10 năm qua.

Các cấp Hội tập trung thực hiện các mục tiêu: Bảo đảm tiếp cận bình đẳng với giáo dục, lồng ghép giới vào chương trình giáo dục ở tất cả các cấp, xóa mù chữ cho phụ nữ; nâng cao khả năng tiếp cận của phụ nữ đối với đào tạo nghề, khoa học - kỹ thuật và giáo dục nâng cao, phát triển giáo dục - đào tạo không có sự

phân biệt đối xử; phân bổ nguồn lực phù hợp và kiểm tra giám sát việc thực hiện cải cách giáo dục, tăng cường giáo dục và đào tạo suốt đời cho trẻ em gái và phụ nữ.

Từ chương trình "Giáo dục phẩm chất đạo đức, nâng cao năng lực và trình độ mọi mặt cho phụ nữ"; phong trào thi đua "Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc", Hội Phụ nữ động viên, khuyến khích mọi tầng lớp phụ nữ phấn đấu học tập nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng nghề nghiệp, học đi đôi với hành để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác, tổ chức tốt cuộc sống gia đình, xây dựng nếp sống văn hóa, nâng cao chất lượng cuộc sống. Đến nay, có gần 10 triệu phụ nữ đăng ký phấn đấu thực hiện.

Dưới nhiều hình thức tuyên truyền, tổ chức tập huấn, nói chuyện chuyên đề, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu kiến thức..., Hội Phụ nữ các cấp đã nâng cao nhận thức cho phụ nữ về các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức về giới, sức khỏe, kế hoạch hóa gia đình, vệ sinh môi trường, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng chống HIV/AIDS.

Để nâng cao trình độ học vấn, cấp học cho các đối tượng, các cấp Hội quan tâm nhiều nhất là xóa mù chữ và phổ cập tiểu học cho phụ nữ dân tộc thiểu số, nhất là cán bộ hội cơ sở còn mù chữ và chưa phổ cập tiểu học. Từ năm 1997 đến 2004, phối hợp với ngành giáo dục, Bộ đội Biên phòng tổ chức lớp học xóa mù chữ cho gần 300.000 người, đặc biệt là phụ nữ nghèo người dân tộc thiểu số, trong đó có 4.468 cán bộ hội ở cơ sở, đồng thời chủ động xây dựng mô hình giáo dục xóa mù chữ và chống tái mù chữ. Vận động học sinh bậc tiểu học, trẻ em gái ở các địa bàn miền núi xa xôi hẻo lánh, vùng khó khăn đến trường, các cấp Hội tiến hành xây dựng quỹ học bổng, tổ chức các lớp học tình thương, hỗ trợ học sinh nghèo

vượt khó... Từ năm 1997 đến 2001, vận động được 40.318 triệu đồng giúp trẻ em bỏ học trở lại trường, 65.060 triệu đồng giúp trẻ em đặc biệt khó khăn, tặng 196.491 xuất học bổng từ Quỹ Hỗ trợ trẻ em nghèo vượt khó với tổng số tiền là 81.185 triệu đồng. Nhân dịp Liên hợp quốc phát động "Thập kỷ xóa mù chữ và Tuần lễ giáo dục cho mọi người", Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phối hợp với Ủy ban Quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ ấn hành 7.000 tờ rơi "Xóa mù chữ cho phụ nữ và trẻ em gái"; tham gia hưởng ứng tiết học toàn cầu về tuyên truyền thập kỷ xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục cho mọi người trên toàn thế giới do UNESCO phát động.

Nhằm tạo cơ hội có việc làm, góp phần thực hiện chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế và xóa đói, giảm nghèo cho phụ nữ, hoạt động đào tạo nghề được đẩy mạnh trong hệ thống Hội, theo hướng vừa đẩy mạnh dạy nghề tại trung tâm vừa tăng cường dạy nghề lưu động tại cơ sở phù hợp với thể mạnh của từng địa phương; gắn đào tạo nghề với giới thiệu việc làm; kết hợp đào tạo nghề với đào tạo kỹ năng quản lý doanh nghiệp... Hoạt động hỗ trợ phụ nữ sau đào tạo nghề ngày càng được chú trọng: hỗ trợ cho vay vốn sản xuất kinh doanh, tổ chức sản xuất và bao tiêu sản phẩm, gia công hàng xuất khẩu. Từ năm 1997 đến 2003, các cấp Hội đã đào tạo nghề ngắn hạn cho 780.973 lao động, trong đó 179.237 người có việc làm sau đào tạo.

Các hoạt động tuyên truyền nâng cao kiến thức về dân số, kế hoạch hóa gia đình và sức khỏe sinh sản và chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ và trẻ em được coi là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu trong triển khai thực hiện mục tiêu: Góp phần cải thiện sức khỏe phụ nữ, trẻ em, tạo điều kiện để các bà mẹ sinh con khỏe mạnh, nuôi dạy con tốt; tăng cường khả năng tiếp cận của phụ nữ trong suốt cuộc đời của họ tới các dịch vụ chăm sóc sức khỏe phù

hợp, chi phí vừa phải và có chất lượng, tới thông tin và các dịch vụ có liên quan; thúc đẩy việc nghiên cứu và phổ biến thông tin về sức khỏe của phụ nữ, các sáng kiến nhạy cảm về giới để giải quyết các bệnh lây lan qua đường tình dục, HIV/AIDS và các vấn đề sức khỏe sinh sản; tăng cường các nguồn lực và công tác giám sát các hoạt động vì sức khỏe của phụ nữ.

Thông qua mạng lưới cán bộ Hội và tuyên truyền của Hội ở cơ sở, những nội dung về chăm sóc sức khỏe được phổ biến trực tiếp tới phụ nữ tại địa bàn dân cư, giúp chị em nâng cao nhận thức, tiến tới xây dựng hành vi đúng đắn về chăm sóc sức khỏe sinh sản. Chiến dịch truyền thông theo chiều sâu được tổ chức vào các dịp "Ngày Dân số thế giới", "Ngày Dân số Việt Nam", "Ngày Gia đình Việt Nam", "Tuần lễ dinh dưỡng", "Tuần lễ An toàn vệ sinh thực phẩm", "Ngày Thế giới phòng chống HIV/AIDS" dưới nhiều hình thức phong phú. Các cấp Hội chủ động đề xuất và phối hợp chặt chẽ với ngành y tế, dân số tổ chức khám sức khỏe, khám chữa bệnh phụ khoa, các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cho phụ nữ, đặc biệt miễn phí tại các xã nghèo vùng sâu, vùng xa. Xây dựng các mô hình Dân số - Sức khỏe sinh sản lồng ghép với nội dung xóa đói giảm nghèo, tăng thu nhập, xóa mù chữ cho phụ nữ, lồng ghép dân số với phát triển gia đình bền vững thông qua hoạt động tín dụng tiết kiệm và phát triển kinh tế gia đình. Bình đẳng giới là một nội dung được Hội rất quan tâm trong thực hiện Chiến lược Dân số - Chăm sóc sức khỏe sinh sản. Các cấp Hội thành lập nhiều loại hình câu lạc bộ phục vụ công tác này: "Câu lạc bộ gia đình trẻ", "Câu lạc bộ dân số và kế hoạch hóa gia đình", "Câu lạc bộ dạy con ngoan"; đồng thời xây dựng được chương trình, kế hoạch thực hiện dự án "Bình đẳng giới và trách nhiệm của nam giới trong kế hoạch gia đình" (do Chính phủ phối hợp với

Quỹ Dân số của Liên hợp quốc thực hiện chương trình sức khỏe trong 3 năm từ 1997 đến 2000), nhằm khuyến khích người chồng chia sẻ trách nhiệm với người vợ trong thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

Các hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, nhằm tăng cường các quyền và sự độc lập về kinh tế của phụ nữ, bao gồm khả năng tiếp cận việc làm, điều kiện làm việc phù hợp và kiểm soát các nguồn kinh tế, sau Hội nghị Bắc Kinh được tiến hành mạnh mẽ. Trong đó, việc đánh giá về tác động của một số chính sách lao động đối với sự tiến bộ của phụ nữ; nghiên cứu điều kiện làm việc của phụ nữ trong những công việc nặng nhọc và độc hại; luật bảo hiểm xã hội trong thời gian nghỉ sinh con, nghỉ ốm và chăm sóc con nhỏ; các chính sách của Nhà nước đối với lao động nữ trong các doanh nghiệp có vốn nước ngoài được hết sức coi trọng. Đồng thời, các cấp Hội chủ động khai thác các nguồn vốn hỗ trợ phụ nữ phát triển sản xuất, kinh doanh. Tùy theo hướng phát triển doanh nghiệp hộ gia đình, chú trọng giải quyết việc làm, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển ngành nghề phù hợp với thế mạnh của địa phương. Từ năm 1997 đến 2004, tổng doanh số vốn do các cấp Hội trực tiếp quản lý hoặc tín chấp cho 16 triệu phụ nữ vay đạt trên 20 nghìn tỉ đồng. Riêng từ vốn Quỹ quốc gia giải quyết việc làm, từ năm 1996 đến tháng 8-2004, Hội Phụ nữ đã cho 2.058 dự án vay vốn với doanh số vốn là 155 tỉ đồng với 117.461 lượt hộ vay, giải quyết việc làm cho 150.355 lao động. Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nữ được đẩy mạnh trong toàn hệ thống Hội, như: cung cấp các dịch vụ kinh doanh, đào tạo và tiếp cận tới thị trường thông tin và công nghệ; tạo điều kiện cho các doanh nhân nữ tham gia các hoạt động tư vấn, các diễn đàn trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động doanh nghiệp; tổ chức hội nghị trao đổi kinh nghiệm, hội thảo

chuyên đề nhằm cung cấp thông tin cho doanh nghiệp nữ về luật pháp liên quan đến doanh nghiệp, thị trường, công nghệ, chất lượng hàng hóa. Với sự hỗ trợ của một số tổ chức quốc tế, Hội đã tổ chức 289 lớp, đào tạo 8.672 nữ chủ doanh nghiệp nhỏ tại 52 tỉnh, thành về khởi sự doanh nghiệp, nâng cao kiến thức và kỹ năng quản lý doanh nghiệp. Để thu hút nữ doanh nhân vào tổ chức, Hội các cấp thành lập 262 câu lạc bộ doanh nghiệp nữ, thu hút 9.512 thành viên.

Điều rất đáng ghi nhận là, việc nâng cao quyền năng và ra quyết định của phụ nữ tiến những bước quan trọng. Tỷ lệ phụ nữ giữ các chức vụ lãnh đạo và ra quyết định không ngừng tăng trong 10 năm qua. Từ năm 1994 đến 2004, phụ nữ là đại biểu Quốc hội tăng 8,8%, là thành viên Hội đồng nhân dân các cấp tăng từ 3% - 5%; phụ nữ làm lãnh đạo và quản lý doanh nghiệp đạt khoảng 15%. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam ngày càng chủ động hơn trong công tác tham mưu cho cấp ủy về công tác cán bộ nữ, đặc biệt là trong việc thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW Về công tác cán bộ nữ.

Để đạt các mục tiêu theo cam kết thực hiện "Chương trình Bắc Kinh" của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về bình đẳng giới, phát triển hiệu quả hơn, cần có sự hỗ trợ về nhân lực, tài lực và vật lực cần thiết cho các hoạt động cụ thể. Đặc biệt về vấn đề bình đẳng giới và nâng cao quyền năng cho phụ nữ, trước hết cần có sự nhận thức đúng đắn của toàn xã hội; đẩy mạnh hơn nữa việc kết hợp giữa điều kiện và các nhu cầu cơ bản của phụ nữ trên cơ sở bình đẳng về quyền và các mối quan hệ, thúc đẩy và bảo vệ các quyền của phụ nữ cùng với nam giới. Đẩy lùi các thiên kiến về giới làm hạn chế tiềm năng to lớn của phụ nữ; củng cố, tạo điều kiện cho phụ nữ tiếp cận bình đẳng và kiểm soát các nguồn lực về tài chính và kinh tế từ trong gia đình và xã hội. □

NHÀ MÁY ĐẠM PHÚ MỸ -
điểm sáng về phát huy
nội lực thực hiện
công nghiệp hóa, hiện đại hóa

NGUYỄN XUÂN DINH *

VIỆT Nam là một nước có nhiều lợi thế về phát triển nông nghiệp, nhất là trồng trọt, quanh năm cây cối xanh tốt, trong đó sản xuất lúa gạo đang chiếm tỷ trọng lớn cả về nguồn lực lao động lẫn đất đai. Bởi vậy, cùng với việc tích cực áp dụng các biện pháp giống, thâm canh tăng năng suất, chất lượng để bảo đảm an ninh lương thực, đẩy mạnh xuất khẩu, thì nhu cầu phân đạm (trong đó chủ yếu là u-rê) ngày một cao. Vào cuối những năm 90 của thế kỷ trước, tiêu thụ phân đạm trong nước đã vượt 2 triệu tấn/năm, trong khi đó cả nước chỉ có duy nhất Nhà máy phân đạm Hà Bắc với sản lượng gần 0,1 triệu tấn/năm, đáp ứng khoảng 5% nhu cầu. Để đối phó với những biến động thất thường của thị trường nhập khẩu phân đạm, ổn định sản xuất và đời sống của gần 70% dân số sinh sống chủ yếu bằng nghề nông, hằng năm Nhà nước dành hàng trăm triệu USD dự trữ chiến lược của ngân sách cho việc nhập khẩu phân bón.

Bên cạnh đó, từ năm 1995, dòng khí thiên nhiên (đồng hành) của mỏ dầu Bạch Hổ đã được dẫn vào bờ. Cùng với việc sử dụng khí thiên nhiên cho phát điện và làm chất đốt, ngành hóa chất Việt Nam đã xúc tiến đàm phán với các nhà đầu tư nước ngoài hợp tác xây dựng nhà máy phân đạm sử dụng nguyên liệu là khí thiên nhiên. Đảng

và Nhà nước đã quyết định giao cho Tổng công ty Dầu khí Việt Nam đầu tư 100% xây dựng Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Báo cáo nghiên cứu khả thi Nhà máy Đạm Phú Mỹ đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Quyết định số 166/QĐ-TTg, ngày 20-2-2001). Các công tác triển khai dự án lập tức được tiến hành (từ tháng 8-2001

thành lập Ban quản lý dự án, thu xếp các nguồn vốn, đàm phán Hợp đồng thiết kế - cung ứng thiết bị vật tư - xây dựng (EPC) với nhà thầu nước ngoài, chuẩn bị địa điểm v.v...). Sau 3 năm xây dựng, tháng 8-2004 Nhà máy Đạm Phú Mỹ đã được hoàn thành và chính thức đi vào sản xuất.

Từ thành công của Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ, bước đầu chúng tôi rút ra một số nội dung như sau:

- Nhà máy Đạm Phú Mỹ là dự án dựa vào nội lực là chính và đã phát huy nội lực một cách hiệu quả.

Để xây dựng Nhà máy Đạm Phú Mỹ Chính phủ quyết định đầu tư xây dựng khoảng 380 triệu USD từ các nguồn vốn trong nước (vốn tự có của Tổng công ty Dầu khí Việt Nam và vốn vay từ các ngân hàng trong nước). Nhân lực trong bộ máy quản lý dự án và bộ máy quản lý và vận hành nhà máy đều là người Việt Nam. Việc đào tạo theo một chương trình công phu kết hợp với sử dụng tư vấn trợ giúp quản lý và tư vấn trợ giúp vận hành trong thời gian hợp lý đã phát huy tối đa năng lực của đội ngũ nhân lực Việt Nam trong việc nắm bắt và làm chủ công nghệ quản lý và công nghệ sản

* Phó Vụ trưởng, Vụ Năng lượng dầu khí Bộ Công nghiệp

xuất của thế giới ở trình độ cao. Nguyên liệu của nhà máy là khí thiên nhiên Bạch Hổ và các nguồn khí thiên nhiên khác khai thác ở thềm lục địa phía Nam. Qua việc sử dụng khí thiên nhiên để sản xuất phân đạm đã làm cho giá trị sử dụng của nó tăng lên khoảng 5 - 6 lần. Đồng thời, việc sử dụng khí thiên nhiên đã được đa dạng hóa; trước đây khí thiên nhiên ở nước ta chỉ được dùng làm nhiên liệu phát điện, nay đã có thêm 3 sản phẩm từ khí thiên nhiên: a-mô-ni-ắc, u-rê và khí các-bon-níc.

- Sản phẩm của nhà máy đạt chất lượng tốt, tham gia điều tiết thị trường ngay từ đầu. Trong quá trình chạy thử và sản xuất thử, sản phẩm của nhà máy đã đạt tiêu chuẩn thiết kế. Những tấn phân đạm đầu tiên đã được bán ra thị trường nội địa vào tháng 8-2004. Đến hết năm 2004 Nhà máy Đạm Phú Mỹ đã sản xuất được 285.000 tấn sản phẩm. Sản phẩm của nhà máy lập tức tham gia thị trường, bảo đảm một nguồn cung cấp quan trọng, bình ổn giá cả và cung cầu. Trong năm 2005, thị trường phân đạm thế giới tiếp tục "sốt" với giá cao, luôn ở mức trên 200 USD/tấn, thì Nhà máy Đạm Phú Mỹ đã sản xuất được 646.000 tấn u-rê và 24.987 tấn a-mô-ni-ắc thương phẩm. Toàn bộ sản phẩm của nhà máy được tiêu thụ trên thị trường nội địa, chiếm trên 30% thị phần. Nhà nước đã có trong tay một lượng phân u-rê đủ lớn để giúp Chính phủ điều tiết, ổn định thị trường phân đạm. Không những thế, bắt đầu từ năm 2005 Chính phủ không dành mấy trăm triệu USD để nhập phân bón dự trữ chiến lược.

- Dự án sớm đạt được hiệu quả kinh tế cao. Kể từ khi hợp đồng chia khóa trao tay về thiết kế - xây dựng Nhà máy Đạm Phú Mỹ có hiệu lực, nhà máy đã sớm hoàn thành giai đoạn chạy thử và bàn giao đưa vào sản xuất chính thức. Trong thời gian chạy thử, tính đến ngày 21-9-2004, nhà máy đã sản xuất được 76.000 tấn u-rê và gần 19.754 tấn a-mô-ni-ắc trị giá trên 300 tỉ đồng, đạt tiêu chuẩn chất lượng và được khách hàng chấp nhận. Từ khi bắt đầu chạy thử đến ngày 31-12-2004, Nhà máy Đạm Phú Mỹ đã sản xuất được 285.000 tấn u-rê và hơn 15.000 tấn

a-mô-ni-ắc thương phẩm, trị giá gần 900 tỉ đồng. Năm 2005, nhà máy sản xuất được hơn 640.000 tấn u-rê và gần 30.000 tấn a-mô-ni-ắc thương phẩm, đạt doanh thu 2.650 tỉ đồng, nộp ngân sách nhà nước 65,5 tỉ đồng, lãi 900 tỉ đồng. Sản phẩm u-rê của nhà máy có giá bán luôn thấp hơn u-rê nhập khẩu khoảng 5%.

- Tiến độ thực hiện dự án nhanh. Ngay từ đầu, chủ đầu tư đã phối hợp chặt chẽ với tổng thầu kiểm soát được tiến độ. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Ban Quản lý khu công nghiệp Phú Mỹ 1 đã tích cực hoàn tất việc giải phóng và bàn giao mặt bằng kịp thời đợt 1 vào giữa tháng 9-2001 và toàn bộ mặt bằng 63 ha vào đầu tháng 11-2001. Tổng thầu áp dụng chương trình phần mềm đặc dụng để lập và kiểm soát tiến độ của từng công việc, từng hạng mục công trình và của toàn dự án. Tình hình thực hiện được cập nhật, đối chiếu với tổng tiến độ và báo cáo hằng tuần, hằng tháng về tất cả các khâu công việc từ khảo sát, san lấp, thiết kế, đặt hàng mua sắm thiết bị, xây lắp, chạy thử đến bàn giao nhà máy. Ban Quản lý dự án tiến hành lập và kiểm soát tiến độ của các hạng mục công trình ngoài hàng rào, các công việc tuyển dụng, đào tạo đội ngũ quản lý vận hành nhà máy cũng như các công tác chuẩn bị sản xuất khác. Tùy theo tình hình thực tế, các cuộc họp giao ban phối hợp điều hành được tổ chức hằng tuần, hằng tháng ở cấp giám đốc dự án tại công trường hoặc ở cấp tổng giám đốc để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc.

Nhìn lại tổng thể, trong vòng 3 năm, trên một mảnh đất sinh lầy đã mọc lên một nhà máy đồ sộ và hiện đại. Đó là thành quả của sự chỉ đạo, phối hợp sát sao ở cấp nhà nước (hoạt động của hội đồng nghiệm thu công trình cấp nhà nước, thủ tục giải quyết các vấn đề tài chính, thuế, hải quan, các loại giấy phép của các ngành, các bộ liên quan...); của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, giải quyết kịp thời việc đền bù giải phóng mặt bằng; của ngành Dầu khí trong việc thực hiện vai trò của chủ đầu tư; cũng như sự hợp tác chặt chẽ giữa Ban Quản lý dự án và tổng thầu suốt thời gian thực hiện dự án.

- Sử dụng công nghệ tiên tiến, tổ chức chuyển giao công nghệ bước đầu thành công. Dây chuyền công nghệ sản xuất phân đạm u-rê từ khí thiên nhiên ở Nhà máy Đạm Phú Mỹ bao gồm 2 công đoạn chính:

+ Sản xuất a-mô-ni-ắc, khí các-bon-níc từ hỗn hợp nguyên liệu gồm khí thiên nhiên, không khí, và hơi nước theo tỷ lệ thích hợp (gọi là xưởng sản xuất a-mô-ni-ắc). Xưởng này có công suất thiết kế 1.350 tấn/ngày, sử dụng công nghệ bản quyền của hãng Haldor Topsoe A/S (Đan Mạch), trong đó phân đoạn tách và thu hồi khí các-bon-níc sử dụng công nghệ bản quyền của hãng BASF (Đức).

+ Tổng hợp a-mô-ni-ắc và khí các-bon-níc thành u-rê (gọi là xưởng sản xuất u-rê). Xưởng u-rê có công suất thiết kế 2.200 tấn/ngày, sử dụng công nghệ bản quyền của hãng Snamprogetti Spa (I-ta-li-a).

Đây là những công nghệ tiên tiến được sử dụng phổ biến trên thế giới. Các công nghệ này bảo đảm sản xuất u-rê với dây chuyền liên tục, liên hợp khép kín, suất tiêu hao nguyên liệu, năng lượng tính trên mỗi tấn sản phẩm rất thấp, môi trường sạch. Các hãng bản quyền công nghệ có trách nhiệm cung cấp thiết kế công nghệ cho tổng thầu là tổ hợp nhà thầu Technip Italy (I-ta-li-a)/Samsung Engineering (Hàn Quốc) để triển khai thiết kế cơ sở và thiết kế chi tiết. Đồng thời họ cung cấp các loại chất xúc tác, đào tạo chuyển giao công nghệ, giám sát chạy thử và cam kết bảo đảm công suất, chất lượng sản phẩm, tỷ lệ tiêu hao nguyên liệu, năng lượng trên mỗi tấn sản phẩm.

Khi nhà máy chuẩn bị chạy thử, các chuyên gia của các hãng cung cấp bản quyền Haldor Topsoe/Snamprogetti và nhà thầu Technip Italy/Samsung Engineering tổ chức đào tạo cho đội ngũ vận hành của nhà máy kỹ năng khởi động, vận hành, dừng, xử lý sự cố trên dây chuyền sản xuất bằng phần mềm mô phỏng trên máy tính điện tử và đối chiếu với thực tế tại hiện trường. Sau đó đội ngũ vận hành/bảo dưỡng của nhà máy đã trực tiếp tham gia việc chạy thử và

sản xuất thử dưới sự kèm cặp, điều hành của tổng thầu. Với các biện pháp như vậy, việc tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ nhà cung cấp bản quyền và nhà thầu bước đầu đã thành công. Đội ngũ vận hành của nhà máy trên 400 người, với sự trợ giúp của một số chuyên gia nước ngoài, đã tiếp quản nhà máy từ nhà thầu và vận hành nó an toàn từ tháng 9-2004 đến nay. Nhà máy hoạt động luôn đạt 90% công suất thiết kế. Rất ít nhà máy phân đạm mới xây dựng trên thế giới có thể đạt được mức đó. Sự thành công trong việc tổ chức tiếp nhận chuyển giao công nghệ bước đầu như vậy rất đáng tự hào.

- Quản lý chất lượng tốt. Ngay từ khi xác định phạm vi công việc trong hợp đồng EPC với tổng thầu Technip Italy/Samsung Engineering, chất lượng công trình đã được quan tâm đúng mức. Tổng thầu phải có chứng chỉ chất lượng ISO - 9001/2000, có chính sách chất lượng của công ty và có tổ chức, nhân sự cụ thể bảo đảm và kiểm soát chất lượng dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Hệ thống các tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho dự án được tuân thủ nghiêm ngặt cho tất cả công việc trong các khâu khảo sát, thiết kế, chế tạo thiết bị, xây lắp và chạy thử. Trong quá trình thực hiện dự án, tất cả các nhà thầu phụ, các nhà chế tạo, các nhà cung cấp dịch vụ đều phải lập kế hoạch, lập tổ chức, bố trí nhân lực bảo đảm và kiểm soát chất lượng đối với công việc của mình phù hợp với kế hoạch và yêu cầu đảm bảo chất lượng của tổng thầu. Tất cả các công việc chế tạo, thi công xây lắp, chạy thử đều phải thực hiện theo các quy trình kỹ thuật đã được duyệt (204 quy trình các loại), và theo các kế hoạch/quy trình kiểm tra thử nghiệm (261 quy trình các loại). Các sản phẩm nhà máy thiết kế, chế tạo đều được cấp chứng chỉ chất lượng do cơ quan cấp chứng chỉ quốc tế là Bureau Veritas cấp (80 chứng chỉ các loại). Việc kiểm định an toàn thiết bị, đường ống áp lực và thiết bị nâng chuyển đã được thực hiện phù hợp với qui định của Việt Nam.

Ban Quản lý dự án lập kế hoạch/quy trình quản lý, kiểm soát chất lượng công trình, các quy trình giám sát thiết kế, kiểm soát vật tư, quy trình hoạt động của hội đồng nghiệm thu cơ sở và có

một tổ quản lý chất lượng để phối hợp với tư vấn quốc tế SNC - Lavalin kiểm soát chất lượng các công việc của tổng thầu từ khâu khảo sát, thiết kế đến khâu chạy thử, nghiệm thu công trình. Theo quy định, Ban Quản lý dự án đã thực hiện báo cáo định kỳ về công tác quản lý chất lượng của dự án cho Cục giám định chất lượng - Bộ Xây dựng, chủ đầu tư và Bộ Công nghiệp. Hội đồng nghiệm thu cấp nhà nước và Cục giám định chất lượng công trình cũng cử các đoàn công tác định kỳ đến kiểm tra công tác quản lý chất lượng tại công trường, kịp thời có những hướng dẫn cần thiết cho Ban Quản lý dự án và tổng thầu thực hiện các yêu cầu bảo đảm chất lượng phù hợp với các tiêu chuẩn và quy định của Việt Nam.

Sau khi hoàn thành xây lắp và chạy thử đạt kết quả tốt, Nhà máy Đạm Phú Mỹ đã được cơ quan cấp chứng chỉ quốc tế (Beureau Veritas) cấp chứng chỉ chất lượng cho toàn bộ nhà máy và được Hội đồng nghiệm thu cấp nhà nước chính thức nghiệm thu ngày 3-10-2004.

- Quản trị dự án tốt nên tiết kiệm được khoảng 100 triệu USD so với hạn mức đầu tư, thực hiện quyết toán nhanh. Dự án Nhà máy Đạm Phú Mỹ được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi theo Quyết định số 166/QĐ-TTg, ngày 20-2-2001, với hạn mức đầu tư là 486 triệu USD. Sau khi chủ đầu tư cùng tổng thầu xác định giá trị hợp đồng EPC khoán gọn, chia khóa trao tay, cũng như phạm vi công việc của các công trình ngoài hàng rào và sơ đồ tài chính đầu tư 100% bằng nguồn vốn trong nước, thì giá trị tổng dự toán là 445 triệu USD. Tổng dự toán công trình đã giảm được 41 triệu USD so với hạn mức đầu tư. Bản quyết toán đầu tư của dự án đã được hoàn tất cuối năm 2005 và đang được trình duyệt với giá trị khoảng 380 triệu USD (tính tròn). Như vậy, giá trị quyết toán của dự án thấp hơn tổng dự toán khoảng 65 triệu USD và thấp hơn hạn mức đầu tư khoảng 100 triệu USD. Đây thực sự là một thành công lớn trong công tác quản lý dự toán của dự án, là thành quả tuyệt vời do quyết định sáng suốt của Thủ tướng Chính phủ và các ngành, các bộ liên quan như Bộ Kế hoạch - Đầu tư; Bộ Tài chính; Ngân hàng; Bộ

Công nghiệp; Bộ Xây dựng và Tổng công ty Dầu khí Việt Nam trong việc chọn phương thức đầu tư bằng nguồn vốn trong nước 100% cùng những cơ chế phù hợp bảo đảm cho dự án thực hiện suôn sẻ. Bên cạnh đó, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam và Ban Quản lý dự án đã kiểm soát chặt chẽ dự toán từng hạng mục, phối hợp tốt với các nhà thầu trong nước thực hiện các hạng mục ngoài hàng rào và tổng thầu nước ngoài thực hiện nghiêm túc hợp đồng đã cam kết, thực hành nghiêm ngặt chế độ tiết kiệm chi phí, nên hầu như không có mục chi phí nào vượt dự toán.

- Công tác an toàn và bảo vệ môi trường được chú trọng ngay từ đầu. Đối với các nhà máy hóa chất nói chung và nhà máy phân đạm nói riêng, vấn đề an toàn và bảo vệ môi trường hết sức quan trọng. Phạm vi công việc của hợp đồng EPC đã xác định những yêu cầu tổng thầu phải bảo đảm tuân thủ nghiêm ngặt những tiêu chuẩn an toàn và môi trường trên thế giới cũng như của Việt Nam đối với công trình loại này. Trong quá trình thiết kế và xây lắp, các bên thường xuyên giám sát và định kỳ tổ chức các đợt kiểm tra về công tác an toàn và bảo vệ môi trường. Tổng thầu thường xuyên theo dõi, cập nhật và báo cáo tình hình an toàn lao động trên công trường theo số ngày công không có tai nạn và theo thời gian tiến độ thi công. Trong quá trình chạy thử, nếu có phát hiện trục trặc, dù nhỏ, nhà thầu cũng lập tức xác định nguyên nhân và có biện pháp xử lý kịp thời. Đồng thời Ban Quản lý dự án đã yêu cầu nhà thầu thuê Trung tâm an toàn môi trường dầu khí lập 3 trạm quan trắc tại khu dân cư và khu công nghiệp xung quanh để kịp thời phát hiện và khắc phục ngay các nguy cơ ô nhiễm môi trường. Ngay trong nhà máy, đã lắp đặt 2 trạm quan trắc và quản lý môi trường không khí. Nước thải của nhà máy được thu gom, xử lý cục bộ từng loại, sau đó xử lý tổng thể trước khi xả vào hệ thống nước thải chung của khu công nghiệp Phú Mỹ 1. Các tiêu chuẩn và chế độ an toàn vận hành được quán triệt ngay trong thiết kế công nghệ, thiết kế chế tạo thiết bị, thiết kế hệ thống tự động hóa cũng như các phần mềm điều khiển tự động, khởi động, dừng khẩn cấp từng

thiết bị, từng cụm thiết bị và toàn nhà máy. Hệ thống phòng cháy chữa cháy cũng được kết nối với hệ thống dùng khẩn cấp theo yêu cầu an toàn ở cấp độ phù hợp. Trong quá trình chạy thử và sản xuất thử, nhà máy đã tổ chức 3 đợt diễn tập ứng cứu sự cố khẩn cấp theo qui trình phối hợp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

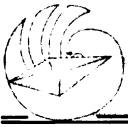
Hiệu suất khai thác trung bình trong thời gian qua đạt mức cao trên thế giới. Chỉ tính sơ bộ, nếu tăng được sản lượng 1%, thì doanh thu của nhà máy sẽ tăng khoảng 1,5 triệu USD mỗi năm; hoặc nếu tăng thêm một ngày sản xuất không phải dừng thì doanh thu sẽ tăng hơn 500.000 USD. Như thế dễ thấy, tác hại của rủi ro, trục trặc kỹ thuật. Bởi vậy, để duy trì năng suất cao, ổn định, một loạt giải pháp nên áp dụng, như: tiếp tục hợp tác chặt chẽ với các nhà bản quyền công nghệ trong việc nâng cao kỹ năng vận hành nhà máy, làm chủ công nghệ sản xuất, thường xuyên cập nhật những kinh nghiệm của các nhà máy phân đạm tương tự trên thế giới, tiếp nhận những cải tiến về xúc tác và thủ thuật vận hành của họ...; tiếp tục hợp tác với các nhà chế tạo thiết bị để nâng cao trình độ và kỹ năng vận hành và bảo dưỡng thiết bị, xử lý sự cố; tổ chức tốt và thực hiện nghiêm ngặt 4 cấp bảo dưỡng nhà máy là bảo dưỡng thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng phòng ngừa và bảo dưỡng dự báo; có dự trữ hợp lý chất xúc tác và phụ tùng thay thế; tiếp tục xây dựng đội ngũ quản lý vận hành nhà máy với trình độ tay nghề ngày một cao, kỷ luật lao động tốt, tuyệt đối tuân thủ các qui trình kỹ thuật kết hợp với việc sử dụng chuyên gia nước ngoài một cách hợp lý... Công tác an toàn vận hành, an toàn lao động cần tiếp tục chú trọng trong đội ngũ vận hành, đội ngũ bảo dưỡng và đội ngũ an toàn phòng cháy, chữa cháy. Công tác đào tạo nâng cao tay nghề nên thường xuyên tổ chức thực hiện cho tất cả các đối tượng làm công tác kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ, và quản lý của nhà máy. Đời sống và môi trường làm việc của cán bộ, công nhân viên nhà máy cần phải được đặc biệt quan tâm. Hy vọng Nhà máy Đạm Phú Mỹ sẽ tiếp tục là một điểm sáng của Tổng công ty Dầu khí và của cả ngành công nghiệp Việt Nam. □

BẢO VỆ VÙNG CHẮC...

(Tiếp theo trang 54)

biên giới. Có kế hoạch tổ chức và động viên nhân dân các xã biên giới xung phong tình nguyện tham gia bảo vệ biên giới và xây dựng biên giới, hăng hái thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội, đấu tranh chống lấn chiếm, chống buôn lậu, bài trừ tệ nạn xã hội, lập lại trật tự kỷ cương trên các vùng biên giới đang có nhiều diễn biến phức tạp. Đổi mới về tổ chức, nội dung, phương pháp huấn luyện, đào tạo đối với lực lượng vũ trang, phát triển khoa học quân sự, nghệ thuật chiến tranh nhân dân; đổi mới phương thức hoạt động của lực lượng chuyên trách, bán chuyên trách phối hợp với các tổ chức của nhân dân trong bảo vệ an ninh quốc gia.

Thứ sáu, tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với hoạt động quốc phòng, an ninh. Bổ sung cơ chế phối hợp hoạt động giữa quốc phòng, an ninh, đối ngoại và một số bộ, ngành có liên quan trong phân tích, dự báo tình hình và làm tham mưu đề xuất các giải pháp thực hiện. Bổ sung, xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, các chính sách xã hội có quan hệ đến nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới nhằm bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, góp phần giữ vững ổn định chính trị của đất nước, ngăn ngừa, đẩy lùi, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động của các thế lực thù địch, không để bị động, bất ngờ. Coi trọng nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, nâng cao khả năng tự bảo vệ của mỗi công dân, từng tổ chức, cơ quan, đơn vị, xây dựng "thể trận lòng dân" làm nền tảng phát huy sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp bảo vệ và phát triển đất nước. □



Mối quan hệ giữa tham nhũng với dân chủ và dân tộc

TÔN NỮ THỊ NINH *

THAM nhũng ở nước nào cũng có, thời nào cũng có. Tuy nhiên, thời bao cấp người ta không có điều kiện để tham nhũng, mà chỉ có tham ô, ăn chặn kiểu “cò con”. Tham nhũng lúc đó nếu có thì chưa phải là nạn, chưa trở thành lực cản, trở thành mối nguy cơ đe dọa bên trong hệ thống.

Tham nhũng ở quy mô lớn như hiện nay là bạn đồng hành của quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, khi của cải bắt đầu dồi dào, lưu thông, chuyển tay với tốc độ ngày càng cao và quy mô ngày càng lớn. Trong đây chuyển chuyển quyền sở hữu, sử dụng nảy sinh những kẽ hở, vùng trắng, tạo điều kiện cho tham nhũng phát sinh, nếu không có sự điều tiết bằng pháp luật. Trong khi đó, luật pháp, cơ chế, chính sách không theo kịp đổi mới về kinh tế.

Luật nhiều nhưng thực thi không đúng, không triệt để, hiệu quả hạn chế. Nhiều người, có cả người nước ngoài, nhận xét rằng, quá trình xây dựng hệ thống pháp luật ở Việt Nam còn non trẻ, chủ yếu sau chiến tranh ta mới tập trung làm luật thì đó quả thật là cuộc ma-ra-tông. Ví dụ, việc chiếm đoạt thuế giá trị gia tăng là do ta không lường trước được những kẽ hở và sự lợi dụng của một số người xuất khẩu không để lấy tiền của nhà nước, cho nên không đưa vào luật những biện pháp rắn đe sát hợp.

Tham nhũng còn là bạn đồng hành của bộ máy và cơ chế quan liêu, thiếu minh bạch, thiếu sự kiểm tra bên trong và giám sát bên ngoài. Cho nên, công cuộc cải cách hành chính mang ý nghĩa thiết thực, trực tiếp đối với việc phòng chống tham

nhũng. Còn nhiều tầng nấc quan liêu, còn nhiều cơ hội xin - cho thì sẽ còn nhiều khả năng nảy sinh tiêu cực.

Có ý kiến cho rằng, chừng nào lương của công chức còn thấp thì còn tham nhũng. Điều này đúng nhưng chưa đủ. Năm 1990, lương của công chức thấp hơn hiện nay rất nhiều nhưng tham nhũng không nhiều bằng hiện nay. Tham nhũng phát sinh nhiều là do lối sống, sự suy thoái đạo đức, lòng tham, đã giàu rồi lại muốn giàu thêm. Cách đây khoảng 15 - 16 năm, trong một cuộc tiếp xúc với lãnh đạo nước ta, nguyên Thủ tướng Xing-po Lý Quang Diệu đã nói, phương án nhân lực tối ưu là cán bộ vừa có tài vừa có đức. Nhưng nếu không có sự cân đối về hai yếu tố trên thì phải ưu tiên yếu tố có đức. Bên cạnh đó, để thu hút nhân tài và phòng chống tham nhũng, Xing-po trả lương cho bộ trưởng bằng lương tổng giám đốc các tập đoàn kinh tế. Lương cao như vậy nên nếu bộ trưởng nào tham nhũng thì lập tức bị xử lý luôn, không nương nhẹ. Vấn đề này ta chưa mạnh dạn làm, bởi vì có sự lo ngại

* Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội

rằng nếu xử lý mạnh quá, nhiều quá những cán bộ tham nhũng sẽ làm tổn hại đến uy tín của Đảng, Nhà nước. Đây chính là một điểm yếu. Nếu chúng ta không giải quyết được vấn đề này thì không giải quyết được tham nhũng. Theo tôi, trong thời gian tới công tác đấu tranh chống tham nhũng phải được thi hành quyết liệt hơn, triệt để hơn: vị trí càng cao càng phải trừng phạt nặng, điều này ai cũng đồng ý về nguyên tắc nhưng đến nay ta chưa thực hiện được. Các vụ tham nhũng vừa qua được phát hiện thật ngoạn mục. Tuy nhiên, nếu tiếp tục điều tra sẽ còn phát hiện nhiều hơn.

Thực thi luật của ta có vấn đề là do cơ quan tư pháp chưa chủ động trong công tác xét xử. Chúng ta không công nhận nguyên tắc tam quyền phân lập, tuy nhiên có những yếu tố trong đó có thể tham khảo. Không có một cơ quan nào là không bị tác động bởi quan điểm chính trị. Ví dụ như ở Mỹ. Tòa án tối cao Mỹ là một cơ quan đầy quyền lực và hoàn toàn độc lập, nhưng nếu quan tòa là một người thuộc phái bảo thủ thì phán quyết của ông ta sẽ mang màu sắc liên quan đến vấn đề chủng tộc, quyền phá thai của phụ nữ, tôn giáo v.v... Ở nước ta, vai trò lãnh đạo của Đảng trong ba cơ quan quyền lực thể hiện qua đảng viên công tác ở cơ

quan đó. Để thực thi Luật phòng, chống tham nhũng có hiệu quả, cần phải chấm dứt ngay việc áp đặt quan điểm lên ngành tư pháp của một cấp ủy nào đó. Ví dụ như vụ PMU 18 cho thấy tội phạm có thể mua chuộc cán bộ để dùng uy của những người này ngăn cản công tác điều tra phát hiện sự thật. Nếu tư pháp không có sự độc lập nhất định, công tác chống tham nhũng sẽ không có hiệu quả. Quốc hội sẽ là cơ quan giám sát ngành tư pháp.

Đấu tranh chống tham nhũng của ta khó hơn ở các nước. Ở các nước tư bản, tham nhũng thường được thể hiện dưới dạng các vụ lớn và khi đã phát hiện được thì họ xử lý khá mạnh. Ở nước ta, bên cạnh một số vụ lớn, qua 20 năm đổi mới đã hình thành lối sống tham nhũng cường độ thấp, phổ biến, theo kiểu “phong bì” cho được việc. Có người gọi đó là “dầu để bôi trơn cỗ máy”. Cần phải loại bỏ quan điểm này vì thực chất đó là “bình thường hóa”, “phi hình sự hóa” hành vi phạm pháp, đó là chấp nhận hạ thấp đạo đức xã hội và công chức nhân danh hiệu quả kinh tế, nhân danh một tư duy thực dụng đáng sợ. Dân tộc ta, Đảng ta không thể chấp nhận bất cứ dạng tham nhũng nào, dù cường độ thấp hay quy mô lớn. Đây là vấn đề rất bức xúc, không thể coi nhẹ. Tiếp

xúc với cử tri ở cơ sở, đặc biệt với cán bộ hưu trí, cựu chiến binh thì mới cảm nhận được đúng mức tâm trạng bất bình, phẫn nộ trong xã hội nói chung và trong nội bộ Đảng nói riêng. Nếu Đảng không quyết tâm thì đây chính là một trong những nguyên nhân bào mòn niềm tin của nhân dân vào Đảng và bào mòn chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Khi thảo luận ở Quốc hội về Luật phòng, chống tham nhũng, tôi thuộc nhóm thiểu số cho rằng luật phải áp dụng cho cả những người không phải công chức. Thực tế Việt Nam cho thấy có hai loại hối lộ: *thứ nhất* là quan chức đòi hối lộ và người đưa hối lộ là nạn nhân. Tuy nhiên, thực tế có những người không phải công chức nhưng chủ động mua chuộc công chức để đạt được lợi ích, và đây là loại hối lộ *thứ hai*. Luật phòng, chống tham nhũng phải xử lý cả những đối tượng này.

Ở châu Á nói chung và Việt Nam nói riêng, một mặt xích dễ bị tham nhũng tấn công là gia đình các vị lãnh đạo. Chính vì vậy, cán bộ lãnh đạo càng ở cương vị cao, quản lý của cải của Nhà nước càng lớn thì càng phải xác lập trật tự sắt và rắn đe gia đình. Nếu người thân vi phạm pháp luật thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật chứ không nên can thiệp. Ngoài ra, phải có cơ chế

giám sát thân nhân các vị lãnh đạo thông qua chi bộ, cấp ủy, đoàn thể quần chúng nơi họ công tác cũng như nơi ở của họ.

Từ những nhận xét trên tôi thiết nghĩ sự nghiệp phòng chống tham nhũng đòi hỏi gắn kết với dân chủ và dân tộc. Những điều kiện then chốt gồm:

Thứ nhất: Nhà nước pháp quyền và thực thi pháp luật

Để phòng chống tham nhũng có hiệu quả cần phải có một cơ quan chống tham nhũng độc lập nhất định và có quyền hạn. Nếu không cơ quan chống tham nhũng sẽ trở thành “hồ không răng”. Ngoài ra, để tăng sức mạnh của cuộc đấu tranh khó khăn này sẽ cần sự “ra trận” của Quốc hội thông qua việc mạnh dạn, kịp thời giám sát việc thực thi pháp luật của mọi cơ quan hành pháp, tư pháp cũng như công tác phòng chống tham nhũng của cơ quan hành pháp chuyên trách. Sự phân vai hiệp lực đó là hết sức cần thiết.

Thứ hai: Quyết tâm chính trị của hệ thống

Phải đặt sự nghiệp của dân tộc lên trên lợi ích cá nhân. Giải phẫu là phải đau đớn. Do vậy, chúng ta cần bớt “dĩ hòa vi quý”, phải chấp nhận kịp thời loại bỏ khỏi cơ thể của Đảng, của Nhà nước những ung nhọt, những “con sâu làm rầu nồi canh”. Chủ nghĩa cơ hội phải

bị triệt tiêu vì đó là “vườn ươm” cho tham nhũng. Một số người nước ngoài nhận xét rằng, xã hội Việt Nam hài hòa hơn một số nước có sự tương đồng văn hóa khác. Tuy nhiên, hài hòa phải là kết quả biện chứng của đấu tranh giữa hai mặt đối lập, ở đây là đấu tranh giữa đạo đức, minh bạch, văn minh với sự thấp hèn, cơ hội, thực dụng. Sự hài hòa như vậy mới lành mạnh và đúng đắn.

Thứ ba: Dân chủ thực chất

Một trong những tiêu chí của xã hội dân chủ là chống tham ô, tham nhũng. Vai trò của dân chủ trong phòng chống tham nhũng rất quan trọng. Một trong những biện pháp có hiệu quả là bảo đảm minh bạch. Bảo đảm minh bạch có hai yếu tố: Một là truyền thông. Truyền thông vào cuộc và làm tai mắt cho Đảng trong công tác chống tham nhũng. Vừa qua, các cơ quan truyền thông đã có đóng góp rất tích cực và hiệu quả vào cuộc đấu tranh này. Trong Luật phòng, chống tham nhũng vai trò của truyền thông được nêu rõ nét. Hai là bản thân xã hội. Một khi người dân chưa yên tâm về sự an toàn của bản thân thì chống tham nhũng chưa hiệu quả. Ngoài ra cần phát huy vai trò của các đoàn thể quần chúng. Cần có một cơ chế “đối trọng” (phương Tây gọi cơ chế này là checks and balances). Đối trọng của

ta là trong phạm vi chế độ, là sự kiểm tra giám sát của các đoàn thể quần chúng, chứ không phải là đối trọng về chính trị. Quốc hội có vai trò, tư pháp cũng phải độc lập, đoàn thể phải vào cuộc, nếu không hệ thống chính trị của ta sẽ không có cơ chế tự điều tiết. Chúng ta nên tin tưởng vào dân, tạo điều kiện để người dân có tiếng nói.

Thứ tư: Tinh thần dân tộc

Nhật Bản trước đây có văn hóa truyền thống, đề cao tự trọng, danh dự cá nhân, khiến cho một vị quan, một võ sĩ sẵn sàng *harakini* (tự mổ bụng) để rửa sự ô nhục đối với danh dự bản thân. Nhiều nước có văn hóa từ chức. Nhưng ở ta việc từ chức rất khó khăn và rất chậm, thường là khi phải chịu sức ép rất lớn mới từ chức. Chống tham nhũng không phải chỉ là sự nghiệp của Đảng mà là của cả dân tộc. Để tham nhũng trầm trọng và kéo dài như vậy, cả xã hội phải thấy đó là nỗi nhục của dân tộc. Một khi cảm thấy là nỗi nhục dân tộc thì mới có đủ bản lĩnh và quyết tâm để khước từ những “viên đạn bọc đường” của tham nhũng, tố cáo và đấu tranh đến cùng chống tham nhũng. Chúng ta không thể chấp nhận để tình trạng tham nhũng làm tổn thương danh dự và lòng tự trọng của dân tộc Việt Nam kéo dài lâu hơn nữa. □



Dễ hay khó là duyên có câu chuyện trong cuộc tranh luận chưa ngã ngũ giữa ông Ph. và ông Th. Hai người vốn rất tâm hợp ngay từ tấm bé, rồi đều bôn ba, từng là cán bộ giữ trọng trách của bộ, của tỉnh... Ấy vậy mà nghỉ hưu, ngồi với nhau đàm đạo sự đời về cái việc từng làm hóa ra lại chẳng ai chịu ai!

Ông Ph. cho là làm lãnh đạo dễ. Bởi lẽ, khi đã là lãnh đạo, ví như bí thư, chủ tịch tỉnh thì, mọi công to, việc lớn của tỉnh đều được quyết, chẳng phải bấm xin ý kiến ai, trừ những việc quá tầm tỉnh. Từ việc đề bạt, miễn nhiệm cán bộ đến việc làm hay không làm dự án, cho ai làm, rồi việc ra đời thêm phòng này, công ty kia... nếu có bàn bạc, thì cuối cùng cũng do ông quyết cả, có ai dám cản trở đâu? Mà chả ai đại gì dám cản trở!!! Rồi nếu bàn công việc đến mức cần phải họp Ban Thường vụ thì ông cầm chịch. Mọi người tha hồ mà bàn, mà góp... Đến khi quyết, ông lấy theo đa số, ông chẳng sai bao giờ, ông cũng chẳng bị lỗi bao giờ. Lúc nào ông cũng đúng. Nếu có chuyện gì, thì tập thể Ban Thường vụ đã họp rồi, đa số đồng ý như thế... Cứ cơ chế *tập thể chịu trách nhiệm* mà làm.

Ông đi đến đâu dù sở, huyện hay xã là được đón, rước, bấm, báo. Ông nghe rồi phán. Tốt thì khen, thì vỗ vể, úy lạo; kém thì chê; kém nữa đến mức mắc khuyết điểm thì tập thể phê bình, kỷ luật... Ấy vậy mà bỗng lộc vắn đủ đầy, chả oán trách vào đâu được.

Đây là chưa nói đến chuyện các sở, ban, ngành, huyện, thị có việc gì phải tìm cách "chạy" đến

ông: từ thăng quan, tiến chức, đến xin xỏ nọ kia như có người từng tổng kết gồm 5 kiểu "chạy" ấy... Bởi thế cho nên dân mới bình là làm "quan" bây giờ vừa dễ vừa sướng. Và cũng có lẽ vì thế mà không ít người "đánh" nhau đến "một mất một còn"...

Ông Th. tuy chưa phản đối đến mức đỏ mặt nhưng lại biện luận kiểu khác. Ông cho rằng, làm lãnh đạo thời nay rất khó,

DỄ

hay

KHÓ?

NAM DUNG

thậm chí khó hơn tất cả mọi thứ khó nhất ở trên đời. Thứ nhất, người đứng đầu một tỉnh phải có năng lực tư duy để hoạch định được chiến lược phát triển toàn diện các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng... một cách bền vững và khả thi; không "ăn xổi ở thì" được. Thứ hai là, phải có khả năng khơi dậy mọi tiềm năng, nguồn lực. Chẳng hạn, với nông nghiệp, nông thôn, cần đánh thức tiềm lực đặc biệt là đất đai; rồi cơ chế để có thể phát huy sức mạnh 4 nhà: nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà lãnh đạo quản lý để nông thôn bật dậy nhanh hơn, mạnh hơn, vững hơn. Rồi nữa, phải biết tổ chức thực

hiện các nguồn lực một cách tài tình, nghệ thuật. Ấy là chưa nói tới phương châm như Bác Hồ đã dạy: Kế hoạch - một, biện pháp - mười, quyết tâm - phải hai mươi. Hiện nay, "quan" nói nhiều mà làm ít; nhiều "quan" nói mười làm một, thậm chí còn nói một đằng làm một nẻo. Ông triết lý: "Khoảng cách đáng sợ nhất không phải là khoảng cách từ trái đất đến mặt trăng mà là khoảng cách từ miệng đến cánh tay". Làm người lãnh đạo nếu đủ 4 điều như ông nghĩ: *gương mẫu dân mến, tận tụy dân tin, kỷ cương dân trọng, năng động dân nhờ*, thì hỏi còn gì khó hơn? Mới đơn cử có hai vấn đề đó, chưa nói đến bao việc khác, như việc nâng cao dân trí, giao thông nông thôn, rồi vấn đề y tế, văn hóa - xã hội... quả thực là muôn vàn khó khăn.

Ông Th. còn liên hệ, ngay một việc còn con của dòng họ, gia đình như xây nhà thờ tổ, xây bia mộ... mà còn bàn nát nước chưa thông hướng hỏ lãnh đạo một tỉnh, một ngành.

Dưới trăng thanh, gió mát, với chè đậm, lạc rang... hai ông trao đi đổi lại, thậm chí đã đến độ sắp to tiếng, cơ hồ vẫn không thể ngã ngũ. Có một cán bộ lão thành về hưu ở nhà bên, dường như nghe thấu chuyện, bấy giờ mới hăng giọng, kéo đôi dép lê qua ngõ, an tọa, rồi ôn tồn góp chuyện: Từ nãy các bác chỉ mới bàn phần ngọn thôi, chưa đào đến cái gốc của vấn đề. Theo tôi, làm lãnh đạo là vừa dễ vừa khó; dễ với người dễ và khó với người khó. Điều căn cốt của người lãnh đạo là có đủ năng lực, đủ đức độ, hay nói gọn lại có đủ tâm, có trí, có đôi mắt nhìn dài trông rộng thì khó hóa thành dễ; và ngược lại! □



“CÁCH MẠNG MÀU SẮC” - NHÌN LẠI VÀ SUY NGẪM

VÔ THỦ PHƯƠNG

CÁCH mạng màu sắc" hay còn gọi là "cách mạng đường phố", "cách mạng nhung", là tên gọi của những sự kiện chính trị, trong đó các phe đối lập sử dụng phương pháp chống đối phi bạo lực là chủ yếu để lật đổ chính quyền hiện hữu. "Cách mạng màu sắc" đã xuất hiện từ lâu, song đến khi nó gây ra cơn chấn động tại không gian hậu Xô-viết thì người ta bắt đầu chú ý đến loại hình cách mạng này một cách đặc biệt. "Cách mạng màu hoa hồng" ở Gru-di-a (năm 2003), "cách mạng màu da cam" ở U-crai-na (năm 2004), "cách mạng màu hoa Tuy-líp" ở Cu-rơ-gu-xtan (năm 2005), và gần đây nhất là cuộc "cách mạng màu Jeans" ở Bê-la-rút (năm 2006) là những cuộc cách mạng màu sắc diễn ra theo những kịch bản khá giống nhau. Từ những cuộc cách mạng này và cả những cuộc cách mạng tương tự diễn ra trước đây, như ở Xlô-va-ki-a (năm 1998), ở Nam Tư (năm 2000),... có nhiều điều đáng để chúng ta phải suy ngẫm.

LỘ TRÌNH CỦA CÁC CUỘC "CÁCH MẠNG MÀU SẮC"

"Cách mạng màu sắc", ở phần lớn các trường hợp, là giai đoạn chót của quá trình "diễn biến hòa bình". Trong sự phối hợp ngày một chặt chẽ hơn của Mỹ và phương Tây với các phe đối lập ở những nước đã diễn ra kiểu cách mạng này, lộ trình tiến tới "cách mạng màu sắc" thường gồm các bước sau:

Bước thứ nhất, Mỹ và phương Tây thông qua các "công cụ mềm" như kinh tế, ngoại giao, văn hóa, tôn giáo và sau đó là chính trị, tác động đến nước "đối tượng", tạo ra một môi trường thuận lợi để tiếp tục gây ảnh hưởng sâu rộng, tuyên truyền các giá trị của mình; nỗ lực một cách liên tục bằng các phương tiện truyền thông nhằm thay đổi cách nhìn nhận của người dân về tương lai, từ đó định hướng hành vi cho đông đảo dân chúng, đồng thời tạo cho dân chúng tâm lý hoài nghi đối với chính quyền hiện hành.

Bước thứ hai, xác định và bồi dưỡng thủ lĩnh, tạo dựng "ngọn cờ" để tập hợp lực lượng. Trong trường hợp nếu chưa có một thủ lĩnh thật đáng tin cậy thì sử dụng "thủ lĩnh tình thế" để tiến hành cách mạng và sau đó sẽ thay thế bằng người của mình (trường hợp Nam Tư là một ví dụ). Để thực hiện bước đi này, những lớp bồi dưỡng cho các "nhà lãnh đạo tương lai" đã được tổ chức. Tại Hung-ga-ri, lớp "bồi dưỡng chống đối phi bạo lực" (tháng 3-2000) đã truyền kinh nghiệm tiến hành "cách mạng màu sắc" cho hơn 20 nhân vật chống đối của Nam Tư, Sa-a-ca-svi-li cũng đã đến Nam Tư học tập phương pháp đảo chính phi bạo lực để rồi sau đó trở thành Tổng thống Gru-di-a. Các loại "Văn phòng thúc đẩy dân chủ" đã được thành lập ở nhiều nước: Nam Tư năm 2000, Gru-di-a năm 2002, và sau đó là U-crai-na và Cu-rơ-gu-xtan...

Bước thứ ba, chọn thời cơ đột phá, phát động "cách mạng đường phố". Qua các cuộc

"cách mạng màu sắc" gần đây ở một số nước, có thể thấy thời điểm thích hợp thường là lúc diễn ra bầu cử. Kịch bản "bầu cử" được phối hợp thực hiện rất chặt chẽ, nội công, ngoại kích. Bên ngoài, các thế lực ủng hộ phe đối lập, gây ảnh hưởng tối đa lên nước "đối tượng" bằng những tuyên bố, phát biểu, hứa hẹn: - nếu thủ lĩnh phe đối lập lên nắm chính quyền thì đất nước sẽ được viện trợ lớn từ phương Tây; - nếu phe đối lập thắng cử, lệnh cấm vận sẽ được dỡ bỏ; - nếu chính quyền đương nhiệm không bảo đảm được những chuẩn mực dân chủ, thì sẽ ảnh hưởng đến quan hệ (kiểu tuyên bố này cùng với các công cụ kinh tế đã góp phần tạo ra hàng rào bảo vệ cho các hoạt động của phe đối lập);... Bên trong, các cuộc biểu tình được phát động triền miên, gây nên một tình trạng mất ổn định xã hội, bầu cử diễn ra trong tình trạng lòng dân hoang mang, lực lượng an ninh và quân đội hầu như đứng ngoài các biến động. Nếu tất cả những hoạt động này không mang lại thắng lợi cho phe đối lập thì giai đoạn hai sẽ được tiến hành với lý do có sự "gian lận bầu cử". Phủ nhận kết quả bầu cử và bầu cử lại, là mục tiêu tiếp theo của phe đối lập. Trong các cuộc bầu cử lại ở Cu-rơ-gư-xtan hoặc U-crai-na, phe đối lập đã lật ngược được thế cờ và giành chính quyền qua bầu cử. Tuy nhiên, tại một số nước khác, tình hình không thuận lợi đối với phe đối lập, họ thất bại ngay cả trong lần bầu cử lại, đến lúc này, phe đối lập dùng bạo lực đường phố để cướp chính quyền.

NHỮNG YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH SỰ XUẤT HIỆN VÀ THÀNH BẠI CỦA "CÁCH MẠNG MÀU SẮC"

Các cuộc "cách mạng đường phố", hay "cách mạng màu sắc" đã thành công ở một số nơi, nhưng cũng nếm mùi thất bại tại không ít nước. Kiểu cách mạng này đã thất bại tại A-đéc-bai-gian, U-dơ-bê-ki-xtan, Bê-la-rút... còn tại Cu-rơ-gư-xtan mặc dù chính quyền thay đổi, song đường lối vẫn thiên về Nga, tức là phương Tây không giành được thắng lợi tuyệt đối tại nước này. Vậy điều gì quyết định sự xuất hiện và thành bại của những cuộc "cách mạng màu sắc"?

Trước hết, yếu tố nội tại mang tính chất quyết định. Xuất phát từ những sai lầm của đảng cầm quyền, của chính quyền trong quá trình chỉ đạo, điều hành đất nước, các thế lực đối lập đã tạo ra được môi trường nhen nhóm, tổ chức lực lượng, phát động quần chúng.

Có thể thấy, hầu hết các cuộc "cách mạng màu sắc" thường diễn ra tại những nước mà công cuộc cải cách kinh tế đang được tiến hành, tuy nhiên, kết quả của công cuộc cải cách chưa được khẳng định chắc chắn, lạm phát chưa bị kiềm chế, trong khi đó sự phân hóa giàu nghèo đã trở thành một thực tế hiển hiện, gây nên sự bất mãn trong quần chúng nhân dân. Ở các nước hậu Xô-viết, nơi xảy ra "cách mạng màu sắc", nền kinh tế nói chung vẫn lâm vào khủng hoảng, đời sống nhân dân xuống cấp, hàng hóa, thực phẩm khan hiếm. Các sai lầm do sự yếu kém trong lãnh đạo đất nước của chính quyền làm cho mâu thuẫn giữa nhân dân với chính quyền ngày càng tích tụ và bị bên ngoài lợi dụng. Thêm vào đó, đảng cầm quyền đã chưa quan tâm đúng mức tới vấn đề củng cố, xây dựng tổ chức vững mạnh. Hiện tượng bố trí sai cán bộ trong hệ thống lãnh đạo là khá phổ biến, cán bộ mắc khuyết điểm nặng, cán bộ thoái hóa, biến chất, vẫn được sắp xếp vào những vị trí quan trọng. Tình trạng hối lộ, tham nhũng, lợi dụng chức quyền làm giàu cho bản thân đã lên tới mức báo động. Uy tín của chính quyền và đảng cầm quyền "tụt dốc", khó có thể kìm hãm.

Tình trạng tan rã quyền cũng là một yếu tố làm suy yếu nhanh chóng chính quyền trung ương. Mặt khác, lực lượng quân đội, lực lượng an ninh và tình báo bị đặt ra ngoài lề cuộc sống chính trị, tạo ra một trạng thái ảo về việc sử dụng lực lượng vũ trang: "có mà không" - khi lực lượng vũ trang không chịu sự lãnh đạo trực tiếp và tuyệt đối của đảng cầm quyền và của nhà nước. Đây cũng là sự nhằm lẫn chết người về khái niệm quốc phòng - an ninh, khi đồng nhất tuyệt đối quốc phòng - an ninh với chống ngoại xâm. Các trường hợp ở U-dơ-bê-ki-xtan, A-đéc-bai-gian, Ca-đắc-xtan,... cho thấy "cách

mạng màu sắc" đã thất bại hoặc bị ngăn chặn từ trong trứng nước khi đảng cầm quyền và nhà nước sử dụng lực lượng quân đội, an ninh và tình báo đúng lúc. Tuy nhiên, khi đề cập đến việc sử dụng lực lượng vũ trang, cần lưu ý đặc biệt tới tình trạng *không phân rõ ranh giới giữa nhân dân bị lợi dụng và các phần tử gây bạo loạn trong các cuộc biểu tình*. Tại các cuộc "cách mạng màu sắc" vừa qua, phần lớn nhân dân tham gia biểu tình chỉ vì muốn thoát ra khỏi cuộc sống khó khăn và phản ứng lại những hiện tượng tiêu cực của xã hội, chứ không ý thức được một cách sâu sắc về vai trò chính trị mà mình đang đóng. Giữa một đoàn biểu tình đầy kích động, khó có thể phân biệt được đâu là người bị xúi giục, đâu là kẻ chủ mưu, nếu không có tin tức tình báo. Như vậy, nếu sử dụng lực lượng vũ trang để giải tán đoàn biểu tình, thì dễ bị rơi vào tình trạng "ta đánh ta". Ở đây cần có sự tác động tích cực của các tổ chức quần chúng, do đảng cầm quyền chỉ đạo, ngay trong lòng các cuộc biểu tình.

Yếu tố ngoại lai, là yếu tố tác động từ bên ngoài, nó quan trọng như "giọt nước làm tràn ly" đối với các cuộc "cách mạng màu sắc". Thực tế cho thấy, không một cuộc "cách mạng màu sắc" nào mà không có sự hỗ trợ từ bên ngoài. Cựu Tổng thống Cu-rơ-gư-xtan A-xka A-ka-ép (bị lật đổ ngày 24-3-2005, hiện cư trú chính trị tại Nga) khi trả lời phỏng vấn báo *Độc lập* (Nga) nhân một năm sau sự kiện "cách mạng hoa tuyết", đã khẳng định: Phe đối lập được các thế lực bên ngoài hậu thuẫn. Tiền là thứ quan trọng nhất để tiến hành mọi việc và họ đã có được thứ đó. Ông cũng nói rằng: Cu-rơ-gư-xtan phụ thuộc vào vốn của Quỹ tiền tệ quốc tế và Ngân hàng thế giới nên đã bị trói tay đối với hoạt động của các tổ chức quốc tế trên lãnh thổ của mình. Tình hình tại U-crai-na cũng chẳng khác bao nhiêu, trước khi bùng nổ cuộc "cách mạng da cam", tại U-crai-na đã có hơn 400 tổ chức quốc tế, 421 quỹ tài trợ quốc tế hoạt động.

Sự hỗ trợ từ bên ngoài được thể hiện trên mọi mặt có liên quan đến "cách mạng màu sắc". Về mặt tài chính, Mỹ và phương Tây thông qua các

tổ chức quốc tế, các loại quỹ quốc tế, và một số tổ chức phi chính phủ để chuyển tiền viện trợ cho phe đối lập, tạo điều kiện vật chất cho các hoạt động chống đối. Mặt khác, nhằm thúc đẩy "tự do, dân chủ" và nền kinh tế tự do, đồng thời "trói tay", không cho chính quyền nước "đối tượng" ngăn cản hoạt động của phe đối lập, Mỹ đã có một chiến lược viện trợ thuộc lĩnh vực đối ngoại. Một trong những khoản viện trợ nằm trong chiến lược lớn là, chẳng hạn, theo Randall B. Ripley và James M. Lindsay: "Viện trợ phát triển theo Đạo luật hỗ trợ dân chủ ở Đông Âu (SEED) năm 1989 và một số khoản của chương trình IMET (Chương trình giáo dục và huấn luyện quân sự - tác giả) đã bắt đầu được rót vào Đông Âu từ năm tài chính 1990. Cho tới năm 1993, viện trợ SEED cho Đông Âu hằng năm đã đạt tới mức 400 triệu USD. Tuy nhiên, viện trợ cho các nước thuộc Liên Xô, bắt đầu từ năm 1992, mới gây ấn tượng hơn cả"⁽¹⁾. Nhìn chung, viện trợ là một phương tiện rất thuận lợi trong việc chi phối đầu tư, nó thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của khu vực tư nhân để khu vực này ngày càng lấn át kinh tế nhà nước, trên cơ sở đó, từng bước đưa kinh tế tư nhân đi vào quỹ đạo của Mỹ và phương Tây.

Tổ chức, huấn luyện nhân sự nòng cốt chuẩn bị cho bạo loạn chính trị và hoạt động truyền thông cũng là một khâu quan trọng, không thể thiếu sự giúp đỡ và tài trợ từ bên ngoài. Như đã nói ở trên, rất nhiều loại cơ quan mang tên "Văn phòng thúc đẩy dân chủ..." đã mọc lên tại những nước có "cách mạng màu sắc". Đây là nơi lãnh đạo phong trào một cách thống nhất. Dưới sự chỉ đạo của Mỹ, trong mấy năm vừa qua, các phe phái đối lập tại nhiều nước thuộc Đông Âu, Liên Xô, đã hợp nhất lại trong một tổ chức, tạo thành lực lượng lớn, đủ sức tiến hành "cách mạng", ví dụ tại Nam Tư, hàng chục đảng đối lập đã thống nhất lại trong một tổ chức lớn mang tên "Liên minh các đảng đối lập". Để tiến hành kích động

(1) *Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ sau chiến tranh lạnh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr 334

quần chúng, bồi nhọ lãnh đạo, bằng phương tiện truyền thông, các phe phái đối lập đã nhận được khá nhiều sự giúp đỡ từ bên ngoài, từ tài chính đến việc huấn luyện kỹ thuật, phương pháp.

Cũng cần phải nhắc đến một yếu tố có ảnh hưởng không nhỏ tới tâm lý của một số nhà lãnh đạo ở những nước đã xảy ra "cách mạng màu sắc", đó là chính sách "can thiệp nhân đạo" của Mỹ. Tâm lý e ngại một chiến dịch "can thiệp nhân đạo" thường làm trầm trọng thêm trạng thái lúng túng của các nhà lãnh đạo khi đứng trước một cuộc "cách mạng màu sắc".

KẾT QUẢ VÀ BẢN CHẤT CỦA CÁC CUỘC "CÁCH MẠNG MÀU SẮC"

Một đặc trưng cơ bản của cách mạng là phải đưa được xã hội lên một tầm cao hơn theo những tiêu chí mà cuộc cách mạng đó đề ra. Vậy, thử xét xem điều gì đã tiếp đến sau các cuộc "cách mạng màu sắc". Ở U-crai-na, sau 7 tháng cầm quyền của chính phủ mới, tăng trưởng GDP đạt 3,7%, thấp nhất trong 6 năm qua, giảm 3,6 lần so với năm 2004 (13,5%), tăng trưởng công nghiệp, luyện kim, chế tạo máy, xây dựng, thương mại đều rất thấp, thậm chí tăng trưởng âm. Lạm phát có thể lên đến 2 con số, giá cả leo thang đến mức chóng mặt, chẳng hạn, giá thịt, đường, xăng dầu tăng từ 60% đến 100%, trong khi lương, lương hưu khu vực ngân sách chỉ tăng chỉ tăng 15 - 20%⁽²⁾. Tại Cu-rơ-gu-xtan, kể từ sau ngày 24-3-2005, đất nước lâm vào tình trạng bất ổn cùng với tình hình tội phạm gia tăng. Cu-rơ-gu-xtan vẫn là một quốc gia Trung Á nghèo khổ, sau nhiều năm, tăng trưởng kinh tế chỉ đạt vào khoảng 1%, mức thu nhập bình quân đầu người theo GDP mới đạt 360 USD⁽³⁾. Tình hình ở các quốc gia khác cũng chẳng có gì khác hơn. Dân chủ với nghèo đói, bất ổn là các khái niệm không tương hợp, dân chủ sẽ chẳng tìm đến những nơi nào mà nghèo đói và bất ổn ngự trị. Như vậy, liệu sau các cuộc "cách mạng màu sắc", dân chủ có đến với dân chúng của những nước này hay không?, câu trả lời đã quá rõ.

Tình hình chính trường tại các nước đã diễn ra "cách mạng màu sắc" khá phức tạp, sự chia rẽ,

tranh giành ghế trong chính phủ và trong quốc hội là phổ biến, đặc biệt trầm trọng như tại U-crai-na. Tình trạng này có nguyên nhân từ sự hợp nhất các đảng và phe phái đối lập vào một tổ chức thống nhất trước thời điểm giành được chính quyền, và điều không thể tránh khỏi là khi đã thắng lợi, đảng và phe phái nào cũng muốn có vai trò xứng đáng trong chính quyền và quốc hội mới. Chia rẽ, tranh giành địa vị tất dẫn đến sự suy yếu của chính quyền mới, ảnh hưởng trực tiếp tới tình hình đất nước và cuộc sống của người dân. Thêm vào đó, vì nhiều lý do khác nhau, những khoản viện trợ "hứa trước" của Mỹ và phương Tây không phải lúc nào cũng trở thành hiện thực, và nếu có, thì liệu các khoản viện trợ này có đảo lộn nổi tình hình?!. Ngày 31-1-2006, tại cuộc họp báo diễn ra trong điện Crem-li, Tổng thống Nga V. Pu-tin, khi trả lời câu hỏi về việc chuyển sang tính giá khí đốt theo thị trường, có cho biết: Mỗi năm, nền kinh tế U-crai-na phải chi trả cho Nga từ 3 đến 5 tỉ USD, trong khi viện trợ của Mỹ cho nước này vào năm 2005 là 174 triệu USD. Các con số này cho phép người ta hình dung được vai trò của viện trợ đối với các nền kinh tế của những nước có "cách mạng màu sắc".

Tóm lại, có thể khẳng định rằng, sau "cách mạng màu sắc", tình hình xã hội, kinh tế, chính trị ở những nước có "cách mạng", chẳng những không được nâng lên một tầm cao hơn, mà thậm chí, còn bị kéo lùi xuống những tầng nấc thấp hơn, có biểu hiện suy thoái cục bộ. Như vậy, xét về mặt bản chất, các sự kiện đã diễn ra với tên gọi "cách mạng màu sắc" không phải là những cuộc cách mạng. "Màu sắc" thì có, nhưng "cách mạng" thì không. Trên thực tế, đó chỉ là những cuộc "bạo loạn chính trị" dưới sự hỗ trợ của Mỹ và phương Tây nhằm thay đổi chính quyền hiện hữu bằng một chính quyền mới, thân Mỹ và phương Tây. □

(2) Tạp chí *Nghiên cứu châu Âu*, số 5, 2005, tr 19, 20

(3) Tạp chí *Những vấn đề Kinh tế thế giới*, số 8, 2005, tr 10



12/10/1956

HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH
ANH HÙNG LAO ĐỘNG

ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP I

Hanoi Agricultural University



Gia Lâm - Hà Nội Tel. 84.4.8276346 Fax. 84.4.8276554 Web: www.hau1.edu.vn

Dại học Nông nghiệp 1 là một trong những trường đại học trọng điểm quốc gia, đóng trên địa bàn huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, được thành lập ngày 12-10-1956.

Hiện nay, Nhà trường có 11 khoa với trên 60 bộ môn, 12 phòng ban, 7 trung tâm, viện nghiên cứu, 28 chuyên ngành đào tạo Đại học, 21 chuyên ngành đào tạo sau Đại học, trong đó có nhiều chuyên ngành đào tạo mới. Đội ngũ nhà giáo của trường có 12 Giáo sư, 51 Phó Giáo sư, 158 Tiến sĩ, 179 Thạc sĩ... trên 62% cán bộ giảng dạy có trình độ trên Đại học.

Nhà trường đang phấn đấu để trở thành một trường đại học có chất lượng cao ngang tầm khu vực. Trong 50 năm xây dựng và phát triển, Nhà trường đã đào tạo cho đất nước gần 50.000 kỹ sư, gần 1000 Thạc sĩ, gần 300 Tiến sĩ và nhiều cán bộ có trình độ chuyên môn giỏi. Nhiều thành tựu NCKH của trường đã được ứng dụng rộng rãi trong sản xuất nông nghiệp đạt kết quả cao.

Nhà trường đã được tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý... Đặc biệt, ngày 12-8-2005, Chủ tịch nước đã quyết định phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới cho trường ĐHNLI.

Hiện nay, Nhà trường đang tích cực chuẩn bị kỷ niệm 50 năm ngày thành lập (12/10/1956 - 12/10/2006) nhằm tổng kết những bài học kinh nghiệm quý báu trong đào tạo và NCKH, đồng thời đón tiếp và ghi nhận công lao to lớn của các thế hệ thầy và trò trong suốt 50 năm lịch sử của mình.

Nhân dịp này, Nhà trường xin gửi tới các đồng chí cựu cán bộ, giảng viên, công nhân viên, sinh viên, học viên cao học, MCS và gia đình lời thăm hỏi thân thiết. Chúc các đồng chí và gia đình mạnh khỏe, hạnh phúc, tiếp tục đóng góp nhiều hơn nữa cho sự nghiệp ĐKTĐ, HĐKT nông nghiệp và nông thôn nước nhà, viết tiếp trang sử vàng chói lọi của trường Đại học Nông nghiệp 1 Anh hùng trong giai đoạn cách mạng mới. Mong các đồng chí luôn hướng về mái trường thân yêu và về dự lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập trường, sẽ được tổ chức trọng thể vào trung tuần tháng 10-2006.



**NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM**

AGRIBANK

CHÀO MỪNG 55 NĂM NGÀY THÀNH LẬP NGÀNH NGÂN HÀNG

HUY ĐỘNG TIẾT KIỆM DỰ THƯỞNG BẰNG VANG "3 CHỮ A" TRÊN TOÀN QUỐC

Chào mừng 55 năm ngày thành lập Ngân hàng Việt Nam 6/5/1951 - 6/5/2006, AGRIBANK mở đợt huy động tiết kiệm dự thưởng bằng vàng "3 chữ A" trên toàn quốc:

Thời gian huy động
Từ ngày 05/4/2006 đến hết ngày 05/07/2006

Ngày mở thưởng
18/07/2006

Tổng mức huy động
5.000 tỷ VNĐ và 50 triệu USD

Giải thưởng

Giải thưởng là Vàng miếng "3 chữ A" - Tiêu chuẩn quốc tế, do Agribank sản xuất với chất lượng 999,9 nhập từ Thụy Sĩ, công nghệ Italia, có trọng lượng 0,5 chỉ, 1 chỉ, 2 chỉ, 5 chỉ và 1 cây (một lượng)

Có 5.581 giải thưởng với tổng giá trị 540 cây vàng "3 chữ A" với 6 mức:

01 Giải đặc biệt 100 cây vàng; 10 giải nhất mỗi giải 5 cây vàng; 20 giải nhì mỗi giải 2 cây vàng; 50 giải ba mỗi giải 1 cây vàng; 500 giải tư mỗi giải 1 chỉ vàng; 5.000 giải khuyến khích mỗi giải 0,5 chỉ vàng

Khách hàng gửi tiền dự thưởng theo mức quy định còn được tặng quà khuyến mại bằng vàng, tiền, phiếu mua hàng hoặc các hiện vật khác của Agribank.

Hình thức quay thưởng

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Agribank phối hợp với Công ty xổ số kiến thiết Thủ đô tổ chức quay số trúng thưởng tại Hà Nội, công bố kết quả tại tất cả các chi nhánh trong cả nước, trên các phương tiện thông tin đại chúng và thông báo bằng thư báo đảm gửi cho người trúng thưởng

Mọi chi tiết xin Quý khách liên hệ với 2.000 chi nhánh Agribank trong cả nước sẽ được hướng dẫn chu đáo với phương châm "Agribank mang phồn thịnh đến với khách hàng"

TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM
LÊ VĂN SỎ



AGRIBANK MANG PHỒN THỊNH ĐẾN VỚI KHÁCH HÀNG



CÔNG TY ĐIỆN LỰC I
ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

20 TRẦN NGUYỄN HẪN, HÀ NỘI * ĐT: (84-4) 825 5074 FAX: (84-4) 824 4033



Đóng chí **NGUYỄN PHÚC VINH** GD Cty phát biểu tại lễ ra mắt XN Điện cao thế Miền Bắc.



Lễ khánh thành Dự án truyền tải điện 110 kV từ Văn Nam - Trung Quốc đến Tuyên Quang - Việt Nam.

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐIỆN:

Diện thương phẩm đạt 10,364 tỉ KWh, đạt 100,14% kế hoạch. Tồn thất điện năng 8,65%, giảm được 0,05% kế hoạch, giá bán điện bình quân đạt 664,7 đồng/ KWh tăng được 8,4 đồng/ KWh.

MỤC TIÊU NĂM 2006:

Kiên quyết bằng mọi biện pháp quản lý kỹ thuật và kinh doanh để đạt được chỉ tiêu chính về sản xuất kinh doanh điện năng được giao. Tập trung vốn vào sửa chữa các đường dây 110KV trọng yếu cấp điện cho các phụ tải lớn. Ưu tiên vốn đầu tư xây dựng để hoàn thành đóng điện cho các công trình 110 KV dở dang và trọng điểm, đó là trạm 110 KV cấp điện cho dự án sông Đà, Trạm 110 KV Quang Minh, các công trình phục vụ việc đấu mua điện của Trung Quốc. Thực hiện mọi biện pháp tuyên truyền cho CBCNV - LĐ không để xảy ra tai nạn lao động, đặc biệt là lao động chết người. Phấn đấu thu nhập tăng so với năm 2005 khoảng 5%, thu nhập khối sản xuất khác đạt mức 80% so với sản xuất kinh doanh điện.

NHÓM CHUYÊN NÂNG VÀ DI DỜI NHÀ, CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC

LƯƠNG THÀNH LŨY

Địa chỉ: Ấp Long Hòa 2, xã Long Điền A, huyện Chợ Mới, An Giang * Tel: (076) 888 506 - 880 950 * DD: 0918.578 451

"Tôi là người khởi xướng ý tưởng nâng, di dời nhà, vật kiến trúc đầu tiên tại đồng bằng sông Cửu Long. Kể từ khi di dời thành công căn nhà đầu tiên tại Chợ Mới (1990) đến nay, nhóm chúng tôi đã nâng, di dời gần 1.000 căn nhà, vật kiến trúc các loại. Để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, bên cạnh đội ngũ công nhân giàu kinh nghiệm, hiện chúng tôi đã đầu tư thiết bị có thể nâng và di dời công trình nặng từ 1.000 - 1.200 tấn trên nền đất yếu của đồng bằng sông Cửu Long"

Một số công trình chúng tôi nâng hoặc di dời thành công được đông đảo nhân dân, du khách và dư luận báo chí biết đến khen ngợi.



Cổng Tam Quan của chùa cổ Vĩnh Tràng (Tiểu Giang) - Di tích văn hóa - Lịch sử cấp Quốc gia



Nhà biệt thự của vợ chồng BS Dân - Hương (huyện Tháp Mười, Đồng Tháp)



Đình thần Long Hưng (Châu Thành, Tiền Giang) - Di tích lịch sử cấp Quốc gia



Ông Lương Thành Lũy

Rất hân hạnh được phục vụ quý khách!

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN XÂY DỰNG

HỒNG HẢI

Địa chỉ: 67/40B Phan Đăng Lưu - Q.Ninh Kiều - TP.Cần Thơ - ĐT: 764470

Chuyên : XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH:

- Dân Dụng - Công nghiệp
- Nhà phố - Biệt thự
- San lấp mặt bằng
- Cấp thoát nước - Điện





CÔNG TY DU LỊCH KHÁNH HÒA

KHANE HOA TOURISM

01 TRẦN HƯNG ĐẠO, NHA TRANG, KHÁNH HÒA * TEL (84-58) 522 717 - FAX (84-58) 521 807
Email: dulichkh@dng.vnn.vn Website: www.nhatrangtourist.com.vn

Địa chỉ tin cậy của quý khách:

Lữ hành quốc tế và nội địa - Khách sạn, nhà hàng
Dịch vụ vui chơi giải trí - Vận chuyển khách du lịch

TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH HƯỚNG DẪN DU LỊCH

01 Trần Hưng Đạo Nha Trang * Tel: (84-58) 526 753 * Fax: (84-58) 525 206 * Email: khtourism@dng.vnn.vn

- KHÁCH SẠN HẢI YẾN ***

40 Trần Phú - Nha Trang
Tel: (84-58) 522 974 Fax: (84-58) 522 252
Email: haiyenhotel@dng.vnn.vn

- KHÁCH SẠN VIỄN ĐÔNG ***

01 Trần Hưng Đạo - Nha Trang
Tel: (84-58) 523 606 Fax: (84-58) 512 912
Email: viendonghtl@dng.vnn.vn

- KHÁCH SẠN QUÊ HƯƠNG ***

60 Trần Phú - Nha Trang
Tel: (84-58) 525 047 Fax: (84-58) 525 344
Email: quethuong60hotel@dng.vnn.vn

- KHU DU LỊCH ĐỐC LẾT **

Ninh Hải - Ninh Hòa - Khánh Hòa
Tel: (84-58) 849 152 Fax: (84-58) 849 506
Email: doclresort@dng.vnn.vn

- CÔNG VIÊN PHÙ ĐỔNG

Đối diện 96 Trần Phú - Nha Trang
Tel: (84-58) 521 844
Fax: (84-58) 523 883

- KHU DU LỊCH TRÍ NGUYÊN

Đảo Hòn Miếu - Nha Trang
Tel: (84-58) 521 438
Fax: (84-58) 521 182

- TRUNG TÂM DU LỊCH BỐN MÙA

Đối diện 40 Trần Phú - Nha Trang
Tel: (84-58) 521 438
Fax: (84-58) 521 182

- CỬA HÀNG MỸ NGHỆ

Đối diện 24 Trần Phú - Nha Trang
Tel: (84-58) 521 528
Fax: (84-58) 521 807

CÔNG TY DU LỊCH KHÁNH HÒA HÂN HẠNH PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- + Sản xuất và cung cấp nước sạch cho đô thị
- + Xử lý nước thải và quản lý hệ thống thoát nước
- + Tư vấn xây dựng chuyên ngành cấp thoát nước
- + Thi công xây lắp các công trình cấp thoát nước
- + Kinh doanh du lịch - dịch vụ, tham quan, nghỉ dưỡng



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

Số 03 - Đường Đinh Tiên Hoàng - TP Đà Lạt - tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại : 063 - 822 240 - 821 831 * Fax : 063 - 824 050

TQT THIẾT BỊ PHÁT THANH - TRUYỀN HÌNH

42 Trần Nhật Duật - Nha Trang - Khánh Hòa
Tel: (058) 871155, 874399 - Fax: (058) 871156



★ Sản xuất, Kinh doanh, Cung cấp, Lắp đặt :

- Máy phát hình VHF / UHF từ 5W đến 60kW
- Máy phát thanh FM từ 20W đến 30kW
- Thiết bị truyền thanh không dây điều khiển từ xa
- Thiết bị truyền dẫn tín hiệu Analog / Digital
- Thiết bị chuyên dụng studio, xe truyền hình O.B.
- Các loại anten thu phát FM, VHF, UHF, Viba
- Trụ anten các loại cao từ 15m đến 125m
- Thiết bị thu tín hiệu vệ tinh, truyền hình cáp
- Thiết bị chống sét lan truyền
- Thiết bị điều khiển tự động, kiểm soát từ xa

★ Tư vấn, thiết kế xây dựng các công trình chuyên ngành Phát thanh - Truyền hình, Viễn thông & các Mạng Truyền hình Cáp.

Website : <http://www.tqtbroadcast.com>



ĐẠI HỌC HUẾ TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA

ĐỊA CHỈ: SỐ 05, HÀ NỘI, TP. HUẾ • ĐIỆN THOẠI: (054) 845 833 • FAX: (054) 833 652
Email: huecdt@dong.vnn.vn • Website: www.huecdt.edu.vn



GIÁM ĐỐC
NGUYEN PGS.TS
VÕ DUY DANG

Trung tâm ĐTTX-Đại học Huế được thành lập theo Quyết định số 359/GD-ĐT, ngày 24-01-1995, của Bộ trưởng Bộ GD và ĐT. Trung tâm là một đơn vị sự nghiệp có con dấu và tài khoản riêng, hoạt động không hưởng ngân sách nhà nước cấp, thu chi tự cân đối từ nguồn kinh phí đóng góp của học viên. Trung tâm là một đơn vị độc lập trực thuộc Đại học Huế, đào tạo đại học đa ngành theo phương thức từ xa. Trung tâm hiện đang đào tạo ngắn hạn hoặc dài hạn trọn khóa để cấp bằng cử nhân cho các học viên là giáo viên PTTH, PTCS, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ quản lý kinh tế, quản lý xã hội và nhân dân có nhu cầu học tập, thực hiện chiến lược xã hội hóa giáo dục.

Trung tâm ĐTTX-Đại học Huế là một trung tâm đào tạo mạnh nhất miền Trung về quy mô đào tạo, địa bàn đào tạo, khả năng liên kết đào tạo với các Trường, Viện, các địa phương, nhất là các tỉnh còn nhiều khó khăn, vùng sâu vùng xa. Trung tâm có 101 cán bộ trong đó có 02 Nhà giáo ưu tú, 01 phó giáo sư, 04 Tiến sĩ, 05 thạc sĩ, 85 cử nhân các chuyên ngành, 03 cao đẳng, 05 THCN; được Bộ GD-ĐT chọn là một trong năm cơ sở đào tạo từ xa trọng điểm trong cả nước thực hiện Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ về "Đề án phát triển giáo dục từ xa giai đoạn 2005-2010".

Từ khi thành lập đến nay, đã có hơn 100.000 lượt người theo học tại Trung tâm và có trên 35.000 học viên tốt nghiệp cử

nhân các chuyên ngành. Trung tâm hiện đang đào tạo trọn khóa cấp bằng cử nhân đại học 13 chuyên ngành: Toán học, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Anh văn, Giáo dục tiểu học, Đại học sư phạm Mẫu giáo, Giáo dục chính trị, Luật học, Quản trị kinh doanh. Hiện nay Trung tâm đang tập trung toàn lực tìm mọi biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo từ xa, ứng dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật: truyền hình, viễn thông, công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành giáo dục - đào tạo. Phần đầu đến năm 2010 về cơ bản đã đổi mới công nghệ đào tạo (E- Learning, Videoconferencing), mở rộng đối tượng đào tạo, chú trọng đến vùng nông thôn miền núi, đào tạo cấp chứng chỉ các kiến thức phổ biến khoa học nghề nghiệp, khuyến nông, khuyến ngư, bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng, văn hóa du lịch.

Học viên đang theo học tại Trung tâm ĐTTX-Đại học Huế cư trú -54/64 tỉnh thành trong cả nước, hiện nay có hơn 46.000 học viên đang theo học. Đã thành lập 28 cơ sở tiếp cận chương trình đào tạo từ xa tại các sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh: Hà Tây, Nghệ An, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Gia Lai, Đắk Lắk, Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Đồng Tháp, An Giang, Hậu Giang, Kiên Giang.

CÔNG TY VẬN TẢI BIỂN VIỆT NAM

VIETNAM OCEAN SHIPPING COMPANY

215 Trần Quốc Toản, quận Ngô Quyền, Hải Phòng - Việt Nam
Điện thoại (84-31) 731 033, 731 090 * Fax (84-31) 731 007, 731 578

Telex: 311215/ 311251 VOSCOVT

Website: www.vosco.com.vn * Email fed@hn.vnn.vn



Công ty Vận tải Biển Việt Nam (VOSCO) là doanh nghiệp Nhà nước thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (VINALINES). Được thành lập ngày 1/7/1970, làm nhiệm vụ kinh doanh khai thác vận tải đường biển. Đến nay, Vosco đã trưởng thành và phát triển không ngừng, trở thành đơn vị vận tải biển hàng đầu của Việt Nam. Hiện nay Công ty đang làm chủ, quản lý và khai thác đội tàu 27 chiếc gồm tàu dầu sản phẩm, tàu chở hàng rời 1 boong và 2 boong... được các cơ quan đăng kiểm có uy tín trên thế giới (Lloyd's, NK, DNV...) và Việt Nam (VR) phân cấp. Tháng 10/2005, Công ty đã đầu tư mua và đưa vào khai thác tàu dầu sản phẩm 2 vỏ Đại Việt 37.432 DWT đóng năm 2005 tại Hàn Quốc, góp phần trẻ hoá và nâng cao năng lực vận tải của đội tàu.

Năm 2005, Vosco tiếp tục giữ vững và phát huy những thành tích trong hoạt động sản xuất kinh doanh: doanh thu đạt 1.413 tỉ đồng, bằng 108% so với 2004, nộp ngân sách 34.203 tỉ đồng, lợi nhuận đạt 49.226 tỉ đồng, trích khấu hao tài sản cố định 461.436 tỉ đồng.

Công ty Vận tải Biển VN mong muốn được phục vụ nhiều hơn nữa trong vận chuyển hàng xuất nhập khẩu cho Nhà nước và hợp tác phát triển các hình thức dịch vụ vận tải, góp phần đẩy mạnh phát triển ngành hàng hải trong sự nghiệp đổi mới theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

CÔNG TY ĐÃ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC TẶNG THƯỞNG CÁC PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ:

- ✧ Huân Chương Lao động hạng III (1980)
- ✧ Huân Chương Lao động hạng II (1985)
- ✧ Huân Chương Lao động hạng I (1989)
- ✧ Huân Chương Độc Lập hạng III (1999)
- ✧ Huân Chương Chiến Công hạng III (2000)

LĨNH VỰC KINH DOANH

- ✓ Chủ tàu, Quản lý và khai thác tàu.
- ✓ Đại lý, Môi giới và Thuê tàu.
- ✓ Đại lý giao nhận quốc tế đường hàng không và đường biển.
- ✓ Đại lý và cung cấp thuyền viên cho chủ tàu nước ngoài
- ✓ Mua bán tàu.
- ✓ Cung cấp vật tư thiết bị hàng hải.
- ✓ Liên doanh vận tải.
- ✓ Đại lý bán hàng cho hãng dầu quốc tế Shell Lubricants.

CÔNG TY LIÊN DOANH KHAI THÁC CONTAINER VIỆT NAM (VINABRIDGE LTD)

Địa chỉ: Số 282 Đà Nẵng, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: (84.31) 826 475/826 476

Fax: (84.31) 826 477 * Email: vinabridge@hn.vnn.vn

LĨNH VỰC KINH DOANH:

- ✧ Vận tải container bằng đường bộ.
- ✧ Đại lý hãng tàu (đại lý cho hãng tàu K'LINE tại Việt Nam).
- ✧ Đại lý giao nhận vận chuyển (Freight Forwarder).
- ✧ Khai thác Bãi Container (CY).
- ✧ Khai thác kho CFS.
- ✧ Sửa chữa & bảo hành container và các thiết bị chuyên dùng.

CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI:

Địa chỉ: Tầng 5, Số 74 Bà Triệu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 84 - 49 - 437 707/ 437 708 / 437 709

Fax: 84 - 49 - 437 706

Email: klinehn@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH:

Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà Saigon Riverside Office Center 2A 4A Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 84 - 88 - 223 756 / 215 549

Fax: 84 - 88 - 296 802

Email: klhcm.mas@hcm.vnn.vn

CHI NHÁNH TẠI TỈNH QUẢNG NINH:

Địa chỉ: Khu văn phòng Cảng Cái Lân

Số 1 Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 84 - 33 - 640 120



ĐẢNG BỘ CÔNG TY BIA RƯỢU VIGER

ĐẢNG ỦY VÀ BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY ĐÃ CHỦ ĐỘNG ĐỀ RA NHIỀU GIẢI PHÁP CHỈ ĐẠO VÀ ĐỘNG VIÊN TOÀN THỂ CBCNV, ĐẢNG VIÊN ĐOÀN KẾT, TỰ TIN XÂY DỰNG ĐẢNG BỘ TRONG SẠCH VỮNG MẠNH, HOÀN THÀNH XUẤT SẮC CÁC MỤC TIÊU SXKD, NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ NHIỀU NĂM LIỀN VỚI CÁC KẾT QUẢ ĐÁNG BIỂU DƯƠNG TRÊN CÁC MẶT NHƯ SAU:

KẾT QUẢ NĂM 2005

- Sản xuất kinh doanh của công ty luôn ổn định, giữ vững các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, có mức tăng trưởng cao. Đời sống, việc làm, thu nhập của CBCNV ổn định và được cải thiện

- Doanh thu đạt 95.517,14 triệu đồng, đạt 109% kế hoạch năm, so cùng kỳ năm 2004 tăng 112,34%

- Giá trị tổng sản lượng đạt 92.107,05 triệu đồng, đạt 109% kế hoạch năm, so cùng kỳ 2004 tăng 122,34%.

- Nộp ngân sách 28 tỉ đồng, tăng 4 lần so với cùng kỳ 2004.

Đời sống cán bộ công nhân viên không ngừng được cải thiện, thu nhập bình quân 1.300.000đ/tháng/người. Bảo đảm 100% công nhân có việc làm thường xuyên ổn định. Các hoạt động văn hóa, thể thao được tổ chức thường xuyên, nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động, khơi dậy tinh thần thi đua yêu nước, cơ quan, đơn vị và địa phương; thông qua phong trào, tạo khí thế vui vẻ, yên tâm, tin tưởng, đoàn kết, thống nhất quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

THÀNH TÍCH

- 1- Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng cờ năm 2001, 2003, 2004.

- 2- Bảo hiểm Xã hội Việt Nam tặng bằng khen đơn vị có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện chính sách BHXH cho người lao động năm 2002.

- 3- Năm năm liên tục từ 2001- 2005 Đảng bộ công ty đều đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh, Công đoàn công ty đạt danh hiệu vững mạnh toàn diện, Đoàn thanh niên, Cựu chiến binh đạt danh hiệu vững mạnh xuất sắc.

- 4- Được UBND tỉnh Phú Thọ tặng bằng khen năm 2004.





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NƯỚC TRONG

Tên giao dịch: NUOCTRONG JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: NUTROJSCO

Trụ sở chính: ấp Hội An, xã Tân Hội, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 066.751 002 - Fax: 066.755 087

Email: tanisuga@hcm.vnn.vn



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

🏭 Sản xuất các loại cây trồng: mía, mì, cao su, điều và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, đường cát, hạt điều, bánh kẹo; chế biến cồn, đồ uống: rượu, nước giải khát các loại.

🏭 Gia công, chế tạo, lắp đặt máy móc thiết bị công nghệ thực phẩm.

🏭 Kinh doanh xuất khẩu tổng hợp.

Người đại diện pháp luật của công ty:
Giám đốc NGUYỄN THÀNH ĐỜI

Thác Yangbay

• CÔNG VIÊN DU LỊCH YANGBAY •



Khám phá Núi Rừng Phong cảnh Thiên nhiên hùng vĩ

- Chinh phục thác Yangbay, YangKhang trở nên đậm chất thơ.
- Khám phá thác Hocho nằm sâu trong rừng sinh thái.
- Giao lưu văn hóa với người dân tộc Raglay, Trín, Láy...
- Cắm trại - Nấu ăn ngoài trời.
- Tổ chức trò chơi.
- Thưởng thức các món ăn đặc sản tại nhà hàng Yangbay...



TỔNG CÔNG TY KHÁNH VIỆT | CÔNG VIÊN DU LỊCH YANGBAY
 Địa chỉ: Xã Khánh Phú | Huyện Khánh Vĩnh | Tỉnh Khánh Hòa |
 Điện thoại: 058 813744 - 090 355 9833 | Fax: 058 524221

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH SƠN LA

Địa chỉ: Số 02- Đường 26/8 - phường Chiềng Lê - thị xã Sơn La - tỉnh Sơn La

Điện thoại: 022.854 145, 022.851 281* Fax: 022.852 631

Liên đoàn lao động tỉnh Sơn La được thành lập ngày 25-2-1963 theo Quyết định số 212/QĐ-TCĐ, ngày 25/2/1963, của Ban thư ký Tổng công đoàn Việt Nam - nay là Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam. Liên đoàn hiện có 40.380 CNVC - LĐ thuộc 11 LĐLĐ huyện, thị, 8 CĐ ngành và Công đoàn viên chức các cơ quan tỉnh, 9 CĐCS trực thuộc, 83 cán bộ công đoàn chuyên trách và hơn 4.000 cán bộ công đoàn bán chuyên trách.

TRUYỀN THỐNG 43 NĂM XÂY DỰNG, TRƯỞNG THÀNH:

- Huân chương Lao động hạng Ba năm 1986.
- Huân chương Lao động hạng Hai năm 2002.
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 1997.
- Cờ dẫn đầu khối đoàn thể 3 năm liên (1990-1991-1992) và năm 2001.

- Cờ thi đua xuất sắc Tổng liên đoàn 5 năm (1998-2003)

Hiện nay LĐLĐ tỉnh Sơn La là thành viên Ban chỉ đạo phong trào "Thi đua liên kết xây dựng công trình thủy điện Sơn La" do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam phát động và chủ trì, phối hợp với các Công đoàn ngành TƯ, các đơn vị có CNVC- LĐ tham gia xây dựng công trình thủy điện Sơn La phát động các phong trào thi đua thiết thực, an toàn, hiệu quả, quyết tâm hoàn thành công trình đúng tiến độ.



CÔNG TY CỔ PHẦN NGÂN SƠN

Địa chỉ: Xã Phủ Lỗ- Huyện Sóc Sơn- Tp Hà Nội

Điện thoại: 04.8 843 455- 0241.838 679 * Fax: 04.8 841 038- 0241.839 910 * Website: nganson.com.vn

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Công ty, năm 2005 toàn thể cán bộ công nhân viên đã có nhiều thành tích trên các mặt hoạt động, cụ thể như sau:

- Hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu cơ bản về sản xuất kinh doanh:

- + Doanh thu đạt 155% KH.
- + Nộp ngân sách 482,6% KH.
- + Thu nhập bình quân đạt 116,6% KH.
- + Lợi nhuận đạt 3 tỉ đồng.

- Công tác xây dựng Đảng: Đảng bộ Cty trực thuộc

- Đảng bộ khối công nghiệp Hà Nội.
- + Đảng bộ Công ty đã tổ chức cho cán bộ đảng viên học tập

đầy đủ các nghị quyết của Trung ương.

+ Thường xuyên phát động các phong trào thi đua, cuộc thi tìm hiểu 75 năm lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam được toàn thể CBCNV tham gia sôi nổi.

+ Kết nạp mới 8 quần chúng ưu tú vào Đảng.

- Danh hiệu thi đua năm 2005:

+ 1 danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp bộ, 57 danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở.

+ 100% đảng viên được công nhận đủ tư cách, 15 đồng chí hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

+ Đảng bộ Công ty đạt danh hiệu "Trong sạch vững mạnh tiêu biểu".

**Bền
bỉ
suốt
trăm
năm**

**Chất
lọc
thành
chất
lượng**



BIA SÀI GÒN
Bia của người Việt Nam



VIGLACERA

- ◆ NHÀ SẢN XUẤT VLXD ĐA NGÀNH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
- ◆ NHÀ ĐẦU TƯ TIN CẬY CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, ĐÔ THỊ

Mãi mãi với thời gian

Website: www.viglacera.com.vn

HUYỆN KHÁNH SƠN

ĐỊA CHỈ: THỊ TRẤN TRẦN TÔ HẠP, HUYỆN KHÁNH SƠN, TỈNH KHÁNH HÒA.



Bí thư Huyện ủy: CAO HỒNG VÂN

Khánh Sơn là một huyện dân tộc miền núi thuộc tỉnh Khánh Hòa được tách ra từ huyện Cam Ranh vào tháng 7/1985. Diện tích tự nhiên toàn huyện là 33.688 ha; trong đó đất nông nghiệp 2.428ha, đất lâm nghiệp 16.299 ha, đất chưa sử dụng, sông suối núi đồi 14,839 ha. Dân số toàn huyện 19.304 người, trong đó dân tộc Raglai 14.173 người, 3.128 hộ chiếm 73,44 %. Huyện có 7 xã, 1 thị trấn với 28 thôn và 3 tổ dân phố; có 5 xã thuộc khu vực III; 2 xã; 1 thị trấn thuộc khu vực II.

Nhiệm kỳ 2001 - 2005, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Khánh Hòa đã đoàn kết nỗ lực phấn đấu đạt được những kết quả quan trọng: Kinh tế phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, đúng hướng, cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội được tăng cường, văn hóa xã hội có tiến bộ, đời sống nhân dân được ổn định và được cải thiện, bộ mặt nông thôn miền núi có nhiều đổi mới; quốc phòng an ninh được giữ vững, trật tự xã hội được đảm bảo; hệ thống chính trị thường xuyên được củng cố, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng được nâng lên.

Phương hướng trong nhiệm kỳ 2005 - 2010 của Đảng bộ là: Quán triệt sâu rộng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV. Tăng cường lãnh đạo, đoàn kết tập hợp các tầng lớp nhân dân, đẩy mạnh hơn nữa tốc độ phát triển kinh tế trên cơ sở phát huy nguồn lực của các thành phần kinh tế theo hướng "Nông - lâm nghiệp, dịch vụ - du lịch, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp". Gắn phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với từng bước cải thiện, nâng cao đời sống nhân dân, xóa đói giảm nghèo. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh đại đoàn kết toàn dân, xây dựng củng cố quốc phòng an ninh ngày càng vững chắc. Chính trị trong sạch vững mạnh đại đoàn kết toàn dân, xây dựng củng cố quốc phòng an ninh ngày càng vững chắc.



CHỈ TIÊU CƠ BẢN:

- ✧ Tổng sản lượng lương thực có hạt bình quân hằng năm đạt: 5.000 tấn.
- ✧ Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp tăng hằng năm 12 - 15%.
- ✧ Dân gia súc phấn đấu đến năm 2010 đạt 12.000 con.
- ✧ Trồng rừng: 3000 ha; giao đất lâm nghiệp: 3000 - 3.500ha; giao khoán quản lý bảo vệ rừng: 4000 ha; năng độ che phủ rừng: 70 - 75%.
- ✧ Giá trị phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân hằng năm: 10 - 12%.
- ✧ Giảm tỷ suất sinh hằng năm: 0,5%; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn 30%; đến năm 2010 có 100% xã, thị trấn có bác sỹ và y sỹ sản nhi; tỷ lệ dân dùng nước sạch: 95 - 98%.
- ✧ Không còn hộ đói, thu nhập hộ nghèo còn 15 - 20% theo tiêu chuẩn mới; đến năm 2010 cơ bản xóa nhà tạm, tranh tre, vách nứa.
- ✧ Hằng năm có 75 - 80% tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh. Kết nạp: 200 đảng viên mới; hằng năm 100% đảng viên đủ tư cách. Trong đó có: 80 - 85% đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ.



THUNG LŨNG TÔ HẠP - CĂN CỨ ĐỊA CÁCH MẠNG KHÁNH HÒA



Bí thư: Hà Kim Tam

HUYỆN VĂN BÀN

Địa chỉ: Thị trấn Yên Khánh, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai
Điện thoại: 020.882 111

Văn Bàn nằm ở phía Đông-Nam của tỉnh Lào Cai với tiềm năng lợi thế là lực lượng lao động, đất đai, nguồn nước và tài nguyên rừng. Ban chấp hành Huyện ủy đã xác định nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Đảng bộ trong giai đoạn 2001-2005: Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Từ đó tập trung sự lãnh đạo chỉ đạo, đầu tư cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, xóa đói giảm nghèo; xây dựng và củng cố hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, ổn định tình hình để phát triển.

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CHỦ YẾU NHIỆM KỲ 2006 - 2010

Xác định cơ cấu kinh tế là nông, lâm nghiệp - công nghiệp, xây dựng, dịch vụ. Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức cao, chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp, dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của huyện. Từng bước thực hiện thắng lợi công cuộc xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới vì mục tiêu **"Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"**.

- Giá trị tổng sản phẩm trong huyện (GDP) đạt 810 tỉ đồng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm trên 15%, GDP bình quân đạt 10 triệu đồng/người/năm.
- Cơ cấu giá trị các ngành sản xuất: Nông, lâm nghiệp 45%, công nghiệp, xây dựng 35%, dịch vụ 20%.
- Tổng sản lượng lương thực 34.000 tấn.
- Giá trị sản xuất trên 1 ha canh tác 20 triệu đồng ha/năm; đàn gia súc tăng bình quân trên 12% năm.
- Thu ngân sách trên địa bàn đến năm 2010 đạt 24 tỉ đồng.
- Tỷ lệ tán che phủ rừng tăng 1% năm.
- Giữ vững chất lượng phổ cập GD trung học đúng độ tuổi; Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đến trường 99%. Phấn đấu đạt chuẩn phổ cập GD THCS năm 2006, dự tính đến năm 2010 có 20% số trường đạt chuẩn quốc gia, 15% GV đạt trên chuẩn.
- Tốc độ tăng dân số tự nhiên 1,7% năm; Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm chủng đầy đủ đạt 95%; Hạ tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng 30% năm xuống còn 20%.
- Xây dựng 40% số xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế.
- Tạo việc làm mới cho 3.000 lao động (trung bình mỗi năm 600 LĐ); phấn đấu giảm 50% số hộ nghèo so với hiện nay xuống còn 27%.
- Phấn đấu 70% số hộ, 60% số thôn, bản, 80% số cơ quan trường học đạt tiêu chuẩn về văn hóa.
- Tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh hằng năm đạt 70%.
- Có 100% chính quyền, 90% mặt trận và tổ chức đoàn thể ở cơ sở đạt loại khá trở lên.

Năm năm qua, Đảng bộ Văn Bàn đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong huyện thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ mà Đại hội XVII đề ra. Nhiệm vụ của nhiệm kỳ 5 năm tới còn rất nặng nề, nhưng với truyền thống đoàn kết biết khai thác những tiềm năng lợi thế của một huyện miền núi, sự nỗ lực phấn đấu của mỗi cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân trong huyện, cùng với sự giúp đỡ của tỉnh, chắc chắn Văn Bàn sẽ hoàn thành tốt nhiệm mà Đảng và nhân dân giao cho.

UNIVERSITY OF MICHIGAN



3 9015 06610 3683

